



Xuân trong tôi đã khơi trong một đêm vui
Một đêm, một đêm gối chăn phòng the đón cha mẹ về...
XUÂN CA

Chương Một

Tôi ra đời tại nhà hộ sinh ở số 40 Rue Takou (phố Hàng Cót) Hà Nội vào lúc 1 giờ 15 sáng ngày 05 tháng 10 năm 1921, theo âm lịch là ngày mừng 5 tháng 9 (nhuận) năm Tân Dậu. Trước đó vài giờ, mẹ tôi còn đang ôm bụng ngồi đánh tổ tôm với mấy bà bạn và với Bác Hàn Làng Vẽ (1).

Mẹ tôi vừa ù xong ván bài tổ tôm thì dở dạ và người nhà vội vàng đưa vào nhà đẻ. Do đó, khi tôi lớn lên, mỗi lần gặp Bác Hàn là bác nhắc tới chuyện ván bài tổ tôm và gọi tôi là thằng Tôm. Ai ngờ bây giờ về già, tôi cũng trở thành một thứ Uncle Tom.

Tuy luôn luôn đặc ý cho rằng mình ra đời trong một canh bạc thắng của mẹ, nhưng khi lớn lên thằng Tôm này lại khoái với cái tên tự do chính mình đặt ra là **Mộng Vân**. Vì sao ? Vì trong một lúc quá yêu Tôm, mẹ buột miệng nói rằng đã nằm mơ thấy những đám mây trong thời kỳ có mang... Lại cũng là một cái tên tiền định. Thằng Tôm sẽ như mây, lang thang suốt đời. Và khi du nhập vào nghề hát rong thì dựng ngay một đoàn hát Cải Lương mang tên **Gánh Mộng Vân**.

Ngoài hai tên hiệu đó, cái tên thật -- rất quan trọng vì là tên cúng cơm -- cha mẹ đặt cho khi tôi vừa chào đời, tuy nó chẳng ngộ nghĩnh hay thơ mộng gì cho lắm, nhưng khi tôi trở thành ca sĩ của một gánh hát rong và chỉ dùng chữ họ và chữ đệm để cho khán giả dễ nhớ tên thì... cái tên cúng cơm đó biến mất. Ngay chị ruột tôi, về sau, cũng chỉ gọi tôi bằng tên đệm mà thôi. Giống như là có một sự quên tên hay kiêng tên vậy. Có điều chắc chắn là tôi đã ra thoát được tục lệ từ xưa của người Việt là thường đặt những cái tên rất xấu xí cho con cái để ma quỷ không thêm bắt đi như : (xin lỗi) thằng Buồi, thằng Đít vân vân...

Bố tôi là Phạm Duy Tồn, được người đời biết như là một nhà báo, một nhà văn đã từng tiếp xúc với văn hóa Âu Tây và đã không còn là một nhà nho thuần túy nữa, nhưng khi bố tôi đặt tên cho con cái thì đều dựa vào chữ nho cả. Tên của ông cũng như tên của các con đều là tên của những đức tính và nếu viết bằng chữ nho thì chữ nào cũng nằm trong bộ **ngôn**, nghĩa là bộ chữ thuộc vào những hạng người thích ăn to nói lớn.

Anh cả của tôi mang tên Khiêm, tới hai người chị là Thuận và Trinh, rồi tới người anh hơn tôi 2 tuổi là Nhượng. Hai người anh trong thực tế sẽ sống bằng nghề ăn nói, họ đều là những ông thầy dạy học. Nhưng họ đều giống tôi ở chỗ tính nết sẽ không như cái tên bố đã đặt cho. Ông Khiêm nhiều khi có vẻ thiếu khiêm cung. Ông Nhượng không hẳn lúc nào cũng nhường nhịn em nhỏ. Còn tôi, với cái tên Cần, nếu suốt đời đã sống nhờ chữ "ngôn" trong cái tên thì trái với điều mong muốn của bố tôi, chẳng bao giờ tôi thấy trong tôi có được một sự cần trọng tới thiểu ! Tuy vậy, về sau tôi cũng học mót bố tôi trong việc đặt tên cho tám đứa con. Chúng đều phải mang những cái tên tốt đẹp như : Quang, Minh, Hùng, Cường, Hiền, Thảo, Đức, Hạnh. Tôi đã thừa hưởng tinh thần hướng thượng của bố tôi vậy.

Ông nội tôi là người đã từng giữ chức Thiên Hộ -- chef de quartier -- cai quản một khu phố trong nội thành Hà Nội. Ông bà tôi chỉ có hai người con, một trai là bố tôi và một gái (chúng tôi gọi là cô Án) lấy chồng làm Án Sát ở Bắc Ninh. Cô tôi có người con rể là họa sĩ Côn Sinh, chuyên vẽ hí họa cho báo LOA, người khuyến khích tôi vào học trường Mỹ Thuật sau này.

Tôi không biết mặt ông nội nhưng bà nội thì có ảnh chụp từ ngày xưa để lại. Trông bà thật là đẹp đẽ. Lúc còn bé, không nhớ đã có ai trong họ cho tôi biết rằng bà là một ca kỹ tài danh của một thuở xa xưa, lọt vào đôi mắt hào hoa của tay chơi Thiên Hộ Phạm Duy Đạt rồi được ông cưới về làm vợ. Các con, cháu và chất của bà có trở thành những văn nhân, tài tử cũng nhờ ở huyết thống này. Trong bức ảnh cũ, thấy bà còn có vẻ phúc hậu nữa. Nhưng theo lời mẹ tôi kể thì bà không hiền lành lắm đâu, còn có thể nói là ác nghiệt nữa :
-- Không phải ác với tao mà ác với bố mày...

Bố tôi là một trong những người Việt Nam đầu tiên cắt búi tóc và mặc âu phục. Không biết lúc chuẩn bị cắt tóc bố tôi có sai vợ lập ban thờ để làm lễ xin tổ tiên tha cho cái tội tày trời như những người cùng cảnh ngộ hay không ? Nhưng sau khi bố tôi cắt tóc, bà tôi buồn rầu và căm giận đến độ từ đó trở đi, mỗi một buổi sáng vừa mở mắt dậy là bà tôi ngồi chửi con. Bà cứ ngồi ở đầu giường, không thèm đi xúc miệng vì muốn làm tăng ác độ của câu chửi... Kèm theo câu chửi là câu rửa... Đem vào câu rửa là một cái bát đàn -- loại bát bằng đất nung, rẻ tiền nhất -- được bà tôi đập xuống đất vỡ tan. Rửa cho bố tôi chết. Lời rửa có vẻ hiệu nghiệm. Bố tôi chết trước bà tôi hai năm.

Mẹ tôi là con dâu nên coi thái độ đó của mẹ chồng là nghiệt ngã nhưng tôi không nghĩ rằng bà tôi là người ác tâm. Bà là đại diện của một nền văn minh cũ, mang trong lòng tất cả những tín ngưỡng rất lâu đời và khó bỏ. Việc cắt tóc của bố tôi không chỉ là một hành động chống lại mẹ, nó còn là sự đả phá một kỷ luật đã có

hàng mấy trăm năm, nếu không dám nói là cả nghìn năm. Có cái *gap generation* nào mà không làm đau lòng những người trong cả hai thế hệ ?

Ông ngoại tôi lúc sinh thời -- được gọi là cụ Tú Hàng Gai -- có nhiều học trò lắm, mỗi lần tới ngày kỵ của ông thì có rất đông học trò cũ từ miền quê lên Hà Nội và tới phố Hàng Gai để cúng giỗ. Ông ngoại tôi có hai vợ, do đó họ ngoại của tôi đông hơn bên họ nội. Không biết mặt ông bà ngoại nhưng bà trẻ -- nàng hầu của ông ngoại -- thì tôi biết. Bà trẻ hiền lành lắm. Không đẹp đẽ và oai phong như bà nội ở trong bức ảnh cũ, bà trẻ là hình ảnh của sự chịu đựng nơi những người sinh ra để làm vợ thứ. Dù con cái của bà -- cậu Khuê và dì bé lấy chồng làm Tham Tá tên là Nhữ -- đều là những người có địa vị trong xã hội nhưng lúc nào bà cũng sống như một chiếc bóng nhạt màu.

Mẹ tôi là con gái của một ông thầy đồ và trước khi lấy chồng, mẹ tôi là cô hàng bán sách ở phố hàng Gai. Tôi không biết tên họ của ông bà ngoại nhưng một hôm gặp bà dì ruột ở Saigon vào khoảng 1970 thì dì nói :

-- Mà có biết bà họ gì không ? Họ Lưu, dòng dõi Lưu Vĩnh Phúc đó !

Thế ra trong tôi có dòng máu nổi loạn à ? Người Pháp gọi Lưu Vĩnh Phúc là giặc -- Giặc Cờ Đen -- nhưng đối với tôi, ông là người làm Cách Mạng.

Tôi có khá nhiều các bác, các dì, các cậu và có rất đông các anh em, chị em họ cùng với một rừng các cháu gọi tôi bằng chú và bằng cậu. Một trong những người anh họ của tôi là Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc, con của Bác Hai Hàng Đường. Tôi thường được ngồi ngắm tác giả CỔ HỌC TINH HOA, TỰC NGŨ PHONG DAO... nằm hút thuốc phiện.

Trong đại gia đình tôi, không phải chỉ có anh Ngọc mới là bạn của Nàng Tiên Nâu. Tôi có bao nhiêu ông chú, ông cậu, có bao nhiêu ông anh hay em họ là có bấy nhiêu *ông tiên*. Thậm chí sau này, con của cậu tôi, tên là Bá, còn mở hẳn một tiệm hút ở phố Hàng Dầu, không có một nhà văn Hà Nội nào hằng đêm là không tới đó để gặp nhau. — đây, tôi hay gặp Đồ Phồn, Lan Sơn, Đàm Quang Thiện...

Nói tới đại gia đình là nhớ tới nhưng ngày đại giỗ. Gia đình càng lớn thì hàng năm càng có nhiều ngày giỗ. Vào những ngày này, tôi mới được gặp gỡ tất cả mọi người và tôi có nhận xét là các bác, các cậu và các anh họ tôi ai cũng có giọng nói rất lớn. Nói chuyện trong nhà mà như người ta cãi nhau khi mổ bò. Ngược lại, các mợ, các dì, các cháu gái lại nói năng rất khẽ như bị đàn ông ăn hiếp vậy. Ít khi tôi được ăn cơm với người lớn. Tôi và lũ cháu trai -- gần bằng tuổi nhau nên toàn xưng hô mày, tao -- tranh nhau từng miếng gan gà hay mảnh trứng muối. Mấy thằng cháu này hơn tôi ở chỗ chúng nó uống rượu như uống nước lã. Trong ngày giỗ, chỉ có con trai được cho vào ăn chung một mâm và ăn trước. Con gái đều phải chui xuống bếp để giúp việc rồi ăn sau. Tinh thần trọng nam giới của gia đình tôi vào đoạn đầu của thế kỷ 20 này dường như vẫn còn đeo đẳng tôi cho tới tận bây giờ.

(1) Bác Hàn là họ bên nội.

*Nhà tôi ở Phố Hàng Dầu
Số nhà 54. đũa đầu... du côn...*

Chương Hai

Ít lâu sau khi tôi ra đời, gia đình họ Phạm dọn từ phố Mã Mây (Rue Des Pavillons Noirs -- phố Cờ Đen, lại một cái tên có liên hệ tới gia đình tôi) xuống phố Hàng Dầu (rue Fellonneau), một con phố có chưa tới 30 căn nhà thấp bé nằm ôm lấy nhau.

Bên phải phố Hàng Dầu là phố Bờ Hồ nằm đối diện với một khu đất trên đó có Đền Bà Kiệu và rạp chiếu bóng Pathé. Hồ Gươm không xa nhà tôi mấy. Đứng trước cửa nhà, tôi có thể nhìn thấy mặt hồ lúc nào cũng lặng lẽ và xanh đục. Và thấy xe điện leng keng lọc cọc đi ngang. Trong 17 năm sống với thủ đô, tôi có tới 14 năm sống chung quanh hồ Gươm cho nên Hà Nội đối với tôi chỉ là Đền Ngọc Sơn, Cầu Thê Húc, Tháp Rùa, đền Bà Kiệu và khu vườn nhỏ bên bờ hồ là nơi tôi hay ra leo lên cây đa hoặc lúi húi hái hoa bắt蝶. Trong 3 năm còn lại, tôi theo gia đình lên ở bên cạnh Hồ Trúc Bạch trước khi rời xa Hà Nội đi sinh sống ở Moncay, Hưng Yên, Kiến An, Bắc Giang. Thỉnh thoảng ghé về thăm mẹ, tôi không có đủ thời gian để yêu được tất cả Hà Nội 36 phố phường.

Các nhạc sĩ như Trần Văn Nhơ, Hoàng Dương (em họ của Thái Hằng, vợ tôi), Nguyễn Đình Thi... khi thương hay khi nhớ Hà Nội, họ đều có những bài hát nói tới đầy đủ các khu các phố. Văn Cao có bài *Thăng Long Hành Khúc* xưng tụng đủ cả Nhị Hà, Tháp Gươm, Văn Miếu, Cột Cờ, Tràng Thi... Tôi chỉ có một mối tình dành riêng cho hồ Hoàn Kiếm mà thôi. Qua bài *Gươm Tráng Sĩ*...

Đã có nhiều nhà văn cho chúng ta thấy cái thơ mộng của hồ Gươm. Anh bạn Nguyễn Đình Toàn nhìn nó như trái tim của Hà Nội rồi còn nghe được tiếng guốc thiếu nữ reo vang trên những lối đi quanh hồ... Ông còn ví hồ này, vào mùa thu, giống như con mắt buồn bã của người tình. Tôi cũng thấy như vậy. Nhưng vì quanh năm sống với hồ Gươm nên tôi còn thấy nó trong những hoàn cảnh ít nên thơ hơn, như ra coi những xác người treo cổ trên cây đa bên bờ hay trầm mình xuống hồ nước, vì thất tình hay vì lý do buồn bã hơn là sự túng quẫn.

Nói tới Hồ Gươm, người ta còn nói tới mùi nhang thơm trong đền Ngọc Sơn hay nói tới môi hôn ngọt của cặp tình nhân trên cầu Thê Húc. Tôi được sống lâu với chiếc cầu và ngôi đền nên còn nhìn thấy cả đám ăn mày ngồi la liệt trên lối ra vào với lũ ruồi bu đầy trên những đôi mắt toét đỏ lờm. Và cảnh nhà nho cuối cùng mặc áo bông rách, ngồi viết những chữ Phúc Lộc Thọ hay những câu đối trên giấy đỏ... chỉ làm tôi buồn ngủi hơn là bồi hồi. Hồ Gươm với tôi là giọt lệ, không phải lệ ngọc ngà mà là lệ buồn thương.

Hồ Gươm còn có những buổi chiều mùa lạnh với sương mù toả xuống mặt hồ, cảnh vật mờ ảo làm tôi tưởng tượng như đang sống trong một truyện Liêu Trai. Tôi vừa

sợ, vừa thêm gặp con ma hồ Gươm mà người trong khu phố cho rằng nó thường hay ra đây dụ dỗ người ta tự tử. Hình như con ma này đẹp lắm !

Đối diện với Hồ Gươm là rạp chiếu bóng Pathé. Phía sau rạp có bãi đất rộng, thỉnh thoảng người Tàu tới dựng lều làm trò múa rối. Những màn múa rối này tinh vi hơn múa rối Việt Nam tôi được coi ở Hội Chùa Thầy. Chỉ mất có mấy đồng trình mà tôi được biết nhiều màn ca kịch rất linh động của truyện Tàu trước khi biết chữ để đọc tiểu thuyết. Tại đây còn có Ông Hai Tây hay tới làm trò đóng đinh lỗ mũi và trò quỷ thuật. Ông Hai Tây còn thổi kèn bằng mu bàn tay và bằng ống đu đủ. Có thêm những người Tàu bán thuốc Sơn Đông và đánh võ. Họ dán thuốc cao vào những vết dao mà họ chém trên ngực để cho chúng tôi thấy công hiệu của thuốc cao. Nếu là ngày hội 14 Juillet (Lễ Quốc Khánh của Pháp) thì tại đây có các cuộc vui như leo cột mỡ, đập nôi, bịt mắt bắt vịt. Nhất là có những đám hát xẩm...

Tất cả những biến cố nghệ thuật và những trò chơi bình dân này đã gây nên giấc mộng giang hồ và cái thú biểu diễn nơi cậu bé họ Phạm. Rồi đã có lần tôi bỏ nhà đi theo một anh làm trò quỷ thuật sau khi bị mê hoặc thêm bởi cuốn tiểu thuyết **Vô Gia Đình** (Sans Famille) của nhà văn Pháp Hector Malot. Nhà văn này đưa ra nhân vật tiểu thuyết là một ca sĩ nổi danh một thời rồi chẳng may bị mất giọng. Muốn giữ mãi hình ảnh tuyệt vời của mình trong lòng người, anh thay tên đổi họ và sống cuộc đời lang thang trong một gánh xiếc nhỏ. Cuối cùng anh chết vì đói rét trong khi tên tuổi anh vẫn còn vang lừng khắp Âu Châu.

Bên trái phố Hàng Dầu là phố Hàng Tre thông ra bờ đê sông Hồng. Vào mùa nước cạn, tuy cho chuồn chuồn cắn rốn nhiều lần mà vẫn chưa biết bơi nên tôi hay chạy chơi trên bãi cát rộng. Nhưng vào mùa nước lớn, dù trong đêm tối, tôi cũng ra bờ đê để coi mọi người trong khu phố phấp phỏng ngồi canh mực nước, chuẩn bị đề phòng nạn lụt. Dòng sông Cái (nghĩa là sông Mẹ ?) bình thường êm ả nay bỗng trở thành bà mẹ hung dữ khiến tôi sợ lắm ! Đứng nhìn dòng nước phóng đi như điên cuồng, tôi thấy con sông lúc thường đồ thả thả vui tươi, trong mùa lụt, sông Hồng giận dữ và đỏ ngầu như máu đục.

Phía sau phố tôi là phố Hàng Bè, nơi vú già hay giắt tôi đi chợ và phố Hàng Thùng, nơi có lớp mẫu giáo để tôi đi vào chữ nghĩa khi tôi lên 6. Phố nào cũng gần với dây nhà tí hon. Riêng phố Hàng Bè có thêm ngôi nhà ba tầng -- gọi là nhà Tây -- của Bác Sĩ Lê Văn Chính, người gốc miền Nam, có người con trai không hiểu vì sao mà tự tử (bằng súng lục). Cái chết của con Bác Sĩ Chính và của những người tự vẫn ở Hồ Gươm ám ảnh tôi rất lâu.

Người mở lòng cho tôi trong lớp mẫu giáo ở phố Hàng Thùng là một thầy giáo mặc áo the thâm, đầu đội khăn xếp, với bộ râu nằm ngang trên cái miệng răng đen, trông thầy giống như một bức tranh hí họa. Lớp học trong cái phố chuyên môn làm thùng gánh nước bằng sắt tây, cậu bé hỉ mũi chưa sạch là tôi thường ê a đọc bài với nhịp điệu vắng vắng của tiếng đập thùng nghe giống như tiếng trống nhạc jazz vậy.

Đầu phố Hàng Dầu và xé nhà tôi là một cửa hàng tạp hoá với những món hàng rất sơ sài. Bà chủ cũng góa chồng như mẹ tôi nhưng không có con nên bà yêu tôi lắm, thường cho ăn ô mai không lấy tiền. Bên cạnh cửa hàng của bà là nhà làm nước đá, có nước nóng để tôi được tắm tấp trong những ngày đông giá. Khu phố tôi chưa có ống dẫn nước, vú già phải đi gánh nước về, ít khi có chuyện đun nước để tôi tắm.

Gọi là phố Hàng Dầu nhưng tôi chỉ thấy có một cửa hàng bán dầu ở xế cửa. Vào thời tôi mới sinh ra, Hà Nội không còn dùng dầu lạc để đốt đèn nữa vì đã có đèn điện và có loại đèn Hoa Kỳ dùng dầu lửa (pétrole) tiện lợi và sạch sẽ hơn dầu lạc. Hoa Kỳ lấu cá lăm, biểu không cho người Việt Nam hàng vụn cái đèn để khi có đèn rồi thì phải mua dầu của họ. Cạnh nhà tôi là nhà Ông Ký Hải, ông lang nổi tiếng. Các cháu bé của ông là những bạn thân thiết nhất của tôi thời thơ ấu. Trong thời gian ở phố Hàng Dầu, tôi không thấy hàng xóm cũ dọn đi hay láng giềng mới dọn tới. Chỉ gia đình tôi là sẽ rời bỏ con phố này khi anh Khiêm từ Pháp về sau 7 năm du học.

Nhà của chúng tôi ở giữa phố và cũng thấp bé như những nhà trong phố nhưng lại rộng hơn nhà Bác Hai phố Hàng Đường hay nhà cậu Trường phố Hàng Gai. Trong nhà có xây sáu cái giường quay chung quanh một cái sân nhỏ lộ thiên nằm giữa nhà. Tôi thường nằm trên giường để nhìn nước mưa buồn buồn chảy xuống những chậu hoa trên sân. Hoặc ra sân để tắm mưa.

Dưới gầm của những giường ngủ có chôn những cái vại bằng sành rất lớn để đựng dầu. Mua lại căn nhà là một cửa hàng bán dầu nhưng bố mẹ tôi không sinh sống bằng nghề bán dầu, những vại dầu trống không này chỉ là một thứ đồ chơi của tôi khi còn bé. Chơi đi trốn với anh chị hay với bạn bè, tôi thường hay nhảy vào một trong những vại dầu cao hơn đầu tôi này. Vì trong nhà có tới 12 cái vại cho nên bắt được tôi rất khó, tôi đã phải nằm trong đó rất lâu để tưởng tượng mình là Ali Baba của truyện thần thoại Ả Rập.

Nơi quan trọng thứ nhất của nhà tôi là bàn thờ tổ tiên, chiếm hết một phần sáu của diện tích căn nhà. Trước bàn thờ là hai bức tường có gắn những tượng người bằng sành rất đẹp. Vào ngày Tết Nguyên Đán, bàn thờ được mẹ tôi làm cho lộng lẫy từ ngày ông Táo về trời và được duy trì cho tới sau ngày 21 tháng giêng, nghĩa là sau hai cái giỗ của bà nội tôi và của bố tôi, rồi mới được buông màn che đi. Tôi được ăn Tết lâu hơn các trẻ con khác trong phố.

Nơi quan trọng thứ hai là cái giường gỗ lim nơi mẹ con tôi nằm ngủ, kê sát tủ chè có tranh ảnh nạm bằng sà cừ rất tinh vi. Ở chân giường, trước mặt cái sân nhỏ, là hai chiếc ghế gụ để khách tới ngồi chơi trong khi chủ nhân ngồi xếp chân bằng tròn trên giường tiếp chuyện. Nếu có đánh chấn hay tổ tôm thì canh bạc cũng xảy ra ở chỗ này. Cuộc chơi bao giờ cũng kéo dài tới đêm khuya, tôi đi ngủ sớm thì phải nằm cạnh những canh bài đỏ đen, tai nghe thoang thoảng những tiếng reo được thua trong cơn mộng mị.

Nơi không được coi là quan trọng trong căn nhà là cái chõ. Địa điểm phải được gọi là phòng vệ sinh này bé bằng cái hộp, to béo như tôi bây giờ thì không thể nào chui vào ngồi xổm trong đó một cách dễ dàng được. Không có hầm phân mà chỉ có thùng phân. Vài ba ngày, có người của ông nhà thầu Năm Diệm đem thùng khác tới đổi thùng đựng đầy phân. Đổi thùng thường làm vào nửa đêm về sáng. Lúc đó, tiếng phu đổi thùng gõ cửa ầm ầm trong đêm thanh vắng thường làm thằng bé này giật mình thon thót. Chắc tiếng gõ cửa bắt người ban đêm cũng chỉ hải hùng đến thế mà thôi.

Hoài niệm thời thơ ấu, ai cũng có kỷ vật, nhân vật hay một chuyện nào đó để băng khuâng nhớ. Tôi nhớ nhất cái đồng hồ cũ kỹ đặt trên mặt tủ chè. Nó là chứng tích rõ ràng nhất của thời gian. Mỗi một tích tắc hay một hồi chuông của nó ghi lại một li ti

hay một khoảng ngắn của thời tôi còn thơ. So với những đồ vật khác trong nhà, chỉ có nó có sự sống.

Bà con hàng xóm trong khu phố tôi là những người dân hiền lành sống cuộc đời âm thầm nhưng cũng có một nhân vật dị thường khiến tôi để ý. Tên anh là Hùng, nhưng ai cũng gọi là Khùng. Hằng ngày, anh bắc ghế đẩu ra ngồi ở ngã tư, thấy ai đi qua cũng chào. Chào bằng đủ mọi thứ tiếng. Mọi người đều cho anh là thằng hoá dại. Trẻ con thường quây chung quanh anh để chọc ghẹo. Riêng tôi, lúc nào cũng ngẩn ngơ đứng nhìn con người kính chào không mệt mỏi này. Cho tới bây giờ tôi vẫn còn nhớ gương mặt hiền hoà của một người lịch sự nhất phố Hàng Dầu.

Hà Nội có những buổi trời mưa thật to, mưa nặng nề như mưa đá vậy. Có thêm những tia chớp lớn. Những hạt mưa cục đập xuống mặt đường chưa trải nhựa, làm thành những bong bóng to. Ngồi trên bậc cửa nhìn qua nhà trước mặt, thằng bé này biết nhớ nhưng đã diệt một con bé tên là Nguyệt. Nó thấy được nỗi buồn của một câu ca dao để rồi sẽ đưa vào một bản trường ca :

*Con cóc nhảy ra
Con cóc nhảy vô
Con cóc ngồi đó
Con cóc nhảy đi...*

Thọ An Phạm Duy Tồn
ghi lại trong **TIỂU LÂM AN NAM**

Chương Ba

Tôi không có một kỷ niệm nào với bố tôi cả. Ông chết đi khi tôi mới lên hai. Theo lời mẹ tôi nói thì bố tôi có hình vóc hao gầy, mặt đỏ hoa, rất vui tính, hay nói đùa và chọc ghẹo bạn bè, vợ con. Tôi rất giống bố tôi ở điểm này.

Ông làm nhiều nghề ngoài nghề viết văn, viết báo. Sau khi tốt nghiệp ở trường Thông Ngôn, ông làm thông dịch viên ở một vài toà công sứ tỉnh nhỏ. Rồi bỏ đi làm thư ký cho một chi nhánh của Banque de L'Indochine ở tỉnh Mông Tự bên Tàu. Rồi mở nhà hàng cao lầu ở phố Cầu Gỗ, mở tiệm vàng ở phố Hàng Đào. Sau đó, đi tìm mỏ than hay mỏ vàng gì đó ở Quảng Yên... Trong đời, tôi cũng hay đổi nghề như bố. Vào với nghề viết văn, bố tôi chọn con đường tả chân và phê bình xã hội, khi thì viết những truyện ngắn rất đúng đắn khiến cho truyện của ông về sau được đưa vào giáo trình của Bộ Giáo Dục, khi thì sưu tập và phóng tác những chuyện tiểu lâm (dưới bút hiệu Thọ An). Những lúc tôi soạn loại bài hát phê bình xã hội như tâm ca hay tục ca tôi đều liên tưởng tới việc làm của một người bố tuy không gần gũi mà hoá ra thân thiết. Sau khi làm báo và cũng đã là một người khá nổi danh trong xã hội rồi, cùng với Nguyễn Văn Vĩnh, bố tôi được bầu làm Hội Viên Thành Phố Hà Nội và được cử đi dự Đẩu Xảo Marseille vào năm 1922. Trở về nhà, ông lâm bệnh và tới năm 1924 thì ông qua đời vì bệnh ho lao. May mắn cho tôi là anh chị tôi còn giữ

được một số tài liệu về bố tôi. Chẳng hạn những lá thư hay những bưu ảnh bố tôi gửi về khi ông đi Nam Kỳ hay đi Pháp. Chẳng hạn những mẫu báo **Trung Bắc Tân Văn, Thực Nghiệp Dân Báo, Khai Hoá Nhật Báo...** đăng tin ông mất vào năm 1924 trong đó có phần tiểu sử của bố tôi. Những tài liệu này được anh chị tôi đem qua Pháp từ lâu và gửi cho bản sao trước năm 1975. Do đó, tôi được "gặp" lại bố tôi trong những kỷ vật này.

Báo **Trung Bắc Tân Văn** số 2078 ra ngày 25 tháng 2 năm 1924 cho tôi biết rõ hơn bức chân dung của bố tôi. Trước hết là con người ký giả, văn sĩ Phạm Duy Tồn :

... Ông Tồn khi mới tốt nghiệp trường Thông Ngôn ở Yên Phụ năm 1901 thì bỏ làm thông ngôn ngạch toà sứ Ninh Bình rồi đổi sang Thị Cầu (toà sứ Bắc Ninh). Ngay lúc bấy giờ ông đã nổi tiếng là một tay thông ngôn có đặc sắc và bắt đầu kết bạn với ông Nguyễn Văn Vĩnh, bản báo chủ nhiệm, lúc đó cũng làm thông ngôn một toà...

Bài báo này cho biết thêm là bố tôi được :

... .. quan trên tin dùng (...) giá ở người khác ắt có thể làm nên phú quý lắm, nhưng cái chí khí cao thượng, cái tâm huyết hăng hái của ông, không hám về đường công danh phú quý như ai, cho nên dù được tin dùng thế nào mặc lòng, ông cũng xin từ chức mà vào làm biên tập trong **Đại Việt Tân Báo** là cái báo quốc văn ra đời trước nhất tại xứ ta. Vậy thì trong làng báo, cùng với bản báo chủ nhiệm, ông là người vào làng trước nhất vậy.

1913. khi mở tờ **Đông Dương Tạp Chí** thì ông ở Mông Tự có gửi nhiều bài về đăng báo, rồi ông lại từ hẩn Mông Tự mà về giúp một tay trong bộ biên tập báo **Đông Dương Tạp Chí, Trung Bắc Tân Văn và Công Thị Báo**. Ngoài những bài xã thuyết có giá trị của ông, thì ông lại sở trường nhất về lối **Hài Văn và Đoàn Thiên Tiểu Thuyết** là hai mục ông đã gây ra trước nhất trong báo giới vậy. Bài báo viết tiếp, về nghề làm báo, bố tôi được tiến cử vào Nam để chủ trương tờ **Lục Tỉnh Tân Văn** rồi khi trở ra Bắc thì giữ chức tổng thư ký trong bộ biên tập Học Báo...

Về con người kinh tế của bố tôi, bài báo này viết :

... Về đường kinh tế thì ông có mở một cửa hàng **Tân-Nam-Lâu** là cửa hàng khách sạn của người Việt Nam ta mới có là một; ngày ấy là ngày vào khoảng 1908 là lúc cái phong trào khai thương ở xứ ta mới nhóm lên. Cảnh nam nhi học thức mình mới thoát tỉnh cái giấc mộng hư văn mà không cho việc buôn là tiện nghệ; trong cảnh đó thì ông có thể kể vào tay kiện tướng tiên phong vậy.

Thuyết gia Hoàng Văn Chí, trước khi qua đời, qua một bài báo đăng trên báo **Người Việt** ở Cali gần đây, đã có cái nhìn rất đúng về xã hội Việt Nam. Ông cho rằng Trung Hoa có bốn thành phần Sĩ, Nông, Công, Thương nhưng người Việt chỉ có ba : Sĩ, Nông, Công. Từ xưa ông bà ta coi nghề buôn là tiện nghệ (nghề hèn hạ) nên vào đầu thế kỷ này, nghề buôn bán hoàn toàn nằm trong tay Hoa Kiều. Thành phố nào cũng có một phố khách là nơi có đầy đủ các tiệm hàng lớn nhỏ của người Tàu. Bố tôi là một trong những người Việt đầu tiên muốn ra thoát giấc mộng hư văn, giành lại quyền kinh tế của nước mình nơi tay các khách trú hay chú khách.

Vẫn trong bài báo đó :

... Mấy năm sau ông lại có mở một cửa hàng buôn đồ vàng bạc, tức là cái cửa hàng **Nam Báo** đã có tiến mà ông để lại cho một đồng bạn kế nghiệp. Ông vốn không phải là nhà

buồn, sự khai thương của ông cũng vì một cái tân tư tưởng của ông nóng nảy quá nó xui giục ông làm vậy...

Ông nóng nảy thực ! Theo Vũ Bằng viết trong báo **Văn** số 169 ra ngày 1 tháng 1 năm 1972 tại Saigon là số đặc biệt **Tưởng Niệm Phạm Duy Tồn**, bố tôi thủ một vai quan trọng trong vụ tẩy chay người Tàu ở Hà Nội vào lúc bố tôi là người tiên phong trong phong trào khai thương ở xứ ta :

*... Phạm Duy Tồn đã đứng trước cửa tiệm **Nam Bảo** phố Hàng Đào chỉ huy thanh niên chống lại đội xếp đàn áp các người biểu tình tẩy chay Hoa Kiều ăn cơm gạo của ta béo mập rồi quay lại khinh bỉ dân ta...*

Vũ Bằng còn ghi thêm :

*... Mở tiệm kim hoàn ở Hàng Đào, cụ Phạm Duy Tồn đã khéo áp dụng cái cười để quảng cáo cho cửa tiệm. Riêng về cách quảng cáo ấy cũng hết sức mới, so với lúc bấy giờ. Cụ thuyết phục được các đào kép rạp **Quảng Lạc** quảng cáo cho tiệm vàng của cụ. Nhiều lần người ta thấy đào Cường và đào Đình đóng tuồng Nhất Bộ Nhất Bái Phàn Lê Huê và Quan Công Phò Nhị Tẩu giơ tay lên trời nói một câu rất trơ mà cũng rất công hiệu : "Ra hiệu Nam Bảo mua vàng đeo tay..."*

Tuy vậy, tôi phải chua xót mà nói rằng bố tôi đã thất bại lớn trong công việc kinh doanh. Khách sạn **Tân Nam Lâu** và tiệm vàng **Nam Bảo** được mở ra với ý định tranh thương với Hoa Kiều, đã không thành công. Bố tôi chết đi để lại khá nhiều những món nợ mà mẹ tôi và anh Khiêm phải mất hàng chục năm sau mới trả hết.

Cần phải biết động lực nào đẩy bố tôi đi vào thương trường trong khi đáng lẽ ra ông chỉ nên đứng ở địa vị một người cầm bút. Chỉ mãi gần đây tôi mới đọc cuốn **Đông Kinh Nghĩa Thục** của Nguyễn Hiến Lê do LÁ BỒI ấn hành tại Saigon năm 1968 và nhờ đó biết thêm con người chính trị Phạm Duy Tồn.

Nguyễn Hiến Lê viết :

*... cụ Tây Hồ [Phan Chu Trinh] kể rõ phương pháp của Khánh Ưng nghĩa-thục [của Trung Hoa] và đề nghị lập tại Hà Thành một nghĩa-thục tương tự. Đề nghị được chấp thuận và sau một hồi bàn xét, tên **Đông Kinh Nghĩa Thục** được lựa chọn, mục đích được vạch rõ : khai trí cho dân. Đại cương đã vạch rồi, ít lâu sau các cụ tới hội để tổ chức nghĩa-thục và phân phối công việc. Lần này vắng mặt cụ Tăng [Bạt Hồ] và cụ Sào Nam [Phan Bội Châu], nhưng thêm nhiều nhà nho khác như Dương Bá Trạc, Hoàng Tăng Bí, Nguyễn Hải Thần... và vài nhà tân học như Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Duy Tồn, Nguyễn Bá Học... Hết thấy đều cử cụ Lương Văn Can làm thực trưởng... Các cụ Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Duy Tồn tự đảm nhiệm việc xin giấy phép mở trường và tức thì thảo đơn gửi Phủ Thống Sứ...*

Theo Nguyễn Hiến Lê, **Đông Kinh Nghĩa Thục** được mở ra vào năm 1906 này là sự phân công giữa các nhà làm Cách Mạng, một số chủ trương bạo động, một số làm cách mạng văn hóa qua một chính sách được gọi là duy tân. Nghĩa-thục muốn đào tạo một lớp người mới không những chỉ bằng những lớp dạy những môn học mới như địa dư, toán học... mà còn cử người soạn sách mới, soạn bài ca ái quốc, đi diễn thuyết để truyền bá tư tưởng mới. Ngoài những phong trào vận động cắt tóc, bỏ nhuộm răng, mặc âu phục, nghĩa thực còn phá bỏ cái tục khinh công thương nên lúc

đó đã chủ trương chấn hưng công thương. Cụ Phan Chu Trinh là người đầu tiên chấn hưng thương nghiệp, mở **QUẢNG NAM THƯƠNG HỘI**, mở cửa cho người dệt vải nội hoá. Nghĩa Thục cũng còn khuyến khích việc khuếch trương nông nghiệp, khai thác quặng mỏ nữa... Cũng cần nói thêm rằng phong trào nghĩa thực này đưa tới vụ ám mưu đầu độc người Pháp ở Hà Nội và *Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Duy Tốn đã bị bắt, dẫn vào Hà Đông* (trang 121, **ĐÔNG KINH NGHĨA THỰC** - Nguyễn Hiến Lê).

Như vậy là nhờ tham gia **Đông Kinh Nghĩa Thục** bố tôi nhìn thấy kẻ sĩ phải thoát ra khỏi giấc mộng hư văn để bước vào đường khai thương. Cùng là đồng chí với bố tôi trong **Đông Kinh Nghĩa Thục**, ông Nguyễn Văn Vĩnh cũng nhìn thấy đâu là quyền lợi của dân tộc. Ông cũng bỏ cả sự nghiệp văn chương và báo chí để đi tìm mỏ vàng ở bên Lào rồi cũng chết đi cùng với giấc mộng kinh tế của mình. Hai nhà văn nhà báo này khi trở thành những Nghị Viên của thành phố là đã nhảy ra làm chính trị để bênh vực quyền lợi quốc dân. Cả hai đều đã sớm nhìn thấy kinh tế mới là sức mạnh. Được cử đi dự Đấu Xảo ở Pháp (Exposition de Marseille -- 1922) thì lại càng nhìn thấy rõ hơn sức mạnh đó. Làm báo, viết văn hay hoạt động chính trị nghĩa là khai trí chưa đủ. Còn phải khai thương nữa.

Quả rằng cả hai ông đều là những người vừa can đảm vừa ngây thơ. Can đảm ở chỗ dám làm chứ không phải chỉ dám nói, dám viết. Khuyến khích người Việt làm kinh tế qua những bài diễn văn hay qua những bài viết trên báo chưa đủ, phải tự mình nhảy vào đấu trường. Ngây thơ ở chỗ nhảy ngang vào thương trường mà không có vốn, không có học lực về thương mại. Người Pháp lúc đó chỉ muốn đào tạo cho người Việt trở thành những người thông ngôn, họ đâu có muốn đào tạo những người làm kinh tế ? Không có vốn thì phải đi vay nợ. Hai hay ba bốn người không có kinh nghiệm thương mại, không có vốn liếng thì làm sao cạnh tranh nổi với Hoa Kiều ? Thất bại là con cháu phải gánh lấy nợ nần. Bây giờ thì tôi nhìn thấy thái độ vừa hùng tráng vừa bi thảm của hai kẻ sĩ muốn trở thành thương gia để xây dựng đất nước, thái độ này đáng lẽ ra phải được nhắc tới trong bài viết mới gần đây của thuyết gia Hoàng Văn Chí, nói về sự khiếm khuyết của giới thương ở nước ta, mới chỉ có sĩ, công và nông mà thôi !

Bao nhiêu năm đã trôi qua kể từ khi có bài học của hai ông Vĩnh và Tốn. Nhưng tại nước Việt Nam, qua nhiều chế độ, vẫn chưa có nhiều nhà kinh doanh lớn. Dưới thời Pháp thuộc, Hoa Kiều ở Việt Nam nắm nghề buôn là chuyện dĩ nhiên. Nhưng sau khi nước Việt Nam giành được độc lập và bị chia đôi vào năm 1954, tại miền Nam, dưới hai chính phủ Việt Nam Cộng Hoà, người Tàu vẫn còn nắm việc kinh doanh dù chính phủ Ngô Đình Diệm cấm không cho họ làm 18 thứ nghề. Và kể từ 1975 cho tới bây giờ (1989) ngay trong cộng đồng người Việt ở rải rác khắp nơi trên thế giới, nghề buôn bán tiêu biểu là các dịch vụ ngân hàng, nhà đất và thực phẩm Á Đông, hình như vẫn còn nằm trong tay người Tàu cũng từ Việt Nam ra đi "tị nạn chính trị" ! Ở trong nước, Cộng Sản thành công về quân sự, chính trị. Họ hoàn toàn thất bại về kinh tế.

Bố tôi gặp khó khăn trong việc khai thương nhưng bù lại, bố tôi không bị trở ngại trong văn chương. Trước hết, ông viết những đoản thiên tiểu thuyết như **Sống Chết Mặc Bay, Con Người Sở Khanh, Nước Đời Lắm Nỗi...** (đăng trên báo NAM PHONG, các số 18, 20, 23). Các nhà biên khảo như Dương Quảng Hàm, Nguyễn Văn Cẩn, Vũ Ngọc Phan đều cho bố tôi là *nhà văn xã hội đầu tiên của nền văn học cận đại*.

Một truyện rất ngắn như **Câu Chuyện Thương Tâm** đã khiến cho phê bình gia Thanh Lăng, sau khi gọi bố tôi là *ông tổ của phong trào tiểu thuyết*, viết thêm : *Phạm Duy Tốn có một xu hướng xã hội rõ rệt : ông đứng về phía những người yếu đuối, bị bóc lột; ông đứng về phía ông cụ già kéo xe để chống lại bà phi nộn ngồi trên xe, ông bênh vực bọn dân đen sống nhoe nhóc trên bờ đê Yên Phụ để phản đối thái độ vô nhân đạo của bọn quan lại ngồi trong sòng bạc.*

Bài **May Cho Ta** ca tụng một cách xỏ xiên người Pháp. Bố tôi viết rằng : *người Pháp qua nước ta... vì văn minh nên chỉ ăn bánh mì thôi, chớ chi mà người Nhật, người Tàu (vốn ăn cơm) đến bảo hộ dân mình thì cả nước chết đói. Thật là may cho ta quá !*

Loại hài văn của nhà văn Phạm Duy Tốn sẽ không còn tẻ nhạt như thế nữa khi ông kể truyện tiểu lâm.

Sau loại đoản thiên tiểu thuyết, bố tôi ghi chép và phóng tác những truyện cười bình dân. Truyện **tiểu lâm An Nam** dùng tiếng cười để phê bình xã hội hơn là dùng tiếng khóc. Bố tôi đem chuyện tục và khôi hài ra để răn đời. Căn nhà thấp bé ở phố hàng Dầu có một cái gác nhỏ đầy bụi bặm mà trong thời thơ ấu, tôi chỉ dám leo lên lục lọi có một đôi lần. Lần đầu vớ phải một cái đầu lâu ! ! ! Tôi sợ quá muốn ngất đi... Chủ nhân của cái sọ người đó là ông anh họ Nguyễn Ấu Thìn có thời ở trọ nhà tôi để theo học Trường Y Khoa. Mọi người trong nhà đã quên không đem chôn đồ vật thí nghiệm của anh sinh viên bác sĩ sau khi anh Thìn tốt nghiệp và không còn ở chung với chúng tôi nữa.

Trong một lần lục lọi khác, tôi tìm thấy một tập bản thảo mà giấy đã ngả sang màu vàng có ghi lại một số chuyện tục hay quá. Tác giả là Thọ An. Vội đem xuống hỏi mẹ :

-- Mẹ ơi ! Thọ An là ai hả mẹ ?

Mẹ nói :

-- Là bố mày chứ còn ai nữa !

Về sau, tôi được anh Vương Hồng Sển tặng cho bản sao của 2 tập **TIỂU LÂM AN NAM**, tôi hiểu rõ hơn sự nghiệp của bố tôi. Truyện tiểu lâm là sự phản ứng của nhân dân đối với các hạng người trong bộ máy cai trị như quan huyện, lãnh binh, thầy đề v.v...

Lúc còn bé, tôi thường được nghe câu thơ bình dân chỉ trích quan lại :

*Kể truyện ông Huyện về quê
Có hai hòn dái kéo lê cùng đường
Bà Huyện tưởng hai hòn vàng
Đánh trống đánh mõ cả làng ra khiêng.*

Tôi đã không sợ nói tục, lại còn thích nghe kể chuyện tục. Làm sao mà tôi không khoái trí khi đọc một truyện tiểu lâm như **Úm Ba La Ba Ta Cùng Khỏi** trong đó cái dâm đã được nói tới công khai ? Thích đến độ sẽ phổ nhạc truyện tiểu lâm đó thành bài tục ca số 4. Và phục bố mình, vào thời dư luận vẫn còn rất khắt khe, đã không sợ mang tiếng khi kể những truyện tục, như truyện đặt tên cho con cái sau đây :

Ở Bắc Việt có cái tục đặt cho con những cái tên xấu vì các bậc cha mẹ tin rằng tên đặt cho con càng xấu, càng dở thì tử thần càng chê, do đó con không chết yếu... như đặt tên con trai là thằng Cu, thằng Cò, thằng Cứt và con gái là cái Hĩm, cái Trôn, cái Đái. Vì thế có câu chuyện này :

Trong một gia đình theo tục lệ đặt tên xấu cho con, một hôm bố gọi con :

-- *Cứt ơi ! Về ăn cơm*

Em thằng Cứt trả lời :

-- *Anh Cứt còn đi ỉa !*

Ngoài truyện tục (mà tôi không dám kể ra đây), trong sách tiểu lâm, bố tôi hay điếu cọt những người tự phụ làm thơ hay. Khi phê bình bài thơ dở, người ta thường gọi đó là thơ con cóc. Chắc người ta đã dựa vào truyện tiểu lâm này :

Có ba anh học trò thường tự phụ là thơ hay, vẫn thường than thở với nhau sợ chết non vì mạng tài tương đối. Một hôm, cả ba cùng đi với một tiểu đồng vào vắng cảnh chùa kia. Dở rượu ra uống, ba thầy xúc cảnh sinh tình, muốn làm thơ thì vừa vắn có một con cóc nhảy ra...

Thầy thứ nhất xuất khẩu :

Con cóc nhảy ra

Thầy thứ hai :

Con cóc nhảy vô

Thầy thứ ba :

Con cóc ngồi đó

Tên tiểu đồng cũng xin làm phần một câu :

Con cóc nhảy đi

Rồi cả ba thầy cùng lăn ra khóc, sợ thơ mình hay như thế thì trời đất ghen ghét chết non. Họ sai tiểu đồng đi mua ba cái quan tài để ngộ nếu có chết thì có cái mà chôn và không quên bảo tiểu đồng mua cái áo quan thứ tư cho nó, vì thơ nó cũng hay, sợ cũng cùng chung số phận. Vào lúc đó sư cụ trong chùa nghe thấy chuyện như thế cũng móc túi lấy tiền đưa cho tên tiểu đồng :

-- *Mày mua cho tao một cái quan tài thứ năm.*

-- ?...

-- *Là vì tao có lời thề nguyện : Ở trên đời này, ông mà thấy được một chuyện nực cười nhất thế gian thì ông xin chết. Bây giờ việc đó hiển nhiên rồi, tao còn sống làm sao được ?*

Trong truyện "rừng cười" này, tôi thấy luôn luôn có sự châm biếm các thi sĩ nửa mùa như vậy. Một truyện khác : Có một ông quan võ thích làm thơ lắm. Một hôm, nhìn thấy con chó đi qua, ông nổi hứng ứng khẩu bài thơ :

Chẳng phải voi mà chẳng phải trâu

Ấy là con chó cắn gâu gâu

Khi nằm với vợ thì lại đứng

Cả đời không ăn một miếng trâu...

Anh láng giềng nịnh bợ thường được ông quan võ cho ăn uống linh đình mỗi khi anh ta khen thơ của thi sĩ nhà binh, vội vàng xin hoạ theo :

Quanh quanh đường đít lại đường đầu

Hễ thấy ai vào cắn gâu gâu

*Ăn hết của thơm cùng của thối
Trăm năm chẳng được chén trà tàu...*

Cũng bởi vì có một ông bố nghiêm khắc như vậy cho nên trong đời tôi có những khi tôi nổi hứng định làm thi sĩ thì tôi vội vàng bỏ ý định đó ngay. Chỉ sợ ông bố đội mồ sống dậy đưa mình vào truyện tiếu lâm !

Con người có tinh thần hài hước rất cao như vậy, trong cuộc đời rất thanh bần và nhất là vào lúc mắc phải bệnh ho lao và đang nằm chờ chết, đã được **Thực Nghiệp Dân Báo** về chân dung một lần chót qua bài báo tin buồn :

... Ông thiên tính khảng khái trực triệt, đối với đồng bào tổ quốc ông chan chứa tấm nhiệt thành, tuy vì buổi đời đen bạc, con tạo đành hanh, làm cho ông nhiều phen gian nan nguy hiểm, lại bỏ buộc vì một chữ nghèo song cái nhiệt thành ông không khi nào nguội, cái khí khái ông không lúc nào lùi, kim tiền và thế lực ông khinh như cỏ rác vậy. Ông thường nói : Ôi nghèo thì nghèo chứ không khi nào đem chữ ái quốc làm món hàng buôn. Mấy tháng trước, anh em vào thăm ông, da xanh nhợt, vóc gầy như mai, đầu hoa lóm đốm, hơi thở hỗn hển mà mắt vẫn sáng như sao mai, miệng vẫn tươi như hoa nở, khoa chân khoa tay nói chuyện quốc kế nhân sinh, nhân tình thế thái.

Hỏi đến bệnh thì ông cười nói rằng : Chỉ có một chết, chứ còn gì nữa. Tôi đã biết chết từ mấy năm trước. Nhưng tôi, cái chết tôi không mong mà cũng không sợ, cơm ăn thì ăn, thuốc uống thì uống, nó chết bao giờ thì nó chết. Nghe những câu ông nói đủ biết cái tinh thần ông không hề mỗi mệ, mà cái khí khái, cái nhiệt thành của ông thực có chỗ hơn người vậy. Vì thế nên ông phát ra văn chương cũng sốt sắng và hùng kính khác thường. Ông không có những văn phóng phiếm phù hoa, đối đáp tiếu xảo, nhời kêu mà ý tưởng chẳng có gì.

Nay rở những bài của ông trong các báo mà xem, nhiều bài còn thấy nhiệt huyết lâm ly, cái tính cách lừng lẫm (1) hình như dững dưng (2) ở trên tờ giấy...

Cũng như những người cùng lứa tuổi, phải sống cả đời trong một thời tao loạn, khiến mình bị đánh bật gốc ra khỏi nơi chôn nhau cắt rốn, rồi lang thang trong nước, rồi lưu vong trên thế giới... tôi cứ tưởng chỉ có thế hệ tôi mới gặp phải gian nan nguy hiểm, cuộc đời đen bạc, con tạo đành hanh... Không ngờ bố mình đã ở trong hoàn cảnh đó rồi ! Nhưng tôi rất vui lòng vì -- dù chẳng được bố dạy dỗ một lần nào -- tự thấy mình đã thừa kế được tinh thần của bậc sinh thành là không phóng phiếm phù hoa trong nghệ thuật, không đưa ra những soạn phẩm nhời kêu mà ý tưởng chẳng có gì và nhất là không khi nào đem chữ ái quốc làm món hàng buôn bán.

Ngồi đọc lại một vài đoạn của bài điều văn xa xưa để viết về thời thơ ấu của mình, tôi bỗng thương xót bố tôi vô cùng vì bố tôi đã lìa đời vào lúc còn quá trẻ, mới ngoài 40 tuổi. Tôi xót xa khi thấy việc làm của ông, chẳng may nước nhà gặp thời ly loạn kéo dài mấy chục năm, chỉ được nhắc nhở một cách thoáng qua. Chỉ có một số báo tưởng niệm Phạm Duy Tồn là báo **VĂN** ra ngày 1-1-71 ở Saigon.

Tôi xót xa nghĩ tới xã hội ngày xưa với những cảnh thương tâm mà bố tôi đã phác họa, rồi nghĩ tới xã hội của thời tôi còn thơ ấu, biết yêu Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan, Tam Lang... cũng vì các vị đàn anh, với cặp mắt Nguyễn Du, trước những điều trông thấy mà đau đớn lòng, đã tiếp tục làm công việc phê bình xã hội như bố mình. Nghĩ luôn tới hoàn cảnh xã hội của thời tôi bước vào đời, gặp gỡ và sống thực sự với rất nhiều cảnh thương tâm, chứ không còn ngồi yên một chỗ để đọc truyện thương tâm nữa. Rồi thấy rằng chỉ có một khoảng thời gian 10 năm để cho xã hội Việt Nam tốt đẹp và lành mạnh vì toàn dân chấp nhận gian khổ, đoàn kết đánh đuổi thực dân. Tới khi nước nhà bị chia đôi thì ở một miền, bậc thang xã hội được thu tóm trong câu châm ngôn *nhất đĩ, nhì cha, ba sư, bốn tướng*... người hùng trong trắng -- nếu có -- dù đầy thiện chí cũng khó lòng vào ngồi chung với những kẻ

ăn cướp của công được. — một miền khác, chỉ có khẩu hiệu *ra ngõ gặp anh hùng* được áp đặt lên đầu toàn dân mà không hề có chủ trương *ra ngõ gặp người hiền*.

Xót xa cho 20 năm chiến tranh, xã hội Việt Nam băng hoại vì tiền bạc và vũ khí mà ngoại nhân đổ vào nước ta để "nhờ" ta giải quyết hộ mâu thuẫn của cường quốc. Tới khi *sạch bóng quân thù* và trả giá bằng núi xương biển máu rồi thì cả nước lâm vào cảnh nghèo khổ, xã hội đã đổ vỡ lại thêm suy thoái. Tại sao vậy ? Có phải vì thế hệ đi trước không để lại cho con cháu cái phẩm giá làm người và những trách nhiệm xã hội ? Để lại cho em này nước non mình ra làm sao mà vào năm 1988 vừa qua người lãnh đạo phải thốt lên : "*Việt Nam đang ở trên bờ vực thẳm ?* "

May thay vẫn còn có những văn nghệ sĩ muốn và dám cảnh tỉnh xã hội. Nhà đạo diễn điện ảnh vác máy quay phim đi tìm người tử tế, tiếp tục sự đi tìm người chân thật mà một nhà thơ đã nêu lên từ mấy chục năm trước. Nhà văn hay nhất của thời đại -- đối với tôi -- qua một số truyện ngắn (đã gây ra nhiều cuộc tranh luận ở trong nước) tố cáo bộ mặt xấu của chế độ bao cấp trong xã hội Việt Nam hiện nay. Một nước thực thi chủ nghĩa xã hội mà lại làm cho xã hội suy thoái nhanh chóng như vậy, thật là đau lòng ! Đau lòng hơn nữa vì, với những điều trông thấy của cả đời mình, trước đây có định học một người cha và những đàn anh văn nghệ, đưa ra mười bài tâm ca và mười bài tục ca để cống hiến xã hội thì bị ngộ nhận.

Đã 40 năm nay, tôi không được về thăm cái nôi của gia đình họ Phạm. Không biết nắm mồ bố tôi nằm tại làng Phương Liệt, Hà Đông có còn nguyên vẹn không, sau bao nhiêu năm chiến tranh. Có một vài độc giả vô danh nào tới nghiêng mình trước ngôi mộ nhà văn xã hội đầu tiên của nước Việt Nam không ? Có còn đứa cháu, đứa chít cực kỳ nghèo khổ nào thay mặt chúng tôi tới thấp nén hương trên mộ ông hay không, khi ông chỉ còn hai đứa con già nua (tôi và bà chị 80 tuổi) đang sống lạc lõng nơi đất khách quê người ? Bao giờ tôi được về nước để đứng chấp tay trước ngôi mộ của người cha mà tôi đã càng ngày càng cảm thấy gần gũi hơn qua những trang HỒI KÝ này.

Để kết thúc cho Chương Sách viết về người cha mà nếu được sống với nhau thì tôi phải gọi bằng Cậu và tự xưng là em (cái tục lệ kiêng không gọi bố con này cũng không ngăn được sự chia lìa sớm của cậu và em)... xin chép ra đây những lời cuối của bài diếu văn đăng trong **Thực Nghiệp Dân Báo** :

... ..Ôi ! Núi Nùng Sông Nhị, khi thiêng đúc lại một người; nước Nhược non Bồng, cõi lạc trông vời muôn dặm. Văn đàn bắt hủ, người đã trảng từ, giấy ngấn tình dài, mây bay nước chảy ! Ô hô !

-
- 1) lăng tằng = tằng lăng thì đúng hơn, nghĩa là ngang tằng
2) dững dưng = hững hoi

*Tôi mồ côi cha năm lên hai tuổi
Mẹ tôi thương con nên không lấy chồng.....
Lời Mẹ Dặn -- Phùng Quán*

Chương Bốn

Bố tôi chết đi để lại một gánh nặng cho mẹ tôi. Ngoại trừ Anh Khiêm vì học giỏi nên có học bổng của Pháp cho đi Tây học và không cần đến ai lo lắng, mẹ tôi phải lo liệu để nuôi sống lũ chúng tôi lúc đó hãy còn thơ dại. Con gái một ông đồ và vợ goá của một nhà văn thì làm gì có sẵn nghề nghiệp chuyên môn trong tay.

Nhưng rồi cũng giống như hầu hết các bà mẹ Việt Nam trong xã hội Hà Nội trí thức tiểu tư sản ấy, mẹ tôi đã khéo xoay xở để nuôi chúng tôi lớn lên. Khi thì mẹ đi các tỉnh miền thượng du để mua sừng nai, xương cọp đem về nấu thành cao ban long, cao hổ cốt, bán thẳng cho người mua. Khi thì mẹ mua cả dăm bảy chục gánh hoa sen rồi cả nhà ngồi bóc cánh sen lấy nhụy hoa ướp trà, cũng để bán trực tiếp cho khách hàng. Không hề có một cửa hàng bán cao hay bán trà sen. Việc bóc cánh hoa sen làm cho anh em chúng tôi rất thú vị vì được nhảy nhót hay ngã lăn quay trên đồng cánh sen vừa thơm vừa mát. Việc phụ giúp cho mẹ và các chị nấu cao thì cực lắm. Nấu cao vào buổi trưa mùa hè ở trong một ngôi nhà thấp lè tè là một cực hình. Cho nên phải nấu vào ban đêm. Có một lần ai cũng buồn ngủ cả, lửa bén lên mái bếp, xuyt cháy cả phố.



Nếu đem so sánh với lũ con tôi lúc chúng còn bé thì phải nói rằng tôi sinh ra là con nhà nghèo. Tuy không đến nỗi phải sống trong cảnh mẹ goá con cô rất bi thảm nơi đồng quê hay trong cảnh ngộ của những người thiếu thốn hơn mình nơi đô thị, nhưng cho tới năm 14 tuổi, tôi vẫn phải quanh năm mặc quần áo ta -- trong mấy năm tiểu học, học trò đều phải mặc áo dài khi đến trường -- và phần nhiều là áo rách, áo vá. Tôi không bao giờ có một thứ đồ chơi nào cả ! Đừng nói chi tới những thứ đồ chơi tầm thường của hai đứa con út của tôi mười năm trước đây như xe ô tô hay xe lửa tí hon, búp bê hay "gi ai giò" (GI JOE = búp bê lính Mỹ) ngay cả những đồ chơi nội hoá làm ở phố Hàng Sắt Hà Nội hay những ông tiến sĩ giấy, những đèn xếp, đèn lồng trong ngày Tết Trung Thu, tôi cũng không nhớ là đã được mẹ hay được bất cứ một người lớn nào tặng cho anh em tôi. Toàn là tự tay làm đèn giấy để chơi với nhau. Trong suốt năm, lúc nào hai anh em tôi cũng ngong ngóng chờ ngày Tết đến vì chỉ vào những ngày này mới có thêm một bộ quần áo mới và mới được người lớn cho tiền. Mẹ tôi phải xoay xở vất vả lắm mới có đủ tiền để nuôi con và trả nợ cũ của bố tôi, thậm chí đã nhiều lần phải gá bạc để có tiền đi chợ. Nói cho đúng ra, mẹ tôi có hai thứ say mê là đánh bài và đi lễ cho nên cái chuyện mời bạn bè tới nhà đánh bài để lấy tiền hồ cũng chỉ là chuyện tự nhiên.

Không giàu để có thể luôn luôn mua đồ chơi hay may quần áo mới cho anh em tôi, mẹ tôi chỉ có thể biểu lộ tình thương yêu đối với đứa con út bằng cách cho tôi theo mẹ trong bất cứ một cuộc đi lễ xa gần nào. Tôi được đi lễ ở nhiều đền chùa nổi danh miền Bắc như Chùa Hương, Chùa Tràm, Đền Sòng Phố Cát... Cảnh đẹp của những ngôi chùa cổ làm tôi muốn trở thành một con người hiếu đạo. Thật thế, chùa chiền rất cần khung cảnh chung quanh để tạo cho ta sự thoát tục sau khi phải sống cuộc

đời đầy bụi bặm. Tiếc rằng sau này tôi không tìm lại được sự rung cảm kỳ diệu đó ở những đền chùa quá ư "văn minh" tại miền Nam.

Từ lúc còn rất bé, không những được đi lễ với mẹ luôn luôn, tôi còn được mẹ tôi dạy tụng những câu kinh Phật : "... *Lư hương xạ nhiệt pháp giới môn vân chư Phật hải hội...* " Tôi lại là thằng bé không thích ăn thịt hay chấm nước mắm, nhiều khi chỉ ăn cơm với oản, với chuối cho nên ngoài cái tên *thằng tôm*, tôi còn có thêm cái tên là *chú tiểu*. Bây giờ về già nếu cần phải nhớ tới một trong những mối sầu lằng lằng đầu tiên của đời mình thì tôi phải nói tới buổi trưa hè trên một nẻo đường cái quan...

... Sau khi đi lễ ở một ngôi chùa nào đó, hai mẹ con tôi ngồi ôm nhau trên chiếc xe kéo bánh gỗ đưa chúng tôi về Hà Nội, anh phu xe nhể nhại mồm cười, con đường vắng tanh vắng ngắt, hai bên đồng lúa im phăng phắc, thời gian như ngừng trôi... Hình ảnh êm đềm và bằng phẳng này giống như một âm bản tuyệt vời của tuổi thơ đặt vào trong một cái máy thu hình là trí nhớ của tôi để mỗi khi muốn nhớ tới mẹ là tôi đem rửa ra thành một tấm dương bản. Lại cũng còn có thêm một âm bản khác, dữ dội hơn, với hình ảnh hai mẹ con đi lễ trong khi trời đang giông bão, có cột đèn đỏ, có cây gậy cảnh chắn ngang đường đi... Người ta thường nhớ tới cha mẹ trong cảnh gia đình đầm ấm -- tôi cũng đã từng nói tới -- với hình ảnh cha ngồi xem báo, mẹ ngồi khâu áo, xa xa có tiếng còi tàu v.v... Tôi thường chỉ nhớ mẹ tôi trong kỷ niệm của những cuộc đi lễ xa xưa như vậy.



Tất cả các bà mẹ trên thế gian đều là mẹ hiền cả, nhưng mẹ tôi, Nguyễn Thị Hoà, là người mẹ hiền hoà nhất. Không bao giờ đánh mắng tôi cả. Mỗi khi tôi làm điều trái thì mẹ kể cho nghe một câu chuyện cổ răn đời. Truyện Thằng Cuội hay truyện Lục Súc Tranh Công. Hoặc dạy tôi bằng những câu châm ngôn, ca dao, tục ngữ : *Trông người phải gấm đến ta thử sờ lên gáy xem xa hay gần...*

Là con một ông đồ, mẹ tôi cũng đã làm thơ. Tôi chỉ nhớ mang máng qua một câu thơ yết hậu, mẹ tôi kể truyện chú tiểu ăn trộm oản khi nhìn thấy ông sư ve bà vãi. Chữ nghĩa mà mấy anh em chúng tôi có được, từ Khiêm qua Nhược tới tôi, không hẳn chỉ từ người cha Phạm Duy Tốn. Tấm lòng thì chắc chắn phải từ mẹ mà ra. Trong đời, đôi khi tôi là người tốt bụng, đó là lúc tôi nhớ tới mẹ tôi. Cử chỉ khoan thai, đi đứng từ tốn, nói năng nhẹ nhàng, không bao giờ mẹ tôi có những hành động quá đáng. Vui vừa đủ khi ù một ván tổ tôm. Buồn kín đáo khi ngồi im lặng cả ngày trước cỗ bài để phá trận. Lúc nào cũng lo lắng về những món nợ cũ của bố tôi. Chủ nợ là người không giàu có cho lắm, không tháng nào mẹ tôi chậm trả nợ.

Tuy nghèo nhưng mẹ là người rất rộng rãi. Nhà tôi luôn luôn có những người không phải họ hàng tới trọ. Ở lâu đến độ trở thành người trong gia đình luôn. Tôi vừa lớn lên là đã thấy một ông già gầy gò móm mém, có cái tên là ông Cả Bịp, lúc nào cũng mặc áo dài, sống luẩn quẩn trong nhà. Giang sơn của ông là một trong sáu cái giường trong nhà. Tài sản của ông là cái tráp và cái gối gấp, ông hay dựa vào đó để ngồi tụng kinh. Công việc của ông chỉ có thế ! Ông không hề phải làm bất cứ việc nào khác hơn là tối tối thắp hương cúng Phật. Tôi cũng được ông dạy tụng kinh. Sinh ra trong một gia đình thờ Phật nhưng tôi không phải là kẻ sùng đạo. Hay là đệ tử cuồng tín của một đạo giáo. Lớn lên, tôi hiểu được cái hay của *tam giáo đồng nguyên* trong mỗi chúng ta : lúc còn bé, đạo Phật dạy ta biết chuyện muôn ngàn thế

giới, lớn lên đạo Khổng dạy ta phép sống trong xã hội, về già đạo Lão dạy ta sự vô hư.

Ông Cả Bịp có người con tên là Tường, làm phu cạo mủ cao su trong Nam. Lúc còn bé, tôi được người lớn cho biết hai chuyện ghê gớm : chuyện mẹ mình bắt trẻ con đem sang Tàu bán và chuyện Tây "bắt cóc" người đem đi làm phu ở Nam Kỳ hay ở Tân Thế Giới (Nouvelle Calédonie, thuộc địa của Pháp). Bị bắt cóc hay nói cho đúng hơn là bị ông Tây mộ phu lừa lọc, phải làm việc rất nặng nhọc, bị bóc lột một cách tàn nhẫn, phải sống ở nơi sơn lam chướng khí... rất ít phu đồn điền cao su còn sống để trở về quê quán. Và tôi thấy được cái thảm hại trên con người từ đồn điền cao su trở về là anh Tường. Con ông Cả Bịp về Hà Nội với thân tàn ma dại, với đôi mắt lơ đãng của người nghiện rượu, với đôi bàn tay trắng và cũng chẳng còn sống thêm được bao nhiêu năm nữa. Khi lớn lên tôi mới thấy thương anh Tường. Lúc còn bé tôi nhìn anh như một tay anh hùng hảo hớn, dám sống, dám chết, vì được anh cho coi những vết sẹo trên người và nghe anh kể lại những ngày ở trong rừng cao su, đung nhau với đủ mọi thứ anh chị trên đời. Cũng chính anh đã đem vào trí tưởng tượng của tôi hình ảnh một Nam Kỳ xa lắc xa lơ mà người Bắc Kỳ nào cũng mơ ước có ngày được phiêu lưu vào nơi đó ! Và tới ngày tôi nghe tin ông Tây mộ phu nổi danh ở Hà Nội là Bazin bị ám sát thì tôi cảm thấy như anh Tường, con ông Cả Bịp đã được trả thù.

Năm 1930 cũng là năm đầu tiên của sự khủng hoảng về kinh tế ở Hoa Kỳ, kéo theo sự khủng hoảng mọi nơi trên thế giới. Ở Việt Nam và trong xã hội trung lưu Hà Nội, ảnh hưởng của nó cũng chẳng là bao vì làm gì có một nền kinh tế lớn lao tại thủ đô miền Bắc này. Tuy nhiên cũng có đôi ba người thất cơ lỡ vận và mẹ tôi đã cho bà Ấm Chung và bà Tư Hưng Yên tới tá túc tại nhà chúng tôi. Bà Ấm Chung mở lớp dạy đàn tranh, có lẽo tèo dăm bảy học trò trong đó có hai chị của tôi. Bà Tư thì cùng mẹ tôi bồ cau, phơi khô đem ra chợ bán. Về sau tôi cũng thừa kế tính rộng rãi của mẹ. Trong đời tôi, đã có nhiều lúc tôi mở rộng cánh tay ra, như mẹ yêu đã làm trong dĩ vãng.

Không phải vì thương con nên không lấy chồng như bà mẹ Phùng Quán trong bài thơ **Lời Mẹ Dặn**, xã hội thị thành lúc đó không cho phép người goá phụ còn trẻ là mẹ tôi bước đi bước nữa. Trong khu phố tôi, cũng không thấy có goá phụ nào tái giá cả. Ngay cả người vú sữa mà tôi coi như người mẹ thứ hai cũng là người lâm cảnh góa bụa và cũng ở vậy suốt đời dù vú không thuộc giai cấp trung lưu Hà Nội.

Vì mẹ tôi phải lo toan cho cuộc sống gia đình nên tôi được khoán trắng cho chị vú sữa để chị nuôi nấng tôi từ lúc lọt lòng cho đến khi tôi 6 tuổi. Tôi sống gần vú hơn là gần mẹ, do đó tới ngày tôi lớn và không cần tới sự săn sóc của vú nữa, vú phải trở về quê thì tôi nhất định không cho vú đi. Tôi khóc và lăn mình dẫy dụa trên đường cái. Mẹ tôi thương con nên dỗ ngọt nhưng Thầy Kim lôi vào nhà đánh cho một trận đòn khá nặng.

Thầy Kim đây là Trần Trọng Kim, nhà viết sử và vị Thủ Tướng sau này của Việt Nam. Từ khi bố tôi chết đi -- là lúc tôi lên 2 -- cho tới khi tôi 14 tuổi -- là lúc Ông Khiêm đã đậu xong bằng Thạc Sĩ và đã trở về nhà -- ông Trần Trọng Kim, vốn là bạn thân của bố tôi, trở thành một thứ bố đỡ đầu của chúng tôi. Chúng tôi phải gọi bằng Thầy (danh từ này không hẳn chỉ có nghĩa là Thầy Giáo mà còn có nghĩa là Thầy Mẹ) và mỗi tuần, Thầy Kim đều tới nhà tôi một hay hai lần để coi sóc chúng tôi.

Thầy Trần Trọng Kim không có con trai nên hai anh em tôi được thầy nâng tới chăm sóc. Tôi kính trọng Thầy nhưng thấy Thầy không thay thế được bố mình. Nhiều khi có những bạn cũ của bố tôi như các ông Bùi Kỳ, Nguyễn Văn Vĩnh, Nguyễn Đổ Mục... tới chơi với Thầy Kim thì có ngay một cuộc đánh chửi hay đánh tổ tôm với mẹ tôi. Tôi và các anh chị tôi tranh nhau chia bài để lấy mấy chục xu tiền thưởng.

Tôi còn nhớ giọng nói sang sảng của ông Bùi Kỳ, cái tính hay bẹo má chúng tôi của ông Nguyễn Văn Vĩnh và lòng bàn tay đỏ như son của Thầy Trần Trọng Kim. Mầu đỏ rực của lòng bàn tay này, cái tướng của những người cai trị dân, tôi cũng thấy có nơi lãnh tụ Cộng Sản Trường Chinh mà tôi gặp ở Thái Nguyên vào năm 1946. Thầy Kim lúc đó làm Thanh Tra Tiểu Học và tuần nào cũng tới nhà tôi trước khi ra toà nhà Khai Trí Tiến Đức để cùng với một số các vị khác hợp soạn cuốn **Việt Nam Tự Điển**. Khi đó tôi đã qua tuổi lên 10 và tôi hay đánh cờ tướng với Thầy, có những ván cờ tôi thắng Thầy mới là hay chứ ! Kỷ niệm khó quên nhất là năm tôi học lớp Nhất trường Hàng Vôi, sắp tới ngày thi tốt nghiệp Tiểu Học, trong cuộc đánh nhau với một thằng bạn (tên là Doãn thì phải), tôi đã dùng bút để đâm vào tay nó khiến cho tay nó sưng vù lên và suýt nữa nó không đi thi được. Nếu không có Thầy Kim thì tôi đã bị đuổi ra khỏi trường rồi !

Vì là con út, lại mồ côi cha nên tôi là con cưng của mẹ. Khi tôi lên 6 và vú tôi trở về quê thì từ đó tôi được ngủ chung với mẹ. Cho tới khi tôi 14 tuổi, tôi vẫn còn được ngủ chung với mẹ. Lúc còn rất bé, sáng nào cũng nằm hay ngồi trong chạn để nhìn mẹ pha trà tàu, hơ chén nước nóng lên mắt cho hạ hỏa, uống trà và... cãi nhau với vú già. Tội nghiệp, vú già đàn độn và bướng bỉnh vô cùng, sáng nào cũng có một cái lỗi làm nào đó để nghe mẹ tôi mắng mỏ rồi hai bên cãi nhau như hai chị em vậy. Vú già ở trong gia đình tôi gần như suốt đời nên sự to tiếng không bao giờ dứt dỗi cả. Tôi còn thấy vui vui là khác. Vì được mẹ nuông chiều, tôi về bè với mẹ và đôi khi tôi cũng nói nhảm với vú già, nhưng đối với vú nuôi thì tôi lại yêu quý vô cùng, có lẽ cũng còn do ở tính tình của vú nữa.

Đây là một người đàn bà nhà quê điển hình của miền Bắc lúc bấy giờ, nghèo mạt rệp, lấy chồng làm lính lệ, vừa có con mọn thì chồng chết, gửi con cho mẹ chồng và em chồng rồi ra tỉnh thành đem bầu sữa nóng của mình nuôi con người khác. Không ngu đàn hay bướng bỉnh như vú già, trái lại, rất nhanh nhẹn, rất chịu khó, rất thông minh, trên môi lúc nào cũng có một nụ cười ngượng ngịu, ai khen cũng cười, ai chửi cũng cười. Đúng như Nguyễn Văn Vĩnh đã viết : người Việt Nam mình, cái gì cũng cười. Bụng dạ vú Cẩn rất tốt. Nhiều khi thấy mẹ tôi tôi túng thiếu, vú mở hầu bao ra lấy tiền cho mẹ tôi mượn.

Anh Nhượng cũng có một người vú nuôi, nhưng vú Nhượng đến rồi đi như một cái bóng, còn vú Cẩn thì sau khi thôi việc vẫn còn luôn luôn đi lại trong gia đình tôi như một người thân, có lần ở với chúng tôi gần một năm với tư cách vú già trước khi vú chết trong thời Nhật tới chiếm Đông Dương, khi đó tôi đã 19 hay 20 tuổi. Từ khi vú bỏ tôi về quê, tôi đã nhiều lần được về sống với vú và con vú là thằng Cương ở một ngôi làng gần Trạm Chôi thuộc tỉnh Sơn Tây. Lúc đó tôi đi học rồi và qua những bài tập đọc bằng văn xuôi hay văn vần trong cuốn **QUỐC VĂN GIÁO KHOA THƯ**, tôi được dạy dỗ để biết yêu đồng quê Việt Nam như thế nào rồi ! Hãy giờ những cuốn sách học vỡ lòng đó ra mà coi. Cuốn **Quốc Văn Giáo Khoa Thư -- Lớp Đồng Ấu** có 55 bài tập đọc thì có tới gần 10 bài tả cảnh đồng quê. Em bé thị thành như tôi vào

tuổi lên 9 mà lại học về cấy cấy, gieo mạ, gặt lúa. Học bài con người nói chuyện với con trâu bằng thơ. Hay học nghề làm ruộng :

*Trâu ơi ta bảo trâu này
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta
Rủ nhau đi cấy đi cày
Bây giờ khó nhọc có ngày phong lưu...*

Học về đồng ruộng nhiều hơn là học về vỉa hè, tôi lại có may mắn được về sống với vú tôi tại Trạm Trôi vào lúc tâm hồn tôi còn trong trắng, tôi biết được cái khổ hay cái sướng của một em bé quê ngất ngưởng ngồi trên mình trâu, tai nghe chim hót trong chòm cây, mắt trông bướm lượn trên đám cỏ... để mấy chục năm sau có bài dân ca mới :

*Ngồi mình trâu, phát ngọn cờ lau
Và miện hát nghêu ngao...*

Gia đình vú sống trong một nhà tranh vách đất thấp bé và tối tăm. Trong nhà không có bàn ghế, không có cả cái giường (kể cả giường nan), làm sao có được cái bàn thờ như ở số nhà 54 phố Hàng Dầu ? Nhưng cũng có một cái bát hương đặt ở một xó nhà. Đêm đêm tôi ôm vú hay thằng Cương nằm ngủ trong ổ rơm, sáng dậy ra sân xúc miệng và rửa mặt bằng tay bên cái chum nước đã vỡ miệng. Vạch quần ra định đái thì cả nhà kêu thất thanh : " *Đái vào cái nôi đất... để còn tưới rau*"... Cơm ăn là gạo hầm. Món ăn là bát rau muống luộc, hiếm hoi mới có ngày ăn cơm với vài ba quả cà hay một đĩa tép. Cũng không sao, vì thuở bé, tôi rất dễ ăn.

Chắc chắn đời sống của dân quê dưới thời Pháp thuộc rất là cực khổ nhưng lúc đó tôi mới lên 9 lên 10, xin cho tôi chỉ nhìn cái đẹp của đời sống thôn ỏ. Khi lớn lên, tôi sẽ biết cảnh dân quê nghèo khó tới mức nào và bị áp bức bởi cả thực dân và quan lại ra sao qua những tác phẩm văn chương của Trần Tiêu (**CON TRÂU**) hay Hoàng Đạo (**BÙN LẦY NƯỚC ĐONG**)... Nhất là khi tôi trở thành một nông dân bán-chính thức ở vùng Yên Thế. Được sống hẳn hoi ở nơi thôn ỏ nên tôi cảm thông với tình cảnh của đa số dân chúng. Tôi sẽ nhanh chóng có hành động tích cực của một công dân yêu nước thương nòi. Tôi sẽ dễ dàng đi kháng chiến cùng với mọi người. Nếu chỉ ở Hà Nội và ngồi đọc sách không thôi, chưa chắc tôi đã tích cực như thế. Rồi khi trở thành nghệ sĩ thì có ngay lập trường rõ rệt là biết cúi đầu trước những niềm vui nỗi buồn của nhân dân, đa số là dân quê, để sáng tác. Nếu trong thời thơ ấu và khi mấp mé vào đời tôi không về sống ở đồng quê, chưa chắc tôi đã bén nhạy trước cảnh cô nàng *gánh lúa cho anh ra đi diệt thù* hay cảnh bà mẹ quê *cuốc đất trồng khoai* ở vùng Bình Trị Thiên. Chưa chắc tôi đã ở lại với dân ca sau khi -- cũng như đa số các nhạc sĩ trẻ tuổi -- bị hấp dẫn bởi sự đồ sộ của nhạc Âu Tây dù cổ điển hay tân kỳ.

Tôi biết ơn những ngày được sống trong thôn ỏ khi tâm hồn mình còn ngây thơ và trong trắng. Hình ảnh *ruộng lúa xanh rì, đường làng hun hút, lũy tre bát ngát, cây đa bóng rợp, ngôi chùa tư lự*... tất cả đã in sâu vào trí óc tôi để sau này khi cần phải phác họa cảnh đồng quê qua những bài dân ca mới, tôi không phải khó nhọc gì cả. Là người sống bằng tưởng tượng nên tôi cứ cho rằng cảnh vật cũng rất yêu tôi vì lẽ giản dị là tôi yêu cảnh vật ở đồng quê vô cùng.

Thằng Cương yêu tôi là chuyện tất nhiên. Có tôi nó hết bơ vơ. Hai anh em dắt nhau đi thả diều, đi câu cá. Thú nhất là đi bắt châu chấu rồi đem về rang với muối để ăn

một cách ngon lành. Chúng tôi chia nhau từng củ khoai, củ sắn. Là con út trong gia đình, nhưng tôi lại có riêng một thằng em sữa.

Trải qua không biết bao nhiêu biến động chính trị trong đó không biết bao nhiêu đầu rơi xác đổ cho những nhân danh này nọ, ngày hôm nay, tôi vẫn tự hỏi không biết thằng em sữa bần cố nông của tôi có cái tên là Cương ấy, còn sống hay chết, đang làm gì và ở đâu ? Lần cuối cùng tôi gặp nó là vào ngày Cách Mạng vừa mới thành công, nó là phu vác than ở Phố Hàng Than, Hà Nội. Tôi vừa ở trong Nam ra, mời nó đi ăn một bữa cơm rất sang và cho nó một ít tiền. Biết rằng vú đã chết, tôi cũng không hỏi thăm nó về chuyện vợ con của nó gì cả !

*Hà Nội băm sáu phố phường
Hàng mật, hàng đường, hàng muối trắng tinh...
CA DAO*

Chương Năm

Trước khi đề cập về sự học của tôi trong thời thơ ấu, hãy nói tới cái chơi của tôi lúc đó :

*Hàng Ngang sang Hàng Đào
Hàng Đào vào Hàng Bạc
Hàng Bạc tạt sang Hàng Mắm
Hàng Mắm ngắm xuống Hàng Bè
Hàng Bè về Hàng Dầu
Hàng Dầu trông ra đầu Lò Xũ
Lò Xũ có một lũ bờ sông
Bờ sông trông thấy cầu
Trên cầu có tàu chạy...*

Đó là "đại tác phẩm" của tôi lúc còn thơ, mô tả cái thế giới thu hẹp của đôi chân bé bỏng, không đi được tới gần chợ Đồng Xuân hay đi quá cầu Paul Doumer. Nhưng cần gì phải đi đâu xa ? Khu phố Hàng Dầu của tôi cũng đủ để cho anh em chúng tôi tung hoành. Chuyện trốn học để đi chơi là chuyện quá thường đối với tôi, qua một câu thơ "khẩu khí" của con nít phố Hàng Dầu :

*Ma cà bông (vagabond), mà cà cú
Lúi húi vườn hoa (école buissonnière)
Ông Tây bắt được hỏi nhà mày đâu ?
Nhà tôi ở Phố Hàng Dầu
Số nhà 54 (*), đứng đầu... du côn !*

Tuy chỉ gắn bó với khu Hồ Gươm, tôi cũng được làm quen với các khu khác. Khi tôi sinh ra thì Hà Nội đã văn minh lắm rồi. Thành phố chia ra hai khu. Khu Phố Tây mới xây từ ngày Pháp tới còn nhà cửa ở khu Phố Ta thì có từ thời vua Lê chúa Trịnh.

Nhưng đất Thăng Long bị phá hủy bởi giặc giã liên miên trong quá khứ cho nên khu phố ta cũng đổi mới luôn luôn. Hồ Gươm với Tháp Rùa và Đền Ngọc Sơn thật cổ điển nhưng khu phố Hàng Dầu của tôi lại mới mẻ quá. Nhà cửa được xây cất thẳng hàng. Đường cái rộng rãi, chạy dọc chạy ngang theo hình thước thợ và đang được trải nhựa. Anh Nhượng bị bỏng nặng và suýt què tay khi loay hoay mở cái vòi của thùng hắc ín đang sôi sùng sục.

Trong Hà Nội, chỉ còn một số di tích cho tôi thấy dấu vết của thời xa xưa. Chẳng hạn chùa Trấn Quốc, cửa Ô Quan Chưởng hay cái tháp nhỏ, di tích còn sót lại của ngôi chùa lớn tên là Chùa Báo Ân nằm trên bờ hồ Gươm đã bị tàn phá để ở đó mọc lên nhà Giây Thép (Bưu Điện). Muốn âm thầm đi trong một con phố thật cổ kính, tôi phải tới ngõ Phất Lộc. Trong cái ngõ cũ nhỏ hẹp và khuất khúc này, có những ngôi nhà thấp bé, bề ngang chưa đầy 2 thước, thụt ra thụt vào, với mái ngói đẹp, với những cây leo bám vào tường rêu trông như những con rắn, con rết. Tôi hay tới ngõ Phất Lộc để biết yêu thêm bài thơ **Thăng Long Thành Hoài Cổ** :

*Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương...*

Hơn một trăm năm trước tôi, Bà Huyện Thanh Quan đã nhớ Thăng Long Thành như vậy.

Còn có thêm dăm ba di tích cổ ở chốn thành đô làm tôi rung động. Tới chơi với các con của bà Suzanne -- vợ thứ của ông Nguyễn Văn Vĩnh -- ở phố Giám, tôi thường ra đứng ngắm những con rùa đá trong Văn Miếu và bỗng thấy mình già đi cả mấy trăm năm. Rồi mơ ước mình cũng thông thái như các bậc hiền sĩ có tên khắc trên bia đá...

... Rồi khi tới nhìn lỗ đạn trên Thành Cửa Bắc do Pháp tạo ra thì thấy tủi nhục trong lòng. Nhưng khi tới Ô Cầu Giấy thì hãnh diện vì có quân Cờ Đen của Lưu Vĩnh Phúc-- người có liên hệ với họ ngoại của mình -- đã hạ Henri Rivière ở đây...

Đi trong di tích cũ để tưởng tượng ra truyện lịch sử hay dã sử Việt Nam. Rồi thuộc lòng truyện anh hùng dân tộc không phải vì đọc sách mà qua lời ca của người hát rong, hát xẩm : *Bà Trưng quê ở Châu Phong...* Nhưng phải thú thật là chúng tôi bị ảnh hưởng chuyện kiếm hiệp Tàu hay cinéma âm nhiều hơn là truyện lịch sử, dã sử. Chúng tôi thích đóng tuồng Hoàng Giang Nữ Hiệp với nhau hay đóng vai anh hùng của cinéma âm là Zorro, đeo mặt nạ, khoác chăn dạ, đánh gươm.

Chúng tôi cũng mê đá bóng kinh khủng, luôn luôn theo dõi thành tích của Hội ÉCLAIR (Tia Sáng) vốn là hội bóng nhà, trụ sở ở ngay phố Hàng Tre. Mê đến độ nhớ tên các cầu thủ theo thứ tự ra quân, như nhớ một bài thơ không có vận :

*Ty, (thủ môn) Tâm, Biêng (hậu vệ)
Mao, Tâm, Thịnh (trung phong)
Phao, Mai, Hựu, Trọng, Tín (tiền đạo)*

Chúng tôi cũng lập ra đội bóng nhi đồng trong đó Nhượng là hậu vệ trái, tôi là thủ môn. Đá bóng ngay gần nhà tôi, trên bãi cỏ ở sau lưng rạp Cinéma Pathé, cạnh Đền Bà Kiệu, đối diện với Hồ Gươm.

Nói tới chuyện coi cinéma thì trước khi cây cửa hông rạp Pathé để coi cộp cuốn phim nói đầu tiên **À L'Ouest, Rien De Nouveau**, chúng tôi chỉ được coi phim câm tại rạp FAMILY ở Phố Hàng Buồm. Rạp này có hai hạng, coi mặt chính thì phải trả hai xu, coi mặt trái thì chỉ mất nửa tiền, cả hai hạng đều không có ghế, khán giả ngồi xếp xuống đất mà coi. So với phim thời nay, những phim trắng đen của thời đó đạo đức hơn nhiều. Chúng tôi rất thích coi phim khôi hài với các vua hề như Fatty, Charlot, Max Linder... Hề Charlot có ảnh hưởng mạnh mẽ trong giới sân khấu Việt Nam. Đã là hề của gánh hát thì thể nào cũng có thêm cái tên Charlot, ví dụ Charlot Miêu.

Vào khoảng năm 1930, Charlot đi du lịch vòng quanh thế giới với vợ mới cưới là Paulette Godard và có ghé Hà Nội. Tôi đã thấy ông vua hề này đứng chụp ảnh cạnh Tháp Báo Ân ở bờ hồ khi tôi tới đó để mua lạc rang pha húng lìu rất ngon của vợ chồng một người Tàu. Họ bán hàng ngay cạnh Tháp nhưng mỗi khi trời mưa thì họ chui vào ngồi bên trong cái Tháp.

Những trò chơi hay những trò giải trí của lũ nhóc trạc độ 10-14 tuổi vào cái thời 1930-1935 tại Hà Nội, nói chung cũng rất là lành mạnh. Không có chuyện đua đòi theo nhau hút thuốc lá. Không có chuyện bài bạc, ngay cả chuyện đánh đáo, đánh khăng cũng ít xảy ra, có lẽ vỉa hè thành phố không phù hợp với các trò chơi đó. Không có chuyện tới tuổi dậy thì, ham muốn nhục dục, và bàn nhau về chuyện trai gái. Lại càng không có chuyện lập *gang* đi vẽ bậy trên tường hay đi ăn cắp, ăn cướp tuy cũng hay tùm năm tùm ba để chơi chạy thi, chơi nhảy *saute-moutons*, chơi đánh *boxe*...

... Thịnh thoảng gọi nhau đi đánh nhau với trẻ con ở khu khác. Trong khu phố có một thằng tên là Ý khá to con được coi như đầu đảng nhưng mỗi khi khởi sự đánh nhau thì thằng này chạy trước tiên ! Còn có thêm cái chuyện kéo nhau đi trêu chọc những người Ấn Độ mở cửa hàng bán vải ở các Phố Hàng Ngang, Hàng Đào. Biết họ thờ bò khinh lợn, chúng tôi đến trước cửa hàng của họ, lấy hai tay nắm hai cái vạt áo để làm thành ra hai cái tai lợn, ngoe nguẩy hai cái tai đó trước mặt họ rồi bỏ chạy khi họ vùng lên đuổi theo chúng tôi.

Ngoài những trò chơi đó và cái thú vui đọc truyện kiếm hiệp dịch từ truyện Tàu, đọc loại sách hồng bằng Pháp Văn (livre rose, sách dành cho tuổi thơ của người Pháp) thì cái thú lớn nhất vẫn là đi coi cinéma, nhất là cinéma có tiếng nói, rồi sưu tập những tờ chương trình (gọi là plaquettes) và ảnh tài tử Pháp hay Mỹ. Lúc đó thần tượng của chúng tôi là Albert Préjean, là Brigitte Helm, là Annabella vân vân...

Nhưng trong cái vui thưởng thức nghệ thuật của thời đó, lũ chúng tôi có mê đi coi **Chèo Cổ** đang được Nguyễn Đình Nghi biến thành **Chèo Văn Minh hay không** ? Có thích đi coi **Tuồng Quảng Lạc** tức là **Tuồng Tàu** đã được Trần Phênh hiện đại hoá hay không ? Có tranh nhau đi coi **Cải Lương Nam Kỳ** đang ở trong thời thành lập với hai loại Tuồng Tàu và **Tuồng Tây** hay không ? Chúng tôi có đi coi, nhưng không mê. Con nít thường hay bị mê hoặc bởi những gì rất xa vời hơn là bởi những cái quá gần gũi. **Tuồng, Chèo, Cải Lương** quá quen thuộc cho nên dù có cải cách cũng không có gì để hấp dẫn tuổi thơ. Vả lại những hình thức ca diễn kể trên nhắm vào khán giả người lớn nhiều hơn.

Trong phạm vi âm nhạc, chúng tôi cũng không có những bài hát cho tuổi thơ do nhạc

sĩ Việt Nam soạn ra như trong những thế hệ sau này. Qua những đĩa hát thuộc loại 78 tours được người Pháp sản xuất và được phổ biến một cách giới hạn chúng tôi thuộc những bài Pháp hoặc những bài được gọi là bài ta theo điệu Tây nghĩa là soạn lời ca Việt để hát theo nhạc điệu Pháp hay Mỹ. Nhưng trong lúc vui chơi với nhau, không bao giờ chúng tôi có can đảm để hát cho nhau nghe những bài hát mà mình đã thuộc. Ngay ở trong trường học, cũng chẳng bao giờ có những buổi họp mặt, những ngày hội vào trường hay ra trường để có những tiếng hát của học trò, hát chung với nhau hoặc hát riêng cho nhau nghe.

Tuy vậy, trong cuộc sống gia đình, riêng tôi được nuôi dưỡng khá nhiều bằng âm nhạc. Mẹ tôi nuôi một bà đánh đàn tranh người Huế tên là bà Âm Chung ở ngay trong nhà để dạy đàn cho hai chị tôi đánh những bài **Nam Ai, Nam Bình, Lưu Thủy, Hành Vân...** Tôi được làm quen ngay với nhạc dân tộc từ khi hấy còn măng sữa. Tôi còn có cảm tính quá nhạy bởi vì tôi khóc khi nghe một người hát rong đến trước cửa nhà, vừa hát vừa xin tiền với hát bài kể chuyện một hành khách mù bị đánh mất gậy. Cái vụ tôi cảm động đến khóc vì bài ca này là đề tài cho cả nhà tôi luôn luôn chọc quê tôi...

Tuổi thơ của tôi còn chứng kiến những cái gì được gọi là có truyền thống lâu đời, những truyền thống mà chẳng bao lâu nữa sẽ bị đào thải vì sự tiếp xúc với văn hoá Âu Tây do người Pháp mang tới. Chẳng hạn một ngành nghệ thuật cổ truyền là múa rối mà tôi được coi khi theo mẹ đi lễ. Tại các đền chùa khi xưa, vào những ngày lễ chính, người ta thường hay tổ chức những cuộc vui chơi như đánh đu, ném còn là những trò chơi không có gì là đặc biệt cho lắm. Nhưng trò múa rối thì rất hấp dẫn. Có hai loại múa rối : múa rối cạn và múa rối nước. Múa rối cạn của Việt Nam cũng giống như trò *marionnette* hay trò *puppet* của Âu Mỹ nhưng ít khi được biểu diễn ở chốn thị thành nên tôi thích lắm. Tuy nhiên, như đã nói ở Chương Hai múa rối cạn của chúng ta không tinh vi bằng múa rối Tàu. Nhưng múa rối nước thì chắc chắn ở Âu Mỹ không có. Tôi không biết Trung Hoa có loại nghệ thuật bình dân này hay không ? Múa rối nước được biểu diễn ở một cái hồ hay cái ao. Khán giả đứng chung quanh bờ bỗng dưng thấy những con rối ở dưới nước nhảy lên và làm trò trên mặt nước. Thật là ngoạn mục khi ta thấy những con rối lướt đi trên nước giống như con người có phép tiên. Kỳ diệu nhất là nếu có cảnh chiến tranh thì có pháo nổ từ dưới nước nổ lên. Trò múa rối bị bỏ rơi hàng mấy chục năm, bây giờ đang được phục hồi và canh tân.

Một trong những trò chơi khác là chơi chim. Nhiều người thường cho chim bồ câu là hiền lành vì nó được đem ra để làm biểu tượng cho hoà bình. Sai bét ! Vì người ta không thấy trò chơi chơi chim ở Việt Nam như tôi đã thấy khi còn bé. Thật ra chim bồ câu rất hiếu chiến. Hai con bồ câu đực đực nhốt trong một cái chuồng. Chúng rất hoà bình với nhau nhưng nếu đem con mái tới, và khi con mái xù xì thì hai con đực đánh nhau tới chết ! Ta đừng nên lấy làm lạ nếu thấy hai người con trai trong thời nay đánh nhau tới chết vì một người con gái.

Còn một trò chơi gọi là *đầu hồ* tôi chỉ thấy chơi trong thời đó, sau này không thấy ai chơi nữa. Đó là những thanh que dài, được người chơi đứng xa phóng lên cho đầu thanh que rơi xuống một cái trống con rồi thanh que đó bật ngược lên cao để rơi vào họng của một cái bình hoa đặt ở xa xa. Người chơi phải đặt được hai lần chính xác : một lần khi tung thanh que rơi xuống mặt trống và một lần nữa khi thanh que đó rơi vào cái miệng hẹp của chiếc bình hoa. Trò chơi này cho ta nghe hai âm thanh vui : tiếng *tom* của cái trống và tiếng *thụt* của thanh que khi rơi vào bình.

Ngoài những trò vui mà trẻ con nhà nghèo như tôi được coi không mất tiền vào những năm 30 như chuyện ông Hai Tây đóng đinh lỗ mũi, làm trò quỷ thuật và những người mãi vớ bán thuốc sơn đông ở bãi cỏ bên đền Bà Kiệu... còn có thêm những trò xiếc ở chợ Hàng Da. Đây là nơi dành riêng cho những gánh xiếc lớn, ngày thường là nơi họp chợ, khi có gánh xiếc ngoại quốc hay xiếc Việt Nam tới dựng lều thì chợ Hàng Da là nơi thu hút tất cả trẻ em Hà Nội.

Tôi thích coi xiếc vì, với tôi xiếc là nơi kỳ diệu, con người đùa giỡn với tử thần khi đu bay hay nghịch ngợm với hổ báo... những việc tôi cho là siêu phàm. Tôi mê khung cảnh ồn ào của xiếc, bóng dáng và hành động phi lý của những chàng hề, thân hình mềm mại như bún của cô gái xiếc và nhất là mùi nồng của thú dữ. Và bao giờ tôi cũng buồn bã rất lâu khi gánh xiếc nhỏ cộc cuốn lều ra đi.

Trò xiếc tôi được coi lúc đó không hoàn toàn theo truyền thống dân tộc dù trong quá khứ, **Hát Cửa Đình**, tiền thân của **Hát Ả Đào** cũng có trò đi trên dây và có nhào lộn. Có ba gánh xiếc Việt Nam, tổ chức theo xiếc Âu Tây. Gánh xiếc Việt Nam đầu tiên là Gánh Lạc Long...



giỏi như Xuân Tiên, Xuân Lôi.

Xuân Lôi, Xuân Tiên trong gánh xiếc

...Rồi tới gánh Long Tiên và Tạ Duy Hiển. Giá vé vào coi cũng không đắt lắm nhưng trẻ con như tôi thì thường chui dưới lều vào coi cộp một cách rất dễ dàng. Gánh Long Tiên có câu hát quảng cáo :

*Xiếc này là xiếc Long Tiên
Đi xe đạp trên dây, gậy đàn...*

Sau này Gánh Long Tiên tan nhưng nhân viên của gánh trở thành những nhạc công

Gánh Tạ Duy Hiển đồ sộ hơn vì có voi, có hổ giống như một gánh xiếc Âu Mỹ. Ông chủ gánh Tạ Duy Hiển là người Việt Nam đầu tiên điều khiển các thú dữ. Đầu chít khăn đóng, mình mặc áo gấm hoa, thắt lưng đỏ, đôi chân đi ủng và một tay cầm ghế, một tay cầm roi dài quất lên đến đét để sai khiến mấy con hổ, trông ông rất oai.

Xiếc ngoại quốc có tới Việt Nam để kiếm ăn và có một chủ xiếc người Anh, tự tử ở thành phố Vinh. Chỉ vì mấy anh hề trong gánh làm một trò khôi hài trong đó có một anh "clown" đóng vai người da trắng đá đít một anh hề khác đóng vai người Việt Nam, chạm tới danh dự người mình cho nên gánh xiếc bị tẩy chay. Chủ gánh là Hamilton không đủ tiền để trả nhân viên và để nuôi thú vật nên tự tử.

Tôi mê xiếc đến độ tự đặt cho mình thêm cái tên bằng tiếng Pháp : Emecirque (Em-mê-Xiếc). Đó cũng còn bởi vì lúc đó tôi đang mê một con nhỏ lảng giềng lai Pháp tên là Emilienne mà tôi sẽ nói tới trong một Chương sau.

Nói đến cộp trong gánh xiếc là nhớ tới Suối Rút ở biên giới hai tỉnh Sơn La-Hoà Bình

và Núi Chẹ ở Sơn Tây. Một người bạn của mẹ tôi là bà Bách, sau khi lấy ông chồng Tây và có mấy người con gái lai thì tục huyền với một người Việt ở Suối Rút. Hai người con gái của bà lấy chung một ông chủ đồn điền ở Núi Chẹ tên là Thibault. Mẹ tôi đi mua sừng nai hay xương hổ để nấu thành cao ban long hay cao hổ cốt là lên hai chồn sơn lâm này và tôi thường được mẹ cho đi theo. Ở Núi Chẹ thì vui lắm nhưng ở Suối Rút thì tôi sợ ma vì được nghe câu dọa : *Đất Sơn La (có con) ma Vạn Bú...*

Từ Núi Chẹ đi Suối Rút phải đi qua Núi Tản của Tản Đà tức là Ba Vì của Trần Quang Dũng. Đi khỏi Chợ Bờ là tới Suối Rút, một làng sơn cước nằm ở Châu Mai (hay Châu Mộc ?), hai cái tên sẽ vào nằm trong bài thơ Tây Tiến của thi sĩ họ Trần, anh bạn của tôi trong kháng chiến. Và ngay từ khi còn bé, tôi được sống những buổi chiều rừng có làn sương lam toả lên ôm ấp ngọn núi đá cạnh nhà, được nghe tiếng chim rừng gọi nhau buổi sớm hay nghe tiếng cộp gầm trong đêm. Sau này đi kháng chiến và phải sống ở vùng thượng du, tôi thấy rừng núi đối với tôi rất là thân thiết. Như bạn cũ lâu ngày gặp lại.

Trong những ngày ở Núi Chẹ, tôi còn được thấy chị Yvonne là vợ của ông Thibault đêm đêm vác súng đi bắn cộp. Thấy đàn bà không sợ cộp, lại còn giết được cộp thì tôi phục lắm. Ngoài ra tôi còn được biết rằng cộp không bao giờ dám vồ người khi người đối diện với cộp và nhìn vào mắt cộp. Do đó ở Ấn Độ, người đi rừng thường đeo một cái mặt nạ ở đằng sau gáy. Cộp đi theo người, nhìn vào mặt nạ tưởng là nhìn vào mặt người, cộp bèn lảng đi.

Đồn điền Núi Chẹ cũng như nhà ông bà Bách ở Suối Rút đều nằm trong khu vực người Mường, người Thái. Tôi thấy được cuộc đời vật lộn với thiên nhiên của người sơn cước ngay từ khi tôi còn bé. Với cái nhìn vào sự sinh hoạt của dân miền núi, với hình ảnh chị Yvonne đội mũ có đèn pin đi bắn cộp và với bài học về Chúa Sơn Lâm như vậy, tôi sớm có ý niệm về sức mạnh tinh thần và vật chất của con người được dùng để cả thắng rừng thiêng thú dữ ra sao.

(*) Thằng bạn ở số nhà 21 cũng dùng được câu thơ này, miễn là đổi số nhà.

*Bà tú từ bi
Ta ở bờ bể ...*
QUỐC VĂN GIÁO KHOA THƯ

Chương Sáu

Tôi học vỡ lòng ở trường Hàng Thùng. Rồi học Tiểu Học ở trường Hàng Vôi (1), trường nào cũng chỉ cách nhà tôi khoảng 200 thước. Mỗi sáng được mẹ cho hai xu để ăn bánh mì chấm dấm.

Chúng tôi là thế hệ đầu tiên đi vào nhà trường không phải với cái bút lông ở trong tay như thế hệ cha ông, mà là với ngòi viết bằng sắt có tên hiệu Mallart. Việc học đánh vần cũng chưa có tí gì là thi vị như vào thời có phong trào Bình Dân Học Vụ sau này. Lúc đó là : *A Bé Xé đất dế đi ãa...* Đó chỉ là lối học chữ mà học trò mất dạy như tôi đã học được ở lũ bạn lếu lảo. Thực ra, lối dạy trẻ em tập đọc của Nha Học Chính Đông Pháp cũng nên thơ lắm. Bài tập đọc thứ 15 của lớp Đồng Ấu với những câu *ba ba, lá to, tử bé, bí bỏ bị, bé bú bò...* đã giúp chúng tôi soạn ra những tác phẩm như *bà ba bán bánh bên bãi bể bị bắt bỏ bóp ba bốn buổi...*

Chữ quốc ngữ đã rất thông dụng khắp nơi trong nước nhưng trong gia đình tôi, chữ nho vẫn còn được coi là thiêng liêng. Hễ thấy dưới đất có tờ giấy nào in hay viết những mẫu chữ của Thánh Hiền thì mọi người phải trình trọng cúi xuống nhặt lên. Rồi cũng không được vứt giấy có chữ nho đó vào sọt rác mà phải đốt đi.

Ở trường Hàng Vôi, trong những năm học các lớp đồng ấu (cours enfantin) lớp dự bị (préparatoire) và hai lớp sơ đẳng (cours moyen I và II), tôi học dốt lắm. Trong các thầy, sợ nhất là thầy Quỳnh -- chúng tôi gọi là Quỳnh Cốc -- rất dữ, rất ác. Thằng nào mắc lỗi là bị quỳ lết, nghĩa là phải lết đi lết lại trong lớp bằng hai đầu gối. Có lần tôi bị toét hai đầu gối, hai ba tuần lễ sau vết thương mới lành. Thầy Quỳnh Cốc mà ở bên Mỹ bây giờ thì sẽ bị *số si an uốc kơ* báo cáo và đi tù bằng thích.

Năm tôi 13 tuổi và lên được lớp nhất (cours supérieur) thì tôi được coi như một trong những học trò giỏi nhất lớp. Tôi xuất sắc trong môn *récitation française* với bài *Après La Bataille* của Victor Hugo, khi diễn tả bằng cử chỉ và giọng đọc một bài thơ vừa hùng hồn, vừa đầy tính nhân đạo.

Victor Hugo kể chuyện người cha của thi sĩ, có nụ cười êm ái (au sourire si doux), sau một cuộc chiến, cưỡi ngựa đi quan sát chiến trường. Thấy một người lính địch bị thương nặng, nằm rên và kêu khát nước, vị tướng ra lệnh đem nước uống tới cho kẻ thất trận. Ai ngờ người lính đó rút súng bắn ông, nhưng vì con ngựa lòng lên nên ông không trúng đạn. Ông tướng kim cương ngựa lại, cất tiếng nói :
--*Cứ cho nó uống nước đi ! Donne lui tout de même à boire !*

Đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ ơn thầy Quỳ ở lớp Nhất trường Hàng Vôi, với lời khuyến khích học trò đọc những bài thơ có diễn tả như vậy, thầy đã làm cho khả năng biểu diễn trong tôi được khơi gợi rồi phát triển không ngừng.

Vào tuổi 13, 14 mà hiểu biết được cái hay, cái đẹp của văn chương Pháp qua những bài thơ của Victor Hugo, André Chenier, Alfred de Vigny... cũng là một điều tốt. Nhưng không hẳn phần hồn của thế hệ chúng tôi đã chỉ được nuôi dưỡng bằng nền văn hoá của Pháp mà thôi. Chất liệu cần thiết cho sự hình thành con tim và khối óc của chúng tôi lúc vừa bước vào cái ngưỡng cửa của xã hội là nhà trường, đó là cái mà nhà văn Sơn Nam nhắc tới trong mẫu truyện ngắn nhan đề *Tình Nghĩa Giáo Khoa Thư* trong cuốn **HƯƠNG RỪNG CÀ MAU**.

Đúng như vậy, trong bốn năm học tiểu học, những bài học trong các cuốn **LUÂN LÝ GIÁO KHOA THƯ**, **QUỐC VĂN GIÁO KHOA THƯ** do Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc, Đỗ Thận và Đặng Đình Phúc soạn ra cho Nha Học Chánh Đông Pháp... đã khắc ghi một cách rất sâu đậm vào tâm hồn hầy còn non nớt và trinh bạch của chúng tôi, những đức độ của con người Việt Nam, không phải là của con người ở thành thị đang sửa soạn mất gốc, mà là của con người ở nông thôn, (tôi nhấn mạnh) con

người muôn thuở, con người căn bản của một nước, dù đó là một nước đang trong thời kỳ Pháp Thuộc.

Sau bốn năm tiểu học này, chúng tôi đã hấp thụ được những gì gọi là cao nhã, lễ nghĩa, nhân hậu trong con người Việt Nam. Chúng tôi được hiểu biết những cái gọi là **tình huynh đệ, tính đùm bọc, sự trong sạch, niềm tương trợ, lòng cao cả, sự cương nghị, niềm đại lượng, tính khoan hồng**... đã sống động như thế nào trong con người, trong cuộc sống và trong lịch sử Việt Nam. Qua những bài học rất ngắn ngủi, có thể khoanh tay đọc ở trong lớp rồi về nhà là quên đi, nhưng không ngờ nó vào nằm sâu trong lòng và sẽ không bao giờ bước ra khỏi tâm hồn của chúng tôi.

Tuy nhiên, khi rời ghế nhà trường để bước chân vào đời, than ôi, tôi thấy con người Việt Nam xử sự với nhau không giống những bài học luân lý mà tôi học được khi còn thơ. Những lúc đó, tôi phải gồng mình lên, nhớ lại bài học cũ. Và nghĩ rằng đã phá xã hội nông thôn để thay thế bằng một xã hội thị thành chưa chắc là điều đúng.

Ngoài những điều hay tôi hấp thụ được nơi nhà trường, tôi còn cho rằng tâm hồn của lớp thiếu nhi chúng tôi hồi đó đã được nuôi dưỡng bằng những bài ca ái quốc. Thời ấu thơ của lứa tuổi chúng tôi còn là thời ấu thơ của những đứa bé sống trong một nước bị trị. Dù muốn hay không, chúng tôi sinh ra đã có ấn ức của người dân nô lệ mà cha mẹ cấy vào bào thai. Chúng tôi chưa có ai dạy cho mình biết là phải yêu nước và chống Tây ra sao nhưng chắc chắn chúng tôi vừa ghét Tây, vừa sợ Tây, luôn luôn bị ám ảnh bởi câu đe dọa của những bà mẹ Việt Nam thời đó :

---*Mày không ngoan, tao gọi ông Tây đến bắt đi bây giờ.*

Hoặc bởi câu châm ngôn do chính mình soạn ra :

-- *Ông Tây bắt được hỏi nhà mày đâu ?*

Ghét Tây, sợ Tây nhưng chúng tôi cũng luôn luôn được người lớn dạy cho những bài học yêu nước qua những câu hát có tính cách tuyên truyền hoặc qua những hành động cách mạng cụ thể.

Thời đó, như tôi đã nói, trẻ thơ Việt Nam sống ở Hà Nội không có nhiều bài hát như các nhi đồng trong những thập niên sau này. Chúng tôi chỉ có dăm ba câu ca lếu lảo như :

*Tôi chờ cô tới qua
Suốt canh chầy chẳng thấy cô ra...
hay là :
Mình ơi có đi bờ hồ
Cùng tôi chén kem kẹo dừa...*

...hát theo điệu cổ truyền. Tuổi thơ nào và ở đâu mà chẳng thích ca hát ? Do đó một số nhà giáo bèn bắt chước người xưa (như Lê Ngô Cát, Phạm Đình Toái đã dùng thi ca để viết cuốn **Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca**) cho phổ biến một số bài hát với lời ca kể lại truyện tích trong lịch sử Việt Nam. Tôi còn nhớ một bài về dòng giống Lạc Hồng, hát theo điệu **Cổ Bản** :

*Dân số 25 triệu
Nòi giống da vàng (ứ)
Chi Hồng Bàng
Dòng họ Hùng Vương (ứ ư)*

*Phi thường
Về thời hồng hoang...*

Soạn lời ca mới để hát trên điệu cổ, kể truyện lịch sử hay truyện dã sử, cốt ý nhồi cái phi thường của dòng giống Việt Nam vào đầu lũ trẻ, lúc đó các nhà giáo còn làm một chuyện cũng khá ngộ nghĩnh là dùng một điệu hát Việt Nam đang thịnh hành là điệu **Hành Vân**, để dạy học trò với lời ca bằng tiếng Pháp :

*Mes chers enfants
Mes chers enfants
Vous êtes des jeunes gens
Travaillez
Et rappelez vous
Que le temps qui passe
Marche vite...*

Các vị đó còn dùng một điệu hát bình dân của Pháp để soạn lời ca yêu nước, đánh thức người dân đang ngủ vùi dưới chế độ thực dân với một đoản khúc hát trên điệu **Frère Jacques** của Pháp :

*Hời hoi đồng bào
Hời hoi đồng bào
Tỉnh dậy mau
Tỉnh dậy mau
Nước ta đã mất rồi
Nước ta đã mất rồi
Mau tỉnh mau
Mau tỉnh mau...*

Thật là hay ! Vì ý nghĩa của bài **Frère Jacques** của người Pháp cũng là một lời kêu gọi, thức tỉnh :

*Frère Jacques
Frère Jacques
Dormez vous
Dormez vous
Sonnez les matines
Sonnez les matines
Ding dang dong
Ding dang dong*

Nhưng nếu phải tìm hiểu xem trong thời đó có bài hát nào đã ảnh hưởng rất sâu vào tâm hồn non dại của tôi thì đó là bài thơ được ngâm lên nhan đề **Tiến Chân Anh Khoa** của thi sĩ Á Nam Trần Tuấn Khải. Đây là một bài thơ ngâm, nói tới chuyện người thanh niên Việt Nam bị cưỡng bách lên đường tòng chinh qua Pháp để che chở "mẫu quốc" chống lại "Đức tặc" trong cuộc Thế Chiến Thứ Nhất. Bài này được các bà mẹ Việt Nam thời đó rất thích, do đó chúng tôi luôn luôn được nghe mẹ mình hoặc được nghe chị mình ngâm nga :

*Anh Khoa ơi
Em tiến chân anh ra tận bến tàu...*

Bài thơ ngâm này là lời than thở của một người vợ lính nhưng thực sự nó nói tới cảnh khổ của lớp đồ nhỏ, một tầng lớp khá cao trong xã hội Việt Nam lúc đó vì được coi như lớp người đại diện cho đại đa số dân chúng là giai cấp nông dân. Họ bắt lức trước hoàn cảnh nước mất vào tay thực dân :

*Anh Khoá ơi
Em nghĩ thương anh cũng bậc anh hào
Ngang trời dọc đất anh nào có chịu thua ai ?
Chỉ tiếc thay anh sinh chẳng gặp thời
Để tang bỗng nặng gánh, anh ngậm ngùi bước ra đi...*

Hoặc là anh Khoá ra đi, nhưng anh đi đâu ? Hoặc là anh bị mất, bị tai, bị mồm trước sự bắt lức đó :

*Anh Khoá ơi
Em cảm thương anh, em lại giận cho Trời
Bức tranh vắn cẩu, tấn trò đời bày xoá như không
Anh thà như ai cầm điếu cho xong
Bưng tai nhắm mắt ôm lấy miếng đỉnh chung nó cũng hư đời...*

Và cuối cùng, vẫn mơ có ngày xoay lại địa cầu :

*Anh Khoá ơi
Thôi kể bao nhiêu lại động mỗi quan hoài
Gan vàng dạ sắt có đất trời soi xét cho nhau
Em chỉ nhờ anh xoay lại quả địa cầu
Cho non nước khỏi u sầu với lúc mưa râm...*

Người Pháp đã tìm mọi cách để cấm lưu hành bài thơ này. Có thể vì thế mà ai cũng thích bài **Anh Khoá**. Giản dị là như vậy. Tôi luôn luôn được mẹ và chị rót bài **Anh Khoá** này vào tai, tuy trong lòng thì thương xót Anh Khoá nhưng trong đầu thì lại mơ màng tới chuyện được đáp tàu đi Tây như Anh Khoá. Cuốn **ĐÔNG KINH NGHĨA THỰC** của Nguyễn Hiến Lê cũng cho biết bài hát **Anh Khoá** được viết ra trong thời gian **Nghĩa Thực** chủ trương việc soạn những bài ca ái quốc.

Ngoài những bài hát tình cảm trở thành bài hát tuyên truyền như thế, còn có những hành động cách mạng làm cho tôi bị rung động. **Đông Kinh Nghĩa Thực** là một tổ chức cách mạng công khai đã bị tan rã sau khi vụ đầu độc quan binh Pháp ở Hà Nội bị thất bại vào năm 1908. Từ đó trở đi, người ta thấy rằng muốn lật đổ Pháp thì phải dùng bạo động và phải tổ chức những "hội kín". Ngày cụ Phan Chu Trinh từ Pháp trở về nước rồi qua đời tại Saigon vào năm 1926 và lễ truy điệu nhà ái quốc này được tổ chức rất long trọng ở trên toàn quốc kéo theo những cuộc bãi khoá của sinh viên thì Pháp ra tay đàn áp. Sinh viên cao đẳng thương mại Nguyễn Thái Học đã bị đuổi ra khỏi nhà trường.

Các đảng phái cánh mạng ở ngoài nước và ở trong nước đã hoặc bắt đầu thành hình như :

- **Đảng Tân Việt Cách Mệnh** do Tôn Quang Phiệt lãnh đạo có xu hướng cách mạng vô sản, nhen nhóm ở Bắc Trung Kỳ;
- **Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội** do Nguyễn Ái Quốc thành lập ở Quảng Châu, Trung Hoa là tiền thân của **Đảng Cộng Sản** bây giờ cũng đã loáng thoáng tuyên truyền ở quốc nội;
- **Việt Nam Quốc Dân Đảng** thành lập ngày 25-12-1927 với Đảng Trưởng là Nguyễn Thái Học, Phó Đảng Trưởng là Nguyễn Khắc Nhu.

Vào lúc tôi lên 10, tức là khoảng năm 1930, tôi còn quá nhỏ bé để có thể biết đến những hoạt động cách mạng xa vời của Cường Để, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Hải Thần hay Nguyễn Ái Quốc... nhưng tôi lại được nhìn thấy tận mắt một hành động của **Việt Nam Quốc Dân Đảng** trong vụ ám sát một người tên là Giáo Du ở ngay trước cổng trường Amiral Courbet (Nguyễn Du) là nơi tôi đi học. Giáo Du đồng loã với con là Đội Dương, người dặt mặt thám Tây về bao vây làng Vồng La để định bắt các lãnh tụ **Việt Nam Quốc Dân Đảng**. Do đó, Giáo Du đã bị bắn chết ở trước cửa căn nhà đối diện với trường tiểu học của tôi và trước mắt tôi.

Đây cũng là lúc **Việt Nam Quốc Dân Đảng** cho phổ biến một bài ca Cách Mạng mà về sau này, có người nói với tôi là do chính Nguyễn Thái Học soạn ra, hát theo điệu **Bình Bán** :

*Ta là dân nước Nam
Giống Lạc Hồng nay đã lâm than
Phải làm sao giết quân tham tàn
Thì lòng ta rồi sẽ mới an.
Nghĩ câu nước mất nhà tan
Sáu mươi năm làm dân nô lệ
Cảnh tình này rất tẻ
.....
Phải làm sao giết quân tham tàn
Thì lòng ta rồi sẽ mới an...*

Tiếp tới là vụ Yên Bái với kết quả là các vị anh hùng trong **Việt Nam Quốc Dân Đảng** bị đưa lên đoạn đầu đài. Lúc đó, tôi không cần phải được ai giáo dục để cho tôi hiểu được thế nào là cách mạng nhưng tôi đã cảm thấy ngay là nếu muốn độc lập tự do (thu gọn trong hai chữ đánh Tây) thì phải làm như Nguyễn Thái Học và các đồng chí của Ông.

Tôi bị rung động vì sự hi sinh tính mạng của bản thân các vị anh hùng đó ở ngay trên đất nước chứ không phải vì những huyền thoại về những nhà cách mạng xa vời. Đối với thằng bé con như tôi lúc đó, câu nói không thành công cũng thành nhân của Nguyễn Thái Học mang nhiều ý nghĩa hơn bốn chữ "bôn ba hải ngoại" rất lảng mạn mà sau này tôi vẫn thường đọc thấy hoặc nghe thấy khi người ta nói về những người làm chính trị khác.

Tôi được mục kích hành động của người anh hùng bằng xương bằng thịt chứ không phải chỉ nhìn những giấc mơ của anh hùng trong sử liệu, trong tiểu thuyết hay trong tranh vẽ. Tôi thấy ảnh của Nguyễn Thái Học và các đồng chí mà thực dân cho đăng trên mặt báo mà tim tôi thất lại, cũng giống như mỗi khi tôi được coi những bưu ảnh có hình đầu lâu các vị anh hùng Yên Thế. Có thể hình ảnh những đầu lâu này ám ảnh tôi để rồi sẽ hiện ra trong vài bài hát của tôi sau này.

Người Pháp muốn khủng bố dân chúng nên đã cho phổ biến những hình ảnh ghê rợn đó nhưng ngược lại những hình ảnh đó chỉ làm cho người Việt Nam căm thù họ hơn lên. Dù còn bé, tôi cũng biết thù ghét người con nuôi của Cụ Đề Thám đã dặt tay sai của Pháp là Lê Hoan tới bắt Cụ cũng như tôi đã biết khinh bỉ những vị quan lại như ông tuần phủ họ Cung đã giúp kẻ thù trong việc bắt giết những anh hùng trong **Việt Nam Quốc Dân Đảng**.

(1) Có thể vì ghét Pháp hay để cho tiện nói cho nên mọi người không gọi tên Pháp của các trường học. Người ta dùng tên phổ để gọi tên trường. Trường Amiral Courbet gọi là trường Hàng Vôi, trường Jean Dupuis gọi là trường Bờ Sông, trường Henry Russier gọi là trường Hàng Than...

*Lui đôi chân, tiến đôi thân
Sàn gỗ trơn, chập chờn như biển gió ...*
MỜI SAY -- Vũ Hoàng Chương

Chương Bảy

Trong cái xã hội xinh xinh là Hà Nội vào những năm 1930 đó, ngoài biến động lớn như sự vùng lên của **Việt Nam Quốc Dân Đảng**, cũng có những biến động nhỏ có tính chất cải cách phong hoá mà tôi được chứng kiến.

Thực ra, cuộc cải cách đã bắt đầu từ khi người Pháp mới tới nước ta. Nền luân lý cổ đã khởi sự bị từ chối bởi một giai cấp trung lưu thị thành được tạo nên do sự có mặt của người Pháp. Lớp người này được tiếp xúc với văn minh Tây Phương nên có lễ thói và tâm lý khác hẳn với quần chúng nông thôn. Họ muốn biến đổi thứ văn hoá cũ có tính chất nho phong và thôn ấp mà họ cho là lạc hậu. Trước hết là trong phạm vi thẩm mỹ. Một tổ chức yêu nước như **ĐÔNG KINH NGHĨA THỰC**, tuy chống Pháp nhưng cũng vận động cắt tóc, bỏ nhuộm răng, mặc âu phục... Như đã kể ra trong Chương Một, việc bố tôi cắt búi tóc là một thảm kịch trong gia đình tôi.

Khi tôi lên 10, tôi được biết thêm một cuộc cải cách phong hoá rùng rợn khác. Đó là chuyện cạo răng đen của các chị tôi ! Trong thời đó, chỉ có hạng me Tây mới cạo răng đi. Con nhà nết nết, những khi soi gương, dù đã bắt đầu thấy răng đen là phản mỹ thuật nhưng ai cũng sợ bị liệt vào hạng gái lấy Tây nên người nào quyết định cạo răng thì người đó phải có tinh thần "kách mệnh" ghê lắm ! Với bản tính hiền lành, mẹ tôi không nguyên rửa hai cô con gái sau chuyện cạo răng này nhưng tôi thấy hai chị phải dấu mẹ để đi cạo răng. Cạo răng xong, trở về nhà, hơn một tuần lễ không dám mở miệng ra để nói chuyện với mẹ.

Rồi lúc đó lại có thêm một biến động nữa làm cho dân Hà Thành nhốn nháo cả lên. Đó là một phong trào do cô Hoàng Thị Nga khởi xướng, với một nhóm thiếu nữ mặc quần áo chần, biểu dương tinh thần bình đẳng với nam giới bằng cách phẳng phẳng đi bộ trên đường cái, từ Bạch Mai tới Vạn Thái, vượt được con đường "chông gai" dài những... 4 cây số ! Đây cũng là một chủ trương biến đổi phong hoá. Thanh niên bây giờ phải khoẻ mạnh, phải ham chuộng thể thao. Con gái cũng không thua con trai đâu nhé ! Sau khi biểu diễn một đường đi bộ như vậy ở Hà Nội, các cô làm một phát đi xa hơn, đi từ Hà Nội ra tận Đồ Sơn. Giữa đường có cô mệt quá đành phải bỏ cuộc lên xe lửa trở về. Người Hà Nội gọi phong trào này là "Tiểu Thư Đi Bộ". Ai cũng lắc đầu le lưỡi bảo nhau :

--Con gái nhà ai vô phúc hay sao mà dám mặc quần đùi đi bộ như thế kia nhỉ ?

Một ông giáo dạy tiếng La Tinh tên Pétrus Lê Công Đắc -- người mà cả Hà Nội cho là gần bát sách -- còn viết một vở hài kịch để chế nhạo các tiểu thư đi bộ này. Về sau, ngoài phong trào phụ nữ Âu Châu đòi bỏ nịt vú gây khá nhiều xúc động, không biết những phong trào các bà các cô đòi bình quyền ở những nước khác có gây nên những cơn giông tố nào không ? Chứ cái vụ tiểu thư đi bộ ở Hà Nội vào đầu thập niên 30 đã bị dư luận chê bai dữ dội lắm.

Nhưng việc chê bai những tiểu thư đi bộ này cũng không ngăn được sự tiến hoá của một số thiếu nữ Hà Nội. Với sự ủng hộ của Thống Sứ Châtel, họ thành lập một đội đánh *khúc côn cầu* (hockey) là môn thể thao quen thuộc của người Hồng Mao. Mặc cho điều dị nghị của những người khó tính mô tả họ như những mụ "thung" -- nghĩa là các bà đi gấp phên -- các thiếu nữ tân tiến này vẫn vun khúc côn lên để nêu cao tinh thần thể thao của nữ giới như thường ! Một trong các nữ cầu thủ của đội hockey này sẽ trở thành hoa khôi trong cuộc thi hoa hậu đầu tiên của Việt Nam.

Một vụ khác cũng làm cho Hà Nội sôi nổi, gây nên cuộc bút chiến lớn trên báo chí. Đó là sự xuất hiện lần đầu tiên của một nhà hàng khiêu vũ tại Khâm Thiên. Hồi đó, ở khu vực mà Văn Cao sau này gọi là **Phường Dạ Lạc** có một kỹ nữ nổi danh là đẹp và hát hay là Cô Đốc Sao. Bà chủ của nhà hát ả đào này là người đã làm cho nhiều khách làng chơi phải nghiêng ngửa và sau khi bỏ ông chồng làm Đốc Tơ thì trở thành người tình của một nhà văn kiêm chủ báo **Đông Tây** là Hoàng Tích Chu. Ông này là một thanh niên du học bên Pháp trở về và là người đầu tiên gây nên phong trào lãng mạn, trước cả những nhà văn, nhà thơ lãng mạn trong **Tự Lực Văn Đoàn**.

Nhà hàng khiêu vũ đầu tiên ở Hà Nội do Cô Đốc Sao và người em làm chủ, vũ nữ là các ả đào cũ, được mở ra để chiêu đãi các ông Tây rồi khi khách làng chơi Việt Nam nếm mùi khiêu vũ rồi thì họ mê luôn. Nhảy đầm trở thành một phong trào lớn. Có người chống đối, có người ủng hộ... sau dần rất nhiều người học nhảy đầm và nếu còn ngượng ngùng không dám tới dancing thì tổ chức nhảy đầm ở tư gia vậy. "Giáo sư" đầu tiên của nghề dạy khiêu vũ là Đỗ Đình Khang. Anh này lấy tên Jean Dod K. cho có vẻ "kềng" (américain).

Người ta cứ đổ tội cho Pháp tạo ra nhảy đầm để người Việt ăn chơi rồi quên chiến đấu. Cũng có thể là như vậy. Nhưng vì suốt đời sống bằng nghề nhạc, nhiều khi phải đánh đàn hay ca hát cho người ta khiêu vũ, tôi có một nhận xét là : nhảy đầm không phải môn giải trí tao nhã của văn minh Tây Phương (theo quan niệm của người bên họ trong những năm 30) hay là một chuyện bất lương, đồi phong bại tục (như người chống đối nó). Nó cũng chẳng phải là chuyện dâm dặt như người đạo đức ở Hà Nội lúc đó đã gán cho là dâm đứng (amour vertical).

Khiêu vũ, theo tôi, là một cách thoát dục (défoulement) rất hiệu nghiệm. Khi thấy người ta ôm nhau nhảy với nhịp điệu cổ điển như *tango*, *slow*... hay không ôm nhau nữa với nhịp tân thời như *charleston*, *be bop*... và uốn éo hay quay cuồng một cách rất tự nhiên trên sàn nhảy, tôi có cảm giác họ đang... lên đồng ! Vâng, phải là lên đồng thì mới có can đảm phô diễn cái dục tính của mình ra trước công chúng qua những cử chỉ mà dưới con mắt của người khó tính thì là đang làm những... trò khi. Không nhớ đã có ai nói với tôi rằng con người là hậu thân của loài khỉ nên vẫn còn rớt lại cái tính thích biểu lộ cái dục ra ngoài. Ai đã từng đi chơi Sở Thú nhiều thì đều thấy loài khỉ hay đứng dạng háng cho loài người coi... cái "của quý" của khỉ. Nhà nhảy đầm chính là nơi để người ta, sau khi làm việc, tới ôm nhau để cho bản năng thú tính -- dục tính -- được thoát ra với cuộc nhảy múa, nhảy theo tiếng nhạc càng

ngày càng giống như nhạc Hát Châu Văn. Nhảy đầm cũng còn là để chống cái luật "nam nữ thụ thụ bất thân", không cho trai gái gần nhau của thời đó. Chỉ có những người nào mà dục tính được thể hiện mạnh mẽ qua những nẻo đường khác thì mới không thích nhảy đầm. Như tôi chẳng hạn. Thi sĩ Vũ Hoàng Chương có bài thơ **Mời Say** mô tả sự nhảy đầm. Tôi có hai bài ca nói tới khiêu vũ là **Tình Kỷ Nữ** và **Vũ Nữ Thân Gầy** :

*Ta ghì cho tan vỡ trái tim này
Cho người vũ nữ nhú đôi lông mày
Ta cười cho xanh ngát kiếp lưu đầy
Cho người vũ nữ nhú đôi lông mày.
Chưa nói yêu nhau mà lòng đã đau...*
(Vũ Nữ Thân Gầy)

Trong xã hội Việt Nam, cũng đã có từ lâu một phương cách hiệu nghiệm để giải tỏa ản ức như nhảy đầm. Đó là sự lên đồng. Tôi không biết truyền thống đồng cô bóng cậu có mặt ở nước ta từ bao giờ nhưng vào lúc tôi còn bé, tôi thấy trong gia đình tôi có nhiều người lúc nào cũng muốn nhập vào bóng bà Mẫu Thoải, bà Chúa Thượng Ngàn, Ngũ Vị Vương Quan hay Thập Tam Hoàng Thái Tử...

Từ lúc còn bé, tôi đã được tham dự không biết bao nhiêu lần những buổi lên đồng, nghe không biết bao nhiêu lần những điệu hát châu văn vô cùng phong phú và hấp dẫn. Về sau này tôi còn được làm quen với ông vua của làng cung văn là Tư Quất, khi tôi soạn những chương trình âm nhạc dẫn giải cho một Đài Phát Thanh ở Saigon.

Người Việt Nam, từ xưa cho tới ngay bây giờ -- 1989 -- dường như không bao giờ chống đối sự lên đồng. Trước 1975, tuy ở cả hai miền Nam Bắc đều có những cuộc "cách mạng" cả nhưng tại điện Hòn Chén ở Huế vẫn còn có những cuộc lên đồng tập thể với sự tham dự của hàng trăm phụ nữ giàu cũng như nghèo. Trong cộng đồng tị nạn ở Hoa Kỳ và ở Âu Châu hiện nay, vẫn còn có những nơi để phụ nữ tới lên đồng. Trong cuốn **Đặc Khảo Về Dân Nhạc** -- nhà xuất bản **Hiện Đại**, Saigon 1972 -- tôi cho rằng... *phụ nữ Việt Nam nhờ ở sự lên đồng để giải tỏa những ản ức và để thể hiện những nguyện vọng thầm kín của mình. Người đàn bà Việt Nam suốt đời bị lép vế đã nhờ ở sự lên đồng để "hoá thân" thành thần thánh và ban ơn cho mọi người. Đó cũng là một hành động tốt để làm cho xã hội được quân bình và không sinh ra nhiều tội ác...* Không biết các bà lên đồng rồi mê cung văn có phải là một tội ác hay không nhỉ ? Một bà bạn của mẹ tôi đã bỏ chồng đi theo một anh cung văn hát hay. Họ sống cũng có vẻ hạnh phúc lắm.

Nói tới chuyện lên đồng của thời tôi còn bé thì phải nói tới Cô Bé Tý ở Hàng Bạc, một cô me Tây rất ngộ nghĩnh mà tôi có hân hạnh được tới gần. Cô Bé Tý được coi như ngang hàng với người nổi danh trong làng me Tây là cô Tư Hồng nhưng cô Bé Tý được nhiều người yêu mến vì tính đồng bóng của cô.

Trước hết, cô Bé Tý là người rộng rãi, ai xin tiền cô cũng cho. Rồi tới cái ngồng của cô là ở ngay giữa thành phố, cô cho xây một Sở Thú (Zoo) nhỏ với một dãy chuồng nhốt khỉ, gấu và những con thú (cô làm thành quái vật) như gà ba chân và lợn hai mồm. Ai đi qua nhà cô cũng phải dừng chân lại để coi Sở Thú tí hon này. Tôi và thằng Bảo là bạn ở cạnh nhà (cháu của Chu Viên, em rể của Duy Lam, Thế Uyên) được cô rất yêu. Được cô cho vào chơi. Vào trong nhà cô là như lạc vào trong

truyện vẽ bằng tranh, vào trong truyện thần tiên. Nào là những xác chim, xác hổ được nhồi bông. Nào là những con rắn sống uốn mình quanh chiếc ngai sơn son thếp vàng trên đó có cô Bé Tý ngồi bảnh choẹ và lên đồng thường xuyên giữa một đám đầy tớ toàn là những người lùn. Ai vào nhà Cô thì đều phải gọi Cô là Bà Chúa.

Đối với tôi, cô Bé Tý với thế giới gà ba chân, lợn hai mồm, những người lùn, những đồng cô bóng cậu mặc y phục lộng lẫy, múa gươm hay chèo thuyền trong khói nhang nghi ngút, với chiêng trống tưng bừng... giống như chuyện ảo tưởng có thực. Tôi luôn luôn cho rằng những người như Cô Bé Tý, người chào không biết mỗi ở phố Hàng Dầu -- và sau này nhà thơ Bùi Giáng -- là những người sung sướng nhất, vì họ được luôn luôn sống trong cảnh dị thường. Được sống đầy đủ với cô Bé Tý trong một thế giới thần tiên nên sau này tôi không còn ham mê đọc những tác phẩm giả tưởng của Andersen và cũng không còn thích coi những phim hoạt hoạ của Walt Disney nữa.

Hà Nội ngày tôi còn bé, luôn luôn có những cơn sốt dị đoan như hiện tượng bàn ma xảy ra trong một thời gian khá lâu. Nhà nào cũng có một cái bàn nhỏ ba chân rồi người ta ngồi chung quanh cái bàn đó, hai tay đặt vào thành bàn, sau khi khấn khứa với con ma bàn, người ta hỏi chuyện nó. Hỏi chồng bà này chết bao nhiêu năm rồi ? Hỏi mẹ của bà nọ ở bên kia thế giới có vui hay không ? Vui thì chân bàn gõ hai cái, buồn thì chân bàn gõ một cái... Cái bàn ma đã trả lời vanh vách với tiếng chân bàn gõ canh cách. Vừa run rợ vừa thích thú vì thấy mình như lạc vào cõi ma, nghe được thông điệp của người chết, tôi lại càng sợ hơn khi thấy có người đào mả lấy gỗ quan tài để làm thành cái bàn ma.

*Hội ca cảm chúc cậu mợ được giàu sang
Giàu sang phú quý, trên ô tô dưới thời ca nô
Nằm giường lèo đấp chăn nệm gấm
Đi giày Gia Định, ngồi ghế phụng loan
Cậu bịt răng vàng, trên đầu mợ xịt dầu thơm dầu thơm*
Điệu Hành Vân

Chương Tám

Bên cạnh những truyền thống lâu đời -- có cái bị tiêu vong, có cái còn tồn tại -- và trong tất cả những cái mới vừa tới với thời đại... cái hay nhất đối với tôi là sự chuyển mình của âm nhạc Việt Nam từ Cổ Nhạc qua Tân Nhạc.

Vào những năm đầu của thập niên 30, tôi mới là cậu bé đang bước vào tuổi lên mười. Không như những thiếu nhi, thiếu niên trong các thập niên sau này, sẽ có hàng chục hay hàng trăm bài hát cho tuổi của các em, lúc đó, tôi không có tới dăm ba bài ca để hát một mình, hát chung với bạn bè hay là hát biểu diễn cho ai nghe cả.

Âm nhạc cổ truyền như **Hát Trống Quân, Hát Cò Lả, Hát Quan Họ**... hoàn toàn vắng mặt tại các thành phố. Ngay cả trong các vùng thôn quê là nơi xuất xứ của các loại dân ca đó, người dân Việt Nam sống dưới chế độ thực dân Pháp cũng không còn hết lòng ca hát trong các vụ hát hội, hát đám nữa. Những điệu dân ca mà tôi được nghe họa hoàn trong những ngày lễ, như lễ 14 Juillet do người Pháp tổ chức tại chính quốc và tại các thuộc địa để ăn mừng ngày phá ngục Bastille chẳng hạn... là loại hát xẩm, hát trên vỉa hè hay trên bãi đất trống trước cửa nhà tôi.



(Ảnh bên : Nguyễn Đình Nghi)

Nếu tôi có được nuôi dưỡng thêm bằng âm nhạc vào lúc đó thì cũng chỉ là đi coi **Hát Chèo Văn Minh** của cụ tại rạp Sán Nhiên Đài hay coi **Tuồng Cải Lương** của Trần Phênh (hơi khác với **Cải Lương Nam Kỳ**) tại rạp Quảng Lạc. Hoặc là nghe những bài **Ca Huế** của bà Ấm Chung là người mẹ tôi nuôi ở trong nhà để dạy cho hai chị tôi đánh đàn tranh.

Cũng còn là những bản **Hát Bộ Miền Trung** của một ông lái buôn nước mắm, mỗi khi từ Nghệ An chở nước mắm ra bán tại ngoài Bắc thì đến ngủ ở nhà tôi và được mẹ tôi coi như em nuôi, tôi phải gọi là Cậu. Cậu Xuân hay đùa nghịch này là người dạy cho tôi cái tính hài hước. Hơn thế nữa, đây là lúc tôi hay bịa ra những chuyện hát tuồng, vẽ mặt bôi râu, căng một cái màn đỏ ở trên giường rồi đứng làm trò cho cả gia đình coi.

Ngoài loại nhạc Việt Nam cổ truyền ra, tôi cũng được nghe nhạc Pháp với loại ca khúc thịnh hành (chanson à la mode), nghe thì thích đấy, nhưng chưa lấy gì làm say mê cho lắm. Cậu bé lên mười ở trong một thành phố Việt Nam, vào những năm 1931, 1932... nếu muốn có cái gì mới để hát thì không có thể làm khác hơn là bắt chước người lớn hát những bài như :

*Tôi chờ cô tới qua
Suốt canh chầy chẳng thấy cô ra.
Chờ bấy lâu mới biết cô là
Cô là người tôi hằng mơ mến yêu...*

Đó là một điệu hát cổ mà ai cũng biết : điệu **Bình Bán**, bây giờ được dùng để làm bài hát ve gái.

Trong những năm đầu của thập niên 30, vì chưa có ai dám nghĩ đến chuyện sáng tác ca khúc mới với cả nhạc điệu với lời ca cho nên người ta chỉ dám dùng các điệu đã quen biết để làm lời ca mới phù hợp với nhu cầu của mình. Một số điệu Tàu đã từng được thu dụng trên sân khấu Việt Nam cũng được người ta soạn lời ca mới để hát chơi. Hát tán gái bằng điệu **Mãi Tạp Hoá** :

*Mình ơi có đi bờ hồ
Cùng ta chén kem kẹo dừa
Cứ đi, cứ đi mình nhé
Trong túi có vài Rồng Xanh
(Rồng Xanh là giấy bạc 5 đồng có hình con rồng)*

*Mình ơi ! Tôi xin một điều
Cùng nhau thề thốt cũng liều*

*Xin mình chớ nên từ chối
Đôi chúng mình có thiếu cái chi...*

Hồi đó, kéo nhau đi ăn kem ở bờ hồ Hoàn Kiếm là một cái thú cho mọi lứa tuổi, Trẻ con chỉ được ăn kem thường, nhưng người lớn thường ra đây để được ăn "kem sò", nghĩa là vừa ăn kem vừa sò mó các cô bưng kem vừa trẻ, vừa đẹp.

Các điệu Tàu được dùng để làm những bài hát mới và cũng để chế điệu Hoa Kiều luôn. Đó là mấy câu hát theo điệu **Bài Tạ** :

*Bên Tàu ngộ ở bên Tàu
Bên Tàu ngộ mới qua đây
Qua Nam Việt bán buôn làm giàu
Mới đến ngộ có cái đòn gánh
Mới đến ngộ bán chè khô
Chè lố ngộ bán mì khô
Bán không được kéo nhau về Tàu...*

Tuy nhiên, điệu nhạc Tàu hay điệu nhạc Việt Nam cổ truyền, vốn nằm trong nét nhạc ngũ cung (pentatonic) quá quen thuộc, dẫu có hát lên với lời ca mới, vẫn chưa thoả mãn được nhu cầu cần thay đổi một không khí âm nhạc của tuổi trẻ hồi đầu thập niên 30. Cái mới lúc đó, đối với chúng tôi là những bài hát Tây Phương, được phổ biến tại Việt Nam dưới hình thức đĩa hát loại 78 tours, hoặc được phổ diễn trên màn ảnh chiếu phim nói (cinéma parlant).

Tóm tắt lại, trong thời gian sống dưới chế độ thực dân Pháp, lũ thiếu nhi hay thiếu niên chúng tôi, cũng như một số những người lớn, đã chỉ làm một công việc rất dễ dãi là : hoặc dùng nhạc điệu cổ Việt Nam để soạn lời ca mới, có khi là lời ca tiếng Pháp, với mục đích kêu gọi tinh thần yêu nước; hoặc dùng những nhạc điệu Tàu để soạn những bài hát chơi. Sự chấp vá này chỉ nói lên nhu cầu có cái mới trong ca hát và chỉ được coi như đang trong giai đoạn sửa soạn để có một loại ca nhạc nào đó, khác với nhạc cổ truyền, nhạc dân ca đã có từ lâu và đang suy tàn.

Người đầu tiên biết sử dụng điệu hát Tây và phổ biến trong công chúng Việt Nam là nghệ sĩ Huỳnh Thủ Trung tức Tư Chơi. Ông là người sáng tạo ra hình thức **tiểu ca kịch** (opérette) theo kiểu Âu Tây mà ông đặt tên là "hoạt kê hài hước" (opérette comique) trên sân khấu các đoàn hát Cải Lương TRẦN ĐẤT và PHƯỚC CƯỜNG vào khoảng 1933-1934.

Sân khấu Cải Lương lúc đó đã có hai loại tuồng gọi là Tuồng Tàu với tích truyện cổ, diễn viên mặc quần áo giống như các nhân vật của sân khấu Trung Quốc và Tuồng Tây với tích truyện tân thời diễn viên mặc quốc phục và âu phục. Tuồng Cải Lương có phần âm nhạc thoát thai từ loại **Nhạc Tài Tử** đặc biệt của miền Nam với giàn nhạc đệm là các thứ nhạc cụ dân tộc, có thêm một giàn nhạc Tây Phương ở dưới đất, giữa quan khách và sân khấu, diễn tấu những bài bản Tây Phương trước giờ mở màn hay vào giờ nghỉ (entracte).

Ngay từ khi xảy ra Thế Chiến I, một bài hát rất phổ thông trong binh lính Pháp là bài **Madelon** cũng đã được giới Cải Lương Nam Kỳ thu dụng để toàn ban ra hát chào khán giả, lẽ dĩ nhiên là hát với tiếng Việt : *Xin chào đồng bào và xin chúc quý quan an vui...*

Trên sân khấu các đoàn TRẦN ĐẤT và PHƯỚC CƯỜNG, ngoài việc soạn ra những

tích tuyền mới phản ảnh xã hội Việt Nam vào lúc đó, phần nhiều là hài kịch nghệ sĩ Tư Chơi còn muốn cải cách cả phần âm nhạc. Ông không muốn dùng các bài bản có tính chất cổ truyền trong opérette của ông nữa. Nhạc Tây Phương qua những bài hát theo thời (chansons à la mode) đã bắt đầu thịnh hành trong xã hội đô thị Việt Nam. Những bài hát Pháp như **J'ai Deux Amours, Ma Tonkiki Ma Tonkinoise** đã được nhiều người biết đến. Bài **J'ai Deux Amours** do nữ ca sĩ Mỹ đen Joséphine Baker hát :

*J'ai deux amours
Mon pays et Paris
Par eux toujours
Mon coeur est ravi...*



Nghệ sĩ Năm Châu

Bài này làm cho những thanh niên thèm đã từng đi Tây như tôi, lại càng thèm biết thủ đô Paris hơn nữa. Nhưng nó được nghệ sĩ Tư Chơi đưa ngay lên sân khấu với lời ca của nghệ sĩ Nguyễn Thành Châu tức Năm Châu, nội dung xã hội :

*Buồn thay nghề hát
Trong xứ ta nhiều gương xấu
Tìm bạn đồng tâm
Đâu thấy ai ? Nào đâu ?*

Lập tức báo PHONG HOÁ có câu hát giễu cợt theo điệu *J'ai Deux Amours* đó :

*Giò này giò nóng
Ai muốn mua thì xin cứ
Bỏ một hào ra
Ai muốn mua, thì mua...*

Một xu hướng đi tìm không khí mới cho âm nhạc Việt Nam đã thực sự ra đời khi nghệ sĩ Tư Chơi khẳng định đường lối soạn nhạc của ông. Ông soạn một số bài hát mà ông gọi đích danh là bài ta theo điệu Tây. Hoặc ông dùng nguyên vẹn những điệu Tây, chẳng hạn điệu **Hoài Tinh** của ông, rất phổ biến trong giới Cải Lương, có thể khởi sự từ bài **Tabou**, bài này, theo tôi, cũng còn là bài để ra nhiều bản đầu tay của một số mầm non nhạc sĩ vào hồi Tân Nhạc mới được thành lập.

Cùng một lúc với việc anh Tư Chơi tung ra trên sân khấu loại hát anh gọi là bài ta theo điệu Tây, thì trong giới yêu nhạc, với đa số là nam nữ trong tuổi thanh xuân, cũng có phong trào chuyển ngữ các bài hát Tây do các ca sĩ thời thượng như Tino Rossi, Rina Ketty, Albert Préjean, Georges Milton... hát vào đĩa hát 78 tours.

Các nghệ sĩ sân khấu Việt Nam trẻ, đẹp, hát hay như Ái Liên, Kim Thoa, lại được hãng BéKa, một chi nhánh của hãng Pathé bên Pháp mượn để thu thanh các bài ta theo điệu Tây vào đĩa hát. Suốt mấy năm liền, từ 1935 cho tới 1938, rất nhiều các bài hát của Pháp như **Marinella, C'est À Capri, Tant Qu'il Y Aura Des Étoiles, Un Jour Loin De Toi, Celle Que J'aime Éperdument, Les Gars De La Marine, L'oncle De Pékin, Guitare D'amour, Créola, Signorina, Colombella...** và của Mỹ như **Good Bye Hawaii, South Of The Border...** đã được phổ biến mạnh mẽ với lời ca tiếng Việt, soạn bởi một nhà báo trẻ tên là Mai Lâm.

Trong mấy chục bài ta theo điệu Tây của hồi giữa thập niên 30, tôi chỉ còn nhớ lổm bổm vài bài, chẳng hạn bài hát theo điệu **C'est À Capri** :

*C'est à Capri que je l'ai rencontrée
Je fus charmé encore plus que surpris.
De mille fleurs elle était entourée
Au milieu d'un jardin de Capri
Tout comme dans un poème
Me voyant elle me sourit
Je lui ai dit : je vous aime.
C'était au pays de Capri.*

.....
*Ngày đưa xe hoa năm đã qua bao tình sâu xa
Còn như in sâu trong trí tôi bao ngày vui qua.
Người mà tôi yêu, tôi đắm say, tôi hằng mơ
Đến với tôi, trong ngày vui, trong hội hoa.
Ngày nay anh tới đây, đợi chờ nắng
Mà sao em nở sao, em biệt bóng ?
Lòng anh ôi chứa chan mối tình ái
Lời thề nguyên non nước em đành sai...*

Vào đầu thập niên 30, mỗi lần các gánh hát Cải Lương ở trong Nam ra Bắc trình diễn thì các minh tinh như các đào Năm Phỉ, Phùng Há, Kim Thoa các kép Năm Châu, Bảy Nhiêu, Tư Chơi ngụ tại Hotel Đồng Lợi (?) ở đường Bờ Hồ, ngay gần nhà tôi. Tôi tò mò tới đứng ngoài cửa khách sạn, ngó qua cửa kính nhòm vào phòng ăn, thấy sao họ có thể đẹp để sang trọng như người ngoại quốc thế kia ? Tôi không thể ngờ rằng có ngày tôi đứng chung trên một sân khấu với Tư Chơi hay Năm Châu tại Saigon trong thời gian trước và sau cuộc Cách Mạng-Kháng Chiến.

Làm sao mà chúng tôi không thích những bài ta theo điệu Tây cho được ? Trước hết, những bài mà tôi vừa dẫn kể ở trên, không những rất hay về ý nghĩa (lúc đó chúng tôi cũng đã giỏi tiếng Pháp lắm rồi) lại còn được những giọng hát ngọt lịm của Tino Rossi, lanh lảnh của Rina Ketty, hài hước của Georges Milton hay bình dị của Albert Préjean... làm tăng giá trị. Rồi bây giờ lại còn được Mai Lâm soạn những lời ca rất phù hợp với tuổi mơ mộng của chúng tôi. Đã có những hội "Ái Tino" được thành lập. Một thanh niên có giọng hát tốt, sau này là một nhạc sĩ được nhiều người biết tới, nhạc sĩ Canh Thân, bắt đầu cuộc đời ca hát của anh bằng cái tên Tino Thân.

Hồi đó, tuổi trẻ Việt Nam có những ngày rất vui khi có tổ chức chợ phiên (kermesse) và những cuộc diễn hành xe hoa (corseau fleuri). Những đôi lứa yêu nhau là nhờ ở những ngày đưa xe hoa với bao tình sâu xa... như lời ca của bài **C'est À Capri** kể trên. Trai gái gặp nhau ở chợ phiên hay tại cuộc thi xe hoa là ném confetti vào mặt nhau. Có anh đùa nhả, ném cả bụi đường vào mặt người đẹp rồi được nghe chửi thậm tệ. Trong chợ phiên, tôi được coi cuộc thi đánh yoyo, một trò chơi hiện nay vẫn còn thịnh hành ở Hoa Kỳ. Tôi còn nhớ tên tay vô địch yoyo ở Hà Nội lúc đó là Kính tức Kính "quê".

Cuộc thi hoa hậu đầu tiên ở Việt Nam đã diễn ra trong lần tổ chức kermesse ở Âu Trí Viên và người được giải là một thiếu nữ nổi tiếng của Hà Thành, với bộ y phục người Thái làm tăng thêm vẻ đẹp của thân hình kiều diễm. Đó là nữ cầu thủ trong đội hockey mà tôi đã nói ở Chương Bảy và là bà thân sinh của ca sĩ Khánh Ly sau này.

Hoa hậu đầu tiên của Việt Nam tên là Tân, người mà chúng tôi thêm rõ dãi khi đi bơi và nhìn thấy thân hình của hoa hậu trong bộ đồ tắm không hở hang như bây giờ ở hồ Quảng Bá lúc đó là nơi gặp gỡ của những thanh niên nam nữ Hà Nội, mệnh danh là những "tài hoa son trẻ" của thời đại.

Nói tiếp về những bài ta theo điệu Tây trong những năm 30, tôi thấy đủ mọi loại ca khúc thịnh hành của Pháp được hát lên với lời Việt :

CRÉOLA

*Phút mơ màng ! Gần bên em khác chi Thiên Đường
Và Trời sao chứa muôn kho tàng
Đôi mắt em bừng sáng chào Xuân sang.*

UN JOUR LOIN DE TOI

*Un jour loin de toi est un jour sans bonheur
dịch là :
Một ngày xa mặt em là một ngày anh buồn tênh.
hay là :
Xa em trong một khắc, tầy ba thu đau xa cách.*

Ngoài những bài mơ mộng một cách rất ngây thơ như vậy, cũng có những bài vui và hơi tục tĩu :

CELLE QUE J'AIME ÉPERDUMENT

*Trông thấy có, có cô con gái
Đi qua phố vén chân lên đất...*

Tục tĩu hạng nhất là một bài ta theo điệu tây hát với nhạc điệu của Les Trois Petits Cochons, bài hát nòng cốt trong một cuốn phim hoạt họa đầu tiên của Walt Disney :

LES TROIS PETIT COCHONS

*Il y avait trois petits cochons
A la queue en tire bouchon
Qui lorsqu'on parlait du méchant loup
Ne s'affolaient pas du tout...*

Lời Việt rất tục :

*Có ba nàng tè bằng cái nong
Cái lông tè ngoằn ngoèo uốn cong
Ai nói đến cái sợi lông tè
Thì ba nàng vùng vằng khiếp kinh...*

Thành công nhất tại Bắc Hà trong việc phổ biến những bài ta theo điệu tây là cô Ái Liên, người có giọng hát *trong như tiếng hạc bay qua*. Đĩa hát BéKa thu giọng cô hát với phần nhạc đệm của Charles Thu (tức nhạc sĩ Võ Đức Thu). Cùng với chồng là Hà Quang Định, cô thành lập một đoàn Cải Lương ở Hải Phòng. Có Canh Thân tức Tino Thân, cậu của Ái Liên hát Tân Nhạc. Cùng với tôi, Tino Thân là người đầu tiên hát nhạc cải cách trên sân khấu.

Trong làng nghệ sĩ Cải Lương Bắc Hà, các cô Ái Liên và Kim Chung là những người có gia đình êm ấm. Ngược lại, người chị của Ái Liên là Lan Phương -- cũng là nghệ sĩ sân khấu -- gặp nhiều điều không may trong đời tình ái. Lan Phương lấy phải một

anh chồng thuộc hạng du đãng tên Móng (anh này cũng có thời sống chung với một nghệ sĩ khác là Bích Hợp) và thường bị anh ta đánh đập một cách dã man.

Tôi là người đem tới cho nàng một chút an ủi khi tôi bước vào thế giới Cải Lương và sau khi nàng không còn ở chung với người bạn trai thứ hai tên Lý. Lan Phương có đôi mắt xanh thắm lúc nào cũng như long lanh giọt lệ, ngay cả lúc đang nở một nụ cười như hoa giữa đôi má lúm đồng tiền. Trong số các bà mà tôi hân hạnh gặp, nàng là người độc nhất muốn tìm vui trong men rượu, có lẽ để quên đi những sầu muộn chẳng ? Về sau Lan Phương tìm được hạnh phúc bên cạnh một phóng viên nhiếp ảnh.

*Đêm đêm người mở lòng ra
Ru ta trong cõi mơ hồ...*
Mộng Du

Chương Chín

Tôi bắt đầu biết yêu từ năm 12 tuổi khi chơi với hai đứa trẻ Pháp lai mồ côi là Pierre và Emilienne Ducret, nhà ở phố Bờ Hồ, ngay trước mặt phố Hàng Dầu. Một ngày nào đó, không hề đòi hỏi, tự nhiên tôi được con nhỏ Emilienne ôm tôi thật chặt, không hôn vào má nữa mà hôn hằm vào môi và đó là "nụ hôn đầu" thực sự trong đời tôi.

Lúc đó tôi cũng đã được những thằng bạn ở trong khu phố gán tôi vào với con Nguyệt và con Riệu nhưng hai con nhỏ này đã nhát như cáy lại còn hay làm bộ, có bao giờ tôi nắm được tay chúng đâu, nói gì đến chuyện ôm hôn. Còn Emilienne có máu Pháp nên bạo dạn hơn nhiều. Nó cũng xinh đẹp và nở nang hơn con Nguyệt và con Riệu. Nó còn có một mùi da thịt mà có thể hai con nhỏ kia không có. Điều này còn được xác định rõ ràng hơn khi tôi đã trưởng thành và được gần nhiều người tình, tôi thấy rằng bao giờ người đàn bà Âu Mỹ cũng có mùi hơn người đàn bà Á Đông. Hình như những giống dân ăn thịt thường có mùi hăng nồng hơn những giống dân ăn rau. Vì yêu cô bé có cái tên "em mi liên" này, đồng thời tôi đang rất mê trò xiếc, với cái thói thích có nhiều tên, tôi bèn tự gọi mình là Emecirque nghĩa là "em mê xiếc".

Tôi mê xiếc nên có lần bỏ nhà đi theo anh làm trò quỷ thuật. Bây giờ mê "em mi liên" rồi thì sau khi quen nhau ít lâu, gia đình Ducret dọn nhà lên tận Ngũ Xã, tôi cũng chịu khó cuốc bộ đi tìm Emilienne. Tới khi bà mẹ không đủ tiền để nuôi con và gửi Emilienne vào Viện Mồ Côi ở đường Chanceaulme (Chợ Hầm) tôi cũng mò tới đó để chỉ đứng thờ thần ở ngoài cổng sắt ngó vào trong sân, thấy lao xao một bầy con gái lai Pháp, rồi lủi thủi đi về... Cho tới khi tôi 14 tuổi và gia đình tôi dọn tới phố Blocklauss Nord ở tận phía Bắc của thành phố Hà Nội thì tôi không còn cách nào để đi xuống Viện Mồ Côi đó được nữa, từ đó, tôi tạm quên Emilienne Ducret.

Tôi đi khá nhanh vào cõi tình như vậy có lẽ là nhờ ở những tiểu thuyết rất lãng mạn của thời đó như **Tuyết Hồng Lệ Sử**, (Từ Trầm Á, truyện tàu dịch) **Tổ Tâm** (Hoàng Ngọc Phách). Lúc đó, tôi cũng đã đọc những truyện kiếm hiệp Tàu hay những truyện trong loại sách hồng -- livres roses -- của Pháp hoặc đã được nghe mẹ hát ngâm **truyện Kiều, truyện Tàn Cung Oán**... nhưng những loại sách, loại truyện đó không làm tôi rung động nhiều.

Riêng với truyện Kiều thì chỉ vào lúc tôi 14 tuổi, anh Khiêm đã trở về nước và dạy học ở Lycée Albert Sarraut, có lần không nhớ tôi đã phạm phải một lỗi làm gì mà bị ông thạc sĩ đang cộng tác với các ông Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim viết cuốn Văn Phạm Việt Nam phạt tôi bằng cách bắt ngồi đếm xem ở trong truyện Kiều, cụ Nguyễn Du đã dùng bao nhiêu chữ "thì" và bao nhiêu chữ "mà"? Tôi phải cảm ơn cái lỗi trừng phạt này nhờ đó tôi thuộc Kiều hơn các trẻ khác. Và tôi thấm ngay được nỗi buồn lằng lằng của Nàng Kiều và của Nguyễn Du:

*Buồn trông cửa bể chiều hôm
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa.
Buồn trông ngọn nước mới sa
Hoa trôi man mác biết là về đâu?
Buồn trông ngọn cỏ rầu rầu
Chân mây mặt nước một màu xanh xanh...*

Truyện tình Kim Trọng, Thúy Kiều của hai thế kỷ trước nhẹ nhàng như một áng mây. Còn truyện tình **Tuyết Hồng Lệ Sử** của Tàu và truyện **Tổ Tâm, Mồ Cô Phượng** của xã hội Việt Nam thời bấy giờ lâm ly hơn nhiều. Ngoài ra, trong lĩnh vực văn học, đây là những tiểu thuyết dài được viết ra với một nghệ thuật mới mẻ và hấp dẫn hơn những đoản thiên tiểu thuyết trước đây của nhà văn Nguyễn Bá Học hay của Phạm Duy Tốn, bố tôi.

Tuy những truyện tình này cũng na ná như những truyện Pháp mà chúng tôi đã đọc qua như **Paul et Virginie, La Dame Au Camélias** nhưng truyện Việt Nam làm tôi rung động vì trong **Tổ Tâm** hay **Mồ Cô Phượng** có những câu thơ xót thương người con gái lụy tình mệnh bạc, được viết ra bằng tiếng Việt:

*Cô ơi cô đẹp nhất đời
Mà cô mệnh bạc, thợ Trời cũng thua...*

Hơn nữa, qua một câu truyện tình lãng mạn, Hoàng Ngọc Phách đưa ra một mối sầu xen lẫn mối hờn vong quốc của thời đại. Những người trí thức thời đó, lớp thì chống Pháp rồi bị giết hoặc bị tù đầy, lớp thì hợp tác với Pháp vì danh vì lợi, lớp thì tranh đấu ôn hoà bằng những hoạt động văn hoá, sự kiện này cho ta thấy có nhiều dị biệt trong tâm hồn kẻ sĩ thời bấy giờ.

Một cuốn tiểu thuyết bi tình như **Tổ Tâm** trong đó có yêu đương tràn trề, có thất vọng não nề và có chết chóc thảm thương như vậy có thể được coi như một liều thuốc ngọt hay một liều thuốc đắng cho những ai đang thấy trong lòng có sự thổn thức, khóc than cho nước non và cho ngay cả chính mình nữa. Mối tình của Đạm Thủy và Tổ Tâm trong cuốn tiểu thuyết này làm cho người đọc bị mê hoặc đến độ có những thanh niên bắt chước người trong truyện, ra vườn Bách Thú đào đất để chôn những bông hoa tàn rồi còn làm những bài thơ và những câu đối để khóc hoa. Hai bài ca cải cách đầu tiên ra đời mấy năm sau đó -- năm 1938 -- cũng vẫn còn nói tới kiếp hoa sớm nở tối tàn. Đó là hai bài **Bông Cúc Nở** và **Một Kiếp Hoa** của Nguyễn Văn

Tuyên và Nguyễn Văn Cồn.

Tuy hầy còn bé, tôi cũng bắt chước người lớn thổn thức khóc than cho mối tình Đạm Thủy Tổ Tâm và chít khăn tang cho những bông hoa tàn úa như có lần tôi cũng ra đào đất chôn hoa ở bờ Hồ Hoàn Kiếm. Đúng vào lúc tôi đang sửa soạn bước vào đời, tâm hồn của tôi bị ngay cái bệnh thời đại ảnh hưởng nặng nề.

Để chống lại tác hại của sự lãng mạn đó, cuốn tiểu thuyết **Quả Dưa Đỏ** của Nguyễn Trọng Thuật ra đời ngay sau khi có **Tổ Tâm**. Nó cũng mang tinh thần phiêu lưu như các truyện **Gulliver** hay **Robinson Crusoe** mà chúng tôi đã biết, nhưng câu truyện An Tiêm bị đẩy ra đảo khơi có vẻ muốn gói ghém tinh thần quốc gia qua những câu thơ có ngụ ý về thời thế. Câu truyện cũng như bài thơ đã ám ảnh chúng tôi:

*Nhớ con chim quốc đêm hè
Non sông hiu quạnh ai nghe mà gào?*

Có ai ngờ được rằng hơn một nửa thế kỷ sau, tôi cũng phải sống một đời lưu đầy gần giống như đời của chàng An Tiêm trong cuốn **Quả Dưa Đỏ** để cũng nhắc tới con chim quốc qua một Tổ Khúc nhan đề **Bầy Chim Bỏ Xứ**.

Biết yêu từ khi 12 tuổi. Đọc truyện tình, nghe truyện tình từ khi mới thông chữ quốc ngữ. Nhưng dục tính trong tôi thì được khêu gọi sớm hơn nhiều, ngay từ khi tôi mới lên 7 lên 8, đêm nằm ngủ với một bà bạn của mẹ, dám đưa tay sờ lên bụng bà ta rồi nhận được cái tát tai nổ đom đóm mắt. Lớn hơn chút nữa là túm năm tùm ba với mấy thằng quỷ sứ, rủ nhau đi nhìn trộm đàn bà hở hang trong phòng tắm. Do đó, 50 năm sau, tôi có một bài tục ca nhan đề **Nhìn L...**

Khi tôi lên 9 hay lên 10 thì có một thiếu nữ hàng xóm kéo tôi vào nhà, đẩy tôi lên giường và cho tôi ngửi mùi vị thơm nồng của đàn bà vào cái tuổi tôi chưa biết khoái lạc là gì cả. Không biết phải làm gì, hoàn toàn bị người nữ điều khiển nhưng tôi sớm thấy được sự bốc cháy của một người có cái vỏ rất e lệ và lạnh lùng trong đời sống hàng ngày. Tuy còn bé, tôi thấy được sự mù loà của con người khi dục tính nổi dậy. Người thiếu nữ hơn tuổi đó đã không còn nhìn thấy gì nữa khi nắm đầu thằng bé và đưa nó vào những cơn khoái lạc của riêng mình. Thấy được sự gia tăng của lạc thú trong những cuộc tình cấm đoán và vụng trộm.

Được một người đàn bà cho biết mùi vị của tình yêu rất sớm, dù lúc đó tôi chưa biết khoái cảm của đàn ông ra sao, nhưng tới khi tôi 16 tuổi và được một thằng bạn học cùng trường Thăng Long (tên là Biểu) dắt đi nếm mùi đàn bà thực sự thì... tôi thất vọng!

Trước hết, cái ngõ Hàng Mành (ở chợ Hàng Da đi vào) lầy lội quá! Phải vén một cái màn màn lớn để bước vào căn nhà chật hẹp và hôi hám này. Ngoài đường nhìn vào thì không thấy gì, nhưng ở trong nhà nhìn qua màn màn là thấy người ta đi qua đi lại ngoài ngõ. Mụ Tú Bà vợ Tây bị chồng sa thải -- hay chồng đã về nước -- có cái nhìn soi mói làm cho mấy anh học trò vốn đã xấu hổ vì chuyện đi chơi, bây giờ còn tái mặt thêm. Giá "một chuyến đi" là một đồng bạc Đông Dương, so với châu hát cô đầu ở Ngã Tư Sở là ba đồng thì hơi đắt đó! Biết là đắt mà không dám mặc cả. Mặc cả thì bớt được năm hào. Xong giá cả rồi, lại vén thêm một cái màn màn nhỏ nữa để đi vào động hoa... vàng. Người gái giang hồ nằm im như tượng gỗ, chàng kị mã thấp thỏm trước cuộc viễn du không bờ bến, không khí căng thẳng như chiếc lò so... rồi than ôi, vừa nhẩy lên yên thì ngã ngựa ngay!

Sinh ra và lớn lên trong một nước bị trị và trong một xã hội hầy còn khép kín, nhất là còn nghiêm khắc trước vấn đề tình yêu và về tính dục, tôi được biết những bài học về tình ngay từ khi hầy còn thơ. Rồi tiếp tục đi trên con đường tình của mình, có khi bình yên, có khi bão tố, tôi thấy rằng ai cũng có thể mê muội vì tình. Trước khi gặp người tình, đời chúng ta bình yên lắm. Sau khi gặp tình, tất cả có thể thay đổi. Tình làm ta quay cuồng như con diều trong cơn bão tố. Ta vui mừng hay buồn tủi, hy vọng hay tuyệt vọng, nhìn đời đẹp hay xấu tất cả tùy thuộc người tình.

Biết như vậy nhưng tôi sớm thấy một điều là đàn ông rất cần đàn bà. Hình như lúc nào đàn ông cũng nhớ cái xương sườn của mình nên suốt đời chạy đi tìm nó. Ngoài tình mẹ thiêng liêng, tôi mà không có người nữ quanh năm thì tôi sống không nổi. Tình bao giờ và ở đâu cũng thật là oái oăm. Tại xã hội Tây Phương, người ta cứ việc tự do luyện ái đến cùng cực nhưng ai lâm vào cảnh đa thê là gặp chuyện rắc rối ngay. Tại Hà Nội vào những năm tôi còn bé, người ta che dấu những chuyện tình bẽ bối nhưng ai cũng có thể có năm thê bảy thiếp. Bạn của bố tôi, các ông Nguyễn Văn Vĩnh, Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim đều có hai bà để đi vào cuộc tình. Bố tôi mà sống lâu thì chắc cũng "phải" có hai vợ.

Người ta thường cho rằng *tình là dây oan, cái tình là cái tội*. Riêng tôi trộm nghĩ: Tình là của trời ban cho, tội là do con người buộc vào nhau. Tâm hồn tôi vốn đã rất nhạy cảm từ khi tôi còn bé. Tôi có thể khóc được khi một người hát xẩm tới trước cửa nhà hát cho tôi nghe câu truyện người ăn mày mù loà bị mất chiếc gậy hay khi tôi đọc một cuốn tiểu thuyết ái tình lâm ly. Tôi sôi nổi và muốn vùng lên khi nghe một câu chuyện phiêu lưu mạo hiểm hay trước một tiếng gọi ái quốc nào đó. Sau này, khi đã trưởng thành thì cảm xúc của tôi lại càng bén nhạy đến nỗi, tới phòng triển lãm coi một bức tranh đẹp, đôi khi tóc gáy của tôi có thể dựng đứng lên. Bức tranh mà còn làm tôi xúc động như thế thì huống chi là những giai nhân đa tình đa cảm. Tôi đã dễ dàng cùng họ bay lên đỉnh cao hay rơi xuống vực sâu của cuộc tình và cuộc đời. Tôi chấp nhận hết. Tôi không bao giờ tự than thân trách phận hay giải thích phân trần với bất cứ ai về những chuyện rất con người này cùng với tất cả những hệ lụy của nó.

Hơn nữa, tôi còn muốn tri ân tất cả những người tình của tôi vì họ đã làm nhựa sống trong tôi nhảy vọt lên, tuy chỉ trong khoảnh khắc nhưng cũng có đủ khoái cảm để tôi sáng tác những bài tình ca dâng hiến cho đời. Với ước mong rằng, có những bản tình ca này để nghe hay để hát, nhiều người cảm thấy đời mình vui hơn, cuộc tình của mình đẹp hơn.

*Tôi đi từ Ái Nam Quan
Sau vài ngàn năm lẻ e...*
CON ĐƯỜNG CÁI QUAN

Chương Mười

Kể từ khi người anh cả của tôi là Phạm Duy Khiêm -- người Việt Nam đầu tiên đậu thạc sĩ -- trở về nước để trở thành một giáo sư dạy tiếng Pháp cho học trò Pháp ở Lycée Albert Sarraut thì mẹ tôi, chị Chinh, anh Nhượng và tôi đã có một mức sống cao hơn trước. Chị lớn của tôi đã lấy chồng và ra ở riêng. Ngày cưới chị, tôi hãnh diện vì đám cưới của chị mình tối tân hơn những đám cưới khác. Đón dâu trong đám cưới thời đó thường là bằng những chiếc xe kéo. Sang trọng hơn nữa thì rước dâu bằng năm bảy chiếc xe song mã. Tham Tá Đình Mạnh Triết tới đón chị tôi về làm vợ bằng 12 chiếc xe ô tô, có cả xe Hoa Kỳ mui trần ! Oai không ?

Tục lệ trong đám cưới vẫn còn được giữ, cô dâu phải cầm quạt che mặt bước qua cái hoả lò than nóng rực để lửa đốt hết tà ma đã đi theo cô từ dọc đường và chú rể phải lễ mẹ vợ đằng hoàng. Không giống như đám cưới của nhà báo Như Phong, vì không chịu lạy bố mẹ vợ nên phải hủy bỏ đám cưới, nhà trai bế bằng kéo nhau ra về. Lại là một cuộc cải cách phong hoá có đụng chạm. Kể ra việc quỳ lạy bố mẹ vợ có thể làm cho con người văn minh bị mất nhân vị quá. Nhưng nếu bỏ tục lệ cũ thì phải có nghi thức mới chứ ? Đã từ lâu, tôi thấy đám cưới của người Việt không còn chú trọng nhiều tới lễ nghi nữa, đám cưới mà cứ như là buổi đại nhạc hội hay là đêm dạ vũ vậy.

Căn nhà lụp sụp ở phố Hàng Dầu bán cho một người trong họ, sau này, tiếc quá, sẽ bị phá đi để ở đó xây lên một ngôi nhà mới. Mẹ con chúng tôi theo anh Khiêm tới ở căn nhà hai tầng lầu ở phố Lò Đúc rồi ít lâu sau lại dọn lên phố Blocklauss Nord, cách khu Ngũ Xã khoảng 200 thước. Người làm trong nhà, ngoài vú già và một chị sen đã có thêm một anh bếp biết nấu cơm Tây cho anh Khiêm ăn. Lại còn có thêm một anh phu xe lực lưỡng để hàng ngày kéo xe đưa anh Khiêm đi dạy học.

Chiếc xe kéo ở Hà Nội cũng đang trên đà tiến bộ. Hai bánh xe bằng gỗ của chiếc xe kéo mà mẹ con tôi thuê để đi lễ ngày nào bây giờ đã được thay bằng bánh cao su. Do đó chiếc xe tay được đổi tên là xe cao su. Xe do hãng OMIC làm ra nên xe có thêm một cái tên nữa là xe "ô mịch". Anh Nhượng đã có xe đạp để đi học. Tôi không có xe nên thường lấy trộm xe để đi chơi và thường được ăn những cái đá đít của người anh yêu quý.

Khi ở phố Lò Đúc, bạn hàng xóm của tôi là Đĩnh và Kiện, những người con của nhà khảo cổ Trần Văn Giáp và Đoàn Bính cháu họ của Đoàn Thêm. Đĩnh và Kiện có cô em gái rất tinh nghịch. Chúng tôi hay chơi đi trốn và tôi đã khởi sự bẽ bối với cái trò ôm hôn rất bừa bãi của tôi rồi. Đoàn Bính, Đĩnh, Kiện và cô em là những khán giả có "may mắn" được coi tài đóng đinh lỗ mũi và tài làm trò quỷ thuật tôi học được từ ông Hai Tây và anh làm xiếc rong hồi trước.

Phố Lò Đúc sạch sẽ khang trang hơn phố Hàng Dầu. Vắng vẻ hơn vì không phải là khu buôn bán. Kỷ niệm đáng nhớ là một hôm mưa bão dữ dội, tôi và anh Nhượng ngồi trong xe kéo, đi từ phố Lò Đúc xuống tận rạp Philharmonique ở Bờ Hồ để coi phim hoạt hoạ **Blanche Neige Et Les Sept Nains**. Thế mới thấy cinema có khả năng quyến rũ ghê gớm. Coi phim cũng thích nhưng không quyến rũ bằng nghe bài nhạc với câu hát hứa hẹn : *Un jour mon prince viendra...* (Một ngày kia hoàng tử sẽ tới với em). Thì ra cái nọc nhạc sĩ đã nằm trong tôi từ đó.

Dọn lên phố Blocklauss Nord (Châu Long), tôi được sống trong căn nhà hai tầng, có

cổng sắt, có vườn hoa nhưng buồn ơi là buồn ! Con đường thì vắng bóng người qua lại. Căn nhà thì kín cổng cao tường. Tôi không có bạn bè hàng xóm nào giống như những ngày ở phố Hàng Dầu, phố Lò Đúc. Phải đi bắt bạn ở Ngũ Xã.

Tôi vẫn được ngủ chung với mẹ ở dưới nhà trong khi các anh chị chiếm ba phòng trên gác. Tôi thấy được nỗi buồn của mẹ khi suốt ngày ngồi phá trận một mình vì không phải lo ngược xuôi buồn bán, không có bạn bè tới đánh bài, không có những buổi đi lễ thường xuyên như trước nữa. Có người con cả làm chủ gia đình rồi, mẹ tôi không còn đóng vai chủ động và đang chuẩn bị trở thành một chiếc bóng không màu rồi. Có lẽ vì vậy mà mẹ tôi lúc đó vẫn ôm ấp tôi như một đứa bé con dù tôi đã 14, 15 tuổi. Tôi hay được ngồi dưới đất để nhổ tóc sâu cho mẹ. Chao ôi, mùi tóc mẹ bốc lên sao mà ngọt ngào đến thế. Hoặc ngồi đọc tiểu thuyết cho mẹ nghe và nhìn mẹ lim dim ngủ.

Đây cũng là lúc người anh khó tính hay đánh đập tôi. Bà mẹ nào mà chẳng yêu con út hơn. Tôi bắt gặp những ánh mắt buồn của mẹ những khi mẹ chứng kiến cảnh tôi bị ăn đòn. Các con tôi -- làm sao tránh được -- khi chúng nó đánh nhau, không bao giờ chúng nó hiểu được vì sao tôi lại buồn hơn những người cha khác trong cùng hoàn cảnh. Bạn nhạc yêu mến của tôi bây giờ hiểu được tại sao đoạn **SÔNG MẸ** trong Trường Ca **MẸ VIỆT NAM** lại cảm động hơn những đoạn khác...

Căn nhà ở phố Châu Long này có một garage bỏ trống. Tại đây, tôi đã lắp được cái máy radio chạy bằng galène. Không dám khoe khoang, khi còn bé, tôi thích đọc sách báo Pháp, đặc biệt những sách báo về kỹ thuật và khoa học như **SCIENCES et VIE** hay là **SYSTÈME D** (D = débrouillard). Tôi cũng là thằng bé rất khéo tay. Lúc đó, anh Khiêm mang về nhiều hộp Meccano của Pháp trong đó có những thanh sắt rời dùng để lắp (bằng con ốc) thành những phi cơ, xe tăng, cây cầu v.v... Khó đến đâu, tôi cũng đều lắp đúng như tranh kiểu mẫu. Rồi sau này tôi còn được học hơn một năm ở Trường Kỹ Nghệ Thực Hành nữa. Bây giờ, dù đã luống tuổi, tôi vẫn còn mê say học hỏi về ngành **computer** là vì ngay từ khi hầy còn thơ, tôi đã thích khoa học và kỹ thuật rồi.

Đường nhà tôi ở cũng chỉ cách khu Ngũ Xã khoảng 200 thước. Đây là nơi chuyên môn đúc đồ đồng nằm trên một eo đất rộng nhô ra hồ Trúc Bạch. Hà Nội là thành phố có khá nhiều hồ. Bên kia hồ Trúc Bạch là hồ Tây. Ngăn đôi hai hồ này là đường Cổ Ngự, con đường của những tình nhân ở Hà Nội. Hồ Tây rất rộng, gặp ngày gió lớn thì có sóng to. Anh Khiêm chơi thuyền buồm ở đây có lần bị lật thuyền suýt chết. Hồ Trúc Bạch và hồ Tây không làm tôi quên được hồ Gươm. Kể cả hai hồ Thiên Cung và hồ Bể Mầu ở phía Nam thành phố mà tôi cũng không xa lạ gì.

Vốn đã thích những điều nhà trường chưa dạy, sau khi học lóm về máy radio, nay vào chơi khu Ngũ Xã, tôi hấp thụ thêm bài học về nghề đúc kim khí. Dùng đất trộn với tro để làm khuôn ra sao ? Đun đồng nóng tới độ nào ? Đổ xong đồng vào khuôn thì bao giờ đập khuôn ra ? Nhìn thấy ánh mắt rạng rỡ của anh thợ đúc khi đập khuôn để thấy tác phẩm của mình. Làm quen với anh thiếu niên cùng tuổi, tên là Thụy, mặt mũi đen sì giống như những bức tượng mà anh phụ giúp gia đình để đúc nên.

Ra Ngũ Xã cũng là để đứng trước căn nhà màu đỏ, băng khuâng nhớ tới Emilienne Ducret. Nhưng bây giờ không có em bé lai Pháp để yêu mến thì tôi làm quen với người khác vậy. Tôi bắt bạn với hai chị em mồ côi cha mẹ, rất nghèo, sống trong một túp lều ở bên bờ hồ Trúc Bạch, hằng ngày cong lưng mò tôm bắt cá trong cái hồ đầy

bùn này để đem ra chợ bán. Tôi thường đem cơm nguội ở nhà tới cái lều nhỏ cho hai chị em ăn. Tôi không hiểu rõ lúc đó tôi yêu cô gái mò tôm này hay tôi chỉ thương xót hai chị em nghèo khổ mà thôi ! Đó là một thứ tình cảm lẫn lộn mà về sau tôi luôn luôn vướng phải trước nhiều cuộc tình. Tình yêu hay chỉ là tình thương ?

Tôi cứ mãi mê với trò chơi kỹ thuật khoa học và với chuyện tình lãng mạn như vậy cho nên rất xao lãng việc học. Dù có ông anh là giáo sư nhưng tôi không được ông trực tiếp dạy dỗ một lần nào cả ! Và lại từ khi lên 6 tuổi cho tới bây giờ, tôi là một đứa bé không thích bị lừa vào kỷ luật. Nếu ông ấy có dạy tôi học và khép tôi vào kỷ luật, tôi cũng vùng ra khỏi kỷ luật mà thôi !

Sau khi đậu xong bằng Tiểu Học ở Trường Nguyễn Du, tôi chuẩn bị bước vào Trung Học. Nhưng tôi thi trượt vào trường Bưởi, hỏng thi cũng vì không làm đúng bài luận văn bằng tiếng Pháp. Trong kỳ thi này, thí sinh phải viết bài về đề tài con đường sắt xuyên Việt vừa mới được hoàn thành, tàu hỏa đã bắt đầu đi được từ Bắc vào Nam và phải nói tới sự ích lợi của những chuyến tàu **trans-indochinois** đó. Đề tài này không có gì là khó, nhưng lúc đó tôi rất lười học. Thành thử viết một bài dự thi rất lạc đề. Ngay sau đó, tôi cố gắng -- một cách khổ sở -- học tiếng Pháp hơn trước và phải mất mấy chục năm sau tôi mới trả được mỗi hạn *xuyên Đông Dương* bằng bản trường ca Con Đường Cái Quan.

Thời đó, những ai thi trượt vào trường Bưởi thì được gia đình cho đi học tại trường Trung Học Thăng Long. Hằng ngày tôi đi học bằng xe điện và có cái thú nhẩy xe điện của lớp trẻ Hà Nội thời đó. Luôn luôn nhẩy xuống đường trước khi xe điện ngừng.

Luôn luôn chờ xe điện chuyển bánh rồi mới nhẩy lên xe. Mỗi ngày, chiếc xe điện già nua lọc cọc đưa tôi từ Quan Thánh xuống Hàng Cót (Rue Takou) -- con phố có nhà hộ sinh nơi tôi sinh ra -- rồi tôi đi bộ qua đường Hàng Da, Hàng Giầy để tới nhà trường nằm tại Ngõ Trạm (Henri D'Orléans). Trước mặt trường là cầu xe lửa với những chuyến tàu đông đặc hành khách. Dưới gầm cầu là nơi trú ngụ của những kẻ không nhà.

Vào thời điểm 1935-36 này, trường Thăng Long là cái ổ của những nhà giáo muốn làm Cách Mạng. Thầy dạy của tôi là Võ Nguyên Giáp, Trần Văn Tuyên, Phan Anh, Khuất Duy Tiến... Thầy Giáp dạy Sử Địa và gieo tinh thần yêu nước vào đầu học sinh. Thầy Tuyên dạy Pháp Văn và tôi đã được thầy phê : *Petit élève intelligent et travailleur, pourrait réussir en français* (Học sinh nhỏ tuổi thông minh và cần mẫn, có thể thành công trong Pháp Văn). Đó cũng nhờ anh Khiêm, khi ở Pháp về thì trong nhà có một thư viện khá lớn. Tôi tha hồ đọc sách Pháp Văn, mỗi lần làm bài lại "thuổng" văn của các tác giả mà mình đã đọc. Đây cũng là lúc tôi ham đọc sách, đã khởi sự mê thích những kịch bản rất lằng lờ của Marivaux như **Les Jeux De l'Amour Et Du Hasard**...

Bạn học cùng lớp và thân nhất của tôi ở trường Thăng Long là Nguyễn Hiến, hiền lành, chững chạc, cuối tuần tôi thường tới nhà nó ở đường Chanleaulme, gần Chợ Hôm để nói chuyện trai gái rồi hai thằng đi bộ ra ngoại ô gần hồ Thiền Công để hưởng cái thú... (xin lỗi) ỉa đồng. Có khi cao hứng còn dắt nhau đi đồng gần hồ Bảy Mẫu nữa cơ ! Về sau Hiến nối nghề cha, khi di cư vào Nam làm họa viên cho Sở Lục

Lộ. Mỗi lần sửa nhà, tôi lại nhờ Hiến vẽ kiểu.

Thằng bạn ngỗ nghịch nhất, trải đời nhất và to con nhất lớp là Nguyễn Văn Biểu, người gốc Quảng Yên. Chúng tôi phục thằng này sát đất mỗi khi nó đặt một miếng kẹo vừng trên mặt bàn học rồi lấy tay cầm cái bảo vật cứng cáp của nó để đập vỡ tan miếng kẹo ! Do đó nó có thêm danh xưng là thằng "Cả Bật". Chính thằng này đem tôi và thằng Hiến đi phá tân trong ngõ Hàng Mành. Khi có cuộc kháng chiến Nam Bộ, Biểu là người tiên phong đi vào Nam và chết trận ở trong đó.



Lớp học Trường Thăng Long, Quang Dũng ngồi sau tôi.

Ngồi sau tôi hai hàng ghế là sinh viên Bùi Đình Diệm (tức Bùi Đình Dậu), thi sĩ Quang Dũng trong tương lai. Dậu cũng to con nhưng ngoan và hiền hơn Biểu. Vào đầu giờ học, khi sinh viên vào lớp mà thầy chưa tới thì cả lớp "làm loạn" với những mảnh giấy vo tròn dùng làm đạn để ném nhau thì Dậu tức Quang Dũng không bao giờ tham dự cuộc chơi.

Bước vào Trung Học là coi như mình đã khởi sự ra khỏi thời thơ ấu rồi. Chúng tôi không nhìn đời bằng đôi mắt thần tiên nữa. Bây giờ trước mắt tôi là cuộc đời thực tế và phũ phàng. Thực tế là tôi đang sống trong một nước bị trị. Tình yêu nước vẫn bàng bạc trong tâm hồn. Trái tim vẫn rung động trước cảnh khốn khó của người dân. Nhưng phải có hoàn cảnh thời thế tới với tôi, nếu không tâm hồn và trái tim tôi sẽ chỉ thấp thỏm mà vẫn cứ ngủ yên.

Lúc này, tại Pháp có sự thay đổi trong bộ mặt chính trị. Một chính phủ mới mẻ được thành lập với thành phần đa số là người trong Mặt Trận Bình Dân (Front Populaire). Nước Pháp đã có một chính sách dễ dãi nào đó đối với các thuộc địa. Tại Việt Nam các phong trào đấu tranh bị kìm hãm sau vụ khởi nghĩa của Việt Nam Quốc Dân Đảng, vụ khởi loạn tại Nghệ An... bây giờ được cơ hội tốt để hoạt động trở lại. Và hoạt động công khai, qua báo chí, qua hình thức hội đoàn.

Nhóm Việt Nam Phục Quốc do Cường Để (cư ngụ tại Nhật) làm chủ tịch, có đảng viên là Vũ Đình Dy chủ trương tờ **Effort Indochinois**. Báo **Le Cygne** (Bạch Nga) của Nguyễn Vỹ có bài đả kích chính sách thuộc địa Pháp. Báo **Le Travail** tuyên truyền chủ nghĩa Cộng Sản có bài của Võ Nguyên Giáp, người đóng vai chính trong báo **En Avant** cùng với Đặng Xuân Khu. Ông này (về sau mang tên là Trường Chinh) vào làm tổng thư ký trong Hội Truyền Bá Quốc Ngữ. Hội này chống nạn mù chữ nhưng đồng thời là cơ quan bí mật của Đảng Cộng Sản Đông Dương.

Những hoạt động báo chí và hội đoàn này là yếu tố chuẩn bị cho toàn dân Việt Nam ra thoát ách thực dân, sau khi Pháp bị Nhật lật và Nhật bị thua trận trong Thế Chiến II, tất cả đẩy đưa tới ngày Cách Mạng Tháng Tám năm 1945.

Đây là thời **Tự Lực Văn Đoàn** đã phát triển và cung cấp cho độc giả những sách báo phổ biến rất nhiều tư tưởng mới đóng khung trong hai quan điểm là duy tân và cấp tiến. Người quản lý của tờ **Phong Hoá** là Phạm Hữu Ninh, người sáng lập ra trường Thăng Long và là anh họ của tôi. Thế là mỗi tuần vào ngày báo ra, tan học xong, trước khi về nhà, tôi tới gặp anh Ninh để xin báo và có cái thú là đọc báo trước

tất cả mọi người. Những nhân vật điển hình mà tờ **Phong Hoá** tạo ra như **Bang Bạch, Lý Toét, Xã Xệ...** đã cho tôi thấy báo này muốn đả phá một thứ xã hội cũ được coi như hủ lậu, lạc hậu. Nhóm **Tự Lực Văn Đoàn** còn ra ý niệm về tự do cá nhân, chống lại luân lý gia đình chuyên chế.

Và rõ ràng càng đọc tờ **Phong Hoá** mà hậu thân của nó là tờ **Ngày Nay**, cũng như đọc tiểu thuyết của nhà xuất bản ĐỜI NAY (cũng của nhóm TỰ LỰC) tôi càng nhìn ra quan niệm mới về xã hội nhân sinh và những mục tiêu chính trị của Nguyễn Tường Tam và các đồng chí. Kéo người dân nghèo ở thành phố ra khỏi chốn bùn lầy nước đọng, xóm hẹp phố buồn qua việc vận động xây những nhà được gọi là **Nhà Ánh Sáng** là một ưu điểm của báo **Phong Hoá**.

Rồi có luôn việc cải tiến lối ăn mặc của các bà các cô qua loại áo **LEMUR** do họa sĩ Cát Tường vẽ kiểu. So sánh với áo dài cổ điển của thời đó thì kiểu áo bông vai, thắt eo được coi là tiến bộ. Chẳng cần phải đợi tới thời bà Ngô Đình Nhu, lúc này đã có kiểu áo dài hở cổ rồi. Bây giờ không có ai phản đối sự cải cách nữa, tất cả các bà, các cô đều chạy theo phong trào này. Ngay cả đôi bàn chân phụ nữ hồi đó cũng được chú ý với loại guốc có gót cao gọi là guốc phi mã. Thiếu nữ Hà Thành khởi sự uốn tóc quăn sau khi đã cạo răng.

Nhưng bắt đầu từ lúc tôi đi vào Trung Học cho tới khi trở thành một thanh niên 17 tuổi đời, không phải chỉ có Nhất Linh, Khái Hưng, Thế Lữ, Trọng Lang trong **Tự Lực Văn Đoàn** ảnh hưởng đến tâm hồn tôi. Những tác phẩm của các nhà văn độc lập như Nguyễn Tuân, Nguyễn Công Hoan, Tam Lang Vũ Đình Chí, Vũ Trọng Phụng cũng được tôi ngẫu nhiên đọc. Là con một nhà văn xã hội, tôi nghiêng về những sách nói tới sự khốn khổ của con người như **Tôi Kéo Xe, Kép Tư Bền, Hà Nội Lắm Than...**

Tôi còn quá nhiều tưởng tượng đến đối hình dung những nhà cách mạng đương thời như Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Ái Quốc mà tôi không hề biết mặt, qua nhân vật Hải Vân trong cuốn **Giông Tố** của Vũ Trọng Phụng. Chỉ có một điều làm tôi bất bình là tại sao trong làng văn lại có những câu thơ than vãn của Nguyễn Vỹ :

*Nhà văn An Nam khổ như chó
Mỗi lần cầm bút nói văn chương
Nhìn đàn chó đói gặm trơ xương
Và nhìn chúng mình hì hục viết...*

Và tại sao giấc mộng của nhà văn Vũ Trọng Phụng lại chỉ là được ăn một miếng bít tết ?

Bất bình trước cảnh bất công xã hội, cũng như mọi người, tôi đổ tội cho thực dân Pháp đã gây nên cảnh đó. Nhưng khi bước vào đời nghệ sĩ và dù thực dân đã "cút" (sic) đi rồi, tôi thấy văn nghệ sĩ Việt Nam vẫn chưa ra thoát cảnh nghèo. Theo truyền thống Việt Nam, thường thường kẻ sĩ đều nghèo nhưng bao giờ cũng trong sạch. Do đó có nhiều người còn cho rằng nghệ sĩ phải nghèo mới sáng tác được ! Tôi chỉ đồng ý về sự trong sạch rất cần thiết cho bất cứ ai sống trong xã hội, không cứ gì kẻ sĩ. Nhưng tôi nhất định không bao giờ chịu sống một đời hàn sĩ như bố mình hay sống với những lời than vãn của các vị đàn anh Nguyễn Vỹ và Vũ Trọng Phụng. Người nghệ sĩ phải có địa vị cao trong xã hội. Nếu không được sướng như tiên thì cũng không thể khổ như chó.

Ai đưa ta tới chốn này
Bên kia Toà Án, bên này Sainte Marie...
Ca Dao của học sinh
Trường Kỹ Nghệ Thực Hành Hà Nội

Chương Mười Một

Đời tôi đang êm ả trôi bên mẹ hiền, hằng ngày nhảy xe điện đi học trường Thăng Long hoặc thơ thẩn đi chơi trong khu Ngũ Xã. Bỗng nhiên một hôm, anh Khiêm phán :

-- Không cho thằng này đi học chữ nữa !

Cho tới năm 1974, một năm trước khi anh tôi qua đời, tôi không hiểu vì sao người anh lại ghét mình. Lúc còn bé, nếu tôi nhớ không lầm, tôi chỉ được đùa chơi với anh Khiêm có hai lần. Sau khi bố tôi chết, anh ấy vào sống nội trú trong trường, cuối tuần mới về nhà. Lối đùa chơi với hai em nhỏ của anh rất khác thường. Anh nắm hai tay một thằng em, nhấc bổng lên rồi quật xuống đất như người ta làm xiếc vậy. Hai anh em tôi không bị gãy tay hay gãy cẳng cũng là chuyện lạ.

Khi tôi lên 7 thì anh Khiêm được một học bổng đi Tây. Trong bảy năm, tôi không hề biết gì thêm về người anh lớn. Qua thư từ hiếm hoi gửi về cho mẹ, không thấy anh ấy nhắc nhở gì đến lũ em. Lúc anh Khiêm từ Pháp về, tôi đã thành một đứa em 14 tuổi, cái tuổi đang biến hình từ thiếu nhi qua thiếu niên mà nếu người lớn có độ lượng thì sẽ phải nương tay dẫn dắt. Anh Nhượng tính tình yếu mềm lại mắc bệnh thương hàn ngày còn bé, thoát chết nhưng bị méo miệng nên mang nhiều mặc cảm và rất dễ dạy. Tôi được mẹ và vú nuôi chiều từ bé nên bướng bỉnh, nhất là trong tuổi dậy thì này. Trước lối đối xử thiếu thân tình của người anh, nhiều khi tôi ỷ ra, không bao giờ tỏ ra mình có lỗi, dù có lỗi hẳn hoi.

Nhưng chưa chắc tôi đã là thằng em hư hỏng và phạm nhiều lầm lỗi. Tôi còn nhớ trong ba năm sống chung với nhau, tôi thiếu có hai lần anh tôi phạt tôi một cách vô lý. Tôi khởi sự thích đàn ca từ khi anh tôi đi vắng. Người chị lớn lấy chồng khá giả tặng cho em út một đàn mandoline. Tôi đã vẽ được những bản nhạc ngắn hay nhất của Ý Đại Lợi như **Martha, Back To Sorriento**... Bây giờ sống chung với người anh, tôi không được đánh đàn. Muốn đàn ca, phải chờ khi anh ấy vắng nhà. Có lần quá cao hứng nên không đề cao cảnh giác, người anh chợt về, giật cái đàn mandoline vứt xuống đất và thân tặng nhạc sĩ mầm non một trận đòn. Một lần khác, vào mùa hè, tôi đang nằm trên nền nhà đá hoa để hưởng cái mát dịu, anh Khiêm ở đâu về, sòng sọc tới chỗ tôi nằm, nắm cổ lôi dậy, phạt tôi quỳ trước sự ngạc nhiên của mẹ tôi : *Ai cho mày nằm dưới đất ? Quỳ xuống đó !*

Trong mấy chục năm xa nhà, nhiều khi được sống trong khung cảnh gia đình êm ấm của người khác rồi chạnh lòng nhớ tới hoàn cảnh mình, tôi không hiểu tại sao giữa chúng tôi không có tình huynh đệ ? Thứ tình anh em mà tôi thấy tuyệt đẹp trong

cuốn Quốc Văn Giáo Khoa Thư ?

Tôi buồn vô hạn vì cũng như mọi người, tôi vinh dự có người anh học giỏi, người Việt Nam đầu tiên đậu bằng thạc sĩ, nhà văn Việt Nam viết văn Pháp hay hơn người Pháp, người Việt Nam quân tử muốn trả ơn nước Pháp đã đào tạo ra mình nên đầu quân làm binh nhì cho Pháp trong Thế Chiến Hai, bất chấp lời dị nghị.

Tôi buồn rồi tôi hờn giận, đổ lỗi cho người anh là ích kỷ, khó tính, vụng về trong cách đối xử với mọi người, bắt đầu từ người trong gia đình. Một người tự cao tự đại, rất ít bạn, không có người tình và đang bắt mẩn vì những chuyện gì đó rồi có bao nhiêu tức giận đổ vào đầu thằng em út. Ít ra tôi cũng có thể chứng minh anh tôi là người rất nghiêm ngặt đối với những người đi thi Tú Tài trong thời kỳ đó. Giám khảo chấm thi khó tính đến đâu cũng chỉ phê điểm zéro là cùng, nhưng anh tôi "giận" thí sinh Việt Nam yếu kém Pháp ngữ đến độ phê điểm... dưới zéro ! Một người "khó" đến độ về sau này khi bạn đồng học là Léopold Senghor, Tổng Thống nước Sénégal đồng thời là thi sĩ làm thơ tiếng Pháp nổi danh, gửi tặng một tập thơ thì anh tôi gửi trả lại với những dòng chữ phê bình bằng mực đỏ của một nhà giáo !

Cũng có thể một người cầu toàn trách bị như anh tôi, không bằng lòng với chuyện tôi thi trượt vào trường công và phải đi học trường tư, trước viễn ảnh phải nuôi tôi ăn học cho tới khi cũng giắt bằng thạc sĩ -- vị chi là 10 năm -- vì phải trả nợ cho bố nên anh tôi không dư tiền để nuôi các em ăn học thành tài. Điều này đúng vì anh Nhượng cũng không được theo đuổi việc học mà phải thi ngay vào trường Sư Phạm để trở thành một giáo viên vô danh trong khi -- theo tôi -- anh ta là người học chăm, học giỏi còn hơn cả anh Khiêm nữa ! Nếu không soạn ra dăm ba bài hát thì chẳng ai biết Phạm Duy Nhượng là ai. Ở trường Thăng Long, tôi đâu có thua kém ai trong việc học hành ? Đứng thứ nhì trong lớp, nếu tôi được tiếp tục đi học, tôi cũng đậu bằng thạc sĩ cho mà coi !

Nhưng đừng một cái, tôi được người anh cho biết : *Mày phải học nghề để tự nuôi thân !* Anh Khiêm liên lạc với Giám Đốc người Pháp của Trường Bách Nghệ để gửi tôi vào học với tư cách học viên nội trú. Rồi không hiểu vì sao anh còn phạt (?) tôi bằng cách xin với nhà trường không cho tôi về nhà vào những ngày chủ nhật (consigné à la demande de la famille). Tôi không được tiếp tục học chữ, bị bắt buộc phải học nghề rồi còn bị cấm túc trong trường, điều này làm cho mẹ tôi buồn -- tôi nhớ mãi tiếng chép miệng thờ dãi của mẹ -- nhưng cũng còn những điều khác làm cho mẹ tôi buồn rồi, chẳng hạn mẹ tôi không được đánh bài hay đi lễ như lúc trước, mẹ tôi muốn có cháu nội nhưng người con cả nhất định không lấy vợ. Mẹ tôi buồn nhưng không nói ra, tôi biết chắc như vậy !

Chỉ tới khi anh Khiêm tự tử chết tại Pháp vào đầu năm 1975 thì tôi mới ngộ ra anh tôi là một người cô đơn tới cùng cực. Suốt đời, đem tính tình vô cùng nghiêm khắc ra để đối xử với tất cả mọi người, không trừ một ai, kể cả với mẹ. Khó khăn ngay với chính mình nữa. Cuối cùng thất vọng, tự sát...

Một năm trước khi anh tôi qua đời, lần đầu tiên sau mấy chục năm cách biệt, chúng tôi trao đổi thư từ với nhau. Trong một bức thư, anh tôi viết rằng đã biết chán đời từ khi còn trẻ. Và đằng sau bộ mặt đóng kịch với đời là một sự chán ngán vô biên. Anh nói anh là một người (nguyên văn) **nihilist**. Tới khi đó, tôi mới nguôi lòng oán hận người mà tôi cho là ác nghiệt, vô tình vô nghĩa và vô trách nhiệm. Và bắt đầu thương người anh ruột đang sống cô đơn tại một trại nhỏ ở miền quê nước Pháp. Bắt đầu

biết ơn người mà tôi luôn luôn tự hứa sẽ phải nổi tiếng hơn, giàu có hơn, thành công hơn trong cả hai địa hạt gia đình và xã hội. Nếu không có người anh nghiêm khắc mà tôi nhìn như đối tượng để vượt qua, chưa chắc tôi đã hoàn thành đời tôi như thế này.

Tôi bỗng nhớ tới sự mê say của anh Khiêm khi anh diễn thuyết nhiều lần về cuốn phim BACK STREET trong đó một sự việc cồng kềnh (bị kẹt xe gì đó) làm cho một đôi tình nhân bị lỡ hẹn khiến cho cuộc đời của họ đổ vỡ hoàn toàn. Anh Khiêm cũng là người để lỡ một cái hẹn lớn trong khi tôi có may mắn tới đúng giờ hẹn của lịch sử để không phải thắc mắc gì khi cùng toàn dân vùng lên đánh đuổi thực dân. Tôi thấy được thâm kịch của người anh ruột. Vì huyết thống, chắc chắn anh tôi cũng thừa hưởng phần nào sự bất đắc chí của bố. Nhưng từ khi bước vào trường học cho tới khi đỗ đạt, phải nói rõ là chính nước Pháp nuôi anh thành tài. Trở về nước, anh là người thành công trong xã hội, nhưng khi đất nước đi tới chỗ rẽ của lịch sử thì trong anh có một cuộc giằng co dữ dội. Yêu nước vô cùng nên viết LÉGENDES DES TERRES SÉRIENNES, LA JEUNE FEMME DE NAM XƯƠNG (1). Nhưng liệu có thể dứt được ân tình đối với nước Pháp như đôi tình nhân dị chủng đối với nhau trong cuốn NAM ET SYLVIE (2) ? Có thấy Pháp là kẻ thù của dân tộc không ? Có thấy được thâm ước của nhân dân không ? Sau này, anh nhận chức Cao ủy trong Liên Bang Đông Dương của Pháp nên không cộng tác với một tổ chức yêu nước nào, đó là sự lỡ hẹn chưa sót chăng ? Không cộng tác với Bảo Đại nhưng làm Đại Sứ cho Chính Phủ Ngô Đình Diệm (để sẽ bị "cắm ớ" một cách tồi tệ) có phải là một sự đúng hẹn bề bầy không ? Chỉ biết khi tôi còn ở với anh, tôi thấy anh đau đớn lắm. Đau đớn bao nhiêu thì nổi sùng bấy nhiêu. Chỉ tội nghiệp cho thằng em thiếu tình cha đang chờ đợi thứ tình đó nơi người quyền huynh thế phụ nhưng chỉ nhận được giận dữ hơn là yêu thương. Tôi cũng đau đớn lắm, nhưng tôi không thể có một phản ứng nào khác hơn là lẳng lặng xa dần người anh. Cũng như về sau này, khi không chịu nổi sự bó buộc của một thể lực nào đó thì tôi lẳng lặng ra đi. Lúc đó tôi lớn tuổi rồi, tôi không hờn giận, không mặc cảm, tôi chỉ thương thôi... Thương những người làm tôi buồn khổ như đã thương anh mình.

Mùa Thu 1937. Tôi bước vào tuổi 16, cái tuổi nên thơ nhất của một đời. Đang là thơ sinh mơ mộng, vì ý muốn tốt đẹp của người anh lớn, tôi được bước ngay vào cuộc đời. Cậu thiếu niên xưa nay chỉ quen sống dưới nách mẹ nay chuẩn bị bước vào tập thể công nhân rồi. Trong buổi nhập học đầu tiên, với bộ quần áo màu xanh của thợ thuyền còn mới toanh, tôi tung tăng chạy đi chạy lại trong đám đông học sinh vừa Việt, vừa Pháp còn trẻ măng, trong lòng hớn hở hơn bao giờ hết. Số học sinh lên tới 300 người. Sau khi ồn ào đi tìm nơi học của mình ghi trên bảng danh sách treo trên tường, toàn thể học sinh được tập trung tại sân vận động để đứng nghe những lời khuyến dụ của viên Giám Đốc tên là Camboulive. Rồi chia nhau vào các xưởng máy mà mình đã ghi tên học.

Ngôi trường mang tên Kỹ Nghệ Thực Hành, Ecole Pratiques D'Industrie viết tắt là E.P.I. nằm ở góc hai đường Hàng Kèn và Tràng Thi, gần trường Sainte Marie và Toà Án. Do đó chúng tôi có câu ca dao (!) :

*Ai đưa ta tới chốn này
Bên kia Toà Án bên này Săng Tan.*

Cạnh Toà Án là ngôi nhà tù nổi tiếng mang tên Nhà Hoả Lò hay Nhà **Săng Tan** (Maison Centrale) dùng để nhốt tù và sau này còn được gọi là Khách Sạn Hanoi Hilton dùng để nhốt lính Mỹ. Nhà trường -- đồng thời cũng là nhà hoả lò của tôi -- có hai cổng ra vào, mỗi cổng ở vào một phố kể trên. Trong trường có cái sân rộng, quanh năm có bóng mát vì những cây cao lớn. Bao quanh cái sân là những lớp học, cơ xưởng và những gian phòng nội trú của học sinh. Sân vận động có đầy đủ dụng cụ thể thao. Ngay nơi cổng ra vào có một dãy nhà là nơi ở của gia đình Thầy Thắng, thầy dạy về điện và là một trong mấy kiểm soát viên mà chúng tôi gọi là **sú ba giảng** (surveillant). Những ngày bị giam lỏng trong trường, tôi không biết làm gì hơn là vào chơi nhà Thầy Thắng.

Trường Kỹ Nghệ Thực Hành không dạy đủ trăm thứ nghề cho xứng với cái tên **bách nghệ** nhưng cũng dạy cho học sinh vừa học vừa thực tập một số nghề có trình độ kỹ thuật cao hơn những công nghệ đã có tại Việt Nam. Trở về lập thuyết của Hoàng Văn Chí cho rằng người Việt mình chỉ có ba cấp **Sĩ Công Nông** mà không có **Thương** rồi nhìn vào cấp Công thì ta thấy công nghệ nước ta vào đầu thế kỷ cũng chỉ có tính cách thủ công nghiệp. So với những nước Anh, Pháp, Đức đã tiến tới thời đại kỹ nghệ thì công nghệ tại Việt Nam còn quá lạc hậu. Không những không phát triển nghề mình, nhà công nghệ Việt Nam lại còn hay dẫu nghề nữa. Một bài học trong **Quốc Văn Giáo Khoa Thư lớp Dự Bị** cho ta thấy :

Ở Đông Pháp có nhiều công nghệ. Nghề làm đồ đồng, đồ gỗ, đồ thêu, đồ cẩn, đồ sơn và nghề dệt các thứ tơ lụa (...) Nghề làm nồi, làm bát, làm chiếu, làm mật, làm đường. Nhưng xưa nay, các công nghệ của ta có thói lệ, là nhiều nơi có nghề gì riêng thì cố giữ không cho nghề ấy lọt ra ngoài. Mỗi nghề lại thờ một ông thánh sư là người đã sáng lập ra nghề ấy. Ở chỗ thành thị cũng vậy, ai làm nghề gì và buôn bán thứ gì thường ở chung với nhau một phố như phố hàng sắt, hàng đồng, hàng giấy, hàng lọng...

Trường Kỹ Nghệ Thực Hành Hà Nội chỉ dạy có hai ngành là ngành gỗ và ngành sắt. Học về gỗ thì học liền tù tì trong 4 năm. Học về sắt thì học từ các môn căn bản như thợ nguội (ajusteur), thợ tiện (tourneur), thợ rèn (forgeron). Học sinh chúng tôi ở trường này có thể được coi như một trong những lớp thợ căn bản đầu tiên để thành lập một nền kỹ nghệ quốc gia nếu nước nhà có tự do độc lập, có những nhà lãnh đạo tài giỏi, có thời gian, có vốn liếng để phát triển nền kinh tế từ nông nghiệp qua công nghiệp như nước Nhật Bản chẳng hạn.

Tôi là học sinh trong ban sắt. Học xong nghề thợ nguội, thợ tiện, thợ rèn là có thể đi làm tại những công xưởng chuyên môn chế biến máy móc sản xuất kỹ nghệ (machine outils). Ngoài những buổi thực tập tại cơ xưởng chúng tôi phải đem giấy bút vào lớp để học vẽ đồ bản kỹ nghệ (dessin industriel).

So với Giám Đốc Camboulive to cao, đẹp trai và rất mê gái, viên xếp xưởng lớp tôi là Besancon, một người Pháp nhà quê béo lùn, có bộ râu con bọ nằm dưới mũi lõ, rất ác nghiệt và thích bợp tai học sinh. Thầy Ý dạy về xe hơi hiền lành nhưng thầy Vận - một ông surveillant khác -- ác không thua gì chef d'atelier Besancon. Trong số các thầy, có một người bị học sinh khinh thầm vì bị mang tiếng là *thả cổ*, nghĩa là đem vợ nộp cho Giám Đốc Camboulive.

Trong năm đầu, suốt ngày tôi đứng trước cái kệp lớn (étau) dùng giữa và đục bằng thép để học cách đục sắt, mài sắt. Đồng thời tôi cũng học cách tiện sắt bằng những chiếc máy tối tân, so với máy tiện gỗ đập bằng chân ở các cửa hàng nơi phố Hàng

Hành. Rồi ra lò rèn dùng búa lớn hay búa nhỏ để biến những thỏi sắt nung thành những dụng cụ kỹ nghệ. Trước đây tôi say mê đứng coi người ta đúc đồ đồng ở Ngũ Xã, bây giờ tôi được nhúng tay vào công việc sản xuất đồ sắt. Đang là một cậu bé con không có nhiều đồ chơi như con nhà giàu, bỗng nhiên tôi nhảy vào một cơ xưởng vĩ đại và có trong tay những thứ đồ chơi khổng lồ. Đây là lúc cơ thể của tôi được cơ hội nở nang, óc sáng tạo trong tôi được dịp nảy nở. Tôi không còn ngồi tần mẩn lắp những thanh sắt của thứ đồ chơi hiệu Meccano theo mẫu tranh vẽ nữa. Tôi đang học cách tạo ra những đồ vật của một thời đại văn minh. Tôi có cảm giác như mình đang từ thời đại đồ đá, đồ tre, đồ đồng tiến qua thời đại đồ sắt.

Học sinh nào cũng có một con số trước tịch (numéro matricule). Tôi mang số 300. Anh bạn có tên văn C và ngồi cạnh tôi là Phó Thịnh Cường mang số 301. Anh này là học sinh giỏi nhất lớp nhưng về sau lại làm nghề khác. Tới khi di cư qua Mỹ cùng với một triệu người Việt Nam, anh lại quay về với cái sở học cũ của mình. Anh đang là một họa viên làm việc cho một xưởng kỹ nghệ nào đó tại vùng Maryland, USA. Có khá nhiều học sinh người Pháp 100% hay Pháp lai, có lẽ là con nhà nghèo (hay vì học chữ dốt) nên bị cha mẹ bắt đi học nghề, như Paul Bonduel, Eugène Dugon, Pierre Phương... Lũ bạn Pháp này hay gọi tôi là *grande mère* (bà nội) vì tôi thích lên mặt dạy dỗ chúng nó.

Các học sinh Việt phần nhiều là từ các tỉnh nhỏ lên Hà Nội để theo học về kỹ nghệ. Một số những nhà lãnh đạo ở Việt Nam hiện nay là cựu học sinh của hai trường Kỹ Nghệ Hà Nội và Hải Phòng. Trong số đó có Vũ Văn Đôn -- em Cục Trưởng Quân Y Vũ Văn Cẩn -- đã từng làm Cục Phó của Cục Quân Nhu. Tôi còn biết có hai người cựu học viên trường Kỹ Nghệ đã hoạt động tích cực cho Cách Mạng và Kháng Chiến. Một là Tư Râu, người cầm súng áp đảo mọi người trong ngày biểu tình 17 tháng 8 năm 45 của công chức Hà Nội, bị Pháp cán chết bằng xe hơi trong thời kỳ tranh tối tranh sáng, khi điệp viên Pháp biết anh này là đảng viên gốc của Đảng Cộng Sản. Người thứ hai là Vị Hải, biệt danh là Hải Lợn, chỉ huy cán bộ du kích Thủ Đô, trong những năm 1946-1950, đã làm mưa làm gió trong nội thành với những vụ đặt mìn ở Phi Trường Bạch Mai, ám sát người Pháp và "Việt Gian".

Tập sự làm công nhân, chúng tôi tập sự đấu tranh luôn. Đã xảy ra vụ phản đối nhà thầu nấu cơm quá tệ. Biểu tình công khai sẽ bị Giám Đốc trừng trị, vì nhà thầu đút lót tiền cho Camboulive rồi. Bền bảo nhau mỗi bữa, dù đã ăn no, mỗi học sinh ăn thêm 3 bát cơm đầy. Hơn 100 ký túc viên nhân với 3 bát cơm trong một bữa. Nhà thầu phải luôn luôn túc trực để nấu thêm cơm. Cuối cùng thấy sẽ lỗ vốn to nên đầu hàng học sinh. Từ đó, bữa cơm có thức ăn ngon và đầy đủ hơn trước.

Hà Nội lúc đó có hai anh em Marcel ở phố Hàng Bạc nổi tiếng là đại du đảng. Chỉ có học sinh trường Bách Nghệ này mới trị được họ vì chúng tôi vác búa đi đánh nhau với một nhóm anh chị chỉ có "quả đấm sắt" (poing américain) trong tay thì họ thua là cái chắc ! Nhóm anh chị này không trọng luật giang hồ tí nào cả, vì họ vác đơn đi kiện chúng tôi.

Cũng xin thưa là dù bị cấm túc nhưng thỉnh thoảng tôi cũng được về nhà vào một ngày chủ nhật hay trong dịp Tết hoặc trong một cơn hứng của anh tôi. Hoặc có khi tôi liều mạng trèo tường "vượt ngục" về thăm mẹ. Ngoài ra, nhà trường hay tổ chức những buổi đi picnic ở Chùa Hương hay Chùa Trầm và bao giờ tôi cũng vui gấp đôi bè bạn vì tôi là kẻ thiếu tự do hơn mọi người. Hơn nữa, tôi còn được mấy thằng bạn Tây lai hay rủ đi camping ở những nơi thật xa như Lạng Sơn chẳng hạn. Tuy không

là hướng đạo sinh tôi cũng được hưởng cái thú cắm trại nơi rừng rú hoang vu tĩnh mịch...

Tôi bị trói căng trong trường vào những ngày chủ nhật cũng là cái hay. Đó là những chủ nhật buồn giống như trong bài hát **Sombre Dimanche** mà tôi đã biết. Ngày thường với tiếng máy chạy ồn ào, tiếng học trò cười nói xôn xao, trường tôi vui nhộn bao nhiêu thì vào ngày chủ nhật trường tôi vắng vẻ, trống trải bấy nhiêu. Sân trường có đầy cây sấu, ve sầu thi nhau ca hát trên cây, tiếng ve đâu lấp nổi cõi lòng buồn bã của tôi. Ngồi trong phòng ngủ hoang lạnh, nhìn qua cửa sổ thấy lá me rơi lả tả trên phố vắng, thấy bóng nữ sinh ở hai trường Sainte Marie và Gia Long cười xe đạp vụt qua, tôi buồn quá. Nhưng đó cũng là cái hay ! Nổi sầu mà tôi có được để trong tương lai giải bày qua những ca khúc có thể do ở những ngày chủ nhật buồn này.

Nổi sầu trong ngày cắm túc cũng không chỉ do ve sầu hát hay lá me rơi bồi đắp cho tôi. Trong những ngày chủ nhật đó, tôi có nhiều thời giờ để đọc sách. Đây là lúc tôi bị Nàng Thơ xâm chiếm tâm hồn. Dòng thơ mới ra đời trong khoảng 1932-34 với những bài như **Tình Già** của Phan Khôi :

*Hai mươi bốn năm xưa
Một đêm vừa gió lại vừa mưa
Dưới ngọn đèn mờ
Hai cái đầu xanh cùng nhau than thở
Ôi ! Đôi ta, tình thương nhau thì vẫn nặng
Mà lấy nhau hẳn là không nặng.*

Hoặc như thơ **Bạch Nga** của Nguyễn Vỹ :

*Sương rơi
Nặng trĩu
Trên cành
Dương liễu
Nhưng hơi
Gió bắc
Thổi vào...*

... đã tới thời kỳ phát triển.

Những câu thơ của lớp thi sĩ mới :

*Tiếng địch thổi đâu đây
Cớ sao mà réo rắt
Lơ lửng cao đưa tận lưng trời xanh ngắt...
(Thế Lữ)*

*Lắng nghe tiếng hát chị đà đưa
Tiếng hát lắng lơ đưa
Làm xao động những làn da mát rợi
Tiếng hát lắng lơ
Một đoàn gái tơ
Nằm mơ trên bờ cỏ mơn...
(Lưu Trọng Lư)*

*Tôi đã yêu từ khi chưa có tuổi
Lúc chưa sinh vợ vẫn giữa luân hồi
Tôi sẽ yêu khi đã hết tuổi rồi
Không xương vóc chỉ huyền hồ bóng dáng...*
(Xuân Diệu)

*Ôi nắng vàng sao mà nhớ nhung
Có ai đàn lẻ để tơ chùng
Có ai tiễn biệt nơi xa ấy
Xui bước chân đây cũng ngại ngừng...*
(Huy Cận)

....đã đi vào hồn tôi để tôi sẽ viết ra những bài ca nhắc nhở lại những gì mà các vị đàn anh đã nói lên qua những dòng thơ mới. Tôi lại cần phải cảm ơn những ngày bị giữ lại trong một nội trú tuyệt vời này.

(1) Truyện Trương Chi-My Nương, Thiều Phụ Nam Xương v.v... viết bằng Pháp Văn của Phạm Duy Khiêm.

(2) Truyện tình giữa Nam, anh sinh viên người Việt và cô đầm Sylvie

*Đêm nay Thu sang cùng heo may
Đêm nay sương lam mờ chân mây...*
Đặng Thế Phong

Chương Mười Hai

Học chưa hết một niên khoá, tôi bị đuổi ra khỏi trường Kỹ Nghệ Thực Hành vì tôi phạm kỷ luật hơi nhiều : đánh nhau, bị cấm túc mà trốn ra khỏi trường. Tội nặng nhất là có một hôm, phạm một lỗi lầm nào đó nhưng không chịu được cái bộp tai của Besancon, tôi chửi nhau với xếp xưởng ! Lại còn giơ búa định đánh nó nữa. Tôi bị đuổi ra khỏi trường ngay lập tức. Sợ ông anh quá, tôi không dám về nhà, đáp xe hàng về Trạm Chôi ở với gia đình vú...

... Sau vài ba tuần trốn mặt ông anh, tôi lò mò về nhà và bị đuổi ngay xuống garage ở. Thế là sau khi đã bị coi như đứa bé rần đầu ương ngạnh, với sự bị đuổi ra khỏi trường Kỹ Nghệ, tôi trở thành mục tiêu của sự dè bieu nơi hai người anh ruột và anh rể. Một buổi tối nào đó, trong bữa cơm, không nhớ một trong hai người anh nói một điều gì quá đáng, tôi đập cửa ra đi. Đúng như lời mĩa mai của người anh rể, thường cho tôi là một kẻ *sansfoutiste*, tôi "đếch" cần tới sự vồn vã thương yêu hay sự che chở nâng đỡ của người lớn nữa rồi.

Tới ở chung với một gia đình quen rồi sau vài tuần lễ, tôi xin được việc làm ở hiệu sửa radio Nguyễn Đình Thụ tại phố Hàng Gai. Trước đây, dù mới ngoài 16 tuổi, tôi

cũng có đôi chút kiến thức về radio và đã tự tay lắp được một máy radio nhỏ nghe bằng *galène* rồi, do đó tôi rất thích thú trong công việc mới mẻ này. Các máy radio của thời điện tử sơ khai còn dùng các bóng đèn và những mạch dẫn điện theo kiểu *hétérodyne*. Nếu so sánh với những *chips* điện tử bây giờ thì có thể nói rằng tôi đã đi vào điện tử ngay từ thời kỳ hồng hoang của nó. Làm thợ phụ, lương lậu không nhiều nhưng tôi rất vui vì kiếm ra những đồng lương đầu tiên trong đời mình.

Hiệu sửa radio Nguyễn Đình Thụ ở ngay đầu Hàng Gai, tôi có dịp chứng kiến lối sống của lớp trẻ Hà Nội vào cuối thập niên 30 này. Hà Nội có nhiều nơi rất vui nhưng khu vực ngã tư của các phố Hàng Gai, Hàng Đào, Cầu Gỗ, Bờ Hồ mới là đích thực là nơi để nam thanh nữ tú đi lượn phố. Các cô thì đi *xé vải* (mua đồ) hay đi *rửa mắt* (window shopping). Các cậu thì phần nhiều chỉ đi nhìn gái đẹp.

Ngay từ khi còn bé, tôi đã quen thuộc với hai phố Hàng Gai và phố Hàng Đường. Tôi thường tới nhà cậu Trưởng, em ruột của mẹ tôi ở phố Hàng Gai để nằm trong lòng cậu, tần mẩn nghịch những cái tượng nhỏ -- tượng thú vật -- đặt trên khay bàn đèn thuốc phiện của cậu.

Gia Đình Bác Hai ở phố Hàng Đường thì có tới ba hay bốn cửa hàng nằm chen chúc với các cửa hàng khác trên con đường thương mại sầm uất nhất Hà Nội. Đi từ phố Hàng Đào qua Hàng Ngang, Hàng Đường lên tới Chợ Đồng Xuân, tôi cứ bị thu hút bởi những bảng hiệu mang hình thù con hươu, con voi, con bò, con ngựa. Có cả hình con tê giác và con lạc đà nữa. Đa số là cửa hàng bán vải. Người Ấn Độ chiếm một số lớn cửa hàng bán vải ngoại quốc như vải của Pháp và Anh Cát Lợi. Một trong các cửa hàng của gia đình bác tôi cũng bán vải, ngoài những đồ nội hoá tốt như lụa Hà Đông, the La Că, đũi Vân Xa, lãnh Bưởi, còn bán cả gấm Thượng Hải nữa.

Tại phố Hàng Gai vào năm 1938 đó, cậu thanh niên sửa radio 17 tuổi này, trong giờ nghỉ hay trong ngày nghỉ, rất thích đi lượn trong các phố chung quanh, phố nào cũng nổi vào Ngã Tư Bờ Hồ, không phải để bị mê hoặc bởi những con vật gần với tuổi thơ mà bởi các thiếu nữ ngồi trong các quầy hàng. Lúc đó tôi chỉ âm thầm đi chơi một mình vì chưa có đủ tiền để sắm đồ ăn diện đúng mốt đi lượn phố.

Lượn phố Hàng Đào là để đi qua cửa hàng bán tơ lụa Đàm Nguyên Sinh, nhìn cô con gái của chủ tiệm, có đôi mắt trầm mặc như hồ thu. Lượn phố Hàng Bông là để ngắm con gái nhà Mỹ Ký, cha mẹ bán đồ vàng giả, nhưng trên thân hình của cô không có cái gì là giả tạo cả ! Cũng ở Hàng Bông này, chúng tôi chiêm ngưỡng bốn mỹ nữ nổi danh của Hà Nội lúc bấy giờ là Kiều Dinh, Kiều Vinh, Kiều Hình và Kiều Hương. Bốn tiểu thư này là những con gái của một ông dân biểu thành phố, đồng thời cũng là trưởng ty của một R.O. (Régie Opium), người nào cũng đẹp một cách rất lộng lẫy. Trong bốn cô, hai cô sau này trở thành những nghệ sĩ ngâm thơ rất hay và mang những cái tên cũng rất đẹp là Giáng Kiều, Giáng Hương.

Đi lượn phố, thanh niên Hà Nội phải đội mũ lệch mới là oai. Mũ phải là mũ Fléchet, Mossant mua tại hiệu Trần Văn Sửu. Đa số đã vận âu phục và kiềng áo vai long đình làm cho chúng tôi có vẻ vai to ngực nở trong khi thân hình có khi chỉ là bụng ỏng đít teo mà thôi ! Đi giày hiệu Bata ngoại quốc hay giày nội hoá hiệu Vạn Toàn nhưng phải là giày *đơ cu lơ* (deux couleurs = hai màu) mũi vuông, mũi mỏ vịt hay mũi nhọn. Có anh còn văn minh đến độ mặc cả kiềng quần golf, tay cầm ba-toong đi trên hè phố nữa.

Người ta đã hết gán danh từ *vui vẻ trẻ trung* cho đám thanh niên này rồi. Bây giờ họ được gọi là *công tử bột*, có lẽ trong họ có anh cũng đánh phấn như đàn bà. Đám này còn muốn được gọi thêm là *Công Tử Càn Long* vì bị ảnh hưởng truyện *Càn Long Du Giang Nam* của Tàu, nghĩa là thứ công tử càn quấy, anh hùng. Và khi các công tử Càn Long này tán gái hay viết thư tình thì đều gọi các cô là "ái nường". Rồi cũng giống như cha mẹ mình, nếu có bắt nhân tình được với ai thì đổ công tử nào dám nắm tay cô gái đi ngoài phố.

Các cô gái Hà Nội lúc bấy giờ đã thích mặc áo LEMUR hở cổ. Tóc có đường ngôi rẽ nghiêng hay đã được uốn quăn. Tuy nhiên, thiếu nữ Hà Nội "chậm tiến" hơn thanh niên trong phạm vi cải cách y phục. Đa số các cô vẫn còn ăn vận theo lối xưa, nghĩa là vẫn giữ được cái đẹp nề nếp, không lố lăng như con trai. Vào mùa lạnh, các cô mặc áo nhung trên đầu phủ cái khăn rua đen, trông mận mà như các *madonna* của tranh cổ điển Ý Đại Lợi.

Lúc này có một thiếu nữ tên là Hồ Thị Mịch mới khoảng 16 tuổi, đạp xe đạp từ Saigon ra Hà Nội. Ai cũng phục cô con gái nhỏ tuổi mà có can đảm dùng xe đạp để vượt hai ngàn cây số trên con đường cái quan có những cái đèo cao vút như Đèo Ngang, Đèo Cả.... Ít người biết được rằng có một hãng Việt-Hoa làm nghề nhập cảng xe đạp ở Saigon đã thuê cô Mịch làm chuyện "phiêu lưu" này, coi như để quảng cáo cho một vụ buôn bán nhiều hơn là để cổ vũ tinh thần thể thao trong nữ giới. Trên con đường thuộc địa số một, cô Mịch ngồi trên xe ô tô nhiều hơn là đạp xe đạp. Chỉ khi gần tới một tỉnh lỵ cô mới xuống xe hơi để làm "nữ anh hùng xe máy", phóng xe như bay qua đám người được tập trung hai bên đường đón tiếp cô.

Thanh niên thời nào có tiếng lóng của thời đó. Ngôn ngữ của thanh niên hồi cuối thập niên 30 cũng khá ngộ nghĩnh.

* Chê bai thằng bạn làm những chuyện thối thì chúng tôi bảo : *Mày lọ lảm !* Danh từ "lọ" xuất xứ từ giai thoại này : Ông vua đùa nghịch của Việt Nam là Trạng Quỳnh phê bình ai đó bằng hai chữ "đại phong". Giải thích ra thì biết : "đại phong" là gió lớn, "gió lớn" thì đổ chùa, "đổ chùa" thì tượng lo, "tượng lo" nói lái là... "lọ tương". Nghĩa là thằng đó thối như cái lọ đựng tương để lâu ngày ! Danh từ "lọ" dần dần trở thành "lựa" và cũng mang ý nghĩa "không thơm và không đẹp".

* Chim gái thì có chữ "điều" lấy ra từ chữ nho.

* Khen người đẹp trai sang trọng, có danh từ "bô" = beau, và "kềng" = american, áp dụng cả tiếng Pháp lẫn tiếng Mỹ.

* Đi mua ái tình thì có khẩu hiệu "đỉnh đi em". Giấy bạc 5 đồng Đông Dương có hình con công thì giấy 100 đồng có hình cái đỉnh. "Đỉnh đi em" nghĩa là : Em mà "đi" với anh thì anh tặng 100\$ (chỉ con nhà giàu mới trả nổi...)

* Không hiểu vì sao cái "của quý" của phụ nữ lại được gọi là "đĩa" ?

Thời đó, tên nghệ sĩ cũng bị chọc ghẹo : Thi sĩ Xuân Diệu vốn là công chức Nhà Đoan nên được gọi là *Xuân Rượu Lậu*. Kịch tác gia Đoàn Phú Tứ không thành công trên sân khấu được gọi là *Đoàn Foutue*, nghĩa là hồng bég.

... Đào hát Phùng Há nổi danh được gọi là *Phùng Mồm Há Miệng*, so với Hít Le là *hít cái le* (tục quá nhỉ ?)

Dưới thời Pháp thuộc, việc hội họp đông đảo giữa người Việt là điều bị cấm đoán vì thực dân cho rằng gặp nhau như vậy là để làm "hội kín" hay để biểu tình chống

Pháp. Muốn gặp nhau, người ta tìm đến những hội hè. Cuối thập niên 30, tại Hà Nội và Hải Phòng có phong trào đi trải hội. Có ba nơi để thu hút chúng tôi : hội Chùa Hương, hội Đền Hùng và hội Đền Vạn Kiếp. Nếu chỉ có mục đích đi ngắm cảnh thì kéo nhau đi trải hội chùa Hương. Một bài thơ của Nguyễn Nhược Pháp do Trần Văn Khê phổ nhạc nói lên được tất cả cái đẹp của việc đi chơi chùa Hương :

*Hôm nay đi Chùa Hương
Hoa cỏ mờ hơi sương
Cùng thầy me em dậy
Em vấn đầu soi gương
Khăn nhỏ đui gà cao
Em đeo dải yếm đào
Quần lĩnh áo the mới
Tay cầm nón quai thao...*

Tổ lòng yêu nước thì đi trải hội Đền Hùng. Hội Hương Đạo đứng ra để tổ chức việc đi thăm viếng nơi thờ phụng các bậc tiên tổ của dòng giống Việt Nam. Các nhạc sĩ mầm non như Thẩm Oánh, Hoàng Quý và Lê Thương đã có những ca khúc về việc đi thăm đền tổ :

*Bốn nghìn năm văn hiến
Nước Nam oai hùng
Là nhờ công đức Hùng Vương...
(Thẩm Oánh)*

Và nếu muốn thỏa lòng mê tín thì rủ nhau đi trải hội Đền Vạn Kiếp để coi cảnh các ông đồng, bà cốt, trên những con thuyền xanh xanh đỏ đỏ, làm phép bắt ma, bắt tà. Sự mê tín không chỉ có ở vùng quê. Ở ngay thành đô, người ta cũng rất mê bói toán. Nghề xem bói và coi chỉ tay đã văn minh hơn xưa vì bây giờ có "Giáo Sư Chiêm Tinh Học" là Khánh Sơn ra đời, quảng cáo rất mạnh trên báo chí. Giáo sư bói toán này có người cháu ruột là ca sĩ Đức Quỳnh, chủ nhân sau này của một phòng trà ở Saigon và là người đào tạo ra nhiều ca sĩ như Thanh Thúy, Lệ Thanh vân vân...

Năm 1938, đối với tôi, là một năm rất quan trọng vì là năm khai sinh ra loại "nhạc cải cách". Sau một thời gian tung hoành của những bài ta theo điệu Tây do Huỳnh Thủ Trung tức Tư Chơi khởi xướng và các ca sĩ Kim Thoa, Ái Liên cổ vũ, bây giờ là lúc các thanh niên yêu nhạc muốn có những bài hát hoàn toàn Việt Nam, không còn phải vay mượn nhạc điệu Tàu hay nhạc điệu Tây nữa.

Một thanh niên gốc Huế có giọng hát hay tên là Nguyễn Văn Tuyên, từng sống tại một công sở Pháp ở Saigon và đang ngụ ở Thị Nghè, đã thử soạn ra mấy bài hát mới được bạn bè rất hoan nghênh. Anh Tuyên này được một công chức kiêm thi sĩ làm việc cho Đài Phát thanh RADIO INDOCHINE là Nguyễn Văn Cồn hết lòng giúp đỡ. Ông này đưa thơ của mình cho Nguyễn Văn Tuyên phổ nhạc và soạn luôn lời ca cho những bản nhạc không lời của Nguyễn Văn Tuyên. Hơn thế nữa, Nguyễn Văn Cồn còn giới thiệu Nguyễn Văn Tuyên với Thống Đốc Nam Kỳ hồi đó là Rivoalen và xin được trợ cấp để -- theo tin báo chí lúc đó -- Nguyễn Văn Tuyên đi diễn thuyết về âm nhạc cải cách tại các thành phố lớn như Huế, Hải Phòng, Hà Nội. Chính Nguyễn Văn Cồn là người đặt tên cho loại nhạc mới là *âm nhạc cải cách* (musique renouée) (1)

Tháng 3 năm 1938, Nguyễn Văn Tuyên tới Hội TRÍ TRI ở Hà Nội và Hội TRÍ TRI ở Hải Phòng sau khi đã dừng chân tại Huế để làm công việc ông gọi là vận động cho âm nhạc cải cách. Hai bài được hát lên trong buổi vận động này là : **Bông Cúc Vàng** và **Một Kiếp Hoa**.

Theo lời nhạc sĩ Lê Thương thuật lại trong một bài viết : "... buổi hát ở Hà Nội không thành công vì... cử tọa đông đảo, quá ồn ào, làm mất trật tự. Giọng Huế của ông hơi khó nghe... Còn có cả sự phản ứng của nhiều thanh niên Bắc Hà cho rằng việc hô hào của ông là thừa, vì loại nhạc mà ông gọi là cải cách đó, ở ngoài Bắc đã có rồi... " Lê Thương viết tiếp : "Buổi trình diễn ở Hải Phòng thành công hơn, nhưng chỉ có 20 người tới nghe. Ông Tuyên còn trình bày một lần nữa tại rạp chiếu bóng Palace nhân kỳ hội của Trường nữ học HOÀI ĐỨC..."

Nguyễn Văn Tuyên có thể không thành công trong những buổi vận động cho âm nhạc cải cách ở Bắc Việt vì giọng nói khó nghe hay vì hai bài hát không được hấp dẫn cho lắm, nhưng hành động của ông thì, theo tôi, không thể gọi là thừa được. Bởi vì trước khi ông công khai ra mắt công chúng tại các thành phố lớn ở ba miền Trung Nam Bắc, chưa có một cá nhân nào, một nhóm nhạc sĩ nào gây được sự chú ý của mọi người về sáng kiến của họ trong phạm vi âm nhạc mới, khả dĩ có thể thay thế được cái phong trào gọi là bài ta theo điệu Tây. Bấy giờ việc làm của Nguyễn Văn Tuyên được báo chí tường thuật kỹ càng rồi được mọi người bàn ra tán vào, người khen kẻ chê ầm ỹ cả lên. Tuần báo có thể lực nhất lúc đó là tờ NGÀY NAY thì hết lòng ủng hộ, cho đăng tải bài hát của Nguyễn Văn Tuyên trong số 122 ra ngày 7-8-1938.

Đây là lúc tôi đã mê hát và thích nghe nhạc lắm rồi ! Anh Khiêm đem ở Tây về rất nhiều đĩa hát và tôi thường lấy trộm để nghe. Tôi đã thuộc lòng những bản nhạc cổ điển như **Sérénade** của Schubert, **Élégie** của Massenet và những **aria** trong các opéra như **Le Barbier De Séville** của Mozart hay **La Norma** của Bellini. Tôi cũng hay nghịch ngợm với các điệu hát cổ điển này bằng cách thay đổi âm thể (mode) của bài hát. Ví dụ bài **Sérénade** của Schubert là trong âm thể "mino", tôi thử hát với âm thể "majo" để thấy sự khác biệt của tình cảm khi bị chuyển thể. Và sau khi đã hơi quen thuộc với âm nhạc, lẽ dĩ nhiên tôi hoan nghênh công việc vận động cho âm nhạc cải cách của Nguyễn Văn Tuyên và Nguyễn Văn Cẩn.

Trước khi có cái gọi là biến cố tháng ba 1938 gây ra bởi Nguyễn Văn Tuyên, tôi hay tới một tiệm bán đàn ngay cạnh nơi tôi sửa radio ở phố Hàng Gai để ngắm nghía các thứ đàn và để nhìn nhạc sĩ chủ nhân đang dạy học trò đánh đàn guitare hawaïenne ngay sau quầy hàng. Đó là nhạc sĩ Dương Thiệu Tước. Anh nhạc sĩ trẻ trung và đẹp trai này chưa bằng lòng với bộ mặt tròn trĩnh, trắng trẻo của mình nên thỉnh thoảng còn đánh phấn và bôi son nữa. Các cô gái Hà Nội rất mê chàng nhạc sĩ công tử bột và dòng dõi của Dương Khuê này.

Lúc đó Dương Thiệu Tước đã nổi danh ở Hà Nội là người đánh đàn ghi ta hạ uy di rất giỏi. Cùng với Thẩm Oánh, Vũ Khánh, anh thành lập một ban nhạc lấy tên là MYOSOTIS (Hoa Lưu Ly). Trong sinh hoạt hằng tuần với các bạn nhạc sĩ tài tử của mình, ngoài những bài nhạc cải cách ra, Dương Thiệu Tước còn sáng tác những bài mang những đầu đề bằng tiếng Pháp, như **Joie d'Aimer** (Thú Yêu Đương) **Souvenance** (Hồi Niệm) **Ton Doux Sourire** (Nụ Cười Êm Ái Của Em). Lời ca của những bài này là do Thẩm Bích (anh ruột của Thẩm Oánh) soạn ra, lẽ dĩ nhiên bằng tiếng Pháp.

Thấy Nguyễn Văn Tuyên tung hoành như vậy, cùng với Dương Thiệu Tước, các

nhạc sĩ trẻ của Hà Nội lúc đó là Thẩm Oánh, Văn Chung, Lê Yên... bèn tung ra những nhạc phẩm hoàn toàn Việt Nam mà họ đã soạn trước khi Nguyễn Văn Tý ra Bắc nhưng họ hãy còn e dè chưa dám đem ra trước công chúng. Chỉ trong một thời gian rất ngắn, tôi đã được hát những bài như **Hồ Xuân** của Thẩm Oánh, **Tâm Hồn Anh Tìm Em** của Dương Thiệu Tước, **Bóng Ai Qua Thềm** của Văn Chung... Nhưng phải thú nhận rằng tôi chỉ bị rung động mạnh mẽ bởi một bài hát tới ngày nay đã trở thành cổ điển của nhạc cải cách là bài **Con Thuyền Không Bến** của Đặng Thế Phong, con người tài hoa mệnh yếu, quê quán ở thành phố Nam Định bé nhỏ và lặng lẽ.

Cũng như con thuyền của Đặng Thế Phong, rồi đây tôi cũng không tìm ra một cái bến nào để cắm neo cả. Cuối cùng có lẽ sẽ đành chết già ở một nơi thị trấn giữa đàng nào đó mà thôi !

(1) Vào mùa Thu 1982, tôi ngồi uống cà phê với Thạc Sĩ Nguyễn Văn Cẩn tại một quán nhỏ trong khu Latin Paris, ôn lại những ngày cũ và được nghe ông đọc vài bài thơ về thời thế... Tôi ngỏ ý rất tiếc cho một nước Việt Nam chưa bao giờ được **an vi** để có cơ hội cho tất cả những người trong Làng Âm Nhạc họp nhau lại, viết cho thật kỹ càng một Bộ Nhạc Sử trong đó Nguyễn Văn Cẩn phải có một chỗ ngồi xứng đáng.

*Biệt Ly ! Nhớ nhung từ đây
Chiếc lá rơi theo heo may
Người về có hay...
Dzoãn Mẫn*

Chương Mười Ba

Bây giờ là năm 1939. Nhạc Cải Cách (hay là Tân Nhạc Việt Nam) đã bắt đầu đi vào thời kỳ thành lập với những nhạc phẩm rất hay như **Khúc Yêu Đường** (Thẩm Oánh), **Trên Thuyền Hoa** (Văn Chung), **Thuyền Mơ** (Dương Thiệu Tước), **Cô Lái Thuyền Mơ** (Dzoãn Mẫn)... Tôi say mê ngồi chép ra và hát lên những bài hát rất lãng mạn này nhưng không bao giờ tôi dám nghĩ rằng nay mai mình sẽ sống bằng cái gọi là nhạc cải cách hay là tân nhạc cả.

Lúc này, hình như ai cũng thêm sống cuộc đời sông nước cho nên các vị tiên phong trong âm nhạc cải cách toàn nói tới những con thuyền. Nhưng những thuyền tình này đều không đến nỗi tuyệt vọng như con thuyền của Đặng Thế Phong, vì đã có bờ bến là tình yêu :

*Ngọn trào đưa sóng, thuyền tới nơi đâu
Chiếc thuyền tình xa chìm nổi.
Thuyền ơi ! Hãy ghé vô bờ
Để ta đỡ phải mong chờ...
(KHÚC YÊU ĐƯỜNG -- Thẩm Oánh)*

*Dừng chèo lại đây cô lái thuyền ơi !
Dừng chèo lại đây giây phút ngừng trôi
Chiều nay tôi đến bến sông xa vắng
Bờ sông xa vắng khách riêng mình tôi...*
(CÔ LÁI THUYỀN MƠ -- Dzoãn Mẫn)

Cho tôi viết ra đây một câu kịch cớm : Các vị nhạc sĩ Việt Nam của năm 1939 đã nhìn thấy cái ngày mà tất cả dân Việt Nam đều muốn trở thành thuyền nhân chẳng ?

Hàng ngày tôi vẫn tiếp tục đạp xe tới phố Hàng Gai để vào ngồi trong tiệm sửa radio Nguyễn Đình Thụ hay để lang thang dạo chơi những phố chung quanh. Tới phố Hàng Bông là thấy ở bên này phố có người thợ ngồi bật bông bằng một dụng cụ giống như cái đàn bầu hay cái cung bắn tên thật lớn. Ông ta đặt dụng cụ độc đáo đó vào một đồng bông rồi cầm thanh gỗ đánh vào cái dây thì dây rung lên rất là mạnh mẽ làm cho đồng bông tung lên bời bời. Bên kia phố, đối diện với ông bật bông là một bà ngồi giã thịt làm giò làm chả. Hai bên thi nhau phát ra những âm thanh bùng bùng và chát chát, khi to khi nhỏ, khi đầy khi vơi, làm thành một bản hoà tấu nghe đầy ắp "tinh thần dân tộc" (!)

Rồi la cà tới phố Cầu Gỗ, bước vào cửa hàng bán sách báo Pháp, lục coi những truyện vui bằng tranh vẽ, làm quen với **Mickey, Félix Le Chat**... Hồi đó, có họa sĩ Mạnh Quỳnh là người tiên phong trong việc vẽ truyện bằng tranh dành cho thiếu nhi Việt Nam. Hay vào phố Hàng Bạc mua bánh đậu xanh ngon nhất Hà Nội của cô Tý Rõ. Cô Tý Rõ là bạn gái của chị tôi nên nhiều khi mua một gói, cô cho thêm một gói. Thú ghê !

Một hôm đang làm việc tại hiệu sửa radio, thì ông chủ tới bá vai nói :
-- *Cậu có muốn đi Moncay, làm việc với ông bạn của tôi là ông Hoàng Văn Liễn không ? Ông ấy cần một người đã biết qua về nghề rèn, nghề sắt để làm việc trong nhà Máy Đền...*

Bỗng nhiên được đi xa như vậy, tôi vội vàng nhận lời ngay. Tại thành phố rất êm ả này, vào thời kỳ Thế Chiến 2 chưa bùng nổ, đời sống của tôi quá ư bình thường trong khi tôi đang bước vào tuổi thềm phiêu lưu, thềm cái mới cái lạ. Tôi trở về nhà để chào tạm biệt mẹ...

... Một buổi sáng tinh mơ của mùa Đông, mình mặc bộ âu phục bằng nỉ xanh do anh rể mới cho, đầu đội mũ nỉ đen bằng dạ, tay xách valy nhỏ, tôi leo lên chiếc xe kéo đưa tôi ra Ga Hàng Cỏ để đón tàu đi Hải Phòng. Từ hải cảng này, tôi sẽ lên tàu thủy đi Tiên Yên rồi chuyển sang ca nô vào tỉnh Moncay. Đây là lần đầu tiên tôi làm một chuyến đi xa với nhiều chặng đường như vậy. Từ bé tới giờ tôi có may mắn được xê dịch luôn luôn. Khi thì về quê thăm vú ở ngôi làng cách Hà Nội khoảng 20 cây số. Lần bỏ nhà đi theo anh chàng làm trò quỷ thuật, tôi đã xuống tới Nam Định. Rồi được đi Bắc Ninh thăm Cô Án, được đi Suối Rút, Núi Chẹ hay đi Chùa Hương, đi Đền Sòng Phổ Cát với mẹ... Dù đã đạp cửa ra đi tự lập thân, nhưng tôi vẫn còn ở trong thành phố, thỉnh thoảng gặp lại mẹ và người trong họ. Bây giờ coi như tôi sẽ thoát ly hẳn gia đình để đi sống ở một nơi thật là xa lơ xa lắc. Ra tận biên giới ! Trong mười năm trời sắp tới, tôi sẽ là một kẻ tứ cố vô thân cho tới khi tôi lập gia đình vào năm 1949.

Bỡ ngỡ trong nhà ga chính của Hà Nội, tôi đưa tay giữ chặt cái túi bên trong của áo

veston.

-- *Con phải coi chừng nhé ! Nhà ga Hàng Cỏ nổi tiếng là có nhiều kẻ cắp đó...*

Sáng nay trước khi tôi leo lên xe kéo, mẹ tôi đã dặn dò và dúi cho một ít tiền. Vì đã lớn rồi, tôi không khóc khi chia tay mẹ nhưng bây giờ ngồi trong toa xe hoả, tôi mới thấy buồn. Nỗi buồn cũng vừa phải vì tôi đang thêm đi. Xe hoả chuyển bánh rời nhà ga. Chạy trên đường sắt cao hơn mặt phố, tàu đi qua một Hà Nội chưa tỉnh ngủ. Những làn khói xanh bé bỏng toả lên từ những mái nhà cổ. Chưa bao giờ lên cao để nhìn thủ đô, bây giờ tôi thấy thành phố là bức tranh nổi làm bằng sành. Tàu chạy tới cầu Doumer (về sau được gọi là cầu Long Biên). Lúc còn ít tuổi, mẹ cho đi thăm Cô Ân ở Bắc Ninh, tôi còn quá bé để rung động với cái sườn sắt trên này hay với dòng nước dưới kia. Bây giờ, khi tàu vượt qua cầu thì tôi tiếc là chưa được sống với con sông lịch sử này. Khi nhìn nhận Hồ Gươm là giọt lệ, tôi chỉ coi sông Hồng là sức mạnh của thành đô, nhất là vào mùa nước lớn. Không yêu nó như Văn Cao để soạn câu hát :

*Nhị Hà còn kia ! Nhị Hà còn đó !
Lũ quân chàng Tôn sập cầu trôi đầy sông...*

Trên chuyến tàu thoát ly này, tôi chỉ kịp đưa mắt chào những cánh bèo và khúc củi rừng đang trôi vội vã dưới sông.

Ra khỏi Gia Lâm, tàu vun vút đi trong vùng quê ướt át. Vào giữa mùa lạnh, tôi thấy đồng quê xanh tươi hẳn lên như muốn vươn mình để chống lại mùa Đông chết chóc. Tàu lắc lư làm tôi ngáy ngất. Những cột giây điện vút ngang làm tôi chóng mặt. Tiếng còi tàu rú lên khi treo qua đường cái làm tim tôi đập phồng. Qua cửa sổ, tôi thoáng nhìn bóng người dắt trâu đứng kiên nhẫn sau những thanh chắn bằng tre. Tôi thấy cái thú giang hồ đang xâm chiếm tôi ! Tôi bỗng chảng còn biết sợ một chuyến đi rất dài tới một nơi rất xa lạ nữa.

Trong chuyến đi xa đầu tiên này cũng như trong những chuyến đi sâu vào quê hương hay đi rộng ra thế giới trong tương lai, lắm lúc tôi thắc mắc vì không thấy trong nước ta có những công trình xây đắp vĩ đại như di tích Angkor, Kim Tự Tháp hay đền đài La Mã, Hi Lạp... Nhưng rồi tôi thấy tinh thần Việt Nam không cần phải được thể hiện qua những đền đài miếu mạo to lớn. Trong suốt dọc đường lịch sử, người Việt Nam lúc nào cũng phải gồng mình lên để giữ nước, dựng nước, lúc nào cũng nghèo khó từ vua tới dân nên không có ai nghĩ tới chuyện xây đắp những công trình kiến trúc lớn lao. Tổ tiên ta chỉ cần biểu dương tinh thần dân tộc qua những đồ mỹ nghệ, qua những câu ca dao, qua tình đoàn kết và sự thương yêu nhau, rất bé bỏng, rất vừa phải, rất phù hợp với một dân tộc luôn luôn biết tự sĩ. Không huyênh hoang tự đắc nên không phô trương bằng những công trình kiến trúc to lớn. Vua chúa thương dân, không bắt dân phải nai lưng làm công việc suy tôn người lãnh đạo nên nước ta không có nô lệ. Dân cũng không ưa những ông vua thích khoe khoang. Chỉ có nhà Nguyễn là có dăm ba đền đài thành quách và nhất là có nhiều lăng, nhưng khi vua Tự Đức đặt tên lăng là Vạn Niên thì có câu thơ chỉ trích :

*Vạn Niên là vạn niên nào ?
Thành xây xương lính hào đào máu dân...*

Lịch sử còn cho ta thấy rằng để có được một Vạn Lý Trường Thành, một Angkor, một Kim Tự Tháp, người dân Trung Quốc, Kmer, Ai Cập đã phải hi sinh ra sao ? Hơn nữa, mỗi khi một đền đài lăng tẩm vĩ đại của nước nào được xây cất xong là thấy ngay sự tàn lụi của dân tộc của nước đó. Người Việt Nam đừng quên bài học

này !

Tới Hải Phòng, vì không quen ai, tôi ra thẳng bến tàu. Lần đầu tiên tôi thấy một cửa bể. Nhìn cái gì cũng thấy thú, từ cái cần trục tới con tàu sắt han rỉ, từ nhà máy có tiếng còi gọi sáng tới cửa kho chật chội hàng hóa. Bến tàu nhộn nhịp với đám công nhân hùng hục khuôn vác. Người bán quà rong đem tới rổ xôi lúa hay gánh bún chả, cất tiếng rao hàng lanh lảnh. Hành khách hối hả chen nhau lên tàu. Tôi nhìn thấy biển ở xa xa. Gió thổi vào mũi thấy mặn mùi muối. Tôi nghe tiếng chim biển vỗ cánh...

Tới giờ nhổ neo, tàu Bạch Thái Bưởi kéo còi rồi từ từ ra khỏi bến. Hải Phòng khuất dần trong sương mù. Buồn lằng lằng. Rồi con tàu trôi vào vùng nước rộng. Sóng biển bạc đầu nhô lên rồi nhào xuống. Bọt sóng lăn tăn chung quanh con tàu. Tuy đã được xuống Hải Phòng lúc 14 tuổi để đón anh Khiêm từ Pháp trở về, đây là lần đầu tiên tôi gặp biển và còn được đi trên biển nữa. Rất lẳng mạn, tôi muốn trở thành tình nhân của biển ngay. Bài **Viễn Du** ra đời 15 năm sau với câu hát *Ra khơi biết mặt trùng dương* khởi sự từ giây phút này.

Rồi tàu chạy tới vịnh Hạ Long. Tàu đi qua những cái động mang tên **Động Kỳ Quan** (Grotte Des Merveilles), **Động Ngạc Nhiên** (Grotte De La Surprise)... và làm tôi rạo rực vì được đi qua một cảnh trí mình chỉ biết qua sách vở. Rồi tự đắc vì thấy mình là khách giang hồ (!) thực thụ, đến độ không thấy đói trong khi mọi người chung quanh mở khăn gói lấy đồ ăn và nói chuyện om xòm. Đa số hành khách là người Tàu đi buôn bán giữa Hải Phòng và Moncay. Chuyến đi mà tôi muốn là trên một *con tàu không bến* chỉ mất hơn nửa ngày đã tới bến.

Tới Tiên Yên nhưng tàu không vào được bến vì nước cạn. Tàu buông neo ở cách bờ biển khoảng 50 thước. Hành khách nhanh nhẹn nhảy xuống nước, lội vào bờ. Trời đã gần tối, phải nghỉ lại Tiên Yên một đêm. Trong quán trọ, tôi nghe người ta kể chuyện hải tặc tới cướp của giết người tại đây. Lũ giặc biển là người Tàu (gọi là Tàu Ô) từ vùng biển Trung Hoa rất gần với Tiên Yên, thường kéo buồm sang đây để ăn cướp. Nghe vậy thì tôi rất sợ hãi. Có người nói :
--*Ngày mai, chiếc ca nô chạy đi Moncay sẽ có lính khổ xanh đi hộ tống.*

Thế là tôi yên chí.

Khi ca nô tới Moncay, không có ai đón tôi cả. Tôi hỏi thăm đường về nhà ông chủ Nhà Máy Đèn. Nhà ông nằm ngay cạnh cây cầu biên giới, trên mảnh đất đối diện với tỉnh Đông Hưng bên Tàu. Gặp ông chủ mới, tôi có cảm tình ngay.

Ông Hoàng Văn Liễn, tốt nghiệp kỹ sư điện ở Pháp về, không phải là một người cao lớn nhưng trông ông rất lực lưỡng. Vẻ mặt hiền từ, giọng nói thân mật. Bà Liễn rất đẹp và là bà giáo của trường công lập trong tỉnh Moncay. Ông bà có hai đứa con nhỏ rất xinh. Anh ruột của ông Liễn là Chánh Án Hoàng Văn Châu sau này sẽ lấy chị ruột của tôi ở bên Pháp. Lúc đó cả hai người đã luống tuổi và đều tục huyền, tái giá sau khi góa vợ, góa chồng. Sau khi đã trình diện ông chủ, tôi được đưa tới nơi ở trọ đã định trước là nhà ông Đỗ Tử Côn, thư ký nhà máy điện.

Thành phố Moncay nằm trên một con đường dài có nhiều con dốc. Diện tích thành phố có lẽ không ngoài mười cây số vuông. Nhà cửa kiểu cổ quét vôi trắng toát nằm dưới ven đường. Trên sườn đồi là những lò gốm của người Tàu. Tất cả bát đĩa nằm trong bếp núc của người dân Bắc Việt đều được sản xuất ở đây. Lò gốm làm việc suốt ngày đêm. Những đêm buồn, tôi chỉ cần ra cửa sổ ngược mắt nhìn lên đồi, ngắm những ngọn lửa sáng rực trên các lò gốm là thấy ấm lòng ngay.

Nơi tôi ở trọ nằm trên con đường chính của thị xã, gần Nhà Máy Điện. Ông bà Đỗ Tử Côn và các con nhỏ chiếm một gian phòng rộng ở trên gác. Một gia đình người Tàu, chủ nhân của căn phố, ở dưới nhà. Giang sơn của tôi là một cái giường kê không xa giường ông bà Côn là mấy. Trong thời gian sáu tháng ở trọ tại đây, suốt ngày đêm tôi được nghe bà Côn day nghiêng chồng về tội ăn chơi, nhất là tội bao gái người Tàu.

Ông Đỗ Tử Côn, người Thanh Hoá, đeo kính cận thị, mặt mũi nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao, bề ngoài trông rất hiền lành nho nhã nhưng bên trong là một tay ăn chơi khùng khiếp. Ông vốn là bạn của Nguyễn Tuân trong thời trai trẻ mà ! Trong những ngày ở gần ông, tôi được nghe ông nói nhiều chuyện về văn chương và về các nhà văn mà ông quen biết như Đồ Phồn, Nguyễn Tuân, Đàm Quang Thiện... Trước đây ông cũng là một nhà văn, nhà báo nhưng không nổi danh vì không bao giờ ông được ở tại Hà Nội để hành nghề văn sĩ.

Ngoài chuyện giảng văn ra, ông Côn còn huấn luyện tôi rất kỹ càng trong lối sống hành lạc. Đi đánh bạc, đi hút thuốc phiện, đi chơi gái... đi đâu ông cũng dắt tôi đi theo, khi thì đi qua Đông Hưng ở bên kia biên giới, khi thì đi chơi ngay trong vùng ngoại ô tỉnh Moncay. Rất có thể ngoài tôi ra, tại nơi tỉnh lỵ biên phòng nhỏ bé này, ông không có ai là bạn cả nên đành chấp nhận tôi là "đồng chí". Trong túi ông lúc nào cũng có một cái vòng nhỏ có gai bằng cao su dùng để trợ dâm (giống như cái mắt dê mà tôi biết sau này). Ông bảo tôi rằng người Tàu gọi nó là cái lục quốc phong tướng, tức là có tới sáu quốc gia phong nó làm tướng quân ! Chẳng trách ông có người tình là một thiếu nữ người Tàu rất trẻ. Trong bức ảnh ông cho tôi coi, tôi thấy cô Tàu này rất đẹp và có đôi mắt rất dâm.

Ông Côn dẫn tôi tới gặp ông Cai là người chỉ huy trực tiếp của tôi tại nhà máy đèn với những lời ân cần gửi gắm. Mới nhận việc thì tôi làm thợ rèn. Sau một thời gian tôi được đổi qua việc coi lò than trong nhà máy điện.

Làm thợ rèn thì dễ, vì tôi đã quen cầm búa tạ để vung đôi tay đập xuống những thỏi sắt nung khi đi học ở trường Kỹ Nghệ. Coi lò than và làm ca đêm, từ 11 giờ tới 4 giờ sáng, thì hơi mệt vì phải thức đêm để luôn luôn xúc than đổ vào lò. Lò này nung nóng nước trong nồi **xúp-de** (chaudière) để làm ra hơi chuyển động máy biến điện. Việc này rất quan trọng vì nếu không đun đủ lửa để nung sức nóng thì máy ngưng chạy và cả thành phố sẽ mất điện ngay. Không chú ý tới nút an toàn và đốt nhiều than quá thì làm nổ nồi xúp-de, coi như mình sẽ là người đi đứt trước tiên. Vì cả hai công việc này đều giúp tôi được hít rất nhiều thán khí (Co₂) cho nên sau năm tháng làm việc tại đây, tôi bị bệnh nám phổi và phải vào nằm điều trị tại nhà thương Moncay. Sau khi khỏi bệnh, vết sẹo ở trong phổi còn hành hạ tôi mấy chục năm sau mới hết.



Làm thợ Nhà Máy Điện, Moncay

Tuy nhiên, trong việc coi lò than tôi rất vui vì có anh bạn cùng ca với tôi luôn luôn hát những câu Vọng Cổ rất mùi mẫn. Anh ta là một kép hát đã giải nghệ để đi làm thợ. Trong đêm khuya khoắt, hai anh công nhân mình mẩy đen sì vì bụi than, mồ hôi ròng ròng vì sức nóng của lửa, giữa tiếng máy chạy sè sè... ngồi nói chuyện hát Cải Lương mà quên cả mệt.

Khi làm việc tại lò rèn, tôi làm quen với một nữ công nhân tên là Ty -- cháu của ông Cai -- rồi trở thành người tình của nàng. Người tình công nhân này (cũng giống nàng Nụ ở Yên Thế mà tôi gặp sau này) khoẻ mạnh cả tâm hồn lẫn thể xác, ngoài mặt thì có vẻ nhu mì nhưng khi yêu nhau thì nàng là hoả diệm sơn ! Tôi còn nhớ ngày chúng tôi yêu nhau thực sự là vào một buổi chiều chủ nhật, sau buổi văn nghệ tài tử ở trong tỉnh, có tôi và cô nữ công nhân tham gia. Sau buổi diễn người tình kéo tôi về nhà để ân ái. Lúc đó tôi là một anh thợ trẻ khoẻ mạnh như hùm cho nên tôi chẳng cần đến cái **lực quốc phong tướng** của ông Côn để thoả mãn người nữ công nhân đẹp đẽ và mặn mà này. Làm tình xong là học tốc chạy ra nhà máy điện để làm việc dù hôm ấy là ngày chủ nhật.

Ngoài Nhà Máy Điện ra, ông Hoàng Văn Liễn còn là chủ nhân của một rạp ciné chuyên chiếu phim Tàu, nằm ngay cạnh bờ con sông nhỏ chia đôi hai nước Việt-Hoa. Những lúc không bận việc tại lò rèn hay tại nhà phát điện, tôi được ông chủ phái tới kiểm soát vé tại rạp ciné. Tha hồ mà coi phim Tàu. Coi đến phát ngáy. Tại rạp ciné tôi có một người Tàu tên là Ấ Cẩu (Anh Chín) để sai vặt. Tuổi Ấ Cẩu đã ngoài ba mươi nhưng anh ta bé choắt như thằng bé lên mười. Anh Chín người Tàu này nghiện thuốc phiện từ lúc lên năm, lên sáu cho nên không lớn lên được. Nhờ được thấy trước mắt kết quả tai hại của thuốc phiện cho nên tôi đã không mắc nghiện dù tôi có rất nhiều dịp để tới gần Ấ Phù Dung. Tôi thường sai anh Tàu nghiện này đi đánh đề hộ tôi, sau khi tôi nằm mơ thấy những con vật để chọn số đề. Chẳng bao giờ tôi trúng đề cả cho nên dù sòng bạc ở ngay trước mặt rạp ciné, ít khi tôi lai vãng tới nơi đổ bạc này. Nếu có tới là chỉ để thưởng thức không khí nhộn nhịp của sòng bạc, có những cô gái Tàu cất tiếng kêu "Hối ! Hối ! " nghe như tiếng gọi của ái... tiền !

Trong thời gian ở Moncay, tôi rất mãn nguyện trong đời sống của mình. Khi còn tập việc tại tiệm sửa radio Nguyễn Đình Thụ ở phố Hàng Gai Hà Nội, lương lậu của tôi cũng chẳng là bao, thỉnh thoảng còn xin tiền mẹ. Về tinh thần cũng vậy, tôi phải dựa vào tình yêu của mẹ để sống. Bây giờ, tại Moncay, tôi là một công nhân thực thụ, hoàn toàn tự lập trong mọi phương diện. Có việc để làm, có tiền để tiêu, có ông bà chủ đối đãi tử tế, có người bạn hơn tuổi để học hỏi việc ăn chơi, có người tình để yêu, nhất là chẳng có ai để mà thù ghét cả ! Tuyệt vời ! Tôi chẳng thấy mình cô đơn lúc nào cả, ngay cả trong thời gian nằm trong nhà thương vì một bệnh khá nặng là bệnh đau phổi. Tôi có người tình tới chăm sóc luôn luôn nên tôi chóng khỏi bệnh.

Ngoài người tình công nhân ra, tôi có thêm một mối tình thâm với cô con gái của ông chủ nhà người Tàu. Gọi là tình thâm vì tôi không nói giỏi tiếng Tàu. Tiếng Tàu của tôi chỉ đủ dùng mỗi khi tôi qua Đông Hưng để ăn tìm xẩm (điểm tâm) vào những ngày chủ nhật mà thôi. Người dân Moncay đi qua chơi ở Đông Hưng chẳng cần phải giấy

thông hành gì cả. Tôi qua nước Tàu còn quá dễ vì lính gác ở đầu cầu bên kia thường qua Moncay coi ciné và biết tôi là người xé vé. Nhiều khi tôi còn cho họ vào coi ciné không mất tiền nữa. Giá lúc đó tôi làm nghề buôn thuốc phiện lậu thì thật là dễ dàng. Và tôi đã giàu to rồi. Qua Đông Hưng ăn sáng nhưng thỉnh thoảng tôi cũng đi sâu vào nội địa để thấy đời sống cơ cực của nông dân Trung Hoa. Cũng nghèo đói và ngu muội như bất cứ nông dân nào phải sống dưới ách phong kiến hay thực dân. Tôi nhớ tới cái nghèo của dân vùng Tràm Chối, Sơn Tây, quê hương của vú tôi. Dân có nghèo khổ nhưng không bao giờ dấn loạn. Tại vùng Đông Hưng này, người Tàu (và kể cả người Nùng ở phía bên Moncay, Hải Ninh nữa) có cái tục giết con gái và bán vợ.

Trung Quốc đang là cái mồi béo của Nhật Bản. Chiến tranh đã tới nước của những ông con Trời rồi. Lầy biến cố Lư Cầu Kiều làm cái cớ trong mưu đồ bá chủ vùng Đông Nam Á, Nhật Bản đã đem quân xâm lăng Trung Quốc từ năm 1937. Quân Đội Nhật đã chiếm Quảng Châu trong năm 1938 và vừa mới chiếm xong đảo Hải Nam trong năm 1939. Nhưng cũng chẳng cần phải có chiến tranh, ngay trong thời bình đời sống của người dân quê ở nước Tàu cũng đã gặp nhiều khó khăn rồi. Sống dưới ách đế quốc Nhật Bản, chắc họ còn gặp khó khăn gấp bội, cho nên khi Mao Trạch Đông xuất hiện với chính sách lấy nông dân làm giai cấp chủ lực của cuộc cách mạng vô sản thì dân quê ở Trung Quốc đi theo họ Mao ngay.

Vào năm 1939, tình hình chính trị ở Việt Nam có vẻ lằng lộn. Hầu hết các người chống Pháp thuộc phe tả như Tạ Thu Thâu, Dương Bạch Mai, Trần Văn Giàu bị bắt giam sau khi cuộc nổi loạn ở Nam Kỳ bị thất bại. Ở ngoài Bắc, dựa vào thời kỳ nước Pháp có chính phủ thuộc phe Mặt Trận Bình Dân (Front Populaire) khiến cho thực dân Pháp ở Việt Nam phải nói lỏng báo chí, lãnh tụ Nguyễn Tường Tam đã bày tỏ được những tư tưởng quốc gia của mình và tạo được một mặt trận hợp pháp có danh xưng Mặt Trận Dân Chủ Đông Dương. Nhưng vào năm 1939, sau khi Mặt Trận Bình Dân hết cảm quyền tại Pháp, chính quyền thuộc địa ra sắc lệnh nghiêm cấm mọi tổ chức chính trị và thẳng tay đàn áp những người chống đối. Đa số những người làm Cách Mạng của cả hai phe tả và hữu đã phải rút qua Trung Hoa để lánh nạn.

Vì nhóm Cường Để có lãnh tụ sống lâu năm ở Nhật Bản và vì thấy Quân Đội Nhật đang nhòm ngó Đông Dương nên Pháp thực dân nường tay không khùng bỏ nhóm này. Giáo Phái Cao Đài ở trong Nam cũng được đối xử như vậy. Tuy nhiên hai tổ chức thân Nhật này không có quần chúng để làm nổi công cuộc lật đổ người Pháp. Chỉ có Việt Nam Quốc Dân Đảng là vẫn còn uy tín lớn trong dân chúng nhưng Đảng này chưa tái lập được lực lượng kể từ ngày anh hùng Nguyễn Thái Học lên đoạn đầu đài. Đảng Cộng Sản Đông Dương rút hẳn vào bóng tối, chỉ chăm chú vào việc tổ chức các tiểu tổ trong giới thợ thuyền và nông dân ở nhiều nơi trong nước.

Vào mùa Thu năm 1939, Hitler xua quân chiếm Ba Lan. Đệ Nhị Thế Chiến khởi sự khi các nước Đồng Minh ở Âu Châu khai chiến với Đức Quốc. Đối với tôi, tình hình chính trị trong nước hay cuộc đại chiến vừa xảy ra trên thế giới cũng chẳng được tôi chú ý. Vả lại sống tại tỉnh lỵ nhỏ bé và xa xôi này, tôi không biết gì ngoài công ăn việc làm, đó là chưa kể việc ăn việc chơi của tôi nữa. Tôi làm gì có máy radio để nghe hay có báo chí để đọc những tin tức trong hay ngoài nước ? Ngay ông Côn là người đã trưởng thành về mọi phương diện văn hoá hay chính trị trong cả hai lĩnh vực quốc gia và quốc tế mà cũng mù tịt về mọi việc xảy ra bên ngoài cái tỉnh biên giới xa vắng này. Đại chiến cứ việc tiếp diễn với sự thắng lợi của Đức Quốc Xã.

"Mẫu Quốc Pháp" kêu gọi con dân các nước thuộc địa đóng góp vào việc chống "Đức tặc" giống như đã kêu gọi trong thời Đệ Nhất Thế Chiến. Tôi ở Moncay xa xôi nên chẳng nghe thấy gì cả !

Cách Moncay không xa là bãi biển Trà Cổ, nơi nghỉ mát của các viên chức người Pháp và là nơi dân nhà giàu ở tỉnh lỵ hay đi chơi vào ngày cuối tuần. Thỉnh thoảng tôi cũng cùng người tình công nhân dạo chơi trên bãi biển.

Bây giờ ngồi nhớ lại thì thấy, so với những bãi biển khác ven Việt Nam mà tôi đã đặt chân lên, Trà Cổ là một bãi biển hoang vắng và lạnh lẽo. Biển không xanh bằng biển Nha Trang, cát trên bãi không trắng bằng cát Qui Nhơn, du khách không đông như ở Đồ Sơn hay Sầm Sơn, dân làm nghề cá không nhiều như ở Phan Rang, Phan Thiết... Nhưng không sao, hai người tình công nhân này chỉ mong có một bãi biển vắng để tự tình. Chẳng cần bãi biển phải nguy nga hay tráng lệ. Dù đã có người dọa rằng :

--Này, bãi biển Trà Cổ có nhiều ma lắm đó !

Đời sống của tôi ở Moncay bình thản trôi đi với quá nhiều hạnh phúc. Lúc giã từ gia đình và tuổi thơ để khởi sự bước vào cuộc đời thực tế tôi cứ tưởng rằng cuộc phiêu lưu này sẽ vô cùng vất vả. Ai ngờ cuộc sống cũng không có gì là đáng sợ ! Tay làm hàm nhai, phụng dưỡng Việt Nam đã nói vậy, chỉ những người lười biếng buông xuôi tay ra là mới bị đói thôi.

Bỗng nhiên một hôm, vào giữa tháng 5 năm 1940, khi đi làm về, tôi thấy có thư của Phó Thịnh Cường, anh bạn học ngồi cùng bàn, làm cùng xưởng, ngủ cùng buồng với tôi ở Trường Kỹ Nghệ Thực Hành. Thư viết :

"... Cậu có muốn đi Tây làm thợ không nghề (ONS = ouvrier non spécialisé) trong Quân Đội Pháp hay không ? Nếu muốn thì về Hà Nội làm giấy đăng lính. Nhiều thằng đang học trường E.P.I. (Ecole Pratiques D'Industrie) đã lên tàu đi Pháp rồi. Còn rất nhiều chuyến đi nữa. Muốn đi thì phải về ngay..."

Trời ơi ! ĐI PHÁP À ? Cái mộng của bất cứ một thanh niên nào trong lứa tuổi tôi. Đây là cơ hội bằng vàng. Trăm năm một thuở. Sẽ được trả thù dân tộc đấy nhé ! (Dưới thời Pháp thuộc, cậu trai Việt Nam nào cũng muốn được ngủ với đầm để trả cái thù làm dân nô lệ) Đầu quân làm lính thợ thì đâu có phải ra bãi chiến trường ? Và lại nếu có chết vì súng đạn thì cũng chẳng sao. Mấy khi được xuất ngoại một cách dễ dàng như thế này nhỉ ?

Tôi vội vàng đi gặp ông chủ Hoàng Văn Liễn để xin thôi việc. Ông Liễn đã từng đi du học bên Pháp nên khi nghe tôi ngỏ ý muốn trở về Hà Nội để đăng lính đi Pháp thì không những ông không ngăn cản mà ông còn bắt tôi ngồi chơi để nghe ông kể chuyện những ngày ông sống ở Paris. Ông cho tôi biết trước những mảnh khoé vật để bắt tình với các cô đầm, để đi ăn tiệm, đi coi opéra hay để đi coi thắng cảnh theo lối rẻ tiền...

Từ giã gia đình ông bà Đỗ Tử Côn và tỉnh lỵ biên giới này, một ngày cuối tháng 5 năm 1940, tôi lên ca nô đi Tiên Yên, từ đó lại có con tàu Bạch Thái Bưởi đưa tôi tới Hải Phòng để đáp xe lửa về Hà Nội.

Chương Mười Bốn

Bước vào tuổi 19, tôi đã ra khỏi vòng cương toả của gia đình để bước hẳn vào đời sống thực tế tại một tỉnh biên giới xa xôi hẻo lánh và tôi cũng tìm thấy thú vui trong sự phiêu bạt (!) đầu tiên của đời mình.

Được sống trong một khung cảnh mới lạ hợp với sự hiếu kỳ của một thanh niên vừa lớn lên, được khoác bộ áo công nhân chỉ thấy *thơm* mùi mồ hôi và thán khí, nhất là tự thấy mình đã nuôi được mình rồi, không phải sống nương nhờ ai hay sống dưới quyền độc đoán của ai nữa -- ông chủ hay ông Cai đều là những người dễ thương -- thật là khoan khoái ! Có tiền (dù chẳng là bao), có bạn, có người tình, có những ngày đêm không trống rỗng. Yêu con người, yêu cảnh vật, yêu cuộc sống, thật là hạnh phúc ! Tôi còn muốn gì hơn ?

Vậy mà sau nửa năm sống với cuộc phiêu lưu đã trở thành rất bình thường, bây giờ, trước việc Hitler xua quân chiếm Âu Châu (cũng chẳng biết ông Hitler này là ai cả !) tôi bằng lòng bỏ hết tất cả những hạnh phúc vừa kể để đánh đổi lấy một cuộc phiêu lưu khác, to lớn hơn và chắc chắn kỳ thú hơn.

Bây giờ nhìn lại dĩ vãng và với nhãn quan chính trị mới thấy rằng lúc đó mình chẳng có một lập trường hay lý tưởng nào cả ! Bỏ Moncay về Hà Nội để đầu quân làm lính thợ ONS là một hành động vô ý thức. Đúng là hành động lạc loài của con thuyền không bến. Hay của con bướm mùa Xuân. Lớn lên trong sự ghét Tây nhưng không dám chống Tây. Biết hận thù thực dân Pháp nhưng lại đăng lính cho Pháp. Dù trong thâm tâm, tôi muốn đi Pháp không phải vì quá yêu *mẫu quốc* mà chỉ vì thích thay đổi, thích giang hồ, thích xuất ngoại và -- cứ nói thật đi -- thích ngủ với đầm ! Nhưng mộng đi Tây tan tành như xác pháo vì vừa về tới Hà Nội, chưa kịp tới phòng tuyển mộ lính ONS thì Pháp thua trận vào tháng 6 năm 1940. Một lô bạn bè của tôi, đa số là cựu học sinh Trường Kỹ Nghệ Thực Hành, đã mặc quân phục và xuống tàu ở Hải Phòng rồi, bây giờ đang lóp ngóp quay về Hà Nội.

Tôi về ở với mẹ trong một tháng trời. Lúc này gia đình tôi đã dọn tới đường Đỗ Hữu Vị, không xa căn nhà đường Châu Long là mấy. Anh Khiêm vắng nhà vì con người quân tử chịu ơn quốc gia đã nuôi mình ăn học thành tài nên đăng lính đi cứu nước Pháp chưa về. Việc này làm cho nhiều người chê trách anh Khiêm, nhưng tôi rất phục thái độ thấy đúng là làm của anh, bắt cần dư luận. Tôi được sống những ngày êm ả bên mẹ. Nhưng tôi quá nhàn rồi, cả ngày không biết làm gì ngoài việc đi chơi phố. Đã có một số tiền dành dụm khá lớn gửi mẹ, tôi bèn quyết định đi học. Đi học gì bây giờ ?

Một hôm, tôi đi coi triển lãm tranh. Tôi sực nhớ tới những tranh tôi vẽ lúc còn bé, phỏng theo tranh Đông Hồ với cô gái hứng dừa hay đám cưới chuột. Hoặc vẽ hình Mickey phỏng theo truyện bằng tranh của báo Pháp. Rồi khi lớn lên và đọc báo Phong Hoá, thấy tranh minh hoạ cho tiểu thuyết của họa sĩ Nguyễn Gia Trí vẽ theo lối tranh gỗ rất đẹp thì tôi cắt ra và dán vào album. Tôi còn cao hứng vẽ truyền thần ông Cả Bịp, Cậu Xuân hay Bà Ấm Chung nữa. Người trong tranh trông cũng khá

giống người mẫu. Mẹ tôi khen con trai út là có hoa tay (!). Nguyên cái truyện Tú Uyên với người đẹp trong tranh bước ra cũng đủ làm tôi mê hội hoạ rồi ! Tôi cũng nhớ tới lời nhận xét cách đây mấy năm của người anh rể họ xa là Đỗ Mộng Ngọc tức hoạ sĩ Côn Sinh. Khi coi các "tác phẩm" của tôi, anh Ngọc khuyên :
-- Chú Cần có **vocation** về vẽ đó ! Nên đi học *beaux arts*.

Thế là tôi quyết định ghi tên vào học Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương (Ecole Des Beaux Arts). Rồi với sự đồng ý của mẹ, tôi xách va ly tới trọ nhà bà vợ thứ của ông Bùi Kỳ tại khu chợ Hôm. Nói là trọ nhưng trong thực tế, tôi được bà Bùi cho ăn ở không phải trả tiền. Hoặc là giữa mẹ tôi và bà có sự chời họ hay góp tiền làm ăn gì đó, hoặc là giá sinh hoạt lúc bấy giờ tại Hà Nội cũng chẳng đắt đỏ gì cho lắm, tôi được bà Bùi Kỳ nuôi ăn nuôi ở để hằng ngày đạp xe điện đi học tại trường Mỹ Thuật. Tội nghiệp bà Bùi chỉ có một người con trai -- hình như con nuôi -- tên là Cương (đồng tên với thằng em sữa của tôi) thì cậu con lại bị bệnh polio từ khi còn nhỏ, suốt ngày nằm liệt trên giường. Bà Bùi cho tôi ở với bà cũng là để cho Cương đỡ cô đơn vì có một người anh hay một người bạn tới ở chung. Mỗi khi tôi đi học về là Cương léo nhéo nói chuyện với tôi không ngưng nghỉ. Và toàn nói chuyện yêu đời. Qua thân xác im lìm và đôi mắt sáng của Cương, tôi thấy được hình ảnh thâm thê của sự bất lực và thấy được sự ham sống vô cùng của con người khi bị lâm vào cảnh tê liệt.

Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật nằm tại góc hai con đường Reinach và Hàng Lọng. Người có công thành lập ngôi trường đào tạo hoạ sĩ Việt Nam là Victor Tardieu. Dù tranh sơn dầu (peinture à huiles) là môn học chính nhưng ông Tardieu -- với sự thôi thúc của giáo sư Inguimberty -- lại khuyến khích học trò học về tranh mộc bản, tranh lụa và tranh sơn mài là những nghệ thuật tạo hình có tính chất hoàn toàn Việt Nam. Giám Đốc của trường lúc đó là Everist Jonchère. Tất cả sinh viên khi nhập học đều phải qua một lớp dự bị (cours préparatoire) rồi tùy theo tài năng mà trở thành sinh viên chính thức. Có những anh học tới 7 năm trong lớp dự bị.

Gọi là sinh viên trường Mỹ Thuật cho oai, chứ thật ra chúng tôi là một lũ thanh niên "thừa giấy vẽ voi". Buổi sáng tất cả chăm chú ngồi vẽ người mẫu khoả thân, gọi là học **dessin académique**. Buổi chiều học cách trộn màu, gọi là học **décoration**. Có thầy Nam Sơn để râu dài dạy dessin, lúc nào thầy cũng khoe mình học vẽ ở Paris, nhà mình trên đường Bonaparte, tranh mình vẽ là **Le Portrait De Ma Mère** (Chân Dung Mẹ). Có điêu khắc gia Georges Khánh, người Việt lai Pháp dạy anatomie. Vợ thầy Khánh đẹp như tiên. Khi học cách dùng màu thì thầy dạy của chúng tôi là Tô Ngọc Vân. Trong mấy ông thầy, tôi phục thầy Vân nhất. Đứng gần thầy, tôi cứ tưởng tượng thầy là nhân vật trong cuốn tiểu thuyết ĐẸP của Khái Hưng dù vóc dáng của thầy thấp lùn, đôi mắt của thầy lồi ra và thầy rất hà tiện trong lời ăn tiếng nói.

Đi học vẽ tại Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Hà Nội, thật là quá vui đối với tôi lúc đó. Một chân trời mới mở ra cho tôi thênh thang đi vào. Tôi khởi sự học hỏi về Cái Đẹp. Trước hết học cái đẹp trên thân thể con người là vẽ tranh lõa thể. Vẽ tranh lõa thể là một điều mới mẻ đối với người Việt. Dù biết rằng mình đang bắt chước Âu Châu, từ sau thế kỷ 18, 19, coi thân thể con người không còn là điều nhơ nhuốc nữa, nhưng lần đầu tiên bước vào phòng vẽ thì tôi thấy ngỡ ngàng. Người mẫu với đôi vai tròn trịa, với bụng lẳn vú căng thì rất thản nhiên vì nàng quen cởi quần cởi áo trước lũ học trò được xếp vào hạng thứ ba sau ma và quỷ : nhất quỷ nhì ma thứ ba học trò. Thích

nhất là sau khi vẽ xong bằng bút than toàn thể thân hình người mẫu rồi lấy ngón tay di trên mặt tranh để làm nổi lên những bắp thịt. Tôi có cảm giác như đang sờ man làn da thịt của một mỹ nhân.

Có những buổi đi xuống Văn Miếu dùng nhọ nồi trộn với dầu lạc để in lại trên giấy bản những dòng chữ nhỏ và những "hoa văn", khắc trên các bia lớn từ hàng trăm năm trước. Hiểu được cái đẹp cổ kính. Có thêm cơ hội gặp lại dĩ vãng vàng son của dân tộc một cách kỹ lưỡng hơn. Cũng ở đây, học phác hoạ (croquis), học đường vẽ trong kiến trúc (relevé architectural).

Khi được vào với tranh dầu thì tôi say sưa với sự trộn màu. Vì rất ưa thích màu xanh nên trong bất cứ bức tranh nào, tôi cũng đều dùng tối đa màu xanh. Thầy Tô Ngọc Vân là người đã từng làm cho tôi kính phục khi tôi được coi tranh triển lãm của thầy. Là người đầu tiên dùng hội hoạ mới để xưng tụng người đàn bà Việt Nam với những bức tranh mỹ nữ có hình, có dáng, có khối hẳn hoi chứ không phải là mỹ nữ được vẽ phóng trong công thức (stylisé) như tranh cổ truyền. Chỉ cần thấy bố cục (composition) của tranh Tô Ngọc Vân cũng đủ làm xiêu lòng người coi tranh. Thầy dùng màu sắc hết sức táo bạo, so với thời đó. Nhưng thầy đã dạy cho tôi thấy cái quan trọng trong tranh sơn dầu không phải chỉ ở màu sắc. Phải làm sao cho thấy được ánh sáng nổi bật trên nền ngũ sắc đó. Phải rồi, coi tranh Renoir hay tranh Gauguin, tôi chỉ nhìn thấy nắng. Không thấy gì hơn là nắng ! Tuy nhiên nắng ở trời Âu mà tôi thấy trong tranh của các họa sư đó chỉ là nắng phản chiếu (lumière réfléctive), còn nắng trong tranh sơn dầu Việt Nam (như tranh của Tô Ngọc Vân chẳng hạn) là nắng trực tiếp (lumière directe). Hãy coi lại bức tranh người đàn bà trước bụi chuối của thầy Vân : người đẹp có hình có khối, ánh sáng chói chan, bức tranh không gọi dâm mà chỉ gọi tình. Tuyệt



(Ảnh bên : Họa Sĩ Mai Văn Hiến)

Các bạn cùng lớp với tôi là Võ Lãng, Đình Minh, Mai Văn Hiến, Bùi Xuân Phái, Phan Kế An, Quang Phòng, Phan Tại, Nguyễn Thanh Đức, Tạ Thúc Bình, Trần Phúc Duyên... Có hai cô đầm trẻ là Hortense và Josette cũng vào học chung một lớp với chúng tôi. Josette là con gái của Công Sứ Bắc Kỳ Delsalle. Võ Lãng người Huế là anh chàng có may mắn "chớp" được cô đầm xinh này.

Võ Lãng còn có thêm nhiều sự may mắn trong các địa hạt khác, chẳng hạn trong địa hạt chính trị. Là em ruột của Võ Văn Hải, chánh văn phòng sau này của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, sau khi tốt nghiệp trường Mỹ Thuật, họa sĩ Võ Lãng phải trốn qua Hồng Kông vì chống đối Việt Minh và bị ruồng bắt vào năm 1946. Tại Hồng Kông, Võ Lãng làm nghề vẽ truyền thần cho các nhà giàu Trung Hoa để sinh sống. Ở đây anh trở thành người quen của ông Bảo Đại trong thời gian Cựu Hoàng vừa bỏ Việt Minh ra đi. Rồi Võ Lãng qua Pháp sống trong vài năm. Tới khi có giải pháp Ngô Đình Diệm thì anh là người tích cực nhất trong việc vận động cho ông Ngô về nước làm Thủ Tướng. Anh đi gặp Bảo Đại ở Cannes và Thượng Nghị Sĩ Mansfield ở Mỹ để vận động cho ông Ngô về nước chấp chánh. Về sau chính trị gia Hoa Kỳ này là khách mua nhiều tranh nhất của Võ Lãng.

Khi ông Ngô Đình Diệm nắm chính quyền thì Võ Lãng là một nhân viên quyết định nhiều việc quan trọng trong toà Đại Sứ Lưu Động của ông Ngô Đình Luyện, trụ sở đặt ở Avenue Kléber Paris. Lúc đó (1954-55), tôi đang đi học tại Institut De Musicologie, hằng ngày tôi tới chơi với nhóm Ngô Đình Luyện nhiều hơn là tới gặp ông anh Phạm Duy Khiêm đang làm Đại Sứ Việt Nam tại Pháp.

Trên đời này khó có nhiều người thực hiện được giấc mơ chính trị của mình thì Võ Lãng là người đã thành công trong ý đồ đi vào chính quyền. Tôi biết rõ cái quyền của Võ Lãng mạnh mẽ như thế nào. Bác Sĩ Thú Y Phạm Văn Huyền có trở thành người phụ trách việc đưa một triệu người Bắc di cư vào Nam trong năm 1954 là do Võ Lãng đề nghị với ông Diệm. Võ Lãng có biết Phạm Văn Huyền là ai đâu ? Chính tôi là người mách tên ông Huyền khi anh ta hỏi tôi rằng : *"Ai làm được việc này ?"* Tôi quen ông Huyền khi ông này sản xuất thuốc bổ bằng máu bò ở Khu IV và có tặng tôi vài ba lọ thuốc. Bèn tiến cử ông thân sinh của bà Ngô Bá Thành làm Tổng y Viện phụ trách việc di cư của một triệu người miền Bắc sau Hội Nghị Genève. Giá lúc đó tôi xin làm việc đó thì Võ Lãng cũng đồng ý ngay !

Ông Ngô Đình Diệm đã khuất bóng cùng với chế độ của ông nhưng Võ Lãng vẫn sống phây phây tại Pháp, tiếp tục vẽ tranh và còn sản xuất cả phim nữa. Một trong những phim của anh ta là phim **Trương Chi My Nương**. Về già, Võ Lãng vẫn thành công -- thành công nhũn nhặn vẫn là thành công -- trong nghề vẽ của mình. Tranh của Võ Lãng, đẹp như tranh Renoir, được bày bán trong khoảng hơn 1000 phòng tranh trên thế giới. Những bạn khác của tôi ở trường Mỹ Thuật cũng thành công nhưng sự thành công của họ không hơn Võ Lãng nhiều lắm, nếu xét về sự bán tranh.

Đình Minh có một thời rất vinh quang tại miền Nam nhưng bây giờ tôi không nghe thấy ai nói tới anh ta cả. Mai Văn Hiến, Bùi Xuân Phái, Phan Kế An đều trở thành những họa sĩ nổi danh ở miền Bắc. Tôi đều gặp lại họ trong thời gian kháng chiến và được coi nhiều tranh của họ. Tuyệt đẹp !

Bùi Xuân Phái mới qua đời gần đây nhưng những tranh anh vẽ cảnh phố cổ ở Hà Nội thì chắc chắn sẽ sống tới nghìn thu. Trước đây tôi chỉ thấy tranh mộc bản (estampes) và tranh kháng chiến của Phái. Tôi đã quên mất cảm giác khi coi tranh phố cổ của Phái thì vào năm 1985, anh bạn Ngô Văn Tao ở Montréal có lòng yêu tặng tôi một họa phẩm về phố của Phái. Nhìn trong bức tranh nhỏ chưa đầy một thước vuông vẽ bằng nét dao (chứ không phải bằng cây cọ) của Phái, tôi thấy sừng sững một ngõ hẻm Hà Nội với những ngôi nhà cũ kỹ, tường tróc vôi, mái siêu vẹo... Và tôi rưng rưng nước mắt. Đây ! Hà Nội của tôi đây, chẳng cần biết đó là phố nào, số nhà bao nhiêu, phố đang nghĩ gì, phố đang chờ ai ? Rồi ngẫu nhiên tôi lại được đọc một mẫu thơ của Văn Cao viết vào năm 1967, mới in ra trong năm 1988 tại Saigon, với ý nghĩ giống tôi như đúc, bài thơ nhan đề **Phố Phái** :

*Không người ở,
Không số nhà,
Không tên phố
Tôi gửi bài thơ về Phố Phái
Người đưa thư sẽ tìm đến phố anh.*

Thật là tiếc cho Bùi Xuân Phái ! Nếu anh được ở một nơi như Paris thì chưa chắc tranh của anh đã thua tranh của Utrillo, Matisse, Cézanne... Tranh của anh có thể được bày trong những Bảo Tàng Viện quốc tế.

Học trước chúng tôi vài năm là Tạ Ty, Phạm Văn Đôn, Trần Văn Lắm, Nguyễn Thị Kim... Hai chàng sinh viên hoạ sĩ Đôn và Lắm đánh nhau dữ dội ở trong lớp để tranh giành người đẹp Nguyễn Thị Kim. Phạm Văn Đôn ăn đòn nặng của Trần Văn Lắm nhưng lại chiếm được trái tim của nữ hoạ sĩ kiêm nữ điêu khắc gia. Đôi vợ chồng này về sau thành ra có tí ti liên hệ gia đình với tôi : vợ tôi, Thái Hằng, là em họ gần của Đôn và Kim.

Tạ Ty vẽ dessin hoặc vẽ tranh sơn dầu theo lối cổ điển hay ấn tượng (impressionisme) rất thành công nhưng anh lại chọn con đường lập thể (cubisme) của Picasso. Ngoài Tạ Ty ra, tôi không thấy có hoạ sĩ Việt Nam nào dám đi vào loại tranh đó cả. Tạ Ty còn đi xa hơn nữa khi anh đi vào loại tranh vị lai (futurisme).

Trong thời gian học trường Mỹ Thuật, tôi vẽ thì ít mà ca hát thì nhiều. Lúc đó, tôi chưa sáng tác mà chỉ soạn lời ca tiếng Việt cho những bài nhạc ngoại quốc mà tôi thích. Chẳng hạn bài valse rất quen biết của Strauss đã được người Mỹ (hay người Anh) soạn lời ca, nhan đề **One Day** :

*One day when we were young
One wonderful morning in May
You told me you love me...*

Tôi đã luôn luôn hát bài này trong lớp. Sau 49 năm, gặp nhau ở Paris năm ngoái, Võ Lăng còn nhắc tới bài hát :

*Ngày ấy khi Xuân ra đời
Một trời bình minh có lũ chim vui.
Có lứa đôi, yêu nhau rồi
Hẹn rằng còn mãi không nguôi.*

.

*Rồi nắm tay cùng nói vui
Những câu êm êm không rời vai.
Rồi lả lơi, hình dáng ai
Khuất xa biến vào nẻo khơi.
Từ đó khi xuân tái hồi
Cho bụi ngùi thương nhớ tới xa xôi.
Nhớ tới câu thương yêu người
Một ngày tuổi mới đôi mươi.*

Cũng như tôi, trong tương lai, có vài anh bạn không tiếp tục làm hoạ sĩ. Phan Tội trở thành đạo diễn kịch. Nguyễn Thanh Đức làm việc xuất nhập cảng tại Liên Xô. Trần Phúc Duyên (làm gì ?) ở Thụy Sĩ... Họ là những học trò ngoan của nhà trường và hết thấy đều sẽ tốt nghiệp. Còn tôi thì hát nhiều hơn vẽ và sẽ bỏ trường Mỹ Thuật sau một niên khoá. Tôi lại còn thích thể thao hơn cả hội hoạ và âm nhạc. Có nhiều ngày tôi bỏ học để đi tập điền kinh tại sân vận động SEPTO.

Pháp thua trận ở chính quốc, nhưng vẫn duy trì được quyền lực tại các thuộc địa. Chính Phủ Pétain cử Phó Đô Đốc Decoux qua Đông Dương giữ chức vụ Toàn Quyền. Đây là lúc Pháp có hai công tác quan trọng. Một là suy tôn Thống Chế Pétain, bắt toàn dân thuộc địa hát bài **Maréchal Nous Voilà**. Hai là giao cho Đại tá Thủy Quân Ducoroy tổ chức Phong Trào Thể Dục và Thể Thao để thu hút thanh niên

nam nữ. Một trường đào tạo huấn luyện viên thể thao-thể dục được mở ra ở Phan Thiết. Tốt nghiệp trường này ra, huấn luyện viên được cử đi khắp mọi nơi trong nước để nắm thanh niên và được ăn lương rất cao. Một số thanh niên Hà Nội đã xung phong vào học trường này.

Tôi thích điền kinh từ lâu. Là con người háo thắng, tôi thích chạy nhanh hay nhảy cao hơn người khác. Vào tuổi 19, lại đúng vào thời gian các môn thể dục, thể thao được khuyến khích, tôi mon men tới sân vận động SEPTO để cũng mặc áo **maillot** quần đùi, chân mang giày đinh để tập chạy đua 100 thước và tập nhảy cao.

Lúc đó tôi thuộc hạng junior và rất phục anh Thành, hạng senior trong môn nhảy cao. Anh này là vô địch Bắc Kỳ với thành tích nhảy qua 1 thước 68. (Bây giờ lực sĩ quốc tế nhảy qua 2 thước như chơi). Anh dạy tôi nhảy theo kiểu nghiêng (à la Horrigne) nghĩa là chạy nhanh tới mục tiêu, tung mạnh một chân lên cao rồi theo đà ưỡn mình oằn qua sà ngang. Sau một thời gian, trong một cuộc thi, tôi đã chiếm được giải nhất với cái mề đay nhỏ bằng bạc.

Đây là lúc tôi vớ được cuốn sách của Bác Sĩ Victor Pauchet, trong đó có đoạn dạy thở. Bác sĩ này cho rằng con người thường chỉ biết dùng một nửa trên của hai lá phổi để thở. Ai cũng nghĩ rằng khi hít hơi thở vào thì phải thót bụng lại. Không phải thế. Ngược lại thì đúng hơn. Muốn hít dưỡng khí cho thật đầy buồng phổi, ta phải làm sao cho bụng phình lên. Rồi khi thở ra thì phải thót bụng lại. Tôi đã thử làm như Bác sĩ Victor Pauchet viết trong cuốn sách. Tôi còn tập cách làm sao cho có một hơi thở thật dài. Bác sĩ bảo : Đi bộ, từ từ hít hơi vào phổi trong 10 bước đi -- Giữ hơi trong phổi trong 10 bước đi -- Thở hơi ra từ từ trong 10 bước đi... Việc tập thở này giúp tôi có một hơi dài để hát hay hơn trước. Người ta cứ cho rằng hát hay là do ở những dây cuống họng tốt, nhưng nếu không có làn hơi phong phú để "chỉ huy" những dây đó thì không thể hát hay được.

Victor Pauchet còn dạy tôi về auto suggestion (tự kỷ ám thị). Bác sĩ cho ai cũng có thể tự chữa bệnh được. Chẳng hạn nếu tôi bị nhức đầu nhưng tôi cứ lẩm nhẩm trong bụng (hay trong miệng) rằng tôi không nhức đầu nữa thì bệnh nhức đầu của tôi sẽ tiêu tan ngay. Hay là nếu đi trong đêm vắng mà miệng cứ la to : "*Ta không sợ ma ! Ta không sợ ma !*" Thì chẳng có con ma nào dám đến để bắt hồn ta (trừ ma femme). Trong xã hội Việt Nam thời đó, người đàn bà có mang thường hay mua tranh ảnh vẽ trẻ con đẹp để treo trong nhà, cho rằng hằng ngày ám ảnh bởi cái nhìn (ám thị) trẻ con bụ bẫm thì sẽ đẻ con xinh đẹp. Trong đời tôi, những khi tôi lâm vào cảnh khó khăn, tôi thường tự cứu mình bằng lối tự kỷ ám thị như vậy.

Quay về với hội họa. Tại sao tôi không chung tình với hội họa mà chỉ thích hát hay tập thể thao ? À, có gì lạ đâu ! Tuy thích vẽ nhưng tôi không tin tưởng vào nghề vẽ. Nó không hợp với tính tôi, vốn là một người ồn ào, bướng bỉnh. Hình như họa sĩ là hạng người ít nói nhất trong đám thích ăn to nói lớn là giới văn nghệ sĩ. Bùi Xuân Phái hiền như bụt. Mai Văn Hiến, Phan Kế An là những quý sứ ở trong trường nhưng khi trở thành họa sĩ thì làm việc rất âm thầm, dùng màu sắc nói hộ mình chứ không oang oang như kẻ sử dụng âm thanh là tôi.

Mới gặp nhau đây ở Paris, Võ Lăng nói :
-- Mà vẽ được, tại sao không tiếp tục vẽ ?

-- Chao ôi ! Suốt một đời, tao phải làm nghề nhạc sĩ để sống và ngoài nghề này ra, tao không biết làm gì hơn là đem lời ca tiếng hát để đánh đổi lấy miếng cơm manh áo. Đôi khi tao cũng muốn quay về với cây cọ, với màu sắc nhưng tao quá bận bịu nên không muốn kiêm thêm một thứ gì khác ngoài âm nhạc ra. Phải sống thêm một đời người nữa, chưa chắc tao đã làm hết được những việc tao muốn làm trong âm nhạc. Do đó tao không dám "nghèo mà ham" đâu...

Tôi đành phụ bạc với Nàng Mỹ Thuật vậy ! Chỉ xin được tôn thờ Nàng, mỗi khi có dịp qua Paris là tôi lang thang cả ngày trong Musée Du Louvre hay trong khu Montparnasse. Văn Cao mới là giỏi : nhạc sĩ kiêm thi sĩ - kiêm hoạ sĩ - kiêm chiến sĩ... Xin hoan nghênh bạn ! Tuy nhiên tôi xin cảm ơn những ngày được học hỏi Cái Đẹp tại trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Hà Nội. Trong nhiều bài hát của tôi, ngoài căn bản là thi ca và âm nhạc, có nhiều khi hội hoạ len lỏi vào. Người đã nói hộ tôi điều này là nhà văn Xuân Vũ, tôi biết ơn anh !

Mùa Thu 1941. Tôi đã xấp xỉ 20 tuổi. Bàn tay công nhân được làm quen với búa với xẻng nay đã được dùng để cầm bút pha màu. Anh thanh niên "được" đi đầy ra biên giới hẻo lánh xa xôi khi trở về thành đô ẩm cúng thì có thêm biết bao nhiêu là bạn mới. Hà Nội cũng được tôi, trưởng thành hơn, khám phá thêm.

Bây giờ là lúc tôi biết thưởng thức các món ăn mà từ Thạch Lam, Nguyễn Tuân cho tới Vũ Bằng... ai cũng ca tụng một cách thần sầu. Tuy nhiên, ăn chả cá mà không có mùa lạnh và mưa phùn Hà Nội thì đâu có thể ngon như mình xưng tụng. Cá dùng để làm chả cho ta ăn ở quán Lã Vọng phải là cá đặt mua ở ngã ba Sông Đà, nghe không ? Quan trọng hơn nữa là cung cách tiếp khách của ông chủ hay bà chủ. Bánh tôm à ? Tại sao phải là bánh tôm Cổ Ngư hay bánh tôm hồ Trúc Bạch ? Thưa rằng thực khách phải ngồi xổm bên bờ hồ thì ăn bánh tôm mới ngon, tôi nghĩ vậy... Thôi, tôi không dám nhớ lại món ăn Hà Nội nữa, vì viết tới đoạn hồi ký này thì nước dãi ứa ra đầy miệng tôi, xin cho tôi thông qua để đi tới những ký ức khác.

Nhưng bây giờ cũng là lúc tôi không còn được ở Hà Nội để đi học và để đi ăn quà nữa rồi. Thật là lạ lùng, anh Khiêm từ Pháp về, trả nhà thuê cho chủ nhà rồi tới ở chung với người chị tôi tại đường Carreau, đùn trách nhiệm nuôi mẹ cho anh Nhượng (lúc này đã tốt nghiệp trường Sư Phạm và được bổ làm giáo học ở Hưng Yên). Đã tiêu hết số tiền để dành, không có ai tiếp tế để đi học về nữa, tôi bèn thu xếp hành lý đi về Hưng Yên với mẹ.

*Cô hái mơ ơi
Không trả lời tôi lấy một lời...
Nguyễn Bính*

Chương Mười Lăm

Lúc này Nhật Bản đang tiến hành công cuộc chiếm đoạt toàn thể vùng Đông Nam Á. Sau khi Nhật thả bom cảnh cáo xuống Hải Phòng, Pháp đã phải thoả mãn những yêu sách như cắt đường tiếp tế quân cụ cho Trung Hoa, để cho Nhật đóng quân ở nhiều vị trí chiến lược, bắt nông dân nhổ lúa trồng đay, thu mua những hạt thực vật như lạc, vừng để ép lấy dầu chạy máy. Với chính sách tiết kiệm nhiên liệu, với

những cuộc tập phòng thủ thụ động... người Việt Nam đã khởi sự sống trong tình trạng chiến tranh rồi.

Một ngày thu lạnh năm 1941, tôi ra bến xe để đón xe hàng về Hưng Yên. Sau khi thua trận trong Thế Chiến, chính phủ Laval của Thống Chế Pétain được thành lập ở Pháp để làm bù nhìn cho Đức Quốc Xã. Bộ máy cai trị của thực dân Pháp ở Việt Nam chưa bị lật đổ và được dùng để duy trì an ninh cho Quân Đội Nhật Bản đang đóng quân nhiều nơi trong nước. Bây giờ xe hàng chở khách không còn chạy bằng ết xăng nữa mà chạy bằng than. Đằng sau mỗi chiếc xe có gắn một cái lò than với ống khói phun thán khí lên trời. Nhìn anh phụ xế chọc que sắt để khơi lò, tôi bỗng nhớ lại quãng đời công nhân của mình ở nhà máy điện Moncay.

Hưng Yên là một tỉnh lỵ nhỏ không nằm trên những con đường huyết mạch như đường xuống cửa khẩu Hải Phòng hay đường thuộc địa số 1 đi vào miền Trung, miền Nam mệnh danh là đường thiên lý hay đường cái quan. Nhưng trong đoạn đầu của hành trình, chiếc xe hàng với hình thù và tuổi tác của một con khủng long phải dùng con đường Hà Nội-Hải Phòng để tới Bần Yên Nhân. Sau khi đậu lại cho cả tài xế lẫn hành khách nghỉ ngơi, xe chạy tiếp tới Phố Nối rồi rẽ sang một tỉnh lộ chạy về Hưng Yên.

Hưng Yên là quê quán của nhiều danh nhân và có nhiều di tích lịch sử như đền thờ Đào Nương, tổ sư nghề hát ả đào tại làng Đào Đặng, huyện Tiên Lữ. Như làng Xuân Dục, huyện Mỹ Hào, quê hương của Nguyễn Thiện Thuật, anh hùng Bãi Sậy (tên chiến khu nằm giữa hai tỉnh Hải Dương và Hưng Yên). Có đền thờ Trạng Ân Lê Như Hổ ở xã Tiên Châu, huyện Tiên Lữ. Có đền thờ Phạm Ngũ Lão (ông tổ của tôi chăng?) ở làng Phù Cøng, phủ Ân Thi. Những danh nhân khác gốc gác ở Hưng Yên là Đoàn Thị Điểm, Chu Mạnh Trinh...

... Xe hàng đưa tôi đi trong một vùng quê có hơi khác biệt vùng Sơn Tây mà tôi đã biết. Ở đây, ngoài cánh đồng xanh hun hút với lũy tre tím ngắt, còn có nhiều rừng cây nặng trĩu những chùm nhãn tròn màu nâu nhạt. Ngay từ lúc đầu tiên tới vùng Hưng Yên nổi tiếng về nhãn này, khi xe hàng ngừng lại dọc đường, tôi đã được thưởng thức thứ *nhãn tiến*, nghĩa là loại nhãn dành riêng để tiến vua ngày xưa, với quả to, hột bé, cùi dòn... Đồng ruộng cũng có chút thay đổi. Đây đó, chen vào những ruộng lúa là những mảnh đất trồng đay. Nhật Bản ra lệnh cho chính quyền bảo hộ ép buộc nông dân trồng thứ cây kỹ nghệ này và đó là một trong những duyên cớ gây nên nạn đói khủng khiếp vào năm Ất Dậu (1945).

Sau khi chạy ngoằn ngoèo theo ven sông Hồng, xe hàng tới tỉnh lỵ Hưng Yên. Đi qua con phố ngắn -- phố Chợ -- là tới phố Bắc Hoà, nơi mẹ tôi và chị Chinh đang ở với anh Nhượng. Căn nhà tĩnh lẻ mà tôi sẽ trú ngụ trong hơn một năm cũng khá lớn, vừa rộng vừa dài và có thêm một căn gác. Tôi được dành cho căn phòng ở cuối nhà, đối diện với cái sân lộ thiên nhỏ. Tại đây, tôi thích ngồi vẽ tranh sơn dầu với đề tài là một khung cửa sổ trông ra vườn chuối rực nắng.

Trước cửa nhà tôi là những cây sữa rất lớn mà mùi hoa lá là mùi thơm của câu hát *đêm thơm như một giòong sữa* khi tôi soạn bài **Dạ Lai Hương**. Một đêm Hưng Yên, ngồi trước cửa nhà với mẹ, nói về sự thơm ngát của phố Bắc Hoà trong đêm, tôi gọi đó là mùi dạ lan hương. Mẹ bảo :

--Con phải gọi là *dạ lai hương* thì mới đúng !

Cám ơn mẹ vô cùng !

Thành phố Hưng Yên bé bằng cái lỗ mũi. Nhưng cũng có một phố Khách là phố thương mại nằm trong tay người Tàu. Người Tàu cũng có cửa hàng lớn ngay phố Chợ, chẳng hạn Chú Dzùng, có cô con gái đẹp tên là Sâm, người mà tôi sẽ gửi cho nhiều lá thư tình. Khu hành chánh gồm có Toà Sứ, các Dinh Tuần Phủ, Thương Tá, Chánh Án nằm chung quanh Hồ Bán Nguyệt là nơi nên thơ nhất của tỉnh lỵ. Hồ Bán Nguyệt đẹp không thua Hồ Gươm là mấy. Tôi thường ngồi đây để nhớ ngày còn bé tí ti. Đi thêm một quãng đường ngắn là hết tỉnh, có nhà Cercle nằm cạnh con sông nhỏ chảy ra sông Cái. Toà Án (là nơi tôi sẽ làm việc) xây cạnh bờ đê, trường học với sân vận động (là nơi tôi sẽ trở tài điền kinh) cũng gần đó...

Sống ở tỉnh nhỏ là dễ có bạn. Và có rất đông bạn chứ không phải chỉ có vài ba người như khi còn ở Hà Nội. Lúc đó, lũ thanh niên 20 tuổi ở Hưng Yên đều thất nghiệp, ăn bám vào cha mẹ, hằng ngày tìm tới nhau rồi ngồi đánh cờ tướng, đi đá bóng hay ra cuối tỉnh để thi bơi trên sông Hồng. Tôi đã biết bơi và bơi giỏi là khác sau những ngày đi tắm ở Hồ Quảng Bá và được chiêm ngưỡng thân hình hấp dẫn của hoa hậu Hà Nội. Hoặc dạy nhau hát những bài ca cải cách và bài ca Nhật Bản với lời Việt.



Ảnh bên : Tiết Lương Đức, nhân ngày sinh nhật thứ 80 của PD

Tôi thường đánh cờ với Hoàng Thư, đánh boxe với Tiết Lương Đức tức Đức "đen", hoạ đàn mandoline với Quynh, một người đáng lẽ phải trở thành nhạc sĩ vì đã soạn nhạc ngay từ lúc đó. Lê Vy, đồng tác giả với tôi trong bài **Con Đường Vui** hầy còn là cậu bé con nhưng đã biết thổi saxophone rồi. To con và ồn ào nhất trong đám là Ưng, kẻ sẽ đi lính **heитай** cho

Nhật và hay trở về nhà khoe với bạn bè cây kiếm Nhật đeo lưng lủng bên hông.

Tại phố Khách, có anh bạn là Phan Tại, hoạ sĩ mằm non và đạo diễn kịch chưa có việc làm, lúc nào cũng ngậm pipe và trầm ngâm. Ở cùng phố với Phan Tại là Học Phi, người sẽ trở thành hung thần Cách Mạng khi nắm chính quyền và bắt giết nhiều người. Bạn của tôi lúc đó còn là Thiệp đá bóng, người bị Pháp bắn chết tại Hải Phòng vào năm 46 và Thận, sĩ quan thiết giáp sau này của miền Bắc Cộng Sản. Đó là chưa kể Lê Ninh, con ông Thương Tá Lê Cần, sau này là sĩ quan trong Cục Quân Cự của Quân Đội Cộng Hoà và Lê Hồng Giang, Lê Duy Kỳ, những con trai của ông bà Tuần Phủ Lê Đình Trân, hai bức phụ mẫu chi dân sau này là cha mẹ nuôi của tôi.



Ôi đẹp thay những ngày tôi 20 tuổi ở tỉnh nhỏ Hưng Yên ! Cùng với bạn bè, tôi hay tới trước cây bàng ở Toà Án để dùng súng cao xu bắn rơi những trái bàng. Rồi chia nhau ăn những quả bàng ngọt như đường. Hay tới gốc đa nhà Cercle để hái búp đa rồi thổi thành những quả bóng nhỏ. Hoặc rủ nhau mua sách học tiếng Nhật. Học chào : **Konichiwa**. Học cảm ơn : **Arigato**. Riêng tôi, ca sĩ mằm non, học cách xưng hô : *Watakusi wa ongakusen* = tôi là nhạc sĩ... Nhưng ngoại trừ Ưng ở phố Khách, chúng tôi không thích làm việc với Nhật dù cũng khoái khi thấy Nhật da vàng bắt nạt Pháp da trắng quá trời. Nhưng chúng tôi rất thích hát những bài Nhật như **Mori No, Kohan No Yado**. Lúc đó bài **Thu Trên Đảo Kinh Châu** vừa được Lê Thương soạn ra với một âm giai Nhật Bản và lập tức được chúng tôi hát luôn mồm.

Ở Hưng Yên, tôi được sống rất gần gũi với Tuồng, Chèo mỗi khi có gánh hát tới kiếm ăn ở tỉnh này. Ngành sân khấu cổ truyền đang tới kỳ mạt vận. Gánh hát nào cũng ế khách, kếp hát nào cũng ngiên ngập. Mẹ tôi được coi là nhà Mạnh Thường Quân hạng nhất của họ. Không những mẹ đi coi hát luôn luôn để ủng hộ tinh thần và vật chất cho các gánh hát nghèo, mẹ còn mời đào kếp về nhà ăn ở nữa. Tôi đã học cách đánh trống chèo với kếp Tư Liên, học cách vẽ mặt với hề Phầm. Tôi được ngồi ăn cơm với tổ sư của ngành Hát Chèo Văn Minh là Nguyễn Đình Nghi ngay từ lúc đó, trước khi làm việc với cụ tại Liên Khu IV (Thanh Hoá) vào năm 1949. Và cùng với bạn bè, chúng tôi tổ chức những buổi ca kịch, trong đó tôi trở tài hát nhạc cải cách hay nhạc ngoại quốc lời Việt.

Về ái tình, cũng như hầu hết các anh bạn, tôi bị cú sét đánh bởi cô con gái của Chú Dzùng ở phố Chợ tên là Sâm. Chú Dzùng người Tàu lấy vợ Việt Nam có họ với Hoàng Thư nên Sâm là cháu của bạn tôi. Tôi dễ dàng làm quen với cô gái đẹp nhất Hưng Yên để viết nhiều thư tình, những bức thư chỉ được người nhận thư trả lời bằng những nụ cười có má lúm đồng tiền và câm lạng. Tôi không thể nào ngờ rằng cô nữ sinh gốc Minh Hương này cũng được thầy giáo Nhượng mê luôn và hỏi làm vợ. Ông giáo tỉnh nhỏ dễ lấy vợ hơn chàng thất nghiệp tỉnh nhỏ. Ngày anh mình cưới chị Sâm, tôi không còn ở Hưng Yên để nhìn người mình mơ thường trở thành chị dâu. Sau khi biết anh mình đóng vai chính trong truyện *Trầu Cau* (truyện cổ tích : hai anh em yêu một người) và không muốn làm kẻ tình địch của anh, tôi lảng xa cô Sâm. Rồi từ đó tôi tạo cho tôi một nỗi buồn rất cải lương. Nỗi buồn vẫn vợ này sẽ trở thành nỗi buồn rất thực khi mấy năm sau tôi trở về nhà và thấy chị Sâm đã qua đời sau hai năm làm dâu trong gia đình tôi, để lại cho người chồng đau khổ hai đứa con trai nhỏ. Khi chị Sâm mất -- vì bệnh thương hàn do sự cầu thả của ông bác sĩ tỉnh nhỏ -- tôi đang đi hát rong ở miền Nam. Không ai biết tôi ở đâu để cho biết hung tin. Tôi còn buồn hơn nữa khi biết thêm rằng sau ngày vợ chết, trong mấy năm liền, anh Nhượng luôn luôn giở những chiếc áo dài của vợ ra coi rồi ngồi ôm mặt khóc. Cho tới khi anh tái hôn với một cô gái Thái Nguyên vào lúc Cách Mạng thành công thì mới thôi.

Khi còn ở Hà Nội, tôi chưa đủ tuổi để đi hát cô đầu. Tại Hưng Yên, vì không có tiền nên lũ thanh niên thất nghiệp thường đi ké với người lớn tới xóm ả đào ở Nam Hoà. Cô đầu Trần Thị Đào rất đẹp và hát rất hay. Nhưng không đưa nào trong lũ thanh niên túi rỗng sờ được lông chân của cô. Để giải quyết sinh lý, chỉ còn cách tán mấy người bán hàng rong, như chị bán bánh giò ban đêm chẳng hạn. Thỉnh thoảng vào lúc nửa đêm, khi nghe thấy tiếng rao hàng từ xa xa, tôi đón đèn mở cửa ra phố dắt chị bán bánh giò lớn tuổi hơn tôi vào phòng để ân ái. Thật là liều lĩnh vì mẹ tôi nằm ngủ ở ngay nhà ngoài. Quen mui, cứ vài ngày tôi lại nghe tiếng ồ ồ của chị ta, rao đi rao lại : *Giò nóng đây !*

Trong đám thanh niên vô công rồi nghề chỉ biết chim gái, rong chơi và ca hát như vậy, tôi là kẻ may mắn nhất. Tôi có công việc ngay sau khi về tỉnh này chừng ít lâu. Một người anh họ xa, anh Ninh, làm lục sự tại Toà Án đem tôi vào làm thư ký. Hằng ngày, ngoài việc đánh máy những bản án luôn luôn bắt đầu bằng câu : *Attendu que...*, cùng với một thư ký khác tên Xương, tôi thay mặt ông Lục Sự nhận tiền đút lót của những người đi hầu Toà, dù là bên nguyên hay bên bị. Tôi chứng kiến những chuyện cười ra nước mắt, khóc ra nụ cười ở một nơi có nhiều vở hài kịch hay thậm kịch sống động còn hơn là những vở tuồng trên sân khấu. Thấy vẻ mặt lo âu của những người vô phúc nên phải đáo tụng đình. Thấy ông Chánh Án Vũ Đại to béo

như Hộ Pháp, bệ vệ ra ngồi trên bục, chưa hỏi cung bị can hay chứng nhân mà đã biết xử án ra sao. Vì ngài đã nhận đồ vi thiềng rồi ạ ! Cho nên ông Chánh Án thường ngủ gật bên cạnh hai ông Thẩm Phán và Lục Sự.

Rồi tôi còn được nhòm qua lỗ khoá vào một buổi nghỉ trưa hè để thấy người vợ trẻ của một can phạm nằm ngửa trên bàn giấy để đút lót ông Thẩm Phán tên là Thừa bằng cái tiết hạnh của mình, vừa đút lót vừa dầy dựa và rên ầm ầm, làm tung toé giấy tờ của người đại diện luật pháp. Thấy những người làm Cách Mạng thứ thiệt bị xét xử như những tên cướp. Thấy những kẻ cướp thực sự bị xét xử rồi về sau thấy họ tự khoe là nhà Cách Mạng ! Ngán ngấm nhất là thấy ông anh Lục Sự Ninh, béo lùn và đầu hói, ban ngày quát mắng lũ dân đen đi hầu toà bằng giọng nói thét ra lửa mưa ra khói, chiều tối về nhà lại tiu ngủ như mèo cụp đuôi trước cơn thịnh nộ không duyên cớ của bà vợ rất dữ.

Đi làm tại Toà Án với số tiền lương là 12 đồng một tháng, tôi đã tự sắm cho mình một bộ đồ Tây mùa hè màu trắng. Nhưng tôi không tiếp tục làm cái nghề nha lại này sau nửa năm nếm mùi công lý màu đen đó. Vả lại tôi đang được ông Tuần Phủ Lê Đình Trân yêu thích giọng hát của tôi khi tôi vào dinh để chơi với hai người con trai. Rất chiều chồng, bà Trân liền xin mẹ tôi cho tôi làm con nuôi để -- gọi là -- dạy học cho lũ con nhỏ. Trong thực tế, bà muốn có tôi trong dinh để làm một thứ cô đầu hát cho ông chồng làm quan đầu tỉnh này. Lúc đó người Nhật đem vào Việt Nam hai bài hát thịnh hành là **Hà Nhật Quân Tái Lai** (Bao Giờ Chàng Trở Lại) và **Shina No Yoru** (Đêm Trung Hoa). Tôi rất thích bài *Hà Nhật Quân Tái Lai* với lời Việt của Văn Chung :

*Đi chớ để hình bóng
Cùng vết thương ở trong lòng...*

Không cứ gì ông Tuần Phủ Lê Đình Trân, ai nghe tôi hát bài này cũng phải mê tôi cả. Qua những buổi nhạc hội, tôi đã nổi tiếng là hát hay tại nơi tỉnh lỵ bé bỏng này. Đây là lúc tôi đã bị Thần Âm Nhạc ám ảnh và tôi đang được ru hồn bằng những bài thơ mới của Huy Cận. Đúng như Hoài Thanh viết về thơ Huy Cận : "... có người sẽ bảo *thơ Huy Cận già. Già vì buồn, già vì hay kể kể những chuyện xa, những chuyện xưa. Nhưng trong đời người ta, còn có tuổi nào hay buồn hơn tuổi hai mươi ? Còn có tuổi nào vẫn vợ hơn ?*" Lúc đó, trong giới thi ca, chưa có lối ngâm thơ theo kiểu Tao Đàn và nếu yêu bài thơ nào người ta thường ngâm lên theo giọng bông mặc, sa mạc hay theo điệu ả đào... Riêng về phần tôi, với tuổi hai mươi, vì thích những bài thơ buồn vẫn vợ của Huy Cận vừa được in ra trong tập **Lửa Thiêng** rất phù hợp với sự thất tình vớ vẩn của mình nên tôi đã tập tọe "hát" những bài thơ đó lên theo lối của tôi. Tức là tôi phổ nhạc đấy ! Tôi chọn 2 bài :

*Ôi nắng vàng sao mà nhớ nhung
Có ai đàn lẻ để tơ chùng
Có ai tiễn biệt nơi xa ấy
Xui bước chân đây cũng ngại ngừng...*
(Nhớ Hờ)

*Bống dưng buồn bã không gian
Mây bay lững thấp giăng màn âm u
Nai cao gót lẩn trong mù
Xuống rừng nẻo thuộc nhìn thu mới về...*
(Thu Rừng)

Hát 2 bài thơ trên đây, đối với tôi, là sự tập tành phổ nhạc. Tôi chỉ thành công 20 năm sau với thơ Huy Cận khi tôi phổ nhạc bài **Ngậm Ngùi**. Tuy nhiên lúc đó tôi lại thành công khi phổ nhạc bài thơ **Cô Hái Mơ** của Nguyễn Bính. Bài thơ phổ nhạc này nói tới sự cam lạng của cô hái mơ hay của cô Sâm đây ? Nhạc học gia Georges Etienne Gauthier ở Canada đã có lòng yêu ghi lại sự thành công đó bằng một bài viết đăng trên báo Bách Khoa ở Saigon vào năm 1970 :

... 1942, Cô Hái Mơ, ấn phẩm đầu tiên của Phạm Duy. Ta thử xem nhà soạn nhạc trẻ măng của chúng ta đã phổ nhạc bài thơ đẹp đẽ của Nguyễn Bính như thế nào. Câu nhạc đầu, xuống bậc, với hơi điệu trầm tĩnh và mệnh mông, dẫn chúng ta vào cảnh về chiều mơ mộng của thi sĩ. Rồi thì cái nhìn của nghệ sĩ ngược lên ánh trời và ta được hưởng một nét nhạc rất "phạm duy" lúc bấy giờ đã mềm mại và uyển chuyển. Nhưng chính phần thứ hai của ca khúc mới biểu lộ tất cả sức tưởng tượng và nhạc hừng của chàng nghệ sĩ, tất cả sự táo bạo và coi thường ước lệ của ông.

Đoạn nhạc này, với nhạc tính nhanh nhẹn và hơi mạnh mẽ hiển nhiên là đoạn nhạc của một nhà soạn nhạc có cảm tính trẻ. Nhưng trong trường hợp Phạm Duy, "trẻ" không có nghĩa là vụng về hay do dự, bởi vì cần phải ghi nhận lối viết rất vững vàng, lối chuyển câu rất hợp lý, cần nhất là phải ghi nhận sự khoáng vượt khó của chàng trẻ Phạm Duy. Và những khó khăn ở trong đoạn này thì vô số : nào là tiết điệu khá phức tạp của nét nhạc, nào là những nhịp ngoại (syncopes) và những thanh trệ (intervalles) khó hát, những nốt móc kép (double croches) hiếm hoi, những chuyển biến đột ngột từ hơi trường qua hơi thứ, tất cả những khó khăn chứng tỏ rằng lúc đó chàng nghệ sĩ của chúng ta đã có lỗi tai đặc biệt tinh tế và một khiếu nhạc tuyệt vời.

Lại còn mấy phách -- với lời cô chứa về ư ? và hay có ở lại -- cũng tuyệt diệu nữa, ở đây, Phạm Duy đã chuyển biến được giọng nói của ngôn ngữ mẹ đẻ thành ra nhạc ngữ dễ yêu và ngộ nghĩnh. Nhưng rủi thay, những sự kỳ diệu trên đây đã chẳng quyến rũ nổi cô hái mơ nọ, và bài hát kết luận, trong sự thâm nhắc lại hai đoạn đầu... sự buồn bã đó đã có tính cách rất phạm duy qua lối chuyển bán cung đặc biệt.

Đó, chúng ta phải thừa nhận : việc làm đầu tiên của Phạm Duy đã là việc thành công ngay. Vâng, trên bàn cờ nghệ thuật khó khăn, nhà soạn nhạc đã chiếu bí và thắng ván đầu. Bởi vì phải nói đến cái đẹp dị thường của bản hợp phổ này.

Không có chi là gượng ép, tất cả như tuôn ra từ một dòng suối thiên nhiên tinh khiết. Nhạc tính của ca khúc không có vẻ Việt Nam hay Á Đông một cách quá đáng và cũng không quá Tây Phương : thực sự, vượt trên vài nét ảnh hưởng nhẹ (nếu quả có ảnh hưởng), ở đây đã có tiếng nói riêng biệt của Phạm Duy cất cao lên.

Cuối cùng, hãy để ý tới sự chọn lựa bài thơ của Nguyễn Bính, ngay từ nhạc phẩm đầu tay, chàng trẻ Phạm Duy đã có thể phổ diễn được cái nhị-nguyên tính sâu xa của mình : vừa là người suy tư, vừa là người hành động...

Tôi bỏ việc làm tại Toà Án và vác thân tới ăn ở trong dinh thự của ông bà Tuần Phủ Lê Đình Trân. Đã vui vì có thêm một người mẹ nuôi rất yêu thương mình, tôi cũng không buồn rầu vì phải xa mẹ ruột, ngày nào mà tôi chẳng ghé về phố Bắc Hoà thăm mẹ. Tôi còn vui mừng hơn nữa khi bỗng nhiên có một người cha. Dù là cha nuôi. Rất may cho tôi, ông Tuần Phủ Trân không phải là hạng quan lại mà tôi ghét thắm. Ông gầy gò và hiền lành, không nghiêm khắc với dân và không nịnh Tây, rất vui tính, yêu âm nhạc và thích đánh cờ tướng. Tôi được ông yêu hơn lũ con ruột vì tôi thoả mãn hai sở thích của ông. Mỗi ngày tôi phải hát cho ông nghe bài **Hà Nhật Quân Tái Lai** ít ra là ba, bốn lần. Khi đánh cờ thì ông thua tôi là chuyện dễ hiểu, nhiều khi tôi phải giả vờ thua để ông khoái chí. Tuy nhiên, tôi không tìm thấy nơi ông người cha lý tưởng mà suốt đời tôi đi tìm kiếm. Đáng tiếc !

Trong nhà có đầy con cái -- một nửa là con bà Hai, em ruột của bà Cả, đã qua đời -- nhưng bà Trân đối đãi với tôi như con ruột. Tôi chưa hề được ai "hầu" tôi như bà Tuần Phủ này. Bà lo cho tôi mọi sự như cơm ăn, áo mặc, tiền tiêu. Bà Trân ham làm lắm. Thấy bà vợ quan thân hình đầy đà cầm chổi quét nhà, tôi thường tranh nhau với "bà lớn" trong việc dọn dẹp nhà cửa. Tôi học được ở mẹ nuôi sự chịu khó, sự cần mẫn để sau này hễ làm bất cứ một công việc gì, tôi cũng phải làm cho đến nơi đến chốn. Những con ruột của ông bà Trân được dạy dỗ kỹ lưỡng, đều là những người lịch sự và ngoan ngoãn. Không có ai tỏ ra mình là con quan, kể cả hai cô con gái có hình dáng rất lá ngọc cành vàng.

Một người làm quan, cả họ được nhờ. Đúng như vậy ! Những người giúp việc trong dinh toàn là có họ hàng với ông bà Trân. Khi thấy thân nhân trong gia đình này thương yêu nhau, nâng đỡ nhau thì tôi chạnh lòng nghĩ tới tình cảnh anh em nhà mình. Trong số người làm có bác Thủ, anh họ của ông Trân, 40 tuổi rồi mà vẫn chưa có vợ. Mắt toét, mũi to, môi dày và đỏ choét vì ăn trầu, thân hình béo tốt, hằng ngày bác Thủ chỉ phải lo việc châm điếu thuốc lào, đấm lưng, bóp chân cho ông em Tuần Phủ. Bác thích đùa nghịch với chúng tôi lắm. Để khoe sức khoẻ như vâm của mình,

mỗi lần đi đá là bác gọi tôi và Giang ra coi. Thận của bác khoẻ đến độ bác có thể vén cái thắt lưng xanh lên, vạch cái quần ống chùng ra, đứng ở trên hè đá vọt ra tận giữa đường cái. Đá xa tới bốn, năm thước là ít... Phục bác quá !

Tôi ở chung phòng với Lê Hồng Giang, chia sẻ với Giang những cuộc chơi thể thao, đàn hát. Có thân hình lực lưỡng và giọng hát khoẻ, Giang sau này đi học lớp Huấn Luyện Thanh Niên ở Phan Thiết và sẽ lấy tên là Phạm Thành khi tập tễnh muốn làm ca sĩ như tôi sau ngày Cách Mạng thành công. Cách Mạng Tháng Tám tới vào năm 45 mà gia đình ông bà Trần không bị hề hấn gì trong khi nhiều người làm quan bị giết chết thì đủ biết bố mẹ nuôi của tôi không bị liệt vào loại cường hào, địa chủ gian ác. Ngoài ra, người con trai thứ của ông bà Trần là sĩ quan Việt Minh Lê Tôn Hy đã hi sinh tại Trương Xá, Hưng Yên vào thời điểm thực dân Pháp quay lại tái chiếm Việt Nam. Hơn nữa, trong gia đình ông bà còn có người con rể tên Trần Văn Khang, vị giáo sư to béo dạy Sử Học và nổi danh vì những hoạt động văn nghệ ở trường Bưởi, là người đã đi theo Việt Minh từ lâu.

Lúc tôi ở Hưng Yên, trong nước đang có phong trào thể thao do chính quyền bảo hộ đưa ra để thu hút thanh niên. Đại Tá Ducoroy được Phủ Toàn Quyền giao cho trách nhiệm tổ chức phong trào này. Một trường đào tạo huấn luyện viên thể dục gọi là ESEPIC (Ecole Supérieure D'Education Physique De L'Indochine) được thành lập ở Phan Thiết. Thanh niên Việt Nam tốt nghiệp ở trường này sẽ ăn lương ngạch **gardien de la paix** tức là lương của một Cò (commissaire) Tây. Lê Ninh và Lê Hồng Giang rủ nhau đi học trường ESEPIC.

Chính quyền trong tỉnh cũng huy động thanh niên tham gia phong trào thể thao, thể dục. Thầy giáo Nhượng được giao việc thành lập đội đá bóng và đội điền kinh. Chiều chiều hai đội kéo tới sân vận động tập luyện. Tôi được dịp trở tài chạy nhanh và nhảy cao, cái thú điền kinh mà tôi đã luyện tập và thành công ở sân vận động SEPTO. Sau đó, hai đội thể dục thể thao được phái đi khắp nơi để lôi kéo các thanh niên nông dân. Lê Ninh, Lê Hồng Giang tốt nghiệp ở Phan Thiết trở về điều khiển hai đội "lực sĩ" này. Hai chiếc xe hàng đưa chúng tôi đi biểu dương *tinh thần thanh niên*.

Thế là tôi có dịp được biết phong cảnh và con người ở những Huyện, Phủ trong tỉnh Hưng Yên mang tên Ân Thi, Phù Cừ, Khoái Châu, Tiên Lữ, Kim Động, Phù Cừ.... kể sao cho hết. Và tôi được thăm viếng các đền thờ các danh nhân gốc Hưng Yên. Được đi vào vườn ổi, vườn táo, vườn nhãn ở Văn Miếu, Đền Mẫu hay những đình làng. Được coi mấy trăm pho tượng trong Chùa Chuông, tượng bụt đã đành là có nhưng cũng có cả tượng ông quan, tượng người thợ cấy, tượng anh nông dân bắt ếch, tượng kẻ tù tội đeo xiềng đeo xích...

Và đi thăm Phố Hiến, một cửa khẩu được thành lập từ thế kỷ 16, theo Văn Thạch viết trong báo TRI TÂN vào năm 42, là một nơi *phồn hoa đô hội, có hàng nghìn nóc nhà san sát xen lẫn với các lâu đài nguy nga, dân cư đông đúc, phố xá sầm uất lại thêm có tàu to thuyền lớn ra vào luôn luôn, hàng hoá đổ lên bến tấp nập*. Phố Hiến ngày xưa phồn thịnh đến độ có câu xưng tụng : *Thứ nhất kinh kỳ, thứ nhì Phố Hiến*. Tên phố Bắc Hoà, nơi gia đình tôi ở, đã có từ thế kỷ 16. Nhưng nay Phố Hiến chỉ còn là một bãi cát bồi có lác đác mấy toà miếu cổ và vài ngôi mộ có tấm bia ghi tên người Hoà Lan, Pháp và Tàu. Bây giờ tôi được biết vì sao trong số rau đậu mà tôi ăn hàng ngày có thứ gọi là đậu Hoà Lan. Người Hoà Lan đem hạt đậu sang trồng ở đây từ hồi mới có Phố Hiến.

Trong phong trào thể thao, thể dục, người Pháp còn tổ chức cuộc đua xe đạp vòng quanh Đông Dương (Tour D'Indochine) giống như đua xe đạp vòng quanh nước Pháp (Tour De France) ở chính quốc. Cuộc đua xe đạp thu hút dân chúng ghê lắm. Suốt dọc con đường cái quan, cuộc đua tiến hành với hàng trăm cua-rơ Nam, Bắc tham dự, tới đâu cũng được dân chúng kéo nhau ra coi. Báo chí rầm rộ theo dõi cuộc đua. Trong làng báo đã có những ký giả thể thao đầu tiên là Trọng Thìn, Thiệu Võ. Các cua-rơ đã được ban cho những cái tên rất kêu. Cua-rơ miền Nam lao xe như bay xuống đèo là Phụng Hoàng Lê Thành Các. Cua-rơ miền Bắc, Vũ Văn Thân là anh hùng leo dốc.

Tôi không thích cuộc đua xe đạp nhưng thích môn đánh boxe lắm. Mua cả đôi găng để đo tài với bạn bè. Luôn luôn theo dõi hoạt động của nền võ thuật được gọi là quyền Anh này. Võ sĩ đầu tiên của Việt Nam là Tộ, người miền Nam, được gọi là vua đấm. Cùng thời với Tộ là Đặng Trần Thường, người miền Bắc, chịu đòn rất giỏi. Một võ sĩ tên Vũ Văn Ôn thì quảng cáo là có gồng Trà Kha. Trong trận đánh ở Qui Nhơn với một võ sĩ xuất thân là phu gạo tên Đặng Hồ Khuê, biết rằng không hạ được địch thủ, võ sĩ Gồng Trà Kha xin hoà với võ sĩ Khuê để giữ danh dự. Ở Hưng Yên vào lúc đó chúng tôi mê đánh **boxe** nhưng chỉ theo dõi các cuộc đấu qua báo chí. Có được coi đánh **boxe** bao giờ đâu ? Làm gì có cái thú như bây giờ, được lười biếng nằm coi chương trình TV với Mike Tyson đấu với Larry Holmes, trong đó bất cứ một cú đấm quan trọng nào cũng được cho chiếu chậm lại (instant replay, slow motion) để mình coi cho sướng mắt !

Một niềm vui sướng rất lớn lao cũng đến với tôi trong những ngày ở Hưng Yên này. Từ Trạm Chôi ở Sơn Tây, vì không còn cách nào để sống được nữa, vú tôi về Hưng Yên với gia đình tôi. Đã có vú già suốt đời ở với chúng tôi rồi, vú Cẩn chỉ phụ việc vú già một thời gian ngắn rồi ban ngày vú đi làm thợ dệt cho một xưởng vải nhỏ, tối đến vú về ngủ ở nhà tôi. Tôi lại được sống bên người vú sữa mà tôi rất thương yêu. Dù đã hai mươi tuổi rồi, tôi vẫn ôm vú mỗi khi từ dinh Tuần Phủ trở về thăm mẹ. Trời đất ơi ! Tôi có tới ba người mẹ trong một lúc à ? Mẹ đẻ thì hiền lành, chững mực, vú nuôi thì nhẹ nhàng, kín đáo, mẹ nuôi thì sôi nổi, rộn ràng... cả ba người này chắc chắn đã ảnh hưởng vào tôi. Bây giờ thì tôi hiểu vì sao, trong số những kỷ niệm ở khắp mọi nơi tại những chân trời góc biển xa gần, tôi thương nhớ những ngày ở Hưng Yên nhất !

Rồi một ngày kia, Tuần Phủ Lê Đình Trân được thăng quan tiến chức, trở thành ông Tổng Đốc và được bổ đi làm việc tại Kiến An. Tôi chào tạm biệt mẹ đẻ và vú nuôi rồi leo lên xe ô tô đi về sống tại nơi đồng chua nước mặn với ông bà Trân. Về sau, thỉnh thoảng tôi cảm thấy hơi buồn vì đã bỏ hai người mẹ nghèo để đi sống với người mẹ giàu sang hơn. Nhưng tôi không hối hận vì lẽ giản dị là tôi học được ở bà mẹ nuôi khá nhiều điều bổ ích.

Kiến An cũng nhỏ bé như Hưng Yên nhưng đời sống ở đây buồn như chấu cấn. Ngoài niềm vui êm ả trong gia đình ông Tổng Đốc tại một tỉnh lỵ an tĩnh một cách lạ thường, tôi chỉ có thêm một cái thú là cùng với Lê Hồng Giang, Lê Duy Kỳ leo lên xe đạp đi tắm biển Đồ Sơn. Có khi còn đi xa hơn nữa, vào tận bãi biển Sầm Sơn trong Thanh Hoá.

*Gió lạnh cái đêm đông trường
Nửa chẵn, nửa chiếu, nửa ai rờna để đó chờ ai ?*

Chương Mười Sáu

Kiến An buồn tẻ đến độ tôi không muốn biết mặt mũi tình lý, suốt ngày chỉ ru rú trong Dinh Tổng Đốc. Ngoài công việc rất dễ là kèm học cho hai em nhỏ, đánh cờ và hát cho ông Trần nghe, tôi không có việc gì để làm thêm nữa. Lê Hồng Giang và Lê Duy Kỳ đã lên Hà Nội học, thỉnh thoảng mới trở về thăm cha mẹ rồi chúng tôi kéo nhau đi tắm biển Đồ Sơn. Tôi không quen biết một ai ở Kiến An, không tham gia một môn thể thao thể dục nào, không đi coi ciné hay coi hát, không đọc sách hay đọc báo như xưa nữa. Đời sống không bận rộn như khi ở Hưng Yên nhưng tôi chẳng thấy âu sầu buồn bã gì cả. Được sống lười biếng, vô tư lự, không đam mê một thứ gì cũng khoái lắm chứ ! Sống êm êm như một cánh bèo nằm trên mặt ao lặng lẽ.

Một hôm bà Trần hỏi :

-- Con có muốn giúp mẹ một việc này không ?

-- ?

-- Thày mẹ có một cái đồn điền ở Nhã Nam Yên Thế. Đã giao cho cậu Hai Ninh trông coi ít lâu nay. Nay mẹ muốn nhờ con lên đó giúp cậu một tay.

-- Con có biết gì về nghề nông đâu mà giúp được cậu ?

-- Con cứ lên trên đó xem cậu Hai muốn con giúp cậu những gì...

Thế là tôi không còn được sống lười biếng ở nơi "con kiến an nhàn" là Kiến An nữa rồi ! Trước khi đi Nhã Nam, tôi tạt về Hưng Yên thăm mẹ và vú. Rồi tôi lên Hà Nội, ra thẳng nhà ga, lấy vé xe lửa đi Phủ Lạng Thương...

... Bắc Giang là một tỉnh nửa trung du, nửa thượng du, nối liền vùng đồng bằng với vùng rừng núi. Đi khỏi Bắc Ninh, Đáp Cầu là đã thấy những dãy đồi nhấp nhô nằm dài bên những cánh đồng rộng rãi. Ruộng vườn vùng này màu mỡ phì nhiêu vì nằm ở một lưu vực giữa hai con sông lớn : Sông Cầu và Sông Thương. Đất cát được tưới tấp kỹ càng qua một hệ thống sông đào chằng chịt. Dân cư đông đúc. Chợ búa đông đảo. Ngồi trên xe lửa đang lác lác chạy qua một vùng đã có thời được gọi là Kinh Bắc, tôi rất vui.

Tới Phủ Lạng Thương, tôi xuống đò dọc để trôi ngược Sông Thương lên Bó Hạ. Rồi từ nơi nổi tiếng về cam ngon này, tôi sẽ leo lên xe ngựa về Ấp Bình Chương thuộc Lan Giới trong khu Nhã Nam, Yên Thế...

Nhớ tới câu ca dao :

*Sông Ngâu, sông Cả, sông Đào
Ba con sông ấy đổ vào sông Thương...*

Ai đã sáng tác ra câu ca dao vớ vẩn này ? Thực ra, chẳng có con sông nào đổ vào sông Thương cả ! Sông phát nguyên từ con suối nhỏ ở Bản Thi thuộc Lạng Sơn, chạy theo dãy núi Cai Kinh rồi trước khi đổ vào Bắc Giang, nước chảy lúc mạnh lúc nhẹ giữa hai bờ đá, con sông không dùng trong việc giao thông được. Chỉ khi tới Bó

Hạ thì sông Thương mới rộng ra, thuyền bè mới đi lại được. Hai bên bờ sông có đắp đê và con đê dài là con đường bộ của những xe bò, xe ngựa, xe đạp... liên lạc từ làng này qua làng nọ.

Sông Thương có một lưu lượng bất thường. Vào mùa cạn mặt sông không rộng quá ba thước nhưng vào mùa nước mặt sông rộng tới mười thước, nước sông chảy rất mạnh cuốn theo những mảng đất lở hai bên bờ nên đã đổi màu và chúng ta có câu sông Thương nước chảy đôi dòng, một dòng trong xanh và một dòng đen đục.

Cái tên Sông Thương thật là hấp dẫn. Là yêu thương hay là thảm thương ? Đã có những câu ca dao rất tình về con sông này :

*Sông Thương nước chảy đôi dòng
Trai quên vợ, gái quên chồng, thì lên !*

*.....
Sông Thương nước chảy đôi dòng
Đèn soi hai ngọn anh trông ngọn nào ?*

Nhờ một đập nước khá lớn xây ở Cầu Sơn và một hệ thống sông đào trong toàn vùng dài trên 60 cây số, dân chúng có nước để tát ruộng vào mùa cạn, do đó đồng lúa ở đây có được cả hai vụ chiêm và vụ mùa.

Thuyền trôi êm ái trên dòng sông Thương. Tôi nghĩ tới Đặng Thế Phong và bài **Con Thuyền Không Bến** bất hủ. Phải chèo ngược nước, thuyền không trôi giữa dòng mà trôi ven bờ, những chùm lá chồi ra phía sông thỉnh thoảng đập vào mặt khách dò giang đang ngồi trên mũi thuyền là tôi.

*Sông sâu, nước đục, dò ngang.
Mình về bên ấy ta sang bên này.*

Thuyền tới Bồ Hạ. Lên bờ để nghỉ ngơi trước khi leo lên xe ngựa về Lan Giới, tôi lững thững đi chơi chung quanh thị trấn nhỏ. Xa gần, trong vùng đồi xanh ngát đã thấy rực rỡ màu vàng ối của những vườn cam. Bước tới vườn, những quả cam mọng nằm vừa tầm tay với. Giơ tay hái. Ăn ngấu nghiến. Ăn cam cả múi lẫn vỏ. Đã từng được thưởng thức chả cá Quán Lã Vọng, bánh tôm Cổ Ngư, tím sấm Đông Hưng, nhãn Hưng Yên... bây giờ tôi được ăn cam Bồ Hạ ! Nay mai sẽ còn được ăn bánh bèo Huế, nem nước mắm Phan Thiết, sực cá nướng Cần Thơ. Thật là may mắn được làm kẻ giang hồ. Đây cũng là nhà của mình. Đây cũng là quê của mình. Ăn cái gì cũng ăn tận gốc. Và ăn tận tình, nhất là với kẻ tham ăn tục uống là tôi. Yêu quê hương, trước hết là yêu những món quà quê hương.

Từ Bồ Hạ về Áp Bình Chương ở Lan Giới còn khoảng 10 cây số đường xe ngựa. Ra khỏi vùng cam ngọt, xe lăn bánh đều đều trên đường đê yên tĩnh. Lũ trẻ quê đang tắm dưới sông đào ngẩng nhìn anh thanh niên lạ mặt. Những cô gái cắt cỏ bên đường, má đỏ hồng hồng. Những nông dân đang đánh rơm trên cánh đồng nâu trơ gốc dạ. Mùi đất sao mà thơm đến thế ! Trong số đồng người Kinh vận áo màu nâu ở đây cũng đã có lác đác những người Tày với y phục màu xanh lam của núi rừng. Vẫn là hình ảnh chung chung của quê hương quen thuộc nhưng bức tranh đã có thêm màu sắc. Đồng quê Bắc Giang hùng vĩ hơn đồng quê Sơn Tây. Sự hùng vĩ còn tăng lên khi tôi chợt thấy mình đang đi trong một vùng nổi tiếng : vùng Yên Thế của anh hùng Hoàng Hoa Thám. Sau này có một bài Tân Nhạc của Việt Lang nhan đề

Chiều Yên Thế :

*Đây chiều Yên Thế
Bóng sương mờ rơi*

Tiếng ca trên đồi
Gieo buồn khắp nơi...

Đi trong chiều Yên Thế, tôi chẳng thấy buồn gì cả, tôi chỉ thấy hãnh diện mà thôi. Rồi đắc chí vì thấy mình được đi trong một vùng lịch sử oai hùng.

Kia rồi Ấp Bình Chương ! Ấp nằm giữa một ngọn đồi thấp, có ngôi nhà ngói thấp thoáng sau lũy tre già, cách đường đê sông đào chừng nửa cây số. Tôi xuống xe ngựa, xách hành lý xuống con đường ruộng dẫn tôi vào ấp. Vợ chồng cậu Hai Ninh đón tôi ở cổng ấp. Vài tá điền khăn áo chỉnh tề nhưng quần vẫn ống thấp ống cao đứng trên sân chào mừng "cậu" con nuôi bà Tổng Đốc, phụ tá viên của ông chủ ấp.

Mới tới Ấp được một ngày, tôi đã thích ngay khung cảnh sơn trại nên thơ này. Có cái hiền hoà của đồng bằng trời mây xanh ngát vào lúc ban ngày nhưng cũng có cái bí hiểm của rừng đồi trời tím mây hồng khi chiều từ từ buông xuống.

Sau vài ngày nghỉ ngơi, với một háo hức dễ hiểu, tôi ngồi nghe cậu Hai Ninh giao phó công việc. Cậu Hai đúng là một ông chủ ấp bất đắc dĩ. Chắc cậu cũng thuộc vào hạng người ăn chơi dữ dội như ông bạn đàn anh Đỗ Tử Côn của tôi ở Moncay. Cậu còn hơn ông Côn ở chỗ đang nghiện thuốc phiện nặng. Cậu đã lâm vào cảnh thất nghiệp từ lâu, nếu không có bà chị Tổng Đốc giúp đỡ thì không biết cậu lấy tiền đâu để vừa ăn vừa hút đây ? Được giao phó trông coi cái đồn điền này nhưng cậu không phải làm việc gì hết, cả ngày cậu chỉ nằm hút và coi tiểu thuyết. Cũng chẳng cần cậu phải ra tay đốc thúc những người thuê ruộng. Có tay tá điền nào dám cả gan chậm nộp thóc cho ông chủ ấp có họ hàng ruột thịt với một bà quan đâu. Tuy nhiên về sau này, tôi không thấy dân trong ấp tổ khổ gia đình họ Lê trong thời kỳ cải cách ruộng đất.

Công tác đầu tiên mà cậu giao phó cho tôi là một việc đáng lẽ cậu phải làm từ lâu : đi đo lại và vẽ lại bản đồ của những thửa ruộng nằm trong 200 mẫu tây đồn điền. Để giúp tôi đi vòng vòng mỗi ngày vài ba chục cây số làm công tác đo đạc, tôi có một con ngựa chỉ to hơn con chó một chút thôi. Ngồi trên lưng ngựa mà thương cho nó quá. May cho con ngựa gầy này, lúc đó tuy thân hình tôi đã đầy bắp thịt sau những ngày làm công nhân nhưng hãy còn nhẹ ký lắm.

Đi kiểm tra ruộng đất như vậy, tôi phải biết địa dư của đồn điền qua một bản đồ vàng khè rách nát. Rồi nhận diện từng thửa ruộng của họ Lê nằm chen chúc giữa những thửa ruộng của chủ điền khác. Rồi xuống ngựa, cầm cọc chằng dây đo đi đo lại các bề ngang, bề dọc, bề chéo của từng mảnh ruộng. Tính ra diện tích của mỗi mảnh đất là bao nhiêu ? Ai là tá điền ? Ruộng vùng nào tốt ? Vùng nào xấu ? Công việc tuy khó nhọc nhưng tôi rất vui vì được cưỡi ngựa đi khắp vùng Nhã Nam, Yên Thế, đi đâu cũng được tá điền niềm nở đón tiếp.

Xong việc kiểm tra ruộng đất, tôi nhúng tay vào việc cày cấy một thửa ruộng riêng mà bà Trân đã phát cho người em, tuy đã có mấy nông dân giúp cậu mợ làm đất, trồng lúa, trồng khoai nhưng tôi cũng xung phong giúp vào công việc đó, vì vui thích mà làm chứ không phải vì bị bắt buộc phải làm.

Những ngày làm ruộng ở Nhã Nam là những ngày thật đẹp. Tôi đã thực sự làm việc ruộng đồng, biết yêu con trâu cái cày, yêu đám mạ cây lúa, yêu hạt thóc củ khoai do

chính mình làm ra. Thú nhất là vào ngày mùa, được đi gặt lúa chung với đám thợ gặt từ Bắc Ninh đi lên. Gặt lúa xong, gánh lúa về ấp. Tôi đã làm đúng như trong câu ca và nhịp điệu của bài dân ca kháng chiến tôi soạn ra sau này :

Gánh gánh gánh ! Gánh thóc về !

Gánh gánh gánh ! Gánh thóc về !

Gánh về ! Gánh về ! Gánh về ! Gánh về !

Gánh thóc về, rồi ăn cơm. Nghỉ ngơi xong là có vụ đập lúa. Dưới ánh trăng, đứng giữa sân, dùng hai thanh tre có dây trảo, quặp lấy cổ của bó lúa rồi giơ lên cao, đập bó lúa xuống miếng đá ở dưới chân cho thóc tung toé ra sân. Rồi đem thóc ra cối giã gạo ở bên vách nhà. Cối lớn bằng đá được chôn dưới đất. Có cái cần lớn bằng gỗ nằm dài trên mặt đất. Một đầu cần có cái mỏ bịt sắt kèm một viên đá nặng, ở giữa cần có cái chốt để tôi dùng chân nhấn xuống cho cái mỏ sắt vươn lên và rơi thành thịch xuống cối đá. Đứng giã gạo phải giơ tay níu cái dây treo trên cao và nếu giã gạo chung với một thôn nữ thì được ngửi mùi nách của cô. Rất thơm ! Và thể nào cũng có chuyện tình tự trong đêm khuya !

Trong thời gian ở đây, tôi có hai cuộc tình. Cụu Chánh Tổng có hai người con gái chưa chồng : Hạ (có thêm nữa là Nụ) và Lan. Cô Lan to lớn hơn chị nhưng Hạ cũng không phải là thứ tiểu thư thị thành yếu điệu càn khôn khiến ta phải ngáy ngất vì bộ mặt tô son điểm phấn hay vì thân hình liễu yếu đào tơ. Nụ đẹp một cách man dã và khoẻ như một con beo. Trong đêm, chúng tôi thích vật nhau trên đồng rơm và bao giờ tôi cũng thua trận ngay trong hiệp đầu. Chúng tôi vật nhau thực sự như hai võ sĩ vậy. Bởi vì, khác với cô gái thị thành, thôn nữ không ưa tán phét và chỉ thích tỏ tình bằng sức khoẻ, nhiều khi đâm vào lưng tình lang thùm thụp làm mình nghẹt thở luôn ! Tôi đã có ý định lấy Nụ (tôi thích tên Nụ hơn tên Hạ) làm vợ nhưng cuộc đời đầy đưa tôi ra khỏi vùng Nhả Nam quá nhanh khiến tôi hụt lấy vợ nông dân.

Một cô gái quê khác tên Khuê, đã đi lấy chồng ở làng bên nhưng hằng ngày nàng hay trở về ấp này để cắt cỏ. Để rồi chúng tôi yêu nhau. Khuê có đôi mắt rất to, lúc nào cũng như ngạc nhiên nhìn đời. Đôi môi không tô son mà rất hồng. Mặt cứ đỏ và tai cứ tía lên mỗi khi gặp tôi. Chiều nào cũng đợi tôi bên kia sông đào. Chúng tôi yêu nhau giữa thiên nhiên như trời đất yêu nhau vậy. Có một buổi chiều, trời vừa tạnh mưa, sau khi tình tự rồi chia tay ra về, nàng luống cuống đi trên đường ruộng vừa nhỏ vừa trơn nên ngã ngựa trên đám mạ. Tôi vẫn còn nhớ nụ cười ướm át của hai đứa lúc đó, có vị đắng đắng của thương xót vô cùng. Và nhớ mãi bóng dáng nâu non của người gánh cỏ đi về phía chân trời tím thẫm. Đi quanh co mãi mãi như không muốn biến ngay vào bóng tối.

Ngày ở Ấp Lan Giới, tôi được anh nông dân tên là Xuân dạy tôi **hát quan họ**. Nhưng dưới thời Pháp thuộc và vào năm 1943 này, tục lệ đáng yêu là sự tỏ tình qua tiếng hát trong lúc đang làm việc đồng áng đã không còn nữa. Làm gì có chuyện đi trên bờ đề sông đào, được dừng chân nghe tiếng hát lạnh lạnh của cô cắt cỏ : *Ai đi đường đó, hỏi ai, hay là trúc đã nhớ mai đi tìm ?* Để có thể hát câu trả lời rất hợp tình, hợp cảnh : *Hỏi cô đang cắt cỏ xanh, có về Lan Giới với anh thì về...* Ngay cả cuộc thi hát trong những ngày hội làng cũng ít khi được tổ chức. Nói chung, nhạc cổ truyền từ **dân ca, hát hội** cho tới nhạc trên sân khấu **Tuồng, Chèo** đã tàn lụi. Chỉ có **Hát Cải Lương** -- nhất là **Hát Vọng Cổ** -- là khởi sắc.

Anh trai làng dáng người thấp bé và có đôi môi đỏ như môi con gái đã dạy tôi hát quan họ và làm cho thú vị vô cùng. Tôi thấy được tất cả sự lạc quan, tính trữ tình của người nông dân Việt Nam trong quá khứ qua những làn điệu vô cùng phong phú. Tại

Nhã Nam vào năm 1943 này, không được hát tỏ tình thực sự với một cô thôn nữ nào hay đi dự thi hát ở một hội làng như hội Lim chẳng hạn... thì tôi đành hát chơi trong Ấp Bình Chương vậy. Sau này chính tôi là người đầu tiên hát bài quan họ sau đây ở Hà Nội vào những năm 45, 46 và trên các Đài Phát Thanh ở Saigon vào những năm 52, 53 :

*Gió rằng gió lạnh chứ gió lạnh cái đêm đông trường
Nửa chẵn là chẵn nửa chiếu ý a
Chứ mấy có nửa giường nửa giường để đó chờ ai ?*

Tất cả những bài dân ca hay trường ca tôi soạn ra sau này đều đã được khởi sự nuôi dưỡng từ những ngày tôi sống tại Ấp Bình Chương thuộc Nhã Nam, Yên Thế, Bắc Giang.

Trong lần thứ hai được về sống ở vùng quê, tôi đã khá trưởng thành để thấy được tình cảnh dân quê dưới thời cai trị của thực dân. Đúng là nơi bùn lầy nước đọng tại đó người dân là nạn nhân của quan trường. Đối với dân quê, quan huyện là một ông vua nhỏ, thường thường là kẻ lạm quyền. Dân quê còn là nạn nhân của phường trộm cướp vì vấn đề trị an quá dở. Tôi không thấy được cảnh bọn cướp "bật hồng" (đốt đuốc) bắt người i khảo của nhưng được nghe những hồi trống ngũ liên ghê rợn trong đêm khuya. Người dân là nạn nhân của rượu và thuốc phiện là đồ ma túy mà Nhà Nước Bảo Hộ bán công khai qua các đại lý gọi là Régie Alcool (RA) và Régie Opium (RO). Nhưng nếu ai nấu rượu lậu thì người đó sẽ bị bắt bỏ tù ngay. Muốn hại người nào, cứ việc nhét bã rượu tại nhà người đó rồi đi báo nhà chức trách. Tôi cũng được thấy cảnh người quê bán vợ, đẻ con để tranh nhau một chức lý trưởng. Hoặc vì quá nghèo nên phải bán con đi. Vùng quê đúng là nơi mà sự đói khổ triền miên đi đôi với sự dốt nát sâu đậm. Tất cả những sự kiện này đã in sâu vào tâm trí tôi để tôi sẽ có những hành động tích cực đối với dân quê trong đời sống cũng như trong nghệ thuật.

Tuy nhiên, vào mùa Thu của năm 1943 này, đời sống của tôi ở Ấp Bình Chương cứ lặng lẽ trôi như dòng nước sông đào khi trong khi đục kia. Tôi đang tận hưởng những cái đẹp của sơn thôn. Cái đẹp bao la và bí ẩn của thiên nhiên. Cái đẹp thâm kín trong giao tình giữa tá điền và con nuôi chủ điền. Cái đẹp ảo huyền giữa sức người và hạt lúa. Nhất là cái đẹp lơ lửng của hai người tình. Đã ý thức được thống khổ của dân quê cũng như hoàn cảnh của riêng mình nhưng mặc cảm người dân mất nước được vơi đi bởi khí thiêng Yên Thế và hương hồn anh hùng Hoàng Hoa Thám.

Cho tới một ngày nọ, tôi bị cám dỗ bởi một cuộc viễn du tôi hằng mơ ước. Mẹ tôi nhắn tin cho tôi biết :

-- Suy nghĩ đi ! Nếu con muốn đi Saigon thì về Hà Nội ngay để gặp ông Đức ở Phố Hàng Trống.

Đi Saigon ! ĐI SAIGON !!! Mong ước của bất cứ một thanh niên 20 tuổi nào ở miền Bắc lúc đó. Cần gì phải suy nghĩ nữa ? ? ? Thôi nhé, xin đành giã từ Nhã Nam, Yên Thế... Giã từ sơn thôn, giã từ sông máng, giã từ cậu mợ, giã từ anh Xuân và tiếng hát quan họ... Giã từ con trâu, cái cây, cái liềm, cái cối... Giã từ em Nụ, em Khuê đa tình... *Anh về Hà Nội không quên -- hai -- cô mình...* (1)

(1) một câu hát trong Trường Ca Con Đường Cái Quan.

Chương Mười Bảy

Hà Nội có lính Nhật đóng quân nhiều nơi. Sau khi Nhật đánh bom Pearl Harbor, chiếm đóng Phi Luật Tân và những hòn đảo ở vùng Thái Bình Dương, Hoa Kỳ đã tham chiến. Phản công chiếm lại dần dần những hòn đảo đó, Hoa Kỳ đang chuẩn bị giải phóng Phi Luật Tân. Máy bay Mỹ tới thả bom ở những nơi có Nhật đóng quân. Đông Dương đã nếm mùi bom Mỹ.

Về Hà Nội, tôi tới ở chung với Nguyễn Hiến ở khu Phố Huế. Mẹ tôi từ Hưng Yên lên gặp tôi để hai mẹ con cùng tới nhà ông Đức. Cũng như một số các bà mẹ ở Hà Nội vào thời đó, mẹ tôi có nhiều người tự nhận là con nuôi. Trong số con nuôi có một người luôn luôn bồm bẻm nhai trầu là ông Đức, chủ nhân giàu tiền của một tiệm bán áo lông (fourrures) Phố Hàng Trống. Vợ ông Đức có người em gái lấy kép hát kiêm soạn giả tuồng Cải Lương khá nổi tiếng là Charlot Miều, tên thật là Ngô Nhật Huy.

Ngành **Sân Khấu Cải Lương** đang thành công rực rỡ và đang đẩy **Tuồng Cỗ, Chèo Cỗ** hay **Chèo Văn Minh** vào bóng tối. Đầu tư vào gánh hát cải lương là chuyện nên làm. Ông Đức có tiền và ông Huy có tài. Hai anh em cột chèo này được hai người vợ thúc đẩy nên cộng tác với nhau để thành lập một gánh hát lấy tên ĐỨC HUY. Gánh hát có tham vọng đi lưu diễn cả ba miền đất nước, đi từ Bắc qua Trung vào Nam. Rồi gánh này sẽ còn đi hát ở nhiều tỉnh bên nước Cao Miên nữa. Vì ông Đức không thể bỏ cửa hàng đi theo gánh hát được nên ông xin với mẹ tôi cho tôi đi thay mặt.

Thế là chó ngáp phải ruồi, giấc mộng xướng ca giang hồ của mình đã tới lúc được thực hiện. Bao nhiêu lâu nay, mình coi thường sự khinh bỉ của xã hội Việt Nam đối với kẻ xướng ca vô loài, chỉ mơ ước được đi đây đi đó, nhất là nếu được đi theo một gánh xiếc để loè khán giả với những trò quỷ thuật mà mình học được khi xưa thì tuyệt. Bây giờ thấy mẹ gọi về để cho gia nhập một đoàn hát cải lương thì khoái quá ! Không bao giờ tôi có thể ngờ rằng đi với gánh ĐỨC HUY này, tôi lại được đẩy lên sân khấu để cầm đàn ca hát trước ánh sáng tiền trường. Thành anh ca sĩ trong màn phụ diễn tân nhạc, tiếng Pháp gọi là **attractions...** để làm tăng giá trị cho những vở tuồng xã hội của Charlot Miều trên một sân khấu hài kịch tư nhân nhỏ bé là gánh ĐỨC HUY. Rồi dần dà trở thành người của quần chúng trên một sân khấu rất vĩ đại là nước Việt Nam đầy bi hài kịch. Trong suốt 50 năm ! Cho tới khi chết, chưa chắc tôi đã ra khỏi cái sân khấu đã có thời là cuộc chiến tranh làm rung động hoàn cầu, lại còn là nơi hận thù khôn nguôi giữa đồng bào một nước để trong suốt đời mình, tôi luôn luôn bị rít mặt bởi những ngọn đèn còn nóng hơn cả mặt trời.

Ngày đầu tiên gặp hai ông Đức và Huy ở Phố Hàng Trống thì biết ngay là trong một gánh hát đã có bằng hiệu và có đầy đủ đào kép nổi danh rồi, mình sẽ không phải đàn hát, làm trò quỷ thuật hay trò xiếc gì cả !

-- *Cậu sẽ là thư ký và tiền đạo.*

-- *Nghĩa là ?*

-- Thư ký là làm các công việc ngoại sân khấu như ngồi bán vé, xé vé vô cửa, xếp chỗ ngồi, viết chương trình quảng cáo, tính sổ chi thu, trả lương nghệ sĩ và công nhân. Tiền đạo là mỗi khi gánh hát sắp tới nơi nào thì cậu phải đi trước, thuê rạp, phải tìm cách hối lộ các nhân viên thuế vụ ở các tỉnh nhỏ để chỉ phải đóng thuế *impôt indirect* (gián thu) rất ít...

Tuy hơi thất vọng vì không được trở tài ca diễn mà phải làm một thứ tư chức trong gánh hát, nhưng khi biết mình sẽ là đại diện của một ông chủ, không dưới quyền ai cả thì tôi rất thú vị. Tôi lập tức hẹn với anh Ngô Nhật Huy-Charlot Miêu ngày giờ phải xuống rạp TRẦN MỸ NGỌC ở đường Tám Gian Hải Phòng là nơi các nhân viên gánh hát sẽ tập trung để sắm đồ tuồng như phong cảnh, y trang, đồ điện... và để tập tuồng trong một tháng trước khi lên đường Nam Tiến. Rồi tôi trở về trú ngụ tại nhà Nguyễn Hiến vài hôm.

Từ lâu, tôi đã có may mắn được làm quen với Tuồng, Chèo nhờ ở mẹ tôi là Mạnh Thường Quân của những gánh hát nghèo và rất ế khách thường lui tới tỉnh lỵ Hưng Yên vào thời suy vi của hai môn ca kịch nghệ cổ truyền này. Tôi thấy được mục đích của Hát Tuồng là sự ca ngợi những con người trung quân ái quốc với những đề tài vua băng nịnh tiếm và phù vua phục nghiệp. Đề cao Trung, Hiếu, Tiết, Nghĩa. Những nhân vật trong Tuồng thường bị đẩy vào những cảnh ngộ đầy thử thách rồi phải tự định đoạt số phận mình. Người theo chính nghĩa bao giờ cũng thắng kẻ tà gian. Một nhân vật trong Tuồng là Đồng Mẫu, mẹ của Đồng Kim Lân, không muốn vì mình mà con bỏ việc nước nên đã tự vẫn để người con anh hùng được rảnh tay qua đèo đi cứu chúa.

Tôi cũng thấy được sự tôn trọng nữ quyền trong Hát Chèo. Nhân vật chính trong Chèo là phụ nữ, hoặc từ bi hỉ xả như Thị Kính, tiết tháo như Châu Long, tiết trinh và hiếu thảo như Thị Phụng. Chỉ tiếc rằng vào thời đó, người ta ưa chuộng cái mới và đã có khá nhiều người hướng về nền Kịch Nghệ Âu Tây, bỏ quên luôn sân khấu cổ truyền đầy những đức tính này.

Khi tôi đang đi học hay khi tôi thất nghiệp và về sống ở tỉnh nhỏ thì cùng với bạn bè, chúng tôi hay tổ chức diễn kịch theo đường lối của Thoại Kịch Tây Phương. Chúng tôi cũng biết qua loa về hoạt động của những người yêu kịch ở Việt Nam. Từ đầu thế kỷ này, đã có người dịch những bi kịch của Pháp ra tiếng Việt. Phạm Quỳnh dịch **Le Cid** của Corneille, Nguyễn Văn Vĩnh dịch **L'Avare** của Molière thành **Người Biển Lặn**. Ông Vĩnh còn đóng vai chính trong vở **Người Bệnh Tưởng** (Le Malade Imaginaire) khi vở này được trình diễn tại hội Khai Trí Tiến Đức, Hà Nội vào năm 1920. Nhưng công việc của hai vị học giả đó mới chỉ là sự phóng tác từ những vở bi kịch Pháp. Bỏ tôi, Phạm Duy Tồn -- theo tác giả Phạm Thế Ngũ trong cuốn **VIỆT NAM VĂN HỌC SỬ**, Bộ III -- mới là người viết những mẫu kịch đầu tiên bằng chữ quốc ngữ qua một truyện đối thoại giữa hai ba nhân vật, chia ra làm 2, 3 hồi, trong khuôn khổ một hai cột báo và có tính cách luân lý, trào phúng như bài **Thề Cá Trê Chui Ông** đăng trong báo Đông Dương Tạp Chí số 71.

Rồi tới những vở kịch thật sự của nhà giáo Vũ Đình Long như vở **Chén Thuốc Độc** đăng trên báo HỮU THANH năm 1921 và vở **Toà Án Lương Tâm** sau đó (1923). Phong trào Kịch Nói lên cao trong thập niên 30 với những vở kịch của Vi Huyền Đắc (các vở **Kim Tiền**, **Hai Tỏi Tân Hôn**, **Cô Đốc Minh**, **Ông Ký Cóp...**), Đoàn Phú Tứ (các vở **Những Bức Thư Tình**, **Kiều Liên**, **Mơ Hoa**, **Sau Đêm Khiêu Vũ**, **Ghen**), Vũ Trọng Phụng (vở **Không Một Tiếng Vang**).



(Ảnh bên : Đoàn Phú Tứ, khi luống tuổi)

Khá nhiều các đoàn kịch được thành lập như Nhóm TINH HOA của Đoàn Phú Tứ, NGHỆ SỸ ĐOÀN của Vũ Trọng Can, Chu Ngọc, Ban Kịch THỂ LỬ của Thế Lữ, tiền thân của Đoàn ANH VĨ khi nhà thơ này cộng tác với Võ Đức Diên, Đoàn NGHỆ THUẬT của Lê Văn, Anh Tâm, Thuyết Thuận.

Tuy nhiên trong dân chúng, nếu **Tuồng Chèo** không còn khả năng hấp dẫn nữa thì, qua những tổ chức không chuyên nghiệp (non professional) cho lắm, **Kịch Nói** chỉ được chấp nhận trong giới trí thức, sinh viên học sinh và chỉ được coi như những hoạt động kịch nghệ tài tử (amateur) mà thôi. Đại đa số nhân dân lúc đó rất ưa coi **Hát Cải Lương** xuất xứ từ Nam Kỳ. Như đã nói ở Chương Tám, mỗi lần các gánh hát TRẦN ĐẤT, PHƯỚC CƯỜNG với những đào kép thượng thặng như Phùng Há, Năm Phỉ, Kim Thoa, Năm Châu, Tư Chơ, Bảy Nhiêu ra diễn ở Hà Nội thì đó là một biến cố lớn.

Giới sân khấu nhà nghề ở Hà Nội thấy được sự thành công của sân khấu Cải Lương Nam Kỳ. Trần Phênh, họa sĩ vẽ phong người Tàu lai là một trong những người đầu tiên lập một ban hát với nghệ thuật sân khấu mới mẻ hơn Tuồng Chèo và hơi giống Cải Lương Nam Kỳ, lấy tên là ban ĐỒNG ẬU TRẦN PHÊNH. Thành phần diễn viên của ban TRẦN PHÊNH toàn là nhi đồng từ 10 tới 15 tuổi, trong đó cô bé Thu Nhi (bà Lê Văn, Vũ Bắc Tiến sau này) mới chỉ có 6 tuổi và anh ruột là Hồng Kỳ 7 tuổi cũng được cho vào học hát luôn. Trần Phênh là người Tàu nên đã dạy các diễn viên nhi đồng hát những điệu hát Quảng Đông, gọi là **điệu hồ quảng**, với lời Việt do ông soạn ra. Nhưng chỉ trong ít lâu, một người Tàu khác là Ông Tài bỏ tiền ra mua đào kép của ban hát đồng ấu TRẦN PHÊNH để lập ra ban NHẬT TÂN BAN. Khi các đào kép trong ban NHẬT TÂN BAN như Kim Chung, Bích Thuận, Khánh Hối (vợ tương lai của Sỹ Tiến) lớn lên thì lập tức họ được mua chuộc để vào hát cho những ban mới thành lập như TỔ NHƯ, ỨNG LẬP BAN... Rồi có thêm những gánh hát như gánh HUỖNH LAN ANH do ba nghệ sĩ là Huỳnh Thái, Lan Phương, Anh Độ làm chủ và gánh ÁI LIÊN có cô đào trẻ và đẹp hát **bài ta theo điệu Tây** mới mẻ hơn những **bài hát hồ quảng**, khiến cho giới sân khấu Hà Nội trở thành một lực lượng nghệ thuật trình diễn đáng kể.

Trong không khí tương bừng của một thứ sân khấu mới mẻ như thế, Ngô Nhật Huy là một anh hề nổi danh. Cũng như các tay hề trong làng **Hát Chèo** là Hề Phẩm, Hề Liên, rất phục tài tử ciné Charlie Chaplin, Ngô Nhật Huy bèn tự đặt cho mình cái tên là Charlot Miêu. Và bây giờ, với sự bỏ vốn của người anh cột chèo là Ông Đức, Charlot Miêu thành lập gánh ĐỨC HUY, có cậu thanh niên Phạm Duy Cận giúp việc tiền đạo và thư ký.

Khi tôi xuống rạp TRẦN MỸ NGỌC ở Đường Tám Gian, Hải Phòng thì gánh ĐỨC HUY đang rất bận rộn trong việc mua sắm đồ tuồng và tập tuồng. Tôi bắt đầu làm quen với những người sẽ làm tăng vẻ đẹp của những ngày tươi như hoa nở của tôi.

(Ảnh bên : Nhật Quý tức Nhật Thanh)



Kép chính của gánh hát là Quý tức Nhật Thanh, em ruột của Charlot Miêu. Các kép phụ là Dần rồ, Hiếu chột, Ba Hội, Đạt móm... Đào chính là Tình và Nga. Gánh ĐỨC HUY muốn có thêm những màn phụ diễn do đó đã thu nhận "vũ sư" Phúc, người Tàu Lai, chuyên nhảy **thiết hài** theo lối nhảy **claquettes** (tap dance) của Fred Astaire, Shirley Temple, Ginger Rogers... là những tài tử Mỹ đang được bà con trên thế giới rất thích vì nghệ thuật nhảy giày sắt tuyệt vời của họ. Người nhảy **claquettes** đầu tiên trên sân khấu Việt Nam vào năm 1936-38 là đào Bạch Tường, em gái của ông bầu Đỗ Xuân Ứng trong gánh ỨNG LẬP BAN. Trong gánh ĐỨC HUY bây giờ, vũ sư Phúc huấn luyện hai em bé, con gái của hai nhạc công trong đoàn để cùng nhảy thiết hài với mình.

Cũng như các gánh hát Cải Lương hồi đó, gánh ĐỨC HUY có hai ban nhạc. Ban nhạc cổ truyền gồm những nhạc công đánh đàn nguyệt, đàn **guitare** có phím trũng gọi là **octaviana**, đàn bầu, đàn cò, **violon** dùng để đệm cho đào kép hát trên sân khấu, và ban nhạc Tây tấu nhạc trước sân khấu (avant scène) gồm có các nhạc sĩ đánh **piano**, thổi **saxophone** và đánh trống **jazz**.

Tôi được anh Ân đàn cò dạy chơi nhạc cải lương. Ngoài vai trò diễn viên chính của gánh hát, kép Nhật Quý cũng đánh đàn trong ban nhạc cổ truyền. Sau này, với cái tên Ngô Nhật Thanh, anh là giáo sư dạy đàn bầu giỏi nhất trường Quốc Gia Âm Nhạc Saigon. Ban nhạc Tây mới đầu có Paul Trí, đánh piano. Về sau khi gánh hát vào tới Saigon thì có Mateo, người Phi Luật Tân (chúng tôi gọi là người Maní vì cái tên Manille, thủ đô của Phi) và là nhạc sĩ đánh piano loại nhạc classique rất cừ. Trong ban nhạc Tây của gánh hát khi vào Saigon thì có thêm Paul Báu đánh guitare và Giỏi người Việt gốc Miên đánh trống. Paul Báu dạy tôi đánh đàn guitare. Thăng Giỏi sẽ làm cho tôi phải nể mặt nhà tù thực dân.

Lao công trong gánh hát là thợ vẽ Nguyên, thằng Cồn, anh Thuận và vợ chồng Chắt... phụ trách những việc như vẽ quảng cáo, treo thang mắc màn sân khấu, dọn phong cảnh hay khuân vác những thùng đồ tuồng và hành lý nặng hàng trăm kí lô mỗi khi gánh hát di chuyển từ địa điểm này qua địa điểm khác. Chưa kể chuyện đi chợ, nấu nướng, dọn cơm cho nhân viên đoàn hát ăn, dưới quyền chỉ huy của vợ ông bầu là chị Miêu. Chưa kể thỉnh thoảng, khi cần tới thì các lao công lên sân khấu đóng những vai rất phụ (figurants) như lính nhà vua, đội xếp, khách hàng ăn, khách qua đường, v.v... Thằng Cồn cũng là thứ dị nhân như Á Cầu của tôi ở Moncay, người bé choắt nhưng không phải vì hút thuốc phiện, rất khỏe, làm việc rất tận tụy. Anh Thuận, hơi tàng tàng, thích gọi tôi là bố, dù tôi thua anh mười tuổi, luôn luôn đề tôi ra để tắm quất, bóp thịt, bẻ xương.

Sau một vài tuần trang bị đầy đủ phong cảnh, đồ tuồng và sau khi tập xong dăm ba vở tuồng mang nhiều tính cách phê bình xã hội, đã tới lúc gánh hát khai diễn. Vào quãng buổi trưa của ngày lịch sử, thằng Cồn đi thuê một cỗ xe ngựa rồi anh thợ vẽ gắn lên đó tấm bảng có những dòng chữ lớn :

Gánh ĐỨC HUY CHARLOT MIEU mới thành lập
Tối nay khai diễn tại rạp TRẦN MỸ NGOC
Diễn tuồng ÔNG GIÀ NHÀ AI
Có phụ diễn nhảy thiết hài

Ba giờ chiều, hai cô đào trẻ mặt mày loè loẹt leo lên ngồi trên ghế xe ngựa. Nấp sau tấm bảng quảng cáo là thằng Cồn và anh Thuận đánh chiêng trống tùng tùng xoè. Ngồi đằng sau xe, tôi có bốn phận tung chương trình bướm bướm. Dân các phố

Tám Gian, Cầu Đất, Lạch Chay... từ trong nhà xô cửa ra nhìn chúng tôi. Lũ trẻ bỏ chơi chạy theo xe ngựa, tranh nhau nhặt những tờ chương trình màu đỏ.

Tối đến, thằng Cồn vác trống ra cửa rạp, đánh những nhịp trống múa sư tử. Khán giả lục tục kéo đến. Tôi lẳng xăng đi từ ngoài rạp vào buồng vé, từ buồng vé vào chỗ khách ngồi, từ chỗ khách ngồi lên sân khấu. Trên ban thờ tổ sư của ngành xướng ca là Lê Nguyên Cát đặt ở hậu trường để đào kép khăn vái trước khi ra đóng tuồng đã được bày một đĩa hoa quả và được cắm hương, khói lên nghi ngút. Ban nhạc avant scène đã chơi âm ỹ những bài **pasodoble, rumba**.

Đồng hồ điểm 8 giờ. Giờ lịch sử đã tới. Anh Thuận bấm xong ba hồi chuông điện, giơ hai tay kéo màn. Tấm màn nhung đỏ từ từ mở ra. Sân khấu lộng lẫy dưới những ngọn đèn 1000 nến và đèn màu. Vở tuồng bắt đầu. Một quãng đời mới của tôi cũng vừa mở ra với tấm màn nhung.

Ta ca trái đất còn riêng ta
TRƯƠNG CHI - Văn Cao

Chương Mười Tám

Trong gần hai tháng gánh Cải Lương ĐỨC HUY-CHARLOT MIÊU tập trung ở đây để tổ chức và ra mắt khán giả, tôi được làm quen với thành phố cửa bể chính của Bắc Kỳ này.

Với hai lần xuống Hải Phòng trước đây, một lần đi đón ông anh du học ở Pháp về, một lần đáp tàu thủy đi Moncay, tôi chỉ biết qua loa khung cảnh bến tàu nhưng tôi đã thích sự náo nhiệt của nơi có tiếng *mời gọi giang hồ* thật là quyến rũ. Thành đô Hà Nội âm thầm với những hồ nước im lìm chỉ đủ kéo tôi về dĩ vãng, nó không mở rộng cánh cửa cho tôi đi ra năm châu bốn bể được. Đứng ở bến tàu Hải Phòng là đã có cảm giác xuất ngoại rồi ! Hà Nội cũng không phải là nơi quần cư nghĩa là có nhiều giống người cư ngụ vĩnh viễn hay tạm thời. Ở Hải Phòng, sống bên cạnh người Việt là những thương gia hay thủy thủ Pháp, Y Pha Nho, Anh Cát Lợi, Hoà Lan, Xiêm La, Ấn Độ, Nhật Bản v.v... Người Tàu thì đông vô kể, họ bắt rễ vào Hải Phòng đông hơn ở Hà Nội cũng như đã bắt rễ vào tất cả thành phố lớn trên thế giới. Nếu lúc đó tôi chưa có cơ hội vượt biên và đi sống ở nhiều thủ đô hay hải cảng trên thế giới như bây giờ thì những ngày Hải Phòng, đối với tôi, đã có nhiều vẻ quốc tế rồi đó.

Muốn có chút gì để kéo ta về quá khứ thì ta có thể tưởng tượng ra khung cảnh thương khẩu lúc hãy còn mang tên Bến Ninh Hải, vẫn nằm trên ngã ba sông Tam Bạc và sông Cẩm này và vào đầu thế kỷ 19 được Triều Đình Huế giao việc tu bổ cho Quan Doanh Điền Sứ, ông quan này có người Việt Nam đầu tiên xuất dương qua Mỹ là Bùi Viện giúp sức. Trước đó, từ thế kỷ thứ 17, các tàu buôn Hoà Lan, Anh, Nhật đã ra vào Bắc Việt để buôn bán, thám hiểm hay truyền đạo nhưng họ lại đi vào nước ta bằng cửa sông Thái Bình để ngược lên sông Hồng rồi chọn Phố Hiến ở Hưng Yên làm thương khẩu. Khi người Pháp tới và nhận thấy đi vào Bắc Việt bằng cửa sông Cẩm, cách cửa sông Thái Bình chừng mấy chục cây số ở phía Bắc và chọn Ninh Hải

làm thương cảng thì tiện lợi hơn. Từ đó Ninh Hải trở thành Hải Phòng và là cửa khẩu lớn nhất của Bắc Việt.

Hải Phòng náo nhiệt hơn tất cả các thị trấn lớn nhỏ mà tôi đã sống trước đây. Không cứ gì bến Sáu Kho với tàu bè to lớn đậu san sát nhau và với hành khách lên xuống tấp nập, khu buôn bán ở phía Bắc thành phố gần sông Tam Bạc là nơi tôi đang ở cũng gánh hát cũng ồn ào không kém. Khu Phố Khách của người Tàu ở liền ngay đó còn âm ỹ hơn nữa. Vì tất cả hàng hoá xuất cảng đi nước ngoài hay nhập cảng vào Việt Nam đều phải đi qua cửa khẩu này, Hải Phòng đứng đầu Bắc Việt về sự phồn thịnh thương mại.

Hải Phòng còn là một thành phố kỹ nghệ với nhiều nhà máy, nhiều công ty sản xuất và lẽ tất nhiên với nhiều xưởng đóng tàu và sửa chữa thuyền bè. Có nhà máy xi măng, nhà máy gạo, xưởng chế hoá đồ sành, đồ sứ, xưởng máy làm chai và các đồ thủy tinh khác, xưởng đúc đồ gang, đồ sắt, đồ đồng, xưởng sản xuất than, xưởng thuộc da. Có cả nhà máy sợi, nhà máy làm sà phòng.

Hải Phòng đúng là một thành phố của công nhân. Đã từng làm việc trong xưởng thợ tại Trường Kỹ Nghệ Hà Nội và Nhà Máy Điện Moncay, tôi rạo rực sống lại mảnh đời công nhân của mình. Và tôi thấy yêu thành phố này quá, khi ngồi uống cốc cà phê ở một quán nhỏ, lắng tai nghe tiếng còi tầm của công xưởng vào những buổi sớm có nắng hồng. Hay khi ngồi ăn bữa cơm bình dân ở một hè đường trong chiều mưa, bên cạnh những người dân không chỉ mặn mùi muối bể mà còn nồng mùi dầu mỡ bụi than. Đôi khi cùng mấy anh em trong đoàn hát vào ăn tiệm thì thấy miếng ăn Hải Phòng cũng ngon không thua miếng ăn Hà Nội. Trong các đồ hải vị ở đây, ngoài tôm ra, cá song, cá thu Hải Phòng nổi tiếng là ngon.

Vì Hải Phòng là nơi thịnh vượng về cả hai mặt sản xuất và thương mại nên đã thu hút người tứ xứ tới. Người Nam Định, Hải Dương, Kiến An gần gũi tới Hải Phòng để sinh nhai là chuyện thường. Người Bắc Ninh, Bắc Giang, Thái Nguyên xa xôi cũng lần mò về kiếm ăn tại hải cảng. Tôi sống hủ hê trong thành phố có đủ hạng người ở các địa phương trong nước, có thêm các hạng người ở các vùng trời Âu Á, tất cả những sắc dân này sống chung với nhau giống như sự pha trộn bầy màu của một chiếc cầu vồng to lớn.

Tuy nhiên, trong những ngày tôi lưu lại tại hải cảng này tôi thấy bộ mặt chiến tranh đã phơi ra với hình ảnh những toán quân kị mã Nhật đi ngựa qua thành phố hay những toán bộ binh Nhật cỡi trần đóng khố vừa đi vừa hát những bản hùng ca. Hải Phòng cũng đã nếm mùi bom Mỹ. Có những ngày, theo lệnh của chính quyền, tôi cùng hàng ngàn gia đình kéo nhau đi tránh bom ở vùng ngoại ô, xâm xầm tối mới trở về thành phố, coi như tập dượt cảnh tản cư trong kháng chiến chống Pháp sau này.

Nhật Bản đã chiếm hoàn toàn vùng Đông Nam Á. Âm nhạc và điện ảnh ca tụng tinh thần chiến đấu của con cháu Thái Dương Thần Nữ được phổ biến rộng rãi ở khắp nơi, từ Trung Hoa qua Đông Dương, xuống Mã Lai và xuống cả vùng Nam Dương nữa. Lần thứ nhất trong đời, tôi được nghe những bản nhạc hùng của Á Đông.

Thường thường nhạc Á Đông là nhạc ấn tượng chỉ đem sự trầm ngâm tới cho người nghe. Nhạc sĩ Pháp Debussy nổi danh vì có được sự trầm ngâm đó, khi ông chỉ dùng những phím đen của đàn piano. Năm phím đen đó là thang âm ngũ cung của Á Đông. Lúc cả Âu Châu đang bị nhạc của Wagner áp đảo, nhạc Debussy ra đời và

được gọi là **musique impressioniste**. Bây giờ tại Hải Phòng, nhạc hành ca mà toán quân Nhật Bản vừa đi vừa hát trên đường phố, tuy vẫn là nhạc ngũ cung nhưng tôi thấy sao mà hùng tráng đến thế ! Các rạp chiếu bóng cũng chiếu nhiều phim Nhật xưng tụng chủ nghĩa người hùng qua những phim hiệp sĩ đạo. Ngoài những phim truyện, tôi còn được coi chiến công của Nhật Bản trong phim thời sự hoặc do hãng PATHÉ JOURNAL thực hiện (với hình ảnh con gà trống gáy te te) hoặc do quân đội Nhật thực hiện và chính quyền bảo hộ bắt chủ rạp phải chiếu.

Trong thời gian tôi ở Hải Phòng, ngoài thú vui của một người thêm xuất ngoại được sống tại một cửa bể suốt ngày nhìn ra trùng dương, ngoài háo hức của một thanh niên thích xướng ca được sống trong một gánh hát rong đang chuẩn bị lên đường "viễn xứ"... tôi còn có cái may gặp một người bạn mới. Người đó là Văn Cao.

Văn Cao là tên thật, họ Nguyễn, ra đời sau tôi vài năm tại bến Bính, bên dòng sông Cẩm. Cha (hay anh ruột, tên là Tú) làm cai của nhà máy bơm nước ở bờ sông đó nên suốt thời niên thiếu, anh sống trong nhà máy này. Học tiểu học tại trường Bonnal, trung học ở trường Saint Joseph, Văn Cao đã có khiếu văn nghệ ngay từ khi còn đi học. Ẩn ở trong một căn nhà nhỏ có cái máy bơm rất lớn nằm chính ỳnh giữa nhà suốt ngày đêm hút nước từ dưới sông lên không lúc nào ngưng nghỉ, Văn Cao còn vất vả hơn nữa là phải lấy một tấm phản kê lên máy bơm để làm bàn học. Sau này nhớ tới *giọng máy bơm nước*, Văn Cao sẽ có câu thơ :

*Anh muốn giơ tay lên mặt trời
Để vui da mình hồng hồng sắc máu
Mấy năm một điệu sáo
Như giọng máy nước thâu đêm chảy...
(Anh Có Nghe Không, trong LÁ, tuyển tập thơ Văn Cao)*

Thấp bé hơn tôi, khép kín hơn tôi, nhưng Văn Cao tài hoa hơn tôi nhiều. Chắc chắn là đứng đắn hơn tôi. Lúc mới gặp nhau, anh ta chưa dám mảy-mao với tôi, nhưng tôi thì có cái tật thích nói văng mạng (và văng tục) từ lâu, kết cục, cu cậu cũng theo tôi mà *xổ chữ nho*. Nhưng Văn Cao bản tính làm lý, ít nói, khi nói thì bàn tay gầy gò luôn luôn múa trước mặt người nghe. Anh ta thích hút thuốc Lào từ khi còn trẻ, có lần say thuốc ngã vào tay tôi. Về sau, anh còn nghiện rượu rất nặng.

Hình như Văn Cao có đi học vẽ ở trường Cao Đẳng Mỹ Thuật như tôi, nhưng chắc chắn anh đã được họa sĩ Lưu Văn Sìn dắt vào hội họa. Văn Cao vẽ rất giỏi. Tôi giữ được bức tranh tự họa của Văn Cao, tranh sơn dầu vẽ trên bìa cứng cho tới ngày Pháp đánh Saigon vào năm 1945 thì mất, tiếc quá ! Văn Cao làm thơ cũng rất hay. Vào năm 1941 mà anh đã có những câu thơ nghe như thơ Huy Cận :

*Sông chậm chậm chảy trong mưa
Nghe chừng cô gái đã thừa nhát chèo
Mưa trong trắng tiếng nhỏ đều
Bến mờ mịt : mấy mái lều bơ vơ...
(Đêm Mưa)*

Chưa gặp Văn Cao nhưng tôi đã biết tài soạn nhạc qua mấy bài nhạc hùng của anh rồi. Khi tới Hải Phòng, sau khi gặp Hoàng Quý tôi tìm đến Văn Cao. Cũng như tất cả thanh niên *mở trắng* (blanc bec) thời đó, Văn Cao đang thất nghiệp sau một tháng làm việc tại Nhà Bưu Điện. Thanh niên thất nghiệp Hưng Yên gặp nhau là nói

chuyện ca hát thì thanh niên thất nghiệp Hải Phòng cũng vậy. Văn Cao cũng có một số bạn bè để chơi trò âm nhạc. Gặp tôi đang lập cuộc đời mới trong một gánh hát thì kết thân ngay. Lúc đó, tôi đã tập tọe đánh đàn với các nhạc sĩ trong ban nhạc Tây của gánh Đức Huy. Văn Cao lại chơi với tôi và thấy mọi người trong đoàn đang tập dượt thì bị cảm sốt ngay. Tuy có giọng hát khá hay nhưng chưa được dùng đến trên sân khấu của gánh hát, tôi cũng đã biết xử dụng cây đàn guitare để hát những bài như **Bản Đàn Xuân** của Lê Thương, **Con Thuyền Không Bến** của Đặng Thế Phong. Nhất là hát bản ruột của mình là **Cô Hái Mơ**. Và tôi đã hát cho Văn Cao nghe. Nghe xong, Văn Cao vội vàng đưa cho tôi dăm ba bài anh ta mới làm xong. Lúc đó bên cạnh hai đứa chúng tôi còn có Đỗ Hữu Ích, con ông chủ bán đồ sắt phố Hàng Đồng, soạn lời ca rất hay. Đa số những bản đầu tay của Văn Cao đều đã được Đỗ Hữu Ích giúp đỡ trong phần lời ca. Dần dà tôi biết hơn về Văn Cao và Đỗ Hữu Ích.

Vào năm 1944 này, Tân Nhạc Việt Nam đã qua giai đoạn chuẩn bị với những bài ta theo điệu tây và bước vào giai đoạn thành hình với hai loại nhạc tình và nhạc hùng. Nhạc hùng đã được hai nhóm là Tổng Hội Sinh Viên ở Hà Nội và ĐỒNG VỌNG ở Hải Phòng làm cho khởi sắc với những bản hùng ca của hai người cầm đầu hai nhóm là Lưu Hữu Phước và Hoàng Quý. Trước đó, đã có những bài hát hướng đạo cũng như những bài lịch sử ca soạn ra để cổ vũ lòng yêu nước của thanh niên (cho nên được gọi là thanh niên-lịch sử ca) như :

*Vui ca lên nào anh em ơi !
Hát cho đời thắm tươi...
(Linh Mục Thích)*

*Anh hùng xưa nhớ hồi là hồi niên thiếu
Dấy binh lấy lau làm cờ...
(Lưu Quang Vũ)*

Bây giờ hai nhóm Tổng Hội Sinh Viên và ĐỒNG VỌNG tung ra những bài như **Vui Xuân, Bạn Đường, Bạch Đằng Giang** của Lưu Hữu Phước, **Đêm Trong Rừng, Bóng Cờ Lau, Nước Non Lam Sơn** của Hoàng Quý. Đều là những bài hát hay nhưng chỉ hay một cách bình thường.

Văn Cao đóng góp vào loại nhạc hùng này với những bài như **Vui Lên Đường, Gió Núi, Anh Em Khá Cầm Tay, Đồng Đa, Thăng Long Hành Khúc**... Theo tôi, những hướng đạo ca và thanh niên-lịch sử ca của Văn Cao có nhiều "souffle" (hơi thở) hơn trong câu nhạc và có nhiều tính thơ hơn trong lời ca. Trong những bài ca hướng đạo **Anh Em Khá Cầm Tay, Gió Núi** ta đã thấy manh nha những phóng bút tuyệt vời của **Chiến Sĩ Việt Nam, Bắc Sơn** hay **Thiên Thai, Trương Chi** sau này :

*Anh em khá cầm tay
Mau đến cùng nhau hát nhé
Nơi đây chúng mình ca
Trong gió hoà êm êm.
Bao nhiêu gió về đây
Chim chóc về đây hát nhé
A vui sướng làm sao
Ta ngó trời xanh êm...
(ANH EM KHÁ CẦM TAY)*

*Gió núi qua mái lều vi vu
Vùng trắng xé lu
Phía cách xa núi mờ ánh trắng*

Lời ca hát rằng :
Cùng ngồi lại đây ta chờ hơi gió
Thoáng qua mái lều
Là tiếng hát phát phơ từ đâu ?

.....
Ngàn đời về xưa muôn quân thương tiếc
Bao nhiêu thấy chết nơi đây
Ngàn đời về sau nấu nung máu hờn...
(GIÓ NÚI)

Về phần nhạc hùng thì bài **Đồng Đa** với câu ca : *Tiến quân hành khúc ca, thét vang rừng núi xa...* nó phải dẫn tới bài **Tiến Quân Ca** của Cách Mạng Tháng Tám. Còn bài **Thăng Long Hành Khúc** à ? Tôi yêu nó vô cùng. Bài này có đoạn kết tiếc thay được ít người hát tới, với lời ca như những lời tiên tri của con người hơn tôi rất nhiều ở chỗ được suốt đời sống với Thăng Long :

*Cùng ngược mắt về phương Thăng Long thành cao đứng
Không cứ bây giờ chúng ta tìm đi
Người đời này qua
Dặm đường dù vắng
Khắp nơi rộn theo đời vui tươi chờ ta !
Chúng ta ! Muôn ngàn năm yêu sống dưới khói mây
Trên thành đô xứ Bắc ấy
Chiều vàng dần sắp tắt
Chờ đợi một đêm qua
Nắng mai hồng lên đàn chim vang lời ca...*

Ủa ! Vào năm 43-44 mà Văn Cao đã tiên tri ngày *thành đô xứ Bắc, chiều vàng sắp tắt* à ? Tắt cho tới nay... Nắng mai hồng nào sẽ lên ? Từ đâu tới ?

Bây giờ nói tới nhạc tình. Vào đầu thập niên 40, nhạc tình ở Hà Nội nằm trong tay nhóm MYOSOTIS (Hoa Lưu Ly) với những bài như **Thuyền Mơ**, **Khúc Yêu Đường**, **Hồ Xưa** ... của Thẩm Oánh, **Tâm Hồn Anh Tim Em** của Dương Thiệu Tước và trong tay nhóm TRICÉA với những bài như **Đoá Hồng Nhung**, **Bóng Ai Qua Thềm** của Văn Chung, **Bể Bàng** của Lê Yên, **Cô Lái Thuyền**, **Biệt Ly** của Dzoãn Mẫn. Nhạc tình đang phổ biến dữ dội lúc đó cũng còn là của một người Nam Định, Đặng Thế Phong với ba bài hát mùa Thu : **Đêm Thu**, **Con Thuyền Không Bến** và **Giọt Mưa Thu**...

Ở Hải Phòng, nhạc tình là địa hạt của Lê Thương với những bài đầu tay rất hay như **Bản Đàn Xuân**, **Một Ngày Xanh** -- hay **Bên Bờ Đà Giang**, **Nàng Hà Tiên**... Nhất là với bài **Thu Trên Đảo Kinh Châu** soạn trên âm giai Nhật Bản và đang rất thịnh hành (đến độ đi vào nhạc mục của Hát Quan Họ ở Bắc Ninh).

Trong một không khí nhạc tình lãng mạn toàn nói về mùa Thu như vậy, chàng tuổi trẻ Văn Cao cũng soạn ra những bài hát mùa Thu như **Thu Cô Liêu**, **Buồn Tàn Thu**... nhưng chưa bao giờ anh ta có cơ hội để phổ biến. Tôi sẽ là người đầu tiên đem nhạc của Văn Cao đi -- nói theo lời Văn Cao đề tựa trong một bài hát -- **gieo buồn khắp chốn**. Danh từ người du ca đầu tiên cũng do chính Văn Cao đã gán cho tôi với một sự thêm sống cuộc đời **xướng ca vô loài** như tôi lắm lắm !

Khác với những bài hát tình thu bị ảnh hưởng thơ văn lãng mạn Pháp của các nhạc sĩ khác, bài **Thu Cô Liêu** của Văn Cao có cái buồn của Đông Phương. Lời ca nghe như một câu thơ Đường :

*Thu cô liêu tịch liêu, cô thôn chiều
Ta yêu thu, yêu Thu, yêu Mùa Thu !
Vàng hoeen đáy nước soi rõ đường đi
Một mùa Thi ! Một mùa Thi !
Lá rơi, rơi rụng, buồn chi lá vàng
Trắng áp lạnh non, sương cứng lá
Đã từng nghe gió biết Thu sang.
Vàng theo cánh gió lấp bay tìm em
Một chiều êm ! Một chiều êm !*

Nhạc điệu của bài này theo nhạc chủ thể Tây Phương (musique tonale) với những "áp-âm" hay "cảm âm" (notes sensibles) làm cho nét nhạc có nhiều cảm tính. Giai điệu trải ra trên một âm vực rất rộng

nên hơi khó hát. Trái lại, bài **Buồn Tàn Thu** dùng ngũ cung Việt Nam với nét nhạc giản dị hơn cho nên dễ đi vào dân chúng. Tôi sẽ làm nên cuộc đời du ca của tôi với bài hát nói về người thiếu phụ đàn áo chờ chồng này :

*Ai lướt đi ngoài sương gió ?
Không dừng chân đến, em bẽ bàng !
Ôi vừa thoáng nghe
Em mơ ngày bước chân chàng
Từ từ xa tìm đến.
Đêm mùa Thu chết
Nghe mùa đang rớt
Rơi theo lá vàng.
Em ngồi đàn áo
Lòng buồn vương vấn
Em thương nhớ chàng...*

Ngay từ lúc này, Văn Cao đã nói tới mùa Thu chết. May cho anh ta, lúc đó chưa có Mùa Thu Cách Mạng nên chưa bị vu cáo là rửa Cách Mạng. Như tôi đã bị lên án với bài **Mùa Thu Chết**, phổ thơ Apollinaire vào năm 1970. Soạn ra bài này chỉ vì tôi đang thất tình (sic) chứ lúc đó tôi đâu có thêm để ý tới Cách Mạng, Cách Miếu gì nữa. Để mà nguyên rửa.

Nhưng vào lúc tôi gặp Văn Cao ở Hải Phòng, tôi thích bài **Cung Đàn Xưa** nhất. Văn Cao soạn bài này thì không nói tới mùa Thu mà nói tới mùa Xuân nhưng lại là một mùa Xuân đã tàn, đã chết như mùa Thu. Tuy là một bài hát ngắn, nhưng Văn Cao cũng chia ra 4 đoạn khúc rõ ràng. Đoạn đầu nói tới cung đàn năm xưa :

*Hồn cảm phong hương
Hình bóng Xuân tàn
Ngày dần buông trôi
Sầu vắng cung đàn.
Lời đàn năm xưa
Xe kết đôi lòng
Lời đàn năm nay
Chia rẽ đôi lòng...*

Đoạn 2 nói tới cung Thương, cung Nam mà Lê Thương, Phạm Duy cũng đều nói tới qua những bài **Bản Đàn Xuân, Khổ Tình Trương Chi** :

*Cung Thương là tiếng đàn
Cung Nam là tiếng người
Ai oán khúc ca cảm chìm rơi
Tình duyên lãng đãng
Nhớ thương dần pha phôi...*

Đoạn 3 chuyển qua một nhịp điệu khác, nói tới sự buồn rầu trong cung đàn xưa :

*Cung đàn ngân
Buồn xa vắng trong tiếng thầm
Buồn như lúc Xuân sắp tàn
Ôi đàn xưa
Còn vang nhắc chi đến người
Lòng ta tắt bao thắm tươi
U hoài duyên đưa...*

Thì ra tất cả ba đoạn nói tới một cung đàn xưa đó chỉ muốn nhắc tới một người mà Văn Cao diễn tả một cách tuyệt mỹ, một người tình tưởng tượng có đôi mắt giữ lại mùa Xuân, có đôi chân đi tới đầu hoa nở tới đó, có thân hình thơm hương, có tiếng nói khơi dậy thương yêu... khiến cho hiện thân của anh Trương Chi là Văn Cao đó, bây giờ đã phải cất lên tiếng đàn giao hoan và dẹt nên không biết bao nhiêu là mộng mị :

*Chiều năm xưa
Gót hài khai hoa
Mắt huyền lưu Xuân
Dáng hồng thơm hương.
Chiều năm nay
Tiếng người khơi thương*



*Tiếng đàn giao hoan
Giấc mộng chàng Trương...*

Tôi muốn nói nhiều tới hai bài hát **Thu Cô Liêu, Cung Đàn Xưa** này hơn là nói tới bài **Buồn Tàn Thu** mà ai cũng biết là vì, đáng tiếc thay, rất ít người biết tới những bản nhạc tình đầu tay của Văn Cao, trong đó ta đã thấy manh nha những hình ảnh, những ý tình, những cái đẹp mà Văn Cao sẽ phát triển tốt độ trong hai bài ca bất hủ là **Thiên Thai** và **Trương Chi**... Những cô hái mơ, cô bán hoa, cô hàng nước, cô lái đò, cô lán giềng mà ta thấy xuất hiện trong các bản nhạc tình thuở đó, làm sao mà có được những gót hài khai hoa, mắt huyền lưu Xuân, dáng hồng thơm hương... như trong bản **Cung Đàn Xưa** của Văn Cao ? Chỉ cần 12 chữ và dù chỉ để xưng tụng một người tình tưởng tượng mà thôi, Văn Cao đã đưa nhạc tình 1943-44 vượt khỏi những khuôn sáo cũ mòn. Sau này, để xưng tụng một người tình có thực và cũng là một cách xưng tụng Văn Cao, tôi có hát trong bài **Đường Em Đi** :

*Đường em có đi
Hằng đêm bước qua
Nở những đoá hoa ôi dị kỳ.
Đường em có khi
Chờ em bước qua
Là nghiêng giấc mơ ước thề...*

Từ **Thu Cô Liêu, Cung Đàn Xưa** của lúc đó tới **Suối Mơ, Bến Xuân** sau này (và với cả bài **Chiến Sĩ Hải Quân** nữa) Đỗ Hữu Ích đã đóng góp rất nhiều vào phần soạn lời ca.

Đỗ Hữu Ích có một cô em gái rất đẹp tên là Yến mà chắc chắn Văn Cao phải mê. Như tôi đã mê. Trong một buổi cả nhà đi lánh bom máy bay Mỹ ở ngoại ô, tôi đã leo vào nhà Đỗ Hữu Ích để ăn cắp tấm ảnh và cái áo lót của cô em gái. Đem tấm ảnh vào tới Saigon, Cà Mau rồi đem ra Hà Nội. Nếu không lâm vào cảnh phải chạy giặc tôi thiếu cũng là bốn lần thì chắc chắn tấm ảnh này chưa bị thất lạc.

Khi kết bạn với Văn Cao ở Hải Phòng vào năm 1944, tôi đã có nhiều kinh nghiệm về tình rồi nhưng tôi thấy Văn Cao lúc đó rất cô độc, không có một thứ nhân tình, nhân ngãi nào cả ! Tôi không tỏ tình với Yến bởi vì tôi đang có người tình là cô đào chính trong gánh hát. Văn Cao không dám tỏ tình với Yến chắc chắn vì tính nhát gái. Văn Cao lúc còn trẻ là người chững mực. Ít khi anh chàng chịu theo tôi trong những cuộc chơi. Tôi ngờ rằng những bản nhạc tình đầu tiên của Văn Cao soạn ra là mỗi tình cảm lặng đối với Đỗ Thị Yến.

Trong lúc ngồi nhớ lại một thời sống với Văn Cao ở Hải Phòng vào đầu năm 44, tôi không muốn đóng khung niềm nhớ bạn vào một thời điểm quá ngắn ngủi này. Bởi vì trong những tập **HỒI KÝ** tôi sắp viết, tôi sẽ chỉ nhắc tới Văn Cao với loại nhạc Cách Mạng Kháng Chiến của anh mà thôi, tôi muốn viết ngay ra đây những ý nghĩ của tôi về nhạc tình của Văn Cao ngay sau khi chúng tôi xa nhau rồi gặp lại nhau tại Hà Nội vào năm 1946.

Nếu đem so sánh với những bản nhạc tình của 50 năm Tân Nhạc thì những bài **Suối Mơ, Bến Xuân** là cực điểm của lãng mạn tính trong ca nhạc Việt Nam. Sẽ không bao giờ có những bài ca lãng mạn như thế nữa ! Sẽ có nhạc tình cảm tính, nhạc tình não tính, nhạc tình nhục tính và ảo tính nhưng không thể có thêm những bài nhạc tình lãng mạn nào hay hơn nhạc Văn Cao. Không ai có thể mô tả cái đẹp của con suối trong rừng Thu như thế này nữa :

*Suối mơ !
Bên rừng Thu vắng
Dòng nước trôi lững lờ ngoài nắng.
Ngày chưa đi sao gió vương ?
Bờ xanh ngắt bóng đôi cây thùy dương...*

Hoặc ca tụng người tình nơi **Bến Xuân** :

*Tới đây chân bước cùng ngập ngừng
Mắt em như dáng thuyền soi nước.
.....
Tới đây mây núi đôi chập chùng
Liều dương hơ tóc vàng trong nắng...*

Trong cả hai bài nhạc tình về mùa Thu và mùa Xuân này, bao giờ nét nhạc *mineure* mở đầu cũng rất lâng lâng rồi cũng sẽ chuyển qua một nét nhạc *majeure* ngắn để diễn tả một niềm vui thoáng qua. Hình ảnh người tình trong cả hai bài hát này đều rất là lộng lẫy, cao sang. Tình cảm của cả hai bài nhạc tình đều không chìm con người vào cõi u tối, trái lại làm cho người nghe thấy người ngoài, sáng khoái. Con suối trong rừng Thu buồn muôn thuở là vì còn lưu luyến hương vị tình yêu chúng ta :

*Suối ơi !
Nghe rừng heo hút.
Dòng êm đưa lá khô già trút
Còn như lưu hương yêu dấu
Với suối xưa trôi nơi đâu...*

Đứng trên bến Xuân để nhìn những cánh buồm xa và nghe tiếng chim ca lưu luyến cuộc tình của chúng ta, cuộc tình vừa mới đi qua :

*Sương mênh mông che lấp kín non xanh
Ôi cánh buồm nâu còn trên lớp sóng xuân
Ai tha hương nghe riu rít oanh ca
Cánh nhạn vào mây thiết tha
Lưu luyến tình vừa qua...*

Không "ích kỷ" (!) như tôi, nghệ sĩ tài hoa Văn Cao hiến thân cho Cách Mạng. Nhưng Cách Mạng sẽ không cho anh sáng tác nữa nên sự nghiệp anh đành dở dang. Trong suốt một đời, con người tình cảm hơn tôi này chỉ soạn ra dăm bảy bản nhạc tình trong đó hai bài **Thiên Thai** và **Trương Chi** đã làm mờ đi bốn bài còn lại như hai bài đã kể ở trên và hai bài nữa là **Suối Mơ** và **Bến Xuân** . (Cách Mạng xong tới nên **Bến Xuân** đã bị đổi thành **Đàn Chim Việt**).

Bài **Buồn Tàn Thu** không có giá trị nghệ thuật cao bằng những bài khác của Văn Cao nhưng vì nó được hát lên trên sân khấu hát rong và trên Đài Phát Thanh Saigon trong những năm 44-45 là lúc TÂN NHẠC còn mới phối thai, cho nên nó được nhiều người biết tới. Nhưng những bài tình ca nhỏ nhặt đó sẽ bị mờ đi khi **Thiên Thai** và **Trương Chi** ra đời. Với tài năng đã đến độ chín mùi, Văn Cao sẽ dắt ta tới đỉnh cao nhất của ái tình cũng như sẽ đưa ta vào cõi sâu thẳm nhất của khổ đau với hai câu chuyện cổ dân gian biến thành hai bản tình ca muôn thuở.

Tôi đã có dịp nói tới không khí Đường Thi trong nhạc Văn Cao, nghĩa là nói tới chất thơ trong sáng, cô đọng ngay từ trong những bản nhạc đầu tiên của anh. Ta thấy những bài **Thu Cô Liêu**, **Buồn Tàn Thu** ... như có vẻ vừa thoát ra từ khung cảnh THU HỨNG của Đỗ Phủ. Nghe câu hát *Chiều năm xưa gót hài khai hoa, mắt huyền lưu Xuân, dáng nồng thơm hương...* trong bài **Cung Đàn Xưa** thì ta nghe ra như một câu thơ của Thôi Hiệu.

Nhưng trong thời kỳ thành hình và phát triển của TÂN NHẠC, Văn Cao cũng không phải là chàng nhạc sĩ trẻ tuổi độc nhất đã bị ảnh hưởng của Thơ Đường. Nhạc sĩ đàn anh Lê Thương mà đã chẳng biết dùng khung cảnh TRẮNG QUAN SAN của Lý Bạch để soạn ra câu hát : *Qua Thiên San kia ai tiễn rượu vừa tàn* khiến cho ba bản **Hòn Vọng Phu** của anh đã trở thành bất diệt đó à ?

Có lẽ cũng cảm thấy ma lực của Đường Thi trong Tân Nhạc cho nên về sau này tôi cũng mượn không khí của *Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn Tự* -- *Dạ bán chung thính đáo khách thuyền* của Trương Kế để soạn ra câu hát trên sông Lô : *Thuyền tôi đậu bến Sông Lô -- Nửa đêm nghe tiếng quân thù thở than*.

Nếu chúng ta đi xa thêm vào dĩ vãng, ta lại còn thấy trong truyền thống HÁT Ả ĐÀO, những bài thơ như TƯƠNG TIẾN TỬU, TIỀN-HẬU XÍCH BÍCH... của Thơ Đường đã trở thành những điệu hát hoàn toàn Việt Nam. Còn sân khấu Cải Lương Nam Kỳ thì có hẳn một điệu hát được gọi tên là DẠ BÁN CHUNG THINH. Ai cũng bị ảnh hưởng Đường Thi mà chẳng nói ra hay chưa có dịp để nói ra.

Nhưng với bài **Thiên Thai** in ra vào năm 1944 thì Văn Cao tự nhận mình là "Người Sông Ngự" và không ngần ngại viết mấy câu đề tựa trên đầu bản nhạc do nhà xuất bản TINH HOA ở Huế ấn hành : *Ảnh hưởng sông nước khúc Thiên Thai cổ trong khung cảnh huyền diệu của Đường Thi với hai truyện Thiên Thai và Đào Nguyên*. Người Sông Ngự đã lạc cảm xúc rồi ! Trong bản in còn đề rõ : lời ca của Văn Cao và Hoàng Thoái -- tôi ngờ Hoàng Thoái là bí danh của Đỗ Hữu Ích.

Ta hãy thử xem những bài thơ Đường mà Văn Cao vừa kể ra như ĐÀO NGUYỄN HÀNH của Vương Duy và LƯU NGUYỄN NHẬP THIÊN THAI của Tào Đường đã có những gì khiến cho người nhạc sĩ mang thêm bí danh Người Sông Ngự này đã phải lạc cảm xúc ? Trong cuốn ĐƯỜNG THI in tại

Saigon vào năm 1971, Giáo Sư Phạm Liễu đã cho rằng cảnh Đào Nguyên là cảnh đẹp vô cùng lý tưởng. Bài thơ của Vương Duy dẫn chúng ta vào một khung cảnh thần tiên :

*Chiếc thuyền câu đẩy đưa trên sông nước
Mê sắc trời núi đẹp ánh xuân xa...
Đôi bờ Đào Hoa, bến thuyền xưa ấy
Ngồi ngắm nhìn cây thắm, không biết xa...*

Chốn suối hoa đào thần tiên đó mà có được, chẳng qua cũng chỉ vì thi sĩ có quá nhiều gian khổ trong cuộc đời nên đã phải tạo ra cho mình một nơi để ẩn lánh. Một nơi sau này thi bá Vũ Hoàng Chương bước vào thì phải lạc lối, người thơ của lên đường Tản Đà tới được thì, sau nửa năm tiên cảnh, một bước trần ai... sẽ phải giã biệt nơi cảnh đẹp lý tưởng đó với tiếng suối tiến, tiếng oanh đưa... Và nếu chúng ta có tới được thì cũng chẳng ở được lâu, cũng giống như truyện hai chàng thư sinh mang họ Lưu, họ Nguyễn lạc vào cõi Thiên Thai vậy. Ở dưới trần thì mơ lên tiên cảnh. Ở tiên cảnh thì lại đòi về dương trần. Đó là thân phận con người, *la condition humaine*. Đứng núi này trông núi nọ...

Bài thơ của Tào Đường thì diễn tả cảnh hai chàng thư sinh đi hái thuốc, không ngờ lại tới được chốn Đào Nguyên :

*Khe cây, lối đá nhận đường vào
Hoa cỏ không vương mấy bụi nào
Nhìn bóng dáng mây quên việc trước
Trông chiều cây nước ngỡ chiêm bao.
Muốn biết về đâu, non nước ấy
Hỏi thăm, nên tới suối Hoa Đào...*

Người Sông Ngự/Văn Cao đã thú nhận rằng mình bị ảnh hưởng sông nước của hai truyện ĐÀO NGUYỄN, THIÊN THAI cho nên đã soạn ra một bài hát. Một bài hát, theo tôi thật là tuyệt diệu ! Nó vừa có tính chất trường ca, vừa có tính chất nhạc cảnh. Nếu hình thức ca khúc trong Tân Nhạc Việt Nam cho tới năm 1944 này vẫn còn nằm trong khuôn khổ một đoạn khúc được ước định trong một số khuôn nhạc nào đó, với một lối chuyển cung, chuyển điệu công thức nào đó... thì **Thiên Thai** của Văn Cao đã vượt lên một thức rất lớn, chia ra nhiều đoạn, nhiều cảnh, gồm tới con số chín mươi bốn khuôn nhạc, chan chứa những giai điệu thần tiên và những lời ca thần diệu.

Với tài năng đã nở rộ cùng với bước đi tới của Tân Nhạc, Văn Cao mô tả cảnh đầu của bài Thiên Thai của anh, cảnh hai chàng Lưu Nguyễn lạc tới Đào Nguyên :

*Tiếng ai hát chiều nay vang lừng trên sóng
Nhớ Lưu Nguyễn ngày xưa lạc tới Đào Nguyên.
Kìa đường lên tiên,
Kìa nguồn hương duyên,
Theo gió tiếng đàn xao xuyến.
Phím tơ lưu luyến
Mây cung u huyền
Mây cung triu mến
Như nước reo mạn thuyền...*

Sau khi mở ra một tiếng hát của ai không biết, hát vang lừng trên sóng để đẩy đưa hai chàng Lưu Nguyễn lạc tới Đào Nguyên... thì, với một nét nhạc leo thang, Văn Cao vẽ ra con đường lên tiên, nơi nguồn hương duyên, theo gió bay lên với tiếng đàn xao xuyến... Ngay trong cảnh đầu của bài ca, ngay từ khi con thuyền nào đó (con thuyền câu của ĐÀO NGUYỄN HÀNH ?) đưa hai kẻ sĩ tình này đi vào cõi mộng, Văn Cao chỉ nói tới phím tơ lưu luyến, mây cung u huyền, mây cung triu mến như nước reo mạn thuyền. Tuyệt nhiên không có tả cảnh. Con đường lên tới suối hoa đào cũng không phải qua khe cây hay lối đá để nhận đường vào... như trong bài thơ của Tào Đường.

Tôi nghĩ rằng đây có lẽ là chiếc thuyền của anh Trương Chi mà Văn Cao đã cho hai chàng Lưu Nguyễn mượn tạm. Và những âm ba của giọng hát mà Văn Cao nói tới trong đoạn này đã làm cho hoa đào nơi suối tiên phải rụng cánh, có lẽ đó chính là tiếng hát của người thợ chài trên Sông Ngự, trong cuộc đời có thực hay trong cổ truyện lung linh vậy.

Tiếng hát đưa đẩy con thuyền tình trôi trên nước ngọc tuyền, và người trên thuyền cũng thấy quê hương dần xa lấp trong núi ngàn như trong hai bản Đường Thi... để gặp một tiếng hát khác bên bờ Đào Nguyên :

*Âm ba, thoáng rung cánh đào rơi
Nao nao bầu sương khói phủ quanh trời.
Lênh đênh dưới hoa chiếc thuyền lan
Quê hương dần xa lấp núi ngàn
Bâng khuâng chèo khua nước ngọc tuyến
Ai hát bên bờ Đào Nguyên...*

Trong đoạn này, Văn Cao đã chuyển nét nhạc một cách rất tài tình, dùng những nốt-bán-cung để di chuyển rất nhanh chóng câu hát đi từ một chủ âm *mineure* này qua chủ âm *mineure* khác, cho ta thấy được rất nhiều màu sắc của khung cảnh thần tiên này. Màu sắc ở đây lại không có gì là sặc sỡ, nó mơ hồ, nó nên thơ, nó huyền diệu...

Ai hát bên bờ Đào Nguyên ? Ngoài tiếng hát Trương Chi hay Lưu Nguyễn đang đưa đẩy con thuyền ? Thừa đó là bầy tiên đang đứng hát đón chờ hai gã tình lang tại một nơi còn nguyên vẹn trinh tiết bởi vì mùa Xuân ở đây chưa bao giờ gặp bướm trần gian tới làm cho Xuân phải ô uế, và mùa đào thì heo dồng ngày tháng chưa hề bao giờ tàn phai !

Với một nhạc điệu rất đẹp chảy dài từ bát độ trên xuống bát độ dưới, với một nhịp điệu lảng lơ nhưng thanh thoát, Văn Cao cho chúng ta một đoạn khúc có thể là **khúc Nghệ Thường** mà ta vẫn nghe nói tới trong Đường Thi :

*Thiên Thai !
Chốn đây hoa Xuân chưa gặp bướm trần gian
Có một mùa đào
Dòng ngày tháng chưa tàn qua một lần.
Thiên tiên !
Chúng em xin dâng hai chàng trái đào thơm
Khúc Nghệ Thường này
Đều cùng múa vui bầy tiên theo đàn...*

Nhạc bỗng sáng lên, chuyển qua giọng *majeure* nhưng lời ca thì vẫn chỉ nói tới tiếng đàn, tiếng nhạc. Tuyệt nhiên không nói tới người. Bầy tiên chỉ là hư ảnh. Biết đâu, ngay cả hai chàng Lưu Nguyễn cũng không có mặt trong bài ca :

*Đàn soi trắng lên, nhạc lắng tiếng quỳên
Đây đó nỗi lòng mong nhớ
Này khúc Bồng Lai
Là cả một thiên thu trong tiếng đàn chơi vui...*

Rồi nhạc chuyển vội về giọng *mineure* để nói rằng tiếng đàn xui quên đời dương thế, tiếng đàn khao khát tình duyên :

*Đàn xui ai quên đời dương thế,
Đàn non tiên đàn khao khát khúc tình duyên.*

Cho mãi tới bây giờ Văn Cao mới hé cho ta thấy cuộc ái ân nổi dậy giữa người tiên người phàm bằng cách quay lại với nhạc đề chính trong bài ca :

*Thiên Thai !
Ánh trắng xanh mơ tan thành suối trần gian
Ái ân thiên tiên em ngờ phút mê cuồng có một lần...*

Đàn phách lại nổi lên ! Nhạc Văn Cao rộn rã một cách khác thường trong đoạn này. Gió hát đi những tiếng hát. Những tiếng hát này sẽ làm se lòng người mỗi khi được nghe lại. Lưu Nguyễn quên trần hoàn rồi... Họ cùng bầy tiên đàn ca một vài ba thế kỷ :

*Gió hát trăm tiếng ca
Tiếng phách ròn lảng xa
Nhắc chi ngày xưa đó đến se buồn lòng ta.
Đào Nguyên trước, Lưu Nguyễn quên trần hoàn
Cùng bầy tiên đàn ca bao năm.
Nhớ quê chiều nào xa khơi
Chắc không đường về tiên nữ ơi...*

Không nói đến sự trở về trần hoàn của Lưu Nguyễn khi nhớ quê, không nói đến sự thất vọng của họ khi về tới cõi trần, nơi đó chẳng còn ai biết tới hai người nữa ! Văn Cao bỏ qua sự đứng núi này trông

núi nọ của họ, chỉ nói tới sự quay về đường tiên của hai cụ già Lưu Nguyễn. Nhưng than ôi, Đào Nguyên biến mất rồi ! Chỉ còn rền lại tiếng ca của cõi tiên :

*Gió hắt trầm tiếng ca
Tiếng phách ròn lảng xa.
Nhắc chi ngày xưa đó đến se buồn lòng ta.
Đào nguyên trước, Lưu Nguyễn khi trở về
Tìm Đào Nguyên, Đào Nguyên nơi nao ?
Những khi chiều tà trắng lên
Tiếng ca còn rền trên cõi tiên...*

Tôi hiểu được bài học không biết chọn lựa của hai gã Lưu Nguyễn trong bài Thiên Thai của Văn Cao. Vì không biết chọn lựa nên họ mất cả cõi tiên lẫn cõi trần. Họ đang sống bơ vơ ở đâu ?

Tuy viết ra một bản hát vừa có tính chất trường ca, vừa có tính chất nhạc cảnh, nhưng Văn Cao không tả thực trong bài Thiên Thai này. Những nhân vật chính của câu truyện như hai chàng Lưu Nguyễn, bảy thiên tiên hoặc những cảnh vật như suối hoa đào, chiếc thuyền lan, nước ngọc tuyền, đều được mô tả một cách rất mơ hồ. Giống như trong một giấc mộng vậy ! Ta biết là có con thuyền chở Lưu Nguyễn tới cõi Thiên Thai, có bảy thiên tiên múa hát dâng trái đào thơm... nhưng ta không thấy họ được.

Khi cùng người yêu xây được ngôi nhà cỏ bên suối mơ hay trước bến xuân với hai tình khúc trước, Văn Cao có thể mời đón chúng ta bước vào căn nhà bên chiếc cầu soi nước để ngồi nhìn đàn nai đùa trên đồng lá vàng khô. Nhưng trong **Thiên Thai**, cõi mơ của Văn Cao, chúng ta không thể nào bước vào vườn cấm này được. Đây là cõi riêng của Người Sông Ngự. Nhưng ta lại được tự do tuyệt đối để nghe lên toàn thể tiếng đàn, tiếng hát vút lên từ đầu tới cuối của trường khúc **Thiên Thai**, tiếng đàn hát mà tôi cho là của Trương Chi trong truyện cổ và Văn Cao đã cho **Thiên Thai** mượn tạm. Tôi kết luận : **Thiên Thai** là cõi riêng của Văn Cao. **Trương Chi** mới là tiếng hát của Văn Cao.

Nói tới Trương Chi thì nhớ lại thuở tôi còn nhỏ, ở Hà Nội thường có những người đi hành khất bằng giọng hát, nghĩa là họ đến trước cửa từng nhà để hát những câu chuyện cổ Việt Nam, hát xong thì ngửa tay xin tiền. Tôi vẫn nhớ hình ảnh người ca sĩ ăn mày đó, miệng hát, tay đập vào cái hộp sắt bỏ trong túi áo để gõ nhịp cho bài hát. Và hình như anh ta chỉ có một bài hát duy nhất để làm vũ khí cho nghề đi ăn xin mà thôi. Đó là bài hát về anh Trương Chi :

*Ngày xưa có anh Trương Chi
Người thì thậm xấu, tiếng hát thì thật hay
Cô My nương vốn ở Lầu Tây
Con quan Thừa Tướng ngày rày cấm cung...*

Sau này, tôi thường cảm ơn thầm người hành khất bằng giọng hát đó, vì ngay từ khi tôi chưa có đủ trí khôn để hiểu biết cuộc đời thì anh ta đã nuôi dưỡng tình cảm của tôi bằng một câu chuyện tình đẹp ngang với những chuyện tình đẹp nhất trên thế giới.

Câu truyện cổ tích về anh Trương Chi người thì thậm xấu, tiếng hát thì thật hay mà ca nhạc cổ truyền đã xưng tụng qua hình thức hát rong, hát dạo, hát xẩm... cũng đã được các thi sĩ, văn sĩ của thời nay nhắc tới. Chẳng hạn trong bài thơ BÀI CA NGƯ PHỮ của Vũ Hoàng Chương mà Hoàng Thư đã ngâm lên một cách mê ly trên các Đài Phát Thanh ở trong nước cách đây mấy chục năm. Thạc Sĩ Phạm Duy Khiêm viết truyện LE CRISTAL D'AMOUR bằng Pháp Ngữ, in trong cuốn Légendes Des Terres Sereines. Thi sĩ Hoàng Cầm còn dùng truyện cổ đó để soạn vở kịch thơ TIẾNG HÁT với nội dung không ai giam nhốt nổi tiếng hát.

Trong giới Tân Nhạc, có Hùng Lâm viết bài **Hận Trương Chi**. Phạm Duy viết bài **Khổ Tình Trương Chi** và Văn Cao viết bài **Trương Chi** . Với bài hát nói lên một nỗi hận, Hùng Lâm không kể chuyện anh Trương Chi, ông chỉ mượn một nhân vật tiêu biểu cho giới cầm ca để nói luôn đến chuyện Tử Kỳ và Bá Nha, chuyện người hát hay, đàn hay mà không có người thưởng thức. Phạm Duy là tôi lúc còn ấu trĩ, thì khách quan kể lại câu truyện cổ truyền. Riêng chỉ có Văn Cao là nói tới nhân vật tài hoa truyền kỳ này, nói tới sự náo nức trong tiếng nhạc Trương Chi, tới con người và số phận, đồng thời cũng là nói về mình !

Không phải bây giờ Văn Cao mới nói tới Trương Chi. Người Sông Ngự đã đưa hồn Trương Chi vào hồn mình từ lâu rồi ! Từ khi nói tới một trong những chiều năm xưa có những cung đàn cũng năm xưa ấy réo rất lên, bên một người con gái đẹp mà... gót hài khai hoa, mắt huyền lưu Xuân, dáng hồng thơm hương đã khiến cho Chàng Trương/Văn Cao phải đưa vào mộng mị :

*Chiều năm nay
Tiếng người khơi thương
Tiếng đàn giao hoan
Giấc mộng chàng Trương...*

Lúc đó, Văn Cao chỉ mới hé lộ cho ta thấy tâm hồn của anh là tâm hồn của chàng ngư phủ thất tình họ Trương. Bây giờ, anh phát triển tiếng hát cảm lạnh đó bằng một trường khúc não ruột nhưng cũng rất kiều sa.

Bài hát mở đầu bằng câu nhạc dài hơi như trong **Thiên Thai** nhưng nhạc trong Trương Chi có nhiều tính mô tả hơn :

*Một chiều xưa trắng nước chưa thành thơ
Trăm trăm không gian mới rung thành tơ.
Vương vất heo may hoa yếm mong chờ
Ôi tiếng cầm ca, Thu tới bao giờ...*

Kiều sa lắm chứ ! Khi Văn Cao cho rằng từ lúc mới có Trời, có Đất, khi chưa có Thơ thì đã có Nhạc rồi. Và chỉ có nhạc thì mới kéo được mùa Thu tới cho loài hoa, loài chim, loài người. Rồi cũng với câu nhạc đó, Văn Cao đưa tiếng nhạc của Trương Chi tới My Nương :

*Lòng chiều bơ vơ lúc thu vừa sang
Chập chùng đêm khuya thức ai phòng loan
Một cánh chim rơi trong khúc nhạc vàng
Đây đó từng song he hé đợi đàn...*

Một nét nhạc khác cho ta thấy My Nương vui vẻ chờ đợi tiếng hát :

*Tây hiền My Nương khi nghe tiếng ngân
Hò khoan mơ bóng con đò trôi.
Giai nhân cười nếp trắng sáng lá loi
Lả loi bên trời...*

Nét nhạc bây giờ vút lên, như tiếng nước nở của Trương Chi sau khi My Nương bị thất vọng về cái nhan không có sắc của anh :

*Anh Trương Chi
Tiếng hát vọng ngàn xưa còn rung
Anh thương nhớ, oán trách cuộc từ ly nào nùng.
Đò trắng cắm giữa sông vắng
Gió đưa câu ca về đâu ?
Nhìn xuống đáy nước sông sâu
Thuyền anh đã chìm đâu...*

Thưa rằng thuyền anh đã chìm sâu ! Có nghĩa là anh đã gieo mình xuống sông tự tử, nhưng oan hồn của anh còn đó khiến cho tiếng hát vẫn không tắt nghỉ. Khách giang đầu còn được nghe mãi mãi tiếng than khóc của Trương Chi :

*Từng khúc nhạc xa vời
Trong đêm khuya dùi dặt tiếng tơ rơi
Sương thu vừa buông xuống
Bóng cây ven bờ xa mờ xoá dòng sông
Ai qua bến giang đầu tha thiết
Nghe sông than mối tình Trương Chi
Dâng úa trắng khi về khuya
Bao tiếng ca ru mùa Thu...*

Nhưng Trương Chi có thực sự than khóc cái nghèo nàn, cái xấu trai của mình không ? Ta hãy nghe Văn Cao chuyển cung từ RE thứ qua SOL trưởng một cách sượng tãi vô cùng, để diễn tả giọt mưa rơi ngoài song cửa My Nương như rơi trên những cung đàn huyền diệu. Mưa cũng rơi trên con thuyền ngoài dòng sông lạnh, thuyền này chưa chắc đã là của Trương Chi :

*Ngoài song mưa rơi trên bao cung đàn
Còn nghe như ai nước nở và than
Trầm vút tiếng gió mưa
Cùng với tiếng nước róc rách ai có buồn chăng ?
Lòng băng khuôn theo mưa đưa canh tàn*

*Về phương xa ai nức nở và than
Trầm với tiếng gió vương
Nhìn thấy ngấn nước lấp lánh in bóng đèn xưa...*

Vào lúc Tân Nhạc mới chấp chững biết đi mà Văn Cao đã viết được những câu nhạc diễn tả giọt mưa tài tình như vậy, thật là hiếm có. Nếu ta nhận ra được nét nhạc SOL trưởng trong đoạn mưa rơi trên cung đàn này là nhạc ngũ cung thì ta lại càng yêu quý Văn Cao hơn lên.

Câu chuyện tình éo le nhưng rồi cũng kết thúc một cách đẹp đẽ : Trương Chi chết đi nhưng vì cuộc tình chưa thoả cho nên trái tim không chịu tan đi và hoá thành ngọc đá. Rồi người đời đem viên ngọc đó ra để làm thành một bộ chén trà dâng tặng gia đình nhà quan. Trong một tiệc trà, My Nương bưng chén ngọc lên, thấy hình ảnh chàng ngư phủ cất tiếng hát trong miệng chén. Thương nhớ con người và giọng hát năm xưa, nàng rơi lệ ! Giọt nước mắt nhỏ xuống chén ngọc. Thế là mối oan tình từ bao năm nay đã được hoà giải. Và bây giờ thì chén ngọc, hay là trái tim của Trương Chi mới chịu tan đi.

Văn Cao không đã động tới chuyện đó. Anh tiếp tục xoáy vào nhân vật Trương Chi :

*Đò ơi !
Đêm nay dòng sông Thương dâng cao
Mà ai hát dưới trăng ngà
Ngồi đây ta gõ ván thuyền ta ca trái đất còn riêng ta.
Đàn đêm thâu ! Trách ai khinh nghèo quên nhau.
Đôi lứa bên giang đầu
Người ra đi với cuộc phân ly
Đâu bóng thuyền Trương Chi ?*

Như tôi đã nói, Văn Cao không kể lại câu chuyện Trương Chi/My Nương. Anh chỉ tỏ thái độ của Chàng Trương sau khi thất tình, trước khi chết cũng như sau khi chết :

*Ngồi đây ta gõ ván thuyền
Ta ca trái đất còn riêng ta...*

Tâm hồn tôi đẹp -- vì tôi hát hay mà -- nhưng hình hài tôi xấu, người không yêu tôi à ? Thì tôi vẫn có cuộc đời hay trái đất này để ra tuyên ngôn : *Trái đất còn riêng ta. Trách ai khinh nghèo quên nhau.* Trách ai ? Trách chính quyền hay trách người đời không bao giờ dung nổi con người nghệ sĩ ? Không dung thì thôi ! Ta vẫn còn riêng Ta. Đó là ý nghĩa của bài Trương Chi.

Người Việt Nam yêu nhạc, trải qua gần 50 năm lịch sử của Tân Nhạc lúc nào cũng sẵn sàng bị phản bội. Không phải tới bây giờ, ở trong những cộng đồng Việt Nam trên hải ngoại, những nhà tái bản sách nhạc, những con buôn của nghề sản xuất lậu bằng nhạc, những ca sĩ không biết tự trọng... luôn luôn khinh miệt người sáng tác bằng cách sử dụng bừa bãi những tác phẩm làm bằng mồ hôi và nước mắt của tác giả như : không xin phép, không trả tác quyền, không đề tên tác giả trong bìa băng, không hát đầy đủ lời ca của tác phẩm. Ngay từ hồi Văn Cao viết bài tình ca bất hủ Trương Chi này, người ta cũng không bao giờ chú ý tới lời 2 của nhạc phẩm để in ra hoặc hát lên. Hôm nay, tôi có dịp để ghi lại những lời ca đẹp như trái tim ngọc đá của ngư phủ họ Trương :

*Từ ngày trăng mờ nước in thành thơ
Lạc loài hương thu thoáng vương đường tơ.
Ngây ngất không gian rên xiết lay bờ,
Bao tiếng cầm ca rung ánh sao mờ.
Nhạc còn lưu luyến nhắc ai huyền âm.
Lạnh lùng đôi dây tổ lan trầm ngân
Trong lúc đêm khuya ai lóng tiếng cầm
Thu đã chìm xa xa ánh nguyệt đầm.
Khoan khoan đò ơi ! Tương tư tiếng ca
Chàng Trương Chi cất lên hò khoan
Đêm thu dài đến, khoan tiếng nhạc ơi !
Nhạc ơi, thôi đàn !*

Có một điều buồn đến với tôi khi hát lên lời 2 của bản Trương Chi này. Văn Cao tiên tri cái ngày anh không được phép đàn hát nữa ? Như đã xảy ra sau vụ Nhân Văn Giai Phẩm. *Đêm Thu dài đến, khoan tiếng nhạc ơi ! Nhạc ơi, Thôi đàn...* Đêm Thu đến với Văn Cao, quả rằng nó đã quá dài. Dài tới ba mươi năm có lẽ ! Trong thời gian đó, Văn Cao là "Người Thăng Long Thành" hay "Người Sông

Ngự" thì cũng phải chết đi như Trương Chi, trái tim anh có lẽ cũng đã thành viên ngọc đá. Tôi đã nhiều lần tự hỏi : Ai là người sẽ nhỏ lệ lên trái tim Văn Cao ?

Sau ba mươi năm bẽ bút, đập đàn Văn Cao, bây giờ vì trào lưu tiến hoá của nhân loại, trước sự đòi hỏi và thắng lợi của cái đích thực gọi là dân chủ, dân quyền, theo gót các nước xã hội chủ nghĩa đàn anh hay đàn em, chính quyền Hà Nội đã chủ trương cởi mở và phục hồi địa vị cho nghệ sĩ Văn Cao.

Xa cách nhau, bị cấm không được liên lạc với nhau trong một thời gian dài hơn một đời người, vào mùa Xuân 1988, chúng tôi đã gửi cho nhau những cái hôn bằng giấy mực. Qua một vài bức ảnh mới chụp, thấy Văn Cao lúc này coi bộ yếu lắm, vì "Người Sông Ngự" uống rượu ghê quá ! Vào cuối thế kỷ 20 này, tôi chúc anh có đủ sức khoẻ để cùng tôi bước qua thế kỷ mới. Xin anh tiếp tục đàn ca nhé, vừa ca vừa vỗ mạn thuyền, như tôi đã bắt chước anh :

Ta ca trái đất còn riêng ta...

*Đàn bao tuổi rồi, đàn ca chẳng ngại
Bao giây phút trong quãng đời
Tình tang tang tang tính tình
Tình tang tang tang tính tình
Của tình duyên số mạng người...
BÀN ĐÀN XUÂN -- Lê Thương*

Chương Mười Chín

Vở tuồng nòng cốt của gánh ĐỨC HUY là một vở tuồng xã hội nhan đề **Ông Già Nhà Ai** do Charlot Miều thủ vai chính. Vở này do anh Miều viết và dàn cảnh, đưa ra nhân vật ông già nhà quê, khi ra tỉnh thì bị cám dỗ bởi rượu ngon, gái đẹp rồi sa đoạ. Cuối cùng được cứu vớt. Trong vở tuồng có cảnh ông già dẫn gái đẹp đi ăn cơm tại một tiệm ăn sang trọng, có âm nhạc và khiêu vũ. Đây là lúc phải có một màn phụ diễn, trước là vì nhu cầu của vở tuồng, sau là để cho sân khấu ĐỨC HUY có thêm mới lạ. Màn phụ diễn thường được gọi là màn **attractions** nghĩa là màn lôi kéo khán giả. Gánh hát ĐỨC HUY đã mời "vũ sư" Phúc vào đoàn ngay từ lúc mới thành lập gánh. Dân Bắc Kỳ đã mê lối nhảy **claquettes** của Fred Astaire và Ginger Rogers từ lâu qua những phim ca vũ nhạc được chiếu trên màn ảnh ciné. Ngay từ những năm 1936-38, trong gánh ƯNG LẬP BAN đã có màn nhảy thiết hài của cô đào trẻ Bạch Tường. Trong thời gian tập tuồng tại Hải Phòng tôi đã thấy vũ sư Phúc cầm roi để dạy cho hai em nhỏ, con gái của hai gia đình đào kép trong đoàn, nhảy tăng tăng trên sân khấu với đôi giày có gắn miếng sắt ở mũi để giầy. Tội nghiệp hai đứa bé, được nuôi dưỡng bằng rau muống và gạo hầm, làm gì có sức để phục vụ một môn vũ thuật phải vận dụng tới đa tất cả những bắp thịt ở tay chân và thân hình. Ngay vị vũ sư Tàu lai này, gầy gò còn hơn tôi lúc đó, mỗi lần nhảy xong một bài **tap dancing** là mặt tái mét, mồ hôi ra như tắm, thở hổn hển như anh phu khuân vác vừa đổ một tạ gạo xuống lòng tàu ở Sáu Kho. Tôi thường gọi đùa Phúc là "anh phải bồng". Anh nhảy **claquettes** giống như người đang đi trên đường dẫm phải những cục than đỏ cho nên đôi chân phải dẩy dụa và nhảy lên. Đã có lần không kiểm soát được sự thăng bằng khi dẩy dụa, Fred Astaire của Gánh ĐỨC HUY ngã quay cu lơ xuống chỗ ban nhạc ngồi ở **avant scène**, may mà không chết như Charlot trong phim LIMELIGHT...

Rất vui vì được sống trong gánh hát, tôi ca hát tới ngày. Tiếng hát lọt vào lỗ tai mọi người trong gánh hát. Một hôm, trong bữa cơm chiều, khi đã hơi ngà say, anh Miều gạ tôi :

-- *Tối nay, chú Cần ra làm một phát phụ diễn chơi...*

-- Tôi hát ra cái gì mà hát với hồng !
-- Cứ thử coi.

Kép chính Nhật Thanh tức Quý, anh Dần mặt đỏ, Ân đàn cò nhao nhao lên tiếng :
-- *Cần hát Bản Đàn Xuân được lắm !*
-- *Hát đi...*

Cô đào chính tên Tình, người đã hiến tình cho tôi ở **balcon** rạp hát Trần Mỹ Ngọc một đêm mới đây cũng liếc tôi một cái thật dài và nũng nịu :
-- *Ừ ư ! Con Thuyền Không Bến hay hơn !*

Tôi thấy trong những đêm đầu ra mắt ở Hải Phòng, vì chưa nổi tiếng, gánh ĐỨC HUY không đông khách lắm, nếu mình ra hát thì cũng không đến nỗi sợ khán giả lắm đâu ! Ừ, anh em muốn thì "moa" hát. Sợ gì ? !

Tối hôm đó, trong vở tuồng **Ông Già Nhà Ai**, khi tới màn Charlot Miều đưa cô gái tới ăn cơm tại nhà hàng Quốc Tế, sau màn nhảy **claquettes** của Phúc và hai em nhỏ, tôi ôm đàn *guitare* nhảy ra sân khấu, không nhìn vào đào kép đang đóng tuồng mà nhìn vào khán giả -- nói cho đúng ra là nhìn vào khoảng trống -- không chào khán giả, không giới thiệu bài hát và cũng không có ai giới thiệu tôi là ai cả. Rồi tôi rú lên :

*Đàn xuân tử lòng
Nảy cung đọt mong
Reo ai oán trong khuê phòng
Tình tang tang tính tính tình
Tình tang tang tính tính tình
Lạnh lùng hơn gió ngoài đồng...*

Chọn bài **Bản Đàn Xuân** của Lê Thương để hát trong đêm-đầu tiên ra sân khấu, tôi không ngờ tôi chọn đúng một bài Tân Nhạc không xa lạ với lỗ tai (hay sự thẩm âm) của giới bình dân Việt Nam. Giai điệu của bài này -- cũng như một số những bài Tân Nhạc ra đời vào lúc đó -- nằm trong nhạc ngũ cung, lơ lơ như điệu hát sa mạc rất quen thuộc. Lại có thêm những tiếng đệm *tình tang tang tính tính tình* làm cho bài hát hết sức gần gũi với nhạc bình dân cổ truyền. Cùng với đào kép trong vở tuồng đang ngồi trên sân khấu, khán giả ngồi dưới kia vỗ tay hoan nghênh anh ca sĩ gầy gò đeo kính cận thị hát một bài hát sa mạc mới ! Nhờ ở bài hát nhiều hơn là nhờ ở giọng hát. Thế là bước đầu tiên đã được trả giá. **C'est le premier pas qui coute**. Một cái giá không có gì là đắt cả ! Tôi chẳng mất gì, còn được thêm cái vỗ tay ầm ầm làm mình nở mũi. Gánh hát không mất một xu teng nào cho tôi cả mà có thêm một mục **attraction** mới lạ.

Sau vài buổi ra mắt thành công như vậy, Charlot Miều quyết định tôi sẽ hát Tân Nhạc thường xuyên trên sân khấu, không cứ gì trong vở **Ông Già Nhà Ai**. Bởi vì có phải đêm nào cũng hát vở này đâu ? Trong những đêm hát với các vở khác trong đó không có cảnh hát phụ diễn ở nhà hàng thì có riêng một màn để tôi hát Tân Nhạc, hát ở ngoài màn nhung (avant scène) trong khi anh Thuận hạ màn để đổi cảnh.

Bây giờ tôi cần có một cái tên để người trong gánh hát giới thiệu sự xuất hiện trên sân khấu của một trong hai người hát Tân Nhạc đầu tiên trong gánh Cải Lương (người khác là Tino Thân tức Canh Thân trong gánh ÁI LIÊN, lúc đó đang lưu diễn ở Thái Bình) cũng như để làm quảng cáo trên biển ngữ hay trong những tờ chương trình bướm bướm. Trong một buổi ngồi uống cà phê trong rạp hát, anh em bàn tán về cái tên nghệ sĩ của tôi. Charlot Miều đề nghị :

-- Hoàng Đức, được không ? (vì trong đó có chữ ĐỨC và một chữ gần giống như HUY).

Bà Miều góp ý kiến :

-- *Bên Ái Liên có Tino Thân thì mình cũng phải có Tino Cần chứ ?*

-- *Hay là Mộng Vân ?* Tôi nói. Vì đã tự đặt cho mình cái tên "cải lương" này từ lâu rồi !

Ba Hội người Huế, bảo hoàng hơn vua :

-- *A lê ! Đặt tên là Bửu Cần.*

Sau một hồi bàn tán, tôi xin cắt bỏ tên thật, dùng tên họ làm tên nghệ sĩ. Chỉ cần một cái tên hai chữ cho dễ gọi, dễ nhớ. Thế là tên tục (Cần) do cha mẹ đặt cho, tên phụ (thằng Tôm, chú Tiểu) do họ hàng gán cho đã biến đi. Cái tên, đúng là phải do mình tạo nên. Tôi chỉ hơi phiền là lúc đó tôi không tiên đoán được những ngày phải sống ở Hoa Kỳ như hiện nay, mỗi lần có ai gọi điện thoại hay có nhân viên hàng không rêu tên ở phi trường thì tên mình được gọi là Fem Đại !!! Nghe tức cái lỗ tai quá !

Trên sân khấu ĐỨC HUY, sau khi thấy được ngay bí quyết để thành công với bài Bản Đàn Xuân của Lê Thương, tôi hát bài **Con Thuyền Không Bến** của Đặng Thế Phong. Bài này cũng được soạn trên âm giai ngũ cung. Trong bài hát có câu *trôi trên sông Thương nước chảy đôi dòng* tôi bèn thêm hai chữ *ai ơi* vào sau hai chữ *sông Thương*. Nghe càng có vẻ Việt Nam hơn nữa trong một bản Tân Nhạc !

Khởi đầu cuộc đời ca hát của mình, tôi chỉ có hai bài đó để trình diễn mỗi đêm. Những bài hát khác, hoặc là của tôi như bài **Cô Hái Mơ** hay của các nhạc sĩ khác như **Tâm Hồn Anh Tìm Em** (Dương Thiệu Tước), **Cô Lái Thuyền Mơ** (Dzoãn Mẫn) không phù hợp với nơi phổ biến là sân khấu và đối tượng là đại chúng. Đó là những bài hát chỉ phù hợp với thứ văn nghệ salon, văn nghệ bỏ túi.

Chẳng ai dạy mà tôi nắm ngay được kỹ thuật hát trên sân khấu. Tôi thấy khi mình đứng hát trên sân khấu, khán thính giả ngồi gần mình nhất cũng từ 4 tới 5 thước. Khán giả ngồi ở giữa rạp hay ở cuối rạp thì còn xa mình tới 20 hay 30 thước là ít. Vậy thì ca sĩ phải cường điệu hoá lối hát của mình. Lúc đó làm gì có micro, ampli và speaker ? Ca sĩ phải mở to miệng ra, phải dùng cặp môi để uốn nắn từng chữ trong mỗi câu hát. Bộ mặt phải diễn tả tính tình của bài hát. Có khi phải dùng cả thân hình và tay chân nữa. Bài hát trên sân khấu phải có những nét tình cảm phóng đại, không thể là thứ tình cảm tế nhị, cao siêu. Hát hai bài **Bản Đàn Xuân**, **Con Thuyền Không Bến** thì phải dùng tiểu xảo, nhấn mạnh vào những tiếng đệm *tinh tang tang tính tính tinh* và *ai ơi...*

Đúng vào lúc khởi đầu nghề hát rong của mình, tôi có may mắn được gặp Văn Cao. Trong mấy bài hát anh ta vừa mới soạn ra là **Thu Cô Liêu**, **Cung Đàn Xưa** và **Buồn Tàn Thu**, chỉ có bài **Buồn Tàn Thu** là có đủ yếu tố để dễ dàng thành công trên sân khấu. Bài này là một bài hát buồn, tuy rất ngắn nhưng có đầy đủ những hình ảnh như : *mùa Thu chết (và không phải chỉ chết có một lần), sương rơi, gió thổi, lá vàng bay, người cô phụ ngồi đan áo và thương nhớ người tình đã ra đi hay đã quá cố, bóng chim uyên...* Rất lãng mạn, rất hợp thời.

Ngày còn ở Nhã Nam, Yên Thế, khi học hát những bài hát quan họ, tôi đã nhận ra cái hay trong lối ngân giọng và trong lối dùng những âm đệm *hư hứ hư hừ* rất đặc biệt của loại dân ca-tình ca-hát hội này. Tôi lại còn thấy kỹ thuật ngân giọng của Việt

Nam khác với kỹ thuật ngân giọng của Tây Phương. Hát Ả Đào thì phải hãm giọng, hát quan họ phải rung đồ hột. Tôi bèn áp dụng lối rung đồ hột và lối dùng âm đệm vào việc hát bài **Buồn Tàn Thu** :

*Đêm hí hi hi mùa Thu chết
Nghe hí hi hi mùa đang rớt
Rơi theo lá há ha hà vàng...*

Tôi vẫn cho tiếng Việt là một trong những thứ tiếng có nhiều vần và nhiều âm thanh nhất. Tiếng Nhật, chẳng hạn, không phát âm được vần "rờ". Tuy chỉ có 5 dấu nhưng tiếng Việt có tới 8 thanh khác nhau :

- * **phụ bình thanh**, gồm những tiếng không có dấu;
- * **trầm bình thanh**, tiếng có dấu huyền;
- * **phụ thượng thanh**, tiếng có dấu ngã
- * **trầm thượng thanh**, tiếng có dấu hỏi
- * **phụ khứ thanh**, tiếng có dấu sắc
- * **trầm khứ thanh**, tiếng có dấu nặng
- * **phụ nhập thanh**, tiếng có dấu sắc, đằng sau có c, ch; p, t
- * **trầm nhập thanh**, tiếng có dấu nặng, đằng sau có c, ch; p, t...

Bây giờ, tôi thêm âm đệm vào một câu hát là tôi làm cho giai điệu của bài hát phong phú hơn.

Gánh hát từ biệt Hải Phòng vào một buổi sáng tinh mơ. Tôi đã thuê được hai chiếc xe ô tô ca lớn, một chiếc chuyên chở đồ tuồng, phong cảnh, hành lý, một chiếc chuyên chở đào kép rồi sau khi đồ đạc, người và chó (vợ chồng Ân nuôi chó) chồng chất lên nhau, hai chiếc xe ca phành phạch chạy trên đường cái vắng vẻ.

Đoàn hát không ngừng lại trình diễn ở Kiến An, một tỉnh lỵ chỉ cách Hải Phòng trên 10 cây số và là nơi tôi đã sống với gia đình ông bà Tổng Đốc trong một thời gian. Tôi hơi tiếc vì tôi vẫn nhớ tới cái thị xã bé nhỏ và buồn thiu buồn thiu, nơi tôi đã để lại một phần nhỏ của đời sống.

Sau khi qua khỏi Ninh Giang, trên con đường cái đã không còn hiu hắt nữa, xe chạy bon bon giữa những làng xóm của vùng đông dân nhất ở Bắc Việt là Thái Bình. Cũng như những tỉnh nằm ven biển vịnh Bắc Việt, Thái Bình có nhiều sông ngòi và những con rạch. Ba con sông lớn chảy qua tỉnh này là sông Hồng, sông Luộc và sông Trà Lý. Vì nước sông Hồng từ mạn ngược chảy về tới đây được chia bớt cho những con sông khác nên dòng nước không còn hung hăng nữa, hai bên bờ sông đã không cần phải đắp đê phòng lụt nữa.

Thái Bình có vẻ trù phú với những cánh đồng phì nhiêu và là nơi sản xuất nhiều chiếu nhất Bắc Việt. Khung cảnh đồng quê ở đây được tô điểm thêm bằng màu sắc lộng lẫy của hàng ngàn mảnh chiếu mà dân chúng phơi nắng hai bên đường. Tỉnh lỵ Thái Bình nằm ngay cạnh sông Trà Lý. Dân chúng chen vai thích cánh trên đường phố và trong chợ. Trong tỉnh có tới 200 cái chợ. Chợ to nhất là Chợ Bo. Rạp hát ngay cạnh chợ. Những đêm diễn ở đây, gánh ĐỨC HUY có nhiều khách tới coi hơn là lúc diễn ở Hải Phòng. Tuồng tích đã được diễn viên thuộc lòng. Tôi đã hơi quen sân khấu. Rất bận bịu vì phải làm hai công việc hành chánh và trình diễn nhưng tôi thấy sáng khoái vô cùng. Theo lệnh anh Miều, việc tiền đạo giao cho anh Chúc, người cũng có kinh nghiệm về việc này, để tôi luôn luôn có mặt trong những

đêm hát. Không có ai để làm bạn trong những ngày Thái Bình nhưng dì ruột tôi lấy chồng làm Tham Tá ở đây, tôi có dịp tới nhận họ và được hưởng phần nào không khí ấm cúng của gia đình.

Sau một tuần lễ trình diễn -- đêm nào cũng diễn chứ không phải chỉ diễn trong những đêm cuối tuần -- gánh hát di chuyển qua Nam Định. Vì không có một cái cầu lớn nào bắc qua con sông Hồng rộng rãi ở giáp giới hai tỉnh Thái Bình Nam Định, xe ca chuyên chở gánh hát phải xuống phà bến Tân Đệ. Cũng như những bến phà khác, ở đây có rất đông hàng quà. Và cũng có rất đông những người ăn mày.

Nam Định là nơi xuất thân của các nhân tài thời trước khi các ngài phải thi lợt qua Trường Thi Hương được thành lập ở đây từ 1845. Trong quá khứ, Nam Định nổi danh là đất văn học. Những người đỗ đạt tới bậc đại khoa thường xuất xứ từ làng Hành Thiện. Đại văn hào như Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương đều là những người sinh trưởng ở Nam Định.

Tỉnh lỵ Nam Định là thành phố lớn thứ ba tại Bắc Việt, sau Hà Nội và Hải Phòng nhưng cũng không thua Hải Phòng về mặt kỹ nghệ. Ở đây có nhiều xưởng sản xuất lớn như Nhà Máy Rượu, Nhà Máy Sợi, Nhà Máy Tơ... Việc thương mại cũng phát đạt nhờ sự giao thông rất tiện lợi giữa Nam Định và các tỉnh khác bằng đường bộ hay đường thủy. Đường xe lửa xuyên Việt phải đi qua Nam Định. Đây còn là nơi có rất đông người theo đạo Công Giáo. Nhà thờ mọc lên tại khắp các thị trấn lớn nhỏ và tại các làng xã. Trong tỉnh lỵ có trên 150 cái chợ, chợ lớn nhất là chợ Ròng. Rạp hát cũng ở gần chợ. Tôi lại được hoà mình trong đám đông dù là ban ngày đi dạo phố hay là ban đêm khi tiếng nhạc, tiếng hát nổi lên trong rạp hát chật cứng người coi.

Trong làng Tân Nhạc Việt Nam, một số các nhạc sĩ tiền phong là người Nam Định. Đó là Đặng Thế Phong, Bùi Công Kỳ, Đan Thọ, Hoàng Trọng. Khi tôi tới Nam Định cùng gánh ĐỨC HUY, các thanh niên này tìm đến tôi ngay. Vào thời đại đa số các nhạc sĩ **amateur** đều là những thanh niên thất nghiệp bởi vì, nói theo người Pháp, *la musique ne nourrit pas son homme* = âm nhạc không nuôi được người đánh nhạc, hơn nữa ai cũng sợ bị mang tiếng xưởng ca vô loài nên khi thấy tôi sống được với nghề hát nhạc cải cách ở trên sân khấu thì các nhạc sĩ tài tử đến nghe tôi hát. Bùi Công Kỳ đã có vẻ rất đáng tử. Đan Thọ kéo violon rất mùi. Hoàng Trọng đã soạn ra những bài tango rất hay...

Đây cũng là lúc Đặng Thế Phong đã qua đời. Ít người biết tới tiểu sử của anh. Ngay tôi, lúc tới Nam Định, cũng không tò mò hỏi những bạn tôi mới làm quen về tác giả của những bản **Đêm Thu**, **Con Thuyền Không Bến** và **Giọt Mưa Thu**. Mãi tới năm 1962 mới thấy in ra tiểu sử của Đặng Thế Phong, ở mặt sau của bài Con Thuyền Không Bến do nhà xuất bản Tinh Hoa ấn hành. Thấy thời thơ ấu của anh cũng na ná như của Văn Cao và của tôi :

Đặng Thế Phong sinh năm 1918, thứ nam của cụ Đặng Hiến Thử, thông phán Sở Trước Bạ thành phố Nam Định, là con thứ hai của một gia đình có sáu anh em, hai trai bốn gái. Thân phụ mất sớm, gia đình thiếu thốn, ông phải bỏ dở học vấn khi đang học lớp 2ème année P.S. (bây giờ là lớp Đệ Lục bậc Trung Học Phổ Thông). Ông có lên Hà Nội theo học trường Cao Đẳng Mỹ Thuật với tư cách bàng thính viên. Trong một kỳ thi, ông vẽ tranh cho báo HSC SINH (chủ bút là Phạm Cao Cung) như tranh các truyện Hoàng Tử Sọ Dừa, Giặc Cờ Đen để lấy tiền ăn học. Mùa Xuân năm 1941 ông có đi Saigon rồi Nam Vang. — Nam Vang ông có mở một lớp dạy nhạc. Đến mùa Thu 1941 ông lại trở về Hà Nội. Lúc sinh thời Đãna

Thế Phong là một nhạc sỹ rất nghèo nên cuộc sống của ông thật là khổ cực, chật vật. Ngoài tài sáng tác, ông còn là một ca sỹ, tuy chưa hẳn được là ténor nhưng giọng hát khá cao, đã nhiều lần ra sân khấu mà lần đầu tiên ông hát bài Con Thuyền Không Bến tại rạp chiếu bóng Olympia (phố Hàng Da) Hà Nội năm 1940. Đến đầu 1942 thì ông từ giả cõi đời tại nhà, trên một căn gác hẹp ở phố Hàng Đồng vì bệnh lao. Ông hưởng thọ được 24 tuổi.

Tôi vẫn cho Đặng Thế Phong là người đầu tiên đưa ra những bài hát lãng mạn và Văn Cao là người phát triển đến tột độ loại nhạc lãng mạn đó. Ngay từ lúc đầu mùa của Tân Nhạc, ba hay bốn năm trước Văn Cao, trong khi các nhạc sỹ khác như Dương Thiệu Tước, Thẩm Oánh, Văn Chung, Lê Yên... chỉ làm ta rung động vì những bài hát về thiên nhiên thì Đặng Thế Phong dắt ta đi thẳng vào lòng người.

Thời đại của những năm cuối thập niên 30 là thời đại của bà Tương Phố trong phạm vi thơ (**Giọt Mưa Thu**) và của Hoàng Ngọc Phách trong phạm vi tiểu thuyết (**Tổ Tâm**) còn rớt lại, đồng thời cũng là thời đại của các thi nhân, văn nhân lãng mạn đang nổi tiếng như Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu, Nhất Linh, Khái Hưng, Lê Văn Trương.

Nếu đã có người nói rằng bất cứ một người Việt Nam nào cũng là một thi sỹ thì tôi cũng có thể nói rằng bất cứ một nhạc sỹ nào, vào lúc Tân Nhạc mới thành hình, cũng là nhạc sỹ soạn nhạc lãng mạn cả. Miền Bắc Việt là nơi có đầy đủ bốn mùa và mùa Thu ở đây thì nên thơ không thua gì mùa Thu ở Paris hay ở Đông Kinh, Nam Kinh, Bắc Kinh gì đó...

Trong ba nhạc phẩm của Đặng Thế Phong và cũng là ba bài trong số những bản nhạc tình đầu tiên của Tân Nhạc Việt Nam, ta đều thấy mùa Thu hiện hiện một cách bàng bạc, lung linh, quyến rũ. Bài **Đêm Thu** được soạn với nhạc thuật Tây Phương dùng nhịp **valse** chậm để diễn tả lòng người trước cảnh đêm Thu vắng vẻ :

*Vườn khuya trắng rãi hoa đứng im như mắt buồn
Lòng ta xao xuyến lắng nghe lời hoa.
Cánh hoa vương buồn trong gió
Ánh hương yêu nhẹ nhàng say, gió lay...*

Với giọng mineure rất đẹp Đặng Thế Phong dẫn ta vào một vườn trắng để, cũng như Lê Thương trong bản đàn xuân, tình tự với hoa. Nhưng có lẽ Đặng Thế Phong thấy trước được mệnh yếu của mình nên muốn mở lòng ra thật rộng để thu tóm vào tất cả cảnh vật chung quanh, từ tiếng côn trùng trong gió tới ánh sao trong vũ trụ. Ca khúc có hai phần, một phần theo âm hưởng mineure của Tây Phương, một phần nghiêng hẳn về nhạc ngũ cung Việt Nam :

*Đêm lắng buồn tiếng Thu như thì thầm
Trong hàng cây trầm mơ.
Làn gió lướt tới cuốn đưa hồn ta phiêu diêu
Theo mây trắng trôi lơ lững
Ngàn muôn tiếng réo rắt
Côn trùng như than van
Mơ hồ theo gió lan.
Trắng xuống dần cỏ cây thêm âm thầm
Dâng buồn trong ánh sao
Như chiếu nhìn mắt ta bao lạnh lùng
Lay hồn ta rồi tan...*

Qua tới bài **Con Thuyền Không Bến**, nhà nghệ sĩ không còn đứng trong khu vườn nhỏ nữa, anh dắt ta ra trước cảnh Thu về trên một dòng sông :

*Đêm nay Thu sang cùng heo may
Đêm nay sương lam mờ chân mây
Thuyền ai lơ lững trôi xuôi dòng
Như nhớ thương ai trùng tơ lòng...*

Dường như Đặng Thế Phong đã nói lên được tâm trạng của thanh niên nam nữ trong thời đại. Bơ vơ lạc lõng như con thuyền không bến. Nhưng phải là con thuyền trôi trên một dòng sông dân tộc, dòng sông Thương - ai ơi - nước chảy đôi dòng. Quan trọng nhất là phải trôi trong một mùa Thu Việt Nam có gió heo may, có sương lam ở chân mây, có gió van thông ngàn và có ánh trăng mờ chiếu... Nếu là con thuyền trôi trong mùa Hè thì chưa chắc bài hát có thể quyến rũ và ám ảnh chúng ta từ lâu và mãi mãi được :

*Lướt theo chiều gió
Một con thuyền theo trăng trong
Trôi trên sông Thương (ai ơi) nước chảy đôi dòng.
Biết đâu bờ bến ?
Thuyền ơi thuyền, trôi nơi đâu ?
Trôi trên sông Thương
Nào ai biết nông sâu...*

Thật là huyền diệu đối với tôi ! Đã âm ư trong lòng bài hát tuyệt mỹ này khi trôi ngược dòng sông Thương bên đục bên trong, mà tôi biết có khi nông, có khi sâu, trên một con thuyền có bến hắt hời, ra đi từ bến Phủ Lạng Thương tới bến Bồ Hạ. Rồi chỉ sau đó ít lâu lại được hát bài đó ngay tại quê hương của người soạn ra bài hát và hát công khai trước một cử tọa bình dân chưa chắc đã biết tới tận cùng giá trị của bài hát trong giai đoạn Tân Nhạc hãy còn bụ sữa.

Bài **Con Thuyền Không Bến** còn có một ưu điểm là được soạn với giai điệu nghe như hát sa mạc hay ngâm Kiều. Nhạc sĩ Pháp Debussy, khi đi tìm chất liệu mới trong nhạc ngũ cung, đã có một câu nhạc tương tự như nét nhạc của câu hát mở đầu "Đêm nay Thu sang cùng heo may". Ngoài ra, trong **Con Thuyền Không Bến** còn có những đoạn hát với "nhịp chỏi" (syncope), một thứ nhịp ta thường thấy trong những bản hát Chèo :

*Nhớ khi chiều sương
Cùng ai trắc ẩn tấm lòng.
Biết bao buồn thương
Thuyền (syncope) mơ (syncope) buông xuôi dòng
Bến mơ dù thiết tha (syncope)
Thuyền ơi ! Đừng chờ mong !
Ánh trăng mờ chiếu
Một con thuyền trong đêm thâu
Trên sông bao la
Thuyền mơ bến nơi đâu ?*

Thuyền mơ tới nơi đâu ? Lạy Chúa ! May mắn hơn anh nhạc sĩ xấu số họ Đặng, ngay từ lúc đó tôi đã biết thuyền mơ của tôi sẽ trôi tới bến nào, khi tôi bắt chấp sự khinh rẻ của xã hội đối với những kẻ xướng ca vô loài và cầm đàn đi vào đại chúng. Lại cả gan đứng hát trên một sân khấu Cải Lương khi miệng đời đã có câu nguyên rủa : ba thằng kép hát tới nhà mi. Trong quá khứ, người ta thường cho rằng : ai vô phúc thì mới bị đào kép tới nhà. Sinh hoạt hằng ngày với các bạn trong gánh hát

ĐỨC HUY, đôi khi tôi cũng chứng kiến những hành động hơi thấp kém của đào kép Cải Lương, vốn là những người có đời sống rất buông thả. Biết vậy nhưng tôi không dám dạy đời ai cả, chỉ tự khuyên mình không nên giống họ !

Từ khu vườn nhỏ ra tới sông dài, sông rộng, bây giờ Đặng Thế Phong còn đi xa hơn nữa, đi tới cuối cuộc đời của mình qua một ca khúc mà mới đầu anh định đặt tên là **Vạn Cổ Sầu**. Đó là bài *Giọt Mưa Thu* :

*Ngoài hiên giọt mưa thu thánh thót rơi
Trời lắng u sầu mây hắt hiu ngừng trôi.
Nghe gió thoảng mơ hồ
Trong mưa thu ai khóc ai than hờ...*

Bây giờ mùa Thu đối với anh là một sự chia ly, sự chết chóc, dương thế trong mùa Thu bao la sầu, gió sẽ thổi về, mưa sẽ giăng mù lê thê và chim non trên cành hay vợ chồng Ngâu sẽ mãi mãi khóc vì Thu...

*Vài con chim non chiêm chiếp kêu trên cành
Như nhũ trời xanh
Gió ngừng đi
Mưa làm chi
Cho cõi đời lâm ly.
Hồn Thu tới nơi đây gieo buồn lây
Lòng vắng muôn bề không liếp che, gió về
Ai nức nở thương, đời châu buồn mau
Dương thế bao la sầu...*

Nghe như bản **Nhạc Sầu** trong thơ Huy Cận :

*Ai chết đó ? Nhạc buồn chi lắm thế
Chiều mờ cô, đời rét mướt ngoài đường.*

*Từng tiếng lệ : ấy mộng sầu lá úa
Chim vui đâu ? Cây đã gãy vài cành.*

Trong bài **Giọt Mưa Thu** Đặng Thế Phong dung hợp cả hai âm giai thất cung Tây Phương và ngũ cung Việt Nam để nói lên cái hắt hiu, cái lâm ly, cái xa xôi của mùa Thu ngoài đời và trong đời mình.

Mùa Thu sẽ còn được xưng tụng nhiều lần trong Nhạc Sử Việt Nam, khi thì làm cho một cuộc Cách Mạng có thêm chất lãng mạn (**Nhạc Tuổi Xanh**) khi thì nói tới cái chết của một cuộc tình (**Mùa Thu Chết**) nhưng vào buổi bình minh của Tân Nhạc này, ta đã có một bài hát sâu sắc thâm trầm, tê tái như bài **Giọt Mưa Thu**, ta chỉ còn biết tiếc thương cho người nghệ sĩ tài hoa bị thần bệnh cướp đi khi tuổi còn thanh xuân.

Về phương diện nhạc ngữ, với **Giọt Mưa Thu**, Đặng Thế Phong còn cho ta một bài học về sự chuyển thể trong ca nhạc Việt Nam. Lối hành âm từ giọng *Mi mineur* qua *La majeur* ở trong nhiều đoạn chẳng khác chi lối chuyển thể trong loại hát bông mạt, sa mạt. Nếu nghiên cứu theo lối Tây Phương thì ca khúc được xây dựng trên *mode d'orien* rất gần gũi với một dạng trong ngũ cung Á Đông. Âm vực của bài này rất rộng, nét nhạc đi từ nốt SI trầm với lên tận SOL cao, cốt ý diễn tả cái sầu thiên cổ trong mùa thu, có mưa rơi không bao giờ ngừng.

Chưa chắc Đặng Thế Phong đã soạn những bản nhạc mùa Thu của ông tại Nam

Định vì thành phố này không có gì là buồn bã âu sầu cả. Tôi thích dạo phố một mình tại nơi đào tạo ra các bậc sĩ tử khi xưa. Thành phố nằm trên đường xe lửa xuyên Việt và có một nhà ga lớn. Từ đây vào tới Saigon, qua từng chặng một, gánh hát của chúng tôi sẽ dùng xe lửa để di chuyển.

Đã tới ngày gánh hát phải tạm biệt thành phố sầm uất này rồi ! Có bao nhiêu khán giả thì họ đã đi coi đủ hết các tuồng của gánh ĐỨC HUY rồi... Anh Chúc tiền đạo đã trở về Nam Định và cho biết :

-- *Không hát được ở Ninh Bình. Vì kẹt rạp. Hiện nay đang có gánh ÁI LIÊN hát ở đó. Ta đi vào thẳng Thanh Hoá thôi. Tôi đã thuê được rạp rồi...*

*Núi Hồng Lĩnh mây tuôn ngũ sắc
Cảnh Bồng Lai vằng vặc bóng trắng soi...
Ca Dao Nghệ An*

Chương Hai Mười

Đi tàu hoả hay tàu thủy là một cái thú đối với anh thanh niên đi giang hồ mấy năm về trước ở Bắc Giang hay ở Moncay. Nhưng bây giờ đi trong một gánh hát rong với hàng tấn đồ nghề và bầu đoàn thể tử của một đồng đào kép trong thời kỳ bom Mỹ tới đánh phá Đông Dương vì tại đây có Quân Đội Nhật... thì thật là một cái khổ ! Đưa chúng tôi vào Thanh Hoá, sợ phi cơ Mỹ bay tới bắn, tàu hoả phải chạy ban đêm.

Cầu Hàm Rồng trên sông Mã đã bị bom làm cho hư hại. Hành khách phải xuống tàu bên này sông, leo qua cái cầu làm bằng những mảnh gỗ để lên chuyến tàu khác bên kia sông. Lối đi tàu này được gọi là *transbordement*. Đổi tàu vào nửa đêm, khiêng đồ nặng như vậy mà không có ai ngã xuống sông cũng thật là lạ.

Tàu hoả chạy trong đêm, tôi không thấy được phong cảnh của miền Thanh Hoá để hiểu vì sao mà người xưa lại có câu ca dao :

*Ăn chanh ngồi gốc cây chanh
Lấy anh thì lấy, về Thanh không về...*

Để đền bù lại, sau này đi kháng chiến, tôi được ở lâu với xứ Thanh để sống với cảnh vật và để... lấy vợ ở đây luôn.

Thành phố Thanh Hoá khá lớn nằm dài theo đường thuộc địa số 1. Rạp CINÉAC ở phố Trích Điền gần nhà máy điện là một rạp chiếu bóng nhưng anh tiền đạo Chúc đã thuê để gánh ĐỨC HUY tới hát vì rạp này sạch sẽ và có nhiều chỗ ngồi hơn các rạp ĐỨC THỊNH (của một trong các tổ sư của ngành Hát Chèo là ông trùm Thịnh) hay rạp CỬA HẬU chẳng hạn. Cũng như ở mọi tỉnh khác, nhân viên gánh hát ăn ngủ ngay trong rạp. Đã là ca sĩ thực thụ, tôi không phải lo việc hành chánh nữa. Tôi cũng không phải leo lên xe ngựa hay xe cao su, chạy quanh quẩn trong thành phố để gõ trống gõ chiêng, tung chương trình bướm bướm với thằng Cỗn hay với anh Thuận.

Cho tới bây giờ tôi đã vững tin trong sự chọn lựa làm một anh hát rong của thời đại. Đã có sáng tác dù mới chỉ là một bài đã hoàn tất và nhiều bài còn dang dở, đã đứng ra hát tại tiền trường sân khấu dù nhạc mục chỉ có dăm bảy bài, đã được cả hai giới trí thức và bình dân chấp nhận ở cả hai địa bàn văn nghệ salon và văn nghệ đại chúng. Từ nay trở đi tôi cần phải được bồi dưỡng thêm rất nhiều trong cả ba địa hạt sáng tác, ca diễn và học hỏi về âm nhạc của tôi.

Sự học hỏi của tôi về nhạc thuật theo đường lối Âu Tây chỉ mới đóng khung trong sự nghe đĩa nhạc cổ điển của anh Khiêm mang từ Pháp về, trong sự đọc ngẫu nhiên những bài học nằm trong cuốn sách dạy nhạc của LAVIGNAC tôi mua được ở Hà Nội từ lâu, nay là sách gối đầu gối bố. Trong sự mò mẫm tự học đánh *guitare* và sự hoà đàn hằng đêm với ban nhạc Tây ở trong gánh hát. Tôi đã thuộc lòng nhiều bản nhạc hoà tấu là những bản nhạc bán cổ điển hay nhạc khiêu vũ rất nổi danh. Về nhạc cổ truyền, ngoài việc được nuôi dưỡng bởi những đám hát xẩm ở phố Bờ Hồ, bởi nhạc đàn tranh của bà Ấm Chung ở phố Hàng Dầu trong những năm còn bé, như hát quan họ ở Nhã Nam khi tôi là một anh nông dân đa tình... bây giờ tôi được nuôi dưỡng thêm bởi những nhạc bản nằm trong nhạc mục Cải Lương và bởi loại dân nhạc địa phương. Tôi mang ơn những ngày theo gánh ĐỨC HUY đi khắp mọi nơi trong nước và có dịp thu thập được hầu hết các bài dân ca cổ truyền để từ đó soạn ra dân ca mới. Trường ĐẠI HỌC ÂM NHẠC của tôi, đó là những chuyến đi vào nhân dân bằng gánh hát rong này vậy.

Những ngày Thanh Hoá, tôi thích ra bờ sông Mã để nghe một loại hò trên nước -- dân ca Việt Nam có hai loại hò là hò trên cạn và hò trên nước -- được gọi đích danh là hò sông Mã hay hò xuôi dòng :

*Vắng anh có một chuyến đò
Trầu ăn không có, chuyện trò thì không.
Về nhà cha đánh mẹ hò
Thì em cũng chẳng bỏ anh trai đò được đâu...*

Ngồi nghe hò và được ăn món "phi" của địa phương ngon tuyệt trần. Đó là những con nghêu dài như ngón tay và trắng như mực, ăn vào thấy giòn chứ không dai như mực.

Thanh Hoá cũng là nơi có nhiều di tích lịch sử như Lăng Vua Lê Lợi, Thành Nhà Hồ nhưng tôi thích đi coi hang Từ Thức ở Nga Sơn hơn. Và tiếc rằng một người như Văn Cao, thành công với truyện Lưu Nguyễn nhập Thiên Thai mà không có thêm một bài nữa cho người tình họ Từ, cởi áo gấm ra để chuộc tội làm gãy cành mẫu đơn của người đẹp mang tên Giáng Tiên. Cùng với chị Miêu, tôi đi lễ ở Đền Sòng Phố Cát. Khi còn bé, tôi đã được mẹ cho đi lễ ở đền thờ bà Chúa Liễu Hạnh rồi. Tôi mê nhất cái hồ nhỏ với những con cá màu đỏ lớn gần bằng bắp tay vui mừng lượn đi lượn lại trong hồ nước xanh rêu. Tôi cũng đi với Trường violon ra chơi Sầm Sơn để biết thêm cảnh mưa lạnh của một bãi biển đã nổi danh vì cuốn tiểu thuyết TRẮNG MÁI của Khải Hưng. Không hoang vu như bãi biển Trà Cổ mà tôi đã biết nhưng vào mùa Đông, bãi biển Sầm Sơn cũng không kém phần âm u. Hàng thông trên cồn cát rất đẹp nhưng trông rất quạnh hiu. Lại càng thấy bãi biển âm u và hàng thông cô quạnh hơn khi trong tay mình không có một người tình để ôm ấp. Người mà tôi muốn được coi như người tình thì chỉ khi gánh ĐỨC HUY vào tới Nghệ An thì tôi mới được gặp.

Xong thời gian khoảng hơn một tuần lễ, bây giờ là lúc gánh hát rời Thanh Hoá để đi tới Vinh, tỉnh lỵ của xứ Nghệ. Tàu hoả đi ban ngày, sướng quá, tôi được thấy cảnh :

*Đường vô xứ Nghệ quanh quanh
Đường ra Hà Nội như tranh vẽ rỗng.*

*.....
Đường vô xứ Nghệ quanh quanh
Non xanh nước biếc như tranh hoạ đồ.*

Vùng Nghệ An là vùng đất quá hẹp. Một bên là núi, một bên là biển, vùng đồng bằng đã hẹp lại hẹp thêm vì ở tiếp giáp với biển là những cồn cát và tiếp giáp với núi là những mảnh đất rừng đầy sỏi đá, đất đai dùng vào việc cấy cấy trồng trọt chẳng còn bao nhiêu. Người dân ở đây nghèo lắm. Ngồi trong toa tàu nhìn xuống đường là thấy người phu lặc lè đẩy cái xe rất thô sơ cục mịch mà người Bắc gọi là xe kút kít -- cũng được gọi là xe lợn vì thường dùng để chở lợn -- chỉ có một cái bánh gỗ thật to và rất khó giữ thăng bằng. Thấy những tiều phu đi đốn củi trên rừng không buồn ngẩng cổ khi có một hành khách quá ư hào hứng vì cuộc đi là tới giờ tay vẫy chào họ. Phong cảnh thì đẹp vô cùng, dù là đường vô xứ Nghệ hay đường ra Hà Nội. Đưa mắt nhìn về phía nào cũng thấy đầy đủ núi cao, biển rộng, trời xanh, mây tím, những ngọn đèo, những động đá... Đẹp một cách hùng vĩ. Cảnh hùng vĩ và đời sống khắc khổ ở đây là những yếu tố tạo ra những con người thường xuyên làm cách mạng.

Dân ca ở đây nổi tiếng là có nhiều khí phách. Qua loại **hát giặm**. Nhạc điệu không còn lả lơi, óng ả như hát quan họ chẳng hạn, trái lại nặng nề, nghiêm chỉnh. Sau này, khi có dịp nghiên cứu dân nhạc Cao Nguyên tôi khám phá ra sự gần gũi giữa hát giặm và nhạc dân ca của sắc tộc Takua. Đời sống vất vả của nông dân Nghệ An được thể hiện qua câu **hát giặm** :

*Động Cơ Mai thì hốc
Động Trộ Đó thì dài
Ra đến động Hai Vai
Thậm chừng chi là khoẻ.*

Đời sống nghèo nàn nhưng cảnh vật lại phong phú. Trong câu hát giặm sau đây, ta thấy sóng biển, mây rừng và gió lộng cùng vui với vợ chồng quê và con cái :

*Sóng ngoài biển dòn vồ
Mây rừng xanh cuộn lại
Gió ngọn nguồn cuộn lại.
Mự (mợ) cũng có thằng cu rồi
Tôi cũng có con đĩ rồi
Mắc võng lên ta ngồi
Ru cu hời con đĩ hời
Ru cu hời con đĩ hời.*

Sau này có thêm bài dân ca rất hãnh tiến :

*Trai Đại Phong đã quyết lay rừng
Thì rừng kia phải chuyển.
Gái Đại Phong đã dốc lòng tát biển
Thì biển cũng phải lui.
Ta đưa nhau xẻ núi phá đèo*

*Bắt dòng sông Lam chảy ngược
Quyết chống trời thì trời cũng phải thua...*

Tôi sung sướng đặt chân tới vùng Hồng Lĩnh, Lam Giang nổi tiếng này. Tôi đã từng biết tiếng tăm của nơi nhân sĩ mang tên La Sơn Phu Tử ở ẩn, của nơi đã từng được Quang Trung Nguyễn Huệ định dùng làm thủ đô.

Tôi bỗng nhớ tới Cậu Xuân, ông lái buôn người Nghệ thường chở thuyền nước mắm ra Bắc bán và ở trọ nhà tôi, nhớ tới câu mẹ nói đùa Cậu Xuân là dân cá gỗ (Có giai thoại cho rằng ở Nghệ An có những gia đình nghèo quá, thức ăn hàng ngày là một khúc gỗ để hình con cá ngâm nước mắm, mọi người trong nhà vừa ăn cơm vừa mút con cá gỗ...) Bây giờ thì tôi hiểu cái nghèo của dân quê xứ Nghệ. Nghèo nhưng yêu làng xóm của mình nên không bỏ ra đi. Bám lấy đất mà sống. Chịu sống khổ ở nơi đất cằn sỏi đá, chịu hít thở thứ không khí khô khan bỏng cổ vì những trận gió Lào khủng khiếp. Đời sống của người dân xứ Nghệ nặng nề như giọng nói Nghệ An.

Dân thành phố thì không nghèo lắm. Vinh là một thị trấn sầm uất. Thành phố cách Bến Thủy chừng 5 cây số và cũng có một bãi biển là Cửa Lò, rất tĩnh mịch. Nằm giữa Vinh và Bến Thủy là nhà máy Tráng Thi, nơi sản xuất và sửa chữa xe lửa dùng tới 4000 công nhân. Khi còn đi học trường Kỹ Nghệ Thực Hành Hà Nội, tôi đã từng mơ ước có ngày được vào làm việc tại nhà máy lớn nhất ở Đông Dương này.

Gánh hát ĐỨC HUY chọn địa điểm hát ở rạp ANNAM CINÉ, trước mặt chợ Vinh, cạnh bờ sông có con dốc đưa tới Cầu Rào. Đêm nào cũng đông khách cho nên gánh hát ở lại thành Vinh khá lâu. Cũng như ở các tỉnh miền Bắc và tỉnh Thanh mà tôi vừa ghé qua, thanh niên nam nữ của thành phố Vinh là những người có Tây học. Họ mua vé đi coi gánh ĐỨC HUY là để nghe tôi hát "nhạc cải cách" chứ không phải để coi tuồng cải lương. Cũng có một phần tò mò muốn biết mặt ngang mũi dọc của người em ông Trọng Mạo (anh Khiêm đậu agrégé về grammaire) dám cả gan làm nghề ca xướng.

Phong trào Tân Nhạc đã tràn lan ở mọi tỉnh lỵ lớn. Tỉnh nào cũng có ban nhạc tài tử luôn luôn tổ chức những buổi hoà nhạc tại tư gia hay hát phụ diễn cho những buổi chiếu phim lấy tiền làm việc nghĩa. Các ban nhạc đó luôn luôn cần có những bản nhạc mới. Bây giờ có một anh hát rong là tôi đem những bài hát mới toanh đi phổ biến từ tỉnh này qua tỉnh khác thì họ đua nhau đón tiếp tôi.

Vì những bản nhạc chưa được in ra như sau này, tại thành phố Vinh, tôi được hân hạnh chép tay một vài nhạc phẩm của Văn Cao để tặng những người ái mộ. Trong đám người này có một người còn giữ được bản tôi chép tay bài **Cung Đàn Xưa** từ năm 1944 đó để hơn bốn mươi năm sau, gặp tôi ở Thị Trấn Giữa Đàng (Midway City) thuộc tiểu bang California, đã tặng lại tôi. Người đó là tỷ phú Thân Trọng Lạc.

Trong đám người tôi mới làm quen ở Vinh có tài tử và đạo diễn điện ảnh tương lai của Việt Nam là Hoàng Vĩnh Lộc. Lúc đó anh ta đang làm **steward** tức là nhân viên tiếp đãi hàng không của hãng Air France và với tên Dạ Chung, anh đã soạn lời ca cho dăm ba bản nhạc của em ruột anh là nhạc sĩ Lâm Tuyền.

Một người bạn nữa là chị Trần Mỹ Nghệ, người thiếu nữ đầu tiên mà tôi kính phục. Được lớn lên trong một gia đình và trong một xã hội chỉ tôn trọng phái nam, luôn luôn dễ dàng yêu đàn bà nhưng chưa bao giờ ngưng bắt nạt con gái trừ những lúc bị cô

gái quê tên là Nụ ở Yên Thế vật ngã trên ổ rơm... lúc nào tôi cũng chỉ coi phái nữ như một mảnh xương sườn của mình mà thôi ! Tại Vinh, lần đầu tiên trong đời, tôi có được sự kính yêu đối với phái nữ qua sự giao thiệp với chị Trần Mỹ Nghệ. Chị là con gái của ông Trần Bá Vinh, một công chức lớn của Sở Công Chánh và thuộc hạng nhà giàu ở thành phố Vinh vì có tới 40 căn nhà cho thuê, chưa kể cái biệt thự rất to mà tôi được chị mời tới uống trà. Chưa bao giờ tôi được gặp một thiếu nữ mà ngoài vẻ đẹp ngọt ngào của gương mặt và thân hình làm cho mình no đôi con mắt còn có những lời ăn tiếng nói dịu dàng nghe xướng lổ tai quá. Chuyện gì chị cũng biết, từ chuyện văn chương nghệ thuật qua chuyện chính trị, xã hội. Tôi yêu chị như một đứa em yêu người chị lớn. Một phụ nữ lịch lãm như thế ắt phải cao số. Về sau, khi gặp lại chị ở Saigon, chị vẫn chưa lấy chồng. Khi đã hơi luống tuổi rồi chị mới kết duyên với một người chồng ít tuổi hơn chị rất nhiều. Lúc đó chị là chủ nhân ngôi nhà mà anh ruột của tôi thuê. Rồi đột nhiên chị qua đời ở Phú Nhuận vào năm 1965.

Tại thành phố Vinh tôi được làm quen -- một cách không trực tiếp -- với một người tôi rất phục tài là nhạc sĩ Lê Thương. Nghĩa là chưa có hân hạnh bắt tay anh rồi cùng hoạt động với anh như khi tôi vào tới Saigon mà qua một người con gái tên là Hà Tiên.

Thuở còn nhỏ, tôi rất yêu một bài thơ Pháp, **Sonnet d'Arvers**. Tôi chỉ còn nhớ hai câu tiếng Pháp như sau :

*Mon coeur a son secret, ma vie a ses mystères
Toujours à ses côtés et pourtant solitaire...*

Nhà văn Khái Hưng đã dịch bài thơ đó ra tiếng Việt một cách tuyệt vời :

*Lòng ta chôn một khối tình
Tình trong giây phút mà thành thiên thâu
Tình tuyệt vọng nỗi thâm sâu
Mà người gieo thảm như hầu không hay.
Hỡi ôi người đó ta đây
Sao ta thui thủi đêm ngày chiếc thân
Dấu ta đi trọn đường trần
Chuyện riêng không để một lần hé môi.
Người dù ngọc thốt hoa cười
Nhìn ta như thể nhìn người không quen
Đường đời lặng lẽ bước tiên
Ngờ đâu chân đạp lên trên mối tình.
Một niềm tiết liệt đoan trinh
Xem thơ nào biết có mình ở trong.
Lạnh lùng lòng lại hỏi lòng
Người đâu tả ở mấy dòng thơ đây ?*

Thi sĩ d'Arvers yêu một người đẹp mà thi sĩ gặp gỡ hằng ngày nhưng không bao giờ chàng dám tỏ tình với người mình yêu cả. Chàng giữ kín mối tình câm đó suốt đời mình và nghĩ rằng sẽ một có ngày người đẹp đó đọc bài thơ này rồi bằng khuôn tự hỏi : Người đâu tả ở mấy dòng thơ đây ?

Vào những năm đầu của thập niên 40, cũng như một số nhạc sĩ trẻ khác vừa bước vào con đường nhạc tình, tôi rất thích bài **Sonnet d'Arvers**. Ước ao có được mối tình câm lặng như thế. Có lẽ vì vậy mà tôi chọn bài thơ của Nguyễn Bính để phổ nhạc thành bài tình ca áp ứng là **Cô Hái Mơ** chăng ? Tôi không biết các ông tổ sư

của nhạc tình trong làng TÂN NHẠC Việt Nam như Dương Thiệu Tước, Thẩm Oánh, Văn Chung, Lê Yên, Dzoãn Mẫn... có bắt chước thi sĩ nhất gái d'Arvers để yêu vùng nhớ thắm một người tình nào đó và soạn ra những bản tình ca bất hủ mà ai nấy đều hát... nhưng bây giờ tôi biết chắc chắn khi soạn ra bài hát nhan đề **Nàng Hà Tiên**, quả rằng nhạc sĩ Lê Thương có yêu một người con gái có xương có thịt mang tên Hà Tiên.

Người mang tên bài hát của Lê Thương đang ở thành phố Vinh, đã đi nghe tôi hát và mời tôi về nhà chơi. Hà Tiên có gương mặt tròn như trăng, có đôi mắt sáng như sao, có đôi môi như chòm nho chín, có đôi má lúm như hai quả táo ngon, tính tình nhanh nhẹn, cởi mở. Cùng với người chị xinh đẹp không kém nhưng tính tình khép kín hơn, hai cô gái thành Vinh này rất thích những bài ca mới, nhất là bài **Buồn Tàn Thu** đã được nghe tôi hát ở gánh ĐỨC HUY. Sau đó hai cô mời tôi tới tham dự buổi văn nghệ salon ở nhà mình.

Câu chuyện về âm nhạc nổ như pháo ran tại căn nhà một tầng của gia đình ở giữa thành phố. Hai chị em hát rất hay, nhất là Hà Tiên. Trong câu chuyện, hai cô đã động tới Lê Thương. Trước đây tôi chỉ biết qua loa là nhạc sĩ họ Lê có soạn hai bài hát nhan đề **Một Ngày Xanh** và **Nàng Hà Tiên**. Bây giờ được một cô bé mang tên Hà Tiên ở thành Vinh hát cho nghe thì thật là khoái ! Tôi biết nhạc sĩ Lê Thương có tên thật là Ngô Đình Hộ, đã cởi áo thầy dòng để làm nghề dạy học ở Hải Phòng rồi lại bỏ Hải Phòng đi tuốt vào Bến Tre làm việc cho một đồn điền cao su của Pháp. Tôi muốn tin rằng tại một nơi nào đó, anh gặp Hà Tiên và giữa hai người là một chuyện tình, nhỏ nhoi hay vĩ đại. Và những nhạc phẩm Lê Thương như **Một Ngày Xanh, Nàng Hà Tiên** ra đời. Ngoài những bài mà ta đã biết như **Bản Đàn Xuân, Thu Trên Đảo Kính Châu...**

Bài **Một Ngày Xanh** mô tả cuộc tình mà tôi muốn là có thực của Lê Thương bên bờ Đà Giang. Mở đầu bài hát Lê Thương cho ta biết anh trở về ngồi bên bờ sông xưa để nhớ tới người yêu cũ :

*Trời khuya thanh vắng
Anh ngồi bờ sông
Nhìn mây đen trắng bay mờ trên không.
Từ xa đưa đến
Tiếng trống canh điểm đêm
Và tiếng dế kêu đêm êm.
Dưới sông có vầng trăng sáng
Chiếu trong lòng Đà giang...*

Người tình trong bài hát, ngồi bên bờ Đà Giang, nhắc lại lời thề còn ghi trên đá dù cỏ mọc xanh rì đã che dấu lời thề :

*Dưới đá anh có ghi những lời
Phối ước chung một lòng son.
Em yêu kẻ bên má, anh hôn
Anh thề cùng em
Bể cạn sông mòn với cuộc tình duyên.
Tuy bây giờ anh đã ra đi
Lời thề còn ghi dưới cỏ xanh rì
Bên bờ Đà Giang...*

Những câu hát kết thúc hẳn phải là những lời buồn :

*Một ngày xanh đã ghi vào lòng anh
Cuộc tình duyên đó có khi nào anh quên ?
Ngày nay trăng chiếu trên bờ Đà Giang
Lòng anh thấy thiếu mối tình mơ màng...*

Bài **Một Ngày Xanh** là một bản tình ca buồn bã thì bài **Nàng Hà Tiên** là một truyện ca huyền ảo. Tôi vẫn cho rằng trong làng Tân Nhạc, sau 50 năm sinh hoạt, vẫn chưa có ai kể truyện hay cho bằng nhạc sĩ Lê Thương. Truyện ca bé bỏng là bản **Nàng Hà Tiên** này đã báo trước cái vĩ đại của bộ ba HỒN VẮNG PHỤ.

Với **Nàng Hà Tiên**, ta hãy nghe chàng Lê kể truyện :

*Ba trăm năm qua bên bờ Cửu Long Giang
Một người đàn bà hay xuống mé sông
Đứng tiếp rước khách trẩy đò ngang
Lòng ngao ngán tiếc thân chưa có chồng...*

Qua nét nhạc *majeur* rất lưu loát và nhịp đôi nhanh vun vút, anh kể rằng 300 năm về trước, có một người đàn bà làm nghề rước khách trẩy đò ngang, đang buồn phiền vì chưa có chồng thì :

*Ngày kia tự nhiên có một thiếu niên nào
Từ quan san xa cách xa tìm đến
Mới bước xuống xe vừa trông thấy cặp má đào
Chàng thiếu niên bèn ngỏ lời kết duyên...*

Lê Thương chuyển nhẹ qua *DO mineur* với nét nhạc thật là ngọt ngào :

Hai năm sau sinh một nàng tiên....

Qua một đoạn giống như một điệp khúc, Lê Thương lại trở về với giọng *majeur* và với nhịp điệu bình tĩnh, anh kể truyện tiếp về cô tiên kết tinh của mối tình giữa cô lái đò và chàng thiếu niên (teen ager ?) :

*Nàng nghịch đùa sông
Phá nước thay dòng
Nàng cầm ngọn mưa
Tươi ra Biển Hồ.
Chiều chiều nàng mong
Chờ một làn sóng
Đến dâng cho nàng khúc đàn
Âu yếm mơ màng...*

Nàng tiên đó, sinh ra trên một dòng sông nên thích đùa nghịch với sông. Dùng đôi tay cầm nguồn mưa tươi qua Biển Hồ (Cao Miên). Rồi chờ đợi làn sóng đưa đến cho nàng khúc ca âu yếm. Chờ đợi hoài mà vẫn không gặp được quý nhân dù tiên nương có đem thân tới Vịnh Xiêm La (Thái Lan) đi nữa ! Nàng tiên sẽ không được như mẹ, sẽ không có người yêu và sẽ biến thành một bến nước mang tên HÀ TIÊN :

*Hai mươi năm sau nàng Hà Tiên
Bực mình vì lòng thiếu chút duyên
Đem thân tiên nương đi tìm Vịnh Xiêm
Hoạ chẳng có bóng quý nhân độ thuyền.
Ngày kia một cơn gió mang tới biên thùý
Một công tôn đi đứng trông kiều quý
Bóng dáng quý nhân vừa trông*

*Đã thấy hoá ra nàng gặp một giấc mơ.
Tiên cô đi yêu một bài thơ...*

Bài hát kết thúc cũng giống như một bài thơ mơ hồ hay một giấc mơ huyền hoặc mà Lê Thương đã vẽ ra trong các đoạn trên :

*Từ mộng thuyền duyên
Tới giấc mơ huyền
Lòng người được quen
Thú vui hoặc huyền
Từ rày Hà Tiên
Thành một bờ bến
Đón đưa những người xuống đò
Để thấy mơ hồ....*

Ngay từ đầu thập niên 40, ta đã thấy Lê Thương cho ta những câu nhạc dài hơi bằng chứng của óc sáng tạo, khác với những tài năng yếu kém chỉ viết nổi những câu nhạc cụt thun lủn. Có ai trong đám chúng tôi có được đầu óc phong phú như chàng Lê, tạo ra một câu chuyện hư hư thực thực, chuyện người để ra tiên, rồi nàng tiên biến thành một bến nước ? Nhưng khởi sự ra câu chuyện này, chắc chắn đã có một động lực là cô con gái má lúm đồng tiền tên là Hà Tiên.

Chẳng nhẽ một vị đàn anh mà mình kính phục là Lê Thương đã yêu một cô gái đẹp và viết ra một truyện ca tuyệt vời mà mình lại có thể đứng trước cô ta hay sao ? Tôi bèn bắt chước ông anh nhưng dở hơn chàng Lê, tôi chẳng soạn nổi một câu nhạc cho nàng tiên này cả ! Sau này được gặp anh Lê Thương yêu quý ở Saigon, hai anh em nhắc tới chuyện cùng yêu Hà Tiên thì cả hai đều cười tở tở như hai con vịt được.

Cô bé Hà Tiên cũng không tránh được số phận Trời cho là ban phát hạnh phúc cho những chàng nhạc sĩ. Nàng Tiên kết duyên với một nhạc sĩ có hạng ở Hà Nội là Nguyễn Thiện Tư, tác giả bài **Giáo Đường Im Bóng**.

Tôi có cơ hội gặp lại ông bà Nguyễn Thiện Tư vào năm 2000 tại Hà Nội.

*Chiều chiều mây phủ Ải Vân
Chim kêu gành đá, gấm thân lại buồn.....
Ca Dao*

Chương Hai Mười Một

Gánh ĐỨC HUY-CHARLOT MIÊU giã từ thành Vinh để xuôi Nam. Đi qua các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị để vào nơi tôi hằng mơ tưởng là Huế.

Đường bộ đưa chúng tôi đi qua Đèo Ngang, hơn một trăm năm về trước đã in dấu chân của Bà Huyện Thanh Quan trong một buổi chiều bóng xế tà, có lom khom dưới núi tiêu vài chú, lác đác bên sông (sông Cẩm Lệ ?) chợ với nhà... Ngừng lại hát ở Đồng Hới và Đồng Hà, vì không đông khách lắm nên gánh hát rút đi nhanh chóng.

Tôi không có kỷ niệm nào ở hai thị trấn nhỏ bé này cả.

Vào tới Huế là bắt gặp mùa Xuân với mưa phùn làm tăng vẻ thơ mộng của nơi cổ đô. Gánh hát tới đóng đô ở rạp TÂN TÂN trên đường Paul Bert (sau đổi tên là đường Trần Hưng Đạo) đối diện với dòng Hương Giang nổi tiếng.

Đã mơ ước nằm đồ sông Hương từ lâu, tôi vội vã vác va ly xuống bến. Ngay trong đêm đầu tiên tới Huế, tôi đã được hưởng cái thú nằm trong khoang thuyền để nghe ca Huế thâu đêm suốt sáng. Trước đây tôi chỉ biết ca Huế qua tiếng đàn tranh của bà Âm Chung hay qua giọng cô Nhơn trong đĩa hát Béka loại 78 tours. Bây giờ được nghe những ca sĩ như Bích Liễu (vợ nhạc sĩ Vĩnh Phan), Minh Mẫn rót ngay vào tai mình những câu hò mái đẩy, hò mái nhì, những bài **Nam Ai, Nam Bình** hay **Lý Tình Tang, Lý Tử Vi**... Lại được nghe hát những bài ca tình tứ đó trong khung cảnh rất nên thơ là một khoang thuyền ẩm cúng có ngọn đèn dầu le lói, có tiếng hát của ca kỹ vọng ra ngoài, âm ba lan ra mặt nước rồi dội ngược vào khoang thuyền và nhờ đó mà thêm phần réo rắt. Có lẽ tiếng hát của chàng ngư phủ Trương Chi trong truyện truyền kỳ cũng nhờ ở hoàn cảnh hát trên sông nước mà được phóng âm lên và trở nên hấp dẫn hơn đối với lỗ tai của tiểu thư lá ngọc cành vàng My Nương chăng ?

Tuy là một trong những người đầu tiên đưa ra chủ trương là phải tạo nên một dòng nhạc mới để thay thế cho dòng nhạc cổ nhưng tôi vẫn luôn luôn đề tâm nghiên cứu kỹ càng những làn điệu của dòng nhạc bình dân ở từng địa phương để từ đó phát triển lên dòng nhạc cải cách. Sau khi đã nắm được nội dung và hình thức của hầu hết các loại dân nhạc ở miền Bắc như **Hát Cò Lả, Hát Quan Họ, Hát Chèo, Hát Ả Đào** v.v... vào đầu năm 1944 này, tôi bắt gặp một hệ thống ca nhạc hoàn toàn khác với hệ thống dân nhạc miền Bắc. Lúc còn bé, nghe ca Huế, tôi chưa nhận ra sự khác biệt của hai hệ thống âm giai mà nhà nghề gọi là hơi Nam, hơi Bắc. Bây giờ thì tôi nhận ra sự lơ lớ của cung bậc trong những điệu hát mà người ca kỹ đang rót vào tai tôi trong khoang thuyền ẩm cúng của con đò cắm sào bên bờ sông Hương.

Khám phá ra tính chất lơ lớ của giai điệu hò huế rồi, tôi sẽ là người đầu tiên ghi âm những bài ca Huế một cách khoa học hơn các bậc tiền bối như Hoàng Yến trong loạt bài đăng trong tập san **Bulletin Des Amis Du Vieux Huế** hay như danh cầm Trần Quang Tồn trong một cuốn sách dạy đánh đàn tỳ bà vào hồi đầu thế kỷ thứ 20.

Ghi âm điệu hò Huế bằng ký âm pháp **solfège** vào năm 1944 nhưng chưa có cơ hội in ra. Phải tới khi tôi đi kháng chiến tại Thanh Hoá vào năm 1948, gặp Trần Thiếu Bảo, giám đốc nhà xuất bản MINH ĐỨC thì điệu hò Huế đó mới được in ra trong một nhạc tập nhan đề **Những Điệu Hát Bình Dân Việt Nam**. Rồi khi tôi di cư vào Saigon, trong năm 1953, tôi lại có thêm một cơ hội nữa để cho ấn hành một bản nhạc rời về điệu hò đặc biệt miền Trung. Trong cả hai ấn phẩm được in ra ở Thanh Hoá và Saigon này, tôi nêu lên một lý thuyết : Âm giai ngũ cung lơ lớ của hò mái nhì khác hẳn với âm giai điều hoà (gamme tempérée) của Âu Tây và âm giai ngũ cung đúng của dân nhạc miền Bắc. Các cung bậc của hò huế có những cao độ (intervalles) non hơn hay già hơn các cung bậc trong âm giai Âu Tây hay âm giai miền Bắc.

Tôi còn vẽ ra một sơ đồ so sánh sự khác nhau của những hệ thống âm thanh đó nữa. Chính vì đặc điểm âm giai lơ lớ này mà các điệu hát miền Trung, đặc biệt là

điệu hò Huế, với những nét nhạc mơ hồ như nét nhạc Chàm hay nét nhạc Ấn Độ, đã hấp dẫn người nghe hơn là những điệu ca bình dị của miền Bắc. Trong phần tiểu dẫn in trong ấn phẩm của bài **hò mái nhì** hay **hò mái đẩy**, cách đây nửa thế kỷ, tôi đã nói tới sự thần bí của âm giai lơ lửng như sau:

Hò mái nhì hay **hò mái đẩy** là tiếng nói điển hình của người dân tại một miền nên thơ nhất của nước Việt. Tiếng hát xây dựng trên một hệ thống âm giai lơ lửng đã thể hiện được sự thần bí của cõi lòng, vì vậy nên dễ dàng đi sâu vào tâm hồn người nghe hơn là nhạc ngũ cung đúng của miền Bắc. Sự thành tựu của nhịp điệu cũng rất là tế nhị :

*Trước Bến à ơ
Văn Lâu ơ
Chiều chiều...*

*.....
Chiều chiều trước bến Văn Lâu
Ai ngồi ai câu Ai sầu ai thảm
Ai thương ai cảm
Ai nhớ ai trông...*

Tiếp theo là những câu thủ thi cốt nâng niu ý chính của toàn bài để rồi sẽ kết thúc bằng tiếng nức nở, có nhiều dấu chấm than (!) và dấu chấm hỏi (?):

*Thuyền ai thấp thoáng bên sông
Đưa câu mái đẩy a rồi
A ơ á ơ
Mái đẩy động tằm ơ ơ lòng
Hơ... ơ à... à ơ
A non nước lơ non à ờ
A a ơi hự...*



Lời ca của bài hò Huế trên đây là của một văn gia thuộc lớp người quyền quý ở Huế, Thúc Giạ Thị Ứng Bình. Nội dung có vẻ kích thích lòng yêu nước của người nghe.

--Ảnh cụ Ứng Bình

Cũng vào năm 1944 này, tôi đã sưu tập thêm được một bài hò ái quốc với lời ca (có thể là) của cụ Phan Bội Châu...(coi ở đoạn dưới)

Ảnh bên : nhạc sĩ Vĩnh Phan

Gánh ĐỨC HUY dừng lại nơi cổ đô lâu hơn những nơi khác, hằng đêm sau khi tan hát xong tôi thường kéo những bạn mới như Vũ Đức Duy, Vĩnh Phan xuống đồ chơi, khi thì nằm hút thuốc phiện và tán phét, khi thì nghe các bạn của Vĩnh Phan đàn hát.





Đêm vui nào cũng kéo dài tới 2, 3 giờ sáng. Hôm sau, ngủ dậy vào nửa trưa là tôi leo lên bờ, ra chợ Đông Ba ăn quà rồi tới quán Lạc Sơn gần đó để uống cà phê, ngắm các cô gái Huế đi chợ...

Ảnh bên : Kịch Sĩ Vũ Đức Duy

Một hôm tôi thấy từ xa đi đến một ông già mà tôi ngờ là say rượu, tay cầm ống tiêu, lưng vác một con khỉ, lão đảo trên đường cái, coi thường xe cộ đông đảo lui tới... Rồi tôi thấy ông ta đứng lại trước quán nước, dựa lưng vào gốc cây, đưa ống tiêu lên miệng thổi ra một điệu nhạc Huế rất lạ lùng làm xôn xao và bứt rứt lòng người nghe. Tôi mê luôn ông già thổi tiêu mà người Huế cho là điên dại này. Ngày nào cũng vậy, rất đúng giờ, ông già tới quán Lạc Sơn với con khỉ và ống tiêu, rồi sau khi thổi tiêu mà không đòi hỏi người nghe phải trả tiền như một gã hát xẩm, ông già dụi nhân lẳng lặng ra đi.

Rồi có một buổi trưa, tôi không ngăn được tôi bước chân đi theo ông và bây giờ thì tôi biết ông đi từ miền Gia Hội tới Chùa Từ Đàm, dọc đường ông thường dừng chân lại và thổi lên những tiếng tiêu để quyến rũ những người nhạy cảm như tôi. Tại chùa Từ Đàm, ngồi trên sân chùa, tôi đánh bạo làm quen với ông. Hỏi thêm về các điệu nhạc Huế, tôi được ông cho nghe một bài hò Huế với lời ca -- tôi ngờ rằng -- rút ra từ một tập thơ nào đó của cụ Phan Bội Châu :

*Chí anh hùng thủy chung một khối
Nghèo khó không thờ than
Giàu sang không đắm đuối
Tù tội không đổi lòng.
Chuyện đời lắm sự bất công
Người ăn không hết kẻ mần không ra...*

Nhưng hò Huế không hoàn toàn là những bài ca Cách Mạng. Bao nhiêu câu hò là bấy nhiêu câu hát tình tự:

*Trăm năm dầu lổ hện hò
Cây đa bến cũ con đò khác đưa...*

Đã có nhiều người cãi nhau khi tranh luận về cái cây ở trong câu ca dao trở thành câu hò Huế này. Người thì bảo đó là cây "da", người thì bảo đó là cây "đa". Riêng tôi không thắc mắc lắm, chỉ cần mỗi lần nghe câu hò là được nhớ tới người gái Huế mình yêu, lúc đó đang làm nghề đưa đò ở Đập Đá bên bờ sông Hương. Rồi vì lỡ hện mà không bao giờ tìm thấy nàng nữa... Lại đành phải yêu một con đò khác vậy !

Tôi sẽ có không biết bao nhiêu là kỷ niệm với con người và cảnh vật nơi cố đô và những kỷ niệm đẹp đó sẽ được tôi nhắc lại trong một cuốn HỒI KÝ khác. Tôi chỉ viết ra đây sự cảm nhận của tôi lúc đó trước sự trầm lặng của thành phố và của những cô gái Huế. Thứ trầm lặng bề ngoài che dấu những đợt sóng ngầm dữ dội nếu ta có cơ hội sống lâu để có thể nói như tôi rằng : đã *biết ái tình ở dòng sông Hương* (câu hát trong bài TÌNH CA). Trong lần gặp nhau đầu tiên giữa tôi và Huế vào năm 1944 này, tôi chỉ mê mãi đi tìm cái đẹp của Huế qua những câu hò, câu hát :

*Đất Thừa Thiên, dân hiền cảnh lịch
Điện ngọc, lầu vàng
Non xanh, nước biếc
Tháp bầy từng Thánh Miếu, Chùa Ông
Chuông chùa Diệu Đế, trống rung Tam Toà.*

.....
*Cầu Tràng Tiền sáu vài mươi hai nhịp
Anh qua không kịp, tội lắm em ơi...*

Những ngày ở Huế, học hỏi về nhạc cổ truyền, tôi có may mắn được gặp các nhạc sĩ Vĩnh Phan, Bửu Lộc... Trong nhóm này còn có cụ Vĩnh Trân tức Ngũ Đại là anh của vua Duy Tân, đánh đàn tỳ bà rất hay. Những người trong hoàng phái này yêu âm nhạc với tâm hồn phóng khoáng, không như một nhạc công gốc Quảng Trị, người mà tôi nghĩ rằng chỉ nên kéo đàn nhị cho hay chứ không nên lập luận về âm nhạc bằng nửa con mắt và những rất ý nghĩ rất hẹp hòi và nông cạn.

Không một nền nhạc cổ truyền nào có thể tồn tại nếu không có sự cải cách liên tục. Chỉ người ngu dốt mới thần thánh hoá cái cổ rồi cho rằng mọi sự cải cách là bội phản (sic). Ngay lúc đó, tôi đã khám phá ra sự liên tục phát triển của những bài ca Huế. Một số những bài thuộc loại hát lý đã do các nhà giáo vừa mới phóng tác và cho in ra để dạy học trò, ví dụ bài **Lý Hoài Xuân**. Nghe một bài ca Huế là **Tứ Đại Cảnh** tôi nhận ra đó là nhạc điệu của bài **Khi Tương Phùng** trong loại **hát quan họ** của miền Bắc Ninh. Trong khi nhạc cổ truyền luôn luôn chuyển động thì anh nhạc công mà tôi không yêu đó lúc nào cũng mị dân bằng sự cổ hủ của mình.

Về phần Tân Nhạc, có các nhạc sĩ như Ngô Ganh, Văn Giảng... kéo nhau tới nghe tôi hát **Buồn Tàn Thu** ở rạp TÂN TÂN rồi sau đó chúng tôi kết thân với nhau. Đã có sự trao đổi kinh nghiệm, trao đổi tài liệu giữa anh ca sĩ chuyên nghiệp và các nhạc sĩ tài tử ở miền sông Hương, núi Ngự.

Tôi đã biết thêm những bài hát mới, chẳng hạn bài **Hương Giang Dạ Khúc** của Lưu Hữu Phước mà tôi vội vàng hát ngay trên sân khấu gánh ĐỨC HUY.

Lại có thêm Nguyễn Văn Thương tặng cho những bài **Trên Sông Hương, Bướm Hoa, Đêm Đông** để đánh đàn với ban nhạc Tây trong gánh hát.

50 năm ở giữa hai bức ảnh

Đây cũng là lúc tôi đặt mục đích cao nhất của đời mình là phải được mời hát ở trên ĐÀI RADIO INDOCHINE tại Saigon. Nên nhớ lúc đó vấn đề vô tuyến truyền thanh còn là chuyện khá mới mẻ đối với người dân Việt Nam. Tôi chưa bao giờ có được một cái máy nghe radio cả dù đã từng là thợ sửa chữa radio ở phố Hàng Gai Hà Nội. Vả chăng chương trình văn nghệ của những đài truyền thanh ở Hà Nội hay ở Saigon không có gì để hấp dẫn tuổi trẻ đang yêu âm nhạc mới. Chương trình âm nhạc của đài radio lúc đó là trình bày Tuồng cổ hay Chèo cổ, hát những bài bản Cải Lương, phần nhiều là bài Vọng Cổ do các cô Tư Sặng, Ba Bến Tre, Ngọc Nữ phụ trách. Chỉ tới tháng Novembre 1944 là lúc tôi đã vào tới Saigon mới có mục hát nhạc cải cách do Nguyễn Văn Cỏn nói chuyện và với tôi hát 3 lần một tuần ở đài ĐÀI RADIO INDOCHINE.

Thành phố Huế cũng có những thanh niên hoạt động văn nghệ hào hứng không thua gì giới văn nghệ sĩ Hà Nội hay Hải Phòng. Võ Đức Duy, người tiên phong của làng kịch đã dựng vở thoại kịch phóng tác từ phim BEN HUR là truyện cổ La Mã. Mấy anh em Hoàng Trọng Thuộc, Hoàng Trọng Khanh đã thành lập từ năm 1938 một gánh hát lấy tên là KIM SANH với đường lối nghệ thuật giống như của một đoàn hát cải

lượng Nam Kỳ, chỉ khác ở chỗ về phần âm nhạc, gánh KIM SANH không dùng những bản ca nằm trong nhạc mục của sân khấu miền Nam mà dùng toàn những điệu ca Huế. Dù không thành công nghĩa là không lan tràn đi khắp nơi nhưng sự ra đời của gánh KIM SANH cho ta thấy trong ngành sân khấu ở Huế cũng có những người muốn làm công cuộc cách mạng.

Thế là trong lần gặp gỡ đầu tiên với chiếc nôi của âm nhạc Việt Nam là thành phố Huế, tôi đã học hỏi được rất nhiều về nhạc cổ truyền. Nếu trong những chuyến đi về thôn quê trước đây và trong chuyến đi theo gánh hát rong lúc này tôi đã tiếp thu được ở kho tàng âm nhạc nhân dân (chứ không phải trong sách vở về nhạc Tây Phương) nhiều tài liệu "nhạc sống" để có thêm vốn liếng cho việc soạn ra những bài hát của mình thì chính tại vùng Huế này tôi khám phá ra sự phong phú của nhạc ngữ Việt Nam qua hệ thống âm giai đặc biệt để rồi sẽ dễ dàng viết ra một bản trường ca như CON ĐƯỜNG CÁI QUAN.... Rồi đây trên đường Nam Tiến, tôi sẽ được dừng chân tại vùng Phan Rang là nơi còn dư vang của những bản nhạc Chiêm Thành để xác định bằng lỗ tai sự tương hưởng giữa hai dòng nhạc Chăm, nhạc Huế mà người ta thường nói trong sách vở.

Sau những ngày được sống với mùa Xuân ướt lạnh ở Huế, gánh ĐỨC HUY giã từ sông Hương lên đường vào Tourane (Đà Nẵng). Lần đầu tiên vượt đèo Ải Vân, tôi tưởng mình là một tráng sĩ thời xưa, đi mở rộng biên thùy nước Việt. Đi trong mây phủ Ải Vân của câu ca dao quen thuộc, tai không nghe thấy tiếng chim kêu trên gành đá nhưng nghe thấy những câu hát của bài **Lý Qua Đèo** vang dội ở trong lòng.

*Đêm nay hoa có mình ta
Đốt trầm hương cũ chờ ma đạo đàn...
Lưu Trọng Lư*

Chương Hai Mươi Hai

Tới Tourane (Đà Nẵng), gánh ĐỨC HUY-CHARLOT MIÊU đóng neo tại rạp CINÉAC nằm ở đầu hai con đường Phan Chu Trinh và Hàm Nghi. Tuy cũng là một thành phố cửa biển quan trọng nhưng Tourane lúc đó chưa bành trướng kinh khủng như vào thời có quân đội Mỹ tới Việt Nam.

Phố xá vắng vẻ tĩnh mịch với những hàng cây cao vút. Những phụ nữ đi trên đường, dù là người bình dân cũng mặc áo dài, đội nón Huế. Đa số còn để răng đen. Nghệ sĩ cải lương của gánh ĐỨC HUY không đặc sắc như của các gánh Nam Kỳ chính gốc nhưng cũng lôi kéo khán giả hàng đêm chen chúc tới coi. Anh Miêu vẫn là cái đỉnh của gánh hát. Kép Quý tức Nhật Thanh, tuy không đẹp trai hơn hay hát hay hơn những ngôi sao của làng Cải Lương Bắc Hà như Sỹ Tiến, Anh Độ hay Huỳnh Thái nhưng cũng có vô số các bà, các cô mê như điên đảo từ lúc gánh hát ra đi từ Hải Phòng và vào tới khoảng giữa của miền Trung này. Các anh kép khác như Hiếu, Dân, Ba Hội đã trở thành những bạn thân của tôi. Chúng tôi đối đãi với nhau như những anh em ruột trong một gia đình.

Giới nhạc sĩ -- kể cả trong ban nhạc Tây và trong ban nhạc cổ -- đều rất yêu tôi, khuyến khích tôi trong cả hai phương diện học hỏi và trình diễn. Tôi đã có dư tiền để

mua lại của anh Ân một cái đàn *violon* thật tốt. Và cũng ngộ nguậy kéo đàn vào những lúc mọi người đã đi ngủ cả rồi. Đào Tình, đào chính của gánh hát vẫn còn độc thân, vẫn còn cho tôi những đêm ái ân mùi mẫn và sẽ trở thành vợ yêu của một bác sĩ già khi gánh hát tan. Đào Nga đã là vợ bán chính thức của anh Phúc *claquettes*. Đào Châu trẻ tuổi nhất là đào phụ của gánh hát và sẽ là người tình của tôi khi gánh hát vào tới Cà Mau. Lũ con của anh chị Miều lớn như thổi, đi theo gánh hát, chẳng được học hành gì cả nhưng vẫn là những bé ngoan. Về sau, những con gái của anh chị Miều trở thành những vũ nữ nổi danh của ban vũ Trịnh Toàn. Tôi đã được nhiều người biết tới tên tuổi, nhiều hơn cái thời tôi mới nhảy ra sân khấu hát nhạc cải cách ở Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định...

Tin đồn về chàng du ca đầu tiên đã đi rất nhanh từ Thanh Hoá vào Vinh tới Huế và bây giờ thì thanh niên nam nữ Tourane kéo nhau tới rạp CINÉAC để nghe tôi hát. Đã rất tự tin ở mình, đã biết trau dồi tài nghệ cũng như sắc đẹp (sic). Đã để tóc dài cho có vẻ nghệ sĩ (re-sic). Đã sắm được bộ áo mùa lạnh bằng nỉ được gọi là nỉ *pattes de poule* (sợi to như chân gà) đủ sưởi ấm lòng tôi trong những ngày mùa lạnh ở Tourane này. Được làm quen với những tài năng của địa phương như nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu, nguyên là lính trong quân đoàn 16 RIC của Pháp đóng ở Qui Nhơn, vừa mới trở về nơi sinh trưởng của mình để đóng góp vào việc thành lập một nền nhạc mới với bài **Trầu Cau**. Gặp Phan Quang Định tác giả bài **Sơn Tinh Thủy Tinh**. Làm quen với anh Tâm, người Công Giáo, đánh đàn **organ** ở Nhà Thờ.

Thú vị nhất là gặp chàng thi sĩ mà mình yêu quý vô cùng là Lưu Trọng Lư. Lúc đó anh Lư đang dạy học tại trường Phan Bội Châu (hay Phan Chu Trinh ?), sau khi nghe tôi hát, anh đã nằng nặc lôi tôi lên xe kéo đưa tôi tới trường học để hát cho học trò của anh nghe. Từ trước tới giờ, tôi chưa gặp ai nên thơ như con người Lưu Trọng Lư. Chưa gặp anh đã nghe nói anh là người rất lơ đãng. Gặp anh rồi thì nhìn bề ngoài của anh cũng đã thấy anh là một con nai vàng ngơ ngác. Đã có ai kể cho tôi nghe chuyện anh cầm tiền đi chợ mua đồ cúng nhân ngày giỗ vợ nhưng anh ghé vào tiệm hút rồi quên phứt chuyện đó ! Theo lời kể của Hoài Thanh, đã có lần Lưu Trọng Lư nằm đọc tập thơ TIẾNG THU của mình rồi ngồi dậy cười to :
-- *A ha ! thế mà mấy bữa ni cứ tưởng (...) hai câu : "Giật mình ta thấy mờ hơi lạnh, mộng đẹp bên chân đã biến rồi..." là của Thế Lữ...* Hai câu thơ ấy là của Lưu Trọng Lư.

Sau khi tôi hát cho lũ học trò xanh xao và gầy gò nghe bài *Buồn Tàn Thu* rồi thì nhà giáo Lưu Trọng Lư đầu bù tóc rối, quần áo lôi thôi lếch thếch và nát nhàu, móc ở trong túi ra những mẫu thơ để tặng tôi ngay trong lớp học. Tôi nhớ rất kỹ đó là những đoạn thơ của bài **Giang Hồ** mà khi in ra thì anh Lư để tặng Nguyễn Tuân và Vũ Hoàng Chương :

*Mời anh cạn hết chén này
Trắng vàng ở cuối non tây ngậm buồn
Tiếng gà đã rộn trong thôn
Nửa đời phiêu lãng chỉ còn đêm nay...*

Đã tặng thơ rồi, anh tặng luôn cho tôi một tình nhân của anh, người Tàu Lai. Lưu Trọng Lư có ra một tuyên ngôn về người đàn bà mà anh gọi thêm là Quĩ. Không biết khi anh trao kỷ vật cho thằng em này thì đó là Người hay là Quĩ ? Tôi không còn nhớ tên của *người quĩ* có đôi mắt màu hạt dẻ này nhưng tôi nhớ rõ ràng là ngoài thân hình kiều diễm ra nàng còn mang tới khách sạn một cái bánh **gâteau** lớn. Chúng tôi

ngồi ăn bánh ngọt và nhìn qua cửa sổ để thấy nhà ga Tourane đang u ám nằm cạnh bến sông, chợt có vạt nắng chiều vụt tới làm cho cảnh vật bỗng nhiên rực rỡ.

Tôi sẽ có nhiều lần phổ nhạc những bài thơ tuyệt vời của anh Lữ để trả ơn mỗi tình nửa đường phiêu lãng này. Từ bài **Tiếng Thu**, qua **Văn Thơ Sầu Rụng** tới **Thú Đau Thương** và **Còn Chi Nữa** (bài này tôi mạn phép đổi tên là **Hoa Rụng Ven Sông**).

Gặp lại anh Lữ ở Huế vào những ngày đầu của Cách Mạng, tôi vẫn thấy anh nên thơ như cũ và tin rằng chẳng bao giờ anh hết nên thơ dù rằng sau này có nhiều phen anh cứ phải tuyên bố là đã giong tay xua đuổi con nai vàng ở trong anh chạy đi.

Những ngày ở Tourane là những ngày rất êm ái của tôi, dù bộ mặt chiến tranh vẫn đậm nét qua hình ảnh những toán lính Nhật di chuyển trên xe nhà binh trong một thành phố có tính chất quân cảng này. Tôi được ra bãi biển Tiên Sa để hưởng cái thú nằm trên một bãi cát rất là hoang dại. Cũng như sẽ được ra đảo Hòn Yến ở Faifoo (Hội An) coi người ta leo trèo trên gành núi đá để lấy tổ chim yến.



Thanh niên ở Faifoo yêu âm nhạc hơn tất cả thanh niên những nơi tôi đã đi qua. Nhạc sĩ nổi danh ở đây là anh Tàu lai La Hối, tác giả của bài **Xuân Và Tuổi Trẻ**, tốt nghiệp nhạc viện Thượng Hải và có chân trong Hội Ái Nhạc (Société Philharmonique) ở Faifoo. Các hội viên khác của hội này là vị chỉ huy trưởng người Pháp của Garde Indigène (Lính Khố Xanh), là ông công chức cao cấp cũng người Pháp của Nhà Đoan, là những nhạc sĩ Minh Hương như Vương Quang, Vương Quốc Mỹ... La Hối hoạt động

ngầm cho Chính Phủ Tưởng Giới Thạch ở Trùng Khánh nên về sau anh bị Nhật bắt và thủ tiêu. Faifoo còn có Trương Đình Cử chơi violon, sau này viết nhiều bài khảo cứu về nhạc Vọng Cổ.

Thế rồi đã tới lúc gánh hát phải tiếp tục lên đường. Từ Tourane (Đà Nẵng) vào Faifoo (Hội An), chỉ mất hơn một giờ xe hơi. Tới một thị trấn có những ngôi nhà cổ nhất Việt Nam là Hội An này, gánh ĐỨC HUY treo bảng hiệu ở rạp HOÀ BÌNH trên đường Cây Me, gần đình Tiên Hiền. Faifoo mấy trăm năm trước là một thị trấn xây bởi những người Tàu từ đảo Hải Nam tới Việt Nam lập nghiệp. Cái tên cũng do ở tiếng Tàu mà ra. Theo nhạc sĩ Lê Trọng Nguyễn, tác giả bản **Nắng Chiều** -- vốn là người sinh trưởng ở Hội An -- khi người Pháp tới thị trấn này thì được người dân (Tàu ?) cho biết đây là nơi chuyên bán hoa (bán = phô và hoa = ba) nên họ gọi tên thành phố là Ba Phô. Dần dần Ba Phô trở thành Faifoo. Cũng có người cho rằng tên Faifoo là do ở tiếng Bồ Đào Nha mà ra.

Lúc tôi tới đây, dân chúng trong thành phố đã trở thành người Minh Hương cả rồi. Tại hai phố chính là Phố Quảng Đông và Phố Chùa Cầu tôi được thấy còn nguyên vẹn những ngôi nhà cổ xây từ thế kỷ thứ 16. Trong khi di tích của Phố Hiến chẳng còn gì ngoài những ngôi mộ cổ, tại Hội An, tôi được bồi hồi ngắm nghía những ngôi nhà nhỏ nhắn mang nhiều vết tích của thời xa xưa. Rồi còn được đi trên một cái cầu lớn do người Nhật xây vào thời xa xưa đó. Cầu này gọi là Kiều Thương Gia, có lợp

mái ngói và được bắc ngang một con lạch nhỏ. Đầu cầu này có tượng con khỉ (khởi sự xây năm Thân), đầu cầu kia có tượng con chó (xây xong năm Tuất), bên trong cầu có xây ban thờ lúc nào cũng thấy khói hương nghi ngút.

Gánh hát không ở lâu tại Faifoo. Những chặng tới sẽ là Quảng Ngãi, Bình Định đây. Tôi già từ miền Quảng Nam và ngẫm nghĩ về một câu châm ngôn trước đây tôi chưa hiểu hết ý nghĩa :

*Quảng Nam hay cãi
Quảng Ngãi hay co
Bình Định hay lo
Thừa Thiên ních hết.*

Bây giờ thì tôi hiểu ý nghĩa của câu này, do dân chúng soạn ra để vạch mặt quan lại Việt Nam cùng thực dân Pháp và răn nhau : Người dân ở ba miền Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định mà ưả cãi nhau, đôi co với nhau, suốt ngày chỉ lo chuyện kiện tụng nhau... thì rút cục chỉ có quan trường ở Thừa Thiên là hưởng lợi.

*Buồn lưu cây đào xin hơi xuân
Buồn sang cây tùng thăm đông quân
Ồ hay buồn vương cây ngô đồng
Vàng rơi ! Vàng rơi ! Thu mệnh mỏng...*
Bích Khê -- **TY BÀ (TINH HUYẾT)**

Chương Hai Mươi Ba

Xưa kia, khi còn là đất Chăm thì miền đất Quảng là nơi có nhiều thành lũy kiên cố để ngăn chặn cuộc Nam Tiến của dân tộc Việt. Không ngăn được xâm lăng thì phải nộp thành Cổ Lũy cho Hồ Quý Ly vào năm 1402 để 20 năm sau người Chiêm sẽ cố gắng chiếm lại thành này. Nhưng miền đất Chăm sẽ vĩnh viễn trở thành đất Việt khi vua Lê Thánh Tông đem 100.000 quân tiến vào bắt sống vua Chiêm là Trà Toàn. Khởi sự mang tên Quảng Nghĩa dưới thời nhà Nguyễn nhưng một số địa danh ở đây vẫn còn dùng tiếng Chăm. Người Chiêm có bốn dòng họ chính thống là On, Ma, Trà, Chế. Tại Quảng Ngãi, những con sông to nhỏ còn mang tên Trà Khúc, Trà Bồng, Trà Câu, Trà Nô, Trà Nột... Cửa biển thì mang tên Sơn Trà.

Cũng như tất cả các tỉnh miền Trung tôi đã đi qua, Quảng Ngãi là dải đất nằm giữa biển và núi, phong cảnh đẹp vô cùng nếu ta được đứng trên ngọn núi Thiên Ấn là đẹp nhất thắng cảnh ở đây để nhìn ra biển Đông nước xanh phẳng lì nối tiếp với trời mây, nhìn xuống những xóm nhỏ ẩn hiện trong rừng dừa trên bãi cát trắng phau, nhìn lên dãy Trường Sơn nắng vàng rực rỡ. Đặc biệt là nhìn những guồng xe nước khổng lồ đặt trên những con sông rồi xuống gần sông để nghe tiếng nước reo vui, tung bọt trắng xoá chảy vào đồng xanh bao la vời vời.

Người ta cứ cho rằng vì đất xấu, dân nghèo nên người Quảng Ngãi không khéo như người Bình Định, không thực như người Phan Thiết, không nhã như người Nha Trang... và rằng người Quảng Ngãi là người đảm đang hơn tất cả ! Có điều chắc chắn người ở đây là những người có tính tình quá khích. Lúc Cách Mạng nổi lên, ai cũng nghe tiếng đồn về sự hiếu sát của du kích Ba Tơ. Về sự đảm đang, nếu tôi không nhầm thì trong cuộc kháng chiến chống Pháp, cái lối dùng xe đạp để chở hàng là do người Quảng Ngãi sáng chế ra. Chỉ cần gắn một cái gậy tre vào tay lái, nổi cao lên bằng một cái gậy nữa là chiếc xe đạp có sức chở đồ như một chiếc xe bò. Công tác chuyên chở lương thực và vũ khí đạn dược bằng xe đạp chở mà Quân Đội Pháp không hiểu nổi này đã là yếu tố chính đem lại thắng lợi cho mặt trận Điện Biên Phủ sau này.

Nhưng ta đừng quên rằng nơi đào tạo ra những con người quá khích và đảm đang này còn là nơi sinh trưởng của những nhà thơ lớn của chúng ta như Nguyễn Vỹ, Bích Khê, Tế Hanh với những vần thơ tuyệt vời.

Tân tiến như :

*Từng giọt
Thánh thoát
Từng giọt
Tôi bờ
Mưa rơi
Gió rơi
Lá rơi
Em ơi !*

Nguyễn Vỹ - SƯƠNG RƠI

Siêu thực như :

*Nàng ơi, tay đêm đương giăng mềm
Trăng đan qua cành muôn tơ êm...*

Cổ điển như :

*Làng tôi ở vốn chuyên nghề chài lưới
Nước bao vây cách biển nửa ngày sông...*
Tế Hanh -- QUÊ HƯƠNG

Nơi mà người ta cứ cho là đất đai cằn cỗi này còn là nơi sản xuất ra loại quế hảo hạng, tốt hơn quế Tích Lan hay quế Trung Quốc. Và là nơi có hàng vạn mẫu đất trồng mía để làm đường.

Ở Quảng Ngãi, gánh ĐỨC HUY-CHARLOT MIÊU tới ăn ở hát hồng tại rạp hát Kiến Thành đường Phan Bội Châu. Vào những năm đầu của thập niên 40, Việt Nam hãy còn dưới thời Pháp thuộc dù chính quyền bảo hộ đã mất mặt vì bị thua trận ở chính quốc và bị Nhật áp đảo ở Đông Dương, đời sống tỉnh nhỏ tại miền Trung xa vắng như Quảng Ngãi, Qui Nhơn, Tuy Hoà rất là buồn tẻ. Văn hoá nằm trong tay người Pháp, kinh tế nằm trong tay người Tàu. Không một gánh Cải Lương Nam Kỳ lớn nào -- như gánh NĂM PHỈ, PHƯỚC CƯỜNG -- dám tới hát ở những nơi ít khách này cả. Chỉ có những gánh hát Bắc Kỳ bé bỏng như ĐỨC HUY mới dám ghé lại những nơi không hi vọng có đông khách. Nhưng gánh Cải Lương của chúng tôi, nhờ có thêm mục âm nhạc cải cách nên ngoài khán giả bình dân còn lôi kéo thêm được một số khán giả thanh niên, học sinh.



Rồi tôi được làm quen với giới nhạc sĩ tỉnh nhỏ trong đó có nhạc sĩ Vân Đông là người sẽ mãi mãi là cái đỉnh của nền Tân Nhạc ở khu vực này. Rồi tôi tham dự những buổi văn nghệ salon để nghe anh bạn mới tên là Trình cùng với em trai, em gái của anh đàn hát. Về sau ban nhạc gia đình này bị thủ tiêu trong những ngày đầu của cuộc Cách Mạng 1945 chỉ vì là con cái nhà quan.

Cũng có thêm một người yêu, Phượng Nga, mắt xanh, răng vàng, cựu hôn thê của một ông Tây. Được cô cho ăn món quả địa phương ngon vô cùng. Đó là món " don ", một thứ hén nhỏ chỉ thấy có trong những con sông ở vùng này. Rửa cho thật sạch, nấu lên rồi ăn với bánh tráng thì tuyệt...

... Giã từ Quảng Ngãi, như một gánh hát quê đói khách nên không bỏ sót một địa điểm nào, ĐỨC HUY-CHARLOT MIÊU ghé lại những thị trấn nhỏ như Tam Kỳ, Tam Quan trước khi tiến vào tỉnh lỵ Qui Nhơn. Tại Qui Nhơn, tôi được biết thêm một bãi bể nữa. Bãi bể này sạch sẽ, gọn gàng hơn tất cả các bãi bể khác vì nằm ngay trong thành phố. Tại đây, tôi còn được biết thêm một loại hát nữa là hát bài chòi của đám hát rong ngoài chợ, chuyên kể những truyện thơ bình dân như truyện KIỀU hay truyện NHỊ ĐỘ MAI qua lời ca tiếng hát. Lại khám phá thêm một âm giai khác với ngũ cung miền Bắc và ngũ cung Huế. Trong hát bài chòi có một bán-âm mà trong các âm giai ở miền ngoài không có. Âm giai DO MI FA SOL LA này cũng là âm giai nhạc Chăm và âm giai Vọng Cổ miền Nam. Thì ra nhạc Chăm gần gũi với nhạc Vọng Cổ hơn là với nhạc Huế.

Gánh hát ghé Tuy An. Rồi khi tới Tuy Hoà thì tôi bị xúc động bởi cái tháp Chăm nằm trên đồi cao ngay sau lưng rạp hát. Tháp bỏ hoang lâu ngày là nơi ẩn chốn ở của khí và hơi. Tôi leo lên ngồi trong tháp, mơ màng truyện tình Huyền Trân Công Chúa, thương xót một giống nòi bị diệt vong, lầm nhảm ngâm mấy câu thơ của Chế Lan Viên...

Tại tất cả bốn năm thị trấn vừa kể, hằng đêm trong đám khán giả lèo tèo chẳng có ma nào mê tân nhạc cả, anh ca sĩ đeo kính cận thị của gánh Cải Lương này chỉ nhận được tiếng vỗ tay thưa thớt của các bà già và con nít. Nhưng đây cũng là lúc tôi không còn đặt nhiều quan trọng vào việc đứng ra sân khấu để hát cho người khác nghe mà chỉ muốn hát để thỏa mãn cơn đam mê hát của mình. Hát trước đám đông hay hát một mình cũng vậy thôi ! Có người vỗ tay hoan nghênh hay không có ai thưởng thức tài nghệ mình cũng chẳng sao cả. Đã cất cao giọng hát là đã thấy tràn trề hạnh phúc rồi ! Người nghệ sĩ nào cũng vậy, sau một thời gian phục vụ (sic) quần chúng sẽ quay về phục vụ chính mình.

Chỉ khi gánh hát vào tới Nha Trang thì mới có khán giả thanh niên học sinh mê tân nhạc rầm rập tới nghe tôi hát. Không quen thêm một người bạn nhạc sĩ nào ở đây nhưng tôi lại quá quen thuộc với phong cảnh của các tỉnh nằm dài nơi có thùy dương bóng dừa ngàn thông và có biển cả chơi vơi rồi. Dù biển Nha Trang xanh và nước ấm hơn bất cứ nơi nào hết, trong thời gian ở đây tôi chỉ ngong ngóng chờ ngày giã từ miền cát trắng để tiến lên chốn Đà Lạt thần tiên.

Trời mơ trong cảnh thực huyền mơ
Trăng sao đắm đuối trong sương nhạt
Như đón từ xa một ý thơ...
Hàn Mặc Tử -- DALAT TRĂNG MƠ

Chương Hai Mươi Bốn

Nhưng trước khi leo lên được một nơi thần tiên là Đà Lạt, gánh ĐỨC HUY-CHARLOT MIẾU tới hát ở Phan Rang. Những ngày lưu lại ở tỉnh này không có gì là đáng kể nếu tôi không có một kỷ niệm đẹp...

... Vào lúc tôi bước vào nghề hát, đã làm gì có báo chí chuyên môn loan tin về những hoạt động của kịch trường hay âm nhạc. Chưa có những vị phóng viên hay ký giả sân khấu để mình kín đáo bỏ vào túi họ tí tiền cà phê, nhờ họ viết bài quảng cáo, khen ngợi. Lúc đó chưa có một bài báo nào nói tới tôi hay nói tới những bài hát của Văn Cao cả. Nhưng tiếng đồn về anh du ca đầu tiên đi gieo rắc nhạc buồn đã được khá nhiều người trong mọi giới biết tới. Cho nên một hôm bỗng có xe hơi của ông tỉnh trưởng Phan Rang là Nguyễn Duy Quang tới rạp hát để đón tôi vào Dinh, giữa sự ngạc nhiên của nhân viên đoàn hát.

Vào trong dinh tôi mới biết là có ông Bảo Đại đang ngồi ở đó. Ông thường trị vì tại Đà Lạt và đi bắn ở trong rừng nhiều hơn là ngồi trên ngai vàng tại Huế. Hôm nay ông từ một vùng săn bắn nào đó xuống chơi thành phố Phan Rang và nghỉ ngơi trong Dinh Tỉnh Trưởng. Tôi đã biết tới sự yêu nhạc của ông vua khi thấy ông đem người con trai của Thượng Thư Phạm Quỳnh là Phạm Bích vào làm bí thư riêng chỉ vì anh này đánh đàn *guitare* rất giỏi.

Đã không còn coi đối tượng là quan trọng nữa, đã chủ trương khi cất lên tiếng hát là hát cho mình nhiều hơn là hát cho người, nên tôi chẳng có một mặc cảm nào khi ngồi ôm đàn hát cho ông vua nghe. Ông Bảo Đại, rất lịch sự, rất nhã nhặn, sau khi nghe hát xong, ngồi mời tôi ăn bánh ngọt và nói chuyện với tôi bằng tiếng Pháp. Hỏi tôi học nhạc ở đâu ? Từ bao giờ ? Hơi ngạc nhiên khi thấy tôi trả lời là chẳng học ai cả ! Hỏi thăm về ông Khiêm, về gia đình tôi. Một ông vua yêu nghệ thuật như vậy chắc chắn là đằng sau cặp kính đen mà ông thường đeo, có ẩn nấp một đôi mắt nhân từ. Ừ, đúng như vậy, trải qua bao nhiêu biến thiên của lịch sử, có nhiều kẻ quai mồm ra phê bình Bảo Đại là thế này thế nọ, nhưng tôi chưa thấy ai dám nói ông ta đã bỏ tù hay đã giết một người Việt Nam. Trong khi qua hai ba lần Cách Mạng quốc gia và quốc tế, có biết bao nhiêu người đã bị thủ tiêu hay bị cầm tù bởi những nhà lãnh đạo mệnh danh là *yếu nước thương nói*...

Xong buổi hát "vo" (theo tiếng nhà nghề là : hát không lấy tiền) khi tôi ra về, tỉnh trưởng Nguyễn Duy Quang tiễn tôi ra cửa, rất tế nhị, tay cầm sẵn một gói quà là 5 thước vải phin rất tốt để tặng anh ca sĩ trẻ tuổi. Với số vải này, tôi may được hai cái áo sơ-mi, một cái mặc cho tới khi rách, một cái sẽ tặng anh bạn thi sĩ Nguyễn Bính khi gặp anh ở Saigon một vài tháng sau để anh bán lấy tiền vào nằm tiệm hút. Về tới rạp và khoe là vừa hát cho vua nghe, cả gánh hát lắc đầu le lưỡi thán phục...

... Vài ngày sau, gánh hát già từ Phan Rang, già từ một miền có những cồn cát lớn và trắng toát như cảnh siêu thực ta chỉ thấy trong một giấc mộng đêm hè. Muốn lên Đà Lạt, hành khách phải đi tàu hỏa từ ga Phan Rang chạy ra Tourcham để chuyển qua những con tàu có móc sắt (crémaillère) ở gầm xe thì mới leo tới nơi cách mặt biển 1.500 thước cao.

Thành phố Đà Lạt quả là một nơi thần tiên. Khởi đầu là một bác sĩ người Pháp tên là Yersin, từ cuối thế kỷ thứ 19, sau khi dùng cả hai đường bộ và đường thủy để thám hiểm vùng phía Nam của miền Trung nước Việt, đã leo lên cuối dãy Trường Sơn và tìm ra một bình nguyên có núi rừng hùng vĩ nhưng không hải hùng hoang dã, có khí hậu hiền hoà và có đủ mọi loài hoa đua nhau nở như trong một mùa Xuân bất tận. Rồi Toàn Quyền Doumer nhìn thấy công ích của nơi lâm viên này để sau khi Bác Sĩ Yersin qua đời thì công cuộc xây dựng nơi nghỉ mát Đà Lạt được khởi sự vào năm 1923 và tới năm 1944 là lúc tôi tới đó thì đã có đầy đủ những cái làm nên Đà Lạt mà chúng ta gọi là **Hồ Than Thở, Rừng Ái Ân, Thung lũng Tình Yêu**,...

Đã được đi nhiều nơi trên đất nước nhưng tôi không thấy phong cảnh ở đâu đẹp như ở đây. Mang tinh thần vọng ngoại như hầu hết thanh niên thời đó, tôi sung sướng được tới một thành phố giống như ở Âu Châu. Tưởng mình đang ở Thụy Sĩ hay Đức Quốc. Đi trong mây, thở ra khói, nhìn núi rừng, nghe chim hót, ngửi mùi hoa... đó là tất cả những gì mà tuổi hoa niên mơ mộng có thể thực hiện khi tới Đà Lạt.

Cạnh nhà ga Tourcham là ngôi tháp Hồi chưa bị lâm vào cảnh hoang tàn nên hồng hào và sạch sẽ hơn cái tháp cổ lở lóai ở Tuy Hoà rất nhiều. Gặp gỡ dòng dõi của Chế Mân, với con mắt họa sĩ, tôi mê mầu áo của những cô gái Chăm, khi thì là mầu hoa lý tươi, khi thì là mầu vàng anh nhạt, những mầu sắc không thấy có nhiều trên y phục của các cô gái Việt. Sau này tôi được Trung Tâm Điện Ảnh phái ra đây để quay phim vũ nữ Chăm, cầm quạt múa điệu *padit* (múa bướm) trước toà tháp cổ. Và khám phá ra âm giai Chăm được dùng trong *tọ tam ta ra* (bài hát ân tình) là âm giai hơi oán DO MI FA SOL LA, giống như âm giai trong **Hát Bài Chòi** hay của **Vọng Cổ** chứ không phải giống như âm giai trong **Ca Huế**.

Vào hồi đầu thập niên 40, người dân đen muốn tới thành phố Đà Lạt không phải là chuyện dễ dàng đâu ! Phải làm đơn xin phép và chờ Sở Mật Thám điều tra rồi ba tháng sau mới có giấy đi. Thường thường chỉ là giấy cho phép tới nơi *nghỉ mát* (villégiature) này trong một thời hạn nào đó. Nếu muốn tới làm ăn sinh sống ở Đà Lạt thì lại một chuyện khác, một chuyện khó khăn vô cùng. Người Pháp thành lập ra thung cảnh Đà Lạt để dành riêng cho người da trắng. Gánh ĐỨC HUY lên Dalat dễ dàng vì anh Chúc đã đút tiền cho Sở Cảnh Sát rồi.

Tại Đà Lạt, gánh hát ĐỨC HUY cư ngụ và trình diễn ở rạp NGỌC HIỆP trên đường Cây Queo. Người bạn mới của tôi là Lê Xuân Ái, tác giả của những bài **Hồn Nam Tướng, Chinh Phụ Hoài Khúc, Thiên Lý Mã, Huyền Trân Công Chúa, Con Thuyền Trên Sóng**... và có chân trong ban nhạc của Năm Lành, em vợ (vợ bé) của một triệu phú miền Nam là ông Đội Có.

Nghệ sĩ tài hoa Lữ Liên (trong ban A.V.T.) cũng đang làm việc tại Nha Công Chánh Đà Lạt. Nguyên là cầu thủ đá banh của đội banh vô địch Đông Dương là COTONKIN, Lữ Liên, cũng như số đông thanh niên thời đó, ưa thích cuộc đời giang

hồ và đã Nam Tiến từ năm 1942. Tại Đà Lạt, Lữ Liên hoạt động trong ban kịch tài tử rồi làm việc tại Đài Phát Thanh ở đó trước khi vào Saigon, trở thành người thăng hoa loại nhạc hài hước mà người khởi đầu là Trần Văn Trạch.

Sau này, tôi có tối thiểu hơn mười lần đi về chốn cao nguyên Đà Lạt. Lần nào cũng nằm tròn trong vòng tay ân ái của một người tình. Một người giúp tôi soạn nổi rất nhiều câu hát ái tình, từ... *ngày đó có em đi nhẹ vào đời ... cho tới... nghìn trùng xa cách người đã đi rồi...* Và có đầy đủ những kỷ niệm vui hay buồn bã nhưng tất cả những nỗi hân hoan hay ủ rũ cũng đều không se sắt hay nặng nề mà chỉ êm đềm như màu trắng đã ấp ủ tôi vào những đêm đầu tiên tới Đà Lạt này. Một màu trắng đã đến từ lâu với nhà thơ Hàn Mặc Tử :

*Cả trời say nhuộm một màu trắng
Và cả lòng tôi chỉ nói rằng
Không một tiếng gì nghe động chạm
Dấu là tiếng vỗ của sao băng...*

*Người đẹp vẫn thường hay chết yếu
Thi nhân đầu bạc sớm hơn ai...*
Jean Leiba

Chương Hai Mười Lăm

Chỉ còn ghé lại vài ba chỗ nữa là gánh hát sẽ tới miền Nam, sẽ tới thành phố Saigon, mục đích của chuyến đi xuyên Việt này đây.

Trước mắt chúng tôi là Phan Rí, Phan Thiết... Rồi là Biên Hoà, cửa ngõ vào Saigon. Từ nay trở đi gánh ĐỨC HUY CHARLOT MIÊU sẽ phải so tài với những gánh hát nổi danh khác ở đây rồi nghe ! Phải tranh thương rồi đó ! Anh Chúc phải đem hết kinh nghiệm của nghề nghiệp vào việc lấy rạp ở miền Nam. Không giỏi giang và nhanh chân nhanh tay là bị gánh hát khác lấy tranh rạp ngay. Kẹt rạp là một khổ cho bất cứ gánh hát nào.

Giã từ Đà Lạt, gánh hát xuống Tourcham bằng xe lửa có móc sắt. Rồi đổi tàu đi vào phía Nam. Thị trấn Phan Rí quá nhỏ bé, chúng tôi chỉ hát có một đêm rồi leo lên chuyến xe đi Mường Mán. Đường xe lửa không qua thành phố, chúng tôi xuống ga này để đi Phan Thiết bằng xe camion.

Thành phố miền biển còn đang ngái ngủ, chúng tôi vượt qua một cái cầu lớn để thấy thuyền đậu như lá tre tại bến tàu bè trông ngay ra biển. Rồi tới ngay phố Chợ. Nhân viên gánh hát đồ va ly, hòm đồ, phong cảnh xuống trước nhà hát nằm ngay mặt chợ. Thoáng một cái, nắng bình minh đã vụt tới, chợ đã đông đầy người, trong các quán đã có khách ngồi nhăm nháp cà phê. Tôi chưa thấy thành phố nào sáng sủa như Phan Thiết. À, có một nơi cũng rất sáng sủa ở không xa Phan Thiết, đó là Mũi Né, thị trấn của dân chài, nơi gánh hát sẽ ghé lại trên đường vào Saigon.

Dân Phan Thiết là người có tiền và có cuộc sống phong lưu như dân Saigon rồi. Vùng này là nơi sản xuất nước mắm, nếu so với những tổ chức làm nước mắm ở

Bắc Kỳ (nước mắm Vạn Vân) hay ở Nghệ An (nước mắm Nghệ) thì các "vạn" nước mắm ở đây thật là khổng lồ. Tôi đã tới thăm những nơi có hàng chục vạn ngậm cá, cái nào cũng to như cái nhà vậy. Được thấy hàng ngàn cái hũ trắng xoá (gọi là "tĩnh") nằm phơi nắng trên những sân rộng rãi, trông như bức tranh lập thể của Picasso. Công việc sản xuất nước mắm cũng không có gì là vất vả, chỉ cần cho cá và muối vào vạn rồi chờ ngày có nước mắm, mở vôi ra cho nước mắm chảy vào thùng đem bán khắp nơi trong nước, người dân vùng này sống một cuộc đời an nhàn, ban ngày ngồi quán uống cà phê, ban đêm tới rạp coi hát cải lương.

Trường đào tạo thanh niên thể thao thể dục E.S.E.P.I.C. được thành lập ở cách tỉnh lỵ Phan Thiết khoảng 20 cây số. Tôi gặp lại nhiều bạn đang học hay đang dạy học ở trong trường, ví dụ anh Lư, chồng tương lai của Đỗ Thị Yến, hằng ngày ra thành phố chơi.

Tỉnh lỵ Phan Thiết là nơi dừng chân khá lâu của nhân viên gánh hát ĐỨC HUY và của những người bạn đường khác. Trong suốt dọc đường từ Bắc vào Nam, tôi thường gặp những anh thanh niên người Bắc cũng có chí giang hồ (sic) như tôi, cũng bỏ nhà đi vào Nam, đem tài vật của mình ra để lấy tiền độ đường. Đi tỉnh nào cũng thấy lù lù anh chàng chuyên cắt hình bằng bìa đen tên là Văn Thịnh, vóc dáng nặng nề, răng hô ra, tóc dựng lên, chuyên đứng ở đầu đường các thành phố, tay cầm chiếc kéo nho nhỏ, thoăn thoắt cắt hình nghiêng của đám ba khách hàng ngây thơ và nhút nhát. Rồi tới chàng phóng viên nhiếp ảnh gầy gò Lê Vinh, vai đeo những máy ảnh nặng hơn mình, luôn luôn trúng mỗi chụp hình các hoa khôi địa phương...

Hoạ sĩ Văn Giáo, cao lớn, khoẻ mạnh, người phố Hàng Tre nối liền với phố Hàng Dầu của tôi ngày xưa, với cái bút lông và nét vẽ tươi khoẻ như người cầm bút, đã đi chu du từ Bắc qua Lào vào Nam, qua cả Cao Mên để có những bức tranh vẽ nụ cười Champa siêu thoát. Tỉnh lỵ Phan Thiết là nơi chúng tôi gặp lại nhau. Vui đáo để.

Nếu những đêm hát tại Phan Rang, Phan Rí vắng khách đến rợn người thì tại Phan Thiết, gánh ĐỨC HUY CHARLOT MIÊU rất đông khách nên ai cũng thấy vui. Hằng ngày tôi thường đi tắm biển với Ân hay Chúc, những người không hút thuốc phiện nên không sợ lạnh và không sợ tắm. Trong chuyến đi suốt dọc miền Trung, tôi luôn luôn bị xúc động bởi những sự thay đổi quá nhanh, quá nhiều của đời sống lãng tử (bohémien) nên tôi bận bịu như một con ong, con bướm. Bây giờ tôi thành thoi hơn vì tôi ít tò mò hơn...

... Và bây giờ tôi thấy rất sáng khoái trong tâm hồn. Sự sáng khoái này đến với tôi cũng còn do một người đàn bà nữa. Phan Thiết là nơi tôi có một mối tình tôi cho là rất đặc biệt. Lúc đầu tiên, giữa chúng tôi chỉ là một gặp gỡ bình thường.

Một nữ khán giả, vừa chịu tang chồng, tay dắt hai con nhỏ, từ một đồn điền nào đó ở không xa Phan Thiết lắm, thường ra vào tỉnh lỵ này hằng ngày, hằng tuần hay hằng tháng. Tất nhiên vào thành phố cũng là để đi coi hát cải lương, môn giải trí hấp dẫn hơn là coi cinéma hay đọc tiểu thuyết.

Người goá phụ trẻ măng, với vẻ đẹp vừa mặn mà vừa chói lọi của một thiếu nữ Việt có pha dòng máu Anh Cát Lợi, tới nghe tôi hát **Buồn Tàn Thu**... Nghe những câu như *Em ngồi đan áo, lòng buồn vương vấn, em thương nhớ chàng*... thì bị thôi miên ngay. Nghe câu ... *Thôi tình em đó, như mùa Thu chết rơi theo lá vàng*... thì thôi không chết nữa, mở lòng ra ngay với anh ca sĩ Bắc Kỳ này.

Tôi biết tên nàng là H       Defrosse, con g       của một mục sư ngoại quốc từ đảo Anh Quốc xa xôi tới Việt Nam hồi đầu thế kỷ để truyền giáo... Rồi ngài c       nhà tu, lấy vợ người Phan Thiết và tới lập đồn điền ở Suối Ki    , cách tỉnh lỵ này khoảng 20 cây số. H       lấy chồng rất sớm và cũng trở thành quả phụ quá sớm. Chồng họ Lâm là người Tàu lai, con nhà giàu ở vùng này, đã qua đời sau hơn hai năm sống chung hạnh phúc, để lại cho người vợ trẻ hai đứa con thơ. Khi tôi gặp H       thì b       c       ba dòng máu Anh-Hoa-Việt này mới lên hai tuổi, mang tên Alice, giống mẹ như đ    . B      , Roger, c       giống cha, trông rất kh        .

Người g       phụ trẻ tuổi c       hai dòng máu Việt Anh này không bao giờ tỏ ra là mình yêu thích văn chương Âu Tây kim cổ mà chỉ cho tôi thấy nàng yêu văn thơ Việt Nam vô cùng. Nàng theo rồi kỹ càng sinh hoạt của nền văn chương thi ca Việt Nam đang trong thời kỳ phát triển mạnh mẽ. Nàng thuộc thơ Thế L    , Lưu Trọng L    , Huy Cận, Xuân Diệu, Nguyễn B      ... còn hơn tôi nữa. Đối đ       với tôi như một người bạn hơn tuổi. Thấy trên đầu tôi đã c       vài mảng tóc trắng -- trong gia đình tôi, ai cũng bạc tóc sớm -- nàng tặng cho tôi câu thơ của Jean Leiba :

*Người đẹp vẫn thường hay chết yếu
Thi nhân đầu bạc sớm hơn ai...*

Ch       cần là thi nhân, tôi cũng đã yêu ngay H       rồi. Nhưng khác hẳn những mối tình dọc đường thiên lý vừa qua, giữa tôi với nàng là một mối tình cao thượng -- tôi muốn nói : *amour platonique*. Nghĩa là không c       chạm xác thịt, không c       hôn, không c       cả cái nắm tay đi trên những con đường Phan Thiết c         vàng tung to  .

Xưa nay, tôi là người biết xử thế trong vấn đề tình yêu. Khi tôi tới Phan Thiết -- cũng như từ đó trở đi -- tôi c       nhiều người tình và tôi luôn luôn biết đối xử với các cô hay các bà. Người tình nào cho mình hạnh phúc nổ tung của xác thịt ? Người tình nào đem tới cho mình sự s       khoái trong tâm hồn ? Người nào giúp cho mình tìm thấy thi vị của cuộc đời, tìm thấy hứng khởi trong hoạt động nghệ thuật ? Người nào mình kết bạn trăm năm ?

Lúc ở Phan Thiết, tôi đã thấy tho       trong tâm hồn khi gặp một người như H      . Thế là quá đủ rồi ! Tôi không cần đi sâu vào những hành động mà tôi biết là cả hai người sẽ cho tầm thường. Hoàn cảnh g       của nàng còn khiến tôi kính trọng nàng hơn lên. Và khi đã thấy c       đẹp để giữa đôi bên rồi thì        không làm điều gì khiến cho cái đẹp tan vỡ. Ngoài ra, tôi cũng c       tí        cảm về đời sống "b       mi    " và nghề x       ca của mình. Là ca sĩ của một gánh Cải Lương nghèo nàn, lương lậu của tôi c       là bao nhiêu mà dám nghĩ tới những chuyện gì khác hơn là chuyện gần gũi và an ủi một g       phụ trẻ đẹp ? Hơn thế nữa, chắc chắn vào lúc đó, giữa hai tình yêu đàn bà và tình yêu lên đường, tôi chọn tình yêu thứ hai.

Tôi không dám nói rằng vào lúc đó nếu tôi ng       kết tình với H       thì chắc chắn sẽ không bị cự tuyệt nhưng sau khoảng một tháng gần nhau và chúng tôi hoàn toàn chỉ coi nhau như hai người bạn tâm tình, khi gi       nhau ở sân ga M       M    , nàng tặng tôi bức ảnh của nàng đang ngồi trên một tảng đá lớn, v       tươi cười, tay chống trên đá, chân buông xuống suối, sau lưng là cảnh rừng xanh sáng s    . Đằng sau bức ảnh c       mấy câu thơ :

*Nghệ sĩ chót sinh giấu cảm lụy
Dấu tàn thân thể há quên đâu...*

Khi tôi vào tới Saigon, đi hát lang thang trong cả hai miền Tiền Giang, Hậu Giang, thỉnh thoảng tôi vẫn nhận được những bức thư rất thân mật của Hélène. Cho tới khi Cách Mạng nổi lên vào mùa Thu năm 1945, kháng chiến miền Nam bùng nổ ngay sau đó, tôi trở ra miền Bắc để đi theo cuộc kháng chiến toàn quốc, lấy vợ vào năm 1949 rồi trở về Hà Nội và đi thẳng vào miền Nam vào năm 1951... tôi đã quên phút Hélène Defrosse ngay từ khi rời khỏi Saigon vào ngày 12 tháng 10 năm 1945.

*Saigon đẹp lắm !
Saigon ơi ! Saigon ơi !
Y Vân*

Chương Hai Mười Sáu

Cùng với gánh ĐỨC HUY-CHARLOT MIẾU đi qua những rừng cao su để vào tới Biên Hoà, tôi bỗng nhớ lại những chuyện phiêu lưu của anh Tường, người phu cạo mủ cao su, con ông Cả Bịp ngày xưa. Hồi đó tôi cứ tưởng tượng đất sống của những tay được gọi đích danh "anh chị Sè gòn", giang sơn của đám người **tứ chiếng giang hồ** phải là nơi đầy hiểm nguy và bất trắc. Bây giờ tôi thấy phong cảnh của miền Nam không có gì hung dữ, huyền bí mà hiền lành và óng ả quá chừng với màu xanh man mác của rừng và màu đỏ êm đềm của đất.

Tới tỉnh lỵ Biên Hoà là coi như đã ngửi thấy mùi Saigon. Gánh hát còn đang lắp phông, treo màn tại rạp hát, tôi đã leo lên xe autocar đi ngay vào nơi tôi coi là mục đích của chuyến đi xuyên Việt này : Thành Phố Saigon, Hòn Ngọc của Viễn Đông, *La Perle de l'Orient* như người Pháp nói.

Từ ngoại ô vào thành phố, trên chiếc xe ca vừa vượt qua cầu Bông, tôi ngơ ngác nhìn những nhà cao cửa rộng hiện ra vùn vụt trước mắt tôi. Saigon giàu sang hơn Hà Nội nhiều ! Rồi khi xe tới bến cửa Đông chợ Bến Thành, tôi thả bộ đi trên đường phố. Con tim của Saigon chính là khu chợ rất lớn này. Tại đây có bến xe thổ mộ, bến xe ca (gọi là bến xe Lục Tỉnh) và bến xe điện để nối liền thủ đô miền Nam với các vùng ngoại ô như Chợ Lớn, Gia Định. Lúc đó tôi chưa thấy có xe taxi. Xe kéo thì không có bến, mấy ông phu kéo xe làm việc rất thanh thoi, giữa buổi trưa nóng nực, khi các ông gác xe vào hè làm một giấc *la-siét* (sieste = ngủ trưa) thì hành khách trả bao nhiêu tiền các ông cũng không thêm chạy.

Thành phố Saigon rộng lắm, xe kéo ít khi được dùng để đi ra ngoại ô mà chỉ chở khách quanh quẩn trong khu vực ta có thể gọi là downtown Saigon, gồm khu chợ Bến Thành, khu Xã Tây (Toà Đô Chính) khu chung quanh đường Catinat (Tự Do) và Nhà Thờ Đức Bà ở gần đấy. Trước mặt nhà thờ lớn nhất Saigon này còn có bức tượng Giám Mục Pigneau de Béhaine giơ tay che chở Hoàng Tử Cảnh. Hai vị danh nhân bằng đồng đen này về sau sẽ bị Cách Mạng 1945 bứng đi để rồi về sau nữa lại được người Công Giáo thay thế bằng tượng Mẹ Maria.

Người dân thích dùng xe thổ mộ để từ Tân Bình, Phú Nhuận đi vào Saigon, hay ngược lại. Tôi nhảy ngay lên xe để đi Tân Định chơi. Chiếc xe ngựa xinh xắn có lục lạc đeo ở cổ ngựa kêu leng keng làm cho hành khách thấy vui tai. Trên đầu ngựa có đính một chùm lông gà trông giống như cái chổi phát trần nhỏ, nhảy tâng tâng làm tôi vui mắt. Nhớ tới ngày tôi nằm vống tại Hưng Yên, coi tranh vẽ xe thổ mộ chạy trên đường Catinat in trong cuốn sách quảng cáo của hãng dầu cù là Nhị Thiên Đường, rồi mơ tưởng tới ngày mình được ngồi trên một chiếc xe thổ mộ... Bây giờ tôi rất vui lòng cúi đầu co chân ngồi trong chiếc xe mảnh khảnh và chật chội như cái hộp diêm này vì tôi đã thực hiện được một giấc mơ xưa rồi.

Vào năm 1944, Saigon còn nhiều cây to, các tầng lá rất dày che kín nắng khiến cho khách "bộ hành" hay "thổ mộ hành" thấy trong lòng mát rượi, dù đang là một buổi trưa nắng chang chang. Nhìn ra hai bên đường thấy mọi người đều mặc áo bà ba hay sơ mi trần. Kể cả đàn ông, đàn bà và con gái. Không thấy ai mặc veston, thắt cravate, mặc áo dài cả. Ai cũng ung dung, thơi thới. Chỉ có anh chàng Bắc Kỳ là tôi đang khổ sở vì mồ hôi đổ ra như tắm dưới bộ đồ Tây làm bằng ni pattes de poule...

Đi xa hơn nữa, chẳng hạn từ Gò Vấp hay từ Chợ Lớn vào Saigon thì dùng xe ô-tô-buýt hay xe điện. Khi gánh hát ĐỨC HUY CHARLOT MIÊU đóng đô ở đây rồi, tôi thường đi xe điện hơn là đi xe buýt, nhưng không bao giờ tôi dám giờ trò nhảy xe điện như thời ở Hà Nội nữa. Nếu nhảy xe thì có nhiều hi vọng bị xe hơi đằng sau đi tới tông vào đít mình.

Đường xe điện ở đây dài hơn đường xe điện ở Hà Nội rất nhiều. Một đường nối liền Saigon Chợ Lớn, khởi đi từ bến chính (bến Cuniac) ngay sát Bồn Binh, chạy qua rất nhiều trạm trên đường Galliéri (Trần Hưng Đạo) và trên đường Marins (Đồng Khánh) để vào trạm chính ở Chợ Lớn nằm trên đường Gaudot (Khổng Tử). Một đường xe điện khác, nối liền Saigon với Gò Vấp thì chạy qua Bình Hoà, Bà Chiểu. Tất cả các trạm xe điện, ngoài tên Pháp ra, còn được chỉ định bằng những biển vẽ để cho hành khách bình dân dễ nhớ như tranh con cua, tranh con rùa, tranh con rắn... Tôi còn nhớ biển vẽ của trạm Jaccaré (Xóm Cũi) là tranh cái cào cò.

Nhà ga xe lửa rất lớn cũng nằm ngay trong khu Chợ Bến Thành. Ngoài con đường sắt đi ra miền Bắc qua ngã Biên Hoà, Phan Thiết, ga Saigon còn có đường sắt đi xuống Mỹ Tho. Người Pháp đã trù tính nối thêm đường hoả xa từ Mỹ Tho xuống Cà Mau rồi đi luôn qua Cao Miên tới ga Phnom Penh (Nam Vang) cho nên mới có danh từ *trans-indochinois* (xuyên Đông Dương) nhưng chưa thực hiện được chương trình đó thì Pháp đã bị đuổi ra khỏi Đông Dương. Dù cả ba nước cựu thuộc địa Việt-Miên-Lào đã giành được độc lập gần nửa thế kỷ rồi, vẫn chưa có cơ hội nào thật tốt để có được một đường thiết lộ nối liền ba nước láng giềng, giúp vào sự thịnh vượng chung, mà chỉ có máu xương hoà lẫn với nhau đổ xuống mảnh đất khốn khổ này.

Trong thời gian gánh ĐỨC HUY-CHARLOT MIÊU ở đây, chúng tôi luôn luôn di động. Làm sao có thể hát lâu một chỗ được? Ở đâu cũng chỉ hát được một tuần là tối đa. Nhưng Saigon lớn lắm, có rất nhiều khu chợ để chúng tôi tới kiếm ăn. Chưa kể các vùng kế cận là Chợ Lớn và Gia Định...

Nhờ ở chỗ phải luôn luôn di động như vậy, tôi biết Saigon kỹ càng hơn. Anh Chúc thì bận vô cùng, anh phải chạy đi chạy lại trong thành phố và vùng lân cận để thuê rạp. Tôi phải giúp anh Chúc một tay, do đó sau gần 50 năm trôi, dù tôi chỉ còn nhớ được

dăm ba tên rạp nhưng tôi không thể nào quên được khung cảnh của từng rạp hát tại từng vùng

Những chợ Miền Nam -- nhất là ở trong vùng Saigon và lân cận -- thường mang tên ông này bà nọ, như chợ Ông Lãnh, chợ Bà Chiểu, chợ Bà Điểm và đều có rạp hát gần chợ. Từ miền Lục Tỉnh, các bà chở thực phẩm lên bán ở Saigon thường thường tới các chợ vào khoảng 6, 7 giờ tối. Không cần phải thuê phòng ngủ, họ kéo nhau vào rạp hát ở bên cạnh chợ, ngồi nhai trầu bồm bồm coi hát cho tới 1 giờ sáng rồi ra bày hàng để tờ mờ sáng là chợ đã đông người rồi.

Ở Bình Hoà hay Thị Nghè, rạp hát chỉ cách chợ có khoảng trên dưới 30 thước. Tôi đã hát ở những rạp đó và được người luôn cái mùi nồng nặc của chợ Việt Nam. Ở Dakao, có tới 3 rạp : một rạp ngay cạnh chợ, một rạp là cái đình nhỏ (không nhớ tên) gần Đài Phát Thanh đường Richaud (Phan Đình Phùng), một rạp hát nữa là rạp VĂN HOA khá lớn nằm ở đường Paul Bert (Trần Quang Khải), gần Cầu Bông. Phú Nhuận có rạp hát rất lớn. Chủ rạp là ông Đội Có, một trong những triệu phú miền Nam. Rạp nằm gần cái chợ nhỏ tại ngã tư Võ Di Nguy và Chi Lăng. Tại Chợ Quán, rạp hát cũng là một cái đình cũ mà tôi còn nhớ tên là đình Tân Kiểng. Trong Chợ Lớn, gánh ĐỨC HUY của chúng tôi tới hát ở Xóm Cũi, ở chợ Bình Tây, ở cầu Palikao, ở cầu Nhị Thiên Đường... Rạp nào cũng gần nơi chợ búa cả.

Rạp hát lớn nhất tại trung tâm thành phố lúc đó -- ngoài nhà hát Tây mà không bao giờ tôi được hát ở đó cả -- là rạp CINÉAC. Lễ dĩ nhiên rạp này phải nằm ở chỗ đông đảo nhất, vui vẻ nhất là đường d'Espagne (Lê Lợi) phía cửa Bắc chợ Bến Thành. Về sau rạp này bị phá đi để mọc lên những cửa hàng, ví dụ tiệm bán vàng Nguyễn Thế Tài. Rạp CINÉAC rất cao và rất rộng nhưng cũng rất nóng vì bấy giờ không có máy lạnh. Không có micro ampli và loa nên tôi không chỉ hát mà còn phải gào lên nữa ! Vậy mà đêm nào cũng đông khách. Chắc cũng bởi vì anh Miều đã nghe lời tôi, cho đăng quảng cáo ở trên vài tờ "nhật trình", nhấn mạnh vào mục hát phụ diễn cho nên dân Tây học kéo nhau tới nghe tôi hát nhạc cải cách. Có những khán giả mua vé vào cửa, không ngồi vào ghế, chỉ đứng bên hông hay cuối rạp, nghe tôi hát xong là họ ra về. Thật là cảm động, đối với tôi.

Gánh ĐỨC HUY còn hát tại hai rạp khác cũng nằm trong khu Chợ Bến Thành là rạp THUẬN THÀNH và rạp ARISTO, cả hai đều ở gần ga xe lửa. Rạp ARISTO vẫn còn tồn tại cho tới bây giờ và đã từng là đại bản doanh của gánh hát Bắc Kỳ di cư KIM CHUNG trong suốt hai mươi năm.

Tôi vẫn còn ăn ở trong rạp với anh em đồng nghiệp nhưng tôi thường được bạn bè tôi mới quen như Phạm Xuân Thái, kéo tôi về nhà. Có khi tôi mượn phòng ngủ, như hotel KIM HOA ở tầng hai trên dãy cửa hàng đường Bonard đối diện với Nhà Thương Đô Thành, nơi đây thi sĩ Nguyễn Bính đến thăm tôi, một chiều mưa. Tôi sống rất thân mật với khu chợ Bến Thành. Nhà Phạm Xuân Thái ở ngay đầu đường La Grandière (Gia Long), buổi sáng tôi theo chị Thái ra sạp bán vải của chị ở trong chợ để chen chúc trong đám đông.

Buổi trưa ngồi ăn cơm đầu đường, một bữa cơm no chỉ cần trả hai hào (hai mươi xu). Người Saigon có vẻ thích sống ngoài đường nhiều hơn là trong nhà. Quán ăn, tiệm nước đầy phố, lúc nào cũng chật ních thực khách. Món ăn Saigon lạ miệng vì đồ kho phần nhiều là có pha nước dừa. Tiếc rằng tôi không biết ăn các loại mắm. Có một thắc mắc của tôi về một món ăn : Bắc Kỳ có một món ăn rất ngon là nem rán.

Bánh đa nhúng nước rồi bọc thịt và cua cho vào chảo mỡ rán lên. Đưa lên miệng ăn thấy giòn tan. Người Nam bèn tiếp thu món đó và gọi là chả giòn. Đúng ! Giòn kinh khủng. Thế nhưng không hiểu vì sao về sau ta cứ gọi nó là chả giò ?

Buổi chiều vào ngôi quán bán kem và bánh ngọt Côte D'Azur ở đường Sabourin, đối diện cửa Đông chợ Bến Thành, để tán tỉnh một cô bán hàng ở đó tên là Tuyết, da cô bánh mật nên gọi là Tuyết "đen", giọng cô ướm mềm nên gọi thêm là Tuyết "nhè". Đường Sabourin còn là nơi cư ngụ của chị Đào Phi Phụng, em ruột nhà thơ Văn Đài. Tôi được hân hạnh làm quen với hai nữ sĩ hữu danh này và gặp luôn cả người phụ nữ mà tôi kính phục là chị Mỹ Nghệ từ Vinh vào Saigon, ngụ tại nhà chị Đào Phi Phụng. Đường này có thêm hiệu sách và nhà in Tín Đức Thư Xã với hai cô gái nổi tiếng là tân tiến, có anh bạn tôi mới quen là Thông đánh guitare rất giỏi thường hay lui tới rồi thành rể gia đình này luôn. Cô em trở nên một ca sĩ hạng nhì. Cô chị sau này là vị nữ dân biểu Trần Kim Thoa.

Buổi sáng và buổi trưa ăn chơi như thế rồi thì vào buổi tối, sau giờ hát, cũng như mọi người, có khi tôi bắc ghế bố nằm ngủ ngay trên hè đường, có gió từ biển thổi vào làm tôi thấy mát dịu cả tâm hồn lẫn da thịt.

Thành phố Hải Phòng đã được tôi coi là thành phố quốc tế. Bây giờ, đối với tôi, Hải Phòng thua Saigon xa ! Tại Hòn Ngọc Viễn Đông này, da trắng, da đen, da vàng ở lẫn lộn và đông đảo. Người Ấn Độ làm nghề "sét-ty" (nghề cho vay nặng lãi) chiếm cả một khu phố gần chợ Bến Thành. Có một ngôi đền Ấn Độ, ngoài con cháu Gandhi ra còn có đông người Việt tới cúng bái. Tôi rất thích mùi hương Ấn Độ nên hay vào ngồi trên nền gạch hoa mát lạnh của ngôi đền này.

Chợ Lớn hoàn toàn là một thành phố Tàu. Miền Nam có nhiều triệu phú như ông Đội Có hay Bạch Công Tử, Hắc Công Tử nhưng tỷ phú thì phải là người Tàu. Như Chú Hoả (Hui Bon Hoa), vua nhà đất và Chú Hỷ, vua tàu bè. Khác với Hà Nội hay Hải Phòng, Saigon là thành phố có rất nhiều tiệm cầm đồ, tất cả nằm trong tay Chú Hoả. Tứ đồ tường, bốn món trụy lạc như rượu chè, cờ bạc, đĩ điếm, thuốc phiện thì xin thưa rằng Saigon và Chợ Lớn có đầy đủ hơn các nơi khác ạ ! Tôi không biết uống rượu và đánh bạc nên không đi sâu vào hai cái thú đó nhưng hai cái tò mò khác của tôi thì được thoả mãn ngay.

Tại Chợ Lớn có nhà điểm Tàu, mở công khai ở đường Marins (Đồng Khánh). Dễ tìm lắm vì đó là một dãy nhà có đèn lồng treo trước cửa, dưới chân tường có bàn thờ Thần Bạch Mi. Mở cửa bước vào là thấy ngay các cô điểm Tàu ngồi trên ghế tràng kỷ đợi khách, mặt mày loè loẹt phấn son, trông gần giống đào hát bội. Một cuộc hoa nguyệt ở đây không rẻ mạt như "chuyến đi" của tôi ở phố Hàng Mành, Hà Nội. Tôi không nhớ rõ phải trả bao nhiêu đồng nhưng chỉ có là trọc phú, tay buôn, thầy ký... thì mới dám lai vãng nơi chốn Thiên Thai này. Học sinh, công nhân thì đừng hòng lui tới. Tại đường Thủy Binh (Rue Des Marins), khách làng chơi còn được ăn cháo muối rất ngon của người Triều Châu đêm đêm gánh thùng cháo nóng tới đặt trên hè.

Tiệm hút trần lan khắp mọi nơi. Tôi thường tới nằm hút với Nguyễn Bính ở khu Chợ Cũ. Nguyễn Bính hơn tôi hai tuổi và cũng như tôi hay những người đồng lứa tuổi, vào lúc đó đã thực hiện được giấc mộng Nam Tiến. Dáng người thấp bé, đầu để tóc bông, luôn luôn vận bộ complet màu trắng dù trời Saigon ban ngày nóng như lửa. Răng cải mả không phải vì hút nhiều thuốc lá hay thuốc phiện mà vì thi sĩ vốn là người miền quê, lúc ít tuổi hơn đã được nhuộm răng đen rồi khi thành thi sĩ thì anh

làm "cuộc cách mạng" cạo răng như các chị tôi. Vì cạo không kỹ nên hàm răng của anh có hai màu. Nguyễn Bính gặp tôi ở rạp hát rồi chúng tôi kéo nhau về hotel VĂN HOA để tôi hát cho anh nghe bài thơ phổ nhạc **Cô Hái Mơ**.



(Ảnh bên : Thi sĩ của đồng quê, Nguyễn Bính)

Chúng tôi dễ dàng trở thành bạn thân. Tôi yêu Nguyễn Bính đến độ có hai cái áo sơ mi đẹp nhất thì vào một đêm nọ, vì không sẵn tiền nên phải tặng bạn một cái áo để bạn đem ngay ra tiệm cầm đồ đổi lấy tí tiền vào nằm tiệm hút. Đêm hôm đó, để tặng lại tôi, Nguyễn Bính chép ra bài thơ anh vừa làm xong. Bài thơ gửi chị, như muốn trả lời những gì chị đã dặn trong **Lữ Bức Sang Ngang** :

*Em ơi ! Em ở lại nhà
Vườn dâu em đón mẹ già em thương
Hôm nay xác pháo đầy đường
Ngày mai xác pháo còn vương khắp làng.*

Chị đã dặn em như thế, nhưng em không còn ở nhà để lo chuyện mẹ già. Em đã ra đi, vào tận trong Nam, lên tới Cao Nguyên, rồi mùa Xuân tới, em viết thư gửi chị :

*Viết cho chị cánh thư này
Một đêm lữ thứ em say rượu cần
Nhớ người cách một mùa Xuân
Hình như người đã một lần sang sông
Ô hay thương nhớ vô cùng
Rượu hay lệ ướt khăn hồng chị ơi...*

Về sau Nguyễn Bính đi theo gánh Nhạn Trắng để có nơi ăn chốn ở và khi kháng chiến Nam Bộ bùng nổ thì anh đi theo kháng chiến ngay.



Cũng gặp trong một tiệm hút nào đó, một nhà văn mà mình ngưỡng mộ từ lâu là Lê Văn Trương. Thấy anh ta hách hơn Nguyễn Bính nhiều. Cao lớn, nói to, nói gì cũng nghiêng răng lại mà nói. Người chuyên viết chuyện người hùng nằm hút với một dáng điệu rất đẹp -- chúng tôi thường nói đùa là nằm đẹp như Robert Taylor, một chân co một chân duỗi -- nghiêng răng kể chuyện đi Cao Miên, bàn tay cầm cái tiêm nhúng vào thuốc phiện, thoăn thoắt nhẩy múa trên ngọn đèn thần, nong thuốc vào tẩu rồi trịnh trọng nâng dọc lên miệng hít một hơi không nghỉ, trông Robert Taylor này cũng có vẻ anh hùng lắm lắm ! Có lần tôi chứng kiến vụ anh cà khịa với

một "người hùng" khác cũng đang nằm chân co chân duỗi ở giường bên cạnh. Tôi phải can hết hơi anh Trương mới thôi hùng hổ.

Những ngày gánh hát ĐỨC HUY-CHARLOT MIẾU hành nghề ở Saigon, tôi đã được ban nhạc Tây đệm đàn cho tôi hát.

(Ảnh bên : PD và Đào Mộng Long gặp lại nhau sau 60 năm)



Đây cũng là lúc một gánh hát Bắc Kỳ khác là gánh NAM HỒNG với đào kép chính là Mộng Long và vợ là Thu Chung vào tới miền Nam. Trong suốt dọc đường xuyên Việt, chưa bao giờ hai gánh ĐỨC HUY và NAM HỒNG đụng nhau. Bây giờ thì khác. Để đủ sức cạnh tranh với NAM HỒNG và các gánh hát khác, ngoài sự tăng cường đào kép Cải Lương mới, ban nhạc Tây của gánh ĐỨC HUY cũng được "bồi sức" với nhạc sĩ già Mateo, người Ma Ní đánh piano, nguyên là một tướng lĩnh Phi Luật Tân, vì hoạt động chống lại việc Hoa Kỳ chiếm đóng nước ông nên phải qua Saigon tị nạn chính trị. Có thêm Paul Báu đánh guitare dây sắt dạy tôi những bài jazz và blues như IN THE MOOD, SAINT LOUIS BLUES.

Vinh dự nhất là có một đêm anh Tư Chơi, tổ sư của phong trào "bài ta theo điệu Tây" tới rạp CINÉAC để nghe tôi hát rồi hai anh em ra ngồi tán gẫu ở một quán cà phê. Lúc đó cái mũi to của anh chưa đổ ngàu và sần sùi lên vì nghiện rượu nặng, trông anh phong lưu như một Công Tử Bạc Liêu. Về sau, vào thời Ngô Đình Diệm, khi tôi phụ giúp anh Võ Đức Diên điều khiển Quán ANH VŨ ở đường Bùi Viện, hằng đêm, nhớ ánh đèn sân khấu, anh Tư Chơi thường chống ba toong, lão đảo tới quán để chúng tôi mời anh một chầu Martel. Anh qua đời trong sự lạnh lùng của chính quyền. Trong khi đáng lẽ ra phải có một lễ quốc táng cho anh.

Trong những ngày đầu tiên tới hát ở Saigon, tôi được hân hạnh làm quen với anh Năm Châu, anh Ba Vân, chị Phùng Há là những thần tượng mà không bao giờ tôi dám nghĩ đến chuyện tới gần.

Nhạc sĩ đàn anh Võ Đức Thu -- lúc đó còn mang tên Charles Thu -- là thầy dạy tôi gõ đàn piano. Tới học tại nhà thầy, được mời ăn cơm với món mắm, tuy không hợp với khẩu vị của mình nhưng tôi cũng bấm bụng ăn và khen ngon ầm ầm. Chị Thu không ở Hà Đông mà cũng cầm tinh con hổ, ghen chồng đến độ nếu tăng cường độ ghen lên chút sịu là có thể tưới xăng đốt chồng như cô Quờn làm sau này. Đó cũng bởi tại Charles Thu, cho tới già, lúc nào cũng mê gái. Võ Đức Thu với ba chữ V.Đ.T. đã được chúng tôi gọi là "Vô Đứng Tử" chỉ vì có một hôm đang ở nhà đào thì vợ tới đánh ghen, Võ Đức Thu bèn làm như bất cứ một anh chồng sợ vợ nào vào lúc nguy nan là... vô đứng trong một cái tủ lớn. Về sau anh là nhạc sĩ luôn luôn đệm đàn cho chúng tôi khi đi lưu diễn ở Hà Nội, Hải Phòng vào năm 1953 với ban GIÓ NAM do tôi tổ chức cũng như khi ban THĂNG LONG hát ở các Đài Radio FRANCE -ASIE hay Đài QUỐC GIA. Và mê Thái Thanh chết bỏ.

Lúc còn bé tôi bị ám ảnh bởi huyền thoại các triệu phú miền Nam như Bạch Công Tử, Hắc Công Tử, những con người hào hoa phong nhã đến tột độ khi bao nuôi cả đào hát lẫn gánh hát. Triệu phú Georges Phước còn hào hoa đến độ đốt tờ giấy bạc một trăm đồng để soi tìm một đồng xu mà người đẹp ngồi bên cạnh đánh rơi xuống đất. "Bố" Nguyễn Du thật là khó tính, đưa ra mẫu người Kim Trọng vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa. Đã là người quân tử thì đối với người ngoài hào hoa bao nhiêu thì đối với người trong nhà cũng phải phong nhã bấy nhiêu.

Bây giờ vào Saigon, đi chơi chỗ này chỗ nọ, nghe tận tai chuyện Bạch Công Tử bao gái, đấi ngô bè bạn, tiêu tiền như rác nhưng về nhà thì đánh vợ học máu mồm ra ! Riêng về phần tôi, trong suốt một đời, lúc nào tôi cũng cố gắng thực hiện những điều lý tưởng của "bố" Tiên Điền. Đối với vợ con cũng phải tốt như đối với người ngoài. Bỏn phận gia đình phải ngang với bỏn phận xã hội. Không có cái nào hơn cái nào cả.

Bây giờ hãy quay về với chàng hát rong ở Saigon vào tháng 11 năm 1944. Vào tuổi 22 qua 23, nhờ gánh ĐỨC HUY CHARLOT MIÊU giúp tôi cơ hội đi du ca, nhờ những bài hát của Lê Thương, Đặng Thế Phong và nhất là nhờ bài **Buồn Tàn Thu** của Văn Cao, cứ coi như tôi đã thành công trong giấc mơ đi vào miền Nam và trong lý tưởng làm nghề ca xướng rồi. Nhưng chưa đặt chân vào Saigon, sự thành công trong nghề hát của tôi cũng chỉ được biết đến ở từng địa phương và trong một số người mà thôi.

Phải đợi tới khi tôi được lên hát ở Đài Phát Thanh RADIO INDOCHINE thì tôi mới được toàn quốc biết tới và công nhận là người thành công đầu tiên trong loại **nhạc cải cách**. Trong kỳ vào Nam này tôi cũng thực hiện một giấc mơ khác là được gặp hai người tiền phong trong phong trào nhạc cải cách : nhạc sĩ Nguyễn Văn Tuyên và thi sĩ Nguyễn Văn Cỏn. Tới thăm anh Nguyễn Văn Tuyên ở Thị Nghè thì thấy anh thôi không làm ca sĩ tài tử nữa, tiếp tục làm công chức cao cấp tại một cơ sở lớn của Nhà Nước Bảo Hộ.

Một buổi đẹp trời, tôi được mời tới Đài RADIO INDOCHINE ở đường Richaud (Phan Đình Phùng) để thử giọng. Tôi gặp Nguyễn Văn Cỏn, là thi sĩ nhưng cũng là công chức cao cấp của Đài này. Cùng với trưởng ban nhạc là Jean Tịnh, hai người chấp nhận tôi là ca sĩ của Đài RADIO INDOCHINE ngay. Tôi được mời hát 3 lần một tuần. Có lĩnh tiền thù lao hậu hĩnh. Tiếng hát của tôi truyền đi khắp nơi trong nước. Tôi bắt đầu nhận được cảm tình của những người tôi chưa gặp bao giờ. Trong số này có Băng Thanh, chị ruột của nữ sĩ tương lai Minh Đức Hoài Trinh. Sinh vào thời đại đã có radio để giúp cho việc truyền thông, cho việc phổ biến văn nghệ, tôi có may mắn hơn thế hệ cha ông rất nhiều !

Thế là coi như tôi đã thành công trong cái nghề mình chọn, đã thực hiện được giấc mơ của mình. Chỉ vì tôi là người háo thắng. Có ai ở trên đời này lại "háo bại" không nhỉ ? Nên háo thắng. Chỉ cần người háo thắng có tinh thần thượng mã trong sự tranh đua thắng lợi với người khác. Sự háo thắng trong tôi đã được khêu gợi ngay từ khi tôi chơi trò điền kinh ở Hà Nội, Hưng Yên. Không chạy thi với ai thì thôi, đã chạy thi với các lực sĩ khác thì bao giờ mình cũng cố gắng để không về bết. Hơn nữa, trong đời tôi, có nhiều lúc tôi phải tự thắng mình khi tôi lâm vào những cảnh khó và mang tinh thần chủ bại. Sự quên sinh của anh Khiêm có những nguyên nhân cao cả mà tôi không thể biết, tôi chỉ biết thương xót người anh ruột đã không thắng nổi sự bại trận của mình. Cũng như thương những người tự vẫn ở phố Hàng Dầu, Hồ Hoàn Kiếm... Háo thắng còn là biểu lộ của sự yêu đời, yêu cuộc sống nữa.

Ngày đầu tiên lên hát trên Đài RADIO INDOCHINE là ngày sung sướng nhất của tôi. Huy hoàng biết bao nhiêu khi thấy mình có mặt trên Đài Phát Thanh bên cạnh Hồ Biểu Chánh với Câu Chuyện Văn Học, bên cạnh Huỳnh Tấn Phát với Câu Chuyện Thời Sự. Đó là chưa kể được hát chung một đài với các cô Ngọc Nữ, Tư Sặng, Hai

Đá, Năm Huệ v.v... Còn sung sướng biết bao nhiêu khi thấy, lần đầu tiên trong đời, có người viết báo về mình là Nguyễn Văn Cồn dưới bút hiệu Thần Điện Tử. Bài báo quý báu vô cùng nên trải qua bao nhiêu lần chạy loạn, tôi vẫn còn giữ nó và bây giờ nó được in ra ở những trang cuối của tập HỒI KÝ này. Được khán giả vỗ tay khen ngợi, được các nhà nghệ sĩ nổi danh bắt tay, được một bài báo tâng bốc, càng ngày càng có thêm người ái mộ... tôi loá mắt lên, say sưa trong thắng lợi (sic) và quên hẳn mẹ. Trong chuyến đi xa này, không có một lúc nào tôi nhớ tới mẹ. Không gửi một lá thư nào về cho mẹ cả. Thật là bất hiếu ! Đúng như người Pháp nói, tuổi vào đời là tuổi vô ơn (l'âge ingrat). Làm sao được ? Người Việt đã chẳng có câu nước mắt chảy xuôi đó à ? Chỉ khi nào mất cha, mất mẹ thì lúc đó nước mắt mới chảy ngược mà thôi.

Đã quên mẹ rồi, tôi cũng quên luôn là mình đang sống trong một thời có cuộc chiến tranh đang đe dọa miền Đông Nam Á. Tàu bay Mỹ đã tới thả bom xuống đường d'Espagne trong lúc tôi đang ở khu Chợ Bến Thành. Nhưng anh thanh niên đang trong cơn sốt của danh vọng đã chẳng có lúc nào thèm nghĩ tới bất cứ cái gì khác hơn là hạnh phúc của riêng mình. Tôi sống vô tình như một con bướm trắng.

Tôi đã sửa soạn để rời Saigon đi hát ở Lục Tỉnh rồi. Tổng kết thời kỳ kết duyên với toàn vẹn miền Nam này chưa đầy một năm. Tôi chỉ có rất ít ngày giờ để vui thú với cảnh vật và con người ở xứ Đồng Nai êm đềm. Sau năm 1951, khi giả từ Hà Nội yêu quý để cùng gia đình nhà vợ di cư vào Nam, tôi được sống với Saigon trong 24 năm. Một phần tư thế kỷ ! Đâu có phải là ít ? Nếu so thời gian tôi sống với Hà Nội và miền Bắc là 21 năm -- trừ đi 10 năm còn bé bỏng quá nên chẳng biết gì và những năm ở Moncay, Hưng Yên, Kiến An và Bắc Giang -- thì Saigon và miền Nam mới đích thực là nơi tôi cảm rỗi, có quá nhiều kỷ niệm, chuyện vui cũng nhiều mà chuyện buồn thì chắc chắn còn nhiều hơn. Tôi sẽ có dịp nhắc tới thời kỳ này.

*Nhà Bè nước chảy chia hai
Ai về Gia Định Đồng Nai thì về...
Ca Dao*

Chương Hai Mươi Bảy

Hai gánh hát Cải Lương ĐỨC HUY-CHARLOT MIÊU và NAM HỒNG với đào kép toàn gốc gác Bắc Kỳ mà dám đi vào thi thố tài năng ở miền Nam, nơi sinh trưởng của nền ca kịch Cải Lương, thì thật là liều lĩnh. Không phải vì các gánh hát Bắc Kỳ thua kém các gánh hát Nam Kỳ về diễn xuất hay về bất cứ một địa hạt nào khác như viết vở, đạo diễn, trang trí hay trang phục đâu ! Mà vì một bài hát quan trọng nhất của thế kỷ : bài **Vọng Cổ**.

Cho tới năm 1944, dù sân khấu Cải Lương đã đạt tới mức cao nhất sau những thời kỳ chuẩn bị (1912-1917), thành lập (1918-1922) với các hình thức CA RA BỘ, HÁT KIM THỜI và phát triển (1923-1944) với hai loại **Tuồng Tàu**, **Tuồng Tây**... nhưng sân khấu này đứng vững được trong suốt mấy chục năm trời là nhờ ở một bài hát

mà toàn dân yêu thích là bài **Vọng Cổ**. Sau 1945, sân khấu Cải Lương nói chung sẽ đi tới giai đoạn phân hoá với các loại tuồng thấp kém như Tuồng La Mã, Ấn Độ, Nhật Bản v.v... nhưng bài **Vọng Cổ** bao giờ cũng vẫn là cột trụ của tuồng hát. Đào kép hát **Vọng Cổ** hay bao giờ cũng là đào kép chính, ăn lương to nhất và được quần chúng ái mộ nhất.

(Ảnh bên : Tượng Ông Sáu Lầu)



Khởi sự là bài **Dạ Cổ Hoài Lang** (Đêm nghe tiếng trống nhớ chồng) do ông Sáu Lầu ở Bến Tre soạn ra vào năm 1920, lấy âm hưởng từ điệu Hành Vân, rồi đổi tên, đổi nhịp, đổi cả hơi nhạc để trở thành bài **Vọng Cổ Hoài Lang** (Trông mỗi tình xưa nhớ chồng), âm điệu **Vọng Cổ** đã hoàn toàn nằm trong hơi oán của điệu Ru Con miền Nam :

*...u ơ... Ví dầu tình bậu muốn thôi
Bậu gieo tiếng dữ cho rồi bậu đi...*

... với những nốt cảm âm và âm giai lơ lửng mà chỉ người sinh trưởng ở miền Nam mới phát âm đúng. Đào kép Bắc Kỳ không thể hát **Vọng Cổ** cho thật "mùi", thật "rệu" được vì trong lỗ tai và cổ họng không có cái âm giai lơ lửng đó.

Đầu tiên, một bài **Vọng Cổ** hát lên với nhịp hai hay nhịp tư thì không cần nhiều chữ. Bài ca ngắn, có tới 20 câu hát. Lúc tôi ở Saigon vào năm 1944 này, các đào kép đang ăn khách vì hát **Vọng Cổ** hay là Năm Nghĩa, Tư Út, Năm Cần Thơ, Ba Bến Tre... Lúc đó **Vọng Cổ** đã được hát với nhịp 8. Nghĩa là mỗi một câu hát đã đòi hỏi phải có nhiều chữ hơn là khi hát với nhịp 2 hay nhịp 4. Tới khi **Vọng Cổ** phát triển tới nhịp 16 thì bài hát trở nên quá dài nếu hát đủ 20 câu. Do đó, trong làng Cải Lương đã có lẽ lối chỉ hát 6 câu **Vọng Cổ** mà thôi.

Thế là trong khi đi **du ca** ở khắp mọi nơi trong nước và cống hiến cho bình dân một loại nhạc mới, tôi lại có cái may được tiếp thu một bài hát rất bình dân mà càng nghe tôi càng thấy mê mẩn tâm hồn. **Vọng Cổ** đã không chỉ là vũ khí riêng của đào kép Cải Lương nữa, nó đã trở thành tiếng nói của nhân dân Nam Bộ rồi. Đi bất cứ nơi nào ở miền Lục Tỉnh này, tôi cũng được tham dự những buổi hoà nhạc tài tử tại tư gia để nghe dân chúng vô danh hát **Vọng Cổ**.

Những người làm chính trị quá khích thường chỉ có một con tim nhỏ bé nên hay kết án **Vọng Cổ** là bi lụy (sic) ! Tôi không bao giờ thấy **Vọng Cổ** làm tôi trở thành con người yếu hèn cả. Nghe hát **Vọng Cổ**, tôi chỉ thấy như tôi được bàn tay của một người chị hay của một người mẹ vuốt ve tôi. Hay nói một cách thành thực hơn, như được vuốt ve bởi một người tình. Tôi cho rằng trong suốt thế kỷ 20 này, dần dà **Vọng Cổ** không còn là tiếng hát của riêng một miền Nam mà trở thành tiếng lòng của cả một nước. Nó có khả năng an ủi lạ thường. Nay bạn đọc thân mến ! Hãy nghe tôi, thử nằm xuống mà nghe **Vọng Cổ**. Nghe hát xong, đứng dậy, sẽ thấy mình như vừa thoát ra khỏi một gánh nặng. Gánh nặng mà ai đã vào đời là phải gánh vác.

Dù đào kép của gánh ĐỨC HUY-CHARLOT MIÊU hát **Vọng Cổ** không hay bằng nghệ sĩ gốc Nam nhưng đã tới lúc chúng tôi phải tạm biệt Saigon, leo lên tàu hoả để đi Mỹ Tho. Tuy không thu tiền một cách ghê gớm nhưng gánh hát Bắc Kỳ này cũng có khán giả để có thể đi khắp các tỉnh Tiền Giang, Hậu Giang, đi đâu cũng có thêm

cái trò âm nhạc cải cách để thu hút thêm khán giả học sinh, sinh viên, công chức, tư chức, thương gia... ngoài khán giả làm ruộng, buôn thúng bán mẹt và làm nghề lao động. Đặc biệt giới cầm dùi khui, đeo súng lục là Cò Cảnh Sát hay đội xếp thì thích nghe tôi hát âm nhạc cải cách lắm. Tôi còn nhớ anh Cò Tây Lai ở Cần Thơ "**bắt**" tôi về bót Cảnh Sát để nhờ tôi dạy đánh **guitare**.

Đi lưu diễn ở miền Lục Tỉnh, cái thú vị nhất đối với tôi là gánh hát bây giờ không hoàn toàn đi bằng đường bộ mà còn di chuyển bằng đường sông nữa. Miền Nam là nơi chằng chịt những sông to, sông nhỏ, sông ông trời cho, sông con người làm ra -- tức là sông đào -- mang những cái tên **kinh, rạch**... rất tiện lợi cho sự giao thông. Một con thuyền lớn chở chúng tôi đi trong vùng Gò Công, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Sadec... Và tôi được thấy một phong cảnh quê hương khác với những miền tôi đã đi qua.

Miền quê ở đây không giống như ngoài Bắc, nhà cửa không thu lại để làm thành làng xóm bao bọc bởi lũy tre xanh, đầu làng cuối làng có cổng và có khi có cả một đường cái đi xuyên qua làng. — đây, nhà cửa được dựng lên rải rác hai bên bờ sông, bờ rạch. Đình, chùa, chợ búa, trường học... đều được cất lên ở ngã ba những dòng nước lớn. Văn minh miệt vườn (nói theo nhà văn Sơn Nam) là văn minh sông nước. Miền Nam là nơi rất phong phú về các điệu hò trên sông. Không thể nào tôi quên được những đêm nằm trên mui thuyền, nghe những câu hò như :

*Ghe anh nhỏ mũi trắng lườn
Ở trên Gia Định xuống vườn thăm em...*

*.....
Quạ ô lại nói với diều
Ngã ba Bến Lức có nhiều cá tôm...*

*.....
Chẻ tre bện sáo cho dầy
Ngăn ngang Sông Mỹ có ngày gặp nhau...*

*.....
Giặc Tây đánh tới Cần Giờ
Biểu đừng thương nhớ đợi chờ uống công...*

Tôi lại được học lịch sử nước nhà, học tâm tình của người dân qua những câu ca dao được hát lên. Như tôi đã nói, trường nhạc của tôi là những cuộc hò hát ở sân khấu hay ở trong làng trong xóm, trên rẫy, trên sông. Thầy dạy nhạc của tôi là nghệ sĩ nhân dân.

Đi dưới miệt vườn, tôi bắt gặp thêm những người bạn mới và -- dĩ nhiên -- có thêm được những người tình. Trong làng Cải Lương có những người chuyên làm nghề bao giàn. Họ trả khoán cho gánh hát một số tiền rồi họ khai thác gánh hát. Lờn ăn, lổ chịu. Một cô vợ trẻ của một ông bao giàn ở Trà Vinh yêu tôi hết dạ. Tôi chưa bao giờ gặp một người con gái nào có một thân hình lý tưởng như cô. Tóc mượt, mắt nhung, môi dày, răng đều, vú to, bụng lẳn, đít bự, chân dài... Đẹp như một người đẹp khác của tôi sau này, tên Hiếu, đẹp hơn tượng Thần Vệ Nữ. Trông cô như một con rắn và ai cũng có thể sẵn sàng cho con rắn đẹp này cuốn chặt mình lại. Vui lòng tắt thở vì rắn.

Một hôm cãi nhau với ông chồng ghen tuông, con rắn đẹp uống rượu thật say, leo lên con thuyền của gánh hát, cười nói ngất ngư, nhìn tôi khiêu khích... rồi ngã tòm xuống sông. Tuy tuổi gà nhưng tôi cũng vội vàng nhảy xuống cống rắn lên, không sợ

rắn ăn thịt cái con gà ướm là mình. Rắn không ăn thịt tôi nhưng tôi đã ăn thịt rắn. Đây là một cuộc tình vừa tình cờ vừa táo tợn mà tôi không quên.

Chắc chắn trong chuyến đi này tôi có nhiều con rơi con vãi lắm đây. Nhưng ngay lúc gánh hát còn đang ở Saigon, tôi cũng đã có một thằng con nuôi rồi. Số mệnh phải làm bố lũ trẻ con của mình và của người đã tới với tôi từ khi tôi còn rất trẻ. Chẳng cần đợi tới khi lũ trẻ Saigon 1960 đua nhau gọi tôi là "bố già" vì tôi có một đám con nổi danh trong làng Nhạc Trẻ. Trong gánh hát, anh Thuận cũng đã kêu tôi là bố rồi! Kể cả thằng Cồn, đôi khi cũng muốn bắt chước anh Thuận.

Thằng con nuôi mới của tôi tên là Lưu, 13 tuổi, trẻ mồ côi, vô gia cư (homeless), lê la đánh giày ở khu phố Dakao. Tại rạp VĂN HOA, buổi trưa, chúng tôi thường ngồi xỏm uống cà phê trong quán cóc ở trước rạp, thằng Lưu mò tới "chơi" với chúng tôi. Rất khéo nịnh mọi người. Có cảm tình đặc biệt với tôi. Rồi trở tài vật. Với hai ngón chân, nó quặp cái nút chai bằng sắt và... nhẩy **claquettes** trên hè phố. Được mọi người trong gánh hát thương, nó tới ở luôn trong rạp, nhận tôi là bố, khuya nào cũng rúc vào chân tôi để ngủ.

Gánh hát lang thang trong Saigon-Chợ Lớn-Gia Định, thằng Lưu được đi theo nhưng tôi đi Lục Tỉnh thì nó ở lại. Khi tôi trở về Saigon và không còn làm cho gánh hát nữa, nó đến ở với tôi tại số 13 đường Paul Bert, Dakao cho tới khi Pháp đánh chiếm Saigon, cuộc kháng chiến Nam Bộ xảy ra, tôi trở về Bắc thì hai "**bố con**" xa nhau. Sau này tôi nghe nói nó phục vụ cho cuộc chiến Nam Bộ và trở thành anh hùng kháng chiến.

Chuyến đi về miền Cửu Long Giang này không kích thích sự tò mò của tôi vì ở trong Nam, không có nhiều danh lam thắng cảnh như ở các miền ngoài. Nhưng tôi cũng được sống với cảnh vật của quê hương tôi, sống với những nhánh sông của "chín con rồng" để chiều chiều, giống như thi sĩ Huy Cận, nhìn ra mình là *củ khô lạc mấy dòng trôi trên sông mênh mông không một chuyến đò ngang...*

Để mấy chục năm sau, có một bài hát nhan đề **Chiều Về Trên Sông** :

*Chiều buông trên dòng sông Cửu Long
Như một cơn ước mong, ời chiều
Về đâu ời hàng cây gõ rong
Nghiêng mình trên sóng sông yêu kiều.
Buồn tôi, không vì sao bỗng dưng
Theo đò ngang quá giang, thương chiều.
Bởi vì thương nhiều nên nhớ tình yêu...*

Soạn bài **Chiều Về Trên Sông** để vinh danh bài thơ **Tràng Giang** là bài thơ đã từng ám ảnh tôi từ lâu. Nhưng ngồi bên bờ một con sông quê hương, nếu Huy Cận không có một chuyến đò thì tôi lại muốn có một đò ngang, có lẽ bởi tôi là người luôn luôn sợ ngắn cách.

Sống với quê hương nghĩa là vào xóm dừa, vào vườn chuối la đà, sống với bầu vú sữa tròn và mảnh trái thơm ròn, với hương sầu riêng ngọt ngon... Leo lên rừng chằm lấy ong hay xuống đồng dưa ăn cá nướng thơm ngày mưa... đúng như tôi sẽ diễn tả khi soạn PHẦN III của Trường Ca CON ĐƯỜNG CÁI QUAN.

Sống với con người thì bạn vô danh là những cô gái miền Nam, mái tóc xuề xoà, giọng nói mặn mòi. Là những thanh niên miền quê ra tỉnh học, đầu chải bóng, mặc áo chùng, đi guốc mộc, thích âm nhạc. Bạn hữu danh nhưng mình đã quên tên thì có ông chủ điền với hàng ngàn mẫu ruộng thẳng cánh cò bay ở Bạc Liêu, là triệu phú nhưng sống rất giản dị. Có ông giáo ở Châu Đốc mời về nhà ăn chè hột vịt. Có ông bác sĩ coi chỉ tay rất tài ở Long Xuyên, tiên đoán tôi sẽ giàu. 70 tuổi rồi, bao giờ thì tôi sẽ giàu hả ông bác sĩ thích coi chỉ tay ?

Bạn cùng nghề và sẽ dính líu với mình suốt đời là Lê Thương, đang ở Bến Tre, hót hơ hót hải từ một đồn điền nào đó ra nghe tôi hát. Là Trần Văn Khê ở Vĩnh Long, hầy còn là thư sinh nhưng không mình hạc vóc mai mà to béo như ông Hộ Pháp, tới nghe hát rồi chúng tôi kéo nhau ra một nhà thủy tạ ở bờ sông gọi là Cầu Lộ, ngồi nói chuyện huyền thuyên tới 3 giờ sáng vẫn chưa hết chuyện. Tại Vĩnh Long, tôi cho Trần Văn Khê mượn cuốn sách dạy nhạc của Lavignac mà tôi coi như một bảo vật. Yêu bạn nên sẵn sàng trao bảo vật. Trải qua một cuộc chiến dài dòng và khốc liệt, sau hơn 30 năm, khi tôi qua Florida, Hoa Kỳ vào năm 1975, từ Paris Trần Văn Khê gửi trả lại tôi cuốn sách đó, sách vẫn còn y nguyên, không mất một trang nào, không mất một dòng chữ nào của tôi ghi chú trên những trang sách đó.

Gánh ĐỨC HUY-CHARLOT MIÊU không chỉ ngưng lại những châu thành lớn lao như Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Long Xuyên, Châu Đốc... mà còn hát ở những nơi nhỏ như Tân Châu để từ đó vọt qua Cao mên, tới hát ở Kong Pong Cham, Kong Pong Thom và ở thủ đô khờ-me là Nam "Ziang", nơi ai cũng nói là **đi zẽ khó zìe**. Đi thì thật dễ nhưng về thì cũng không có gì là khó khăn đâu !

Vì không có diễm phúc đi thăm đền đài Angkor để ngắm nụ cười Champa mà mình đã mê khi coi tranh của Văn Giáo, ngoài ngôi chùa lớn ở Nam Vang trong đó tôi chỉ thấy khoe vàng khoe bạc, tôi không có gì để lưu luyến với đất Chùa Tháp cả. Vả lại tôi cũng đã gặp người Miên sống lẫn lộn với người Việt nhiều nơi trong vùng Sóc Trăng, Long Xuyên rồi. Được nghe họ tấu nhạc **kong thom** (đàn thuyền) và hát **dù kê** (Cải Lương Cao Miên) rồi. Cũng như đã biết thêm hương vị giang hồ khi tới hát ở vùng có người Chăm theo đạo Hồi Hồi tại Châu Đốc.

Trở về đất nước Việt Nam thì gánh ĐỨC HUY ghé hát ở Hà Tiên, quê hương của thi sĩ Đông Hồ. Biển ở đây không đẹp lắm. Cũng như ở Rạch Giá, có quá nhiều bùn ở rừng tràm tuôn ra nên biển ở đây thiếu màu xanh rục rờ.

Và bây giờ thì sau khi đã có lần đứng ở mảnh đất địa đầu của nước tôi là Lạng Sơn, nơi tôi đi cắm trại hồi tôi 17 tuổi cùng với bạn đồng học ở Trường Kỹ Nghệ... vào mùa Xuân 1945 này, tôi đã tới mảnh đất đằng đuôi của Việt Nam là Cà Mau. Cũng như các châu thành khác ở miền Nam, tỉnh lỵ Cà Mau có con sông chảy qua, có chợ bên sông và có rạp hát bên cạnh chợ. Rạp HUẾ TINH khá rộng, so với một tỉnh lỵ nhỏ. Tuồng Cải Lương được hoan nghênh nhiều hơn Tân Nhạc.

Tất cả mọi người trong gánh hát đều có cảm tưởng như tôi là đã tới cuối con đường phiêu lưu của gánh ĐỨC HUY-CHARLOT MIÊU rồi, dù vẫn còn một nơi chưa tới hát là Rạch Giá. Tất cả đều nhớ xứ Bắc ! Riêng tôi thì muốn được đi xa hơn cái tỉnh lỵ cuối cùng của bán đảo này, đi ra tận Mũi Cà Mau cơ... Không có ai là bạn đường, tôi bèn ra đi một mình. Tôi đi sâu xuống vùng rừng đước, rừng tràm và thấy cảnh vật ở đây có vẻ tiêu điều quá. Đang thấy nản nhưng chưa muốn về thì, may quá, sau khi đụng độ với muỗi Cà Mau, tôi vội vàng lui chân về thành phố ngay lập tức. Trước

đây, tôi đã nghe tiếng đồn là muỗi Saigon rất ác liệt. Khi ở Bến Tre, tôi đã nghe một câu hò về muỗi :

*Xứ nào vui cho bằng xứ cù lao
Tiếng muỗi kêu như ổng sáo thổi
Bồng mạc như hàng rào sương ly...*

Nếu muỗi Bến Tre bình yên như tiếng sáo thổi thì muỗi Cà Mau là nỗi kinh hoàng cho người du khách là tôi. Đêm tới, người thì phải rúc vào **nóp**, trâu thì phải nằm trong mùng. Tôi không thể nào ngủ được vì bị nghẹt thở trong nhà tù tí hon là cái bao làm bằng một thứ cỏ tranh địa phương.

Gánh hát còn ở lại Cà Mau vài ngày. Tôi lang thang trong phố xá ồn ào, giữa đám đông xa lạ. Không có bạn, không có nhiều khán thính giả như khi hát tại những tỉnh lỵ khác, tôi cảm thấy cô đơn. Việc ca hát đã trở thành nhàm nhưng chưa tới độ chán. Tôi dùng ngày giờ để ôm ấp cô đào trẻ tên Châu.

*Tôi vào đời như một loài cỏ dại
Và lớn lên như một lũ thú rừng
Xương thịt mẹ cha cho cùng tiếng khóc
Anh em mỗi người tặng chút yêu thương...
Yên Thao (?)*

Chương Hai Mười Tám

Đồng Minh đổ bộ lên Âu Châu. Paris đã được giải phóng. De Gaulle về nước nắm chính quyền. Toàn Quyền Decoux được mật lệnh tổ chức lật Nhật ở Đông Dương. Quân Đội Nhật mất Miến Điện và Phi Luật Tân, e ngại Đồng Minh có thể đổ bộ lên bờ biển Việt Nam. Nhật Bản triệu hồi Đại Sứ Yoshizawa, bổ nhiệm Matsumoto, một nhà ngoại giao nổi tiếng cứng rắn. Không khí căng thẳng giữa Quân Đội Nhật và chính quyền bảo hộ ở Đông Dương.

Hôm nay là ngày mừng 9 tháng 3 năm 1945. Dời Saigon đã gần 3 tháng, chúng tôi đã đi qua hầu hết các thị trấn lớn nhỏ ở miền Nam. Gánh hát chỉ còn ghé hát ở Rạch Giá rồi sẽ, hoặc đi Nam Vang một lần nữa, hoặc trở về Saigon để trở ra Bắc. Tất cả tùy thuộc vào anh Chúc. Tại thành phố Cà Mau rất vắng vẻ này, đêm nay vắng khách, anh Miều cho tan hát sớm. Tôi lễ mễ bắc cái ghế bố ra giữa sân khấu, cắm cọc buông màn, sửa soạn đi ngủ. Với tâm hồn lằng lằng của một lũ khách đã tới chặng cuối con đường mình chọn, tôi chưa muốn đi vào giấc ngủ ngay. Nằm chấp tay lên bụng, tôi mở to mắt, nhìn lên đỉnh màn, tưởng đó là màn ảnh cinéma, quá khư hiện ra lộn xộn như một phim tài liệu chưa ráp nối...

Phố Hàng Dầu, ngày mưa lớn, đứa bé si tình ngồi trên bậc cửa nhìn bong bóng trôi trên mặt đường Hà Nội chưa trải nhựa... Hồ Gươm, mùa Thu u ám, xác người tự vẫn, bụng đã chướng to, nổi lều bều, cậu bé con không sợ, chỉ buồn... Bãi đất rộng bên Đền Bà Kiệu, người hát xẩm, ông Hai Tây và tôi ngẩn ngơ đứng ôm giấc mộng tài tử... Học trò nhỏ, mặc áo dài rách, đội mũ nồi, vào lớp, thầy Quỳ đẩy vào diễn xuất... Những tia lửa bóng tung toé trên màn ảnh. Kia ! Tôi đang vung búa tạ đập lên miếng sắt đỏ... Chuyển sang hình ảnh tôi dắt trâu, lưng thưng đi trên đê sông đào

Yên Thế, những sóng lúa dạt dào ở xa xa... Hiện ra đôi bắp chân to của gái quê Nụ... Đôi mắt ngây dại và má hồng đào của Emilienne Ducret... Và nước bọt trên môi một thiếu nữ, nắm tóc tôi lồi vào da thịt... Tất cả nhoè đi, rồi tối đen. Nhắm nghiền đôi mắt, tôi cố nhớ lại những bài học khi còn thơ ấu và khi đưa chân bước vào đời. Rồi mở mắt ra coi tiếp cuốn phim dĩ vãng...

... Trên đỉnh màn, từ từ hiện ra ba bà mẹ -- mẹ ruột, vú nuôi, mẹ nuôi -- người nào cũng đẹp như Thiên Thần. Một lúc sau, thấy bàn thờ tổ tiên, khói hương nghi ngút, ảnh người cha chết sớm, với giấc mộng lớn (mượn của Tản Đà) nuôi chung cùng với những người trong thế hệ như Nguyễn Văn Vĩnh, Nguyễn Bá Học... vào lúc thành lập của một Nghĩa Thực với Lương Văn Can, Tăng Bạt Hổ, Phan Sào Nam, Phan Tây Hồ... Hình ảnh giấc mộng chưa thành. Tờ chúc thư của ông cha để cho con cháu : Phải thực hiện giấc mộng của cha ông. Những người con nào nối tiếp công việc đó ? Vào lúc nào ? Ở đâu ? ? Với ai ? ? ?

Cuốn phim cam bỗng ngưng chiếu. Nhưng trí nhớ của tôi chưa muốn nghỉ ngơi. Tôi chưa muốn nhắm mắt ngủ, nằm nhớ tới những bài học về thuật sống, về tình bạn, về tình yêu, về tình người, về nghệ thuật, nhất là về ngành ca hát mà mình đã chọn... lữ lượt đến từ nơi tôi gọi là trường Đại Học Nhân Dân, trong những chuyến đi vào nhân dân...

... Thấy mang máng mình sinh ra, mang dòng máu của một người cha bất mãn, biết mình sẽ phải đi tới đâu nhưng lúc này mình còn là con chim chưa đủ lông đủ cánh. Biết rõ ràng cha mình là người làm rất nhiều nghề như thầy thông thầy ký, nhà kinh doanh mở tiệm vàng tiệm ăn, người khai hoang đi tìm mỏ, nhà chính trị làm Hội Viên Thành Phố... Nhất là làm nghề viết báo, viết sách nói vào xã hội Việt Nam trong giai đoạn đầu của thời Pháp thuộc...

... Mang trong người dòng máu xông xáo của cha, mình cố gắng chạy theo gót bố, bất cứ nơi nào cũng xông vào để học hỏi và tự hứa sẽ phải thành công. Nhưng trong giai đoạn mới bước vào đời này, thời cơ chưa tới ngay cả với những người tài giỏi, thì mình chỉ được phép xông xáo mà thôi...

... Có được những thao thức của thế hệ cha ông nhưng chỉ mới được la đà như một con bướm, nhõn nhơ bay từ vườn đời này qua vườn đời khác, rồi thực hiện một giấc mộng con (cũng mượn của Tản Đà), trở thành một ca nhân. Cũng nhớ luôn tới bài học vỡ lòng chê bai con bướm chớ vội khoe sắc đẹp trong Quốc Văn Giáo Khoa Thư và nhớ được một nửa câu thơ có vẻ ca dao : *Đừng như con bướm lạc loài chơi Xuân...* Này ! Con bướm không hẳn là đáng chê đâu nghe ! Nó cũng có ích đấy chứ. Không có nó đi hút nhụy thì làm sao loài hoa sinh sôi nảy nở được ? Không có con bướm làm gì có mùa Xuân ?

Nhớ rất nhiều chuyện như vậy mà trong một đêm nằm nghỉ ngơi ở một tỉnh lỵ cuối cùng của đất nước là Cà Mau này sau khi coi như đã hoàn thành một cuộc đi lớn nhất của đời mình, tôi không nhớ rằng ở trên thế giới đã xảy ra đại chiến, người Pháp vẫn còn cai trị mình, người Nhật đang đóng quân trên khắp nước mình. Trong ba tháng đi loanh quanh trong miệt vườn rất thanh bình, tôi chỉ vui thú với chuyến đi vào quê hương và sự thành công của mình, không hề nhớ rằng chiến cuộc ở mọi nơi đã thay đổi, Đồng Minh đang thắng Đức Quốc Xã, Ý Phát Xít và Nhật Quân Phiệt. Tôi không hề biết rằng nước mình đang có những làn sóng ngầm sắp sửa làm đảo lộn tất cả !

Lãng mạn và khôi hài hơn nữa là vào lúc đang tự kiêu, tự mãn là đã thành công, tôi lại nhớ tới số phận của anh ca sĩ mất giọng mà nhà văn Pháp Hector Malot đã tạo ra trong cuốn tiểu thuyết VÔ GIA ĐÌNH (Sans Famille). A ! Tôi sẽ không lảm cẩm như anh danh ca Carlos Balzini, phải đổi tên đổi họ thành Vitalis rồi chết trong sự thờ ơ của mọi người đâu ! Chuyện đời của tôi sẽ phải như thế này :

Vào cái ngày tôi mất giọng như Carlos Balzini và không còn được đứng trước tiền trường sân khấu nữa thì, a lê, tôi xuống ngồi đàn với ban nhạc đệm. Sẵn sàng và vui vẻ trở thành một nhạc công hay một người kéo màn khi không còn là vai chính nữa. Để luôn luôn phục vụ Nghệ Thuật và Con Người. Như tôi đã từng kéo màn cho ban THĂNG LONG hay cho ban DREAMERS của các con tôi. Chỉ có một điều vất vả là tôi vẫn chưa được làm người kéo màn thực thụ. Vào tuổi 69-70 rồi mà nhiều khi vẫn còn phải đứng trên sân khấu cùng một lúc với 4, 5 thế hệ ca sĩ đi sau. Vẫn chưa tránh được sức nóng rất mặt của ánh sáng tiền trường. Mệt quá ! Nhưng cũng ấm lòng quá !

Nằm nghĩ ngợi mông lung giữa tiếng ngáy âm âm của các bạn đồng nghiệp yêu mến, tôi không thể nào ngờ rằng qua ngày hôm sau, đời tôi sẽ rẽ qua một ngõ khác. Đưa tôi vào một "thời thế tạo anh hùng", thực hiện giấc mộng không thành của bố mình và của những bậc cha ông khác.

Thành phố Cà Mau đang đi sâu vào đêm thâu. Tôi giờ tay tắt ngọn đèn đặt ở đầu ghế bố. Rạp hát tối om. Tiếng ngáy của đào kép nghe như tiếng hợp ca ba, bốn giọng. Có khả năng ru ngủ. Tôi thiếp đi lúc nào không biết.

Từ tháng giêng 45 tình hình Đông Dương trở nên rất trầm trọng. Ngày mùng 5, Quân Đội Mỹ giải phóng Manille, thủ đô Phi Luật Tân. Ngày hôm sau, khoảng 40 tàu chiến Nhật bị bom Mỹ đánh đắm ở bến Saigon. Ngày 12, bom đổ xuống nhiều nơi trong ba xứ Đông Dương. Bộ Tư Lệnh Nhật Bản thấy Quân Đội Đồng Minh có thể đổ bộ lên bờ biển Việt Nam nên vào ngày 1 tháng hai, những người điều khiển Bộ Chiến Tranh ở Tokyo quyết định chiếm đoạt Đông Dương, chấm dứt sự đô hộ của Pháp. Ngày thi hành quyết định này là mùng 9 tháng 3, 1945. Trong chiến dịch được đặt tên là " Mei ", toàn thể bộ máy cai trị của thực dân Pháp ở trên nước Việt Nam bị Quân Nhật tấn công và bắt giam quân lính, quan chức Pháp. Chỉ một số nhỏ lính Pháp chạy thoát nhưng nếu không qua được Trung Hoa thì trong 24 giờ sau, những toán lính Pháp bại trận này bị Nhật bắt ngay.

Trong khi tình hình nước Việt Nam đã hoàn toàn đổi thay với ách nô lệ thực dân dài 80 năm bị lật đổ chỉ trong một ngày như vậy, thì trên chiếc ghế bố đặt chình ình giữa sân khấu rạp HUÊ TINH của tỉnh lỵ Cà Mau, tôi vẫn còn đang *mơ màng giấc điệp*, ôi giấc mơ của bướm.

HẾT CUỐN MỘT



*Ai lướt đi ngoài sương gió
Không dừng chân đến em bể bàng...*
Văn Cao-**BUỒN TÀN THU**

Chương Một

Vào đầu tháng 3 năm 1945, gánh hát Đức Huy Charlot Miều đang trong thời gian ghé lại tỉnh lỵ Cà Mau. Trên đường lưu diễn khởi sự từ thành phố Hải Phòng ở miền Bắc cách đây 2 năm, bây giờ gánh hát vào tới một tỉnh cực xa của miền Nam rồi. Coi như lũ khách đã tới cuối con đường xuyên Việt.

Tôi vẫn giữ chân phó quản lý và còn giữ thêm vai trò của một người hát phụ diễn trong mục ca nhạc cải cách. Tôi cũng khá nổi tiếng vì trước tôi chưa có ai đem Tân Nhạc vào đại chúng cả. Tôi được sống hảnh hê một cuộc đời vô tư lự, nay đây mai đó. Rất bằng lòng với lối sống giang hồ ăn đường ngủ chợ này. Đi tới đâu cũng vậy, trong gánh hát, từ vợ chồng ông bầu, các đào kép, các nhạc sĩ tân hay cổ nhạc cho tới anh chị em lao công, tất cả mọi người đều ăn ngủ ở ngay trong rạp hát. Thường thường sau những đêm hát, ai cũng thích tìm chỗ ngủ tại những nơi được che khuất như ở sau những phong cảnh hay sau lớp cánh gà, hoặc ở dưới hai bên hông hí trường là nơi khán giả ít tiền thường đứng để coi hát. Nhưng về phần tôi, "phòng ngủ" bao giờ cũng là một cái ghế bố đặt ở ngay giữa sân khấu, là nơi rộng rãi và thoáng khí nhất.

Lúc đó là vào buổi trưa ngày mùng 10 tháng 3 và theo thông lệ, tôi còn đang muốn ngủ thêm thì tôi bị khua dậy bởi những tiếng ồn ào, loạn sì ngẫu :

- *Nhật đảo chính mây ơi.*
- *Đảo chính từ hôm qua lặn. Toàn Quyền Decoux bị giam rồi.*
- *Ở ngoài Bắc, nghe nói một số lính Tây trốn được sang Tàu mà...*
- *... ở Saigon và các tỉnh... bị bắt hết cả rồi.*
- *Nè, có chúng nó chạy được về Cà Mau, đang đóng đầy ở trong thị xã đó. Đi coi*

chơi, chúng mày.

--- Đ... m... chắc hết đường chạy rồi...

Rạp hát ồn ào còn hơn cái chợ. Tôi quen với cái chuyện thích ăn to nói lớn của các bạn đồng nghiệp từ lâu rồi. Giới nghệ sĩ cải lương là những người rất nhàn rỗi. Suốt ngày không có việc gì làm, nếu không ngủ mê ngủ mệt là ngồi nói chuyện trên trời dưới biển. Vì luôn luôn phải đóng những vai trò, phần nhiều là những vai "anh hùng hào kiệt" cho nên kếp hát đem luôn nhân vật ban đêm vào đời sống ban ngày.

Chúng tôi có danh từ *sạo ke* dành cho những người đó.

Mọi người trong đoàn hát tranh nhau bình luận về thời cuộc. Ai cũng có vẻ hãnh diện trước sự kiện người da vàng đã đánh bại người da trắng. Ai cũng ngây thơ tin rằng với thuyết Đại Đông Á, từ nay trở đi Nhật Bản sẽ giúp Việt Nam trên con đường tự do, độc lập và phú cường. Tôi cũng mừng thầm, nghĩ rằng :

--Thế là thời nô lệ của Việt Nam đã cáo chung.

Kếp Ba Hội người Huế, xưa nay vẫn là người ba hoa nhất ở trong đoàn hát, hô to qua cái miệng đầy răng vàng :

-- A lê. May cờ Nhật ngay.

Chị Miều, vợ của ông bầu Charlot Miều vội vàng lấy rổ kim chỉ ra và nhờ tôi vẽ cho chị cái mẫu rất dễ vẽ của lá cờ Nhật Bản, với hình tròn của mặt trời đỏ lửa trên một nền trắng tinh như tuyết. Tôi cũng được sự phụ giúp của anh Dần mặt rỗ, tính tình hoà nhã và là người được tôi rất quý mến. Cờ may xong, lại có vụ tranh nhau đem cờ ra cắm ở cổng rạp.

Nhưng không ai trong đoàn hát lại có thể ngờ được rằng thằng đánh trống người Việt gốc Miên tên là Giỏi ở trong ban nhạc lại là một thằng làm mật thám cho Tây (Hồi trước, chúng tôi quen gọi Pháp là Tây). Ngay sau đó, không biết thằng Giỏi đi báo Cảnh Sát từ lúc nào mà Ba Hội, anh Dần và tôi bị một lũ mật thám tới rạp hát còng tay lại và dẫn tới nhà tù của thành phố Cà Mau, nhốt trong một phòng giam rất chật hẹp và bẩn thỉu. Không hiểu tại sao trong đoàn hát lại chỉ có ba đứa chúng tôi bị bắt mà thôi ? Bà bầu đâu có bị bắt nhỉ ?

Kếp Ba Hội sợ xanh máu mặt :

-- Chết cha cả lũ rồi.

Anh Dần vẫn im lặng từ khi bị bắt. Bây giờ tôi mới thấy là mình ngu quá. Cái việc làm rất vô duyên là vẽ lá cờ Nhật cho bà bầu có thể đem tới một cái chết lãng xẹt :

-- Được đến đâu hay đến đó, cậu đừng lo...

Nói như vậy nhưng trong lòng rất lo. Từ ngày bỏ nhà ra đi khi mới 17 tuổi, làm đủ các thứ nghề trước khi được làm cái nghề hát rong mà mình rất ưa thích, chưa bao giờ tôi bị lâm nguy như bây giờ... Nghĩ tới mẹ, chỉ lo mẹ sẽ buồn nếu có điều gì không hay xảy ra cho mình... Nghĩ tới cuộc đi suốt từ Bắc vào Nam... Nghĩ tới những thành phố mình vừa đi qua. Thích nhất là ở trong miền Nam này, thị xã nào cũng có một con sông lớn chảy qua, chợ bao giờ cũng họp ở ngay bên sông và cạnh chợ thế nào cũng phải có một rạp hát. Người dân lúc nào cũng ăn no mà không cần mặc ấm. Ở cái xứ có mặt trời quanh năm này, mặc quần áo bà ba càng rộng càng mát... Nghĩ tới đêm hoà nhạc tài tử mới đây tại thị xã, từ chập tối cho tới gần sáng, mọi người chỉ đua nhau hát hết bài **Vọng Cổ** này tới bài **Vọng Cổ** khác. Không có ai hát bất cứ một điệu nào ngoài điệu **Vọng Cổ** , vậy mà nghe mãi không thấy chán... Nghĩ tới

người đẹp răng vàng mà mình gặp trong buổi hoà nhạc đó... Nghĩ mà giận cho thẳng mặt thám tên là Giỏi.

-- Ông ra khỏi nhà tù này thì ông giết mày...

Có bị bắt giam mới thấy thấm thía cho số phận của người dân nhược tiểu da vàng sống dưới ách thống trị của dân da trắng. Trước kia dù ghét Tây, muốn đánh Tây, muốn nước mình có tự do và độc lập nhưng mình chỉ luôn luôn là kẻ đứng ngoài cuộc chơi. Bây giờ thì được nếm mùi nhà tù thực dân rồi nhé. Thành "nhà chính trị" rồi nghe. Dù rằng chỉ là trò chơi chính trị bất đắc dĩ và đượm vị khôi hài. Tức nhất là nó đã bị Nhật đảo chính rồi mà nó còn nắm tính mệnh của mình ở trong tay. Nghĩ tới nghĩ lui thì đã quá nửa đêm.

Có thể lúc đó đám lính Pháp còn đang hoảng hốt trong cơn rút lui và tinh thần của lũ đội xếp, mã tà Việt Nam rất là hoang mang cho nên ba đứa chúng tôi chưa bị đánh đập hay bị đem ra xử bắn thì lính Nhật đã tới bao vây thị xã Cà Mau. Đám tàn quân Pháp bị tước khí giới và được lính Nhật dẫn đi. Lũ mã tà, đội xếp Việt Nam cũng trốn đi đâu hết cả rồi. Trong đêm khuya tối om và lặng lẽ, bỗng nhiên một tiểu đội lính Nhật Bản tới mở cửa nhà tù. Ba nhà "ái quốc" là chúng tôi vội vàng **arigato** nhắng nhít cả lên, rồi ù té chạy về rạp hát sau non một nửa ngày và già một nửa đêm hú vía.

Chuyện tôi bị Tây bắt này thật ra cũng chẳng có gì là đáng kể so với những hành động chính trị của những người làm cách mạng thứ thiệt, nhưng tôi đã có lần nhận ra rằng cái biến cố chính trị (sic) vô duyên này là một dấu vết rất quý giá đối tôi. Ngọn lửa đấu tranh trong bất cứ một thanh niên Việt Nam nào cũng thường chỉ được âm ỉ ở trong lòng. Trước khi ngọn lửa chung là Cách Mạng lửa tới để giúp cho ngọn lửa của từng cá nhân bùng lên, tối thiểu cái vụ tôi bị Tây bắt cũng làm cho lòng tôi rồi đây, sẽ bắt lửa nhanh hơn.

Trong khi tôi vô tình dính líu vào vụ đảo chính như vậy, ở nhiều nơi trong nước có nhiều thanh niên tin rằng Nhật Bản thực sự muốn giúp cho Việt Nam thoát ra khỏi ách thực dân Pháp. Họ tích cực tham gia cuộc đảo chính. Tại Hà Nội, có những sinh viên như Trần Văn Nhung đi tiên phong trong đám lính Nhật tới đánh thành Cửa Bắc rồi bị bắn chết ngay trong phút đầu tiên của vụ đảo chính và Nguyễn Thiện Giám bị hi sinh trong một trường hợp khác. Ngày 11 tháng 3 năm 45, một buổi lễ truy điệu anh hùng tử sĩ hi sinh cho nền **thịnh vượng chung của Đại Đông Á** được tổ chức rất long trọng tại Nhà Hát Lớn Hà Nội. Di ruột của Nguyễn Thiện Giám cùng với con gái tên là Phạm Thị Thái (sau này có tên nghệ sĩ là Thái Hằng) được mời tới dự lễ truy điệu.

Cuộc đảo chính này không có gì là gay cấn lắm, vì không có sự giao tranh dữ dội giữa hai Quân Đội Nhật và Pháp, nhưng sự giao thông trên toàn quốc bị đình trệ. Gánh hát Đức Huy-Charlot Miều muốn di chuyển từ Cà Mau qua Rạch Giá nhưng vì còn lệnh giới nghiêm trong vụ đảo chính cho nên chưa có một hãng xe đồ nào dám cho xe chạy cả. Nhờ sự quen biết với mấy người lính Nhật tới giải cứu, tôi bèn tới gặp họ để xin họ cho gánh hát đi nhờ trên những xe nhà binh tới địa điểm hát đã được định đoạt từ trước là thị xã Rạch Giá. Tôi trở tài đem vài bài hát Nhật Bản mà tôi học lóm được từ trước như *Shina No Yoru*, *Mori No*, *Kohan No Yado*... để hát cho lính Nhật nghe, do đó họ bằng lòng chở đoàn hát của chúng tôi đi từ Cà Mau qua Rạch Giá. Mấy cô đào trong gánh hát xưa nay mê tôi rồi bây giờ còn phục tôi quá xá...

Chương Hai

Sau một thời gian đi hát tại vài tỉnh ở Cao Miên và ở Hậu Giang, khi gánh hát trở về đóng đô tại rạp Aristo ở Saigon vào giữa năm 1945, tôi bị sưng phổi và phải vào nằm nhà thương để điều trị. Khi đã bình phục, tôi quyết định từ giã gánh hát Đức Huy-Charlot Miêu, gánh hát rong đã cho tôi cơ hội đi khắp mọi nơi trên đất nước và quan trọng nhất, đã cho tôi một thí điểm để đưa ra những bài Tân Nhạc đầu tiên của Việt Nam. Tôi nổi tiếng là nhờ gánh hát. Cảm ơn vô cùng, ôi Đức Huy-Charlot Miêu !

Tôi xách chiếc valy nhỏ bé và cây đàn guitare cũ kỹ tới ở nhờ nhà một người bạn là Phạm Xuân Thái ở số 13 đường Paul Bert trong khu Dakao (Tân Định). Phạm Xuân Thái là người Bắc vào sinh sống ở Saigon từ lâu, dáng người mảnh khảnh, ăn nói hoà nhã, tính tình dễ dãi và thích văn nghệ lắm. Anh lấy vợ làm nghề bán vải ở khu phố chung quanh Chợ Bến Thành, được vợ nuôi để... chẳng làm gì cả, dù đã có thời anh tập tễnh làm một mục sư của đạo Tin Lành do đó anh nói tiếng Anh rất giỏi. Tôi quen với Phạm Xuân Thái từ ngày mới theo gánh hát vào Nam và sau một thời gian khá lâu, bây giờ chúng tôi mới gặp lại nhau.

Phạm Xuân Thái ngay từ lúc này đã nuôi nhiều mộng làm chính trị và 10 năm sau, anh sẽ làm Bộ Trưởng Bộ Thông Tin trong Chính Phủ Ngô Đình Diệm. Lúc đó, anh lấy thêm một người vợ bé. Người này tên là Nguyễn Thị Thạnh và có thời là người tình của Tướng Nguyễn Bình trong thời gian đầu của cuộc kháng chiến Nam Bộ.

Saigon sau ngày Nhật đảo chính không còn nhiều bóng dáng kiêu kỳ của những ông Tây bà đầm đi lượn phố nữa nhưng bộ mặt của thành phố được mệnh danh là Hòn Ngọc Viễn Đông này cũng không thay đổi gì mấy. Lúc đó Saigon chưa dính liền với Chợ Lớn và Gia Định. Ngồi trên xe điện đi từ Chợ Bến Thành vào tới bến Nancy, nhìn ra hai bên đường, thỉnh thoảng ta thấy có những khoảng đất trống với ít nhiều rác rưởi. Nhưng từ bến Nancy vào cho tới Chợ Lớn thì có khi là cả một cánh đồng hoang với bùn lầy nước đọng, ruồi muỗi bay đầy. Giữa Saigon và Gia Định còn có những ruộng lúa hay có những khu đất được dùng để đổ rác của Đô Thành.

Dân số Saigon lúc đó chắc chưa tới một triệu người. Người Pháp vắng mặt ở phố phường nhưng lính Nhật đóng ở Saigon đông hơn lúc trước. Họ chiếm một vài khu trong thành phố, ngăn không cho ai qua lại, chiều chiều họ ra giữa đường chơi **baseball** là môn thể thao mà chúng tôi không thông thạo như môn đá bóng. Dân chúng còn được nếm mùi công lý tàn bạo của lính Nhật là kẻ cắp nào mà bị bắt quả tang là bị chặt tay ngay, khỏi cần phải đưa ra toà.

Thế Chiến 2 gần tới hồi kết thúc nhưng tàu bay Mỹ vẫn tới thả bom. Hai phi cơ B.24 của Mỹ bị bắn rơi ở Đức Hoà, gần Saigon. Đời sống có vẻ khó khăn. Các bà nội trợ rên lên vì nhu yếu phẩm không những đã khan, còn lên giá đùng đùng. Tôi lấy lại được sức khoẻ sau những ngày nằm dưỡng bệnh.

Sau khi nếm mùi "chính trị" ở Cà Mau rồi, bây giờ tôi chú ý tới tình hình nước mình sau ngày mừng 9 tháng 3. Đọc báo có bài tuyên bố của đảng trưởng **Đảng Việt Nam Ái Quốc** là Hồ Nhật Tân, tôi thấy háo hức trong lòng vì những câu viết đầy hi vọng : *Trong vùng Đại-Đông-Á mông mênh bát ngát, dưới ánh sáng lãnh đạo rực rỡ chói lọi của nước Đại-Nippon, dân tộc Việt Nam gồm có năng lực đầy đủ hi vọng sẽ kiến thiết một quốc gia đúng theo qui tắc công bằng và tự do...*

Tôi cũng thấy vui vui khi người cha đỡ đầu của tôi là thầy Trần Trọng Kim từ Singapore trở về nước để làm vị Thủ Tướng đầu tiên của Việt Nam. Tuy nhiên tôi không thấy trong dân chúng có một sự phấn khởi nào trước cái gọi là độc lập-tự do trong Khối Đại Đông Á này. Tôi còn thấy dường như chẳng có gì là thay đổi cả. Vua Bảo Đại được người Nhật đem món quà độc lập đến tận miệng nhưng ở Huế, Đại Sứ Nhật Yokohama giữ chức quyền Khâm Sứ thay thế cho Khâm Sứ Pháp.

Ở miền Nam, qua viên quyền Thống Đốc Minoda, người Nhật thay thế Pháp, dùng người Việt làm tay sai. Do đó, khi có một anh bạn người Huế tên là Hoài rủ rê tôi vào làm việc trong một cơ quan mật vụ của người Nhật, tôi từ chối ngay. Chắc ông thầy đỡ đầu cũ của tôi là Trần Trọng Kim cũng sớm nhìn ra sự thực nên thầy sẽ rút lui ra khỏi chính trường một cách dễ dàng như lúc thầy nhận chức vụ Thủ Tướng sau ngày Nhật đảo chính.

Ở chung với Bộ Trưởng Thông Tin tương lai là Phạm Xuân Thái, nhờ ở những cuộc đàm đạo với anh ta, tôi được hiểu biết hơn về chính trị. Hiểu nhưng không mê. Tôi bắt đầu nghe đài Radio New Delhi và rất thích nhạc hiệu của Đài này.

Đây là lần đầu tiên tôi có cái nhìn ra thế giới. Từ khi Thế Chiến 2 xảy ra, dù có những biến chuyển chính trị rất lớn như Pháp bị thua trận, Nhật tiến vào Đông Dương, máy bay Mỹ thả bom ở Hải Phòng ngay khi tôi vừa gia nhập gánh hát Đức Huy-Charlot Miêu ở hải cảng này... nhưng tôi vẫn sống dừng dưng trước thời cuộc. Bây giờ thì khác. Tôi theo dõi những sự việc xảy ra ở trên thế giới và ở trong nước.

Tôi vẫn tiếp tục đi hát trên Đài Phát Thanh và một vài nơi khác. Nhờ được mời tham gia một buổi hát lấy tiền giúp nạn đói ở ngoài Bắc, tôi biết rõ hơn về cái chết của hai triệu đồng bào. Vào đầu năm đó, vì đi hát ở những miền rất hẻo lánh ở Hậu Giang, tôi không biết gì về nạn đói năm Ất Dậu cả.

Tôi chỉ ngạc nhiên khi thấy ở nhiều nơi mà tôi tới hát, trước ngày Nhật đảo chính, tụi "Tây nhà đèn" cho đốt những lò máy biến điện bằng thóc chứ không phải bằng than. Khi mới trở về Saigon, có nhiều chuyện ở ngay trước mắt làm cho chuyện chết đói ở xa xôi bị nhạt mờ đi. Nhưng tới nay thì tôi biết là do âm mưu của Pháp trong năm 1944, bắt nông dân miền Bắc có bao nhiêu thóc là phải bán hết cho chính phủ để Pháp cung cấp gạo cho Nhật nuôi quân. Do đó mà nông dân miền Bắc không còn gạo dự trữ để ăn và hai triệu dân chết đói. Trong Nam thì thừa thóc gạo đến nỗi phải đốt đi nhưng Pháp không chở gạo ra tiếp tế cho dân ngoài Bắc.

Tôi không được nhìn thấy tận mắt đồng bào của tôi chết đói nhưng nghe kể lại cũng thấy rùng mình : ở một số tỉnh, trên đường quê cũng như trên hè phố -- và ngay ở Hà Nội -- cứ đi quá dăm ba chục thước là có vài ba cái xác nằm chồng chất lên nhau. Có người ngắc ngoải rồi còn cố ghé miệng ngoạm vào xác chết nằm bên ở cạnh để nhay miếng thịt. Nhay được rồi thì phát điên. Điều chua xót là trong khi cả Pháp lẫn Nhật gần như toa rập với nhau để cho hai triệu người mình chết đói thì người Tàu mại bản tích trữ gạo để bán cho người có tiền. Cho nên đã có câu ca dao của thời đó ghi lại chuyện này như sau :

*Mấy năm thiếu gạo vì ai
Làm dân ta chết mất hai triệu người
Tàu cười (tích trữ gạo) Tây khóc (bị đảo chính) Nhật no
Việt Nam hết gạo, chết co đầy đường.*

Tôi càng thêm căm thù cả Pháp lẫn Nhật, dù đã có lúc tôi mang ơn tiểu đội lính Nhật đã tới cứu tôi vào ngày 10 tháng 3 năm 1945. Tôi sẽ dễ dàng đón nhận những khẩu hiệu như **chống thực dân Pháp và phát xít Nhật**, Tối thiểu thì tôi cũng thấy rằng một cuộc khởi nghĩa đánh cả Tây lẫn Nhật là một sự rửa hận cho hai triệu người chết đói.

Tuy không còn đi hát rong và đã ở một chỗ nhất định nhưng tôi cũng không có một liên lạc nào với gia đình của tôi ở ngoài Bắc trong đó tôi chỉ nhìn thấy một sự lạnh nhạt nơi mọi người, ngoài tình thương -- tôi nghĩ vậy -- rất câm nín của mẹ tôi.

Từ khi bỏ nhà ra đi cho tới mùa Thu năm 1945 này, tôi chưa hề nhận được một lá thư nào của mẹ. Bây giờ, vào tuổi 24, sống tại một thành phố lớn nhất của một nước Việt Nam trên danh nghĩa đã được độc lập, tôi nóng lòng muốn làm một cái gì cho đất nước. Nhưng có lẽ cái chính phủ do người Nhật dựng lên với một thành phần toàn các nhà chính khách hơn là cách mạng và cái chính quyền của vị Khâm Sai ở miền Nam lúc đó là Nguyễn Văn Sâm không có một chính sách nào để vận động thanh niên tham gia vào việc nước.

Nếu có một chương trình nào đó cho thanh niên thì chỉ là vài ba cuộc biểu tình để... cảm ơn nước Nhật Bản đã giúp cho Việt Nam lật đổ Pháp. Thấy chính phủ Trần Trọng Kim đưa ra một chương trình gọi là **hưng quốc**, nhưng khi nhìn lá cờ quẻ ly và nghe bản quốc ca **Đặng Đàn Cung**, tôi chẳng thấy rung động gì cả. Có lẽ vì lúc đó chưa có một người nào chết cho lá cờ và bài hát đó chăng ?

Tôi sống rất cô đơn cho tới khi, cũng như mọi thanh niên cùng lớp tuổi, tôi bị lôi cuốn vào một cơn cuồng phong mà dường như tôi cũng đã chờ đợi từ lâu. Đó là một cuộc cách mạng thường được gọi tên là **Cách Mạng Tháng Tám**...

*Non nước đang chờ gót lãng du
Đâu đây vẳng tiếng hát chinh phu...
Thế Lữ*

Chương Ba

Khi tôi vừa lớn lên và có chút hiểu biết về người mình và về nước mình thì cũng như tất cả các thiếu niên khác, tôi vừa ghét Tây vừa sợ Tây. Các bà mẹ ngày xưa hay có lời dọa con :

-- *Mày không ngoan, tao gọi ông Tây đến bắt đi bây giờ...*

Như đã nói trong đoạn hồi ký về tuổi ấu thơ, khi tôi mới lên 10, tôi biết tới hành động anh dũng của cụ Đề Thám hay thần phục thái độ của liệt sĩ Nguyễn Thái Học và dù còn bé bỏng, tôi mơ ước trở thành những con người chọc trời khuấy nước như người hùng Yên Thế và vị lãnh đạo của Việt Nam Quốc Dân Đảng.

Tới khi tôi mấp mé vào tuổi trưởng thành và đọc những truyện của Nhất Linh trong đó có những nhân vật như Loan và Dũng thì tôi mơ được *theo gót chân anh ra chốn hải hồ để đem chí bình sinh dãi nắng mưa...* Tôi cũng biết mong manh về những chuyện bôn ba hải ngoại của những người như Cường Để, Phan Bội Châu, Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Ái Quốc... và biết sơ sơ là bố tôi cũng bị Tây bắt vì có dính líu tới vụ Đông Kinh Nghĩa Thục. Trong gia đình, tôi biết đại khái là thằng cháu bằng tuổi tôi tên là Viện, con anh Tư ở phố Hàng Đường, có làm chính trị. Nhưng thằng này khinh mình hay sao mà mỗi lần mình gọi chuyện thì nó lại lảng đi. Có thể nó muốn giữ bí mật, sợ lộ ra thì sẽ bị Pháp bắt chăng ?

Rồi tôi rời ghế nhà trường và rời bỏ Hà Nội để đi mưu sinh ở Moncay, Bắc Giang, Hưng Yên hay Kiến An bằng đủ các thứ nghề như thợ rèn, thợ cày, thầy giáo, thư ký toà án... ở đâu cũng chỉ ở trong một thời gian rất ngắn ngủi. Sau đó tôi lang thang đi theo gánh hát rong và cũng không bao giờ ở lại một nơi nào quá hai hay ba tuần lễ. Không ở đâu lâu nên không có thời gian để kết bạn hay để được kết nạp vào một tổ chức chống Pháp nào đó. Bị bắt giam ở Cà Mau cùng với hai anh kếp hát Cải Lương vào giờ thứ 25 của cuộc đảo chính là một biến cố tôi không chờ đợi.

Trong những năm tôi đi theo gánh hát rong như thế, ở miền Bắc đã sùng sục nổi lên một không khí cách mạng vì ngay khi Thế Chiến 2 mới khởi đầu, "mẫu quốc Pháp" bị thua trận ở chính quốc và mất uy tín ở những thuộc địa rồi. Quyền uy của thực dân trong ba nước Đông Pháp bị mất dần vào tay Nhật từ 1940 cho tới khi bị mất luôn vào ngày mùng 9 tháng 3, năm 1945. Nếu những cuộc khởi nghĩa trước đây của các nhóm Cần Vương, Văn Thân, Đông Du và Việt Nam Quốc Dân Đảng bị thất bại thì một cuộc khởi nghĩa nào đó trong lúc này sẽ có nhiều cơ hội để thành công. Nạn đói năm Ất Dậu vừa qua còn là một hoàn cảnh rất thuận lợi để cho Cách Mạng bột phát nhanh hơn...

Đó là những giấc ngộ của tôi vào đầu mùa Thu năm 45 này khi ngồi nói chuyện chính trị với Phạm Xuân Thái ở căn nhà số 13 đường Paul Bert, Dakao.

Vào mùng 6 và mùng 8 tháng 8 năm 1945, hai quả bom nguyên tử san bằng hai thành phố lớn ở Nhật Bản. Đài New Delhi loan tin Nhật đầu hàng. Coi như Thế Chiến 2 chấm dứt. Thủ Tướng Trần Trọng Kim xin từ chức nhưng được mời giữ chức xử lý thường vụ cho tới khi có chính phủ mới. Tình hình Việt Nam biến chuyển ngay lập tức với sự từ chức của chánh phủ Trần Trọng Kim. Tại Saigon một số đoàn thể gồm có Việt Nam Quốc Dân Đảng, Hoà Hảo, Cao Đài, Tịnh Độ Cư Sĩ, Liên Đoàn Công Chức, Thanh Niên Tiền Phong vội vàng họp nhau lại để thành lập một tổ chức chính

trị gọi tên là "Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất" để đáp ứng với tình thế mới. Thành phố Saigon có vẻ tấp nập hơn trước. Ai cũng thấy bồi hồi trong lòng. Tôi thấy mình ngứa chân ngứa tay quá rồi...

... Người đẩy tôi vào hành động lúc đó là Nguyễn Duy Hình, một ký giả và chủ báo rất quen biết của Miền Nam sau này. Nguyễn Duy Hình thường tới gặp Phạm Xuân Thái, do đó chúng tôi quen nhau. Trước đây Nguyễn Duy Hình là người có nhiệt tình đối với cuộc đảo chính ngày mừng 9 tháng 3 của Quân Đội Nhật và bây giờ anh là một thành viên của Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất. Thấy tôi muốn hoạt động, anh ấy giới thiệu tôi với những người trong Đảng Dân Chủ đang nằm vùng trong tổ chức Thanh Niên Tiền Phong như Phạm Ngọc Thạch, Kiều Công Cung.

Tôi trở thành một đoàn viên của Thanh Niên Tiền Phong. Hoạt động của tôi lúc đầu chỉ là công tác văn nghệ. Tôi được phái đi dạy cho các thanh niên, các học sinh hát bài **Tiếng Gọi Sinh Viên** bây giờ được đổi tên là **Tiếng Gọi Thanh Niên**. Trước đây, khi vừa ở Lục Tỉnh trở về Saigon, tôi được Trần Văn Khê đưa tôi tới gặp Lưu Hữu Phước là một trong ba chủ nhân của một cửa hàng bán bản nhạc ở đường Bonard với bảng hiệu là Hoàng-Mai-Lưu (do ba cái tên Hoàng [Huỳnh] Văn Tiễn, Mai Văn Bộ và Lưu Hữu Phước). Có lần tôi và Khê được kéo tới ăn cơm cùng với ba anh bạn này trong một bữa cơm gia đình tại Gia Định. Bây giờ tôi mới biết họ là đảng viên Đảng Dân Chủ và đang hoạt động trong tổ chức Thanh Niên Tiền Phong. Ba người này có ba vóc dáng khác nhau. Huỳnh Văn Tiễn gầy nhom, Lưu Hữu Phước béo phị và chỉ có Mai Văn Bộ là không béo, không gầy.

Trong khi ở trong Nam, nhân việc Nhật Bản vừa bị thua trận và đầu hàng Quân Đội Đồng Minh, một mặt trận thống nhất các đoàn thể quốc gia với mục tiêu chống Pháp vừa được thành lập thì ở ngoài Bắc cũng đã có từ lâu một mặt trận khác lấy tên là Việt Nam Độc Lập Đồng Minh (gọi tắt là Việt-Minh).

Vào đầu tháng 8, 1945, ngay sau khi Nhật Bản đầu hàng, tôi nghe tin từ Hà Nội đưa vào : Một mặt trận chính trị mang cái tên là Việt Nam Độc Lập Đồng Minh đứng ra kêu gọi dân chúng làm cuộc tổng khởi nghĩa. Mặt Trận này không chỉ kêu gọi chống Pháp mà thôi, còn huy động toàn dân chống luôn cả Nhật Bản nữa. Chống Pháp thì dễ rồi, vì làm gì còn quyền lực của Pháp ở Việt Nam nữa. Nhưng chống Nhật thì hơi khó đấy. Trong cái thành phố Saigon diễm lệ này, tôi thấy sự có mặt của Quân Đội Nhật Bản hãy còn ghê gớm quá, tuy lúc này họ là đoàn quân bại trận trong Thế Chiến 2 rồi. Ngay chính tôi lúc đó vẫn còn đang đi hát tại một khiêu vũ trường và vẫn phải gân cổ hát những bài Nhật như **Shina No Yoru, Sakura...**

Nhưng tôi rất chú ý tới hoạt động của tổ chức được gọi là Việt Minh này vì đây là lần đầu tiên tôi được nghe những danh từ rất quyến rũ như **tổng khởi nghĩa, đội vũ trang tuyên truyền, chiến khu, cứu quốc...** Cùng với mọi người, tôi còn nghe nhiều tin đồn... nào là Mặt Trận đã được dân chúng ở ngoài Bắc tham gia nhiệt liệt... nào là Mặt Trận còn được quốc tế ủng hộ nữa... Ngay cái tên gọi tắt là Việt Minh, đối với tôi cũng có vẻ hấp dẫn hơn những cái tên dài lòng thòng của các tổ chức chính trị khác.

Tới ngày 19 tháng 8 thì có tin Cách Mạng do Việt-Minh lãnh đạo đã thành công ở ngoài Bắc. Sau này người ta tường thuật cuộc diễn tiến của cuộc tổng khởi nghĩa như sau :

... Vào ngày 17 tháng 8, sau khi Nhật đầu hàng, tình hình chính trị đã đổi mới, tướng

Mac Arthur được cử làm Tổng Tư Lệnh Đồng Minh ở Thái Bình Dương, tướng Leclerc được De Gaulle phong cho chức Tư Lệnh Quân Đội Pháp ở Đông Dương. Sau khi Nhật đầu hàng, Quân Đội Nhật ở Việt Nam trao trả phủ Toàn Quyền cho phủ Khâm Sai Bắc Bộ. Để tỏ ý chí bảo vệ đất nước, vào ngày 17 tháng 9, công chức Hà Nội được lệnh của vị Khâm Sai Phan Kế Toại đứng ra tổ chức một cuộc mít tinh ở trước Nhà Hát Lớn Hà Nội. Cuộc mít tinh của các ông các bà công chức đang diễn tiến thì bỗng nhiên một lá cờ đỏ sao vàng rất lớn được thả từ bao lơn của Nhà Hát xuống, rồi một người leo lên khán đài cướp micro để hô khẩu hiệu và hát bài **Tiến Quân Ca** của Văn Cao. Thế là cuộc biểu tình của Tổng Đoàn Công Chức bỗng nhiên biến thành cuộc biểu tình của Mặt Trận Việt Minh. Hai ngày sau, tức là 19 tháng 8, Việt Minh đích thân đứng ra tổ một cuộc mít tinh khổng lồ cũng ở trước Nhà Hát Lớn Hà Nội. Sau đó đoàn người biểu tình kéo đến bao vây Bắc Bộ Phủ. Ông Khâm Sai Phan Kế Toại đầu hàng ngay. Coi như cướp được quyền hành chánh rồi, đoàn người kéo luôn qua trại Khố Xanh ở đường Đồng Khánh để cướp quyền quân sự. Một ngàn lính Bảo An ở trong trại không kháng cự. Cờ quẻ ly được hạ xuống, cờ đỏ sao vàng được kéo lên.

Thế là cuộc tổng khởi nghĩa thành công tại Hà Nội. Một Ủy Ban Nhân Dân được thành lập ngay hôm đó. Đồng thời tại nhiều địa phương, các đoàn võ trang tuyên truyền được gọi là Dân Quân Giải Phóng cũng tới chiếm chính quyền trong tay các tỉnh trưởng hay quận trưởng của một chính phủ mà ông Thủ Tướng là Trần Trọng Kim đã từ chức.

Ngày 20 tháng 8 tại Hà Nội, Việt Minh chiếm Đài Phát Thanh Vô Tuyến Điện ở Bạch Mai, cho phát thanh những tin tức liên quan tới cuộc Cách Mạng. Bốn mươi tám tiếng đồng hồ sau -- tức là 22 tháng 8 -- tại Saigon, tổ chức Thanh Niên Tiền Phong trong đó tôi là một đoàn viên, tuyên bố gia nhập Mặt Trận Việt Minh ngay.

Ngày 23, qua luồng sóng 32 thước của Đài Phát Thanh Hà Nội, tôi nghe tin Chính Phủ Lâm Thời được thành lập với những cái tên lạ hoắc như Hồ Chí Minh và quen thuộc như Võ Nguyên Giáp, thầy học cũ của tôi.

Ngày 24, trong buổi lễ thoái vị tại Huế, vua Bảo Đại trao kiếm vàng và ấn ngọc cho đại diện của Chính Phủ Lâm Thời là Trần Huy Liệu và tuyên bố một câu bất hủ : "**Thà làm dân một nước tự do còn hơn là vua một nước nô lệ**".

Sau khi Thanh Niên Tiền Phong tuyên bố gia nhập Mặt Trận Việt Minh, không chán chừ, tôi hăng hái xung phong vào đội Võ Trang Tuyên Truyền. Trong thành phố có truyền đơn của Ủy ban Cứu Quốc hô hào dân chúng đoàn kết để chống Pháp và Nhật. Cùng với các thanh niên khác, tôi được giao cho việc phát truyền đơn này ở khu vực Dakao. Ngoài ra tôi cũng nhận được lệnh đi vận động các văn nghệ sĩ như Năm Châu, Phùng Há, Ba Vân, Võ Đức Thu -- bây giờ được phong cho cái tên là Văn Nghệ Sĩ Cứu Quốc -- hăng hái tham dự vào vụ được gọi là cướp chính quyền vào ngày 25 tháng 8 tại Saigon. Đây là một cuộc mít tinh rất lớn trong đó có đầy đủ mọi thành phần dân chúng trong xã hội. Cuộc biểu tình này không phải làm công việc cướp quyền hành chánh hay cướp quyền quân sự gì cả, vì mọi sự coi như đã an bài sau những biến cố xảy ra tại Hà Nội và Huế trong mấy ngày qua. Cuộc mít tinh chỉ có mục đích ủng hộ một ủy ban hành chánh lâm thời được thành lập tại Saigon với cái tên gọi tắt là Lâm Ủy, do Trần Văn Giàu làm chủ tịch.

Sau đó, vào ngày mùng 2 tháng 9, cùng với một số anh em khác, chúng tôi lại làm một cuộc vận động lớn, kêu gọi mọi người trong thành phố Saigon-Chợ Lớn đi dự lễ Độc Lập. Chưa bao giờ tôi thấy người ta đổ xô ra đường một cách đông đảo như thế. Có tới hơn nửa triệu người, nghĩa là hầu hết dân số của thành phố này, bao gồm đầy đủ trẻ già lớn bé, không thiếu một thành phần xã hội nào cả, đứng chật ních trên đường nhựa, trên vỉa hè và trong công viên trong khu vực suốt từ cổng Dinh Norodom cho tới Sở Thú và lan ra những con đường chung quanh, dưới một rừng biểu ngữ có những khẩu hiệu được vẽ bằng chữ vàng trên nền vải đỏ. Đông đến độ có người ngất xỉu và phải chở đi bệnh viện cứu cấp. Cuộc biểu tình vĩ đại đang diễn ra trong vòng trật tự thì xảy ra một cuộc bạo động mà nạn nhân là một số người Pháp -- hình như -- chót đại khiêu khích đám biểu tình vĩ đại này. Dù đầu hàng Đồng Minh rồi nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về an ninh, Quân Đội Nhật Bản phải phái một toán Hiến Binh tới để văn hồi trật tự.

Saigon có được gần một tháng sống trong cơn sốt vỡ da. Đây cũng là lúc mà dân chúng của thành phố cùng với cả nước làm một việc mà tôi gọi là **mở cửa đi ra đường** cũng như về sau ta thấy hiện tượng cả nước **bỏ nhà lên đường đi kháng chiến** vào cuối năm 1946. Tất cả mọi người kéo nhau ra phố, trao đổi với nhau những chuyện đồn đại về Cách Mạng. Dân chúng nghe được những tin tức từ Hà Nội đưa vào, toàn là những tin hừng khởi. Tin Hồ Chí Minh ra mắt dân chúng ở bãi Cột Cờ, tuyên bố Việt Nam độc lập, hô các lời thề chống Pháp : không làm việc, không đi lính, không tiếp tế cho Pháp. Thấy được ảnh ông Hồ mặc quần đùi đi giúp Nhật đứng cạnh Võ Nguyên Giáp mặc bộ đồ Tây nát nhàu.

Nghe cả tin ở Hà Nội có tổ chức Tuần Lễ Vàng để có tiền mua súng đạn vân vân... Dân chúng càng nức lòng khi thấy chế độ hương chính được bãi bỏ, các oey Ban Nhân Dân ở mỗi xã được thành lập, chính quyền bây giờ thực sự ở trong tay nhân dân, ai cũng háng hái gia nhập tổ chức gọi là Dân Quân Giải Phóng hay Cứu Quốc. Saigon biến thành một thành phố quân sự với rất nhiều các toán người vác súng gỗ, chân đi không đều, miệng hô không ngưng nghỉ :

*Một hai, Một hai
Nào anh em ta
Cùng nhau xông pha... lên đường
Kiếm nguồn tươi sáng
Một hai, Một hai...*

Vui thiệt là vui!

Cuộc đời của tôi đang vui tươi trong không khí đang náo nức của những ngày đầu Cách Mạng như vậy thì vào ngày 12 tháng 9, tôi thấy có những chiếc máy bay lớn của Anh Cát Lợi bay tới vùng Tân Sơn Nhất và thả ra những toán quân nhảy dù. Dân chúng ở trong nhà đổ xô ra ngoài phố để coi một biến cố mà người ta chỉ thấy ở trong phim chiếu bóng. Đây cũng là lần đầu tiên tôi thấy tận mắt một cuộc nhảy dù. Rồi tôi thấy những chuyến xe nhà binh chở lính nhảy dù đó chạy qua mặt tôi. Những người lính của nước Anh Cát Lợi tới Saigon để giải giới Quân Đội Nhật Bản phần nhiều là lính Ấn Độ thuộc Anh. Lẫn lộn trong đám quân nhảy dù này, có nhiều toán lính Pháp. Những lính Pháp này đem một lá cờ tam tài tới cắm lên nóc của Phủ Toàn Quyền cũ (tức là Dinh Norodom). Mặc dù lá cờ Pháp chỉ thấp thoáng tung bay tại đó trong có vài giờ đồng hồ mà thôi nhưng nó làm cho dân chúng Saigon náo động cả

lên. Một cuộc bạo động nữa lại xảy ra với sự lùng bắt, đánh đập và giết chóc những người mà dân chúng gọi là Việt Gian, đa số là những người Pháp lai.

Vì thấy người Anh giúp cho lính Pháp trở lại Saigon, ngày 17 tháng 9, Ủy Ban Nam Bộ ra lệnh tổng đình công để gây rắc rối cho Quân Đội Anh. Rồi tới những vụ giàn xếp không đi tới đâu giữa Việt Minh và tướng Anh Gracey, kết cục là vào ngày 22 tháng 9, tướng Gracey ra lệnh giới nghiêm. Trong đêm 23, lính Pháp theo chân lính Anh vào Việt Nam cùng với lính Pháp vừa được Nhật thả ra, tới chiếm đóng một vài công sở và bây giờ thì lá cờ tam tài đã được chính thức cắm lên trên nóc những công sở đó như để khiêu khích toàn thể dân chúng Saigon Chợ Lớn.

Sau khi thấy rõ việc viên tướng người Anh Cát Lợi là Gracey giúp cho Pháp trở lại Việt Nam, Ủy ban Nam Bộ ra lệnh tổng đình công. Tướng Gracey phản ứng bằng cách ra lệnh giới nghiêm rồi giúp cho lính Pháp tới chiếm một vài công sở tại Saigon. Vào ngày 24 tháng 9, Ủy Ban Nam Bộ cũng phản ứng lại một cách quyết liệt : điện nước trong thành phố bị cúp, phi cảng Tân Sơn Nhất bị tấn công, chợ Bến Thành bị đốt và thê thảm nhất là đã xảy ra một vụ tấn công vào Cité Hérault ở Tân Định là nơi cư trú của Pháp Kiều với khoảng 200 người bị giết chết, 100 người bị bắt mang đi. Lúc đó tôi cư ngụ trong khu Tân Định nên tôi chứng kiến vụ thảm sát này từ đầu tới cuối. Lần đầu tiên trong đời, tôi thấy tận mắt con người giết con người. Tôi thấy những người xưa nay hiền lành như những người láng giềng của tôi kia, sao hôm nay họ lại có thể phanh thây uống máu quân thù một cách dễ dàng như vậy ? Tôi thấy được một chân lý : chỉ cần thù hận được nuôi dưỡng cho thật nhiều là con người có đủ can đảm để giết con người không một chút thương sót. Và mối thù của người dân thuộc địa đối với thực dân Pháp thì vào nằm sâu ở trong đáy lòng của người Việt Nam trong tám mươi năm rồi. Sau đó, tôi còn được thấy những người như Bửu Dương phụ trách Mật Vụ ở Tân Bình khoe là đã mổ bụng và cho mổ tôm những người mà họ nghi là Việt Gian.

Thời kỳ khủng bố ở nước ta khởi sự từ những ngày này...

*Này thanh niên ơi
Đứng lên đáp lời sông núi...
Lưu Hữu Phước*

Chương Bốn

Qua tới đầu tháng 10 năm 1945 thì tình hình càng ngày càng trở nên xấu xa giữa Ủy Ban Nam Bộ và Quân Đội Anh. Với sự đồng ý của Anh, tướng Leclerc cùng với viện binh Pháp tới Saigon vào ngày mùng 5 -- ngày sinh thứ 24 của tôi.

Ngày hôm sau, ngày mùng 6, các đoàn quân Leclerc đổ bộ tại Vũng Tàu. Ngày mùng 9, Quân Đội Pháp chiếm Tây Ninh. Ngày mùng 10, Ủy Ban Nhân Dân Nam Bộ kêu gọi dân chúng tản cư ra khỏi thành phố. Ngày 11 tháng 10, Tướng Gracey buộc chính quyền cách mạng phải rời khỏi Toà Đô Chính và Dinh Gia Long.

Ngày 12 tháng 10, Quân Anh và quân Ấn Độ thuộc Anh, có lính Pháp đi theo, tới đóng ở Gia Định. Vào lúc bình minh của ngày này, khi tôi vừa ngủ dậy và hé cửa nhìn ra đường thì thấy lính Pháp vác súng đứng đầy ở ngã tư Dakao và ở trên Cầu Bông. Thành phố hằng ngày có tiếng xe chạy ồn ào, tiếng guốc gõ vang trên hè phố và những tiếng rao hàng véo von như tiếng hát, bây giờ thành phố im lặng như tờ... Quân Đội Pháp đã làm chủ Saigon.

Tôi chia tay với Phạm Xuân Thái rồi lẳng lặng mở cửa ra đi, không mang theo bất cứ một hành lý nào cả, lội sông qua vùng Phú Nhuận. Tới đó tôi gia nhập nhóm dân quân và được phát cho cái gậy tầm vông để ra đứng gác ở phía cầu Kiệu. Dân chúng ở đây có vẻ nháo nhác, lo âu. Nhưng ai lo chuyện di tản thì cứ việc di tản. Ai ở trong tổ chức Dân Quân thì đều xuống đường hết.

Dân quân Phú Nhuận lúc bấy giờ là những ai ? Là anh thâu khoán quần áo chỉnh tề, chân đi ghệt và đeo gươm Nhật Bản. Là cậu học sinh mặc quần đùi cầm súng bắn chim. Là anh thợ mộc có cửa hàng ở ngay dốc cầu Kiệu, tay cầm lựu đạn. Là chị phụ nữ cứu thương trước đây là cô đầu Phú Nhuận. Là dân nghèo ở trong ngõ hẻm tay cầm gậy tầm vông... Đám dân quân như thế này thì làm sao mà ngăn được sức tiến của lính Lê Dương ? Cho nên khi xe tăng Pháp vượt qua cầu Kiệu thì chúng tôi lùi dần. Và tan hàng một cách dễ dàng.

Tôi chen chúc trong đám người chạy loạn, ra tới Xóm Gà. Từ đó tôi chạy ra Gò Vấp. Tới lúc này thì không còn ai thấy Ủy Ban Nam Bộ ở đâu cả. Nghe đâu các anh em trong khu vực Tân Bình của tôi đang họp ở Toà Bó thì quân Pháp tới, mạnh ai nấy chạy. Các lãnh tụ Thanh Niên Tiền Phong cũng biến luôn. Tôi mất liên lạc với tất cả những người đã cùng tôi hoạt động trong những ngày qua. Tôi lẳng lặng đi trong đám đông trên con đường quê chật chội người đi bộ và hàng trăm cỗ xe bò đủ kiểu trên đó chất đầy những đồ đạc của người di tản, từ cái chổi cùn tới cái giẻ rách. Khổ tâm hơn nữa là gặp phải hàng ngàn con dê do người Ấn Độ nuôi để bán sữa, bây giờ đang được ông chủ lừa đi trên con đường chạy loạn khiến cho sự giao thông bị kẹt cứng.

Tới Gò Vấp, bước vào chợ để uống ly cà phê, tôi bỗng gặp một người mà tôi quen biết trong thời gian chúng tôi cùng nhau cướp chính quyền (!) ở Saigon. Đó là Phạm Thanh Liêm. Vào năm 89 này, anh ta đã trên 70 tuổi và đang sống ở Santa Ana, California. Lúc tôi gặp Phạm Thanh Liêm ở Gò Vấp thì anh ta đang là Phó Chủ Tịch Hành Chánh kiêm Chủ Tịch Ủy Ban Kháng Chiến Gia Định. Sau khi hỏi thăm tình trạng cá nhân của tôi, Phạm Thanh Liêm mời tôi vào làm việc với Ủy Ban Kháng Chiến. Lúc đó tôi cũng hết hăng hái rồi và bỗng nhiên tôi nhớ nhà vô kể. Thấy tôi từ chối và ngỏ ý muốn trở ra Hà Nội thì Phạm Thanh Liêm ký cho tôi một giấy chứng minh thư, chứng nhận tôi là ủy viên liên lạc của Ủy Ban Kháng Chiến Tỉnh Gia Định để tôi ra Bắc mà không bị phiền nhiễu ở dọc đường...

... Giã từ miền Nam nóng bỏng, trên đường ra phía Bắc, tôi đi qua những đồn điền cao su lúc này trở thành vô chủ vì người Pháp bỏ đồn điền ra đi ngay từ khi Cách Mạng nổi lên ở Saigon. Tại Biên Hoà, tôi gặp một cậu em có giọng hát khá hay, tên là Lưu văn Giáp. Cậu này thấy tôi ra Hà Nội thì đòi đi theo. Hai anh em tôi đi bộ ra tới gần Phan Rang thì có xe lửa. Chúng tôi không phải lội bộ nữa rồi. Hai anh em vào nhà ga mua vé đi Nha Trang. Suốt dọc đường trở ra miền Bắc, chúng tôi đều ghé lại các thành phố lớn. Đi tới đâu, tôi cũng thấy có sự đổi mới trong đời sống của nhân dân.

Nha Trang tuy chưa mất hết vẻ thơ mộng của một nơi nghỉ mát nhưng đường phố bây giờ đông người hơn dưới thời Pháp thuộc. Ngoài bãi biển, tại những nơi trước đây chỉ dành riêng cho Tây Đắm tắm, nay có đầy những gánh hàng rong bán đồ nhậu.

Tới Quảng Ngãi, tôi muốn gặp lại một người bạn nhạc sĩ tên là Trình. Hồi gánh hát của tôi ngừng lại tại đây vào năm 1943, anh ta tặng tôi một bài tango rất hay của Hoàng Trọng (bài TIẾNG ĐÀN AI (1) với những câu ca mà đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ:

*Đàn ai xa vắng ?
Hồn ai khóc trong đêm trường.
Đường tơ ai buông ?
Trong đêm rên khóc...*

Nhưng nhạc sĩ Trình đã chết rồi. Cùng với cha mẹ và anh chị em, anh ta bị cán bộ ở Quảng Ngãi thủ tiêu chỉ vì gia đình này thuộc thành phần quan lại. Lúc Cách Mạng mới nổi lên, có nhiều người đã bị giết tại nơi nổi tiếng là khát máu này. Ngoài những người ở địa phương ra còn có cả những người từ phương xa đi qua tỉnh này, ví dụ Tạ Thu Thâu, một chính trị gia hoạt động cho đệ tứ quốc tế (troskist), trong chuyến hành trình từ Saigon ra miền Bắc của ông.

Tại Tourane (Đà Nẵng) tôi là khách của Bác Sĩ Trần Đình Nam, người đã tham gia Chính Phủ Trần Trọng Kim. Bác sĩ là người rất am tường về Tuồng Cổ, tức là Hát Bộ. Tôi được nghe bác sĩ giảng cho nghe về cụ Đào Tấn và về sau, khi tôi thực hiện cho Trung Tâm Điện Ảnh Quốc Gia dưới thời Ngô Đình Diệm một cuốn phim về Hát Bộ Bình Định, thì tôi liền tưởng tới bác sĩ Trần Đình Nam.

Tại Huế, không khí cách mạng rộn ràng hẳn lên với những cuộc biểu tình liên tiếp, nhưng ở trên dòng sông Hương vẫn còn những con đò đưa khách như thường. Các bạn nhạc sĩ của tôi như Văn Giảng, Ngô Gan đang hoạt động rất tích cực trong các đoàn thể ở địa phương.

Tới bất cứ tỉnh nào chúng tôi cũng đều được mời tới tham dự những buổi sinh hoạt văn nghệ do thanh niên, sinh viên tổ chức. Lưu Văn Giáp cùng tôi hát đôi bài *Hòn Vọng Phu* của Lê Thương là bài hát mới nhất lúc bấy giờ. Nhờ vụ hát đôi này, chúng tôi được mời ăn mời uống linh đình. Khoái chí quá, Lưu Văn Giáp bèn đổi tên là Phạm Vinh, coi như là em của Phạm Duy. Khi ra tới Hà Nội, tôi có nhiều lần tới ở trong gia đình người mẹ nuôi của Lưu Văn Giáp -- mà Giáp gọi là bà -- để biết thêm lối sống của một gia đình tiểu thương ở trong thành phố, chuyên say gạo làm bột để bán cho gia đình có trẻ con vừa thôi sữa.

Thế là sau khi lặn lội đặt chân ở khắp mọi nơi suốt dọc con đường từ Bắc vào Nam với một đoàn hát rong, bây giờ tôi lại được hồi hả đi thêm một lần nữa trên con đường cái quan. Lần đi trên con đường xuyên Việt này cũng chưa phải là lần đi cuối cùng. Trước khi về ra vai trò của một lữ khách trong một bản trường ca nói về chiều dài của đất nước và của dân tộc, tôi còn đi qua đi lại trên con đường lịch sử này tới thiếu là năm lần nữa...

(1) Sau này, tôi soạn bài TIẾNG ĐÀN TỐI, có lẽ vì trong thâm tâm tôi muốn trả lời câu hỏi của bài TIẾNG ĐÀN AI của Hoàng Trọng

*Ta là gươm trắng sĩ thời xưa
Bên mình chàng hiên ngang một thuở...*
GƯƠM TRẮNG SĨ

Chương Năm

Sau một thời gian xa Hà Nội khá lâu, vào giữa mùa Thu năm 1945 tôi mới gặp lại thành đô, hiện giờ là một nơi bừng bừng không khí Cách Mạng. Trời Thu Hà Nội trong trí nhớ của tôi thường là *Trời Thu* của bà Tương Phố, *ấm đậm một màu*, với :

*Gió Thu hiu hắt thêm sầu lòng em
Trăng Thu bóng ngả bên thềm
Tình Thu ai để duyên em bẽ bàng...*

Bây giờ, trong mùa Thu Cách Mạng, Hà Nội ngập lụt trong màu sắc của cờ đỏ sao vàng. Còn lâu lắm người ta mới có cái cảm giác ê chề của Trần Dần khi bước đi *không thấy phố thấy nhà...* chỉ thấy *mưa sa trên màu cờ đỏ*. Vào tháng 10 năm 1945 này, tôi chỉ thấy màu đỏ làm đẹp thêm cho những đám rêu xanh trên nền gạch ngói.

Tôi có nhiều lý do để lạc quan. Trước hết, sau mấy năm xa Hà Nội để sống cuộc đời một hòn đá lăn không bị rêu bám, bây giờ tôi là một kẻ đặng tử đang trở lại chiếc nôi ẩm cúng của mình. Tôi quen biết Hà Nội từ tấm bé, thuộc từng mái nhà, góc phố, chứng kiến mọi biến đổi của thành phố qua từng mùa. Mùa Xuân ẩm ướt như rửa sạch phố xá và lòng người. Mùa Hè có tiếng ve sầu ru tôi ngủ ngày. Mùa Thu -- ôi mùa Thu -- tôi là con chim ra sân sưởi nắng hanh vàng. Mùa Đông lạnh căm, tôi là con sâu nằm yên trong tổ. Bất cứ một người Hà Nội nào khi đi xa và nhớ nhung thành đô yêu dấu thì cũng đều có thể thấy ở trong lòng một sự *ấm đậm một màu* nhưng khi người đó trở về gặp lại Hồ Gươm thì sẽ không còn mang cái nhìn hay trí nhớ của bà Tương Phố nữa. Màu đỏ của Cách Mạng quả có đem lại cho Hà Nội một màu sắc khác xưa, nhưng đối với tôi, nó không ngăn tôi tìm lại những vẻ thi vị xa xưa của đất Thăng Long cổ kính. Dường như nó còn làm cho tôi thêm hứng khởi nữa. Tôi có gần hai năm đi học vẽ ở trường Mỹ Thuật và màu sắc cũng nhiều khi đập vào mắt tôi để bắt tim tôi đập nhanh hay đập chậm. Rất có thể vào những ngày Tết, màu đỏ trên những câu đối dán ở cổng nhà hay ở trên tường làm cho Hà nội thêm phần rực rỡ. Bây giờ, trong ngày về của tôi, trời đang vào Thu mà tôi nghe ra cảnh Tết.

Khi tôi ra đi, Hà Nội còn nằm trong không khí lạnh mạn. Bây giờ tôi gặp lại một Hà Nội thủ đô Cách Mạng. Khi trước, nhất là vào mùa Thu, thiên hạ thích ở trong nhà. Bây giờ ai cũng muốn ra đường. Tinh thần **xuống đường** đó sẽ được thể hiện trong một bài hát của Nguyễn Đình Thi, **Bài Hát Của Người Hà Nội** :

*Hà Nội vui sao
Những cửa đầu ô
Đây Ô Chợ Dừa,
Kia Ô Cầu Rền,*

*Làn áo xanh nâu
Hà Nội tươi thắm.
Sống vui phố hè
Bồi hồi chàng trai
Những đôi mắt nào...*

Hoà mình vào bước chân rộn rã của mọi người, tôi lang thang cả ngày trên hè phố thân yêu. Sau ngày bị bắt ở Cà Mau vào ngày Nhật đảo chính và tưởng mình là một chính khách (sic) tôi có vẻ hơi thích chính trị, nhưng bây giờ ra tới Hà Nội tôi không bị chính trị làm tôi loá mắt. Tôi lơ là với chính trị đến độ không đi bỏ phiếu vào ngày Tổng Tuyển Cử. Trái lại tôi rất chú ý tới giới làm văn học nghệ thuật và theo dõi sinh hoạt của giới này.

Với một tầm vóc lớn hơn công tác mà tôi làm ở Saigon cách đây hai tháng, tôi thấy văn nghệ sĩ ở Hà Nội được huy động để gia nhập một cách đông đảo vào những tổ chức cũng vẫn được gọi là Văn Nghệ Sĩ Cứu Quốc. Từ trước tới nay, tuy có khá nhiều nhóm văn hoá như Tự Lực Văn Đoàn, Hàn Thuyên, Tân Dân, Tri Tân, Thanh Nghị... nhưng các văn nghệ sĩ trong từng nhóm chỉ hay sinh hoạt với nhau thôi. Đời sống của văn nghệ sĩ tuy không dám nói là trụy lạc nhưng đại đa số các nhà văn đều hút thuốc phiện. Ngồi thừ trong làng văn nghệ cũng rõ rệt. Trong ngành khác thì tôi không biết ra sao chứ trong ngành nhạc thì có các tay chơi nhạc classique rồi tổ về khinh bỉ những người không học nhạc cổ điển, tôi đã có lần gọi họ là *nhạc phiệt*. Trong xã hội Việt Nam trước đây, nhà văn, nhà thơ có thể không bị nguyên rủa, nhưng người đi hát vẫn còn bị gán cho danh từ *xướng ca vô loài*. Bây giờ Cách Mạng đã tới. Chúng tôi được nghe những lời rất ngon ngọt như : Nghệ sĩ là kiến trúc sư của linh hồn và được kể cho biết những giai thoại như : Khi quân lính của Hít-Le qua xâm chiếm Nga Sô Viết, nhà văn Ilya Erhinbourg được đánh giá như một sư đoàn thiện chiến... Nghe hấp dẫn quá nhỉ.

Gặp lại những thằng bạn cũ, ngày trước chỉ biết sống rất nhàn hạ (oisif), đàn ca tối ngày -- chúng tôi thường gọi đùa nhau là **oisiteau de luxe** -- bây giờ tôi thấy chúng nó có vẻ bận bịu và đi đứng ăn nói rất là quan trọng. Chúng tôi không dă động tới chuyện gái nữa, chỉ thích nói chuyện với nhau về vũ khí như súng Pạc khoọc của Tàu, súng Colt của Mỹ, súng Sten của Anh... Cứ như là những nhà quân sự chuyên nghiệp. Nguyễn Xuân Khoát xưa kia tôi thường đứng trên hè nhà hàng Taverne Royale ở trước mặt Hồ Gươm để nghe anh đánh đàn giải trí cho người Pháp, bây giờ được tôn vinh là người anh cả của làng âm nhạc. Ngày đầu tiên được đứng gần anh, tôi thấy anh có dáng dấp của tài tử phim hài hước Stan Laurel, thường đóng vai ngớ nghếch bên anh hề mập mập Oliver Hardy. Anh Khoát rất vui tính, còn có vẻ hơi nghịch ngợm là khác, anh đặt tên cho các con toàn bằng tên các dấu nhạc như "Pha" hay "Son". Ngày xưa tôi đã ngả nón trước việc anh ghi lại bằng nốt nhạc những bản Hát Chèo đăng trên báo **Ngày Nay**. Bây giờ tôi lại khâm phục thêm khi thấy anh phổ nhạc những câu ca dao cổ như **Con Voi, Con Mèo Mà Trèo Cây Cau**... thành những bài hát có điệu bộ, nghe rất ngộ nghĩnh. Tôi còn nhớ lúc đó tôi được hân hạnh cấp cặp cho anh đi về bãi Phúc Xá -- là nơi anh ở -- để trao đổi ý kiến về việc bảo tồn và phát huy âm nhạc cổ truyền. Tôi mãi mê nghe anh nói chuyện và mớ tài liệu của anh rớt xuống đường từ lúc nào tôi cũng không hay.

Văn Cao đã bỏ Hải Phòng lên sống tại Hà Nội rồi. Xa nhau đã lâu, bây giờ tôi thấy nó không còn nhút nhát như những ngày kết bạn với tôi ở thành phố hải cảng vào năm 1943. Hồi đó nó vừa mới bị mất việc ở Nha Thương Cảng (hay Bưu Điện ?) chỉ vì

không chịu được cái hống hách của xếp Tây và đang sống với người anh ruột ở một nhà máy bơm nước. Tôi tới chơi với nó mà hai thằng không nói chuyện gì với nhau được cả vì tiếng bơm nước quá ồn ào, phải kéo nhau ra ngồi trên ghế đá công viên. Lúc đó, nó nổi danh vì những bản nhạc thanh niên và hướng đạo nhưng nếu có ai hỏi nó có phải là nhạc sĩ Văn Cao hay không thì không hiểu vì sao nó cứ trả lời là không. Bây giờ thì khác, nó tự tin, nó hoạt bát... nó trở thành một thứ anh hùng sau khi đi theo Cách Mạng và được thu dụng vào ban âm sát của Việt Minh để -- hình như -- bắn chết một tên tay sai của Nhật là Đỗ Đức Phin. Còn được Việt Minh nhờ soạn ra cho Mặt Trận một bài hát tuyên truyền là bài **Tiến Quân Ca**. Tại Hà Nội, nó ở chung với một cán bộ Việt Minh tên là Vũ Quý trên một căn gác ở Khâm Thiên. — đây nó viết bài thơ *Chiếc Xe Xác Trên Phường Dạ Lạc* khi xảy ra nạn đói đầu năm Ất Dậu. Ngoài mấy bài **Buồn Tàn Thu**, **Cung Đàn Xưa**... mà tôi đem đi hát trong mấy năm trời trên sân khấu Đức Huy-Charlot Miêu và bài **Tiến Quân Ca** mà tôi mới biết gần đây, bây giờ gặp lại Văn Cao, tôi được biết thêm hai bài mới của nó là **Thiên Thai** và **Trương Chi**.

Văn Cao thật là một con người tài hoa. Nhạc tình của nó hay, nhạc hùng của nó cũng hay không kém. Nó còn tung ra những bản nhạc hùng khác như **Chiến Sĩ Việt Nam**, **Không Quân Việt Nam**, **Công Nhân Việt Nam**... và khi nó soạn thêm bài **Chiến Sĩ Hải Quân** thì tôi được hân hạnh đóng góp vào bài này. Cũng như vào hai bài hát lãng mạn khác là **Suối Mơ** và **Bến Xuân**, bài thứ hai này lại vì "lý do cách mạng" mà được sửa đổi thành **Đàn Chim Việt**. Cũng nên biết rằng những bài hát đầu tiên của Văn Cao, về phần lời ca, còn có thêm sự phụ giúp rất hữu hiệu của một thằng bạn khác là Đỗ Hữu Ích. Thằng này có cô em gái rất đẹp tên là Yên mà tôi rất mê.

Trước đây, tại Hà Nội, tôi là một con số không to tướng, nhưng sau mấy năm đi theo gánh hát và là người đầu tiên hát nhạc cải cách trên Đài Radio-Indochine ở Saigon, bây giờ tôi nổi tiếng, các nhạc sĩ ở Hà Thành chịu chơi với tôi rồi. Nguyễn Đình Phúc ở Phố Hàng Than, vừa là tay kéo violoncelle vừa là họa sĩ vẽ tranh phố xá không thua gì Bùi Xuân Phái, là người tôi tới chơi hằng ngày. Bài **Lời Du Tử** của anh do tôi hát lần đầu tiên tại một phòng trà và vì tôi ưa nói tục nên tôi thường gọi đùa là **Lời Du Tử Cung**... **Đàn Huyền Diệu** khiến cho tác giả tức lắm. Tôi còn được gặp những nhạc sĩ đã tạo ra nền Tân Nhạc như Dương Thiệu Tước, Thẩm Oánh, Văn Chung, Lê Yên để tỏ lòng ngưỡng mộ...

... Một ngày lạnh và rất nên thơ, cùng với Văn Cao, tôi được kéo đi tham dự Đại Hội Văn Hoá được tổ chức tại trường Cao Đẳng, có Chủ tịch Hồ Chí Minh tới đọc diễn văn khai mạc. Bây giờ thì tôi biết ông ta là Nguyễn Ái Quốc. Lần đầu tiên tôi gặp một người tự đặt cho mình cái biệt danh là yêu nước và cái tên đó đã từng đi vào huyền thoại của những đứa bé sinh ra và lớn lên dưới chế độ thực dân như tôi. Gần đây, sự thành công của cuộc Cách Mạng do ông lãnh đạo cũng như những hành tung bí mật và sự thay tên đổi họ của ông làm cho ông trở thành một nhân vật rất huyền hoặc đối với tôi. Lúc còn bé, khi đọc truyện **Giông Tố** của Vũ Trọng Phụng, tôi cứ hình dung ra ông Nguyễn Hải Thần hay ông Nguyễn Ái Quốc là nhân vật Hải Vân ở trong truyện. Bây giờ nhân vật đó đứng trước mặt tôi, với đôi mắt như thôi miên người nhìn, với tiếng nói dễ làm siêu lòng người nghe, với cử chỉ rất thân mật của một người cha, bởi vì tôi sinh ra là đứa trẻ mồ côi bố cho nên bây giờ nhìn ông, xin thú thật là tôi rất cảm động. Rơm rớm nước mắt.

Trong buổi lễ khai mạc này, tôi cũng rất sung sướng được nhìn thấy những thần tượng văn nghệ của tôi. Nhưng tôi lấy làm lạ, tự hỏi thẳm tại sao nhóm Tự Lực Văn Đoàn lại vắng mặt ? Cách Mạng do Việt Minh khởi xướng được toàn dân ủng hộ rồi mà. Tại sao trong văn nghệ sĩ lại có sự chia rẽ ? Tôi còn được thấy, ngay trong buổi lễ này, sự chống đối của một người sau này sẽ trở thành bạn thân của tôi là nhà văn Nguyễn Đức Quỳnh.

Ông Chủ Tịch Nhà Nước đọc diễn văn xong thì ra về và văn nghệ sĩ bắt đầu khai hội. Tôi và Văn Cao, lúc đó mới chỉ là nhãi ranh văn nghệ dù cả hai thằng đều có thành tích trong ngành của mình, được xếp ngồi tít ở hàng ghế cao nhất trong giảng đường. Cả hai thằng mồm non văn nghệ này cũng chẳng chú trọng gì đến diễn trình của cuộc khai hội và tới những người vừa được bầu làm nhân viên của Ban Chấp Hành như Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Đình Thi, Xuân Diệu, Huy Cận... Nhưng tới khi một thi sĩ đóng vai trò cán bộ văn nghệ là Xuân Diệu đứng lên nói về một vấn đề gì đó và khởi đầu bằng câu :

-- *Thưa các đồng chí...*

... thì tôi thấy một người gầy gò có cái cổ rất cao đang ngồi ở những hàng ghế đầu bỗng đứng phát lên :

-- *Tôi không phải là đồng chí của các anh.*

Người đó là Nguyễn Đức Quỳnh. Xuân Diệu chỉ có vẻ hơi lúng túng một chút rồi nhà thơ này gay gắt trả lời :

-- *Chúng tôi không cần những đồng chí như anh.*

Tôi không nhớ là sau đó Nguyễn Đức Quỳnh có bỏ Đại Hội ra về hay không nhưng ngay từ lúc những huyền thoại về Cách Mạng, về Mặt Trận Việt Minh hãy còn xanh mướt, trong buổi họp văn ho đầu tiên này, Thái độ sát phạt giữa người ở trong và ở ngoài Mặt Trận làm cho tôi suy nghĩ. Lúc đó, tôi chưa hiểu được mối thù không đội trời chung giữa những người đi theo đệ tam quốc tế (bolchevik) và những người đi theo đệ tứ quốc tế (trotskist). Sau khi chứng kiến một sự bất hoà xảy ra ở Đại Hội Văn Hoá như vậy, tôi còn thấy thêm một bộ mặt khác nữa của chia rẽ là sự tranh chấp giữa Việt Minh và Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đồng Minh Hội. Tôi thường tới Khu Quan Thánh để đọc tờ báo Thiết Thực do Khái Hưng làm chủ nhiệm kiêm chủ bút và để nghe những bài diễn thuyết nẩy lửa của nhóm chống đối. Tôi còn được nghe những câu hát của bài Tiến Quân Ca được nhóm chống đối sửa đổi :

*Đoàn Quân Việt Minh đi
Chung lòng bán nước...*

Trước đây, bài hát này cũng đã được dân chúng sửa lời để chế diễu đoàn quân Trung Hoa khi qua Việt Nam để tước khí giới Quân Đội Nhật Bản :

*Đoàn Quân Tàu ô đi, sao mà ốm thế
Bước chân phù lê trên đường gập gềnh xa...*

Dần dà, tôi chứng kiến thêm những mâu thuẫn giữa các đảng phái nhưng tôi không còn lấy làm lạ nữa. Tôi thấy được sự tranh chấp ôn hoà (hay mách khoé ?) giữa Việt Minh và các đảng phái khác như việc Ông Hồ mời các lãnh tụ của Việt Nam Quốc Dân Đảng và Đồng Minh Hội tham gia Chính Phủ và Quốc Hội. Tôi cũng thấy được sự tranh chấp bạo động như vụ bắt cóc rồi giết nhau ở phố Ôn Như Hầu hay là vụ Việt Minh tiêu diệt các đảng phái ở các tỉnh. Tôi có bạn bè ở cả hai bên đối nghịch

nhau. Đã có lần tôi che chở cho một thằng bạn đi theo Quốc Dân Đảng tới trốn ở nhà tôi trong khi nó đang bị Việt Minh ruồng bắt. Nhưng bây giờ tôi hiểu được những gì mà nhà văn Jean Paul Sartre sẽ viết ra trong cuốn **Les Mains Sales**. Làm chính trị là phải bẩn tay. Ngụ ngôn La Fontaine đã nói : *la raison du plus fort est toujours la meilleure*. Tục ngữ ta còn có câu : *được làm vua, thua làm giặc*. Tôi chán chính trị là thế.

Tôi cũng nhìn thấy rõ trong ván bài tranh đua nắm chính quyền này, phe nào thắng phe nào rồi. Trước đây, trong thời gian 5 tháng ở Saigon sau ngày Nhật đảo chính Pháp, trên chính trường Việt Nam, tôi thấy những người nằm trong các đoàn thể quốc gia như Cao Đài, Hoà Hảo, Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đại Việt... dự định bắt Trần Văn Giàu và nhóm Việt Minh nhưng nhà cách mạng lão thành là Dương Văn Giáo không đồng ý vì muốn giữ tình đoàn kết. Sau ngày 2 tháng 9, 1945, Việt Minh lên nắm chính quyền, thấy nguy cho tính mạng, Dương Văn Giáo bỏ Saigon định chạy qua Thái Lan thì bị giết chết ở dọc đường. Còn bây giờ, tại Hà Nội, trong cuộc tranh đua giữa Việt Minh và các đoàn thể quốc gia, người dân chỉ cần nhìn vào những sự việc rất bề ngoài như đem ông Nguyễn Hải Thần ra so sánh với Hồ Chí Minh, thì thấy một người đã quên tiếng Việt và nghiện thuốc phiện, một người tỏ ra muốn thay đổi lối viết quốc ngữ (dùng chữ Z thay chữ D, chữ K thay chữ C) và đóng rất giỏi vai trò một ông già ái quốc. Nếu đi sâu vào bề trong và biết được những mưu mô của Việt Minh trong việc vờ giải tán Đảng Cộng Sản, đẩy Việt Quốc vào việc ký kết với Pháp vân vân... thì lại càng thấy ai sẽ thắng ai sẽ bại ngay.

Nhưng biết là biết vậy mà thôi, vì trò chính trị lọc lừa và đổ máu, đó là trò chơi của người khác, tôi thích làm văn nghệ hơn là làm chính trị. Ngay từ lúc này cho tới mãi mãi về sau, tôi quyết tâm là không bao giờ tham dự vào các cuộc chơi đó cả.

*Thiên Thai, chúng em xin dâng chàng
Hai "trái đào thơm"...
nhại Văn Cao*

Chương Sáu

Lúc đó, tôi rất nhớ sân khấu. May thay ở Hà Nội đang có phong trào đi nghe nhạc ở phòng trà. Những phòng trà đầu tiên của thời đại là : Quán Nghệ Sĩ ở đường Bờ Hồ, do tay violonist số một là Nguyễn Văn Giệp điều khiển. Có nam ca sĩ Mai Khanh thường tới hát bài **Bên Hồ Liễu**. Nữ ca sĩ Bùi Thị Thái, người vợ tương lai của ông Quán Liên, Trưởng ban Quân Nhạc Lính Khố Xanh thì chuyên hát bài **Con Chim Lạc Bạ**. Thịnh thoảng có Dương Thiệu Tước tới đánh guitare hawaïenne và có Thẩm Oánh tới để làm xướng ngôn viên.

Ở phố Hàng Bông, có Phòng Trà Thăng Long với các nhạc sĩ Đỗ Thế Phiệt, Nguyễn Khắc Cung, Lương Ngọc Châu, Vũ Anh Thường. Tại phố Hàng Bông Thợ Nhuộm, có Phòng Trà Tuyết Sơn với Vũ Thành thối sáo. Trong đám nam ca sĩ lúc đó, tôi cho

rằng Kim Tiêu là người hát hay nhất. Trong khi tôi còn vác bài **Buồn Tàn Thu** đi lưu diễn ở trong Nam thì ở Hà Nội, chính nhờ ở giọng hát của Kim Tiêu mà những bài **Thiên Thai, Trương Chi** của Văn Cao được nổi tiếng.

Một thằng bạn của tôi tên là Đặng Trần Vận mở ra ở phố Hàng Gai một phòng trà lấy tên là THIÊNTHAI, cái tên được đặt ra như vậy là vì tất cả dân chúng lúc đó đang ở trong tầm ảnh hưởng của bài hát rất trữ tình của Văn Cao. Đây là nơi tôi được các nhạc sĩ Trần Quang Trường được đặt tên là "Schubert giả", Đỗ Lệnh Tâm được gọi là Tâm " Xi " vì da đen như củ súng, và em là Đỗ Lệnh Kiên... đệm đàn cho tôi hát. Cũng tại phòng trà này, tôi lắng xê giọng hát phái nữ hay nhất của lúc đó là Thương Huyền.

Nàng là người tình chớp nhoáng mới đây của tôi. Tên thật của Nàng là Thương. Tôi đặt tên cho Nàng một cách rất giản dị, theo lối đánh vần **thương huyền thương**. Tôi dạy cho Thương Huyền hát bài **Trào Lông**. một bài ca nhờ ở giọng hát trong trẻo của cô ca sĩ rất đa tình này mà trở thành nổi tiếng. Thương Huyền có nụ cười và hàm răng như hoa nở. Tính tình thuộc loại bạt mạng, bất cần đời. Trong buổi tiếp tân các văn nghệ sĩ tham dự Đại Hội Văn Hoá tổ chức tại nhà của họa sĩ Phạm Văn Đôn trên đường Halais, ở dưới nhà, trong không khí cách mạng, người ta ngâm thơ và ca hát, ở trên lầu, bất cần mọi người, tôi và Thương Huyền yêu nhau thắm thiết. Về sau chúng tôi còn gặp lại nhau nhiều lần trong kháng chiến.

Đồng thời, tôi cũng có một cuộc sống tạm bợ với một người tình khác đang làm nghề vũ nữ ở nhà hàng khiêu vũ Tabarin tên là Định. Hà Nội lúc đó có hai vũ nữ đẹp là Định và Thơm. Cả hai đều mê nhạc sĩ. Nàng Định ở với tôi còn nàng Thơm, lai Pháp thì lấy Đỗ Thiều, nhạc sĩ chuyên về clarinette. Vũ nữ Định đẹp một cách lộng lẫy, trông như con gái nhà lành. Hơn thế nữa, trông như con nhà quyền quý. Cô vũ nữ có đôi bàn tay rất mọng này lại là con người có tính đồng bóng. Vừa mới ngủ với người tình trong đêm, sáng ra lại trợn mắt hỏi : *Anh là ai ?* Tôi soạn cho cô vũ nữ tăng tăng này một bài hát lấy tên là **Tình Kỹ Nữ** :

*Đêm nay đôi người khách giang hồ
Gặp nhau tình trắng nước...*

Cũng vì đêm đêm tôi phải đưa đón nàng kỹ nữ (người Hà Nội gọi vũ nữ dancing là cavalière) cho nên tôi soạn ra một bài ca xã hội đầu tiên của thời đại là bài **Tiếng Bước Trên Đường Khuya** trong đó tôi mô tả những người sống về đêm và có một đoạn nhạc không lời nhái lại tiếng kêu đường của người hành khất :

*Con lạy ông con lạy bà làm ơn cứu giúp.
Con lạy ông con lạy bà cứu vớt thân con.
Khốn nạn thân con.
Khốn nạn thân con...*

Mỗi lần nghe lại bài này, tôi nhớ Hà Nội ban đêm vô kể. Nàng vũ nữ Định sau này không có một tương lai êm đềm hay sáng lạn như tôi tưởng. Nàng chết trong cảnh nghèo nàn tại một thành phố rất hoa lệ là Saigon vào thời thịnh nhất của nền Cộng Hoà thứ nhất, tức là vào năm 1960. Chết vì bệnh ho lao.

Trong chuyến trở ra Bắc này, ngoại trừ khi phải chứng kiến cuộc tranh chấp giữa các đảng phái, tôi chỉ thấy vui và vui. Vui vì thấy giới văn nghệ sĩ bắt đầu được trọng

vọng. Vui vì gặp lại thành đô yêu dấu, gặp lại bạn cũ. Vui vì có những người tình mới mẻ. Nhưng vui nhất là gặp mẹ. Bây giờ mẹ tôi không còn ở với anh Nhượng đang làm nghề thầy giáo ở Thái Nguyên nữa và về ở với anh Khiêm và người chị lớn của tôi, lấy chồng là Tham Tá Đinh Mạnh Triết, ở đường Carreau Hà Nội. Dù tôi rất xung khắc với anh ruột và anh rể -- đã từng là nguyên nhân để tôi bỏ nhà ra đi từ năm tôi 17 tuổi -- nhưng vì tôi muốn ở gần mẹ cho nên tôi cũng vui vẻ đến ở chung với hai ông anh, lúc này bớt kiêu ngạo vì bị Cách Mạng lật nhào xuống rồi. Tôi rất mừng khi thấy mẹ tôi còn mạnh khoẻ và không còn phải lo lắng cho tôi nữa. Lúc đó tôi nổi danh rồi, đi hát ra tiền rồi, không còn bị mang tiếng là xướng ca vô loài nữa.

Nhưng mãi tới bây giờ tôi mới được biết rằng người chị dâu của tôi, vợ của anh Nhượng đã chết vì bệnh thương hàn khi chị ấy còn rất trẻ. Chị ấy chết trong lúc tôi đang sống loanh quanh ở miền Nam và cũng chẳng có ai trong gia đình biết tôi ở đâu để mà báo tin buồn. Trước khi lấy anh tôi, người con gái Hưng Yên có một vẻ đẹp rất thủy mị tên là Sâm này cũng quen biết tôi và cũng có vài ba lần nhận được ở tôi dăm ba lá thư tình cho tới khi nàng về làm dâu của gia đình thì tôi chấm dứt mơ mộng.

*Từ chàng ra đi
Lưng khoác chiến y
Và hồn nương bóng quốc kỳ...*
CHINH PHỤ CA

Chương Bảy

Trong một Hà Nội rất vui vì những sinh hoạt văn nghệ do chính quyền chủ trương hay do tư nhân đảm trách như vậy thì tình hình chính trị ở trong nước thay đổi.

Qua tới năm 1946 tình hình có vẻ gay go hơn lúc Cách Mạng mới thành công. Từ Saigon, Pháp mở rộng được vùng chúng chiếm đóng. Ông Hồ Chí Minh gửi Nguyễn Bình vào Nam để chỉ huy cuộc chiến tranh du kích lúc đó được gọi là Kháng Chiến Nam Bộ. Tướng Leclerc cho tàu chiến chở đầy quân lính ra đậu ở Vịnh Bắc Việt với sự đe dọa đổ bộ vào miền Bắc để thay thế Quân Đội Tưởng Giới Thạch đã làm xong nhiệm vụ tước khí giới Nhật Bản và đang từ từ rút quân về Tàu. Để tránh một cuộc chiến tranh trên toàn quốc, ngày mùng 6 tháng 3 năm đó Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà bằng lòng ký với Pháp một Hiệp Định Sơ Bộ. Lính Pháp kéo vào miền Bắc, đóng quân ở một số tỉnh lỵ. Rồi Pháp và Việt Nam còn mở ra những Hội Nghị ở Dalat (tháng 4 và tháng 5, 45) và Hội Nghị Fontainebleau tháng 7 và tháng 9, 45) để cố tìm ra giải pháp hoà bình.

Sống trong một Hà Nội bị nung nấu bởi thời cuộc như vậy, tôi vẫn nhớ tôi là người có vinh dự hiện diện ở miền Nam khi tiếng súng Nam bộ đầu tiên nổ lên để chống lại cuộc tái xâm lăng của quân viễn chinh Pháp. Dù khi đó tôi chỉ là một anh dân quân cầm gậy tầm vông đứng gác ở Cầu Kiệu hay một anh du kích vô danh ở Gò Vấp sau đó, chạy giặc nhiều hơn là đánh giặc.

Tuy xa miền Nam, tôi vẫn luôn luôn theo dõi tình hình ở trong đó. Tôi rất thù ghét những kẻ theo Tây để lập ra Nam Kỳ Quốc như Nguyễn Văn Thinh chẳng hạn. Ngứa mắt vì sự có mặt của lính Pháp ở trên đường phố Hà Nội, tôi còn cho rằng nhóm chống đối kết tội Việt Minh "bán nước" là đúng. Tôi bức mình khi thấy những lính Pháp mà mình đã chống lại họ cách đây không lâu bây giờ lại được Chính Phủ cho đóng quân ở đây, có biết đâu rằng làm chính trị là phải gian manh, Việt Minh hoà hoãn với Pháp để rảnh tay tiêu diệt các đảng đối lập.

Rồi ngẫu nhiên tôi gặp lại Phạm Thanh Liêm, chủ tịch Ủy Ban Kháng Chiến Gia Định, người đã ký cho tôi cái chứng minh thư để tôi ra Bắc. Phạm Thanh Liêm từ một chiến khu ở miền Nam trở ra Hà Nội để báo cáo tình hình Nam Bộ với Trung Ương. Gặp tôi, sau những chuyện hàn huyên thông thường, anh nói :

-- *Cậu thích "zô" lại trong Nam để kháng chiến không ?*

-- *Zô thì zô.*

Tôi nhận lời ngay vì hai lý do : một là tôi sốt ruột vì cái tình hình ở đây chẳng ra ngô ra khoai gì cả; hai là tôi coi như mắc nợ với Phạm Thanh Liêm khi cầm trong tay cái chứng minh thư công nhận mình là oey Viên liên lạc và bây giờ thì tôi cần phải trả cái nợ này.

Khi Phạm Thanh Liêm ra Bắc thì được Trung Ương mời giữ chức Giám Đốc Trường Quân Chính ở Bạch Mai. Nhưng anh ta không nhận và chỉ muốn xin thêm cán bộ để tiếp tục trở vào Nam chiến đấu. Các ông Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp đồng ý và cho anh ấy toàn quyền chọn người vào học một lớp huấn luyện quân sự cấp tốc. Tôi là người đầu tiên mà Phạm Thanh Liêm chọn để vào học trong lớp này. Trại học là Trại Lính Khố Xanh cũ. Trại trưởng là Thiếu Tá Lê Hiến Mai -- mà chúng tôi sẽ gọi là Lê Mái Hiến vì hàm răng rất vầu của ông -- có giảng viên như Lý Ban, người của Đảng Cộng Sản Tàu được cử qua giúp Việt Minh và tới dạy chúng tôi về quân sự. Các giảng viên khác như Võ Nguyên Giáp, Trần Văn Giàu, Dương Đức Hiền thì tới dạy về chính trị. Tôi còn nhớ Dương Đức Hiền nói nhiều đến nỗi xùi cả bọt mép. Thầy Võ Nguyên Giáp thì vẫn nói rất hay giống như khi thầy dạy tôi về môn Sử- Địa ở trường Thăng Long trước đây. Sau một tháng huấn luyện, mỗi đứa trong chúng tôi được phát một bộ quần áo cán bộ với một chiếc mũ ca-lô có đính huy hiệu sao vàng. Lúc đó chưa có nón cối và dép râu.

*Ngày bao hùng binh tiến lên
Bờ cõi vang lừng câu quyết chiến...*
XUẤT QUÂN

Chương Tám

Vào mùa Xuân 1946, một chuyến xe lửa xuyên Việt đưa 13 anh thanh niên Hà Nội đi làm người hùng của thời đại. Đó là Phạm Duy, An Ngọc Phi, Nguyễn Huy Thọ, Kiểm, Thiệp, Chắt, Công... và những người mà tôi đã quên tên.

Chỉ mấy tháng sau đó, trong toán người được gọi là **Đoàn Cán Bộ 13** này, chỉ còn vài mạng sống sót. Bây giờ tôi còn nhớ được mặt Thọ, cậu cán bộ Việt Minh có nét mặt như con gái và có giọng hát hay, đó là nhờ Phạm Thanh Liêm có bức ảnh của anh ta.

Về sau Thọ làm Tham Mưu Trưởng cho một Khu Trưởng ở Nam Bộ rồi chết vì bệnh lao. Nguyễn Thúc Công, một thằng bạn hoạ sĩ rất hiền lành mà tôi quen từ ngày tôi mới theo gánh hát ĐỨC HUY vào Saigon, bây giờ là đồng chí luôn luôn ở gần tôi trong những công tác thông tin và tiếp vận. Trong đoàn còn có một anh cán bộ tên là Chắt về sau làm nghề chụp ảnh dạo ở trên đường Catinat, sau bao nhiêu năm tháng trôi qua, sau bao nhiêu biến thiên lịch sử, mỗi lần gặp tôi lại như là muốn khóc.

Thế nhưng vào lúc khởi hành của cuộc Nam Tiến này, chúng tôi vui lắm. Trên tàu hoả, được đồng bào đi cùng chuyến tàu rất quý mến và tiếp tế đồ ăn lu bù, chúng tôi hát vang những bài như **Chiến Sĩ Hải Quân**, bài hát được soạn ra khi Quân Đội Việt Nam chưa có một cái ca nô hay một chiếc thuyền buồm nào cả. Hay hát bài **Không Quân Việt Nam** nhưng rồi sẽ phải đi bộ dài dài sau khi tàu hoả ịch tới được nhà ga cuối cùng là Nha Trang. Thật là lãng mạn. Tôi cũng nổi hứng soạn ngay khi còn đang ngồi trên chuyến xe lửa này một hành khúc là bài **Xuất Quân** :

*Ngày bao hùng binh tiến lên
Bờ cõi vang lừng câu quyết chiến
Bước oai nghiêm theo tiếng súng đi tung hoành...*

Về sau, mỗi lần hát hay nghe lại bài này, tôi đều thấy những người bạn trong đoàn cán bộ 13 hiện hồn ra trước mắt tôi...

... Vào tới quá Nha Trang, chúng tôi phải xuống tàu để đi bộ vì đường xe lửa bị phá hủy. Suốt dọc đường từ đó vào tới chiến khu Nam Bộ, chúng tôi đi qua những xóm dừa đã trở thành điêu tàn không phải vì quân Pháp tới đánh phá mà vì dân chúng tuân theo triệt để chính sách tiêu thổ kháng chiến. Trước đây, khi đi theo gánh hát, tôi chỉ nhìn thấy khía cạnh no ấm và vui chơi của dân chúng miền Nam. Bây giờ, lòng tôi se lại khi thấy cảnh vườn hoang nhà nát và cảnh nghèo đói của dân quê ở nơi miền Nam đã khởi sự có khói lửa rồi. Chúng tôi phải sống tự túc vì đồng bào ở đây nghèo quá, không có thể tiếp tế gạo cho cán bộ được nữa. Nhiều ngày tôi chỉ ăn toàn đu đủ, khi đi đại tiện thấy phân vàng khè, sợ quá. Có lần anh em bắt được một con chó và đem luộc để ăn. Tôi thà nhịn đói...

Tôi được gửi về chiến khu Bà Rịa-Vũng Tàu dưới quyền chỉ huy của Trịnh Ngọc Hiền, nguyên Tư Lệnh Thân Binh, một bộ phận quân sự trước đây lo việc bảo vệ Nam Bộ Phủ. Sau khi Saigon bị Pháp chiếm, Trịnh Ngọc Hiền đem quân ra lập chiến khu ở miền Đông Nam Bộ này. Bộ chỉ huy được đặt ở vùng Đất Đỏ. Tôi được giao phó nhiệm vụ thông tin, liên lạc và tiếp vận, trực thuộc Đại úy (tự phong) Nguyễn Ngọc Kỳ.

Lực lượng kháng chiến tại khu Miền Đông Nam Bộ lúc đó còn mang tên là **Chi Đội Giải Phóng Quân**, gồm một số người đi lính cho Pháp trước đây -- gọi là lính thủ hộ -- phần nhiều đã hơi có tuổi và có gia đình rồi. Cựu công chức như kỹ sư Công Chánh, phó giám đốc Bệnh Viện, giáo viên trường Tiểu Học... cũng tham gia vào tổ chức giải phóng quân này. Thương gia giàu có cũng bỏ Saigon để đi ra chiến khu. Đồng đảo nhất là sinh viên, học sinh, con cháu anh em của những hạng người vừa

kể. Nói tóm lại là đủ mọi tầng lớp giai cấp trong xã hội. Đặc biệt là có một sĩ quan Nhật Bản, từ một trại tù binh ở Vũng Tàu, bỏ trốn qua vùng kháng chiến, gia nhập **Chi Đội Giải Phóng Quân** và là người độc nhất biết sử dụng khẩu súng liên thanh duy nhất của chi đội.

Ban Tham Mưu của Chi đội trước hết đóng ở thị xã Bà Rịa. Bị Pháp tấn công và chiếm tỉnh lỵ là rời đi Long Điền. Bị Pháp tới đánh nữa là lùi qua Đất Đỏ. Cuối cùng, khi Pháp đã chiếm hoàn toàn thị xã Bà Rịa và những đường giao thông chính ở chung quanh thành phố thì ban chỉ huy rời đi Xuyên Mộc. Khi còn ở tại một quận lỵ hay ở trong một làng nào đó thì có nơi ăn chốn ngủ là nhà đồng bào, nhưng khi ra tới Xuyên Mộc, tất cả mọi người phải sống ở ngoài trời, ăn ngủ ở ngay trong rừng. Lính giải phóng quân được phân tán đi đóng ở các nơi được gọi là các điểm chiến lược của tỉnh Bà Rịa này. Dù lúc đó Pháp tổ chức được tại những nơi chiếm đóng một số người làm tai mắt cho họ gọi là ban hội tề nhưng các ban hội tề này không hoàn toàn theo Pháp, chúng tôi vẫn có thể vào vùng Pháp chiếm để mua gạo, thực phẩm đem lên chiến khu. Gọi là chiến khu nhưng thực sự cả ban Tham Mưu cũng như các tổ binh lính đều luôn luôn di động, không bao giờ ở một nơi nào nhất định cả. Trừ thời gian bị truy nã riết quá, ban Tham Mưu phải leo lên đóng ở trên núi Mây Tào, một nơi cao nằm ở giữa ba tỉnh Biên Hoà, Bà Rịa, Phan Thiết. Ở đây phong cảnh đẹp như trong bức tranh Tàu, sau những đêm đi công tác về, tôi thường nằm ngủ ngay bên cạnh một con suối nhỏ.

Tôi không thể nào quên được những địa danh như Cầu Cỏ May, nơi chúng tôi đụng độ với lính Chà Và đội nón chóp, như Nước Nhì, Bình Ba, Long Điền, Đất Đỏ nơi tôi đi vô, đi ra như đi chợ (thật là đúng nghĩa) để làm công tác thông tin và tiếp vận. Và như Phước Bửu, một làng đánh cá nằm ở giữa Long Hải và Cù My, nơi tôi đã tới hát cho binh lính nghe vào đêm giao thừa của Tết Bính Tuất (1946).

Còn nhớ những lúc nằm cạnh họa sĩ Công trên chiếc xe bò chở gạo, lọc cọc đi từ một cái chợ nhỏ leo lên chiến khu Mây Tào, cảnh đêm trăng trong khu rừng Đất Đỏ giống như cảnh quái dị trên một tinh cầu nào đó. Tại sao màu trắng ở đây không trong xanh mà lại đỏ ngầu như màu máu ?

Còn nhớ trại huấn chính An Nhứt có Huỳnh Tấn Phát gầy gò cao ngẳng từ Hà Nội trở vào Nam đem theo những huấn thị của Trung Ương. Cũng có lúc tôi trút bỏ bộ quần áo cán bộ, giả dạng làm người Tàu, mặc áo khách quần đen ra chợ Long Điền nghe tin tức. Có lần tôi và thằng họa sĩ Công đang đi trên đường nhựa để trở về chiến khu thì thấy xe tăng Pháp ở xa chạy tới. Không kịp chạy vào rừng, chúng tôi vội vàng chui xuống nắp trong ống cống xi măng chôn ở dưới một cái cầu nhỏ. Nằm trong đó, nghe tiếng xe tăng chạy rầm rầm trên đầu, tôi cũng thấy rờn rợn.

*Mờ trong bóng chiều
Một đoàn quân thấp thoáng...*
CHIẾN SĨ VÔ DANH

Chương Chín

Trong khoảng thời gian mấy tháng ở trong chiến khu Bà Rịa-Vũng Tàu này, tôi có được đầy đủ những niềm vui, nỗi buồn của một thanh niên tự nguyện tham gia vào một cuộc chiến đấu chung. Lúc đó, không cứ gì Mặt Trận Việt Minh hay ông Hồ Chí Minh, bất cứ một Mặt Trận nào, bất cứ một lãnh tụ nào cũng có thể đẩy chúng tôi vào cuộc chiến. Còn có thể nói hơi ngoa là chúng tôi đòi được đi đánh Tây. Và riêng tôi thì chắc chắn là tôi không bị kích thích bởi bất cứ một chủ nghĩa hay bất cứ một tham vọng nào cả. Không nhân danh một giai cấp, không ham muốn địa vị chỉ huy như đội trưởng hay chính trị viên, tôi chỉ có một tình yêu nước được nuôi dưỡng từ khi còn bé và bây giờ được dịp thể hiện mỗi tình đó ra một cách rất cụ thể. Không phải chỉ hô to : **Đi là đi chiến đấu. Đi là đi chiến thắng**... mà muốn đem thân xác, đem tính mạng của mình ra để tỏ tình. Chỉ muốn làm một người tuổi trẻ vô danh trong một cuộc chiến đấu chỉ có một danh nghĩa rất giản dị : đánh Tây, cứu nước. Trong ý nghĩ đó, tôi soạn bài **Chiến Sĩ Vô Danh** :

*Mờ trong bóng chiều
Một đoàn quân thấp thoáng
Núi cây rừng
Lắng tiếng nghe hình dáng
Của người anh hùng
Lạnh lùng theo trống ròn
Trên khu đồi nương
Im trong chiều buông*

*.....
Gươm anh linh đã bao lần vấy máu
Còn xác xây thành, thời gian luống vô tình...*

Tham gia cuộc kháng chiến Nam Bộ này, tôi còn được biết thế nào là sự gian khổ của một người tay không đi chiến đấu. So với vũ khí của lính viễn chinh Pháp, chúng tôi chẳng có gì để có thể thắng họ được. Pháp chiếm đóng hầu hết các tỉnh ở miền Hậu Giang và mạnh mẽ tiến ra miền Đông. Áp dụng du kích chiến, chúng tôi làm chậm bước tiến của quân Pháp. Tôi tham dự hai cuộc phục kích, trong tay chỉ có khẩu mousqueton. Có lần chúng tôi bắt được một tù binh Pháp rất trẻ. Tôi ái ngại nhìn anh ta khi được dẫn đi, nói rằng đem về giam tại một nơi an toàn khu nào đó. Chắc bị thủ tiêu quá.

Quân Pháp nắm được các con lộ thì tiến vào rừng làm những cuộc tảo thanh. Chúng tôi lùi dần từ Đất Đỏ, Xuyên Mộc lùi tới biên giới của ba tỉnh Biên Hoà-Bà Rịa-Phan Thiết và lên đóng quân ở trên núi Mây Tào. Bây giờ, chúng tôi lại từ đó lùi ra Mũi Né và theo dọc bờ biển lùi ra tới Phan Rang. Đội viên cứ chết dần mà quân số thì không được bổ xung gì cả.

Tôi chứng kiến những cái chết âm thầm và thảm khốc của các đồng đội. Những xác bạn, có những xác đã mất đầu vì lính Pháp (chắc gốc Phi Châu) chặt cổ mang đi hay vì thú rừng tha đi, chỉ được vùi vằng vùi nông trong một khu rừng không tên không tuổi. Để không ai quên được những xác không đầu đó, tôi đã soạn bài **Nợ Xương Máu** :

*Ai nghe không sa trường lên tiếng hú
Tiếng lâm than, những tiếng người đời quên
Đi lang thang tiếng cười vang rú
Xác không đầu nào kia ?...*

Lúc đó, tôi cũng ý thức được vũ khí để đánh Tây còn có thể là văn nghệ. Là thơ, là văn, là họa, là nhạc, là kịch. Trong trường hợp ở cái chiến khu cứ bị co dần là chiến khu miền Đông của tôi lúc này, làm gì có được nhà văn, nhà thơ, họa sĩ hay đội kịch đi theo ? Chỉ có tôi để trang bị vũ khí tinh thần cho anh em bằng những bài hát yêu nước. Hơn thế nữa, tôi làm luôn công việc dân vận bằng âm nhạc nữa. Ngoài nhiệm vụ thông tin, liên lạc, tiếp vận, tôi là cán bộ văn nghệ độc nhất của chiến khu.

Làm sao quên được những đêm trong khu rừng miền Đông, có ngọn lửa chập chờn soi những khuôn mặt trẻ măng, có tôi hát những bài **Nhớ Chiến Khu, Côn Đảo...** những bài hát trước đây tôi chỉ hát để mua vui cho thính giả tại những phòng trà Hà Nội và bây giờ bài hát mới thực sự có sự sống.

Nhớ tới bãi biển đêm trăng khi tôi hát bài **Chiến Sĩ Hải Quân** cho dân chài ở Mũi Né nghe. Thật là chuyện khôi hài vì bài hát lính thủy hào hoa này nói tới chuyện ra đi không vương thê nhi đâu có phù hợp với hoàn cảnh thực tế ? Vậy mà dân chài Mũi Né vẫn khoái những câu :

*Toán chiến sĩ Hải Quân ra khơi hôm nay
Bờ nước Nam...*

Cũng ở trên một bãi biển, lần này là bãi biển ở gần Phan Rang, sống tại nhà của đồng bào có cô con gái rất xinh, bởi vì bây giờ -- than ôi -- tôi cần phải giữ đạo đức cách mạng (!) cho nên tôi chỉ soạn ra một bài hát rất dẹt dè là bài **Cây Đàn Bỏ Quên** bịa ra chuyện tôi đến chơi tại nhà cô em rồi ra về mới nhớ rằng quên cây đàn :

*Hôm sau tôi đến nhà em
Cây đàn nằm đó nhưng em đâu rồi ?
Bông hoa trên phím tươi cười
Người tiên tặng đoá hoa đời xinh xinh.*

Rồi tôi còn thắc mắc không biết cô gái -- hay người đời -- yêu tôi hay chỉ yêu nhạc của tôi mà thôi ? Câu hỏi còn theo tôi tới già :

*Người ơi tôi thường hay muốn biết
Yêu tôi hay yêu đàn ?*

Mới đây gặp lại Hoàng Xuân Yên tức Hoàng Xuyên, hiện nay là Hội Trưởng Hội Cao Niên ở San Jose, California. Anh này nhắc tới cái buổi gặp tôi ở Đất Đỏ thuộc chiến khu Bà Rịa-Vũng Tàu. Vào lúc Cách Mạng thành công ở Saigon Hoàng Xuân Yên làm Ủy Viên Cảnh Sát trong cơ Ban Hành Chánh Tỉnh Gia Định. Cũng bị Pháp đánh bật ra khỏi Nam Bộ, trên đường trở ra Bắc, anh ta gặp tôi đang công tác ở Đất Đỏ. Lúc đó không hiểu tại sao mà chúng tôi lại hát cho Hoàng Xuân Yên nghe lời ca nhại bài **Tiến Quân Ca** như sau :

*Đoàn quân Việt gian (?) đi sao mà chương thế
Bước không đều nghênh ngang trên đường vào Nam
Cờ không có lấy áo treo đầu súng...*

Phải công nhận lúc đó chúng tôi rất tếu. Có lẽ lúc đó chúng tôi không thần thánh hoá vấn đề đánh Tây lắm đâu. Vẫn trưởng thành trong khói lửa, vẫn học hỏi để trở thành con người mới trong xã hội mới nhưng vẫn vui nhộn. Chúng tôi mới có 25 tuổi thôi mà.

Hội Nghị Fontainebleau tan rã. Phái Đoàn Việt Nam bỏ ra về. Ban đêm Hồ Chí Minh tới nhà riêng của Bộ Trưởng Marius Moutet để ký bản Tạm Ước. Ở Hà Nội, Quốc Hội để nghe thuyết trình về Tạm Ước này. Lệnh ngưng bắn được ban hành ở Nam Bộ.

Cho tới đầu mùa Thu năm 46, đúng vào lúc có lệnh ngưng bắn, tôi bị thương nhẹ ở cánh tay và được phép đi Nha Trang để lên xe lửa về Bắc. Tôi ngừng chân ở Huế và ngồi chép ra 2 bài hát mà tôi đã có ở trong đầu khi còn ở trong chiến khu Nam Bộ. Một là **Chinh Phụ Ca**, nói tới ngày trở về của một chinh nhân :

*Ngựa hồng âu yếm bước sang
Trên lưng có chàng trai trắng
Đem theo biết bao nhiêu ngày vàng.*

Hai là **Thu Chiến Trường**. Bài này được soạn ra trong mùa Thu chinh chiến đầu tiên của đời mình, tôi đi chơi trong khu rừng Đất Đỏ miền Đông. Chân tôi đạp trên những xác lá vàng khô và bỗng nhiên tôi chú ý lắng tai nghe tiếng lá sột soạt dưới chân mình. Thấy được sự sống và sự chết, thấy được chiến tranh và hoà bình, thấy được tình yêu và hận thù :

*Thu ơi Thu, ta võ súng ca
Ca cho đời cho Thu với ta.
Nơi biên khu, mong nhớ khúc ca
Câu Thái Hoà cho muôn chúng ta.*

*... hoa lá quên giờ tàn
Hồn người thẫn thức trong phòng loan...*
KHÔI TÌNH TRƯỞNG CHI

Chương Mười

Trong khi tôi thích hoạt động hơn là suy nghĩ cho nên xung phong vào Nam để kháng chiến thì phong trào mở phòng trà ở miền ngoài vẫn tiếp tục bành trướng. Trên đường trở ra Hà Nội, tôi dừng chân tại Huế...

... Ở đây bây giờ có nhà hàng Tam Tinh là nơi mướn ca sĩ tới hát giúp vui như nữ ca sĩ sông Hương tên là Tuyết, về sau mang tên là Ngọc Cẩm. Có thêm anh chị Quốc Thuận mở ra một phòng trà rất đẹp do họa sĩ Phạm Đăng Trí trang trí, lấy tên là Quán Nghệ Sĩ. Tôi được mời tới hát tại cả hai nơi này, nhưng tôi chọn Quán Nghệ Sĩ vì tại quán này tôi có thêm Bùi Công Kỳ để hát chung cho vui. Bùi Công Kỳ là người Nam Định, bạn thân của Đặng Thế Phong. Nó nói nó soạn lời ca cho bài **Giọt Mưa Thu**, một điều mà tôi vẫn chưa tin là đúng hoàn toàn, vì Đặng Thế Phong chết đã từ lâu, làm sao mà mình kiểm chứng được ? Tôi rất yêu nó vì nó có một lối sống bất cần đời, lúc nào cũng say sưa nhưng không nát rượu. Nó có một giọng hát rất trầm

và khi nó hát, nó biểu diễn bài hát như một kịch sĩ chứ không đứng hát lười biếng như một số ca sĩ khác.

Về tới Huế kỳ này, tôi có một thời gian vừa đủ để nghỉ ngơi ở bên dòng Hương Giang sau những ngày tháng gian lao ở Chiến Khu Bà Rịa- Vũng Tàu, nhất là để cho tôi gặp gỡ một cuộc tình và soạn ra bài **Khởi Tình Trương Chi**. Một người con gái có vẻ như một công chúa My Nương hay một tiểu thư lá ngọc cành vàng đang sống ở trong một dinh thự rất đẹp trên con đường lên Nam Giao đã giúp tôi cảm hứng để thay thế anh Trương Chi, hát lên cho hồn người phải thổn thức trong phòng loan...

Trở lại Huế lần này cũng còn là cơ hội để tôi gặp lại thi sĩ Lưu Trọng Lư và phổ nhạc bài thơ bất hủ của anh là bài *Tiếng Thu*. Lúc đó, dù đã được Cách Mạng chiếu cố, nhà thơ rất lãng mạn này vẫn còn ngơ ngác như con nai vàng mà tôi gặp ở Tourane trong thuở tôi đang đi hát rong. Còn nhớ hoài một người tình Tàu lai mà anh "tặng" tôi lúc đó như tặng một cái... bánh ngọt. Trong kỳ tới Huế này, tôi được mời tới nhà anh Lư để nghe vợ anh -- hồi đó là chị Mừng -- đánh đàn tranh.

Trong thời gian ca hát tại Quán Nghệ Sĩ, hằng ngày chúng tôi cũng phải giao thiệp với những người làm cách mạng cực đoan như Tổ Hữu, Hải Triều, Nguyễn Chí Thanh... cho nên đêm đêm chúng tôi thường trình bày nhạc hùng nhiều hơn là nhạc tình. Tôi chuyên môn hát **Gươm Tráng Sĩ, Chiến Sĩ Vô Danh** hay **Xuất Quân**. Bùi Công Kỳ hát bài **Quật Khởi**, thơ của Phan Bội Châu do Nguyễn Xuân Khoát phổ nhạc. Với giọng hát ồ ồ của nó đi đôi với tiếng đàn piano loạn xạ của tôi, bài hát này đã được mọi người hoan nghênh :

*Sống tranh đấu mà không sòn lao khổ
Chết anh hùng mà không khuất phục ai...*

Bài hát sẽ được phổ biến rất mạnh mẽ trong dân chúng, nhất là trong giai đoạn toàn quốc kháng chiến sau này với lời hát nhại :

*Sống ăn sắn mà không thèm ăn phở
Chết trong rừng mà không có nệm bông.*

Quán Nghệ Sĩ thỉnh thoảng có thêm vài ba ca sĩ tài tử tới hát chơi, ví dụ Kiều Miên. Đó một cô gái Huế rất xinh, hát rất hay và đặc biệt là tính tình rất cởi mở, khác hẳn với người con gái Huế trầm lặng của muôn thuở. Kiều Miên là lý do để cho tôi viết ra trên 20 trang giấy những ý niệm của tôi về cuộc đời, một cuộc đời dài hơn ba vạn sáu ngàn ngày mà chúng ta phải sống. Gần đây, từ Saigon, Kiều Miên gửi ra cho tôi một đoạn viết mà tôi đã tặng Nàng hồi đó. Đọc lại những câu "triết lý" rề tiền tôi đã viết ra ở Huế vào năm 1946, tôi thấy lúc đó tuy tôi mới ngoài 20 tuổi mà tôi đã có những ý nghĩ của một ông già. Lại còn làm thơ nữa :

*Gió mưa trút xuống Hương Giang
Lòng ta dừng lại trên đàng ruổi rong.
Ra đi lưu lại chút lòng*

Mong chờ có cuộc trùng phùng mai sau.

Có lẽ cũng tại vì Huế đang đi vào mùa mưa và tôi thì luôn luôn phải đệm đàn cho Kiều Miên hát bài **Giọt Mưa Thu** của Đặng Thế Phong tại Quán Nghệ Sĩ. Dù Kiều Miên có nhí nhảnh và hoạt bát đến đâu thì cái vạn cổ sầu của người nhạc sĩ mệnh yếu này, cộng với những giọt mưa thu của Huế cũng đã bao phủ tâm hồn của tôi.

Sau khi sống một số ngày tháng dữ dằn ở chiến khu Nam Bộ, trong thời gian ở Huế này, tôi thu mình trong cái vỏ cứng của nghệ sĩ, nhưng cái không khí cả nước ra đường thì vẫn còn hùng hực ở nơi cổ đô này. Có những buổi chiều tôi được mời tới

hát ở Đài Phát Thanh cùng với các ca sĩ khác, những ống loa treo ở trước cửa Đài lôi kéo dân chúng tới đông như kiến cỏ ở hai bên bờ Hương Giang vì dân chúng đã thấy tinh thần của họ luôn luôn được nung nấu qua những bài ca Cách Mạng.

Ở Huế một thời gian, sau khi khán thính giả đã bắt đầu chán mình và mình cũng đã bắt đầu chán khán thính giả, tôi trở ra Hà Nội vào khoảng cuối tháng 10 năm 1946.

... Hà Nội vùng đứng lên
Sông Hồng reo
Hà Nội vùng đứng lên...
Nguyễn Đình Thi

Chương Mười Một

Tại miền Bắc lúc đó, tôi thấy lính Pháp đóng đầy ở thủ đô và ở các tỉnh trọng yếu theo tinh thần của bản Hiệp Định Sơ Bộ hồi tháng 3 và của bản Tạm Ước mà ông Hồ Chí Minh vừa đem về sau sự thất bại của Hội Nghị Fontainebleau. Rất nhiều vụ lộn xộn xảy ra giữa quân Pháp và các lực lượng Tự Vệ hay Thanh Niên Xung Phong.

Ngày 20 tháng 11, Tự Vệ ở Hải Phòng ngăn chặn thuyền chở hàng cho Pháp, khám xét và bắt đóng thuế Đoan, đồng thời bắt luôn vài người lính Pháp. Hai bên nổ súng. Pháp bị chết và bị thương khoảng vài chục người. Ban Liên Hiệp Kiểm Soát Việt-Pháp vội vàng từ Hà Nội xuống để giàn xếp nhưng tình hình vẫn rất gay go. Ngày 23, viên Đại Tá chỉ huy của Quân Đội Pháp ở Hải Phòng đòi ợy Ban Hành Chính phải rút hết Tự Vệ ra khỏi thành phố. Hai bên lại chạm súng. Chiến hạm Pháp đậu ở ngoài hải cảng bắn phá dữ dội vào thành phố. Hai thằng bạn khi xưa của tôi ở Hưng Yên là Thiệp và Hoàng Thư (người ngâm thơ trong ban Tao Đàn của Đình Hùng) đang đi công tác ở Hải Phòng thì gặp cuộc bắn phá. Thiệp bị chết. Hoàng Thư may mắn hơn, thoát nạn. Tại Lạng Sơn cũng có tiếng súng nổ giữa ta và Pháp.

Tại Hà Nội, người già, đàn bà, trẻ em được khuyến khích để tản cư ra vùng quê. Chưống ngại vật được dựng lên ở khắp các ngã tư. Để chuẩn bị cho cuộc chiến tranh trong thành phố mà ai cũng tin là sẽ xảy ra, các thanh niên Tự Vệ được huấn luyện cấp tốc về chiến thuật chống xe tăng và xuyên ốc chiến. Có lệnh đục các vách tường thông qua từ nhà này qua nhà nọ để tiện đường giao thông khi có cuộc chiến. Vì đã từng sống những ngày hồi hã, căng thẳng khi khởi đầu cuộc kháng chiến ở Nam Bộ cũng như đã nếm mùi chiến trường ở chiến khu Bà Rịa-Vũng Tàu rồi cho nên tôi rất bình tĩnh. Tôi tá túc tại nhà người anh rể, sống với mẹ những ngày cuối cùng của hoà bình...

... Khoảng 6 giờ chiều ngày 19 tháng 12, tôi đang đi ở phố Huế thì gặp Văn Cao. Nó hất hàm hỏi :

-- *Mày làm gì mà còn lảng vảng ở đây ?*

-- *Không ở đây thì ở đâu bây giờ ?*

-- *Gặp tao ở Hà Đông ngày mai, chỗ này...*

Nói xong, Văn Cao đưa cho tôi một mảnh giấy và hấp tấp ra đi. Tôi đốt mảnh giấy vào quần, chẳng thèm xem.

Như bất cứ hồi nào tôi trở về Hà Nội, ngoài sự tạm trú nơi nhà người anh rể, tôi thường hay tới nhà thằng bạn rất thân là Nguyễn Hiến ở đường Chanceaulme để ngủ. Nó là thằng bạn học cùng lớp với tôi ở trường Thăng Long. Nhà nó có một cái phòng rất xinh ở trên sân thượng, nơi chúng tôi hay nằm gác chân lên nhau để tâm sự. Nó thì thêm cuộc đời cô đơn và chuyển động không ngừng của tôi, tôi thì thêm cuộc đời trầm lặng bên cha bên mẹ của nó.

Vào khoảng 8 giờ tối hôm 19 đó, tôi và nó đang nằm tán phét về thời sự thì có một tiếng nổ lớn làm rung chuyển thành phố. Nhà Máy Điện bị phá hủy, đèn vụt tắt. Nổi lên những tràng súng chen với tiếng lựu đạn, tiếng mìn. Chúng tôi không ngạc nhiên vì cũng như tất cả mọi người ở Hà Nội lúc đó, chúng tôi thấy rằng việc phải đến đây đến :

-- Rồi. Đánh nhau rồi...

-- Tao đi nghe. Hiến, mày đi với tao không ?

-- Tao còn ông bà bà via, đi sao được ?

-- Thôi, ô voa...

Tôi không kịp về nhà để chia tay mẹ, vội bước đi trong đêm Hà Nội lạnh và tối om, giữa đám đông người cũng đang hối hả tìm đường di tản, tránh đi qua những nơi có tiếng súng nổ. Nhớ tới lời dặn của Văn Cao, tôi ra Hà Đông.

Sáng hôm sau, tới điểm hẹn, tôi được đưa tới Chùa Trầm và vào làm việc với Đài Phát Thanh bí mật đặt trong một cái hang đá. Ở đây, trong đêm 20, ông Hồ Chí Minh lên tiếng kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Tôi có vinh dự là một trong những ca sĩ đầu tiên cất lên tiếng hát tại Đài Phát Thanh bí mật này để động viên dân chúng. Tôi lại tìm thấy sự hào hùng mà tôi có trước đây khi xung phong vào Nam chiến đấu. Biết được rằng trong đêm 19 vừa qua, cũng có sự tấn công nhất loạt vào những nơi có quân Pháp đóng như Phủ Lạng Thương, Nam Định, Bắc Ninh, Hòn Gay, Cẩm Phả, Huế, Tourane, Vinh... tôi không còn bức mình như khi thấy Chính Phủ nhượng bộ Pháp trước đây. Vì làm việc ở Đài Phát Thanh, tôi cũng biết thêm là cuộc kháng chiến ở trong Nam Bộ do Nguyễn Bình lãnh đạo, sau khi có lệnh toàn quốc kháng chiến thì có thêm những cuộc tấn công dữ dội vào quân Pháp.

Từ tháng Tám 1945, tôi đã thấy không khí bùng bùng của Cách Mạng kéo nhân dân cả nước ra đường. Từ đêm 19 tháng Chạp 1946 này trở đi -- tối thiểu cũng là kéo dài trong một thời gian 5 năm -- tôi sẽ thấy không khí rùng rục của kháng chiến đầy toàn thể nhân dân ra đi. Và không đi bằng phương tiện nào khác hơn là đi bộ. Toàn bộ văn học nghệ thuật của thời kỳ này, nếu cần phải định nghĩa thì phải nói rằng đó là một nền văn học nghệ thuật được xây dựng trên cái nền xuống đường và khởi hành của toàn dân Việt Nam. Hồi Ký này cũng chỉ mong nói cho những thế hệ đi sau thấy được điều đó. Trong thời gian ngắn ngủi ở Đài Phát Thanh, tôi hát những bài vùng đứng lên như **Hồn Việt Nam, Gươm Tráng Sĩ...** là những bài của anh em trong làng Tân Nhạc soạn ra trong thời Cách Mạng. Phải đợi một thời gian -- cũng không lâu lắm -- mới có những bài nói lên sự vùng ra đi của toàn thể nhân dân. Tuy sống trong một cái hang ở Chùa Trầm nhưng tôi cũng hay đi chơi tại vùng quê ở gần Hà Nội này. Tôi nhìn thấy cả rừng người ở thành phố lũ lượt kéo nhau đi tản cư không lúc nào ngưng.

Gặp được người quen nào tôi cũng hỏi thăm về mẹ tôi. Khi được tin mẹ đang tản cư ở một làng nằm trong tỉnh Hà Nam, tôi vội bộ đi thăm mẹ và sống với mẹ một ngày. Rồi tôi từ giã mẹ để về cơ quan. Tôi không bao giờ gặp lại mẹ tôi nữa. Mẹ tôi qua

đời vào năm 1950 khi tôi đang ở Việt Bắc. Không được báo hiếu khi mẹ còn sống, tôi xin được mời mẹ ngự trị trong các nhạc phẩm của tôi nói về những người mẹ như **Bà Mẹ Quê, Bà Mẹ Gio Linh, Bà Mẹ Phù Sa** hay **Trường Ca Mẹ Việt Nam...**

Sau khi làm việc tại Đài Phát Thanh được ít lâu, vì bản thân là một kẻ luôn luôn không thích chôn chân ở một chỗ cho nên nhân một hôm đi chơi tại một phiên chợ quê, tôi gặp Phạm Văn Đôn và tôi quyết định làm cuộc khởi hành. Tôi nghe theo lời mời của anh chàng hoạ sĩ kiêm kịch sĩ Phạm Văn Đôn để gia nhập Đoàn Văn Nghệ Giải Phóng do anh vừa mới thành lập dưới sự bảo trợ của Vụ Thanh Niên. Lại được đi hát rong, thú quá. Đoàn văn nghệ hiện đang trong thời kỳ tập dượt tại Sơn Tây.

Trước ngày toàn quốc kháng chiến, Phạm Văn Đôn là trưởng ban kịch Hoa Lan và có tham vọng dựng vở *Lôi Vũ* của Tào Ngưu, một vở kịch nổi tiếng của Trung Hoa. Một nhà đạo diễn Trung Cộng được gửi tới để giúp cho đoàn Hoa Lan dựng vở kịch này, với bản dịch của Đặng Thái Mai. Mới chỉ trình bày được có một buổi kịch kéo dài tới bốn, năm tiếng đồng hồ tại nhà Hát Lớn Hà Nội vào thượng tuần tháng 12 thì xảy ra cuộc chiến. Thế là Phạm Văn Đôn vác cả đạo diễn lẫn diễn viên chạy ra vùng kháng chiến và đoàn kịch được Vụ Thanh Niên -- do Đào Duy Kỳ chỉ huy -- thu dụng ngay. Nhưng từ Đoàn Kịch Nói Hoa Lan tiến tới Đoàn Văn Nghệ Giải Phóng, tổ chức kịch nghệ này cần phải có thêm những ngành khác như hội hoạ và âm nhạc.

Khi tôi tới Sơn Tây là địa điểm xuất quân của đoàn văn nghệ thì trong nhóm kịch, tôi thấy có nữ diễn viên Trúc Quỳnh, người thủ vai Phồn Y trong vở *Lôi Vũ* và làm tôi say mê khi tôi có may mắn được coi buổi diễn độc nhất của vở kịch này. Có kịch sĩ Ngô Đặng Chinh với hàm răng ngựa lúc nào cũng cười toé toét. Trong nhóm nhạc, tôi thấy có vợ chồng Văn Chung. Đôi uyên ương này cũng kiêm luôn cả công tác diễn kịch. Có nhạc sĩ Phạm Văn Chường (anh ruột Phạm Văn Đôn), tác giả **Con Chim Lạc Bạ**, con người lúc nào cũng ra vẻ quan trọng. Có Thương Huyền và Mai Khanh, những ca sĩ bắt đầu nổi tiếng và có Phạm Đình Viêm (tức là Hoài Trung sau này) lúc bấy giờ mới chỉ là mầm non nghệ sĩ nhưng có biệt tài vừa đóng kịch vừa hát được đủ các loại ca, từ những bản nhạc hùng cho tới những bài hát khôi hài. Đoàn Giải Phóng là đoàn văn nghệ kháng chiến đầu tiên có một tổ chức rất quy mô. Ngoài phần kịch và nhạc ra, còn có cả môn hội hoạ kháng chiến nữa. Một thằng bạn học cùng lớp với tôi ở Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Hà Nội năm xưa là hoạ sĩ Quang Phòng, cùng với hoạ sĩ Phạm Văn Đôn, lo vẽ những bức tranh kêu gọi toàn dân kháng chiến. Những đình chùa và trường học ở trong các làng mạc Việt Nam lúc đó, ban ngày là những phòng triển lãm, ban đêm trở thành những hí trường.

Tập dượt trong một thời gian ngắn, đoàn văn nghệ ra mắt tại Sơn Tây rồi từ đó đi dần dần qua Phúc Yên tới Vĩnh Yên...

Về phần kịch, có vở **Trà Con Tôi Đây**, hình như phóng tác từ một kịch bản của Trung Cộng, đưa ra nhân vật chính là một thiếu phụ đã hoá điên khi chồng và con bị giặc Pháp giết. Nàng đi giữa cảnh hoang tàn để khóc gào và đòi mạng đứa con đã chết. Có lẽ ở ngoài đời nữ diễn viên Trúc Quỳnh là một người đàn bà không được thoả mãn về tình cho nên khi đóng vai người điên thì nàng biểu lộ được tất cả những cá tính của một người bị chứng loạn thần kinh (hystérie). Nhân vật người điên đã từng được Hoàng Cầm đưa ra trong vở kịch thơ **Kiều Loan** rồi sau này còn được Hoàng Thi Thơ đưa ra trong hoạt cảnh **Cô Gái Điên** nữa. Phải chăng các kịch tác gia của thời đại đều đã bị một nhân vật điên trong một vở hát điên đại khác là **Vân Dại** ở Sân Khấu **Chèo Cổ** ám ảnh chăng ?

Phải công nhận rằng với sự giúp đỡ của tay đạo diễn Trung Cộng và với tài năng tuyệt vời của Trúc Quỳnh, vở **Trà Con Tôi Đây** là một thành công rất lớn của đoàn văn nghệ kháng chiến. Ngoài vở kịch gây căm thù và nung nấu tinh thần chiến đấu của toàn dân đó, đoàn văn nghệ còn đưa ra vở hài kịch **Thằng Thộn** để hưởng ứng phong trào truyền bá quốc ngữ, với chuyện một anh con trai đi hỏi vợ, do Phạm Đình Viêm đóng, nhưng vì mù chữ cho nên chẳng có ai thèm lấy làm chồng cả. Cả hai vở kịch đều rất dễ hiểu và làm cho khán giả nông dân rất thích thú, coi như đã đáp ứng được khẩu hiệu đại chúng hoá mà những nhà lãnh đạo đưa ra lúc đó.

Về phần nhạc, Văn Chung phổ nhạc một bài thơ của thi sĩ Nga Sô Simonov với lời dịch của Tố Hữu nhan đề **Đợi Anh Về**. Bài này phải hát với nhiều bè thì mới lột được cái hay của nhạc phẩm. Phạm Văn Chường rất chăm chỉ trong việc tập dượt hát bè cho các ca sĩ. Về phần tôi thì khung cảnh toàn dân lên đường đi kháng chiến khiến cho tôi có nhiều cảm hứng. Vì nằm trong một tổ chức của Vụ Thanh Niên, tôi phổ nhạc một bài thơ của ông Vụ Trường Đào Duy Kỳ nhan đề **Thanh Niên Ca**. Rồi theo cái đà đó, tôi soạn thêm mấy bài thanh niên ca khác như **Nhạc Tuổi Xanh**, **Thanh Niên Quyết Tiến** và **Về Đồng Hoang**.

Bài **Nhạc Tuổi Xanh** lập tức được mọi người hát ngay vì nó nói lên lòng tự tin của thanh niên vào lúc đó :

*Cùng đi, đem máu lên đỏ ngọn cờ (ớ ơ)
Cùng đi, đem sức trai đổ xuống bờ, bờ ruộng xanh
Tôi cùng anh, ta tranh hùng chờ ngày hoà bình
Nồng nàn sống (ư) vui tuổi xanh.*

*.....
Đường ta, ta cứ đi.*

Nhà ta ta cứ xây.

Ruộng ta, ta cứ cấy đợi ngày,

Ngày mai bao ầm no, diệt xong quân Pháp kia,

Cười vang ta hát câu tự do...

Tôi còn nhớ là khi tôi soạn bài **Nhạc Tuổi Xanh**, tôi đang đi trên một cánh đồng mà lúa đã mọc cao, tôi phải giơ hai tay ra để rẽ lúa mà đi. Những làn sóng lúa thơm như ôm lấy tôi, phả hương lúa vào tôi, vuốt ve tôi bằng những cánh lúa. Tôi cũng như muốn ôm cả cánh đồng lúa vào lòng mình... Tôi cho rằng hành khúc trong thời gian này của tôi -- cũng như của các bạn nhạc sĩ khác -- ngoài tính chất hoan ca ra còn được tưới thêm rất nhiều tình cảm của thiên nhiên -- *sentiment de la nature*.

Những bài hát soạn cho thanh niên như bài **Nhạc Tuổi Xanh** này và những bài thanh niên ca khác không còn dữ dội như những bản nhạc hùng mà tôi soạn ra khi còn ở trong chiến khu Nam Bộ. Bây giờ nó muốn mang vẻ tươi mát như màu xanh của tuổi trẻ. Và lại, trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến, toàn dân đều hứng khởi và ủng hộ cuộc chiến, lòng ai cũng như muốn reo lên một niềm vui trong chiến đấu, do đó mấy bài thanh niên ca của tôi -- cũng như những bài của các nhạc sĩ khác -- đi vào quần chúng rất nhanh.

Bài **Về Đồng Hoang** thì nói lên nỗi vui của thanh niên khi...

*... Từ phố phường rời ra thôn quê
Anh em ta quyết chí về đồng hoang.
Đem máu căm hờn về bồi nương*

*Dưới thôn ta xây hầm, lập bao chiến khu vững bền.
Đồng ruộng kia ta gieo cấy thù
Để mọc lên ngàn muôn cánh lúa.
Vượt đồi cao, đồng xa, vượt núi, núi non.
Nơi cô thôn, ta xây cánh đồng kháng chiến...*

Tuy nhiên cũng có người sợ cái trường kỳ của cuộc kháng chiến này rồi. Tôi còn nhớ một thiếu phụ trẻ măng khi nghe xong bài **Về Đồng Hoang** đã nói với tôi :
-- *Anh Phạm Duy ơi ! Đồng quê bát ngát nuôi toàn quốc đấu tranh vài năm... thôi, chứ đấu tranh muôn năm thì sợ quá, anh ơi...*

Trong thời gian này, các nhạc sĩ khác cũng có chung một ý nghĩ như tôi, ai cũng muốn phản ánh việc hàng ngàn, hàng vạn, hàng triệu người lớp lớp ra đi. Ngay từ khi có Nam Bộ kháng chiến rồi kể từ ngày toàn quốc kháng chiến trở đi, trước sau là những bài như **Du Kích Ca**, **Tiếng Súng Nam Bộ**, **Đoàn Lữ Nhạc** của Đỗ Nhuận, **Đoàn Giải Phóng Quân** (sau đổi là Đoàn Vệ Quốc Quân) của Phan Huỳnh Điểu, **Cảm Tử Quân** của Hoàng Quý, **Nhạc Đường Xa** của Phạm Duy Nhuận, **Hồ Leo Núi** của Phạm Đình Chương... tất cả đều là nhạc khởi hành. Và đều chất chứa tình cảm của thiên nhiên chứ không còn là những hành khúc được viết ra ở trong phòng the và được hát lên ở trên phố phường như xưa nữa. Loại nhạc Cách Mạng và Kháng Chiến, ngoài nhạc tính hào hùng ra bây giờ có thêm chất lãng mạn. Đó là nhạc Cách Mạng Lãng Mạn.

Ngoài nhiệm vụ sáng tác bài hát tươi mát cho thanh niên, tôi còn là một ca sĩ chuyên môn hát nhạc hùng. Sân khấu kháng chiến cũng cần có những bài hát mạnh mẽ. Và bài **Hồn Việt Nam**, thơ của Phan Bội Châu do Nguyễn Xuân Khoát phổ nhạc được hát lên. Bởi vì tôi có kinh nghiệm sân khấu hơn Thương Huyền, Mai Khanh và Phạm Đình Viêm, tôi luôn luôn làm cho màn hát của mình có thêm phần ngoạn mục. Chẳng hạn khi tôi trình bày bài **Giết Giặc** cũng của Nguyễn Xuân Khoát : ... *A ha. Ta phải giết lũ tàn ác gian tham...* thì tôi đeo một đôi găng tay đan bằng len màu đỏ và vừa hát vừa làm những điệu bộ rất dữ dội. Trong đêm tối đen chỉ có ánh đuốc chập chờn, hình ảnh anh chàng ca sĩ trẻ, đeo kính cận thị, có đôi bàn tay như là nhuốm máu và cái miệng la hét om sòm trông cũng có vẻ mới lạ và hấp dẫn đấy chứ ?

Phạm Đình Viêm cũng là ca sĩ được khán giả hoan nghênh. Anh rất thành công với những bài hát có điệu bộ của Nguyễn Xuân Khoát như **Con Voi**, **Con Mèo Mà Trèo Cây Cau**, **Thằng Bờm Có Cái Quạt Mo**... Đó là chưa kể sự thành công của anh ta trong loại nhạc hùng dù là đơn ca hay hợp ca.

*Cùng đi đem máu lên đỏ ngọn cờ
Cùng đi đem sức trai đổ xuống bờ, bờ ruộng xanh...*
NHẠC TUỔI XANH

Chương Mười Hai

Vào mùa Xuân năm 1947 này, đoàn văn nghệ của chúng tôi đang đóng quân ở Vĩnh Yên, sau khi từ Sơn Tây qua Phúc Yên để tới đây. Đã tới nơi sản xuất ra một loại

sơn dầu đặc biệt của nước ta. Ở vùng này, trước khi tổ chức Quân Nhu gửi được người vào vùng Pháp chiếm để mua nylon đem ra làm áo che mưa cho bộ đội, tôi thấy người ta chế ra những tấm vải có sơn dầu không thấm nước, dùng để bọc quần áo và thức ăn khi gặp mưa.

Chúng tôi gặp cái lạnh đầu tiên trong kháng chiến. Lạnh này chưa thấm thía gì so với cái lạnh Bắc Kạn hay Lạng Sơn sau này. Nhưng bây giờ, ngoài thứ vải sơn dầu để che mưa, người đi kháng chiến có thêm cái áo trấn thủ màu xanh cứt ngựa rất giản dị và rất ngộ nghĩnh đối với thanh niên thị thành như chúng tôi. Trong cái Tết kháng chiến đầu tiên này, tôi thấy không còn gì ấm lòng hơn là được đồng bào đem đến tặng cho đoàn văn nghệ những cái bánh chưng còn nóng hổi. Tình gia đình đang thiếu thốn, có tình đồng bào đến để thay thế. Chúng tôi ngồi ăn bánh chưng ở trên ổ rơm để hưởng hương vị ngày Tết. Lúc đó đoàn văn nghệ đi tới đâu cũng thường ăn ở tại những nơi công cộng như trụ sở của Ủy Ban Hành Chính-Kháng Chiến (gọi tắt là Hành-Kháng) đặt ở trường học hay đình chùa. Riêng tôi vì thích sống tách rời nên tôi thường tới ăn ngủ ngay ở trong nhà đồng bào. Đêm đêm tôi ngồi ở trong màn đốt nến lên để viết nhạc.

Vì luôn luôn được thảo luận với nhà đạo diễn Trung Cộng đang làm cố vấn cho Đoàn Văn Nghệ Giải Phóng nên tôi được biết những nhạc phẩm của Nhiếp Nhĩ, tác giả của bài quốc ca Trung Cộng. Tôi có soạn lời ca tiếng Việt cho bài quốc ca đó và soạn luôn lời Việt cho bài *Đông Phương Hồng* là bài hát xưng tụng Mao Trạch Đông. Tôi còn làm lời ca tiếng Việt cho bài *Quốc Tế Ca* nữa. Làm lời ca tiếng Việt nhưng không phổ biến, chỉ muốn tự mình có thể hát lên những bài mình cần biết vào thời điểm đó. Nghe, ngâm nghĩ và rút kinh nghiệm. Tôi còn tò mò muốn biết thêm về một trường ca nhan đề *Hoàng Hà Đại Hợp Xướng* cũng của tác giả Nhiếp Nhĩ. Tôi cũng còn muốn hiểu thêm về loại dân ca mới của Trung Cộng được gọi là ượng ca. Nhà đạo diễn Trung Cộng giảng giải cho tôi nghe và chính nhờ ở những buổi học tập này mà tôi quyết định tung ra loại dân ca mới của Việt Nam, khởi đầu bằng bài *Nhớ Người Thương Binh*. Ngay từ lúc đó, tôi cũng nuôi ý định soạn những trường ca giống như bài *Hoàng Hà Đại Hợp Xướng*.

Miền trung du vào thời điểm mùa Xuân 1947 là nơi có đông đảo đồng bào ở các đô thị di tản lên. Những thành phố nấm (ville champignon = được gọi như vậy là vì mọc lên một cách rất nhanh chóng, do dân tản cư tạo ra) đã có mặt ở nhiều nơi và là những chợ trời với khá đầy đủ những đồ tiêu dùng mà người đi kháng chiến cần đến hằng ngày như sà phòng, thuốc đánh răng, kim chỉ, thuốc men... Nhất là có những quán cà phê với sữa đường và thuốc lá là những thứ mà dân tiểu tư sản thành thị đang làm việc tại các cơ quan Hành-Kháng di động lúc nào cũng thèm. Tôi hay la cà suốt ngày ở những nơi này và chỉ trở về địa điểm trình diễn vào lúc sắp khai diễn. Và tôi gặp một người bạn tên là Lý Ngọc, dân phố Bờ Hồ (sát phố Hàng Dầu của thời tôi còn thơ), đang chống nạng đi trong chợ trời...

Lý Ngọc là lính trong Trung Đoàn Thủ Đô, ở lại Hà Nội để chống cự với lính Pháp cho tới khi bị thương và bị cưa chân. Trung Đoàn Thủ Đô với các anh em thanh niên Tự Vệ giữ được Hà Nội từ đêm 19 tháng 12 năm 1946 cho tới ngày 17 tháng 2 năm 1947 mới chịu rút lui, đem theo rất nhiều dân thành phố và để lại cho Quân Đội Pháp một Hà Nội vắng tanh, đổ nát và buồn thiu.

So với thời tôi kháng chiến ở Nam Bộ, luôn luôn phải đối mặt với súng giặc, với gian lao, với cái chết... thì mấy tháng đầu của cuộc toàn quốc chiến này có vẻ thanh bình

quá, nên thơ quá. Tôi thành thạo đi hát và soạn ra những thanh niên ca vui tươi cho đám người đang rời bỏ các thành thị ra sống ở đồng quê và đang nhìn cuộc kháng chiến đẹp như trong tiểu thuyết. Gặp Lý Ngọc, tôi có ngay đề tài mới để đưa vào một bài dân ca mới đầu tiên của nhạc Việt Nam hiện đại. Theo tôi, nhân vật điển hình và nổi bật của thời đại không phải là những thanh niên rời bỏ thành thị đi về đồng quê mà phải là anh thương binh. Có lẽ tôi là người đầu tiên đưa nhân vật điển hình này vào âm nhạc. Mấy tháng sau, trong Tuần Lễ Thương Binh, Trung Ương mở cuộc thi soạn bài hát cho thương binh, tôi có gửi dự thi bài dân ca mới của tôi nhưng bài hát bị đánh rớt bởi những ông ngồi chấm giải như Tống Ngọc Hạp hay Lưu Hữu Phước. Tôi nghĩ có lẽ lúc đó người ta còn quan niệm dân ca phải là của vô danh. Tác giả mà soạn dân ca là hỗn. Ủa ? Thế loại *ương ca* (tức là dân ca mới) của Trung Cộng là sai à ?

Tôi không có thì giờ và hơi sức để cãi nhau với họ, cứ lằm lũi soạn thêm những bài dân ca mới khác như *Mùa Đông Bình Sĩ, Ru Con, Nhớ Người Ra Đi...* với quan niệm là phải làm mới loại dân ca cổ truyền. Phải phát triển giai điệu ngũ cung đang nằm chết trong một hệ thống. Phải chuyển giai điệu qua nhiều hệ thống ngũ cung khác nhau. Nói cho đúng ra, vào lúc đó, tôi soạn dân ca mới hoàn toàn với bản năng. Tôi chỉ cảm thấy phải dùng lại những điệu dân ca cổ truyền một cách khôn ngoan. Cũng may là trước kia tôi sống ở vùng Bắc Giang Yên Thế và thuộc nhiều điệu hát quan họ. Chưa kể những năm đi theo gánh hát Cải Lương tôi còn biết thêm nhiều điệu hát sân khấu và điệu hát địa phương. Tôi chưa đem lý trí vào việc sáng tác để có thể phát triển giai điệu một cách mạnh mẽ hơn nữa -- ví dụ trong các Trường Ca -- như sau khi đi học về nhạc ngữ trong hai năm ở Pháp. Tôi cũng thấy rõ ràng là 90 phần 100 đồng bào của chúng ta là dân quê cho nên đưa ra hình thức dân ca mới vì tôi cho rằng quân ca hay thanh niên ca chỉ phản ánh tâm tình của tuổi trẻ thuộc lớp thị dân mà thôi. Dân ca mới phản ánh được tâm tình của dân quê. Tôi đã quyết định ngay từ lúc đó là cùng tiến lên với nhân dân. Nhất định không đưa ra những hình thức âm nhạc xa vời đối với nhân dân.

Tuy nhiên, trong đoàn văn nghệ Giải Phóng, với sự có mặt của những nhạc sĩ như Văn Chung, Phạm Văn Chừ... không phải chúng tôi chỉ chủ trương tung ra những bài hát soạn theo đường hướng dân ca của tôi. Những nhạc phẩm khác, soạn theo lối nhạc chủ thể của Âu Mỹ, dù là cổ điển hay tân kỳ, cũng đều được biểu diễn tới đa. Trước hết là những bài như Đoàn Lữ Nhạc của Đỗ Nhuận mang hành điệu của loại nhạc *fox trot*, rồi tới những bài soạn theo lối hát tự do (aria) như *Hồn Việt Nam* và *Giết Giặc* của Nguyễn Xuân Khoát, hai bài này có rất nhiều tính chất bi kịch (operatic). Rồi tới những bản hợp ca dài như một màn tiểu-ca- kịch (micro-opera) của Tây Phương, như *Bài Hát Của Người Hà Nội*, thơ của Chính Hữu do Lương Ngọc phổ nhạc và *Đội Anh Về*, thơ của Simonov do Tố Hữu dịch ra tiếng Việt và do Văn Chung phổ nhạc... Bất cứ một loại nhạc nào cũng đều được tự do đưa nở miễn là nó đề cao sức mạnh của dân tộc trong công cuộc kháng chiến đầy thú vị này.

Kìa đoàn người đi trong đêm qua rừng âm u
Người lạnh lùng nghe mưa Thu trên từng ba lô...
ĐƯỜNG VỀ QUÊ

Chương Mười Ba

Phải có cuộc Cách Mạng và Kháng Chiến thì mới thấy câu châm ngôn *thời thế tạo anh hùng* là đúng. Cách mạng Việt Nam không phải tới năm 1945 mới có. Kể từ ngày đầu tiên Pháp tới xâm chiếm, luôn luôn có những phong trào Cách Mạng. Từ Cần Vương, Văn Thân qua Đông Kinh Nghĩa Thục tới Việt Nam Quốc Dân Đảng, suốt trong 80 năm bị đô hộ, lúc nào cũng có những hoạt động cách mạng ở trong hay ngoài nước. Nhưng không có phong trào nào thành công vì chưa gặp thời.

Thời thế chỉ tới vào lúc Thế Chiến 2 vừa kết thúc, Pháp bị lép vế ở Việt Nam, Nhật chuẩn bị đầu hàng, nước ta được bỏ trống, các tổ chức chính trị ủa ra, đảng nào mạnh và giỏi thì đảng đó nắm chính quyền. Đám thanh niên thuộc tuổi tôi và không theo đảng phái nào thì chỉ biết nhào ra theo Cách Mạng. Nghe thấy có tổng khởi nghĩa là hè nhau đi cướp chính quyền. Thấy Pháp trở lại Việt Nam thì xung phong vào kháng chiến Nam Bộ. Rồi khi có lệnh toàn quốc kháng chiến là đua nhau rời phố phường về nơi thôn quê xây làng chiến đấu. Cách Mạng và Kháng Chiến thu hút tất cả thanh niên, không chừa một ai cả.

Lúc đó, đại đa số chúng tôi là những cậu *học trò thò lò mũi xanh* vừa mới lớn lên, những chàng công tử bột hoặc ông vua thất nghiệp. Chưa có mấy người trong chúng tôi được học hành ở một trường quân sự hay ở một trường chuyên môn nào cả, nhưng khi ra với kháng chiến thì anh này trở thành tiểu đội trưởng, anh kia trở thành Giám Đốc Nha Khoáng Chất, anh nọ trở thành chuyên viên tình báo. Tất cả đều là ứng chế (improviser) hết. Bao nhiêu mặc cảm nô lệ bỗng nhiên tiêu tan, chúng tôi thấy trong lòng tràn đầy sự tự tin. Hơn nữa, chúng tôi còn thấy đời mình đã được thay đổi hoàn toàn.

Ngoài cơ hội trăm năm một thuở được trở thành chiến sĩ trong cuộc kháng chiến, đời sống của lớp thanh niên chúng tôi đã khác hẳn thời trước. Chúng tôi không còn phải tùy thuộc vào thời giờ nữa, không phải bận tâm vì những chuyện phù phiếm ở thị thành như đi bát phố, coi cinéma, nghe máy hát... không phải lo nghĩ tới công ăn việc làm, tới lương cao hay lương thấp. Túi tiền luôn luôn trống rỗng, vậy mà chẳng bao giờ chúng tôi phải quan tâm. Không có mộng làm giàu, mơ tưởng nhà lầu xe hơi, kim cương vàng bạc. Mộng lớn nhất trong lúc này chỉ là một bộ kaki hay một cái áo blouson Mỹ. Tài sản là tất cả những gì mình mang ở trên người hay bỏ trong balô, được mệnh danh là *xí nghiệp*. Giấc mơ của chúng tôi được tóm tắt trong câu châm ngôn của thời đại :

*Bút máy Pac-Ke (Parker)
Đồng hồ Uy-Le (Wyler)
Nằm giường tre
Lấy vợ tạch-tạch-sè (tiểu tư sản)
Đi xe đạp cuộc (course)*

Trong một nền kinh tế tự túc, mọi người dường như sống trong sự bình đẳng tuyệt đối. Ngày tháng đi qua rất mau. Đời sống lại rất thanh thoi dù đang có chiến tranh. Riêng đối với tôi, sau khi nhìn rõ tận mắt sự an phận của người dân sống trong thôn ổ dưới thời nô lệ thực dân hồi tôi lên Bắc Giang làm ruộng vào năm 1939, bây giờ tôi thấy rõ ràng là có sự đổi thay trong nếp sống của dân quê khi Cách Mạng tới. Nhất là trong thời điểm toàn dân kháng chiến này.

Dân quê bây giờ oai lắm. Nhà thơ Quang Dũng, qua một bài thơ đầu mùa kháng chiến, cho ta nghe thấy *tiếng quát dân quân đầu vọng gác*, và cho ta nhìn thấy cảnh vô cùng thân mật của *anh tự vệ xách đèn chai lói xóm*... Trước đây, ở thị thành, đời sống của chúng tôi bị tách rời ra khỏi đời sống chung của dân tộc. Bây giờ, chúng tôi được quay về với nếp sống thôn ồ, bỏ quên điện nước, bật lửa, trà tàu, làm quen với nùn rơm (tức là mồi rơm), thuốc Lào, nước vối. Không có ai phản đối những sự thay đổi này cả. Nếu bây giờ có dăm ba điều mới thì nó cũng chẳng hề làm mất đi sự thi vị của đời sống thôn quê. Chẳng hạn qua chính sách bình dân học vụ, ở những cổng chợ bây giờ có người đứng gác. Ai không đọc được chữ i chữ tờ trên bảng phấn thì không được vào chợ. Rất độc tài nhưng cũng rất vui, nếu ta có dịp nhìn thấy các ông già bà già cười ngặt nghẽo khi bị khảo chữ. Các em bé quê bây giờ cũng được săn sóc một cách kỹ càng. Làng xóm xưa kia trầm lặng thì bây giờ nổi lên những tiếng trống ếch ròn rã, ai mà không thích ?

Lúc này lại còn có thêm một chính sách gọi là *đời sống mới* được Chính Phủ đưa ra để khuyến khích mọi người thay đổi tác phong trong lối sống hằng ngày. Ngay từ những việc tầm thường nhất. Ví dụ trong bữa cơm tập thể, chúng tôi được dạy cho biết cách dùng đôi đũa theo lối mới nghĩa là dùng đầu đũa xuôi để gắp đồ ăn, rồi và cơm bằng đầu đũa ngược. Ăn cơm mà cứ như là múa đũa vậy. Vấn đề vệ sinh công cộng rất được chú ý. Dù việc đại tiện vẫn là cái thú thứ hai sau cái thú được làm quận công, nhưng bây giờ ai *đi đồng* -- đúng nghĩa vô cùng -- thì phải mang theo cái xẻng. Rồi tới tác phong phê bình và tự phê bình. Người nào xưa nay có lối sống vị kỷ đến đâu thì bây giờ cũng phải hoà mình vào lối sống tập thể.

Đó là chưa kể cuộc du lịch thần tiên trên đất nước, nhất là ở miền trung du này, có những ngọn đồi êm ái nằm dài như *chờ gót lãng du* (!) Dù tôi cũng đã đi khắp mọi nơi trên cả ba miền đất nước nhưng bây giờ cuộc ra đi của tôi có nhiều ý nghĩa hơn...

Sau khi hát xong ở Vĩnh Yên, Đoàn Văn Nghệ lên đường tới Việt Trì và ghé thăm Đoàn Chuẩn. Anh bạn nhạc sĩ này là quý tử của ông chủ xưởng chế nước mắm Vạn Vân. Bước vào nhà anh là đụng phải những chum và vại. Đoàn Chuẩn về thành rất sớm, tung ra ở Hà Nội và Hải Phòng những bài hát lãng mạn rất hay như **Thu Quyển Rũ, Gửi Gió Cho Mây Ngàn Bay**...

Con đường cái nối liền các tỉnh miền Bắc bị phá hủy hoàn toàn làm cho sự đi lại rất là khó khăn vì phải khách bộ hành phải vượt qua những chướng ngại vật hay những hố sâu. Vả lại con đường xe hoả bị lộn hết đường rầy để tiến lên Phú Thọ lại chính là con đường ngắn hơn con đường nhựa. Chúng tôi leo lên đường rầy để đi tới vùng có một di tích lịch sử quan trọng là Đền Hùng. Gặp Tạ Ty, Văn Thanh đang lếch thếch đi theo tổ chức Bình Dân Học Vụ của Nguyễn Hữu Đang trên con đường rầy này.

Hát xong ở Phú Thọ là chúng tôi nhắm hướng Bắc mà đi. Đây rồi, hai thành phố lịch sử Yên Bái, Tuyên Quang. Chúng tôi được đi trên những con đường lịch sử nhắc nhở tới các liệt sĩ trong Việt Nam Quốc Dân Đảng của ngày trước và chúng tôi cũng nghĩ rằng mình đang đi trên những con đường tạo ra lịch sử của ngày hôm nay. Thật là hạnh phúc. Nhưng cũng đau lòng khi thấy nhà cửa đã bị phá hủy.

Tại Yên Bái, ngồi trên đồng gạch vụn, tôi nhớ tới Nguyễn Thái Học và các đồng chí của ông. Rồi chúng tôi gặp vợ chồng Văn Cao cũng đang từ đâu đó leo lên Tuyên

Quang. Lại vui như Tết. Thằng bạn này đang được Đảng chiếu cố cho nên ăn nói đã có vẻ "chính trị" lắm rồi. Thấy tôi vẫn tếu như xưa, nó mắng tôi là hủ hoá. Vậy mà nó vẫn còn mê gái như tôi : ca sĩ Mai Khanh ở trong đoàn văn nghệ có cô bạn gái tên là Hoàng Oanh. Con nhỏ cứ hết tống tình thằng Văn Cao lại quay ra quyến rũ tôi khiến cho cả ba thằng Cao-Duy-Khanh suýt nữa trở thành trò cười cho cô ả lẳng lơ này. May thay, đoàn văn nghệ không đậu lâu ở đây. Ít lâu sau, Văn Cao cùng với gia đình dọn lên ở Lào Kai khi Đoàn Văn Nghệ Giải Phóng tới trình diễn ở cái tỉnh biên giới này.

Không biết Văn Cao hoạt động cho Cục Tình Báo từ bao giờ nhưng vào khoảng đầu mùa hè của năm 1947 nó mở ra một phòng trà với cái tên là Quán Biên Thùy ở Lào Kai, bề mặt thì là một nơi giải trí nhưng bề sâu là một tổ chức tình báo. Lúc đó, đối diện với Lào Kai vẫn còn là vùng Trung Hoa Quốc Gia chưa bị nhuộm đỏ hoàn toàn. Văn Cao cố thuyết phục tôi ở lại hát cho phòng trà của nó khi Đoàn Văn Nghệ Giải Phóng ra đi. Với bản tính thích thay đổi, tôi lạnh lùng giã từ đoàn văn nghệ. Đã tưởng rằng sẽ chẳng bao giờ gặp lại các "đồng chí" trong chặng đường Sơn Tây-Lào Kai này nữa, ai ngờ hơn một năm sau tôi lại làm việc chung với họ tại Thanh Hoá thuộc Liên Khu IV.

Sau khi đã sống tại một tỉnh biên giới miền Đông là Moncay lúc mới 17 tuổi, đã từng bước qua chiếc cầu sắt để đi đánh bạc ở thị xã Đông Hưng bên Tàu, bây giờ tôi lại được sống bên một chiếc cầu biên giới khác, cũng có một sông tài xiủ của thị trấn Cốc Lếu ở bên kia sông đang chờ đợi mình. Không hiểu vì lý do gì, thị xã Lào Kai vẫn còn nguyên vẹn. Nhà cửa theo kiểu Tàu được xây trên những con phố nhỏ, đường xá là những con dốc khuất khuỷu đắm chìm trong sương sớm. Tôi tới Chapa khi xưa là nơi nghỉ mát của thực dân ở cách Lào Kai không xa và được nghe người Mèo thổi *khène* nghe như tiếng chim kêu.

Quán Biên Thùy đông nhân viên lắm. Tất cả đều là dân Hà Nội. Tôi cũng không để ý nhiều tới hoạt động tình báo của quán này, chỉ ngờ rằng ở vùng Lào Kai còn khá nhiều đảng viên của Việt Nam Quốc Dân Đảng. Sau khi bị Việt Minh tảo thanh từ vùng trung du, Việt-Quốc tập trung ở đây để sẽ lánh qua Trung Hoa. Nhân viên tình báo của Quán Biên Thùy này đang đi lòng Việt Quốc để báo cho Công An tới bắt hay báo cho bộ đội tới tiêu diệt. Tôi biết rằng Việt Quốc trước đây sống nhờ ở tiền thuế của sông bạc Cốc Lếu, nay sông bạc này phải đóng thuế cho Việt Minh. Nhưng tôi không muốn biết thêm nữa vì tôi còn bận việc ca hát và... ái tình.

Quán Biên Thùy có ban nhạc, có ca sĩ và có luôn cả nữ chiêu đãi viên nguyên là vũ nữ Hà Nội. Tôi bắt tình với một cô và soạn bài **Bên Cầu Biên Giới**. Bài này là một trong những bản nhạc tình hiếm hoi của thời đó cho nên được phổ biến một cách rộng rãi và nhanh chóng. Nó được soạn ra khi tôi ôm một cô vũ nữ kiêm tình báo viên vào lòng nhưng thực ra nó phản ánh sự viễn mơ của tôi, trong khi đang đi chiến đấu, tuy đưa mắt nhìn về một vùng đau thương chốn làng cũ quê xưa nhưng vì đang đứng trên chiếc cầu biên giới cho nên vẫn thèm được vượt cầu ra đi để *sống bên người đẹp Tô Châu hay chết bên bờ sông Danube*. Từ năm 1947 đó cho tới 1975, chẳng lúc nào tôi dám tin rằng giấc mộng này lại có thể được thực hiện một cách dễ dàng. Nhưng sau khi bỏ nước ra đi và định cư ở Mỹ rồi thì tôi thấy rằng thực hiện mơ ước đó là một chuyện quá dễ. Trong cuộc sống lưu vong buồn tẻ, nhiều khi tôi tự an ủi : trong đau khổ phải xa quê hương cũng có một chút hạnh phúc, vì mình thực hiện được một giấc mơ nuôi nấng lúc còn trẻ măng. Cái này bù đắp cái kia. Tôi chưa có dịp đi gặp người đẹp Tô Châu nhưng đã tới sống bên sông Danube. Có lẽ cũng

chỉ nên thực hiện một nửa giấc mơ mà thôi. (1)

Trong thời gian ở Lào Kai với Văn Cao, tôi còn được cái thú tới hút thuốc phiện tại dinh của một lãnh chúa người Nùng là Hoàng A Tường, người đang cộng tác mật thiết với anh chàng tình báo Văn Cao. Tôi chẳng bao giờ biết nghiện một thứ gì ở trên đời nhưng tôi rất thích nằm cạnh bàn đèn để bù khú với bạn bè. Thuốc phiện chẳng bao giờ làm tôi say cả nhưng thứ thuốc phiện được hạ thổ lâu năm của Hoàng A Tường lần nào cũng đánh gục hai "anh hùng" kháng chiến là Văn Cao và Phạm Duy.

Tại nơi địa đầu của miền Bắc này, tôi gặp anh bạn của thời ấu thơ là Đoàn Bính, lúc này mang biệt hiệu là Giang Cao và là Giám Đốc Nha Khoáng Chất-Kỹ Nghệ của Liên Khu X. Giám Đốc Giang Cao đang đi công tác nghiên cứu đất đai để khai thác hầm mỏ ở khu vực này. Anh ta bèn rủ tôi cùng đi. Chúng tôi tới địa hạt của một thứ lãnh chúa người Nùng khác tên là Vương Chí Sinh. Cũng như ở trong khu vực Hoàng A Tường, tại đây gia đình nào cũng hút thuốc phiện. Cha một bàn đèn, mẹ một bàn đèn, con trai con gái trước khi ra nương làm việc thì nằm hút với cha, với mẹ vài ba chục điếu. Lạ lùng nhất là họ hút như vậy mà người con trai nào cũng tráng kiện, người con gái nào cũng má đỏ môi hồng. Không có vẻ gì là thiếu não như tôi thường thấy nơi những người nghiện ở Hà Nội. Lúc ở Lào Kai, chúng tôi còn rất trẻ, đang đi theo kháng chiến, đang mở rộng lòng ra với cuộc đời và đang sắp sửa được nhồi sọ về vấn đề tư sản và vô sản thì chúng tôi thấy người Nùng ở vùng này có một phong tục về tài sản rất hay.

Đôi vợ chồng mới lấy nhau -- hoặc lấy nhau đã lâu -- và khi vợ báo cho chồng biết là mình có thai thì chồng vác cuốc đi tìm một mảnh đất hoang nào đó rồi khởi sự khai đất ngay. Trong suốt thời gian 9 tháng 10 ngày vợ mình mang thai, mỗi ngày anh phải tiếp tục vác cuốc ra mở rộng thêm diện tích của mảnh đất mà anh đã chọn. Anh có thể làm việc một mình hay có bạn bè tới phụ giúp. Hoặc anh có thể thuê thêm người giúp anh khai hoang. Miễn sao anh có một mảnh đất đã được chuẩn bị kỹ càng cho việc gieo giống vào ngày mà vợ anh sinh nở. Ngày con anh ra đời, nếu là con trai thì anh trồng thuốc phiện trên mảnh đất đó. Nếu là con gái thì anh trồng bông. Đứa bé sinh ra là có ngay một tài sản. Nó lớn lên cùng với tài sản của nó. Trong khi người ở vùng xuôi đợi cho con cái mình lớn lên rồi mới tính tới chuyện gây dựng thì ở vùng Bắc Việt này, trong sắc tộc Nùng, cha mẹ gây dựng cho con cái từ khi nó mới chỉ là trứng nước bào thai.

(1) Rồi, đi Tô Châu rồi...

*Một đoàn người trai hiền ngang
Đeo trên vai nợ máu xương
Vui ra đi không buồn, nhớ, thương...*
KHÔI HÀNH

Chương Mười Bốn

Ngọc Bích là một nhạc sĩ đi theo tôi trên rất nhiều chặng đường kháng chiến. Không có nó trong chặng thứ nhất là chặng Nam Bộ Kháng Chiến. Trong chặng thứ nhì, khi tôi cùng Đoàn Văn Nghệ Giải Phóng đi từ Sơn Tây theo dọc đường sắt lên tới Lào Kai thì thằng này đã là một đoàn viên không chính thức của đoàn rồi. Nghĩa là nó có lộ trình riêng của nó, nhưng cũng vẫn chỉ là con đường bộ như của chúng tôi, ven theo dòng Sông Hồng từ miền trung du lên tới thượng du. Nó sống độc lập và thỉnh thoảng mới tới hát chung với đoàn Giải Phóng. Nhưng khi tôi ở lại Lào Kai với Văn Cao thì thằng Ngọc Bích cũng ở lại đó luôn. Và nó đã hát cùng với tôi tại cái quán có cái tên đích thực là quán BIÊN THUY này. Nó cũng soạn ra những bài hát kháng chiến hay những bản nhạc tình và nhờ tôi giúp nó trong việc sửa lời hay soạn lời, ví dụ những bài như **Bà Già Giết Giặc, Giấc Mơ Ngàn...** Thêm vào các loại nhạc ra đời tại vùng kháng chiến như dân ca mới, hành khúc, nhạc cảnh, tiểu nhạc kịch... bây giờ với Ngọc Bích, nhạc kháng chiến có những bài soạn theo nhạc jazz của Hoa Kỳ. Thế mới là vui.

Tôi ở lại Lào Kai với Văn Cao trong ít lâu rồi lại vác ba lô ra đi. Thằng Ngọc Bích cũng đi theo tôi ngay. Nó còn đi với tôi trên chặng đường kháng chiến thứ ba từ Lào Kai qua Bắc Kạn, đi chặng thứ tư từ Bắc Kạn xuống Thái Nguyên rồi qua Cao-Bắc-Lạng, đi chặng thứ năm từ Lạng Sơn về Chợ Đại Cống Thèn và đi chặng thứ sáu từ Khu III vào Thanh-Nghệ-Tĩnh. Trong chặng đi thứ bảy là chặng Bình-Trị- Thiên thì không có thằng Ngọc Bích nhưng lại có em gái của nó tên là Ngọc Khanh cùng đi với tôi. Trong kháng chiến, tôi còn phải đi thêm hai chặng đường nữa, những chặng đường thứ tám, thứ chín có nhiều vinh quang và tủi nhục hơn những chặng đường trước. Rồi cuối cùng là chặng đường *dinh tể* thứ mười đầy nước mắt.

Trong ba bốn năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc, những văn nghệ sĩ rời thị thành đi ra thôn quê đều là những người tự động tham gia cuộc chiến đấu chung và dù có gia nhập vào một tổ chức văn nghệ nào của chính quyền thì cũng được tự do đi lại, tự do sáng tác hay biểu diễn. Chỉ tới khi có Đại Hội Văn Hoá lần thứ hai được tổ chức tại Bắc Kạn vào năm 1950 thì mới có những đường lối về văn nghệ được Ban Chấp Hành đưa ra để văn nghệ sĩ học hỏi. Trong tình trạng như hiện nay, chưa có lúc nào chúng tôi phải học tập chính trị hay bị chính trị chỉ huy. Ngay cả trong thời gian văn nghệ sĩ kéo nhau về làng Quần Tín thuộc tỉnh Thanh Hoá vì bị hấp dẫn bởi tài năng văn võ song toàn của tướng Nguyễn Sơn, mọi người cũng chỉ được nghe vị Khu Trưởng Liên Khu IV này kể lại câu chuyện ông đi theo Mao Trạch Đông trong cuộc Vạn Lý Trường Chinh như thế nào, nghệ sĩ ở Trung Cộng đã dựng kịch Lôi Vũ của Tào Ngưu ra sao... hoặc nghe nhà văn hoá Mác Xít chính công Đặng Thái Mai nói chuyện văn hoá chung chung. Cũng có những lớp văn hoá được mở ra ở làng Quần Tín này nhưng nặng về văn nghệ hơn là về chính trị. Vào lúc mà mọi người mới chỉ nghe thoáng khẩu hiệu dân tộc-khoa học-đại chúng và chưa có ai được học tập về một chính sách văn nghệ nào đó để thực hiện phương châm này, trong phạm vi âm nhạc, tôi đem ý kiến đó ra để thử thách trong loại dân ca mới. Khoa học hoá nghĩa là phát triển dân ca cổ truyền, nhất định không cố chấp trong việc bảo tồn vốn liếng dân tộc. Làm nhạc cho dân quê có thể hát được, đó là đại chúng hoá.

Khi còn ở trong Đoàn Văn Nghệ Giải Phóng, tôi cũng nuôi ý định đưa ra thêm một loại ca nữa mà tôi gọi là *quân ca*, tiếp tục dòng nhạc hùng mở đầu bằng bài **Xuất Quân** soạn ra trong cuộc Kháng Chiến Nam Bộ. Trong chuyến đi về xuôi và vòng lên Đông Bắc này, tôi và Ngọc Bích nhận làm việc cho Cục Chính Trị với tư cách là cán bộ văn nghệ được đồng hoá với cấp đại úy. Được cấp giấy công tác, được lĩnh lương, tôi không nhớ là bao nhiêu, chỉ biết là vào lúc đó tôi không bị thiếu thốn trong

việc ăn uống, chi tiêu lặt vặt. Đi tới đâu cũng là khách quý của Bộ Chỉ Huy và được sống chung với bộ đội, lúc đó được gọi là Vệ Quốc Quân. Nhiều khi còn được đi hành quân với bộ đội, do đó tôi có cảm hứng để soạn ra những *quân ca* mà họ có thể vừa đi vừa hát, ví dụ những bài như **Đoàn Quân Việt Nam** hay **Khởi Hành** trong đó không phải chỉ có tiếng nói của người thanh niên biệt ly đời gấm hoa, vui đời áo nâu mà thôi. Bây giờ là:

Quân đi chung một lòng thương

Quân đi với tình yêu nước.

hay là:

Một viên đạn là một quân thù

Súng cầm tay xây đời ấm no.

Là nghệ sĩ sáng tác nhiều hơn là trình diễn, tôi và thằng Ngọc Bích không ở lâu trong bất cứ một đơn vị nào cả. Lịch trình đi hay ở là hoàn toàn do chúng tôi định đoạt. Khi đó, không hiểu vì sao mà hai thằng lại muốn đi qua Bắc Kạn ? À, nhớ ra rồi, chúng tôi nghe đồn Bắc Kạn bây giờ là Thủ Đô Kháng Chiến, vui lắm. Vậy thì ta đi...

Suối ơ

Bên rừng Thu vắng

Dòng nước trôi lững lờ ngoài nắng...

Văn Cao

Chương Mười Lăm

Trên lộ trình từ Lào Kai xuống Yên Bái, Tuyên Quang rồi rẽ sang Đại Từ, Thái Nguyên đi ngược lên Bắc Kạn, chúng tôi bắt đầu nếm mùi gian khổ của đường rừng với những dốc cao, suối lớn. Đường mòn ẩm ướt nhiều khi chui ra từ rừng rậm rồi đi ven theo những bờ vực thẳm. Sợ nhất là bị vấp cần. Buồn nhất là đường vắng vẻ đến rợn người. Bắt đầu làm quen với thần sốt rét nhưng vào lúc đó chúng tôi còn dự trữ được khá nhiều những viên thuốc ký ninh (quinine). Tuy vậy, vào những buổi chiều dừng chân đóng trại bên bờ suối -- thực ra trại chỉ là một cái giường bằng cành cây trong một cái lều tranh hay cỏ -- tôi cũng tìm thấy hạnh phúc khi ngồi trên những phiến đá lớn, nhìn ngọn nước rừng ào ạt chảy xuôi, lòng tôi cũng rào rạt chảy theo...

... Khi tới Bắc Kạn thì quả rằng Bắc Kạn vui thật. Gặp lại nhiều bạn cũ đang làm việc trong các cơ quan của Chính Phủ Kháng Chiến đặt ở trong rừng. Nhân viên ngày ngày ra thị xã Bắc Kạn để ăn chơi theo kiểu *tạch-tạch-sẻ* -- tức là tiểu tư sản -- nghĩa là vào tiệm sách, vào hàng bán tạp hoá, vào quán ăn, quán cà phê, quán nước. Có luôn cả một thứ phòng trà dã chiến để cho tôi tới hát nữa. Tài tình nhất là nếu muốn hút thuốc phiện, cũng có sẵn một vài nơi có bàn đèn. Ngoài cái thú được sống lại đời sống thị dân có đèn điện và nước máy, tôi được mời tới thăm một cái trại giam lỏng người Pháp ở cách thành phố độ dăm bảy cây số. Trại này có những ngôi nhà rộng, rất có vệ sinh, không có hàng rào bằng tre hay giây thép gai. Một thứ nhà tù không có chấn song. Nhìn những cô đầm thật hay đầm lai đẹp như tiên rong chơi bên một dòng suối rất êm đềm giống như dòng suối trong bài **Suối Mơ** trước đây. Thêm *trả thù dân tộc* quá, nhưng ông bạn Trưởng Trại có hàm râu quai nón tên là Lương

không cho. Lối cư xử đối với những người Pháp bị giữ này cũng có vẻ rất là nhân đạo.

Tại Bắc Kạn, tôi vẫn tiếp tục soạn ra ba loại ca kháng chiến của tôi. **Dân ca** thì có thêm **Người Lính Bên Tê** soạn cho chiến dịch địch vận. Ngay từ năm 1947 này, tôi đã đưa cái ý niệm *bên ni, bên tê* rồi :

*Bên tê là phía sâu u.
Có người dân Việt
Gục đầu trên đất tù.
Bên ni là phía tự do...*

*.....
Anh ơi. Quay súng lại đây.
Máu người dân Việt còn cần cho luống cày.
Tôi mong từng phút từng giây
Sống chẳng oán thù, để chờ anh tới đây.*

Thanh niên ca thì có bài **Đường Về Quê** :

*Một đoàn người đi miên man trên đường gian nan
In hình qua mây núi xanh lơ bát ngát...*

Bài này cũng có chung một cảm hứng với những bài nhạc nói lên sự kiện cả nước ra đi, ví dụ những bài **Đoàn Lữ Nhạc** của Đỗ Nhuận, **Nhạc Đường Xa** của anh tôi là Phạm Duy Nhuận. Đường về quê hương đẹp lắm chứ, khi...

*... đoàn người đi trong đêm qua rừng âm u
Người lạnh lùng nghe mưa thu trên từng ba lô...*

Quân Ca thì có **Việt Bắc, Thiếu Sinh Quân** Tôi thích bài **Việt Bắc** . lắm vì trong đó có những câu kết rất hiên ngang và tin tưởng :

*Rừng còn mịt mù
Đang chờ loài giặc đến
Núi rừng chập chùng lên
Sẽ là mồ thực dân.*

Tôi còn soạn bài **Quân Y Ca** vì có dịp làm quen với hai chị em cô Hà và cô Lan, em gái của Cục Trưởng Quân Y Vũ Văn Cẩn :

*Đoàn Quân Y
Tươi cười ra đi...*

Tôi lại gặp anh Nguyễn Xuân Khoát ở tỉnh Bắc Kạn này. Gầy gò hơn trước, chân đi đôi giày to tổ bố. Tôi rất mê những bài anh mới viết ra như **Tiếng Chuông Nhà Thờ**, đối với tôi lúc đó là một bài poème symphonique vĩ đại. Bài **Gọi Nghé** của anh đẹp như một bức tranh sơn cước. Tôi rất thích những câu hát a be ghé ơi của anh, nghe như tiếng gọi của đôi nương ban chiều. Sau này khi viết bản **Nương Chiều**, tôi nghĩ rất nhiều tới tiếng hát gọi nghé của anh Khoát. Cùng với Ngọc Bích tôi còn tới Trường Thiếu Sinh Quân để sinh hoạt với Đỗ Nhuận và Lưu Hữu Phước. Mấy ông Cách Mạng thứ thiệt này sẽ ít khi rời khỏi Trung Ương ở An Toàn Khu để ra đi như tôi.

Bỗng gặp một người mà tôi quen biết từ khi tôi còn đi theo gánh hát Cải Lương ở trong Nam. Tên là Vũ Văn Thiết. Đã từng làm việc với một hãng buôn Nhật Bản là ATAKA trước và sau thời Nhật đảo chính. Rồi đi theo Cách Mạng làm Chính Trị Viên ở Khu VIII trong Nam Bộ. Cùng lúc tôi ở trong Nam trở về Bắc, nó cũng từ Khu VIII đi ra, hai thằng gặp nhau ở Quảng Ngãi. Kháng chiến toàn quốc xảy ra thì nó làm việc tại Bộ Canh Nông ở Tuyên Quang. Khi gặp tôi ở Bắc Kạn thì Vũ Văn Thiết đã đổi sang làm Giám Đốc của Vụ Ngoại Thương. Nó thấy tôi là vội kéo đi ăn rồi xong bữa

ăn, nó đưa tôi tới một nơi có bàn đèn thuốc phiện để hai thằng nằm hút. Giữa những điều thuốc, nó tâm sự với tôi về một chuyện không may xảy ra cho nó. Vì nó muốn giúp cho vợ một người bạn, tặng người này một số bông sợi nên đang bị kết án là bán đồ của Chính Phủ. Chưa biết lúc nào Công An sẽ tới bắt nó. Nó có vẻ dinh tề đến nơi rồi. Quả nhiên hôm sau thấy nó biến mất. Vào ngày mùng 7 của tháng 10 năm 47, tôi đang đi công tác ở một địa điểm cách xa thị xã 10 cây số thì được tin Quân Pháp nhảy dù xuống Bắc Kạn.

Đây là một chiến dịch lớn nhất từ khi xảy ra cuộc chiến tranh Việt- Pháp, với 12.000 quân Pháp tấn công vào vùng Việt Bắc với mục đích tiêu diệt chủ lực quân của Việt Minh và bắt sống toàn thể nhân viên Chính Phủ. Một đoàn quân dùng đường số 4, từ Lạng Sơn đánh lên Cao Bằng. Một đoàn quân khác, với những tàu chiến nhẹ, đi trên ngược dòng Sông Lô, đánh bọc từ Việt Trì lên Tuyên Quang. Riêng ở Bắc Kạn thì vì muốn bắt trọn bộ phận đầu não của kháng chiến nên Pháp đã dùng lính nhảy dù.

Về sau tôi mới biết là Vũ Văn Thiết đã có mặt trong đám lính nhảy dù này. Ngay sau đêm nằm chơi với tôi, nó vào thành và được Pháp trọng dụng. Rồi nó được Pháp cho nhảy dù xuống Bắc Kạn cùng với toán quân. Với một vụ tấn công bất ngờ như vậy, thế mà quân Pháp đã không thành công trong việc bắt các lãnh tụ Việt Minh mà chỉ giải thoát được hai trại giam là nơi giam giữ những người quốc gia và nơi giam lỏng những Pháp kiều. Anh trại phó đã bị giết ngay khi lính Pháp tới chiếm trại này.

Ngoài Bộ Trưởng Nguyễn Văn Tố không may bị bắt, tất cả các nhân viên Chính Phủ Kháng Chiến chạy thoát. Chủ lực quân của Việt Minh lọt vào giữa gọng kìm của hai đoàn quân Pháp vừa chống cự, vừa rút lui khỏi vòng vây. Hơn thế nữa, tại bến Bình Ca, Vệ Quốc Đoàn phối hợp với dân quân du kích, bắn vào các tàu chở lính Pháp ở trên Sông Lô, cầm chân không cho tiến tới hoặc rút lui. Pháp phải cho phi cơ tới oanh kích mạnh mẽ, tàn quân mới rút được về xuôi. Kế hoạch của Tướng Salan không thành công như ý muốn. Đối với Việt Minh thì đây là những chiến thắng đầu tiên của kháng chiến.

Từ ngày khởi đầu cuộc kháng chiến toàn quốc, đây là lần đầu tiên Pháp tung ra một chiến dịch lớn nhất vì có tới 12.000 quân. Nhưng chiến dịch được đặt tên là LÉA của Tướng Salan này thất bại hoàn toàn vì mục tiêu thứ nhất là bắt gọn Chính Phủ Kháng Chiến bằng quân nhảy dù tại Bắc Kạn thì mục tiêu đó không đạt được.

Mục tiêu thứ hai là tiêu diệt chủ lực quân của Việt Minh thì trong cánh quân miền Tây, những đoàn tàu chở lính Pháp bị đánh dài dài trong suốt 18 cây số từ bến Bình Ca cho tới Đuan Hùng. Sau đó, tôi được phái qua miền Sông Lô để lấy cảm hứng sáng tác và khi biết trận chiến ở đó đã xảy ra ra sao tôi mới thấy rằng không có cách nào mà Pháp có thể thắng Việt Minh được. Trong gọng kìm phía Tây này, những lính Pháp được đưa từ Tuyên Quang tới Đuan Hùng bằng đường thủy trên những chiếc tàu đổ bộ gọi là L.S.T. (chứ không phải là trên những chiến thuyền có loại súng nặng). Quân đội kháng chiến đào hố sẵn ở hai bên bờ sông và nằm chờ những chiếc tàu chở 'địch quân tới. Hồi đó trong Quân Đội Việt Minh làm gì có Pháo Bình với những loại súng thần công tối tân của Nga hay Mỹ ? Lúc đó chỉ có hai khẩu 75 ly lấy được của Pháp từ hồi Cách Mạng thành công. Khi mấy chiếc tàu L.S.T. chở lính Pháp chạy tới bến Bình Ca thì người lính Vệ Quốc Quân nằm chực sẵn ở trên bờ, chỉ cách tàu địch có khoảng 15 thước, nhắm bắn mục tiêu bằng cách nhìn qua lỗ súng rồi lắp đạn vào, giật giây nổ. Lúc đó có ai biết tính toạ độ hay cự ly ra sao đâu ? Ở mỗi một ổ phục kích, chỉ cần bắn 1 hay 2 quả đạn vào 1 hay 2 chiếc tàu đổ bộ, thế

là đủ thắng trận rồi. Bắn xong là khiêng súng chạy lên chạy xuống dọc theo con sông để rồi lại nằm ở từng khúc sông, lấp đạn bắn vào những chiếc tàu khác hoặc để giáp trận với những toán quân địch đã leo được lên bờ. Một tiểu đoàn Vệ Quốc Quân gần như nhịn ăn, nhịn uống, nhịn ngủ, đánh giặc ba bốn ngày đêm không ngưng nghỉ, trong đoàn quân không có một ai sợ chết, và rất lạ lùng là cũng không một ai bị hi sinh cả. Chỉ có một anh bị thương xoàng ở chân mà thôi.

Nói về cả một chiến dịch thì những thắng lợi Sông Lô chỉ mới là những chiến công cục bộ bởi vì trong lúc khởi đầu của chiến dịch LÊA, gọng kìm lớn ở miền Đông là Bắc Kạn và Lạng Sơn vẫn còn rất mạnh. Nhưng tinh thần của đoàn quân Pháp ở gọng kìm Tuyên Quang xuống tới đất đen trong khi tinh thần của Vệ Quốc Quân và của toàn dân lên vùn vụt nhờ ở những chiến thắng tại sông Lô này. Những người phục vụ cho Cục Chính Trị như chúng tôi được khuyến khích để làm cho Chiến Thắng Sông Lô trở thành một chiến công vô cùng rực rỡ. Bây giờ nếu có ai tò mò -- như tôi -- đi tìm đọc những cuốn quân sử của Pháp viết về chiến tranh Đông Dương, sẽ chẳng thấy một dòng chữ nào cho cái được gọi là Trận Sông Lô này cả. Nhưng trong chúng tôi lập tức có ngay những tuyệt phẩm như bài **Lô Giang** của Lương Ngọc, bài này duyên dáng, mượt mà, giống như nét mặt của tác giả -- một nhạc sĩ Tây lai -- xuất thân từ Khiêu Vũ Trường và đã từng chiến đấu trong Trung Đoàn Thủ Đô :

*Lô Giang
Dòng nước trong xanh
Có nhà mái xinh bên đồi núi cao.
Lô Giang
Dòng nước êm du
Ánh vàng vút cao khi trời cười vui...*

.....
*Bao phen súng thần công vang
Pháp kia kinh hoàng trốn xuống đáy sông làm ngầu nước trong...*

Bài **Trường Ca Sông Lô** của Văn Cao là một tác phẩm vĩ đại. Thắng bạn này vẫn là một kẻ khai phá. Nó là cha đẻ của loại Trường Ca. Về hình thức, bài của nó chẳng thua gì bất cứ một tuyệt phẩm nào của loại nhạc cổ điển Tây Phương. Nét nhạc của trường ca rất mạnh khỏe, rất tươi sáng. Nhịp điệu vô cùng phong phú với những chuyển đoạn rất tài tình. Bài này đánh dấu sự trưởng thành của Tân Nhạc, mở đầu bằng một câu nhạc vô địch về dài hơi :

*Sông Lô
Sóng ngàn Việt Bắc bãi dài ngô lau núi rừng âm u
Thu ru bến sóng vàng từng nhà mờ biếc chìm một màu khói thu.*

*Sông Lô
Sóng ngàn kháng chiến cháy bờ lau thưa đã tàn thôn trang
Ai qua bến nắng hồng lặng nhìn màu nước sông Lô xưa...*
Bài **Du Kích Sông Thao** của Đỗ Nhuận có tất cả khối nặng của nét nhạc và của tiết điệu. Nó nặng nề và oai nghiêm giống như khuôn người của Đỗ Nhuận :

*Hồng Hà
Mênh mông trôi cát tới chân làng quê
Dưới sông nhiều bến ai về có thấy đồng mía nương chè
Với những tình thắm trên làng quê...
Hồng Hà
Chơi vơi dòng nước trên nguồn về khơi*

*Sông Thao ngoài bến Việt Trì có những chàng áo nâu về
Say mê dòng nước ôi tràn trề...*

Đó là chưa kể những bài như **Bến Bình Ca** của Nguyễn Đình Phúc, **Tiếng Hát Trên Sông Lô** của tôi, mỗi bài đều có những đặc điểm riêng về nhạc thuật nhưng đều chung nhau nói lên một cách hùng hồn sự tự hào của dân tộc trong chiến thắng đầu tiên của kháng chiến này. Tất cả những bản nhạc vừa kể trên cộng với những bức họa, những bài thơ, những truyện ngắn về chiến thắng này làm nức lòng toàn dân và toàn quân trong vùng kháng chiến, đang ở trong tình trạng bi quan và chủ bại vì cuộc tấn công rất mạnh mẽ của Pháp. Gọng kìm phía Đông của Pháp trong chiến dịch LÉA này cũng bị thua liểng xiểng. Trên đường số 4, đoàn quân Pháp bị phục kích và bị tiêu diệt ở những địa điểm như Bông Lau, Đông Khê, Thất Khê... Ngọc Bích và tôi đều soạn những bài hát cho chiến thắng này. Tôi còn nhớ một đoạn lời ca của bài **Bông Lau** :

*Bông Lau, Bông Lau rừng xanh pha máu
Hương thơm sơn khê toàn dân nhớ đến
Khi quân ta tiến ra như phong ba oán thù
Và quân Pháp một đi không về...*

*.....
Đoàn quân hát vang từ miền chiến chinh về
Thân hiên ngang, nhuộm đầy máu me...*

Một vài đoạn của vài bài quân ca khác mà tôi đã quên, thì có người còn nhớ và ghi lại :

*Một ngày mai cánh tay ta
Vứt đầu rơi máu tuôn ra
Rừng cây núi đỏ như sắc cờ...*

Thế là tôi và Ngọc Bích được sống thực sự trong không khí chiến tranh khi bị lọt vào khu vực nhảy dù trong một chiến dịch lớn nhất từ trước tới nay. Tôi có may mắn là ở xa Bắc Kạn 10 cây số cho nên chẳng mất mát gì, nhưng thằng Ngọc Bích thì ở ngay gần thị xã cho nên mất mẹ nó cái ba lô và cây đàn. May không bị lính Pháp chop được hay tặng cho một viên đạn. Chạy thoát khỏi cuộc nhảy dù của lính Pháp này rồi, Ngọc Bích và tôi gặp nhau ở Đại Từ. Tỉnh Bắc Kạn đã trở thành một nơi nguy hiểm, hai thằng bèn rủ nhau đi tìm cảm hứng trên một nẻo đường khác.

Chúng tôi xuống Thái Nguyên để trợ lực cho một đoàn văn nghệ nhỏ của anh tôi là Phạm Duy Nhuận, tác giả bài **Nhạc Đường Xa**, một bài hát rất phổ biến tại Việt Bắc thời đó. Anh Nhuận là giáo viên của tỉnh này và bây giờ được Tỉnh Ủy giao cho điều khiển một ban văn nghệ. Nhân viên toàn là học sinh của thầy Nhuận. Nhân ông Trường Chinh có mặt tại đây, ban văn nghệ được lệnh tổ chức một đêm trình diễn cho ông ta coi. Sau buổi diễn có bữa cơm thân mật. Tôi ngồi cạnh Trường Chinh, thấy ông ta có lòng bàn tay đỏ như son. Giống như bàn tay của Trần Trọng Kim.

Tôi không muốn ở lâu tại Thái Nguyên. Vì trước đây tôi được phái lên phụ giúp trông coi một cái Ấp nhỏ ở Lan Giới thuộc Nhã Nam (Yên Thế-Bắc Giang) bây giờ tôi nóng lòng muốn trở lại nơi đó...

*Hôm nay mới gặp Tàn Thủy Hoàng
Bạo chúa như ông sượng hay khổ...
Hoàng Cầm - KIỀU LOAN*

Chương Mười Sáu

Cuối năm 1947 đó, tôi và Ngọc Bích từ tỉnh lỵ bị tiêu hủy hoàn toàn là Thái Nguyên đi bộ qua Bắc Giang, tìm về làng Lan Giới thuộc khu Nhã Nam, Yên Thế. Tôi rảo bước đi trên con đường rất quen thuộc được xây trên mặt đê của con sông đào. Tôi nhớ lại câu hát quan họ mà tôi hát lên trong thời tôi làm nghề nông và sống ở vùng này :

*Ngồi rằng, ngồi tựa a a a cái con sông đào,
Hỏi rằng là người tri kỷ y y y y
Ầy mấy có ra vào, ra vào có mấy vắn vương...*

Từ xa đi tới, tôi nhận ra cái ấp nhỏ vẫn đang nằm êm ả trên một ngọn đồi thấp. Tôi sắp tới một nơi chưa đựng không biết bao nhiêu là kỷ niệm êm đẹp của tôi khi tôi mới hai mươi tuổi. Tới nơi thì biết rằng mấy ngôi nhà ở trong ấp và mấy trăm mẫu ruộng của ông bà Tuần Phủ Lê Đình Trân đã bị tịch thu. Một ủy ban nào đó đang quản trị cái ấp và những mẫu ruộng này. Như đã nói trong Hồi Ký Tập II, có lần tôi là con nuôi của ông bà Tuần Phủ Trân và được cha mẹ nuôi tin cậy gửi lên Nhã Nam để phụ giúp cho người em của bà Trân, trông coi cái đồn điền rất xinh xắn nhất ở nơi đây. Tôi biết cấy ruộng, gặt lúa, xay thóc, giã gạo không thua một anh nông dân nào.

Xin nhắc lại là khi đó tôi có hai người tình là gái quê một trăm phần trăm, mà lại là gái quê vùng Yên Thế. Trong lần trở về vùng quê cũ này, tôi chỉ gặp lại một người mà xưa kia tôi có ý định lấy làm vợ. Nàng tên là Hạ và là con gái lớn của một ông Chánh Tổng. Cảnh làng mạc có đôi phần đổi thay, tôi hỏi thăm đường về nhà ông bố vợ hụt. Gặp ông, thấy ông khách mệnh quá trời. Mẹ kiếp, ngày ông còn trẻ, ban ngày ông là dân lành, ban đêm ông nổi lửa đi ăn cướp, ông bị tù gần một gông, tôi biết chuyện này mà.

Gặp lại cô gái quê, thấy nàng vẫn chưa lấy chồng, vẫn còn đẹp, vẫn quần quật lao động và còn lao động "vinh quang" hơn trước nhiều. Cho mọi người coi giấy công tác của Cục Chính Trị, chúng tôi bèn được hậu đãi ngay. Trong mấy ngày ở lại đây, tôi được hưởng những đêm ái ân nồng cháy trên ổ rơm thơm phưng phức bên người đẹp nhà nông có thân hình cứng như... gỗ lim này. Đến bây giờ tôi vẫn không hiểu tại sao lúc đó tôi không ở lại Nhã Nam, lấy phút cô gái quê này làm vợ, trở thành một anh nông dân không tên tuổi ? Ấu cũng là số kiếp... và rồi tôi cũng đã nhanh chóng chia tay với tình yêu để đi "nằm việc nước" (!)

Tôi và Ngọc Bích vác ba lô đi tìm Bộ Chỉ Huy của Khu XII. Ở đó, tôi gặp Hoàng Cầm. Nó đang chuẩn bị thành lập một đội văn nghệ cho chiến khu này cùng với nhà viết kịch Hoàng Tích Linh, diễn viên Trúc Lâm và vợ chồng Văn Chung, đôi uyên ương này cũng đã bỏ Đoàn Văn Nghệ Giải Phóng của Phạm Văn Đôn và lò mò sang đây. Có thêm vài ba mầm non mới gia nhập đoàn văn nghệ như Hiền thời saxo chẳng hạn. Tôi và Ngọc Bích nhập ngay vào cái đội văn nghệ chỉ có vồn vện bấy, tám người đó để từ Bộ Chỉ Huy, chúng tôi đi lưu diễn ở những nơi có Vệ Quốc Đoàn đóng quân trong ba tỉnh Bắc Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn.

Gặp Hoàng Cầm, tôi yêu nó ngay. Nó bằng tuổi tôi. Trong khi tôi thích đùa rỡn thì nó giống như một ông đồ non, lúc nào cũng ngồi hút thuốc lào, rung đùi, trầm ngâm. Nó đang sống chung với Tuyết Khanh, nữ kịch sĩ của một đoàn kịch do nó và Hoàng Tích Linh thành lập vào khoảng đầu thập niên 40 là đoàn ĐÔNG PHƯƠNG. Tuyết Khanh là người thủ vai chính trong vở kịch thơ **Người Điên** của Hoàng Cầm.

Vở kịch còn mang thêm cái tên **Kiều Loan** này, đáng lẽ được ra mắt công chúng tại nhà Hát Lớn Hà Nội vào trung tuần tháng chạp 1946 nhưng cuộc toàn dân kháng chiến chống Pháp bùng nổ vào ngày 19 khiến vở kịch đó chỉ được xuất hiện trước ánh sáng tiền trường có một hay hai đêm mà thôi. Do đó, rất ít người biết tới vở kịch thơ này.

Vở này có câu chuyện khá ly kỳ, đưa ra một nhân vật là Kiều Loan, người đã khuyến khích chồng ra đi với mưu đồ đánh đổ Nguyễn Ánh để phục hồi nhà Tây Sơn. Nhưng chồng nàng đã bỏ ý đồ phục quốc, đầu hàng nhà Nguyễn và được tuyển dụng làm quan trong triều đình. Kiều Loan vào thành Phú Xuân để tìm chồng thì gặp một người cùng chí hướng là ông già. Cả hai người này đã giả điên, giả say tạo ra sự huyền ảo trước cửa Thành để được bắt đem vào dinh, nơi đó Kiều Loan có thể gặp được người chồng phản bội, nhắc nhở cho chồng nhớ tới lời hứa phục quốc khi xưa. Trong dinh, trước mặt bá quan, Kiều Loan giả điên, giơ tay chỉ hết người này tới người nọ, nhận ai cũng là chồng của mình và rồi cuộc, cùng với ông già giả say, nàng bị bắt giam. Trong ngục, hai người gặp thêm một người tù đồng chí là người quê. Trong khi ba người : người điên, người say và người quê bị giam trong ngục thì, sau khi súc động vì gặp lại vợ xưa với lời thề ước, người chồng tỉnh ngộ, cầm quân vào phá ngục để cứu vợ nhưng Kiều Loan đã tự vẫn chết cùng với các đồng chí của Nàng.

Với vở kịch thơ **Kiều Loan** này, ta thấy Hoàng Cầm cũng ca tụng cái đẹp của sự thất bại -- la beauté des causes perdues -- giống như Khái Hưng với **Tiêu Sơn Tráng Sĩ**.

Đi theo Hoàng Cầm ra vùng kháng chiến, Tuyết Khanh, mà lúc đó Hoàng Cầm cũng đổi luôn tên là Kiều Loan, đang có thai và bắt buộc phải ở lại vùng trung du để Hoàng Cầm và chúng tôi lên đường đi lưu diễn. Trong bữa cơm đạm bạc để chia tay nhau giữa hai vợ chồng Hoàng Cầm tại Phố Nỉ (Bắc Giang), tôi còn nhớ cảnh Hoàng Cầm ngồi rung đùi ngâm thơ bên cạnh người vợ mà rồi đây nó sẽ không bao giờ gặp lại nữa, giọng ngâm buồn rười rượi...

Chiều ơi
Lúc chiều về rợp bóng nương khoai...
NƯƠNG CHIỀU

Chương Mười Bảy

Sau một thời gian tập diễn rất ngắn, chúng tôi khởi sự lên đường công tác vào một ngày có những giọt mưa Xuân làm cho khung cảnh đồng quê như được bao phủ bởi một tấm màn mỏng phát phơ màu xanh xám. Khi đó chúng tôi mới chỉ là những thanh niên khoảng 25, 26 tuổi, đầy nhiệt tình với Cách Mạng và với cuộc Kháng Chiến của toàn dân cho nên chân chúng tôi mang hia bầy dậm (mỗi ngày nuốt 40 cây số đường đá như không) và lòng chúng tôi chan chứa tình nước, tình người. Tôi được khá nhiều người yêu mến -- một nhà lãnh đạo kháng chiến đã nói ra điều đó khi gặp tôi ở Thái Nguyên -- vì những bài dân ca mới mà tôi vừa soạn ra rất phù hợp với con người Việt Nam muôn thuở đang được sống trong một hoàn cảnh mới.

Trong kỳ lưu diễn ở miền Cao-Bắc-Lạng này, tôi soạn thêm được nhiều bài dân ca khác trong đó có bài **Nương Chiều** :

*Chiều ơi... Lúc chiều về mọc ánh trăng tơ
Cho ngày mùa bài hát nên thơ, ơi chiều.
Chiều ơi... Mái nhà sàn thờ khói âm u
Cô nàng về để suốt tương tư, ơi chiều...*

Đây là một bài dân ca loại mới và có sự tiến bộ về phần nhạc thuật vì nó không còn đơn sơ như những bài tôi đã soạn ra trước đây, chẳng hạn **Ru Con, Dặn Dò...** Chính trong chuyến đi hát ở vùng này mà tôi thấy tôi đi đúng con đường thăng hoa dân ca. Một buổi nọ, sau khi trình diễn cho đồng bào thưởng thức những màn ca-vũ-kịch -- Văn Chung cũng đã đưa ra một màn múa, diễn tả các động tác của nhà nông gọi là nông tác vũ -- một bà mẹ quê xin ra hát tặng anh chị em trong đoàn văn nghệ một bài hát cổ truyền. Chúng tôi vỗ tay hoan nghênh. Bà mẹ dang hắng, lấy giọng, rồi hát :

*Ai có nghe tiếng hát hành quân xa
Mà không nhớ thương người mẹ già...*

Đó là bài **Nhớ Người Ra** của tôi. Nhưng bây giờ nó không còn là của tôi nữa. Nó là của dân chúng rồi. Tôi cảm động, muốn khóc oà lên...

Vào lúc này, Hoàng Cầm vẫn còn nuôi mộng xây dựng một sân khấu kịch thơ sau khi vở **Kiều Loan** đã không có may mắn được sống trong công chúng. Nó rất muốn dựng những vở kịch thơ trong kháng chiến nhưng với một đội văn nghệ ít người và với đối tượng chính là Vệ Quốc Quân, bây giờ nó chỉ có thể soạn những bài thơ cho một hoặc hai người ngâm trên một thứ sân khấu ngoài trời mà thôi. Bài thơ **Đêm Liên Hoan** được viết ra ngay trong những ngày đầu đi công tác. Hoàng Cầm và tôi diễn ngâm bài này rất nhiều lần trước hàng trăm, hàng ngàn Vệ Quốc Quân :

*Đêm liên hoan đầu nháp nhô như sóng bể ngang tàng
Ta muốn thét cho vỡ tung lồng ngực
Vi say sưa tình thân thiết Vệ Quốc Đoàn.*

Biết bao nhiêu Vệ Quốc Quân lao đầu vào giặc sau khi nghe những lời thơ đầy hào khí và thân thiết này :

*Trong tiểu đội của anh
Những ai còn ai mất ?
Không ai còn, ai mất
Ai cũng chết mà thôi.
Người sau kẻ trước lao vào giặc
Giữ vùng nghìn thu một giống nòi
Dù ta thịt nát xương rơi
Cái còn vĩnh viễn là người Việt Nam...*

Ngoài bài thơ **Đêm Liên Hoan** soạn cho riêng tập thể chiến sĩ, Hoàng Cầm -- cũng như tôi lúc đó -- rất quan tâm tới người dân thường. Lúc đó tôi cũng đã đưa vào loại dân ca kháng chiến của tôi những hình ảnh anh thương binh, người mẹ già, người vợ hiền, đàn trẻ nhỏ... nhiều hơn là hình ảnh Vệ Quốc Quân. Hoàng Cầm, qua bài **Bên Kia Sông Đuống**, cũng đưa ra một cách tuyệt vời những hình ảnh *cô hàng sén rặng đen, môi cắn chỉ quết trâu, cụ già phơ phơ tóc trắng, em bé xột xoạt quần nâu...* Những nhân vật đó lại càng nổi bật hơn lên khi được đặt vào khung cảnh tuyệt vời của miền Kinh Bắc hiển hách đó. Ai mà không muốn chiến đấu để gìn giữ cảnh vật và những con người thân yêu đó ? Những bài thơ kháng chiến như vậy đã được

Hoàng Cầm và tôi diễn ngâm trong rừng sâu, trên đồi cao hay trong những hang đá dưới ánh đuốc bập bùng, có khi chỉ cách một đồn địch chừng vài ba cây số.

Vào khoảng đầu năm dương lịch 1948 tức là sắp sửa tới Tết âm lịch, trong chiến dịch thi đua lập chiến công, Hoàng Cầm sáng tác thêm một bài thơ nhan đề **Tâm Sự Đêm Giao Thừa** mà tôi cho là tuyệt vời. Hoàng Cầm đưa ra hình ảnh một người lính giữ nước, đang đứng gác trong một khu rừng vắng, giữa đêm giao thừa :

*Đêm nay hết một năm
Phải gác tới giao thừa
Quê hương chừng rét lắm
Lát phát mấy hàng mưa...*

Anh Vệ Quốc Quân này có một người vợ vừa sinh nở được một mụn con. -- Hoàng Cầm đưa ra hình ảnh của người vợ lính vì liên tưởng tới vợ mình -- Người vợ lính đang phải sống lẫn lộn với một quán hàng trong một phiên chợ nhỏ, quán vắng khách, người thiếu phụ thiếu ăn, không đủ sữa cho con bú. Vì đêm nay là đêm giao thừa và theo thông lệ, dù trong hoàn cảnh chiến tranh, người lính biên thùy (cũng như chàng thi sĩ) cũng muốn có một cái quà gì để gửi về hậu phương cho vợ con nghèo đói. Nhưng chiến sĩ Việt Nam nghèo lắm cho nên chỉ có thể gửi cho vợ con một cái quà quý giá nhất là sự lập chiến công của mình. Người lính tưởng tượng ra cảnh vợ mình đang đói ăn nên không có sữa cho con bú, nhưng nghe tin chồng thắng trận thì vui mừng quá, máu bỗng chảy mạnh trong huyết quản của người vợ lính, sữa bỗng đâu căng lên đầu vú, đưa con bỗng có đủ một miếng sữa no trong ngày vui của dân tộc này. Hoàng Cầm đã đem được yếu tố sinh lý vào một bài thơ yêu nước. Trong toàn thể bộ thơ kháng chiến, tôi không hề thấy có ai làm được việc này. Bài thơ kết thúc với những câu thơ vẫn vô cùng thân yêu và đầy hào khí như trong những bài thơ khác của Hoàng Cầm :

*Cha con ăn Tết lập lập công
Cho sữa mẹ chảy một dòng nghìn thu.
Cha đem cái chết quân thù
Làm nên sức sống bây giờ của con.*

Bài thơ này -- cũng như các bài thơ khác của Hoàng Cầm viết ra trong thời kháng chiến -- phải được diễn ngâm thì mới thấy được giá trị đích thực của nó. Thơ kháng chiến của Hoàng Cầm có rất nhiều tính chất đối đáp. Tôi và Hoàng Cầm chia nhau ra để ngâm từng đoạn và vì tôi vốn xuất thân là một ca sĩ hành nghề trong một gánh hát rong cho nên ngoài những cách nắn nót giọng ngâm, tôi còn biết dùng điệu bộ, nét mặt để diễn tả những bài thơ hùng tráng này. Ngay cả trong phạm vi nhạc điệu, lối ngâm thơ của chúng tôi lúc đó cũng mới mẻ hơn lối dùng điệu bông mặc, sa mạc của người đi trước, do đó có tính chất hấp dẫn hơn. Và cũng vì không khí anh hùng của người viết bài thơ, người diễn bài thơ và người nghe bài thơ cho nên lối ngâm thơ của chúng tôi không có tí gì là thảm thiết như lối kêu đường của các ngâm sĩ sau này.

Phải ghi nhận một điều rất quan trọng là tác dụng của bài thơ. Nó đã có khả năng diệt giặc hơn cả những vũ khí tối tân lúc đó như SKZ (súng không giật) hay bazooka vân vân... Trong ba lô của bất cứ một Vệ Quốc Quân nào cũng đều có những bài thơ chép tay của Hoàng Cầm. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp không thể nào thành công nếu không có những tác phẩm văn nghệ như những bản nhạc của Văn Cao, và những bài thơ của Hoàng Cầm, Quang Dũng...

*Em ơi, buồn làm chi ?
Anh đưa em về sông Đuống
Ngày xưa bãi cát phẳng lì...
Hoàng Cầm*

Chương Mười Tám

Trong khi Hoàng Cầm viết bài thơ để nhớ tới vợ con vào năm 1948 như vậy thì vợ con của nó ra sao ?

Tuyết Khanh (mà tôi xin gọi là Kiều Loan Mẹ, vì đưa bé khi ra đời thì được đặt tên là Bùi Thị Kiều Loan tức là Kiều Loan Con) không được gặp lại chồng mình sau cái ngày chia tay tại Phố Nối với sự chứng kiến của tôi. Suốt trong thời gian từ 1948 cho tới 1954, từ trong vùng địch chiếm, Kiều Loan Mẹ viết thư cho Hoàng Cầm nhiều lần và chẳng bao giờ được trả lời. Sau khi Hiệp Định Geneve chia đôi đất nước, Kiều Loan Mẹ đành phải bế đưa con lên sáu di cư vào Nam, trong khi Hoàng Cầm hãy còn ở một nơi nào đó trong vùng quê miền Bắc.

Về phần tôi thì sau khi vào sinh sống tại Saigon, trong suốt trong gần 20 năm trời, tôi chỉ có một lần nhận được tấm thiệp báo hỉ của Kiều Loan Con. Đứa bé nằm trong bụng mẹ trong thời kháng chiến xa xưa, hôm nay, trong một ngày lành tháng tốt của năm 1968, đã lấy chồng. Qua tới Mỹ, trong năm 1975, tôi biết tin Kiều Loan Mẹ cũng đi tị nạn và đang sống tại vùng Hoa Thịnh Đốn. Vào năm 1982 thì tôi lại nghe tin Kiều Loan Con cũng vượt biên qua tới nước Mỹ và về sống với Kiều Loan Mẹ tại Los Angeles. Ngày đầu năm 1983, trong buổi đi chơi tình cờ, tôi được một người bạn đưa lại gặp hai mẹ con Kiều Loan tại căn nhà nhỏ ở downtown Los Angeles. Trong đời tôi đã xảy ra nhiều chuyện thật là kỳ lạ. Nước Việt Nam đâu có phải là một nước bé nếu ta đi bộ từ Bắc vào Nam, từ Nam ra Bắc, từ Đông sang Tây và từ Tây sang Đông... như tôi đã làm cái cuộc cũng được gọi là vạn lý trường chinh trong thời tao loạn này. Vậy mà đi tới đâu thì cũng lại gặp lại những người mà mình đã gặp ở một nẻo đường xa lắc xa lơ. Có lẽ cũng tại cái biến cố cả nước lên đường vậy. Người nào cũng lên đường cả, thành thử ai cũng gặp nhau. Chẳng hạn Phạm Thanh Liêm. Chẳng hạn Ngọc Bích, Văn Chung, Đoàn Bình v.v... Đi tới đâu thì tôi cũng gặp lại họ. Giống như đã có hẹn hò với nhau từ tiền kiếp xa xôi nào đó, xa nhau rồi cũng lại phải gặp nhau. Qua tới Hoa Kỳ rồi mà vẫn còn gặp lại Hoàng Cầm qua hai mẹ con Kiều Loan. Sau bốn mươi năm. Đứng hỏi tại làm sao mà tôi cứ bị ám ảnh bởi thi sĩ Hoàng Cầm. Và soạn **Hoàng Cầm Ca**.

Đi lưu diễn với Hoàng Cầm tại vùng Cao-Bắc-Lạng này, ngoài cái vui được đem thơ, đem nhạc, đem kịch (do vợ chồng Văn Chung đóng) để nâng cao tinh thần kháng chiến của quân đội, của nhân dân, chúng tôi còn có những cái vui riêng. Chẳng hạn sau khi công tác, dù ở trong nhà dân chúng hoặc đóng trại trên bìa rừng hay trong hang đá, chúng tôi thường hay bày trò hát ả đào. Hoàng Cầm có giọng ngâm, giọng hát rất hay. Nó thuộc hết các điệu hát nhà tơ, đóng vai ca kỹ, còn chúng tôi đóng vai quan viên, đánh trống châu *tom tom chát chát*, hoặc lấy đàn guitare ra thay thế đàn đáy, gảy ra những tiếng *tình tình, tình tình, tang, tang...* -- chúng thường nói đùa cái lối gảy đàn này là : *thằng nào ? thằng nào ? tao, tao...* Mấy thằng đóng trò quan viên và ả đào này thích uống rượu lắm cho nên trong mâm cơm có bao nhiêu thịt gà là bị tôi là kẻ không uống rượu, đớp hết. Hoàng Cầm còn nhớ tới chuyện tôi ăn nhanh --

và ăn tham -- này và kể cho một người có cơ hội đi tị nạn ở Hoa Kỳ nghe, người này có nhắc lại chuyện đó khi gặp tôi.

Tôi còn nhớ một kỷ niệm rất nên thơ trên một nẻo đường kháng chiến cùng với Hoàng Cầm. Là những thanh niên quen sống ở đô thị, khi đi kháng chiến, chúng tôi phải khó nhọc lắm mới khắc phục được cái khổ chung của toàn dân là : đi bộ. Vai đeo ba lô, tay xách đàn, cổ quàng sắc- cốt, đi từ chỗ đóng quân này tới nơi đóng quân khác, toàn bằng "lô ca chân" thôi. Trèo đèo, vượt suối, băng rừng, trung bình mỗi ngày đi từ 30 tới 40 cây số. Khi đi lưu diễn tại Khu XII này, lại toàn đi trên đường đá, trong sương mù. Cảnh thì thật là đẹp, người miền núi thật là đáng yêu, nhưng có khi nửa ngày mới gặp một cái bản, một cái thôn. gặp một cái chợ thì như gặp được thiên đàng. Vì nhân viên trong đội toàn là văn nghệ sĩ cho nên chúng tôi bày đặt chuyện vừa đi vừa làm thơ cho đỡ buồn, cho đỡ mệt. Nhưng phải là thơ đặc biệt, chẳng hạn như khi đang đi thì thấy một đội viên bực mình thốt lên :

Đường đá đưa đoàn đến đích đâu ?

Tụi tôi tìm thấy cái thú làm thêm những câu thơ tiếp tục, những câu thơ hợp tình, hợp cảnh và theo một vần chữ. Một câu thơ như vậy, cần phải đi dăm bảy cây số mới có được một câu mà toàn đội đồng ý. Tôi không nhớ ai đã tung ra câu thứ hai và câu thứ ba :

Xa xa xam xám xuống sương sâu

Mịt mù mê mải mưa mưa mãi

Câu thứ tư chắc chắn phải là của một thằng nhạc sĩ, vì ngoài ba lô ra, nó phải đeo thêm cây đàn :

Đàn địch đem đi đến đón đau...

Nhưng chính trong cái trò chơi giải trí, giải lao, giải buồn và giải "đói" này tôi mới thấy rõ chân tướng của một nhà thơ lớn là Hoàng Cầm. Mời bạn đọc tiếp ở chương sau...

*Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm.....
Quang Dũng - TÂY TIẾN*

Chương Mười Chín

Một ngày mưa lạnh trong vùng Lạng Sơn. Chúng tôi cắm cổ ra đi từ sáng sớm cho tới gần xế chiều, bụng thì đói, chân thì mỏi, tai lạnh ngắt, cổ khô khan... mà vẫn chưa gặp một cái quán nào để dừng chân, uống một cốc cà phê, lau khô cái đầu, cái cổ, nắn bóp cái chân. Mãi cho tới khi mặt trời đã khuất dần sau rặng núi, trời còn đang chạng vạng tranh tối tranh sáng thì gặp một số đồng bào người Thổ đi ngược đường cho biết là sắp tới chợ rồi. Chúng tôi reo mừng lên : "*Thế là ta có một vụ nghỉ ngơi ăn uống trả thù cái khổ rồi đây.*" Và chúng tôi bước mau...

... Nhưng niềm hi vọng đó tiêu tan ngay khi chúng tôi tiến vào mảnh đất được gọi là cái chợ. Chỉ có ba túp nhà tranh vách nứa ọp ẹp nằm cách nhau khoảng chục thước. Nhà đầu trống không. Nhà thứ hai chỉ có treo lủng lẳng vài miếng thịt ồi. Tới nhà thứ ba thì... cả đội sững sờ, đứng lại trở mắt nhìn vào rồi thét lên vì kinh ngạc : *Trời Đất, Cha Mẹ, Đồng Bào, Đồng Chí ơi ! Không thể tưởng tượng được, nào là chè lam, kẹo*

vùng, kẹo lạc..., nào là cà phê, sữa đặc (mới kháng chiến chưa tới một năm thôi mà)... và quá sức tưởng tượng hơn nữa là bà chủ quán, một thiếu phụ ngoài hai mươi tuổi, người Hà Nội, rất đẹp, cùng với đứa hai con nhỏ theo chồng đi kháng chiến, chồng đi Vệ Quốc Quân ở đâu không biết, nàng mở quán cà phê ở đây, một cái chợ không có cả cái tên. Và cái lũ văn nghệ sĩ kháng chiến này có lẽ cũng là những lũ khách hiếm hoi của chủ quán đây.

Thật là vui hơn Tết, vui hơn cả ngày trọng đại *Cách Mạng Thành Công*. Trong khi bà chủ quán giết gà làm thịt, Hoàng Cầm, Trúc Lâm, Văn Chung ngồi nhắm rượu xuống. Tôi và Ngọc Bích thì tự pha cà phê để uống. Cả bọn bỗng nổi hứng lên, giở trò làm thơ như lúc đi trên đường đá.

Văn Chung, dù có vợ kè kè bên cạnh, cũng nhăn nhó đưa ra câu đầu :

Một môi mà mơ mộng mỹ miều...

Chẳng cần phải đợi lâu, và vì cũng đọc được ý tình trong mắt của bà chủ quán, tôi tuôn ra câu thứ hai :

Ấy ai âu yếm ở yêu...

Kịch sĩ Trúc Lâm, người chuyên đóng vai hài hước trong đội, nhìn thấy trên cái giường nửa độc nhất trong quán, nơi ăn ngủ của bà chủ và hai đứa con, nay có mấy thằng văn nghệ sĩ ngồi dựa vào các loại ba lô đủ kiểu, ngất ngưỡng uống rượu chờ gà... nó bèn đưa câu thơ thứ ba :

Chung chăn chung chiếu chung chè chén...

Cả bọn khoái chí, vỗ tay, hò la, tán thưởng câu thơ vui nhộn đó. Nhưng chúng tôi bỗng ý thức ngay được sự thô lỗ của mình và tất cả đồng ý là phải chữa lại cái lỗi này bằng một câu kết cho thật hay. Trò chơi ồn ào bỗng trở nên trầm lặng. Mặt đứa nào cũng nghệt ra vì phải suy nghĩ. Lâu lâu lại có một thằng đưa ra một câu bị mọi người chê ngay. Gà đã làm xong, bà chủ bưng ra, hơi nóng bốc lên cùng với hơi gà làm miệng đứa nào cũng có nước dãi nhưng không thằng nào dám đụng vào đĩa thịt gà khi câu thơ chưa làm xong...

... Tới lúc Hoàng Cầm, sau khi rung đùi một lúc, đứng lên đưa ra câu thơ thứ tư thì ta mới thấy con người của nó hiện ra, thật là bình dị nhưng sâu sắc, thật là thơ mộng nhưng cũng rất tinh người. Thằng bạn thơ của tôi có đôi mắt sắc long lanh, có cái mũi dọc dừa và cái miệng lúc nào cũng như đang ngâm nga một câu thơ hay... bây giờ nó trịnh trọng đứng lên đọc câu thơ kết thúc cho bài thơ đặc biệt này. Đó là câu :

Cháu trẻ chờ cha chốn chợ chiều.

Lúc đó, trời đã hơi về khuya, trăng đã lên đầu ngọn núi, cả bọn xúm nhau lại, lấy giấy bút ra ghi bốn câu thơ đó rồi dán ngay lên trên vách nửa với sự chứng kiến rất thân mật của bà chủ và hai đứa con nhỏ. Tôi không kịp tìm hiểu xem bà chủ quán vui hay buồn sau khi tụi này làm xong bốn câu thơ đó, bởi vì tôi còn mãi lấy đàn ra để phổ nhạc và hát âm ỹ lên.

Những kỷ niệm đẹp như vậy dường như chẳng bao giờ rời tôi cả và mỗi lần gặp ai nhắc tới Hoàng Cầm hoặc mỗi lần được đọc những bài báo về nó, về cuộc sống của nó trong kháng chiến, sau kháng chiến và trong lúc này... tôi lại được lạc hồn về những nẻo đường Cao-Bắc-Lạng của những ngày xa xưa, tưởng tượng mình đang đứng trên nương chiều trong mùa đông chiến sĩ để nhớ người thương binh. Hay để nghe những lời dặn dò của người chiến sĩ. Nhưng càng được sống yên thân ở nơi chân trời góc biển tôi càng thương sót cho những bạn bè ở nơi quê hương tù túng.

Tôi chỉ còn một ước mong nho nhỏ là gặp lại bạn bè xưa như Hoàng Cầm chẳng hạn, để đọc cho nhau nghe những bài thơ soạn cho riêng nhau trong những ngày còn trẻ. Chẳng hạn bài thơ **Vịnh Cà Phê**, soạn tập thể theo vần "ơ" rất khó khăn mà Hoàng Cầm đưa ra hồi năm 1948 ở một bản thôn nào đó trong vùng Lạng Sơn :

*Một tách đưa lên khỏi bốc thơm
Đỡ cơn mệt nhọc lại tiêu cơn
Tay pha ngọt nhạt đừng chê trách
Phích chảy mau thưa chó nguyệt lờm
Nâng chén say sưa chàng liếm mép
Tính tiền e lệ thiệp che mồm
Sau khi uống cạn niềm yêu ấy
Đáy cốc soi hình bóng Lạng Sơn.*

*Bông Lau, Bông Lau rừng xanh pha máu
Biên cương lưu danh ngàn đời về sau...*
RỪNG XANH PHA MÁU

Chương Hai Mươi

Sau hai năm chiến tranh, Pháp đã chiếm đóng được nhiều thành phố, nhưng không dám mạo hiểm ra khỏi các vị trí đóng quân ngoại trừ một chiến dịch lớn gồm 12.000 quân mà tướng Salan tung ra từ tháng 10 năm 47 cho tới tháng giêng 1948 với mục đích không thành là tiêu diệt Quân Chủ Lực của Việt Minh và bắt sống toàn thể nhân viên Chính Phủ Kháng Chiến. Trong cuộc giao tranh đầu tiên giữa hai quân lực sự thiệt hại của đôi bên cũng rất là đáng kể nhưng Việt Minh biết khai thác những chiến công đầu tiên của kháng chiến. Những chiến thắng trên Sông Lô, trên đường số 4 đã được thổi lớn. Người dân đã khởi sự mệt mỏi trong kháng chiến nay nghe tin chiến thắng thì bớt được bi quan.

Lúc đó Vệ Quốc Quân đã được lệnh thực hiện chiến thuật "đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung" nghĩa là vẫn dùng một đại đội để đánh du kích nhưng khi cần thì tập trung ba đại đội thành một tiểu đoàn để đánh đồn. Tất cả đặt mũi dùi vào đường số 4 qua những vụ tấn công chiếm cứ điểm Đông Khê, vụ phục kích ở Bông Lau là một địa điểm nằm giữa hai tỉnh Lạng Sơn và Cao Bằng.

Trong chặng kháng chiến ở Cao-Bắc-Lạng này, khác hẳn trong hai chặng đường Sơn Tây-Lao Kai và Lao-Kai-Bắc Kạn... tôi đã được sống gần bộ đội và tôi thấy Vệ Quốc Đoàn đã trưởng thành hơn lúc trước. Đã có những buổi học tập gần giống như lối rèn cán chỉnh quân sau này. Văn nghệ sĩ chúng tôi đã được tham dự những buổi đánh sa bàn trước khi tiến đánh cái đồn thật. Rồi tới khi bộ đội đi đánh đồn thì chúng tôi cũng được đi theo luôn. Chúng tôi đã thực sự được sống trong không khí chiến tranh.

Còn nhớ có một lần, tôi và Hoàng Cầm ngâm bài thơ **Đêm Liên Hoan** cho bộ đội nghe 15 phút trước giờ tấn công đồn địch. Sau đó một anh bộ đội đã nói : "*Tôi vào giữa đồn mà vẫn còn nghe tiếng ngâm thơ của các anh vọng vọng ở trong đầu*". Thế mới biết sức mạnh của văn nghệ. Cũng nên kể ra đây bài thơ **Bắn Đì** của Tố Hữu do

tôi thường diễn tả trong chuyến đi phục vụ quân đội ở vùng Cao-Bắc-Lạng này. Đó là một trong những bài thơ mạnh mẽ nhất của thời kháng chiến...

... Một ngày đẹp trời, tại gần địa điểm Bông Lau là nơi đã được tôi gọi là rừng xanh pha máu, tôi gặp lại Đoàn Bính tức Giang Cao từ Liên Khu X đi công tác qua Bắc Kạn-Cao Bằng từ mấy tháng nay. Được nghe kể lại một câu chuyện đẹp : Vào lúc Quân Pháp mở chiến dịch biên giới thì từ Cao Bằng, Hồng Giang đã phải mở đường máu để ra thoát cuộc tấn công của Quân Pháp vào tỉnh này. Những Vệ Quốc Quân trong các đơn vị đã bị tan vỡ bây giờ được tập hợp thành một đội quân với cái tên rất oai là Trung Đoàn Cảm Tử. Từ một bản có cái tên là Nà Thúm, đội quân đi về phía Nam. Đi tới đâu thì cũng thấy cảnh tàn phá với những bản thôn vắng tanh và những nhà sàn bị cháy rụi đang còn bốc khói. Đồng bào thiếu số đã sơ tán vào tận rừng sâu hết cả rồi. Cũng may mà đội quân đang ngất ngư vì đói thì tới được một nơi có một rừng cam với màu vàng ói đến nỗi mọi người phải nhức mắt. Đang thèm ăn quá thì gặp một bà ké (tức là một bà mẹ). Bèn lễ phép xin bà cho ăn. Bà đồng ý cho ăn cam nhưng không được hái đem đi. Mọi người vội vàng ủa vào rừng cam ăn lấy ăn để, theo kiểu ăn cam nhả bã đến độ bị say cam như bị say rượu vậy. Có lẽ cái bụng trống rỗng bị chất ấ-xít của nước cam làm cho cồn cào và người ăn bị phản ứng. Nhân vật bà ké này là một phản ánh tuyệt vời của người dân Việt Bắc đối với cuộc kháng chiến lúc đó.

Đội quân "cảm tử" đóng trại tại cái bản thôn đã bị tàn phá này với những cái bụng hầy còn đói và với một câu thốt lên của anh bạn Giang Cao là :

-- *Thèm vài quả trứng gà quá ta.*

Bà ké nghe thấy và lẳng lặng đi moi móc ở trên những nhà sàn chưa bị cháy rụi đủ mọi những thứ còn lại của khoai, của sắn, của củ cải, của cơm lam... rồi bỏ vào nồi đốt lửa nấu chung thành một thứ lương thực không tên. Rồi mang tới cho toàn đội ăn. Giang Cao cũng như các anh em đồng đội nghĩ rằng sáng mai sẽ trả ơn bà ké bằng một số tiền nào đó cũng là đủ lắm rồi. Ăn xong, mọi người gối đầu gác chân lên nhau mà ngủ.

Sáng hôm sau, trước khi hành quân lên đường, Giang Cao đưa tiền cho bà ké. Bà ké không nhận. Cổ nài nỉ bà thì bà khóc và nói rằng :

-- *Ké có hai đứa con trai đi Vệ Quốc Đoàn. Một đứa đã chết ở mặt trận Phe Đén, một đứa hiện ở đâu không biết ? Gặp các anh em, cho các anh em ăn với hi vọng con của ké ở đâu đó cũng có cái ăn...*

Tất cả mọi người nghe bà ké nói như vậy đều khóc hết. Mấy anh chỉ huy, anh thì lột cái khăn che cổ làm bằng vải dù ra, anh thì thò túi rút cái bút chì ra, anh thì lục ba lô lấy mấy viên ký-ninh ra để tặng bà ké. Nên nhớ rằng trong kháng chiến, đó những thứ đồ quý giá nhất, cần thiết nhất của người đội viên. Nhưng mọi người đã đưa tặng bà ké để nói lên cảm tình cao đẹp nhất của mình. Đẹp nhất là bà ké nhận những thứ đồ tặng đó một cách rất vui vẻ dù rằng chưa chắc bà ké cần tới cái khăn đeo cổ, cái bút chì hay vài viên ký ninh đó. Cái đáng kể ở đây là thái độ rất đẹp của tất cả mọi người, của một bà mẹ có con đi kháng chiến và của những người thanh niên đã phải xa cha mẹ để đi làm chiến tranh.

Tôi còn mục kích nhiều chuyện tương tự như chuyện bà ké Lạng Sơn này. Chẳng cứ gì là chuyện bà mẹ ở Gio Linh mà tôi ghi vào một bản hát, ở bất cứ một nơi nào trong thời này cũng đều có chuyện hi sinh ngút trời của những bà mẹ như thế.

Nhưng sự hi sinh của những bà mẹ đó chỉ có nghĩa lý trong một cuộc chiến tranh chống ngoại xâm như cuộc kháng chiến chống Pháp này. Phi lý vô cùng khi ta sẽ thấy, sau ngày thực dân Pháp bị thua trận và phải rút lui, có những bà mẹ Việt Nam vẫn phải tiếp tục hi sinh từ năm này qua năm khác, và vẫn có những người con bây giờ không còn là phải xa mẹ để đi giết giặc ngoại xâm mà là để đi giết lẫn nhau chỉ vì một chủ nghĩa ngoại lai.

Có những chuyện cảm động và xót thương nói lên tinh thần của người mẹ vô danh trong kháng chiến như chuyện bà ké Lạng Sơn, bà mẹ Gio Linh như vậy thì cũng có một chuyện vui và rất đơn sơ về một bà mẹ Việt Nam mà thằng Ngọc Bích đã phổ thành một bài hát nhan đề *Bà Già Giết Giặc* Bài này phổ thông đến nỗi sau này danh từ "bà già giết giặc" đã trở thành câu nói đùa đầu môi của mọi người :

*Làng kia có một bà già
Thân mình tiều tụy tuổi đã 65
Một hôm giặc Pháp đói ăn
Chúng lần vào tới xóm nghèo tìm ăn...*

Chúng tóm được một bà lão và bắt bà đi lấy gạo thổi cơm cho chúng ăn. Trong lúc chúng sơ ý, bà mẹ liền bỏ vào nồi cơm một ít thuốc độc mà bà giấu ở trong đồng rơm. Rồi bà bưng cơm ra cho giặc Pháp ăn :

*Ăn vào liền gục nổi còn bốc hơi
Bà ta bèn lấy đóm soi
Đốt nhà nhà cháy, hết đời thực dân...*

Chưa chắc đây là một câu chuyện có thật -- bởi vì chúng tôi đọc được câu chuyện này trong một tờ báo nào đó -- nhưng vào thời điểm đó thì một bài hát như vậy cũng rất là có ích cho công cuộc kháng chiến.

Trong thời gian ở vùng Cao-Bắc-Lạng này, chúng tôi có cái khoái là được sống trên nhà sàn của đồng bào sắc dân Tày. Chúng tôi được nghe những bài ca Cách Mạng đầu tiên như bài **Bầu Lao Thai** -- tức là **Không Sợ Chết** -- do Trung Đội Giải Phóng dạy cho mọi người hát hồi trước 1945. Đây cũng là lúc mà tôi học hát những tình ca của người Tày là hát lượn và được nghe họ hát bài Nhớ Người Thương Binh của tôi bằng tiếng địa phương : *Pài mà, pài mà qua núng nà khuê...*

Tôi còn được hưởng cái lạnh tê người ở vùng núi rừng này nhưng đồng thời cũng được hưởng cả cái thú ngồi bên bếp lửa nhà sàn và do đó mà nhìn thấy mái nhà sàn thở khói âm u. Và cũng có lúc, dù lạnh chết người, được ra suối tắm chung với các cô nàng để thấy được hình ảnh cô nàng về để suối tương tư.

Nói tới chuyện cô nàng và sự tương tư thì phải nhắc lại một kỷ niệm không quên được của tôi và Ngọc Bích. Đó là một buổi chiều sơn cước, tại một phiên chợ núi ở vùng Lạng Sơn. Gặp hai cô gái Tày thật đẹp, má đỏ hồng hồng, ăn vận quần áo chàm còn thơm mùi vải, đeo đầy lục lạc bằng bạc ở thắt lưng. Hai thằng cán bộ văn nghệ tán rất giỏi cho nên hai cô ưng thuận cho đi theo về nhà. Chúng tôi liêu bợ đơn vị để đi theo hai cô sơn cước. Không thể ngờ rằng cái bản thôn của hai cô gái ở một nơi xa quá, phải trèo hàng chục ngọn núi và phải đi từ 5 giờ chiều cho mãi tận 11 giờ đêm mới về tới nhà hai cô. Lại bị cha mẹ các cô mời ra ngồi ở giữa nhà sàn nơi có bếp lửa, nghe họ nói chuyện lăm cà lăm cảm cho tới quá nửa đêm. Chẳng thấy hai cô đâu mà chỉ nghe thấy tiếng cười rúc rích. Nói chuyện với cha mẹ hai cô hoài, sốt ruột quá, chúng tôi phải xin kiếu. Rồi mệt quá, lăn ra sàn, ngủ lúc nào không biết.

Đã chẳng được sơ mũi gùi, sáng ra hai cô còn bày trò lưu luyến, tặng cho hai thằng những cái vòng dây có ba màu đỏ, trắng, vàng. Hai thằng chửi thề ầm ỹ lên bằng tiếng Tày : *é mé thỏ mù...* rồi lại leo núi hết hơi trở về đơn vị, hẹn thề rằng từ nay trở đi xin chừa tán tỉnh những cô *son nữ ư ời...* mà nhạc sĩ Trần Hoàn đã vẽ ra trong một bài hát tiền chiến.

*Đường mòn lên cheo leo
Vượt đồi non lên phiêu diêu.....*
ĐƯỜNG LANG SƠN

Chương Hai Mươi Một

Vào cuối mùa Xuân 1948 này, Quân Đội Viễn Chinh Pháp đặt mục tiêu của cuộc chiến tranh ở Bắc Việt vào chiến dịch biên giới, đem rất nhiều quân lên chiếm hầu hết các tỉnh lỵ, các thị trấn và đóng nhiều đồn trú trên những con đường chiến lược nằm giữa hai nước Việt Nam và Trung Hoa, từ Moncay, Tiên Yên qua Lạng Sơn, Cao Bằng (Đường Số 4) vòng xuống Bắc Kạn (Đường Số 3). Quân Đội Việt-Minh tập trung toàn thể sức lực gồm dân quân du kích, địa phương quân và chủ lực quân vào việc đánh tiêu hao cũng như đánh bật quân lực Pháp ra khỏi các nơi chiếm đóng tại chiến trường biên giới này. Các vụ đánh đồn và các cuộc phục kích liên tiếp xảy ra. Từ du kích chiến, Việt Minh chuyển dần qua vận động chiến với chiến thuật công đồn-đả viện, gây nên rất nhiều sự thiệt hại cho địch quân. Đường Số 4 chứng kiến nhiều sự tan vỡ của các chiến đoàn Pháp khiến cho Pháp phải đặt cho đường này thêm cho cái tên rừng rợn là con đường máu. Việt Minh thì gọi là Đường Số 4 con đường lửa.

Đây là lúc mà tôi tạm quên loại dân ca êm dịu để tung ra những lời quân ca mãnh liệt :

*Đường Lạng Sơn âm u (ừ ừ)
Trời bình minh êm ru (ừ ừ)
Rừng êm ái thức giấc sau đêm mờ,
Đường Thất Khê Đông Khê (ê ê)
Vừa mới tan cơn mê (ê ê)
Chợt nghe thấy tiếng ta kéo quân về.
Biên Khu (ừ ừ)
Biên Khu (ừ ừ)
Ta nhìn qua Cai Kinh ngang tàng
Chờ cơn gió Bắc Sơn lửa sang
Biết say đời, cuộc đời trai nước Nam...*

...Và nói lên sự oai hùng của vùng rừng núi bất khuất kiên cường này :

*Việt Bắc ừ ừ
Việt Bắc ừ ừ
Chốn đây rừng rú ừ ừ
Chốn đây rừng núi ừ ừ*

*Chốn đây toàn dân biên khu
Theo cha già tiến ra một mùa Thu...*

Tôi còn soạn một bài hát sau khi tham quan chiến trường Bông Lau (1947) là nơi Vệ quốc quân đánh tan một binh đoàn của Pháp, nhưng rồi tôi quên cả chiến công lẫn bài hát. Về sau, khi gặp lại nhạc sĩ Tô Vũ thì anh bạn này nhắc lại bài hát mà người ta cứ tưởng là của Văn Chung :

*Bông Lau ! Bông Lau !
Rừng xanh pha máu...*

*.....
Khi quân ta tiến ra...
Là quân Pháp một đi không về...*

Trong hai năm sống ở miền thượng du Bắc Việt, tôi được sống những ngày đẹp nhất đời mình. Khi mới bước vào đời, được cái may mắn đi tới tận hang cùng ngõ hẻm của các thành phố Việt Nam, được gặp gỡ đủ mọi hạng người, từ vua Bảo Đại (gặp tại Phan Rang năm 43) tới một anh du côn, từ một gái giang hồ tới một mệnh phụ, lúc nào và bất cứ ở đâu thì tôi cũng đều được mọi người yêu mến. Và tôi cũng trả lại tình yêu đó bằng tình yêu của tôi. Qua âm nhạc. Nhưng phải có cuộc kháng chiến, tôi mới được đi tới những làng xã và bản thôn xa xôi hẻo lánh nhất của miền Việt Bắc này, để thấy người miền núi và người miền xuôi đã thực sự đoàn kết để làm nhiệm vụ chung : chống Pháp, bảo vệ sự độc lập tự do còn non nớt của Việt Nam. Tôi thấy được sự chia cơm sẻ áo, chia vui sẻ buồn của tất cả mọi người. Tôi nghe được những chuyện gây dựng tài sản cho con của người Nùng ở Lào Kai, chuyện bà kể ở Lạng Sơn... để thấy được những cái đẹp của cuộc đời mà mình có thể sờ mó được chứ không phải là những cái đẹp nằm trong sách vở.

Trong những ngày gần đây, khi phải tiếp xúc với những thằng bạn cùng đi kháng chiến với mình cách đây 40 năm để hỏi han chuyện này, chuyện nọ... chúng tôi đều có một thắc mắc chung : hồi đó, làm sao mà chúng mình sống được nhỉ ? Ai nuôi chúng mình để có thể đi kháng chiến khơi khơi như vậy được ? Chúng tôi đều ngộ ra rằng chính nhân dân đã nuôi chúng tôi. Đồng ý là chúng tôi cũng có một số tiền lương hàng tháng đủ để tiêu vặt và đi tới đâu thì cũng đều được nuôi ăn, nuôi ở. Nhưng gạo mà cơ quan mua để thổi cơm cho chúng tôi ăn là do nhân dân sản xuất ra. Chính Phủ cứ việc in ra giấy bạc để mà mua gạo. Tiền cụ Hồ trong kháng chiến thì làm gì có trữ kim để đảm bảo ? Dân chúng giữ giấy bạc đó thì cũng chỉ như là giữ Công Khố Phiếu mà thôi. Tôi khẳng định là trong kháng chiến, cùng với bộ đội, văn nghệ sĩ là con đẻ của nhân dân. Bộ đội thì có đời sống tập thể, nhưng văn nghệ sĩ thì phải bám vào dân chúng. Đi tới đâu thì cũng ở trong nhà dân. Và dù xuất thân là tiểu tư sản thành thị, sau khi sống chung với dân quê, chúng tôi hoà mình ngay vào đời sống thôn ố. Chính quyền Việt Minh nhìn thấy điều đó cho nên trong bất cứ một chiến dịch nào, khi cần động viên quần chúng là chính quyền dùng văn nghệ sĩ ngay.

Về sau này, khi vào sinh sống ở trong miền Nam, tôi cũng thấy có những tổ chức dân vận ở trong chính quyền. Nhưng khi nhìn thấy những cán bộ mặc áo đồng phục màu xanh có nếp ủi, hay mặc quần áo bà ba đen láng coóng, ban ngày tới công sở làm việc, tối đến trở về nhà ăn ngủ với cha mẹ hay vợ con thì tôi thấy ngay là họ không thành công trong việc vận động dân chúng, đa số là nông dân. Hơn nữa, ở thành phố còn có quá nhiều thú vui, người nào cũng muốn hưởng thụ nhiều và ít chịu hi sinh. Trái lại, trong kháng chiến, chúng tôi không còn thú vui nào khác hơn là... kháng chiến. Chúng tôi không còn có chọn lựa nào khác hơn là phải sống chung đụng thực sự với dân quê. Và cũng chẳng cần ai dạy chúng tôi hai chữ đoàn kết. Rất

tự nhiên, chúng tôi và quần chúng đã thực sự gắn bó với nhau. Điển hình là chuyện bà ké Lạng Sơn và những anh bộ đội.

Con người thì hoàn thiện như vậy. Phong cảnh đất nước thì -- nhất là ở vùng Việt Bắc này -- tôi bỗng thấy linh thiêng hẳn lên. Tới Lạng Sơn, núi Vọng Phu và câu ca dao quen thuộc :

*Đồng Đăng có Phố Kỳ Lừa
Có Nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh...*

... đối với tôi lúc này chỉ còn là một câu sáo ngữ. Cũng như câu :

*Ai đưa ta đến chốn này
Bên kia là núi bên này là sông.*

Phải tạo ra cái mới. Không cần nhắc lại những câu ca dao hay những huyền thoại cũ như một con vẹt nữa. Hào khí của kháng chiến khiến cho tôi có can đảm tung ra loại dân ca mới bắt cần sự chống đối của những ông nhạc phiệt. Hào khí này còn giúp tôi có đủ sự tự tin để viết ra những câu hay những bài ca dao mới, những huyền thoại mới, chẳng hạn câu ca dao về mùa đông chiến sĩ :

*Mùa Đông đã tới nơi rồi
Gửi mau áo rét cho người chiến binh.
Nào ai vui thú gia đình
Gửi ra chiến sĩ chút tình nước non.*

Những câu chuyện thực phải được đưa vào huyền thoại như chuyện một bà mẹ ở huyện Gio Linh chẳng hạn (xin coi đoạn viết về chuyến đi Bình-Trị-Thiên). Cách mạng đâu có phải chỉ là đánh Tây ? Cách mạng là phải làm mới văn học nghệ thuật. Lúc đó, thi sĩ Tố Hữu có mấy câu thơ mà tôi cho là ca dao mới :

*Rét Thái Nguyên, rét về Yên Thế
Gió qua rừng Đèo Khế gió sang
Em là con gái Bắc Giang
Rét thì mặc rét việc làng em lo...*

Em gái Bắc Giang lo chuyện xóm làng thì tôi cũng từ Hà Nội đi ra Sơn Tây, lên Phúc Yên, Vĩnh Yên, Việt Trì, Phú Thọ, Tuyên Quang, Lào Kai... qua Bắc Kạn rồi tới Thái Nguyên để theo gió về Bắc Giang để lên Lạng Sơn, Cao Bằng rồi đấy nhé. Đi tới đâu thì cũng đóng góp thêm huyền thoại vào cuộc sống anh hùng của toàn thể dân tộc.

Thế nhưng trong sự hào hùng của cuộc sống tại Việt Bắc, có lúc nào tôi bị mỗi mệ hay chán chường hay không ? Có chứ, nếu nói là không thì là nói dối. Tôi có thể -- hẳn hũu -- nói dối người ngoài, nhưng tôi không thể nói dối tôi được.

Tình hình chiến sự ở Cao-Bắc-Lạng đã trở nên vô cùng quan trọng do đó Khu XII bấy giờ được sát nhập và Quân Khu I để tiện cho việc điều quân của Bộ Tổng Tư Lệnh. Đội Văn Nghệ của chúng tôi không còn là của Khu Ủy nữa mà vào nằm trong Bộ Chỉ Huy của một Trung Đoàn mà tôi đã quên mất phiên hiệu rồi - phải chăng là Trung Đoàn 28 ? Hoạt động của chúng tôi bị hạn chế hơn trước. Nhân viên bị giảm bớt. Trong đoàn đã có người có ý định bỏ Đội Văn Nghệ ra đi.

Vào lúc này, cả tôi lẫn Ngọc Bích đều biết sợ cuộc đời sơn lâm. Thèm đồng bằng quá rồi. Đồng ý là nương chiều ở Lạng Sơn rất đẹp khi mình vừa bước tới nơi này. Nhưng sau một thời gian sống ở đây, trong rất nhiều buổi chiều âm u, khi đêm sắp sửa tới, nhìn sương mù và bóng đen dần dần đè xuống những ngôi nhà sàn ọp ẹp đang bị bao vây bởi núi đá chập chùng trong một thung lũng nhỏ nhoi... tôi như bị ngột thở.

Chúng tôi gọi nơi đóng quân của chúng tôi là **u ti quốc** (u ti nói ngược là đi tù). Dù sao thì chúng tôi sinh ra và lớn lên là người dân ở phố xá, quen sống ở nơi có vỉa hè, có xe cộ, có đèn điện, có nước máy. Chúng tôi nghe theo tiếng gọi của kháng chiến, quyết chí về đồng hoang, lại còn vui vẻ trèo đèo lội suối lên sống ở trong hang đá, dưới lều tranh nơi rừng già hay trên nhà sàn ở những nơi đúng là rừng thiêng, nước độc, bị sốt rét lên sốt rét xuống, phải ăn uống kham khổ và luôn luôn thiếu vệ sinh (không có cả thuốc đánh răng). Bị kiết lỵ sau khi bị ngã nước. Bị đau răng là cái chắc. Nạn đau răng này càng làm cho tôi ngán cái Việt Bắc hơn lên, vì ở nơi khí hậu cò gáy này, đào đâu cho ra một ông hay một bà nha sĩ để mà sửa, mà chữa, mà o bế cái răng sâu ? Răng mà hơi hư một tí là được y tá lấy kim sửa xe đạp, sắc tay, đè miệng mình ra để nhổ phứt răng đi. Nhổ răng không cần thuốc tê. Nhổ đến nỗi sau khi dinh tề về thành, tôi phải lấp quá nửa hai hàng răng giả. Hơn nữa, sau khi đi theo kháng chiến hai năm, bây giờ tôi muốn biết tin tức về mẹ tôi.

Tôi cũng vừa được tin là người chị thứ hai của tôi và anh Nhượng hiện đang ở Chợ Đại. Tôi bèn rủ thằng Ngọc Bích : *Hay là ta về Khu Ba chăng ?* Ngọc Bích gật đầu.

Ngày chúng tôi ra đi, cũng chẳng có ai ở trong Trung Đoàn nín ba lô mời ở lại...

*Quê em miền trung du
Đồng tươi lúa xanh rì...
Nguyễn Đức Toàn*

Chương Hai Mười Hai

Một ngày lạnh cóng và ẩm ướt vì những giọt mưa cuối cùng của mùa Xuân, Ngọc Bích và tôi giã từ Hoàng Cầm và rừng núi Lạng Sơn, vác ba lô lên đường. Lúc này chúng tôi không còn là văn nghệ sĩ của Cục Chính Trị nữa. Sau vài ngày cuốc bộ, mầu tím đen dữ dội của núi rừng đã dần dần không còn đi theo để bùng mắt chúng tôi nữa. Chúng tôi đang đi trong khoảng trời cao mây rộng, rảo bước trên con đường đê dọc theo con sông đào quen thuộc vẫn đang trôi lơ lửng trong vùng Nhả Nam, Yên Thế.

Tôi thản nhiên đi qua làng Lan Giới, lơ luôn người đẹp nông thôn. Rồi chúng tôi tới Bắc Ninh. Bây giờ thì tôi đi qua Sông Đuống để nhớ tới Hoàng Cầm... Và nhận ra được cô hàng sén răng đen, ông già phơ tóc trắng, thấy được cả những tranh Đông Hồ gà lợn nét tươi trong. Nhưng không thấy được em bé sột soạt quần nâu... vì lúc này là chiến tranh. Buồn. Rồi từ Bắc Ninh, sau khi len lỏi qua những đồn địch đóng lẻ ở dọc đường số 1, chúng tôi rẽ sang Phúc Yên, Sơn Tây để xuống địa phận Hà Đông.

Vùng trung du lúc này vẫn còn an ninh vì Pháp không có đủ quân để chiếm đóng cả vùng thượng du lẫn vùng trung du hay vùng đồng bằng. Quân Pháp còn đang bận tâm ở chiến trường biên giới. Họ chỉ cho máy bay đi bắn phá những tỉnh nằm ngoài vòng đai lớn bao quanh thành phố Hà Nội, ở những nơi mà họ nghi ngờ là có kho đạn hoặc có Vệ Quốc Đoàn đóng quân.

Hình như cả Pháp lẫn Việt Minh đều muốn như vậy cho nên có một cái chợ trời rất lớn mọc lên ở làng Thịnh Đại, gần bến Đồng Quan thuộc tỉnh Hà Đông, chỉ cách vùng Quân Pháp chiếm đóng khoảng hai chục cây số. Chợ là nơi để Pháp tuồn hàng hoá Âu Mỹ ra vùng quê một cách dễ dàng và là nơi Việt Minh có thể mua những thứ cần thiết cho kháng chiến. Chợ trời này nằm ở ngay làng Đại cho nên nó mang luôn cái tên là Chợ Đại. Chợ trải dài từ làng Đại cho tới làng Thần, nơi đây có một cái cống lớn để dẫn nước sông vào ruộng -- cho nên được gọi là Cống Thần -- từ đầu chợ tới cuối chợ là khoảng 5 cây số.

Chợ Đại-Cống Thần này nằm dọc theo ven bờ của một nhánh sông thuộc dòng sông Đáy -- Hát Giang là đây -- rất tiện lợi cho những ai từ mạn Phúc Yên đi xuống hay từ dưới Ninh Bình, Phát Diệm đi lên bằng thuyền. Ở đây có khoảng không dưới một trăm túp lều gỗ hay lều tranh do khoảng một trăm gia đình, dân số trên dưới 500 người, từ Hà Nội tản cư ra chỗ này và cất thành một cái chợ ven sông. Khác hẳn với đa số thị dân khác, hoặc có cha mẹ hay anh chị em ở trong gia đình làm việc cho các cơ quan kháng chiến và đi theo đơn vị lên Việt Bắc, hoặc là thường dân tản mác đi khắp các vùng quê và cố gắng hội nhập vào đời sống cày bừa trồng trọt của nông thôn, những người dân Hà Nội tới lập nghiệp (!) ở Chợ Đại-Cống Thần này không dính líu gì tới đời sống sản xuất hay tham dự vào một tổ chức kháng chiến nào cả. Họ sống nhờ ở nghề buôn đi bán lại đồ cũ, đồ mới. Đặc biệt là những thứ hàng ngoại hoá. Một giới làm ăn mới mẻ được mệnh danh là *bờ lờ* (tức là buôn lậu) đã tạo ra ở đây một thị trường khá lớn để tuồn hàng hoá Âu Mỹ từ Hà Nội ra hậu phương.
-- *Họ đi buôn hàng ngoại hoá ở đâu vậy ?*
-- *Thưa ở vùng tề ạ.*

Chỉ cần ra khỏi Cống Thần-Chợ Đại khoảng chừng 10 cây số là tới vùng tề tức là những làng bị lính Pháp tới bình định (pacifier) và bắt dân làng phải thành lập những hội tề để làm việc cho Pháp. Nhưng bất cứ một hội tề nào làm việc cho Pháp vào lúc ban ngày, vào ban đêm họ bắt buộc phải theo Việt Minh thì mới sống được. Vùng tề được coi như là vùng sôi động và là nơi đã tạo ra nhiều câu ca dao của thời đại, ví dụ :

*Ấm ở hội tề
Sáng đi buôn lậu
Tối về Tây đen...*

Câu ca dao này muốn nói tới những chị đi buôn lậu ở vùng tề, ban ngày thì đi lấy hàng hoá từ Hà Nội để chuyên chở ra hậu phương nhưng tới ban đêm thường hay bị lính Phi Châu bắt vào đồn để làm tình. Có người từ hậu phương vào tề để mua hàng trở ra thì cũng có người hằng ngày mặc áo blouson Tây, có cái bút máy Tàu, tay đeo đồng hồ Thụy Sĩ, chân đi dép Nhật... đang sống ở vùng tề bây giờ đi ra Chợ Đại để bán hết những thứ hàng mang trên mình, rồi lại trở về vùng tề. Do đó có câu ca dao :

*Ấm ở hội tề
Khi đi có dép
Khi về chân không...*

Còn có một câu ca dao khác dùng để phê bình những người ở vùng tề, không bao giờ có lập trường vững chãi :

*Ấm ở hội tề
Chính phủ gọi về
Ra chiều bắt mẫn...*

Vùng tề còn là nơi có người chỉ đường dẫn lối cho những ai muốn dính tề vào thành.

Chợ Đại-Cống Thần mọc lên rất nhanh và trở thành một nơi thu hút những người ở các vùng khác. Những thị dân đi tản cư cho tới lúc này đều nhớ vỉa hè và đều chán cảnh đồng quê hay rừng núi, nghe tin đồn về thiên đường Chợ Đại thì ai cũng tìm mọi cách để tới nơi này, sống trong ảo ảnh của cuộc đời phố xá trước đây. Như tôi chẳng hạn. Tại đây, các quán ăn mọc lên như nấm, có nhiều món ăn mà chúng tôi từng thòm thèm trong mấy năm. Ví dụ món phở. Món này ở Việt Bắc cũng có nhưng tôi nghĩ là phở ở trên đó được nấu với thịt trâu hơn là với thịt bò.

Tại Quán Thủy Tiên lại có thêm một món mà trong kháng chiến ai cũng thích là : hai quả trứng sống pha với đường rồi quậy lên thành một ly thuốc bổ hạng nhất. Quán này có chơi nhạc, ban nhạc gồm anh "Cai Kèn" tên là Cách thổi saxo, Chương "Ve" kéo acordeon, Paul Trí chuyên đánh piano nhưng vì nay không có đàn nên phải đánh guitare. Tội nghiệp Paul Trí có bàn tay đang bị ghê nặng cho nên chỉ có thể dùng ba ngón tay để bấm những hợp âm.

Quán Café Lan đông khách vì cô chủ quán có người chị lấy kép Cải Lương Huỳnh Thái, người được toàn dân phong cho mỹ danh *Huỳnh Thái, cây sáo của Bắc Việt* -- sáo đây là sáo thuốc phiện -- khách tới đây hi vọng được gặp kép hát nổi danh.

Lại còn một cái quán nữa -- ở chợ Vân Đình cũng gần Chợ Đại -- có cái tên là Sem Sem, hình như do Tạ Đình Đề làm chủ. Nếu đánh vần theo kiểu bình dân học vụ thì là : *Sờ em xem*. Tức là quán Sờ Em.

Chợ Đại-Cống Thần có những túp lều bán các thứ xa xỉ phẩm (!) như bút máy, đồng hồ, thuốc tây, vải kaki, áo blouson Mỹ, sà phòng thơm, bàn chải và thuốc đánh răng. Nhất là có thuốc lá thơm. Nói về thuốc lá thì ở các nơi khác, các tay nghiện thuốc chỉ được hút thứ thuốc sản xuất tại Việt Bắc mang nhãn hiệu *Du kích* và *Bazooka*. Bây giờ tại Chợ Đại Cống Thần này, họ đã có thể mua được những bao thuốc lá thượng hảo hạng như *Cotab*, *Philip Morris*, *Camel*... Nhất là mua được bật lửa, thứ bật lửa có bánh quay để quẹt ra lửa -- gọi là *bật lửa cu lu xe* -- Có bật lửa rồi là thi nhau bật lửa xem ai có lửa, ai không có lửa ? Những người không mua được dầu xăng xe hơi, không bật ra lửa nhanh được vì dùng dầu thắp đèn Hoa Kỳ, thua cuộc và phải khao những người có lửa nhanh một chậu bún riêu.

Chợ Đại-Cống Thần chỉ đông người từ xế chiều cho tới nửa khuya. Ít ai ra chợ vào ban ngày vì sợ máy bay Pháp tới bắn phá. Đêm đêm, với ánh sáng của hàng trăm ngọn nến hay đèn dầu, với tiếng người vui đùa trò chuyện, với tiếng đàn ca văng vẳng từ trong quán ăn hay từ trong khoang của những chiếc thuyền đang trôi trên sông Đáy hay đang chen nhau đậu tại các bến, khung cảnh Chợ Đại-Cống Thần giống như những đêm hội hoa đăng của thời bình. Sống ở đây, người ta có thể tạm quên được những cam go của kháng chiến. Từ Việt Bắc đi xuống, từ Thanh Hoá và ngay cả từ Nam Bộ đi ra, ai ai cũng phải ghé lại nơi chợ trời (tương đối) khổng lồ này.

Khi bước chân tới đây, tôi và Ngọc Bích gặp các văn nghệ sĩ đã đóng đô ở Chợ Đại từ lâu như thi sĩ Đinh Hùng, thi sĩ Huyền Kiều, thi sĩ Lê Đại Thanh, nhạc sĩ Auguste Ngọc (người Pháp lai, đánh guitare rất giỏi), nhạc sĩ Canh Thân, nhạc sĩ Việt Lang

(tên thật là Lê Quý Hiệp), họa sĩ Bùi Xuân Phái, họa sĩ Tạ Ty. Giống như Phạm Văn Đôn và Quang Phòng trước đây ở Việt Bắc, hai họa sĩ họ Bùi và họ Tạ này cũng đang tổ chức một phòng triển lãm tranh tại một trường học gần Chợ Đại. Đình Hùng thì vẫn còn đáng dấp tiên ông như lúc Cách Mạng vừa mới thành công, cùng với Vũ Hoàng Chương, hai người ở tiệm hút mở cửa ra phố, trông thấy lá cờ đỏ sao vàng thì hỏi :

-- Cờ nước nào thế kia ?

Lúc này, tiên ông Đình Hùng (hay Vũ Hoàng Chương ?) thỉnh thoảng còn mặc một cái áo gấm đi chơi trong Chợ Đại, có một người xách làn mây đựng bàn đèn đi theo sau. Tiên ông mà cũng ra đi như thế này thì cả nước lên đường là đúng lắm.

Tôi cũng được gặp hai người bạn làm nghề xuất bản là Nguyễn Văn Hối (nhà xuất bản Thế Giới) và Nguyễn An Nghi. Ít lâu sau hai người này sẽ về thành và ấn hành nhạc của tôi trong vùng tạm chiếm, nhờ đó mẹ tôi có được một số tiền tác giả khá lớn. Trần Thiếu Bảo, Giám Đốc nhà xuất bản Minh Đức thì đang tản cư ở đây và sẽ là người xuất bản cuốn **Những Điệu Hát Bình Dân Việt Nam** của tôi, trong đó tôi ghi âm lại một số những bài dân ca cổ truyền như **Cò Lả, Trống Quân, Hò Huế** vân...

Đây cũng là nơi mà một vài nhân vật nổi tiếng như luật sư Nguyễn Mạnh Tường, cựu tri huyện Trần Chánh Thành... thường hay ra chợ để sắm đồ hay để vào quán ăn. Các ông này đang phục vụ trong ngành Tư Pháp của Quân Khu III. Cũng thấy sự có mặt của Bác Sĩ Trần Hữu Tước, ông này ở Pháp cùng về nước với ông Hồ sau Hội Nghị Fontainebleau, vì không chịu được đời sống kham khổ ở Việt Bắc cho nên đã về sống ở đây.

Chợ Đại còn có những ổ tình báo của hai bên đối phương nữa. Tôi thấy nhân viên làm việc tình báo với Văn Cao ở Lào Kai như Ty "Rõ", bây giờ, cùng với những nhân vật mang nhiều huyền thoại như Tạ Đình Đề, Hãn "Trắng", Viễn "Mập" tự "Kính Bắc" (bố Khánh Ly), Học "Kirisitô" (vì trông giống Chúa Kitô), Hoành "Hổ" và Nguyễn Trần Huyền (sau lấy tên là Cao Dao)... trở thành nhân viên của một đội trưởng Biệt Động Đội thuộc Sở Tình Báo Ngoại Thành trong Ủy Ban Thành Phố Hà Nội tên là Chi Nam (anh này hiện ở Hawaii). Nhóm Biệt Động Đội này thường ra vào Hà Nội để hoặc lấy tin tức, hoặc làm công tác phá hoại, ám sát...

Pháp cũng gửi điệp viên ra Chợ Đại-Cổng Thần để theo dõi sự chuyển quân của Việt-Minh. Về sau, ở ngay Chợ Đại này, anh nhạc sĩ Tây lai Auguste Ngọc bị thủ tiêu vì bị nghi ngờ là làm việc cho **đơn vị** (Deuxieme Bureau) của Pháp. "Kính Bắc", người cha của Khánh Ly cũng mất tích luôn. Tôi gặp lại Hoành "Hổ" và Ty "Rõ" ở Saigon, biết chắc chắn là họ không còn là người của "bên kia" nữa rồi. Còn Nguyễn Trần Huyền tức Cao Dao thì cho tới ngày 30 tháng 4 năm 1975, không biết anh ta có còn hoạt động cho Miền Bắc nữa không ?

Chợ Đại cũng còn là nơi dưỡng sức của kháng chiến quân đi nghỉ mát bữa hay đi nghỉ phép -- sự kiện này khiến cho tôi nhớ tới cái tên của một cuốn phim Pháp **Le Repos Du Guerrier**. Tại đây, ngoài những cán bộ quân sự hay chính trị hạng trung và hạng thấp, tôi còn gặp cả cán bộ gộc như Chu Văn Tấn từ Việt Bắc đi xuống và Trần Văn Giàu từ trong Nam đi ra. Những người lãnh đạo của Quân Khu III lúc đó là Hoàng Minh Thảo, Văn Tiến Dũng, cũng hay lảng vảng ra dưỡng sức ở Chợ Đại-Cổng Thần. Một trong hai ông này còn cưỡi xe Vélo Solex chạy trên con đường

ruộng dẫn tới chợ. Khi họ ra đi, dân chúng đang bu lại coi chiếc xe, thấy người cưỡi xe phải dùng chân đạp nhiều vòng để lấy đà cho máy nổ rồi mới ngưng đạp thì tưởng rằng xe này chạy bằng... dây cót.

Và không có ai tới Chợ Đại-Cống Thần mà không ghé tới Quán Thăng Long. Quán này là của ông bà Phạm Đình Phụng, rất đông khách vì chủ nhân là người rất văn nghệ. Các văn nghệ sĩ nổi danh đang ngụ cư ở Chợ Đại rất năng tới quán Thăng Long. Mà hể ở đâu có văn nghệ sĩ là người ta đổ xô tới.

*Mênh mông là ời
Thuyền về tới bến Mê rồi...*
TIẾNG ĐÀN TÔI

Chương Hai Mười Ba

Hai ông bà Phạm Đình Phụng nguyên là chủ nhân của một cửa hàng bán mứt và ô mai ở phố Bạch Mai tên là hiệu Mai Lộc. Hồi 13 tuổi, cậu Nguyễn Cao Kỳ thường hay tới hiệu Mai Lộc để ăn ô mai và đánh đàn mandoline cùng với lũ con của chủ nhân. Ngày 19 tháng 12 năm 46, tức là ngày toàn quốc kháng chiến, ông bà Mai Lộc Phạm Đình Phụng dắt hai người con trai và ba người con gái tản cư ra Sơn Tây. Cả gia đình thuộc vào hạng tiểu thương thành phố này đã tới ở nhờ trong nhà của một gia đình nông dân tại một nơi gọi là đồi Cốc. Một hôm phi cơ Pháp tới bắn phá nơi đây và đau lòng thay, người con gái lớn của ông bà bị tử thương.

Chôn cất người bạc mệnh xong, ông bà còn quá hoảng sợ muốn đi khỏi nơi này. Mới đầu tính di cư lên Việt Bắc nhưng vì sợ những nơi thường được gọi là rừng thiêng nước độc cho nên ông bà quyết định dắt một người con trai và hai người con gái đi về vùng xuôi và dùng chân ở Chợ Đại. Người con trai lớn thì đã gia nhập một đoàn văn nghệ kháng chiến ở Sơn Tây đi lưu diễn ở miền thượng du rồi.

Tại Chợ Đại, ông bà mua lại một cái quán và đặt tên là Quán Thăng Long. Ở đây có đủ ba món phở sào, phở áp chảo, phở nước, có cà phê ngon và có luôn một anh Tây lai tên là Auguste Ngọc ngày nào cũng vác đàn guitare tới quán để biểu diễn chơi. Ông bà Thăng Long vốn là những người rất sành nhạc cổ. Đi chạy giặc như vậy mà vẫn mang đàn đi theo. Thỉnh thoảng, cao hứng, ông bà lấy nhạc cụ ra. Ông đánh đàn nguyệt và bà đánh đàn tranh, đàn tỳ. Rất là du dương. Văn nghệ sĩ nào tới Quán Thăng Long thì cũng đều được đón tiếp rất niềm nở. Không có sự cách biệt giữa chủ và khách. Có anh nghệ sĩ đã xung phong vào bếp để phụ giúp trong việc thái thịt bò và thái bánh phở.

Tại Quán Thăng Long, ông bà có ba người con để giúp đỡ trong việc nấu phở, pha cà phê và tiếp khách. Người con gái lớn tên là Phạm Thị Thái, vào chạc 20 tuổi, biết hát và biết chơi cả đàn guitare hawaïenne nữa. Nàng có một vẻ đẹp rất buồn, lại là người ít nói, lúc nào cũng như đang mơ màng nghĩ tới một chuyện gì xa xưa. Văn nghệ sĩ nào khi tới gần nàng thì cũng đều bị ngay một cú sét đánh. Thi sĩ Huyền Kiêu luôn luôn thích làm người tao nhã (galant) và có nhiều lúc, trịnh trọng cầm hoa tới tặng Nàng. Thi sĩ Đình Hùng, dẹt dẹt hơn, nhờ người chị ruột của tôi -- đang tản cư ở

Chợ Đại -- làm mối. Còn anh hoạ sĩ hiền lành như bột và có đôi mắt rất xanh là Bùi Xuân Phái thì ngày ngày tới Quán Thăng Long, ngồi đó rất lâu, im lặng... Ngồi, nhìn, chứ không vẽ. Ngọc Bích cũng soạn một bài hát tỏ tình, lời ca do tôi gà cho...

Sau Phạm Thị Thái là người con trai 18 tuổi của ông bà tên là Phạm Đình Chương. Cậu này rất có khiếu về đàn guitare, bây giờ lại được Auguste Ngọc tới dạy cho cậu những ngón đàn rất hay. Rồi tới người con gái út, tên là Phạm Băng Thanh, mới 13 tuổi mà đã có một giọng hát rất hay. Văn nghệ sĩ người lớn thường gọi cô này là chú bé.

Trước khi tôi và Ngọc Bích tới Chợ Đại-Cổng Thần, đoàn Văn Nghệ Giải Phóng của Phạm Văn Đôn -- mà chúng tôi là cựu đoàn viên -- từ vùng thượng du kéo về vùng xuôi với ý định vào Liên Khu IV ở Thanh Hoá để làm việc với tướng Nguyễn Sơn. Phạm Văn Đôn là cháu ruột của ông bà Phạm Đình Phụng, chủ quán Thăng Long, do đó người con trai lớn của ông bà là Phạm Đình Viêm đã gia nhập đoàn văn nghệ Giải Phóng này từ khi mới từ Hà Nội tản cư ra Sơn Tây, như đã nói ở Chương trước. Dừng chân tại Chợ Đại, Phạm Văn Đôn tới Quán Thăng Long và xin hai chú thím cho phép hai người con đang ở đó -- là Phạm Thị Thái và Phạm Đình Chương - - nhập luôn vào đoàn văn nghệ này để đi vào Thanh Hoá. Cũng có thể vào lúc này, hai ông bà Thăng Long đã có ý định di cư thêm một lần nữa vào một vùng được coi như là an toàn nhất là Liên Khu IV cho nên ông bà để cho Phạm Thị Thái và Phạm Đình Chương ra đi một cách dễ dàng. Còn cô bé út Băng Thanh thì ở lại Chợ Đại với cha mẹ.

Phạm Thị Thái là cháu của nữ kịch sĩ Song Kim, trước đây được Thế Lữ (là chồng của bà Song Kim) có ý định cho vào hoạt động trong đoàn kịch Thế Lữ. Nhà thơ kiêm kịch gia này đặt cho nàng cái tên sân khấu là Thái Hằng. Bây giờ nàng dùng luôn cái tên này để trở thành một ca sĩ kiêm diễn viên kịch nghệ của đoàn văn nghệ do Phạm Văn Đôn chỉ huy, đầu quân vào làm việc tại Phòng Chính Trị của Trung Đoàn 9 (sau này sẽ trở thành Sư Đoàn 304) thuộc Bộ Chỉ Huy của Liên Khu IV. Khi tôi tới Chợ Đại cùng Ngọc Bích thì ba người con của ông bà Thăng Long từ Thanh Hoá trở ra thăm gia đình sau 6 tháng đi công tác.

Tôi gặp lại Phạm Đình Viêm thì vui lắm. Sau khi Viêm giới thiệu tôi với ông Thăng Long, tôi được ông cho biết là cha mẹ tôi và ông khi trước là chỗ thân tình. Hà Nội hồi xưa bé bỏng như một cái làng nhỏ. Ai cũng quen nhau. Ông Phụng còn nói là ngày đó có lần ông đã nhờ người tới dạm hỏi để xin lấy mẹ tôi làm vợ. Tôi chỉ ghé Quán Thăng Long đôi ba lần và chỉ có đủ thời giờ để thấy cảnh đầm ấm của gia đình nghệ sĩ họ Phạm. Họ thường hoà tấu và hát chung với nhau những bản Tân Nhạc trước sự hâm mộ của khách hàng hay của các bạn bè văn nghệ sĩ. Cũng thấy hay đấy, nhưng tôi không bị choáng váng trước tài nghệ hay tài sắc của mấy anh em, chị em nhà này.

Tôi cũng được mời để trở tài hát và ngâm thơ. Có lúc tôi nổi hứng lên hơi nhiều và tôi nhảy đại lên trên bàn ăn ở giữa quán, đứng vung tay vung chân ngâm những bài thơ kháng chiến của Tố Hữu và Hoàng Cầm. Mọi người khoái lắm. Phạm Đình Viêm gạ tôi đi theo ba anh em vào Liên Khu IV để, một lần nữa, làm nhân viên của đoàn văn nghệ. Tôi âm ừ lấy lệ.

Lúc đó, tôi quên hẳn là mình đang sống trong thời kháng chiến. Khung cảnh sầm uất của vùng Chợ Đại làm cho anh chàng lãng tử ở trong tôi vùng lên. Tôi đang muốn

tận hưởng sự "nghỉ ngơi của chiến sĩ" giống như lúc tôi từ chiến khu Bà Rịa-Vũng Tàu trở ra sống những đêm hành lạc ở trên những con đò Hương Giang. Cũng không khác đời sống của mọi người, đời tôi xưa nay vẫn là một chuỗi những ngày lao lung vất vả đi theo những cuộc nghỉ ngơi ăn chơi. Hay ngược lại. Giống như những đoạn nhạc trong một trường ca, có lúc rộn rập, có lúc khoan thai, có đoạn vội vã, có đoạn nhàn hạ. Bây giờ, từ mạn ngược về đây, lối sống hoang chơi trong tôi được bùng nổ sau hai năm bị đè nén ở miền núi rừng Việt Bắc.

Ngọc Bích tạm biệt tôi để về thăm gia đình ở Thái Bình. Tôi gặp người chị ruột đang sống với người chồng làm việc tại ban Dân Vận của Quân Khu III. Anh tôi là Phạm Duy Nhuận cũng từ Thái Nguyên đi xuống và soạn ra những bài như **Tà Áo Văn Quân, Đêm Đô Thị**... Tôi nghiệp anh Nhuận, làm nghề thầy giáo, lúc nào cũng phải tỏ ra là con người mô phạm, nhưng lúc nào cũng muốn sống cuộc đời lang bạt kỳ hồ như tôi. Rất thèm được làm một chàng phiêu lãng ôm đàn đến giữa đời... Nhờ người chị và người anh, tôi biết rằng mẹ tôi đã được người chị lớn ở Hà Nội cho người ra đón về thành. Thế là tôi yên tâm.

Mùa hè 1948. Chợ Đại-Cống Thần. Tâm hồn tôi nhẹ nhõm. Cơ thể tôi sung mãn. Và tôi buông thả đời tôi lúc đó cho được nổi trôi bồng bềnh trên khúc sông 5 cây số từ đầu chợ tới cuối chợ. Suốt mấy năm qua, chưa có lúc nào tôi vô tư như bây giờ. Tôi đang bắt được một người tình mới tên là Hiếu. Nàng thuộc vào loại đàn bà rất "tân thời" của Hà Nội mấy năm trước đây, có một thân hình nở nang đẹp để không thua gì bức tượng của Thần Vệ Nữ ở Milo, có đôi mắt lạng lờ và khiêu khích, có cái răng khềnh rất kiều sa và có một con tim bốc lửa.

Tôi sống với Nàng Hiếu trong một con thuyền nhỏ. Thuyền tình này khi thì trôi trên dòng sông Đáy, khi thì đậu ở bến chợ Đại hay bến Cống Thần. Đêm đêm tôi giả vờ là anh Trương Chi, ôm đàn guitare, ngồi hát ở mạn thuyền. Tại đây tôi soạn bài **Tiếng Đàn Tôi**:

*Mênh mông là ời.
Thuyền về tới bến Mê rồi.
Khoan khoan hò ời.
Dặt dìu trong tiếng đàn tôi.
Hương Hương, Nàng ôi.
Nàng về xoã tóc không lời.
Khoan khoan hò ời.
Lệ sầu rụng xuống đàn tôi.*

Nhưng rồi cũng như những cuộc tình tạm bợ trước đây, Nàng Hiếu và tôi sẽ tới lúc lạnh lùng rời nhau như trong bài hát.

Quân Khu III hồi này không có không khí chiến tranh như ở các Quân Khu trên Việt Bắc. Pháp chưa tung ra những chiến dịch lớn ở vùng đồng bằng như lúc sau này với Tướng De Lattre De Tassigny. Người dân sống khá thanh thoi. Không có sự nguy hiểm tới tính mạng vì hòn tên mũi đạn giữa cảnh giao tranh giữa ta và Tây, ngoại trừ những lúc phải nhảy xuống hố tránh máy bay oanh tạc. Đối với một kẻ rất lười biếng như tôi thì trong lúc này tôi không còn phải leo những con dốc làm cho chân tay rụng rời, mắt nổ đom đóm, tim đồ ròn và ngực bị đè nặng. Không phải sống cảnh cô đơn vắng lặng nơi núi rừng chỉ có tiếng chim kêu "bắt cô trói cột" buồn tênh hay tiếng cú rên náo nùng. Được ăn uống thoải thuê. Không bị dồn nén dục tính. Nhất là không

phải học với cấp trên, không phải học tập chính trị, nghe báo cáo tình hình trong nước, tình hình thế giới, vân vân và vân vân... Bài **Tiếng Đàn Tô** được ra đời trong bối cảnh đó.

Sự cởi mở trong đời sống như vậy không phải chỉ thấy trong tôi. Nó còn được thể hiện ra ở những bản nhạc ra đời tại Quân Khu III lúc đó. Nhạc sĩ Việt Lang tung ra bài **Đoàn Quân Đi**. Bài này rất được phổ thông với câu hát *Đoàn quân đi thấp thoáng trong đêm không một vì sao...* Nhưng nếu phải đem ra để so sánh với những hành khúc mới soạn ra gần đây tại Việt Bắc bởi Văn Cao, Nguyễn Đức Toàn hay Đỗ Nhuận thì bài **Đoàn Quân Đi** này nghe giống như là bước đi của một đoàn quân đang đi... vui chơi trong đêm tối.

Tại vùng Đồng Năm (Thái Bình) -- cũng là nơi tập trung nhiều văn nghệ sĩ -- hai nhạc sĩ Tử Phác và Lương Ngọc Châu soạn bài **Tiếng Hát Lênh Đênh**. Tuy hai nhạc sĩ này đang sống trong kháng chiến và cũng có lúc nghe âm vang lên tiếng chiến chinh nhưng cả hai chàng, cũng như tôi, chỉ mơ làm điều mang sáo thanh bình. Nhạc sĩ Tô Vũ (tức Hoàng Phú) thì có bài Tạ Từ và chàng cũng chỉ mong rồi đây khi mùa dứt chiến chinh sẽ nhờ gió dâng khúc đàn thanh bình cho chúng ta. Trong khi chờ đợi, chàng hẹn sẽ *đến thăm em một chiều mưa... dù rằng mưa dầm dề đường trơn ướt tiêu điều...* Rất khác xa với thứ *mưa dầm dề* trong bài **Đội Anh Về** của Văn Chung (phổ nhạc thơ Simonov và Tố Hữu).

Thứ tình cảm ướt át mang tính chất quốc cấm của thời đại này cũng còn đến với một nhà thơ Quang Dũng. Anh đang là một Đại Đội Trưởng ở trong Trung Đoàn Tây Tiến, đóng quân ở đâu đó trong vùng Hoà Bình thuộc Quân Khu II. Vừa được nghỉ phép để về thăm gia đình ở Phù thuộc tỉnh Sơn Tây, anh tạt qua một nơi có cái tên là Kinh Đào ở gần Chợ Đại để gặp lại người tình vũ nữ tên là Nhật, hiện nay là một cô hàng cà phê ở cái chợ trời trong vùng kháng chiến này. Người tình này còn có thêm một mỹ danh là Akimi. Nàng chính là người đẹp Sơn Tây mà Quang Dũng đã tặng bài thơ có những câu:

*Tôi nhớ xứ Đoài mây trắng lắm
Em đã bao ngày em nhớ thương ?*

Gặp Akimi đang cùng với người mẹ mở cái quán di cư ở Kinh Đào này, Quang Dũng ngồi viết ra những câu thơ tình và dán lên vách nữa:

*Tóc như mây cuốn, mắt như thuyền
Khuyến nước Kinh Đào, sóng nổi lên.
Ý nhị mẹ cười sau nếp áo
Non sông cùng đắm giấc mơ tiên...*

(Những câu thơ này, tôi đã được Akimi Nhật đọc cho tôi nghe vào đầu năm 1989 khi tôi bất ngờ biết rằng Nàng đang sống ở trên đất Mỹ).

Những bài thơ lãng mạn viết ra trong kháng chiến này có thể là lý do khiến cho Quang Dũng bị chuyển ngành từ quân đội qua văn hoá. Quang Dũng gặp tôi ở Chợ Đại và cho nghe bài thơ **Tây Tiến** mà anh vừa viết ra ở một nơi gọi là Phù Lưu Chanh, cách Chợ Đại khoảng 7 cây số. Mới nghe qua mấy câu mà đã thấy hay, lúc đó tôi đã có ý định phổ nhạc bài thơ này rồi.

Tôi với Quang Dũng là bạn học chung một lớp ở Trường Thăng Long. Trước đây, một nhà văn ở Saigon, trong một bài viết về Quang Dũng đã có quá nhiều óc tưởng tượng, gán cho anh là con của Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu. Theo như chỗ tôi biết thì

tên thật của thi sĩ Trần Quang Dũng là Bùi Đình Diễm, quê ở Phượng Trì, Sơn Tây. Anh có họ hàng với tướng Bùi Đình Đạm. Qua tới chương sau, viết về hai chặng đường Thanh-Nghệ-Tĩnh và Bình-Trị-Thiên, tôi sẽ kể thêm những kỷ niệm giữa tôi và chàng chiến sĩ-thi sĩ, giữa cảnh kháng chiến ngút trời này, vẫn chỉ *đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm* và chỉ mong có ngày trở về miền *Sông Đáy chậm nguồn* để nghe *sáo diều khuya khoắt thổi đêm trăng...*

Quang Dũng cũng không phải là cán bộ quân sự hay cán bộ chính trị độc nhất làm thơ lãng mạn. Chính ủy của một Trung Đoàn trong Quân Khu III là Nguyễn Văn Giáp cũng có những câu thơ sắc mùi tiểu tư sản:

*Hà Nội bây giờ có đẹp không ?
Có còn những lúa mắt xanh trong ?
Có còn những buổi bình minh dậy,
Cô gái bên sông then, má hồng ?*

Lẽ dĩ nhiên tình trạng buông thả trong giới văn nghệ sĩ ở Quân Khu III này chỉ thấy ở trong đám người đang sống tự do ở những thành phố nắm như Chợ Đại-Cống Thần, Đống Năm. Trong tập thể quân đội, các ủy viên quân sự, chính trị hay các văn nghệ sĩ đã trở thành văn-công chắc chắn đã có nhiều đề tài chiến đấu để viết ra những tác phẩm tích cực hơn. Tôi xin miễn nói tới những công trình vĩ đại đó. Trong tập Hồi Ký này, tôi không muốn làm công việc sưu tầm nghiên cứu hay nhận xét phê bình mà chỉ muốn gọi lại những kỷ niệm đã in dấu trên từng chặng đường kháng chiến của mình.

Nhưng tôi phải nói tới một không khí sinh hoạt văn nghệ rất hào hứng ở đây khi tôi được tham dự Đại Hội Văn Nghệ Liên Khu III. Trong mấy chặng đường kháng chiến trước, hoạt động văn nghệ của tôi chỉ có tính cá nhân nằm trong sinh hoạt thu hẹp của hai đoàn văn nghệ. Tôi chưa bao giờ được sinh hoạt văn nghệ chung với mọi người như bây giờ.

Khu III là nơi tụ họp rất đông văn nghệ sĩ kháng chiến. Vào dịp Đại Hội Văn Nghệ này, phòng tranh ở trong đình của hai họa sĩ Tạ Ty, Bùi Xuân Phái có thêm tranh của Văn Cao và của những họa sĩ khác, chẳng hạn Lương Xuân Nhị, Cát Hữu (người đã tạo ra nhân vật điển hình là Vệ Tểu). Tôi chỉ còn nhớ là những tranh lập thể của Tạ Ty với đề tài **Lià Phổ** và **Nhạc Máu** có vẻ dữ dội hơn những tranh ấn tượng của Bùi Xuân Phái với cảnh vài ba ngôi nhà cũ kỹ trong một ngõ hẻm cong queo của Hà Nội. Cũng rất hay. Vì họa sĩ này thì nói lên tinh thần dân tộc muôn đời, họa sĩ kia nói lên tinh thần dân tộc của chiến đấu hôm nay và dự phóng cả ước vọng của ngày mai nữa. Văn Cao thì vẫn là người tài hoa trong cả ba lĩnh vực thơ-họa-nhạc. Tranh kháng chiến của Văn Cao là anh bộ đội đánh Cây Đàn Đỏ.

Ngoài những nhà thơ đã kể ở trên kia như Huyền Kiêu, Đình Hùng, bây giờ tôi gặp Hoàng Công Khanh. Và được nghe thơ kháng chiến của Mai Luân:

*Nón nghiêng che nắng em cười
Nắm tay trao chút bụi ngùi anh đi
Chiều về gió mùa hàng mi
Cổ vuông chiếc áo mềm khi giã từ.*

Tất cả hình ảnh kháng chiến chỉ thu vào hai chữ cổ vuông có lẽ là cổ áo trấn thủ. Rồi tới thơ Yên Thao. Thơ nhớ nhà, nhớ gia đình nhiều hơn là thơ chiến đấu. Thơ nói

với người bạn chiến sĩ, có phải bắn súng thần công thì bắn vào địch chứ đừng bắn vào nhà mình:

Anh rút vào cho khéo nhé

Kéo lại nhâm nhà tôi.

Nhà tôi ở cuối thôn Đoài

Có giàn hoa lý, có người tôi thương...

Vui nhất là những đêm trình diễn cải lương và kịch nói. Nghệ sĩ Cải Lương hạng nhất của miền Bắc là Sĩ Tiến và vợ là Khánh Hội diễn nhiều màn như **Lã Bố Hí Điêu Thuyền, Tam Khí Chu Du**... Nhưng màn Chu Du học máu là màn được khán giả nông thôn khen nức nở. Vì tôi đã đi theo gánh hát Cải Lương cho nên tôi biết cách làm thế nào để có thể phun máu ra được. Thực ra, máu chỉ là phẩm đỏ pha với lòng trứng rồi đánh lên... Nghệ sĩ phải nhịn cơm và uống chất lỏng đó nhiều giờ trước khi ra trình diễn. Và tới lúc vai Chu Du cần tỏ ra tức khí đến tột độ thì diễn viên... ọ ra.

Vở kịch nói **Bão Loạn** thì do các kịch sĩ của tổ chức Bình Dân Học Vụ phụ trách. Ngọc Đĩnh, chủ tiệm may, là đạo diễn của vở kịch với Tạ Tỵ lo việc vẽ phông cảnh. Một ban nhạc khá đồ sộ trong đó có Nguyễn Văn Hiếu vua piano và Đỗ Thế Phiệt vua violon với sự cộng tác của Nguyễn Hiền, Nguyễn Văn Huân, Tạ Phước... làm cho những buổi trình diễn ở đây càng thêm náo nhiệt. Tử Phác vừa soạn ra những bài như **Tiếng Hát Quay Tơ, Tiếng Hát Lênh Đênh** cũng có mặt ở Đại Hội Văn Nghệ Liên Khu III này.

*Nghĩa hơn mong nhánh
Như cánh chuồn chuồn.....
CA DAO*

Chương Hai Mươi Bốn

Tôi sống ở Chợ Đại-Cống Thần đã được gần hai tháng. Tôi gặp lại nhiều bạn cũ, có thêm nhiều bạn mới và có thêm một người tình nữa để soạn thêm một bản nhạc tình. Từ khi đi theo kháng chiến thắm thoát đã được ba năm, tôi soạn ra khá nhiều những bản nhạc hùng xướng tưng bừng đầy đủ mọi tầng lớp nhân dân, từ anh Vệ quốc quân qua anh du kích tới người thương binh, từ bà mẹ già qua người vợ hiền tới đàn trẻ nhỏ... Tôi đã cố gắng nói lên những vinh quang của con người Việt Nam, tám mươi năm một thuở, được đem xương máu, mồ hôi và nước mắt ra để đánh đổi lấy tự do và độc lập cho đất nước. Tôi cũng không quên, dù chỉ là một con số quá ít ỏi, soạn ra hai bản nhạc tình. Tôi chịu đựng khá nhiều gian khổ của kháng chiến nhưng tôi cũng được nghỉ ngơi, ăn chơi thoải thích. Nhất là ở vùng Chợ Đại-Cống Thần này... Tôi rất vui.

Nhưng cuộc vui nào rồi cũng có lúc trở thành ra chán. Trong bản trường ca kháng chiến, đoạn nhạc phóng túng trong tôi đã réo lên những câu kết. Tôi đã bắt đầu thấy cảnh Chợ Đại-Cống Thần giống như những hợp âm chuech choạc của một bản nhạc hào hùng. Tôi lại thêm được thay đổi không khí...

... Một hôm, tới quán Thăng Long, tôi gặp Trần Văn Giàu. Sau khi ôn lại chuyện kháng chiến Nam Bộ, anh ta lại đưa ra một câu hỏi ngắn ngủi giống như câu hỏi của

Phạm Thanh Liêm trước đây :
-- *Phạm Duy "zô" Nam không ?*
-- *Zô thì zô.*

Thì ra cuộc đời của tôi cũng rất là giản dị. Bởi vì tôi muốn nó giản dị. Cho tới lúc này, cuộc Kháng Chiến đối với tôi đẹp đẽ vô cùng bởi vì tôi không bị ràng buộc vào bất cứ một tổ chức nào, một đoàn thể nào hay một cơ quan nào cả. Tôi hoàn toàn độc lập. Không ai bắt tôi phải sáng tác ra sao, phải sống với tác phong nào, phải đi tới đâu, phải ở lại đâu ? Tôi định đoạt lấy chương trình hoạt động của tôi, lối sống của tôi, miễn là những hoạt động hay lối sống đó không làm hại cho đại cuộc. Tôi rất thoải mái trong tình yêu nước, yêu người dân, yêu Cách Mạng, yêu Kháng Chiến và yêu... đàn bà. Không phải lúc nào tôi cũng nghiền ngẫm lại để phục vụ tốt. Khi làm việc thì rất siêng năng. Khi vui chơi được thì cứ vui chơi cho tới khi chán chê thì thôi. Nói tóm lại, tôi tôn thờ hai chữ "Tự Do". Sự tự do của con người cũng quan trọng như sự tự do cho đất nước.

Sinh ra đời là đứa trẻ mồ côi cha, không được gần mẹ nhiều và được vú nuôi rất nuông chiều, tôi là một đứa bé có cái may mắn là không bị ai uốn nắn, bẻ cong hay hay bẻ thẳng ngay từ khi hấy còn thơ ấu. Tôi nhớ rằng mẹ tôi không bao giờ phải dạy tôi bằng roi hay bằng những câu trách mắng nào cả. Tuy vậy, tôi chưa bao giờ là một đứa bé hư. Tôi chắc chắn chịu ảnh hưởng giáo dục của thiên nhiên, rung động bởi lẽ tạo hoá nhiều hơn là bị nhồi sọ bởi những bài học luân lý của con người.

Khi gần tới tuổi thanh niên và thấy người lớn trong gia đình có vẻ độc tài thì tôi bỏ nhà ra đi. Tôi tự lập thân. Sau nhiều phen phải bó mình trong những công việc mưu sinh, cuối cùng tôi lại có may mắn được làm một nghề rất tự do là nghề hát rong, rồi từ đó tôi là người chỉ thích bay bổng. Tôi đến với Cách Mạng và Kháng Chiến cũng với cái nết thích bay bổng đó. Giống như con chuồn chuồn... .. *khi vui nó đậu khi buồn nó bay.*

Nói đến con chuồn chuồn, sực nhớ ra chuyện cái tổ. Con chim nào thì cũng đều có tổ, hoặc ở trên những cành cây hay ở trên những mái nhà mà ai nhìn cũng thấy. Con ó, con diều còn làm tổ ở tận đỉnh núi đá. Con rắn, con chuột thì có tổ ở những nơi kín đáo nhưng nếu cần, ta vẫn có thể tìm ra cái tổ của nó. Con người, ngoài tổ ấm ra lại còn có cả tổ quốc nữa. Ngay cả đến con chấy, con rận mà cũng có tổ. Duy chỉ có con chuồn chuồn thì không ai biết cái tổ của nó ở đâu ? Nó mới thực là có tự do vậy.

*Thôi nhé, miền xuôi, thôi tạm biệt
Thôi, chào Hà Nội lửa ngang trời.
Ta đi, Ngõ Gạch, tường đang đục
Gạt từng giọt nước, đánh cầm hơi...*
Quang Dũng

Chương Hai Mươi Lăm

Sau khi đã hẹn với Trần Văn Giàu là sẽ gặp nhau tại Thanh Hoá để cùng nhau đi bộ vào Nam, một ngày mưa phùn, tôi và Ngọc Bích giả từ Cổng Thần-Chợ Đại.

Trên đường đi vào phía Nam, chúng tôi tránh không đi dọc theo quốc lộ 1 bởi vì Quân Pháp đã đóng đồn ở nhiều nơi từ Phủ Lý vào tới Ninh Bình. Nhưng trước khi đi vào Phủ Nho Quan để từ đó tiến vào địa đầu của Khu IV là tỉnh Thanh Hoá, chúng tôi phải đi qua vùng Chợ Bến là nơi đóng quân của Trung Đoàn Thăng Long. Trung Đoàn này là phần còn lại của Trung Đoàn Thủ Đô trước đây, sau khi rút ra khỏi Hà Nội thì thành phần bộ đội, phần nhiều là các thanh niên trong tổ chức Tự Vệ của thành phố, đã chia ra làm hai, một nửa đi lên Việt Bắc để gia nhập những đơn vị lớn, một nửa trở thành Trung Đoàn Thăng Long và ra đóng quân tại nơi này.

Tôi gặp nhạc sĩ violon Phạm Nghệ là một đội viên trong Trung Đoàn. Đây là bạn của Quang Dũng, chúng tôi rủ nhau ra ngồi ở một quán café, ôn lại vài câu thơ của thi sĩ viết ra khi còn chiến đấu trong Trung Đoàn Thủ Đô :

*Thôi nhé, miền xuôi, thôi, tạm biệt
Cổng Chéo, Đồng Xuân, thề một chết
Hàng Gai tay bồng trục ba càng
Đất cũ Thăng Long người lấm liết...*

Nói tới những sáng tác của người lính trong Trung Đoàn Thủ Đô thì phải nói thêm tới Lương Ngọc, người nhạc sĩ lai Pháp, nhờ sự ở lại và chiến đấu rất anh dũng của những người như anh hay Quang Dũng để cảm chân Quân Đội Pháp mà các cơ quan của chính quyền cũng như đa số dân thủ đô có thể bình yên tản cư ra được vùng quê và làm được cuộc kháng chiến gọi là "trường kỳ" này. Cũng như số đông những người sống về đêm mà xã hội trước đây không coi trọng lắm như vũ nữ, cô đầu... giới nhạc công, nhạc sĩ là những người cảm hứng hăng hái nhất trong đám Tự Vệ của thành phố và trở thành chiến sĩ của Trung Đoàn Thủ Đô, rồi được phân tán đi các đơn vị quân đội khác. Những người viết sử sẽ rất bất công nếu không nhắc tới công lao của giới giang hồ này trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến. Đừng quên rằng, sau khi bỏ Hà Nội ra đi, đa số nữ nhân viên tình báo của Việt Minh đều là vũ nữ đã từng chiến đấu trong Trung Đoàn Thủ Đô.

Sau khi rút quân ra đóng ở vùng Chi Nê này, nhạc sĩ Lương Ngọc của Trung Đoàn Thăng Long phổ nhạc một bài thơ của Chính Hữu nhan đề **Ngày Về**, một bài hát mà chúng tôi đã hát nhiều nhất trong khi đi kháng chiến :

*Có đoàn người lên đóng trên rừng sâu
Hôm nay mơ thấy trở về Hà Nội.
Bao giờ trở lại ?*

*.....
Phố phường xưa gạch ngói từng bừng
Bức tường đỏ ngày nay điêu tàn trần ngự.
Nhớ đêm ra đi, đất trời bốc lửa
Cả đô thành nghi ngút cháy sau lưng...*

Trong kháng chiến đã có **Bài Hát Của Người Hà Nội** rất hào hùng của Nguyễn Đình Thi. Bài hát về Hà Nội của Lương Ngọc phổ thơ Chính Hữu bây giờ, về phần nhạc ngữ, có nhiều biến đoạn âm nhạc rất phong phú và mang nhiều tính chất ngoạn mục khi được đem trình diễn trên sân khấu.

Mấy câu thơ của Quang Dũng và bài hát của Lương Ngọc phổ thơ Chính Hữu đã nói lên được phần nào cái oai hùng của những chàng trai Hà Nội trong những ngày chiến đấu tại Thủ Đô. Sau đêm 19 tháng chạp 1946, trong thành phố đã không còn lực lượng quân sự nào hết ngoài 400 tay súng của Tự Vệ Thành, những công tử Hà

Nội vốn là con cái của tiểu thương, công chức, lúc nào cũng đầu chải bóng, quần áo và dày giép bảnh bao, kể cả từ lúc xung phong làm anh tự vệ. Tự bỏ tiền túi ra mua vũ khí, may đồng phục, sắm ca lô. Ngay cả cái phù hiệu sao vàng trên nền vuông đỏ cũng tự mua lấy. Thế mà những tự vệ công tử này đã giữ được thủ đô trong mấy tháng liền, không một lúc nào sợ hãi, nhất định không buông súng dù Pháp đã nhiều lần dụ hàng. Bây giờ, họ là chiến sĩ Trung Đoàn Thăng Long và đang sống như trong lời thơ của Chính Hữu :

*Những chàng trai chưa trắng nợ máu xương
Hồn mười phương phát phơ cờ đỏ thắm.
Rách tả rời đôi giày vụn dậm
Bụi trường chinh phai bạc áo hào hoa...*

Ta lại thấy tinh thần cả nước ra đi hiện lên trong bài thơ phổ nhạc này.

Bởi vì tôi và Ngọc Bích đi tới đâu thì cũng phải tới hát cho Vệ Quốc Quân nghe để có nơi ăn uống và trú ngụ cho nên bây giờ, khi chúng tôi tới thăm Trung Đoàn Thăng Long, hậu thân của Trung Đoàn Thủ Đô thì chúng tôi được đưa tới sinh hoạt với một đơn vị tại một địa điểm có cái tên là Quèn Thị. Đây không còn là vùng trung du của người miền xuôi nữa mà là vùng sơn cước của người Mường với dãy núi Kim Bôi mà một nhạc sĩ trong kháng chiến là Tô Hải đã nói tới :

*Ai về sau dãy núi Kim Bôi
Nhắc rằng tìm tôi chưa phai mờ
Hình dung một chiếc thắt lưng xanh
Một chiếc khăn màu trắng thanh
Một chiếc vòng sáng long lanh
Với nụ cười nàng quá xinh...*

Chúng tôi lại tìm thấy niềm vui rừng núi, được ở nhà sàn, hằng ngày được vác ống tre lớn đi xuống suối để lấy nước thổi cơm và rửa ráy. Nhưng lần này thì những bông hoa rừng mà nhạc sĩ Tô Hải đã phác họa không còn làm cho chúng tôi phải vất vả trèo núi đi theo như trong thời kỳ ở Lạng Sơn nữa.

Các *nụ cười sơn cước* bây giờ gặp Phạm Nghị, Ngọc Bích hay là tôi thì léo nhéo :
-- *Eng từa ti no thía ?* (Anh đi đâu đó ?)

Chúng tôi đâu có còn ngây thơ và lãng mạn như nhạc sĩ Tô Hải của bài **Nụ Cười Sơn Cước** để mà trả lời rằng :

*Nàng ơi, tôi muốn rút tơ lòng
Dệt mấy cung yêu đương
Gửi người trong trắng của mấy bông hoa rừng...*

Vậy thì xin trả lời :

-- *Ho ti quác đác đây* (Tôi đi vác nước đây)

Giã từ Quèn Thị, sau khi ghé qua Quèn Chôm, chúng tôi thẳng đường đi tới Chi Nê. Vùng này nổi tiếng là vùng có thú dữ. Đêm đêm cọp từ rừng sâu về làng ăn heo và có khi vồ luôn cả trâu bò nữa. Làng Mường này đã có nhiều súc vật bị cọp bắt. Từ ngày Vệ Quốc Quân tới đóng quân ở gần đây, trong công tác dân vận, bộ đội muốn tới giúp dân chúng trừ khử cọp, nghĩ rằng mình có súng đại liên -- như súng Thompson chẳng hạn -- thì chắc chắn là cọp phải chết. Thế rồi một đêm, mấy anh bộ đội rủ nhau tới làng Mường để hạ cọp. Họ lấy lá rừng đun sôi để làm nước tắm với

mục đích tấy hơi người đi rồi đóng một cái cọc ở ven bìa rừng để buộc mỗi nhữ cạp là một con lợn béo. Chung quanh con mỗi và ở trên cao, họ bố trí 4 khẩu súng Thompson. Rồi họ leo lên chỗ đặt súng, ngồi uống cà phê thật đặc để thức đêm chờ cạp. Khởi sự rình cạp từ nửa đêm cho tới 3 giờ sáng, dưới ánh trăng non, họ đang ngồi trong im lặng và vừa mới ngủ thấy mùi cạp thì bỗng nhiên nghe thấy một tiếng "oé". Mọi người chưa kịp có một phản ứng nào thì nhìn ra chỗ buộc mỗi đã thấy cạp ngoạm cổ con heo rồi đi mất bóng rồi.

Sáng hôm sau, một ông già Mường tới cho mấy anh bộ đội biết rằng con cạp này đã thành tinh, các anh có tấm nước lá rừng để tấy hơi người thì nó cũng thừa biết là các anh đang ngồi ôm súng rình nó. Bây giờ muốn trừ nó thì chỉ có một cách là bẫy nó thôi. Rồi cụ đem mấy anh bộ đội lực lưỡng theo cụ vào rừng chặt những cành cây soan to bằng bắp đùi rồi đem về cửa ra từng khúc, chôn nửa thân cây xuống đất và quây thành một cái cũi nổi có 2 ngăn, một ngăn thì nhốt con heo mỗi, một ngăn thì có cánh cửa là một tấm phản lim để khi cạp chui vào là cửa tự động xập xuống.

Quả nhiên mấy hôm sau, một con cạp rất lớn bị sa bẫy. Một tiểu đội Vệ Quốc Quân bèn vác súng tới để hạ sát con cạp. Không phải ngồi rình bắn cạp trong đêm mà là giết cạp ở trong cũi ban ngày. Các "thợ săn" phải ghé súng qua chấn song cũi để bắn cạp vì sợ bắn từ xa không khéo mà vỡ cũi, cạp xỏ cũi nhảy ra thì chết cả lũ.

Trước đây tôi chỉ nhìn thấy cạp ở trong gánh xiếc hay ở trong vườn Bách Thú, và qua những vần thơ của Thế Lữ tôi cũng cảm thấy được sự buồn rầu của con cạp khi sa cơ bị nhục nhằn, tù hãm. Và liên tưởng tới thân phận nô lệ của dân tộc mình. Bây giờ, nhìn tận mắt một con cạp rừng đang gặm gừ vùng vẫy ở trong cũi, nguyên cái mùi cạp nồng nực xông lên cũng đủ làm cho mọi người kinh sợ đến độ như muốn... té đái ra. Đây là một con cạp mới bị lọt vào bẫy, chưa an phận và đang lồng lộn lên để đòi tự do, cũng như chúng tôi đang vùng vẫy đi kháng chiến vậy. Tội nghiệp cho cạp, nó sẽ không có thì giờ để gặm khối căm hờn, nó đã bị "thợ săn" bắn chết ngay. Chỉ sau khi thấy tận mắt cái chết của con cạp rồi thì từ nay, trong kháng chiến, dù có thêm đôi ba lần ngủ thấy mùi cạp trên đường đi trong rừng, riêng tôi sẽ không còn sợ cạp như trước nữa.

Xử tử và làm thịt con cạp xong rồi, dân buôn bán ở mọi nơi nghe được tin bộ đội hạ thủ (!) được cạp vội vàng tới tập lại đây, kẻ thì mua da cạp đem về làm đồ trang trí, thầy thuốc thì tới mua xương cạp để làm cao hổ cốt, chị hàng thịt cũng mò tới để mua thịt cạp. Còn cán bộ và bộ đội thì vác bát tới để lấy mỡ cạp, dùng làm thuốc chữa ghẻ rất hiệu nghiệm.

Chúng tôi chỉ ở tại làng Mường này trong một thời gian ngắn rồi lại cầm cổ đi vào Thanh Hoá.

*Đời vui thái bình
Cũng vì bao đời lính
Tiếng hát công thành
Thương nhớ những người tòng chinh...*
ĐƯƠNG RA BIÊN ÀI

Chương Hai Mươi Sáu

Thành phố rất êm đềm là Thanh Hoá mà tôi biết khi đi hát với gánh Đức Huy-Charlot Miêu vào năm 1943, bây giờ chỉ còn là một đồng gạch vụn khổng lồ với chính sách tiêu thổ kháng chiến. Tất cả sinh hoạt của dân chúng lúc này tập trung vào một cái chợ trời họp cũng không xa thị xã cũ là mấy và cũng lớn, cũng vui như Chợ Đại-Cống Thần ở Khu III vậy. Đó là Chợ Rừng Thông với một dãy nhà tranh vách gỗ nhỏ mới dựng lên ở một ngọn đồi thấp, đối diện với con đường cái quan mịt mù và dựa lưng vào những cây thông cao lớn. Cách chợ Rừng Thông chừng 5 cây số là một chợ trời khác : Chợ Cầu Bó.

Chợ này cũng có đầy đủ các cửa hàng như ở các chợ trời khác, nhưng có điều đặc biệt là sau khi thành phố Thanh Hoá bị tiêu thổ thì các tiệm cao lâu của người Tàu đã dọn ra đây như tiệm Kim Long và tiệm Á Xây với nhiều món ăn ngon hơn ở các chợ trời khác. Và lẽ dĩ nhiên là cũng có rất nhiều quán cà phê để cho chúng tôi tới bồi dưỡng sức khoẻ.

Tại đây, tôi gặp lại anh bạn nhạc sĩ kéo violon tên là Trần Quang Trường mà tất cả anh em trong làng nhạc đều gọi là "Schubert giả". Trước đây, tại Hà Nội, chúng tôi được coi cuốn phim **La Symphonie Inachevée** trong đó có cảnh nhạc sĩ Schubert đang ngồi đánh đàn piano rồi vì một cử chỉ không đẹp của một bà bá tước, Schubert tức giận, đập nắp đàn piano xuống, hất mớ tóc dài, đứng phắt dậy bỏ ra khỏi phòng. Lũ khán giả dễ tính là chúng tôi coi màn cinê đó thì vỗ tay ầm ầm cả lên ! Hồi đó chúng tôi mê nhạc cổ điển cũng vì phim ảnh Pháp thường cho chúng tôi thấy được đời tư và sự nghiệp của các nhạc sĩ như Schubert, Bellini, Strauss. Trường violon với mớ tóc dài thường hay bắt chước cảnh đó và làm cho chúng tôi rất khoái. Anh ta cũng là người đã đệm đàn cho tôi hát và chứng kiến mối tình ca kỹ và kỹ nữ của tôi tại Quán Thiên Thai trước đây. Bây giờ gặp Trường ở Cầu Bó, tôi lại yêu cầu "Schubert giả" đóng cho tôi coi cái cảnh trong phim La Symphonie Inachevée thêm một lần nữa.

Một tay violon khác là Đỗ Thế Phiệt cũng từ Khu III tản cư về Hậu Hiền, cách Cầu Bó chừng một hai tiếng đồng hồ đạp xe. Trong khi các nhạc sĩ khác mà tài năng chỉ thuộc vào bậc trung đều đầu quân vào các ban văn nghệ của quân đội thì những nhạc sĩ rất giỏi về nhạc cổ điển Tây Phương như Trường và Phiệt thì không có cơ hội phục vụ đúng mức, dù thỉnh thoảng họ cũng đóng góp vào những đêm văn nghệ của địa phương. Có thể vì loại nhạc đại hoà tấu đòi hỏi quá nhiều điều kiện : nhạc cụ, nhạc công, nhạc trưởng và quan trọng nhất là khán thính giả và thính đường. Phải mãi tới sau này người ta mới tổ chức được một giàn nhạc lớn được gọi là giàn nhạc giao hưởng.

Tôi không ở lại Rừng Thông-Cầu Bó lâu như thời ở Chợ Đại-Cống Thần bởi vì tôi có hẹn với Trần Văn Giàu ở Bộ Chỉ Huy Liên Khu IV, lúc đó đang đóng đô tại một nơi nào đó trong mấy ngôi làng có những cái tên như Làng Ngò, Châu Long, Quần Tín... cách xa khu chợ trời này khoảng 20 cây số. Một thiếu nữ rất ngoan có cái tên là Huệ cũng không giữ tôi ở lại khu Cầu Bó-Rừng Thông lâu hơn được nữa...

... Khi tôi và Ngọc Bích tới Bộ Tư Lệnh của Chiến Khu IV thì chúng tôi thấy văn nghệ sĩ ở chung quanh đây đông đảo quá ! Hai làng Quần Tín và Châu Phong, chỉ cách nhau một ngọn đồi thấp, cũng như làng Ngò (tức Ngõ Sá) là nơi trú ngụ của các gia

đình Vũ Ngọc Phan, Đào Duy Anh, Đặng Thái Mai, Nguyễn Đức Quỳnh, Trương Tửu vân vân... Mai Thảo và Trần Thanh Hiệp cũng sẽ có mặt ở nơi này...

Nhưng người mà tôi mong được gặp nhất ở đây là tướng Nguyễn Sơn. Tôi được nghe rất nhiều huyền thoại về ông từ khi danh tướng có nhiều kinh nghiệm chiến trường này từ Trung Cộng trở về nước rồi được Hồ Chí Minh cử vào Quảng Ngãi để lập một mặt trận với mục đích ngăn không cho Quân Đội Pháp mở rộng chiến trường ra phía Bắc vào những ngày đầu của cuộc kháng chiến Nam Bộ. Chấn chấn Nguyễn Sơn là người thu hút được hầu hết các văn nghệ sĩ ở vùng xuôi gia nhập vào những tổ chức kháng chiến ở đây.

Cũng phải công nhận là ở Thanh Hoá, từ khi xảy ra cuộc kháng chiến toàn quốc cho tới khi có Hiệp Định Geneve, đã không bao giờ có một cuộc giao tranh lớn nhỏ nào xảy ra cả. Quân Đội Pháp có thể mở nhiều cuộc càn quét ở các khu vực khác, nhưng họ không có đủ quân để tiến vào nửa phần ngoài của Chiến Khu IV này. Tình hình ở ba tỉnh Quảng Bình-Quảng Trị-Thừa Thiên (gọi tắt là Phân Khu Bình-Trị-Thiên) thì rất là sôi động nhưng tình hình ở ba tỉnh Thanh Hoá-Nghệ An-Hà Tĩnh (gọi tắt là Phân Khu Thanh-Nghệ-Tĩnh) thì rất là an ninh. Dân chúng ở đây có đầy đủ thóc gạo để ăn. Không những thế, tỉnh Thanh Hoá còn là nguồn tiếp tế lương thực cho các vùng trung du và thượng du ở miền ngoài. So với những Chiến Khu ở Việt Bắc và so ngay cả với Chiến Khu III là miền đồng bằng, tôi thấy đời sống ở Chiến Khu IV này rất là dễ chịu và là nơi lý tưởng để tập trung văn nghệ sĩ. Nhất là tại đây lại có hai người của chính quyền rất chú trọng tới vấn đề văn hoá là Đặng Thái Mai và tướng Nguyễn Sơn.

Một Hội Văn Nghệ Sĩ được thành lập do Đặng Thái Mai điều khiển, với một ban thư ký trong đó có Hoàng Sĩ Trinh, người trong tương lai sẽ nắm Đài Phát Thanh Saigon với cái tên là Phạm Xuân Ninh tức thi sĩ Hà Thượng Nhân. Hội này giúp cho gia đình văn nghệ sĩ có một đời sống vật chất tương đối cao. Làng Quàn Tín, làng Châu Phong và làng Ngò biến thành những *làng văn* rất đúng với ý nghĩa của danh từ.

Những hội viên của Hội Văn Nghệ Sĩ đều là những giảng viên đặc lực của một Trường Văn Hoá được mở ra tại khu vực mấy làng văn nghệ này. Trường có rất đông người ghi tên đi học. Thời gian của mỗi khoá học là 6 tháng và trong mỗi khoá có khoảng 60 học viên. Khi tôi tới đây, khoá I đã kết thúc và khoá II vừa được mở ra trong đó có nữ học viên tên là Hoài Trinh, sau này sẽ mang cái tên dài hơn là Minh Đức Hoài Trinh và có Bùi Hiền, một nhà văn có tên tuổi của kháng chiến trong những năm tới. Nhà văn Mai Thảo cũng sẽ có mặt trong khoá III của Trường Văn Hoá này.

Giảng dạy về Thơ có Nguyễn Xuân Sanh. Giảng về Văn thì có quá nhiều giáo sư như Nguyễn Tuân, Nguyễn Đình Lạp, Đỗ Phồn và giảng về Phê Bình thì có Vũ Ngọc Phan. Có Đặng Thái Mai và Trương Tửu dạy Triết và Nguyễn Đức Quỳnh dạy Sử Địa. Về ngành Hoạ thì có những giáo sư như Sỹ Ngọc, Nguyễn Văn Ty. Dạy về Kịch có Chu Ngọc, Bửu Tiến. Dạy về nhạc là Phạm Mỹ.

Trong hai ngành Nhạc và Kịch, những nghệ sĩ nào chọn công tác trình diễn hơn là công tác thuyết giảng -- như tôi và Ngọc Bích chẳng hạn -- đều gia nhập đoàn Văn Nghệ Quân Đội của Sư Đoàn Bộ. Tuy có chân trong Sư Đoàn Bộ nhưng trong thực tế chúng tôi thường hoạt động trong các văn nghệ của hai Trung Đoàn 304 và Trung Đoàn 9. Sự gia nhập của chúng tôi vào các tổ chức văn nghệ quân đội này là để giải quyết vấn đề ăn ở. Chỉ những văn nghệ sĩ trẻ và nằm trong ngành trình diễn mới

phải đi công tác xa. Còn các vị văn nghệ sĩ cao niên chỉ cần tới Bộ Tư Lệnh để sinh hoạt với Chủ Tịch Hội Văn Nghệ Sĩ Đặng Thái Mai hay với tướng Nguyễn Sơn mà thôi.

Ngành Kịch ở trong Trung Đoàn 304, về phần diễn viên có Trúc Quỳnh, Thái Hằng, Bửu Tiến, Phạm Văn Đôn, Phạm Đình Viêm, anh Trục (chồng Trúc Quỳnh), anh Uẩn, cô Hiếu, cô Nghĩa... Còn về phần đạo diễn và viết kịch có Chu Ngọc với vở **Cái Vồng**, Hoàng Trọng Miên với vở **Dưới Bóng Thánh Giá**. Ngành Nhạc có Phạm Văn Chừng và Bạch Bích (em vợ của Phạm Văn Đôn) và ca sĩ Ngọc Khanh (em Ngọc Bích). Và bắt đầu từ đây, Đoàn Văn Nghệ trong Trung Đoàn 304 này còn có thêm Ngọc Bích và tôi, bởi vì sau khi đã mê bầu không khí văn nghệ ở đây rồi, tôi quyết định bỏ rơi cái chuyện đi theo Trần Văn Giàu vào Nam. Tôi cũng không gặp được anh ta để xin lỗi.

Trung Đoàn 9 có Phạm Đình Chương và Băng Thanh (tức Thái Thanh, vừa mới từ Khu III di cư vào đây cùng với cha mẹ), Nhật Bằng và một đám vũ sinh lau nhau như bé Ngân Quý, bé Phúc trình diễn những màn vũ. Về phần sân khấu cổ truyền, các ban hát Chèo, Cải Lương và Tuồng Cổ cũng được chính quyền Khu IV nuôi dưỡng. Vì mê Cải Lương cho nên Nguyễn Đức Quỳnh đã sinh hoạt rất gần gũi với một ban hát tản cư, trong đó có Kim Xuân, em gái của Kim Chung. Riêng tôi được tướng Nguyễn Sơn phái tới sinh hoạt với tổ sư của Ngành Chèo Văn Minh là cụ Nguyễn Đình Nghi -- đang tản cư ở làng Ngò -- để ghi âm những điệu hát Chèo. Đây là một trong những vinh dự lớn của đời tôi.

Trong một không gian nhỏ hẹp là khu vực của làng văn nghệ Quần Tín nằm trong tỉnh Thanh Hoá này và vào thời gian mà cuộc toàn chiến kháng chiến đã gần đi vào năm thứ 5 rồi, với một xã hội trí thức như vậy, tất nhiên là phải có nhiều chuyện xảy ra. Minh Đức Hoài Trinh lúc đó mới có 17 tuổi, từ thành phố Huế thơ mộng chạy ra với kháng chiến mà còn đem theo đôi gót chân đỏ như son và đôi mắt sáng như đèn pha ô tô.

Từ tướng Tư Lệnh Nguyễn Sơn cho tới các văn nghệ sĩ, già hay trẻ, độc thân hay đã có vợ con rồi, ai cũng đều mê cô bé này hết ! Phạm Ngọc Thạch từ Trung Ương đi bộ xuống vùng trung du để vào Nam Bộ, khi ghé qua Thanh Hoá, cũng phải mò tới Trường Văn Hoá để xem mặt Hoài Trinh. Hồi đó, Minh Đức Hoài Trinh đã được Đặng Thái Mai coi như là con nuôi và hết lòng nâng đỡ. Ông Mai cũng có một người con gái 17 tuổi rất xinh đẹp tên là cô Hà. Dù đã đính hôn với con trai của Tôn Quang Phiệt là Tôn Gia Ngân rồi, nhưng trong một buổi đẹp trời nào đó, cô Hà bỗng lọt vào mắt xanh của Võ Nguyên Giáp và sẽ trở thành bà Đại Tướng. Thất tình, Tôn Gia Ngân bèn cưới ngay một cô gái quê "chăm phần chăm" làm vợ !

Tuy là nhân viên của Sư Đoàn Bộ nhưng trực thuộc đoàn văn nghệ của Trung Đoàn 304, trên danh nghĩa chúng tôi được đặt dưới quyền chỉ huy của ủy viên chính trị tên là Nguyễn Kiện. Tuy nhiên, văn nghệ sĩ gặp ông đồ Mác-Xít Đặng Thái Mai hay tướng văn nghệ Nguyễn Sơn gần như hằng ngày cho nên chẳng ai coi ông chính ủy ra cái gì cả ! Nguyễn Kiện chỉ là người vô phúc cho nên phải ôm cái tai nạn to lớn là bọn văn nghệ sĩ nứt trời rơi xuống này.

Cứ tưởng tượng ông chính ủy Trung Đoàn này vốn xuất thân là một cán bộ tỉnh nhỏ mà bây giờ phải đối xử hay đương đầu với những con người kiêu kỳ và lắm mồm như Nguyễn Tuân, Chu Ngọc chẳng hạn... Cho tới bây giờ, tôi vẫn thăm phục

Nguyễn Kiện ở chỗ có một hôm, không biết ông chính trị ủy viên bị bọn văn nghệ sĩ hành hạ ra sao mà ông ta về nơi trú ngụ -- nhà đồng bào -- đóng cửa lại, lấy một cái búa ra rồi nhè cái xe đạp mới toanh của mình mà đập cho tới khi cái xe nát ra mới thôi. Cho hả với cơn bức tức gây nên bởi sự đụng chạm với văn nghệ sĩ. Xin nhớ rằng chiếc xe đạp *Sterling* của chính trị ủy viên lúc đó có giá trị như chiếc xe hơi hiệu *Rolls Royce* bây giờ. Sự chịu đựng của cán bộ chính trị đối với văn nghệ sĩ sau này sẽ khác đi, cây búa sẽ không đập vào xe đạp nữa mà đập lên đầu các ông con Trời này.

Qua sự chịu đựng của chính trị viên Nguyễn Kiện này, tôi thấy được sự quan tâm của Việt Minh trong vấn đề dùng văn nghệ sĩ. Họ hiểu rõ sự quan trọng của văn nghệ trong công cuộc chiến đấu. Họ sẵn sàng chịu đựng tất cả những khó khăn nào đó để có thể dùng văn nghệ sĩ vào một việc gì và cũng sẵn sàng chôn ngay văn nghệ sĩ khi đã xong việc. Về sau, khi tôi sống với những chính quyền ở trong miền Nam, tôi không thấy họ coi văn nghệ là quan trọng. Thật là đáng tiếc. Cho cả chính quyền lẫn văn nghệ sĩ.

Trong thời gian vừa mới gia nhập Đoàn Văn Nghệ Quân Đội Liên Khu IV và đang trong thời kỳ tập dượt trước khi lên đường đi công tác xa, hằng đêm chúng tôi thường tới sinh hoạt với tướng Nguyễn Sơn, hoặc để biểu diễn thử cho ông ta coi, hoặc để nghe ông ta nói chuyện về kinh nghiệm làm công tác văn nghệ trước đây trong Hồng Quân Trung Hoa. Nguyễn Sơn có vẻ rất thích loại dân ca mới của tôi. Tôi rất khoái Nguyễn Sơn vì thấy ông ta khác hẳn các ông "cách mạng" mà tôi đã gặp, tính tình cởi mở hơn, vóc dáng quắc thước hơn, hiểu biết về văn nghệ hơn. Ngoài ra, ông tán gái cũng giỏi lắm. Một thiếu nữ trẻ măng có cái tên là Hoài luôn luôn ở gần gọi ông, lúc đó ông cũng đã quá 40 tuổi rồi. Điều này đã làm cho Ban Thường Vụ ở trên Trung Ương khổ tâm lắm. Dần dà, tôi biết thêm về tiểu sử của ông.

Nguyễn Sơn quê quán tại Bắc Ninh, con của một nhà nho đã từng hoạt động cho tổ chức Đông Kinh Nghĩa Thục vào hồi đầu thế kỷ. Ông đang học trường Sư Phạm tại Hà Nội thì vào năm 1925, vì tham gia Phong Trào Bãi Khoá cho nên ông bị Pháp ghi tên vào sổ đen. Cũng như mọi thanh niên chống Pháp lúc bấy giờ và sợ bị bắt giam, ông liền bỏ nước để sang Tàu. Ông được vào học trong Trường Chính Trị Quân Sự Hoàng Phố rồi khi xảy ra vụ Quảng Châu Công Xã thì ông hoạt động cho Phong Trào này. Trở thành đảng viên Đảng Cộng Sản Trung Hoa, ông là một cán bộ đặc lực của Mao Trạch Đông và đã có mặt trong cuộc Vạn Lý Trường Chinh.

Lúc tôi tới Khu IV, Tướng Nguyễn Sơn đang bị Trung Ương ép phải lấy vợ chứ không được giao du với cô Hoài như vậy được nữa. Thế nhưng người vợ rất trẻ này lại không phải là cô Hoài mà là cô Lê Thị Hằng Phân (tức là mảnh trăng chia đôi), con gái của cụ Lê Dư, một nhà nho thường viết báo dưới bút hiệu là Sở Cuồng. Người chị của cô Hằng Phân đã kết duyên từ lâu với kỹ thuật gia Hoàng Văn Chí, tác giả sau này của rất nhiều những sách chuyên nghiên cứu về Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Trong những đêm sinh hoạt giữa văn nghệ sĩ và vị Tư Lệnh của Chiến Khu, về vấn đề văn nghệ, chúng tôi thường được nghe ông nói về Tào Ngưu và vở kịch Lôi Vũ và chúng tôi đã học hỏi được ở ông rất nhiều điều để có thể đem áp dụng vào công tác văn nghệ của chúng tôi lúc bấy giờ. Điều này cũng chẳng lấy gì làm lạ vì tướng Nguyễn Sơn đã từng là đoàn trưởng của nhiều đoàn ca kịch trong Hồng Quân Trung Hoa từ khi ông là đồng chí của Mao Trạch Đông.

Về vấn đề quân sự thì chúng tôi được nghe tướng Nguyễn Sơn kể lại những chuyện chiến đấu ác liệt giữa Hồng Quân và quân đội Tưởng Giới Thạch ở miền đồng bằng cũng như ở miền sa mạc ở trên đất Trung Hoa. Nguyễn Sơn là một trong 18 tướng còn sống sót sau cuộc Vạn Lý Trường Chinh. Nghe ông kể chuyện mà cứ tưởng như mình đang đọc tiểu thuyết cận đại của nước Tàu. Tuy nhiên, phục tặc Nguyễn Sơn là một chuyện đương nhiên, nhưng không phải vì những chiến tích hiển hách của ông trong hàng ngũ Hồng Quân mà chúng tôi quên được công cuộc chiến đấu rất anh hùng của Việt Nam hiện nay. Sau 4, 5 năm đi theo kháng chiến, chúng tôi đã vững tin là không bao giờ Việt Nam có thể thua Pháp được. Ngay từ khi chưa được nghe Nguyễn Sơn kể cho nghe sự ích lợi của cuộc chiến tranh du kích của Mao Trạch Đông, chúng tôi cũng đã áp dụng chiến thuật đó rồi. Hơn nữa, tại Trung Hoa, đó là cuộc chiến tranh nội bộ giữa hai phe Quốc-Cộng. Không phải là cuộc chiến đấu của toàn dân như tại Việt Nam lúc này. Làm sao Pháp có thể thắng được một dân tộc mà ban ngày thì cả nước im phăng phắc, tàu bay Pháp muốn đi tìm chúng tôi để bắn giết, chẳng thấy chúng tôi đâu cả. Tới ban đêm, khi tàu bay đi ngủ cùng với lính Pháp, hàng triệu người chúng tôi lũ lượt ra đi, hoặc chúng tôi đi tiếp tế, đi họp, hay đi đánh đồn...

Như đã nói ở trên, tại bộ Tư Lệnh Liên Khu IV này, luôn luôn có tổ chức những buổi họp về văn hoá trong đó có lần tôi được nghe Đặng Thái Mai và Trương Tửu cãi nhau kịch liệt về Truyện Kiều. Cùng là Mác-Xít cả nhưng người thuộc đệ tam CS có bao giờ đồng ý với người thuộc đệ tứ CS đâu ? Vui nhất là trong một buổi thảo luận về một vấn đề gì đó, với tính tình rất cởi mở, tướng Nguyễn Sơn đã phang một câu rất bạo : *"Đánh trận vất vả như đàn ông lấy vợ còn trinh"*. Khiến cho các bà các cô tới họp về văn hoá đỏ cả mặt lên, dù tất cả đều đã là phụ nữ cứu quốc và được chúng tôi mến gọi là *bà già giết giặc*. Tướng Nguyễn Sơn còn quá bạo miệng đến độ có một hôm, trong phần trình diễn đi tiếp phần thảo luận, sau khi đội Tuồng Cổ diễn một vở hát nào đó, ông tướng cự đoàn trưởng của các đoàn kịch của Hồng Quân nhảy lên sân khấu đã kích một cách thậm tệ tinh thần phong kiến của vở tuồng khiến cho các diễn viên hơi buồn.

Để hiểu rõ con người Nguyễn Sơn hơn nữa, xin kể một chuyện vặt về viên tướng Tư Lệnh này : Là người nghiện thuốc lá, lúc nào trong túi cũng có một bao thuốc thơm hảo hạng "3 con 5", một hôm, Nguyễn Sơn đi ra phía Cầu Hàm Rồng và đi qua một trạm gác. Tuy là tướng đó nhưng có lúc nào ông mặc quân phục đâu ? Mặt thì xạm nắng, người thì khô đét, tóc thì như rễ tre, lại ưa mặc quần đùi, ai trông cũng tưởng là một anh binh bết, lính tốt đen. Nguyễn Sơn đang đứng ở dưới chân cầu, vừa móc túi lấy thuốc lá ra hút thì một anh dân quân đứng gác ở gần đó đi tới và phê bình :
-- *Tại sao đồng chí lại hút thứ thuốc lá quốc cấm này ? Tôi phải tịch thu, không đưa thì tôi bắt đồng chí ngay lập tức.*

Cận vệ vội chạy lại túm cổ anh dân quân và hỏi :

-- *Có biết ai đây không ? Tướng Tư Lệnh đó.*

Nhưng Nguyễn Sơn đã gạt anh cận vệ ra, nhe răng cười và nói với anh dân quân :

-- *Cậu làm như vậy là đúng, xin nộp đồng chí bao thuốc lá.*

Đi khỏi chỗ đó một quãng đường, Nguyễn Sơn mặt tỉnh khô, bảo cận vệ đưa cho ông bao thuốc "3 con 5" khác.

*Đêm qua say tiếng đàn, đôi chim uyên tới giường
Chim báo tin Xuân đã về trong giấc mộng...*
ĐÊM XUÂN

Chương Hai Mươi Bảy

Vào đầu năm 1949, sau khi tất cả mấy anh em Phạm Đình Viêm, Phạm Đình Chương, Thái Hằng, Băng Thanh (tức Thái Thanh) đã gia nhập các ban văn nghệ quân đội của Liên Khu IV rồi thì hai ông bà Thăng Long cũng rời Chợ Đại di cư vào Thanh Hoá để được sống gần gũi các con. Hai ông bà tới một nơi gọi là Chợ Neo, cách làng Ngò khoảng vài cây số, thuê lại căn nhà lá của một nông dân tên là Cò Mại và mở một quán phở vẫn lấy tên là Quán Thăng Long.

Chợ Neo là một chợ quê rất bé, trước kia chỉ có lều tều vài gian nhà trống dùng làm nơi họp chợ của dân địa phương, bây giờ thì có thêm khoảng trên hai chục cửa hàng là những túp nhà lá do dân di cư' dựng lên. Quán Thăng Long nằm ở ngay trước mặt một ngôi chùa nhỏ, chung quanh chùa có đào nhiều hố tránh máy bay. Chính ông chủ quán Thăng Long, tuy đã trên 60 tuổi rồi, nhưng vẫn cời trần, xắn quần, tự tay đào hố và tôi đã có lần nhảy vào một trong những cái hố đó khi tàu bay Pháp tới đây bắn phá lảng nhãng. Đoàn Châu Mậu cũng có mặt ở chợ tản cư này, hai vợ chồng vừa mở một quán nước ở ngay trước mặt con sông máng, vừa có thêm một cái quầy bán quần áo cũ ở trong chợ. Minh tinh chiếu bóng tương lai của nền Điện Ảnh Việt Nam lúc đó còn mang bí danh là Lê Quán, vừa mới thôi làm việc với một tổ chức thuộc Bộ Nội Vụ và tới tạm cư tại Chợ Neo.

Cũng như một số các bậc cha mẹ khác, khi phải tản cư ra vùng kháng chiến thì các con đi tới đâu là ông bà Thăng Long có cái may mắn là được đi theo tới đó. Cái quán phở mở ra ở Chợ Neo này không phải là một sinh kế quan trọng của gia đình tản cư này. Trong khi tại Hậu Hiền, một gia đình nghệ sĩ khác -- có người con chơi violon là Đỗ Thiệu Liệt -- cũng mở một quán phở lấy tên là Phở Tàu Bay và vì biết cách làm quảng cáo cho nên rất đông khách. Họ viết trên vách tường ở bên ngoài quán phở mấy câu thơ mà người ở xa nửa cây số cũng đọc được :

*Những ai qua phố Hậu Hiền
Hể có đồng tiền đến Phở Tàu Bay
Giá tuy đắt đắt đắt cay
Ngon chẳng đâu tày, nước tiếng gần xa.*

Quả rằng quán này nước tiếng là ngon và đắt cho nên tới bây giờ -- 1989 -- Mai Thảo vẫn còn nhớ mấy câu thơ mà Trần Lê Văn đã soạn ra khi nhà văn nghệ này kéo được Vũ Đình Liên -- là tác giả bài thơ về ông đồ -- tới ăn phở :

*Cứ thẳng Nông Giang tới Hậu Hiền
May mà gặp được Vũ Đình Liên
Ta rủ vào ngay trong quán phở
Và nhảy dù luôn mấy bát liền.*

Quán Thăng Long chỉ có đầu bếp rất ư là tài tử cho nên không nghĩ tới chuyện quảng cáo. Tôi được biết là ít khi quán phở này có lãi, ông bà Thăng Long sống được là nhờ ở số tiền bán nhà ở Bạch Mai và đem theo ra vùng quê, số tiền này bây giờ cũng đã vơi đi nhiều rồi. Quán mở ra để phục vụ cho cái dạ dày của mọi người

trong nhà và là một thứ hậu cần để cung cấp cho các con những thực phẩm bổ béo hơn loại cơm tập thể ở trong cơ quan. Mấy người con gia nhập đoàn văn nghệ quân đội ở đây thường hay từ Trung Đoàn Bộ trở về nhà -- tức là về quán Thăng Long -- để ăn uống thêm. Khi trở lại cơ quan để làm việc thì mang đồ ăn về cơ quan. Đó là ruốc thịt lợn đựng trong một cái ống tre lớn như cái ống tre đựng tiền bỏ ống của đại đa số trẻ em Việt Nam thời xưa.

Câu nói *ăn cơm nhà vác ngà voi* có thể áp dụng vào trường hợp của đại đa số dân thành thị đi theo kháng chiến. Ai mang theo được chút tiền bạc thì khi tiêu hết tiền là bán dần đồ đạc để mà trường kỳ kháng chiến. Khi không còn gì để bán nữa là kéo nhau về thành phố. Phong trào dinh tề xảy ra vào khoảng 1950 một phần lớn cũng là do tại người dân tản cư đã kiệt quệ về kinh tế.

Vì cùng là đội viên của đoàn văn nghệ quân đội và vì không có ai là người quyền thuộc cho nên vào những ngày nghỉ, tôi thường hay theo Phạm Đình Viêm và Thái Hằng về chơi quán Thăng Long. Đã quen biết hai ông bà từ ngày ở Chợ Đại cho nên tôi được ưu đãi. Tôi được ăn uống, nghỉ ngơi và ngủ luôn tại quán, giường ngủ là hai cái bàn trong quán ăn kê sát lại nhau. Cùng với Viêm, Chương, Thái Hằng, Băng Thanh, chúng tôi ngồi đàn hát với nhau suốt ngày hoặc cùng với đội viên của đoàn văn nghệ đóng quân ở gần đây, kéo nhau ra sông máng để tắm tấp, bơi lội. Khi nhìn thấy mấy cô trong đoàn mặc maillot de bain nhảy plongeon xuống nông giang thì bộ đội đi hành quân trên bờ đề đã... điên lên. Lúc này quán ăn không đông khách như hồi còn ở Chợ Đại bởi vì Chợ Neó không nằm trên con đường đi lại giữa các Chiến Khu. Quán Thăng Long chỉ có khách là những nhân viên của một số ít cơ quan chính quyền đóng tại Làng Ngò. Thản hoặc mới có những lữ khách từ phương xa ghé lại. Tại đây, trong cái quán vắng khách này, tôi ngồi trên một cái chõng tre, nhìn ra cánh đồng xanh rục nắng hay nằm dưới ánh đèn dầu để soạn lời ca tiếng Việt cho những bài **Sérénade Schubert, Plaisir d'amour, Célèbre Valse de Brahms, Back To Sorriento, Les Millions d'Arlequin...** tặng hai chị em Thái Hằng, Băng Thanh.

Kể từ ngày có lệnh toàn quốc kháng chiến và tôi phải rời Hà Nội ra đi, sau khi đặt chân trên nhiều nẻo đường của đất nước, tới đâu thì cũng ăn nhờ ở đậu tại nhà đồng bào như một người khách lạ hoặc phải sống chung ở trong cơ quan với cán bộ... mãi cho tới bây giờ, tôi mới được sống lại không khí gia đình êm ấm.

Khung cảnh gia đình không phải mới vắng bóng từ ngày tôi đi theo cuộc kháng chiến toàn quốc. Nó mất đi từ hơn mười năm trước, lúc tôi mới 17 tuổi, khi người anh cả từ Pháp trở về, không khí trong nhà trở nên ngọt ngào, dù thương yêu mẹ một vạn ngàn lần, tôi vẫn đành phải bỏ mái ấm gia đình ra đi. Tôi cứ luôn luôn bị ám ảnh bởi sự thiếu thốn tình yêu đó cho nên 20 năm sau, tôi vẫn nói tới sự thèm khát tuổi thơ êm ả trong gia đình ấm cúng qua một bài hát nhan đề **Kỷ Niệm** :

*Cho tôi lại ngày nào
Trăng lên bằng ngọn cau
Me tôi ngồi khâu áo
Bên ngọn đèn dầu hao
Cha tôi ngồi xem báo
Phố xá vắng hiu hiu
Trong đêm mùa khô ráo
Tôi nghe tiếng còi tàu...*

Sau khi bỏ nhà ra đi tôi cũng có một hạnh phúc ngắn ngủi khi, vào năm 1940, tôi được vợ chồng ông bà Tuần Phủ Lê Đình Trân ở Hưng Yên (rời đổi về làm Tuần Phủ Kiến An) nhận làm con nuôi. Tôi được sống một số tháng ngày thân ái cùng với gia đình này trong một dinh thự lớn, với lối sống lễ dĩ nhiên có phần hơi gò bó. Nhưng tôi không được ở lâu với bố mẹ nuôi để hưởng cái thú gia đình vì tôi được phái ngay lên vùng Yên Thế, Bắc Giang để trông coi một cái đồn điền nhỏ. Kỷ niệm in dấu vết sâu nhất trong thời gian tôi ở với ông bà Tuần Phủ là có một đêm trước khi đi ngủ, người mẹ nuôi, đường đường là vợ một ông quan, nhưng bà cúi xuống đất trước giường tôi nằm, xếp lại đôi guốc của tôi cho thật ngay ngắn, khiến cho từ đó trở đi, tuy sẽ trở nên một nghệ sĩ rất phóng túng trong tâm hồn, tôi là một con người ít bừa bãi nhất trong lối sống hằng ngày.

Còn tại cái quán tản cư lụp xụp ở một vùng quê vắng lặng này, sau những năm tháng lông bông, bây giờ sống chung với gia đình Thăng Long, tôi không còn là một người khách lạ nữa. Tôi bắt gặp lại không khí gia đình. Hơn nữa, tôi còn thấy khung cảnh gia đình này bình dị và ấm áp khác thường. Sự khác thường này có lý do là cả nước đang ở trong hoàn cảnh chiến tranh, đại đa số gia đình bị phân tán, nhà nào có phúc thì mới có cảnh cha mẹ con cái ở chung với nhau. Tôi nhìn thấy sự thương yêu con cái của hai ông bà Thăng Long, vào lúc khác hay ở nơi khác, chưa chắc tôi đã nhìn ra. Hai bậc cha mẹ này, như đã nói, đi theo kháng chiến chỉ có một mục đích là được ở gần các con. Cũng may mà tình hình yên tĩnh ở Thanh Hoá lúc đó cho phép những người con được luôn luôn trở về nhà sống với cha mẹ. Và may mắn cho tôi là được theo về sống tại Quán Thăng Long. Tôi cũng được coi như con cái trong nhà. Và khi quá quen thuộc với gia đình rồi, tôi bắt đầu để ý đến người con gái lớn là Phạm Thị Thái tức Thái Hằng.

Khi còn ở Chợ Đại, tôi cũng thoáng biết tới cô con gái lớn của Quán Thăng Long, được nghe cô đánh đàn guitare hawaiiwenne và hát chung với mấy người anh, nhưng lúc đó tôi không năng tới quán ăn này để tán tỉnh nàng -- như thường lệ mỗi khi gặp bất cứ người đẹp nào -- bởi vì tôi còn đang quá bận bịu với những chuyện vui chơi của tôi. Vả lại lúc bấy giờ cũng có khá nhiều cây si được trồng tại quán Thăng Long. Các chàng si này, nếu phải *mài kiếm dưới trăng* để so kiếm, lại toàn là những tinh địch trong nghề như Đinh Hùng, Huyền Kiều, Bùi Xuân Phái, Ngọc Bích... Vào tới Khu IV, tuy cùng hoạt động chung với nhau trong đoàn văn nghệ, nhưng tôi và Thái Hằng chỉ là hai người bạn đồng đội và sống riêng biệt. Còn trong những ngày sống tại Quán Thăng Long này, hai chúng tôi cùng sống dưới một mái nhà, cùng vui đùa ca hát và có rất nhiều thì giờ để hiểu biết nhau. Chẳng hạn Thái Hằng thấy tôi không phải là người nghiện thuốc phiện -- cái tội nặng nhất -- như ông anh họ là Phạm Văn Chường đã nói. Thấy tôi quả là một anh chàng mê gái -- cái tội nhẹ nhất -- như người ta đồn. Thấy tôi đàn địch, hát hồng, viết lách cũng khá khá, tôi thiếu thì cũng là khá nhất trong cái thế giới nhỏ hẹp là Khu IV này. Nhất là thấy tôi vui tính, nghịch ngợm trái hẳn với sự âm thầm, ít nói của nàng.

Về phần tôi thì bây giờ tôi không nhìn người con gái này như một bông hoa dọc đường mà tôi thường giơ tay hái. Từ lúc vào đời và biết yêu cho tới nay, tôi chỉ gặp những mối tình mang nhiều tính chất sông nước và nhẹ như mây bay gió thoảng. Đó cũng còn tại vì bẩm sinh tôi là một con người không thích bị ràng buộc. Nhưng vào lúc này, trong hoàn cảnh thiếu thốn đủ mọi thứ -- tâm lý gia đình, sinh lý cá nhân... -- sau gần ba năm cống hiến tất cả sức lực của mình cho kháng chiến, nhiều khi tôi cũng cảm thấy mệt mỏi và cô đơn. Tôi thấy như tôi đang đi trên một con đường có

hiều hứng khởi nhưng cũng không thiếu những lúc trùng xuống thì bỗng nhiên rơi vào một tổ ấm gia đình trong đó có một người con gái không dừng dừng hay vô tình trước những cảm tình hãy còn kín đáo của mình. Rồi tôi còn tự thấy mình cũng đã xấp xỉ 30 tuổi đời -- các cụ thường nói : tam thập nhi lập -- trong tôi đã nảy sinh ra ý nghĩ lấy vợ, và tôi nhìn thấy ngay một người vợ lý tưởng qua người con gái này.

Mới đầu tôi chỉ thấy Thái Hằng là người hiền lành, xinh xắn, dễ thương nhưng ít vui và rất hà tiện trong sự biểu lộ tình cảm. Nay được ở gần nàng luôn luôn và vì tôi là người lém lỉnh cho nên nàng không thể im hơi lặng tiếng được nữa. Thế là chuyện này chuyện nọ được trao đi đổi lại như giữa bất cứ một đôi trai gái nào. Rồi sau khi những chuyện thông thường đã mòn, chúng tôi nói tới chuyện riêng. Tôi hiểu được vì sao nàng luôn luôn là một vẻ buồn. Vẻ buồn đã từng quyến rũ nhiều người, nhất là những người bạn văn nghệ của tôi ở Khu III trước đây và những người ở trong Khu IV bây giờ như Đoàn Phú Tứ, Bửu Tiễn, Bửu Kính. Nhưng nếu họ không có cơ hội để tìm hiểu nguyên do của vẻ buồn đó thì bây giờ tôi được nàng kể cho nghe một câu chuyện rất thiêng liêng của đời nàng. Cũng vì tôi là một nghệ sĩ rất nhạy cảm cho nên khi biết được chuyện riêng của nàng, tôi càng muốn trở thành người bạn suốt đời của nàng để kéo nàng ra khỏi nỗi buồn dĩ vãng, cùng đi với tôi vào tương lai. Oái oăm nhất là trong khi tôi đang cô đơn mệt mỏi và đang cần những bàn tay vỗ về an ủi thì bây giờ tôi lại phải có tới hai thứ nghị lực, một cho tên *héros fatigué* là tôi và một cho người con gái đang chìm sâu vào một dĩ vãng oan nghiệt...

... Vào năm 1945, Thái Hằng đã đính hôn với một sinh viên trường Luật tên là Trần Văn Nhung (bạn đồng học của Trần Thanh Hiệp). Anh Nhung này là bạn thân thiết của Nguyễn Thiện Giám, anh họ của Thái Hằng. Anh Giám là con trai độc nhất của bà bác ruột, một goá phụ, và là người làm mối Trần Văn Nhung cho Thái Hằng. Trong gia đình Nhung có mấy người anh đi theo Việt Nam Quốc Dân Đảng, còn Nhung thì vào đầu thập niên 40, cũng như rất nhiều thanh niên khác, anh tin rằng Nhật Bản thực sự muốn giúp cho Việt Nam thoát ra khỏi ách thực dân Pháp.

Năm 1940, sau khi Pháp bị bại trận ở Âu Châu thì ở Đông Dương, Nhật Bản gây áp lực buộc Pháp đóng cửa biên giới Hoa-Việt, chấm dứt việc tiếp tế vũ khí, nhiên liệu cho Tưởng Giới Thạch và để cho Nhật đóng quân ở Bắc Việt. Pháp còn đang do dự thì Quân Đội Nhật từ miền Quảng Tây tiến chiếm Lạng Sơn. Mặt khác Nhật đổ bộ ở Đồ Sơn, ném bom Hải Phòng.

Trong toán quân tới chiếm đóng Lạng Sơn, có một đoàn Phục Quốc Quân Việt Nam do Trần Trung Lập cầm đầu. Ai cũng nghĩ rằng Nhật sẽ giúp Việt Nam có độc lập tự do. Nhưng khi Pháp đồng ý thực hiện những điều kiện mà Nhật đã đưa ra thì quân Nhật ở Lạng Sơn rút đi, Pháp đem quân lên Lạng Sơn tiêu diệt nhóm Phục Quốc Quân Việt Nam đó.

Trần Văn Nhung không nhìn thấy -- hoặc không biết tới -- bài học Trần Trung Lập và vẫn tin là Nhật Bản sẽ giúp Việt Nam. Cảm tình của anh đối với Nhật Bản còn khiến cho anh được tặng một học bổng để đi du học nhưng anh chưa kịp đi thì xảy ra vụ đảo chính ngày mùng 9 tháng 3, 1945. Trước giờ đảo chính không lâu, một sĩ quan Nhật tới một buổi họp của sinh viên Hà Nội do họ triệu tập cấp bách để hỏi xem có ai là người xung phong cùng đi với lính Nhật vào hạ thành Hà Nội ? Những người này sẽ được dành cho danh dự đặc biệt là tự tay giết lá cờ tam tài của Pháp xuống. Mọi người còn đang im lặng vì do dự thì Trần Văn Nhung và một sinh viên đã đứng lên nhận lời mời của Quân Đội Nhật. Hai sinh viên này đi tiên phong trong đám lính Nhật

và bị bắn chết ngay trên bờ tường thành Cửa Bắc trong phút đầu tiên của vụ đảo chính. Sau đó một hai ngày, Nguyễn Thiện Giám cũng bị thảm sát trong một trường hợp khác. Cái chết của Giám đã làm cho mẹ anh phát điên. Ngày 11 tháng 3 năm 45, một buổi lễ truy điệu những người đã hi sinh cho nền thịnh vượng chung của Đại Đông Á được tổ chức rất long trọng tại Nhà Hát Lớn Hà Nội. Thái Hằng đầu chít khăn trắng tới dự lễ truy điệu này. Mẹ nàng cũng tới, thay mặt cho bà bác đã phát điên.

Cái chết của vị hôn phu và của người anh họ đã ảnh hưởng rất lớn vào Thái Hằng. Ngoài tình yêu đối với người tình, nàng thường nhìn hai người này như mẫu người lý tưởng của thời đại. Thế mà chỉ trong có mấy ngày, nàng đã đi từ mát mát này tới mát mát nọ. Từ ngày đó trở đi, Thái Hằng đã xây chung quanh nàng một bức tường kiên cố là sự buồn rầu, chối bỏ mọi sự vui sống trên đời, đắm đuối trong nỗi niềm riêng. Trong suốt một năm còn ở trong thành phố, kể từ ngày Nhung được chôn cất, Hằng tuần nàng mang hoa tới đặt trên mộ và ngồi khóc.

Đi theo gia đình ra vùng kháng chiến, nàng vẫn mang theo tấm ảnh và tập nhật ký của người đã chết, trong đó Nhung có những câu nói vừa gở vừa thiêng như : nếu anh chết thì em phải lấy chồng và cố tìm ra một người nào như anh nhé. Khi ra sống ở Chợ Đại và Chợ Neo, trong hai năm liền, Thái Hằng vẫn chưa nguôi được nỗi buồn. Suốt ba năm dài, coi như nhất định để tang người tình, nàng đóng chặt hai cánh cửa trái tim và tâm hồn, sống với một nỗi buồn không che dấu. Tất cả mọi người trong gia đình đều thương sót nàng rồi còn cho rằng nàng bị ma ám cho nên, một hôm, cha mẹ nàng đã tìm cách đốt tấm ảnh và tập nhật ký của Nhung đi.

Sau này, nàng sẽ cho tôi biết là trong ba năm ấy, đã có nhiều chàng trai đến với nàng nhưng nàng không thấy ai như Trần Văn Nhung cả. Những chàng trai đó -- mà tôi cũng quen biết -- đối với tôi, đều là những người đáng yêu, đáng kính nhưng tôi ngờ rằng họ không biết tới chuyện riêng của nàng hoặc nếu có biết đến thì chắc rằng cũng chỉ biết vậy mà thôi.

Tôi thì khác, tôi đóng luôn vai trò của một bác sĩ phân tâm học. Hằng ngày tôi gọi chuyện cũ cho nàng nói. Nói cho thật nhiều, nói cho vơi đi và chắc chắn sẽ có thể nói cho hết đi. Và tôi cũng thật lòng xưng tụng thái độ anh hùng của Trần Văn Nhung, sự chung tình của Thái Hằng khi vẫn thờ hình ảnh của vị hôn phu trong lòng. Khi nàng cho biết Trần Văn Nhung sinh ngày mùng 10 tháng 5 năm 1921 thì tôi bảo tôi cũng sinh năm 1921 và vào ngày mùng 5 tháng 10, gần giống y chang đó nhé. Khi nàng nói Trần Văn Nhung cận thị, người dong dỏng cao và có mang một biệt hiệu là Chung Tử Kỳ thì tôi bảo tôi đây cũng là Bá Nha, cũng đeo kính nhìn gần và đáng người của tôi thì có lùn gì đâu ? Nàng đã có lúc buột miệng nói rằng : trông tôi cũng hao hao giống Trần Văn Nhung, thế là khá rồi đấy. Để cho có thêm nhiều sự trùng hợp, tôi cho nàng biết tôi cũng có liên hệ với vụ Nhật đảo chính. Chuyện tôi may cờ Nhật rồi bị Tây bắt ở Cà Mau. Cũng trong một ngày, ở hai nơi xa lắc, hai người cùng tuổi, vóc dáng hơi giống nhau, cùng bị lừa vào tấn bi hùng kịch hay bi hài kịch chính trị. Cả hai đều được đẩy đưa một cách êm du vào một người con gái. Là phép lạ hay là số mệnh đây ? Cuối cùng, để cho nàng có cảm tưởng tôi là người có thể thay thế được Trần Văn Nhung, tôi cũng là một chàng trai cũng có nhiều can đảm lắm : tôi sẽ xung phong đi vào Bình-Trị-Thiên trong sáu tháng, khi trở về mới làm lễ cưới. Ngoài ra, tôi cũng phác họa cho Thái Hằng -- qua những truyện kể, qua những bản nhạc -- thấy được sự lớn lao của cuộc chiến đấu hiện đang diễn ra Hằng ngày, hằng giờ, hằng phút... tại khắp mọi nơi trong nước, với vinh quang ngút trời và đau khổ vô biên

để cho nàng thấy rằng nỗi niềm của một cá nhân rất là bé bỏng trước sự vĩ đại của cuộc sống trước mặt.

Đến với Thái Hằng, tôi còn có một ưu điểm mà người khác có thể không có, đó là cái tài mọn của tôi trong âm nhạc. Tài nghệ nhỏ nhoi này cũng đã được nhiều người công nhận, từ Tướng Tư Lệnh Nguyễn Sơn rất giỏi về văn nghệ, qua những nhà văn hoá lão thành như Đặng Thái Mai, Nguyễn Đức Quỳnh... tới đồng đảo quần chúng là bộ đội hay dân quê nhưng nó chỉ xuyên qua loại nhạc hùng có ích lợi cho kháng chiến mà thôi. Tôi gọi đó là cái tài hùng (!) Riêng đối với Thái Hằng, bây giờ tôi trở luôn cái tài hèn ra là việc soạn nhạc tình và soạn lời Việt cho nhạc cổ điển.

Thái Hằng có một giọng hát rất dịu dàng, hiền hoà, hợp với tính tình của nàng. Tôi đệm đàn cho Thái Hằng hát những bài hát tiền chiến trong đó có một bài hát của Lương Ngọc Châu nhan đề **Âi Mai Pha** rút ra từ một vở tiểu-ca-kịch nào đó của nhạc sĩ này. Đây là lời than khóc của một thiếu nữ trước cái chết của vị hôn phu mang tên là Đoàn Thắng. Bài hát phản ánh rất trung thực tâm hồn của Thái Hằng lúc đó :

*Từng đoàn quân kéo lên chốn biên thù
Chàng Đoàn yêu dấu nay đã qua đời.
Buồng hồng tang vắng
Lệ nồng khăn trắng, oán hoài.
Dù chàng đã thác em vẫn một lòng
Bền lòng trinh tiết cho xứng danh chàng...*

Sau khi đẩy đưa cho nàng trút hết tâm sự ra qua bài hát ở nơi *buồng hồng tang vắng* và có *lệ nồng khăn trắng* này, tôi soạn **Đêm Xuân** cho Thái Hằng, để thay mặt cho đàn chim, *báo tin* cho nàng biết rằng : *Xuân đã về trong giấc mộng...* Em cứ việc *yêu câu hát buồn đang là lướt trong màn trắng* ...nhưng xin em hãy yêu luôn cả *trời thanh vắng đã đón đưa em tới chàng...*

*Hồn em chùng đêm tối
Tình em còn chơi vơi
Lòng em yêu rồi xin đừng nhạt phai.
Đừng nhạt phai...*

Trong những bài hát của tôi soạn ra từ trước tới nay, đây là lần thứ sáu tôi nói tới cây đàn. Khi trước là cây đàn bỏ quên côi cút, là tiếng đàn tôi, tiếng đàn chết chóc trên đường dương thế xa vời, là tiếng đàn trầm vô tư bên chiếc cầu biên giới, là cung đàn thờ ơ của tình kỹ nữ hay là cung đàn Nam Thương, Nam Ai thở than của khối tình Trương Chi. Bây giờ là tiếng đàn báo tin Xuân đã về và hạnh phúc đã tới. Tiếng đàn đêm ấy sẽ *ru trái tim* này :

*Chưa quen nhau lúc đầu
Em nghe theo tiếng sầu
Ôi khúc ca nuôi mối tình muôn sắc màu.
Em phôi pha tháng ngày
Vì lúc trắng về đây có đàn đêm ấy
Đã ru trái tim này.
Hồn em tìm nương náu
Tình em chờ thương đau
Lòng em chưa tàn, xin đừng phụ nhau.
Đừng phụ nhau...*

Trong kháng chiến -- như tôi đã có dịp nói tới vấn đề này -- cho tới lúc này, chúng tôi rảnh rỗi vô cùng. Không bao giờ chúng tôi phải làm nô lệ cho cái đồng hồ cả. Cuộc chiến cũng chẳng bao giờ trói tay chúng tôi vào nhiệm vụ. Chúng tôi rất có tự do.

Những ngày được về nghỉ ngơi tại Quán Thăng Long, vì nhu cầu của hai chị em tên là Thái và tên là Thanh, tôi soạn ra khá nhiều những lời ca tiếng Việt cho nhạc cổ điển Tây Phương. Lời lẽ trong những bài này cũng phản ánh ít nhiều mối tình của tôi đối với Thái Hằng. Trong bài **Dạ Khúc - Schubert**, có những lời ca rất an ủi :

*Chiều nay hát cho xanh câu yêu đời
Cho người thôi khóc thương ai
Cho niềm yêu đến bên tôi.
Chiều nay lỡ ghé môi trên mi sầu
Ru người qua chốn thương đau
Cho làn nước mắt chìm sâu.*

Vì đang tự tay mình xây đắp cho mình một tổ ấm cho nên tôi cũng có những lời ca rất nồng nàn trong bài **Les Millions D'Arlequin** mà tôi đặt cho cái tên Việt là **Hắt Hiu** :

*Gió không buồn, hôn lá trên con đường xưa
Nước không còn soi bóng đôi hoa thờ ơ
Ta lặng nghe cánh chim đang về nơi tổ êm đềm
Mặc cho chìm xuống bóng đêm.*

Sau gần sáu tháng đi chung với nhau trong đoàn văn nghệ cũng như ở chung với nhau tại Quán Thăng Long và sau khi đã ôm được nàng vào lòng rồi, tôi chính thức hỏi Thái Hằng làm vợ. Chuyện tình của tôi và Thái Hằng cũng như chuyện tôi hỏi vợ được nhiều người ở chung quanh biết tới. Đặc biệt có hai người nhiệt liệt tán thành cuộc hôn phối của chúng tôi là Nguyễn Sơn và Nguyễn Đức Quỳnh. Khi tôi còn đang gặp một chút lưỡng lự nơi hai ông bà Thăng Long thì hai cán bộ chính trị và văn nghệ này nói vào cho tôi. Hơn thế nữa, Phạm Đình Viêm (Hoài Trung) là người anh lớn trong gia đình cũng vận động dùm tôi và cuối cùng ông bà Thăng Long ưng thuận.

Trong đời tình ái của tôi, đây là lúc tôi không còn là con bướm nhõn nhõ trước những nụ hoa dọc đường và vui thú với những cuộc tình dễ dãi nữa. Bây giờ, tôi phải vận dụng tất cả khả năng thuyết phục của lý trí, khả năng rung động của con tim, khả năng hấp dẫn của cây đàn và khả năng lôi cuốn của tình trai.... để đẩy được một vị thần hay một bóng ma ra khỏi đời một người con gái, rồi lấy nàng làm vợ.

Bắt buộc là phải có một cái lễ ăn hỏi chứ. Kể đặng từ xưa nay bắt cần đòi nay đầu hàng lễ nghi gia đình và xã hội rồi. Sau khi chọn được một ngày tốt lành, bà Thăng Long ra chợ ở ngay trước mặt Quán Thăng Long mua một nải chuối, một buồng cau, một gói trà... Ngày lễ hỏi, bên nhà trai không có ai ngoài tôi ra, đành phải nhờ người em của điều khắc gia Lê Thị Kim là Bạch Bích tới bưng hộ khay trầu. Hôm đó, từ trong Quán Thăng Long đi ra tôi còn là một kẻ độc thân rồi tức khắc từ ngoài cửa đi vào, sau khi ra đứng lễ ông bà ông vải xong, từ nay trở đi tôi trở thành người chồng chưa cưới của Phạm Thị Thái Hằng. Một cái lễ hỏi nhẹ tênh, so với sự nặng nhọc và kiên trì của sáu tháng khổ công vận động của tôi.

Và phải đợi sáu tháng sau, khi tôi từ Bình-Trị-Thiên trở về, lễ cưới của đôi vợ chồng quê này mới được cử hành dưới sự chủ hôn của Tướng Nguyễn Sơn.

Ra biên khu
Hôm nay bao linh hồn
Đang lên trong chiều hậu phương...
VĂN NGHỆ SĨ RA TIỀN TUYẾN

Chương Hai Mươi Tám

Trong thời gian ở Chợ Neó này, tôi được gặp một nhà văn mà tôi ngưỡng mộ từ lâu. Đó là Nguyễn Tuân.

Từ khi còn là một học sinh, tôi đã bị mê hoặc bởi những lời văn trong *Một Chuyến Đi, Thiếu Quê Hương...* rồi chính cái ngông, cái phóng đãng, cái tinh thần phiêu lưu của anh đã giúp tôi bỏ nhà ra đi một cách dễ dàng lúc tôi còn trẻ. Dù chỉ nhắc lại một câu nói của Paul Morant, Nguyễn Tuân đã làm cho tôi mơ có ngày được người đời *lấy da của mình để làm chiếc va ly*. Lúc đó, tôi chưa coi va ly là kẻ thù như bây giờ khi phải xách hành lý nặng như cùm trong các chuyến đi hát tại nhiều nơi trên thế giới sau ngày bỏ nước ra đi.

Nguyễn Tuân không chỉ đẩy tôi đi vào kiếp giang hồ, anh còn kéo tôi về dĩ vãng với **Vang Bóng Một Thời, Chiếc Lư Đồng Mắt Cua, Tóc Chị Hoài...** Nhất là với **Chùa Đàn**. Hơn nữa, khi tôi chưa có đầy đủ sự trưởng thành để hiểu được André Gide thì Nguyễn Tuân dạy cho tôi sống cuộc cách mạng của cảm giác như thế nào, dù rằng trong tác phẩm, nói đủ những chuyện phóng túng hình hài nhưng anh chưa dám nói tới chuyện đồng tính luyến ái của André Gide.

Tôi có trở thành một con người không thích hành đạo mà chỉ thích hành lạc -- một trong ba thứ mà Tú Xương đã nói -- thì cũng là vì tôi muốn được sống như những nhân vật trong trí tưởng tượng của Nguyễn Tuân. Tôi cũng nhận thấy Nguyễn Tuân là người có lối sống của những nhân vật mà nhà văn tạo ra. Không như những người viết chuyện phiêu lưu nhưng không dám sống phiêu lưu -- chẳng hạn Đái Đức Tuấn (bút danh TCHYA), Vũ Bằng hay Lê Văn Trương -- Nguyễn Tuân hoà lẫn văn chương và cuộc đời. Anh có lối sống mà người đời có thể cho là lập dị (tôi thì cho là chân thật) và mới thật xứng đáng được gọi là một đảng tử. Trước kháng chiến, đi ăn tại tiệm cơm Tàu Quảng Sinh Long ở phố Hàng Buồm, gọi món chim bồ câu quay nhưng khi ăn thì Nguyễn Tuân chỉ ăn có hai cái đùi chim mà thôi và bỏ không thèm ăn đĩa thịt chim còn lại. Trong kháng chiến, đi theo bộ đội đánh trận, Nguyễn Tuân đòi cung cấp cho anh một cái trống lớn và hai cái dùi để anh sẽ đánh trống thúc quân khi bộ đội xung phong đánh đồn Pháp. Bố ai mà chiều anh được ?

Bao nhiêu lâu nay, tôi rất mong được chơi với tác giả của bài bút ký nhan đề **Buổi Chiều Bô-Hê-Miêng** đồng thời cũng là một trong những tài tử xi-lê-ma đầu tiên của Việt Nam -- anh có qua Hồng Kông đóng phim **Cánh Đồng Ma** với Đàm Quang Thiện -- và là nhà đảng tử thứ hai sau Tản Đà... thì bây giờ gặp thần tượng của mình ở Thanh Hoá, tôi chỉ có một cái pipe thuộc loại đắt tiền mà tôi mới mua được ở Chợ Đại để tặng ông anh.

Tại Khu IV này, tôi còn có cái may được làm quen với Nguyễn Đức Quỳnh, người trở thành anh bạn tâm tình mà tôi tin cậy nhất trong hai mươi năm sống ở miền Nam. Cũng như Nguyễn Tuân, anh Quỳnh và những nhà văn khác trong nhóm Hàn

Thuyền -- Trương Tửu chẳng hạn -- đã ảnh hưởng rất mạnh mẽ vào tâm hồn tôi. Đọc cuốn **Kinh Thi Việt Nam** của Trương Tửu, tôi yêu tục ngữ, ca dao của nước mình hơn lên và vững tin hơn để tạo ra loại dân ca mới. Đọc những truyện **Thằng Kinh, Cu So** của Nguyễn Đức Quỳnh, tôi biết thêm những mẫu người lý tưởng khác với những nhân vật lý tưởng của nhóm Tự Lực Văn Đoàn mà tôi yêu mến và kính phục.

Tôi đã có lần thăm phục Nguyễn Đức Quỳnh khi thấy anh chàng theo đệ tứ này chống lại nhóm đệ tam trong ngày khai mạc Đại Hội Văn Hoá tổ chức tại Hà Nội mấy năm trước. Thấy anh còn sống sót và đang ở bên cạnh Nguyễn Sơn tại Khu IV này trong khi Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm bị thủ tiêu, tôi lại càng phục anh hơn nữa. Sau này tôi còn thấy anh Quỳnh được Việt Minh ở Khu IV cử vào Hà Nội để làm một công tác tình báo hay ngoại giao gì đó thì tôi nhận ra rằng Nguyễn Đức Quỳnh là người có chí phiêu lưu, trong khi Nguyễn Tuân là người có ý tưởng phiêu lưu. Chỉ phiêu lưu trong thành phố như Nguyễn Sỹ Tế sẽ viết về Nguyễn Tuân. Viết như vậy là chưa nhìn thấy kháng chiến, bởi vì trong lúc này, ở khắp mọi nơi, thiếu gì người đã chẳng tự lột da của mình ra để làm chiếc ba lô ? Kể cả Nguyễn Tuân.

Trong đời sống, Nguyễn Đức Quỳnh vốn là người đã từng đầu quân vào đội Lê Dương của Pháp, đã sống lăn lộn ở nước ngoài cho nên tính tình của anh rất là cởi mở. Hơn tôi đúng một con giáp nhưng anh Quỳnh đến với tôi như một người bạn đồng tuế và tôi học hỏi được nhiều điều nơi con người có cái hiểu biết rất sâu rộng trong các vấn đề chính trị, văn hoá.

Tại vùng Quần Tín này, Nguyễn Đức Quỳnh khởi sự vai trò đám bóp văn nghệ để rồi về sau được tặng cho một biệt hiệu là *phù thủy văn nghệ*. Trong kháng chiến, Việt Minh mở ra nhiều cuộc vận động, nào là dân vận, địch vận... trong đó trí thức vận là công tác cũng quan trọng lắm. Anh Quỳnh xung phong làm công việc vận động chúng tôi vì dù sao đi nữa chúng tôi vẫn thấy anh ấy gần gũi với chúng tôi hơn là Nguyễn Sơn hay Đặng Thái Mai vốn là những nhà lãnh đạo văn nghệ thực sự của Mặt Trận. Đây là điều càng làm sáng tỏ vấn đề chính quyền coi văn nghệ là quan trọng. Biết văn nghệ sĩ là người rất tự cao, không bao giờ cán bộ chính trị trực tiếp liên lạc với văn nghệ sĩ cả. Họ toàn nhờ người trung gian là văn nghệ sĩ có thành tích và tên tuổi.

Nguyễn Đức Quỳnh là người đứng giữa văn nghệ sĩ và chính quyền để giải quyết nhiều vấn đề liên quan tới chúng tôi và cuộc chiến đấu. Giải quyết cho gia đình văn nghệ sĩ có phương tiện vật chất để trường kỳ kháng chiến thì rất dễ nhưng giải quyết những chuyện rắc rối giữa văn nghệ sĩ mới là khó khăn. Giải quyết việc hôn phối giữa tôi và Thái Hằng thật ra cũng không khó lắm nhưng làm sao có thể giải quyết được chuyện tình giữa Hoàng Trọng Miên và Trúc Quỳnh đây ? Hay là chuyện mâu thuẫn giữa Chu Ngọc và ủy viên chính trị Trung Đoàn 304 ? Con người mảnh khảnh và tinh khôn Nguyễn Đức Quỳnh đã rất khéo léo trong việc hoà giải những mâu thuẫn xảy ra trong làng văn nghệ này. Trong những buổi họp về văn hoá, nếu Trương Tửu lý luận hay hơn anh Quỳnh thì chắc chắn là tác giả **Kinh Thi Việt Nam** không bao giờ nói hấp dẫn bằng tác giả **Thằng Cu So**. Tiếng cười ròn rã cất lên từng tràng mỗi khi Nguyễn Đức Quỳnh ngồi trên hàng ghế chủ tọa.

Vì ở trong ba miền Thanh-Nghệ-Tĩnh này chưa hề có cuộc giao tranh nào giữa Việt Minh và quân đội Pháp cho nên văn nghệ sĩ nào muốn có đề tài để sáng tác thì phải xung phong đi vào miền trong được gọi là **Bình-Trị-Thiên khói lửa**. Lãnh đạo văn

nghệ mới chỉ tung ra ý kiến đi ra tiền tuyến chứ chưa có ai xung phong để thực hiện công tác đó cả. Tôi sẽ có vinh dự là một trong những người đầu tiên làm công việc mà sau này người ta đặt cho cái tên là tham quan chiến trường. Trong khi chờ đợi ngày ra tiền tuyến, văn nghệ sĩ chúng tôi được học tập để tham gia những chiến dịch thông thường như đời sống mới, truyền bá quốc ngữ, tăng gia sản xuất v.v...

Đây cũng là lúc tướng Nguyễn Sơn bày ra một chiến dịch mới mẻ gọi là Rèn Cán, Chinh Quân với mục đích rèn luyện cán bộ và chinh đồn cơ quan. Các đơn vị quân đội ở khắp nơi trong Quân Khu kéo về Đồ Lèn để tham dự mấy ngày được gọi là Đại Hội Tập trong đó có những cuộc thi điền kinh, thi bắn, đánh trận giả v.v... Tôi thấy có sự hiện diện của một số cổ vấn Trung Cộng tại Đại Hội Tập này. Một phong trào thi đua được tung ra. Lễ tất nhiên, giới văn nghệ sĩ có nhiệm vụ vận động mọi người tham gia phong trào này. Chiến sĩ thi đua lập chiến công, nông dân thi đua sản xuất... thì văn nghệ sĩ cũng phải thi đua sáng tác. Nhiều tác phẩm lớn đã ra đời trong giai đoạn này.

Về âm nhạc, Ngọc Bích viết những bài như **Anh Nghiện Súng** và **Say Chiến Công**. Trong bài **Say Chiến Công** nó đưa ra chuyện ba anh bộ đội thi đua lập chiến công và chia nhau mỗi người hát một đoạn. Tôi phục Ngọc Bích vì nó dám đem một điệu nhạc Mỹ vào một bài hát kháng chiến. Đó là điệu **swing**. Do đó bài hát có một hành điệu rất vui :

Hợp Ca -- *Hôm nay chúng tôi say*
Say vì tiêu diệt một đồn tây
Hôm nay chúng tôi say
Say vì súng, say vì đạn, say vì chiến công...
Đơn ca 1 -- *Anh bắt được một khẩu Thompson và một đôi giày...*
Đơn ca 2 -- *Tôi 5 lựu đạn và một F.M...*
Đơn ca 3 -- *Còn tôi đen quá, vớ được một sơ mi rách vai...*

Phạm Đình Chương bắt đầu soạn nhạc và đưa ra những bản hợp ca rất cần thiết cho việc trình diễn của Đoàn Văn Nghệ, như **Hò Leo Núi, Ra Đi Khi Trời Vừa Sáng...**

Về phần tôi thì sau vài tháng hụt hẫng trong sáng tác vì còn mãi chơi ở Chợ Đại Cống Thèn, bây giờ tôi hưởng ứng phong trào thi đua và soạn ra bài Thi Đua Ai Quốc trong đó có câu :

Anh có cây súng kia
Thì tôi có bàn tay thợ.
Anh có cây cuốc này
Thì tôi có một cây đàn.
Anh giết bao thực dân
Thì tôi cướp bao súng đạn.
Anh có bóng lúa vàng
Thì tôi có ngàn lời ca...

Khi nghe bài này, Nguyễn Sơn nheo mắt bảo tôi : "*Cậu phải giữ cho đúng lời hứa đó nhé... Phải soạn đủ một ngàn bài ca nghe...*" Lời hứa đã được giữ đúng. Sau đúng 40 năm, tại Thị Trấn Giữa Đàng (Midway City) ở tiểu bang California (Hoa Kỳ) tôi có cơ hội in ra một cuốn sách nhan đề **Ngàn Lời Ca**, bao gồm gần như hầu hết sáng tác của tôi. Chỉ tiếc rằng không có Nguyễn Sơn ở đây để tôi ký tặng ông một cuốn sách.

Ngoài sự hưởng ứng phong trào thi đua, tôi cũng soạn thêm những bài vận động phụ nữ cứu quốc như bài **Bà Mẹ Chiến Sĩ** :

*Vườn rau, vườn rau xanh ngát một màu
Có bà mẹ nuôi chiến sĩ...*

Hình ảnh bà mẹ miền quê mới chỉ được tôi vẽ mỏng trong một vài bài dân ca trước đây như **Nhớ Người Ra Đi, Dặn Dò...** Bây giờ, hình ảnh tuyệt vời của bà mẹ chiến sĩ được tôi tô cho đậm nét hơn :

*Trời mưa ướt áo mẹ già
Mưa nhiều càng tươi bông lúa...*

*.....
Miếng khô nhớ bát nước đầy
Nhớ bà mẹ quê năm ấy...*

Bài này sẽ dặt tới một bài hát còn lồng lộng hơn nhiều là bài **Bà Mẹ Gio Linh**. Huyền thoại về người mẹ Việt Nam khởi sự có mặt trong ca nhạc kể từ những ngày này. Ngoài những bài có tính chất dân ca ra, trong lúc này, tôi còn soạn hành khúc như bài **Văn Nghệ Sĩ Ra Tiền Tuyến** để hỗ trợ cho việc vận động văn nghệ sĩ đi vào Bình-Trị-Thiên, nhưng trong bài hát có một câu bị phê bình là tiêu cực :

*Em ơi. Mai về
Chắc rằng có người nhớ...*

Các nhà lãnh đạo văn hoá bảo tôi rằng : "*Cậu nói tới ngày về của chiến sĩ là làm cho chiến sĩ nản lòng đó...*" Thế à ? Vâng, có gì khó đâu ? Nếu các "vu" không muốn có một câu hát hi vọng thì, dễ lắm, "moa" đổi ngay thành câu hát tuyệt vọng :

*Người đi không về
Chắc rằng có người nhớ
Hương khói chiều hồn
Hiu hắt những chiều trận vong...*

Vì quá yêu lãnh đạo cho nên lúc đó tôi rất dễ tính. Sau này tôi sẽ khó tính hơn nhiều. Nhưng phải công nhận rằng lúc bấy giờ, tướng Nguyễn Sơn là người đã cho chúng tôi khá nhiều kinh nghiệm trong công tác văn nghệ. Tôi còn nhớ những buổi tập diễn, các kịch sĩ phải đi ra bờ ao, người đứng ở bờ ao bên này, kẻ đứng ở bờ ao bên kia, và... đóng kịch. Trong đối thoại, hai bên đâu có thể nói nhỏ với nhau được ? Phải nói cho thật lớn thì đôi bên mới nghe được tiếng nói của nhau. Tập hát cũng thế, phải ra bờ ao, người hát, người nghe đứng ở hai bên bờ ao, ca sĩ phải hát cho thật lớn, bởi vì trong kháng chiến làm gì có micro-ampli và loa hát ?

Sau khi tập dượt và có đầy đủ vốn liếng rồi, đoàn văn nghệ của chúng tôi đi trình diễn tại các nơi lân cận trong vùng Thanh Hoá, trước khi sẽ đi vào Nghệ An và Hà Tĩnh. Riêng tôi và một số anh em còn phải đi xa hơn nữa, đi tuốt vào tận Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên.

Chương trình văn nghệ trình diễn nhằm vào đối tượng Vệ Quốc Quân nhiều hơn cho nên tôi đã thành công rất lớn với những bài thơ **Đêm Liên Hoan, Tâm Sự Đêm Giao Thừa** của Hoàng Cầm tôi đã từng diễn ngâm với tác giả nhiều lần ở vùng Cao-Bắc-Lạng.

Thái Hằng là nhân viên quan trọng của đoàn văn nghệ vì nàng vừa đóng kịch, vừa hát đơn ca, hợp ca. Lúc đó đại đa số Vệ Quốc Quân là những thanh niên gốc tiểu tư sản thị thành chạy ra vùng kháng chiến -- chúng tôi gọi là *lính cậu* -- cho nên trong phần hát đơn ca, họ yêu cầu Thái Hằng hát những bài hát cổ điển Tây Phương do tôi đặt lời Việt như **Ave Maria của Schubert, Les Millions D'Arlequin...**

Nếu phải hát nhạc Việt thì hát toàn là những bài rất cao sang của Dương Thiệu Tước như **Vàng Trắng Sáng, Trời Xanh Thắm** hay là bài **Hồn Xuân** rất hiền hoà của Nguyễn Xuân Khoát. Nhờ có tôi ở Việt Bắc về cho nên bây giờ ban hát có thêm một số bài hát mới và hùng hồn hơn như **Khúc Hát Sông Thao, Bến Bình Ca, Tiếng Hát Trên Sông Lô...**

Thái Hằng còn là vai chính của vở kịch nói **Cái Vỡ** của Chu Ngọc. Trong vở này, tác giả đưa ra chuyện hai vợ chồng trẻ ở tỉnh thành phải tản cư ra vùng quê và tới ở nhờ nhà đồng bào. Chủ nhà kiêng không muốn cho hai vợ chồng nằm chung cho nên đêm đêm mắc một cái võng nằm ngay cạnh giường ngủ để canh chừng đôi vợ chồng trẻ.

Ngoài vở kịch có tính chất phê bình xã hội đó, còn có thêm vở kịch nói tới người Công Giáo trong kháng chiến. Đó là vở **Dưới Bóng Thánh Giá** của Hoàng Trọng Miên. Phạm Đình Viêm (tức Hoài Trung sau này) đóng vai một ông cha và với giọng hát rất khoẻ, anh ta đã làm cho vở kịch kháng chiến này có thêm giá trị qua bài **Tiếng Chuông Nhà Thờ** của Nguyễn Xuân Khoát :

*Thánh đường tôn nghiêm
Giặc phàm tới chiếm
Gác cao toà thánh
Đặt súng thay chuông...*

Từ Thanh Hoá, chúng tôi đi dần vào Nghệ An. Đi qua những làng đạo, tôi thấy thiếu nữ ở đây cao lớn đẹp đẽ như những cô đầm lai. Tại thành phố Vinh bây giờ chỉ còn là một đồng gạch vụn, chúng tôi gặp một đoàn kịch nhi đồng trong đó có Trần Hoàn, Hoàng Thi Thơ...

(Ảnh : PD. Nguyễn Văn Tý và ca sĩ Ánh Tuyết, Saigon 2000)

Rồi cũng ở thủ đô của xứ Nghệ này chúng tôi gặp lại một anh cán bộ quen biết tên là Nguyễn Văn Tý. Anh chàng này muốn trở thành nhạc sĩ và đã ra Chợ Neô ở chơi với chúng tôi trong một thời gian để học hỏi. Rồi anh mê luôn một cô con gái không biết từ đâu tản cư tới đây và đang hoạt động trong ban văn nghệ của phường khóm. Cô này lấy tên là Thùy Dương và có đôi mắt rất lờ mờ cho nên chúng tôi tặng cho một biệt danh là *Dương say thuốc Lào*... Nguyễn Văn Tý soạn ra một bài hát nhan đề **Dư Âm** để tặng cô gái. Tên bài hát cũng ở cái tên "Dư-ơng" của cô gái mà ra.

Vào tới Hà Tĩnh, khi tới hát tại một làng chài, Phạm Văn Chừ có nhiều cảm hứng để soạn ra một bài hát có tầm vóc lớn giống như bài **Trường Ca Sông Lô** của Văn Cao. Đó là bài **Cảnh Dương** :

*Cảnh Dương
Đây xóm làng dân trù phú
Sống yên lành bên bờ biển rộng mênh mông...*

*Chiều qua gánh nước cho Vệ Quốc Quân
Nghe tiếng o nghèo kể rằng :
Quân thù về đây đốt làng...
BAO GIỜ ANH LẤY ĐƯỢC ĐÔN TÂY ?*

Chương Hai Mười Chín

Đoàn Văn Nghệ của Trung Đoàn 304 sau khi xong công tác tại Hà Tĩnh rồi thì chia ra làm hai. Phạm Văn Đôn dắt một nửa đoàn trở ra Bộ Tư Lệnh Quân Khu IV. Tôi, Bửu Tiến, Ngọc Khanh (em gái của nhạc sĩ Ngọc Bích), Vĩnh Cường và một số đội viên đi vào phía Nam. Giã từ những đoàn viên đang quay chân trở về Thanh Hoá, chúng tôi lên đường đi vào một miền đất nước được mệnh danh là Bình-Trị-Thiên khói lửa. Một đại đội Vệ Quốc Quân do một cán bộ tên là Ngô Đại Hành chỉ huy được phái đi để phòng vệ cho đoàn văn nghệ. Họ đi cách chúng tôi chừng 2, 3 cây số.

Ngày đầu tiên khởi sự ra đi, vừa qua một mảnh đồng bằng rất hẹp không có đất cày mà chỉ có những bụi cỏ cứng mọc trên bãi cát, chúng tôi phải leo ngay lên núi. Và đã leo một bước rồi là cứ tiếp tục leo, leo hoài, leo mãi. Leo từ sáng sớm cho tới chiều tối, không có một bước chân nào của chúng tôi được đặt trên một lối đi gọi là phẳng phiu cả. Toàn là phải cong lưng, cúi đầu, co gối... leo hết bước này leo tới bước khác. Leo khoảng vài chục bước là phải ngồi bệt xuống bờ núi để ôm ngực thở. Phải mất một ngày đường mới leo được từ chân núi tới đầu núi. Nghỉ ngơi một đêm rồi hôm sau lại mất một ngày nữa mới đi được từ đỉnh núi xuống thung lũng. Không trách gì người dân ở đây đã gọi các cao điểm này bằng những cái tên nghe phát sợ : núi Ba Lùm Ba Lò, núi U Bò... Cứ tưởng rằng đi xuống thì đỡ mệt hơn leo lên, nhưng vì ngoài cái ba lô nặng, bây giờ chúng tôi lại còn phải choàng thêm một cái ruột tượng đựng gạo, cho nên sự xuống dốc cũng chẳng sướng hơn sự lên dốc là mấy. Đường núi rừng Việt Bắc mà tôi đã ném mùi, tuy cũng khó đi nhưng không khốn khổ như đường Trường Sơn.

Trong suốt một tháng đi trên đường này, từ Hà Tĩnh vào tới cái đích là Bộ Tư Lệnh Phân Khu đang đóng ở Mật Khu Ba Lòng, trên con đường núi, ngoài những cái trạm rất thô sơ, chúng tôi không gặp một cái quán nhỏ nào để mua một ly cà phê sữa nóng uống cho ấm bụng. Ngoài ra, trong suốt mấy năm kháng chiến, đây là lần đầu tiên tôi phải tự hầu cơm mình chứ không còn được anh nuôi hay chị nuôi giúp mình trong việc ẩm thực như trước nữa. Anh em trong đoàn góp gạo rồi chia nhau mỗi ngày một người phụ trách việc thổi một nồi cơm chung. Thức ăn thì đội viên phải tự lo lấy. Sau mấy ngày đầu ăn hết số thịt kho mà hôn thê Thái Hằng làm sẵn để mang đi, nỗi khổ tâm nhất của tôi bây giờ là phải ăn cơm với gói mắm tôm mà tôi mua được tại một cái trạm hiếm hoi trên con đường mòn này. Từ xưa tới nay, trong các món ăn quốc hồn, quốc túy, tôi sợ nhất là hai món thịt chó và mắm tôm. Trong kháng chiến, đã có lần tôi chê thịt chó dù đang đói là người, nhưng bây giờ thì tôi đành phải le lưỡi nếm món mắm tôm vậy. Sự ăn uống càng ngày càng kham khổ, cô Ngọc Khanh ở trong đoàn phải chế ra một thứ thức ăn là mỡ pha với muối rồi cho vào ống tre mang đi. Có ngày hết gạo, chúng tôi phải vào rừng kiếm rau mà ăn.

Có lẽ chúng tôi là một trong những đoàn người đầu tiên mở ra con đường về sau được gọi là đường mòn Hồ Chí Minh. Đã nhiều lần chúng tôi đi trong rừng rậm không có lối mòn, mọi người phải lấy dao rừng để chặt cây làm lối đi. Có những nơi chúng tôi đang đi thì ngửi thấy mùi cọp. Mới đây ở Chi Nê, tôi đã thấy cọp rừng không giống như cọp ở Sở Thú. Cọp nhốt ở trong chuồng Hằng ngày được nhân viên Sở Thú phun nước tắm còn cọp trong rừng bao giờ cũng toả ra một mùi dễ sợ. Nghe đâu đã có nhiều vụ cọp vồ người ở đây. Mọi người trong đoàn bảo nhau đi sát vào lưng nhau, nếu cọp nhảy ra thì một người phải hi sinh đó nhé. Rất may là lúc đó

cọp Trường Sơn để cho chúng tôi yên thân ra đi. Có nhiều khi chúng tôi đi lẩn qua địa phận nước Ai Lao chứ không còn đi ở trên đất nước của mình nữa. Tuy rất là gian nan nhưng cuộc ra đi này đối với tôi cũng rất là lý thú. Trước hết, tôi vốn là một kẻ ham chơi, lại vừa mới chiếm được trái tim của một người đẹp, đáng lẽ ra tôi phải sợ gian khổ và ở lại hậu phương để lấy vợ thì tôi đã xung phong đi vào chốn khói lửa (!) này để tỏ cho mọi người -- nhất là cho tướng Nguyễn Sơn và cho vị hôn thê Thái Hằng -- biết rằng tôi là một người trai xứng đáng của thời đại. Ấu cũng là bởi vì ngoài cái tính ham chơi ra, tôi còn có thêm cái tính hiếu thắng.

Hơn nữa, dù rằng trong quá khứ tôi cũng đã có cơ hội sống với biển cả (như hồi đi theo Kháng Chiến Nam Bộ chẳng hạn) nhưng tôi vẫn cho rằng muốn nhìn thấy biển Thái Bình Dương rộng rãi bao la như thế nào thì phải leo lên đứng ở trên một đỉnh cao nhất của dãy Trường Sơn. Bây giờ tôi làm được điều đó. Ở chốn này, giữa biển và núi chỉ có một khoảng đất hẹp, tôi có cái nhìn rộng rãi hơn vào biển Đông. Nói một cách lộng ngôn, đứng ở nơi cao nhất của nước mình, tôi có thể nhìn qua được đại dương để thấy rằng *đất liền Âu Á cũng không xa gì...* Nếu có ai yêu nhạc của tôi mà nhìn thấy trong đó có đủ chiều cao chiều rộng thì nên biết rằng một trong những nguyên nhân của nó, chính là chuyến đi vào Bình-Trị-Thiên này. Rồi đây, chiều sâu mà tôi học được trong chuyến đi, đó là sự đau khổ của người dân đang phải sống quẩn quại ở dọc một con đường mà Quân Đội Pháp sẽ đặt cho cái tên là *La Rue Sans Joie* (Con Phố Buồn Thiu) ở dưới miền đồng bằng khủng khiếp kia...

... Được đại đội phòng vệ dẫn đi đúng đường, sau gần một tuần lễ leo núi, chúng tôi tới được trụ sở của oey Ban Kháng Chiến Tỉnh Quảng Bình. Trụ sở là một cái nhà làm bằng nửa được dựng lên tại một bìa rừng cách thị xã và làng mạc ở dưới đồng bằng cũng không xa lắm. Được nghỉ ngơi vài ngày rồi được dẫn xuống một làng phụ cận, và dù rằng đồn canh của Pháp chỉ cách đây có vài cây số, chúng tôi cũng tổ chức một đêm trình diễn văn nghệ tuy đơn sơ nhưng rất hào hứng. Sau 3 năm chiến tranh và chịu đựng rất nhiều sự khủng bố của lính Pháp, đây là lần đầu tiên mà dân chúng Quảng Bình được gặp những văn nghệ sĩ nổi tiếng do Bộ Tư Lệnh Quân Khu gửi vào. Sự có mặt của chúng tôi cần thiết hơn là những vở kịch hay những bài hát của chúng tôi. Làm xong công tác có tính chất ủy lạo rồi, chúng tôi sống với đồng bào vài ngày để lấy chất liệu sáng tác. Chúng tôi được nghe nhiều chuyện rất thương tâm của người dân ở trong vùng này và tôi soạn ngay tại đây một bài hát nhan đề **Bao Giờ Anh Lấy Được Đồn Tây** :

*Chiều qua, tôi đi qua vùng chiếm đóng
Không bóng trâu cây bên đồng
Vẳng tiếng heo gà trên sân.
Chiều qua gánh nước cho Vệ Quốc Quân
Nghe tiếng o nghèo kể rằng :
Quân thù về đây đốt làng...*

Tuy đã đi kháng chiến từ 1945, đây là lần đầu tiên tôi thấy được sự thống khổ của người dân trong vùng bị Pháp chiếm. Tôi biết được rằng phụ nữ ở đây bị hãm hiếp 200 phần trăm, nghĩa là gia đình nào cũng có mẹ, có chị, có em gái bị làm nhục, mỗi người tối thiểu cũng bị hiếp hai lần. Do đó, người dân ở đây ai cũng mong chờ Vệ Quốc Quân về đánh đồn :

*Bao giờ anh lấy được đồn Tây, hỏi anh ?
Để cho cô con gái không buồn vì chiến tranh.*

Sau này, khi tôi trở về Thanh Hoá và lên Việt Bắc, qua bài hát này, có nhiều người có nhiệm vụ lãnh đạo văn nghệ phê bình tôi là tiêu cực. Họ nói : *Dân chúng phải tự*

động đứng lên đánh đồn, đừng chờ Vệ Quốc Quân... Tôi buồn và nghĩ rằng có lẽ những người này chưa bao giờ nhìn thấy cảnh quê nghèo ở miền Trung trong chiến tranh, chưa có dịp nhìn thấy những ruộng khô có những ông già rách vai, cuốc đất bên đàn trẻ gầy và chỉ có người bừa thay trâu cày... như tôi nhìn thấy vào năm 1948 này. Hay là đã chưa có dịp nghe được tiếng o nghèo, miệng thì thờ dài, đôi bàn tay khẳng khiu thì vỗ về trẻ thơ búi ngủi trong những nửa đêm thanh vắng không một bóng trai... Không một bóng trai, bởi vì bao nhiêu người trai ở trong làng đều đã bị giết chết cả rồi. Lấy đâu ra trai làng để đi đánh đồn Tây ? Hờ những người sẽ trở thành *nhất tướng công thành vạn cốt khô* ? Nhờ ở chuyển đi công tác tại đây mà tôi thấy được bộ mặt khác của kháng chiến. Trong vinh quang của chiến đấu có thống khổ của chiến tranh. Con người không phải lúc nào cũng chỉ ở trong hoàn cảnh hùng dũng mà nhiều khi còn bị đẩy vào những cảnh bi thương. Và không chỉ có tôi mới nhìn thấy sự kiện đó. Ở ngay trong Khu IV lúc này, một cán bộ chính trị kiêm thi sĩ, với bút hiệu Hữu Loan, cũng nói tới nỗi bi thương của những đôi vợ chồng trẻ trong chiến tranh :

*Nhà em ở dưới mái chè
Chồng em chết trận em về quay tơ...*

Hữu Loan trông bề ngoài rất là oai, nhất là khi anh cười ngửa đi công tác trong khu IV này. Đầu húi cua, tiếng nói lớn, và khi ngủ thì ngáy như sấm, vậy mà khi làm thơ thì toàn là thơ buồn. Anh còn có một bài thơ rất nổi danh sau này là bài **Màu Tím Hoa Sim** mà nhiều người đã phổ nhạc, trong đó có tôi :

*Nhưng không chết người trai khói lửa
Mà chết người gái nhỏ hậu phương...*

.....
*Áo anh sút chỉ đường tà
Vợ anh chết sớm, mẹ già chưa khâu...*

Tôi không nghĩ rằng văn nghệ sĩ đi theo kháng chiến là phải viết ra những bài uống máu quân thù, ăn thịt giặc không tanh... hay là phải xây dựng những con người Việt Nam bằng sắt bằng đá. Người nghệ sĩ còn phải nói lên tiếng nói con tim của những người đang hi sinh hạnh phúc cá nhân và hạnh phúc gia đình để đi chiến đấu. Do đó tôi rất yêu Hoàng Cầm khi nó đưa ra hình ảnh vợ con của chiến sĩ qua bài *Tâm Sự Đêm Giao Thừa*.

Đi diễn ở một vài nơi trong tỉnh Quảng Bình xong, chúng tôi lại phải leo núi để đi đường rừng vào Quảng Trị vì ở dưới đồng b_ằng, Quân Đội Pháp xây rất nhiều đồn canh, ban ngày chúng cho lính đi vào các làng mạc để khủng bố dân chúng, ban đêm chúng ở trong đồn bắn ra bừa bãi. Nhưng lúc đó chúng tôi còn rất trẻ và chẳng biết sợ là gì cả, cho nên sau khi ở với Ủy Ban Kháng Chiến tỉnh Quảng Trị ở trên núi vài ngày, chúng tôi đề nghị với chính quyền địa phương cho chúng tôi xuống đồng bằng để đi công tác. Và một hôm, chúng tôi tới một làng trong huyện Gio Linh.

Khi chúng tôi tới đầu làng, dân chúng lảng đi không muốn nói chuyện vì lính Pháp vừa tới khủng bố làng này. Họ tưởng chúng tôi là người của Pháp. Nhưng sau khi biết chúng tôi là đoàn văn nghệ được Tỉnh ủy phái tới để nâng cao tinh thần đồng bào thì dân làng niềm nở đón tiếp. Sau khi hỏi thăm tình hình nơi đây, họ kể cho nghe chuyện lính Pháp vừa tới khủng bố làng này và đưa chúng tôi đi coi cái hố chôn tập thể. Khi đi qua một cái cầu tre, tôi thấy nước ở dưới chân cầu hấy còn nhuộm màu máu đỏ, hỏi ra thì được biết chuyện 12 người mẹ vừa bị bắn chết. Chuyện như thế này :

Sau khi một toán lính Pháp đi tuần tiểu và bị du kích bắn chết hay bị giết mình gì đó, lính Pháp được phái tới làng này để trả thù. Chúng tập trung dân làng lại và thấy trong đám đông có 12 người mẹ đang bồng trong tay 12 đứa con thơ. Chúng bắt dân làng phải khai ra nơi trú ẩn của những du kích quân vừa gây thiệt hại cho chúng, nếu không chúng sẽ giết 12 người mẹ này. Vì không có ai khai cả cho nên chúng lôi 12 người mẹ đang bồng con thơ đó ra bờ sông, và ra lệnh cho 12 người mẹ đó ném 12 đứa con của mình xuống nước. Lẽ dĩ nhiên là 12 người mẹ đó không làm theo lệnh chúng và bị chúng bắn chết cùng 12 đứa con thơ. Tôi soạn ra một bài có âm hưởng dân ca miền Trung nhan đề **Mười Hai Lời Ru** để ghi lại tội ác này :

*Miền Trung yêu dấu có một bài ru
Vọng từ quê mẹ là nơi căm thù.*

*.....
Mười hai người mẹ
Giấc bắt ôm con
Thả trôi xuôi dòng...*

Bài hát kể lại câu chuyện hãi hùng đó với kết luận là 12 người mẹ ôm con chết đi, nhưng từ đó, hằng đêm, trên con sông đau thương này, người ta vẫn nghe văng vẳng 12 lời ru của 12 người mẹ Việt Nam chết trong kháng chiến :

*Mười hai câu hát đưa từ miền xa
Để thành lời ca ghi vào lòng ta.*

Ngoài chuyện 12 người mẹ bị hi sinh đó, dân chúng ở trong làng này còn kể cho chúng tôi nghe thêm câu chuyện của một bà mẹ ở trong một làng gần đó, có người con đi dân quân bị lính Pháp bắt rồi bị chặt đầu treo giữa chợ. Không ai dám lấy cái đầu của anh dân quân xuống để đem đi chôn. Rút cuộc bà mẹ lẳng lặng ra chợ lấy đầu con bỏ vào khăn gói mang về. Nghe xong câu chuyện, tôi xin với một anh dân quân đưa tôi tới cái làng đó để gặp bà mẹ. Đây là một người đàn bà với bộ mặt có nhiều nét mặt nhăn nheo nhưng đối với tôi thì bà đẹp như một vị thánh. Gặp bà, tôi lúng túng không biết nói năng gì và đẩy cho người đưa đường nói hộ tôi. Tôi đã rợn người khi nghe bà kể lại câu chuyện của bà bằng một giọng nói rất bình thản. Rồi bà dẫn tôi đi qua một rặng tre để ra tới chợ là nơi ngày nào bà đã tới để lấy đầu con đem đi chôn.

Tôi không khóc khi đứng ở giữa nơi sân khấu chưa đóng màn của một tấn tuồng bi thảm trong kháng chiến, bên cạnh vai chính của vở bi-hùng- kịch này, nhưng trong đêm đó, tôi trở về nằm lăn trên cái giường nửa ở một cánh rừng không tên trên chiến khu Quảng Trị, rồi tôi đã khóc rưng rức khi ngồi dậy và viết ra những câu ca đầu tiên của bài hát. Lúc đó cũng là lúc tôi nghĩ tới mẹ tôi :

*Mẹ già cuốc đất trồng khoai
Nuôi con đánh giặc đêm ngày
Cho dù áo rách sờn vai
Cơm ăn bát voi bát đầy...*

*.....
Mẹ già tưới nước trồng rau
Nghe tin xóm làng kêu gào.
Quân thù đã bắt được con
Đem ra giữa chợ cắt đầu.
Nghẹn ngào không nói một câu
Mang khăn gói đi lấy đầu.*

*Đường về thôn xóm buồn teo,
Xa xa tiếng chuông chùa gieo...*

Tôi đã có lần nói tới cái xác không đầu của người chiến sĩ trong một hai bài hát. Lúc đó tôi tham gia cuộc Kháng Chiến Nam Bộ và đã nhìn thấy xác một đồng đội ở trong khu rừng Đất Đỏ. Cái xác chết chỉ còn thân hình mà thôi, cái đầu đã bị lính Pháp da đen mang đi hay bị thú rừng tha mất. Để không ai quên được cái xác không đầu đó, tôi đã soạn bài **Nợ Xương Máu** :

*Ai nghe không sa trường lên tiếng hú
Tiếng lâm than, những tiếng người đời quên
Đi lang thang tiếng cười vang rú
Xác không đầu nào kia ?*

Cái đầu bị mất tích vào năm 1945 đó cứ ám ảnh tôi hoài và trong bài quân ca **Khởi Hành** soạn vào năm 1947, tôi cũng đã nhắc tới :

*Thân ôm tường
Đầu gục đầu ?*

Bây giờ, tôi mừng tưởng như cái đầu chiến sĩ đó đang nằm trong tay Bà Mẹ Gio Linh. Chẳng khác chi trái tim của anh Trương Chi có ngày phải về nằm trong đôi tay Mỵ Nương để hứng lấy giọt lệ :

*Tay nâng nâng lên
Rưng rức nước mắt đầy.
Mẹ nhìn đầu con,
Tóc trắng phất phơ bay.
Ta yêu con ta
Môi thấm vết máu cờ.
Nụ cười hồn nhiên
Đôi mắt ngó trông ta.*

Câu chuyện bà mẹ Gio Linh sẽ có một kết luận là sau khi hi sinh người con độc nhất cho kháng chiến, bà mẹ sẽ có hàng trăm con nuôi là những người đi bộ đội :

*Khi trông con nuôi
Xúm xít dưới túp nhà
Mẹ nhìn đàn con
Thương nhớ đứa con xưa.
Con, con con ơi
Uống hết bát nước đầy
Ngày một ngày hai
Con nhớ ghé chơi đây.*

Điều làm tôi rất cảm động là trong thời gian này và ở những phương trời xa, các văn nghệ sĩ khác cũng nói tới bà mẹ chiến sĩ như tôi. Mẹ là mẹ chung của mọi người, và trong cơn khó khăn, ai cũng muốn có mẹ bên cạnh. Ở Thanh Hoá, họa sĩ Sỹ Ngọc vẽ một bức tranh sơn dầu tên là **Cái Bát** với hình ảnh một bà mẹ quê, hai tay bưng một bát nước có khói bốc lên. Ở đâu đó trong vùng Khu III, thi sĩ Quang Dũng cũng có một bài thơ nói về bà mẹ trong vùng kháng chiến, với đầu đề **Nhớ** :

*Nhà tranh hốc hác
Cuối làng trơ vơ
Đường xa công tác
Người lính ghé nhờ
Mẹ già tóc bạc phơ
Dẫn đeo nét khó
Người vào run sốt
Giữa trưa đòi đắp chăn
Mẹ già hỏi đun nước*

(Nhà uống nước lã quen)
Lấy thêm chiếu đắp
Kiếm thêm mền
Mền nâu rách mướp
Chiều rồi, vác ba lô ra đi
Bâng khuâng hồn lính vấn vương gì
Nhớ mẹ già tiền cơm chẳng lấy...

Niềm cảm động rất lớn mà tôi có khi soạn ra bài **Bà Mẹ Gio Linh** cũng như khi thấy các bạn đồng nghiệp của mình trong thời gian đó cũng cùng có những rung động về mẹ như vậy, về sau này sẽ trở thành niềm tủi nhục khi đất nước bị chia đôi, tôi vào Nam sinh sống rồi bỗng nhiên một ngày nào đó, tôi nhận được một bài thơ của một thi sĩ miền Bắc nói tới chuyện bà mẹ Gio Linh có nhắc nhở tới người nhạc sĩ năm xưa. Tôi còn đang buồn tủi khi tự thấy mình không có cách nào để trả lời bà mẹ đó được thì lại nhận được một bài thơ khác của một thi sĩ miền Nam đã kích bài thơ của thi sĩ miền Bắc. Bài thơ thứ hai này cũng đem tôi và bà mẹ Gio Linh ra để làm cái bung xung. Khi đang viết những dòng chữ này, tôi cũng có ý định lợi dụng giấy bút và thời gian để trả lời hai nhà thơ đó. Nhưng tôi nghĩ rằng có lẽ tôi chỉ cần đưa ra một câu hỏi nhỏ, là đủ : không biết ở Việt Nam hiện nay, có thành phố nào có một con đường mang tên **BÀ MẸ GIO LINH** không nhỉ ?

Trong chuyến đi Bình-Trị-Thiên này, ngoài việc sống trong vùng địch để lấy cảm hứng sáng tác, chúng tôi còn có thêm công tác quan trọng khác là ủy lạo nhân dân, trình diễn văn nghệ. Cũng như ở Quảng Bình, chúng tôi đi diễn ở một vài nơi trong tỉnh Quảng Trị với một chương trình rất nhũn nhặn gồm vài ba màn kịch ngắn do Bửu Tiến, Quang Kính và một số kịch sĩ khác phụ trách cùng với những tiết mục đơn ca, hợp ca do Ngọc Khanh (em nhạc sĩ Ngọc Bích), Vĩnh Cường và tôi hát. Những bài như **Tiếng Hát Trên Sông Lô, Ra Đi Khi Trời Vừa Sáng**, cũng đem lại một vài phần khởi nho nhỏ cho người dân ở vùng khùng khiếp này.

Rời Quảng Trị tiến vào Thừa Thiên, bây giờ chúng tôi không muốn đi đường núi nữa mà liêu mạng đi ở dưới đồng bằng, len lỏi qua những đồn canh của lính Pháp. Khi đi quá làng Gio Linh một đoạn đường, nhìn thấy đồn canh ở không xa lắm, tưởng rằng đi vào ban ngày, chỉ cần nhìn xem nếu có lính đi tuần tiểu trên đường cái thì mình sẽ lẩn vào núi. Ai ngờ súng từ trong đồn bắn ra, có lẽ cũng do tình cờ chứ không phải vì chúng tôi bị lộ diện. Chúng tôi vội vàng, đưa thì nằm xuống ruộng, đưa thì chạy theo kiểu chữ chi để tránh đạn. Có lúc chúng tôi tới một nơi có ngôi nhà thờ đã bị tàn phá, đang ngồi nghỉ ngơi ăn uống thì nghe thấy tiếng tàu bay, nhưng chúng tôi rất yên chí, nghĩ rằng chẳng lẽ tàu bay Pháp lại còn tới bắn vào một thánh đường đã đổ vỡ và không có người ở hay sao ? Nhưng có lẽ đã có việt gian ở đâu đây dùng gương soi để ra hiệu cho nên tàu bay vụt tới thả bom và bắn xuống, chúng tôi vứt cả đồ ăn thức uống, chạy ra ngoài tranh nhau nhảy xuống những hố tránh bom đã được đào sẵn, đưa nào cũng nhìn vào nhà thờ và lẩm nhẩm cầu xin Đức Mẹ che chở. Còn nhớ lúc sắp vào tới Mật Khu Ba Lòng, đang đi trong một đêm khuya có ánh trăng non soi mờ trên bãi cát thì thấy ở xa xa có một toán lính Pháp đi trên đường cái. Đội phòng vệ đã sẵn sàng để ứng chiến thì toán lính kia không đi về phía chúng tôi mà rẽ sang một con đường nào đó. Hú vía.

Trong chuyến đi này, sự sống chung của một nhóm văn nghệ sĩ trong tình trạng thần kinh luôn luôn bị căng thẳng, cũng tạo ra những va chạm to nhỏ. Trong hành trình

này, sau khi đã có dịp nhìn thấy núi cao biển rộng ra sao, sự đau khổ của nhân dân sâu tới độ nào thì tôi cũng được biết thêm con người nhỏ nhen tới mức nào khi phải tranh nhau từng miếng ăn, hớp nước, nơi ngủ. Đừng bao giờ nghĩ rằng cùng lâm vào một hoàn cảnh đau khổ, con người sẽ thương nhau hơn lên. Nói như vậy, có là quá đáng không nhỉ ? May thay, lúc này tôi đã chỉ nuôi một quyết tâm : đi công tác xa và nguy hiểm rồi trở về bình yên lấy vợ. Cho nên tôi không hề quan trọng hoá bất cứ một mâu thuẫn nào xảy ra ở trong đoàn...

... Thế rồi sau hơn một tháng ra đi trong vất vả và hiểm nguy, chúng tôi tới được Bộ Tư Lệnh Phân Khu Bình-Trị-Thiên. Mật Khu Ba Lòng nằm sâu trong núi, có Hà Văn Lâu làm Phân Khu Trưởng, có một thằng bạn Huế hồi trước của tôi tên là Hoàng Thượng Khanh lúc này đang phụ trách một việc gì đó trong bộ Tư Lệnh, có những ngôi nhà khá khang trang, có quán cà phê nho nhỏ, có con suối khá mơ màng, tất cả như đã thân mật chờ đón chúng tôi.

Tôi ra suối tắm tấp bơi lội, rồi khi leo lên bờ suối, cúi đầu soi mặt xuống dòng nước thì mới thấy rằng mái tóc trên đầu tuy ướt mềm và dài chấm mang tai nhưng cũng không che nổi đôi mắt trũng sâu, đôi môi tím ngắt, đôi má hóp lại, hàm răng nhô ra... của tôi. Thân hình cũng rất là tiêu tụy, lưng đã hơi gù nay gù thêm nữa, hai chân đều bị lở loét vì sâu quầng, bụng to như cái ba lô nhỏ, hậu quả của bệnh sốt rét. Trong kháng chiến, có danh từ "đeo hai ba lô" để nói tới người bị bệnh sốt rét rừng, đằng sau lưng đeo ba lô vải thì đằng trước đeo cái bụng báng, giống như chiếc ba lô thứ hai... Tuy vậy, tôi rất hài lòng vì đã vượt được mọi khó khăn để tới được nơi mình định đến. Giống như lực sĩ chạy đua đường trường đã về tới đích. Nhất là vì tôi đã soạn được ba bài hát mới, coi như đó là món quà cưới mà tôi sẽ đem về cho người bạn trăm năm.

Sau một thời gian nghỉ ngơi tại mật khu, tôi được tách rời ra khỏi đoàn văn nghệ để một mình đi xuống đồng bằng sống với đồng bào. Một ngày mưa lạnh, anh liên lạc viên đưa tôi xuống núi, về miền Đại Lực. Tôi nhớ tới câu ca dao mà tôi rất yêu :

*Tình về Đại Lực, duyên ngược Kim Long
Tới đây là chỗ rẽ của lòng
Gặp nhau còn biết trên sông bến nào ?*

Người đàn bà Việt Nam bình dân khi xưa có hai người yêu : Tình, người của con tim (l'homme du coeur) thì ở Đại Lực nhưng duyên, người của số mệnh (l'homme du destin) thì ở Kim Long. Nàng về với ai đây ? Trong mấy chục năm trời phải sống ở một nước Việt Nam bị chia đôi, lắm lúc tôi thấy mình cũng chẳng khác chi người phụ nữ trong câu ca dao đó. Thấy rằng suốt đời mình, lúc nào cũng như là sống ở trong một hoàn cảnh *ám ố hội tề* như vậy.

Tôi sống chung với một gia đình nông dân tại một ngôi nhà cổ ở vùng quê Thừa Thiên với mối cảm tình cảm lạnh nhưng thân thiết giữa chủ và khách. Hằng ngày tôi đóng vai nông dân đi chơi trên con đường làng hay ra ngắm người mua người bán ở nơi phiên chợ. Nhưng lúc nào tôi cũng phải đề cao cảnh giác, đề phòng lính Pháp hay lính pác-ti-giăng từ xa đi tới. Tình hình trong vùng Pháp chiếm này không khủng khiếp như ở ngoài vùng quê Quảng Bình, Quảng Trị. — ngoài đó, làng mạc là nơi hẻo lánh nằm giữa biển và núi, lính Pháp tha hồ giết người cướp của, còn ở đây thì dân cư rất là đông đảo, làng xóm như dựa vào nhau, lính Pháp không dám làm bậy. Đời sống của tôi rất là thoải mái so với những ngày trước đây. Căn nhà nơi tôi trú

ngụ nằm ngay cạnh con sông miền Trung nước chảy êm đềm. Tôi nhìn thấy cái đẹp của miền quê này. Bài **Về Miền Trung** ra đời :

*Về Miền Trung
Miền thủy dương bóng dừa ngàn thông
Thuyền ngược xuôi suốt một dòng sông... dài.*

Nét nhạc của tôi lại bay bướm như trong bài **Nương Chiều** nhưng về phần ngữ thuật dân ca, bây giờ tôi chủ ý làm mới những điệu hò miền Trung. Sau khi thử thách dùng nét nhạc Huế một cách đơn sơ trong bài **Bao Giờ Anh Lấy Được Đồn Tây**, bây giờ với bài **Về Miền Trung** tôi làm công việc phát triển mạnh mẽ cái thang âm lơ lớ của miền thủy dương này. Về sau, các quý vị trong làng Tân Nhạc đều bắt chước lối phát triển giai điệu ngũ cung lơ lớ của tôi mỗi khi cần đưa ra những bài hát nói tới Huế. Tuy nhiên, hình thức không quan trọng bằng nội dung. Bài **Về Miền Trung** là một bài ca Huế hùng dũng, không bi quan yếm thế như một bài **Nam Bình, Nam Ai** chẳng hạn :

*Về miền Trung
Còn chờ mong núi về đồng xanh
Một chiều nao đốt lửa rực đỏ thành.
Tay trong tay dắt nhau về quê hương cũ
Không than van, không sầu nhớ.
Về miền Trung
Người về đây hát bài thành công,
Lửa ấm áp bếp nhà ai hồng, đêm trùng.
Đêm hôm nay tiếng dân nồng vang thôn xóm
Có tiếng hát sao xuyên ánh trăng vàng...*

Lúc bấy giờ là năm 1948. Sự thành công của kháng chiến hãy còn xa lắc nhưng tôi vẫn cứ hát bài thành công như thường, bởi vì quả rằng hào quang của kháng chiến đã nắm được tâm hồn của toàn thể nhân dân. Việc tôi đang sống rất an ninh ở Đại Lược trong vùng địch chiếm có thể hiểu được là vì Quân Pháp không đủ quân để chiếm đóng cả miền quê lẫn thị thành, nhưng ngay ở trong thành phố Huế, người Pháp và những chính quyền Việt Nam đi theo họ cũng không nắm được dân chúng. Từ Đại Lược, nhiều đêm tôi được đưa tới tận thôn Vỹ Dạ để gặp các văn nghệ sĩ từ trong thành phố Huế ra đây để sinh hoạt với tôi. Kể ra lúc đó tôi cũng là một kẻ khá chung tình. Vì đã hứa hôn với Thái Hằng cho nên tôi đã không vui chân đi thẳng vào thành phố Huế để gặp lại một vài người tình cũ ở nơi Sông Hương Núi Ngự tuyệt vời này.

Thấm thoát đã gần hết hạn kỳ sáu tháng của chuyến công tác Bình- Trị-Thiên. Bây giờ tôi đã có thể yên tâm giã từ xứ dân gầy để về Thanh Hoá lấy vợ rồi đây. Vì đã có kinh nghiệm gian khổ của đường rừng trong chuyến đi vô rồi, bây giờ tôi xin với oey Ban Kháng Chiến cho tôi trở ra bằng đường biển.

Thế là sau khi đã có dịp đứng trên một đỉnh Trường Sơn để ngắm biển Đông bao la vời vời, bây giờ tôi lại có dịp nằm vắt chân chữ ngũ trên khoang của một con thuyền lớn đang lướt sóng như bay trên biển cả, ngược mắt nhìn vào dãy núi Trường Sơn trùng trùng điệp điệp và cất lên tiếng hát gửi vào đất liền những lời ca mới mẻ nhất của tôi :

*Về đây với lúa, với nàng
Thay bao nỗi khổ tiếng đàn (tôi) mừng reo.
Nguồn vui đã tới với dân nghèo*

Con sông nước chảy, tiếng chèo hò khoan.

*.....
Hà hớ hơ*

Tiếng ai vừa hát qua làng

Lúc em gặt lúa trên đồng

Hát rằng :

Hà há hơ.

Tiếng cười, tiếng ca trên lúa trên sông.

*Một ngày sang Thu, một buổi cau tơ
Quanh co lối xóm những tà áo mới...*

VỢ CHỒNG QUÊ

Chương Ba Mười

Lễ hỏi giản dị như thế nào thì lễ cưới của chúng tôi đơn sơ như thế. Áo cưới của cô dâu là chiếc áo dài màu xanh thẫm mang theo từ ngày xa Hà Nội, bây giờ mới có dịp dùng đến. Áo cưới không phủ ngoài chiếc quần đen mặc ngày thường mà phủ lên chiếc quần vải trắng vừa mới may xong. Hằng ngày chân cô dâu đi giép Nhật Bản hiệu "con hổ" thì hôm nay cô có đôi guốc mới toanh.

Chú rể mặc bộ đồ quân phục bằng kaki Mỹ, đội mũ ca lô bằng dạ màu xanh, chân đi giày cao cổ. Đẹp tuyệt trần. Trông chẳng khác chi hình ảnh cô dâu chú rể của đám cưới vội vã trong kháng chiến qua bài thơ **Màu Tím Hoa Sim** của Hữu Loan :

Ngày hợp hôn nàng không đòi may áo cưới

Tôi mặc đồ quân nhân

Đôi giày đinh bết bùn đất hành quân...

Tướng Nguyễn Sơn, chính trị ủy viên Nguyễn Kiện, văn sĩ Nguyễn Đức Quỳnh, nhiếp ảnh gia Nguyễn Giao (ông thân sinh của ca sĩ Thúy Nga, vợ của Hoàng Thi Thơ), kỹ sư Nguyễn Dục con của nhà văn hào Nguyễn Văn Vĩnh và là bạn đồng học của tôi trong trường Kỹ Nghệ Thực Hành cùng với dăm ba người nữa... đó là những vị khách quý đã từ nơi xa hay nơi gần, leo lên xe đạp từ sáng sớm để phóng tới Chợ Neô dự lễ cưới của chúng tôi.

Lễ cưới khởi sự lúc nào không biết. Mẹ vợ ra khăn vái trước bàn thờ vừa mới được dựng lên. Rồi tới phiên chú rể lên gối xuống gối, cô dâu ngồi xụp xuống đất, làm lễ gia tiên. Khăn vái ông bà ông vải xong, chúng tôi xin ra lễ sống cha mẹ vợ theo phong tục Việt Nam, nhưng ông bố vợ xua tay : -- *Thôi ! Đời sống mới mà. Không phải lạy Ba Mẹ nữa.* Sau khi đã làm xong bổn phận với người chết là tổ tiên và với người sống là cha mẹ rồi, bây giờ tới thủ tục hành chính. Nhân viên ủy ban hành chính của xã được mời tới để làm giấy giá thú. Trước mặt mọi người, cô dâu chú rể

cúi xuống mặt bàn còn thơm mùi phở, ký giấy hợp hôn, tay cô dâu run run. Bây giờ mới lòi ra tên cô dâu là Phạm Thị Quang Thái. Không phải chỉ có Phạm Thị Thái.

Hai mâm cơm thịnh soạn hơn ngày thường đã được bày ra trên hai cái bàn ở trong quán. Gần hai chục người đã ngồi vào bàn ăn. Ông bố vợ đứng lên mời mọi người cầm đũa, sau khi đã cảm ơn quý khách. Tướng Nguyễn Sơn đứng lên nói vài câu chúc mừng. Giản dị ời là giản dị. Một đám cưới giản dị đến độ không có được một cái nhẫn cưới để tặng cô dâu, nhưng tôi có thể nói ngay ra đây là kể từ hôm nay cho tới 40 năm sau, chưa bao giờ đôi vợ chồng này to tiếng với nhau một lần.

Ăn xong bữa "tiệc" cưới, trước khi quý khách ra về, chúng tôi ra trước cửa Quán Thăng Long đứng xếp hàng cho anh Giao chụp một bức ảnh kỷ niệm. Riêng cô dâu và chú rể còn có thêm một bức ảnh chụp riêng, hai người nắm tay nhau đứng ở trong vườn chuối bên cạnh quán. Bức ảnh chụp mọi người trong đám cưới, khi chúng tôi về thành, ông bố vợ đã cắt bỏ hình tướng Nguyễn Sơn đi vì sợ lính Tây khám mà thấy ảnh ông tướng Tư Lệnh thì nguy hiểm lắm.

Đám cưới vừa cử hành xong thì đã thấy ông bố vợ vào trong làng mua lại một cái ghế dài để ghép vào giường của cô dâu cho hai người nằm, không quên nói câu nói nằm trong phong tục Việt Nam :

-- *Ba giải chiếu cho các con, để vợ chồng con sinh năm để mười như Ba Mẹ nghe...*
Thế là từ đêm nay trở đi, tôi không phải kê hai cái bàn ăn làm nơi ngủ nữa rồi.

Trong bốn tháng trời, vợ chồng tôi sống rất hạnh phúc trong cái quán nhỏ ở Chợ Neo này. Sau chuyến công tác Bình-Trị-Thiên, tôi đã được trọng vọng hơn xưa, có lẽ vì tôi đã có tinh thần xung phong đi trước mọi người vào một nơi được gọi là *khó lửa* và vì những sáng tác mới của tôi như **Bao Giờ Anh Lấy Được Đồn Tây, Bà Mẹ Gio Linh, Về Miền Trung...** Những bài hát này đã được mọi người cho là có một không khí khác với những bài ca kháng chiến trước đây của tôi. Chưa có ai phê bình những tác phẩm đó là tiêu cực cả. Cũng chưa có ai nghe xong những bài hát nói lên sự đau khổ của nhân dân này rồi mất tinh thần và đào ngũ hay dinh tề. Từ Khu IV, những sáng tác mới của tôi được phổ biến đi khắp mọi nơi. Không những nó ra tới Việt Bắc mà nó còn được truyền vào tận miền Nam nữa.

Sau đám cưới, tôi được nghỉ ngơi hoàn toàn để hưởng tuần trăng mật. Trong thời gian này, tôi soạn thêm một bài hát nữa cho mối tình chần gối của tôi. Qua một bài hát có tính chất dân ca, tôi bây giờ là chú Cuội ngồi gốc cây đa, để trâu ăn lúa, nhìn mây theo gió, miện ca ời ời. Ca rằng :

*Ta yêu cô Hằng
Đêm xưa xuống trần
Nàng ơi. Nàng về dương gian
Tìm người nuôi nắng
Cung đàn Hằng Nga.
Xin đôi cánh vàng
Mượn chiếu mây non
Cuội ơi. Cuội theo ánh sáng
Cuội lên cung vắng
Cuội không về làng...*

Chú Cuội ở trong bài hát này không phải là thằng bé hay nói dối và bị đẩy lên cung trăng như trong truyện cổ tích nữa đâu. Chính Hằng Nga đã xuống trần và mời chú

Cuội cùng nàng lên sống ở trên mặt trăng đó. Mỗi tình Hằng Nga Chú Cuội sẽ chiếu xuống trần gian để làm sáng lên những cõi lòng u tối. Bởi thế cho nên trong đám trẻ nhỏ đã có những câu về mối mề :

*Trăng soi tóc thề
Đưa trai gái về
Tình ơi ! Nửa đường thôn quê
Gặp đàn em bé
Hát về một câu.
Câu thơ : " Chú Cuội
Mà lấy Tiên Nga,
Cuội ơi. Để trâu ăn lúa
Ngồi trên lưng gió
Tình yêu mặn mà... "*

Đời sống nhẹ nhàng trong thời kỳ trăng mật của đôi vợ chồng mới tại ngôi nhà tranh vách lá nằm bên cạnh dòng sông kháng chiến này đã bình thường trôi đi như không kể tới không gian và thời gian. Khi có hạnh phúc, người ta chẳng có điều gì để nói cả. Chỉ khi nào bị đau khổ, lúc đó người ta mới hoá ra lắm điều, lắm chuyện. Hạnh phúc của chúng tôi lúc đó là hoàn toàn, tôi chẳng có gì để viết thêm ra đây, nhưng cũng phải công nhận rằng sống bên cạnh người vợ mới, có đôi lúc tôi hơi man mác buồn khi chợt nhớ tới mẹ. Chao ôi, chắc mẹ tôi sẽ vui lắm đây khi biết tin tôi đã có vợ. Mẹ tôi hiện đang ở Hà Nội. Nào có xa gì Thanh Hoá lắm đâu ?

Một buổi tối có trăng sao vằng vặc, vợ chồng tôi đi dạo chơi trên con đường quê cực kỳ yên tĩnh, lần đầu tiên, tôi lên tiếng ước mong cho cuộc kháng chiến sớm thành công để tôi dắt vợ về nhà khoe mẹ. Hình ảnh mẹ nắm áo người xưa ngõ trong giấc mơ trong bài **Ngày Trở Về** đã lung linh hiển hiện trong tâm thức của tôi ngay trong đêm nay.

*Em ở Thành Sơn chạy giặc về
Tôi từ chinh chiến cũng ra đi...
Quang Dũng*

Chương Ba Mươi Một

Trong mấy tháng trời được nghỉ ngơi, cũng có lúc chúng tôi đi chơi tại những vùng lân cận. Tại Núi Vôi gần Cầu Bó, vợ chồng tôi gặp lại một người bạn cũ mà tôi đã quen biết từ ngày vừa ở chiến khu Nam Bộ trở ra Bắc và ghé lại Huế. Đó là Lê Khải Trạch, người sau này sẽ là Đồng Lý Văn Phòng của Bộ Thông Tin, làm việc dưới quyền Bộ Trưởng Trần Chánh Thành.

Lê Khải Trạch là người thuộc hạng *phong lưu công tử*, mặt mũi nở nang, thân hình béo tốt, lúc nào cũng gặm pipe, lúc nào cũng có sẵn một câu chuyện lý thú để kể cho bạn bè nghe. Ngày tôi gặp Lê Khải Trạch ở Huế, anh ta cùng vợ con không ở khách sạn hay ở nhà người quen mà thuê hẳn một con đò trong một hai tháng để ban ngày

thì cắm sào trên bến sông Hương, ban đêm thì thả đèn trôi xuôi trôi ngược trên con sông ái tình này. Tôi đã cùng với anh chị Trạch sống những đêm đàn ca thâu đêm suốt sáng.

Gặp lại Lê Khải Trạch trong vùng kháng chiến, tôi thấy anh ta vẫn còn cái vẻ phong lưu công tử của ngày xưa. Trong khi mọi người đi tản cư phải nếm mùi ăn uống thất thường, ngủ nghỉ lạnh lẽo thì tại gian nhà chật hẹp xây trên một nền đất nơi gia đình anh Trạch ở, tôi thấy có kê một cái giường Hồng Kông to tổ bố. Người ở trong ngôi nhà đó thì vẫn béo tốt, mặc bộ quần áo lụa và ngậm pipe vui vẻ tiếp chuyện bạn bè ghé tới thăm. Bà Trạch hỏi thăm cô dâu mới Thái Hằng có khỏe không ? Cô con gái tên là Liên bung lên một ấm nước với ngon tuyệt trần...

... Và tôi gặp lại Quang Dũng ở đây. Thi sĩ "Tây Tiến" từ đơn vị đạp xe về thăm anh chị Lê Khải Trạch. Thăm bố mẹ hay thăm cô con gái tên là Liên đây ? Chắc chắn cậu đang muốn làm rể gia đình này cho nên đem đôi bàn tay tài hoa của mình ra để giúp đỡ bà Trạch trong mọi việc. Chẳng hạn việc sản xuất cùi dĩa. Ai cũng biết rằng sống trong vùng kháng chiến là thiếu thốn đủ mọi thứ. Để làm vui cho gia đình này, Quang Dũng đi lượm một miếng sắt chắn bùn (garde boue) của xe đạp rồi cắt ra để làm cùi dĩa tặng cho bà Trạch. Muốn tạo ra chỗ lõm của cùi dĩa, Quang Dũng đào một cái lỗ nhỏ hình trái soan trên nền nhà, đặt miếng sắt vào cái khuôn đất đó rồi cầm hòn đá gò cho ra hình thù của cái thìa sắt. Nên nhớ rằng nền nhà đất nện ở vùng quê cứng như đá. Nhìn anh chàng thi sĩ to con ngồi lom khom gò miếng sắt, tôi không khỏi phì cười.

Tôi biết Quang Dũng là người -- giống tính tôi -- rất quý trọng cái độc lập của mình. Đi kháng chiến, đã ở nhờ nhà đồng bào mà còn chẳng dây bao quanh chỗ mình nằm và treo một mảnh giấy có dòng chữ : *Xin mọi người đừng bước vào đây*. Thế nhưng trước gái đẹp, vị kỷ đến đâu thì cũng phải lụy ông bà thân sinh của người đẹp.

Quang Dũng còn có nhiều điểm giống tôi lắm. Trước hết, hai chúng tôi đều có một mối tình vũ nữ rất là đậm đà, mãnh liệt. Cũng như tôi, khi còn rất trẻ, anh đã bỏ nhà đi theo một gánh hát với tư cách nhạc công chơi đàn cò. Anh không học Trường Mỹ Thuật như tôi nhưng cũng thích vẽ và có một thời gian sống bằng nghề họa sĩ, dùng cái bút lông để được *lê gót giang hồ*. Trong kháng chiến, Quang Dũng tham dự một cuộc Triển Lãm Hội Hoạ với bức tranh có tựa đề **Gốc Bàng**. Anh còn soạn cả nhạc nữa. Bài hát nhan đề **Ba Vì** của anh đã được dân vùng kháng chiến hát lên trong nhiều năm :

*Ba Vì mờ cao
Làn sương chiều xa buông
Gió về hương ngát thơm
Đưa hồn về đâu ?*

Sau khi tôi tới thăm Lê Khải Trạch rồi ra về thì Quang Dũng theo tôi đi Chợ Neo. Với Thái Hằng ngồi đằng sau, tôi và Quang Dũng thông dong đạp xe trên con đường đê dọc theo nông giang. Trên đường về dài 15 cây số, tôi hỏi thăm Quang Dũng về người đẹp tên là Nhật tức Akimi. Anh vừa đạp xe vừa đọc cho tôi nghe bài thơ nhan đề Đôi Bờ mà trước đây tôi chỉ biết vài ba câu :

*Thương nhớ ơ hò, thương nhớ ai
Sông kia từng lớp lớp mưa dài
Mắt kia em có sầu cô quạnh*

Khi gió heo về một sớm mai.

*.....
Rét mướt mưa sầu chừng sắp ngưng
Bên này em có nhớ bên kia ?
Giăng giăng mưa bụi qua phòng tuyến
Quạnh vắng chiều sông lạnh đất tẻ
Khói thuốc xanh dòng khơi lối xưa
Đêm đông sông Đáy lạnh đôi bờ
Thoáng hiện em về trong đáy cốc
Nói cười như chuyện một đêm mơ.
Xa quá rồi em, người mỗi ngả
Bên này đất nước nhớ thương nhau.
Em đi áo mỏng buông hờn tủi
Dòng lệ thơ ngây có dạt dào.*

Cô hàng cà phê tên là Nhật Akimi đã bỏ lại người xưa, giã từ kinh đào quán lạnh dinh tề vào thành cho nên bây giờ Quang Dũng chỉ còn biết đứng bên này đất nước nhớ thương nhau. Rồi sẽ nhìn vào đáy cốc để nhớ lại người xưa, cũng giống như tôi và Hoàng Cầm một ngày trước đây đã uống cạn cốc cà phê kháng chiến rồi nhìn vào đáy cốc để thấy in hình bóng Lạng Sơn (xin đọc đoạn viết về chặng đường Cao-Bắc-Lạng và về Hoàng Cầm). Nàng Akimi sau này sẽ vẫn tiếp tục là người đẹp trong đêm tại nhà hàng khiêu vũ Tự Do ở Saigon.

Quang Dũng ở chơi tại Chợ Nea một đêm để nghe ban hợp ca gia đình chúng tôi hát chơi dăm ba bài trong đó có bài **Nhạc Đường Xa** là anh thích nhất. Sáng hôm sau anh đạp xe trở về đơn vị. Bên bờ con sông máng, tôi ngồi phổ nhạc bài thơ **Tây Tiến** của Quang Dũng. Nhưng -- cũng như với nhiều bài hát kháng chiến khác -- từ năm tháng xa xưa đó cho tới ngày hôm nay, tôi chẳng có cơ hội tốt đẹp nào để hát bài đó cả. Sống dưới hai triều đại Ngô và Nguyễn, hát bản nhạc hay ngâm bài thơ kháng chiến là dễ bị chụp mũ lắm. Cho nên tôi đã quên hẳn một số bài soạn ra trong giai đoạn chống Pháp đó. Tôi chỉ còn nhớ là trong đoạn cuối của bài thơ **Tây Tiến** được tôi phổ nhạc, đáng lẽ ra nét nhạc phải trở về chủ âm (Sol majeur) thì câu hát **Đường về Sầm Nưa chẳng** (tôi đổi là không) về xuôi... đã được tôi cho kết thúc với nốt LA ngang phè phè, giống như trên đường hành quân đoàn binh không mọc tóc của Quang Dũng chưa bao giờ -- hay không bao giờ -- có thể trở về nơi yên nghỉ.

Trong kháng chiến, tôi có may mắn được gặp hai nhà thơ hay nhất ở hai vùng kháng chiến khác nhau. Có lẽ khung cảnh ở mỗi vùng kháng chiến đều có những vẻ đẹp riêng cho nên thơ của Quang Dũng có vẻ âm u huyền bí trong khi thơ của Hoàng Cầm thì rất trong sáng. Đường lên Tây Tiến không phẳng lặng và không bình an như đường về Sông Đuống :

*Dốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi
Anh bạn dãi dầu không bước nữa
Gục lên súng mũ bỏ quên đời...*

Vốn là một đại đội trưởng chiến đấu, Quang Dũng gần súng đạn, gần cái chết hơn Hoàng Cầm, cho nên anh gài lên trong thơ :

*Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
Áo bào thay chiếu anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành...*

Tuy nhiên, cả hai thi nhân kiêm chiến sĩ này đều vẽ ra những hình ảnh điển hình của kháng chiến. — bên kia dòng sông Đuống, nếu ta thấy Hoàng Cầm đưa ra được cảnh người dân nhẩn nhục nơi vùng địch chiếm :

*Mẹ già nua còm cõi gánh hàng rong
Dầm miếng cau khô, mấy lọ phẩm hồng
Vài thếp giấy đầm hoen sương buổi sớm.
Chợt lũ quỷ mắt xanh trừng trợn
Khua giấy đình đập gãy quán gãy teo
Xi xô cướp bóc, tan phiên chợ nghèo
Lá đa lác đác trước lều
Vài ba vết máu loang chiều mùa Đông...*

... thì ở vùng tự do của Quang Dũng, ta thấy được cảnh vừa bình dị, vừa hùng tráng của một làng chiến đấu :

*Những làng trung đoàn ta đi qua
Tiếng quát dân quân đầu vọng gác
Vàng vọt trắng non đêm tháng chạp
Nùn rơm, khói thuốc, bạch đầu quân.
Tự vệ xách đèn chai lối xóm
Khuya về chân khoả vội cầu ao
Nghe tiếng súng rơi miệng chiến hào
Bờ tre cây rơm thôi tịch mịch
Vỡ lá bàng khô bước du kích...*

Chuyện Quang Dũng làm những bài thơ thờ ra hào khí của kháng chiến như **Tây Tiến, Những Làng Đi Qua**... thì ai cũng đã biết. Nhưng thơ tình của Quang Dũng thì có vẻ ít được phổ biến. Hồi giữa thập niên 50, trên báo **Đời Mới** ấn hành tại Saigon tôi thấy có đăng một mẫu thơ tình của Quang Dũng, có lẽ do Lê Khải Trạch kể lại :

... Trong kháng chiến, Quang Dũng có lần tới Phát Diệm và được một người bạn hứa giới thiệu cho một nàng goá phụ người Hà Nội tản cư về đó. Một hôm, người bạn hẹn Quang Dũng tới một căn nhà nằm ở đằng sau Nhà Dòng Mến Thánh Giá để gặp người đẹp goá phụ. Quang Dũng tới đó, ngồi đợi khá lâu mà không thấy Nàng tới. Anh đã viết một bài thơ xuôi với tựa đề là **Angelus** :

*Em có yêu ta không ?
Ta có yêu người chẳng ?
Ngoài ba mươi tuổi trên đường đời.
Chúng ta là hai kẻ rất bơ vơ.
Viết những bài thơ không bao giờ gửi...*

Sau khi Quang Dũng đi rồi thì người đẹp goá phụ mới tới điểm hẹn. Chắc Nàng cũng không bao giờ biết được rằng nhà thơ đã viết tặng Nàng bài thơ **Angelus** (Hồi Chuông Chiêu Mộ) này đâu.

Khi tôi đang viết những dòng chữ này thì tôi được tin Quang Dũng vừa từ giã cõi trần tại Hà Nội sau nhiều năm bị liệt một cánh tay và nói năng không rõ vì bị đứt mạch máu ở trong đầu. Người đẹp Akimi hiện đang ở trên nước Hoa Kỳ rộng lớn này. Tôi đã điện đàm với Nàng và ước mong có dịp gặp con người có vàng trán mang trời quê hương và đôi mắt dịu dàng buồn Tây Phương đã từng là nguồn cảm hứng cho những bài thơ bất hủ của Quang Dũng để tôi -- rất có thể -- nhìn thấy những giòng lệ

rào rào tuôn chảy xuống. Những giòng lệ làm tôi hình dung ra được một con sông đào vùng tẻ hay một vùng biển lớn mang tên Thái Bình Dương, lúc nào cũng sẵn sàng để chia rẽ đôi bờ cho những người tình thuộc thế hệ tôi, thế hệ đầu tiên đã bị chiến tranh và thù hận bao vây không ngưng nghỉ.

Quang Dũng đã nằm xuống trên một mảnh đất quê hương -- tôi mong rằng -- không xa cánh đồng Bương Cẩn của anh là mấy. Thôi nhé, xin anh ngủ yên trong giấc mộng thiên thu để cho chúng tôi tiếp tục buồn hộ anh nỗi buồn viễn xứ khôn nguôi...

*Nhà tôi bên chiếc cầu soi nước về
Em đến tôi một lần
Ôi lũ chim rừng họp đàn trên khắp bến Xuân.....*
BẾN XUÂN

Chương Ba Mười Hai

Tại Chợ Neó, đời sống của đôi vợ chồng son này cứ êm đềm trôi như trong một giấc mơ dù thỉnh thoảng nghe thấy tiếng phi cơ ở xa xa thì chúng tôi nhào ra khỏi cơn mộng đẹp, nhảy lẹ xuống hố tránh máy bay được ông bố vợ đào sẵn ở sân chùa trước quán.

Bỗng có một hôm, một cán bộ từ trong Tư Lệnh Bộ tới tìm tôi ở Quán Thăng Long. Anh ta đưa cho tôi một Sự Vụ Lệnh của Trung Ương gửi cho Bộ Tư Lệnh Quân Khu IV để gọi tôi lên Việt Bắc. Tôi vội vàng đi gặp tướng Nguyễn Sơn, Đặng Thái Mai và Nguyễn Đức Quỳnh thì biết rằng đây là một đãi ngộ lớn của Trung Ương đối với một văn nghệ sĩ đã có thành tích công tác. Vừa mới lấy vợ có bốn tháng nên tôi tỏ vẻ ngần ngại, cả ba người này đều khuyên tôi nên đi và nên dứt cả Thái Hằng đi nữa. Tôi trở về nhà, bàn bạc với vợ và gia đình vợ. Cuối cùng, với sự đồng ý của mọi người, tôi quyết định ra đi. Và đem vợ đi theo luôn. Tôi cũng cho vợ tôi biết trước những sự vất vả trên đường nhưng vì yêu chồng và không muốn xa chồng cho nên :
-- *Chàng đi, thiếp cũng một lòng xin theo...*

Ngày chúng tôi vác ba lô ra đi, ông bố vợ tiễn chân một quãng đường rất xa và khi chia tay nhau thì ông khóc. Con đường từ Chợ Neó lên Thái Nguyên, Bắc Kạn, chúng tôi sẽ phải đi trong một tháng, mỗi ngày trung bình phải vượt từ 30 tới 40 cây số đường rừng, đường núi. Chúng tôi không dám đi trong vùng đồng bằng nhưng cũng có những đoạn đường đã có Quân Pháp chiếm đóng mà chúng tôi bắt buộc phải đi qua như Đường số 6 ở gần Hoà Bình, Đường số 2 ở khu vực Vĩnh Yên, Đường số 1 ở mé dưới Thái Nguyên... Nhưng đi tới đâu cũng có liên lạc viên dẫn đi và toàn đi vào nửa đêm về sáng cho nên chẳng bao giờ chúng tôi gặp địch cả.

Mới đi chưa được một tuần lễ, Thái Hằng bỗng thấy khó chịu trong người. Nhân ghé lại một địa điểm có Quân Y Viện, tôi đưa vợ tới cho bác sĩ khám bệnh. Thì chúng tôi bất ngờ người ra : Thái Hằng có mang. Làm sao bây giờ ? Quay về Thanh Hoá hay là cứ đi ? Nếu có quay gót về Chợ Neó lúc này thì cũng chẳng phạm vào một kỷ luật nào cả. Cũng chẳng có ai nÀo trách móc chúng tôi gì đâu, tôi nghĩ thế. Nhưng không

hiếu tại sao lúc đó chúng tôi lại chọn giải pháp : cứ đi. Chúng tôi tôn thờ anh hùng chủ nghĩa à ? Chúng tôi yêu nước vô cùng ư ? Chúng tôi tôn trọng Sử Vụ Lệnh của Trung Ương đến thế cơ à ? Có thể là như vậy. Nhưng cũng có thể là trong suốt mấy năm trời, chúng tôi sống như những cái máy, chúng tôi đã bị điều kiện hoá bởi không khí hào hùng và nhiệt huyết ở chung quanh. Thấy ai cũng có những đóng góp và hi sinh cho kháng chiến thì mình cũng phải làm như mọi người. Thấy cả nước lên đường ra đi, làm sao mình có thể quay gót trở về được ? Chưa sót thay, ngày trở về cũng sẽ tới, sẽ phải tới...

... Chuyện trở về là chuyện tương lai. Bây giờ thì hai vợ chồng tôi hãy cứ kéo nhau đi, trực chỉ miền Bắc. Tôi đã quen với chuyện trèo đèo lội suối rồi cho nên tôi rất khoan khoái với cái thú xê dịch cổ hũu của tôi. Nhưng khi nhìn thấy vợ mình đang bụng mang dạ chửa -- dù mới chỉ có thai được hai tháng -- ngã lên ngã xuống những lúc phải trèo qua những "sống trâu" tôi thương sót vợ vô cùng. Tuy vậy, tôi không dám để lộ tình thương đó ra, sợ vợ mình sẽ mất tinh thần. Tới bất cứ nhà của một đồng bào nào hay tới một quán trọ ở dọc đường nào là Thái Hằng lao người vào giường nằm, không thiết ăn uống gì cả. May làm sao mà trên con đường đi lên Việt Bắc kỳ này chỉ có tôi là đôi khi bị sốt đi sốt lại, người vợ có chửa của tôi chưa bị Thần Sốt Rét tới thăm viếng. Lúc này, Thái Hằng chỉ bị ốm nghén, nhưng khi lên tới Việt Bắc thì sẽ biết tay ông Thần này ngay.

Chúng tôi phăng phăng ra đi, dưới những trận mưa lớn hay dưới ánh nắng gay gắt, lúc đi trong những vùng có thừa thớt đồng bào, lúc trơ ra chỉ có hai vợ chồng đi trên những con đường rừng thật là vắng vẻ. Lại ngửi thấy mùi cọp. Lại thấy rằng cọp cũng sợ người chứ chẳng phải chỉ có người sợ cọp mà thôi. Có lần hai vợ chồng tôi phải lội qua một con suối rừng vào mùa nước lớn. Nước chảy rất mạnh cuốn đi một chiếc giẻp làm bằng vỏ xe hơi của tôi. Chúng ta quen gọi loại giẻp này là giẻp râu, vì nó có hai cái quai bằng cao su thò ra như hai cái râu người. Nhưng tên đích thực của nó là giẻp Bình-Trị-Thiên. Nó được sáng chế ra trước tiên ở Phân Khu IV trong thời kỳ đầu của kháng chiến. Tôi đã mang nó từ Chiến Khu Ba Lòng ra tới Thanh Hoá. Rồi từ Thanh Hoá đem nó lên tới con suối này. Mất thì tiếc quá. Tôi đã phải lặn xuống nước, mò cho ra chiếc giẻp, coi thường sự chết đuối có thể xảy ra. Lại có lần không biết tôi nghe lời ai mách nước, mua chanh ngâm đầy miệng để cho tỉnh táo. Không ngờ bị sặc nước chanh gần như tắc thở. Cũng giống như hồi nào ở Lạng Sơn, anh bạn Giang Cao ăn quá nhiều cam trong lúc đói nên bị say nước cam như bị say rượu.

Nhưng trong cuộc ra đi này vẫn còn nhiều cái thú. Cái thú hoà mình vào với thiên nhiên. Bình minh hay hoàng hôn, đêm trăng hay đêm sao... tất cả đều ảnh hưởng vào mình để mình sẽ tuôn ra bằng lời ca, nét nhạc. Cái thú được ăn miếng cơm lam nấu bằng ống tre của đồng bào thiểu số. Cơm ngọt và bụi hắc lên có lẽ vì có thêm mùi vị của nước tre. Cái thú được tắm suối chung với người miền núi. Tôi quen nhìn người ta khoả thân để kỳ cọ tắm tấp ròi, nhưng Thái Hằng thì ngượng lấm. Vui nhất là người miền núi và người miền xuôi đều thích đứng nhìn nhau tắm. Nói một cách tích cực, trong chuyến ra đi này, đôi tân lang và tân giai nhân có thêm một tháng trăng mật, dù rằng bốn tuần trăng mật di động này mệt hơn những tuần trăng mật hủ hí ở loanh quanh vùng Thanh Hoá. Hằng ngày, chúng tôi cứ việc vui vẻ ra đi và nếu có cái gì đáng sợ thì đó là... những con dốc. Trong tất cả những con dốc tôi phải leo qua từ trước cho tới nay, con dốc ở Tam Đảo -- chúng tôi cũng sẽ phải vượt qua dốc này khi trở lại Thanh Hoá -- là con dốc kinh khủng nhất. Vượt được nó rồi là đã đi được chín phần mười của lộ trình.

Thế là sau ba mươi ngày đi bộ và vượt được tám, chín trăm cây số gì đó, chúng tôi đã bò tới một nơi được gọi là Trung Ương. Một nơi có lẽ cũng rất là thiêng liêng. Chẳng tin thì hãy nghe nhà văn Nguyễn Tuân nói kháy sau đây. Cũng từ Khu IV ra Việt Bắc tham dự Đại Hội Văn Nghệ, khi sửa soạn vượt qua dốc Tam Đảo để đặt chân lên đất Thái Nguyên, con người duyên dáng Nguyễn Tuân trịnh trọng tuyên bố với mấy anh em cùng đi :

-- *Mình phải tắm rửa cho thật sạch sẽ để dọn mình vào đất Thánh.*

Chúng tôi được liên lạc viên dẫn tới Yên Giã, một khu rừng nằm gần ranh giới hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn. — chung quanh đây không có một gia đình thường dân nào cả. Khu thung lũng rộng lớn và có núi bao quanh này là một thứ an toàn khu của tất cả các cán bộ làm việc trong các cơ quan khác nhau của Trung Ương. Mỗi gia đình cán bộ đều được cơ quan của mình phát cho một mảnh đất rồi có người tới phụ giúp để dựng lên một cái nhà bằng nứa.

Yên Giã có vẻ là nơi dành riêng cho các gia đình văn nghệ sĩ. Lúc này họ đều trở thành hội viên của các Hội Nhà Văn, Hội Hoạ Sĩ, Hội Nhạc Sĩ, Hội Sân Khấu cả rồi. Đi vài quãng đường là tới Cù Vân, vượt qua Đèo Khế tới khu vực của các lãnh tụ. Hang Pác Bó là nơi ở của Chủ Tịch họ Hồ cũng nằm ở đâu đây. Tại Yên Giã, vợ chồng tôi là thượng khách của Nguyễn Xuân Khoát, Chủ Tịch Hội Nhạc Sĩ Kháng Chiến. Anh Khoát bây giờ gầy tọp đi, dáng người rất mệt mỏi nhưng cái xiết tay chào của anh vẫn còn mạnh lắm. Và lập tức anh dắt tôi tới gặp Tố Hữu, người bắt đầu nắm trong tay vận mạng của toàn thể văn nghệ sĩ. Tố Hữu già hơn hồi tôi gặp anh ở Huế, vẫn ăn nói nhẹ nhàng nhưng có cái đanh thép ẩn trong câu nói. Chắc anh theo dõi công việc của tôi trong mấy năm qua, bây giờ gặp tôi, Tố Hữu khen nhạc của tôi có ưu điểm là rất nhạy cảm và uyển chuyển (*sensibilité et souplesse*). Tôi cũng đáp lễ và khen bài thơ **Bản Đi** của anh, nói rằng nhờ bài thơ này mà tôi được bộ đội yêu mến. Đó là sự thật.

Chỉ trong khoảng vài ngày, vợ chồng tôi có một cái nhà tranh nằm không xa nhà của vợ chồng Văn Cao là mấy. Đây mới đích thực là cái nhà là nhà của ta -- kháng chiến giúp ta làm ra. Tường như là căn nhà bên suối đang nằm ở trong bài một hát bông nhẩy ra đây. Đây cũng là cái tổ ấm đầu tiên trong đời tôi, của một gia đình có đôi vợ chồng son và đứa hài nhi nằm trong bụng mẹ. Nhà có tới ba phòng, phòng ngủ có cái giường nứa, phòng bếp có cái bếp nứa, phòng tắm có tấm phen cũng bằng nứa. Thiếu phòng vệ sinh, nhưng chúng tôi có cả một khu rừng ở đằng sau nhà rồi. Căn nhà nứa này, tuy có phòng tắm đổ nhưng có bao giờ chúng tôi chịu tắm ở trong nhà đâu ? Ai chịu khó vác nước từ suối lên đây ? Bà Phạm Duy đi tắm suối là kéo bà Văn Cao đi cùng. Đi mua thực phẩm hơi xa cho nên cứ cách dăm ba ngày là các bà rủ nhau cùng đi chợ. Gạo ở đây là gạo kháng chiến, khi ăn mà không nhần miếng cơm cho kỹ là dám sút răng vì những hòn sạn. Cũng mua được thịt để ăn nhưng kho xong nồi thịt, chỉ cần một đêm là thịt kho trở thành thịt đông ngay. Bởi vì ở trong vùng rừng núi này, mỗi khi đêm xuống thì dù là mùa Hạ, trời cũng trở lạnh như trong mùa Đông.

Tôi gặp lại hầu hết các bạn bè cũ ở trong làng nhạc như vợ chồng Văn Cao, vợ chồng Văn Chung, các nhạc sĩ Lê Yên, Nguyễn Đình Phúc, Xuân Tiên, Xuân Lôi... Vì sắp sửa có Đại Hội Văn Nghệ cho nên các văn nghệ sĩ ở khắp mọi nơi đang lục tục kéo nhau lên đây. Nào là Lê Văn Vũ Bắc Tiến cựu trưởng ban Ban Kịch Nghệ Thuật ở Hà Nội nay là trưởng đội kịch của Sư Đoàn 308... Nào là các trưởng thượng trong Hội Sân Khấu như Thế Lữ, Võ Đức Diên, Đoàn Phú Tứ... Thăng bạn Hoàng Cầm

của tôi cũng sẽ có mặt ở khu Yên Giã này. Hân hạnh cho tôi là bây giờ tôi được bắt tay những người như Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Đình Thi, Xuân Diệu. Đặc biệt là gặp lại anh bạn cùng học trường Mỹ Thuật khi xưa là Mai Văn Hiến. Chàng hoạ sĩ tinh quái của ngôi trường cũ này rất chiều chuộng Thái Hằng. Không biết anh hái ở đâu được những đồ chua như me, sấu, là những thứ mà người đang có mang là vợ tôi rất thèm ăn.

Đời sống ở Yên Giã quá đẹp. Bỏ công chúng tôi đã rời bỏ một nơi an ninh thịnh vượng (!) là Thanh Hoá để lên đây ở. Tôi vẫn chưa được biết Trung Ương triệu tập tôi lên đây để làm gì ? Hình như tất cả mọi người còn đang rất bận trong việc chuẩn bị Đại Hội Văn Nghệ cho nên tôi được ở yên -- hay được bỏ quên -- trong ngôi nhà nửa của mình, ngày ngày chỉ có một việc là dắt vợ đi chơi trong khu rừng hoang vắng và thơ mộng. Chúng tôi lại tự an ủi, cho rằng mình được hưởng thêm những tuần trăng mật khác. Tối đến, cũng như mọi người, vợ chồng tôi đốt đuốc soi đường đi tới hội trường (đang được xây dở dang) để tham dự những buổi sinh hoạt văn nghệ. Hai cô ca sĩ cùng có tên là Thái : Thái Hằng và Bùi Thị Thái (vợ ông Quản Liên, trước đây là Trưởng ban Quân Nhạc Lĩnh Khổ Xanh bây giờ là Trưởng ban Quân Nhạc Việt Minh) thi nhau hát những bài ca cổ điển Tây Phương. Ở nơi an toàn khu này, ca hát là môn giải trí độc nhất, cho nên các bà, các cô tới tham dự đông lắm. Các bậc phu nhân của các văn nghệ sĩ ở Trung Ương này, sau mấy năm ở "u tỉ quốc", đã đi khá sâu vào đời sống nâu sồng rồi. Phụ nữ của chúng tôi từ Khu IV rất thanh bình vừa lên tới đây thì hãy còn ăn diện ghê lắm. Trong những buổi họp hay trong đêm hát, Thái Hằng diện sơ mi trắng và quần xanh có yếm (kiểu combinaison của thợ thuyền Âu châu), tóc thắt bím buông xuống hai vai, xuất hiện ở khu Yên Giã này như một biến cố về y phục phụ nữ vậy. Thế nhưng nếu khám ba lô của cô dâu mới, sẽ thấy chỉ có thêm hai bộ quần áo cũng rất nâu sồng để mặc hằng ngày.

Lúc này cũng là thời điểm rất quan trọng đối với lịch sử kháng chiến Việt Nam. Quân Đội Mao Trạch Đông đánh bại Quân Đội Tưởng Giới Thạch ra khỏi lục địa Trung Hoa. Các lực lượng quân sự của Việt Minh và Trung Cộng ở hai bên biên giới liên lạc được với nhau. Chủ tịch họ Mao tuyên bố thành lập nước Cộng Hoà Nhân Dân Trung Quốc. Hồ Chí Minh gửi điện văn chúc mừng Mao Trạch Đông. Có giả thuyết là ông Hồ qua Trung Quốc để hội nghị mật với Mao Trạch Đông. Việt Minh được Trung Cộng cung cấp tối đa về vũ khí, quân trang, quân dụng. Hơn nữa, từng sư đoàn hay trung đoàn Vệ Quốc Quân sang Tàu để được huấn luyện thêm. Quân Đội chính quy của Việt Minh lên tới 350.000 người.

Trung Cộng toàn thắng ở lục địa Trung Hoa. Chúng tôi được triệu tập đi họp để nghe thảo luận về chiến thắng của Mao Trạch Đông. Đây là lúc trong thế giới Cộng Sản, đứng trên căn bản lý thuyết của Mác, người ta thảo luận rất gay go về việc chủ tịch họ Mao dựa vào nông dân để làm Cách Mạng. Trước sự thắng lợi của Trung Cộng, bởi vì Mao không dùng công nhân để thực thi Cách Mạng như Mác đã đề ra, bây giờ người Cộng Sản phải gọi là đó là chủ nghĩa Mao Trạch Đông hay chỉ nên gọi là tư tưởng Mao Trạch Đông ? Tôi ngồi nghe các cán bộ cỡ lớn thảo luận về vấn đề này cũng giống như vịt ngồi nghe sấm, chẳng hiểu mô tê gì cả. Cuối cùng, người ta chỉ phong cho sự nghiệp của họ Mao danh từ tư tưởng. Còn chữ chủ nghĩa rất thiêng liêng kia, chỉ có thể dành cho Mác mà thôi.

Như thế là về phương diện chính trị và quân sự, thời gian đã đứng về phe Việt Minh. Sau bốn năm kháng chiến, qua tới đầu 1950, với sự thắng lợi của Mao Trạch Đông ở Trung Quốc, bây giờ Pháp không còn một chút hi vọng nào để thắng nổi một đội

quân chính quy gồm 350.000 người với đầy đủ vũ khí do Trung Cộng vừa cung cấp. Nhất là trong trong đội quân này đã có từng Trung Đoàn được đưa qua huấn luyện ở phía bên kia biên giới. Đó là chưa kể tinh thần nhân dân Việt Nam vẫn còn rất cao. Cho tới bây giờ, tất cả mọi người vẫn quyết tâm kháng chiến trong mặt trận Việt Minh. Lúc đó chưa có chuyện cải cách ruộng đất, tổ khổ và chỉnh phong, chỉnh huấn gì cả.

Còn tệ hại hơn nữa cho Pháp là phe tả của họ ở trong nước cũng hết sức bênh vực Việt Minh. Họ phái người qua thăm Việt Nam và đi vào tận cơ quan đầu não ở chiến khu. Chúng tôi được huy động để đón tiếp Chủ Tịch Liên Đoàn Thanh Niên của Pháp là Léo Figuères ở một nơi gần khu Yên Giã này. Giữa nơi rừng sâu núi thẳm, Léo Figuères có cơ hội tai nghe mắt thấy những thực lực của Việt Minh để khi trở về Pháp anh thanh niên tả khuynh này sẽ còn hoạt động ráo riết hơn nữa cho sự thất trận của Quân Đội Pháp bốn năm sau này.

Thế rồi vào một ngày hè trong năm 1950 này, Đại Hội Văn Nghệ -- có thêm vào đó hai chữ Nhân Dân -- được khai mạc. Hội trường do kiến trúc sư Võ Đức Diên vẽ kiểu và đôn đốc việc xây cất từ mấy tháng nay. Tuy vật liệu xây cất chỉ là những cột dọc làm bằng thân cây lớn, những cột ngang làm bằng tre, cùng với vách nứa và mái tranh, nhưng Hội Trường trông cũng đồ sộ lắm, khác hẳn với những hội trường ở miền xuôi mà tôi đã biết. Thành phần tham dự Đại Hội là những văn nghệ sĩ nổi danh đang phục vụ trong Quân Đội hay trong các Hội Văn Nghệ ở Trung Ương, các nhân viên của các hội văn nghệ ở các địa phương và còn có thêm cả các cán bộ thông tin văn hoá nữa.

Chủ Tịch đoàn gồm có nhà văn Nguyên Hồng, hội viên Hội Văn Nghệ Trung Ương, kịch sĩ Lê Văn (Vũ Bắc Tiến) trưởng ban kịch của Trung Đoàn 308 và Vũ Thước, cán bộ văn hoá của huyện Lập Thạch thuộc Vĩnh-Phúc (tức hai tỉnh Vĩnh Yên và Phúc Yên). Vào thời điểm này, Đảng Cộng Sản bấy lâu nay ẩn mình trong Mặt Trận Việt Minh bây giờ quyết định đưa ra bàn tay không còn bọc nhung nữa. Đại Hội gọi là Văn Nghệ Nhân Dân này không có mục đích nào khác hơn là bắt đầu từ nay trở đi, có Tổ Hữu với bàn tay sắt, chỉ huy văn nghệ.

Trong ngày đầu tiên của Đại Hội, tôi thấy Chủ Tịch Đoàn đưa ra một đường lối gọi là văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa. Mục đích chính là đưa ra một thứ kim chỉ nam cho tất cả mọi ngành sáng tác và biểu diễn. Mục đích phụ (hay đây mới là mục đích chính ?) là biểu dương lực lượng văn nghệ sĩ và báo cáo đường lối chỉ huy văn nghệ của Nhà Nước cho các quan khách biết. Các quan khách đó là ai ? Đó một số cố vấn Liên Xô, Trung Cộng và vị tân khách Léo Figuères, đại diện của Đoàn Thanh Niên Pháp Quốc đang ngồi ở hàng ghế đầu cùng với Trường Chinh, Tố Hữu, Trần Độ...

Sau đó, tới phần thảo luận riêng của các ngành. So với mọi ngành khác, thành phần nghệ sĩ trong ngành kịch là đông đảo nhất. Tuy tôi là nhạc sĩ và vợ tôi là ca sĩ nhưng Thái Hằng còn là kịch sĩ nữa cho nên chúng tôi có mặt trong những buổi hội thảo về ngành này. Tôi gặp Hoàng Tích Linh, tác giả vở kịch nhan đề **Tiếng Đập Cửa** là người ở trong đoàn kịch **Chiến Thắng** của Tổng Cục Chính Trị. Diễn viên trong đoàn này là Thúy Cẩm, em gái của kịch sĩ Kỳ Ngung và Thùy Chi, em ruột của nữ kịch sĩ Kiều Hạnh. Thùy Chi có tên thật là Khuê, nhưng được mọi người gọi là Cô Thôn, tên của một nhân vật kịch. Cô Khuê đóng vai cô Thôn đặc sắc đến nỗi người ta không còn gọi cô bằng tên thật hay bằng tên nghệ sĩ của cô nữa. Nữ diễn viên Kiều Hạnh cũng là chị dâu của Thái Hằng và cũng có mặt tại Đại Hội này cùng với anh Phạm

Đình Sĩ và mấy cháu Mai Hương, Bạch Tuyết và Sơn. Gặp được những người thân thích thì vợ tôi vui lắm.

Tôi cũng gặp cả Hoàng Cầm, vừa mới tới Yên Giã cùng với các diễn viên nổi tiếng trong ngành Kịch Thơ như Trần Hoạt, Kim Lân. Tôi thấy Hoàng Cầm gầy đi nhưng đôi mắt của nó vẫn còn sắc như dao, giọng nói của nó vẫn sang sảng...

Dưới sự chủ tọa của Thế Lữ, Hội Trưởng của Hội Sân Khấu, một anh hội viên là Đoàn Phú Tứ đứng ra thuyết trình về sự hình thành của sân khấu Việt Nam gồm có Tuồng Cổ, Chèo Cổ, Cải Lương, Kịch Thơ, Kịch Nói... và xin mọi người thảo luận để định nghĩa cho một hình thức sân khấu mới mẻ nhất là Thoại Kịch tức Kịch Nói.

Sau nhiều tranh luận, Đoàn Phú Tứ tóm tắt các ý kiến của những người phát biểu. Tất cả đã nhất trí với định nghĩa này :

-- Kịch là bộ môn nghệ thuật dùng sân khấu làm phương tiện trình bày những cảnh đời đang có mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn đi tới chỗ kịch liệt thì phải giải quyết. Giải quyết xong mâu thuẫn là hết kịch.

Tôi đã biết tới những điều này từ lúc mới bước chân vào Liên Khu IV, được nghe tướng Nguyễn Sơn giảng về Tào Ngưu và vở kịch Lôi Vũ. Có gì là mới lạ đâu ? Đã tưởng thế là xong phần thuyết trình và định nghĩa về Thoại Kịch sau khi các văn nghệ sĩ đã đồng ý với thuyết trình viên Đoàn Phú Tứ. Nhưng lập tức một số cán bộ chính trị đứng lên đòi Chủ tịch Đoàn phải bổ túc thêm vào biên bản của hội nghị :

-- *Giải quyết những vấn đề trong các vở kịch thì phải có lập trường. Vậy chúng ta đứng trên lập trường nào ? Lập trường phong kiến ? Lập trường tư sản hay tiểu tư sản ? Không. Phải đứng trên lập trường của giai cấp vô sản.*

Trong một buổi họp khác, tổ kịch đang thảo luận về đặc trưng của các bộ môn sân khấu như Tuồng Cổ, Chèo Cổ, Cải Lương, Kịch Thơ và Kịch Nói, Tổ Hữu đứng ra lên lớp anh em, trước hết là đả kích bài Vọng Cổ. Tổ Hữu nói :

-- *Vọng Cổ có âm điệu ủy mị, làm cho người nghe bị ru ngủ, lòng người nghe bị mềm yếu rồi người nghe cúi đầu xuống, tiêu tan cả chí phấn đấu.*

Lưu Hữu Phước, Tổng Ngọc Hạp bèn kẻ trước người sau đứng lên bênh vực cho bài Vọng Cổ xuất xứ từ Nam Bộ của mình, nói rằng :

-- *Vọng Cổ hay lắm, hay lắm, không bỏ được Vọng Cổ đâu ạ.*

Nhưng Tổ Hữu cười khẩy :

-- *Vâng, bài Vọng Cổ hay lắm. Hay đến độ đã làm cho Việt Nam mất nước, bây giờ trong kháng chiến, ta phải nên cấm nó.*

Nghe thấy vậy, bụng bảo dạ, tôi nghĩ :

-- *A... Tổ Hữu nói như vậy thì có nghĩa là Đại Hội Văn Nghệ Nhân Dân này phải có thái độ với bài hát đã từ lòng nhân dân mà ra...*

Lưu Hữu Phước và Tổng Ngọc Hạp im lặng. Xưa nay tôi là người không ưa cãi nhau cho nên lúc đó tôi cũng im luôn. Dù lập trường của Tổ Hữu không vững lắm nhưng tôi cũng không đứng lên để bênh vực hai anh nhạc sĩ Nam Kỳ này.

Theo sự hiểu biết của tôi -- vốn là kẻ đã đi theo gánh hát Cải Lương trong ba năm trời -- thì bài Vọng Cổ đã ra đời vào năm 1917 là lúc nước Việt Nam đã sống dưới ách nô lệ thực dân từ lâu rồi. Đã mất nước rồi mới có một người là ông Sáu Lầu ở Bạc Liêu đề ra bài Vọng Cổ. Điệu Vọng Cổ xuất thân từ điệu Hành Vân, mới đầu chỉ

có 20 câu, mỗi câu 2 nhịp. Khi nó phát triển tới loại Vọng Cổ 6 câu mỗi câu 16 nhịp rồi tiến tới 32 nhịp thì âm nhạc của nó nghiêng hẳn về điệu ru con ở miền Nam. Trong suốt mấy chục năm, Vọng Cổ đã được dùng để kể lể đầy đủ mọi thứ chuyện buồn hay chuyện không buồn, kể cả những chuyện hài hước làm cho người nghe phải cười nôn ruột của mấy anh hề. Không phải chỉ có những bài hát Vọng Cổ than khóc mà thôi đâu.

Nhưng nếu cứ cho rằng đa số bài Vọng Cổ nói tới chuyện buồn đi, là làm nhụt chí anh hùng đi, thế tại sao vào ngày lịch sử 12 tháng 10 năm 1945, tất cả Nam Bộ cứ cầm gậy tầm vông vùng lên đánh Pháp và vẫn còn tiếp tục đánh Pháp cho tới bây giờ (là mùa Hè 1950). Những thánh giả mà ta cho rằng đã bị đầu độc bằng bài Vọng Cổ hàng mấy chục năm, tại sao họ vẫn anh dũng chiến đấu ? Họ đâu có đầu hàng Pháp ? Và chắc chắn là họ vừa đánh giặc, vừa hát Vọng Cổ cho mà coi. Vọng Cổ, theo tôi, chính là bài hát phát sinh từ nhân dân cho nên nó mang rất nhiều chất tình tự dân tộc. Nói một cách khác, khi tôi nghe hát Vọng Cổ, tôi rất cảm động và tôi thương yêu nước tôi hơn là khi tôi nghe nhạc... **classic** hay nhạc **rock** chẳng hạn.

Chỉ huy xong sự khai tử bài **Vọng Cổ**, Tổ Hữu đi tới phán quyết thứ hai của anh. Anh mặt sất thậm tệ Kịch Thơ :

-- Nội dung kịch thơ phần nhiều chỉ phản ảnh tinh thần phong kiến. Cốt truyện đưa ra toàn là những nhân vật quan liêu. Lối diễn xuất bằng sự ngâm nga, nghe thật là rên rỉ, lướt thướt. Kịch Thơ không thích hợp với cuộc sống động của toàn dân đang kháng chiến.

Lại cũng không ổn. Những vở kịch thơ trước đây tôi đã được coi, chính là những vở kịch nung nấu lòng ái quốc của chính tôi, vì nó nói tới chuyện **Nguyễn Trãi, Phi Khanh**, nói tới **Quán Biên Thủy, Người Mù Đạo Trúc, Bến Nước Ngủ Bờ, Lên Đường, Viễn Khách**... Lối ngâm thơ rên rỉ mà những ngâm sĩ đã mắc phải khi diễn kịch thơ, ta có thể khắc phục được nếu ta huấn luyện cho các ngâm sĩ biết chọn đoạn nào ngâm, đoạn nào nói. Và nếu ngâm nên ngâm theo giọng gì ? Giọng oán cần phải dùng cho đúng lúc. Là kịch thơ nhưng vẫn có thể có những đoạn nói thơ -- lẽ dĩ nhiên không phải là lối nói thường hoặc nói lối theo kiểu Hát Chèo hay Cải Lương -- Cần nhất là phải dùng tới đa những điệu ngâm khác biệt với giọng oán như sa mạc, cổ thi hay những điệu ngâm thơ nằm trong nhạc mục của Hát Ả Đào. Vấn đề này nằm hoàn toàn trong lĩnh vực kỹ thuật (không phải nghệ thuật) cho nên rất dễ cải tiến. Opera của Âu Tây là cái gì, nếu không phải là kịch thơ có ngâm nga và có hát lên ? Hơn nữa, gần đây, tại chiến trường Cao-Bắc-Lạng, tôi và Hoàng Cầm rất thành công với những màn diễn thơ có thể được gọi là những màn kịch thơ ngắn được lắm.

Với **Đêm Liên Hoan** hay **Tâm Sự Đêm Giao Thừa** được trình diễn với hai diễn viên và có điệu bộ, ta có mầm mống của những vở kịch thơ ái quốc. Ngay chính tôi đây, khi diễn ngâm bài thơ **Bắn Đi** Tổ Hữu, tôi đã đóng kịch đó. Đóng vai anh thi sĩ đứng cạnh người lính Pháo Binh ở trên một ngọn đồi có đặt sẵn khẩu súng lớn nhắm xuống đồn địch. Người lính Pháo Binh phải chờ giờ khai hỏa, nhưng anh nghệ sĩ quá cảm thù giặc, nhìn thấy chúng đang cười nói ở dưới đồn thì sốt ruột quá, anh thúc giục đồng chí Pháo Binh phải bắn đi. Bắn ngay lập tức. Tôi được bộ đội rất hoan nghênh khi đóng kịch trong cái màn thơ độc diễn này.

Tôi cho rằng, nếu lúc đó Hoàng Cầm được khuyến khích để tiếp tục phát triển Kịch Thơ thì không chừng chúng ta đã có một thứ sân khấu có tính chất opera theo kiểu Việt Nam, chứ không phải thứ opera học mót của các trường phái của Âu Tây.

Sau khi Tố Hữu đã diễn kịch Kịch Thơ xong rồi, cử tọa bỗng im phăng phắc, mọi người chăm chú nhìn vào Hoàng Cầm, mục tiêu của sự diễn kịch. Hoàng Cầm đứng dậy, nhấc cái ghế đầu mà nó vừa ngồi lên, trình trọng bưng ghế ra đặt ở giữa hội trường, lấy ở trong túi ra một sợi dây dài, dùng dây buộc tập kịch thơ, xong leo lên ghế đầu, giơ tập thơ vừa mới bị trói chặt lên thật cao, tuyên bố :
-- Tôi xin treo cổ Kịch Thơ. Bắt đầu từ ngày hôm nay.

Phải công nhận là trong Đại Hội Văn Nghệ Nhân Dân này, những nhà lãnh đạo Việt Minh coi ngành sân khấu như một đội quân lớn để thể hiện đường lối gọi là văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa đã được Chủ Tịch Đoàn đưa ra ngay từ hôm khai mạc Đại Hội. Dưới con mắt của Chính Quyền và nhất là của Đảng Cộng Sản ẩn hình sau Mặt Trận Việt Minh, ngành Sân Khấu là bộ môn có nhiều quần chúng nhất.

Do đó mà ta thấy Tố Hữu ra hết mệnh lệnh này tới mệnh lệnh khác, nhằm vào Kịch Thơ, nhằm vào bài Vọng Cổ của Sân Khấu Cải Lương và đề cao Thoại Kịch là đội quân xung kích của trận chiến này. Từ nay trở đi, sẽ có rất nhiều các đoàn văn công được thành lập để thực hiện những phương châm mà Đại Hội này đề ra, nói cho gọn là đem lập trường đấu tranh giai cấp vào ngành Ca-Kịch-Nghệ. Có lẽ để sửa soạn cho việc cải cách ruộng đất "long trời lở đất" sắp sửa xảy ra trong năm sau, khi Việt Cộng tiếp thu được bài học về chính sách này của Trung Cộng.

Các ngành khác -- như âm nhạc chẳng hạn -- cũng được bàn tay chỉ huy chiếu cố tới, nhưng sự ra lệnh có vẻ kín đáo và tế nhị hơn. Tôi bị phê bình là tiêu cực với những bài như **Bao Giờ Anh Lấy Được Đồn Tây, Bà Mẹ Gio Linh**. Và tôi được khuyến khích để khai tử một bài hát quá ư lãng mạn và đang được phổ biến rất mạnh mẽ trong toàn quốc là bài **Bên Cầu Biên Giới**. Nhưng tôi đóng kịch giả vờ ngu dại và lơ đãng, lơ luôn cái chuyện đó đi. Chỉ không hát những bài bị phê bình là tiêu cực và lãng mạn đó ở trong Đại Hội là cũng đủ làm hài lòng quý vị lãnh đạo rồi. Phải không ?

Tối đến, trong buổi sinh hoạt có tính cách giải trí, tôi và Thái Hằng hát xong bài **Bà Mẹ Quê** là xuống ngồi nghe các nhạc sĩ trong đoàn Văn Nghệ Khu III biểu diễn. Có Canh Thân hát bài **Thiên Thai** với sự phụ họa dương cầm của vua piano Nguyễn Văn Hiếu. Văn Cao ngồi cạnh tôi nhiều khi phải nhắm mắt khi nghe Canh Thân hát bài Thiên Thai với quá nhiều *fantaisies*, nghĩa là ca sĩ hát sai nhiều nốt nhạc ở trong bài hát. Có các nhạc sĩ Xuân Tiên, Xuân Lôi... thổi kèn cho nhiều ca sĩ hát những bài của Đỗ Nhuận, Nguyễn Đình Phúc, Lương Ngọc...

Phải nói rằng Đại Hội Văn Nghệ này rất thành công. Thành công ở chỗ đại đa số văn nghệ sĩ được chỉ huy mà không có ai dám phản đối gì cả. Nếu có phản đối, phải đợi khi tan xong Đại Hội và trở về tới địa phương rồi mới phản đối bằng cách... dinh tề. Đại Hội lại cũng rất là vui. — giữa khu rừng xưa nay heo hút, bây giờ có rất đông đảo các tay to mặt lớn trong làng văn nghệ và chính trị tới gặp nhau. Sau bốn năm đi tung hoành ở mọi nơi, bây giờ họ mới có dịp tụ hội, mà lại tụ hội ở một nơi chúng tôi gọi là gần mặt trời. Giới văn nghệ sĩ có cảm tưởng như mình được trọng vọng. Trong giờ nghỉ giải lao, chúng tôi trò chuyện với nhau rất là thân mật, tránh không

nhắc tới những vấn đề mà chúng tôi coi như là những *bêtes noires* vừa được nêu lên trong Đại Hội.

Nhạc sĩ Nguyễn Đức Toàn vì quá yêu tôi qua những bài dân ca gần đây cho nên cho rằng tôi là người tạo ra được một âm giai đặc biệt Việt Nam, anh ta gọi là **gamme phamduyrienne**.

Đoàn Phú Tứ giúp tôi sửa lại hai chữ trong bài **Tiếng Hát Trên Sông Lô** :

*Hỡi anh du kích tập bắn trên rừng
Thuyền tôi đậu bến Đoan Hùng
Nửa đêm nghe tiếng chim mừng líu lo...*

-- Cậu nên đổi hai chữ "nửa đêm" bằng hai chữ "bình minh".

Tôi đồng ý ngay. Và cảm ơn tác giả của bài thơ **Màu Thời Gian** bắt hủ. Sau này tôi có phổ nhạc bài thơ đó, không biết anh bạn vàng này có nghe được hay không ?

Buổi tối có sinh hoạt văn nghệ. Có các khách ngoại quốc tham dự. Các cố vấn Liên Xô gặp nữ nghệ sĩ nào cũng ôm hôn khiến cho ai cũng ngượng. Họ còn mời các bà, các cô nhảy theo kiểu **Son Đồ Mi** nữa. Càng vui chứ sao ? Đại Hội khoản đãi văn nghệ sĩ cũng rất chu đáo. Tuy không được hưởng chế độ ăn theo "tiểu táo" như các ông "vua mới" của nước ta, nhưng trong những bữa cơm tập thể nấu theo kiểu "đại táo" này, tôi đã được thưởng thức tài nội trợ của những bà như chị Võ Đức Diên với món chao làm bằng đậu xanh (soja) rất bổ béo. Trong suốt thời gian bốn tháng ở Yên Giã, ngày nào chúng tôi cũng được ăn cơm với chao, không đi tu mà cũng ăn trường chay.

*Cho nhau tiếng khóc hay câu vui đùa
Cho chiếc nôi cho nắm mỏ
Cho rồi xin lại tự do...*
CHO NHAU

Chương Ba Mươi Ba

Sau khi Đại Hội Văn Nghệ Nhân Dân bế mạc, mọi người ai nấy đã trở về những chiến khu của mình rồi thì giây phút của sự thật đã tới với tôi. Trong một buổi trưa có nắng vàng nhảy múa trên lá cây, thả bước trên một con dốc nhỏ nằm trong khu rừng Yên Giã, anh Nguyễn Xuân Khoát bá vai tôi, hai người lặng lẽ đi... Một hồi lâu, anh Khoát nói, giọng nói thẳm thì :

-- *Đoàn thể cử tao nói cho mày biết. Là mày đã được kết nạp. Mày sẽ được cử đi Moscou. Mày sẽ được ông Cụ gán cho một huân chương chiến sĩ. Nhưng có điều kiện. Mày phải bỏ cái tính "chơi" của mày đi. Mày phải khai tử bài hát Bên Cầu Biên Giới. Và nếu xuất ngoại thì Thái Hằng phải ở lại. Một mình mày đi thôi. Về suy nghĩ. Mấy hôm nữa, trả lời tao.*

Tôi bàng hoàng. Như bị anh bốc-xơ -- cỡ võ sĩ Mỹ đen Tyson hiện nay chẳng hạn -- vừa ục vào đầu mình một cú đấm. Anh Khoát lão đảo đi về phía trước, lão đảo là vì

anh đi đôi giày boots to quá, nặng quá. Tôi cũng lảo đảo như người vừa bị "nốc ao", quay về ngôi nhà nửa của mình, nằm chắp tay lên bụng, suy nghĩ...

... Khi bước chân lên miền Việt Bắc này, tôi không bao giờ chờ đợi có được những thứ gọi là đại ân huệ như thế này cả. Nhất là những ân huệ có điều kiện. Cứ nghĩ rằng mình lên đây để làm việc như một thường dân yêu nước và được tự do sáng tác hay được tự do đi công tác, giống như khi mình còn ở Liên Khu IV. Chỉ cần mình có thêm hai, ba người bạn mới để mình yêu mến như đã yêu mến Nguyễn Sơn, Đặng Thái Mai, Nguyễn Đức Quỳnh... Chỉ cần có thể thôi. Ai ngờ bây giờ mình lại được đãi ngộ đến thế. Ai ngờ bây giờ mình lại được đẩy vào một guồng máy chặt chẽ để sống cuộc đời của một anh cán bộ chính trị gương mẫu. Trong khi bản tính mình là một con người rất phóng túng. Trong suốt đời tôi, kể từ khi còn bé cho tới nay, tôi sợ nhất là bị đẩy vào kỷ luật. Vào làm đảng viên của một cái Đảng mà kỷ luật chắc chắn phải là thứ kỷ luật sắt, cứ yên chí đi, chỉ cần sau *ba bảy hai mươi mốt* ngày là tôi sẽ bị đá đít tống ra khỏi đảng liền.

Hơn nữa, tôi ý thức hơn ai hết về giai cấp của mình. Nằm trong ngôi nhà nửa này, tôi tự nói thầm cho tôi nghe, bởi vì khi phải trả lời anh Khoát tôi sẽ không nói vắn vè như thế này :

-- Anh Khoát ơi. Tôi là tiểu tư sản mà. Làm sao tôi có thể tiến thẳng "lên" giai cấp vô sản được ? Dù tôi cũng xuất thân là một công nhân, đi khắp mọi nơi ở trong nước để làm các nghề lao động chân tay trước khi sống bằng nghề lao động trí óc (!). Nhưng anh ơi, đó là sau khi tôi đã bị ông anh bắt phải vào học nghề trong trường Kỹ Nghệ Thực Hành, rồi tôi bất mãn, phạm nhiều kỷ luật như đánh nhau, phá phách máy móc ở trường... cho nên tôi bị đuổi ra khỏi trường. Trong bản khai lý lịch cách đây không lâu, tôi đâu có khai tôi là công nhân ? Tôi có thể là người có nhiều cảm tình với Cách Mạng nhưng không bao giờ tôi là người học thuộc lòng những bài học, những lý thuyết, những tôn chỉ của Cách mạng cả. Đã có lần tôi trả lời một thằng Cách Mạng nửa mùa, khi nó phê bình tôi là tôi là duy tâm, duy tiếc gì đó, nó nói như một con vẹt vậy. Tôi bèn chỉ tay vào mặt nó :

--*Ế mày, nghe đây. Tao không phải là duy tâm và cũng chẳng bao giờ là duy vật cả. Tao là... duy cần, Phạm Duy Cần. Hiểu không ?*

Tại Thanh Hoá, tôi đã có lần khó chịu vì bị phê bình là tiêu cực qua những bài mà tôi vẫn cho là theo đúng chủ trương hiện thực của chính quyền đề ra như **Bao Giờ Anh Lấy Được Đồn Tây, Bà Mẹ Gio Linh**.

Nhưng khi tôi thấy -- qua anh Khoát -- Trung Ương bắt tôi phải khai tử bài **Bên Cầu Biên Giới**, tôi nổi giận chứ không chỉ khó chịu như trước nữa. Tôi thấy họ đặt vấn đề quá nặng. Một bài hát, theo tôi, nếu nó có may mắn được hát lên trong một thời kỳ nào đó thì đời của nó cũng chẳng khác chi một đời hoa, sớm nở tối tàn, có gì đâu mà quan trọng hoá đến độ phải treo cổ nó lên hả ? Tôi thấy Cách Mạng bắt đầu lắm cảm khi kết án bài Vọng Cổ trong cái Đại Hội mà tôi vừa tham dự. Bây giờ lại tới chuyện lãnh đạo bắt tôi phải tự tay giết chết một bản nhạc tình tôi vẫn thường coi là tầm thường và còn vớ vẩn nữa là khác. Sự ngu dốt trong việc quan trọng hoá một bản nhạc như thế này cũng vẫn còn thấy hiện ra mấy chục năm sau, khi ở Miền Nam có những người lên án bài thơ của một anh lính trong lực lượng Nhảy Dù do tôi phổ nhạc -- bài thơ nhan đề **Trả Lời Một Câu Hỏi** mà tôi đổi lại là mà tôi đổi lại là **Kỷ Vật Cho Em** -- cho rằng sự phổ biến của bài hát này đã làm cho quân nhân nản lòng, do đó miền Nam Quốc Gia thua miền Bắc Cộng Sản. Nói như vậy là chấp nhận rằng

một bài hát có khả năng để đánh giấc giỏi hơn một đội quân có một triệu lính, với sự giúp đỡ của một nước Đồng Minh có bom nguyên tử à ?

Bây giờ tới việc thứ ba là bỏ Thái Hằng ở lại Việt Bắc để đi Moscou. Thái Hằng đã có mang được gần sáu tháng rồi. Đã có lần cả hai vợ chồng tôi đều bị sốt rét, cùng nằm rên khừ khừ trên cái giường nửa ở khu Yên Giã này. Nhưng cũng còn có người ốm này săn sóc cho người ốm kia. (Thái Hằng vừa nhắc lại chuyện tôi... ỉa đùn ở Yên Giã khi bệnh sốt rét đưa tới bệnh kiết lỵ). Cái bệnh sốt rét quái đản mãi hơn mười năm sau mới được đẩy lui khi một Bác Sĩ ở Saigon tìm ra cách chữa rất hiệu nghiệm là tiêm quinine vào mạch máu của chúng tôi. Ngay trước ngày Đại Hội Văn Nghệ Nhân Dân, khi tôi phải đi vắng hai tuần -- tôi lên hát ở Đài Phát Thanh bí mật, có gặp lại Thương Huyền tại đó -- Thái Hằng nằm một mình ở trong khu rừng già này, nửa đêm có cọp về, vợ tôi vốn là người bị bệnh yếu dây thần kinh từ trước, nay lại sợ cọp tới độ muốn phát điên lên, sáng hôm sau phải tới xin ở tạm nhà chị Nguyễn Xuân Khoát trong khi đợi tôi đi công tác trở về.

Nếu tôi đi ngoại quốc mà Thái Hằng ở lại, vào ngày sinh nở, ai là người sẽ săn sóc người đẻ hộ tôi ? Tôi cũng có thể tin rằng Đoàn Thể sẽ làm chuyện đó một cách rất chu đáo, nhưng tôi đã thấy trước mắt chuyện bà Đào Duy Kỳ, vợ của một đảng viên cỡ lớn, ở ngay tại khu Trung Ương này, khi sinh ra đứa con thì phải nuôi một con dê ở trong vườn để có sữa cho con bú. Hình ảnh của người mẹ nghèo thiếu ăn và của đứa con đói sữa trong bài thơ **Tâm Sự Đêm Giao Thừa** của Hoàng Cầm mà tôi thuộc lòng như cháo, cũng hiện ra trong đầu tôi lúc này...

... Trong thời gian chờ đợi tới ngày tôi phải trả lời anh Khoát về một vấn đề tối ư quan trọng có khả năng quyết định cả một đời người, tôi được gọi đi gặp ông Hồ. Đi khoảng gần hai tiếng đồng hồ thì tới chỗ ông ở. Qua khỏi một con suối được đặt tên là Lê Nin thì thấy hiện ra một ngôi nhà sàn bằng tre rất đẹp, có ông Chủ Tịch họ Hồ đang ngồi đánh máy. Nhìn thấy ông, tôi vẫn thấy cảm động như lúc gặp ông lần đầu. Nhưng vì bây giờ được nhìn ông gần hơn lần trước, tôi thấy cặp mắt của ông thật là sáng, nhưng nó không toát ra một sự triu mến. Cũng có thể một người làm chính trị suốt đời như ông thì lúc nào cũng cần phải cần phải quyết liệt, phải tàn nhẫn, cho nên ông có một cái nhìn rất dữ.

Tới gặp ông lần này, tôi rất thông minh để thấy ngay rằng đối với ông, lúc đó, tôi chẳng là cái gì cả. Không chừng ông cũng chẳng biết tới tên tôi hay biết tới công việc của tôi là đảng khác. Trong cái bắt tay hay trong câu chuyện, tôi chỉ cảm thấy có một chút thân mật của một người muốn làm cha thiên hạ, ban xuống cho một đứa con dân. Chỉ có thể thôi. Một nhà lãnh đạo như ông Hồ, đang có muôn ngàn chuyện phải làm, đâu có thì giờ để mà đãi ngộ một văn nghệ sĩ ? Chẳng qua là vì những vị phụ trách về văn nghệ nghĩ rằng gặp ông Hồ là một ân huệ lớn đối với một công dân và nghệ sĩ như tôi. Trong mọi tính toán như : cho vào Đảng, cho đi Moscou, đề nghị tặng huân chương, còn có thêm một tính toán nữa là cho tôi gặp một người mà ai cũng mong được gặp.

Họ không biết là tôi đã từng được mời tới gặp ông Bảo Đại khi ông vua này đi săn và tới Phan Rang hồi năm 1943. Tôi đang đi hát với gánh Đức Huy ở đó, ông Tỉnh Trưởng là Nguyễn Duy Quang cho xe hơi tới đón tôi đưa vào Dinh Tỉnh Trưởng để đàn hát cho ông vua nghe. Lúc đó tôi mới 22 tuổi. Chỉ có tôi và Bảo Đại ngồi ở trong phòng khách. Ông chăm chú ngồi nghe tôi hát, hỏi thăm gia đình tôi. Gặp ông vua mà cũng chẳng thấy có gì là ghê gớm cả. Ông vua nghe mình hát thì cũng như... ông

trọc phú hay ông phu xe -- những quý vị khán giả bỏ tiền mua vé vào rạp -- nghe mình hát mà thôi. Nhưng phải công nhận rằng ông Bảo Đại là một người rất nhã nhặn, rất thích âm nhạc. Tiếc rằng tôi không nhìn được rõ đôi mắt của ông vì ông luôn luôn đeo kính đen.

Sau này cũng thế, vì anh tôi là Phạm Duy Khiêm đang làm Đại Sứ cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm, tôi cũng được mời vào Dinh Độc Lập để gặp hai anh em lãnh tụ họ Ngô. Cả hai ông đều có những cái nhìn rất dữ và cao ngạo. Đối với hai ông, tôi cũng chỉ có đúng một sự lễ phép vừa phải như khi tôi gặp những lãnh tụ khác. Một thứ lễ phép theo kiểu kính như viển vông là một cách rất hay để thoái thác không nhận một ân huệ hay một món nợ vật chất hay tinh thần nào ở nơi những người có quyền hành này. Sự tương kính đã có giữa hai bên rồi thì không bao giờ tôi dám phê phán các nhà lãnh tụ đó cả, từ ông Bảo Đại, qua ông Hồ Chí Minh tới hai vị lãnh đạo họ Ngô. Đó là công việc của lịch sử.

Nhưng có một điều mà bây giờ tôi mới nhìn thấy khi tôi gặp ông Hồ Chí Minh ở Việt Bắc là : dù đây là một thứ chính quyền Cách Mạng nhưng ở cái nơi chiến khu âm u bí hiểm này cũng có một thứ triều đình rồi -- chẳng trách Nguyễn Tuân gọi đây là đất thánh. Triều đình nào cũng phải có kẻ nịnh. Kẻ nịnh bao giờ cũng đông hơn người trung. Lúc tôi tới nơi ông Hồ ở là lúc tôi thấy Tổng Ngọc Hạp đem một bày thiếu nhi tới và tôi chứng kiến một sự tranh nhau đi gặp Bác Hồ, một sự cãi nhau om xòm giữa người này người nọ trong sự chọn lựa ai được vào gặp, ai không được vào gặp. Tôi trở về Yên Giã, lòng rất thản nhiên vì bây giờ thì tôi không còn gì để thắc mắc nữa.

Tôi tới gặp anh Khoát ngay và trả lời dứt khoát là tôi xin trở về Thanh Hoá. Và xin về ngay để cho kịp ngày vợ đẻ, sẽ có bà mẹ vợ săn sóc cho mẹ tròn con vuông. Tôi rất cảm ơn mọi người, xin được không nhận bất cứ một thứ ân huệ nào cả. Nhưng khi vợ chồng tôi tới chào người lãnh đạo văn nghệ của cả nước thì Tố Hữu tặng cho vợ chồng tôi một số tiền. Tôi nhận ngay vì đó là tiền lương và vãng phí.

Ngày mai lên đường về xuôi thì tối hôm đó bỗng nhiên tôi gặp vợ chồng tướng Nguyễn Sơn ở nơi an toàn khu này. Ông mời vợ chồng tôi tới ăn cơm. Trong bữa cơm rất ngon tại một ngôi nhà sàn ở giữa vùng Việt Bắc, dưới ánh đèn dầu leo lắt, ngoài những chuyện xã giao thông thường, ông không nói gì tới chuyện ông đã bị Đảng gửi trả ông về Trung Cộng. Tôi cũng không hé miệng cho ông biết tình trạng và thái độ của tôi trước những ân huệ mà cấp trên đã dành cho tôi. Nhưng khi biết tôi sẽ trở về Khu IV vì lý do Thái Hằng đang có mang thì ông gật gù, ra chiều đồng ý.

Khi tôi về tới Thanh Hoá, tôi mới biết rằng tướng Nguyễn Sơn đã bị thay thế bởi Hoàng Minh Thảo, có Trần Văn Quang làm ủy viên chính trị. Sau này, tôi mới biết rõ nguyên do tại sao ông Sơn lại bỏ kháng chiến để ra đi. Theo người bạn đàn anh của tôi là Hoàng Văn Chí -- anh em cột chèo với Nguyễn Sơn -- lúc đó đang làm việc tại Khu IV, thì tướng Nguyễn Sơn phản đối việc ông Hồ yêu cầu Trung Cộng viện trợ, cho rằng hễ nhận viện trợ của ngoại bang thì sẽ mất hết chủ quyền. Ông Sơn viện lẽ rằng trong thời kỳ chống Nhật, Mao Trạch Đông không thèm nhờ Nga Xô viện trợ, để mặc Nga Xô tiếp tế cho Tưởng Giới Thạch. Theo ông Sơn thì Việt Nam phải tự lực kháng chiến, chiếm lấy vũ khí của Pháp để mà đánh Pháp. Cuộc chiến đấu gian lao hơn nhưng nước mình sẽ không phụ thuộc ngoại bang. Cũng vẫn theo Hoàng Văn Chí, Nguyễn Sơn to tiếng với ông Hồ về việc này và bỏ ra đi ngay sau buổi thảo luận gay go đó, rất có thể ngay trong cái ngày mà tôi được ông mời tới nhà để ăn cơm.

Tôi cũng không ngờ rằng đó là bữa cơm từ biệt mà tướng Nguyễn Sơn dành cho một nghệ sĩ trẻ tuổi mà ông hết lòng nâng đỡ không những chỉ trong công tác mà còn trong cả đời tư, khi ông là người se duyên và chủ hôn cho vợ chồng chúng tôi. Không còn Nguyễn Sơn ở Khu IV nữa, rồi đây tôi sẽ thấy mình bơ vơ vô kể.

Trên đường về, vợ chồng ghé qua một địa điểm ở trong tỉnh Thái Nguyên để gặp anh tôi là Phạm Duy Nhuận hiện đang là giáo viên của trường dạy các cán bộ cao cấp về văn hoá. Việt Minh có cái hay là trong kháng chiến, những người không có trình độ văn hoá cao hoặc có khi chỉ mới có bằng Tiểu Học mà thôi, sau khi đã chiến đấu ở ngoài mặt trận trong một thời gian thì dù có là Sư Đoàn Trưởng, Trung Đoàn Trưởng, Tiểu Đoàn Trưởng hay Đại Đội Trưởng gì đi nữa thì cũng -- a lê -- mời các ông quan to súng dài này buông súng ra, bỏ chức vụ đi, lục tục về một ngôi trường được dựng lên ở một nơi giống như "u tù quốc" để học lại từ đầu. Nhà giáo Phạm Duy Nhuận là thầy dạy học văn hoá cho vô số các Tướng Lãnh Cộng Sản về hưu hiện nay ở ngoài Bắc. Sống ở u tù quốc này vài ngày, tôi được nghe một câu chuyện có dính líu tới giới cầm bút, cầm đàn và cầm... dục tấu của chúng tôi. Chuyện như sau :

... Sau khi tan Đại Hội, các văn nghệ sĩ như Đoàn Phú Tứ, Nguyễn Tuân, Canh Thân, Xuân Tiên, Xuân Lôi, Nguyễn Văn Hiếu về tới thị xã đồ nát là Thái Nguyên thì gặp Đình Văn Tĩnh, người có biệt danh là Tĩnh "Chố" vì anh ta có đôi mắt cá vàng, lúc nào cũng như chố mắt ra để nhìn thiên hạ. Tĩnh "Chố" mách nước cho mọi người biết :

-- Ở một địa điểm gọi là Lăng Tạ, chỗ giáp giới Thái Nguyên-Bắc Giang ấy, các cậu có thể tới ăn hút thả giàn được đó. Tại đây có Lê Sỹ Cửu là đệ tử ruột của Cục Trưởng Cục Quân Nhu Trần Dụ Châu. Anh ta sẽ tổ chức một đám cưới cho người em. Họ cũng đang cần văn nghệ giúp vui...

Nghe thấy Tĩnh "Chố" mách nước như vậy, các văn nghệ sĩ nhà ta vội vàng kéo nhau tới Lăng Tạ. Đám cưới cực kỳ sang trọng được tổ chức tại ngôi nhà của Lê Sỹ Cửu, nằm trên một ngọn đồi. — hai bên đường, từ dưới chân đồi lên tới cổng nhà, để soi sáng cho đường đi là hàng ngàn ngọn nến bạch lập. Cục Quân Nhu là cơ quan có nhân viên và phương tiện để ra vào Hà Nội hằng ngày, mua những đồ tiếp liệu như vải vóc thuốc men, các hàng thuộc loại xa xỉ phẩm... trong đó có thuốc lá thơm cho ông Hồ. Lê Sỹ Cửu luôn luôn cưỡi một chiếc xe đạp Sterling mà ghi đồng là loại thép **dura** có pha chất **aluminium**. Xe đạp thời kháng chiến mà có được một cái đèn hiệu RADIUS để đi ban đêm là đã sang trọng lắm rồi. Xe đạp của Lê Sỹ Cửu có tới hai cái đèn, đèn nào cũng to như đèn pha xe hơi cơ. Hằng ngày Lê Sỹ Cửu là một người tiêu tiền như rác. Số tiền đổ vào đám cưới này chắc chắn là phải kinh khủng lắm. Người ta kể lại là về phần ăn thì sau khi nhà bếp làm thịt, những lông gà, lông vịt đổ xuống sông trôi lênh bênh đến mấy ngày mà vẫn chưa hết. Và cũng không thiếu một thứ rượu ngon nào trong bữa tiệc cưới này. Thuốc lá thơm như Philip Morris, Cotab, Camel, 3 con 5... đem ra mời khách hút, không phải từng điếu mà là từng bao. Ăn uống no say xong là có luôn dăm ba cái bàn đèn thuốc phiện để đãi khách. Lễ tất nhiên Trần Dụ Châu là thượng khách đám cưới.

Thực ra, cái đám cưới cực kỳ hoang phí được tổ chức trên xương máu của nhân dân này cũng chẳng có ai biết đến, ngoài những người tới dự đám cưới. Cũng chẳng có ai bận tâm đi báo cáo ai cả. Vả lại, Cục Trưởng Cục Quân Nhu đã là nhân viên

cấp cao nhất ở đây rồi. Hơn nữa, Trần Dụ Châu là người rất hào hiệp đối với bạn bè và các đàn em. Có người bạn nào ở xa tới thăm anh là anh tặng luôn cho người đó một bộ đồ kaki Mỹ. Cho nên nếu anh có để cho đàn em của anh làm chuyện hoang phí như thế này thì cũng không có ai nữ trách móc anh làm gì.

Chẳng may trong đám cưới này lại có Đoàn Phú Tứ. Trong bữa ăn, có lẽ đã quá say -- hay giả vờ say không chừng -- Đoàn Phú Tứ nhìn thẳng vào mặt Trần Dụ Châu, lên tiếng phê bình sự hoang phí này. Lê Sỹ Cữu vội vàng chạy tới, nắm cổ Đoàn Phú Tứ kéo đi. Và để lấy lòng xếp của mình, anh ta giơ tay tát Đoàn Phú Tứ. Thế là chuyện này bùng nổ. Đoàn Phú Tứ lập tức báo cáo lên Trung Ương, đưa ra những tội của Trần Dụ Châu như : bao che cho đàn em phung phí công quỹ, tổ chức đám cưới vô cùng phí phạm trong khi chính phủ đang bắt cả nước phải hi sinh, có thái độ hung hãn với văn nghệ sĩ khi bị phê bình thẳng thắn. Câu chuyện lan tràn đi khắp mọi nơi. Ai cũng xì xào. Nếu người tố cáo không phải là Đoàn Phú Tứ thì chuyện này cũng có thể được lấp liếm đi, nhưng lúc đó người ta rất cần tới văn nghệ sĩ để động viên quần chúng cho nên Trung Ương đã không thể làm ngơ được. Kết quả, Cục Trưởng Cục Quân Nhu Trần Dụ Châu bị đưa ra xử án trước công chúng vào ngày mùng 5 tháng 9 năm 1950, có Chu Văn Tấn ngồi ghế Chánh Án và có Trần Tử Bình đại diện của Chủ tịch họ Hồ tới dự để cho phiên toà thêm phần long trọng. Trần Dụ Châu bị kết án tử hình và bị đem ra xử bắn tại sân vận động Thái Nguyên...

Tôi biết sơ sơ là cô bạn ca sĩ Thương Huyền dễ thương và hát hay của tôi trong những ngày xa xưa, khi ra với kháng chiến thì cô trở thành người bạn tình hay người vợ chưa cưới của Cục Trưởng Cục Quân Nhu Trần Dụ Châu. Tôi cũng vừa mới gặp nàng ở Đài Phát Thanh bí mật một tháng trước đây. Lúc đó nàng đang ngồi trong phòng vi âm, tay cầm cái quạt nan để đuổi một lũ ruồi đang bu vào một vài nốt ghê ở nơi đôi chân thon đẹp của nàng, những nốt ghê mà ai đã đi kháng chiến thì cũng đều được thiên nhiên ô nhiễm âu yếm tặng cho. Rất niềm nở, Thương Huyền hỏi thăm tôi về Thái Hằng. Còn về phần tôi, vì mắc bệnh "tế nhị" cho nên tôi không dám thăm hỏi gì về đời tư của nàng cả. Nay biết chuyện Cục Trưởng Trần Dụ Châu gặp nạn, tôi nghĩ tới Thương Huyền rất nhiều. Từ giã trường dạy văn hoá và anh Nhượng, chúng tôi ra đi. Trong hành trình trở về Khu IV, trên một quãng đường nào đó, tôi chúc thầm cho người bạn cũ có một nụ cười rất phúc hậu qua khỏi được tất cả những khó khăn của cuộc đời. Rồi từ đó, tôi quên Thương Huyền.

*Trời đầy cô tiên nữ
Xuống đầu thai thành hoa
Giữa đêm mờ, hoa nở ngát hương...*
CẢNH HOA TRẮNG

Chương Ba Mươi Bốn

Một hôm Phạm Đình Viêm đang ngồi ở trong Quán Thăng Long thì có một cán bộ đi xe đạp từ làng xa tới, đậu xe lại, bước vào quán và nói : -- Tôi có gặp một ông già cùng đi với một cô con gái ở cách đây bảy tám cây số gì đó. Họ biết tôi sẽ qua Chợ Neo nên nhờ tôi nói dùm với ông bà chủ quán Thăng Long là họ đang trên con đường về.

Thế là Phạm Đình Viêm bôn bả cưỡi xe đạp đi đón chúng tôi. Nhưng không gặp. Chúng tôi về tới Quán Thăng Long thì chỉ thấy có một mình bà Thăng Long đang ngẩn ngơ đứng đó. Hai mẹ con ôm nhau khóc oà. Tôi ngạc nhiên vì không thấy ông Thăng Long đâu cả. Trong sáu tháng vừa qua, ở nhà ra đi lên sống ở Việt Bắc rồi là chúng tôi không có một tí liên lạc nào với gia đình ở Chợ Neo cả. Xin được thừa với tất cả các dân tộc ở trên thế giới rằng : trong những năm kháng chiến, 90 phần trăm người dân Việt thoát ly gia đình để đi làm nhiệm vụ công dân. Dù trong quân đội và các cơ quan dân chính có những tổ chức bưu điện được gọi là hòm thư. Sau này mới có cái tên khu bưu chính, viết tắt là KBC, nhưng thư đi thư lại ở trong nước thật là ít ỏi. Tôi nhớ rất rõ ràng là trong bảy năm kháng chiến, tôi không hề gửi đi hay nhận được một lá thư nào cả. Và tôi không phải là người độc nhất ở trong hoàn cảnh đó. Dân tộc này phải can đảm đến độ nào mới có thể chấp nhận một sự biệt vô âm tín lạ lẫm giữa những người thân trong gia đình như vậy. Ông Thăng Long vào Hà Nội từ mấy tháng nay rồi. Chúng tôi đâu có biết ? Gia đình này đã khánh kiệt. Bố vợ tôi phải vào thành phố để vay mượn tiền nơi bạn bè, đem ra vùng kháng chiến tiếp tế cho gia đình.

Phạm Đình Viêm phóng xe đi tìm vợ chồng tôi không thấy, quay xe trở về quán. Chúng tôi nhìn nhau cười như nắc nẻ. Anh cán bộ nói không sai : Tôi mới có 30 tuổi mà trông đúng là một ông già rồi. Sau khi cắt ba lô, rửa mặt, thay quần áo, Thái Hằng chui ngay vào giường nằm. Tôi ra ngồi uống một ly cà phê, ăn một tô phở và hàn huyên, tâm sự cùng mẹ vợ và anh vợ...

... Con đường về vất vả hơn con đường đi nhiều. Vượt khỏi được con dốc Tam Đảo là gặp những cơn mưa tầm tã. Hai vợ chồng ôm nhau đi trên những con đường bùn ngập tới cổ chân. Có những lúc Thái Hằng mệt quá, ngồi bệt xuống đường khóc. Tôi đi trước vài bước, thấy thế tôi quay gót lại, nâng vợ dậy, dìu đi và vừa đi vừa kể cho nghe những chuyện tiểu lâm của bố tôi là Thọ An, Phạm Duy Tồn. Chuyện rất tục và cái tục làm cho người nghe quên khổ, quên mệt trên đường dài. Tuy vậy, Thái Hằng vẫn còn lo lắng vì được ai đó nói cho biết rằng : có nhiều người mang thai đi công tác, vì đeo ba lô quá nặng và đi bộ quá nhiều cho nên đã đẻ non ở dọc đường. Nếu chuyện đó xảy ra cho vợ tôi thì nguy to. Thấy vợ lo ngại nhiều quá, tôi lại phải luôn luôn nâng tinh thần vợ lên. Xách dỡ ba lô, về ra niềm hạnh phúc khi đưa bé ra đời và... tiếp tục kể cho vợ nghe thêm những chuyện tiểu lâm khác.

Có một hôm chúng tôi tới một nơi không có nhà trọ, tối đến phải ra nằm ngủ trên bờ suối, nửa đêm có mưa đổ xuống như trút nước, nước suối dâng cao, tôi phải đặt vợ với cái bụng chửa nằm lên trên ngực tôi để cho người đang có thai không bị dầm mình trong nước lạnh. Lại có một hôm tình cờ gặp một đoàn tù binh Pháp đang được dẫn đi ở giữa rừng, nằm ngủ cách đám tù binh Pháp không xa, suốt đêm phải nghe tiếng ho xù xụ của những tù binh -- có lẽ đang mắc phải bệnh lao -- chúng tôi mất ngủ luôn...

Đó là câu chuyện phiêu lưu rất vất vả mà tôi kể cho mẹ vợ và anh vợ nghe trong ngày đầu tiên về tới Chợ Neo, với kết luận là chỉ có phép lạ mới cứu cho vợ tôi không bị xảy thai mà thôi. Tôi nấn ná ở nhà vài hôm rồi mới đi gặp Đặng Thái Mai, Nguyễn Đức Quỳnh. Lúc này tôi không còn là cán bộ văn nghệ của Trung Ương hay của Trung Đoàn hay Sư Đoàn nào cả mà chỉ là một thường dân hạng nhì đi thăm các người bạn bức đàn anh. Tôi tránh né không nói gì tới chuyện đã qua ở trên Việt Bắc.

Rồi tôi về nhà, trong một tuần trắng, không làm gì cả, ngồi chờ vợ đẻ. Thái Hằng có mang đã tới tháng thứ tám. Được mẹ săn sóc kỹ lưỡng, có ngày được ăn tới ba bát phở của thùng phở ế khách, vợ tôi đã béo tốt ra, cái bụng đã to phình lên. Chúng tôi lại được sống những ngày rất êm ả dưới mái nhà tranh bên dòng sông máng.

Ông Thăng Long từ Hà Nội trở ra Chợ Neo. Mừng mừng tủi tủi khi gặp lại bố vợ nhưng tôi buồn vô hạn khi ông Thăng Long cho biết mẹ tôi vừa qua đời trên một tháng nay tại Hà Nội và ông có đi dự đám tang. Mẹ tôi vĩnh biệt cuộc đời vào lúc chúng tôi đang sửa soạn từ giã khu rừng Yên Giã để về xuôi. Bây giờ thì tôi nhớ lại rồi... Có một đêm, tôi đang đứng chơi ở trước ngôi nhà nửa trong khu rừng vắng thì nghe tiếng cú kêu. Bấm đốt ngón tay thì thấy đó là ngày mẹ tôi giã từ cuộc đời. Cái chết của mẹ tôi có thể làm cho tôi đau khổ rất lâu nếu chúng tôi không có một sự sống là đứa con đang sắp sửa ra đời. Vừa mất mẹ thì có con ngay. Nỗi buồn đang nằm đó được niềm vui bước tới che đi. Đời tôi quả là may mắn vì gặp được những sự bù đắp không ngừng. Ngày tôi lấy vợ, cách đây hơn một năm, tôi chỉ mong sao mẹ tôi biết được tin mừng nhưng tôi không có cách nào để đưa tin cho mẹ được.

Nay ông bố vợ về Hà Nội và gặp mẹ tôi trước khi mẹ tôi mất. Mẹ tôi đã biết tin tôi lấy vợ. Mẹ tôi nói : *Nó lấy được con gái ông bà là tốt lắm đấy...* Trong kháng chiến có biết bao nhiêu gia đình bất tin nhau, cha mẹ chết đi, vài ba năm sau con cháu mới biết. Con cái thành vợ thành chồng, có cháu đầu lòng mà có khi cha mẹ không biết. Tôi tự an ủi là mình có phúc. Bố vợ còn đem ra cho tôi thêm một niềm an ủi khác nữa : một số bài hát kháng chiến của tôi được ấn hành ở trong thành. Một nhà xuất bản trao tiền tác giả cho mẹ tôi. Tôi coi đó là một sự báo hiếu của tôi, rất nhỏ nhoi nhưng rất cần thiết.

Mừng hơn nữa là bố vợ cũng mang ra cho tôi một số tiền tác giả của một nhà xuất bản khác. Tôi có đủ tiền để chi phí cho việc hộ sinh và việc nuôi đứa con đầu lòng nay mai, khỏi cần phải vay mượn hay nhờ vả chính quyền. Và tới mãi bây giờ mới có thể sắm một cái nhẫn cưới cho vợ.

Mùa Đông năm 1950, vợ tôi đẻ. Nhà hộ sinh ở ngay bên kia bờ sông máng. Người đỡ đẻ là bà đỡ Ninh, từ Hà Nội tản cư ra đây, mang theo đầy đủ đồ nghề. Từ Việt Bắc, vợ tôi mang được cái bụng chửa về tới Chợ Neo để đẻ, đó là phúc bấy mươi đời cho gia đình tôi vậy. Vì sao ? Vì đẻ con so cho nên đẻ khó, phải có hai người dùng *forcep* mới gấp được đứa bé ra. Nếu đẻ ở dọc đường thì làm gì có bà đỡ Ninh và dụng cụ đỡ đẻ như bây giờ ? Đứa bé không ra khỏi bụng mẹ được sẽ bị nghẹt thở, chết cả con lẫn mẹ. Và chắc gì tôi có thể sống nổi nếu chuyện đó xảy ra ? Đứa bé ra đời nặng 3 ký, được đặt tên là Quảng. Trong cái tên của vợ tôi, Phạm Thị Quang Thái, có chữ đệm là "Quang". Ông bố vợ đề nghị nên lấy tên đệm của mẹ mà đặt tên cho con. Nhưng một trong các vị tổ tiên của tôi đã mang cái tên là Quang rồi. Cần phải kiêng tên, chúng tôi bèn cho thêm dấu hỏi vào tên đứa bé. Nhưng khi di cư vào miền Nam, phải làm lại giấy khai sinh cho đứa bé thì không hiểu tại sao cái dấu hỏi đó lại bị mất đi ?

Tôi và Thái Hằng không còn là nhân viên của đoàn văn nghệ quân đội nữa. Phạm Đình Viêm, Phạm Đình Chương, Bằng Thanh (tức Thái Thanh) tuy vẫn còn là nghệ sĩ ở trong quân đội nhưng không phải đi công tác luôn luôn như ngày trước. Họ ở nhà nhiều hơn là ở trong cơ quan. Cũng như bất cứ một người cha nào, tôi vui thú với đứa con trai đầu lòng, ngày đêm ôm ấp nó. Cả gia đình cũng đều vui vì đây là lần đầu tiên có trẻ thơ ở trong nhà. Mọi người tranh nhau bế thằng nhỏ. Đứa bé vừa ra

chào đời là nhận được đầy đủ mọi thứ tình yêu đến từ ông bà, cha mẹ, bác, cậu và gì... Trong khi đất nước vẫn còn trong thời kỳ chiến tranh, biết bao nhiêu gia đình bị lâm vào cảnh ly tán, được sống như chúng tôi vào những ngày tháng này cũng là điều may mắn. Nghĩ như vậy cũng là để luôn luôn tự an ủi trong thời gian có sự dằn vặt trong lòng.

Trong một năm vừa qua, vì quá bận bịu trong hai chuyến đi đi về về giữa Việt Bắc và Thanh Hoá, tôi không có một tí ti sáng tác nào cả. Vả lại, tôi cũng không gặp một đề tài hay ho nào, chỉ gặp toàn những chuyện chính trị thuần túy mà tôi không thích.

Tình hình chiến tranh sôi sục hơn trước. Pháp mở nhiều chiến dịch ở vùng trung du. Nhưng dù có gửi danh tướng De Tassigny qua Đông Dương để đưa ra những chiến lược, chiến thuật mới thì Pháp cũng không thể chuyển bại thành thắng được.

Bây giờ đang có một phong trào lớn là dân công, một chế độ lao công bắt buộc mà toàn thể dân chúng phải theo. Những chiến dịch lớn đòi hỏi sự tiếp tế thường xuyên về vũ khí cũng như về lương thực. Một mặt, tất cả đường xá ở trong nước đã bị phá hủy, mặt khác Việt Minh không có những đoàn xe vận tải, bây giờ phải dùng tới nhân lực. Ngoài những người làm việc ở trong các cơ quan, chính phủ ra lệnh xung công tất cả nhân dân để làm công việc chuyên chở lương thực và vũ khí này. Ai cũng phải làm nhiệm vụ dân công hết, chỉ trừ người già và em bé.

Lúc đó vợ chồng tôi là phó thường dân, không còn làm việc cho bất cứ một cơ quan công quyền nào cả, trên nguyên tắc chúng tôi phải đi dân công. Nhưng chúng tôi xin được đóng tiền để cho ban dân công địa phương thuê người khác đi thay thế. Đó là chuyện hợp pháp chứ không phải tham nhũng, hối lộ gì đâu. Đi dân công như vậy, mỗi người dân phải chuyên chở 15 ký gạo, mỗi đêm đi từ 15 tới 30 cây số. Hoặc là gánh gồng, hoặc là thồ bằng xe đạp. Có những vùng, các đoàn dân công đi ban ngày. Có những vùng, để tránh nạn máy bay tới bắn phá, ban ngày nằm nghỉ, tối đến là đoàn dân công riu rít lên đường. Hàng vạn dân công ra đi, cứ cách 5 hay 10 người lại có một người cầm đèn để soi đường, ở xa trông như một con rồng vĩ đại đang uốn khúc.

Ngồi bé con ở trong Quán Thăng Long, tôi thấy hàng ngàn, hàng vạn dân công kịt kịt gánh thóc đi qua. Dù lúc này tôi không còn là một cán bộ văn nghệ nữa và dù cả đại gia đình này đang trong tình trạng thiếu hụt gạo ăn, nhưng trước cảnh hi sinh vô cùng lớn lao của người dân quê Việt Nam, tôi cũng có đủ cảm hứng để hát lên cảnh say thóc, giã gạo, gánh lúa nuôi dân... qua một bài dân ca mới có nhịp điệu rất vui, mang tên **Gánh Lúa** :

*Mênh mông mênh mông sóng lúa mênh mông
Lúc trời mà rạng đông ư rạng đông.
Bóng người thấp thoáng cuối đường thanh vắng
Bước đều mà quang gánh ư nặng vai...*

*.....
Đêm qua trăng mờ sáng khắp thôn quê
Hỡi chàng mà chàng ơi, chàng ơi.
Có nàng gánh lúa quuyền tròn thương nhớ
Thương chàng mà dãi nắng dầm mưa.
Đêm qua trăng mờ thức suốt canh khuya
Hỡi chàng mà chàng ơi, chàng ơi.*

*Sớm ngày mai tới, thóc vàng cơm mới
Đi nuôi dân gánh một thành hai.*

*.....
Gánh gánh gánh, gánh thóc về
Gánh gánh gánh, gánh thóc về
Gánh thóc về. Gánh thóc về.
Gánh về. Gánh về
Gánh về. Gánh về...*

Đầu óc đang bị trôi vào ưu tư phiền muộn nhưng trong lòng thì lại phơi phơi hân hoan vì thấy mình vẫn tìm ra cái đẹp trong kháng chiến và vẫn có thể hát cái đẹp đó lên được. Tôi lại muốn tung cánh ra đi. Nhưng vào thời điểm cuối Đông Xuân 1950-51 và tại địa điểm Chợ Neo này, tôi không còn là một người hoàn toàn tự do như trước nữa. Con chuồn chuồn rụng mất đôi cánh rồi. Nó đâu còn có thể : *khi vui nó đậu khi buồn nó bay* được nữa ? Tôi vừa có một gia đình nhỏ nhưng lại có thêm một bốn phận lớn. Lúc còn ở Việt Bắc, vào giây phút của sự thực, với quyết định ưu ái của cái mà anh Nguyễn Xuân Khoát gọi là Đoàn Thể, tôi cũng đã cân nhắc rất kỹ lưỡng khi thấy mình đứng giữa hai trách nhiệm. Trách nhiệm nào cũng xứng đáng để mình ôm chặt lấy...

-- Trách nhiệm đối với dân tộc ư ?

Tôi tự thấy không cần phải gia nhập một đảng phái nào dù đó là một đảng đang nắm chính quyền, không cần phải đi ngoại quốc, không cần được tuyên dương công trạng mà tôi vẫn có thể làm việc cho quê hương, dân tộc. Lúc nào, ở đâu và trong mọi trạng huống, tôi vẫn có thể soạn ra những bài hát tỏ tình với người dân hay viết ra những bài hát xưng tụng quê hương, đất nước.

-- Trách nhiệm đối với vợ con à ?

Tôi đã có dịp cho thấy tôi không coi chuyện chính trị hơn vợ con. Tôi đã từ chối không đi ngoại quốc để ở lại với người vợ đang có thai, rồi cũng từ chối luôn một địa vị nào đó ở Trung Ương để đưa vợ về Chợ Neo sinh con để cái, mẹ tròn con vuông. Cũng như đối với mọi người trên thế gian này, trách nhiệm đó chỉ chấm dứt khi tôi chết. Tôi đã từng quan niệm sự tự do của con người quan trọng như sự tự do của đất nước. Bây giờ, tôi có thêm quan niệm về trách nhiệm đối với gia đình và quốc gia : Trách nhiệm ngang nhau. Giản dị là như vậy.

Đã nói qua tới những vấn đề rất lý tưởng, xin quay về với chuyện la đà trên mặt đất là cuộc sống hằng ngày. Tôi không còn làm việc với bất cứ một cơ quan nào nữa rồi, có nghĩa là tôi ngồi chơi soi nước trong gần một năm. Tướng Nguyễn Sơn ra đi là tôi trở thành một người bị bỏ quên ở Chợ Neo. Vị Tư Lệnh hiện nay ở Liên Khu IV này là Hoàng Minh Thảo và oey viên chính trị Trần Văn Quang không phải là những người biết dùng văn nghệ sĩ. Ông Đặng Thái Mai là người hiểu biết thì ông không có được sự cởi mở dễ dàng như Nguyễn Sơn để thu hút văn nghệ sĩ. Tất cả như đã bỏ rơi tôi. Hoặc chờ tôi tới với họ. Khốn nỗi tôi thuộc vào hạng quân tử Tàu nên không bao giờ tôi xin ân huệ ở ai hết. Có thể nước Việt Nam kháng chiến vào lúc này không còn là của toàn dân như trong những khẩu hiệu nữa, mà vào nằm gọn trong tay của một tổ chức, của một nhóm người rồi. Cũng cần phải nói ngay ra ở đây là tôi không có gì là phiền hà vì điều đó cả, bởi chưng trên quả địa cầu bé nhỏ này, có nước nào mà không nằm trong một tổ chức đâu ? Hoặc trong 4 năm, hoặc trong 10 năm, hoặc trong cả 100 năm. Tôi chỉ muốn nói rằng vào lúc tôi từ khước mọi ràng buộc với tổ chức để sống với gia đình thì tôi cảm thấy có sự lạnh nhạt của tổ chức đó trong lối đối xử với tôi. Lại còn có sự phao tin tôi bất mãn vì *không được đi ngoại*

quốc (!) và Nguyễn Đình Thi đã được chọn để nhân danh Hội Nhạc Sĩ đi dự Hội Nghị Thanh Niên ở Berlin. Lúc tôi còn ở Yên Giã ai cũng tin rằng tôi là người có đủ tư cách để đi dự hội nghị này. Thực ra thì tôi đâu có màng tới chuyện đó ? Cho tôi đi Moscou mà tôi còn không ham, huống gì Berlin ?

Vào đầu mùa Hạ năm 1951 này, đời tôi đã rẽ qua một nẻo khác rồi. Trước đây, sống một thân một mình, tôi chẳng bao giờ quan tâm tới tiền nong hay lương lậu, hũ gạo hay lọ nước mắm. Cũng như mọi người độc thân khác, tôi chỉ sống với một cái ba lô ở trên lưng. Nay thì khác, không phải là hai cái ba lô ở trên lưng mà là hai mạng sống. Kể từ ngày tôi bỏ nhà ra đi, tự lập thân, đổ mồ hôi ra để sinh sống, lúc nào tôi cũng rất phong lưu dù đời sống của tôi chỉ là của một cậu giáo viên, một anh nông dân hay một chú công nhân tối tăm và vô danh. Đến khi tôi trở thành ca sĩ hát rong và nổi danh ở tiền trường thì tôi phong lưu hơn nhiều. Bây giờ thì sao ? Chẳng gì mình cũng là người đã có thành tích công tác -- tuy thành tích cũng chẳng có gì là ghê gớm cả -- nhưng đáng lẽ ra tôi không nên bị lâm vào cảnh khó khăn như thế này.

Bước vào tuổi 30, tôi vẫn chưa mất đi cái tính bất cần đời của thời niên thiếu. Kháng chiến còn giúp tôi hiên ngang hơn trước là đảng khác. Do đó, ở vào cái tuổi tam thập nhi lập này, trong khi đại đa số các bạn bè của tôi, vì hoàn cảnh riêng của từng người, có thể họ không dám phản ứng mạnh trước những trói buộc của tình thế thì trái lại, tôi không bao giờ chịu thua hoàn cảnh cả. Tôi đã có đủ nghị lực để từ chối những ân huệ thì tôi cũng có đủ can đảm để tung hê, để quăng đi những hư danh hay hư lợi nào đó. Không có gì trói buộc được tôi, dù là ân sủng, dù là lạnh nhạt, dù là tình yêu hay hận thù. Tôi là một nghệ sĩ. Tôi yêu chuộng tự do. Tôi đòi hỏi một sự đối ngộ xứng đáng đối với một nghệ sĩ độc lập.

Sống với một tâm trạng có phảng phất hoài nghi và buồn bã, nhưng cũng với quá nhiều mệt mỏi vì đời sống vật chất hằng ngày, đã có những lúc tôi cần phải siêu hoá đời mình. Tôi ngồi soạn lời ca tiếng Việt cho rất nhiều bài nhạc cổ điển trong đó có bài **Rêverie** của Schumann mà tôi rất thích. Khi soạn lời Việt cho bài này, tôi tưởng tượng nhạc sĩ người Đức kia đã nhìn những chòm sao để mà mơ mộng. Tôi bèn chơi chữ : vòm sao - vì sao - dù sao - mà sao :

*Chiều rơi từ nơi nào xa vắng cũ
Bóng đêm về đó, trời sâu tưởng nhớ
Và lòng nặng mong chờ.
Ngồi im nhìn lên vườn sao lấp ló
Có muôn ngàn sao lững lờ
Có ai run trong xa mờ.*

*.....
Vì sao lìa nhau để theo kiếp số ?
Cách xa nhiều quá
Nhờ đêm chiếu cho thêm mịt mù.
Dù sao người trên trời cao vẫn nhớ
Biết duyên bạc số
Mà sao vẫn chưa quên tình hờ ?
Đột nhiên hạt sao rụng như cánh lá
Thấy tình cầu ngã
Tưởng là người cũ, là người của mong chờ.
Tình ta hoà theo vệt sao bờ ngõ*

*Tới nơi mơ hồ có một trời hoa
Suốt một đời mơ ước thành tình ta...*

Siêu hoá bằng cách nhìn lên trời sao để soạn lời cho bài hát Mơ Mòng... Từ đó, tôi liên tưởng tới ngôi sao trên lá cờ Việt Minh. Tháng sau là tháng 5 và sắp tới cái ngày được coi là sinh nhật của ông Hồ. Để nhớ lại những huyền thoại khi tôi nghĩ về những người như ông lúc tôi còn thơ ấu, nhớ lại những rung động lúc tôi gặp ông một lần ở Hà Nội và một lần ở Việt Bắc -- nhớ lại một lần cuối cùng chẳng ? -- tôi soạn ra một bài hát nhan đề **Ánh Sáng Hồ Chí Minh** :

*Ngày mười chín tháng năm, sáng bừng bừng
Trời Việt... (quên)
Ánh Sáng Hồ Chí Minh
Đôi mắt người dìu dắt dân mình.
Ánh sáng bừng khắp nơi...*

Tôi định hát bài này vào ngày 19 tháng 5 nhưng tôi và cả đại gia đình dinh tề vào ngày mừng 1 tháng 5 năm mất rồi.

Thời gian cứ trôi dần. Số tiền tác quyền mà bố vợ đem từ Hà Nội ra cho tôi nay đã gần cạn. Quán Thăng Long đã êm đềm đóng cửa vì vắng khách hoàn toàn. Cũng như tiểu gia đình của tôi, đại gia đình của bố mẹ vợ tôi cũng ăn gần hết số tiền ông Thăng Long vay được ở những bạn bè trong thành phố. Từ một nơi nào đó ở Việt Bắc, hai vợ chồng Phạm Đình Sỹ, Kiều Hạnh cùng với hai con gái là Mai Hương, Bạch Tuyết và một con trai tên là Lan Sơn cũng đã lặn lội về tới Chợ Neó. Phạm Đình Sỹ là con trai thứ hai của bố vợ tôi, trước đây là một công chức của Sở Quan Thuế Đà Nẵng, ra với kháng chiến thì phục vụ tại một cơ quan nào đó ở Việt Bắc. Chị Kiều Hạnh lúc còn ở Hà Nội là một nữ diễn viên luyện của ngành Kịch Nói trong đoàn kịch Hoa Lan. Khi chị chạy ra với kháng chiến, có lần chị đã định gia nhập Đoàn Văn Nghệ Giải Phóng của Phạm Văn Đôn, nhưng chị không nỡ bỏ chồng con ở một chỗ để đi công tác xa. Sống ở Việt Bắc, với số lương không đủ ăn của anh Sỹ, chị Kiều Hạnh phải làm thêm cái nghề bán quà vặt như bánh chưng, xôi, mía, khoai lang, sắn luộc... cho nhân viên của cơ quan. Ca sĩ Mai Hương lúc đó mới có 9 tuổi mà phải vào rừng, dù trời mưa hay nắng, để hái lá rong cho mẹ gói bánh. Anh chị Sỹ cũng ở trong tình cảnh của đại đa số các gia đình thị dân khác, sau 5 năm rời bỏ Hà Nội để đi theo kháng chiến, bây giờ gia đình này đã kiệt quệ về kinh tế rồi. Và khi bố vợ tôi nhắn tin thì gia đình này bỏ về Thanh Hoá.

Đại gia đình gồm gia đình bố, mẹ, anh em nhà vợ, gia đình anh chị Sỹ và gia đình tôi bây giờ ngồi nói chuyện với nhau thì tất cả mọi người chỉ còn có một ý nghĩ : DINH TỀ. Ý nghĩ buồn rầu đó đã xâm nhập tâm hồn tôi. Tôi đã soạn ra một bài hát kể chuyện một nàng tiên nữ có cái tên là Giáng Hương bị Trời đẩy xuống trần gian. Bài hát nhan đề **Cành Hoa Trắng** :

*Trời đẩy cô tiên nữ
Xuống đầu thai thành hoa
Giữa đêm mờ, hoa nở ngát hương.
Người về trong đêm tối
Ôm cành hoa tả tơi
Bóng in dài gác đời lẻ loi...*

Chúng tôi có khoảng một tháng trời để nhìn thấy chung quanh mình có khá nhiều gia đình đã "dinh tề". Gặp được những gia đình bạn như gia đình Nguyễn Giao (bố vợ Hoàng Thi Thơ), gia đình Đỗ Xuân Hợp, gia đình Đoàn Châu Mậu... là có ngay những vụ bàn bạc về việc RENTRER : vào thành ? hay RESTER : ở lại ?

Ở lại --"rét tê" -- thì không còn tiền để mua gạo mà ăn. Chưa dám nói tới thịt, cá đâu. Nhất là không có tiền mua thuốc men để chống đỡ với các Thần Bệnh Tật. Riêng hoàn cảnh của gia đình tôi thì y hệt hoàn cảnh của người vợ lính trong bài thơ của Hoàng Cầm. Quán Thăng Long ế khách quá nên đóng cửa từ lâu, làm gì còn có dăm ba bát phở thừa để cho Thái Hằng ăn hằng ngày nữa. Thiếu sữa cho đứa bé ăn là cái chắc. Chẳng lẽ lại nuôi một con dê sữa như bà Đào Duy Kỳ ở Việt Bắc ? Tôi nhìn lũ con của anh chị Sỹ là Mai Hương, Bạch Tuyết, thấy cháu nào cũng thiếu dinh dưỡng -- nhất là cháu Sơn sinh ra ở Lạng Sơn -- cháu nào cũng xanh xao gầy gò không thua gì cậu em vợ của tôi cả.

Vào thành -- "rinh tê" -- thì tiếc công đóng góp vào kháng chiến của mình. Cũng cần phải nói ngay rằng nếu trong lòng tôi lúc đó có một sự hoài nghi nào đối với lối cư xử của một tổ chức đang nắm vận mệnh của toàn dân thì tôi lại không có một chút hoài nghi nào về sự thắng lợi của kháng chiến cả. Sớm muộn thì Pháp cũng sẽ phải thua trong trận chiến này. Những người như tôi cũng có ích lợi cho một giai đoạn của cuộc kháng chiến rồi đấy. Đó là giai đoạn của Mặt Trận Việt Minh-- trên danh nghĩa -- bao gồm đủ mọi thành phần đảng phái. Nhưng bây giờ bộ mặt chính trị của Việt Minh đã đổi khác. Đảng Lao Động đã xuất hiện. Giai đoạn phản đế đã xong. Giai đoạn phản phong đã khởi sự. Bàn tay sắt đã giơ ra. Không một ai có thể đứng ngoài tổ chức được nữa. Tôi là một trường hợp muốn vượt ra ngoài tổ chức. Tôi bị bỏ quên là phải. Tôi không làm gì được cho kháng chiến nữa rồi, nhưng kháng chiến nhất định sẽ thành công. Kháng Chiến Nhất Định Thành Công không phải vì ông Hồ đã bảo như vậy, cơ quan tuyên truyền đã làm thành khẩu hiệu như vậy. Kháng chiến phải thành công vì Quân Đội của Việt Minh đã lớn mạnh, hậu phương của Việt Minh bây giờ không phải chỉ là vùng quê Việt Nam mà thôi, nó còn là cái nước khổng lồ Trung Cộng kia nữa, đa số dân chúng vẫn còn ủng hộ cuộc kháng chiến. Một số dân chúng bất mãn hay bị kiệt quệ về kinh tế mà phải bỏ kháng chiến về thành thì kháng chiến vẫn cứ nhất định thành công cho mà coi.

Bàn tán về việc dinh tề, chúng tôi có thêm nỗi sợ cả hai bên Công An Việt Minh và quân đội Pháp.

-- *Làm sao để đi thoát Công An Việt Minh ?*

Tôi bàn :

-- *Chia nhau ra mà đi, đừng đi chung cả ba gia đình.*

-- *Tới vùng Pháp chiếm thì có bị Pháp giết như người ta đồn hay không ? Ai sẽ đảm bảo cho mình khi mình tới vùng "địch" ?*

Bố vợ bảo :

-- *Đừng lo, miễn là về được tới Phát Diệm. Đã có anh Chung (Phạm Đình Chung, người con cả) đang làm việc trong Bảo An Đoàn ở Hà Nội đảm bảo cho mình.*

Trong thời gian này, có một người biết tôi sẽ dinh tề. Đó là Nguyễn Đức Quỳnh. Một đêm, từ làng Quần Tín không xa Chợ Neo là mấy, anh đi bộ qua nhà tôi chơi. Hai anh em kéo nhau ra bờ đê sông máng, đứng nhìn về phía xa, thấy có một khoảng chân trời sáng hơn chỗ khác. Đó là một thành phố nào đó, có những đèn đường đêm đang phản ánh sáng lên trời, khiến cho dân thành phố như tôi và anh Quỳnh bỗng thấy nổi lên trong lòng một sự nhớ thương hề phố mà người Pháp đã gọi là **la nostalgie du pavé**. Tuy không nói ra, nhưng chúng tôi đã hẹn thầm là sẽ gặp nhau ở Hà Nội.

Chương Ba Mười Lăm

Mùng 1 tháng 5 năm 1951, đại gia đình họ Phạm chia ra ba nhóm để dinh tề. Chúng tôi chọn ngày Lễ Lao Động để ra đi, tin rằng Công An hay cán bộ trong chính quyền ở nơi này cũng như ở những nơi khác đều lơ là trong việc canh gác, vì họ rất bận bịu trong công việc tổ chức ngày lễ quan trọng của họ. Ba người đàn ông là tôi và Phạm Đình Viêm, Phạm Đình Chương đi một đàng. Đàn bà, con gái, ông già, trẻ con là ông bà Thăng Long, Thái Hằng, Bằng Thanh và bé Quang đi một nẻo khác. Đưa bé được bỏ vào trong một cái thúng để gánh đi. Gia Đình Phạm Đình Sĩ, Kiều Hạnh đi riêng một nẻo khác. Đúng như dự đoán của chúng tôi, cuộc ra đi của ba toán đã chẳng gặp một trở lực nào cả.

Tôi, Phạm Đình Viêm và Phạm Đình Chương đã đi qua Đò Lèn để tới vùng Phát Diệm. Chỉ mất một ngày đường là tới vùng tề. Cảnh đồng quê vẫn êm đềm, óng ả như tự bao giờ, chẳng cần biết đến chuyển đi vô cùng quan trọng của chúng tôi. Vừa đi tôi vừa mở rộng đôi mắt, vừa lóng đôi tai để thu vào tâm trí hình ảnh và âm thanh của một miền đất nước mà không bao giờ -- phải, không bao giờ -- tôi còn nhìn, còn nghe thấy nữa. Tôi thở mạnh, không biết có phải tôi đang thở dài hay tôi đang cố hít một lần cuối cùng cái không khí *đồng quê bát ngát* nằm trong một bài hát của tôi đây ?

Còn khoảng vài cây số nữa là sẽ tới cái đồn đầu tiên của vùng bên kia chiến tuyến. Chúng tôi gặp một cái quán nhỏ và vào quán để nghỉ ngơi. Lần đầu tiên, sau 5 năm đi kháng chiến, bây giờ chúng tôi mới nhìn thấy những chai rượu bia. Dù tôi không uống rượu bao giờ, cùng với hai anh em vợ, tôi cũng gọi mua một chai bia và một bát phở. Đã từng thiếu chất ngọt trong người từ lâu, cả ba chúng tôi pha đường vào bia để uống. Không ngờ bị say rượu, đỏ mặt tía tai lên. Đó là một kinh nghiệm đầu tiên trong cuộc đời này. Ăn uống xong, chúng tôi hỏi hợp ra đi trên con đường đưa chúng tôi tới thị xã Phát Diệm.

Khi tôi cùng với hai anh em vợ tới một con sông nhỏ thì nhìn thấy một cái đồn ở bên kia sông. Đột nhiên tôi thấy lá cờ tam tài cắm trên nóc đồn. Tôi bảo hai người anh em vợ hãy cùng tôi đứng lại ở bên này chiếc cầu. Ngược mắt nhìn lá cờ Pháp, tôi không làm sao ngăn được hai dòng nước mắt đang từ từ chảy trên đôi má...

... Nước mắt tiếc thương cho những năm đem hết tâm trí ra để cống hiến cho Cách Mạng và Kháng Chiến... Trong đó có giọt nước mắt rơi khi tưởng rằng gặp được tình yêu nước qua hình ảnh một lãnh tụ, trộn vào nước mắt vui trên chuyến xe lửa *xuất quân*... nước mắt rơm rớm khi nhìn thấy xác bạn đồng đội trong chiến khu Đất Đỏ... nước mắt cảm động khi nghe bà mẹ quê hát bài dân ca của mình mà ngỡ rằng đó là một bài hát cổ truyền... nước mắt ào ào vì chuyện bi hùng của một bà mẹ ở huyện Gio Linh... nước mắt chảy vào trong ruột khi được tin mẹ mình đã mất... Và lúc này là nước mắt nhục nhã...

Tôi giặt mình, vội lấy tay lau khô nước mắt khi nghe tiếng quát ở bên kia sông :
-- *Ê, mấy thằng kia. Đi đâu ?*

Nghe thấy tiếng súng lên đạn lóc cóc, chúng tôi vội vàng giơ cao lá cờ trắng đã làm sẵn với chiếc mù-xoa. Rồi chúng tôi bước qua cầu để tới đồn canh. Ở đây lính giữ đồn là lính *commando*, mặc binh phục màu đen. Một Quản Binh Pháp tên là Vandenberghe đã tạo ra những toán lính Việt-Pháp này, ăn mặc và trang bị nhẹ giống như Việt Minh để hoạt động ở những vùng tề. Chúng tôi khai là thường dân đi tản cư ở vùng Việt Minh, nay đã kiệt quệ về kinh tế cho nên muốn trở về với gia đình và khai ra tên người anh ruột của Viêm là Phạm Đình Chung hiện đang phục vụ trong Bảo An Đoàn. Sau khi quay tê-lê-phôn hỏi ai đó không biết, trưởng toán lính *commando* ký giấy cho chúng tôi ra đi.

Chúng tôi vào tới thành phố Phát Diệm thì trời đã về chiều. Rồi đêm tối xập xuống. Chúng tôi đang đi lang thang ở trong đường phố tối om để tìm chỗ ngủ thì gặp một người quen tên là Diễm. Anh Diễm niềm nở cho chúng tôi về tạm trú tại nhà anh. Trong đêm đầu tiên ở một vùng cũng là phần đất quê hương nhưng vẫn còn cảm như xa lạ, tôi thức thâu đêm suốt sáng.

Hôm sau chúng tôi ra Ty Công An Phát Diệm để làm giấy tờ cần thiết. Chụp ảnh, lăn tay và được cấp một cái thẻ tùy thân to như một tấm passeport. Tôi cũng là nhân vật nổi tiếng ở trong vùng thành phố rồi cho nên tôi được đối xử rất là tử tế. Tôi không còn mang mặc cảm đầu hàng nữa khi nhận ra rằng vùng Phát Diệm này là một vùng rất độc lập. Ông Bảo Đại, sau khi từ Hồng Kông về nước với địa vị một Quốc Trưởng, đã giành được ở Pháp những gì mà ông Hồ đòi hỏi. Đã có một Chính Phủ Việt Nam mà Thủ Tướng là Trần Văn Hữu, Thủ Hiến Bắc Việt là Đặng Hữu Chí, nhưng người Công Giáo ở Khu Phát Diệm-Bùi Chu này, dưới sự lãnh đạo của Đức Giám Mục Lê Hữu Từ, vẫn tuyên bố vùng này là vùng tự trị, không thuộc quyền Phủ Thủ Hiến Bắc Việt. Không theo Pháp, không theo Việt Minh, không chịu sự chỉ huy của Phủ Thủ Hiến, họ có quân đội riêng, có tổ chức hành chính riêng. Đó là một thứ mầm mống của chính thể quốc gia sau này. Đặt bước chân đầu tiên vào vùng Bùi Chu-Phát Diệm này, tôi xác định là tôi về với quốc gia, không phải về với Pháp.

Chỉ ở lại Phát Diệm thêm một ngày nữa, rồi chúng tôi đi bộ qua Nam Định để từ đó mua vé máy bay đi Hà Nội. Tiền mua vé máy bay là tiền bán chiếc nhẫn cưới tôi mang theo phòng hờ. Lần đầu tiên ngồi trên máy bay, chúng tôi lại có thêm một kinh nghiệm nữa của cuộc đời. Nhưng khi nhìn qua lỗ kính của máy bay để thấy cảnh đồng quê đang trôi lơ lửng ở dưới kia, tôi cũng không cầm được dòng nước mắt.

Về tới Hà Nội, tôi được tiếp đón rất nồng hậu bởi những bạn bè cũ của tôi, phần nhiều là đảng viên của Đảng Đại Việt, hiện nay đã nắm những chức vụ quan trọng của chính quyền. Ông Thị Trưởng Hà Nội Thẩm Hoàng Tín cũng là người quen biết. Ông có họ hàng với nhạc sĩ Thẩm Oánh. Có cuộc thăm vấn người từ vùng Việt Minh trở về. Tôi cũng được anh bạn phụ trách việc phỏng vấn coi như một nghệ sĩ độc lập không làm chính trị cho nên buổi gặp gỡ đã diễn ra trong không khí thân hữu, nhẹ nhàng và nhanh như chớp nhoáng. Nhờ có hai người bạn là Đặng Trần Vận và Lý "Móm" -- lúc đó đang làm việc trong hai tổ chức của Bộ Thông Tin và Bộ Nội Vụ -- Sở Công An Hà Nội không làm phiền gì tôi nữa sau buổi phỏng vấn lúc ban đầu.

Chỉ sau này, khi tôi vào sinh sống ở Saigon tôi mới bị Công An dưới quyền của Mai Hữu Xuân bắt nhốt vào khám Catinat trong 120 ngày. Bắt nhốt mà không có xét xử

gì cả, với mục đích là dẫn mặt tôi, một người mà họ ngờ là hãy còn dính líu với Việt Minh. Hồ sơ về vụ bắt tôi vào năm 1952 này đã được giải mật sau thời gian ba mươi năm. Tài liệu đó hiện đang nằm trong Thư Viện Quốc Gia Pháp.

Hai ngày sau khi tôi về tới Hà Nội thì 2 toán dinh tề kia cũng đã từ Chợ Neó đi qua Đồn Lèn vào tới Phát Diệm, rồi từ đó đáp tàu thủy, ngược con sông Đáy đi lên Hà Nội. Chúng tôi chia nhau ra tạm trú ở nhà bà con vài ngày rồi sau khi thuê được một cái garage ở phố Hàm Long thì tất cả chúng dọn về đó ở chung với nhau, 8 mạng người trong một gian phòng không đầy 70 thước vuông mà chúng tôi gọi là cái hộp diêm.

Gia Đình Phạm Đình Sĩ tách rời ra khỏi đại gia đình này, đi ở chỗ khác. Người anh Cả Phạm Đình Chung mặc quân phục oai nghiêm tới cái hộp diêm để gặp mọi người trong gia đình và kể cho nghe những chiến dịch trong đó có sự tham dự của Bảo An Đoàn... Hà Nội bây giờ đã có khá nhiều người trở về sau 5 năm đi tản cư. Thành đô rất náo nhiệt vì mang một bộ mặt chiến tranh khẩn cấp. Kịch chiến xảy ra giữa Pháp và Việt Minh ở khắp mặt trung du. Tại Vĩnh Yên, quân chính quy của Việt Minh đã xuất trận nghênh chiến với Quân Đội Pháp dưới quyền chỉ huy mới mẻ và quyết liệt của tướng De Lattre. Tại mặt trận Ninh Bình, con trai độc nhất của De Lattre là trung úy Bernard bị tử thương. Đã có lính của Quân Đội Quốc Gia -- được thành lập từ cuối năm 1950 -- tham dự vào các chiến dịch bên cạnh Quân Đội Pháp. Khi còn ở vùng quê, trong một thời gian dài 5 năm trời, tôi không biết một tí gì về tình hình ở trên thế giới cả.

Về Hà Nội đọc báo thì mới thấy chiến tranh Cao Ly đang đi vào hồi quyết liệt. Sau Hội Nghị ở Yalta là nơi các cường quốc chia nhau những vùng ảnh hưởng, với chiến tranh Cao Ly này, tôi thấy thế giới đã chia ra hai phe rõ rệt. Bất cứ một cuộc nội chiến ở một nước nhỏ nào -- ngay từ bây giờ hay là về sau -- theo tôi cũng chỉ là phản ảnh của cuộc chiến giữa hai phe Tư Bản và Cộng Sản. Tuy đã sống hơn năm năm xa cách và thương nhớ Hà Nội nhưng bây giờ thì tôi không còn một phút rảnh rang nào để sống với thành đô yêu dấu của tôi cả. Ngoài sự lo liệu nơi ăn chốn ở và sự mưu sinh cho cả gia đình bố mẹ vợ lẫn gia đình của mình, tôi còn luôn luôn bị cái dĩ vãng gần gũi ám ảnh. Tâm trạng của tôi lúc đó còn là của một người hoảng hốt, vừa bị mất đi một tình yêu quá lớn và chưa có một mối tình tự quê hương nào tới để thay thế. Mối tình này rồi cũng sẽ tới, nhưng hiện nay còn quá sớm để nói tới nó...

Một cậu em tên là Phạm Viết, người phố Hàng Tre -- mà tôi yêu mến vô ngần kể từ ngày hai anh em còn chia nhau miếng bánh mì chấm dấm ở trường Tiểu Học phố Hàng Thùng -- đang là cán bộ Việt Minh hoạt động ở trong nội thành, bí mật tới gặp tôi ở trên căn gác nhỏ trong ngôi nhà lớn ở đường Carreau ngay khi tôi mới chân ướt chân ráo về tới Hà Nội và đang tạm trú tại nhà người anh rể. Phạm Viết cũng hoảng hốt như tôi. Hai anh em nhìn nhau rất lâu. Rồi chúng tôi mở lời tâm sự với nhau. Phạm Viết không có đủ thẩm quyền để trả lời những câu hỏi hoài nghi của tôi. Rồi cậu em mở cửa ra đi. Không bao giờ tôi gặp lại Phạm Viết thân yêu của tôi nữa.

Cùng với mấy người anh em vợ, chúng tôi đi coi phim chiếu bóng là môn giải trí mà chúng tôi đã thiếu thốn trong nhiều năm qua. Lúc đó có một rạp chiếu bóng mới là rạp Studio, rất khang trang, ở gần rạp Majestic trên đường Hai Bà Trưng chiếu những phim tân tả thực của Ý Đại Lợi trong đó có những tài tử như Vittorio De Sica, Sophia Loren đóng vai chính. Tôi rất thích những chuyện phim như **Kẻ Cắp Xe Đạp** (Le Voleur De Bicyclette) **Lũ Trẻ Đánh Giày** (Siiuca) nói lên thảm trạng của người dân Ý trong Thế Chiến 2. Nhưng ngoài thời gian đi rong chơi hay đi coi phim chiếu

bóng như vậy, chúng tôi không biết phải làm cái gì cả. Gia đình ca nhạc sĩ của chúng tôi ngồi nhìn nhau suốt ngày.

Thế là sau hai tuần sống ở thành đô này, tôi có ngay ý nghĩ là chúng tôi khó có thể sinh sống ở Hà Nội được. Phải đi tìm đất sống. Đi tìm một nơi nào có thể bán được tiếng đàn, tiếng hát của mình. Tôi lập tức đáp máy bay vào Saigon là nơi tôi đã có kinh nghiệm sống, nơi chắc chắn có Đài Phát Thanh, có hãng sản xuất đĩa hát, có gánh hát rong... địa bàn hoạt động của mình là đó.

Gặp lại Saigon, tôi không thấy ở đây có không khí chiến tranh như ở Hà Nội. Trái lại, thành phố có vẻ thanh bình và sầm uất hơn thời tôi đi theo gánh hát Cải Lương và thời tôi hoạt động cách mạng (!). Pháp có ưu thế quân sự hơn Việt Minh ở miền Nam cho nên Saigon rất an ninh dù thỉnh thoảng cũng có một, hai vụ ám sát viên thanh tra mật thám người Pháp hay người công chức cao cấp người Việt. Còn đang trong tâm trạng của một người vừa ở bên kia chiến tuyến trở về và đang lo tìm cách sống, tôi không dám nghĩ tới chuyện rong chơi tại nơi được gọi là Hòn Ngọc Viễn Đông này. Tôi đang chạy đi chạy lại trong thành phố đã được mở rộng hơn trước để tìm việc thì tôi gặp được Hoàng Cao Tăng, chủ sự Phòng Chương Trình của Đài Pháp Á, là người tôi đã quen biết từ trước.

Hoàng Cao Tăng đảm bảo là gia đình chúng tôi sẽ được mời tới hát tại đài phát thanh này với số tiền thù lao đủ cho mỗi người có một đời sống tương đối không khó khăn lắm. Gặp Phạm Xuân Thái và thấy anh bạn này vẫn sống một cách ung dung nhàn nhã và sẵn sàng cho đại gia đình chúng tôi tạm trú tại nhà anh. Rồi khi tôi tới gặp chủ nhân một hãng sản xuất đĩa hát Việt Nam là Lê Văn Tài thì tôi được lĩnh trước một số tiền tác quyền khá lớn. Tân Nhạc ở Saigon lúc này đã có đất sống. Trước kia, các hãng sản xuất đĩa hát chỉ thu thanh cổ nhạc, nay đã khởi sự thu thanh tân nhạc. Với kinh nghiệm đi hát với gánh Đức Huy, tôi thấy rằng nếu vào Nam sinh sống, tôi còn có thể tổ chức cho gia đình đi hát ở mọi nơi, nếu chúng tôi thành lập được một ban hợp ca và phối hợp với một ban kịch nhỏ. Chúng tôi sẽ có thể sống bằng nghề âm nhạc, một nghề rất độc lập, không cần phải dính líu tới chính trị.

Trở ra Hà Nội, tôi đã dùng số tiền lĩnh trước của Lê Văn Tài để mua vé máy bay cho tất cả mọi người đi vào miền Nam. Tính ra thì từ ngày bỏ Chợ Neó, Thanh Hoá để dinh tề vào thành, chúng tôi chỉ ở lại Hà Nội trong đúng có một tháng trời.

Hà Nội ơi...
Nhớ về thành phố thân yêu...
HOÀNG DƯƠNG

Chương Ba Mười Sáu

Thế là sau khi bỏ nhà ra đi từ năm 17 tuổi để làm một cuộc phiêu lưu bất đắc dĩ với mục đích tầm thường là tự nuôi thân, nhưng không ngờ lại có đầy lý thú. Đó là cuộc phiêu lưu vào cuộc sống Việt Nam dưới thời bị trị. Cuộc phiêu lưu dắt tôi đi về các tỉnh nhỏ, dắt tôi tới làng mạc, dắt tôi vào những vui buồn của dân tộc tôi mà nếu tôi chỉ là một bạch diện thư sinh ở Hà Nội thì chẳng bao giờ tôi biết đến.

Rồi vào tuổi 23, cái tuổi muốn đội đá vá trời thì tôi gặp cơ hội trăm năm một thuở là cuộc kháng chiến để tôi có thể làm thêm một cuộc phiêu lưu khác trong 7 năm trời, cuộc phiêu lưu này vĩ đại biết bao, hào hứng biết bao. Cuộc phiêu lưu của riêng mình nằm gọn trong cuộc phiêu lưu của cả nước. Cuộc phiêu lưu của một dân tộc đang thay thịt đổi da, đang xuống đường, lên đường trong tất cả ý nghĩa tuyệt vời của những danh từ đó.

Bây giờ thì với tuổi 30 tròn trĩnh này, tôi đang đứng ở ngưỡng cửa của một cuộc phiêu lưu mới. Lần này và vào lúc khởi đầu của nó, đó là một cuộc phiêu lưu trong nghệ thuật, với sự ra đời của một ban hợp ca đầu tiên của nền Tân Nhạc, có khả năng bồi đắp cho nền nhạc mới này càng ngày càng phong phú, càng vững chắc. Cuộc phiêu lưu mà trong đó, tài hèn của tôi càng ngày càng được tự do phát triển, dần dà cung cấp cho nhạc mục của Tân Nhạc Việt Nam những soạn phẩm phản ánh được phần nào lịch sử của nước tôi trong gần một nửa thế kỷ.

Nhưng mà.... Còn quá sớm để viết về quãng đời 20 năm sinh sống ở miền Nam của tôi, phải không, bạn đọc thân mến ? Bây giờ, tôi xin phép tạm biệt bạn đọc để đi ra sân bay Gia Lâm nhé. Kẻo lỡ chuyến bay vào ngày mừng 9 tháng 6 năm 1951 này, chuyến bay sẽ đưa chúng tôi vào Saigon, vào một quãng đời mới chắc chắn cũng không kém phần vinh nhục của những quãng đời đã qua.

Cho tôi gửi lời chào vĩnh biệt Hà Nội...

HẾT CUỐN HAI



Người về trong đêm tối
Ôm cảnh hoa tả tơi
Bóng in dài gác đời lẻ loi...
CẢNH HOA TRẮNG

Chương Một

Một buổi sáng tháng 6, 1951. Trên chuyến máy bay cất cánh từ Gia Lâm, lời chào tạm biệt Hà Nội chưa kịp tan trong lòng mọi người, gia đình họ Phạm đã tới Saigon vào một trưa hè sáng sủa và mát mẻ. Chúng tôi xuống sân bay Tân Sơn Nhất với một lời chào khác : **Saigon, Chào Em !**

Trong chiếc xe ca chạy bon bon trên đường nhựa rộng rãi, dưới bóng rợp của hàng cây cao lớn, anh em trong gia đình nhà vợ xưa nay chưa biết mùi vị của những đồ thị lớn, bây giờ nhìn Saigon như nhìn một thành phố ngoại quốc. Tôi có quá nhiều kỷ niệm với hòn ngọc Viễn Đông thời đi hát rong nên chỉ bồi hồi nhớ lại những ngày tháng vô tư và những đêm ca hát trong thành phố rộng lớn, sung túc, hoà bình và êm ả. Rồi tại đây, tôi còn có thêm những ngày náo nức, rộn ràng của thời chế độ bảo hộ Pháp được chấm dứt bởi cuộc đảo chính của quân đội Nhật. Ôi những ngày sau đó, những ngày từng bừng và hiên ngang của thời Cách Mạng và Kháng Chiến.

Bây giờ, sau sáu năm xa cách và sau những biến động lớn, Saigon vào năm 1951 mở rộng cánh tay đón tôi trở về. Thành phố có vẻ sung túc hơn trước nhiều. Bằng cuộc chiến tranh tái chiếm Việt Nam, người Pháp đem vào Saigon súng ống của quân đội Viễn Chinh cùng với hàng hoá và tiền bạc (tiền Francs), nhất là với những sản phẩm văn hoá như đĩa hát, phim ảnh, sách báo của châu Âu, châu Mỹ.

Những năm vừa qua, tôi sống liên miên trong một xã hội nông thôn kháng chiến, tuy vĩ đại vô cùng nhưng cũng là khép kín. Đời sống đó rất giản dị và thiếu thốn vì phải sống dưới chế độ kinh tế tự túc (autarcie) của Mặt Trận Việt Minh. Nay vào tới Saigon chúng tôi sẽ được hưởng những tiện nghi -- dù còn nhũn nhặn -- của một xã hội tiêu thụ. Tuy nhiên, dưới bộ mặt hào nhoáng của thành phố này, tôi cũng cảm thấy sự chống Pháp âm ỷ trong lòng dân. Tại miền Nam vào lúc đó -- nhất là ở Saigon -- chưa mấy ai nhìn ra bàn tay thép được bọc nhung của Đảng Cộng Sản đằng sau Mặt Trận Kháng Chiến. Hào quang của chiến đấu vẫn còn chiếu sáng trong lòng mọi người.

Tôi đưa cả gia đình tới ở nhờ người bạn cũ Phạm Xuân Thái. Anh bạn suýt làm mục sư Tin Lành mảnh khảnh và nho nhã của tôi lại có cô vợ bé khác rồi. Người vợ trẻ măng tên Nguyễn Thị Thanh là người tình cũ của Nguyễn Bình, vừa mới vào thành sau khi đã sống những ngày sóng gió nơi bưng biền có quá nhiều cuộc tranh chấp giữa Khu Trướng Khu 7 và vài ba thủ lĩnh của các tổ chức Hoà Hảo, Bình Xuyên. Đã tưởng quên được chuyện kháng chiến, nay qua Nguyễn Thị Thanh tôi được biết chuyện đảng tranh đổ máu ở Nam Bộ. Chỉ vài tháng sau, chúng tôi buồn rầu nghe tin Nguyễn Bình bị bắn chết ở dãy Trường Sơn trên đường ra Bắc.

Ở chung với Phạm Xuân Thái trong ít ngày rồi chúng tôi dọn nhà bằng xe thổ mộ vào Thị Nghè. Đó là một căn phố nhỏ ở ngay cạnh chợ, chỉ có hai phòng nhỏ mà chứa đủ tám người lớn và một con nít. Sau những năm chịu gian khổ của tản cư và kháng chiến, gia đình Bắc Kỳ di cư này sống những ngày ổn định đầu tiên nơi cận đô êm ả. Chiều chiều vợ chồng tôi đẩy xe con nít đưa bé Quang đi dạo chơi trong Sở Thú. Để sinh sống trong cuộc đời đã đổi mới, chúng tôi tới hát tại Đài phát thanh Pháp-Á (RADIO FRANCE ASIE), phòng thu thanh đặt ở Boulevard de La Somme (đường Hàm Nghi) gần chợ Bến Thành. Mấy anh em họ Phạm thành lập một ban hợp ca lấy tên là ban THẮNG LONG (tên này đã được dùng làm bằng hiệu cho quán phở gia đình ở Chợ Đại, Chợ Neo trước đây). Rồi cũng trong tâm trạng lưu luyến dĩ vãng rất gần, Phạm Đình Viêm lấy tên là Hoài Trung (nhớ Khu 4 chẳng?), Phạm Đình Chương lấy tên là Hoài Bắc (1). Cô em út trong gia đình, Băng Thanh đổi tên là Thái Thanh để đi đôi với tên chị Thái Hằng.

Hát tại Đài Pháp-Á, chúng tôi thành công ngay. So với các ca sĩ hay các ban nhạc khác, lối hát nhiều bè của chúng tôi có vẻ hấp dẫn hơn. Chúng tôi còn có một nhạc mục phong phú hơn những người cùng nghề. Những bài hát như **Về Đồng Quê**, **Về Miền Trung** v. v... phản ánh thời đại một cách sắc nét. Dân chúng vẫn có cảm tình với kháng chiến nên chúng tôi càng được hoan nghênh khi hát những bài đó. Lẽ dĩ nhiên, vì người Pháp còn đang chiếm đóng Saigon, lời ca phải sửa đổi ít nhiều. Sau này, những bài đó được in ra và hát lên với lời ca của nguyên bản.

Giám Đốc Đài Pháp-Á là Jean Varnoux, người Pháp trí thức đầu hói, đối xử rất lịch sự với một cựu Việt Minh là tôi. Đó là nhờ anh bạn Hoàng Cao Tăng, chủ sự chương trình, tuy làm việc cho Pháp nhưng vẫn quý trọng những người đi kháng chiến, luôn luôn đề cao tôi với Varnoux. Anh Tăng hơn tôi 10 tuổi, tuy đã có hai vợ mà vẫn còn làm đóm. Anh đúng là thứ công tử bột Hà Nội còn sót lại, quần áo bảnh bao, tóc dài như tóc triết gia (dân Hà thành gọi là kiểu tóc philosophe-triết gia) luôn luôn chải mượt, mặt không đánh phấn nhưng trước khi đi ngủ, anh bôi kem để giữ cho da dẻ được tốt tươi.

Đài Pháp-Á là cơ quan thông tin tuyên truyền của Pháp nhưng không bao giờ tôi bị ép buộc phải lên tiếng về chính trị. Tôi không hề phải đề cao những con bài quốc gia mà Pháp đang đưa ra lúc đó hay chửi bới Việt Minh một cách hạ cấp. Khi mới thành lập năm 1946, Đài Pháp-Á chưa có nhiều ca nhạc sĩ cộng tác. Chỉ mới có ban nhạc Trần Văn Lý với vài ca sĩ như Thu Hồ, Mạnh Phát, Minh Diệu, Thu Thu... Đài thiếu ca sĩ đến nỗi có một hôm, tới giờ phát thanh, Trần Văn Lý phải nhờ cô thông dịch viên Ngọc Trâm vào studio hát, rồi cô trở thành ca sĩ thực thụ và đổi tên là Minh Trang. Dần dần, số ca sĩ tăng lên, về phía nữ, có thêm Ngọc Hà, người tình của Lê Trực,

tác giả bài **Tiếng Còi Trong Sương Đêm**. Có Ngọc Thanh và chồng là Đức Quỳnh, có thêm Oanh Oanh, Kim Bằng, Ngân Hà... những ngôi sao non chỉ một thời chiếu sáng rồi từ từ khuất bóng. Trong phái nam, ngoài Thu Hồ, Mạnh Phát có thêm Anh Ngọc và người em là Ngọc Long. Có thêm ca sĩ tài tử là sinh viên Tôn Thất Niệm, sau trở thành bác sĩ tổng trưởng và thượng nghị sĩ.

Các nữ ca sĩ lúc trước đều dùng tên đầu là Ngọc (Ngọc Trâm, Ngọc Hà, Ngọc Thanh), bây giờ, để cũng giống như Minh Trang, Minh Diệu, các cô mang tên là Minh Tàn (em Minh Diệu), Minh Nguyệt (vợ Trần Văn Lý), Minh Hoan (vợ Vũ Huyền)... Sau đợt các nữ ca sĩ "Ngọc" và "Minh" này là đợt Mộc Lan, Châu Hà, Linh Sơn, Ánh Tuyết... tất cả đều đóng góp vào việc phát triển mạnh mẽ của Tân Nhạc. Ban Thăng Long với Hoài Trung, Hoài Bắc, Thái Thanh, Thái Hằng lại càng làm cho Tân Nhạc ở Saigon trong đầu thập niên 50 thêm phần rực rỡ.

Đệm đàn cho ban Thăng Long tại Đài Pháp-Á, ngoài Út thối saxo, Nghiêm đánh contrebasse là người Việt, còn có thêm nhạc sĩ người Pháp như Méritan đánh piano, Barthélémy thổi trombone, Niflis (lấy tên Việt là Nghị Lực) kéo violon. Thu Hồ, Lê Thương cũng có những chương trình Tân Nhạc riêng. Trong ban Lê Thương có những nhạc sĩ về sau trở thành nhân vật lớn như Lê Minh Đảo (Tư Lệnh Sư Đoàn 18) đánh đàn banjo và Nguyễn Văn Minh (Tư Lệnh Biệt Khu Thủ Đô) đánh đàn guitare. Thứ Trưởng Kinh Tế sau này của miền Nam Nguyễn Chánh Lý cũng là một nhạc sĩ của ban Thu Hồ.

Với một số ca sĩ và bài bản khá nhiều, Đài Pháp-Á mở ra mục nhạc yêu cầu. Mục này giúp cho Đài đánh giá từng bản nhạc, từng ban nhạc hay từng ca nhạc sĩ và khiến cho Tân Nhạc không chỉ thịnh hành tại Saigon mà còn bung đi khắp nơi trong nước. Bài **Về Miền Trung** là bài được yêu cầu nhiều nhất trong hai năm 1951-52. Bài này phổ thông đến độ mỗi khi xe lửa sắp sửa rời ga Saigon ra Huế thì dân chúng được nghe phát thanh bài **Về Miền Trung** qua các loa lớn. Ông xếp ga Saigon hẳn phải là người rất yêu nhạc.

Ngoài việc giúp cho tiếng tăm của nghệ sĩ đi vào quần chúng rất nhanh và rất xa, đài Pháp-Á còn tổ chức những cuộc tuyển lựa ca sĩ để đào tạo ca sĩ trẻ. Người giật giải nhất trong buổi tuyển lựa đầu đầu tiên là Tùng Lâm. Rồi tới Bích Thủy và thần đồng Quốc Thắng. Các ca sĩ Hùng Cường và Vân Hùng cũng xuất thân từ những buổi tuyển lựa tài tử này. Ca nhạc sĩ cộng tác với Đài Pháp-Á được trả tiền thù lao rất hậu hĩnh : 100 đồng bạc Đông Dương cho mỗi ca sĩ trong mỗi chương trình. Mỗi tuần lễ hát ba lần, vị chi tiền lương cho mỗi người trong một tháng là 1.200 đồng. Đó là món tiền khá lớn vào thời buổi mà giá một bao gạo 100 kilô là 80 đồng.

Cũng như các ban nhạc khác, ban Thăng Long còn có thêm một nguồn lợi tức qua việc thu thanh đĩa hát. Sau Thế Chiến Hai, ngành đĩa hát trên thế giới đã tiến bộ hơn xưa. Ngay từ khi chúng tôi còn ở vùng kháng chiến, tại những nơi bị người Pháp chiếm đóng, họ cho nhập cảng những máy hát dùng loại đĩa microsillon, chạy với tốc độ 33 hay 45 tours một phút, thay thế cho máy hát cũ chạy với loại đĩa 78 tours.

Tân Nhạc ở Saigon lúc này đã có đất sống. Trước kia, các hãng sản xuất đĩa hát chỉ thu thanh cổ nhạc, nay khởi sự thu thanh tân nhạc. Có ba hãng đĩa là LÊ VĂN TÀI (sau đổi tên là VIỆT NAM), ORIA và ASIA tranh nhau mời chúng tôi hát. Việc phổ

biến âm nhạc qua những máy móc tối tân sẽ còn mạnh mẽ hơn nữa với những máy chơi băng (tape recorder) mà quân đội Mỹ đem theo súng đạn vào Việt Nam khoảng giữa thập niên 60 với hai loại băng lớn (reel-to-reel) và băng nhỏ (cassette). Vào năm 1951 này, tôi mua được một máy ghi âm bằng giấy thép, tiền thân của máy chơi băng. Dù vợ khuyên phải hà tiện nhưng tôi không tiếc tiền để thỏa mãn sự tò mò về cái mới lạ trong nghề. Máy wire-recorder do Mỹ mới chế tạo dùng một cuộn giấy thép để ghi lại âm thanh. Mười năm sau, người ta mới sáng chế ra thứ băng nhựa để giữ tiếng.

Khi tôi viết những dòng này thì trên thế giới, qua hình thức compact disc, kỹ thuật thu thanh và nghe nhạc bằng tia laser đã đạt tới mức cao nhất. Âm thanh trong compact disc được nghe bằng ánh sáng cho nên rất trong trẻo vì không còn có những tạp âm gây nên bởi cái kim trên đĩa hát hay bởi sự cọ sát của băng nhạc khi đi qua đầu máy. Đã có may mắn sinh ra trong thời phôi thai của kỹ thuật thu thanh, ghi lại tiếng hát và bài nhạc của mình vào đĩa hát 78 tours và 45 tours, tôi còn có vinh dự là người nhạc sĩ Việt Nam đầu tiên thu thanh tác phẩm vào compact disc tại Hoa Kỳ trong năm 1987.

Quay về với năm 1951, ban Thăng Long được các hãng đĩa trả tiền thù lao rất cao để thu thanh giọng hát. Tôi cũng được mời hát vào đĩa microsillon 45 tours những bài **Buồn Tàn Thu, Gánh Lúa...** và còn giữ được kỷ niệm đó cho tới bây giờ. Tôi cũng được hãng đĩa trả tiền tác giả rất sòng phẳng. Ngoài ra, tôi có thêm tiền tác quyền của các nhà ấn hành bản nhạc như THẾ GIỚI ở Hà Nội, TINH HOA ở Huế, SỐNG CHUNG và Á CHÂU ở Saigon. Lúc đó các học sinh rất thích làm collection những bản nhạc được in ra với khổ to như sách học trò hoặc với khổ nhỏ bằng nửa bàn tay, có tranh vẽ loè loẹt kiểu hoa hòe hoa sói, có thêm ảnh tác giả và ca sĩ trẻ măng, đẹp dễ. Nghề ấn hành bản nhạc càng ngày càng khuếch trương với sự thành lập của cái tôi gọi là **chợ trời âm nhạc**. Các nhà xuất bản AN PHÚ, MINH PHÁT trả tiền tác quyền cho nhạc sĩ rồi ấn hành bản nhạc và bày bán trên quầy đặt tại vỉa hè, không cần cửa hàng to lớn. Tân Nhạc, vào thời này, mang tính chất bình dân, người khó tính gọi là **nhạc vỉa hè, nhạc máy nước**, người thức thời gọi là **nhạc thời trang (!), nhạc thương phẩm**. Sau một thời gian ổn định cuộc sống và phát triển nghề nghiệp (từ đài phát thanh qua hãng đĩa), với kinh nghiệm đi hát với gánh cải lương trước đây, tôi tạo ra lối hát **phụ diễn chiếu bóng**. Có thêm sự cộng tác của Lê Thương, Trần Văn Trạch. Tại vài rạp cinema, trước khi chiếu phim chính, chúng tôi ra mắt khán giả bằng mục **attractions sur scène** với chương trình tạp lục gồm vài tiết mục nho nhỏ như đơn ca, hợp ca, ca hài hước...

Về phần nhạc mục (répertoire) ban THĂNG LONG đã có một sổ bài rất ăn khách do tôi soạn từ trước như **Nương Chiều, Gánh Lúa** hay mới soạn như **Tình Ca, Tình Hoài Hương...** Ngoài ra những bài như **Nhạc Đường Xa** của Phạm Duy Nhuận, **Đội Anh Về** của Văn Chung, **Được Mùa, Tiếng Dân Chài** của Phạm Đình Chương cũng được hát trước màn ảnh. Chúng tôi khai trương lối phụ diễn chiếu bóng này tại rạp Nam Việt đường Chaigneau, Chợ Cũ. Và thành công ngay. Rạp Văn Cầm Chợ Quán, rạp Khải Hoàn và rạp Thanh Bình ở khu Chợ Thái Bình tuần tự mời chúng tôi tới trình diễn. Trước kia, khán giả tới nghe tôi hát **nhạc cải cách** trong gánh ĐỨC HUY-CHARLOT MIÊU phải ngồi chung với những người chỉ thích nghe **Hát Cải Lương**. Bây giờ khán giả hoàn toàn là người thích Tân Nhạc và vì sự thẩm âm của dân có Tây học này Tân Nhạc phải có những bài mang nhạc tính Âu Tây. Tôi vốn chủ trương **dân nhạc** thì từ nay trở đi, loại dân ca của tôi cần được cải tiến.

Từ lối hát **phụ diễn chiếu bóng** thừa thắng xông lên, chúng tôi tổ chức những Đại Nhạc Hội (Théâtre De Variétés) tại rạp Nguyễn Văn Hảo, rạp Aristo. Không còn là hát phụ cho phim chiếu bóng nữa, chương trình ca diễn của chúng tôi phong phú hơn nhiều. Các màn đơn ca, hợp ca hay nhạc cảnh vẫn do ban Thăng Long đảm nhận nhưng chúng tôi mời thêm các ca sĩ mới ra lò tới diễn chung. Tôi còn nhớ Anh Ngọc hát bài **Tình Ca** lần đầu tiên ở rạp Thanh Bình. Những tiết mục khác như hát hài hước thì, ngoài Trần Văn Trạch ra, có thêm Phi Toàn, Xuân Phát. Mục nhảy thiết hài (claquettes - tap dance) đã được công chúng thích từ khi được coi "giáo sư" Phúc trong gánh ĐỨC HUY- CHARLOT MIẾU. Bây giờ chúng tôi có một ban vũ gồm ba anh em Lưu Bình, Lưu Hồng và Mỹ An là những vũ sinh trẻ hơn, đẹp hơn, nhảy múa hấp dẫn hơn vũ sư Phúc (Saigon có thêm một vũ sư thiết hài nữa là Nguyễn Thống). Kịch ngắn do Hoàng Hải (tên thật là Lưu Duyên, anh ruột của sĩ quan Không Quân Lưu Kim Cương), Hoàng Năm và Linh Sơn phụ trách.

Sau thời kỳ thử thách (1935-38) và thành lập (1938-1945), Tân Nhạc đã tới thời kỳ phát triển nhờ các phương tiện như đài phát thanh, nhạc tập, đĩa hát, phụ diễn chiếu bóng, Đại Nhạc Hội... Tân Nhạc thu hút toàn thể thanh niên nam nữ ở các thành phố lớn. Chỉ ít lâu sau, với phương tiện tape và cassette, cùng với vô tuyến truyền hình, Tân Nhạc đi luôn vào nông thôn và được tuổi trẻ, tuổi già mến yêu không thua gì Hát Cải Lương và Vọng Cổ. Đối với ban hợp ca Thăng Long là thành phần vừa mới từ biệt đồng quê khói lửa để vào nơi đô thị sầm uất, đời sống ở Saigon thật quá vui. Hai chị em Thái Thanh, Thái Hằng đã đuổi kịp các **mốt đương thời**, dung nhan trang điểm rất kỹ lưỡng, với bộ tóc được cắt ngắn và uốn quăn, với những áo dài đủ màu, đủ kiểu... khác hẳn với **mốt nâu sồng** của ngày trước. Sự trang điểm còn kỹ càng hơn nữa vì mỗi đêm hai người phải xuất đầu lộ diện dưới ánh đèn chói lói của sân khấu. Nhiều phen tôi lên ruột vì phải ngồi chờ hai nữ ca sĩ này làm công việc tô son điểm phấn quá lâu.

Thái Thanh khởi sự làm mê hoặc lòng người bằng giọng hát hầy còn rất mỏng của cô bé 17 tuổi. Bước vào nghề hát vào tuổi dậy thì, dù chẳng theo học một lớp dạy hát nào, Thái Thanh rất thông minh để không phát âm theo kiểu rung mạnh (giọng lồng ngực) như Minh Đỗ hay kiểu đổ hột (giọng cổ họng) như Ái Liên. Thái Thanh có lối hát rất việt nam, nghĩa là nhấn giọng vào từng chữ, giống như lối hát dân ca, hát Chèo, hát Châu Văn. Giọng cô bé là giọng Thương Huyền được tăng trưởng vì bao trùm hai bát độ, đứng giữa hai giọng soprano và alto, nghĩa là có nhiều khả năng hơn tất cả các ca sĩ đương thời. Những bài như **Tình Ca**, **Tình Hoài Hương** với âm vực rất rộng, lúc đó được tôi soạn ra cốt để cho Thái Thanh hát và chỉ có cô mới hát nổi những nốt rất trầm (nốt Sol dưới) hoặc rất cao (nốt Sol trên) của hai tác phẩm này. Từ đó trở đi, đa số ca khúc của tôi đều dựa vào khả năng của giọng hát Thái Thanh. Cho tới khi tôi có thêm giọng Duy Quang, Julie và Thái Hiền.

Với những hoạt động văn nghệ càng ngày càng mạnh mẽ, chúng tôi thấy Thị Nghè hơi xa với những nơi làm việc. Phạm Xuân Thái nhường luôn cho chúng tôi căn phố anh đang ở tại đường Trần Hưng Đạo, Chợ Quán. Nhà nằm giữa đường đi từ Saigon vào Chợ Lớn, ngày đêm thiên hạ rầm rập đi ra đi vô sông bạc ĐẠI THẾ GIỚI (Grand Monde). Bến xe buýt ngay trước cửa nhà, mới tờ mờ sáng đã có tiếng phanh rít kéo chúng tôi ra khỏi giấc ngủ. Xe cộ chạy ầm ầm từ bốn giờ sáng cho tới hai giờ đêm. Mỗi đêm coi như chỉ có hai tiếng đồng hồ yên tĩnh.

Tôi không có đủ không khí lãng mạn để hằng đêm *ôm cành hoa trắng tã* tôi trở về *gác đời lẻ loi* như trong một bài hát mình vừa soạn ra năm trước. Bị mất ngủ, Thái

Hằng gầy tọp như một cành liễu, còn tôi thì mặt mũi lúc nào cũng xanh xao như tàu lá. Phải mất một thời gian khá lâu, chúng tôi mới quen với những âm vang của thành phố và được ru ngủ bằng tiếng động cơ của đủ mọi loại xe : xe nhà binh, xe buýt, xe hơi (xe ô tô nhà), xe máy dầu (xe bình bịch) hay xe mô-by-lét và xe gắn máy là thứ xe ba bánh chuyên chở khách, chạy bằng mô tơ, với tiếng nổ đinđin tai điếc óc.

(1) Lúc đó tôi cũng định lấy tên là Hoài... Nghi (!)

*Lặng yên ta nói Cuối nghe
Ở trên cung vắng làm chi?...
THĂNG CUỘI -- Lê Thương*

Chương Hai

Vào những năm đầu thập niên 50, khi gia đình tôi kéo nhau vào Saigon, chúng tôi là một trong những nghệ sĩ Tân Nhạc đầu tiên hoàn toàn sống bằng nghề hát. Trước đây, chỉ có những cậu sinh viên, cô nữ sinh hát nhạc cải cách tài tử, hát chơi cho vui, không nhận tiền thù lao gì cả. Bây giờ, tối thiểu đã có một gia đình sống khá giả bằng nghề âm nhạc. Câu châm ngôn của Pháp *la musique ne nourrit pas son homme* được cải chính : âm nhạc nuôi được kẻ làm nhạc, chơi nhạc rồi. Xã hội không còn khinh những kẻ xướng ca vô loài nữa.

Tại thành phố Saigon trong thời hầy còn chinh chiến này, chúng tôi đã hát ra tiền chứ không còn là thứ dễ mền *hát xẩm không tiền nên nghèo xác xơ* như trong bài hát **Thăng Cuội** của Lê Thương. Cũng như một số các ca nhạc sĩ khác, trong túi lúc nào cũng rủng rỉnh đồng tiền, trong nhà băng đã có những trương mục to nhỏ, gia đình chúng tôi đã có xe hơi Citroen, là loại xe hạng khá lúc đó (1). Riêng tôi có thêm xe scooter kiểu Ý lùn tịt để đèo tài tử Nguyễn Long chạy khắp Saigon. Có lần chở bé Quang, bị tai nạn, hai bố con ngã văng trên đường, may đứa bé không bị vỡ đầu gãy tay gì cả.

Chúng tôi đi tắm biển Vũng Tàu bằng tàu thủy, đi hát ở Cần Thơ bằng xe đò và tại Đà Lạt bằng xe lửa. Tới đâu tôi cũng nhận được cảm tình nồng nhiệt của khán giả cũ. Nhất là bây giờ có thêm bốn anh em họ Phạm trẻ trung và hát hay. Hát đâu cũng thành công nhưng vì tôi rất dở trong việc kinh tài nên thường bán giàn cho các ông bà bầu, giống như thời tôi đi theo gánh hát cải lương. Chúng tôi được nhiều nơi trong nước mời đi hát và trong năm 1953, dưới tên đoàn GIÓ NAM, cùng với Võ Đức Thu, Trần Văn Trạch và ban vũ Mỹ An... ban Thăng Long ra hát ở Huế, Hải Phòng, Hà Nội.

Lúc mới từ chiến khu trở về, trong một tháng trời ở Hà Nội, chúng tôi chưa hoàn hồn để có thể hát hồng cho bà con Hà thành nghe. Bây giờ, ban nhạc mang tên THĂNG LONG cần phải được đăng ký ở ngay đất Thăng Long. Tôi không thể nào quên được sự nhiệt tình mà người dân Hà Nội đã dành cho ban Thăng Long và các nghệ sĩ khác của đoàn GIÓ NAM. Vì không mua được vé, nhiều thanh niên -- bây giờ đã công thành danh toại cả rồi -- phải trèo qua cửa sổ Nhà Hát Lớn để coi chúng tôi hát.

Vào năm 1953, nghệ thuật ca diễn của chúng tôi có vẻ hấp dẫn hơn tất cả những gì dân chúng miền Bắc đã coi trong phạm vi Tân Nhạc. Lối hát bè và cách trình bày của ban Thăng Long là sự mới lạ vì chưa hề có một ban hợp ca gia đình với các giọng hát quyện vào nhau như vậy tại đất Bắc Hà. Trần Văn Trạch với mái tóc dài và tác phong trình diễn đi trước phong trào hippy cả mấy chục năm đã đưa địa vị của những anh hề lên rất cao.

Võ Đức Thu, dù không đi kháng chiến một ngày nào cũng soạn ra bài **An Phú Đông**, trong lần Bắc du này, đọc tấu dương cầm bài **Một Ngày Đã Qua** để vinh danh ngày Cách Mạng thành công ở Nam Bộ.

Đoàn GIÓ NAM ở lại Hà Nội trong vòng một tháng. Đã thành công về mặt nghệ thuật, tôi còn sung sướng biết bao khi được gặp lại thành đồ yêu quý. Rồi cho rằng những buổi mình dắt vợ đi dạo chơi phố phường hay đứng trên cầu Thê Húc cho anh bạn Nguyễn Cao Đàm chụp ảnh, như những ngày trăng mật lần thứ ba của chúng tôi.

Khi ra hai miền ngoài, tôi có thêm một con trai và cho cả hai con Quang và Minh đi theo trong cuộc lưu diễn xa xôi này. Anh Nhượng cũng từ Thái Nguyên về Hà Nội, tôi giúp anh tôi chút tiền để đem vợ con vào Saigon và dạy học ở Thủ Đầu Một.

Sau khi đóng vai trò khách quý của Hà Nội, tôi quay về nơi cư ngụ vĩnh viễn (!) là Saigon. Tại thành phố hoa lệ này, tôi có thêm biết bao nhiêu bạn mới. Trước khi hàng trăm hàng ngàn văn nghệ sĩ theo chân một triệu người miền Bắc di cư ồ ạt vào miền Nam sau Hội Nghị Genève (1954), tại Saigon vào khoảng 1952, 53 cũng đã có khá nhiều nhạc sĩ, ca sĩ, hoạt động thường xuyên tại đài phát thanh, các buổi phụ diễn chiếu bóng và các đại nhạc hội. Ngoài ban Thăng Long còn có ban DÂN NAM với Anh Lân, Túy Hoa, Túy Phượng, nhóm VŨ HUÂN với Vũ Huân, Vũ Huyền, ban TAM CA Anh Ngọc-Văn Phụng-Nhật Bằng, ban THẦN KINH với Mộc Lan, Châu Kỳ, Vĩnh Lợi, ban SÂM GIANG của Trần Văn Trạch...

Trong số những bạn đồng nghiệp này, tôi yêu nhất nhạc sĩ Lê Thương (*). Rời Bến Tre, anh về Saigon làm nghề thầy giáo. Căn nhà nhỏ của anh đường Võ Tánh là nơi tôi đến chơi hàng ngày, hoặc rủ anh đi mua báo Pháp như PARIS MATCH, CANARD ENCHAINÉ ở hiệu sách PORTAIL đường Catinat... hoặc rủ anh đi ăn, đi chơi. Lê Thương làm thơ, làm nhạc rất bay bướm nhưng anh có cuộc sống rất giản dị. Người bạn trăm năm của anh không thuộc hạng tiểu thư lá ngọc cành vàng hay nữ sinh nhí nhảnh. Chị Lê Thương là người bình dân hiền lành mộc mạc, không bao giờ nhẩy sỗ vào công việc của chồng, suốt đời lẳng lặng trông nom săn sóc chồng con.

Trước đây, tôi chỉ biết Lê Thương qua những bài hát tình yêu rất hay như **Bản Đàn Xuân, Thu Trên Đảo Kinh Châu, Một Ngày Xanh, Nàng Hà Tiên...** và Phần I của truyện ca bất hủ **Hòn Vọng Phu**. Bây giờ, tôi được biết thêm những bài anh soạn trong thời Cách Mạng và Kháng Chiến. Vào những năm đầu của cuộc chiến Nam Bộ, cũng như hầu hết những người trai của thời đại, Lê Thương đã có những đóng

góp tích cực vào cuộc đấu tranh chống xâm lăng, giành Tự Do Độc Lập của toàn dân. Một trong những bài hát có ảnh hưởng lớn trong dân chúng lúc đó là bài **Bà Tư Bán Hàng** :

*Bà Tư bán hàng có bốn người con
Thằng Hai đã lớn, ba em hãy còn
Học theo các trường nhưng chữa thành nhân.
Năm Độc Lập kia trong nước Việt Nam
Mấy con của bà đều lên lối đường
Đầu quân chiến trường theo ý người dân.*

Thì ra Lê Thương cũng đi vào kháng chiến để tạo những huyền thoại về người mẹ Việt Nam. Trong khi tôi chọn những bà mẹ ở thôn quê (Bà Mẹ Chiến Sĩ, Bà Mẹ Gio Linh) thì anh chọn nhân vật điển hình là bà Tư bán hàng trong thành phố, một người mẹ bình dân có bốn người con, vào năm Độc Lập kia (...) đều lên (...) đường kháng chiến. Lê Thương dùng ngôn ngữ của dân tộc để kể tiếp :

*Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên
Suốt ba năm liền bà Tư mầu hiền
Ngày đêm khẩn nguyện cho mấy người con...*

Rồi khi người con lớn chết trận thì bà thấp hươu khăn vái hươu hồn người con tử sĩ, xin dẫn dắt mấy đứa em trở về thành phố để sống với bà. Nhưng bà nhận được ba lá tình thư của ba đứa con xin được ở lại chiến khu để chiến đấu :

*Bà Tư thấp đèn cầu khẩn người con
Bà xin cho mấy đứa em hãy còn
— trong núi rừng, anh dẫn về cho.
Nhưng một ngày kia ba lá tình thư
Nói : Con bây giờ đường xa cách trở
Vây xin kính thờ hai chữ tình thân...*

Bài hát kết thúc với sự ý thức của bà Tư bán hàng về việc tự nguyện đi làm bổn phận công dân của các con. Bà tôn trọng ý nguyện đó và thấp đèn cầu nguyện cho các con mình trong chiến khu có được cuộc sống anh hùng.

Trước đây, tôi hi vọng một bài ca như **Bà Mẹ Gio Linh** có thể làm cho bộ đội dễ dàng lao vào đồn giặc, bây giờ, sau khi nghe bài **Bà Tư Bán Hàng**, tôi tin chắc chắn bài hát này làm cho thanh niên Saigon-Chợ Lớn ào ạt ra chiến khu. Và phải đợi ba năm nữa mới có trận Điện Biên Phủ nhưng tôi tin rằng kháng chiến nhất định phải thành công. Dù tác giả đã vào thành -- nghĩa là cũng dinh tề như tôi -- bài hát vẫn còn đó, vẫn còn sức đẩy thanh niên trong những thành phố miền Nam đi kháng chiến. Đó cũng là một trong những lý do để anh Lê Thương sẽ bị giam trong khám Catinat trong 120 ngày cùng Trần Văn Trạch và tôi, chuyện này sẽ nói tới trong những trang sau.

Lê Thương vào thành rất sớm. Vào năm 48, anh soạn bài **Hoà Bình 48**. Trên thế giới, chiến tranh lạnh đã khởi sự với việc Nga Sô phong toả Berlin và Hoa Kỳ dùng cầu không vận để tiếp tế cho dân chúng trong thành phố bị phong toả. — trong nước, sau khi Bảo Đại vận động với Pháp để được thừa nhận là Quốc Trưởng của một nước Việt Nam tuy độc lập và thống nhất nhưng phải gia nhập Liên-Hiệp-Pháp với tư cách một quốc gia liên kết, chánh phủ Nguyễn Văn Tâm đã được thành lập. Cờ vàng ba sọc đỏ và bài **Thanh Niên Hành Khúc** của Lưu Hữu Phước đã được chọn làm quốc kỳ và quốc ca. Chính phủ quốc gia cũng như người Pháp cố tạo ra một không khí hoà bình.

Vào thời đó, nằm trên trục tuyên truyền của phe tả, chim bồ câu được chọn làm biểu tượng cho hoà bình. Hoạ sư nổi danh Picasso vẽ hình ảnh con chim bồ câu ngậm một chiếc lá, trông rất khoẻ mạnh. Nhưng anh Lê Thương của chúng ta cho rằng con chim đó đang bị đau nặng :

*Con chim hoà bình đang đau nặng
Ngày và đêm càng thêm lo lắng
Đang lo chùi mài dao gươm đang
Chờ ngày mai đem ra giết nhau...*

Với bài hát phổ biến vào năm 48, trước hết, Lê Thương đã có cái nhìn ra quốc tế trước tôi. Phải tới thập niên 60 tôi mới soạn những bài hát như **Người Lính Trẻ, Chuyện Hai Người Lính...** đã động tới việc Việt Nam có thể đang làm cuộc chiến tranh ủy nhiệm của hai cường quốc Mỹ-Nga, dù rằng khi tôi từ Thanh Hoá về Hà Nội (1951), thấy có chiến tranh ở Triều Tiên thì tôi nhìn nhận thế giới đã chia ra hai phe rõ rệt. Tôi đã cho rằng bất cứ một cuộc nội chiến ở một nước nhỏ nào -- ngay từ bây giờ hay là về sau -- cũng chỉ phản ánh cuộc chiến giữa hai phe Tư Bản và Cộng Sản.

Bài **Hoà Bình 48** là loại nhạc châm biếm-chính trị (satire politique) do Lê Thương dẫn đầu. Ngoài ý nghĩa chính trị, tác giả dùng ngôn ngữ đặc sệt miền Nam với những chữ như **Tây vực, đang...**

*Stalin cười hỏi sang Tây vực
Xin các ông chớ khiêu khích tôi
Truman cười khi ôm kho bạc
Nhử mồi, Tây Âu càng bối rối...*

Bài này còn đã động tới cảnh xã hội miền Nam trong bối cảnh chiến tranh Việt Pháp :

*Anh Ba Tàu ngồi kia nhậm xà
Chị hàng rong mãi lo ai đá
Chú bán chè đậu xanh lo mời
Thầy dùng thêm một hai chén thôi...*

Lúc đó vừa hè thành phố Saigon đầy rẫy những hàng bán rong của người bình dân. Đội xếp thường tới đánh đuổi họ bằng những cái đá. Qua bài **Hoà Bình 48**, Lê Thương nói với chúng ta rằng : Làm gì có hoà bình khi thầy đội xếp tới đập đá những gánh hàng rong hay đòi ăn hối lộ vài ba bát chè... Trong bài hát còn có câu : *Rồi hàng đêm cả nông cứ ho...* Làm gì có hoà bình vì trong đêm cứ nghe hoài tiếng súng *canon* cất tiếng ho.

Lê Thương còn soạn thêm những bài ca châm biếm như **Liên Hiệp Quốc, Làng Báo Sài Thành, Đốt Hay Không Đốt** (nói tới chuyện cô Quờn vì quá ghen mà đốt chồng bằng dầu săng, làm náo động dư luận Saigon-Chợ Lớn). Đó là những bài hát tử được vào nằm trong nhạc mục những bài ca hài hước của Trần Văn Trạch gồm các bài **Téléphone, Cái Đồng Hồ, Chuyến Xe Lửa Mừng Năm...** Về phần nhạc cảnh, ba bản **Hòn Vọng Phu** của Lê Thương do ban Thăng Long diễn cũng là cái đỉnh của những buổi nhạc hội. Có thể nói những bản nhạc của Lê Thương là phần hồn trong quá trình ca diễn của chúng tôi trong những năm đầu thập niên 50 vậy.

Lê Thương cũng là người chuyên soạn nhạc cho thiếu nhi, thiếu niên qua những bài **Thằng Cuội, Tuổi Thơ...** Bài **Học Sinh Hành Khúc** anh tung ra lúc đó là một bài hát đầy tinh thần ái quốc. Về sau, bài **Bà Tư Bán Hàng** và bài **Học Sinh Hành Khúc** phổ biến đến độ có những lời ca nhại :

Học sinh là người hủ tiếu ăn hai ba tô...

Bà Tư bán hàng có bốn người yêu

Người yêu thứ nhất đi xe máy dầu...

Tôi vẫn quan niệm bài hát nào có lời ca nhạt là bài hát thành công nhất. Tôi cũng cho rằng trong làng Tân Nhạc, Lê Thương là người trí thức nhất. Mỗi bài nhạc, mỗi giai đoạn nhạc của anh đều chứa đựng thông điệp. Qua những bài vừa soạn ra, ta thấy một thứ triết lý thời loạn của anh. Người nghệ sĩ này, khi đi vào cuộc đời và cuộc chiến, đứng hẳn về phía kẻ yếu. Bao giờ cũng vậy, khi có chiến tranh thì người dân bị trị lâm vào cảnh một cổ đôi ba trùng. Người nghệ sĩ không phải là một hiệp sĩ cứu nhân độ thế nhưng có bốn phận an ủi hay nói hộ người dân. Là một nhà giáo, anh Lê Thương còn đứng vào địa vị của người ưu thời mẫn thế để soạn những bài như **Đừng Có Lo Lắng** trong đó anh đưa ra một sự thật muôn đời : **cao nhân tất hữu cao nhân trị**. Bài hát có những câu :

Nghèo thì lo thiếu, giàu thì lo mất

Đi xe hơi (ô tô) có khi bị choáng u đầu...

Châu Do còn bị Gia Cát

Chín nút còn sợ ba tây

Mac Arthur tiên sinh còn phải về vườn...

Với bài này, Lê Thương nói : chưa chắc ai đã thắng ai trong cuộc chiến này, vậy thì xin người dân đừng lo, đừng buồn. Cũng giống như anh nói : sức mấy mà lo, mà buồn vậy.

Tuy rất kính phục anh bạn hơn tuổi nhưng nhìn vào tác phẩm của Lê Thương rồi gẫm thân nghệ sĩ của mình, tôi thấy khác anh trong vài khía cạnh. Có lẽ lúc đó tôi còn ít tuổi và còn đầy sự hoài nghi về cuộc đời và về thân phận mình nên không tự coi đã nắm được thời thế. Trước mọi nghịch cảnh, tôi không dám lên tiếng dạy đời, dạy người. Trong thời gian đi kháng chiến, tôi luôn luôn muốn thể nhập vào thực tại để thể hiện những tình cảm khác nhau. Khi đấu tranh, có **Xuất Quân, Nợ Xương Máu**, khi dính líu tới lịch sử, có **Việt Bắc, Đường Lạng Sơn**. Khi gặp thiên nhiên, có **Nương Chiều, Thu Chiến Trường**, gặp tình náo nức, có **Tiếng Đàn Tôì, Tình Kỷ Nữ**, tính cuộc trăm năm là có **Đêm Xuân, Chú Cuội** và khi bất cần đời thì vượt **Cầu Biên Giới**... Không có gì là ưu thời mẫn thế trong những bài hát đó cả. Về sau, khi cuộc chiến leo thang, cuộc đời trở nên é chề và tuổi mình đã cao, tôi mới thể nhập và thể hiện một cách khác, nghĩa là đem nội dung đạo đức đặt dưới hình thức tục tằn qua MUỖI BÀI TỤC CA.

Ổn định cuộc sống và nói cho ngoa là đã thành công trong năm đầu tiên di cư vào Nam, tôi được hưởng luôn một bài học đáng giá của đời người trong một xã hội có cạnh tranh chính đáng hay bất chính. Trước đây, vô tư như một con bướm mùa Xuân hay ham vui như một con chuồn chuồn giấu tổ, tôi bước vào đời với tất cả tấm lòng trinh trắng, không hề phải thi đua với ai và chưa bao giờ bị ai cạnh tranh với mình cả. Tôi vào cuộc sống với tư cách một ca sĩ nhà nghề và khá nổi danh. Nhưng phải nói cho rõ là vào đầu thập niên 40, ca sĩ chuyên nghiệp dù thành công đến đâu cũng chỉ là hữu danh vô thực, nghĩa là danh vọng (!) thì có thể không ít mà tiền tài thì không nhiều. Nổi tiếng rồi nhưng so với đào kép Cải Lương, tiền lương của tôi rất nhũn nhặn. So với ca sĩ các nước tân tiến, tiền lương đó là... giẻ rách. Trong nghề hát ở Việt Nam lúc đó, tôi cũng chẳng có tới quá hai hay ba địch thủ. Thời tiền chiến, cả nước chỉ có hai anh chàng hát nhạc cải cách chuyên nghiệp. Dần dà, sau Tino Thân và tôi, mới có thêm Kim Tiêu và Mai Khanh thì hai cậu này là a-ma-tơ thứ thiệt.

Rồi khi cùng toàn dân đi kháng chiến, ca sĩ như tôi trở thành văn công ngay lập tức, nghĩa là được nhà nước xung công để ca hát phục vụ cho người lính và người dân, được nuôi ăn bằng gạo, sắn và khoai, có lính thêm chút tiền cụ Hồ để uống cà phê và cắt tóc.

Bây giờ thì khác, con bướm nhớn nhor hay con chuồn chuồn la đà đã trở thành con ve sầu rộn ràng của một Saigon quanh năm mùa Hạ. Nó vẫn làm nghề ca hát và chỉ khác xưa ở chỗ đã có trách nhiệm gia đình, dù vợ con là nợ nần nhỏ, chưa phải là một gánh nặng. Nó cũng khác con ve sầu tài tử trong ngụ ngôn của La Fontaine, *ayant chanté tout l'été, se trouva fort dépourvu quand la brise fut venue...* (Văn hào Nguyễn Văn Vĩnh dịch là : *ve sầu kêu ve ve suốt mùa hè, đến mùa gió bắc thổi, nguồn cơn thật bối rối*) vì đã có Đài phát thanh, có người mua bản nhạc hay đĩa hát, có khán giả coi phụ diễn chiếu bóng hay Đại Nhạc Hội trả tiền đầy đủ cho con ve chuyên nghiệp. Tại thành phố Saigon lúc này -- a ha -- từ một loài sâu đất đã thoát xác ra một đàn ve sầu khá đông đảo, chen vai thích cánh trong một cái chợ khá lớn, có khá nhiều cái nguyễn lườm của những hàng thịt, hàng cá.

Một nhóm ca nhạc sĩ mà tôi chẳng cần phải nêu tên ra đây, ghen tị tài nghệ đã đành, lại có ý tranh thương trước sự kiện chúng tôi quá thành công trong một ngành nghệ thuật đã trở thành thương phẩm hay thương vụ. Trước khi trở thành ca nhạc sĩ, trong khi mọi người đi kháng chiến, họ là những thanh niên ở lại trong thành và cộng tác với Pháp, nói thẳng ra là làm mật thám cho Phòng Nhì (Deuxième Bureau). Chính phủ (gọi là quốc gia) được thành lập thì mấy người này được chuyển qua làm việc trong Sở Công An Nam Phần, lúc đó nằm trong tay Mai Hữu Xuân, Trần Bá Thành. Các ca nhạc sĩ làm nghề Công An không được Đài phát thanh và hằng làm đĩa hát mời hát nhiều. Nếu họ đứng ra tổ chức Đại Nhạc Hội, đụng độ với chúng tôi, buổi diễn của họ sẽ vắng khách. Muốn triệt hạ chúng tôi, không khó gì cả, những ca sĩ kiêm công chức công an này bèn vu ngay cho chúng tôi là Việt Minh nằm vùng.

Thế là vào một ngày cuối năm 1951, Lê Thương, Trần Văn Trạch và tôi được cảnh sát công an tới nhà, còng tay đưa lên xe cây bít bùng chở về khám Catinat. Tôi không hiểu vì sao chúng tôi không bị chụp bao bố vào đầu như những người bị bắt khác vào thời buổi mà những lính kín ở bót Catinat đem sự khùng bố của họ ra để đối đầu với sự khùng bố của Việt Minh. Chúng tôi bị giam tại cái khám nổi tiếng ác liệt này trong 120 ngày. Từ ngày bị bắt cho tới ngày được thả, đối với ba anh chàng nghệ sĩ, không có một bản án ghi tội danh và một buổi hỏi cung nào cả. Khám Catinat nổi tiếng ác liệt vì nó là một phòng giam không rộng lắm nhưng Công An Nam Phần nhốt khoảng gần một trăm người vào đó. Trong phòng giam, ở bên ngoài hàng chấn song sắt, luôn luôn có thầy chú (coi tù) thay phiên ngồi canh những người bị giam. Suốt trong 120 ngày ở đây, ba anh em nghệ sĩ chúng tôi -- cũng như mọi tù nhân khác -- phải làm màn thoát ý thường xuyên vì phòng giam nóng như lửa đốt. Mấy ngày đầu thấy ngượng nhưng dần dà nhìn các bạn tù ở trường... tôi phì cười. Xưa nay quần áo thường che dấu những chỗ ít mỹ thuật nhất của thân thể. Bây giờ những bộ phận xấu xí của đàn ông được phô ra. Trong tháng đầu tiên tôi căm tức mấy thầy chú vì họ hay văng tục với người bị giam nhưng trong hai tháng sau thì tôi thương hại cho họ. Chắc họ làm nhiều điều làm lỗi trong kiếp trước nên bây giờ suốt ngày họ bắt buộc phải ngồi nhìn sinh thực khí xấu xí của chúng tôi. Người Việt Nam thường hay tức váy, tức quần và chia hạ bộ ra để chửi nhau. Thầy chú nhìn chúng tôi cười trường như vậy là nghe chúng tôi chửi thầm đấy.

Ban ngày cũng như ban đêm, vì phòng giam chật cứng, mọi người đều phải thay phiên kẻ đứng người ngồi. Chỉ người già yếu mới có chỗ để nằm co chân mà ngủ. Chỗ được quây lại làm cầu tiêu là chỗ rộng rãi nhất và được dành cho những người vừa bị tra tấn nằm nghỉ. Một người tù già -- được phong là ngục vương vì vào tù ra khám thường xuyên, đang nằm ở bót Catinat chờ ngày ra đảo -- cho tôi ưu tiên tới ngồi dựa lưng vào bức tường của nơi phóng uế đó, mùi phân trộn với mùi máu và mồ hôi của khám Catinat sẽ ám ảnh tôi rất lâu. Sau này, khi được đọc tập thơ *Hoa Địa Ngục* của Nguyễn Chí Thiện, tôi rung động rất nhanh với câu thơ :

*Chỗ tôi nằm sáu mươi phân chiếu rộng,
Giữa hai người một hủi, một ho lao...*

... vì tôi chợt nhớ tới một ngày trong 120 ngày bị giam giữ ở cái khám này, ngồi bên cạnh một người vừa bị tra tấn, được chở xuống khám lúc nửa đêm, sáng hôm sau anh ta là một xác chết. Đã làm quen với sự khủng bố ngay từ thời Cách Mạng mới thành công và trong thời gian đi theo kháng chiến, tôi không sợ hãi khi nghe thấy tiếng la hét của những người bị tra tấn bên cạnh phòng giam. Nhưng khi trèo lên vai bạn tù nhìn qua khung cửa sổ có chấn song sắt, thấy những nữ tù nhân được dẫn vào phòng giam gần đó thì tôi mũi lòng, nghĩ rằng những thiếu nữ kia có thể bị làm nhục ngoài sự tra tấn thông thường.

Tuy nhiên, trong những ngày nằm khám Catinat, tôi không buồn rầu hay đau khổ. Tôi chỉ nhớ con vô cùng và chỉ lo cho Thái Hằng, chắc chắn đang quá lo lắng vì chồng bị bắt và không được thăm nuôi. Không một lúc nào tôi cho rằng mình đang bị lâm nguy cả. Hình như đa số người Việt Nam thuộc thế hệ tôi là lớp người ngu ngơ trước sự nguy hiểm (người Pháp gọi là *inconscient du danger*). Giống như lúc đi kháng chiến, chưa chắc tôi là người can đảm lắm đâu. Tôi hồn nhiên đi vào cuộc chiến vì chưa bao giờ ý thức được sự hiểm nguy hay sự dễ chết trong chiến tranh. Bản năng tự vệ trong con người chỉ mạnh lên khi đã biết mùi nguy hiểm. Thế giới được ném mùi Thế Chiến Một và Thế Chiến Hai rồi nên rất sợ xảy ra Thế Chiến Ba.

Trong lần bị bắt giam ở Cà Mau vào năm 45, vì không có chuyện gì ghê gớm xảy ra nên tôi không lo sợ trong lần bị bắt vào năm 1951 này. Ngày bị Tây bắt ở Cà Mau, tôi còn thấy đó là một vinh dự. Nay bị thứ người quốc gia (2) -- mà tôi cho là tay sai của Pháp -- bắt giam thì có gì là nhục nhã để tôi phải đau buồn hay thù hận nhỉ? Nhất là lý do để bắt ba nghệ sĩ này được thúc đẩy bởi sự cạnh tranh bất chính của vài đồng nghiệp chó săn và là sự dấn mặt của Công An Nam Phần đối với những người đã soạn bài hát cho Việt Minh. Tôi sẽ nhớ mãi một điều : đừng bao giờ chờ đợi ở những người quốc gia như phe nhóm Mai Hữu Xuân có một chính sách tốt đẹp nào đó đối với văn nghệ sĩ.

Nếu tôi biết mùi bót Catinat và không bị khiếp đảm thì có nhiều người bị bắt giam ở bót này, khi được thả ra thường hay làm tăng huyền thoại khủng bố của nó nên cái tên bót Catinat đã gieo một sợ hãi lớn trong lòng người dân Saigon Chợ Lớn. Vào thời đó, những người đi chơi hay có công việc phải đi trên đường Catinat, khi tới trước mặt bót, không ai dám đi trên lề đường cả. Kể cả dưới thời Ngô Đình Diệm sau này, khi bót Catinat trở thành địa điểm của Bộ Nội Vụ, người đi trên hè đường bên này vẫn còn bị ám ảnh bởi tiếng tăm của cái bót cũ nên đều muốn lảng qua hè đường bên kia.

Sự bất hạnh đến với tôi vào năm 1951 bị niềm lạc quan cổ hủ trong tôi đánh tan đi, nhưng hai anh bạn Lê Thương, Trần Văn Trạch có vẻ mất tinh thần. Ngay sau đó họ

tránh làm mọi sự có tính cách khiêu khích chính quyền và về sau, khi thấy tôi soạn **tâm ca, tâm phần ca** và **tục ca**, nhớ lại chuyện cũ, họ khuyên tôi phải nên giữ mồm giữ miệng. Nhưng tôi là kẻ tuy cũng biết sợ sủng nhưng luôn luôn giả vờ mắc bệnh điếc tai. Bây giờ phải nhắc lại chuyện xưa trong một cuốn Hồi Ký, tôi chỉ muốn nhớ tới bài học quý giá trong một xã hội tiêu thụ : phải tránh gây nên sự tranh thương bất chính nơi những người tự coi là địch thủ của mình. Đừng bao giờ tạo cho họ cái cảm tưởng mình làm vỡ nồi cơm của họ.

Ngoài ra tôi còn muốn ngỏ lời cảm ơn tiếng chuông Nhà Thờ Đức Bà đã an ủi tôi rất nhiều trong suốt 120 ngày tôi bị giam giữ. Tôi còn muốn đưa ra một lời chê bai Pháp thực dân và tay sai của họ là những kẻ thiếu óc thẩm mỹ vô cùng. Ai lại giữa thành phố Saigon hoa lệ, ở một khu được coi là thanh lịch nhất nước, trên con đường nổi tiếng về các khách sạn to lớn, về các cửa hàng lộng lẫy khiến cho trai tài gái sắc đua nhau lượn phố, nhất là trước mặt ngôi thánh đường vĩ đại và tôn nghiêm... mà lại duy trì một cái khám giam người chật chội, bẩn thỉu, hôi thối như vậy.

(1) Sau này còn đổi xe Citroen lấy xe Hoa Kỳ mui trần màu vàng, rồi đổi qua Mercedes (mua lại của Nguyễn Long).

(2) Vào lúc này, Pháp thừa nhận Việt Nam độc lập và thống nhất. Trên danh nghĩa, tôi từ bỏ Việt Minh để về với quốc gia, dù còn là quốc gia trong Liên Hiệp Pháp.

*Quê hương tôi, có con sông đào xinh xắn
Quê hương tôi, có con sông đào xinh xắn
Lúa thơm cho đủ hai mùa, dân trong làng
Trời về khuya vắng tiếng lúa đẻ mè...*

TÌNH HOÀI HƯƠNG

Chương Ba

Gần hai năm đã trôi qua, kể từ ngày tôi bỏ vùng quê vào Hà Nội, rời miền Bắc vào miền Nam, lo ổn định nơi ăn chốn ở và thu xếp công kia việc nọ tại Saigon, rồi đi hát chỗ gần chỗ xa, rồi còn được mời vào nằm chơi trong khám Catinat suốt bốn tháng... tôi không có thì giờ hay cảm hứng để sáng tác, ngoài việc phổ nhạc bài thơ **Tiếng Sáo Thiên Thai** của Thế Lữ thành một bài tango, bài này được soạn ra để đáp ứng nhu cầu hát đôi (duo) của hai chị em Thái Thanh Thái Hằng.

Khi bắt đầu sáng tác lại, tôi soạn bài **Tình Hoài Hương (1952)**. Nằm trong loại huyền thoại quê hương mà tôi tạo ra nhờ có cơ hội đi khắp ba miền đất nước trong thời bình và trong thời chiến... bài hát này không còn là một bài đối cảnh sinh tình như trước đây nữa. Nó là một bài hát hoài cảm, là sự nhớ nhung của riêng tôi đối với một nửa mảnh đất quê hương mà tôi vừa phải xa lià. Ngờ đâu nó sẽ là bài hát hoài hương của một triệu người di cư vào Nam hai năm sau đó. Rồi khi một triệu người khác, trong một thời gian khác -- nghĩa là sau ngày lịch sử 30 tháng tư năm 75 -- phải vượt trời, vượt biển ra khỏi bán đảo chữ S thì bài **Tình Hoài Hương** của 20 năm trước lại trở thành một bài hát rất hợp tình, hợp cảnh cho con số một triệu người đó, kể từ năm đó trở đi.

Bài hát nói tới sự nhớ thương con sông đào xinh xắn, nhớ phiên chợ chiều xa vắng, nhớ vòm tre non và làn khói ẩm hương thôn nơi đó, trong mảnh đời thơ ngây của tôi,

có con trâu lành nằm mộng bên đàn em bé, có mẹ già yêu dấu ngồi nghe tiếng sáo chơi vui... Chao ôi là nhớ nhưng ! Ngày hôm nay nhắc tới bài hát **Tình Hoài Hương** tôi còn thấy từ lúc ngồi nhớ con sông đào ngầy ngất ở chốn quê cũ vào năm 1952, tôi đã mơ ước có một chiều xoay hướng để tôi được vượt qua những đại dương sâu thẳm, đi khắp các lục địa bao la, sống vui trong mối tình muôn đường... Không ngờ 23 năm sau, tôi đi tị nạn chính trị là thực hiện giấc mơ vượt cầu biên giới trở thành con người phiêu lãng của bài hát hoài hương xa lạ xa lắc. Rồi từ đó, được đi khắp năm châu bốn bể, dù nhiều phen nước mắt có chảy về miền quê lai láng, cũng xin cảm ơn cuộc sống vô cùng.

Tại sao vào cuối năm 1952 này tôi có nỗi niềm nhớ quá lớn lao như vậy ? Nhớ tất cả những chi tiết nhỏ nhất của dĩ vãng chưa đủ, còn phóng tâm tư đi tới những mối tình muôn đường của hàng ngàn phương trời mình chưa hề đặt chân tới. Cũng có thể vì sức sáng tác bị dồn nén sau gần hai năm bây giờ mới được toàn vẹn tung ra chăng ? Ngồi một mình trong đêm tối ở căn nhà thật yên tĩnh nằm trong cái ngõ dài trên đường Phan Thanh Giản (sau đổi tên là Ngô Tùng Châu) -- chúng tôi vừa dọn tới vì không chịu nổi sự huyên náo của đại lộ Trần Hưng Đạo -- tôi không chỉ làm công việc thụ động là nhắc lại ca dao mà phải tích cực hơn, nghĩa là phải đối thoại với ca dao :

*Ai về có nhớ, nhớ cô mình chăng ?
Tôi về, tôi nhớ hàm răng cô mình cười
Ai về mua lấy miếng cười
Để riêng tôi mua lại mảnh đời ngầy thơ...*

Đây cũng là lúc tôi không phải đầu tắt mặt tối vì công việc dẫn dắt ban Thăng Long đi hát nữa. Mấy anh em họ Phạm đã quen với nghề đi hát rồi. Tôi cũng có thêm bạn bè khác ngoài Lê Thương, Trần Văn Trạch. Hai anh bạn cũ là Nguyễn Đức Quỳnh và Hoàng Trọng Miên đã dinh tề vào Hà Nội rồi cùng gia đình di cư vào Nam. Tôi gặp lại họ thì rất thích thú vì chúng tôi đã có chung với nhau những ngày sinh hoạt văn nghệ hào hứng ở Chiến Khu IV.

Mới xa vùng Thanh Hoá chưa quá hai năm, tôi vẫn chưa quên được không khí hào hùng của thời cả nước lên đường. Sự có mặt của hai anh bạn Quỳnh, Miên còn giúp tôi trả lời một số người quen hay không quen ở Saigon, vì chưa nhìn thấy bàn tay Cộng Sản đằng sau Mặt Trận Việt Minh nên vẫn còn giữ nguyên những cảm tình đối với kháng chiến và thường tự hỏi tại sao những người như tôi lại bỏ kháng chiến về thành ? Rồi đây, còn có thêm Hồ Hán Sơn và Đinh Hữu, cựu anh hùng Điện Biên Phủ -- hãy khoan nói tới các văn nghệ sĩ khác, cùng với một triệu người Bắc di cư trong năm tới -- trả lời hộ tôi.

Từ ngày vào Nam cho tới nay, tôi chỉ có Lê Thương là bạn thân thiết. Bây giờ ngoài nhạc sĩ họ Lê, tôi có thêm Nguyễn Đức Quỳnh là người có một hiểu biết rất bách khoa để tôi học hỏi thêm về nhiều lĩnh vực. Và để trao đổi những chuyện tâm tình nữa.

Suốt trong hai năm 53-54, tôi và anh Quỳnh gặp nhau hằng ngày. Là nhà văn, nhà báo, cùng với Hoàng Trọng Miên, Nguyễn Đức Quỳnh được mời viết báo ĐỜI MỚI của Trần Văn Ân. Đó là tờ báo nổi tiếng nhất của miền Nam thời đó, bìa báo trông hấp dẫn như tờ NEWSWEEK hay tờ TIME của Hoa Kỳ vậy.

Tôi bị anh Quỳnh kéo tới toà báo ĐỜI MỚI sinh hoạt rồi trở thành người bạn trẻ của những nhân vật nổi tiếng trong giới làm văn học và chính trị miền Nam như Trần Văn Ân, Hồ Hữu Tường, Tam Ích, Lê Văn Siêu... Trước khi dùng hai căn nhà gỗ ở đường Thành Thái và Phan Thanh Giản làm một thứ đàm trường để qui tụ bạn bè, anh Quỳnh đã biến toà soạn ĐỜI MỚI là nơi gặp gỡ của giới làm văn học nghệ thuật trong Saigon-Chợ Lớn. Tại đây anh khởi sự nói về sự cần thiết phải vượt chủ nghĩa Mác, cho rằng chỉ có người Việt mới "vượt" được chủ nghĩa này.

Là người bạn mới của tờ ĐỜI MỚI, được anh em trong toà soạn đề ra phỏng vấn, tôi tuyên bố (!) : Sau khi nói lên vinh quang và nhục nhằn của dân tộc (qua những bài ca kháng chiến), bây giờ tôi đi vào tình tự quê hương. Bàn thảo với Nguyễn Đức Quỳnh, rồi anh ta có loạt bài **Người Việt Đáng Yêu, Đất Việt Đáng Yêu, Tiếng Việt Đáng Yêu** đăng trên báo ĐỜI MỚI và sau khi tung ra **Tình Hoài Hương**, tôi có ngay bài **Tình Ca** xưng tụng tiếng nói, cảnh vật và con người Việt Nam, đăng trong số Tết 1953 của báo này. Mùa Xuân năm đó, trong gian phòng bốn thước vuông ở căn nhà gỗ ngổ Phan Thanh Giản, tôi vừa bế con (Phạm Duy Minh mới ra đời) vừa hát :

*Tôi yêu tiếng nước tôi từ khi mới ra đời, người ơi !
Mẹ hiền ru những câu xa vời, à à ơi tiếng ru muôn đời...*

Bài **Tình Ca** này không còn thẳng băng ruột ngựa như những bài ca kháng chiến trước đây. Bây giờ nó muốn gắn bó tất cả người dân trong nước bằng một tình cảm thống nhất : tôi yêu tiếng nước tôi, yêu đất nước tôi, yêu người nước tôi. Thật là may mắn cho tôi là nói lên được phần nào bản sắc quốc gia (identité nationale) qua bản **Tình Ca** này.

Trong quá khứ, các bậc tiền bối chưa kịp làm công việc đó vì đã có lúc chúng ta có một cuộc nội chiến khá dài. Đó là 200 năm phân tranh giữa hai miền Đàng Ngoài-Đàng Trong. Trong khoảng từ những năm 1600 cho tới 1800, người trong nước khó có được sự đồng nhất quốc gia. — Đàng Ngoài, sĩ phu Bắc Hà không có thì giờ và phương tiện để tìm hiểu bờ cõi giang sơn mỗi ngày một thêm bành trướng với cuộc Nam Tiến. — Đàng Trong, sĩ phu bận bịu với những lo toan kiến thiết ở địa phương. — miền nào kẻ sĩ phải phục vụ vua quan của miền đó. Tuy là một nước nhưng có hai bộ máy chính trị và văn hoá. Do đó, chưa hề có tác phẩm nào nói lên được một ý thức quốc gia toàn diện. Tới khi nhà Nguyễn thống nhất sơn hà và đất nước mở rộng hơn nữa về phía Nam, trong khoảng 50 năm ngắn ngủi, các nhà nho của triều Nguyễn chưa kịp đưa ra một hình ảnh quốc gia trọn vẹn nhất thể, nhất tề, nhất trí thì người Pháp tới xâm lăng Việt Nam. Trong 80 năm nô lệ sau đó, bản sắc quốc gia trong văn học nghệ thuật Việt Nam chưa kịp hình thành thì bị xé nát bởi chính sách chia để trị của Pháp, cố tình đề cao sự khác biệt giữa ba miền và giữa những người dân trong một nước, khiến ta mất đi ý niệm quốc gia đồng nhất. Khi có những phong trào phục quốc như Cần Vương, Văn Thân... ý thức quốc gia vẫn còn mang ý niệm bảo hoàng, phong kiến.

Định mệnh khiến cho tôi, một ca nhân tầm thường, qua một bản tình ca ngắn ngủi, đưa ra khái niệm con người Việt Nam với địa dư, lịch sử và tiếng nói chung của một dân tộc đã từng chia sẻ với nhau trên vài ngàn năm lẻ. Tôi làm được việc này vì tôi có may mắn được đi ngang đi dọc nhiều lần trên bản đồ hình chữ S, gặp gỡ đủ mọi hạng người trong xã hội, nhất là được sống với những nổi trôi của lịch sử từ thời thơ ấu qua thời vào đời tới thời cách mạng kháng chiến.

Với một tình cảm không còn bị giới hạn trong ranh giới địa hình hay tâm lý như vậy, tôi sẽ suốt đời là người độc lập trong sáng tác. Nghĩa là tôi đi thẳng tới quốc gia, dân tộc mà không cần đi qua con đường chính trị. Trước khi nước Việt bị chia đôi bởi hoà hội Genève, ngay từ lúc này, tôi đã quyết định không bao giờ là người của bên ni hay là của bên tê. Tôi chỉ muốn phục vụ dân tộc Việt Nam mà thôi.

Bài **Tình Ca** được mọi người yêu thích ngay. Nó nói tới quê hương đất nước nhưng cũng nói luôn tới tiếng nói và con người nữa. Là bài hát **tình ca quê hương** nhưng nó còn là **bài hát tình tự dân tộc**. Tôi thấy cần phải tiếp tục soạn loại ca khúc này. Lúc đó, tôi còn mang trong lòng nhiều hình ảnh khó quên của thời kháng chiến cho nên tôi dùng bài **Bà Mẹ Chiến Sĩ** mà tôi soạn tại Vinh vào năm 1949 làm bài mở đầu cho một bộ ba (trilogie) về con người Việt Nam. Đó là ba bài **Bà Mẹ Quê, Vợ Chồng Quê, Em Bé Quê**. Những nhân vật của thôn ỏ này bổ xung một thể giới trong âm nhạc của tôi, đã từng có những anh hùng vô danh, người Vệ Quốc Quân, chị du kích, kẻ ra đi, người trở về, anh thương binh v.v... Cùng với bài **Bà Mẹ Gio Linh** trước đây và với bài **Bà Mẹ Phù Sa** sau này, bài **Bà Mẹ Quê** là bước đầu của **huyền thoại Mẹ**, dần dà sẽ được tôi dẫn đến địa vị cao sang nhất trong **Trường Ca Mẹ Việt Nam**. Được viết ra từ lâu nhưng 40 năm sau, ta vẫn có thể hát bài **Bà Mẹ Quê** :

*Miếng khô nhớ bát nước đầy
Nhớ bà mẹ quê xưa ấy
Mùa đông manh chiếu thân gầy
Cháu bà ngủ thiêu giấc say...*

Bài **Vợ Chồng Quê** là xu hướng nhạc tình của tôi, xu hướng này đã khởi đi từ những bài hát nói về cuộc tình đơn sơ để sẽ vươn tới những tình khúc chan chứa hạnh phúc và khổ đau trong **huyền thoại Tình Yêu**. Bài này như muốn nhắc lại kỷ niệm riêng của vợ chồng tôi :

*Một ngày sang thu, một buồng cau tơ
Quanh co lối xóm những tà áo mới
Mẹ già yên lòng, thiếu nữ mơ màng
Các em nhi đồng trống ếch khua vang...*

Bài **Em Bé Quê** là tiền thân của loại bé ca sau này, những **huyền thoại Tuổi Thơ**, lúc nào cũng chỉ muốn nhắc nhở tới sự trinh trắng rất cần thiết cho con người phải sống liên miên trong một xã hội điên đảo vì chiến tranh và thù hận :

*Vàng lên cánh đồng, khi trời vượn ánh dương
Trẻ thơ lớn dậy giữ quê, giữ vườn
Đời vui thái bình, cây lúa trở bông
Cỏ ngàn thơm phức trâu ăn đầy đồng...*

Vào thời điểm này không phải chỉ có tôi viết về đất nước mến yêu hay soạn những bài hát nhớ quê hương khi đang sống trên quê hương. Cuộc di cư năm 54 của một triệu người đã khiến Vũ Thành soạn bài **Giấc Mơ Hồi Hương**, Hoàng Dương viết bài **Hương Về Hà Nội**. Khi những bài xưng tụng quê hương được phổ biến mạnh mẽ tại các thành phố miền Nam thì các nhạc sĩ trẻ như Hoàng Thi Thơ, Lam Phương cũng soạn những ca khúc lấy tình quê làm chủ đề như **Trăng Rụng Xuống Cầu, Gạo Trắng Trăng Thanh, Lúa Mùa Duyên Thắm, Tình Lúa Đêm Trăng**. Họ cũng phát triển dân ca nhưng trong phạm vi nhạc thuật, họ dùng những nhịp điệu Nam Mỹ như rumba, mambo. Khi in ra thành bản nhạc, họ ghi rõ ràng là **dân ca rumba** hay **dân ca mambo**. Dòng nhạc "mambo bolero" được Việt hoá này sẽ được hưởng ứng mạnh mẽ với bộ ba Lê-Minh-Bằng (Lê Đình, Minh Kỳ, Anh Bằng) và với Trần Thiện Thanh tức Nhật Trường với những bài hát xưng tụng tình yêu của tuổi choai choai.

Về phần tôi, trong thời gian khởi sự sáng tác lại, ngoài việc xưng tụng quê hương, với cái tuổi mới ngoài 30 một tí, tôi cũng xưng tụng ái tình qua những bài chịu ảnh hưởng giai điệu dân ca như **Đố Ai, Hẹn Hò**... Tôi lại làm việc đối thoại với ca dao. Người xưa đố ai biết lúa mấy cây, biết sông mấy khúc, biết mây mấy tầng. Bây giờ tôi đố ai tìm được tim ai, hay đố ai nằm ngủ không mơ. Về nhạc ngữ, tôi đang làm công việc thử thách phát triển dân ca. Bài **Đố Ai** là sự biến đổi của điệu hát du trong HÁT Ắ ĐÀO. Bài Hẹn Hò được xây dựng trên giai điệu ngũ cung, kể lể một câu chuyện tình thâm thiết, giống như chuyện Ngưu Lang Chức Nữ :

*Một người bèn ra ven sông
Buông theo nước cuốn cuộn mau
Một người chìm sâu trong khi mưa Ngâu
Bỗng ngừng ngang đầu
Cuộc tình thương đau êm êm
Trôi theo nước xuôi về đâu ?
Hẹn hò gặp nhau Thiên Thu
Cho phong phú đời người sau.*

Đây là lúc tôi hay nói tới chuyện thiên thu. Phải sống bon chen với thực tại, thỉnh thoảng tôi muốn sống với viễn mơ. Huyền Chi, một cô em bán vải ở Chợ Bến Thành đưa cho tôi phổ nhạc bài thơ nhan đề **Thuyền Viễn Xứ**. Bài thơ này nói tới tâm trạng một người Bắc Việt, phải rời bỏ bến Đà Giang để vào sinh sống tại miền Nam. Phổ nhạc xong bài thơ nhớ miền viễn xứ, trong tôi lại nổi dậy sự viễn mơ của bài **Bên Cầu Biên Giới** năm xưa, tôi bèn soạn bài **Viễn Du**, một bài hát ra đời vào đầu thập niên 50 mà lại phù hợp với cảnh người Việt Nam lũ lượt ra sông ra khơi sau năm 1975 :

*Ra sông ! Biết mặt trùng dương
Biết trời mệnh mông
Biết đời viễn vông
Biết ta hải hùng...*

Bài này cũng nói luôn tới niềm vui của người đã vượt được từ tình quê hương tới tình thế giới :

*Ra khơi ! Thấy lòng phơi phới
Thấy tình thế giới
Thấy mộng ngày mai
Thấy niềm tin mới...*

Còn trong tuổi 30, qua bài **Viễn Du**, tôi ước ao được rời bỏ cá thể để đi vào đại thể, đi từ tiểu tình ca tới đại tình ca. Nhưng làm được những cuộc viễn du, rồi say hương kinh kỳ, quay cuồng cùng ánh sáng chói loà của nhịp đời dương thế, không ai có thể xoá hết được lối về của lũ khách đầu. Phải ra đi, và đi thật xa, nhưng nếu có ngày được trở về với những núi mờ, những xóm dừa và làn tóc ngây thơ thì lại phải viễn du nữa. Miễn là trong cuộc lữ hành, người ra đi biết mình mang thiên thu trong lòng này và nắm tương lai trong bàn tay. Bài **Lữ Hành** ra đời ngay sau bài **Viễn Du**:

*Người đi trên dương gian
Thở hơi gió từ ngàn năm
Gió lung lay Hoành Sơn
Gió dâng cao Biển Đông...*

Người còn đi trong thanh xuân, đi giữa không gian, đi trong nhân gian... đi luôn luôn giữa hai đường tử sinh. Một lối đi mà tôi còn ruổi rong mãi mãi. **Lữ Hành** sẽ kéo theo những bài như **Xuân Hành, Dạ Hành**, coi như tiếp tục cuộc ra đi của tôi, khởi sự với **Xuất Quân, Khởi Hành, Về Đồng Quê, Đường Về Quê** hay **Con Đường Cái**

Quan. Chỉ khác một chút là không những chỉ đi trên đất nước hay trong lòng người mà còn phải đi trong tâm tưởng nữa.

Đây cũng là lúc bài nhạc bán cổ điển **Danube Bleu** của Johann Strauss do tôi soạn lời Việt từ 1948 ở Chợ Neó được hai chị em Thái Thanh Thái Hằng luôn luôn hát tại phòng trà, tại Đài Phát Thanh hay Đại Nhạc Hội và được hoan nghênh nhiệt liệt. Cũng như **Thuyền Viễn Xứ**, **Viễn Du** hay **Lữ Hành**, bài ca mang tên **Dòng Sông Xanh** này phản ánh sự viễn mơ của tôi, nhưng sự mơ ước của tôi là được sống mỗi tình ở bên bờ sông của thành Vienne chứ không phải là chết bên dòng sông Danube... Cùng với những bài ca Âu Mỹ cổ kim có giá trị khác mà tôi soạn lời Việt từ lâu như **Trở Về Mái Nhà Xưa** (Back To Sorriento), **Mối Tình Xa Xưa** (Célèbre Valse của Brahms), **Tình Vui** (Plaisir d'Amour)... bài **Dòng Sông Xanh** làm nên sự nghiệp của Thái Thanh và đi vào kỷ niệm của ba bốn thế hệ tình nhân Việt Nam.

Những bài hát tình ca quê hương, tình tự dân tộc hay mang tinh thần viễn mơ... đều được soạn ra trong căn nhà gỗ nằm trong hẻm Phan Thanh Giản. Lúc đó tôi đang tận hưởng hạnh phúc gia đình với một vợ hai con, sống chung với cha mẹ và anh em nhà vợ, không một lúc nào phải lo lắng tới công ăn việc làm, tiền tài, sức khỏe... Chúng tôi cũng có thêm niềm vui lớn là đón được những người thân thích vừa lặn lội di cư vào Saigon, như gia đình Chú Tư (chú ruột Thái Hằng), gia đình anh Nhượng, tới ở tạm với chúng tôi một thời gian ngắn.

*Người đi, đi không thôi
Ngày thế giới lên nguồn vui...*
LỮ HÀNH

Chương Bốn

Vào thời điểm này, Bảo Đại đã được Pháp thừa nhận là Quốc Trưởng của một nước Việt Nam độc lập và thống nhất. Nhưng vì những chánh phủ đều do những người nổi danh là thân Pháp như Trần Văn Hữu hay Nguyễn Văn Tâm cầm quyền và Việt Nam vẫn phải gia nhập Liên-Hiệp-Pháp với tư cách một quốc gia liên kết thì sự độc lập và thống nhất đó không thuyết phục được ai cả.

Sinh hoạt của Nguyễn Đức Quỳnh và tôi cũng không chỉ đóng khung trong báo chí hay âm nhạc. Ban ngày gặp nhau ở toà soạn ĐỜI MỚI, ban đêm chúng tôi kéo nhau đi coi Cải Lương. Hồi còn làm việc ở Khu IV với tướng Nguyễn Sơn và Đặng Thai Mai, anh Quỳnh phụ trách công tác trí vận (vận động trí thức), nói cho sát hơn là vận động văn nghệ sĩ, đặc biệt là giới Cải Lương để tích cực tham gia kháng chiến. Bây giờ không có tôi nào anh không kéo tôi và đạo diễn Hoàng Trọng Miên tới các rạp hát. Chúng tôi làm quen với các ông bà bầu và các đào kép của nhiều gánh hát Cải Lương như THANH MINH, HOA SEN, PHƯỚC CHUNG... và hay lui tới rạp ARISTO để khuyến khích vua Cải Lương Bắc Hà là Trần Viết Long đã dám cả gan đem *tiếng chuông vàng* (gánh KIM CHUNG) từ Hà Nội vào khua tại cái nôi của Vọng Cổ này. Giống như thời tôi đi theo gánh hát, tôi lại được sống với ánh sáng và âm thanh của sân khấu là những thứ dễ dàng tạo nên sự hứng khởi trong lòng người.

Khi anh Quỳnh và tôi tới chơi với anh chị em trong ngành Cải Lương, chúng tôi nhận thấy, ngoài những vở tuồng bắt chước phim Mỹ, phim Nhật như SAMSON & DALILAH và RASHOMON, đã có những soạn giả đứng đắn với những vở tuồng có nội dung cao. Người nổi tiếng nhất là soạn giả Trần Hữu Trang. Về sau, anh ta sẽ là Chủ tịch Hội Văn Nghệ Sĩ của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Lúc đó, giới Cải Lương bị giới làm chính trị rất chú ý. Nghệ sĩ Duy Lâm, đang diễn tuồng LUÔNG CẦY NHUỒM MÁU (hay LẤP SÔNG GIANH ?) tại rạp Nguyễn Văn Hảo thì bị ném lựu đạn. Anh (thoát chết nhưng) bị cụt chân. Sự khủng bố ở Việt Nam không lúc nào ngưng và không chừa một ai cả !

Dù đã được hân hạnh quen biết các đào kép thượng thặng như Năm Châu, Phùng Há, Ba Vân v.v... từ năm 1944 nhưng mãi tới bây giờ, nhờ anh Quỳnh kéo tôi vào sinh hoạt sân khấu tôi mới được các anh Bảy Nhiêu, Duy Lâm... tặng cho những tài liệu đánh máy để tôi dùng trong việc biên soạn một chương viết về nhạc Cải Lương trong cuốn sách ĐẶC KHẢO VỀ DÂN NHẠC VIỆT NAM.

Nhưng ngoài thú giao dịch chặt chẽ với các giới làm văn học nghệ thuật, lúc này Nguyễn Đức Quỳnh hoạt động chính trị tích cực hơn hồi ở Khu IV. Tình thế lúc đó sôi nổi vì lá bài Bảo Đại vừa được tung ra để đối đầu với Hồ Chí Minh. Một người rất trung thành với Bảo Đại là Phan Văn Giáo lại là bạn đồng học khi xưa của anh Quỳnh. Ông ta mời anh ra Huế cộng tác. Anh được trao toàn quyền để tổ chức một tờ báo với mục đích tranh thủ nhân tâm. Nhận làm việc cho một ông vua mà anh Quỳnh lại đặt tên báo là DÂN TRÊN HẾT. Điều này khiến cho bà Từ Cung, mẹ của Bảo Đại không bằng lòng. Tòa báo ngưng hoạt động, nhưng không phải vì vậy mà anh Quỳnh bỏ về Saigon ngay. Khi ra Huế, anh Quỳnh rủ tôi đi theo để tổ chức một thứ làng văn nghệ giống như ở Khu IV trước đây. Chúng tôi cùng với Võ Đức Duy, Vĩnh Phan làm việc trong một thời gian nhưng khi nhận thấy ông Thủ Hiến Trung Việt không phải là Khu Trưởng Nguyễn Sơn và ông Bảo Đại không được lòng dân thì chúng tôi kéo nhau về Saigon.

So với hai lần trước, lần này tôi ở Huế khá lâu. Tôi có đủ thời giờ để biết Huế hơn xưa, biết yêu những con đường thật nhỏ và yên tĩnh (yêu nhất con đường mang tên Âm Hồn) dẫn tôi đi vào những căn nhà êm đềm và gặp cuộc sống rất trầm lặng của những người tôi đã vô phép gọi là của *xứ dân gầy*. Tôi ít khi gặp một phụ nữ Huế béo tốt, ngoại trừ Mụ Tôn là chủ nhân của một con đồ sông Hương để tôi xuống nằm chơi với Vĩnh Phan, Võ Đức Duy, Tchy (Đái Đức Tuấn, nhà thơ đàn anh chúng tôi gọi là "Tầy Chià") và vài nhạc sĩ cổ truyền của xứ Huế, khi hút thuốc phiện, khi nghe ca kỹ sông Hương hò hát. Kết tình với một người đẹp tên là Ngọc Túy, tôi cao hứng soạn lời ca cho điệu **Nam Bình** để nàng hát giữa đêm thâu. Chao ôi, còn gì sung sướng hơn được nằm gối đầu vào lòng người ca kỹ trong khoang thuyền nhỏ bé của con đồ Vỹ Dạ, nghe tiếng hát lan xa trên mặt nước im lìm, tiếng hát mơn trớn làn da, vỗ về trái tim, xúi giục yêu đương. Được ôm ấp những cô gái Huế khác, tôi thấy đó cũng là những núi lửa đang ngủ yên, chỉ cần một chút động đất là nổ tung lên.

Tuy nhiên, dù là kẻ rất ham mê những thú vui nhục dục, tôi cũng biết đi tìm con người và cảnh vật của Huế để thấy được khía cạnh thanh tao của những ngày ở nơi cổ đô này. Lững thững đi chơi một mình nơi chùa Thiên Mụ hay tại những lăng tẩm vô cùng trầm lặng. Làm quen với những người nếu không là Công Tăng Tôn Nữ thì cũng thuộc thành phần cao trong xã hội, có lời ăn tiếng nói nhỏ nhẹ duyên dáng dễ thương, tôi có nhiều cảm hứng để soạn bài **Dạ Lai Hương** :

*Đêm thơm như một giòong sữa
Lũ chúng em êm đềm rủ nhau ra trước nhà...*

Những ngày ở Huế, tôi cảm thấy đời ngon như men say và vui như ong bay. Vì tình (tình đây là tình người) lên phơi phới, tôi xin được nhẹ bàn chân, nhẹ bàn tay để nâng niu mật sống lâu dài. Soạn bài hát thơm tho này cũng là để nhớ tới mẹ một ngày Hưng Yên xa xôi nữa. Về sau, lần nào trở về Huế, tôi cũng cảm thấy đêm thơm như trong bài **Dạ Lai Hương** vậy.

Khi tôi ra Huế để cùng Nguyễn Đức Quỳnh giúp chính quyền trong vấn đề văn nghệ và sau khi được coi như một người bạn thân rồi, tôi tìm hiểu thêm về anh Quỳnh và thấy anh là người rất bạo trong ý nghĩ, trong lời nói, nhưng lại rất e dè trong hành động. Đã nhiều lần, trong những công tác ở đây, anh không trực tiếp hành động mà giao việc cho tôi. Có một lần Thủ Hiến Phan Văn Giáo muốn anh Quỳnh từ Huế lên Đà Lạt gặp Bảo Đại để bàn chuyện chính trị thì anh đùn cho tôi đi thay. Tôi lại có dịp yết kiến cựu hoàng một lần nữa, lần này, tôi rất ngượng vì tự thấy không đủ kiến thức về chính trị để trình bày với một quốc trưởng. Khác với lần gặp gỡ trước, tôi thấy ông vua bây giờ có vẻ mặt buồn của một người cô đơn.

Tháng 9, 1953. Các đảng phái Việt Nam công kích Chính Phủ (Nguyễn Văn Tâm) quá thân Pháp khiến có những dư luận cho rằng Việt Nam muốn từ bỏ Liên Hiệp Pháp. Bảo Đại, từ Pháp, phái Hoàng thân Bửu Lộc về triệu tập Quốc Dân Đại Hội. Đại Hội sẽ gồm 200 đại biểu chọn trong các đảng phái, đoàn thể tôn giáo, kinh tế, xã hội... để phát biểu về hai vấn đề : 1) chủ quyền quốc gia phải được tới mức nào ? 2) thể thức hợp tác với Pháp ra sao ?

Từ Huế trở về Saigon sau đó, cùng với Trần Văn Ân, anh Quỳnh trở thành quân sư cho các lực lượng chính trị miền Nam. Rồi trong Đại Hội Quốc Dân mà Bảo Đại giao cho Bửu Lộc tổ chức, với tài ăn nói và sự hiểu biết sâu rộng về chính trị, anh Quỳnh đóng một vai trò khá quan trọng. Tôi bị anh lôi kéo vào làm đại biểu của Đại Hội. Với tuổi mới ngoài 30 và cái tính rất tò mò, tôi cũng đi ra đi vô các giới Hoà Hảo, Bình Xuyên, Cao Đài (1) như một chính trị gia thực thụ. Tôi được gặp lại thầy Trần Trọng Kim, lúc đó là chủ tịch Quốc Dân Đại Hội và thấy thầy già hẳn đi. Thấy tôi đã phần nào trưởng thành trong khói lửa (sic), thầy Kim hết coi thường cái thằng Cẩn ngố nghịch ngày xưa rồi. Đó là lần cuối cùng tôi gặp người cha đỡ đầu. Vài năm sau, thầy qua đời ở Dalat.

Đây là lúc tôi có thêm một người bạn mới là Hồ Hán Sơn. Anh thanh niên người Hà Tĩnh này, tên thật là Hồ Mậu Đề, mới từ vùng Việt Minh vào miền quốc gia. Tại Saigon, anh tìm đến những người cựu kháng chiến như anh Quỳnh và tôi. Rồi do đó, gặp những người bạn khác. Là người giỏi về chính trị, Hồ Hán Sơn được chính trị gia miền Nam có cảm tình ngay. Anh được mời viết cho báo ĐỜI MỚI và mời làm đại biểu trong Đại Hội Quốc Dân. Trong Đại Hội, anh làm quen với Nguyễn Thành Phương và gia nhập hàng ngũ Việt Nam Phục Quốc Hội. Rồi được giới thiệu với Hộ Pháp Phạm Công Tắc để nhận chức Đại Tá của Cao Đài. Cộng tác với báo ĐỜI MỚI, với sự thúc đẩy của anh Quỳnh, Hồ Hán Sơn mở ra mục Trả Lời Thắc Mắc. Anh tạo ra những câu hỏi để giáo dục độc giả về chính trị. Cộng tác với Cao Đài, anh viết cuốn Nghệ Thuật Chỉ Đạo Chiến Tranh khiến cho Tướng Trình Minh Thế rất phục. Hồ Hán Sơn được tháp tùng phái đoàn Việt Nam đi dự Hội Nghị Á-Phi ở Bandung, Nam Dương vào năm 1955. Liên hệ giữa tôi với Hồ Hán Sơn là một bài thơ của anh nhan đề **Chày Tre Cối Đất** (đăng trên báo dưới bút hiệu Hồng Nam) do tôi phổ nhạc thành một bài dân ca nhan đề **Tình Nghèo** :

*Nhớ thuở nào, anh cấy thuê, em dất trâu
Đôi ta cùng gặp nhau dưới cầu...
Nhớ thuở nào, anh làm công, em gánh rong
Miếng trâu cau nên đôi vợ chồng...
Đôi vợ à chồng...*

Lúc đó chúng tôi còn ngây thơ lắm. Đều mong đôi tình nhân nghèo thành vợ thành chồng, sớm có ngày chầy tre cối đất phải được thay thế bằng cày xe cối máy để hằng năm hai mùa lúa chín ngô nhiều. Bao nhiêu năm đã trôi qua, Hồ Hán Sơn đã chết từ lâu, tôi xa quê hương đã gần cả đời mình, người nông dân ở nước nhà tiến lên cảnh cày xe cối máy hay lùi lại cảnh người bừa thay trâu cày ? Bài **Tình Nghèo** đi theo bài **Vợ Chồng Quê** và còn kéo thêm một bài nữa, bài **Hồ Lơ**, là chủ trương phát triển dân ca mới của tôi. Hình thức là nhạc ngũ cung, nội dung diễn tả đời sống thôn ỏ, sau khi nói tới mối tình của người miền Bắc, tôi vẽ ra tâm tình của người miền Trung và miền Nam. Bài **Hồ Lơ** này còn có pha nét nhạc **Vọng Cổ** :

*Yêu em tấm áo thô sơ dãi dầu nắng mưa
Vẫn chưa phai mối tình...*

Tôi thân với Hồ Hán Sơn vì anh là một tay chơi khủng khiếp. Anh hay kéo tôi tới Khu Bình Khang, một khu nhà chứa vĩ đại được mở công khai gần Ngã Bảy, nơi có hàng trăm căn phòng ân ái, phòng nào cũng gắn gương chung quanh tường và trên trần khiến cho khách làng chơi có thể soi gương nhau nhớ mãi hình hài như trong lời ca của bài **Giã Từ Ác Mộng** của tôi sau này. Tôi phải công nhận Hồ Hán Sơn là một người tình dữ dội. Gái giang hồ cũng phải vỗ đít chàng, tấm tắc ngợi khen.

Xa Hồ Hán Sơn trong hai năm, sau khi đi du học ở Pháp về, tôi nghe tin anh bị người em -- tên Danh -- của Nguyễn Thành Phương (Cao Đài) thủ tiêu, xác bị ném xuống giếng. Đi tìm người chết, người em tên Hồ Mậu Hoà nhận ra xác anh qua giày da nịt mang chữ S. Cái chết của anh Đại Tá họ Hồ này thật oan nghiệt vì anh có tài nhưng rất kiêu căng nên bị nhiều người ghen ghét. Theo nhà cách mạng Nhị Lang trong cuốn sách viết về Tướng Trình Minh Thế, chỉ vì nhận lời mời ăn cơm với Bộ Trưởng Trần Chánh Thành mà anh bị nghi là phản bội anh em trong thời gian Cao Đài chống lại ông Diệm. Đã từng được hưởng một bài học về sự cạnh tranh bất chính của mấy ca sĩ mật thám, sau cái chết của Hồ Hán Sơn, tôi học thêm một bài học khác : Sống trong vùng quốc gia, phải biết nhún nhường, phải biết giấu tài (!), phải biết kìm hãm sự háo thắng được chừng nào hay chừng này.

Có mặt trong Đại Hội Quốc Dân là một hân hạnh lớn cho tôi vì được tham dự một cuộc tập tành thực hiện dân chủ qua những cuộc thảo luận sôi nổi của người quốc gia, đòi Việt Nam phải được đứng ngoài Liên Hiệp Pháp và chỉ liên hệ với Pháp qua một hợp ước liên minh bình đẳng. Đại Hội còn yêu cầu Quốc Trưởng Bảo Đại biến Quốc Dân Đại Hội này thành Quốc Hội Lập Hiến. Phản ứng của người Pháp là một bản công hàm chất vấn Bảo Đại về yêu cầu này. Bửu Lộc được lệnh phải can thiệp để Đại Hội sửa lại một câu trong bản tuyên ngôn : *Việt Nam độc lập không tham gia Liên Hiệp Pháp dưới hình thức hiện thời*.

Trước khi tham gia đại hội này, tôi đã nuôi giấc mộng xuất ngoại. Chiến tranh Việt-Pháp là cơ hội cho giới tài phiệt thuộc địa và các tay đầu cơ chính trị để ra vụ chuyển ngân, cho phép những người có chương mục ở Banque de l'Indochine (hay những ngân hàng phụ) được chuyển tiền qua Pháp với hối suất 1\$ Đông Dương ăn 17 Francs (gấp đôi hối suất thường). Trong hai năm liền, tôi gửi được một số tiền francs khá lớn qua Pháp. Không cần tới học bổng của chính phủ, tôi đã có đủ tiền để đi du học tự túc.

Vì ủng hộ giải pháp Bảo Đại, Bình Xuyên là lực lượng chính trị và quân sự nòng cốt của miền Nam và được hưởng những quyền lợi to lớn như tiền chứa thổ đồ hồ của hai sông bạc Đại Thế Giới, Kim Chung và của khu Bình Khang nói trên. Việc xuất ngoại nằm trong tay Lai Văn Sang, Giám Đốc Cảnh Sát Công An và Lai Hữu Tài, cố vấn chính trị của lãnh tụ Bình Xuyên Lê Văn Viễn tức Bầy Viễn. Đóng vai trò đại biểu trong Đại Hội giúp tôi gặp gỡ các ông này hằng ngày và tôi được cấp giấy thông hành đi Pháp một cách dễ dàng. Trong khung cảnh Đại Hội Quốc Dân, sự giao thiệp giữa tôi với Bầy Viễn rất tốt đẹp nên khi được Bảo Đại hứa giao cho chính quyền, ông ta nghe lời Nguyễn Đức Quỳnh đề nghị, mời tôi cộng tác và hứa cho làm Giám Đốc Đài Phát Thanh. Tôi từ chối vì tự thấy mình không đủ khả năng.

Tháng 11 năm 53, Pháp mở cuộc hành quân CASTOR, đổ bộ sáu tiểu đoàn chiếm đóng Điện Biên Phủ để lập một căn cứ với mục đích ngăn không cho quân đội Việt Minh tràn qua Lào và đồng thời cũng là để bảo vệ miền trung du Bắc Việt. Tướng Navarre còn muốn dùng căn cứ này để nhử quân đội Việt Minh tới đánh, hi vọng sẽ diệt tan lực lượng quân sự đối phương. Qua năm 54, tình hình Việt Nam mỗi ngày một khẩn trương. Pháp đã bị khó khăn trong việc chống đỡ những cuộc tấn công của Việt Minh tại Điện Biên Phủ, lại còn phải đàm phán với Việt Nam quốc gia để kiện toàn nền độc lập của nước này và ấn định sự liên kết giữa hai nước Việt-Pháp trong khuôn khổ mới của Liên Hiệp Pháp. Hội Nghị Genève khai mạc vào tháng 4, 54 để vào tháng 7 sẽ bế mạc với sự kết liễu của nền bảo hộ Pháp tại Đông Dương.

Tôi chuẩn bị xuất ngoại trong không khí chính trị rộn ràng. Bửu Lộc thay thế Nguyễn Văn Tâm lập chính phủ mới. Các lực lượng tôn giáo gia nhập Quân Đội Quốc Gia. Năm lớp thanh niên được gọi nhập ngũ. Bạn bè thuộc lớp tuổi tôi như Tạ Tỵ, Đức đen... đều bị động viên. Ly kỳ nhất là sĩ quan phụ trách việc động viên thanh niên quốc gia nhập ngũ không phải ai xa lạ, đó là Vũ Văn Thiết, người nhảy dù xuống Bắc Kạn năm xưa (bây giờ bị hư mắt nên mang danh là Thiết mù). Tôi đã có passeport đi Pháp nên thoát khỏi vụ đi lính.

Ngày 8-5-54, căn cứ Điện Biên Phủ bị tràn ngập. Quân Đội Pháp phải đầu hàng sau 55 ngày cầm cự. Tháng 6, chính phủ Bửu Lộc từ chức. Bảo Đại chỉ định ông Ngô Đình Diệm về nước thành lập chính phủ mới. Tháng 7, tôi giã từ Saigon đi du học. Khi nghe tin chính phủ thay đổi thành phần bộ trưởng, tôi rất vui vì thấy bạn mình là Phạm Xuân Thái nắm chức Tổng Trưởng Thông Tin và Chiến Tranh Tâm Lý, nhất là thấy anh mình là Phạm Duy Khiêm làm Bộ Trưởng đặc nhiệm phủ Thủ Tướng.

(1) Để bạn đọc trẻ tuổi biết qua về ba tổ chức đã trở thành những lực lượng tôn giáo và chính trị trong Đại Hội Quốc Dân này, xin thưa rằng : ngoại trừ lực lượng Bình Xuyên xuất xứ từ những băng đảng có tính chất giang hồ hảo hán, hai giáo phái Hoà Hảo và Cao Đài đều chống Pháp ngay trong thời kỳ Việt Nam bị Pháp bảo hộ. Khi có cuộc kháng chiến toàn quốc, cả ba lực lượng đó đều đi theo Việt Minh rồi sau một thời gian đã chống lại những người trong phe tả của Mặt Trận này và trở về cộng tác với Quân Đội Pháp trong việc tiêu diệt kháng chiến. Sau này trong thành phần của các lực lượng đó, có những người chống lại chính phủ Ngô Đình Diệm và có những người cộng tác chặt chẽ với chính phủ này.

*Em có hay chăng anh về
Chiều nay thời gian đứng im để nghe...*
NGƯỜI VỀ

Chương Năm

Từ Saigon qua Marseille, tàu LA MARSEILLAISE, tàu biển đẹp nhất, lớn nhất của nước Pháp phải trôi từ biển Đông êm đềm qua Ấn Độ Dương luôn luôn nổi sóng, ghé lại những bến bờ mang những cái tên đã từng nằm sâu trong nhiều giấc mơ hồng của tôi như Singapour, Calcutta, Djibouti... Tàu còn phải đi qua Kênh Suez ở Ai Cập để vào Địa Trung Hải nắng chói, từ đó êm trôi ven biển lục địa Âu Châu tới bến Marseille. Hải trình dài trên 20 ngày, những ngày thần tiên của tôi so với những năm tháng vừa qua sống trong bầu không khí hùng hực lửa đạn và ô nhiễm chính trị.

Tôi sung sướng tới tột độ khi nhớ lại những ngày đứng trên bến Hải Phòng hay trên boong tàu Bạch Thái Bưởi chật hẹp để ôm mộng viễn du. Bây giờ, ban ngày tôi leo lên boong rộng như sân đá bóng của tàu LA MARSEILLAISE để hưởng mùi gió đại dương, ban tối tôi được nếm mùi cơm Tây trong phòng ăn lộng lẫy bên cạnh những cô đầm thơm như miếng kẹo, ban đêm tôi được nằm ngủ trong cabine hạng nhì, mở màn nhìn qua cửa kính tròn để thấy sóng biển bạc đầu và trắng sao vắng vặc. Trong hải trình, tàu ghé lại bến nào tôi cũng có một cuộc rong chơi trên những phố lạ. Ôi những đôi mắt to và như viên nhung của phụ nữ ở Calcutta làm tôi nhớ bài **Chanson Hindoue** của Rimsky Korsakoff. Ôi những con lạc đà đi thông dong trên bờ Kênh Suez nhắc lại bản nhạc **Sur Le Marché Persan** của Borodine. Hạnh phúc đã thực sự đến với tôi rồi, nhưng trong hải trình này, khi con tàu chao đảo trên vùng Ấn Độ Dương, có lúc tôi chỉ muốn chết (!) vì không chịu nổi cái nhức đầu như búa bổ, cái hoa mắt muốn té ngửa, cái ói ra mật xanh mật vàng khi bị say sóng.

Ngày ra đi, vợ tôi (đã có mang tới tháng thứ tư) cùng cả gia đình tiễn tôi lên tàu ở bến Sáu Kho và cũng như trong bất cứ một cuộc tạm biệt nào, tất cả mọi người đều có vẻ buồn ngủ. Nhưng sau khi chụp bức ảnh chia tay với vợ con và gia đình nhà vợ, tàu ra khỏi bến Saigon là tôi hết buồn ngay. Tôi còn rất vui khi thấy Hội Nghị Genève đã kết thúc, cuộc chiến đã tàn, hoà bình đã tới. Là một công dân hạng nhì, tôi hi vọng nước Việt Nam đã hoà bình rồi thì sẽ có ngày được thống nhất. Cho nên ngoài những giờ phút vui thú ở trên tàu hay ở những bến bờ xa lạ, tôi vẫn có những lúc nhớ về quê hương yêu quý. Sống với tinh thần lãng du nhưng con tim vẫn đập theo nhịp Việt Nam, tôi có cảm hứng để soạn ra một bài hát mang thể tài dân ca phát triển, bài **Ngày Trở Về** :

*Ngày trở về, anh bước lê
Trên quãng đường để đến bên lũy tre
Nắng vàng hoe, vườn rau trước hè
Cười đón người về...*

(Một chi tiết ngộ nghĩnh : tôi bắt đầu soạn bài này khi tàu La Marseillaise tới gần biển đỏ = Mer Rouge. Tôi ngồi viết bản thảo của bài này trên chuyến xe lửa xanh = Train Bleu, chạy tốc hành từ Marseille lên Paris, tưởng tượng đâu đây có ngọn núi trắng = Mont Blanc)

Với bài **Ngày Trở Về**, đây là lần thứ hai tôi nói tới nhân vật thương binh. Hình như mỗi lần ở trong nước có một biến cố lớn nào xảy ra là trong sự vui mừng của tôi lại có xót thương len vào. Cách Mạng vừa thành công, có chút máu đổ là tôi khóc người chiến sĩ vô danh. Kháng chiến khởi sự và trên đà thắng lợi là tôi nhớ người thương binh. Giữa mùa chiến thắng, tôi chúc tụng anh hùng Sông Lô rất nhiều thì tôi cũng

thương bà mẹ Gio Linh không ít. Bây giờ, trên chiếc tàu biển lười biếng trôi trên đại dương, tôi có đủ thì giờ để nghĩ tới trận Điện Biên Phủ. Là người Việt Nam, ai chẳng hãnh diện khi thấy người Việt khởi sự tay không mà đánh bại một đoàn quân viễn chinh có đầy đủ vũ khí. Nhưng khi thấy biết bao nhiêu xương máu đổ xuống cho chiến thắng cuối cùng, tôi lại cũng chỉ nghĩ tới ngày trở về của anh thương binh mà thôi !

Ngày đầu tiên đặt chân lên đất Pháp, tôi không cảm thấy lạ nước lạ cái như tôi muốn. Tôi đã quá quen thuộc với phong cảnh, con người, tiếng nói ở xứ Gaulois này từ khi đọc những cuốn Lecture Francaise ở trường Hàng Vôi. Bây giờ, đối với tôi, chẳng có cái gì là hương vị xứ lạ (exotique) ở cái nước Phú Lãng Sa này cả ! Trên chuyến xe lửa màu xanh đưa tôi lên Paris, mới đầu tôi đứng nhìn đồng quê nước Pháp với những đàn bò vàng đốm trắng ăn cỏ bên nông trại hay bên hàng lệ liễu (saule pleureur) rồi dần dà tôi ngỡ mình là người lâu năm xa xứ nay trở về nhà. Theo học các trường Pháp, sống với văn chương thi ca của người Pháp từ lâu, tôi thấm nhuần văn hoá Pháp là điều dễ hiểu.

Tới Paris, tôi được ở tạm tại phòng người làm (chambre de bonne) của một cao ốc nằm trên đại lộ Montparnasse. Cao ốc không có thang máy, phòng người làm ở tầng cao nhất (tầng thứ 6 ?), suốt ngày tôi đi lang thang ngoài phố hay ngồi nghỉ chân trong quán café, chờ tới đến mới dám leo khoảng 100 bậc thang lên tới phòng ngủ. Rồi tôi mua được một studio nhỏ ở số 19 đường Joubert thuộc Quận 9, nằm giữa hai thương xá LE PRINTEMPS và LA FAYETTE. Tôi mua cái studio một phòng ngủ và một bếp nhỏ này với giá một triệu quan cũ. Trong phòng chỉ có một ống sưởi bé tí tẹo, nhiều đêm tôi phải mặc áo **ba đời suy** (par dessus) và đi giày tây để ngủ. Cầu tiêu chung đặt ở hành lang, mỗi buổi sáng phải đứng nghiêng rằng đợi tới phiên mình. Cao ốc sáu tầng mà không phòng nào có buồng tắm, mỗi tuần tôi phải vác khăn lông và 25 francs đi tắm ở phòng tắm công cộng như đa số dân Paris. Tuy nhiên, tôi may mắn hơn nhiều người khác vì có nơi ăn chốn ở rất hợp vệ sinh. Sinh viên Việt Nam du học ở Pháp thường mắc bệnh lao vì thiếu dinh dưỡng và thiếu sưởi vào mùa Đông. Tôi ngu như một con bò vì khi trở về Việt Nam, tôi không giữ lại cái studio đó để cho thuê mà bán nó đi với giá rẻ mạt.

Đường Joubert nằm gần nhà ga Saint Lazare, giữa khu ăn chơi. Các gái giang hồ đứng đầy đường từ sáng sớm tới quá nửa đêm. Mùa hè còn đỡ, vào mùa Đông lạnh buốt, thấy các cô đi tới đi lui chờ khách, vì mỗi chân nên phải đứng lò cò trông như lũ vạc ăn đêm, thương quá ! Để cảm ơn một ả giang hồ mắt xanh biêng biếc tên là Lucy đã dạy tôi ăn ái theo kiểu Pháp, sau những buổi đầu tiên ném mùi phụ nữ da trắng, tôi thường cho cô ả lên phòng ăn uống nghỉ ngơi.

Chưa quyết định xong việc học hành, tôi rong chơi trong một Paris còn ử rữ vì nước Pháp vừa ra khỏi cuộc đại chiến và đang mất dần thuộc địa. Tôi có nhận xét là trong dân chúng, người già nhiều hơn người trẻ, người nghèo nhiều hơn người giàu. Có lẽ đời sống của dân Pháp lúc đó có nhiều bi đát mà thuyết hiện sinh của Jean Paul Sartre đang bành trướng. Tôi mò tới quán café FLORE ở Saint Germain des Prés để

mong gặp giáo chủ của thuyết hiện sinh. Không gặp được triết gia thì đi vào hầm nhạc (cave) để coi cô ca sĩ Juliette Gréco là hiện thân của thuyết hiện sinh, với bộ áo chần màu đen làm nổi bật những đường cong của thân thể, với giọng hát ồ ồ, ru hồn người nghe bằng bài thơ **Les Feuilles Mortes** của Jacques Prévert do Joseph Kosma phổ nhạc. Hoặc đi coi thoại kịch, kịch tiêu khiển (gọi là théâtre du boulevard) thì có những vở nhẹ nhàng của André Roussin, kịch bắt người coi phải suy nghĩ thì có những vở hóc búa của Pirandello, Bertolt Brecht...

Dù mỗi lần đi qua Opéra de Paris là tôi bị xúc động vì đây là nơi tột đỉnh danh vọng của giới sân khấu, nhưng tôi không thích coi loại đại-vũ-kịch cổ điển Tây Phương này, có lẽ vì ca kịch sĩ hát opéra là phải rú lên, nghe chướng tai vô cùng. Không thích coi opéra cũng là một thiệt thòi cho tôi, chắc chắn như vậy. Trái lại tôi thích coi Théâtre de Variétés và không bỏ qua bất cứ một buổi diễn nào của nghệ sĩ Georges Brassens với loại hát giống như là tục ca. Chính tác giả cũng tự nhận là **le pornographe de la chanson** (kẻ dâm tục trong ca khúc). Tôi mê bài **Le Gorille** của anh và sẽ biến nó thành **tục ca số 5**. Với vẻ người hao hao giống Nguyễn Tuân, Georges Brassens là một ca sĩ ngang ngược, không bao giờ chào khán giả khi ra sân khấu hay sau khi hát xong. Đây là lúc tôi mê một cô bé soạn ca khúc tên là Nicole Louvier và dịch bài hát **Qui Me Délivrera** của cô ra tiếng Việt : **Ai Sẽ Giải Thoát Em**. Sự nghiệp của cô đâm gầy và hôi nách này giống như một đời hoa, sớm nở tối tàn, nổi danh trong một thời gian rất ngắn rồi chìm ngay vào lãng quên.

Tôi học được nhiều điều trong những ngày làm quen với không khí kinh đô văn hoá là Paris này. Tuy nhiên, tò mò đi vào thế giới văn học và nghệ thuật của Pháp quốc, tôi vẫn chưa quên được Việt Nam. Vẫn còn bị ám ảnh bởi hình ảnh quê hương, tôi soạn bài **Người Về** trong một đêm đi một mình giữa Paris vắng lạnh. Bài này nói tới người mẹ, người vợ và đàn con trong bài **Nhớ Người Ra Đi** của thời kháng chiến, nay rất vui mừng khi thấy người đi đã trở về :

*Me có hay chẳng con về ?
Chiều nay thời gian đứng im để nghe
Nghe gió trong tim tràn trề
Nụ cười nhăn nheo bỗng rụng lệ nhoè...*

*.....
Em có hay chẳng anh về ?
Thoạt nhìn người yêu ngỡ trong mộng mê
Ai dám mong chi Xuân về ?
Nào ngờ vườn đêm có bông hoa kẻ...*

*.....
Con có hay chẳng cha về ?
Lời ca hồn nhiên líu lo ngoài kia
Chinh chiến đã qua một thì
Tuổi thơ nở trên biết bao é chề...*

Biết rằng không có đủ thời gian và phương tiện để ăn dầm ở dề tại Paris, tôi quyết định học tắt và chỉ học những gì cần thiết cho việc tỏ tình qua âm nhạc của mình.

Trước hết, tôi được Đặng Trần Vận, cựu chủ nhân Phòng Trà Thiên Thai ở Hà Nội 1946, hiện đang du học ở đây, giới thiệu tôi với giáo sư Robert Lopez để tới học lý thuyết (hoà âm, đối âm) và thực hành (piano), mỗi giờ phải trả 1000 quan cũ gì đó. Mỗi tuần ba ngày tôi đáp métro (xe điện ngầm) lên nhà thầy Lopez ở Neuilly để học

hỏi kỹ càng về 800 năm âm nhạc cổ điển Tây Phương mà tôi chỉ biết qua sách vở hay đĩa hát. Học để coi xem có thể áp dụng vào âm nhạc Việt Nam hay không.

Tôi tổ chức việc học hành theo phương pháp của tôi, không nhắm mắt đi theo trường phái nào cả. Đi học tự túc thì không có đủ tiền để theo một giáo trình rồi thi đậu và có bằng cấp để được thu dụng làm giáo sư Trường Nhạc hay làm người chuyên khảo trong Viện Âm Nhạc. Hơn nữa, vì có một vợ hai con ở nhà, tôi cần phải đốt thời gian. Tôi quyết định chỉ học những nguyên tắc căn bản về nhạc lý, về tiến trình âm nhạc thế giới, về bí quyết sáng tác. Tôi học piano để chỉ đánh nhạc Debussy, thiên về Á Đông. Rồi tôi thấy ngay hình thức đại nhạc của Âu Tây không áp dụng vào nhạc Việt lúc này được. Cần phát triển giai điệu đến tột cùng rồi nhờ thế hệ sau đi vào hoà điệu. Tôi may mắn vô cùng vì tôi có con tôi là Phạm Duy Cường để thực hiện điều tôi phác hoạ từ khi du học.

Ngoài việc học nhạc với thầy Robert Lopez, tôi theo Trần Văn Khê tới học nhạc ngữ ở Institut de Musicologie (nằm trong Đại Học Sorbonne) để hiểu rõ hơn về sự thành hình và biến hình của âm giai. Vào năm 1954 này, môn nhạc học vừa mới được thành lập, các lý thuyết gia như Jacques Chailley, Constantin Brailoui vừa đặt xong nền tảng cho khoa nhạc học. Khi giảng bài, giáo sư cần những ví dụ về giai điệu để chứng minh cho tiến trình thành lập âm giai, thì tôi -- vốn biết nhiều giai điệu cổ truyền Việt Nam -- đứng lên cống hiến một vài ví dụ. Chẳng hạn, để chứng minh cho giai đoạn tam cung (tritonique) tôi hát mấy câu hát ví, giai điệu nằm trong ba cung DO FA SOL. Chứng minh cho giai đoạn tứ cung (tétratonique), tôi có điệu ru Huế, giai điệu nằm trong bốn cung DO RE FA SOL...

Nhờ những ngày đi nghe giảng về khoa nhạc ngữ này, tôi thấy mình có thể phát triển những đoản khúc dân ca lên thành những bản trường ca. Trước kia, tôi chưa bao giờ theo học một lớp nhạc nào cả và chỉ vô tình đem hơn một âm giai ngũ cung vào một ca khúc. Nay tôi hiểu rõ hiện tượng **métabole** nghĩa là sự chuyển điệu từ ngũ cung này qua ngũ cung khác khiến cho giai điệu của bất cứ nhạc phẩm nào cũng có rất nhiều cung bậc mà nghe ra vẫn là giai điệu Việt Nam.

Học hỏi về nhạc lý và lịch sử âm nhạc cổ điển Tây Phương còn giúp tôi phối hợp đặc tính của hai loại nhạc có chủ thể (musique tonale) và nhạc không có thể (musique modale). Tôi cũng chăm chú nghe đĩa hát và tập đánh đàn những đoản khúc soạn cho piano của Debussy để thấy nhạc sĩ này đã sử dụng âm giai ngũ cung ra sao trong việc sáng tạo những giai điệu mới. Bản **La Jeune Fille Aux Cheveux De Lin** của ông cho tôi thấy rõ ràng cách ông phát triển nét nhạc ngũ cung. Những nhạc phẩm của Debussy đã ảnh hưởng đến tôi rất nhiều vì mấy chục năm sau, dù đã quên hẳn Debussy nhưng trên đường tị nạn, tôi đã soạn ra một ca khúc nhan đề **Dấu Chân Trên Tuyết**. Chắc chắn trong tiềm thức của tôi vẫn còn cái tên của bản nhạc **Des Pas Sur La Neige** của Debussy.

Sau khi nắm được hiện tượng métabole và bí quyết soạn nhạc ngũ cung của Debussy rồi, tôi soạn ra mấy khúc đầu của Trường Ca CON ĐƯỜNG CÁI QUAN :

*Tôi đi từ Ai Nam Quan, tôi gặp Nàng Tô Thị y y ý
Cho tôi gửi một đôi câu : chớ có về...*

Đó là lời ca của đoạn 2. Về sau, khi hoàn tất tác phẩm này thì cả nhạc lẫn lời mà tôi phác họa ra ở Paris vào năm 54 sẽ được thay đổi ít nhiều. Trường Ca CON ĐUỜNG CÁI QUAN là sự phản kháng của tôi trước sự chia cắt đất nước. Dù luôn luôn chối từ đóng những vai trò chính trị viên hay chính trị gia nhưng tôi không bao giờ bỏ lỡ cơ hội dùng văn nghệ để bày tỏ thái độ chính trị của mình.

Tôi cứ bị chính trị quẩn chặt như vậy là vì qua tới Paris, tôi gặp lại anh bạn Võ Lăng của trường Cao Đẳng Mỹ Thuật ngày nào. Võ Lăng đang là một chính trị gia thứ thiệt, nhân viên rất đắc lực của Tân Thủ Tướng Ngô Đình Diệm. Tôi rất năng tới trụ sở của Đại Sứ Lưu Động Ngô Đình Luyện ở Avenue Kléber hay tới phòng vẽ ở đường Vaugirard để gặp anh bạn cũ. Tò mò muốn biết vì sao Võ Lăng trở thành người tâm phúc của nhà Ngô, tôi được anh kể chuyện...

... Trong khoảng đầu thập niên 30 khi ông Tuần Vũ Ngô Đình Diệm ở Bình Thuận ra Quảng Trị để thăm và ở lại nhà người bạn đồng liêu là Tri Phủ Võ Vọng thì vào một buổi trưa hè ông được con trai 10 tuổi của bạn là Võ Lăng (cậu con lớn là Võ Văn Hải) ngồi quạt cho ông ngủ. Cậu bé Lăng ngồi quạt một lúc thì gục xuống giường ngủ. Khi tỉnh dậy cậu bé hết hồn vì thấy ông Diệm đang cầm quạt phe phẩy cho cậu ngủ. Rồi Võ Lăng lớn lên, đi học vẽ, hoạt động chính trị và bị Việt Minh lòng bắt, phải trốn qua Hồng Kông làm nghề vẽ truyền thần. Tại đây, vào tháng 6 năm 1946, gặp nhau trong thang máy của Hôtel Francis, anh trở thành người quen của Bảo Đại. Vì ở chung một khách sạn nên hai người gặp nhau hằng ngày và vì cựu hoàng không có quần thần ở chung quanh, Võ Lăng là người độc nhất để cựu hoàng trò chuyện. Thời cơ tới với Bảo Đại khi người Pháp tiếp xúc với cựu hoàng. Bảo Đại hỏi Võ Lăng là nên chọn ai để lập chính phủ. Võ Lăng đề nghị ông Ngô Đình Diệm, người được tiếng là yêu nước và thanh liêm. Võ Lăng liên lạc với anh là Võ Văn Hải lúc đó đang ở Bỉ để ngỏ lời mời gặp của cựu hoàng tới ông Diệm. Khi ông Diệm tới Hồng Kông, Võ Lăng lại là người cho ông Diệm biết rằng cựu hoàng không còn ăn chơi như lời đồn đại. Hai nhân vật lịch sử này gặp nhau tại Hotel Paramount. Để thấy cựu hoàng trọng ông Diệm tới mức nào, Võ Lăng kể rằng khi các chính trị gia khác, người thấy mùi sôi thịt, lục tục kéo nhau từ Việt Nam qua Hồng Kông để xin yết kiến Hoàng Thượng thì có lần cựu hoàng mặc pyjama, không thềm cài lại khuy quần khi tiếp họ. Trái lại, ngày tiếp ông Diệm ở Hồng Kông, cựu hoàng rất băn khoăn, ăn mặc rất chỉnh tề, còn nhờ Võ Lăng coi xem cái cravate có ngay ngắn hay không. Cựu hoàng trọng ông Diệm tới độ vái ông Thủ Tướng tương lai hai cái và gọi ông Diệm là Ngài. Cũng phải qua một thời gian khá lâu, với sự thay đổi của mấy bộ máy chính trị không được lòng dân như chính phủ Trần Văn Hữu, Nguyễn Văn Tâm, Bửu Lộc, với tình hình đã biến đổi sau hoà hội Genève, đã tới lúc Quốc Trưởng Bảo Đại trao lá cờ quốc gia cho ông Diệm để ông phát cao trong việc tranh thủ nhân dân với ông Hồ Chí Minh. Võ Lăng lại là người đưa ông Diệm xuống Cannes để gặp Cựu Hoàng. Đáng lẽ Võ Lăng trở về Việt Nam cùng với ông Diệm. Vé máy bay đã mua sẵn. Nhưng ông Diệm muốn Võ Lăng ở lại Paris để giúp việc cho ông Ngô Đình Luyện. Võ Văn Hải về Việt Nam thay em và làm bí thư cho Thủ Tướng... Đến với Võ Lăng, tôi chỉ có một nhúm kinh nghiệm trong thời gian làm cán bộ văn nghệ kháng chiến để nói với bạn. Tôi ủng hộ việc Toà Đại Sứ Lưu Động vận động một số lớn chuyên viên trở về phục vụ đất nước, trong số đó -- về điện ảnh -- có Đỗ Bá Thế, Trần Văn Bửu là những người mà sau này tôi sẽ tích cực tiếp tay qua việc sản xuất phim của Hãng Đông Phương và của Trung Tâm Điện Ảnh Quốc Gia. Lúc này, anh ruột tôi là Phạm

Duy Khiêm đã nhận chức Cao ỹ Việt Nam (cao hơn chức Đại Sứ) tại Pháp. Tôi chỉ tới Toà Đại Sứ để thăm anh tôi một lần và cũng được hỏi qua loa về đường lối chính trị chung chung của Việt Minh. Một lần khác, nhân ngày giỗ mẹ, hai anh em hẹn gặp nhau ở một tiệm ăn, cùng nhau trao đổi vài ba câu chuyện gia đình. Thời gian đi rất nhanh. Năm tháng trôi qua, trôi nhanh hơn nước sông Seine chảy dưới cầu Pont Neuf. Hàng ngày tôi đi học tư nơi thầy Robert Lopez hay tới Institut de Musicologie để nghe giảng về nhạc học. Trước giờ học, thi nhau đánh **tilt** (bàn bi điện) với Trần văn Khê. Hoặc đến chơi với Võ Lăng và gặp Đại Sứ Lưu Động Ngô Đình Luyện, người hiền lành nhất của gia đình họ Ngô, rất đông con nhưng toàn là con gái. Đôi khi tới Đông Dương Học xá với Đặng Trần Vận, tham gia chương trình văn nghệ của các sinh viên Việt Nam và được coi màn múa võ của kiến trúc sư khôi nguyên La Mã tương lai Ngô Viết Thụ. Hay hẹn hò với hai nhạc sĩ Công Giáo Hải Linh, Ngô Duy Linh gặp nhau ở đâu đó để bàn chuyện âm nhạc.

Trong thời gian sống ở Paris, tôi chẳng bao giờ thấy cô đơn cả ! Thế nhưng tôi thấy một ranh giới được vạch ra giữa Việt Kiều, một ranh giới rất sâu đậm, từ đó tới nay chưa được xóa bỏ hoàn toàn. Tôi nhớ tới ý niệm bên ni bên tê mà tôi đưa ra trong một bài ca kháng chiến, với mục đích phân biệt ta (dân tộc VN) và địch (Pháp thực dân). Sau trận Điện Biên Phủ và hoà hội Genève, thế nhị-nguyên ta-địch đó mất chỗ đứng rồi, tôi không còn nhìn người Pháp như kẻ thù nữa. Nhưng buồn thay, chuyện bên ni-bên tê bây giờ chuyển qua phía người Việt. Đã có mâu thuẫn giữa những người theo (!) ông Diệm và những người theo (!) ông Hồ rồi ! Tôi là nạn nhân của thế nhị-nguyên Quốc-Cộng đó, khi tôi chơi với Võ Lăng và có anh ruột làm Đại Sứ của chính phủ miền Nam, dù qua bài **Tinh Ca** sáng tác trước đây, tôi chỉ muốn có một nước Việt Nam độc lập thống nhất để xưng tụng cái bản sắc quốc gia của một dân tộc có chung lịch sử, địa lý, tiếng nói từ bốn ngàn năm lẻ.

Ở Paris lúc đó, tôi chứng kiến hoạt động của những sinh viên sau này sẽ là đám người nòng cốt trong Hội Việt Kiều yêu nước. Tôi thấy họ bị ông Hồ chinh phục khi ông này qua Pháp giám sát Hội Nghị Fontainebleau rồi trở về nước để điều khiển cuộc kháng chiến, đem lại chiến thắng cuối cùng ở Điện Biên Phủ. Những sinh viên ấy đi vào một huyền thoại rồi vô tình hay cố ý, theo đúng đường lối tuyên truyền của Hà Nội, vạch ra một ranh giới giữa người Việt với nhau. Họ nhìn tôi như một địch thủ vì tôi không theo (!) ông Hồ !!! May thay gần đây tôi qua Paris, sau khi ván bạc Cộng Sản Quốc Tế đã tàn canh, huyền thoại Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa đã tan tành, những sinh viên của 35 năm trước, nay là bác sĩ, giáo sư, trạng sư giàu sang cả rồi, dường như không còn bị chính trị chi phối tình cảm con người nữa.

Nhưng vào hai năm 54-55 này, không được giao thiệp với tất cả mọi người ở Paris thì tôi và Đặng Trần Vận vác đàn tới hát ở nhà mấy người bạn mới như Huỳnh Tấn Đốc, Phạm Gia Huỳnh. Cả hai anh bạn giàu này đều có bạn gái Pháp và khi thấy các cô đầm mê mẩn hai anh nghệ sĩ nghèo thì phải đành lòng ban phát người tình cho chúng tôi vậy. Tôi đã có nhiều buổi hẹn hò với người tình gốc Ba Lan Josiane ở quán café DUPONT gần vườn Luxembourg rồi dạo chơi trên vỉa hè khu Latinh hay ở rừng Boulogne trong những ngày hè sáng sủa.

Có ở Paris rồi mới thấy thèm nắng vô cùng. Vào mùa Đông, ngay chuyện mở cửa đi ăn tối (sinh viên tự túc, chỉ dám ăn self service) cũng đã ngại rồi, nói chi tới chuyện đi

tự tình với người yêu da trắng. Vào những ngày chủ nhật có mưa hay có tuyết, nằm một mình trong gác hẹp, mới thấy bài **Sombre Dimanche** là hay. Tôi soạn lời ca tiếng Việt, theo đúng tinh thần của bài hát :

*Sombre dimanche les bras tout chargés de fleurs
Je suis entré dans notre chambre, le coeur las...*

.....
*Chủ nhật buồn đi lê thê cầm một vòng hoa đê mê
Bước chân về với gian nhà, với trái tim cùng nặng nề*

.....
*Car je savais déjà que tu ne viendras pas
Je suis resté tout seul et j'ai pleuré tout bas
En écoutant hurler la plainte des frimas...*

Đoạn kết của bài **Chủ Nhật Buồn**, thật là buồn :

*Je mourrai un dimanche où j'aurai trop souffert
Des cierges bruleront comme un ardent espoir
Et pour toi mes yeux seront ouverts...*

.....
*Rồi một ngày tôi im hơi vì đợi chờ không nguôi ngoai
Bước chân người nhớ thương tôi tới với tôi thì muộn rồi
Trước quan tài khói hương mờ bốc lên như vụn ngàn lời
Dấu qua đời mắt tôi cười vẫn đăm đăm nhìn về người
Hồn lìa rồi nhưng em ơi tình còn nồng đôi con người
Nhắc cho ai biết cuối đời có một người yếu không thôi...*

Sau gần hai năm ở Paris rồi xa Paris, tôi có nhiều phen trở lại nơi nên thơ nhất hoàn cầu này nhưng không bao giờ tôi thấy lại không khí êm đềm của thời tôi đi học. Lúc đó tại kinh đô nước Pháp còn rớt lại không khí **le bon vieux temps** của thời trước Thế Chiến Một. Những quán rượu ở dưới hầm hầm còn là nơi có tiếng đàn tiếng hát giúp cho ly rượu ngon hơn, cho người tình của mình đẹp hơn. Bây giờ, dù kính phục người Pháp không hề là người thủ cựu, tôi không thấy dấy sườn sột tột tận của khu Centre Pompidou hay cái lồng kính hình Kim Tự Tháp ở giữa sân Musée du Louvre làm tăng vẻ đẹp của Paris. Tôi càng buồn khi thấy những hầm rượu ở Quartier Latin đều biến thành nơi bán thịt cừu của dân Marocain, Algérien. Tôi không còn cái thú hẹn em quán nhỏ nữa. Bây giờ muốn gặp người tình phải vào quán phở mặn mùi dân tộc -- mùi nước mắm -- ở quận 13 và những đôi tình nhân ôm nhau đi trên hè phố là dễ dàng lắm phải c... chớ. Cả cái khu phố Joubert xinh xắn của tôi cũng biến dạng rồi. May thay tôi vẫn còn bờ sông Seine để ngồi khóc -- tôi có soạn một bài hát tị nạn nhan đề **Bên Bờ Sông Seine Ta Ngồi Ta Khóc** -- và vẫn còn những dãy phố siêu vẹo (như Utrillo đã vẽ) ở Montmartre để thương nhớ những ngày sinh viên xa xưa...

Những ngày du học, thỉnh thoảng tôi rời Paris đi thăm miền sông Loire là nơi có ánh trời chiếu xuống lung linh để cho vua chúa thời xưa cho xây những lâu đài tráng lệ. Hay đi về vùng Bretagne để nhìn cảnh vực đá sương mù đã từng ám ảnh tôi suốt thời niên thiếu qua những tiểu thuyết của Victor Hugo, Pierre Loti. Có lần tôi qua Berlin để vào Viện Khảo Cổ xin ghi lại những điệu Chèo do ông Nguyễn Đình Nghi hát, đã được phái đoàn khảo cổ Đức tới Hà Nội để thu thanh vào những cái ống nhựa (chứ không phải đĩa hát) từ những năm đầu của thế kỷ.

Lúc bấy giờ chưa có bức tường ô nhục, tôi có thể đứng ở Tây Bá Linh cúi nhìn qua Đông Bá Linh với cảm quan của một người cũng ở trong hoàn cảnh một nước bị phân đôi như nước Đức. Không ngờ 35 năm sau, tôi còn sống để chứng kiến bức tường Berlin bị phá tan cùng với chủ nghĩa Mác-Lê Nin ở Đông Âu. Khi đó là mùa Đông 1989, tôi đang đi hát ở Đức Quốc.

Mùa Thu năm 1955. Ở nhà vợ tôi đã sinh đứa con trai thứ ba từ hồi đầu năm, đặt tên là Hùng. Tôi được sống cuộc đời trai không vợ đã khá lâu rồi. Đã có dăm ba cuộc tình với những cô em xanh mắt bồ câu Josiane, Lucy, Gisèle... thứ tình dị chủng rất nhẹ, dễ vào dễ ra, dễ bén dễ tan. Tôi không ngờ những cuộc tình tạm bợ này, về sau, giúp tôi rất nhiều khi tôi phổ nhạc những bài thơ của Cung Trầm Tưởng. Tôi chỉ cần nhớ lại hình ảnh tôi và những mỹ nhân tóc vàng sợi nhỏ đó là có thể dễ dàng gọi ra cảnh *Mùa Thu Paris, trời buốt ra đi, hẹn em quán nhỏ... hay cảnh tiễn em về xứ mẹ... tại nhà ga Lyon đèn vàng, cầm tay em muốn khóc, nói chi cũng muốn mang...*

Ở trong nước, Chính Phủ Ngô Đình Diệm đã vượt qua những khó khăn gây nên bởi các lực lượng chống đối, đã lăm le truất phế Quốc Trưởng, thành lập nền Cộng Hoà với ông Diệm là Tổng Thống. Bộ Thông Tin từ tay anh bạn thân Phạm Xuân Thái rơi về tay Trần Chánh Thành. Đài Phát Thanh do Đoàn Văn Cừu nắm. Tôi quen biết hai người này từ khi còn ở vùng kháng chiến. Rồi một ngày nọ, tôi nhận được thư của Đoàn Văn Cừu mời về cộng tác. Việc học của tôi đã coi như khá đầy đủ, không ngần ngại, tôi thu xếp hành lý, đáp máy bay về Saigon với ý định làm việc với Đài Phát Thanh.

*Nhà Bè nước chảy chia hai
Ai về Gia Định Đồng Nai thì về ...*
TIẾNG HỒ MIỀN NAM

Chương Sáu

Xa nhà, xa nước trong một thời gian không lâu lắm, nhưng khi về tới Tân Sơn Nhất sau 17 tiếng đồng hồ máy bay, cảm giác đầu tiên của tôi là thấy hơi lạ mắt lạ tai. Sau khi hoà hội Genève kết thúc, Pháp rút quân dần dần ra khỏi Việt Nam, đất nước tạm chia đôi chờ ngày hiệp thương, gần một triệu người miền Bắc bỏ nơi chôn rau cắt rốn di cư vào Nam, trước hết, làm thay đổi bộ mặt của miền *ai về Gia Định, Đồng Nai thì về...* Miền Nam không còn vẻ an nhàn, lười biếng của thời xưa nữa. Phong cảnh dọc đường từ Saigon về các tỉnh bị dân Nam Định, Bùi Chu, Phát Diệm làm thay đổi hoàn toàn. Họ ở trong hàng trăm cái lều vải lớn, dựng lên hai bên đường cái. Có những lều được dùng làm giáo đường với đông đảo các bà, các cô Bắc Kỳ di cư rằng đến, khăn vuông mỏ quạ tới làm lễ, trước khi nhà thờ mọc lên như nấm ở những nơi được đặt tên là Hồ Nai, Gia Kiệm.

Thành phố Saigon trước kia rộng rãi và thưa thớt nay như bị nhỏ lại và chật chội vì dân Hà Nội kéo vào quá đông. Những khu đất hoang biến thành những khu phố với những nhà gỗ mái tôn mọc lên chi chít như những con cò, khiến cho một khu phố được gọi là Bàn Cờ từ trước nay lại càng có vẻ bàn cờ hơn. Ngoài đường, những

người ăn mặc xuề xòa ít hơn những người mặc áo veston, đội mũ, thắt cravate, đi giày với bít tất len. Giữa mùa nắng nóng, họ nhón nháo đi quanh phố xá (nhất là quanh khu Catinat và chợ Bến Thành) cứ như là đi dạo bên Hồ Gươm vào một mùa Thu lãng mạn !

Trước cảnh tượng bưng của lớp người đang xây dựng một đời sống mới, tôi có đầy đủ cảm hứng để soạn bài **Tiếng Hồ Miền Nam** mang hơi hướng của những đoản khúc nằm trong PH...N III của Trường Ca Con Đường Cái Quan sau này :

*Nhà Bè nước chảy chia hai
Ai về Gia Định Đồng Nai thì về !
Ai li hò lơ ! Ai li hò lơ !
Ai nghe chẳng tiếng hò bao la
Những tiếng lòng di cư vẫy vùng theo gió
Ai nghe chẳng tiếng người công phu
Biết tìm tự do tránh xa ngục tù...*

Chính quyền Ngô Đình Diệm mà tôi rất có cảm tình đã đứng vững sau cơn giông tố. Một gia tộc làm chính trị chuyên nghiệp vừa nắm được quyền lực thì bị những chống đối đến từ vị quốc trưởng đang lo bị truất phế tới những đảng phái chân chính hay những tổ chức tay sai của Pháp, để sống sót, chính quyền đó không thể làm gì hơn là tiêu diệt đối lập. Tôi ở Pháp hơn một năm nên không được chứng kiến những nỗ lực của anh em họ Ngô trong việc đấu tranh để nắm giữ quyền lực. Chỉ biết rằng tình hình chính trị ở trong nước đã hoàn toàn thay đổi.

Vào ngày 18 tháng 10 năm 55, Bảo Đại ở Pháp gửi công điện chấm dứt nhiệm vụ của Thủ Tướng Ngô Đình Diệm thì trong ngày 23 cùng tháng, có cuộc trưng cầu dân ý với kết quả là toàn dân truất phế Bảo Đại và suy tôn Ngô Đình Diệm lên chức vị quốc trưởng. Ngoài thắng lợi chính trị đó, vào thời điểm Đông Xuân 1955-56 này, về phương diện quân sự, nhà Ngô đã toàn thắng các phe đối lập vì được sự ủng hộ của một số tướng của hai giáo phái Hoà Hảo, Cao Đài như Nguyễn Giác Ngộ, Nguyễn Thành Phương, Trình Minh Thế và của nhiều sĩ quan cao cấp trong Quân Đội. Lực lượng Bình Xuyên của Bảy Viễn, Lai Văn Sang, Lai Hữu Tài cùng lực lượng Bến Tre của cựu sĩ quan Tây lai Jean Léon Leroy bị đánh tan tành, phải theo chân quân đội Pháp mà ra đi, mấy người này đều bị xử tử hình khiếm diện. Hộ Pháp Phạm Công Tắc của Cao Đài lánh qua Cao Môn. Tướng Trần Văn Soái về đầu hàng. Tướng Lê Quang Vinh tức Ba Cụt bị bắt và bị xử tử hình. Đài Pháp Á ngưng hoạt động, những toán quân cuối cùng của Pháp đã về nước.

Chủ quyền ở miền Nam nằm hoàn toàn trong tay họ Ngô. Từ ngày 29 tháng 10 năm 1955, nước Việt Nam Cộng Hoà được thành lập với Tổng Thống là Ngô Đình Diệm. Quốc Hội Lập Hiến khai mạc vào tháng 3 năm 1956 và có nhiệm vụ chọn quốc ca, quốc kỳ. Trong số bạn bè của tôi, Hồ Hán Sơn đã chết, Trần Văn Ân và Hồ Hữu Tường đã bị bắt rồi bị đẩy ra Côn Đảo, chỉ có Nguyễn Đức Quỳnh không bị hề hấn gì vì không đi theo Bình Xuyên qua cầu chữ Y hay ra Rừng Sắt.

Tôi ở Pháp về tới Saigon là theo ban Thăng Long tới hát tại Đài Phát Thanh Quốc Gia. Giám Đốc Đoàn Văn Cừu tiếp đãi tôi rất ân cần, cho tôi làm nhạc trưởng của một ban nhạc (về sau lấy tên là ban HOA XUÂN) và đề nghị tôi nên dự thi quốc ca. Tôi bèn soạn một bài có tính chất âu ca, bài **Chào Mừng Việt Nam** để tham dự cuộc thi :

*Chào mừng nền Cộng Hoà Việt Nam
Chào Dân Chủ Mới chiếu nguồn ánh sáng mọi nơi.
Chào muôn năm bao anh hùng chiến sĩ,
Chào bao thanh niên anh dũng hi sinh.
Chào mừng anh em ! Chào mừng Đoàn Kết !
Lấy ý chí quốc gia xây đời văn minh.
Chào mừng nhân dân ! Chào mừng thế giới !
Quyết chiến đấu xây đời tự do đẹp tươi.
Hoan hô Độc Lập ! Hoan hô Hoà Bình !
Bông hoa Á Châu, đây dân Việt Nam !
Hoan hô nụ cười ! Hoan hô cuộc đời !
Vui tranh đấu không quên bao tình người.*

Ngoài bài của tôi, Hùng Lân dự thi với 2 bài : **Nhân Dân Cách Mạng Việt Nam** và **Việt Nam Minh Châu Trời Đông**, Ngô Duy Linh với bài **Một Trời Sao**, Ngọc Bích và Thanh Nam với bài **Suy Tôn Ngô Tổng Thống**. Chao ôi, thật là khó khăn cho Ủy Ban chọn quốc ca trong Quốc Hội quá ! Không chọn bài **Suy Tôn Ngô Tổng Thống** thì sợ Tổng Thống buồn, chọn bài đó thì chướng quá, cho nên kết cục Quốc Hội Lập Hiến duy trì bài quốc ca mà các chính phủ Nguyễn Văn Xuân và Nguyễn Văn Tâm đã chọn, nhưng Quốc Hội nhờ nhân viên của Đài Phát Thanh sửa lại lời ca. Chẳng hạn câu đầu :

*Này thanh niên ơi !
Đứng lên đáp lời sông núi...*

... nay được đổi thành :

*Này công dân ơi !
Quốc gia đến ngày giải phóng...*

Đã từng đi dạy sinh viên học sinh hát khi tham gia Phong trào THANH NIÊN TIỀN PHONG vào năm 1945, tôi thấy bài **Tiếng Gọi Sinh Viên** luôn luôn bị thay đổi. Lời ca nguyên thủy là :

*Này sinh viên ơi !
Chúng ta kết đoàn hùng tráng
Đồng lòng cùng nhau ta đi kiếm nguồn tươi sáng...*

... Khi trở thành **Tiếng Gọi Thanh Niên**, được đổi là :

*Này thanh niên ơi !
Đứng lên đáp lời sông núi
Đồng lòng cùng đi, đi, đi mở đường khai lối...*

Câu :

Thanh niên ơi ! Ta quyết đi đến cùng...

... bây giờ được đổi là :

*Công dân ơi ! Mau hiến thân dưới cờ
Công dân ơi ! Sao làm cho cõi bờ v.v...*

Tôi không phải là người độc nhất có cảm tình với chính quyền này để hằng hái tham gia bất cứ phong trào văn nghệ nào. Sau ngày Pháp ký hiệp ước trao trả chủ quyền cho Việt Nam và rút quân về nước, với cuộc di cư ồ ạt của đồng bào miền Bắc, với việc trút phế Bảo Đại và việc thành lập chế độ Cộng Hoà, với sự tiến hành những công trình xây dựng qui mô... quả thực đã có một sự phấn khởi lớn lao trong dân chúng miền Nam. Nhất là trong giới làm văn học nghệ thuật. Đã thấy xuất hiện tại Saigon những khuôn mặt lớn của giới nhà văn, nhà báo như Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Mạnh Côn, Hiếu Chân, Võ Phiến, Mặc Đỗ, Vũ Khắc Khoan, Mai Thảo... và những cơ sở báo chí, những nhà xuất bản mới mẻ như TỰ DO, VĂN HOÁ NGÀY NAY, BÁCH KHOA, SÁNG TẠO...

Được những người đã từng đi kháng chiến như Trần Chánh Thành (và Đồng Lý Văn Phòng là Lê Khải Trạch) chỉ huy, Bộ Thông Tin của chính phủ Ngô Đình Diệm thấy được khả năng tuyên truyền của văn nghệ cho nên đã thành lập một tổ chức đặt tên là VĂN HOÁ VỤ để làm công tác vận động văn nghệ sĩ tham gia đời sống chính trị. Người đầu tiên được giao cho nhiệm vụ điều khiển Văn Hoá Vụ là Đinh Sinh Pài, một cán bộ đã từng ở Khu IV, đã từng chứng kiến hoạt động của tướng Nguyễn Sơn và Đặng Thai Mai trong công tác này. Cùng với gia đình Thăng Long, tôi tham dự Đại Hội VĂN HOÁ TOÀN QUỐC mà Văn Hoá Vụ đứng ra tổ chức. Đại Hội này treo giải thưởng cho nhiều bộ môn. Tôi đoạt giải nhất trong bộ môn âm nhạc với vở ca kịch ngắn Chim Lồng. Vở này nói tới những con chim bị mất tự do và phải được tháo cũi sổ lồng để bay đi muôn phương, nghìn hướng. Vở ca kịch này như báo trước sự ra đời của tổ khúc **Bầy Chim Bỏ Xứ** :

*Chim, chim chim ơi ! Chim, chim chim ơi !
Hãy cất cánh bay tung đầy trời !
Hãy cất cánh bay theo bụi đời !
Đời là nụ cười ! Đời là nguồn vui !
Vì một đàn chim bay giữa gió
Và miệng thì líu líu lo lo...*

Trong thời gian đi kháng chiến, tôi gần đồng ruộng nên đa số bài hát đều nhắc tới lúa : *Tuổi xanh như lúa mai - Có nàng gánh lúa cho anh ra đi giết thù - Về đây với lúa với nàng...* Bây giờ ở Saigon, 1955 -- nhất là khi sống ở Hoa Kỳ sau này -- không còn cơ hội gần với đồng lúa Việt Nam thì tôi bị ám ảnh bởi chim. Sau bản **Chim Lồng** soạn ra để dự thi trong Đại Hội VĂN HOÁ TOÀN QUỐC, tôi nói tới những con chim trời qua một bài bé ca nhan đề **Một Đàn Chim Nhỏ**. Đàn chim nhỏ này từ trời bay về trần gian để trả lời lũ bé vì sao những nhân vật huyền thoại như Chị Hằng và Chú Cuội không còn ở cung trăng nữa. Trả lời rằng :

*Từ ngày có hỏa tinh bay,
Bay có ba ngày lên tới mặt trăng
Ố tang tình tang ó tang tình tình.
Cuội đành đem Chị Hằng Nga
Tìm xứ xây nhà không biết ở đâu
Ốtang tình tang ó tang tình tình...*

Những lời nói mò trong bài hát không ngờ lại đúng với sự thực : 10 năm sau đó, quả nhiên hỏa tinh Hoa Kỳ chỉ mất có ba ngày lên tới mặt trăng và làm cho Chú Cuội và Cô Hằng phải bỏ ra đi. Tội nghiệp cho huyền thoại khi khoa học tiến bộ. Đối với Lý Bạch và Tản Đà, mặt trăng sẽ không còn là một nơi để các ngài cùng tôi trú ẩn nữa. Bé Ca **Một Đàn Chim Nhỏ** này còn là sự liên tục của bài **Chú Cuội** năm xưa của tôi.

Chính phủ Ngô Đình Diệm đã vượt qua một gay go lớn là sự chống đối của các lực lượng giáo phái hay đảng phái và coi như đã nắm chặt chính quyền. Nhưng vẫn còn một gay go khác đến từ Hà Nội mà Đệ Nhất Cộng Hoà cần phải khắc phục. Một mặt, sau hạn định 300 ngày để dân chúng hai miền chọn nơi sinh sống theo tinh thần của bản Hiệp Định Genève, Việt Nam tạm chia đôi để chờ ngày thống nhất bằng một cuộc Tổng Tuyển Cử, rồi bây giờ khi miền Bắc nêu vấn đề Hiệp Thương thì miền Nam cương quyết chống. Mặt khác, Phong Trào Tranh Thủ Hoà Bình vừa được thành lập tại miền Nam và có những hoạt động chống chính phủ cùng với sự nổi loạn của tù chính trị tại các trại Tam Hiệp (Hố Nai), Phú Lợi (Thủ Đầu Một) -- cả hai chính biến này đều do Hà Nội giật dây -- khiến cho chính quyền phải huy động toàn thể dân chúng miền Nam vào cuộc đấu tranh chính trị với miền Bắc. Lợi dụng hậu quả không tốt của cuộc cải cách ruộng đất ở miền Bắc, Bộ Thông Tin của chính phủ

Ngô Đình Diệm được giao cho trách nhiệm tạo nên một phong trào gọi là Tổ Cộng. Nằm trong bộ Thông Tin, Văn Hoá Vụ tổ chức Đại Hội Văn Hoá rồi theo dõi sinh hoạt của giới văn nghệ sĩ. Đài Phát Thanh là nơi thu hút hầu hết ca nhạc sĩ ở Saigon. Đài còn giúp họ sinh sống bằng cách tạo ra nhiều ban nhạc.

Cũng như các nghệ sĩ khác, dù rất bận trong việc sinh nhai ở phòng trà hay đại nhạc hội, tôi không hề hứng với mọi thứ công tác văn nghệ do bộ Thông Tin đề xướng. Từ Khu IV dinh tề vào Hà Nội rồi vào Saigon, anh Hoàng Văn Chí, soạn giả cuốn Trăm Hoa Đưa Nở Trên Đất Bắc sau này, cũng hăng hái như tôi, xung phong vào làm việc trong Văn Hoá Vụ, nhưng anh sẽ sớm thất vọng và bỏ nước ra đi. Đó là bởi vì chính quyền khởi sự dùng ngay những công chức không có kinh nghiệm văn nghệ (nhưng là người cùng quê với Tổng Thống) như Nguyễn Duy Miến ở Văn Hoá Vụ và Bửu Thọ ở Đài Phát Thanh để thay thế Đình Sinh Pài và Đoàn Văn Cừu, những người tương đối biết tìm cách gần gũi với văn nghệ sĩ. Sự gần bó giữa chính quyền và văn nghệ sĩ dần dần trở nên lỏng lẻo.

Sau này, trước khi bị lật đổ, chính phủ Diệm đưa ông Ngô Trọng Hiếu về cơ quan Công Dân Vụ (với sự giúp sức của Nguyễn Đức Quỳnh) để cố gắng thu phục văn nghệ sĩ một lần nữa, cũng như có những người trong các chính phủ kế tiếp định nắm đầu văn nghệ sĩ, phải kết luận là trong suốt mấy chục năm đấu tranh chính trị với miền Bắc, miền Nam chưa hề có một chính sách văn nghệ có hiệu quả, nghĩa là chưa bao giờ vận động được văn nghệ sĩ vào cuộc tranh đấu chính trị đó. Riêng về ngành nhạc, nhờ có Tham Vụ Nguyễn văn Huân -- vốn là một tay chơi violon -- làm việc trong Phủ Tổng Thống và được lòng hai anh em ông Diệm, ông Nhu cho nên sau khi có trường Quốc Gia Âm Nhạc, một ban nhạc hoà tấu được thành lập ở Saigon.

Mấy đêm nhạc Mozart được tổ chức dưới quyền điều khiển của một nhạc sư già người Đức là Otto Soellner. Nhưng ban nhạc hoà tấu đó chỉ hoạt động trong một hai năm rồi tan rã ngay. Suốt trong 20 năm ở miền Nam, chỉ có vài buổi concert do Nguyễn Phụng hay Nghiêm Phú Phi điều khiển. Năm nào cũng có tổ chức giải thưởng VĂN CHƯƠNG TOÀN QUỐC của Tổng Thống trong đó có giải thưởng cho nhạc hoà tấu. Người luôn luôn giật giải là nhạc sĩ Vũ Thành, nhưng không bao giờ bản nhạc trúng giải được trình tấu vì lẽ giản dị là miền Nam không có ban nhạc hoà tấu. Thật là tội nghiệp cho những nhạc sĩ Việt Nam của thời đại này.

Trong nửa thế kỷ loạn lạc, nước ta là một nước chưa giàu chưa mạnh cho nên dân chúng chưa có thể vui thú trong cảnh hoà bình thịnh vượng để tận hưởng cái hay cái đẹp của nhạc cổ điển. Tôi là kẻ biết thân biết phận, sau khi đi du học ở ngoại quốc về, nhìn thấy tình trạng đất nước nên không dám nghĩ tới chuyện soạn nhạc theo trường phái đại nhạc Tây Phương. Tôi chỉ xin nhũn nhặn làm kẻ hát rong suốt đời với một chục, một trăm hay một ngàn lời ca tầm thường. Ấy thế mà lại hay ! Tôi không phải đau khổ như các nhạc sĩ nuôi mộng làm Mozart, Chopin hay Beethoven vì trong suốt đời mình, dù tôi chỉ dùng phương tiện tầm thường nhưng lại nói lên được khá nhiều điều. Và quan trọng nhất, có rất nhiều người nghe được những điều mình muốn nói.

Nói tới Đài Phát Thanh thì vào mấy năm đầu của Cộng Hoà thứ nhất, sau khi công chức Bửu Thọ thay thế Đoàn Văn Cừu, vì không biết cách sử dụng văn nghệ trong việc đấu tranh chính trị với miền Bắc, đài Saigon tràn ngập thỉnh không bằng những bài hát tuyên truyền. Nếu đó là những bài hát có giá trị thì cũng tốt thôi, nhưng trong

45 phút phát thanh của mỗi ban nhạc mà chỉ có toàn nhạc khẩu hiệu thì thật là khổ cho lỗ tai của thính giả. Đài còn làm một điều rất là cao quý : nhạc sĩ sáng tác được trả tác quyền để soạn nhạc tuyên truyền. Mỗi lời này khiến cho ở trong Phòng Văn Nghệ của Đài có những nhạc sĩ (xin giấu tên) làm sẵn một số nhạc điệu rồi tùy theo các chiến dịch tuyên truyền mà soạn lời. Thế thì làm sao mà có nhạc hay được, hờ Trời ? Chúng tôi gọi đó là loại nhạc bốn bò vì Đài trả tiền tác giả cho mỗi bài hát đấu tranh là 400\$. Vào năm 56, đó là một số tiền không nhỏ. Tuy nhiên, những đãi ngộ đối với nhạc sĩ và ca sĩ của Đài Phát Thanh không lúc nào đi đôi với thực tế. Trong suốt hai mươi năm, tiền thù lao cho ca sĩ, tiền tác quyền cho tác giả, lúc đầu mua được cả trăm tô phở, vì không bao giờ được tăng lên, sẽ không thể nào theo kịp giá sinh hoạt. Vào những năm cuối cùng của miền Nam, tiền tác quyền hay tiền thù lao đó chỉ đủ cho nhạc sĩ hay ca sĩ ăn một hai tô phở hay chỉ đủ trả một cuộc xe taxi đi hát radio. Đài Vô Tuyến Việt Nam viết tắt là VTVN được chúng tôi gọi là **Đài Vô Tình Vô Nghĩa**.

Nói đùa thế thôi, chứ những ngày làm việc ở Đài Phát Thanh là những ngày đầy tình nghĩa giữa đám nghệ sĩ chúng tôi và những người điều khiển tổ chức này, phần nhiều là những nhà văn nhà thơ như Thái Văn Kiểm, Huy Quang Vũ Đức Vinh, Nhất Tuấn Phạm Hậu, Hà Thượng Nhân Phạm Xuân Ninh.... Hàng ngày gặp nhau tại Đài hay tại quán Phở trước mặt Đài là chuyện trò với nhau vui như Tết. Các ca sĩ hay nhạc sĩ có khi đánh đàn hay hát trong hai, ba ban nhạc khác nhau, vào trong studio rồi mà vẫn còn đầu lảo huyền thuyên một hồi, rồi khi đèn đỏ bật lên mới nhào vào chỗ mình ngồi hay đứng. Ít khi chúng tôi phải tập hát hay tập đàn những bài bản ghi trong chương trình. Dù là bài mới, trông lời ca mà hát, trông nốt nhạc mà đàn.

Nhiều nghệ sĩ thành vợ thành chồng nhờ ở những năm tháng làm việc chung trong Đài Phát Thanh. Chúng tôi thân nhau đến độ gọi nhau bằng những biệt hiệu. Trưởng Phòng Văn Nghệ kiêm thi sĩ Thái Thủy đi chân chữ bát được gọi là Hoàng Tử Gù. Nguyễn Hữu Thiết mang biệt hiệu Khủng Long vì mặt mũi lúc nào cũng có vẻ đau khổ. Trưởng ban Tùng Lâm hay gắt gỏng được gọi là Tùm Lum...

*Bể sâu không nhiều
Nhưng cũng đủ yêu...*
CHIỀU VỀ TRÊN SÔNG

Chương Bảy

Trong khoảng 1955-56, anh bạn Hoàng Văn Chí (đang làm việc trong VĂN HOÁ VỤ) nhận được tài liệu báo chí ở Hà Nội đăng tải về vụ NHÂN VĂN GIAI PHẨM mà cơ quan tình báo trong Chính Phủ của Bác sĩ Trần Kim Tuyến, sở Thông Tin USIS của Mỹ ở Saigon, một tổ chức tuyên truyền ở Đài Loan do Linh mục Raymond De Jaegher chỉ huy và một ngoại kiều trong lãnh sự quán Ấn Độ trao cho để khai thác. Anh văn hoá vụ trưởng họ Hoàng đưa cho tôi coi để hỏi thêm tiểu sử của một số văn nghệ sĩ dính líu tới vụ NHÂN VĂN GIAI PHẨM. Do đó tôi được biết khá rõ ràng phong trào đòi tự do dân chủ của văn nghệ sĩ và trí thức miền Bắc trong đó có những người bạn cũ như Văn Cao, Hoàng Cầm, Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo...

Sau khi Kruschchev hạ bệ Staline ở Đại Hội Đảng CS lần thứ XX, nhà cầm quyền Liên Xô tuyên bố áp dụng chính sách cởi mở, bãi bỏ quan niệm thần tượng hoá lãnh tụ. Bắc Kinh rập khuôn Liên Xô, đưa ra khẩu hiệu **Trăm Hoa Đua Nở** cho phép văn nghệ sĩ tự do sáng tác, phê phán lãnh đạo. Theo gót Bắc Kinh, Hà Nội cũng cởi trói văn nghệ : phong trào NHÂN VĂN GIAI PHẨM ra đời những năm 54, 55, 56 trong giai đoạn cuộc cải cách ruộng đất gây ra những sai lầm thảm khốc cho Việt Nam. NHÂN VĂN GIAI PHẨM là phong trào đầu tiên của văn nghệ sĩ và trí thức miền Bắc đòi tự do dân chủ cho đất nước. Họ bị thẳng tay đàn áp, kẻ đi tù, người bị bạc đãi. Trước sự kiện đó, tuy trong lòng thì xót thương các bạn cũ, tôi rất vui vì sự quá lỏng lẻo trong chính sách văn hoá, văn nghệ của chính phủ Ngô Đình Diệm (và của những chính quyền đi sau). Vui là vì nếu chính phủ Diệm chưa bao giờ được xưng tụng là một Nhà Nước tôn trọng tự do và dân chủ thực sự nhưng văn nghệ sĩ ít khi bị đàn áp, trừ trường hợp đó là nhà văn, nhà báo làm chính trị hẳn hoi, đi theo một đảng phái nào đó để chống chính quyền. So với miền Bắc, người làm văn học nghệ thuật thuần túy ở miền Nam có một sự tự do tương đối nào đó trong phạm vi sáng tác.

Nhưng vui thì vui đấy, thực ra tôi cũng nên buồn một phát ! Buồn vì phe quốc gia không có một chính sách văn nghệ nào cho ra trò, chính phủ chỉ dùng những công chức để làm việc một cách rất máy móc với văn nghệ sĩ. Tổ chức kiểm duyệt nằm trong bộ Thông Tin là rất cần thiết để ngăn ngừa những người -- được gọi là ăn cơm quốc gia thờ ma cộng sản -- có ý định dùng văn hoá phẩm để tuyên truyền cho chế độ miền Bắc. Nhưng khi cần kiểm soát ngành nhạc, chính quyền đã rất lảm cẩm khi làm khó dễ chúng tôi trong việc sáng tác nhạc tình. Trong cơn say mê lạnh mạnh hoá quốc gia, bài trừ thuốc phiện, đóng cửa vũ trường, chính quyền đóng luôn vai trò kiểm soát con tim trong phạm vi âm nhạc.

Tuy nhiên, chúng tôi đâu có chịu thua mục kiểm duyệt. Vì sự lỏng tay của chính quyền, ngay trong thời ông Diệm, ngay khi phong trào Tố Cộng chưa dứt, ngoài loại nhạc tranh đấu mà chính quyền đề cao, chúng tôi vẫn rả rả đưa ra những bản nhạc tình. Rồi tới khi dòng nhạc tuyên truyền cho khu trù mật, áp chiến lược... ra đời thì vẫn có những bản nhạc ướat át được phổ biến, tuy chẳng bao giờ được chính quyền ủng hộ nhưng cũng không bị ngăn cấm gắt gao và được tuổi trẻ hát như điên. Đó là loại nhạc với nội dung tình yêu của tuổi choai choai. Sau thời ông Diệm, nhạc ướat át ẩn thân vào những bài tôi gọi là lính ca. Khi các ông nhà binh lên cầm quyền và khi có tới ba bốn thế hệ thanh niên tiếp tục bị gọi lính -- khiến cho tôi cũng phải soạn ra một bản lính ca nhan đề **Một Hai Ba Chúng Ta Đi Lính Cả Làng** -- thì những ca khúc thiên về tình yêu với đề tài lính tiền tuyến và em gái hậu phương được tung ra và rất thành công.

Khi các khiêu vũ trường bị đóng cửa, những người của đêm tối bèn kéo nhau đi chơi ở phòng trà có âm nhạc sống. Gia Đình Thăng Long và giới nghệ sĩ sinh sống bằng nghề nhạc ở Saigon giờ, ngoài địa bàn hoạt động là Đài Phát Thanh, Hãng Đĩa Hát, Đại Nhạc Hội, có thêm chỗ dựng võ là những phòng trà. Tôi thường đến giúp vui cho Phòng Trà Đức Quỳnh ở đường Cao Thắng là nơi đào tạo ra các ca sĩ Thu Hương, Lệ Thanh, Thanh Thúy... Thấy phòng trà ăn khách và với sự khuyến khích của tôi, nhà văn Mặc Thu mở phòng trà Trúc Lâm ở đường Ngô Tùng Châu. Rồi tới khi kiến trúc sư Võ Đức Diên mở phòng trà Anh Vũ ở đường Bùi Viện thì tôi là người điều khiển chương trình văn nghệ.

Các khiêu vũ trường Văn Cảnh, Tabarin, Tự Do -- bây giờ đổi thành phòng trà -- cũng là nơi tôi lai vãng hằng đêm. Dù chính quyền đang chủ trương lãnh mạnh hoá xã hội, **Saigon by night** vẫn còn là không gian và thời gian để những người thích hủ hoá (!) như tôi đi tìm nguồn vui xác thịt. Phòng trà là nơi hò hẹn của những cuộc tình tạm bợ. Thế nhưng nhờ ở chủ trương lãnh mạnh hoá xã hội này mà có một số nữ ca sĩ trở thành những mệnh phụ phu nhân của nhiều vị quan to -- kể cả quan văn lẫn quan võ -- của hai thời Cộng Hoà.

Khung cảnh ăn chơi ở phòng trà trong thời điểm này cũng giúp tôi có vài người tình xác thịt như thời 45, 46. Dăm ba mối tình tạm bợ này làm tôi nghĩ tới vũ nữ Định với bài **Tình Kỹ Nữ** và bài ca xã hội tôi soạn cho Hanoi by night khi xưa, bài **Tiếng Bước Trên Đường Khuya**. Tôi bèn soạn bài **Phố Buồn** với một thể nhạc phù hợp với thể giới hộp đêm (boite de nuit) là thể **tango**. Nhờ giọng hát ma quái của Thanh Thúy, nhờ nhà xuất bản ở chợ trời âm nhạc -- tái bản tới 8 lần -- bài ca xã hội này phổ biến ra dân chúng rất nhanh, rất rộng mà không cần phải nhờ tới đài phát thanh :

*Đường về đêm đêm mưa rơi ướt bước chân em
Bùn lầy không quên bồi thêm lối ngõ không tên
Qua mấy gian không đèn
Những mái tranh im lìm
Đường về nhà em tối đen
Nhìn vào khe song trông anh ốm yếu ho hen
Một ngày công lao không cho biết đến hương đêm
Em bước chân qua thềm
Mưa vẫn rơi êm đêm
Và chỉ làm phố buồn thêm...*

Với bài này, tôi nghịch ngợm với chữ nghĩa và vần điệu như mưa rơi tí tách, mưa tuôn dưới vách, mưa qua mái rách, mưa như muốn trách, mưa yêu áo rách... và mơ màng hộ những đôi tình nhân nghèo, phải sống trong những ngôi nhà gỗ mái tôn trong hẻm tối phố buồn (khu Bàn Cờ ?) rồi nhìn ngôi nhà gạch mà họ mơ tưởng như chiếc bánh ngọt ngon !

Trong mấy năm liền, từ khi tôi bỏ vùng quê vào thành, được ra nước ngoài trong một thời gian rồi trở về nước, ở đâu tôi cũng phải sống quá nhiều với những đô thị. Nhất là bây giờ, vì việc công cũng như việc tư, tôi phải bó chân trong một Saigon với những đại lộ tuy rất vui nhưng cũng rất ồn ào, đầy khói xe và bụi bặm. Hay với những khu phố buồn, mùa mưa, ẩm ướt, lầy lội. Tôi nhớ đồng quê, tôi nhớ thiên nhiên vô cùng. Tôi tìm mọi cách để ra đi. Rồi tôi có những buổi chiều ngồi bên dòng sông Cũ Long :

*Chiều buông trên dòng sông Cũ Long
Như một cơn ước mong ời chiều...*

... để mong được như hàng cây gỗ rong, nghiêng mình (trôi) trên sóng sông yêu kiều... Tôi còn muốn theo đồ ngang quá giang, thương chiều... Rồi bởi vì tôi *thương nhiều, nên tôi nhớ tình yêu*. Vâng, tôi lại được lãng mạn như xưa rồi ! Bài **Chiều Về Trên Sông** có lẽ là bài có nhiều tình cảm thiên nhiên nhất của tôi. Bài hát được soạn trên một âm giai mineure 6, coi như đó là sự thử thách của tôi trong việc dùng những âm giai khác với những âm giai tôi đã dùng từ trước tới nay.

Trong thời gian này, cuộc sống gia đình của tôi rất là hạnh phúc. Ra ngoài xã hội, tôi cũng như hầu hết dân chúng miền Nam đều thấy trong lòng phấn khởi vì thấy mỗi ngày chế độ quốc gia càng như thêm vững chắc, chính phủ đang tiến hành những công trình xây dựng qui mô. Một triệu người di cư đã gây một tác động mạnh mẽ vào tinh thần những người còn có cảm tình với "ngoài kia". Phong trào Tố Cộng cố gắng làm sáng tỏ hơn chính nghĩa quốc gia. Hơn thế nữa những biến cố ở trong và ngoài nước như vụ nổi loạn ở Quỳnh Lưu, vụ Nhân Văn Giai Phẩm ở Hà Nội, vụ nổi dậy ở Balan, Hung Gia Lợi... càng cho mọi người có cảm tưởng rằng miền Bắc có nhiều vấn đề hơn miền Nam. Khiến ai cũng thấy hân hoan. Ai cũng muốn hát lên những lời ca vui vẻ, đầm thắm. Tôi cũng thấy như vậy. Và tôi soạn ra một số bài hát, có thể được gọi là những bản **xuân ca**. Khởi đầu là bài **Hoa Xuân** :

*Xuân vừa về trên bãi cỏ non
Gió xuân đưa lá vàng xuôi nguồn
Hoa cười cùng tia nắng vàng son
Lũ ong lên đường cánh tung tròn...*

Bài **Xuân Thì** nói rõ hơn sự yêu mến hoà bình của người miền Nam :

*Tình Xuân chóng nở đêm qua
Khi mùa chinh chiến đã lui ra ngoài đời
Ngày Xuân con én đưa thoi
Có người nhớ tới những lời yêu mến nha
Xa xa có tiếng kinh cầu
Chiều trên dương thế mang sầu mênh mông
Người đi giữa độ Xuân nồng
Nhìn nhau bờ ngõ rưng rưng lòng nhớ thương...*

*.....
Tình thương nhân thế bao la
Yêu người năm trước đã khiến cho ta giận hờn
Và thương cây súng cô đơn
Hoa đào đã nở trên vết mòn chiến xa...*

Bài **Xuân Nồng** sau đây ca tụng mùa Xuân ở miền Nam, nơi không gió lạnh mưa phùn như ở miền Bắc, chỉ có bụi và nắng, vậy mà vẫn nên thơ :

*Trời xanh xanh quá, sáng soi bên nhà
Hương xuân la đà lọt cánh cửa qua.
Ngoài trời tự do, lũ bướm quanh co
Theo đường tơ, ra ngoài nẻo mơ.*

*.....
Một mùa Xuân nóng giữa nơi kinh kỳ
Mưa bay không về, chỉ có bụi xe
Mặt trời phương Nam trong lúc Xuân sang
Yêu người dân, Xuân nồng tình đoan...*

Nhưng bài **xuân ca** mà tôi đặc ý nhất là... **Xuân Ca**! Mùa Xuân của ta khởi nguồn từ khi cha mẹ ta gặp nhau :

*Xuân trong tôi đã khơi trong một đêm vui
Một đêm, một đêm gối chăn phòng the đón cha mẹ về !
Xuân âm u, lắt léo trong nguồn suối mơ
Bừng reo rồi theo nắng lên từ cha chói chan lòng mẹ...*

Xuân ta ra đời từ đêm động phòng của cha mẹ, rồi Xuân ta leo đèo trên đường đời cho tới khi ta cũng như mọi ai, chết trong địa cầu. Nhưng đừng lo, vì ta cũng như Xuân, sẽ tái sinh, sẽ sống thêm vài lần, như trong bài **Xuân Ca** vậy !

Tôi vốn là một kẻ tham lam. Cho nên soạn ra những bài hát mùa Xuân rồi thì tôi muốn trở thành một kẻ hát rong quanh năm ca hát. Tôi muốn soạn ra những "ca khúc bốn mùa". Vì sinh ra vào một mùa Thu nên tôi rất yêu mùa lá rụng. Trong kháng chiến tôi soạn bài hát về một mùa Thu chiến tranh nhưng đích thực ra tôi đã xưng tụng mùa Thu muôn năm hoà bình. Lúc này tôi đang tập tọe đánh đàn tranh. Tôi bèn soạn một ca khúc hát với tiếng đệm đàn tranh lấy tên là **Tơ Tình**. Bởi vì bài hát nói tới mùa Thu, tôi đổi tên là **Tình Ca Mùa Thu**. Bài này, cũng như những **xuân ca**, là một bài hát trong xu hướng hoà mình vào thiên nhiên của tôi :

*Đêm nay sương mờ bao phủ u ú như lòng thương nữ
Nhớ mấy cung đàn, thương đường tơ, mơ hiền hoà
Đêm nay sương mờ bay toả a á như hồn câu thơ
Ngát khúc tình ca, trong mùa Thu...*

Rồi trong không khí ca hát bốn mùa đó, tôi viết thêm những ca khúc mùa hè như **Hạ Hồng** :

*Mùa hè đi qua như làn gió
Mùa hè trong ta đã đỏ hoe
Mùa hè đôi ta bốc lửa cháy
Lửa thiêu trái đất này
Mùa hè thiên nhiên như tỉnh giấc
Mùa hè đưa ta tới hồng hoang
Trần trướng yêu nhau trong trời đất
Mùa hè của uyên ương
Đôi ta chỉ có một mùa mà thôi
Đôi ta chỉ có một lần đời vui
Mùa hè ngày tháng chưa già
Mùa hè hạnh phúc đôi ta...*

Hạ Hồng là một bài ca đầy nhục tính. Đây là lúc tôi tới tuổi sung sức nhất của người đàn ông, tôi không giữ nổi tôi những khi trượt chân và ngã vào lòng những người nữ miền Nam nóng như lửa đốt. Rồi sau cuộc giao hoan, tôi lười biếng nằm chết trong giường tình và soạn bài **Ngày Tháng Hạ** :

*Ngày tháng Hạ, mệnh mông buồn
Lòng vắng vẻ như sân trường
Hàng phượng vĩ cũng khác thường
Nhỏ tia máu trên con đường...*

Bài **Hạ Hồng** rất nóng bỏng, bài **Ngày Tháng Hạ** thật là oi ả, bài **Gió Thoảng Đêm Hè** sau đây có vẻ mát mẻ hơn, nhưng cả ba bài hạ ca này đều xưng tụng dục tình :

*Gió thoảng đêm hè
Gió thoảng về khuya
Gió gặp cô bé
Lúc tuổi xuân thì
Giấc ngủ không mơ
Cô bé học trò
Đến tuổi học trò...
Gió thổi căng tròn
Dưới lòng ngực son
Gió rồn tim xuống
Gió lạnh tâm hồn
Gió là nụ hôn
Làm cho cô bé
Nức nở nhiều hơn...*

Chủ trương soạn ca khúc bốn mùa nhưng tôi không yêu mùa Đông cho lắm, nên ngoài bài **Mùa Đông Chiến Sĩ** soạn trong kháng chiến hay bài **Mùa Đông Paris** (tức **Tiền Em**, thơ Cung Trầm Tưởng do tôi phổ nhạc), hồi tôi còn trẻ, tôi không soạn thêm một ca khúc mùa Đông nào khác. Về già, trong tổ khúc BẦY CHIM BỎ XỨ, tôi mới đã động tới mùa Đông xứ lạnh quê người, có những con chim phải thổ huyết và cầu cổ tự vẫn vì buồn !

Cho tới năm 1956, nghĩa là gần hai năm sau thời gian đi học ở Pháp, những ngày tháng sống tại miền quốc gia đầy hứng khởi này là những ngày hoàn toàn hạnh phúc của tôi. Trong gia đình, tôi sống an nhiên bên vợ hiền con ngoan. Ngoài xã hội tôi là người được ưu đãi. Trong sáng tác, tôi tìm được đường đi. Rồi tôi buông thả tình cảm ra, trước hết với thiên nhiên, sau tới với xã hội và con người. Không bao giờ tôi nghĩ rằng sự buông thả không kìm chế của tôi sẽ đưa tôi đến những chỗ vớ không tránh được.

*Dù nhau đi trên phố vắng
Dù nhau đi trong ánh sáng...*
THƯƠNG TÌNH CA

Chương Tám

Như đã tâm sự trong Chương 9 của cuốn Hồi Ký THỜI THƠ ẤU, tôi biết yêu rất sớm -- vào khoảng 12 tuổi -- chỉ vì tôi mê đọc truyện lãng mạn và thường được người lớn kể cho nghe những truyện tình. Dục tính trong tôi còn được khuếch đại hơn nữa, ngay từ khi mới lên bảy lên tám. Được biết những bài học về tình từ lúc còn thơ rồi lớn lên với những cuộc tình quá dễ dãi, tôi luôn luôn đi trên con đường tình ái rất dễ bình yên. Trong cuộc nội tình đã trở thành duyên thành nghĩa với vợ hiền hay trong những cuộc ngoại tình hoa bướm nào đó, bảo tổ chưa bao giờ đến với tôi cả.

Nhưng vào năm 1956 này, đồ vớ đã đến qua một tai nạn ái tình xảy ra giữa tôi và người vợ của em vợ. Đây là lúc chúng tôi bị lôi cuốn vào một ngành nghệ thuật rất mới mẻ là điện ảnh. Tôi vừa ở Pháp về và cộng tác chặt chẽ với anh bạn Đỗ Bá Thế mà tôi đã quen khi còn ở Paris và hứa sẽ cùng anh đi vào công việc thực hiện phim Việt Nam. Lúc đó hai hãng phim lớn ở Saigon là ĐÔNG PHƯƠNG của Đỗ Bá Thế và TÂN VIỆT của Bùi Diễm đang thi đua làm phim tổ Cộng với hai cuốn phim **Đất Lành** và **Chúng Tôi Muốn Sống**. Đây cũng là lúc tôi rất hưng hăng (!) với những thành công quá dễ dãi của mình -- trong cả hai địa hạt âm nhạc và điện ảnh -- quên hẳn bài học bị bắt giam ở bót Catinat và cái chết của Hồ Hán Sơn, tất cả những chuyện đó xảy ra cũng vì cái tính háo thắng của tuổi trẻ.

Sự buông thả không kìm chế trong sáng tác cũng như trong đời sống hàng ngày đẩy tôi vào một cuộc tình đáng lẽ tôi nên tránh. Thành thực mà nói, tôi muốn tránh cũng không được. Vì nhu cầu của công tác điện ảnh, tôi sống quá gần gũi với người vợ của em vợ, đôi khi còn phải sống chung ở Hồng Kông hay Manila để hoàn tất cuốn phim. Hơn nữa trong đời sống hàng ngày, lẽ ra vợ chồng tôi nên đi ở riêng sau ngày em vợ lấy vợ nhưng khi dọn tới căn nhà rất lớn đường Bà Huyện Thanh Quan, chúng tôi vẫn cứ ở gần nhau. Thế là vụ ngoại tình xảy ra. Nếu tôi sống trong một xã

hội Âu Mỹ thì tai nạn ái tình này cũng dễ giải quyết, nhưng vì gia đình nhà vợ -- trừ vợ tôi -- đã không bình tĩnh lại còn bị hai nhà văn (!) T.N. và T.K.N. xúi giục nên đem vụ này ra chốn công khai và vì tôi đã nổi tiếng rồi cho nên, khác với câu châm ngôn tốt đẹp phô ra, xấu xa đậy lại, chuyện không đẹp này trở thành một sít căng đàn rất lớn. Báo chí ở Saigon làm ầm lên đã đành, báo chí Hà Nội còn mĩa mai : Cam ở đất Bồ Hạ mà đem vào trồng ở nơi không hợp với thủy thổ là hư ngay (!) Dù chưa đến độ lúc nào cũng đâm ngực thùm thụp để nhận cái tội gốc của những người mang số kiếp nòi tình, tôi luôn luôn buồn rầu khi phải nhắc lại mối tình cấm (amour défendu) mà tôi cả gan đi vào khi tôi mới ngoài 30 tuổi. Tôi chỉ buồn vì đã làm buồn lòng người vợ, người em. Buồn vì biết rằng những đồ vỡ này sẽ không bao giờ có thể hàn gắn được.

Khác với người Á Đông, thường cho rằng phước bất trùng lai họa vô đơn chí, người Pháp có câu *à quelque chose malheur est bon*, tai họa tôi gây nên và nhận lấy không ngờ đem về cho tôi hạnh phúc. Cuộc tình không đẹp vừa kết thúc dẫn tôi tới một cuộc tình khác. Nhưng vì kinh qua việc gây khổ đau cho mình và cho người nên tôi rất thận trọng, tự nguyện phải nâng niu cuộc tình này.

Trong Chương 25 của cuốn Hồi Ký THỜI VÀO ĐỜI, tôi nói tới những ngày rất đẹp khi ghé lại tỉnh Phan Thiết vào năm 1944. Tại thành phố sáng sủa và ấm áp này, nhờ bài hát **Buồn Tàn Thu** của Văn Cao, tôi làm quen với một goá phụ rất trẻ có hai dòng máu Việt-Anh tên là Hélène. Nàng ở với mẹ già và hai đứa con, một gái là Alice, một trai là Roger, tại một đồn điền ở Suối Kiết, cách tỉnh lỵ không xa. Giữa chàng du ca và người cô phụ trẻ tuổi có một cuộc tình rất nhẹ nhàng và trong sạch. Mối tình nửa kín nửa hở được hiểu ngầm là khá say sưa. Hai người đều biết có sự yêu mến lẫn nhau nhưng không ai dám lên tiếng yêu đương cả, chẳng khác chi trong những mối tình câm lặng khi tôi mới 16 tuổi. Mối tình thốt lên qua những lời ca tôi mượn của Đặng Thế Phong, Lê Thương, hay Văn Cao và qua những lời thơ nàng mượn của Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu hay Huy Cận. Rất có thể vào lúc đó, tôi mang mặc cảm tự ti của anh hát rong trong gánh Cải Lương và nàng chưa ra thoát lối sống goá phụ thâm lặng, chúng tôi chỉ được coi đang ở mập mé một cuộc tình. Suốt một tháng trời, hai người dạo chơi trên phố xá đông đảo hay trên bãi cát vắng vẻ, nói với nhau những chuyện trên trời dưới bể, chuyện con đẽ con giun nhưng không bao giờ dám nắm tay nhau hay nói những lời ân ái như trong tiểu thuyết hay trên màn ảnh cinéma.

Khi tôi giả từ Phan Thiết và Hélène để theo gánh hát vào Nam, nàng tiễn tôi trên sân ga xe lửa. Trên bước đường giang hồ, tôi nhận nhiều bức thư (và cả những bài thơ) của Hélène. Tôi cũng luôn luôn gửi thư cho nàng. Tất cả những chuyện gặp gỡ, gần nhau, hát và đọc cho nhau nghe những lời ca, lời thơ rồi chia tay nhau, gửi cho nhau những lá thư màu xanh màu tím... chao ôi, sao mà giống như những gì bao quanh một mối tình huyền diệu. Thực tế, đó chỉ là một mối tình sương ! Cho nên khi xảy ra Cách Mạng và kháng chiến ở miền Nam khiến tôi phải chạy khỏi Saigon, leo lên xe lửa trở về miền Bắc, tàu hoả ngừng tại ga Suối Kiết mà tôi cũng không ghé thăm Hélène. Rồi kể từ đó, tôi quên nàng goá phụ trẻ tuổi.

Trở lại Saigon vào năm 1951, tôi chẳng có lúc nào nhớ tới người đẹp Phan Thiết cả. Năm tháng trôi qua với những sinh động và xuẩn động trong nghề nghiệp cũng như trong đời tư, sau tai nạn ái tình kể trên, một hôm tôi đang lang thang trước chợ Bến Thành, đột nhiên Hélène hiện ra trước mắt. Mừng mừng, tủi tủi, chúng tôi đứng nói chuyện rất lâu, biết rằng đôi bên đã có gia đình, tôi đã có bốn đứa con, nàng có thêm

ba đứa con nữa. Alice và Roger đã lớn...

-- Nếu " ông" rảnh rồi, xin mời lại chơi. Nhà ở ngay đầu đường Trần Hưng Đạo kia kìa !

Tôi vội vàng đi theo Hélène về nhà. Hai cháu Alice và Roger chạy ra nắm tay chú. Tôi ngỡ ngàng khi thấy Alice. Cô bé giống mẹ như đúc. Cũng như các nữ sinh khác, cô bé đã biết tới những bài hát của tôi như **Tình Kỳ Nữ, Bên Cầu Biên Giới, Tình Ca, Tình Hoài Hương**... Có lẽ trong tiềm thức của cô thiếu nữ 16 tuổi này đã có dư hương vòng tay bế bồng của tôi lúc cô mới lên bốn cho nên cô quán quít tôi như người quen biết từ lâu.

Đang có một thảm kịch trong lòng sau vụ ái tình được cả nước biết, tôi đi tìm an ủi ở người bạn cũ Hélène. Nhất là ở người con gái giống mẹ như đúc. Trong lúc đang có cảm giác bị mọi người chung quanh khinh khi, ghét bỏ, tôi thấy người ngoại trong lòng khi nghe cả hai mẹ con nói rằng tôi chẳng có tội gì cả ! Họ nói thế vì họ muốn kéo tôi ra khỏi một sự nhục nhằn, tôi biết vậy ! Để ghi lại cuộc gặp gỡ này, tôi phổ nhạc một câu ca dao thành một tình khúc nhan đề **Nụ Tầm Xuân**, khi in ra có đề tặng Hệ Liên (về sau nàng lấy tên là Huệ Liên, cũng do ở tên Hélène mà ra) :

Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc

Em lấy chồng rồi anh tiếc lắm thay !

Trong suốt một năm, hằng tuần, tôi lái xe hơi tới đón Alice đi chơi. Cô bé có vẻ không yêu người cha ghẻ. Hình như tất cả những cô bé sớm mồ côi cha đều không ưa người chồng mới của mẹ mình. Đã không ưa dượng thì chắc chắn cũng ít khi tâm sự với mẹ. Tôi là người có may mắn được nghe Alice trút bầu tâm sự của một thiếu nữ vào tuổi dậy thì. Càng nhìn mặt, càng nghe chuyện cô bé, tôi càng thấy Alice giống Hélène. Cũng vẫn giọng nói đó, cũng vẫn những chuyện tôi đã nghe nơi người mẹ, nói về cuộc đời, nói về mình, nói về người và nhất là nói về nền thi ca Việt Nam.

Thế là cái lưới ái tình chật hẹp tung lên vào năm 1944 mà không chụp vào đầu tôi, hơn mười năm sau, vì không tránh né nên tôi chui tọt vào lưới.

Một chiều mùa Thu 1957, tôi tỏ tình với Alice và được nàng ban cho một cái ừ lặng lẽ. Lúc đó, tôi có ngay quyết định là mối tình này cũng phải cao thượng như mối tình giữa tôi và Hélène. Tôi bỏ ra 10 năm để xây dựng một cuộc tình mà kết quả là một số bản tình ca soạn ra để riêng tặng nàng, từ *Thương Tình Ca* (1956) cho tới **Chỉ Chừng Đó Thôi** (1975). Nàng cũng viết ra khoảng 300 bài thơ để tặng tôi, trong đó có bài tôi phóng tác thành ca khúc :

Tôi đang mơ giấc mộng dài

Đừng lay tôi nhé cuộc đời chung quanh...

Kể từ năm 1948 cho tới khi xảy ra vụ sỉ căng đàn về tình, tính ra đã gần một thập niên, sau khi lấy vợ và lánh xa chính trị để sống với bản thân và gia đình, rồi đi học xa, rồi trở về "phụng sự" (!) quốc gia, vì quá mải mê soạn nhạc xã hội, những bài tình tự quê hương, tôi không soạn một bản nhạc tình nào cả. Và lại, trong 10 năm trời, tôi không gặp một cuộc tình nào gọi là đáng kể. Tới khi một chuyện tình không

đẹp xảy ra, trong muôn vàn đổ vỡ do tôi gây cho những người trong cuộc, có sự đổ vỡ của riêng tôi. Dù có người vợ hiền lành đại lượng, sẵn sàng tha thứ cho mình nhưng tôi vẫn chưa ngoi ra khỏi cái vực thẳm mà tôi đẩy tôi xuống. Nằm trong đáy cô đơn, tôi ngóc đầu vươn lên để soạn bài **Tim Nhau** :

*Tim nhau trong hoa nở, tìm nhau trong cơn gió
Tìm nhau trong đêm khô hay mưa lũ
Tìm nhau khi nắng đỏ, tìm nhau khi trăng tỏ
Tìm nhau như chim mộng tìm người mơ...*

Khi quá đau khổ, người ta dễ dàng đi vào Đạo :

*Gặp nhau trong hơi thở của cuộc đời, người ơi
Gặp nhau, hãy nép hơi im trong hương mới
Gặp nhau trong nhân tình đầy bác ái, ơi người
Gặp nhau trong kinh cầu một hồi chuông...*

Tôi không ngờ trong một thời gian ngắn, tôi lại gặp được tình yêu. Tôi không lẫn tránh nó dù biết không giữ nó được suốt đời. Cuộc tình khởi sự bằng bài **Thương Tình Ca** :

*Dù nhau đi trên phố vắng
Dù nhau đi trong ánh sáng
Dắt hồn về giấc mơ vàng, nhẹ nhàng
Dù nhau đi chung một niềm thương...*

Biết rằng có ngày phải chia xa nhau nhưng vẫn hứa :

*Dù nhau sang bên kia thế giới
Dù nhau nương thân ven chín suối
Dắt diu về tới xa vời, đời đời
Dù nhau đưa nhau vào ngàn thu...*

Vì vấn đề chênh lệch tuổi tác cũng như vì tôi không muốn làm phiền những người chung quanh một lần nữa, tôi quyết định ngay từ lúc đầu rằng đây chỉ là một mối tình giữa hai tâm hồn mà thôi. Tôi cố gắng tránh mọi đụng chạm về xác thịt và tôi hãnh diện để nói rằng nàng vẫn là một trinh nữ khi rời xa tôi để bước chân lên xe hoa về nhà chồng. Là một nghệ sĩ, tôi cần tình yêu để sáng tác, giống như con người cần khí trời để thở. Tôi không cần phải chiếm đoạt ai cả, nhất là chiếm đoạt một người con gái còn ít tuổi. Giữa chúng tôi, không có ràng buộc, trói chặt nhau. Mỗi cuối tuần gặp nhau, thế là quá đủ. Tôi nói lên điều này qua ca khúc **Cho Nhau**:

*Cho nhau chẳng tiếc gì nhau.
Cho nhau gửi đã từ lâu
Cho nhau cho lúc sơ sinh ngày đầu
Cho những hoa niên nhịp cầu
Đưa tuổi thơ đến về đâu...*

.

*Cho nhau làn tóc làn tơ
Cho nhau cả mắt trời cho
Cho nhau tiếng khóc hay câu vui đùa
Cho chiếc nôi, cho nắm mỏ
Cho rồi xin lại tự do...*

Vì yêu nhau nhưng không muốn chiếm đoạt nhau cho nên có thể *cho nhau cả dãy Trường Sơn, cho nhau cả bốn trùng dương, quê hương xin vẫn cho nhau như thường...* để rồi khi cần phải dứt tay chia đôi đường, đã giữ lại sự "tự do cho nhau" rồi thì sẽ chẳng còn gì để đôi người tình phải vương vấn hay oán trách nhau.

Tôi muốn nói qua về những tính chất nhạc tình trong Tân Nhạc Việt Nam. Khi mới thành hình, nhạc tình trong âm nhạc cải cách mang nhiều tính chất lãng mạn với

những tác phẩm của Đặng Thế Phong, Lê Thương, Thẩm Oánh, Dzoãn Mẫn v.v... Tình nhân trong những ca khúc đó bao giờ cũng phải có mùa Thu, gió heo may, sông nước, trời mây, hoa cỏ... đến để làm đẹp cho cuộc tình.

Rồi theo với thời gian, nhạc tình tiến tới giai đoạn phát triển của Tân Nhạc, nó rời khỏi khung cảnh lãng mạn (romantique) để tiến tới nhạc tình cảm tính (sentimental). Bây giờ đôi lứa yêu nhau không còn cần đến bối cảnh chung quanh nữa. Trong loại nhạc tình này, chỉ có anh với em mà thôi, nghĩa là chỉ có người nam, người nữ dìu nhau đi trên đường tình. Rồi nhạc tình Việt Nam sẽ tiến tới giai đoạn não tính (cérébral) với Trịnh Công Sơn, nhục tính (sensuel) với Lê Uyên Phương, ảo tính (psychedelique) với Nguyễn Trung Cang... Nhạc tình của tôi ra đời trong giai đoạn 58-68 nằm trong loại nhạc tình cảm tính vậy.

Sau khi dìu nhau trong **Thương Tình Ca** để đi vào tình tôi soạn những bài **Ngày Đó Chúng Mình, Đừng Xa Nhau, Kiếp Nào Có Yêu Nhau**, tất cả nhấn mạnh vào chữ "nhau" :

*Ngày đó có em đi nhẹ vào đời
Và mang theo trăng sao đến với lời thơ nuôi.
Ngày đó có anh mơ lại mộng ngời
Và se tơ kết tóc giam em vào lòng thôi...*

Georges Etienne Gauthier, trong một bài báo đăng trên BÁCH KHOA vào năm 1972 đã ví giai điệu của những bài nhạc tình này như sự vươn lên của cánh thiên nga :

*Ngày đôi ta ca vui tiếng hát với đường dài
Ngâm khê tiếng thơ, khơi mạch sầu lời (ý y y)
Ngày đôi môi đôi môi đã quyết trối đời người
Ôi những cánh tay đan vòng tình ái (ó ơ ờ)
Ngày đó có ta mơ được trọn đời
Tình vươn vai lên khơi tới chín trời mây khơi
Ngày đó có say duyên vượt biển ngoài
Trùng dương ơi ! Giữ kín cho lâu dài tình đôi...*

Nhưng dù nét nhạc, lời ca có đẹp đến mấy tôi cũng biết rằng không thể nào giữ được người tình suốt đời. Cho nên :

*Ngày đó có em ra khỏi đời rồi
Và mang theo trăng sao chết cuối trời u tối
Ngày đó có anh mê mãi tìm lời
Tìm trong đêm rách rưới cơn mơ nào lẻ loi ?*

Rồi tiên đoán ngày xa nhau :

*Ngày đó có bơ vơ lạc về trời
Tìm trên mây xa khơi có áo dài khăn cưới
Ngày đó có kêu lên gọi hồn người
Trùng dương ơi ! Có sót sa cũng hoài mà thôi...*

Mới yêu nhau mà đã lo sợ ngày xa nhau. Chúng tôi đã khuyên nhau :

*Đừng xa nhau !
Đừng quên nhau
Đừng rẽ khúc tình nghèo
Đừng chia nhau nỗi vui, niềm đau
Đừng buông mau
Đừng dứt áo
Đừng thoát giấc mộng đầu
Dù cho đêm có không bền lâu*

Dù mai sau dất nhau mà qua cầu
Mồ chôn sâu ánh trăng vàng mái lầu
Đừng xa nhau nhé
Đừng quên nhau nhé
Đừng chia nhau núi cao vực sâu
Đừng xa nhau
Đừng quên nhau
Đừng dứt tiếng ngậm sâu
Đừng im hơi đặng cay rời nhau
Đừng đi mau, để mãi mãi
Là chiếc bóng đậm màu
Còn theo nhau tới muôn đời sau...

Trong lúc này, một người bạn gái cũ là Hoài Trinh ở Paris gửi về cho tôi nhiều bài thơ hay trong đó có bài **Kiếp Nào Có Yêu Nhau** mà tôi thấy rất phù hợp với thứ tình xanh vẫn còn lo sợ của tôi. Cho nên tôi vội vàng phổ nhạc ngay :

Đừng nhìn em nữa anh ơi !
Hoa xanh đã phai rồi, hương trinh đã tan rồi
Đừng nhìn em
Đừng nhìn em nữa anh ơi
Đôi mi đã buông xuôi, môi nhẵn đã quên cười
Hắn người thôi đã quên ta
Trăng Thu gầy đôi bờ, chim bay xứ xa mờ
Gặp người chẳng
Gặp người chẳng, nhắn cho ta
Hoa xanh đã bơ vơ, đêm sâu gối ơ thờ
Kiếp nào có yêu nhau, thì xin tìm đến mai sau
Hoa xanh khi chưa nở, tình xanh khi chưa lo sợ
Bao giờ có yêu nhau, thì xin gạt hết thương đau
Anh đâu anh đâu rồi ?
Anh đâu anh đâu rồi ?
Đừng nhìn nhau nữa anh ơi
Xa nhau đã xa rồi, quên nhau đã quên rồi
Còn nhìn chi
Còn nhìn chi nữa anh ơi
Nước mắt đã buông xuôi, theo tiếng hát qua đời
Đừng nhìn nhau nữa... anh ơi...

Những bạn bè yêu nhạc thường hỏi tôi về cái gọi là bí quyết phổ nhạc. Ấu là tôi xin phép nữ sĩ Hoài Trinh cho tôi được in ra sau đây nguyên bản của bài thơ để bạn so sánh :

Anh đừng nhìn em nữa
Hoa xanh đã phai rồi
Còn nhìn em chi nữa
Sốt lòng nhau mà thôi.
Người đã quên ta rồi
Quên ta rồi hẳn chứ ?
Trăng mùa thu gầy đôi
Chim nào bay về xứ ?
Chim ơi có gặp người
Nhắn dùm ta vẫn nhớ
Hoa đời phai sắc tươi
Đêm gối sầu nức nở.

*Kiếp nào có yêu nhau
Nhớ tìm khi chưa nở
Hoa xanh tận nghìn sau
Tình xanh không lo sợ.
Lệ nhòa trên gối trắng
Anh đâu, anh đâu rồi !
Rượu yêu nồng cay đắng
Sao cạn mình em thôi !*

Chắc bạn đọc cũng thấy bài thơ phổ nhạc được tôi thêm câu, thêm chữ. Phổ nhạc là chấp cánh cho thơ bay cao. Bài thơ ngắn ngủi, cô đọng này, vì có thêm chữ nên không còn tiết vận đều đều, bằng phẳng nữa. Bây giờ nó quay cuồng theo nét nhạc, câu nhạc. Giai điệu của câu *đừng nhìn em, nữa anh ơi* chuyển rất đột ngột, đi từ nốt trầm lên nốt cao nhất với hai nhẩy bậc quãng 5 để diễn tả sự tột độ của tình cảm. Cái *syncope* sau câu *đừng nhìn em* làm cho mọi người thấy được sự nghẹn ngào của bài thơ và bài hát.

Đây cũng là lúc mà những bài thơ rất hay như **Văn Thơ Sầu Rụng, Hoa Rụng Ven Sông, Thú Đau Thương** của Lưu Trọng Lư, **Ngậm Ngùi** của Huy Cận, **Mộ Khúc** của Xuân Diệu, **Tình Quê** của Hàn Mặc Tử và **Tỳ Bà** của Bích Khê... được tôi biến thành những ca khúc để mỗi cuối tuần gặp người yêu-thi sĩ thì tôi hát tặng Nàng.

Lại có thêm Cung Trầm Tưởng, một thi sĩ trẻ vừa ở Paris về, đưa cho tôi mấy bài thơ để phổ nhạc như **Tiền Em, Mùa Thu Paris, Chiều Đông, Kiếp Sau, Về Đây, Bên Ni Bên Nớ**... trong đó, có hai bài hát về Paris do các nữ ca sĩ trẻ đẹp như Thanh Thúy, Thu Hương, Lệ Thanh trình bày hằng đêm tại các phòng trà và được khán giả hoan nghênh. Những bài thơ phổ nhạc đó trở thành những tình khúc của một thời, thi tứ chắc chắn là của các thi sĩ nhưng động lực khiến tôi phổ nhạc, chính là Nàng Thơ của tôi.

Trong số bài thơ phổ nhạc vào lúc này, bài **Ngậm Ngùi** thành công nhất.

Bài thơ của Huy Cận cũng đã được đàn anh Lê Thương phổ nhạc từ năm 1943 hay 44 gì đó. Tiếc thay, thiên hạ không có dịp hát nó. Tôi may mắn hơn chàng Lê, vừa tung bài thơ phổ nhạc ra là mọi người biết ngay. Được Anh Ngọc hát lần đầu tiên rồi được Lệ Thu làm nó trở thành bất hủ, bài thơ của Huy Cận do tôi phổ thành ca khúc là một thứ giao lưu văn nghệ xảy ra ngay từ lúc này. Nguyên bài thơ đã là một giao lưu giữa thơ Đường và thơ lục bát Việt Nam rồi.

Thơ hiện diện từ mấy chục năm trước, được trở thành nhạc vào lúc Việt Nam bị phân chia, ca khúc **Ngậm Ngùi** của Huy Cận-Phạm Duy giao tiếp hai thời thanh bình và khói lửa, giao hoà hai nghệ sĩ ở hai miền đối nghịch. Về phương diện thẩm âm, thẩm mỹ, bài đó xứng tụng một cái đẹp sắp sửa mất, đang mất hay sẽ mất, với lời thơ êm ả, buồn ngùi, thương tiếc, với nhạc điệu ôm ấp, vỗ về, an ủi. Hãy trả lại chúng tôi **mộng bình thường** mà có lẽ chúng tôi đã, đang hay sẽ mất. Tôi cố tình dùng hơi "oán" trong bài ca :

-- *Phải nhấn giọng ở chữ "bãi" trong câu nắng chia nửa bãi chiều rồi, như ta hát Vọng Cổ, nghe không ca sĩ...*

Suốt mấy chục năm liền, **Ngậm Ngùi** được hát liên miên. Ca sĩ mới ra lò ở Mỹ hiện nay (1991) dù đã ngọng tiếng Việt, cũng vẫn hát **Ngậm Ngùi** như thường. Dường như chưa hề ra thoát một u buồn triền miên, chúng ta không ngưng nghỉ ru nhau vào giấc mộng bình thường :

*Ngủ đi em mộng bình thường
Ru em sẵn tiếng thùy dương đôi bờ
Ngủ đi em ! Ngủ đi em !*

Mang ơn đời nâng đỡ, dâng nắm mồ thô sơ
Với dâng hương hồn thương nhớ
Còn vẫn vương trong chiều tà...
Tạ Ôn Đời

Chương Chín

Sau khi đất nước chia đôi, chỉ trong vòng vài ba năm, **Tân Nhạc** tiến từ thời thành lập tới thời phát triển. — miền Bắc nó nằm trong tay Nhà Nước, nhạc sĩ, ca sĩ đều trở thành văn công. — miền Nam, nằm trong tay tư nhân, ngành nhạc đi tới chỗ loạn phát. Dưới thời thịnh của ông Diệm, trong phạm vi văn nghệ, xã hội miền Nam -- mệnh danh là tự do -- là một xã hội có kiểm duyệt, dù lỏng lẻo. Hệ thống thông tin quần chúng như nhật báo, radio phải qua kiểm duyệt. Âm nhạc, muốn phổ biến rộng rãi, phải qua Đài Phát Thanh và chịu sự kiểm soát của Phòng Văn Nghệ. Muốn phát hành bản nhạc, đĩa hát, băng nhạc cũng phải qua kiểm duyệt. Nhưng bên cạnh bộ máy kiểm duyệt này, Nhà Nước cũng có một hệ thống sản xuất riêng. Các Đài Phát Thanh Quốc Gia hay Quân Đội có hàng chục các ban nhạc và hàng trăm các bản nhạc phục vụ thông tin tuyên truyền. Trong sinh hoạt chung, có một nền nếp rõ ràng : Những bản nhạc đánh vào lý trí hay vào xúc cảm (một cách gượng ép) của dân chúng thì có guồng máy thông tin của Nhà Nước. Về phía tư nhân, nhạc sĩ độc lập cứ việc soạn nhạc tình cảm dù vẫn phải qua kiểm duyệt. Dần dần nó bị cơ cấu hoá và người ta cho rằng đánh vào lý trí, để Nhà Nước làm là đúng lắm. Vô hình trung có sự phân công rõ rệt giữa dân chúng và chính quyền. Nhà Nước làm chuyện thông tin tuyên truyền, tư nhân làm chuyện văn nghệ thuần túy, như thế là rất quân bình, đôi bên bổ túc cho nhau.

Do đó, dù là cơ quan Nhà Nước, các Đài Phát Thanh cũng giúp nghệ sĩ tư nhân địa bàn hoạt động. Đó là lúc những Tổng Giám Đốc và Trưởng Phòng Chương Trình hay Phòng Văn Nghệ là những văn nghệ sĩ có tâm và có tài như Vũ Đức Vinh (văn sĩ Huy Quang), Phạm Hậu (thi sĩ Nhất Tuấn), Phạm Xuân Ninh (thi sĩ Hà Thượng Nhân), nhạc sĩ Vũ Thành, Nguyễn Hiền, văn sĩ Văn Quang. Vũ Thành còn lợi dụng phòng kiểm soát của Đài để bắt các trưởng ban nhạc phải soạn hoà âm đứng đắn cho từng bản nhạc trong chương trình.

Đài Quốc Gia còn có hẳn những chương trình giúp cho tân nhạc phát huy một cách lộ liễu do các nhà văn, nhà báo Phan Lạc Phúc, Nguyễn Đình Toàn, Nguyễn Quang Hiện, Trần Dạ Từ phụ trách. Rồi có lúc loại nhạc vàng lên cao vùn vụt. Như đã nói ở trên, vì ngành nhạc ở miền Nam nằm trong tay tư nhân với những phương tiện phổ biến dồi dào như việc ấn hành những bản nhạc rời, việc lăng xê bài hát trên đài phát thanh, việc thu đĩa, thu băng nên nó trở thành món hàng tiêu thụ, tức là

nhạc thương phẩm với những ca khúc rất dung tục, ít thi tứ vì chạy theo thị hiếu thấp của quần chúng (1). Nếu không có các nhà văn, nhà báo với những chương trình phát thanh kể trên hết lòng giới thiệu thì những nhạc phẩm đứng đắn không được dân chúng biết. Tôi mang ơn những người phụ trách các chương trình phát thanh đó. Họ giúp tôi tràn tình với thính giả mỗi khi tôi tung ra một loại ca mới nào. Tôi luôn luôn được phỏng vấn. Trả lời câu hỏi của Nguyễn Đình Toàn trong chương trình nhạc chủ đề của Đài Saigon, tôi nói vào lúc đó -- khoảng cuối thập niên 50 -- đối với tôi, chỉ có ba điều quan trọng : **tình yêu, sự đau khổ và cái chết.**

Với cuộc tình vừa kể ở chương trước, tôi đã soạn ra những bài hát xưng tụng tình yêu của chính tôi, trong đó biết bao nhiêu điều hạnh phúc được nói lên. Còn hạnh phúc nào hơn sự dìu nhau đi trên phố vắng nhỉ ? Bạn đọc còn nhớ chứ, mỗi năm Saigon đều có những ngày mưa rất đẹp. Mưa ào ào trên đầu của những tình nhân rồi lại tạnh ngay. Mưa từng là vạn cổ sầu của Đặng Thế Phong, là sầu thiên thu nhưng cũng là mưa hạnh phúc của những tình nhân Saigon. Bài hát nhan đề **Mưa Rơi** :

*Mưa đi từ tuổi thơ,
Mưa theo cuộc tình tơ
Mưa rơi bạc đầu ai mong nhớ mưa...*

*.....
Mưa rơi vào lòng ta
Mưa rơi vào tình ta
Có hay chăng là mưa rơi vì chúng ta
Mưa rơi, và còn rơi
Không bao giờ mưa ngời
Không bao giờ ta nguôi yêu người ơi...*

Đã nhiều lần, như một sinh viên 18 tuổi, tôi đưa em về nhà em khi mưa rơi ngoài đường đêm (đường phố Saigon) và mưa vui mừng quần quýt dưới chân êm...

*Mưa rơi lạnh trời đen
Mưa trong lòng lên men
Mưa cho lửa tình thêm chút yếu mềm...*

Đối với tôi, mưa rơi ngoài hè đêm, như đôi bàn tay tiên, ru nhẹ nhẹ một ca khúc không tên. Và tôi xin mưa cứ rơi đi, rơi mãi nhé, ôi những giọt mưa to nhỏ triền miên, mưa trên đầu vô biên, mưa ấp ủ tình duyên thêm vững bền. Xin mưa cứ rơi trên đầu những kẻ đang dìu nhau đi trên phố vắng !

Xưng tụng bước đi trên phố mưa, phố vắng của người tình qua bài **Mưa Rơi** vừa rồi, tôi còn có thêm một bài hát **Đường Em Đi** :

*Đường em có đi
Hàng đêm gót hoa
Nở những đoá thơ ôi dị kỳ
Đường em có khi
Chờ em bước qua
Là nghiêng giấc mơ ước thề
Ngàn sao sáng xa nhìn em thướt tha
Rụng rơi vương mây tóc ngà
Đường thơm bóng gầy, nhạc run lá bay
Hàng cây thiết tha đắm say...*

Đây cũng là lúc tôi hoàn tất trường ca CON ĐƯỜNG CÁI QUAN. Trong khi tôi rảo bước trên con đường tử sinh của dân tộc, tôi cũng không quên con đường tình của mình :

*Đường em cứ đi
Tình ta cứ xây
Chờ em thoát thai quay đường về.
Đường quanh khúc co
Nhịp chân trời vo
Đường duyên ấm vui, đường mơ...*

Hạnh phúc trong cuộc tình này khiến cho tôi như sống trong cơn **Mộng Du**:

*Đêm đêm người mở lòng ra
Ôm ta trong cõi mơ hồ.
Giã từ đời bằng hơi gió
Hoá hồn theo cánh mây xa...*

*.....
Em em người dệt bài thơ
Nâng ta trong lưới mơ hồ
Ta về lòng người bỏ ngõ
Khóc cười như bé bơ vơ
Ta theo đường mộng còn lưa
Hương đưa vào nẻo ngàn thu
Người về tay ngà thương nhớ
Kêu ta bằng một lời ru...*

Nhưng trong hạnh phúc của cuộc tình đã thấy le lói sự khổ đau. Tôi tự biết không giữ được cuộc tình nên tôi than :

*Nếu một mai em sẽ qua đời
Hoa phủ đầy người
Xe nhịp dầm khơi, xa xôi...*

Với bài **Nếu Một Mai Em Sẽ Qua Đời** này, tôi nghĩ tới ngày xa nhau. Với hoa phủ đầy người, người yêu lên xe hoa. Xe hoa là xe tang hay xe cưới ? Chỉ biết em sẽ qua cầu, em sẽ xa anh :

*Nếu một mai không còn ai
Đứng bên kia đời trông vói vói
Không còn ai ! Đâu còn ai ?
Trong ngày mai, có dư hương người
Chỉ là giăng giối mà thôi
Nếu về sau em có qua cầu
Không chẳng vì sầu, thương chẳng còn đâu ?
Mà nói chuyện quên nhau
Nếu vì sao, quay gót cuốn mau
Dấu chân sâu in vết không lâu
Chẳng nợ gì nhau...*

Xa nhau rồi hết nợ nhau nhé ! Rồi còn gì nữa đâu mà tưởng nhớ nhau ? Mà oán trách nhau ? Mà phải khóc nhau ? Mà gọi mãi nhau ? Bài **Còn Gì Nữa Đâu** được soạn ra ngay từ lúc này, nghĩa là sáu, bảy năm trước khi xa nhau :

*Còn gì nữa đâu ?
Mà kể với nhau
Vết thương đầu ngày nào
Có sống bao đời sau
Thì đã mất nhau*

Còn gì nữa đâu ?

.....
Còn gì nữa đâu ?

Mà gọi mãi nhau...

Hạnh phúc gắn liền với đau khổ trong vấn đề tình yêu được thể hiện trong một số bản nhạc tình, đúng như tôi trả lời người phỏng vấn Nguyễn Đình Toàn trong chương trình văn học nghệ thuật vào cuối năm 1959. Thế cái chết thì sao ? Xin thưa ngay rằng tôi rất sợ chết. Luôn luôn bị ám ảnh bởi cái chết. Tôi từng chứng kiến, lúc còn bé hay khi bước vào đời những cái chết đáng sợ : xác người treo cổ hay trảm mình ở Hồ Gươm, cái chết của thằng bạn nhỏ phố Hàng Dầu, của chị Sâm, xác bạn đồng ngũ ở chiến khu Baria, của người dân quân ở huyện Gio Linh v.v... Tôi còn bị ám ảnh bởi cái chết của chính tôi nữa. Sinh ra khi người cha đã mang trọng bệnh, tôi là đứa bé không đến nỗi quá gầy ốm nhưng cũng chẳng béo tốt gì. Khi lớn lên, ham mê điền kinh rồi được làm nghề lao động chân tay, còn được về sống trong không khí đồng quê trong sạch nữa nên ít khi tôi bị đau ốm. Nhưng khi lâm bệnh thì toàn là bệnh nặng.

Con người sống mạnh khoẻ là nhờ con tim và bộ phổi tốt. Trong chuyến vượt Trường Sơn vào Bình-Trị-Thiên, phải đi bộ và leo núi quá sức mình, quả tim của tôi bị nở ra khiến tôi khổ sở ở chiến khu Ba Lòng và phải trở ra Thanh Hoá bằng đường biển. Vào Saigon, thỉnh thoảng thấy có sự trục trặc trong quả tim hơi to của mình, cuối cùng tôi nhờ ông lang người Tàu Chợ Lớn bốc cho khoảng 100 thang thuốc trong đó có thứ quế Việt Nam (theo ông ta nói) có khả năng làm cho quả tim không nở to ra nữa. Những ngày làm thợ ở Moncay, phải sống quá nhiều với thán khí của lò rèn và của nhà máy phát điện, tôi bị đau phổi phải vào nhà thương để chữa bệnh thổ huyết. Từ đó, trên đầu cuống phổi của tôi, có một bướu nhỏ. Những khi làm việc quá sức, vết thương nhỏ lại ứa máu ra, thường thường là vào khoảng một hay hai giờ sáng. Tôi lo sợ vì trong gia đình tôi có hai người chết vì ung thư là mẹ tôi và anh Nhượng. Hơn nữa, ở chung với gia đình nhà vợ, tôi được một người thân tặng những vi trùng mang tên bacille de Kock nhờ tôi là công chức và phải khám sức khoẻ nên bệnh lao được phát giác và chữa chạy trong hai năm. Cũng may tôi không hút thuốc lá và uống rượu nên hai bệnh tim và phổi này không có cơ hội phát triển dù nhịp độ một tim và thổ huyết tăng lên với tháng năm. Chỉ mãi gần đây, sau một cơn thổ huyết quá nặng, được đưa vào bệnh viện Hoa Kỳ để đốt vết sẹo đó bằng tia laser rồi được phòng thí nghiệm cho biết **tumeur** không có ác tính. Từ đó (tháng 4 năm 1990) tôi mới hết sợ chết. Trước đó, quả rằng trong những ca khúc của tôi, cái chết luôn luôn được đề cập.

Những cái chết trong kháng chiến tôi đã nói lên rồi. Bây giờ trong nhạc tình có phải phát bóng dáng của Nữ Thần vác lưỡi liềm dài. Trong bài **Nước Mắt Rơi** soạn năm 1961 chẳng hạn, tôi nói tới cuộc đời ngắn ngủi của giọt lệ. Giọt nước mắt ra đi từ bờ mi rồi về chết trên bờ môi. Trong hành trình rất là ngắn ngủi đó, nước mắt là ngọt bùi của đôi lứa, là mặn đắng của khổ đau, là tình tình nữ, là hồn thơ, là đời hoa sớm nở tối tàn, là suối lệ nhỏ nhoi hay là biển nước mắt bao la của chúng ta. Là nước mắt không mùi và còn là giọt nước mắt khô nữa :

*Nước mắt rơi cho tình ra đời
Nước mắt theo duyên về xa vời
Mùa Xuân ngời trôi dòng lệ vui nhỏ bé xanh tươi
Nước mắt xuôi cho người gặp người
Nước mắt len sau từng nụ cười*

*Lệ ngọt bụi say đòi rủ nhau tìm lối ra khơi
Nước mắt rơi trên đường đã dài
Nước mắt đưa chân về cội đời
Giọt lệ vàng không mùi ngược trôi về với đơn côi
Nước mắt êm đi vào tuổi trời
Nước mắt khô âm thầm không lời
Vài giọt sầu lững lờ dựa nhau về chết trên môi..*

Rồi tôi nói tới cái chết của chiếc lá trên đường chiều. Lá đang như chiếc thuyền rung rinh trong gió, bỗng nghe tiếng đất gọi về, lá rụng để trở thành những ngôi mộ úa trên đường chiều, nơi đó có tôi và người yêu đang đi trong cuộc tình :

*Chiều rơi trên đường vắng có ta rơi giữa chiều.
Hồn ta theo vật nặng, theo làn gió dịu hiu...*

Tôi nhìn chiếc lá vàng bay giống như dĩ vãng gầy, tóc buông dài, bước ra khỏi tình phai. Tôi nhìn chiếc lá vàng rơi giống như chút hơi người già ớn đời trên nẻo đường hấp hối. Chiếc lá vàng êm, như mũi kim mềm sẽ khâu liền kín khung cửa tình duyên. Chiếc lá vàng khô, như nét môi già đã nhăn chờ lên nẻo đường băng giá. Để chiều không chiều nữa, và đêm lần nữa, chẳng thương chẳng nhớ. Để những lệ buồn cánh khô, rơi rớt từ một cõi mơ, nghe đất gọi về tiếng ru hững hờ...

*... Còn rơi rụng nữa,
Cành khô và lá
Thành ngôi mộ úa
Chờ đến một trận gió mưa
Cho rửa tình già xác xơ
Cho biến thành nhựa sống nuôi tình thơ*

*.....
Chiều tan trên đường tối, có ta như rã rời
Hồn ta như gò mồi đang chờ phút đầu thai....*

Dù sao, vào lúc này -- đầu thập niên 1960 -- tôi đang sống một cuộc đời rất phi nguyện. Tôi có đầy đủ vinh quang và tủ nhục, hạnh phúc và khổ đau dù tôi luôn luôn bị ám ảnh bởi cái chết. Sống được quá nửa đời mình rồi, tôi gặm thân :

*Ôi một lần nương náu !
Đi trên đời chẳng lâu
Trong trăm mùa Xuân héo
Tay hái biết bao niềm yêu
Dăm eo sèo nhân thế
Chưa phai lòng say mê
Với đôi ba lần gian dối
Đời vẫn ban cho ngọt bụi...*

Rồi nghĩ tới một ngày sẽ phải xa đời vĩnh viễn, tôi soạn bài **Tạ Ơn Đời** :

*Mang ơn đời chẵn vố
Dâng cho người yêu goá
Dâng cây đàn bơ vơ
Dâng biết bao ân tình xưa
Mang ơn đời nâng đỡ
Dâng nắm mồ thô sơ
Với dâng hương hồn thương nhớ
Còn vấn vương trong chiều tà...*

Trong những Chương tới, bạn đọc thân mến sẽ còn thấy, trong những xu hướng khác với xu hướng nhạc tình của tôi, ba vấn đề **Tình Yêu, Sự Đau Khổ và Cái Chết** vẫn còn ám ảnh tôi hoài...

(1) Có lẽ vì bài Tiến Em được hoan nghênh nên đã có các bản nhạc khác ra đời cũng lấy chủ đề là sự tiến đưa nhau ở sân ga như : **Ga Chiều, Buồn Ga Nhỏ, Ga Chiều Phố Nhỏ, Tàu Đêm Năm Cũ, Hai Chuyến Tàu Đêm, Chuyến Tàu Hoàng Hôn, Chuyến Tàu Về Quê Ngoại, Chuyến Tàu Tiến Biệt** v.v... Nên biết rằng vào thời điểm này, chỉ còn rất ít nhà ga hoạt động vì đường xe lửa ở miền Nam luôn luôn bị Việt Cộng phá hoại.

*Cụ già châm điếu ngon trên sàn
Kể truyện Cao Nguyên xưa, véo von...*
MÙA XUÂN TRÊN BUỒN

Chương Mười

Tôi đã có dịp nói tới sự phân công ngầm giữa các chính quyền quốc gia và văn nghệ sĩ tự do ở miền Nam trong phạm vi văn hoá : chính quyền làm công việc thông tin tuyên truyền, tư nhân làm công việc phát huy văn học nghệ thuật.

Trong thời gian mấy năm đầu của chính phủ Ngô Đình Diệm, với tinh thần hưng khởi của dân chúng trước những công trình xây dựng của Nhà Nước, phải công nhận là có một sự tưng bừng trong các hoạt động văn nghệ. Ngoài những tổ chức giúp đỡ cho sự phát triển của của văn nghệ tư nhân lẫn văn nghệ chính phủ như Văn Hoá Vụ, Đài Phát Thanh... Nhà Nước cho thành lập những trường đào tạo nhạc sĩ và họa sĩ là Trường Quốc Gia Âm Nhạc và Trường Mỹ Thuật, không những ở Saigon mà còn ở những thành phố lớn khác nữa. Như đã nói ở trên, nếu chính phủ không giúp đỡ ngành nhạc một cách tích cực hơn thì trong ngành họa, sự thành lập các trường Mỹ Thuật và những cuộc Triển Lãm mùa Xuân do chính quyền tổ chức khiến cho khá nhiều họa sĩ trẻ có tài xuất hiện bên cạnh các họa sư đàn anh.

Chính quyền cũng đặt phần quan trọng vào điện ảnh, một ngành rất lợi hại trong việc thông tin đại chúng. Một mặt Nhà Nước khuyến khích các hãng sản xuất phim tư nhân như Đông Phương của Đỗ Bá Thế, **Tân Việt** của Bùi Diễm, **ALPHA** của Thái Thúc Nha (làm phim chống Cộng). Mặt khác, Trung Tâm Điện Ảnh được xây dựng ở đường Thi Sách để đào tạo các chuyên viên. Vì mê điện ảnh từ nhỏ, bây giờ được Giám Đốc Trần Văn Bửu (mà tôi quen hồi còn du học ở Paris) mời cộng tác, tôi vào làm việc với Trung Tâm trong 10 năm, khởi đầu là người viết truyện phim rồi leo dần tới địa vị Phó Giám Đốc.

Những hoạt động của Nhà Nước qua các cơ sở vừa kể cộng với những hoạt động chung của đông đảo văn nghệ sĩ Bắc Kỳ di cư và gốc địa phương làm cho bộ mặt văn học nghệ thuật miền Nam trong thời kỳ thịnh trị của nhà Ngô là một thứ trăm hoa đua nở thực sự. Văn học phát triển mạnh nhờ số người đọc tăng lên dữ dội. Trước đây, độc giả miền Nam là đối tượng khá lớn của nền văn học đến từ phương Bắc. Sau chuyến di cư của gần một triệu người, miền Nam chật chội những cây viết đã nổi danh hay sắp nổi danh. Con số độc giả đến từ hai miền ngoài cộng với số độc giả địa phương làm cho số người ưa đọc sách báo ở miền Nam nhân lên thành ba. Từ thời tiền chiến cho tới lúc này, nền văn học cận đại thường đi qua ngã báo chí trước khi xuất hiện bằng ấn phẩm. Hoặc nó mang tính chất canh cải phong hoá và

thăm quan của nhóm TỰ LỰC VĂN ĐOÀN. Hoặc đó là thứ văn học xã hội của nhóm TÂN DÂN.

Rồi có dòng thơ mới rất lãng mạn ra đời và phát triển mau lẹ ở bất cứ nhóm nào. Trong âm nhạc và kịch nghệ, có phong trào cải cách, cải lương. Thời Cách Mạng và Kháng Chiến, một dòng văn học nghệ thuật mang tính chất hiện thực xã hội xuất hiện. Sau 1954, những người từ chiến khu trở về như Nguyễn Văn Xuân, Đỗ Tấn, Võ Phiến -- trụ trì ở Huế -- thành lập một nhóm văn nghệ chủ trương hiện thực mới. Từ Hà Nội vào Saigon, Phạm Việt Tuyền, Hiếu Chân, Như Phong, Mặc Thu... qua báo TỰ DO, chủ trương văn hoá phương Nam đối đầu với văn hoá phương Bắc. Nhóm SÁNG TẠO với Mai Thảo, coi mình là văn hoá vượt vĩ tuyến thì phải vượt luôn những xu hướng họ cho là không thuộc về hôm nay. Họ muốn khai tử nền văn nghệ tiền chiến, muốn phá vỡ văn học tả chân, lãng mạn, khái niệm hay luận đề của văn nghệ hôm qua. Nhóm QUAN ĐIỂM với Nghiêm Xuân Hồng, Vũ Khắc Khoan, Mặc Đỗ... xuất hiện không qua ngả báo chí, với những tác phẩm nặng về chính trị, vì muốn chống lại văn chương miền Bắc nên đề cao giai cấp tiểu tư sản. Nhà văn kiêm chính trị gia Nhất Linh, linh hồn của TỰ LỰC VĂN ĐOÀN, bây giờ xuống núi để gây dựng nhóm VĂN HOÁ NGÀY NAY.

Trong mọi xu hướng của văn học nghệ thuật miền Nam vào lúc của chính quyền lần tư nhân đều hoạt động tưng bừng như thế, có phong trào **về nguồn**. Rất có thể vì miền Nam đã khởi sự có sự hiện diện của người Mỹ và vì phong trào dịch thuật quá mạnh, ai cũng muốn quay về với tình tự dân tộc mà riêng trong ngành nhạc, tôi là người khởi sự đưa ra từ 1952.

Đây cũng là lúc tôi nhận thấy thanh thiếu niên thời đó không biết gì về dân nhạc Việt Nam (dân ca cổ truyền hay cải tiến). Tôi thực hiện tại hai đài phát thanh QUỐC GIA (đài Saigon) và TỰ DO (đài Voice of Freedom) những chương trình nhan đề DÂN CA DẪN GIẢI. Tôi mời thính giả nghe mục Gia Tài Âm Nhạc (musical heritage) với các bài bản chọn lọc kèm lời bình luận của tôi. Muốn có tài liệu phát thanh, tôi đi Cao Nguyên để thu thanh nhạc Thượng, đi Phan Rang thu thanh nhạc Chăm, đi Huế thu thanh nhạc Triều tức nhạc cung đình (musique de Cour), đi Cần Thơ, Bến Tre... thu thanh các giọng Hò miền Nam. Đó là chưa kể đi tìm đồng bào di cư gốc Nghệ An, Hà Tĩnh để thu thanh Hát Giặm.

Rồi tôi chọn một số bài dân ca cổ truyền để phóng tác thành những bài dân ca phục hồi theo kiểu **bình cũ rượu mới** như hồi đi kháng chiến. Tôi không ngần ngại thêm lời, thêm nét nhạc vào những bài dân ca cổ. Những bài dân ca miền xuôi nằm trong các thể hát vựt, hát ví, hát quan họ, hát chèo, hát ả đào khi xưa như **Lý Cây Đa, Qua Cầu Gió Bay, Cây Trúc Xinh, Chúc Rượu, Se Chỉ Luôn Kim, Trần Thủ Lưu Đồn...** được tôi phục hồi và hiện đại hoá.

Phục hồi có hai cách. Một là giữ nguyên điệu cũ nhưng thêm lời ca phù hợp. Hai là phải tạo lời ca mới. Chẳng hạn khi xưa, trong bài ca xưng tụng cô gái miền quê, có câu hát Trúc xinh trúc mọc bờ ao, chị Hai xinh, chị Hai đứng chỗ nào cũng xinh... thì bây giờ, vì chị Hai đã vào Saigon rồi, ta nên có lời ca phù hợp :

*Trúc xinh trúc mọc cạnh buy-in đình
Chị Hai xinh, chị Hai đứng trông tình lắm thay...*

Tôi cũng soạn thêm lời ca mới cho bài **Lý Che Hường**. Câu :

*Trồng hường phải khéo che hường
Nắng che mưa đây cho hường trở bông...*
...bây giờ có thêm hai câu hát :
*Trồng hường giở nón che hường
Nhớ em không quên bước đường, đường xa.
Trồng hường giở nón che hường
Ngắt bông hoa đẹp tặng cho nường đẹp hơn...*
Bài **Hái Hoa**, nguyên văn chỉ có một đoạn :

*Hỡi bạn đường ta
Hái hoa cho khéo
Hoa nào heo héo
Thì hái bỏ đi
Chớ để làm chi
Ừ ừ ừ ừ hoa tàn...*

... Tôi soạn thêm 3 đoạn nữa :

*Gió thổi từ xa
Cánh hoa phơi phới
Yêu làn hương mới
Chẳng nở bẻ hoa
Gió thổi từ xa, ừ ừ ừ ừ hoa cười...*

*Bướm đẹp vờn hoa
Bướm mơn đôi má
Hoa nào thương nhớ
Thì chóng già nua
Bướm chỉ nhỡn nhơ
Ừ ừ ừ ừ hoa sầu...*

*Lũ trẻ đùa hoa
Ngắt hoa không tiếc
Hoa còn trinh tiết
Còn thiếu tình duyên
Chờ để vườn tiên
Ừ ừ ừ ừ hoang tàn...*

Sau khi Việt Nam Cộng Hoà được nhiều quốc gia trên thế giới công nhận, có nhiều vụ trao đổi văn hoá giữa nước ta và các nước bạn. Cùng với các bạn nghệ sĩ khác, tôi được cử đi Phi Luật Tân, Nhật Bản, Thái Lan để giới thiệu văn nghệ Việt Nam. Và với ít nhiều kinh nghiệm bang giao, tôi thường có mặt trong những buổi đón tiếp các phái đoàn văn nghệ nước ngoài, ví dụ đoàn vũ trống của Đại Hàn, đoàn MORAL REARMEMENT của Mỹ...

Khi một số nhạc sĩ dân ca Hoa Kỳ tới Việt Nam để trình diễn, tôi luôn luôn là người được cơ quan văn hoá của Nhà Nước hoặc được Toà Đại Sứ Mỹ nhờ tiếp đón và hướng dẫn các sứ giả âm nhạc đó. Tôi lợi dụng những cuộc tiếp xúc như vậy để trao đổi tài liệu với các nhạc sĩ Mỹ. Do đó một số bài dân ca phục hồi được các bạn nhạc sĩ Mỹ soạn lời ca Anh ngữ khiến cho về sau, khi gia đình tôi di cư qua Mỹ, chúng tôi có sẵn một số dân ca Việt Nam để hát cho dân chúng Hoa Kỳ nghe như **Full Moon Fair Song, The Wind On The Bridge, The Pretty Bamboo Tree, Don't Pick The Flower When It's Blooming** v.v... Kể của bài dân ca kháng chiến **Nhớ Người**

Thương Binh của tôi cũng có lời ca Anh Ngữ với đầu đề **The Wounded Soldier** (do Steve Addiss soạn) :

*One day, one day in the afternoon
There's a girl on the land
With sheaves of rice on her hand...*

Đi thu thanh nhạc Thượng tại Cao Nguyên để làm tài liệu cho chương trình radio kể trên, tôi khám phá ra một âm giai ngũ cung có bán-cung : DO MI FA SOL SI DO. Rồi khi sưu tập được một câu ca dao miền Nam :

*Nước chảy bon bon
Con vượn ôm con
Lên non hái trái
Anh cảm thương nàng
Cô gái mồ côi...*

...Tôi soạn một bài dân ca có âm hưởng Tây Nguyên với ngũ cung kể trên :

*Mưa nhỏ mênh mang
Con nhện trong hang
Tơ giăng bối rối
Em cảm thương chàng
Lạc lối đường đi.*

*Gió thổi vang vang
Con quạ kêu than
Thâu đêm suốt sáng
Ta cảm thương người
Mang nặng hờn oan.*

*Nắng đổ nghiêng nghiêng
Con đé vô duyên
Không lên tiếng hát
Ta cảm thương người
Phai nhạt tuổi xanh
Hỡi người người ôi.
Ta mở tay đây
Mau trở về đây...*

Khi tôi chủ trương về nguồn trong âm nhạc như vậy, tôi đang làm việc tại Trung Tâm Điện Ảnh thuộc bộ Thông Tin. Tôi được giao cho công tác thực hiện những cuốn phim tài liệu về nghệ thuật ca diễn ở Việt Nam như **Các Điệu Múa Chàm, Hát Bộ Bình Định, Chiếc Nón Bài Thơ, Y Phục Phụ Nữ, Đờn Người Qua Tiếng Hát** v.v.... Tôi lợi dụng công tác quay phim để làm công việc sưu tầm và phục hồi nhạc cổ truyền. Sau khi đi nhiều nơi tại vùng đồng bằng miền Trung, tôi lên Cao Nguyên để thu hình và phục hồi dân ca miền núi.

Trước kia, tôi có dịp may được sống ở những vùng thượng du miền Bắc, được đắm mình vào không khí âm u và huyền bí trên nương chiều, được bơi lội trong dòng suối rừng tươi vui và hùng dũng. Bây giờ, tôi như con ngựa hồng phi thân trên những đồi cỏ bạt bành và thăm thẳm trên cao nguyên Trung Phần. Quê hương ta đẹp quá. Tại

sao ta phải bỏ quê hương ra đi ? Vào những năm 60 này, đã có nhiều người phải xa quê hương rồi đó. Tại Dalat, nơi đồng bào vùng Sơn La, Lai Châu tới định cư, tôi quay phim những màn Vũ Xoè và tôi soạn lời Việt cho một bài dân ca Thái, đặt tên là **Ngày Mùa**. Tôi lại có những thi tứ của những ngày ở Việt Bắc :

*Ngày mùa lúa tốt tươi
Chim ơi, lũ chim trời
Tung cánh về đây coi
Lúa chín vàng trên đồi,
Nàng về nàng quẩy trên vai
Lúa thơm của ta ơi...*

Dân ca của các sắc tộc Jarai, Bahnar, Rhadê, H'rê, Kuà... là nhạc bộ lạc (musique tribale) còn rơi rớt từ thời tiền sử, với cung bậc đơn sơ và giai điệu âm u của thời hồng hoang. Tôi muốn hiện đại hoá nó, nghĩa là cho nó một nội dung mới. Với tinh thần của một cán bộ Thông Tin, tôi nhắn nhủ người Thượng không nên đốt rừng làm rẫy rồi bỏ rẫy ra đi :

*Chiêng trống công mừng anh trên rẫy
Xuống đồi xuống nương đi cấy.
Ôi rừng ơi Núi ơi
Ôi thác suối ơi
Rừng ơi Núi ơi...*

*Tang tính tình đàn tre dây nứa
Chúc mừng các anh đi bừa
Ôi ruộng ơi Đất ơi
Ôi thóc lúa ơi
Ruộng ơi Đất ơi...*

*Không đốt rừng làm đau hoa lá
Sốt lòng cái cây kơ-nia.
Ôi rừng yêu mến ơi
Ôi gỗ quý ơi
Rừng yêu mến ơi...*

Truyền thuyết **Một Mẹ Trăm Con** cũng có trong vài bộ tộc miền núi. Tôi dùng chủ đề đó và một điệu dân ca Bahnar để gây tình đoàn kết giữa người Kinh, người Thượng :

*Anh em ta cùng mẹ cha
Nhớ truyện cũ trong tích xưa
Khi thế gian còn mù mờ
Xưa khi xưa mẹ đẻ ra
Trăm cái trứng, sinh lũ con
Trăm đứa con cùng một dòng...*

*Năm mươi con vượt đồi non
Phá rừng núi, khai rẫy nương
Xây đắp buôn, lập nhà sàn
Năm mươi con dọc Trường Sơn
Đi xứ Bắc, đi xứ Nam
Xây núi sông, lập ruộng đồng..*

Những ngày ở Cao Nguyên, tôi được nghe nhạc gồng và càng thấy thú vị khi được đi sâu vào gia tài âm nhạc vô cùng phong phú của nước ta. Tôi vui mừng và muốn được khua chiêng, đập cồng cùng với đồng bào miền núi :

*Khua chiêng lên, đập cồng lên
Tiếng cồng đánh, qua mái tranh qua mái tre vào rừng già
Cho con Hua, khỉ già Hua*

Cho ma quái, cho lũ nai ngơ ngác say vì nhạc gồng...

Yêu cảnh vật và con người miền núi, tôi soạn những câu hát xưng tụng cô sơn nữ. Ở Việt Bắc, cô nàng về đề suối tương tư chỉ khoả thân khi đi tắm. Ở Cao Nguyên này, lúc nào sơn nữ cũng hở vú :

*Này cô gái xinh
Như đoá hoa tình
Đệt vải một mình
Ngực tròn rung rinh.*

*Này cô gái ngoan
Như lúa trên ngàn
Đập gạo ngoài sàn
Bụng nhỏ lưng thon.*

Tôi muốn cùng cô :

*Vui sống trên đời
Đàn gảy về trời
Gồng chạy ra khơi...*

Xa quê hương đã hơn 15 năm, ngồi viết những trang Hồi Ký này, tôi bỗng nhớ đàn chim rừng già trong bài hát cũ :

*Nhiều rẫy làm mùa
Ruộng mới tốt lúa
Bên thác reo vi vu.
Đàn chim rừng già
Bỏ vách núi đá*

Thương nhớ người tìm về...

Đàn chim rừng già có thương nhớ tôi chăng ? Tôi đang ngồi ở Thị Trấn Giữa Đàng để nhớ thương người Cao Nguyên vô kể :

*Kìa chàng trai bước vui trên đời
Vào đồi nương thăm bông lúa tươi.*

*Kìa nàng sơn nữ bên suối ngàn
Gội đầu thơm ca vui véo von...*

*Kìa là em bé ngoan chăn bò
Thả diều theo tiếng sáo vi vu...*

*Ngon lửa thui miến ngon chín ròn
Rượu cần thơm, chung quanh cháu, con.
Cụ già châm điếu ngon trên sàn
Kể truyện Cao Nguyên xưa, véo von...*

Tôi đi từ Ải Nam Quan
Sau vài ngàn năm lẻ...
CON ĐƯỜNG CÁI QUAN

Chương Mười Một

Một chút lược sử :

1954 : Ông Ngô Đình Diệm về nước.

1955 : Dẹp giáo phái, chống Hiệp Thương, truất phế Bảo Đại, thành lập nền Cộng Hoà.

1956 : Chống Tổng Tuyển Cử, củng cố dần chế độ.

1957 : Ông Diệm công du Thái Lan, Úc Châu, Nam Hàn, Ấn Độ, Phi Luật Tân; sau chuyến Mỹ du, chế độ tiến tới chỗ vững chãi nhất.

1958 : Định chế hoá tất cả các cơ chế xã hội xong rồi, với chính sách độc tài, diệt trừ đối lập.

1959 : Dân chúng bắt đầu bất mãn, khởi sự chống lại; một nhóm trí thức họp tại Hôtel Caravelle ra tuyên ngôn đòi cải cách.

1960 : Chính phủ đe dọa bằng luật số 10; Nguyễn Chánh Thi, Vương Văn Đông đảo chánh hụt.

1961 : Chính phủ khủng bố; đàn áp lần thứ nhất.

1962 : Phạm Phú Quốc, Nguyễn Văn Cử ném bom Dinh Độc Lập. Chính phủ đàn áp lần thứ hai.

1963 : Vụ Phật Giáo xảy ra; 70 ngày sau, nhà Ngô sụp đổ.

Mua được căn nhà nhỏ, vợ chồng tôi và bốn con thơ (Phạm Duy Cường đã ra đời) về ở trong khu cư xá mới được xây cất ở đầu đường Chi Lăng, Phú Nhuận, nơi có nhiều gia đình nghệ sĩ tới ở, như gia đình Nguyễn Mạnh Côn, Năm Châu, Duyên Anh, Hồ Anh, Anh Ngọc, Trần Ngọc, Hoàng Nguyên, Minh Trang, Kim Tước... Cư xá được xây trên mảnh đất trước kia là khu vườn hoang của Toà Bố Gia Định. Khi phu lục lộ đào đường trong cư xá để đặt ống nước thì họ tìm thấy những bộ xương người, những Việt Gian mà Cách Mạng đã thủ tiêu trong năm 45. Nhớ lại lời khoe khoang của trưởng ban Mật Vụ là Bửu Dương (1) tôi buồn bã trước những xác người vô danh và vô tội, nạn nhân trong những ngày khủng bố đó. Tôi sẽ mãi mãi cảm phần trước hành động của những người nhân danh lòng yêu nước để giết hại đồng bào. Khởi sự từ hồi Cách Mạng, thời kỳ khủng bố nhau ít khi chấm dứt. Thời nào cũng có những người quá khích ở các phe, rồi đấu tranh với nhau và khủng bố lẫn nhau (2).

Dưới thời Cộng Hoà thứ nhất, từ khi chế độ nhà Ngô thành lập và tiến dần tới thời thịnh trị rồi diệt vận, miền Nam nếu chưa được là thiên đường của đông đảo văn nghệ sĩ đi tìm tự do thì cũng là nơi đất lành cho chim đậu. Một thế hệ văn nghệ sĩ mới đã thành hình và hoạt động dữ dội bên những vị đàn anh di cư từ miền ngoài. Phòng trà, tiệm bánh, quán nước như Kim Sơn, Mai Hương, La Pagode, Givral, Brodard... là nơi không hẹn mà văn nghệ sĩ tới gặp nhau hằng ngày.

Không còn hoạt động với ban Thăng Long nữa, tôi đáp ứng lời mời của Trần Văn Bửu vào làm việc với TRUNG TÂM ĐIỆN ẢNH. Làm việc thường xuyên trong cơ quan nằm sau lưng trụ sở Quốc Hội, tôi thường ra La Pagode đường Tự Do. Buổi sáng trước khi vào sở, tới ăn điểm tâm tại nhà hàng, là gặp Trần Lê Nguyễn, vừa viết xong vở kịch **Bảo Thời Đại** nhưng không có dịp dựng kịch của mình trên sân khấu. Dân chúng miền Nam thích Cải Lương hơn nên dù Saigon có khá nhiều tài năng của ngành Kịch Nói như Tiền Phong, Thiếu Lang, Mỹ Tín, Hoàng Năm... mà

không bao giờ thủ đô miền Nam có một ban kịch chuyên nghiệp. Tại La Pagode, tôi cũng hay gặp người có giọng ngâm thơ hay là Quách Đàm, vì quá đông con mà nhà quá chật chội nên ngâm sĩ phải ra đi từ tờ mờ sáng, chỉ trở về nhà khi mặt trời đã lặn.

Vào giờ nghỉ trưa, ra quán Chùa, tôi gặp Mặc Thu, người bạn luôn luôn có nụ cười tươi tỉnh. Không biết sau biến cố tháng 4 năm 1975, bị Cộng Sản bỏ tù lâu năm, anh có còn nụ cười đó không ? Đôi khi gặp Vũ Khắc Khoan, lúc nào cũng lừ đừ vì dùng khá nhiều rượu trong đời và trong tác phẩm. Tôi tò mò coi xem tác giả phải dùng bao nhiêu thùng rượu trong một cuốn truyện của họ Vũ là thấy cứ cách vài trang lại có cảnh nhân vật uống rượu, nếu đo lường số lượng rượu trong truyện thì tối thiểu cũng là mười mười lăm thùng (tonneaux).

Buổi chiều là lúc La Pagode nhộn nhịp nhất. Hồi đó, nhà hàng này chưa gắn kính và đặt máy lạnh, thực khách ngồi của bên trong lẫn ngoài vỉa hè trên những chiếc ghế da lớn. Ngồi bên ngoài nhà hàng có cái thú chọc ghẹo và nhìn các thiếu nữ đi qua.

Thích ngồi ở bên ngoài nhà hàng là Hà Thúc Cần, phóng viên điện ảnh của Đài CBS, triệu phú hiện nay ở Singapore vì thành công trong nghề bán đồ cổ (3). Thích ngồi bên trong nhà hàng là nhà làm tự diễn Hoàng Trọng Quý tức Thanh Nghị, chồng mới cưới của nữ ca sĩ Tâm Vấn nhưng khi trở thành bộ trưởng tương lai của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam thì lọt vào mắt xanh của "người đẹp Bình Dương" Thẩm Thúy Hằng.

Tại La Pagode, tôi hay gặp Cung Trầm Tưởng và Ngý Cao Uyên, hai sĩ quan Không Quân làm thơ hay và vẽ giỏi, để sẽ làm chuyện ồn ào trong văn nghệ bằng tập **Tình Ca** với tranh Ngý Cao Uyên và thơ Cung Trầm Tưởng do tôi phổ nhạc. Nhà hàng La Pagode có bàn bi điện, chúng tôi tranh nhau đánh **tilt**. Nhờ quen chơi trò này từ ngày đi học ở Khu La-tinh trong thành phố Paris, tôi luôn luôn thắng các bạn trẻ.

Buổi tối, La Pagode là nơi có mặt của một nhân vật nổi danh trong làng chơi của chúng tôi là Phương, vì béo tròn trũng trục nên được gọi là Phương "Bi Ve". Không phải làm một nghề gì ngoài nghề làm chồng đào hát nổi danh nhưng Phương Béo vất vả lắm. Mỗi tối, sau khi đưa vợ là Bích Hợp ra rạp ARISTO thì anh ta tới La Pagode, ngồi đợi khi tan hát sẽ đi đón vợ. Tôi và Trần Viết Long, chủ gánh KIM CHUNG thường tới ăn cơm với Phương rồi kéo nhau đi hút.

Những bạn gặp gỡ ở nhà hàng La Pagode là niềm vui của tôi. Chúng tôi đùa nhau như một đám sinh viên. Mặc Thu mời tôi điều khiển phòng trà TRÚC LÂM. Chủ nhân La Pagode, Nguyễn Văn Liêm, rất thích điện ảnh, nhờ tôi viết truyện phim. Tôi còn có thêm một số bạn thỉnh thoảng đặt chân tới quán này như Tạ Ty, Văn Thanh, Lê Ngộ Châu... để tôi nói chuyện tâm tình. Lê Ngộ Châu với toà soạn BÁCH KHOA còn là người và chỗ để giúp tôi hò hẹn với người tình.

Nhưng phải thú thật, trong số bạn bè, chỉ có Nguyễn Đức Quỳnh và Võ Đức Diên giúp đỡ tôi nhiều. Hồi bấy giờ, Nguyễn Đức Quỳnh không hoạt động chính trị như trong thời Bảo Đại, Bửu Viễn. Nhưng nhà anh là nơi hầu hết các nhà trí thức ở miền Nam thường lui tới. Nhân viên Công An, Mật Vụ của chính quyền cũng tới để nghe ngóng nữa. Anh Quỳnh muốn biến nhà anh thành một thứ đàm trường (anh đặt tên là VIỄN KIẾN, tức là nhìn xa) và có một cuốn sách lớn bìa dày, giấy đỏ để ghi biên

bản những cuộc họp. Cuốn sách này để trên một chiếc bàn đặt giữa nhà, ai đến chơi cũng giở sách ra coi. Anh Quỳnh muốn gieo vào đầu óc những người đến đàm trường một ý thức dân tộc, ý niệm này được anh nói tới từ thời hoạt động trong nhóm HÀN THUYỀN. Theo anh, Đệ Tam, Đệ Tứ CS đã lạc hậu. Anh cho rằng phải thành lập Đệ Ngũ Quốc Tế với ý thức dân tộc và với thành phần cốt cán là văn nghệ sĩ, trí thức để vượt các nhóm đó. Đàm Trường VIỄN KIẾN là nơi điều hợp và tác động giới văn nghệ sĩ miền Nam. Do đó, anh không tiếc lời khen tất cả mọi người, nhất là giới trẻ. Anh cho rằng ai cũng có một chỗ đứng trong việc gây ý thức dân tộc, vượt chủ nghĩa Mác. Tôi là người hiểu được việc làm cao của anh Quỳnh. Tiếc rằng anh không còn sống để chứng kiến ngày tàn của chủ nghĩa Mác. Vào cuối thập niên 80, nó không còn là thứ chính trị học, kinh tế học và xã hội học vô địch nữa rồi. Được áp đặt vào Việt Nam, chủ nghĩa Mác-Lênin làm cho nước ta nghèo đói và sa đoạ.

Tới đàm trường, tôi được làm quen với các bậc tu hành như Thích Tâm Châu, Thích Đức Nhuận và những bạn văn nghệ như Doãn Quốc Sĩ, Lý Đại Nguyên và Phạm Thiên Thư, người sẽ làm cho âm nhạc của tôi thêm phần phong phú. Tôi coi Nguyễn Đức Quỳnh như người anh ruột mà tôi tuy có nhưng không có. Hơn một lần, khi có chuyện gia đình hay xã hội làm tôi buồn nản -- chẳng hạn sau "sì-căng-đan" về tình - - tôi đều đến tâm sự với anh. Mỗi khi tôi soạn ra một bài hát nào thì anh Quỳnh là thính giả thứ hai, sau vợ tôi. Ngược lại, tôi cũng cố gắng giúp anh kết tình với một nữ ca sĩ, dù đó chỉ là một thứ tình **platonique** mà thôi.

Trong thời thịnh trị của họ Ngô, ngoài anh Quỳnh ra, tôi có Võ Đức Diên là người giúp tôi rất nhiều. Là công chức cao cấp của Nha Kiến Thiết, vì được lòng ông bà Ngô Đình Nhu trong việc trang hoàng các dinh thự lớn, kiến trúc sư họ Võ được chế độ tin cậy. Anh Diên là người có thành tích văn nghệ với đoàn ca kịch ANH VŨ trước đây, đã từng dựng những vở ca kịch của Lưu Hữu Phước -- với libretto của Thế Lữ - - như **Con Thỏ Ngọc** hay **Tục Lụy** (đáng lẽ Thái Hằng đóng vai Nhã Tiên nhưng bố mẹ không cho phép). Cũng như anh Quỳnh, Võ Đức Diên được coi là lão tướng trong làng văn nghệ miền Nam nên khi anh vận động ông Nhu để làm một tập san và mở một phòng trà thì anh được thoả mãn ngay.

Tờ báo được đặt tên là SÁNG DỘI MIỀN NAM, toà soạn là nhà của họa sĩ trang trí Văn Thanh. Được anh Diên mời viết về âm nhạc, tôi hay lui tới toà soạn và được hân hạnh "chơi" với các bậc đàn anh như Vi Huyền Đắc, Lê Văn Siêu, Vũ Hoàng Chương, Tam Ích... Tổ sư của Thoại Kịch họ Vi đã già rồi mà nói chuyện rất có duyên. Nhà văn hoá Lê Văn Siêu mua được mảnh vườn ở xa lộ Biên Hoà và về đó sống, được chúng tôi gọi là Lý Trường. Đây là lúc tôi muốn hoàn tất trường ca CON ĐƯỜNG CÁI QUAN. Khi tôi ngỏ lời được giúp đỡ để có thể đi từ Saigon ra Quảng Trị, lấy cảm hứng soạn nốt phần còn lại của trường ca thì anh Diên đồng ý ngay. Và anh cùng đi với tôi, còn kéo thêm 5 người đi theo nữa. Thế là có ngay một chuyến đi xuyên Việt của bảy lữ khách là : chủ báo Võ Đức Diên, hai họa sĩ của tờ báo Tà Ty, Văn Thanh, nhiếp ảnh viên Phùng Trục, tôi và hai ngôi sao rục rờ của Khoa Tử Vi, Địa Lý Dương Thái Ban và "Thầy" Diễn. Tại sao lại có hai nhà tiên tri này cùng đi xuyên Việt ? Thưa đó là vì anh Diên muốn đãi ngộ hai ông thầy ạ. Anh Diên rất tin tướng số, và quen với các ông thầy nổi danh ở Saigon. Nghe lời Thầy Diễn, anh luôn luôn mặc áo màu đen để đánh lừa Thần Chết. Vậy mà anh đột nhiên ra đi giữa lúc đang khoẻ mạnh. Khi nghe tin anh qua đời đột ngột, tôi hơi tin vào tử vi hay tướng số, chứ trong khi đi chơi trên đường cái quan này, tôi và Tà Ty luôn luôn châm chọc hai vị mà chúng tôi gọi là "thầy bói sáng".

Lần đi đường thiên lý này có vẻ thú vị hơn những lần trước. Tôi không còn là lữ khách lầm lũi trong thời nô lệ hay hấp tấp trong thời chiến tranh. Hai xe hơi đưa chúng tôi đi ven bờ biển Thái Bình, vượt qua những nơi đầy ắp kỷ niệm như Phan Thiết sáng sủa, Nha Trang ấm áp, Qui Nhơn lộng gió, Đà Nẵng ồn ào, Huế thơ mộng và Quảng Trị cần khô. Khi ghé Quảng Ngãi, Hồng Vân (nữ ca sĩ) lúc đó còn bé tí teo, leo lên bờ tường khách sạn, ngồi nhìn xem mặt Phạm Duy. Chúng tôi có những giây phút trầm ngâm trước cảnh tượng hùng vĩ của Đèo Cả, Đèo Hải Vân và cũng không quên nhào xuống biển để tắm táp và kỳ cọ (như hai ông thầy) ở bãi Lăng Cô.

Bản CON ĐƯỜNG CÁI QUAN -- soạn xong phần đầu ở Paris năm 54 để phản đối ngay lập tức sự chia cắt đất nước -- sau sáu năm bỏ dở, bây giờ nhờ chuyến đi rất thanh bình này, được hoàn tất nhanh chóng. Trong khung cảnh trời cao biển rộng đường dài, trong hoàn cảnh chung của nước Việt trong thời kỳ đầu của nền độc lập, trong niềm hạnh phúc được tự do sáng tác của riêng mình... tôi có nhiều hứng khởi để diễn tả con đường mạch máu của đất nước và tấm lòng khao khát thống nhất của người dân Việt. Những ca khúc mạnh mẽ trong phần MIỀN BẮC diễn tả sự hào hùng của người đi khai sơn phá thạch. Trong phần MIỀN TRUNG, ca khúc trở nên ngọt ngào, đôi khi xót xa như bước chân Huyền Trân Công Chúa. Phần MIỀN NAM rất hoan lạc vì đó là những bước chân thành đạt của lữ khách để cùng toàn dân hoàn thành nước Việt.

Trường ca ra đời xuôi xả vì còn có sự khuyến khích của bạn bè, nhất là có sự giúp đỡ thực tế của anh Võ Đức Diên. Chắc chắn bên trên anh Diên, có sự đồng ý của ông Ngô Đình Nhu (và Trần Kim Tuyến). Anh tôi là Phạm Duy Khiêm làm Bộ Trưởng và Đại Sứ cho ông Diệm, Võ Lăng là bạn thân của tôi, nhất là tôi đã khá nổi tiếng trong quần chúng rồi, hồi bấy giờ, tôi được nhà Ngô để ý. Đã có lần tôi được ông Diệm, ông Nhu thân mật hỏi han tôi trên sân cỏ của Dinh Độc Lập vào một buổi tiếp tân và sau đó, nếu "sì căng đan" về tình không xảy ra, tôi có thể là người được chính quyền giao cho một chức vụ nào rồi. Tôi không dám nói là tôi sẽ nhận việc hay từ chối, nhưng vào thời Thanh Niên Cộng Hoà được thành lập, tôi được mời vào Dinh Độc Lập để dạy hát cho cô Ngô Đình Lệ Thủy, một đoàn viên của đoàn Thanh Nữ Cộng Hoà. Chao ôi, sao mà cô con gái của ông bà Nhu lại đẹp đến thế. Và than ôi, sao cô lại chết non như vậy. Chết vì nạn xe hơi ở Pháp sau 1963.

Ngoài tờ báo ra, anh Diên được ông Nhu giúp đỡ để mở Quán ANH VŨ tại đường Bùi Viện. Tôi được giao việc điều khiển phần văn nghệ. Thế là mỗi tối, tôi được sống với không khí rạp hát và phòng trà, đón đố các nhạc sĩ, ca sĩ hay ra hát những bài vừa mới soạn ra.

Sai khi hoàn thành, CON ĐƯỜNG CÁI QUAN được đăng trên SÁNG DỘI MIỀN NAM rồi được trình diễn tại quán ANH VŨ. Cố Vấn Ngô Đình Nhu đem của gia đình tới nghe. Sau đó, qua ông Ngô Trọng Hiếu, trường ca còn có một ngân sách để tái lập giàn nhạc hoà tấu và mời nhạc sĩ người Đức Otto Soellner làm hoà âm phối khí. Có thêm những buổi trình diễn tại Saigon, Dalat, Nha Trang. Tất cả những giọng hát tốt nhất của Saigon được huy động để đi trình diễn trường ca này.

Trong giàn nhạc hoà tấu, ngoài nhạc sĩ Việt Nam, có thêm vài nhạc sĩ Pháp trong đó có Annie Cochet kéo cello. Cô đầm 17 tuổi này bèn đi qua đời tôi vài ba lần, rồi sau

khi hết duyên cầm sắt (đánh đàn ?) thì chúng tôi đổi qua duyên cầm kỳ (đánh cờ ?). Sau đó Annie về Pháp, có một cuộc đời khá sôi nổi rồi kết cục có một địa vị cao trong xã hội. Nàng là một trong những người tình lâu bền nhất của tôi. Trước 1975 chúng tôi luôn luôn gặp nhau. Trong 15 năm qua, mỗi năm tôi đi Paris một vài lần và gặp lại Annie. Chúng tôi đều đi ăn cơm tiệm cùng với đức lang quân rất dễ thương của nàng.

Vào năm 1960 này, Tân Nhạc ở miền Nam đã phát triển toàn diện. Đã có khá nhiều xu hướng như :

- * xu hướng nhạc theo trường phái cổ điển Tây Phương mà Nguyễn Xuân Khoát hay Võ Đức Thu khởi xướng với Vũ Thành soạn cầm tấu khúc, thuy khúc theo thể concerto, sonate. Nghiêm Phú Phi và Văn Giảng thì cho len vào âm sắc của nhạc giao hưởng những âm thanh của nhạc cổ truyền Việt Nam. Loại nhạc thuần túy đòi hỏi phải có những ban nhạc lớn để biểu dương, hơn nữa nhạc không lời chưa hợp với quần chúng nên những người theo xu hướng nhạc giao hưởng đưa ra những bài soạn theo lối nhạc nhẹ (musique légère), nghĩa là có lời ca, qua những bản **Giấc Mơ Hồi Hương** (Vũ Thành), **Tơ Sầu** (Lâm Tuyền), **Tiếng Dương Cầm** (Văn Phụng)...

- * xu hướng nhạc khiêu vũ phát triển mạnh vì có lợi địa là những dancing với nhạc **tango, pasodoble** của Hoàng Trọng hay Đan Thọ, nhạc slow rock của Nguyễn Hiền hay Ngọc Bích, kích động nhạc của Khánh Băng và nhạc rumba, bolero của khá nhiều nhạc sĩ trẻ. Loại nhạc soạn theo điệu Nam Mỹ này dễ dàng đi đến loại nhạc có cái tên bất ổn là nhạc thời trang với nội dung quá thấp kém, người nghiêm khắc gọi là nhạc vàng nghĩa là nhạc ồm ỹ, nhạc thương phẩm.

- * xu hướng nhạc hài hước với Trần Văn Trạch dẫn đầu, tiếp theo là ban AVT với những bài Mái Tóc Huyền, Hội Sợ Vợ, Ba Bà Mẹ Chồng, bài này soạn bởi Phạm Duy Nhượng.

- * xu hướng nhạc của các tôn giáo với tác phẩm của Hải Linh, Hùng Lân bên Công Giáo và của Lê Cao Phan, Phạm Thế Mỹ bên Phật Giáo.

- * xu hướng nhạc tình với hầu hết các nhạc sĩ già hay trẻ trong đó có những tình khúc cảm tính (sentimental) của tôi (soạn cho người tình thi sĩ), trước khi có những tình khúc Trịnh Công Sơn mang nhiều não tính (cérébral) và nhạc Lê Uyên Phương mang nhiều nhục tính (sensuel), nhạc trẻ của Nguyễn Trung Cang, Lê Hựu Hà mang nhiều ảo tính (psychedelique).

- * xu hướng nhạc dân ca với những bài hát tình tự dân tộc, tình ca quê hương thì có tôi chủ trương, cùng với Hoàng Thi Thơ hay Lam Phương trong một số bài.

Với trường ca CON ĐƯỜNG CÁI QUAN, tôi tiếp nối dòng nhạc xưng tụng quê hương của tôi với một tầm vóc lớn hơn, giống như Văn Cao đã làm trong kháng chiến với bản **Trường Ca Sông Lô**. Sau tôi, Hoàng Thi Thơ cũng soạn một trường ca nhan đề **Ngày Trọng Đại** để xưng tụng chế độ Cộng Hoà do Ngô Tổng Thống lãnh đạo.

Trường ca CON ĐƯỜNG CÁI QUAN là một bài hát lên đường. Trước đây, tôi đã chủ trương xưng tụng những cuộc lên đường rồi. Hoặc lên đường tâm tưởng như Lữ Hành, Viễn Du. Hoặc bước đi trên những nẻo đường kháng chiến như **Khởi Hành, Đường Về Quê**. Còn phải đi trên con đường tình ái rất ướt át của mình nữa,

với những bài diu nhau đi trên phố vắng hay **Đường Em Đi...** Đi thêm trong mộng mị với **Mộng Du ...**

Trường ca **CON ĐƯỜNG CÁI QUAN** có tới ba, bốn cuộc lên đường gom lại, vì lẽ khách bây giờ đi trên con đường quê hương gấm vóc, đi trong lịch sử kiên cường, đi trong tình yêu, còn đi của trong lòng của nhân dân nữa. Về hình thức, qua trường ca này, loại dân ca cải tiến được tôi phát triển lên mức độ cao nhất. Trường ca gồm 19 đoạn khúc, đại đa số bài nằm trong nhạc ngũ cung, có thêm nhạc thuật chuyển hệ khiến cho giai điệu được phong phú. Nhạc sĩ người Đức Otto Soellner, khi soạn hoà âm phối khí cho bản trường ca, nói rằng : có những đoạn trong trường ca giống như nhạc của Johann Sebastian Bach.

Nhạc học gia người Gia Nã Đại Georges Etienne Gauthier, vì hiểu biết nhạc dân ca Việt Nam hơn, qua một bài viết đăng trên báo Bách Khoa vào năm 1970, cho rằng trường ca này dung hợp được tinh túy của của hai loại nhạc Đông Phương và Tây Phương.

Khá nhiều người có uy tín trong giới nghệ sĩ như Trần Văn Khê, Nguyễn Đình Toàn, vì có lòng yêu nên đánh giá cao tác phẩm dài hơi của tôi. Và mỗi lần có đảo chính ở Saigon, trong khi nhân viên của Đài chờ người làm chủ tình thế tới tiếp thu cơ quan truyền thông quan trọng này thì bản trường ca được phát thanh suốt ngày khiến cho nó được phổ biến rất mạnh mẽ trong dân chúng. Ngoài ra, còn có nhiều sinh viên ở nhiều nơi đã dựng tác phẩm này thành một hoạt cảnh, đúng như lời tôi ghi trong đoạn giới thiệu. Tôi xin trân trọng cảm ơn tất cả những người hữu danh và vô danh kể ra trên đây.

Tôi còn muốn nói thêm một điều : Trong bản trường ca, khi đi tới cuối con đường xuyên Việt rồi, ước vọng của lẽ khách là có ngày đường tan ranh giới để lẽ khách được đi xa hơn nữa trên con đường dài của tình yêu, ở nơi thế giới xa xôi, và trong lòng dân chúng muôn nơi... Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, gia đình tôi và một số rất lớn đồng hương đã thực hiện được ước vọng đó. Xin cảm ơn cuộc đời.

(1) Cõi Hồi Kỳ Thời Cách Mạng Kháng Chiến, trang 37.

(2) Ra hải ngoại rồi mà vẫn còn có người nhân danh sự yêu nước rồi khùng bỏ tình thân những người không cùng lập trường chống Cộng như mình.

(3) Nói đến chuyện đồ cổ ở Việt Nam, phải đau đớn thấy rằng trong cuộc chiến tranh dữ dội giữa lính Mỹ và Vi Xi, có những sĩ quan quốc gia đã không quản hiểm nguy, dùng xe tăng đi lấy tượng Chàm đem về bán cho người ngoại quốc. Kể của nghị sĩ cũng làm việc phi pháp này.

Đừng lay tôi nhé cuộc đời
Tôi còn trẻ dại cho tôi mơ mộng...
TÔI ĐANG MƠ GIẤC MỘNG DÀI

Chương Mười Hai

Từ ngày rời bỏ miền Bắc thân thương nhưng đầy bất trắc để di cư vào Nam, trong vòng mười năm, tôi được sống tại một phần đất nước tương đối vững chãi và thanh

bình. Nhưng riêng tôi phải trải qua dăm ba cơn sóng gió dữ dội, bị tay sai của thực dân giam trong nhà tù hay tự dìm mình vào tù ngục của tình yêu rồi phải xa lánh mọi người vì e ngại dư luận. Nhưng kỳ diệu thay, dường như lúc nào cũng có đôi bàn tay tiên gỡ tôi ra, đưa tôi đi... khiến tôi đã hơn một lần thoát hiểm, từ từ vươn lên từ hố sâu hệ lụy để tiếp tục ca hát. Cũng giống như mọi người mà thôi, vào giữa đời mình, tôi ném đủ mùi hạnh phúc và khổ đau, trong cuộc đời cũng như trong cuộc tình. Và tôi luôn luôn nghĩ tới cái chết...

Đã có một lúc tôi quyết định không đem nghệ thuật của mình ra để chỉ nghe theo mệnh lệnh nào đó, xưng tụng một chiều. Bên cạnh vinh quang còn có nhục nhằn, nếu ở một nơi nào tôi không được nói tới của hai khía cạnh cuộc đời thì tôi ôm đàn ra đi. Đã chủ trương hai chiều trong nghệ thuật thì trong đời sống riêng tư, tôi cũng chấp nhận của vinh quang lẫn tủi nhục. Vào lúc tôi vừa ở Pháp về và đang dương dương tự đắc vì dăm ba cái thành công (!), muốn kiểm chế bớt tính kiêu căng, tôi cần phải uống một liều thuốc nhục. Rồi từ đó, trải qua nhiều năm, từ khi chế độ nhà Ngô vững chãi cho tới lúc sắp sụp đổ, tôi được ném thêm ít nhiều ngọt bùi và đắng cay. Là người muốn sống trung thực với mình, với người, tôi đem tất cả cái buồn cái vui, cái sướng cái khổ, cái thực cái giả, cái xấu cái tốt, cái sống cái chết vào những bài hát của tôi. Tôi soạn những bài nói tới cuộc đời toàn diện chứ không phải chỉ là những mảnh đời vụn vặt.

Một Bàn Tay là tất cả. Bàn tay đưa ta vào đời, dẫn dắt ta đi, đánh đập ta hay vỗ về ta, cuối cùng, bàn tay vuốt mắt ta :

*Bàn tay đưa anh ra khỏi lòng người
Một đêm kêu lên hơi thở tuyệt vời.*

.....

*Bàn tay đưa anh đi gặp cuộc đời
Một Xuân bao dung ai cũng là người.*

.....

*Trong cơn mưa hè
Tay nào khô héo bắt anh về
Bàn tay che mắt, ôi còn ngăn câu hát,
Bàn tay ám khí u mê
Nhưng tay em về thơm mùi gỗ quý, gỡ anh ra...*

.....

*Bàn tay ôm anh trong cuộc tình đầy,
Một Thu sang, tim anh nở tròn ngày...*

.....

*Một mai đưa anh thăm thăm lìa đời
Mùa Đông khăn tang mây bỏ đường dài
Bàn tay thương nhớ, một đêm băng giá
Lạ lùng, tay khép làn mi...*

Tiếp theo là bài **Những Bàn Chân**. Bài này phát triển ý niệm lên đường mà tôi nuôi dưỡng. Tôi xưng tụng :

*Những bàn chân, trên ruộng cần
Dưới nắng hè lửa thiêu đất khan
Vỡ đôi nương, cho máu đào rơi thấm cỏ hoang...*

.....

*Những bàn chân trên sa trường
Những bước buồn đạp trên máu xương*

Vẫn hoài mong cho đất vàng hoa nở nhiều hơn...

.....
Những bàn chân trong hoà bình
Mang những lời yêu, trong gió xanh
Bước hiên minh đi nối liền hai cõi tử sinh...

Trước đây, tôi có bài **Lữ Hành**. Bây giờ tôi soạn một bài cũng nằm trong ý niệm lên đường là bài **Xuân Hành**. Bài **Lữ Hành** là một tuyên ngôn : *Ta đi trên dương gian, đi trong thanh xuân, đi trong thiên nhiên, đi trong nhân gian, đi trong thời gian và bao giờ ta cũng phải bước nhanh vượt chân đời.*

Với bài **Xuân Hành** tôi muốn trả lời một câu hỏi muôn đời : **qui es tu ? d'où viens-tu ? où vas-tu ?** :

Người là ai ? Từ đâu đến ?
Và người ơi, người sẽ bước chân về nơi nao ?
Người vì sao mà chóng nở ?
Rồi sớm tối, cánh hoa tươi tươi bời theo với những lá úa ?
Người là chi ? Là cơn gió ?
Là cát trắng hay bụi xanh lơ ?

Có phải người từ xưa, thuyền theo lái về bến cũ ? Hay người lên xe đi từ hư vô qua hư vô ? Câu trả lời trong **Xuân Hành** là : Người từ lòng người đi ra rồi sẽ trở về lòng người. Người vừa là người, vừa là thần thánh và ma quỷ, biết thương yêu dai và cũng biết hận thù dài, làm bất cứ điều gì thì cũng phải rất là đắm say. Nhưng trong khoảnh sống ngắn ngủi này, người phải biết nhìn toàn đời trong từng chớp mắt, người phải biết vui biết buồn ngay trong một cơn tim đập, tim ngưng. Cuối cùng, khi chết đi, người đời còn nhớ tới mình thì có nghĩa là mình ra đi từ lòng người rồi sẽ trở về lòng người :

Người là TA, đường nhân ái còn đi mãi mãi
Hết bước Xuân, TA gọi nhau về trong người...

Trong thời gian này, tôi có cái nhìn bao la hơn trước. Được người tình vỗ về chăm sóc, trong một bài hát tình yêu, tôi cảm ơn người tình đã đem vào đời tôi trăng sao vời vọi... Quả thật là như vậy ! Những buổi gặp nhau nàng thường tặng tôi những câu ca dao, trong đó có một câu tôi yêu vô kể :

Sao tua chín cái ối a nằm kê
Thương em từ thuở mẹ về với cha...

Người Việt Nam khi xưa đã cho của thời gian bất tận lẫn không gian vô tận vào một câu thơ tình lục bát. Tình yêu của người soạn câu ca dao thật vĩ đại bởi vì người này nhìn vào tình tú vô biên để thương yêu một người từ thuở chưa có người đó. Tôi thêm lời vào câu ca dao bất diệt này để soạn thành **Bài Ca Sao** nói lên tình yêu của tôi đối với người tình :

Sao vua sáu cái nằm xa
Thương em từ thuở người ra người vào
Sao Khuê chín cái nằm dài
Thương em từ thuở tình ngoài nghĩa trong
Sao măng năm cái nằm ngang
Thương em từ thuở mẹ mang đầy lòng.
Sao đôi hai cái nằm chồng
Thương em từ thuở mẹ bỏng mát tay
Sao hoa ba cái nằm xoay
Thương em từ thuở được vay nụ cười
Sao băng ngã xuống gắm trời

Thương em từ thuở mẹ ngồi nghỉ xa.
Sao sa, sa xuống vườn hoa
Thương em từ thuở người ta lại gần.
Sao hôm le lối đầu hè
Thương em từ thuở em về với ai
Sao mai le lối ngọn cây
Thương em từ thuở về xây tình người...

.....
Sao Vân muôn cái mịt mù
Thương em từ thuở nghìn trùng cách chia.
Sao quanh theo gót người đi
Thương em chỉ có trời khuya nhìn về
Sao ơi, sao hỡi buồn gì ?
Sao ơi, sao hỡi buồn chi ?

Người tình còn đem tới của trăng non, trăng già thì tôi phải có **Bài Ca Trăng**. Bài này là một bài ca tình tự với trăng, tức là với người yêu :

Trăng ơi, trăng ơi kia là trăng ơi
Trăng lá trai trong chiều vui
Lưỡi trăng treo đầu trời, ngoài đồng hoang vắng rơi
Trăng ơi, trăng ơi tình còn nhỏ nhoi
Theo gió đưa trăng về khơi
Trăng ơi, trăng ơi kia là trăng xanh
Trăng sáng soi trong vườn chanh
Sáng luôn trong vườn đào, kia là soi trăng đêm
Trăng ơi, trăng ơi mặn nồng tình duyên
Trăng thức lâu trên giường êm.
Trăng ơi, trăng ơi kia là trăng đêm,
Trăng đến khuya thăm người quen
Gối chăn đã lạnh mềm, người về trong cõi duyên
Trăng ơi, trăng ơi tình già bình yên
Trăng khuất mau sau màn đêm...

Tình yêu đã đem trăng sao đến cho tôi rồi và qua một bài thơ của nàng do tôi phổ nhạc -- mà Tạ Ty, người viết chuyện đời tôi, cho rằng đó là bài tình ca hoan lạc nhất của tôi -- quả rằng vào lúc gần tàn của chế độ nhà Ngô, tôi...

... đang mơ giấc mộng dài
Đừng lay tôi nhé cuộc đời chung quanh
Tôi đang nhìn thấy màu xanh
Ở trên cây cành trôi xuống thân mình
Tôi đang nhìn thấy màu hồng
Ở khắp nẻo đường nhẹ thấm vào hồn
Từ bình minh tươi mát
Về hoàng hôn thơm ngát
Làn gió đưa hương trời
Vào chứa chan lòng tôi...

Đúng vậy !

Tôi nghe từ cõi đời vui
Vượt qua đêm dài lên tới sao trời
Tôi nghe từ cõi lòng người
Lời nói bồi hồi tìm kiếm ngọt bùi
Và nhìn thấy trong tim
Tình yêu nở những con chim tuyệt vời...

Như bất cứ đôi người tình nào trên thế giới, chúng tôi van xin :

*Đừng lay tôi nhé cuộc đời
Tôi còn trẻ dại cho tôi mơ mộng...*

Tuy nhiên, bây giờ ngồi nhớ lại cuộc tình xưa, tôi tự thấy vào lúc đó tôi chỉ mơ mộng có khoảng 50% của giấc mộng. Không những tôi cố gắng không biến cuộc tình của mình thành một sự chiếm đoạt, một cuộc đụng chạm xác thịt hay một cuộc hứa hẹn trăm năm gì đó, vào những lúc đắm thắm nhất hay chua xót nhất của tình yêu và vào lúc chúng tôi đều hiểu ngầm của đôi bên muốn đi đến chỗ "trói chặt nhau", tôi đều cố gắng thoát ra khỏi ràng buộc đó. Tôi không vì vợ hiền con ngoan mà bỏ mất cuộc tình thì tôi cũng không thể vì người tình mà bỏ bê vợ con.

Có thể biết rõ như vậy cho nên vợ tôi -- có người gọi là á thánh (!) -- không bao giờ sợ mất tôi cả. Chắc chắn vợ tôi biết tôi có đủ những nét tốt của một người chồng và chỉ có một nét xấu của đàn ông mà thôi. Cái tật này thì hình như nhiều bậc nam nhi đều có hoặc muốn có, và được các bà vợ tha thứ hay nhất định không tha. Tôi vẫn thường khoe với bè bạn rằng dù là người thích bay bướm nhưng không bao giờ tôi vắng mặt trong bữa cơm hàng ngày. Rất ít khi đi ngủ đêm ở ngoài. Không bao giờ phản đối vợ dù trong những việc con con nhất. Bên trên tất cả là vấn đề tiền tài. Từ khi lập gia đình cho tới bây giờ, làm được đồng nào là đưa cho vợ giữ, không bao giờ tôi biết tôi có bao nhiêu tiền trong túi, trong ngân hàng hay trong hầu bao của vợ.

Chót là một nghệ sĩ chỉ biết xưng tụng tình yêu, không bao giờ tôi trốn tránh tình yêu cả. Nhưng vì tôi sống trong một xã hội không có sự tự do quá trớn (như xã hội Âu Mỹ chẳng hạn), tôi biết tôn thờ tình vợ chồng, tình cha con, nói tóm lại là tình gia đình. Lạy Phật lạy Chúa, gia đình chúng tôi luôn luôn bình an, chưa bao giờ biết tới bi kịch hay thảm kịch. Gia đình nào mà chẳng có những phút hiểm nguy, nhưng tôi xin phép được thừa rằng trong suốt một đời vợ chồng, chúng tôi không bao giờ to tiếng với nhau, ngay cả vào lúc gay go nhất. Vì cầm tinh con bướm, tôi có thể là một người tình lang chạ, bao giờ cũng biết yêu, biết quý từng cuộc tình một, nhưng tôi không thờ chủ nghĩa đa thê.

Cũng chẳng khác chi các văn nghệ sĩ khác, chưa bao giờ tôi hài lòng với tác phẩm của mình cả. Một bài hát, dù ngắn dù dài, nếu chưa được ấn hành và thu băng thì tôi cứ đem nó ra sửa chữa hoài hoài. Tôi đã từng bỏ ra 5 năm, 15 năm để hoàn tất một tác phẩm là thế đó. Có khi hoàn tất rồi mà vẫn thấy chưa như mình mong muốn. Dem so sánh, tôi thấy những cuộc tình của tôi cũng chỉ là những tác phẩm chưa thành. Chẳng bao giờ hoàn thành cả. Người tình nào tới với tôi cũng chỉ đem cho tôi một thứ gần như là tình yêu. Tôi yêu ai cũng thấy hoặc mình yêu chưa đủ hoặc người tình chưa hết mực yêu mình. Cho nên nếu tôi có thể đi vào đi ra khá nhiều cuộc tình, trong lòng có thể rất vui vẻ hay rất buồn thương nhưng chẳng bao giờ tôi phải khổ sở vì những tác phẩm nửa chừng (oeuvre inachevée) như vậy. Nói cho rõ hơn, chẳng có cuộc tình lẻ nào có thể hoàn thành được cả, khi tôi là kẻ rất "có hiếu" với vợ con. Tuy nhiên mỗi một mối tình không hoàn thành cũng đều là một phần hạnh phúc của đời tôi nên lúc nào tôi cũng mang một ơn sâu đối với tất cả những người tình lang chạ.

Để bênh vực thêm quan niệm (vợ vào) về tình yêu của một nghệ sĩ sống bằng con tim, xin thừa rằng : tôi chẳng bao giờ là một vị thánh hay một nhà đạo đức. Tôi luôn luôn đi tìm tình yêu nhưng chẳng bao giờ tôi muốn phá tan tổ ấm. Về vấn đề này, tôi học mót ở người xưa : người Việt Nam có một quan niệm khá rõ rệt về chữ **tình** nên đã phân chia ra ba thứ : tình yêu, tình duyên và tình nghĩa... Yêu nhau rồi có thể xa

nhau, đó là **tình** Khi đã kết hôn với nhau, đó là **duyên** (và **nợ**). Khi con cái đầy đàn thì chuyển sang **nghĩa**. Tình có thể rất mỏng manh, còn đó, mất đó, nhưng đã là duyên và nợ, đã là ơn và nghĩa, thì phải ràng buộc lấy nhau. Giản dị là như vậy.

Nhưng than ôi, cũng chẳng cần đến quan niệm về tình của người xưa hay đến tính sợ vợ muôn đời của đàn ông -- ha ha -- để giúp tôi ra khỏi cuộc tình mười năm mà kết quả là một số bản tình ca đôi lứa đi trước một số bản tình ca một mình... Biển cổ tháng 11 năm 1963 tới và nhất là biển cổ Tết Mậu Thân giúp cho chúng tôi vĩnh viễn xa nhau.

Lũ con lạc lối đường xa
Chiếc lá rơi theo heo may
Có con nào nhớ Mẹ ta thì về...
MẸ VIỆT NAM

Chương Mười Ba

Ngày 11 tháng 11 năm 1960, quân đội Nhảy Dù bao vây Dinh Độc Lập, nổ súng vào chính quyền Ngô Đình Diệm. Cuộc đảo chính của Nguyễn Chánh Thi, Vương Văn Đông không thành công nhưng nó báo hiệu ngày tàn của chế độ. Dù đã có công trong việc di cư và định cư cho gần một triệu người miền Bắc đi tìm tự do và xây dựng một miền Nam trù phú và thanh bình, sau 7 năm cầm quyền, Nhà Ngô tỏ ra không có tinh thần dân chủ và đi tới chế độ gia đình độc trị, có thể cũng do tình hình trong nước tới lúc gay go hơn trước.

Một mặt, sau khi miền Nam từ chối hiệp thương, Cộng Sản khởi sự đánh phá. Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam được thành lập (do Hà Nội tạo ra). Các cơ sở nằm vùng của Cộng Sản xuất hiện. Mới đầu còn là những hoạt động du kích, về sau là những trận đánh lớn của những đoàn quân chính quy **sinh Bắc tử Nam**. Nông thôn trở nên bất an. Mặt khác, trong hàng ngũ quốc gia, với sự đảng tranh phải xảy ra, chính quyền Công Giáo với đảng Nhân Vị muốn độc tôn cai trị nên gây ra sự bất bình nơi các chính khách và sự hiềm khích nơi các tôn giáo, đặc biệt là Phật Giáo. Cuối cùng là sự không đồng ý Mỹ hoá chiến tranh Việt Nam nên ông Diệm, ông Nhu chống đồng minh Hoa Kỳ.

Sau vụ nổ súng không thành của nhóm Nguyễn Chánh Thi, Vương Văn Đông, sau khi bỏ tù và đưa ra Côn Đảo những người dính dáng tới cuộc đảo chính, chính quyền nhà Ngô cũng chẳng bớt đi những hành động quá khích. Nhưng họ chú ý hơn tới công tác tuyên truyền. Bây giờ, vừa muốn chống Cộng vừa muốn lấy lại lòng dân, Bộ Công Dân Vụ do ông Ngô Trọng Hiếu điều khiển, tìm cách thu phục giới văn nghệ sĩ. Anh Nguyễn Đức Quỳnh được mời cộng tác với chính quyền. Anh lại lôi kéo tôi vào đầu trường. Vì đang là công chức của Trung Tâm Điện Ảnh thuộc Nha Tổng Giám Đốc Thông Tin (lệ thuộc Công Dân Vụ), tôi không thể từ chối. Trong công tác nghệ sĩ vận và dân vận như vậy, chính phủ đã giao cho anh bạn cố tri của tôi là Phạm Xuân Thái điều hành Câu Lạc Bộ Văn Hoá ở đường Tự Do để có nơi cho văn nghệ sĩ tới gặp nhau hằng ngày, thay vì ra nhà hàng La Pagode gần đó. Bây giờ một đoàn ca vũ kịch lớn được thành lập tại Bộ Công Dân Vụ, tụ tập nhiều nghệ sĩ tên tuổi

do Lê Văn Vũ Bắc Tiến chỉ huy. Tôi tới sinh hoạt thường xuyên với đoàn ca vũ kịch này. Nhưng ai cũng công nhận rằng làm công tác dân vận cho Công Dân Vụ lúc bấy giờ thật khó vì đa số dân chúng đã bất mãn với chính quyền, lại thêm phe Cộng Sản hoạt động tới đa trong việc phản tuyên truyền. Cái tên Công Dân Vụ được nói lái là **vu dân Cộng**, chắc do đối phương làm ra và rỉ tai quần chúng.

Trong thời Cộng Hoà thứ nhất, dù tôi có đời sống riêng tư rất sôi nổi, nghĩa là sống hết mình cho nghề nhạc, sống trọn vẹn cho gia đình và sống nhẹ nhàng cho một cuộc tình thi vị, tôi vẫn không từ chối làm những việc ta có thể gọi là việc công. Cộng tác với Trung Tâm Điện Ảnh, tôi đóng góp vào việc thực hiện những cuốn phim thông tin tuyên truyền. Liên hệ với những hãng phim tư nhân -- như hãng Đông Phương của Đỗ Bá Thế -- tôi đóng góp vào việc sản xuất những cuốn phim nghệ thuật, tuy vẫn phải mang tinh thần tổ Cộng mà chính quyền miền Nam đề cao.

Từ lâu tôi đã biết yêu ngành nghệ thuật được gọi là septième art (1) này. Tôi vừa làm việc, vừa học hỏi thêm về điện ảnh. Lénine đã từng coi điện ảnh rất quan trọng, đến độ phán rằng : *Le cinéma, c'est de la culture*. Thế hệ tôi được chứng kiến sự ra đời và phát triển của điện ảnh, từ phim câm tới phim nói, từ phim đen trắng màn ảnh hẹp tới phim màu màn ảnh đại vĩ tuyến, từ một trò chơi giải trí tới một nghệ thuật phản ánh sự sống một cách mãnh liệt. Trong những ngày học nhạc tại Pháp, tôi đã mê những phim tân tả thực xã hội của Ý và đứng xếp hàng trên hè đường tuyết phủ trước rạp ciné để coi đi coi lại nhiều lần những phim **Trẻ Đánh Giày** (Sciucia), **Kẻ Cắp Xe Đạp** (Le Voleur de Bicyclette) của Vittorio de Sica mà của thế giới phải khâm phục khi Thế Chiến Hai vừa chấm dứt. Lúc tôi làm việc tại Trung Tâm Điện Ảnh cũng là lúc phim Nhật đang được thế giới chú ý qua những phim **Địa Ngục Môn** (Rashomon) **Bảy Người Hiệp Sĩ** (Seven Samurais) của Akira Kurosawa. Tôi có may mắn được một người bạn là Nguyễn Đăng Xương, giám đốc nhà phát hành phim HOÀN KIẾM, thuê làm phụ đề tiếng Việt cho những phim Nhật đó. Tôi tự hỏi tại sao phim Nhật chinh phục được hoàn cầu. Rồi tôi thấy từ cuối thế 19, người Nhật đã biết mở cửa tiếp thu những kỹ thuật Âu Tây vừa được phát minh khác với chính sách bế môn toả cảng của các vua ta. Gọi là nghệ thuật thứ bảy nhưng điện ảnh là tổng hợp của sáu ngành nghệ thuật đã có, cộng thêm với những kỹ thuật tân kỳ. Biết chuyển sang xã hội kỹ thuật, Nhật Bản còn tiến xa về mọi phương diện, ngoài sự thành công trong điện ảnh.

Một ví dụ khác về khả năng giúp ích cho việc phát triển nghệ thuật : khi người Mỹ đem tiền bạc và vũ khí đổ vào Việt Nam, họ còn đem theo một phần của một nền kỹ thuật mới mẻ tới nữa. Xã hội Việt Nam, từ trước tới nay, chưa hề là một xã hội kỹ thuật. Văn nghệ gây được chấn động trong dân chúng là văn nghệ có luận đề, trùu tượng, phù hợp với xã hội nông nghiệp, những thi phẩm Kim Vân Kiều, Chinh Phụ Ngâm, Lục Vân Tiên được phổ biến theo lối truyền khẩu. Người Pháp đem máy hát vào nước ta và thúc đẩy nhạc Việt tới thời cải cách. **TÂN NHẠC** ra đời nhờ kỹ thuật mới mẻ là máy hát chạy bằng lò so, đĩa nhựa và kim sắt. Tới khi Hoa Kỳ đem vào Việt Nam những sản phẩm mới hơn như tape và cassette recorder thì những vật liệu không công kênh này đóng góp vào việc đưa âm nhạc Việt Nam đi nhanh hơn nữa. Không có phong trào nghe băng cassette trong dân chúng, tân nhạc không thể nào phổ biến về đồng quê được. Ngành điện ảnh, với kỹ thuật cao và rắc rối hơn, cần thời gian để khắc phục nên điện ảnh Việt Nam chưa tiến nhanh tới thời kỳ trưởng thành, dù về diễn viên, chúng ta có những ngôi sao như Kiều Chinh, Đoàn Châu Mậu, Hoàng Vĩnh Lộc, Lê Quỳnh... Các nhà sản xuất thiếu vốn lớn để trang trải các món chi tiêu khổng lồ trong đó phần chi phí về phim liệu, máy quay hình, thu thanh,

ánh sáng là tốn kém nhất. Tuy vậy, chúng ta cũng có những người hi sinh cho điện ảnh như Hoàng Anh Tuấn, Hoàng Vĩnh Lộc... để Điện Ảnh Miền Nam có mặt tại các Festivals lớn ở Đông Nam Á. Phải công nhận việc xây dựng Trung Tâm Điện Ảnh là một công lớn của chính quyền Ngô Đình Diệm vì đây là nơi đào tạo ra những chuyên viên điện ảnh đầu tiên. Là nhân viên của Trung Tâm Điện Ảnh, phụ trách viết lời bình cho những cuốn phim thời sự, phim tài liệu hay viết truyện và đối thoại cho những phim truyện, tôi thường đi theo các phóng viên điện ảnh tháp tùng các phái đoàn Chánh Phủ đi thăm Ấp Chiến Lược. Là nhân viên của Bộ Công Dân Vụ, tôi tham dự những sinh hoạt của các đoàn thể do ông bà Ngô Đình Nhu tạo ra như THANH NIÊN CỘNG HOÀ, PHỤ NỮ LIÊN ĐỐI, PHỤ NỮ BÁN QUÂN SỰ... chứng kiến những nỗ lực của chính quyền trong công tác thu phục thanh niên nam nữ. Như đã nói, tôi còn là huấn luyện viên hát và đóng kịch cho cô Ngô Đình Lệ Thủy nữa. Nhưng vì trốn được tham gia nhiều chiến dịch và đích thân làm công tác dân vận, trí thức vận, địch vận trong thời kháng chiến chống Pháp, tôi nhận thấy những việc làm của chính quyền miền Nam hồi đó, tuy nhiều thiện chí nhưng chỉ có tính cách bề ngoài. Thấy ông Diệm hay ông Nhu ngồi bành choẹ trên thuyền để đi thăm ấp chiến lược trong vùng không có đường cho xe chạy, với dăm ba người dân quê lội nước đẩy thuyền đi, tôi không tin các vị ấy được lòng dân. Các thanh niên, thanh nữ Cộng Hoà dưới bộ quần áo màu xanh trơn tru sạch sẽ, đi diễn hành nơi vận động trường, trông rất oai nhưng không có nhiều tinh thần chiến đấu như những lãnh tụ mong muốn. Hơn nữa, họ là con cháu của dân, mà dân có vẻ không ưa chế độ. Ngày ông Tổng Thống và lãnh tụ của Thanh Niên Cộng Hoà lâm nạn, dù có lời kêu gọi trên Đài Phát Thanh, không có thanh niên thanh nữ nào đi cứu các ông cả.

Sau những hành động vụng về khác như bắt dân chúng đứng dậy chào quốc ca và suy tôn Tổng Thống tại rạp hát hay chiếu bóng, dựng tượng Hai Bà Trưng có dáng dấp bà Nhu, gian lận trong cuộc bầu cử Tổng Thống nhiệm kỳ hai, cộng với thêm nhiều lầm lỗi khác, một chính biến nữa lại xảy ra với việc ném bom Dinh Độc Lập của hai phi công Phạm Phú Quốc, Nguyễn Văn Cử. Sự chống đối âm thầm của dân chúng và sự phản kháng bằng bom đạn của các quân nhân làm cho chế độ càng thêm cứng rắn. Thay vì nhìn thấy lòng dân, lắng nghe lời dân, chế độ gia đình độc trị thi hành chính sách bịt miệng báo chí, bắt bớ giam cầm bừa bãi, vu cáo những người phê bình hay chống đối là thân Cộng Sản.

1963. Ngày 7 tháng 5, ở Huế, tăng ni và Phật tử sửa soạn lễ Phật Đản, canh sát tới hạ cờ Phật Giáo. Ngày 8 tháng 5, lễ Phật Đản, buổi sáng có rước Phật từ chùa Từ Đàm tới chùa Diệu Đế, buổi chiều có chương trình phát thanh đặc biệt về buổi lễ ban sáng. Hàng ngàn Phật tử tụ tập trước Đài Phát Thanh bên bờ sông Hương để nghe những lời thuyết pháp với tinh thần chống đối chính quyền rất gay gắt của Thượng Toạ Thích Trí Quang. Cuộc tụ họp bị lực lượng an ninh tới giải tán. Xung đột xảy ra, lựu đạn nổ và súng cũng nổ : bảy thường dân chết, một thường dân và năm binh sĩ bị thương. Kết quả là tại Huế và tại Saigon, biến cố xảy ra dồn dập. Bên Phật Giáo có những buổi lễ cầu siêu cho nạn nhân ở Huế, những vụ tuyệt thực, biểu tình của tăng ni và Phật tử. Bên chính phủ có lực lượng an ninh tới canh giữ chùa Từ Đàm, điện nước trong chùa bị cúp.

Vụ Phật Giáo càng ngày càng trở nên trầm trọng. Ngày 11 tháng 6, Thượng Toạ Thích Quảng Đức tự thiêu, kéo theo bảy vụ tự thiêu khác. Những cuộc hội họp giữa Ủy Ban Liên Phái và Ủy Ban Liên Bộ do chính phủ thành lập, cũng như sự gặp gỡ giữa các nhà lãnh đạo Phật Giáo với Tổng Thống Ngô Đình Diệm không đi đến một

hoà giải nào cả. Cuối cùng Lực Lượng Đặc Biệt tấn công chùa Xá Lợi. Thượng Toạ Thích Trí Quang lánh nạn tại Tòa Đại Sứ Mỹ.

Như tất cả dân Saigon lúc đó, tuy không tham gia biến cố nhưng chứng kiến những sự việc xảy ra, vụ Phật Giáo đấu tranh với chính quyền nhà Ngô làm tôi vừa mừng vừa lo. Mừng vì thấy một chính quyền độc tài có thể bị đánh đổ. Lo vì biết rằng vụ này có thể làm lợi cho chính quyền miền Bắc. Và cũng như mọi người dân trên thế giới, tôi bị rung động trước cảnh tự thiêu của Thượng Toạ Thích Quảng Đức. Thấy cái chết đó đẹp quá nhưng vì tài hèn sức mọn nên không đưa được vào tác phẩm lớn như bài thơ LỬA TỪ BI của anh Vũ Hoàng Chương. Tuy nhiên ngọn lửa thiêu này cũng được tôi ghi lại trong đoản khúc **Việt Nam Việt Nam** .

Là một nghệ sĩ, tôi còn phản ứng mạnh hơn khi thấy bạn đồng nghiệp bị dính líu vào biến cố chính trị này. Ngày 7 tháng 7, phản đối việc chế độ đưa ông ra xét xử về tội phản nghịch, nhà văn mà tôi rất kính phục là Nhất Linh, tự tử. Anh bạn rất thân Nguyễn Đức Quỳnh, dù đã từng giúp việc cho Công Dân Vụ và Lý Đại Nguyên, người của gan ra tranh cử Tổng Thống với ông Diệm, của hai đều bị bắt trong một ngày tháng 8 năm 63. Khi hai người bạn này được thả, họ cho biết tôi cũng bị chính quyền để ý vì năng lui tới đàm trường để gặp anh Quỳnh và Lý Đại Nguyên.

Ngày 1 tháng 11 là ngày tàn của chế độ. Cuộc đảo chánh thành công. Cũng như mọi người, tôi thấy miền Nam trút được một gánh nặng nhưng khi nhìn thấy xác của ông Diệm, ông Nhu, tôi buồn. Rồi khi có giả thuyết Mai Hữu Xuân là người ra lệnh giết hai ông thì tôi không ngạc nhiên.

Sau khi lật đổ chế độ nhà Ngô, các tướng lãnh đảo chánh thành lập **Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng** để điều khiển quốc gia. Từ lúc này cho tới ngày miền Nam rơi vào tay Cộng Sản, số mệnh nước ta nằm trong tay những quân nhân dù có hai lần chính phủ dân sự được thành lập rồi chết non vì không có thực lực trong tay. Người Mỹ khởi sự nhúng tay vào chính trường Việt Nam. Trong vòng 20 tháng sau khi ông Diệm chết, đã xảy ra 13 cuộc chỉnh lý và tái chỉnh lý, đảo chánh và phản đảo chánh. Có tới chín chính phủ tranh nhau cầm quyền và có tới bốn bản hiến pháp được soạn ra. Những cuộc bãi khoá, biểu tình, xuống đường xảy ra thường xuyên, mâu thuẫn giữa Phật Giáo và Công Giáo còn đi đến chỗ đổ máu nữa... Rồi từ đó trở đi, tất cả những khuyết điểm của chế độ nhà Ngô như thiếu dân chủ, độc tài, tham nhũng, ngoan cố... lại hiện ra trong chính quyền. Cho tới ngày mất về tay Cộng Sản, miền Nam là nơi có đầy đủ những vụ mua quan bán tước, hối sống hối chết, lính ma lính kiếng, buôn gian bán lận (có xe nhà binh hộ tống) do một số tướng lãnh đang nắm những chức vụ then chốt dung túng cho đàn em hoặc trực tiếp nhúng tay vào việc phi pháp.

Tôi không còn làm việc với Trung Tâm Điện Ảnh nữa. Nhưng lại được mời tới làm giáo sư trong Trường Quốc Gia Âm Nhạc ở đường Nguyễn Du, dạy môn NHẠC NGŨ VIỆT NAM. Tôi vẫn không phải lo lắng về đời sống vật chất. Việc bán bản quyền tác phẩm của mình cho Ngọc Chánh ấn hành, thu thanh vào băng cassette và việc đi hát ở Đài Phát Thanh hay phòng trà cũng đủ để tôi nuôi vợ và năm đứa con. Thái Hiền vừa ra đời, vợ chồng tôi vui mừng hết sức. Sau khi có liên tục bốn đứa con trai, vì thêm con gái quá nên đã có lần vợ tôi mua quần áo con gái để cho con trai Hùng mặc. Vui lòng vì mới có con gái nhưng lại khổ tâm vì những vụ bãi khoá

xảy ra thường xuyên trong hai năm trời khiến cho mấy đứa con trai của chúng tôi phải bỏ bê học hành. Rồi tới tuổi quân dịch, ba đứa lớn phải bỏ học đi làm nghĩa vụ "chống Cộng", chỉ có Cường được theo đuổi học hành một cách đầy đủ hơn các anh.

Tình hình náo loạn ở Saigon làm cho tôi không còn hứng thú đi chơi với người bạn nữ thi sĩ nữa. Nàng cũng đã rời mẹ để đi làm tại Biên Hoà. Tôi chỉ có thể thỉnh thoảng lái chiếc xe Hillman cũ kỹ đi thăm nàng. Trên xa lộ vừa mới được Hoa Kỳ làm xong, đi thăm người tình vào ban đêm, lắm khi có những trận mưa lũ làm tôi không nhìn thấy đường, may mà xa lộ lúc đó vắng tanh nên không xảy ra tai nạn.

Đây là lúc tôi có những tiếp xúc chặt chẽ với sinh viên. Nói về vai trò của sinh viên trước và sau cuộc Cách Mạng đánh đổ Ngô triều mà nhóm quân nhân tự nhận là có công, ta cần biết rằng vào cuối thời nhà Ngô, thành phần đấu tranh chính yếu là lực lượng tôn giáo, có sự đóng góp rất tích cực của sinh viên. Hai năm đầu cầm quyền của Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng là lúc xảy ra nhiều xáo trộn trong giới trẻ, bởi vì có quá nhiều biến động và cứ mỗi lần biến động xảy ra là nó lôi kéo sự tham dự hay phản kháng của sinh viên, học sinh. Cao điểm của phong trào sinh viên là vụ xé bản Hiến Chương Vũng Tàu, lật đổ Nguyễn Khánh. Sau đó, phong trào sinh viên chấm dứt, không tham gia trực tiếp vào những biến động lên xuống của các chính quyền nữa. Nhưng phong trào thanh niên nói chung không phải chấm dứt hẳn mà rẽ qua con đường khác, sau khi họ đã có non hai năm sống trong những biến động chính trị. Lúc đó, một số người trong phong trào thanh niên hiểu được sự giới hạn của đám trẻ. Nói một cách đẹp đẽ, họ chẳng qua chỉ là một thứ đơn vị tiền phong, còn nếu dùng danh từ khác thì họ là phương tiện của những phong trào quần chúng rộng lớn như tôn giáo, quân nhân, chính đảng. Biết vậy, cho nên thanh niên, sinh viên bớt chú quan về sức mạnh của họ và họ muốn tìm những hoạt động thực tiễn hơn, lâu dài hơn, nghĩa là những hoạt động xã hội, văn hóa. Còn một động cơ thứ hai nữa khiến cho họ phải thay đổi là : chiến tranh lên cao nên sinh viên bị động viên. Số sinh viên đi lính càng nhiều thì hoạt động chính trị của sinh viên càng bị thu hẹp. Môi trường hoạt động trực tiếp bị giảm đi thì môi trường gián tiếp gia tăng, qua những hoạt động xã hội và văn hoá.

Tình hình ở Việt Nam trong hai năm 63-65 còn là sự chia rẽ lớn lao với những cái trục người Nam-người Bắc, Công Giáo-Phật Giáo chưa kể cái trục dân sự-nhà binh. Rồi thêm cái trục sâu xa bên dưới nữa là quốc gia-cộng sản -- còn có của cái trục người già-người trẻ nữa -- cho nên ai cũng muốn đi tìm một **mẫu số chung**, ai cũng muốn mọi người ngồi lại với nhau với mong ước : Hãy là người Việt Nam đi đã. Ai cũng muốn đặt vấn đề Tổ Quốc, Đồng Bào, Con Người, Nhân Đạo lên trên.

Vào lúc này, tôi còn nhận thấy tình hình âm nhạc nói chung có vẻ suy đồi với loại nhạc chỉ có tính cách biểu diễn cho mọi người ngồi nghe, dùng những ca sĩ mặt hoa da phấn với lời ca ngon ngọt để xoa dịu lòng người. Tôi bèn vác máy tape recorder có sẵn ampli, speaker hiệu AKAI (là loại tốt nhất lúc đó) và băng nhạc CON ĐƯỜNG CÁI QUAN tới sinh hoạt với sinh viên và thanh niên. Đây là lần đầu tiên giới trẻ được tham gia mạnh mẽ vào các cuộc ca hát. Khi chế độ cũ ra đi thì trong nước tương đối có tự do, sinh viên cũng như tất cả mọi người bắt đầu có sự tự do sinh hoạt. Trước hết tuổi trẻ họp nhau lại, cùng hát chung những bản hùng ca cũ của ngày xưa. Bây giờ tôi đem tới cho họ bản trường ca CON ĐƯỜNG CÁI QUAN và cho in ronéo lời ca để phát cho các bạn trẻ, mời mọi người hát theo với ca sĩ trong băng nhạc. Dù

sao thì những anh hùng ca hay bản trường ca này là những bài hát mà thanh niên đã biết tới rồi. Muốn lôi cuốn tuổi trẻ, tôi cần phải có cái gì mới để cung cấp cho họ.

Như đã nói ở trên, trong tình trạng xáo động và chia rẽ của thời này, ai cũng muốn đi tìm mẫu số chung. Không cần tìm ở đâu xa xôi, tôi thấy ngay rằng : Mẫu số chung là Mẹ Việt Nam vậy. Muốn tìm lại tổ quốc, đồng bào, con người, nhân đạo, phải tìm đến Mẹ Việt Nam. Tôi bèn soạn trường ca MẸ VIỆT NAM. Sau khi thu thanh với giọng hát và với nhạc sĩ trong ban nhạc HOA XUÂN của tôi ở Đài Phát Thanh, tôi lại xách bộ máy AKAI đi phổ biến bản trường ca rất hợp thời này. Cũng nên nhắc lại sự ích lợi của kỹ thuật trong việc phổ biến âm nhạc vào thời này, nếu không có bộ máy AKAI, chưa chắc MẸ VIỆT NAM đã được nhiều người biết tới. Khi Bộ Chiêu Hồi in nhạc phẩm này ra, tôi có những lời mở đầu như sau :

Nếu CON ĐƯỜNG CÁI QUAN là một hành ca ghi lại bước tiến của dân tộc ta trên một sinh lộ nhất quyết không chịu chia cắt thì MẸ VIỆT NAM là một âu ca, ca tụng Mẹ Tổ Quốc và những Mẹ điển hình trong truyền kỳ lịch sử nước nhà, đề tài và cảm hứng nhắm dựa vào Tình Thương Yêu và Tính Hiếu Hoà, tính tình này đã sinh tồn mạnh mẽ trên đất ta và phải được truyền đi trong thế giới tàn nhẫn hiện tại. Đây là một Trường Ca trong đó, lúc trẻ tuổi, MẸ VIỆT NAM được biểu tượng bằng ĐẤT MẪU tươi tốt, đa tình, nền tảng của gia đình, ruộng nương, làng nước. Khi đứng tuổi, MẸ hiện thân là NÚI NON sắt đá, trong sự hi sinh ròng rã, vẫn bền bỉ đợi chờ và che chở người chinh phu chưa hết nợ đao binh. MẸ còn âm thầm xót thương lũ con SÔNG NGÒI, có những đứa đại dột, hiếu thắng, phản bội MẸ vì sự tranh giành lẫn nhau, gây oán hận phân chia, làm nát tan lòng MẸ. Vào lúc tuổi già, MẸ trở thành BIỂN CẢ đại lượng bao dung, kêu gọi và ôm đón đàn con giang hồ, thành công hay thất bại. Nước mắt vui mừng của MẸ lúc gặp con bốc lên trời cao làm mây đầy đặn và ấm áp, bay đi rửa sạch địa cầu bằng ơn mưa móc, nối chặt chu kỳ trường ca MẸ VIỆT NAM.

Mấy năm trước, vì CON ĐƯỜNG CÁI QUAN mang tính chất tả thực (réaliste) và được xây dựng trên âm giai LA MAJEUR nghĩa là với những nốt nhạc có dấu thăng (dièse). Tôi muốn MẸ VIỆT NAM mang tính chất tượng trưng (symbolique) nên bây giờ tôi dùng âm thể Mib với những nốt nhạc có dấu giáng (bémol). Tôi cũng làm cái trò đối thoại với huyền sử hay dã sử khi soi bóng người Thiếu Phụ Nam Xương trên bờ đê (hơn là trên tấm vách) và cho rằng sự hoá đá của Mẹ Việt Nam không do bởi Mẹ đứng đợi người tình. Mẹ hoá đá vì quá mong chờ ngày hạnh phúc của dân tộc.

Tôi soạn trường ca này vào lúc mà nước Việt đang trong hoàn cảnh khốn khó nhất. Trong bất cứ giai đoạn gay go của một nước nào, người nghệ sĩ của nước đó thường cất cao tiếng nói của tâm thức dân tộc. Ở Việt Nam, vào thời gian mọi người sống trong chia rẽ, khinh thị và kinh hoàng, với trường ca này, tôi cho rằng chúng ta chỉ có thể được cứu rỗi bởi một Tình Yêu Chung, hướng về Mẹ Tổ Quốc. Trường Ca về MẸ được mọi người yêu mến vì ra đời đúng lúc. Rồi bởi có nước ta vẫn chưa ra khỏi số phận lạc loài, trường ca này lúc nào cũng có thể là bài hát hợp thời. Vào những năm cuối cùng của cuối thế kỷ, vẫn còn quá nhiều lũ con lạc lối đường xa, mà chưa hề có con nào nhớ Mẹ ta mà về...

Đoạn kết của trường ca, đoạn khúc VIỆT NAM VIỆT NAM là một bài ca hầu hết người Việt Nam thuộc lòng. Có những người yêu nó, muốn nó trở thành bài quốc ca. Tôi xin nhũn nhận thừa rằng : một tác phẩm văn nghệ được tung ra quần chúng rồi

là nó tuột khỏi tầm tay của tác giả. Ai muốn dùng bài hát đó làm gì cũng được nhưng phải xin phép tác giả. Phải xin phép !

Soạn xong và hát lên hai bài trường ca vào thập niên 50-60, vài chục năm sau, tôi rất lấy làm vui mừng vì những giấc mơ tôi vẽ ra trong hai tác phẩm đó đều đã được thực hiện :

* Trong CON ĐƯỜNG CÁI QUAN, lũ khách mơ ước có ngày đường tan ranh giới để người được mãi mãi đi trong một duyên tình dài, trên con đường thế giới xa xôi, trong lòng dân chúng nơi nơi.

* Trong MẸ VIỆT NAM, tôi ước mơ có ngày được đem ngọn lửa thiêng của Việt Nam đi soi toàn thế giới. Những giấc mơ đó đã thành sự thực. Hai triệu người Việt Nam đang có mặt trên gần 50 quốc gia trong hoàn cầu.

* Đầu năm 1990, tôi hoàn tất một trường ca khác (mà tôi phải bỏ ra 15 năm để thai nghén, sáng tác và tu chỉnh) : tổ khúc BẦY CHIM BỎ XỨ. Nửa phần đầu của Tổ Khúc này là một cơn ác mộng, nửa phần sau là một giấc mơ hồng. Giấc mơ cái tổ chim êm đềm (hay là tổ quốc cũng thế) đã có lúc bị vỡ tan khiến cho một bầy chim phải lìa tổ bay đi, đã tới lúc tất cả loài chim phải đồng lòng với nhau để xây dựng lại tổ chim đó. Không biết giấc mơ này có thể trở thành sự thật như những giấc mơ trong hai bài trường ca trước hay không ?

(1) được gọi là nghệ thuật "thứ bảy" vì ra đời sau văn chương, thi ca, âm nhạc, hội hoạ, điêu khắc và kiến trúc.

Kẻ thù ta đâu có phải là người
Giết người đi thì ta ở với ai ?...
TÂM CA số 7

Chương Mười Bốn

1965 là năm miền Nam nước Việt giống như cái chai có gắn cuống phễu và đang bị một thùng dầu sôi lửa bỏng rót vào. Trong chín năm Đệ Nhất Cộng Hoà chỉ có ba biến động, nhưng chỉ trong một năm 64, biến động lên xuống 13 lần, con người như bị quay cuồng trong cơn bão tố, tuổi trẻ già hẳn đi, tuổi già mệt nhọc hơn. Quân Đội Hoa Kỳ, Đại Hàn, Úc, Phi... đổ bộ vào Việt Nam khiến cho chiến tranh leo thang. Xã hội ngả nghiêng vì đồng dollar, dù tiền lưu hành mang màu đỏ, giống như giấy bạc giả. Giới trẻ bị động viên. Ba đứa con trai của tôi tuần tự nhập ngũ. Tôi đi thăm chúng tại trại Quang Trung, lòng đầy ái ngại. Gia đình nào cũng có con phải đi lính. Ai cũng nếm mùi chia ly, hoặc mùi chết chóc, mặc dù chưa bị khó khăn về kinh tế như sau này. Ai cũng sống trong thao thức, lo âu. Tôi gọi đây là thời kỳ **thần đồng gãy cánh, cõi tiên lạc lõng, nhạc trời đứt đoạn**.

Tôi soạn bài **Tôi Còn Yêu, Tôi Cứ Yêu** :

*Tôi còn yêu, tôi cứ yêu
Tôi còn yêu, tôi cứ yêu
Tôi còn yêu mãi mãi mãi
Tôi còn yêu đời, tôi còn yêu người*

Tôi còn yêu tôi...

*.....
Cho dù tôi đã chết rồi
Cho dù ai đã giết tôi
Cho dù xương trắng vẫn chất núi
Cho dù sông ngòi vẫn hoen máu người
Oán thù vẫn dài...*

Sống trong cơn bão thời đại, tôi mất luôn đời sống riêng tư. Tôi không gặp người tình thường xuyên nữa, coi như đã gần mất nhau. Trong bài hát nói về Tình Yêu chữ hoa này, tôi để lộ sự mất mát mỗi tình riêng :

*Vâng ! Tôi còn yêu
Tôi còn nhớ mãi thân hình gầy yếu
Một dòng tóc mây yêu kiều
Một cặp mắt ngây hương chiều
Nụ cười đắm say tâm hồn người yêu
Vâng ! Tôi còn yêu
Tôi còn nhớ mãi làn môi ngọt ngào
Một vòng cánh tay mỹ miều
Còn lại chút hương tiêu điều
Và mộng đắng cay đi về, đi về...*

*Tôi lại nhìn thấy sự chết :
Tôi còn yêu mãi mãi mãi
Tới ngày mai rồi, xa lìa cõi đời, tôi còn yêu ai
Ơi người ơi ! Hãy lắng tai
Nghe hồn tôi trong nắng mai
Trong làn gió mới, trong đêm tối
Trong giọt mưa dài, suốt năm tháng ngày
Yêu người, yêu hoài...*

Đang sống quay cuồng trong một xã hội đảo điên như vậy, một hôm tôi bỗng đọc được bài thơ của Thượng Toạ Thích Nhất Hạnh, với đầu đề **Hoà Bình** :

*Sáng nay vừa thức dậy
Nghe tin em gục ngã nơi chiến trường
Nhưng trong vườn tôi
Vô tình, hoa tường vi
Vẫn nở thêm một đoá
Tôi vẫn sống, vẫn ăn
Và tôi vẫn thở
Nhưng biết bao giờ
Tôi mới được nói thẳng
Những điều tôi ước mơ ?*

Qua bài thơ này, tu sĩ kiêm thi sĩ Nhất Hạnh cho ta thấy cảnh người vẫn chết, hoa vẫn nở rất là bi đát của thời đại và sự mong muốn được nói ra niềm ước mơ hoà bình. Tôi yêu bài thơ này ngay lập tức. Thi sĩ tự hỏi biết bao giờ mới được nói thẳng những điều ước mơ thì tôi xin góp tiếng bằng cách phổ nhạc và hát âm ỹ bài thơ đó lên. Theo Albert Camus, nói lên được bi đát là hết bi đát. Rồi tôi thấy rằng bài hát này -- bây giờ mang tên **TÔI ƯỚC MƠ** -- có thể mở đầu cho một thứ chương khúc, nghĩa một loạt bài hát cùng nằm trong một đề tài mà tôi đặt tên **tâm ca**. Chương khúc TÂM CA gồm 10 bài (tôi cho con số 10 là con số trọn vẹn nhất) là phản ứng của tôi trước sự **vong thân** (aliénation) của con người Việt Nam trong một giai đoạn lịch sử hết sức nhiễu nhương.

Hãy thử nhìn vào tình trạng âm nhạc của nước ta giữa thập niên 60 này.

Nhạc tuyên truyền ở miền Bắc, chịu sự chỉ huy của Nhà Nước, chỉ có mục đích phục vụ cho chính trị. Còn ở miền Nam, Tân Nhạc nằm trong tay tư nhân, trở thành một thương phẩm (produit commercial) trong một xã hội tiêu dùng (société de consommation). Vào lúc Quân Đội ngoại quốc vừa mới chân ướt chân ráo bước vào nước ta, rõ ràng có sự phồn thịnh ở Saigon, dù giả tạo. Người dân với mức lương thấp nhất cũng dễ dàng có máy radio hay máy cassette. Các Đài Phát Thanh mọc lên ở hầu hết các đô thị phổ biến mạnh mẽ Tân Nhạc trong giai đoạn tôi gọi là **loạn phát** (ex-croissance) này. Những bản nhạc cũ và mới được tung ra thị trường dưới hình thức nhạc bản, nhạc tập, đĩa hát, tape, cassette. Tân Nhạc trở thành một trào lưu, một thứ trang trí cho đời sống và đời luôn cái tên không ổn là nhạc thời trang, nhạc hợp thời, nhạc **à la mode**.

Trước những hiểm nguy hay bi đát của cuộc đời, con người thường có hai thái độ : hoặc đối đầu hay lẩn tránh sự thực. Trong hoàn cảnh đất nước ngả nghiêng, Tân Nhạc ở Saigon lúc đó giúp cho người ta quên được thực tại ê chề bằng những bài hát được gọi là nhạc vàng mang tính chất mượt mà, êm dịu, vuốt ve, an ủi (1). Hoặc là những bài mới soạn ra thiếu giá trị nghệ thuật. Hoặc những bài hát tình cảm và lãng mạn của thời trước được cho sống dậy và mang cái tên Nhạc Tiền Chiến dù một số bài soạn hồi hậu chiến. Vì chủ trương một dòng nhạc phản ánh con người và cuộc sống Việt Nam, trong khi loại nhạc thời trang đang hoành hành như vậy, tôi quyết định lên tiếng. Không lẩn tránh sự thực, nhìn thẳng vào cuộc đời 1965, qua 10 bài tâm ca, tôi nói lên sự bi đát của thời đại.

Cho tới năm 1965 -- thẩm thoát đã trên hai mươi năm rồi -- kể từ khi tôi bước vào nghề hát rong và soạn ca khúc, đi khắp mọi nơi trên đất nước, sống dưới nhiều triều đại khác nhau, gặp đầy đủ mọi hạng người trong xã hội... tôi chỉ làm một việc là xưng tụng và xưng tụng. Hết xưng tụng tổ quốc, lịch sử, con người lại xưng tụng tình yêu, sự đau khổ hay cái chết. Qua những bài tình ca quê hương, tình tự dân tộc, tình khúc lãng mạn với những nội dung phơi phới, với những nét nhạc lộng lẫy, với những lời ca ngọt ngào.

Bây giờ, tôi đang đứng trước một quê hương đã trở thành nơi thử võ khí và tranh chấp ý thức hệ của những thế lực quốc tế. Với mức độ gia tăng của chiến tranh, xã hội Việt Nam quay cuồng theo cơn lốc chiến cuộc, những giá trị tinh thần bị đổ vỡ và bị thay thế bằng những giá trị vật chất, đời sống càng ngày càng trở nên khốc liệt... tôi cần phải nhận diện lại quê hương. Không thể cứ xưng tụng một nước Việt Nam lý tưởng qua những dân ca, trường ca yêu nước được nữa. Bây giờ là lúc phải phê phán xã hội. Vấn đề là phê phán ra làm sao thôi. MƯỜI BÀI TÂM CA, với những tựa đề như **Tôi Ước Mơ, Tiếng Hát To, Ngồi Gần Nhau, Giọt Mưa Trên Lá, Để Lại Cho Em, Một Cành Củi Khô, Kẻ Thù Ta, Ru Người Hấp Hối, Tôi Bảo Tôi Mãi Mà Tôi Không Nghe, Hát Với Tôi...** muốn được là tiếng nói lương tâm của con người đối mặt cùng sự thật, nhận diện lại mọi thứ trong đời.

Trong một bài viết đăng trên báo VĂN HỌC số 21 tháng 10, 1987, nhà văn Bùi Vĩnh Phúc đã tóm tắt tâm ca :

Tâm Ca số 1 (Tôi Ước Mơ) nhận diện cái bi đát của xã hội trong giai đoạn ấy. Tâm Ca số 2 (Tiếng Hát To) là thái độ của tác giả trước sự bi đát đó. Tâm Ca số 3 (Ngồi Gần Nhau) nhận diện lại dân tộc. Tâm Ca số 4 và Tâm

Ca số 6 (Giọt Mưa Trên Lá, Một Cành Củi Khô) nhận diện lại thiên nhiên, siêu nhiên, đời sống con người khi được (hay bị) đặt vào cái thiên nhiên đó và trái tim của nó hướng về những điều siêu nhiên kia. Tâm Ca số 5 (Để Lại Cho Em) nhận diện lại gia tài của người đi trước để lại cho người đi sau. Tâm Ca số 7 (Kẻ Thù Ta) nhận diện kẻ thù. Tâm Ca số 8 (Ru Người Hấp Hối) nhận diện cái chết. Tâm Ca số 9 (Tôi Bảo Tôi Mãi Mà Tôi Không Nghe) nhận diện chính mình. Và Tâm Ca số 10, một tuyên ngôn, trình bày lại thái độ (và lời mời gọi) của tác giả sau khi đã có cơ hội nhận diện lại mọi sự trong đời...

Cũng nên biết qua bối cảnh xã hội trong thời kỳ này. Tâm Ca ra đời vào lúc giới trẻ Việt Nam, lần đầu tiên, được dịp đi sâu vào Phật Giáo dưới khía cạnh văn hoá truyền thống. Sau biến cố 11-63, việc giảng dạy về văn hoá bớt bị giới hạn trong văn hoá công giáo với những thuyết duy linh, nhân vị. Phật Giáo được đem vào các môi trường giáo dục, nhấn mạnh tới những truyền thống Phật Giáo thời Lý, Trần và gây được sự học hỏi trong giới trẻ. Nhấn mạnh tới Lý Trần là nói tới Thiền Việt Nam với hình ảnh mà bình dân có thể hiểu được như Nhất Chi Mai, thiền sư Vạn Hạnh.

Lúc đó Phương Tây cũng đang học hỏi về Thiền của Phương Đông, sách vở ồ ạt vào Việt Nam vì không bị hạn chế như thời ông Nhu trước đây. Rồi phong trào **hippy** cũng tràn vào cùng với những sách như CÂU CHUYỆN MỘT DÒNG SÔNG với Tắt Đèn, sách của Herman Hess, nhạc dân ca có giọng điệu phản chiến của Pete Seeger, tất cả đều là sự tìm hiểu và làm quen với Thiền trong giai đoạn dễ hiểu và ngộ nghĩnh của nó. Những ý niệm về hòn đá, về hoa, về những công án trở nên rất quen thuộc với giới trẻ nên lúc đó tuổi trẻ Việt Nam đi vào Phật Giáo với hình ảnh khá tinh vi của Thiền môn, của Vô Môn Quan, của Thiền Luận, của Suzuki...

... Và đột nhiên những hình ảnh đó xuất hiện trong Tâm Ca vì tôi cũng bị lôi cuốn vào cuộc hành trình về phương Đông này. Tôi áp dụng những gì tôi hiểu về Thiền vào tình thế, nghĩa là vào hoàn cảnh người vẫn chết, hoa vẫn nở, súng vẫn nổ, tiếng hát vẫn to, bụt ngồi chung với kẻ sát nhân, con người chia sẻ vui buồn với cành củi khô hay hòn đá cuội...

Hơn nữa, đây là lúc chiến tranh khởi sự sôi sục. Chiến tranh này cũng không phải là cuộc nội chiến bình thường mà bị quốc tế hoá. Quốc tế hóa trong nhiều khía cạnh.

Trước hết, trong hai năm 1964-65 này, Quân Đội ngoại quốc đổ vào Việt Nam quá đông, quá lẹ, mang theo nhiều sản phẩm của xã hội Tây Phương. Cái phểu đặt trên chai Việt Nam đã được những tư tưởng mới đổ vào (qua sách vở nói trên) nay bị lối sống siêu-tiêu-thụ là the **american way of life** rót vào nữa. Khi Hoa Kỳ ồ ạt vào Việt Nam, tuổi trẻ đua nhau đi học Anh Văn để làm thông dịch viên và có đời sống cao hơn. Sau khi nắm được Anh Ngữ, họ lại càng đọc thêm những sách của thời thượng như thuyết chán đời, hippy v.v... Một sự kiện quan trọng nữa là -- lần đầu tiên trong lịch sử chiến tranh -- cuộc chiến ở Việt Nam được chiếu trên Tivi, do đó Saigon là nơi có một đạo quân báo chí, truyền hình đông đảo nhất thế giới, với những phóng viên trẻ trung, hăng hái, xông xáo, có phương tiện tối tân để thực hiện những phương pháp làm báo rất táo bạo... Tiền bạc đổ ra -- chỉ riêng cho việc lấy tin tức -- còn hơn tiền ném qua cửa sổ. Tất cả ảnh hưởng mạnh tới giới truyền thông Việt Nam, giới có dịch vụ với Mỹ kể từ cô gái bán bar, anh lái xe taxi, tới anh sinh viên hay người trí thức, ảnh hưởng tới người làm thương phẩm cũng như ảnh hưởng tới người làm văn học nghệ thuật. Trong làng nhạc, có một biến chuyển lớn.

Saigon vẫn có thứ văn nghệ thông thường, rất mềm mại, than thở về chuyện đi lính, chia ly, nhớ Thành Đô v.v...rất ăn khách của các bạn soạn nhạc ít bận tâm về thời thế. Bây giờ máy thu băng hay máy chạy đĩa hát mang những tên PIONNEER, AKAI, SONY giúp cho nhạc Âu Mỹ (nhất là nhạc Beatles) nhảy vào Việt Nam cùng với lính Mỹ. Loại **Nhạc Trẻ** ra đời, ồ ạt như vũ bão. Rất nhiều ban nhạc được thành lập để đi hát cho lính Mỹ nghe. Nhiều bài hát soạn theo điệu **rock** ra đời. Các hãng băng đưa nhau phát hành chương trình nhạc thương mại.

Về phần tôi, vào lúc này, quyết định không soạn những bài hát bọc đường nữa, lại càng không đi vào loại **nhạc trẻ** thời thượng vì tôi đang thao thức trước tình thế và muốn tung ra loại **nhạc tâm thức** với 10 bài tâm ca. Tôi quyết định đi vào tuổi trẻ vì gần đây, đem máy AKAI tới phóng thanh cho thanh niên, sinh viên nghe hai trường ca CON ĐUỜNG CÁI QUAN và MẸ VIỆT NAM và được tuổi trẻ nồng nàn chấp nhận. Tôi muốn cùng tuổi trẻ nhận diện lại quê hương.

Giới trẻ còn hưởng ứng tâm ca một cách tích cực hơn, nghĩa là chấp nhận tâm ca rồi tham gia vào việc sáng tạo. Một số anh em thành lập những nhóm ca hát ở nhiều nơi rồi sau này đặt tên là PHONG TRÀO DU CA. Phong trào này bành trướng trong giới trẻ về của phương diện địa lý nữa, khi nó ra khỏi Saigon để đi về các trường Đại học trong nước, từ Miền Nam ra miền Trung lên Cao Nguyên, xuống Hậu Giang. Các Hội Đoàn lớn, các phong trào của người lớn cũng hưởng ứng theo.

PHONG TRÀO DU CA ra đời quy tụ một số nhạc sĩ trẻ, chấp nhận lối soạn những bài ca phi-thương-mại và nói thẳng vào xã hội Việt Nam, cũng như chấp nhận lối hát chung với nhau mà họ sẽ gọi là hát cộng đồng. Những du ca viên sau này sẽ trở thành những du ca trưởng như Nguyễn Đức Quang, Giang Châu, Ngô Mạnh Thu... đưa ra những bài ca mới, đi theo đường lối nhận diện lại quê hương của Tâm Ca. Đó là những bài mang tên **Quê Hương Ta Đó, Đến Với Quê Hương, Đi Vào Quê Hương, Xin Nhận Nơi Đây Là Quê Hương...**

Điểm son của Tâm Ca và những bài hát Du Ca là ở chỗ tuy dám nói lên cái bi đát của thời đại nhưng không hề có sự tuyệt vọng. Nguyễn Đức Quang khẳng định :

*Xin nhận nơi này làm quê hương dẫu đang chiến tranh
Xin nhận nơi này làm quê hương dẫu chưa thanh bình
... dẫu đang khó khăn
.... dẫu chưa ấm êm*

Và nói lên niềm hi vọng : *Hi vọng đã vươn lên trong nhọc nhằn trong nước mắt ...
như làn tên đang rục lên trong màn đêm.*

Quê hương đang rách nát, xã hội đang ngả nghiêng, những toán du ca rủ nhau đi khắp mọi nơi để mời mọi người cùng hát bài **Về Với Mẹ Cha** của Nguyễn Đức Quang :

*Cùng đi xoay Hoàn Sơn
Cùng đi lay Trường Sơn
Cùng đi biển rừng hoang ra lúa thơm
Vượt khơi ra đảo xa
Lướt ngàn nước sông nhà*

*Ta đắp bồi cho Mẹ Cha...
Từ Nam Quan, Cà Mau
Từ non cao rừng sâu
Cùng nhau do non nước xây cầu
Người thanh niên Việt Nam quay về với xóm làng
Tiếng reo vui rộn trong lòng...*

Nói cho cùng, tâm ca hay du ca cũng chỉ là những bài hát tuyên truyền mà thôi, nhưng ở đây, người thanh niên tự nguyện làm công việc vận động quần chúng chứ không phải bị chính phủ hay một tổ chức chính trị nào ép buộc phải làm. Việc làm này cũng chẳng mang lại cho họ một quyền lợi tài chánh to nhỏ nào cả. .

Ngôi nhà chệt đầu ngõ E trong cư xá gọi là Chu Mạnh Trinh (vì trong khu này có một trường học mang tên đó) của chúng tôi đã được nâng lên thành nhà ba tầng. Căn phòng chín thước vuông trên lầu ba là nơi tôi thường nằm bò trên sàn đá hoa để sáng tác. Về sau tháp ngà này sẽ là tháp tiên của nhà văn Nguyễn Mạnh Côn để anh mơ màng bên Nàng Tiên Nâu khi tôi bán căn nhà -- chưa trả hết tiền -- cho anh. Gia đình chúng tôi đã càng ngày càng thêm đông đúc. Thái Thảo ra đời, rất xinh, giống bố nhất nhà. Giúp việc cho gia đình là một chị bếp và hai vú em để trông coi những đứa bé nhất. Lũ con đầy đàn là một bọn quý sứ, nếu tôi không có một căn phòng trên gác cao này thì tôi không thể nào sáng tác được. Thái Hằng có phòng riêng ở lầu hai. Đã từ rất lâu, chúng tôi không ở chung phòng vì tôi thường đọc sách tới khuya, hay sáng tác vào lúc nửa đêm về sáng và khi ngủ thì ngáy to như sấm nên bị vợ chê. Tuy ở riêng phòng mà cứ một hai năm lại sinh một đứa con. Bây giờ qua Mỹ mới thấy mình may mắn quá. Con cháu của lớp người đi tị nạn không dám có nhiều con, vì đời sống Mỹ quốc không cho phép. Chúng sẽ không được hưởng không khí vui nhộn của những gia đình đông con.

Tôi còn nhớ những đêm ngồi soạn tâm ca trong ngôi nhà bình yên và ấm áp này. Khi ngồi phang piano dưới phòng khách hay khi ôm đàn guitare ngồi trên sàn gạch lầu ba, cũng như khi nằm ghế xích đu ngoài sân thượng để vừa nhìn trăng sao vừa soạn nhạc, tôi hơi lầy lăm lẹ là tại sao tôi soạn tâm ca nhanh đến thế. Bài bản cứ tuôn ra một cách dễ dãi, bài này tiếp bài kia, chỉ hơn một tuần là soạn đủ 10 bài. Có bài chỉ soạn trong khoảng 15 phút như bài **Giọt Mưa Trên Lá**. Gần đây, tôi mới hiểu tại sao. Trước giai đoạn tâm ca, đa số sáng tác phẩm của tôi đều hướng về những huyền thoại quê hương, nhất là huyền thoại Mẹ. Những ca khúc đó đều mang tính chất mô tả (descriptive) tạo ra những khung cảnh oai hùng rạng rỡ hay dịu dàng êm ả để người nghe cất bước lên đường hay trầm mình vào những huyền thoại đó. Nhạc điệu và lời ca của những bài đó thật là tươi đẹp, thật là lãng mạn, với kiến trúc vững vàng, với cấu phong chặt chẽ, thường thường là những bài hát khá dài dòng.

Vào với tâm ca, tôi bị hoàn cảnh đất nước lúc đó thôi thúc, tôi bị sự lo âu, sự hoảng sợ hay sự sống chết hằng ngày bao vây, tôi như bị một cơn hồng thủy cuốn đi... tôi không có thì giờ và tâm trí để soạn những điệu nhạc ngọt ngào và những lời ca óng ả được nữa. Bây giờ không phải là nhạc mô tả mà phải là nhạc kêu gọi hành động (impérative). Bây giờ không phải là lúc sáng tác một Cung Oán Ngâm Khúc với hàng trăm câu thơ hay một thứ hùng ca Hy Lạp với một hay hai ngàn lời. Hoặc một trường ca 19 khúc (Con Đường Cái Quan) hay một trường ca 22 khúc (Mẹ Việt Nam). Bây giờ chỉ cần một đoản khúc để nói về kẻ thù ta đâu có phải là người. Vũ trụ thu lại trong một hòn đá cuội hay một cành củi khô, cũng như cuộc đời thu lại trong một giọt mưa :

*Giọt mưa trên lá nước mắt mẹ già
Lã chã đầm đìa trên xác con lạnh giá.
Giọt mưa trên lá nước mắt mặn mà
Thiếu nữ mừng vì tan chiến tranh chồng về.
Giọt mưa trên lá tiếng khóc oa oa
Đứa bé chào đời cho chúng ta nụ cười.
Giọt mưa trên lá tiếng nói bao la
Tóc trắng đậm đà êm ái ru tình già...*

*Giọt mưa trên lá tiếng nói thâm thi
Bóng dáng Phật về xoa vết thương trần thế.
Giọt mưa trên lá tiếng nói tinh khôi
Lúc Chúa vào đời xin đóng đanh vì người.
Giọt mưa trên lá tiếng khóc chơi vơi
Thế giới lạc loài chưa thoát ra phận người.
Giọt mưa trên lá cổ găng nguôi ngoai
Nói với loài người : xin cứ nuôi mộng dài...*

*Giọt mưa trên lá bối rối, bồi hồi,
Ráo riết, miệt mài, em (anh) biết yêu lần cuối.
Giọt mưa trên lá bờ ngõ, xôn xao,
Cuống quít, dạt dào, anh (em) biết yêu lần đầu.
Giọt mưa trên lá thấp thoáng, bơ vơ,
Khép nép, đợi chờ, xa cách nhau vài giờ.
Giọt mưa trên lá dĩ vãng xa xôi
Sớm tối bụi ngùi, xa cách nhau một đời...*

Tuy nhiên, dù không còn ý định xưng tụng quê hương một chiều nữa mà là nhạc phê phán xã hội, *Tâm Ca* cũng là tiếng nói của Tình Yêu. Hãy nghe nhà văn Bùi Vĩnh Phúc nói lên điều này :

*Tiếng nói của Tâm Ca là tiếng nói đậm đà, tha thiết, có lúc đi đến chỗ đả đũa, mời gọi mọi người bước vào để chia sẻ tình yêu. Tình yêu theo cái nghĩa tràn đầy và dung chứa được mọi thứ của nó. Tiếng nói ấy cũng có khi xót xa thoáng lên lời cay đắng (Đừng cho ai ăn cướp tình ta -- Để lại cho em thành phố lên đèn, bọn người tranh nhau một đám bụi đen - Chập chờn bay trong bại thắng, ngọn cờ khăn sô màu trắng...) rất nhẹ, rất nhẹ thôi, nhưng thấm thía. Sự phẫn nộ -- mặc dù vẫn dung chứa yêu thương -- được nhận thấy rõ nhất ở hai bài *Tâm Ca* số 7 (Kẻ Thù Ta) và số 9 (Tôi Bảo Tôi Mãi Mà Tôi Không Nghe). Ở đây, nhìn thấy cảnh chém giết, đầy đoạ nhau của chính con người Việt, nhìn thấy sự nguy hiểm vẫn tiếp tục vênh vang bề thế của nó, Phạm Duy không giấu nổi sự phẫn nộ của mình. Phẫn nộ là yếu tố kích thích và là thước đo của chính lòng quý trọng, yêu thương. Sự phẫn nộ không phải là sự thù ghét. Phẫn nộ là cái gì trái lại với thù ghét. Phẫn nộ là một góc cạnh của tình yêu. Hãy phẫn nộ, hãy cất tiếng, hãy hành động để tình yêu được trả về cho chúng ta, cho con người...*

Ảnh bên : Đi hát du ca tại Phan Thiết, 1965

Tâm Ca và *Du Ca* ra đời năm 1965 để nói lên cái bi đát của thời đại, mời mọi người ra khỏi sự vuốt ve của nhạc vàng, để hát to những điều mình muốn nói. Với mức độ chiến tranh càng ngày càng khủng khiếp, với sự có mặt của quân đội và vũ khí ngoại quốc ở của hai miền đất nước, nhờ ở sự dọn đường của *Tâm Ca* và *Du Ca*, một

dòng nhạc khác xuất hiện, mang tính chất nhạc phản kháng (protest song) dẫn tới nhạc phản chiến.

(1) Các nhà sản xuất băng nhạc tại Saigon hồi đó dùng danh từ nhạc vàng để đánh giá thật cao những thương phẩm của họ -- Cộng Sản thì dùng danh từ đó để đánh giá thật thấp loại nhạc họ cho là ốm yếu bệnh hoạn.

Mà nghe quê hương mình quá nặng nề.
Thăm thương bên kia, kia đời nước
Buồn vương bên đây, đây đời Quốc.
Dẹp nổi oan, thì tìm đường gai góc mà đi...
MỘT NGƯỜI MANG TÊN QUỐC

Chương Mười Lăm

Sau vụ lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm, tuổi trẻ ở miền Nam tỏ ra có ý thức về chính trị nhưng họ không được vũ trang bằng văn nghệ vì trong hơn một năm trời, chính quyền thay đổi như chong chóng cho nên không chính phủ nào có đủ thời gian để đưa ra một kế hoạch hun đúc tinh thần thanh niên.

Tới thời Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương của Nguyễn Cao Kỳ thì Bộ Thanh Niên mới để ý tới sinh hoạt của sinh viên, nhất là trong phạm vi ca hát. Hoàng Ngọc Tuệ là thành viên của ban TRẦM CA, vì cũng có thời cộng tác với Bộ Thanh Niên, bèn đem ban hợp ca vào hoạt động trong một thời gian ngắn. Rồi anh Tuệ đứng tên xin phép thành lập một tổ chức gọi là PHONG TRÀO DU CA. Phong trào này có những khoá huấn luyện du ca viên để đi phổ biến những bài thanh niên lịch sử ca, hướng đạo ca đã có trước đây. Ngoài những bài đó, phong trào còn đem luôn những bài tâm ca, trầm ca, thanh ca tác động (1) vào chương trình dạy thanh niên ca hát. Điều đáng nói là các toán du ca không hề là công cụ tuyên truyền cho chế độ. Đa số những bài hát của phong trào du ca là những bài hát nói tới thân phận tuổi trẻ thời đó. Tôi đóng góp vào phong trào **troubadour** này với bài **Trả Lại Tôi Tuổi Trẻ** :

*Trả lại tôi là tuổi trẻ mệnh mông
Chúng mình như lúa reo trên ruộng đồng
Dù mưa tuôn, dù bão cuốn
Bông lúa vàng cuộn cuộn gió vươn lên
Dù bom rơi, dù súng tới
Bông lúa ngời vượt lửa khói lên ngôi
Trả lại tôi là tuổi trẻ yên vui
Dấu rằng đang chiến tranh hay hoà rồi...*

Thanh niên thời nào cũng bị các lực lượng chính trị đẩy vào việc đấu tranh, nhất là trong những năm vừa qua. Bài hát đòi trả lại những gì vốn thuộc về tuổi trẻ nghĩa là : tuổi trẻ vô tư, tuổi trẻ say mê, tuổi trẻ nên thơ, tuổi trẻ bao dung, tuổi trẻ tin yêu...

*...Trả lại tôi là tuổi trẻ hôm nay
Chúng mình như đoá sen trong bùn lầy
Việt Nam đây, đầy rắc rối
Nhưng vẫn còn nhiều hình dáng vui tươi*

*Việt Nam ơi ! Còn tiếng nói
Yêu giống nòi đặt Tổ Quốc lên vai.
Trả lại tôi là thần tượng tôi đây
Chúng mình xin khắc sâu trong dạ này...*

Ngoài phần huấn luyện và đi hát, Phong Trào DU CA còn có một tổ chức gọi là XƯỞNG DU CA để thúc đẩy công việc sáng tác. Những nhạc sĩ ở ngoài phong trào như Trịnh Công Sơn và Tôn Thất Lập đã có thời kỳ tới sinh hoạt tại xưởng du ca này.

Tôi vẫn tự coi mình không ở phe nào khi soạn tâm ca hay bài hát du ca. Tâm ca số 3 **Ngồi Gắn Nhau** còn mời mọi người trong mọi phe vào ngồi gần nhau :

*Ngồi gần người từ bi, bên lũ giết người kia.
Ngồi gần loài dun đế, hay ác thú hùm beo
Mình vào ngồi đây với nhau...*

*.
Ngồi gần ngồi gần hơn, đôi mắt đôi mi lạ lùng
Ngồi gần ngồi gần hơn, đôi má đôi môi làm quen
Vào ngồi làm một đôi, trong tiếng than trong nụ cười
Vào ngồi làm đồ đen cho đời...
Ngồi gần loài ma quái
Nghe tiếng nói lả lơi
Ngồi gần tình thương yêu
Nghe rõ tiếng bụt kêu
Gần người hùng trong trắng
Hay lũ cướp của công
Ngồi thờ dài hay ước mong...*

Bài tâm ca này nói rằng : muốn thật sự ngồi lại gần nhau thì người từ bi cũng phải ngồi chung với kẻ sát nhân, ông bụt cũng phải ngồi cạnh loài ma quái... Tất cả chúng ta vào ngồi chung trong một thế giới không xấu, tốt, buồn, vui, không mới toanh nhưng cũng không rách nát tả tơi.

Tuy tôi không phải là một nhân viên trong phong trào DU CA nhưng sự kiện tâm ca được hát trong một phong trào đã có chút liên hệ với Bộ Thanh Niên khiến cho tôi bị phe bên kia coi là đối lập. Một bài báo của ông Lý Chánh Trung đăng trên tập san Bách Khoa cho rằng tâm ca là ảo tưởng vì **tiếng hát to** (trong tâm ca số 2) không thể nào to hơn tiếng sấm nổ bên bờ ruộng già. Ông Nguyễn Văn Trung thì cho tâm ca là mê hoặc vì không thay thế được tư tưởng chính trị để dẫn tới một tranh đấu chính trị. (2)

Hai bài báo đó kéo theo một bài viết của Thượng Toạ Thích Mãn Giác cũng đăng trong Bách Khoa với tựa đề **Lần Đầu Tiên Tôi Thấy Ông Lão Từ Lâm...** Vị tu sĩ cho rằng Lão Đạt làm vì chống sự hiện hữu của lễ nhạc và tác dụng của nó. Đối với tâm ca, ông nói : trước hết, tác giả chỉ phản ánh cái đau thương vì chiến tranh của dân tộc và làm cho thiên hạ cảm động. Thứ đến không phải bỏ nhạc đi thì con người mới trở về với cái lẽ đặc thát hay lẽ vô vi của Lão Giáo. Có thể âm nhạc là rất cần để tác dụng tới một cuộc chiến tranh nổi da sáo thịt nhưng âm nhạc cũng rất cần để hướng con người về bản thể trầm tịch thường hằng.

Thượng Toạ Thích Nhất Hạnh thì mở đầu cuốn sách NÓI VỚI TUỔI HAI MƯƠI bằng những cảm tưởng rất tốt đẹp khi nghe tâm ca số 5 **Đề Lại Cho Em**, cho rằng sự thành thật với nhau và sự thương yêu nhau giữa những người Việt ở hai thế hệ (hay ở hai phe, hai miền) trong giai đoạn bị kẹt cứng của lịch sử này là con đường đi tìm lối thoát cho nhau. Có một điều làm tôi rất cảm động là, qua những bài viết của các quý vị kể trên, dù ý kiến có khác nhau nhưng các ngài đều tự nhận là đã khóc khi nghe tâm ca.

Trong thời gian tôi soạn tâm ca, tôi có bạn già như hoạ sĩ Tạ Tỵ hay bạn trẻ như nhạc sĩ Viết Chung, đã từ lâu hoặc mới nhập ngũ, được điều động qua phụ trách phần văn nghệ trong QUÂN ĐỘI hay trong tổ chức XÂY DỰNG NÔNG THÔN nên tôi có dịp soạn cho họ một số bài hát. Tạ Tỵ lúc này là Trưởng Đoàn Văn Nghệ trong Cục Tâm Lý Chiến. Tôi được anh dành cho một bàn giấy để tới sinh hoạt với anh và các đoàn viên như Lữ Liên, Lê Đô, Trịnh Toàn...

Ngoài ra, tôi còn cộng tác với Trung Tá Hoàng Đạo Thế Kiệt (có họ hàng với Hoàng Đạo Thúy, người sáng lập Hướng Đạo Việt Nam) của Cục Chính Huấn trong chiến dịch trong sạch hoá quân ngũ. Tôi soạn những bài vận động thanh niên đi quân dịch như **Một Hai Ba Chúng Ta Đi Lính Cả Làng** và tạo không khí lành mạnh trong quân đội như **Thi Đua Biện Luận, Tứ Đại Công Khai, Mừng Ngày Sinh Chiến Hữu, Anh Hùng Trong Trắng, Chiến Sĩ Gương Mẫu**...

... Đây là lúc tôi sống với người lính Cộng Hoà tại những làng quê trù mật hay hẻo lánh trong miền Tiền Giang, Hậu Giang, giống như khi tôi sống tam cùng (cùng ăn, cùng ngủ, cùng làm) với Vệ Quốc Quân trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Tôi lại được ngửi mùi gian khổ của người thanh niên trong cuộc sống ăn bở nằm bụi luôn luôn bị cái chết đe dọa.

Trong khi tôi xung phong đi phục vụ cho Quân Đội như vậy, xảy ra chuyện phi công Phạm Phú Quốc của miền Nam bị hi sinh trên không phận Bắc Việt. Lúc đó cũng là lúc hình ảnh anh hùng, thần tượng, mẫu người lý tưởng đã bị mai một trong tâm khảm của con người Việt Nam. Tôi bèn soạn bài **Huyền Sử Ca Một Người Mang Tên Quốc** để ghi lại trong lòng chúng ta, nếu chưa phải là thần tượng thì cũng là hình ảnh một người anh hùng. Trong ngành nhạc, hình thức **ballade** là một thứ **chant épique**, có thể là truyện ca hay là anh hùng ca. Tôi dùng chữ **huyền sử ca** cho nó có vẻ huyền bí.

Bài **Huyền Sử Ca Một Người Mang Tên Quốc** ra đời vào năm 65 này sẽ kéo theo một số bài hát của các nhạc sĩ khác nói tới các vị anh hùng trong Quân Đội ở Miền Nam như **Người Ở Lại Charlie, Anh Không Chết Đâu Em** (Trần Thiện Thanh) v.v... :

*Ngày xưa khi anh vừa khóc vào đời
Mẹ yêu theo gương người trước chọn lời
Đặt tên cho anh, anh là Quốc
Đặt tên cho anh, anh là nước
Đặt tên cho người, đặt tình yêu nước vào nôi...*

Đã lâu lắm rồi, bây giờ tôi mới có cơ hội để xưng tụng một người trai chết cho quê hương đất nước. Tuy nhiên, tôi không muốn chỉ làm một công việc có tính chất tuyên truyền thuần túy, tuân theo chỉ thị như một văn công. Tôi chỉ mượn chuyện anh

Phạm Phú Quốc để khóc bất cứ một người Việt Nam nào trong thời đại, sinh ra đã phải khoác lên mình cái số phận làm người hùng, trong khi có thể anh Quốc -- cũng như một số thanh niên nào đó -- chỉ ước mong được làm người hiền mà thôi.

Vì số phận phải làm anh hùng cho nên : *Từ anh lên cao, anh là nắng, là trăng hay sao, anh nhìn xuống, nhìn nước non nhà đẹp xinh như gấm như hoa...* anh vẫn phải đánh bom như thường. Cho nên, khi ngạo nghễ, anh chấp cánh thênh thang, *bình minh lên chiếm không gian* thì khi hoàng hôn về, lòng anh lại *chan chứa tình thương*. Một chiều nao anh đi *làm kiếp người hùng*, anh về quê (3) rồi than ôi, anh phải *rụng cánh đại bàng, anh đi về nước, anh đi về đất* làm cho *bụi vàng bay khắp không gian...* Anh chết và biến thành vùng Thái Dương để soi sáng nước Việt Nam (4) :

*Anh Quốc ơi ! Từ nay trong gió xa khơi
Từ nay trong đám mây trôi
Có hồn anh trong cõi lòng tôi
Anh Quốc ơi ! Nghìn thu anh nhớ tới tôi
Thì xin cho Thái Dương soi
Nước Việt Nam sáng rạng muôn đời...*

Đến với XÂY DỰNG NÔNG THÔN, tôi được tới sinh hoạt tại Trung Tâm Vũng Tàu. Và được phát cho bộ quần áo màu đen để đi hát rong. Những bài hát tôi soạn cho tổ chức này chú trọng tới việc đề cao người nông dân : **Tay Súng Tay Cây, Cùng Nhau Xây Ấp Mới, Ai Về Thôn Ấp Mà Coi, Hát Hay Không Bằng Hay Hát, Khoác Áo Màu Đen, Bát Cơm Bát Mồ Hôi Bát Máu...**

Bài **Nông Thôn Quật Khởi** mở đầu bằng những câu hát nói lên số phận người nông dân Việt Nam trong thời này, chỉ có một cổ mà phải đeo tới hai tròng :

*Đã bao năm nhân dân ta đau khổ vô cùng
Đã bao năm mang trên vai hai kẻ thù chung
Bọn cường hào ác bá nó dùng bạo quyền áp bức
Làm người dân làm than sống trong nhục nhằn...*

Bài **Hát Hay Không Bằng Hay Hát** là cái đuôi của bài **Hát Với Tôi**. Tâm ca số 10 **Hát Với Tôi** là để cho sinh viên, học sinh thị thành hát. **Hát Hay Không Bằng Hay Hát** là để cho cán bộ và nông dân hát. Đầu đề cũng như câu hát chính của bài này trở thành một thứ phương ngôn của thời đại :

*Hát hay không bằng hay hát !
Hát hay không bằng hay hát !
Hát luôn luôn, Hát luôn luôn !
Hát những lời xây dựng nông thôn.
(vỗ tay : Bốp bốp bốp bốp bốp bốp)*

*Hát hay không bằng hay hát !
Hát hay không bằng hay hát !
Hát liên hoan ! Hát vang vang !
Hát đông đông ! Hát cộng đồng !
(vỗ tay : Bốp bốp bốp bốp bốp bốp)*

*Hát cho ông già em bé
Hát cho ông già em bé
Gái thôn quê, với trai quê
Chúng ta đừng nghi ngại nhau chi.*

(vỗ tay : Bốp bốp bốp bốp bốp bốp)

Hát cho dân làng luôn nhớ
Hát cho dân làng luôn nhớ
Hát dân quân, hát vinh quang
Hát nông thôn, hát tự cường
(vỗ tay : Bốp bốp bốp bốp bốp bốp)

Trong số bài soạn cho XÂY DỰNG NÔNG THÔN, tôi thích bài Khoác Áo Mầu Đen bởi vì hồi đó tôi hay mặc áo bà ba đen để đi hát du ca :

Khoác áo mầu đen mặc mầu dân tộc
Chiếc áo mầu đen nhuộm mầu đấu tranh
Mầu đen mầu tối ám, vùng lên để chiến thắng
Dẹp tan mầu son, mầu phấn điểm đường...

Bài **Bát Cơm**, **Bát Mồ Hôi**, **Bát Máu** nói tới món nợ của người thị thành đối với nông dân :

Hai bữa no đầy, một ngày cơm nước
Bát cơm vàng, ôi bát cơm vàng
Mình ăn được là nhờ ai ?
Nhờ ai nuôi sống đời tôi ?
Với bao nhiêu máu đổ
Với bao nhiêu máu đổ
Cùng mồ hôi trên ruộng đồng...

Ăn bát cơm rồi, một đời ghi nhớ
Chớ nghi ngờ, xin chớ nghi ngờ
Mình mắc nợ người dân
Người dân ra sức ngày đêm
Nắng mưa ôi vất vả
Nắng mưa ôi vất vả
Để làm nên cơm gạo này...

Với những bài tâm ca, tôi tỏ thái độ của một nghệ sĩ trước cảnh sống tha hoá của người Việt Nam trong một cuộc chiến tranh tương tàn. Với những bài hát cho PHONG TRÀO DU CA, cho QUÂN ĐỘI và cho tổ chức XÂY DỰNG NÔNG THÔN, tôi tự nguyện làm bổn phận của một công dân đang sống trong một miền mà mọi người vừa phải xây dựng đất nước, vừa phải chống đỡ một cuộc tấn công đến từ miền ngoài. Với lập trường chính trị của những nhà lãnh đạo miền Bắc, những người thiên Cộng ở miền Nam có thể cho tôi là tay sai của ngụy quyền (!) nhưng thực ra, qua những bài hát tâm ca, du ca, quân đội ca và xây dựng nông thôn ca này, tôi chỉ có một mục đích là phục vụ tuổi trẻ, dù đó là thanh niên nơi thành thị, thanh niên mặc quân phục hay thanh niên lam lũ nơi đồng quê, tất cả đều là đối tượng duy nhất của tôi vào lúc đó.

Tôi không hề suy tôn một lãnh tụ, một đảng phái hay một chế độ nào cả. Dòng nhạc trong tôi trào dâng như một giòng sông... Trôi tới đây và vào lúc này là khúc sông của thanh niên nam nữ Việt Nam trong một thời để yêu và một thời để chết khác thường... Yêu trong chiến tranh và chết trong chiến đấu...

(1) Phải sau những danh từ "tâm ca" của cuối 64 qua 65, "trầm ca" của cuối 65 qua 66 và "thanh ca tác động" của giữa năm 66 thì đến cuối năm 66, danh từ "du ca" mới ra đời cùng với phong trào của Hoàng Ngọc Tuệ.

(2) Hai ông Trung (mà không trung lập) này đều có vẻ thiên vị vì không hề đã động tới một bài hát

cũng có chung một ý niệm với tâm ca Tiếng Hát To là bài Tiếng Hát Át Tiếng Bom của phe miền Bắc. (3) Nhiều người hiểu lầm chữ về quê khi cho nó ý nghĩa về chôn chết trong khi anh Quốc người Bắc mà bắt buộc phải đánh bom miền quê của mình.

(4) Sau này tôi được tin riêng (chưa kiểm chứng) là anh Phạm Phú Quốc chưa chết ! Nếu đúng như vậy thì thật là điều đáng mừng cho gia đình và những người thân thích của anh.

The rain on the leaves is the tears of joy
Of the girl whose boy returns from the war...
THE RAIN ON THE LEAVES

Chương Mười Sáu

Tháng 3 năm 1966, vào lúc Mỹ đang thực hiện cuộc leo thang chiến tranh ở Việt Nam, tôi được văn phòng Giáo Dục Văn Hoá (Bureau of Educational and Cultural Affairs) của Bộ Ngoại Giao Mỹ mời viếng thăm Hoa Kỳ. Hãy nói tới chuyện leo thang chiến tranh. Thử phóng tầm con mắt về dĩ vãng để xem nó có từ lúc nào ? Và 1949. Sau ngày Hoa lục bị nhuộm đỏ hoàn toàn, Việt Minh có một hậu phương lớn để chiến thắng Đoàn Quân 1953. Dwight Eisenhower đắc cử Tổng Thống Hoa Kỳ. Trong suốt hai nhiệm kỳ, vị cựu Tổng Thống này tiếp tục giúp cho Việt Nam trở thành tiền đồn chống Cộng tại Đông Nam Á. Tuy không chủ trương đưa Quân Đội Mỹ vào Việt Nam nhưng Hoa Kỳ gửi tới nước này một phái đoàn cố vấn quân sự.

1954. Hoa Kỳ không giải vây cho Quân Đội Viễn Chinh Pháp trong trận Điện Biên Phủ nhưng tích cực giúp ông Ngô Đình Diệm loại trừ các giáo phái, đảng phái để ông này nắm quyền tại Nam Việt Nam. Mặt khác, 1960, với đạo luật 10/59 (gọi là luật máy chém), vì cán bộ Cộng Sản nằm vùng ở miền Nam bị chính quyền nhà Ngô tiêu diệt nặng nề nên miền Bắc phải thay đổi ưu tiên và thực hiện ngay kế hoạch chiếu cố miền Nam. Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam được thành lập và được miền Bắc cung cấp nhân lực và vũ lực để mở ra những trận đánh lớn tại Nam Việt Nam. Lúc đó cũng là lúc Nam Dương có thể rơi vào tay Cộng Sản nên phe Cộng càng 1961, khi Kennedy lên làm Tổng Thống và tình hình Nam Việt Nam trở nên càng ngày càng khó khăn hơn thì phái đoàn Cố Vấn Hoa Kỳ tại Nam Việt Nam trở thành Lực Lượng Yểm Trợ quân sự với con số khá lớn là 16,000 người. Hơn nữa, bị thất bại vì không ngăn được Cuba rơi vào tay Castro, tức là vào phe Cộng Sản, Tổng Thống Hoa Kỳ thi hành chính sách be bờ đối với Cộng Sản một cách chặt chẽ hơn, ngoài việc giúp Nam Dương chiến thắng Cộng Sản, còn giúp miền Nam Việt Nam tung những toán biệt kích ra phá hoại miền Bắc.

1963-1965. Sau khi cả hai ông Ngô Đình Diệm và Kennedy qua đời và Phó Tổng Thống Lyndon Johnson đắc cử Tổng Thống vào năm 1964, trước cảnh hỗn loạn của Nam Việt Nam sau vụ đảo chính tháng 11-63, vào lúc Thủ Tướng Liên Xô Kossigynne tới Hà Nội, Hoa Kỳ mượn cớ chiến hạm MADDUX bị tấn công ở Vịnh Bắc Việt, quyết định tham chiến tại Việt Nam. Cuối tháng 6-65, quân số Hoa Kỳ tại Việt Nam lên tới 82.000 người. Rồi từ tháng 6 cho tới tháng 12 năm 1965, Hoa Kỳ đổ thêm vào Việt Nam 184,000 quân nữa. Tại miền Nam, đã có tới vài ba trung đoàn quân Bắc Việt được mệnh danh là những người sinh Bắc tử Nam...

Như vậy là ngay sau khi Hội Nghị Genève kết thúc với sự chia đôi nước Việt, Hoa Kỳ quyết tâm ủng hộ chính quyền miền Nam để đương đầu với chế độ theo Nga Sô và Trung Cộng ở miền Bắc. Khởi đầu người Mỹ chỉ có mặt tại miền Nam Việt Nam qua những cơ quan như USOM coi về viện trợ, MAAG giúp về huấn luyện quân sự và USIS tức là Phòng Thông Tin Hoa Kỳ.

Vào năm 1955, khi vừa ở Pháp về, tôi được Ban Điện Ảnh của Phòng Thông Tin USIS mượn làm nhạc đệm cho những phim thời sự và phim tài liệu, lúc đó tôi đang cộng tác với Đài Phát Thanh và sắp sửa vào làm việc với TRUNG TÂM ĐIỆN ẢNH QUỐC GIA. Làm cả hai công việc âm nhạc và điện ảnh, tôi thường được mời tới dự những buổi tiếp tân do Toà Đại Sứ Mỹ tổ chức.

Tới năm 1956, nhân có đạo diễn Mỹ nổi danh là Josef Mankiewicz tới Saigon để quay cuốn phim THE QUIET AMERICAN (Người Mỹ Trầm Lặng) rút từ cuốn sách của văn-sĩ người Anh Graham Greene, tôi được mời tới dự buổi tiếp tân và gặp luôn Edward Lansdale là một nhân vật huyền thoại mà đời sống đã được đưa vào cuốn sách và cuốn phim kể trên. Tài tử Audie Murphy được chọn để đóng vai một người Mỹ, tính tình rất trầm lặng nhưng thích nhúng tay vào những chính biến lớn ở Đông Nam Á, đặc biệt là ở Saigon. Trong cuộc đời, Edward Lansdale quả rằng có dáng dấp của một người Mỹ trầm lặng và đã nổi tiếng là người phù thủy chính trị tạo ra vua (king maker). Sau khi giúp Magsaysay dẹp tan quân phiến loạn HUK để trở thành Tổng Thống Phi Luật Tân, anh ta qua Việt Nam để giúp ông Diệm dẹp tan các phe phái chống đối và trở thành Tổng Thống Việt Nam Cộng Hoà.

Từ buổi tiếp tân đó trở đi, tôi có nhiều cơ hội gặp anh chàng Đại Tá Không Quân Mỹ làm công việc chính trị này và chúng tôi trở thành hai người bạn, không thân thiết lắm nhưng cũng không nhạt nhẽo lắm. Tôi biết chắc chắn anh chàng Ed này -- người Mỹ thích được gọi tên tắt khi đã quen nhau -- lúc còn trẻ đã từng là người soạn ca khúc cho nên anh ta thích chơi với một nghệ sĩ dân ca (folksinger) như tôi. Về phần tôi, có một người Mỹ huyền thoại để làm bạn, tôi cũng thấy vui vui. Trong sự giao du giữa một nghệ sĩ tự do và một người đang làm công việc tình báo cho cơ quan CIA, chúng tôi luôn luôn tránh không nói chuyện chính trị hay quân sự. Những ngày cuối tuần, Ed hay tổ chức tại nhà riêng ở đường Ngô Đình Khôi những buổi hootnannies (hát chung) và thường mời tôi với một số nghệ sĩ Việt Nam khác như Thanh Lan, Phương Oanh, Nguyễn Đức Quang... tới hát.

Người Mỹ bao giờ và ở đâu cũng là một dân tộc rất xuề xòa. Sau giờ làm việc, khi gặp nhau, quan to sủng dãi đến đâu cũng buông áo bỏ mũ ra để giải khuây (relax). Tại nhà Edward Lansdale, chúng tôi có những buổi hát chơi với những ca sĩ tài tử như Cabot Lodge (Đại Sứ), Daniel Ellsberg (người công khai hoá hồ sơ Pentagon), Thủ Tướng Nguyễn Cao Kỳ, Bộ Trưởng Bùi Diễm, Trung Tướng Nguyễn Đức Thắng vân vân...

Tại đây, tôi còn được hân hạnh hát bài **Giọt Mưa Trên Lá** bằng Anh Văn cho John Steinbeck nghe khi ông qua thăm người con đi lính ở Việt Nam (1) và nhận cuốn sách tặng có chữ ký của đại văn hào.

Ngoài ra, tôi còn được tiếp xúc với những nhân vật Hoa Kỳ tới thăm Việt Nam như chủ tịch Tổ Chức Truyền Hình CBS Frank Stanton, nữ văn sĩ Mary McCarthy, tài tử Bob Hope v.v...

Trong 12 năm qua, nghĩa là trong suốt thời gian ông Diệm nắm chính quyền cho tới lúc khởi đầu của chế độ quân nhân, ngoài những bài hát xung tụng tình yêu, sự đau khổ và cái chết, tôi đã viết ra khá nhiều tác phẩm có tính cách phục vụ xã hội. Đó là những bài hát cho Bộ THÔNG TIN hay Bộ CHIÊU HỒI, cho QUÂN ĐỘI và cho XÂY DỰNG NÔNG THÔN. Nhất là hai bản trường ca Con Đường Cái Quan, Mẹ Việt Nam và 10 Bài Tâm Ca. Tất cả những tác phẩm đó đã gây tiếng vang khá lớn trong dân chúng. Tôi còn là một công chức tại Trung Tâm Điện Ảnh, giáo sư của trường Quốc Gia Âm Nhạc, làm việc hàng tuần với các Đài Phát Thanh và là người cộng tác với Phòng Điện Ảnh của Sở Thông Tin Hoa Kỳ. Đối với người Mỹ, tôi là một nhân vật văn hoá. Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ có Bureau of Educational and Cultural Affairs phụ trách việc mời những nhà văn hoá ở trên thế giới tới thăm Mỹ Quốc. Qua sự giới thiệu của Toà Đại Sứ ở Saigon, văn phòng này chính thức mời tôi viếng thăm Hợp Chúng Quốc.

Thế là vào tháng 3 năm 1966, tôi leo máy bay đi Mỹ. Trước tiên, tôi tới Honolulu và được nghỉ ngơi hơn một ngày trời cho quen với sự thay đổi giờ giấc. Sau khi ở Pháp về, mười năm đã trôi qua, bây giờ tôi mới có dịp đi xa, hơn nữa còn được tới hải đảo thần tiên mà tôi từng mơ tưởng khi còn bé. Bây giờ tôi được nghe tận tai loại nhạc hạ-uy-di nững nịu và đa cảm, được nhìn tận mắt những cô gái đảo gần như khoả thân, uốn bụng múa điệu hula-hula gợi tình trong buổi hoàng hôn vàng tím.

Từ Honolulu, tôi đi thẳng qua Washington D.C., tới văn phòng International Exchange Program để biết mình sẽ được đi thăm viếng những nơi nào trên địa lục rộng lớn này. Người Mỹ làm việc gì cũng rất chu đáo. Biết tôi là nghệ sĩ dân ca văn phòng này tổ chức cho tôi đi thăm các đài truyền hình ở New York, đi dự các nhạc hội dân ca (Festivals) ở Florida và Pennsylvania, tới ở vài ngày trong một gia đình nghệ sĩ là The Beers Family ở Petersburg... Họ cũng chiều ý tôi, không bắt tôi phải đi du lịch quá nhiều trên quốc gia mệnh mông này và thuận để tôi tới sống trong một tháng tại thành phố mà tôi ưa thích nhất là New York.

Khi tới New York, vào thăm Đài CHANNEL 13 với Steve Addiss và Bill Crofut, ngẫu nhiên tôi được tham dự vào chương trình dân ca của Pete Seeger, nhạc sĩ phản chiến số một của Hoa Kỳ.

Rồi còn được mời ăn trưa với Frank Stanton, Walter Cronkite, Mike Wallace... trong bữa cơm có trao đổi ý kiến về nhạc của THE BEATLES mà tôi cho là có tính chất **tribal**, nghĩa là nhạc hợp bầy, bởi vì khi tiếng nhạc của ban Tứ Quái này cất lên là tất cả thanh niên nam nữ trên thế giới, dù khác màu da, cũng đều thấy là của mình cả.

Tại Festival ở White Springs, Florida, nơi có đài kỷ niệm ông tổ dân ca Hoa Kỳ là

Stephen Foster, tôi được nghe những bài cổ ca Anh Cát Lợi và những bài dân ca của người Mỹ gốc Pháp. Bị mời lên sân khấu, tôi hát bài **Giọt Mưa Trên Lá** bằng tiếng Anh (The Rain On The Leaves). Sau đó, bài này được nhóm hợp ca nổi danh Mitch Miller thu thanh vào đĩa hát.

Tại Festival ở Pittsburgh, Pennsylvania, tôi được thưởng thức những màn ca diễn của người Mỹ gốc Đông Âu. Tôi thấy dân nhạc Hoa Kỳ là sự tổng hợp những bài dân ca của nhiều nước. Trái với quan niệm hẹp hòi của một vài anh chàng chơi cổ nhạc ở Việt Nam, dân ca nước nào cũng đều phát triển và di chuyển không ngừng. Tại hai Nhạc Hội Dân Ca ở Florida và Pennsylvania này, những bài dân ca cổ xưa được hát lên không có gì là xa lạ đối với những bài dân ca mới mà tôi được nghe qua cassette hay radio trong thời gian ở Mỹ, ví dụ những bài hát của bộ ba Paul, Peter, Mary hay của Bob Dylan, Joan Baez. Có khác chăng là về nội dung, bây giờ đa số dân ca mới của Hoa Kỳ mang tinh thần phản chiến. Rồi khi tôi được sống vài ngày trong một nông trại ở Petersburg với gia đình họ Beers, gồm người chồng đánh đàn harpshicord, người vợ hát và cô con gái đánh guitare, tôi liên tưởng tới gia đình nghệ sĩ Thăng Long...

Là một khách du lịch được tổ chức International Exchange Program cho đi thăm những cảnh tượng vĩ đại của nước Mỹ như thác Niagara, vực Grand Canyon, cho tới hưởng cái nóng nung người và thấy cảnh nghèo của người da đen trong thành phố New Orleans, rồi cho thấy thêm cảnh hoa lệ của San Francisco giữa thời kỳ hippy... còn cho gặp gỡ khá nhiều người nổi danh trong giới nghệ sĩ trình diễn (show business), dù trong lòng rất thích thú nhưng tôi không khỏi băn khoăn khi thấy đa số dân Mỹ chống đối cuộc leo thang chiến tranh tại Việt Nam của Hoa Kỳ. Nhất là sau khi được dự buổi họp ở New York của một nhóm chủ hoà, thấy Thượng Toạ Thích Nhất Hạnh mặc áo cà sa màu vàng ngồi trên sân khấu hội trường bên cạnh nhà văn thiên tả Arthur Miller và thấy những cuộc biểu tình trên đường phố hay trong khuôn viên Đại Học với đám đông gồm đầy đủ trẻ già trai gái, cầm cờ Giải Phóng Miền Nam và những biểu ngữ GET OUT OF VIET NAM, MAKE LOVE NOT WAR...

Với chuyến Mỹ du vào năm 1966, tưởng chỉ là chuyện đi du lịch, nhưng lại là dịp để tôi nhìn thấy tận mắt sự chống đối dữ dội của dân chúng tại một quốc gia đang là đồng minh của Nam Việt Nam trong cuộc đấu tranh máu lửa với chính quyền Bắc Việt mà ai cũng biết đó là mũi nhọn tiền phong của Cộng Sản quốc tế.

Đây là lần đầu tiên tôi thấy tính tình của người Mỹ và sức mạnh của người dân trong một nước có dân chủ thực sự. Sức mạnh có thể thay đổi một đường lối chính trị hay đánh đổ một ông Tổng Thống dễ như chơi. Tôi thấy người Mỹ, nhất là đám thanh niên, dù mức sống rất cao vì nền kinh tế vững chắc của nước này, nhưng họ luôn luôn chống lại những cái gọi là trật tự xã hội. Thập niên 50 là lúc trong giới trẻ Hoa Kỳ có những người chống lại lối sống ngoan ngoãn như cừu của mọi người. Họ mặc quần áo da, đi mô tô và đề cao hư vô chủ nghĩa dù họ đang sống trong một xã hội dư thừa. Một thế hệ được gọi là **beatnik generation** ra đời để luôn luôn ảnh hưởng tới tuổi trẻ Hoa Kỳ. Sau đó, có lẽ vì được tiếp xúc với văn hoá phương Đông nên một số người Mỹ đưa ra phong trào **hippy**, chống lại đời sống máy móc. Quyết định không theo luật tài chính kinh tế của xã hội, họ chủ trương sống trong những cộng đoàn và xoá bỏ tư hữu. Họ góp tiền để sống chung với nhau như trong một bộ lạc. Họ còn phản đối định chế hôn nhân, chủ trương tự do luyến ái... Vào lúc Hoa Kỳ nhúng tay mạnh mẽ vào chiến tranh Việt Nam, thanh niên là nòng cốt của phong trào phản kháng xã hội (social protest). Từ hành động này, họ đi tới phong trào phản

chiến. Tất cả khởi nguồn từ các khuôn viên Đại Học (campuses) vì khi bị bắt lính, các sinh viên peacenik này tổ chức biểu tình, đốt thẻ trưng binh...

Tuy rất phục tinh thần dân chủ cũng như tính hiếu hoà của lớp người phản kháng, nhưng khi thấy khẩu hiệu MAKE LOVE NOT WAR được áp dụng vào cuộc chiến Việt Nam tôi soạn một bài hát trong đó tôi cho rằng, đối với người Việt chúng tôi, không thể có sự chọn lựa giản dị là chỉ làm tình mà chẳng làm chiến tranh. Thưa quý vị phản chiến, chúng tôi -- than ôi -- phải làm cả hai việc ạ :

*Một ngày cho người sống
Một ngày cho người chết
Một ngày cho người thương
Một ngày cho người ghét...*

Trong cảnh ngộ một ngày cho cuộc chiến thì một ngày cho lười biếng và một ngày cho bình yên, thì một ngày lại cho điên... người Việt Nam chúng tôi đành chép miệng thở dài :

*Hỡi, hỡi ôi !
Thân phận làm người !
Thân phận làm người !*

Tôi chấp nhận cuộc đời, cho nên :

*Một ngày cho khẩu súng thì một ngày cho ngòi viết
Một ngày đi mà giết, thì một ngày đi mà hát
Một ngày đi làm lính, thì một ngày đi đảo chính
Một ngày đi cầu kinh, rồi một ngày về quyên sinh...*

Bài hát nhan đề **Một Ngày Một Đời** này kết luận, khác hẳn với ước muốn của con chuồn chuồn năm xưa :

*Một đời mang phận sống
Một đời đeo cùm gông
Một đời đi ruỗi rong
Một đời vẫn chờ mong
Một đời không còn mới
Một đời không từ chối
Một đời vẫn thường nói :
Một đời người, than ôi !
Hỡi, hỡi ôi !
Thân phận làm người !
Thân phận làm người !*

Cứ việc bận khoản vì phong trào phản chiến lên cao ở nước Mỹ, tôi dùng ngày giờ ở New York để đi mua đĩa hát băng nhạc và đi sắm nhạc cụ cho các con (đang tập tọe đi vào thế giới nhạc trẻ với ban THE DREAMERS). Vào năm 1966 Việt Kiều ở Mỹ không nhiều, tại New York tôi chỉ gặp Thượng Toạ Thích Giác Đức đang học Anh Ngữ tại Columbia University để cùng đi thăm tượng Nữ Thần Tự Do và gặp Nguyễn Ngọc Bích để nhờ anh bạn trẻ giới thiệu bằng Anh Văn những bản tâm ca khi tôi có hân hạnh tới hát cho sinh viên ở New York City College nghe.

Tôi cũng được hai người bạn đã từng qua Việt Nam để đi hát rong với tôi là Steve Addiss và Bill Crofut dẫn tôi vào thế giới âm nhạc Hoa Kỳ. Đi nghe nhạc jazz tại các

hộp đêm và đi coi ca kịch tại các rạp hát lớn ở Broadway, tôi học hỏi được nhiều điều bổ ích cho việc sáng tác của tôi. Được tới chơi với nhiều ca nhạc sĩ rất trẻ và được mời hút thử cần sa, tôi hơi ngạc nhiên khi thấy chất ma túy này quá nhẹ và vô vị so với á phiện mà tôi đã nếm thử, tại sao dân Mỹ có thể ghiền nó được nhỉ ? Tôi cũng được thấy mặt trái của cái xã hội được gọi là dư dật này, khi đi qua những khu phố của dân nghèo, nhất là khu người da đen. Không còn gì buồn thảm hơn cảnh một nhà máy bị đóng cửa với những mảng tường vỡ, trơ ra những sườn sắt rỉ và những sân xi măng xanh mầu rêu phủ.

Sau chuyến thăm viếng Hoa Kỳ vào năm 1966, tôi lại có dịp qua Mỹ lần thứ hai vào năm 1970, khi một phái đoàn của Bộ Thông Tin đi giải độc dư luận Mỹ mời tôi đi theo làm cố vấn. Vào giai đoạn này, tinh thần phản chiến ở Hoa Kỳ đã lên tới cực độ. Sau hai sự kiện mà tôi cho là tệ hại nhất cho Nam Việt Nam là cảnh vụ thảm sát Mỹ Lai và vụ Đại Tá Nguyễn Ngọc Loan đích thân hạ sát Việt Cộng trong Tết Mậu Thân được chiếu trên Tivi, tôi thấy rằng không ai có thể làm gì để thay đổi dư luận Hoa Kỳ được nữa !

Riêng đối với tôi, phản ứng trong cuộc Mỹ du lần thứ hai là một bài hát nhan đề **Kể Chuyện Đi Xa**. Khi vụ thảm sát Mỹ Lai xảy ra, tôi chỉ biết vụ này qua một bản tin ngắn. Nay qua Mỹ, tôi được coi chương trình Tivi và được đọc những tờ báo có hình ảnh kinh hoàng của vụ thảm sát. Lúc đó phái đoàn đang ở trong một hotel New York. Đứng trong phòng ngủ, nhìn qua cửa sổ, tôi thấy thiên hạ náo nhiệt đi trong mưa tuyết để mua quà Christmas tặng nhau. Rồi nhìn thấy trên giường ngủ có tờ báo Mỹ với ảnh màu ghi lại vụ thảm sát Mỹ Lai, tôi liên tưởng tới chuyện Quân Đội Pháp và bà mẹ Gio Linh khi xưa, tới bọn buôn súng đạn, buôn tin tức, làm giàu trên đầu người dân Việt Nam bây giờ. Bài hát là lời hỏi của lũ con và sự trả lời của người cha vừa đi xa về :

*Cha ơi ! Cha ơi !
Cha đã đi nhiều ! Đi những nơi nào ?
Cha biết những gì ? Kể chuyện con nghe
Cha biết những gì ? Kể chuyện con nghe*

*.
Con ơi ! Con ơi !
Cha đã đi từ ruộng đồng quê ta
Lê gót trên hè của nhiều kinh đô
Châu Á đông người, ở rồi ra đi
Âu, Mỹ xa vời, tạt về Châu Phi
Nhưng con ơi !
Cha đã đi nhiều mà chẳng bao nhiêu
Cha đã la cà mà chẳng đi xa
Con muốn nghe, thì kể chuyện cho nghe...
Con ơi ! Con ơi ! Con ơi ! Con ơi !*

Lũ trẻ thơ hỏi tiếp, để người cha trả lời

*Cha ơi ! Cha ơi !
Cha đã đi nhiều ! Đi những nơi nào ?
Nghe thấy những gì ? Kể lại con nghe
Nghe thấy những gì ? Kể lại con nghe
Con ơi ! Con ơi !
Cha đã nghe toàn là lời cao sang
Nhân Ái, Nhân Quân ngậm Đại Tây Dương*

Cha đã soi mình vào dòng sông Seine
Ôm ấp nhân tình ở ngọn Eiffel
Nhưng con ơi !
Trong lúc xuân tình vừa bùng hơi men
Cha bỗng se mình vì chợt nghe lên
Tiếng khóc la rền của Mẹ Gio Linh
Chen tiếng vô tình của bọn yêu tinh
Buồn sủng buồn tiền, làm giàu lên trên
Thân xác dân hiền. Cuộc đời như điên
Nghe súng bom liên, nổ từ hai bên
Nghe tiếng dân mình chửi bọn lưu manh
Nghe thuế điên cuồng (cùng) thịt gạo leo thang
Con ơi ! Con ơi ! Con ơi ! Con ơi !

Bài hát tiếp tục :

Cha ơi ! Cha ơi !
Cha đã đi nhiều ! Đi những nơi nào ?
Trông thấy những gì ? Thuật lại con nghe
Trông thấy những gì ? Thuật lại con nghe
Con ơi ! Con ơi !
Đêm Giáng Sinh nào ở miền Tân Châu (2)
Cha đứng trên lầu chọc trời trông theo
Dân chúng ra vào, quà tặng khen nhau
Chơi tuyết bên cầu, trẻ đùa xôn xao
Nhưng con ơi !
Trên những hoa đèn chập chờn công viên
Bỗng thấy in hình một miền tre xanh
Đôi bé què mình quý gục trên mương
Anh lớn tay choàng chịu đạn cho em
Vết máu trên đường, một tràng liên thanh
Ôi ! Mỹ Lai thành quà tặng No-en
Cho những thiên đường của từng con em
Trong những gia đình gọi là văn minh.
Con ơi ! Con ơi ! Con ơi ! Con ơi !

Và kết luận :

Cha ơi ! Cha ơi !
Cha đã đi nhiều ! Cha đã đi nhiều !
Cha nhắn nhe gì ? Để tụi con nghe
Cha nhắn nhe gì ? Để tụi con nghe
Con ơi ! Con ơi !
Cha muốn thưa rằng : Địa cầu xoay nhanh
Kiếp sống thanh bình, người người mưu sinh
Sao nước non mình còn nhiều điều linh ?
Ai đã cố tình đẩy cuộc đua tranh ?
Đem cháu con mình làm vật hi sinh
Đất nước hai miền chật chội oan khiên
Ôi con ơi ! Cha có đi tìm một niềm vui riêng
Cũng thấy thẹn thùng vì tội gom chung
Thế giới lấy lòng để một quê hương
Chua sót vô vàn ! Thật là vô lương !
Cha muốn thưa rằng : Người Việt đau thương

*Thế giới âm thầm, thủ phạm lâu năm
Con ơi ! Con ơi ! Con ơi ! Con ơi !*

*Con ơi ! Con ơi !
Thế giới bên ngoài ! Cha đã đi nhiều
(nhưng) Cha có đi hoài ? Chỉ buồn thêm thôi !
Cha có đi hoài chỉ buồn thêm thôi !
Chỉ buồn... thêm... thôi !*

Như vậy, hai cuộc Mỹ du của tôi chỉ càng làm cho tôi nhìn rõ hơn cuộc đấu tranh giữa hai phe Tư Bản và Cộng Sản trong đó, phe được gọi là thế giới tự do vì người dân được hưởng quá nhiều tự do, nhất là tự do thông tin qua báo chí và tivi nên bị nhiều bó tay hơn phe có một chủ nghĩa xã hội rất hấp dẫn đối với các tầng lớp trí thức, văn nghệ sĩ Hoa Kỳ.

Tôi còn được mời qua Mỹ một lần nữa, tham dự một symposium về Nhạc Việt tại Southern Illinois University cùng với Trần Văn Khê và nhạc sĩ cổ nhạc Vĩnh Bảo, và càng thấy rõ chính tình nước Mỹ.

Sau chuyến đi Mỹ 1966 về nhà được ít lâu, con trai Đức ra đời, rất kháu khỉnh vì trong thời gian thụ thai, vợ tôi được tôi gửi vitamines từ Mỹ về để bổ dưỡng sức khỏe. Tôi còn nhớ Ed Lansdale mà tôi gặp ở Washington D.C. là người cầm thuốc bổ về cho vợ tôi.

(1) Anh này về sau thành đệ tử trung thành của ông Đạo Dừa.
(2) New Continent = USA

...Không biết rồi ai sẽ cứu ai ?
BÀ MẸ PHÙ SA

Chương Mười Bảy

Trước Tết Mậu Thân, tôi theo Tạ Ty ra Huế hát cho một vài đơn vị Quân Đội Cộng Hoà nghe. Không ngờ được tặng hai bài thơ rất dữ dội, tiên đoán một đại thảm kịch sẽ xảy ra ở đất Thần Kinh này. Gặp Nguyễn Đắc Xuân, người góp ý với tôi trong tâm ca **Để Lại Cho Em** ngày nào, bây giờ tặng tôi một bài thơ để tôi phóng tác thành một bài ca chưa chát nham đề **Nhân Danh** :

*Vì giữ mình tôi phải giết một người !
Vì gia đình tôi phải giết mười người !
Vì xóm làng tôi phải giết ngàn người !
Vì giống nòi tôi phải giết vạn người !
Vì lý tưởng tôi phải giết triệu người !
Vì nhân loại tôi phải giết trọn loài người.*

Xin nhân danh đường lối hoà bình, giết luôn tôi !

Khi hát bài này trước khán giả và được vỗ tay khen ngợi thì tôi nói : Quý vị không nên vỗ tay khen ngợi kẻ sát nhân, đã nhân danh mọi điều tốt đẹp để giết hết mọi

người, rồi tự giết mình luôn. Nhưng vì quý vị hoan nghênh nên tôi xin được hát lại bài này và xin thay thế tất cả những chữ **giết** bằng chữ **cứu** :

*Vì giữ mình tôi phải cứu, phải cứu
Cứu một người, cứu một người
Xin nhân danh ngồi dưới mặt trời
Vì giữ mình tôi phải cứu một người
Vì gia đình tôi phải cứu, phải cứu
Cứu mười người, cứu mười người
Xin nhân danh hạnh phúc lạc loài
Vì gia đình tôi phải cứu mười người...v.v.*

Cũng ở Huế, thi sĩ trẻ Thái Luân có bài thơ nhan đề **Bi Hải Kịch**, tôi thấy hay quá và xin phổ nhạc :

*Đạo diễn đưa tay lên
Đạo diễn đưa tay xuống
Bi hải kịch mở màn
Bi hải kịch khai trương
Diễn viên quay súng bắn
Diễn viên gục đầu đường
Máu chảy vệt loang loang
Máu chảy vào quế hương
Quế hương là ruộng đồng
Quế hương là mưa nắng
Quế hương là khoai sắn
Quế hương là cơm ngon...*

Vở bi hải kịch Việt Nam trong bài thơ dù đổi màn, thay phong nhưng diễn viên vẫn là hai kẻ nguyên rửa nhau, hành hạ nhau, chém giết nhau. Cuối cùng khi vở bi hải kịch bỏ màn (nhưng ai cũng cảm thấy vở đó chưa xong) thì tất cả diễn viên, đạo diễn và khán giả cũng đều buồn như nhau :

*Diễn viên rơi nước mắt
Đạo diễn khóc hay cười
Khán giả thì bưng môi
Khán giả thì im hơi
Ôi bi kịch còn dài
Trong hay ngoài sân khấu
Bên trên hay là bên dưới
Ai cũng buồn như nhau...*

Trở về Saigon ít lâu, xảy ra biến cố Tết Mậu Thân. Chiến tranh vào thành phố ! Nhưng đối với người dân Saigon, vì quá quen với ánh sáng hoà châu và tiếng B52 thả bom ầm ỳ hàng đêm ở xa xa, chiến tranh chẳng bao giờ làm chúng tôi sợ cả. Khi đặc công Việt Cộng tấn công bộ Tổng Tham Mưu gần nhà, gia đình tôi còn đua nhau leo lên gác thượng để coi đánh nhau. Chỉ tới khi có viên đạn lạc bắn vào mái nhà thì mọi người mới hoảng hốt tụt xuống ! Thản nhiên trước cảnh đánh nhau, thản nhiên luôn trước cái chết. Khi đi coi những khu phố đã trở thành chiến địa, nhìn tận mắt những xác người nằm trên vũng máu đào bên đồng gạch vụn còn bốc khói, tôi không thấy lòng nao động như trong thời chiến tranh chống thực dân Pháp. Cũng như tôi, nhà văn trẻ Lê Tất Điều viết trong một bài báo nào đó : *Tôi không còn thấy rung động hay sợ hãi trước xác người chết...*

... Cho tới khi tôi biết rõ những gì xảy ra tại Huế trong tết Mậu Thân thì mới thấy hết dừng dưng rồi căm phẫn và phản ứng bằng những bài **tâm phẫn ca**. Xưa nay tôi vẫn cho Huế là nơi người ta nói hộ dân chúng những điều u uất nhất của cuộc đời

Việt Nam. Qua những câu hò, câu ru, câu ca tôi cho là nhọc nhằn, nỉ non, ai oán nhất. Cũng là điệu ru nhưng lối ru Huế sao mà nghe vắng xa chi lạ ! Cũng là bài ca nhưng trong Ca Huế mới có những bản hát buồn. Nhạc miền Bắc chẳng bao giờ buồn cả, điệu làn thăm trong Chèo không thăm thiết bằng điệu Nam Ai, Nam Bình. Bài Vọng Cổ nghe buồn man mác, và chỉ man mác mà thôi ! Hò kéo gổ, hò đẩy xe ở miền ngoài có thể làm cho người nghe nhức da nhức thịt nhưng hò mái nhì, hò mái đẩy mới đánh vào tâm não chúng ta. Mặt khác, chỉ những nhà thơ gốc Huế (hay ở Huế lâu) mới nói hộ ta những lời buồn như thơ sầu rụng của Lưu Trọng Lư, thơ hồn tũ của Chế Lan Viên hay thơ ngậm ngùi của Huy Cận.

Cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân có hậu quả chính trị làm rung động dư luận Hoa Kỳ, khiến Tổng Thống Johnson không tái ứng cử nữa, cuộc hoà đàm Paris thành tựu... Nhưng thảm kịch xảy ra tại Huế là một sai lầm lớn nhất trong cuộc nội chiến Bắc-Nam dài hai mươi năm.

Thảm kịch được phơi bày qua tư liệu lịch sử hoặc qua các tác phẩm văn chương như **Tình Ca Cho Huế Đổ Nát** (1968), **Giải Khăn Sô Cho Huế** (1969) của Nhã Ca, **Ngôi Sao Trên Đỉnh Phú Văn Lâu** của Hoàng Phủ Ngọc Tường (1971), **Huế Những Ngày Nổi Dậy** (1979) của Nguyễn Đắc Xuân, Nguyễn Quang Hà, Tô Nhuận Vỹ, **Đất Nước Vào Xuân** (1979) của tướng Lê Chường, Chính uy mặt trận Huế thời đó, **Mùa Biển Động Tập III** (1988) của Nguyễn Mộng Giác... và cho ta thấy sau khi Bắc Quân bị đánh bật ra khỏi thành phố, Huế là chốn tử địa kinh hoàng với 19 mồ chôn tập thể. Số người bị thảm sát lên tới năm, sáu ngàn người. Ngoài những quân nhân, công chức cộng tác với chính quyền miền Nam, còn có cả tử thi đàn bà, con trẻ. Ai ra lệnh giết ? Ai bình tĩnh, mù quáng thi hành mệnh lệnh dã man, tàn bạo đó ? Những người đó nhân danh một chủ nghĩa hay một lý tưởng nào ? ? ?

Thảm kịch Mậu Thân thay đổi cuộc đời, thay đổi thái độ sống của nhiều người, ảnh hưởng vào sáng tác của nhiều văn nghệ sĩ. Riêng tôi, nói về thành phố Huế yêu thương và đau thương, ngày nào tôi mơ một chiều nao đốt lửa rực đỏ thành, giấc hoả mộng của tôi là giấc mơ nghệ thuật, giấc mơ ánh sáng. Thảm kịch Mậu Thân cho tôi trực diện hơn nữa với bộ mặt thực của cuộc chiến tranh Nam-Bắc tương tàn để từ đây những sáng tác của tôi không thể nào dừng đứng được nữa. Tôi soạn một bài hát có tính cách phản uất nhan đề **Tôi Không Phải Là Gổ Đá** (khi in ra có đề tặng Lê Tất Điều) :

*Tôi không phải là cỏ cây
Tôi không phải là gổ đá
Nên tôi khóc Việt Nam tôi
Rong rã ba đời không biết vui
Tôi không phải là người dưng
Tôi không phải là nước lũ
Nên tôi khóc người không xa
Gục ngã chiến trường tuổi còn xuân..*

*Đừng ngủ trang trong tiếng hát
Đừng cần mang đôi kính mát
Hãy lắng nhìn vào quê hương điêu tàn
Hãy đếm từng người dân đang chết oan
Hãy oán hờn cuộc binh đao tương tàn*

*Hãy khóc thầm dù nước mắt đã cạn
Hãy biết buồn ! Hãy biết thẹn !
Vì non sông còn tối đen...*

Rồi bởi vì tôi không thể nào nhẫn nại, tôi không thể nào im tiếng, nên tôi hét vào thinh không lời nói hãi hùng hơn tiếng bom... Bởi vì tôi không thể nào miệng câm, tai điếc, nên tôi khóc và tôi điên... cho nên tôi tiếp tục đưa ra một số bài hát dữ dội, đặt tên là **tâm phần ca** (chanson en colère). Trước đây hai ba năm, khi tâm ca ra đời nó gây một tiếng vang lớn trong đám thi sĩ và nhạc sĩ trẻ. Họ cũng đồng ý với tôi là không thể nào nhẫn nại và im tiếng được nữa. Thơ chống chiến tranh được viết ra (ví dụ những bài thơ của Thái Luân, Nguyễn Đắc Xuân tôi vừa kể) và nhạc phản chiến được soạn ra (ví dụ những nhạc phẩm của Trịnh Công Sơn, Miên Đức Thắng).

Cảnh chiến tranh huynh đệ tương tàn khiến cho một thi sĩ mang tên rất đẹp là Hoa Đất Nắng phải viết ra những câu thơ hung tợn, để tôi phổ thành bài **Đi Vào Quê Hương** :

*Tôi vào quê hương bằng cuộn dây thép gai
Đồng cỏ cha tôi, tôi trói gô hình hài
Tôi đào thông hào, trồng cây chông nhọn hoắt
Tôi giơ tay cao, tôi cầu tôi cào
Tôi vào quê hương bằng xe traction
Chở mìn clay-mo, plát-tíc đi ngoài đường
Tôi đặt lên sườn Mẹ Việt Nam gầy ốm
Ôi Mẹ tan tành ! Ôi Mẹ phanh thân !
Tôi vào quê hương bằng dòng nước mắt
Nước mắt vợ chồng, nước mắt cha con
Nước mắt bạn bè, nước mắt anh em
Tôi lội tôi bơi mệt nhoài trong đó
Máu loang từ đầu, chảy xuống ruột mềm
Tôi vào quê hương qua nòng thép súng
Lửa cháy trong làng, lửa cháy trong thôn
Lửa cháy trong lòng, lửa cháy trong tim
Trên da mặt tôi mọc lên cỏ thụ
Cỏ thụ sai oằn lựu đạn mooc-chiê...
Tôi vào quê hương bằng một gáo hát quê
Đả đảo hoan hô tôi đứng lên làm hề
Lũ trẻ ngù ngờ cười phun nước miếng
Trên da mặt tôi, trên yếm, trên đầu
Tôi vào quê hương quà tặng nhớ đem theo
Một khẩu thompson hay chiếc súng cộng đồng
Mỗi thằng một đũa, dành cho nhau một phát
Mỗi đũa một thẳng, dành một phát cho nhau...*

Tôi tiếp tục soạn **tâm phần ca**. Bây giờ tôi muốn nói tới người lính Việt Nam nhưng không dùng những lời ca ngợi nọt hay mỉa mai mà các bộ máy tuyên truyền lúc đó đang đề cao. Tôi nói về cái chết của người lính trẻ :

*Người lính trẻ chết trận chiều qua
Nên trăng sao vụt tắt chẳng ngờ
Người lính trẻ chết trận hồi mơi
Nên hôm nay chẳng có mặt trời
Người lính trẻ chết trận ngày mai
Trên quê hương ngọn lúa rụng rời*

*Người lính trẻ chết trận ngày kia
Trên ngôi cao là hết dị kỳ..*

Cái chết của tuổi trẻ làm cho tất cả đều nổi giận : mặt trời, trăng sao phải vụt tắt, ngọn lửa phải rụng rời, các vị Thần phải ôm mặt khóc rồi rủ nhau chạy mất... Dây đàn phải đứt, dòng chữ phải tan, con người trần trụi trở về thời hồng hoang cho tới khi địa cầu nổ toang, cuộc đời tận thế :

*Người lính trẻ chết trận còn đâu !
Nên không lâu, nổ vỡ địa cầu.
Người lính trẻ chết trận rồi nghe !
Xin nghe đây tận thế gần kề !
Người lính trẻ chết trận còn chi*

Bởi vì tôi phần nộ nên sau khi nổi giận về cái chết của người lính trẻ, tôi nói chuyện mĩa mai với **Chuyện Hai Người Lính** :

*Có hai người lính ở chung một làng
Cùng yêu Tổ Quốc Việt Nam.
Có hai người lính ở chung một làng
Cùng yêu ruộng đất Việt Nam.*

*.....
Có hai người lính cùng chung một lòng
Cùng không để mất Việt Nam
Có hai người lính cùng tiến lên đường
Quyết tâm gìn giữ Việt Nam...*

Chuyện hai người lính là chuyện có thể xảy ra ở mọi nơi trong nước. Nhà văn Xuân Vũ cũng từng chứng kiến cảnh anh em trong một nhà, người theo giải phóng, người theo quốc gia rồi một sớm mai nào đó :

*Có hai người lính nằm trên ruộng đồng
Cùng ôm khẩu súng chờ mong
Có hai người lính, một sớm mai hồng
Giết nhau vì nước Việt Nam...*

Nói chuyện khôi hài đen, tôi có bài **Bà Mẹ Phù Sa**. Đây có thể là một câu chuyện có thực như chuyện **Bà Mẹ Gio Linh** trước đây hay **Chuyện Hai Người Lính** vừa kể. Tôi kể chuyện một bà mẹ ở đất Phù Sa, *mới năm mươi tuổi đã già như tám mươi...* Đúng như người mẹ trong câu ca dao :

*Mẹ già ở túp lều tranh
Đói no ai biết rách lành ai hay...*

Một ngày tháng 8 năm 62, có anh Ba cán bộ tới xóm tuyên truyền về Ấp Chiến Lược. Trong khi anh đang thuyết trình thì có tiếng súng nổ ở dưới vườn, bà mẹ vội lừa anh Ba vào trốn dưới gầm giường. Người nổ súng cũng là một cán bộ : anh Tư của Mặt Trận Giải Phóng. Anh này mò đến nhà bà mẹ để tuyên truyền. Đón tiếp anh Tư, chợt trông ra đường mương, thấy Quân Đội Mỹ đang đi hành quân và tới gần lối xóm, bà vội vàng lừa anh Tư cũng vào trốn dưới gầm giường... Câu kết của bài hát là : *trong cuộc chơi đi trốn này, không biết rồi đây ai sẽ cứu ai ?*

Vào lúc này, ngoài ngôi nhà lớn trong cư xá Chu Mạnh Trinh ở ngã tư Phú Nhuận, vợ chồng tôi mua thêm một căn nhà gỗ cũng nằm trong cư xá. Để tăng lợi tức cho gia đình đã trở nên khá đông đảo (con gái út Thái Hạnh mới ra đời), chúng tôi bèn cho Đại Hàn thuê ngôi nhà ba tầng để làm xưởng sửa máy điện tử và dọn về sống trong căn nhà nhỏ. Nhà này tọa lạc bên cạnh một cái giếng sâu, nơi có lần Duy Cường (mới lên 5) rơi xuống mà không chết. Ở đầu đường Võ Di Nguy có cái ngõ nhỏ dẫn vào nhà mà khỏi cần qua ngã lớn đường Chi Lăng. Ở hai bên ngõ là dãy

nhà gỗ mái tôn, nơi cư ngụ của vài gia đình nghèo, trong đó có nhà của một ông giáo phải ngưng dạy học vì mắc bệnh thần kinh sau khi vợ bỏ đi lấy Mỹ.

Cuộc chiến tranh nào cũng tạo ra những người điên. Trong kháng chiến chống Pháp, tôi đã gặp vài ba người mất trí. Nhưng bây giờ có quá nhiều người điên ở trong nước. Trong thành phố, ở khu nào cũng có người mất trí. Nhiều đến nỗi người điên hiện diện luôn trong một ca khúc rất cảm động của Trịnh Công Sơn, bài **Tình Ca Người Mất Trí**. Sống trong căn nhà mới ở trong cư xá này, hằng ngày chúng tôi được coi cảnh ông giáo chống tay bên hông đứng bên bờ giếng để lải nhải chửi bới. Thường thường ông chỉ chửi một cách nhẹ nhàng và bằng quơ, nhưng đôi khi ông réo tên các Tướng, Tá, các vị Bộ Trưởng Chính Phủ để chửi bới om xòm, và chửi luôn cả Tổng Thống nữa ! Và lẽ dĩ nhiên ông chửi Mỹ một cách thậm tệ. Đặc biệt ông không chửi vợ. Có lẽ vào lúc đó, cả công chức lẫn tư chức và dân thường, ai cũng đều chửi thề Chính Phủ cho nên ông giáo điên này không bị ai phản đối hay bị cảnh sát bắt đi. Chứng kiến cảnh một người suốt ngày đứng chửi rửa như vậy, tôi bỗng nhớ tiếc người điên của phố Hàng Dầu ngày xưa, suốt ngày lễ phép đứng chào khách qua đường !

Cũng tại căn nhà gỗ này, nằm trên cái gác xép nhỏ nhoi và nóng nực, tôi được coi trong Tivi đen trắng cảnh phi hành gia Amstrong đặt chân lên mặt trăng. Đúng như tôi đã nói trong bài **Một Đàn Chim Nhỏ**, quả rằng Amstrong không tìm thấy chú Cuội và chị Hằng ở nơi cung Quảng. Thấy kỹ thuật Hoa Kỳ đem được con người lên tới mặt trăng rồi thì tôi rất phục, nhưng thấy sự hiện diện của lính Mỹ ở Việt Nam quá đông thì tôi buồn. Trong bài **Bé Bất Đắc** soạn ra vào năm tới, tôi có nói đến tình cảm đó.

Vào hai năm 69-70, chiến tranh ở Việt Nam đã leo thang tới tột đỉnh. Nửa triệu binh lính Mỹ trên nước ta cùng với hàng ngàn Mỹ kiều khác (các nhân viên ngoại giao kinh tế, các nhà thầu xây cất, làm đường xá cầu cống...) tạo ra tại các đô thị lớn một giai cấp mới là những người Việt giao dịch hay kinh doanh với Mỹ. Trong khi đa số thị dân chỉ có đồng lương cố định, người làm với Mỹ làm giàu rất nhanh qua những dịch vụ mở quán rượu, nhà tắm hơi, phòng trà khiêu vũ. Một số lớn phụ nữ Việt Nam trở thành gái bán **bar**, gái đấm bóp hay gái nhảy. Tiền tiêu pha của lính Mỹ, tiền chi phí cho các hãng thầu Hoa Kỳ và tiền ăn sài của những người có dịch vụ với Mỹ tạo ra nguy cơ lạm phát phi mã. Tình trạng này làm cho người giàu cứ giàu lên, người nghèo càng ngày càng nghèo hơn. Đời sống của đa số dân chúng rất khó khăn. Xảy ra những vụ những lạm của các cấp hành chánh hay chợ đen... Đây là thời gian hầu hết những giá trị tinh thần, đạo đức của người Việt bị lật nhào vì chiến tranh và tiền bạc.

Sự sa đoạ của xã hội Việt Nam phải kéo theo những phản ứng. Trước cảnh thoái hoá trong gia đình, phản ứng của người mất vợ như ông giáo kể trên chỉ là mắc bệnh thần kinh rồi đứng bên bờ giếng chửi rửa. Ngoài xã hội, phản ứng lớn hơn nhiều, qua hành động của hai người tôi gọi là **anh hùng trong trắng**.

Tại Nha Trang, trước cảnh đảo điên của xã hội, thấy rằng danh dự quân nhân và trí thức của mình bị thương tổn, một bác sĩ sĩ quan là Hà Thúc Nhơn làm kiến nghị đòi trừng phạt Tỉnh Trưởng về tội tham nhũng. Bị tham nhũng vây bắt anh Nhơn cố thủ trong bệnh viện, quyết tâm chống lại bằng vũ khí, nhưng cuối cùng anh bị tham nhũng bắn chết. Một người bạn của anh Hà Thúc Nhơn là Phạm Văn Lương -- cũng là bác sĩ sĩ quan -- phản ứng bằng cách đứng trước trụ sở Quốc Hội ở Saigon, tay

cầm quả lựu đạn đã mở sẵn chốt, kẻ tội tham nhũng của các Tướng Tá Việt Nam, kể từ Tham Mưu Trưởng Cao Văn Viên trở xuống. Vì hành động của anh Lương xảy ra giữa thủ đô, nơi có tai mắt của quốc tế nên bọn tham nhũng không dám giết anh. Nhưng sau khi xoa dịu anh Lương rồi, nạn tham nhũng vẫn chẳng bớt đi chút nào. Nó còn tăng lên với vụ buôn lậu ở Long An có xe nhà binh hộ tống. Việc làm của hai người hùng trong trắng này và kết quả không đi đến đâu của nó khiến tôi phải soạn bài hát nhan đề **Dạ Hành** :

*Người đi trong đêm tối, trong đêm sâu
Trong đêm vắng, trong đêm sâu
Trong đêm dầy, trong đêm dài Việt Nam, hự
(sau mỗi câu hát là có tiếng hự, tức là tiếng đâm vào lưng)
Người đi giương đôi mắt, khua đôi tay
Đưa chân bước trên chông gai
Trên đất gầy, trên vũng lầy bùn nhơ, hự
Người đi không ai dắt, không ai đưa
Như đui mắt, đi bơ vơ
Đi trong vòng vây quanh của bầy ma, hự
Bầy ma chuyên uống máu nơi dân đen
Moi tìm óc bao thanh niên
Ăn linh hồn, ăn da thịt Việt Nam, hự
Bầy ma giờ tay níu, giờ tay mua
Giờ tay đón, giờ tay đưa
Giờ tay dọa không cho người vượt qua, hự
Bầy ma giờ tay kéo, giờ tay ôm
Lôi ta cúi, lôi ta khom
Như con vật cong lưng bò trong đêm, hự...*

Biết rằng khó lòng thắng nổi bầy ma tham nhũng nhưng tôi cũng cứ hi vọng có thêm nhiều phản ứng của những người hùng trong trắng khác :

*Thế nhưng người là NGƯỜI nên không chịu làm thú !
Thế nhưng người là NGƯỜI nên không sợ loài ma !
Người đi, đi đi lên !
Người đi tìm ánh sáng trời lên...*

Bài hát dữ dội này là một trong bộ ba **Lữ Hành, Xuân Hành, Dạ Hành** của tôi. **Lữ Hành** là cuộc lên đường bất tận. **Xuân Hành** là cuộc đi trong chật hẹp một đời người. **Dạ Hành** là cuộc đi trong đêm tối để chiến thắng loài ma quỷ.

Vào lúc Hoa Kỳ ào ạt đem quân sang Mỹ hoá chiến tranh ở Đông Dương -- để sau này sẽ phải mượn cớ Việt Nam hoá cuộc chiến che dấu sự thất trận của mình -- thanh niên Việt Nam liên tiếp được động viên nhập ngũ và cầm súng ra chiến trường. Tôi luôn luôn kính trọng và tôn thờ lòng yêu nước, sự hi sinh (cũng như thương cho số phận) của họ nên không bao giờ tôi dám gọi họ là **lính đa tình** cả ! Chiến tranh cần có chiến sĩ và tuổi trẻ Việt Nam phải chấp nhận bước theo định mệnh đó thì ta chỉ nên chúc cho họ sống một cách tuyệt vời trong niềm đau của phận người trong thời đại như thi sĩ Thanh Hữu đã nói ra qua một câu thơ ngắn :

*Vì yêu anh không là lính đa tình
Bước tuyệt vời trong mùa Xuân định mệnh
Nên từ đó dân tộc ta vẫn hoà bình...*

Tôi còn muốn nói thêm vào xã hội này nên dùng thơ Thanh Hữu để mở đầu bài **Cung Chúc Việt Nam**, tặng những cô gái thích làm hoa hậu, tặng các em bé thích làm siêu nhân và tặng cho những người thích làm thiên thần :

*Vì yêu em không đảo nước khuynh thành
Sống tuyệt vời trong chiều hoa khổn hạnh
Nên từ đó dân tộc ta đỡ nhục hình...*

*Vì yêu em không là bé siêu phàm
Sống tuyệt vời trong đồng trinh mộc mạc
Nên từ đó dân tộc ta đỡ lảm lạc...*

*Vì thương nhau không là những thiên thần
Sống tuyệt vời trong niềm đau một phận
Nên từ đó nhân loại kia vẫn vẹn toàn...*

Trong hoàn cảnh đất nước ngả nghiêng như vậy, nhất là sau vụ Tết Mậu Thân, tôi không còn bụng dạ nào để nghĩ tới chuyện tâm tình. Tôi không còn thanh thoi để cuối tuần lái xe đi đón người tình rồi chúng tôi ngồi trong xe hơi hay trên một bãi cỏ hoang ở vùng ngoại ô, nói với nhau những chuyện cao xa, thơ mộng. Người bạn gái cũng cảm thấy phải xa tôi để bước lên xe hoa. Qua một lá thư viết bằng bút chì, nàng giã từ tôi, không buồn rầu nuối tiếc, không ân hận xót xa. Xong rồi, mối tình của tôi phải chấm dứt ở đây rồi. Tôi soạn bài **Nghìn Trùng Xa Cách**, coi như lời tiễn biệt người yêu :

*Nghìn trùng xa cách người đã đi rồi !
Còn gì đâu nữa mà khóc với cười ?*

. Vâng, nghìn trùng xa cách, đời đứt ngang rồi, tôi chỉ còn lời trần trối gửi đến cho người :

*Nghìn trùng xa cách người cuối chân trời
Đường dài hạnh phúc, cầu chúc cho người...*

Tôi sẽ có dịp để biết nàng có hạnh phúc hay không, mấy chục năm sau.

Ta ngắt đi một cụm hoa thạch thảo
Em nhớ cho mùa Thu đã chết rồi !
Mùa Thu Chết

Chương Mười Tám

Một khái quát về Tân Nhạc :

- * 1938. Nhạc cải cách ra đời, sau một thời gian chuẩn bị là dăm ba năm với những bài ta theo điệu tây.
- * 1940-1945 là thời gian thành lập của một nền nhạc khác hẳn với nhạc cổ truyền, với hai xu hướng nhạc tình và nhạc hùng.
- * 1945-1954. Dù vẫn được gọi là nhạc mới để phân biệt với cổ nhạc, Tân Nhạc đi tới thời kỳ phát triển 1 với hai xu hướng, hoặc từ dân ca cổ truyền đi lên hoặc đi theo đường lối soạn nhạc Tây Phương.
- * 1954-1966. Tại miền Nam, vì có thêm nhiều phương tiện như radio, đĩa hát, băng nhạc, nhạc Việt đi tới thời kỳ phát triển 2 nếu có loại nhạc muốn được coi như phục vụ nghệ thuật thì cũng có loại nhạc chỉ được soạn ra với mục đích thương mại.

* 1966-1975 là thời kỳ loạn phát của nhạc Việt.

Vào giữa thập niên 60, có hai yếu tố làm cho nhạc Việt phát triển mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Trước tiên là hiện tượng phòng trà. Hai mươi năm trước, tôi đã chứng kiến và đóng góp vào sự ra đời của những phòng trà đầu tiên của Việt Nam. Vào lúc đó, người Việt chưa có những phương tiện dồi dào như radio, đĩa hát, băng nhạc, lối phụ diễn chiếu bóng và hình thức đại nhạc hội như về sau này, phòng trà là nơi Tân Nhạc khởi sự sinh sôi rồi nảy nở.

Lúc đó chỉ có vài phòng trà ở Hà Nội (Quán NGHỆ SĨ, Phòng Trà THIÊN THAI) và ở Huế (Nhà Hàng TAM TINH, Quán NGHỆ SĨ), vấn đề ca sĩ, thính giả và nhạc mục còn là chuyện rất đơn sơ. Để thay thế cho hình thức tiêu khiển của nho sĩ là nhà hát ả đào đã hết thời, những nơi giải trí của giới tân học hồi bấy giờ chỉ có khoảng bốn, năm ca sĩ thuộc thế hệ thứ nhất là Phạm Duy, Kim Tiêu, Ngọc Bảo, Thương Huyền, Mai Khanh... hằng đêm tới hát khoảng năm, sáu bài tân nhạc như **Biệt Ly, Con Thuyền Không Bến, Bản Đàn Xuân, Bể Bàng, Buồn Tàn Thu...** cho khoảng 10 hay 15 thính giả nghe. Dần dà, phòng trà mọc thêm ở Hà Nội với những tên THĂNG LONG, TUYẾT SƠN... Khi xảy ra kháng chiến, phòng trà trong thành phố đóng cửa, nhưng chỉ ít lâu sau, tại vùng quê có những quán cà phê thay thế cho phòng trà.

Từ ngày đất nước chia đôi, toàn bộ âm nhạc ở miền Bắc nằm trong tay của Nhà Nước và chỉ được phép phục vụ cho chính trị. Tại miền Nam ca nhạc sĩ người Bắc di cư vào Saigon, sau khi đời sống ổn định, cùng với nghệ sĩ gốc Nam, ngoài việc đi hát Đài Phát Thanh có thêm đất dụng võ là phòng trà có ca nhạc (live concert) như nhà hàng VĂN CẢNH chẳng hạn... Thế hệ ca sĩ thứ hai xuất hiện với Minh Trang, Thái Thanh, Anh Ngọc, Mộc Lan, Tâm Ván, Nguyễn Hữu Thiết, Ngọc Cẩm...

Phòng trà phát triển với ĐỨC QUỲNH đường Cao Thắng, TRÚC LÂM (của nhà văn Mặc Thu) đường Ngô Tùng Châu, đào tạo thêm ca sĩ. Khi chính phủ cấm nhảy đầm, các khiêu vũ trường TABARIN, BACCARA, TỰ DO trở thành phòng trà. Quán ANH VŨ của Võ Đức Diên đường Bùi Viện được chính quyền giúp đỡ để trở thành quán ăn kiêm phòng trà, thu hút học sinh, sinh viên. Phòng trà KIM ĐIẾP trước rạp CASINO mở ra là đông ngay nhưng bị đóng cửa vì có vụ ghen tuông bắn chết người ở đây.

Các phòng trà lúc đó là nơi phổ biến những ca khúc mới mẻ như **Tiếng Sáo Thiên Thai, Phở Buồn, Mùa Thu Paris...** và đào tạo thế hệ ca sĩ thứ ba : Lệ Thanh, Kim Chi, Thu Hương, Thanh Thúy, Kim Vui, Thanh Lan (bà Cao Xuân Vỹ)... Sau thời ông Diệm, nhất là khi Quân Đội Mỹ tới Việt Nam và biến Saigon thành một thành phố rất phồn vinh (dù giả tạo) các phòng trà mọc lên như nấm. Có ba nơi rất đông khách :

* Phòng trà TỰ DO, với ban nhạc Blue Notes và các ca sĩ thuộc thế hệ thứ hai, thứ ba;

* Phòng trà RITZ, với chủ nhân là Jo Marcel -- một người không những hát hay mà còn giỏi về kỹ thuật âm thanh -- nơi ra mắt của thế hệ ca nhạc sĩ thứ tư như ban nhạc The Dreamers và Julie Quang trong bản Mùa Thu Chết;

* Phòng trà QUEEN BEE với ban nhạc Shotguns, nhờ tài "lăng xê" ca sĩ của Ngọc Chánh, trở thành nơi xuất hiện của những giọng ca mới như Lệ Thu, nổi tiếng qua bài **Ngậm Ngùi**.

Nhà Hàng MAXIM'S (rạp Majestic cũ) đường Tự Do, có ăn uống và nghe nhạc cũng thành công với những tiết mục ca-vũ, phần ca do hai ba thế hệ ca sĩ thay nhau tới

hát, phần vũ do Hoàng Thi Thơ và Trịnh Toàn phụ trách. Hai nơi có vẻ trí thức nhất là Phòng Trà KHÁNH LY, mang tên cô ca sĩ, người giới sinh viên gọi là "nữ hoàng chân đất", khởi sự ca hát từ Quán VĂN rồi sau khi bước vào thế giới âm thanh với nhạc Trịnh Công Sơn, nghiêm nhiên trở thành chủ phòng trà. Cuối cùng là ĐÊM MÀU HỒNG và ban Thăng Long, với nghệ thuật ca diễn càng ngày càng vững chãi.

Những em bé trong ban Việt Nhi do nhạc sĩ Nguyễn Đức thành lập và hoạt động từ lâu tại các Đài Phát Thanh, nay đã lớn và trở thành thế hệ ca sĩ thứ năm của phòng trà hay sân khấu với những cái tên giống nhau như Phương Hồng Hạnh, Phương Hồng Quế, Phương Hoài Tâm...

Khán thính giả của các phòng trà trong thời đó là giới làm ăn khá giả nhờ đồng dollar được chi dụng bừa bãi ở Việt Nam, nhưng cũng là nơi không thể nào không ghé tới của những sĩ quan hay binh lính Cộng Hoà, từ mặt trận xa xôi trở về thủ đô nghỉ phép, vì không có nơi nào xoa dịu chiến sĩ khi nghỉ ngơi hơn là những phòng trà (giống như các quán cà phê trong kháng chiến là nơi giúp cho cái gọi là le repos du guerrier mà tôi nói tới trong HỒI KÝ II).

Vào cuối thập niên 60, đi nghe nhạc tại phòng trà là cái mốt của thời đại. Vô phòng trà là bước vào cõi tình và cõi thơ. Nữ ca sĩ là thần tượng của mọi giới, có cô trở thành bà Tướng, bà Lớn một cách nhanh chóng : Minh Hiếu là phu nhân Tướng Vĩnh Lộc, Thanh Lan thành bà Cao Xuân Vỹ... Người ta đặt cho phòng trà những tên nên thơ như CHIỀU TÍM, HẦM GIÓ... Tên ĐÊM MÀU HỒNG cũng do bài thơ của Thanh Tâm Tuyền. Âm nhạc đi kèm với ly cà phê, được khán thính giả ướn người ngồi nghe trong một thính phòng mờ ảo, bây giờ đi vào quần chúng không phải là nhạc đồng quê hay nhạc vỉa hè nữa. Nó là nhạc góc nhà, dần dà trở thành nhạc ma túy, nhạc thờ dài...

Nhưng phòng trà không phải luôn luôn là nơi để vui chơi. Tối thiểu, có hai lần tôi thoát chết tại phòng trà. Tại QUEEN BEE một đêm nọ, một khách hàng nhà binh, sau khi uống rượu say, làm tàng, tung ra quả lựu đạn khói, khiến cho mọi người xô nhau chạy toan loạn. Thái Thanh, tôi và ban Dreamers xuất bị chết bẹp và chết ngạt. Trong đám khách hàng có người chị ruột của Thanh Thúy (vợ của Tỉnh Trưởng Nha Trang Lê Khánh) bị ngã đập lá gan rồi bị điếc tai luôn. Một đêm khác, tôi và các con vừa ở phòng trà TỰ DO bước ra khỏi cửa để tới chỗ đậu xe thì mìn nổ tại nhà hàng này. Có người (thuộc phe nào đây ?) muốn thủ tiêu nhân vật chủ hoà Hoa Kỳ McGovern đang từ khách sạn Caravelle đi tản bộ trên vỉa hè gần đó. Ông này không sao nhưng vợ của nhạc sĩ Lê Văn Thiệu tới chơi phòng trà bị tan xác.

Phong trào phòng trà ở Saigon còn được nối dài qua những quán nhỏ của sinh viên. Quán VĂN được thành lập trên bãi đất trống sau trường Đại Học Văn Khoa, với sự có mặt thường xuyên của Khánh Ly, người sẽ mở quán ở đường Đinh Tiên Hoàng lấy tên Quán TRE. Quán THĂNG BỜM cũng do sinh viên mở ra ở đường Đề Thám. Có thêm hai quán nữa ở Thị Nghè do Nguyễn Trung và Vị Ý chủ trương, được trang hoàng rất đẹp vì có tranh "cây nhà lá vườn" của hai họa sĩ này. Quán DALAT gần sân banh Cộng Hoà do các sinh viên gốc gác ở thành phố sương mù, về Saigon ăn học, tạo ra quán này để làm nơi gặp gỡ nhau (1).

Sau phòng trà, hiện tượng thứ hai làm cho Nhạc Việt phát triển mạnh mẽ là nhạc trẻ. Loại nhạc này xuất hiện ở Việt Nam sau khi giới trẻ Saigon tiếp xúc với nhạc của tứ quái Beatles lúc đó đang lan tràn trên thế giới. Lần đầu tiên trong lịch sử âm nhạc,

nhờ sự phát minh ra đàn điện, dễ chơi, dễ hấp dẫn người nghe bằng âm thanh điện tử, bốn thanh niên Anh quốc làm cho âm nhạc trở thành tiếng nói chung của tuổi trẻ trên toàn cầu. Vào giữa thế kỷ 20, với phương tiện truyền thông tối tân, nhân loại sống trong một thế giới thu hẹp bằng một ngôi làng. Tuổi trẻ có chung lối sống, qua trang sức và trang phục như tóc dài, quần áo màu sắc sỡ... nghiêm nhiên trở thành một bộ lạc không phân biệt màu da. Nhạc Beatles xuất hiện, trở thành sự đam mê của tất cả thanh niên nam nữ. Nhạc học gia gọi nhạc Beatles là nhạc bộ lạc (musique tribale) vì có khả năng gọi bầy nhĩa là dễ dàng tụ họp tuổi trẻ ở mọi nơi đang cùng có chung một sở thích về ăn mặc, suy tư và nghe nhạc

Khi quân đội Mỹ đổ vào Việt Nam, họ mang theo những tiện nghi của họ như Tivi, máy hát, băng nhạc, phim ảnh... Cùng với nhạc Beatles, nhạc rock Hoa Kỳ xâm nhập Saigon. Chỉ trong một thời gian ngắn, tuổi trẻ Việt Nam thành lập những ban nhạc mang tên **CBC, The Uptight, The Hammers, The Enterprise, The Peanuts...** học đàn hát ở đĩa hát, băng nhạc ngoại quốc, rồi tới trại lính để giải trí cho quân đội Đồng Minh. Trong thể hệ ca-nhạc-sĩ thứ tư này, có những nhân tài mới như Tuấn Ngọc, Khánh Hà, Vi Vân, Cathy Huệ, Minh Xuân, Minh Phúc, Elvis Phương, Paolo... Các con tôi tự động thành lập một ban nhạc trẻ lấy tên **The Dreamers** với Duy Quang làm đầu đàn. Khi tôi được mời qua Hoa Kỳ trong ba tháng vào năm 66, tôi dành nhiều thời giờ đi mua đĩa hát và sắm nhạc cụ cho các con.

Ngoài việc đi hát tại các trại lính Hoa Kỳ ở Biên Hoà hay ở Long Bình, ban **The Dreamers** được mời tới hát tại ba phòng trà TỰ DO, RITZ, QUEEN BEE. Tôi luôn luôn cùng đi hát với các con. Được tiếp xúc với nhạc rock, tôi không ngần ngại đi vào nhạc ngữ mới mẻ này để sáng tác những bản nhạc mới trong chủ đề tình yêu hay trong chủ đề đang rất thịnh hành lúc đó là chiến tranh hoà bình. Hơn nữa tôi được các nhà phát hành băng nhạc trả tiền để soạn lời ca cho những bản nhạc Pháp Mỹ đang được giới trẻ ưa chuộng : **If You Go Away, Listen To The Music, Love Story, Bang Bang...** Thanh Lan, xuất thân từ lò ca sĩ Việt Nhi, rất thành công khi hát loại nhạc dịch này. Tuy cũng thú vị khi soạn lời ca tiếng Việt cho nhạc ngoại quốc nhưng lúc bấy giờ tôi chú trọng vào việc sáng tác hơn là việc dịch lời.

Về chủ đề Tình Yêu, tôi đã soạn **Ngàn Trùng Xa Cách** để từ giã người tình. Tôi không còn soạn tình ca đôi lứa nữa. Những bản nhạc tình, từ nay trở đi, đối với tôi, là tình ca một mình. Bài điển hình nhất là **Mùa Thu Chết**, soạn theo bài thơ **La Chanson du Mal Aimé** của Apollinaire :

*J'ai cueilli ce brin de bruyère
L'automne est morte, souviens t'en
Nous ne nous verrons plus sur terre
Odeur du temps, brin de bruyère
Et souviens toi que je t'attends...*

Bài thơ từng ám ảnh tôi hồi giữa thập niên 50 khi là sinh viên học nhạc tại Pháp, được phổ thành một ca khúc Việt Nam, mang ngữ thuật nhạc trẻ, nối lại truyền thống soạn nhạc mùa thu của các nhạc sĩ lãng mạn trước đây, lần này ở một xúc cảm cao độ nhất. Vì nó khóc một cuộc tình có thật :

*Ta ngắt đi một cụm hoa thạch thảo
Em nhớ cho : Mùa Thu đã chết rồi !*

*Mùa Thu đã chết, em nhớ cho
Mùa Thu đã chết, đã chết rồi
Em nhớ cho, đôi chúng ta
Sẽ chẳng còn nhìn nhau nữa trên cõi đời này*

*.....
Ôi ngát hương thời gian mùi thạch thảo
Em nhớ cho rằng ta vẫn chờ em !*

Bài thơ tiếng Pháp cũng giản dị như lời ca tiếng Việt, nhiều người người ưa thích vì bài **Mùa Thu Chết** được hát lên với nhịp rock của thời đại, nhất là với giọng hát sôi nổi của Julie, lúc đó là con dâu của tôi. Lối hát như gào lên của thế hệ thứ tư này khác xa lối hát ôn ền, vuốt ve hay thủ thỉ của các thế hệ ca sĩ đi trước, nhất là bây giờ được ban nhạc có âm thanh điện tử đệm theo làm cho bài hát hấp dẫn hơn. Về phần hoà âm, lối đệm đàn bass theo chuyển cung chromatique cũng tối tân hơn trước. Julie sẽ còn thành công trong những bài tôi soạn theo style nhạc rock như **Nước Mắt Mùa Thu, Thu Ca Điệu Ru Đơn, Tưởng Như Còn Người Yêu...**

Không khí của phòng trà vào cuối thập niên 60 khác hẳn thời mới xuất hiện ở Hà Nội, Huế. Lúc trước, nhạc sĩ, ca sĩ chỉ muốn tạo cho thính giả một không khí nhạc thính phòng hay nhạc café-concert. Người đi phòng trà nghe nhạc như đi vào nhà thờ hay tham dự salon littéraire. Bây giờ thì khác, nhạc phòng trà phải là nhạc rock sôi nổi. Lúc này, những bài hát của hai anh em nhạc sĩ Carpenters được mọi người ưa thích. Những bài **We've Only Just Begun, Close To You...** được các con tôi vận máy hát nghe suốt ngày. Khi soạn thêm một bài hát tình ca một mình như **Trả Lại Em Yêu**. tôi bị ám ảnh bởi âm hưởng của nhạc THE CARPENTERS :

*Trả lại em yêu khung trời Đại Học
Con đường Duy Tân cây dài bóng mát.
Buổi chiều khuôn viên mây trời xanh ngát
Vết chân trên đường vẫn chưa phai nhạt...*

Qua bài **Nghìn Trùng Xa Cách** tôi trả hết cho người yêu những kỷ vật xưa như tập thơ tình có ép xác lá khô, hoặc mớ tóc nâu mà nàng đã dùng -- tôi tưởng tượng -- chiếc dao vàng của Đoàn Phú Tứ để cắt tặng tôi một ngày sinh nhật. Bây giờ, tôi xin được trả luôn những vết chân của những ngày nào trên đường Duy Tân, qua bài **Trả Lại Em Yêu**. Tôi mượn lời của người trai phải xa người yêu đi lính để bắt toàn thể thanh niên lúc bấy giờ phải hát mỗi tình của tôi :

*Trả lại em yêu mối tình vời vời
Ngôi trường thân yêu, bạn bè cũ mới
Đường buồn anh đi bao giờ cho tới ?
Nỗi đau cao vời, nỗi đau còn dài !
Trả lại em yêu ! Trả lại em yêu !
Mây trời xanh ngát !*

Tình ca một mình là những bài hát của kỷ niệm. Kỷ niệm trên bãi cát bên bờ trùng dương như bài :

*Nha Trang ngày về
Mình tôi trên bãi khuya
Tôi đi vào thương nhớ
Tôi xây lại mộng mơ năm nào
Bờ biển sâu, hai chúng tôi gần nhau...*

Ngồi trên bãi biển để nhớ tới lớp sóng mơn man thật mềm, da ngát hương, nào ngờ sóng cuốn trôi đi lâu vàng trên bãi hoang... Bài hát soạn ra khi tôi trở lại Nha Trang sau mấy năm xa cách người thơ, ngồi trên bãi biển đông người cho tới khi chỉ còn tôi trên bãi đêm khóc người tình.

Kỷ niệm trên đồi hồng ở Dalat thì có bài **Cỏ Hồng** :

*Rước em lên đồi, cỏ hoang ngập lối
Rước em lên đồi, hẹn với bình minh*

.....

*Mời em lên núi cao thanh bình
Cỏ non phơn phớt ôm chân mình
Mời em rũ áo nơi đô thành
Cùng ta lên núi cao thanh thanh
Em ơi ! Đây con đồi dài
Như bao nhiêu mộng đời
Nghiêng nghiêng nghe mặt trời yêu đương*

.....

*Em ngoan như tình nồng
Em bao la mịt mù
Em thơm như cỏ hồng em ơi !*

Với hai bài **Nha Trang Ngày Về**, **Cỏ Hồng**, có vẻ nhạc tình cảm tính của tôi đã hơi ngả qua nhạc tình dục tính rồi. Đó là dấu vết của thời đại hơn là dấu vết cuộc tình.

Người bạn tình là một người rất yêu thơ và đã viết tới 300 bài thơ để tặng tôi. Trước khi xa nhau, nếu chúng tôi gặp nhau thì thường thường là để nói chuyện về thơ hay về nhạc, và cũng vì nàng yêu thơ cho nên nếu có những bài thơ hay của thời trước hay của thời đó là tôi phổ nhạc để tặng nàng. Bài **Tóc Mai Sợi Vắn Sợi Dài** là sự phát triển của một câu ca dao Miền Nam mà nàng đọc cho tôi nghe lúc đó :

*Tóc mai sợi vắn sợi dài
Lấy nhau chẳngặng, thương hoài ngàn năm...*

Từ đây trở đi, hoặc tôi phổ nhạc những bài thơ chết chóc của các thi sĩ Việt Nam như **Đừng Bỏ Em Một Mình** (thơ Hoài Trinh), **Chuyện Tình Buồn** (thơ Phạm Văn Bình), hoặc tôi dựa vào một câu thơ của Hàn Mặc Tử để soạn bài hát **giết người trong mộng** :

*Làm sao giết được người trong mộng
Để trả thù duyên kiếp phũ phàng...*

Nhưng vì không ai ở trên đời này có thể làm được việc đó, cho nên tôi xin :

*Làm sao giữ được người trong mộng
Để được tình yêu, dấu bể bàng...*

Cũng thuộc dòng nhạc tình chết chóc, tôi còn soạn những bài không được phổ thông lắm như **Yêu Là Chết Ở Trong Lòng**, **Nỗi Buồn Có Tên...** Và vì cũng đã có lúc hát lên những bài tình ca mùa Xuân, tình ca mùa Thu rồi, bây giờ tôi soạn tình ca mùa Hạ, trong đó, cũng giống như trong bài **Cỏ Hồng**, dục tính có nhiều hơn. Mùa Hạ là mùa hoa phượng. Vào lúc trời đất ấm áp nhưng lòng mình giá lạnh, tôi soạn **Phượng Yêu** là để kể lại cuộc tình vừa qua :

*Yêu người như lá đổ chiều đông
Như mây hồng chưa tím
Như con chim khóc trong lồng*

*Như cơn giông đêm hè
Tình ta nước nở canh khuya...*

Tôi muốn yêu người như dòng suối cuộn cuộn không ngưng tỏ tình với rừng sâu, như con tàu mê say gió trùng dương, như con giun ngược lên trời để yêu trăng sao vời vọi... Tôi cho rằng được yêu người rồi nếu ngày mai phải chết, tôi cũng xin vui lòng nhắm mắt ! Và phải theo bước chân người như ma quái đi theo yêu tình tình nữ (2) tới cuối chân trời :

*Yêu người, yêu có một lần thôi
Xin yêu, dù gian dối, xin yêu tôi, dấu nghi ngờ
Khi bơ vơ còn nhiều thì đâu chối bỏ tình yêu ?*

Hiện tượng phòng trà và các quán cà phê của sinh viên và sự du nhập của nhạc rock vào Việt Nam khiến cho âm nhạc ở miền Nam phát triển trên cả hai phương diện sáng tác và ca diễn. Thêm vào đó là việc ấn hành bản nhạc và sản xuất băng nhạc làm cho âm nhạc được dễ dàng phổ biến tới ngang cùng ngõ hẻm, từ thành thị tới thôn quê. Rồi còn có thêm Đài Truyền Hình tiếp tay cho Đài Truyền Thanh trong việc giới thiệu sáng tác mới, ca sĩ mới. Theo Ngọc Chánh, người ấn hành nhạc bản và sản xuất băng nhạc thành công nhất Sài-gon, một bài hát nào mà dân chúng thích có thể được in ra không dưới 10.000 bản. Chương trình băng nhạc ngon lành có thể bán được 8.000 tapes reel-to-reel, 15.000 cassettes. Những người mua băng lớn lại dùng nó làm băng chính để sang qua tape hay cassette bán cho dân chúng, cho nên số băng nhạc tiêu thụ tăng lên gấp bội.

Đời sống của tôi trở nên phong lưu hơn trước. Hầu hết nhạc phẩm của tôi được cơ sở SHOTGUNS in ra và thu băng. Nhưng tôi cần phải tâm sự với bạn đọc là, trong suốt hai mươi năm đứng ở đầu sóng ngọn gió của làng nhạc miền Nam, soạn ra nhiều loại ca nhưng nhạc yêu nước (!), nhạc chiến đấu (! !), nhạc xây dựng (! ! !) chẳng đem lại cho tôi số tác quyền nào đáng kể. Chỉ có loại nhạc tình hay nhạc ngoại quốc lời Việt mới giúp tôi có nhiều tiền tác giả. Có dịp ngồi soạn lại gia tài âm nhạc để tặng các con, mới thấy mình soạn quá nhiều lời Việt cho những bản nhạc ngoại quốc. Có tới hàng trăm bài ! Lời Việt của nhạc Âu Mỹ mới mẻ hơn lời nhạc Việt thuần túy của tôi nhiều ! Và có ảnh hưởng lớn trong dân chúng. Có lẽ nên in ra cuốn NGÀN L-I CA KHÁC chẳng ?

Khởi sự từ nhạc cổ điển rất lãng mạn : **Dòng Sông Xanh** (Danube Bleu), **Sầu** (Chopin), **Chiều Tà** (Toselli), **Dạ Khúc** (Schubert) v.v... qua nhạc khiêu vũ ê chề : **Vũ Nữ Thân Gầy** (La Cumparsita), **Tango Xanh** (Tango Bleu)... tới nhạc trong phim thể thiết : **Chuyện Tình** (Love Story), **Hồi Người Tình Lara** (Dr Jivago)... Với nhạc tối tân hơn là new wave, disco... tôi cũng soạn lời Việt ngộ ngộ (cho Thái Thảo hát) ví dụ **Leo Lên Xe Đây** (Jump In My Car), **Hồi Cô Bé** (Hi Girl)... Kể cả bài ca phản ánh đời sống mệt mỏi ở Mỹ : **Thứ Hai Chán Chường** (Manic Monday), **Sau Ngày Cuối Tuần** (I've Done It)... Lời ca bài **Emmanuelle** còn rất bạo :

*Cánh tay nào khát khao nồng cháy hơn là Emmanuelle ?
Dục tình nào lửa đốt làn môi ?
Đắm say nào bốc lên từ vú căng tròn Emmanuelle ?
Vùi đầu vào làn tóc nồng thơm...*

Nhạc cổ điển Tây Phương với lời Việt làm nên một phần sự nghiệp Thái Thanh. Nhạc rock với lời Việt : **Cuộc Tình Tàn** (Je Sais), **Hè 42** (Summer '42), **Hai Khía Cạnh Cuộc Đời** (Both Sides Now), **Himalaya**... giúp cho Elvis Phương, Paolo, Vy Ván, Duy Quang, Julie... được thính giả Việt Nam yêu hơn, vì hiểu rõ ý nghĩa bài ca. Những bài nhạc Pháp **Bang Bang**, **Chèvrefeuille Que Tu Es Loin**, **Dans Le Soleil**

Et Dans Le Vent... khi trở thành **Khi Xưa Ta Bé, Ôi Giàn Thiên Lý Đã Xa, Trong Nắng Trong Gió...** đã làm nên phần nào sự nghiệp Thanh Lan, cô bé ca sĩ rất trí thức từng có chút kỷ niệm đẹp với tôi khi cùng đi Tokyo dự thi âm nhạc quốc tế.

Tiền tác quyền để dành -- phần lớn do việc soạn lời Việt cho nhạc Âu Mỹ cộng với tác quyền nhiều bản nhạc tình -- và tiền bán hai căn nhà cũ cho phép vợ chồng tôi mua một miếng đất khá lớn cũng trong ngõ Chu Mạnh Trinh, Phú Nhuận. Tôi vay thêm tiền để xây một ngôi nhà ngói nhỏ, thuê người trồng cỏ, đào một hồ nước có núi non bộ. Tôi còn lái xe đi lấy những tảng đá ở Định Quán đem về đặt trong khu vườn có thảm cỏ xanh biếc, có bụi trúc lưa thưa, có hàng chuối la đa, có cây dừa cao lớn này. Từ đó, tôi được sống cảnh thiên nhiên tôi ao ước từ lâu, sáng ra ngoài hiên nghe tiếng chim hót, tối nằm võng nghe tiếng ếch kêu... Tại đây, sau bài **Đốt Lá Trên Sân...** với sự cộng tác của một sinh viên (quên tên) tôi soạn một bài thuộc loại mới tôi gọi là dã ca (pastorale) :

*Hầy hồ hầy hô hấy hổ ! Ta đi qua cầu này
Nhịp cầu tre soi nước soáy, ta nghe ta lạnh đầy.
Hầy hồ hầy hô hấy hổ ! Ta đi ra vườn ngoài
Đạt dào dăm ba gốc chuối, cây không cao buồng dài...*

Có vườn rộng rồi, tôi nuôi hai con chó. Một con thuộc loại bull, mặt nhăn nhoeo rất dễ thương. Con berger tên SABA to lớn nhưng hiền lành, ít sữa và chắc cũng chẳng bao giờ cắn ai đâu ! Người ta nói súc vật nuôi trong nhà thường giống tính chủ.

Rồi tôi bỏ nước ra đi. Các con tôi biến nhà vườn thành nơi nuôi lợn. Trong bức thư vào giữa năm 75, chúng cho tôi biết con SABA nhớ chủ rồi bỏ ăn mà chết. Sau khi các con tôi vượt biên, nhà tôi trở thành dinh thự của một anh Công An. Gần đây, có người về thăm Phú Nhuận, xin phép vào chụp hình căn nhà xưa rồi gửi cho tôi coi. Tôi coi hình rồi khóc !

(1) Những quán nhạc Saigon bây giờ có cháu đích tôn là QUÁN NHỚ do sinh viên Việt Kiều mở ra tại UCLA (Los Angeles). MÙA THU CHẾT...

(2) tên một bài hát của tôi, cũng soạn trong giai đoạn này.

Sức mảy mà buồn niềm vui ở ta đến.
Sức mảy mà buồn phải vui để sống còn...
SỨC MẢY MÀ BUỒN

Chương Mười Chín

Trong suốt một đời, tôi chỉ muốn được nói thật nhiều về đất nước và con người Việt Nam. Khi thì nói với ngôn ngữ ngợi ca và tả thực hay hiện thực như trong **nhạc kháng chiến**. Khi thì nói một cách trừu tượng, siêu hình với **trường ca**. **Tâm ca** thì dùng hẳn trực ngôn và khi thấy nói như vậy mà chưa thấy đủ thì có **tâm phần ca** đi theo...

Nhưng nếu những bài ca kháng chiến mang ngôn ngữ của cả bình dân (nhất là nông dân) lẫn trí thức thì những loại ca sau đó như **trường ca**, **tâm ca**, **tâm phần ca** nhắm vào giới có học nghĩa là thanh niên, sinh viên thị thành. Tôi lại còn nhận thấy

trường ca, tâm ca đứng đắn quá, nói cách khác, nó cũng có thể là bài ca đạo đức giả hay mỉa dân, là điều tôi sợ nhất trong đời ! Tôi bèn phá tung những huyền thoại đó bằng cách xuống vỉa hè.

Ngôn ngữ vỉa hè Saigon lúc đó là gì ? Là **Sức mấy mà buồn, Bỏ đi Tám, Ô Kê Salem...** Cũng chẳng cứ gì anh phu xe, chị bán hàng rong, chú bé đánh giày, người lính Cộng Hoà -- **lính mà em** -- mới chế ra những danh từ của thời đại. Ngay Tổng Thống, Phó Tổng Thống, Tướng, Tá, nhà văn, nhà thơ... ai cũng đều nói : **sức mấy, sức voi, ô kê, chịu chơi, Tết Congo...** Do đó tôi cũng cởi áo trang nghiêm để khoác áo bình dân. Tôi soạn vỉa hè ca số 1, **Sức Mấy Mà Buồn** :

Sức mấy mà buồn ! Buồn Giao Chỉ không lớn !

Sức mấy mà buồn ! Chịu chơi cả với buồn...

... với mục đích dùng ngôn ngữ của vỉa hè thành phố Saigon để nói những gì tôi đã nói qua tâm ca. Theo tôi, tinh thần **sức mấy** là một cái gì rất Việt Nam. Đó là phản ứng muôn đời của người mình trước định mệnh. Nó là niềm tự tin, sự coi thường khó khăn. **Sức Mấy Mà Buồn**, trong thực tế nói triết lý đó lên một cách rất bình thường, không dung tục hoá hay cường điệu hóa chút nào cả ! Vỉa hè ca này nói cái gì ? Nó nói trong ái tình :

Tôi buồn vì nó đã bỏ tôi !

Tôi buồn vì nó đã đi rồi !

Tôi buồn nhưng nó vẫn thanh thoi

Tôi buồn một lúc sẽ tức cười !

Ơ ! Sức mấy mà buồn...

Đối với những cái buồn viễn vông như :

Tôi buồn vì tích hát, chuyện phim.

Tôi buồn vì những cái hảo huyền.

Tôi buồn không có cơ là (tôi) điên.

Không buồn lại rước lấy cái phiền !

Hơ ! Sức mấy mà buồn...

Còn cái buồn lớn của người Việt Nam hiện nay là gì ? Là chiến tranh phải không ? Cho nên :

Tôi buồn vì đám đá mọi nơi.

Tôi buồn vì chém giết tơi bời.

Tôi buồn vì đất nước tả tơi...

Vỉa hè ca bèn mượn lời của nhà văn Vũ Trọng Phụng :

Biết rồi ! Khổ lắm ! Cứ nói hoài !

Cái tinh thần **sức mấy** đã có sẵn trong người Việt Nam cho nên tác giả chỉ kết luận dùm :

Không buồn thì đã có làm sao ?

Không buồn là sẽ hết đau đầu !

Không buồn đi đấu hót cùng nhau.

Yêu đời bằng bất cứ giá nào !

Và câu nói cuối cùng của tác giả là gì ? Là :

Sức mấy mà buồn, cười lên để tranh đấu !

Sức mấy mà buồn vượt ra khỏi cái sầu !

*Sức mảy mà buồn niềm vui ở ta đến.
Sức mảy mà buồn phải vui để sống còn !*

Lúc tôi soạn **vĩa hề ca** là lúc quân đội ngoại quốc đổ bộ ào ạt vào Việt Nam, trước sự xâm nhập của nền văn minh vật chất, một số người mình quả thực có chạy theo lối sống Âu Mỹ ! Sự ham muốn những gì quá tầm tay của mình, chẳng hạn già như tôi mà còn mê gái sẽ bị gái nguýt cho một cái "*Xí ! Già mà ham*" ! Trong xã hội Việt Nam hồi đó, nếu ta ngăn được cái lối *nghèo mà ham* ở mọi địa hạt, ta sẽ tránh được cảnh *ô kê salem* rất lem nhem đó. Tôi soạn bài **Nghèo Mà Không Ham** với mục đích này :

*Nghèo mình nghèo mà mình không ham
Xin cô em đừng nên quá đáng
Nghèo mình nghèo mà mình không ham
Xin anh Hai đừng nên lảng cháng
Chớ khoe giàu là chớ có khoe giàu
Chớ khoe sang là chớ có khoe sang
Nghèo mình nghèo mà mình không ham
Xin bà con đừng nên vội mừng...*

*.....
Nghèo mình nghèo là nghèo cho vui
Không lên voi mình không xuống chó
Nghèo mình nghèo của mình không to
Tuy không "beau" mình không xí quá (1)
Sống cho đẹp là mình sống cho đẹp
Chết cho oai là mình chết cho oai
Nghèo mình nghèo là nghèo chơi chơi
Chưa thực ai thực ai là nghèo...*

Bây giờ mới có dịp để nhìn kỹ vào **vĩa hề ca**. Té ra nó là **luân lý ca** !!!

Hai bài ca vui đùa này được in ra và bán rất chạy. Nhưng lập tức có sự phê bình gay gắt đến từ nhiều phía. Tôi định soạn thêm bài **Ô Kê Salem, Ô Kê Nước Mắm** thì cụt hứng ! Nhưng trong thâm tâm, tôi vẫn chưa chịu thua...

Rồi tôi phản ứng lại bằng cách soạn những bài ngỗ nghịch hơn **vĩa hề ca**. Và phải có qui mô hơn. Đó là mười bài tục ca, bài thì tục về chữ, bài thì tục về ý, bài thì tục về chuyện. Bài đầu tiên là sự phát triển của câu ca dao mà ai cũng thích :

*Em như cục cứt trôi sông
Anh như con chó ngồi trông trên bờ...*

Tôi cũng thích nó và bịa thêm lời mới :

*Em đừng nói vậy em khờ
Ba em hồi đó cũng chờ như anh...*

Tôi soạn thêm một vế bốn câu hát nữa để thành bài tục ca nhan đề **Hát Đối** :

*Nam : Anh như con đực chạy rông
Còn em như con mèo cái, chống mông em gào...
Nữ : Anh đừng nói chuyện tào lao
Má anh hồi trước... cũng ồm ào như em...*

Tục ca số 2 thì lấy cảm hứng ở một câu thơ rất lãng mạn của nữ thi sĩ thời tiền chiến, T.T.KH :

*Người ấy thường hay vuốt tóc tôi
Thở dài những lúc thấy tôi vui.
Bảo rằng hoa đáng như tim vỡ
Anh sợ tình ta cũng vỡ thôi...*

Câu thơ buồn này dù sao cũng có thể được coi như một mối tình thơm tho vì có mùi hương của những bông hoa hình con tim vỡ. Tục ca của tôi, khởi đi từ câu thơ đó thì lại mang tên là **Tình Hôi**... hát theo nhịp **american blues** :

*Người ấy thường hay đến gặp tôi
Thở dài, thở dài khi thấy... nách tôi hôi
Nói rằng : Sao nách anh hôi thế ?
Mỗi lần ngủi thấy chết đi thôi..*

*Mỗi lần ngủi thấy chết đi thôi
Nhưng chót yêu anh, em ráng chịu cho rồi
Vả chẳng em vẫn thường hay nói :
Tè mình đôi lúc cũng... hôi hôi...*

Tục Ca số 3 là bài thơ của Bùi Giáng, **Gái Lội Qua Khe**, nói tới chuyện một cô con gái bị ướt đầm thân thể sau khi lội qua con suối rừng và phải cởi quần áo ra để vắt cho khô. Thi sĩ trông thấy thế thì nhắm mắt lại, không nhìn cô gái loã thể. Nhưng có cái khăn thường quần trên đầu để khăn vái tổ tiên thì thi sĩ vui lòng cho cô gái mượn để lau... lau bất cứ chỗ nào, tùy ý ! Thi sĩ nhắm mắt không nhìn cô gái lau tay chân, lau mình mẩy nhưng tổ tiên ở dưới mồ thì thức dậy và khuyên cô gái cứ việc tự nhiên tùy nghi sử dụng cái khăn vẫn thường dùng để khăn vái tổ tiên.

Tục ca số 4 là truyện tiểu lâm **Úm Ba La ! Ba Ta Cùng Khởi !** do bố tôi là Thọ An, Phạm Duy Tồn viết và cho in ra trong tập Truyện Tiểu Lâm An Nam xuất bản vào hồi đầu thế kỷ. Đây là câu truyện hai vợ chồng nhà kia, vì thòm thèm chuyện tình mà bị khó khăn. Vợ thì nhét củ từ vào chỗ ấy. Chồng về định tòm tèm thì vợ khai ồm, bèn nghịch ngợm với con chó cái, ai ngờ dính luôn, lôi chẳng ra. Rồi cả hai leo lên giường, nói là bị bệnh. Người nhà hoảng sợ vội đi mời ông thầy cúng tới. Ai ngờ ông này cũng bị dính luôn :

*Thầy bùa tuy ra cúng
Úm ba la ! Úm ba la !
Mà lòng còn tưởng hoài.
Nậm rượu thờ, đem xuống
Úm ba la ! Úm ba la !
Thầy luôn vào của ... thầy !*

Nậm rượu mắc ngãng, muốn lôi ra chẳng được, thầy bùa như chết cứng, đứng giữa sân khư khư ôm nậm rượu. Chị vợ trông thấy phì cười và phọt củ từ ra ! Tưởng là miếng thịt, con chó cái nhảy vọt ra tìm cục mồi. Thầy bùa nghi chó cắn, hoảng sợ chạy, nậm rượu đập vào bàn, vỡ tan tành ! Thế là cả ba thoát nạn. Thầy bùa bèn niệm chú : **Úm ba la ! Ba ta cùng khởi !**

Như đã nói, trong thời gian tôi đi học nhạc ở Pháp, tôi rất yêu thi sĩ kiêm nhạc sĩ và ca sĩ Georges Brassens. Anh này soạn những bài hát rất tục, rất sắc bén... nói thẳng

vào xã hội nước Pháp, nhưng bao giờ cũng nói với tâm hồn của một thi nhân. Trong số những bài được gọi là **chansons grossières** của ông, tôi thích bài **Gare Au Gorille** nhất. Tôi dịch nguyên văn bài này để thành ra tục ca số 5, nhan đề **Khi Đột** :

*Đàn bà rủ nhau ra gánh xiếc xem
Một con khỉ đột đứng im trong chuồng,
Lớn to như người, chẳng chi là kém !
Bà này bà kia mắt liếc mắt lia
Nhìn đi nhìn lại cái nơi đen xì,
Vốn tên tục tằn, mẹ tôi cấm nghe...*

Một hôm con khỉ đột thoát ra khỏi chuồng và vui mừng vì phen này sẽ được mất tâng. Dù nữ lưu trong vùng xưa rầy vẫn phục khỉ đột là hay hơn người nhưng bây giờ họ chạy đâu mất tung. Trừ ra một bà cụ và một ông Quan Toà...

*Khỉ đột nhìn quanh không thấy gái tơ
Bèn đi đứng đỉnh tới nơi ông Toà,
Tới nơi bà già, khỉ toe toét ra...*

Bà già cho rằng ta đã 60 mà con khỉ đột có ưa biết mùi thì cái duyên may này, thật không ngờ tới ! Ông quan Toà thì yên chí :

*Làm sao khỉ đột dám nghi ta là khỉ non trắng da ?
Nào ngờ khỉ ta tuy có tiếng tằm
Là tay khoẻ mạnh, vốn tay dâm thân,
Khỉ ta khờ lắm !
Phải chọn bà kia cho đúng lẽ ra
Ngờ đâu khỉ đột nắm tai ông Toà
Cùng ra chiến khu...*

Câu chuyện kết thúc với hình ảnh con khỉ đột hiếp dâm ông Toà ở khu rừng lá. Ông Quan bủ lu bù loa khóc, giống như anh tù nhân mà ông vừa kết án tử hình hôm qua...

Vào những năm đầu của thập niên 70, tại Saigon có phong trào sửa sắc đẹp. Tôi soạn bài tục ca nhan đề **Mạo Hoá** để phản ánh xã hội thời đó :

*Tôi có người yêu, cái đít to như Thẩm Thúy Hằng
Cái đít nhìn qua đã khiến cho ta phải ngỡ ngàng
Vừa to vừa lớn ! Như những mặt Vua
Mặt ông Tổng Thống, cũng phải thua...*

Nhưng có ngờ đâu mộng của em được bơm nhựa, mỗi khi em bị cúm, tiêm thuốc vào mộng em thì gãy cả kim của anh thầy chích. Luận lý của bài này là : Mông giả, vú giả, răng giả, tóc giả... cái gì của em cũng giả, thì anh phải đi Đức Quốc mua một cái giả cho hợp **marque** với em !

Tục ca số 7 **Nhìn L...** là một chuyện có thật, xảy ra hồi tôi còn bé và sống ở tại một tỉnh nhỏ ngoài Bắc Việt. Một lũ ranh con thích rủ nhau đi nhòm phụ nữ tại cầu tiêu công cộng. Ai ngờ một hôm nhòm đúng cái đó của bà mẹ một thằng trong bọn. Từ đó :

*Lũ ranh con tò mò tọc mạch
Cùng nói với nhau :
Xin chừa ! Xin chừa !*

Tục ca số 8 nhan đề **Em Đ...** thì tục quá là tục, tôi không dám kể ra đây ! Ngoài tính chất châm biếm xã hội, tục ca còn là bài hát chính trị nữa. Tục ca số 9 **Chửi Đồng** và tục ca số 10 **Cầm C...** phản ánh sự công phần tội lỗi của tôi vào giai đoạn 1968-72, trong đó có Tết Mậu Thân, mùa Hè đỏ lửa, xã hội Việt Nam bị băng hoại vì đồng tiền và chiến tranh, tham nhũng trong chính quyền và cái Hội Nghị dăm ba thành phần gì đó ở Paris mà tôi cho là *sự dối chác của lũ bip* (marché de dupes). Bài **Cầm C...** còn biểu dương mạnh mẽ tinh thần độc lập, nhất định không **cầm cò** cho phe nào cả ! (2)

Hai vị viết sách, viết báo về tôi là Tạ Tỵ và Georges Gauthier đều cho rằng cái vui, cái tếu không phải là chất liệu Phạm Duy, cho nên tục ca không thành công. Chưa kể có người chê tôi đi tới chỗ nhằm nhí trong nghệ thuật. Tôi cũng hiểu được vì sao có những người chống đối tục ca dù họ không biết cặn kẽ nội dung của nó. Tôi không hề tung tục ca ra quần chúng. Tôi chỉ tặng vài người bạn thân một băng cassette ghi lại buổi hát chơi ở Vũng Tàu và còn dặn dò đừng phổ biến !

Tôi soạn vỉa hè ca và tục ca trước và sau khi đi Mỹ. Lúc đó, sự có mặt của người Mỹ tại nước ta là một điều rất trầm trọng, mọi người đều sợ bị ngoại xâm văn hoá. Người ta không thích Cộng Sản, nhưng người ta cũng không thích văn hoá Mỹ, nhất là không muốn lối sống Mỹ xâm nhập vào Việt Nam. Khi thấy tôi được mời đi Mỹ theo Chương Trình Trao Đổi Văn Hoá, nếu nói một cách nhẹ, người ta nghĩ rằng tôi có một thứ **compromis** nào đó với Mỹ rồi. Nếu nói thâm độc hơn, ai được Mỹ mời mọc, người đó phải là tay sai của Mỹ. Ở Hà Nội mà được đi Liên Xô thì phải có liên hệ chặt chẽ ra sao chứ ? Bây giờ, tôi đi Mỹ về, muốn chỉ trích tôi cũng không tìm được cái gì cụ thể để tấn công. Khi biết tôi soạn tục ca (chứ không hề được nghe tôi hát tục ca) thì người ta có cái họ cho là sở đoản để tấn công. Cũng có thể đây chỉ là hành động của những người ghen ghét về nghề nghiệp, chưa chắc đã là do nơi những người làm chính trị *chống Mỹ cứu nước*.

Sau hai mươi năm, bình tĩnh nhìn lại thời thế, phải công nhận một điều : người nào sống trong xã hội Việt Nam liên tục từ 1954 thì cho tới 1968-70 -- là lúc tôi soạn những bài ca nổi giận như tâm phần ca, vỉa hè ca, tục ca -- họ cũng phải nổi giận như tôi ! Người dân miền Nam đã chờ đợi, chịu đựng suốt từ thời ông Diệm cho tới biến cố 11-63, rồi chịu đựng thêm một năm 64 để hi vọng có một cuộc Cách Mạng thực sự. Người ta còn cố chịu đựng để cho Mỹ vào Việt Nam giải quyết chiến tranh, giải quyết nổi loạn. Đúng là một chuỗi dài chấp nhận hi sinh trong hi vọng có một chiều hướng tiến bộ nào đó làm đẹp cho quốc gia. Đến lúc đó, 1970, sự chờ đợi đã lâu quá rồi ! Hết sự thất bại này đưa tới lời hứa hẹn và khuyến nhủ chờ đợi thêm, tới sự thất bại khác với lời hứa hẹn khác. Đến lúc sự chết chóc, đổ vỡ cứ tiếp diễn, cuộc chiến cứ đi sâu và mang tính chất hoàn cầu, hoàn cảnh đất nước trở nên quá lớn lao, không rút chân ra được thì người ta càng thấy bị trói buộc. Sự thất bại, chua cay không nằm trên bình diện lý luận hay quan sát nữa. Nó đi vào tiềm thức mất rồi ! Sự phản ứng bây giờ không phải là phân tích tình hình bằng **bon sens** hay bằng cách ngồi lại với nhau, giải thích với nhau. Ai cũng bị bó tay, bó chân trong cơn bão rồi. Tất cả những áp lực cùng tới mà mình phản ứng không khéo thì có hại cho bản thân. Và mọi người bèn nổi giận. Sự nổi giận lúc đó là gì ? Là phải văng tục ra chứ còn là gì nữa ?

Về phương diện dân tộc học, xưa kia, trong nền văn minh dân gian, mỗi năm có một ngày lễ hèm để người ta tới đó làm chuyện gọi là bậy bạ, văng tục, chửi thề để giải toả ản ức. Nền văn minh của người Việt miền Nam vào những năm cuối của thập

niên 60 bắt con người phải văng tục vào nền văn minh cơ khí, nền văn minh chiến tranh, nền văn minh tiêu thụ, nền văn minh hippy đang hiện diện ở mảnh đất này. Trong khi thế giới rêu rao rằng nền văn minh hippy là cao siêu nhất, tổng hợp được Đông Phương và Tây Phương thì bây giờ người Việt thấy những cái gọi là **Hành Trình Về Đông Phương, Câu Chuyện Một Dòng Sông**, những gì ngỡ là cao siêu nhất hoá ra chỉ là không tưởng.

Ngay cả Phật Giáo đang lên, tưởng rằng có thể đem lại đường lối tốt đẹp nhất để cho Miền Nam ra khỏi ngõ bí, lại dường như góp phần vào bế tắc chung. Nói gì đến sự thất vọng đối với văn minh Thiên Chúa Giáo lúc đó nữa ? Nhân Vị, Duy Linh là đồ chơi của một số người. Rồi khi có một nền văn minh gọi là chống lại Duy Vật chủ nghĩa thì hoá ra nó lại là một thứ Siêu Duy Vật chủ nghĩa khác ! Còn người Cộng Sản thì nói là giải phóng, nhưng rõ ràng là họ đưa Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam ra để lợi dụng. Người trong cuộc thì biết mình chỉ là nạn nhân, không ăn thua gì vào cái sự giải phóng đó !

Ai cũng biết là dù chúng ta có ngồi lại với nhau, nói chuyện với nhau một cách xây dựng và có thiện chí nhất, có cởi mở hoàn toàn thì cũng không đi đến đâu hết. Mọi sự đã hoàn toàn ra khỏi tầm tay của người Việt, nạn nhân của một thời đại trong đó thế giới đang ở điểm cao nhất của một cuộc chiến tranh lạnh !

Đó cũng là cao điểm tột bậc của cuộc chiến tranh lạnh vì ngay sau đó, người ta đã phải giải quyết bằng sự rút quân. Mình là cái gì mà có thể bình tĩnh để ra khỏi cái mâu thuẫn mà mình là nạn nhân ba bốn đời đó được ? Chỉ có thể phản ứng bằng tiếng hát. Tiếng hát thở than hay tiếng hát chửi rửa cũng đều là tiếng hát phản kháng. Trong phạm trù ấy, âm nhạc ở miền Nam đã diễn tả rõ ràng sự nổi giận của tất cả mọi người qua nhiều bài hát

Phản kháng của tôi là sự kéo dài từ **tâm ca, tâm phần ca** qua **vĩa hè ca, tục ca**. Phản kháng của anh em trong các nhóm du ca là bài hát của Nguyễn Đức Quang : *Xương sống tôi đã oằn xuống, triều mưu toan cứ đè lên...* Phản kháng của Phạm Thế Mỹ là *thương quá Việt Nam*, của Tôn Thất Lập là *đứng dậy hát cho đồng bào tôi*, của Miên Đức Thắng là *hát từ đồng hoang...* Và của Trịnh Công Sơn là : *Bao năm máu như sóng trôi thành nguồn, máu đã khô trên ruộng đồng, máu âm u trong rừng rậm, từng dòng máu che mặt trời soi quanh đời u tối...* Người nói mạnh nhất là Giang Châu :

*Tuổi trẻ chúng tôi
Đã bao nhiêu năm lần lượt đi lên giàn lửa thiêu
Kiếp sống lang thang như mây chiều
Vì đâu xương máu ngát núi
Trên quê hương giấy đầy hận thù...
Sao chúng tôi không có quyền lên tiếng nói
Sao chúng tôi phải gục đầu và hi sinh cho ngoại quyền
Cho chủ nghĩa, cho danh từ rỗng không ?*

Hai mươi năm Việt Nam -- từ 1954 tới 1975 -- là sự đấu tranh không ngưng nghỉ giữa người Việt hai miền. Tại miền Bắc với một nền văn nghệ chính ủy, âm nhạc hoàn toàn phải phục vụ tuyên truyền, đồ ai tìm được một bài hát tình yêu hay phản kháng. — miền Nam, may thay, người nghệ sĩ được nói lên đầy đủ *hai khía cạnh của cuộc đời* (tôi sực nhớ tới bài hát rất được phổ biến hồi đó là **Both Sides Now** của

Judy Collins, người tình một thời của anh bạn Steve Addiss) nghĩa là nói lên được đầy đủ cái tốt cái xấu, cái thực cái giả, cái buồn cái vui... âu cũng là một liều thuốc an ủi cuộc đời. Sau thời huy hoàng của nhạc kháng chiến, tới thời tương đối hoà bình nên có nhạc tình yêu rồi cũng phải có nhạc nổi giận trước hoàn cảnh ngả nghiêng của đất nước chứ !

(1) Đã le lói cái phong cách của tục ca rồi đó !

(2) Quý bạn có thể đọc toàn thể lời Tục Ca trong cuốn NGÀN LỜI CA.

Tình yêu như trái phá con tim mù loà...

TÌNH SÂU - Trịnh Công Sơn

Chương Hai Mươi

Đầu thập niên 70 là lúc Nhạc Việt, trong phạm vi ca khúc, phát triển đến tốt độ. Có sự thành công của những bài hát thông thường và chỉ được coi là nhạc thương phẩm -- mệnh danh là nhạc vàng -- với những tình cảm dễ dãi phù hợp với **tuổi choai choai**, với **em gái hậu phương** và **lính đa tình**, tuy không được coi trọng nhưng lại rất cần thiết cho vài tầng lớp xã hội trong thời chiến. Rồi có **phong trào du ca** và **tâm ca** với những bài hát phi-thương-mại, đi kèm với **tình ca quê hương** và **trường ca**, nói lên được phần nào tâm thức của thời đại và được thanh niên sinh viên công nhận.

Trong phạm vi giải trí, phòng trà trở thành cái một của mọi người : thương gia, công chức, tư chức, quân nhân, thương phế binh và cả các bà nội trợ nữa... ai ai cũng thích đi nghe nhạc và giúp cho ca sĩ chuyên nghiệp, nhạc sĩ sáng tác, nhạc công đánh đàn thăng tiến trong nghề mình. Cánh tay nối dài của phòng trà là quán cà phê có nghe nhạc, thu hút đông đảo sinh viên, học sinh. Nhạc trẻ ra đời, đem lại cho nhạc Việt một số bài hát mới, sôi nổi, đậm sắc hơn trước. Một rừng nhân tài trẻ trung xuất hiện qua những ban nhạc bốn người (gọi là combo), sử dụng nhạc khí điện tử với âm thanh mới lạ.

Mười năm trước, ở trong nước chỉ có ba nhà sản xuất đĩa hát. Bây giờ, rất nhiều người -- từ Ngọc Chánh (SHOTGUNS) qua Duy Khánh (TRƯỜNG SƠN) tới những người của các hãng khác (NHÃ CA, HOÀ MI, SƠN CA, SÓNG NHẠC)... làm nghề sản xuất băng nhạc, mỗi tháng tung ra những chương trình nhạc rất hấp dẫn, kể cả cổ nhạc lẫn tân nhạc, nhạc trẻ lẫn nhạc già (nhạc tiền chiến). Hàng trăm, hàng ngàn (hàng vạn, nếu kể cả Saigon và các tỉnh) cửa hàng sang băng, càng làm cho băng nhạc phát triển dữ dội.

Trong bối cảnh sinh động như vậy, phần chính yếu là sáng tác phẩm phải rất phong phú. Vào lúc này, ngoài những người đi trước như Vũ Thành, Cung Tiến, Phạm Đình

Chương, Lâm Tuyền, Hoàng Trọng, Văn Phụng, Văn Giảng, Ngọc Bích, Hoàng Thi Thơ, Trần Ngọc, Y Vân, Lê Dinh, Anh Bằng, Trúc Phương, Duy Khánh, Trần Thiện Thanh tức Nhật Trường, Lam Phương, Đỗ Lễ, Phạm Thế Mỹ... đã xuất hiện một số người mới như Thanh Trang, Trầm Tử Thiêng, Anh Việt Thu, Lê Uyên Phương, Ngô Thụy Miên, Từ Công Phụng, Vũ Thành An, Nguyễn Ánh 9, Lê Hựu Hà, Nguyễn Trung Cang...

Tân Nhạc đã có tới bốn đời nhạc sĩ và có hàng trăm, hàng ngàn ca khúc được soạn ra và hát lên. Trong Hồi Ký này, tôi chỉ nhắc tới những người đánh dấu thời đại một cách sâu đậm bằng tác phẩm của mình.

Người nổi nhất là Trịnh Công Sơn. Trước tiên, người ta biết tới anh nhờ Quán VẪN. Quán do nhóm sinh viên mang tên KHAI HOÁ chủ trương. Nhóm này đã làm nhà xuất bản (QUẢNG HOÁ) rồi khi phong trào phòng trà thịnh hành, nhóm mở quán cà phê ở ngay trung tâm Saigon, trên nền Khám Lớn cũ trong khu Đại Học Văn Khoa, sinh viên tới uống cà phê nghe băng nhạc và nghe Khánh Ly hát.

Bài hát của Trịnh Công Sơn được nghe tại quán VẪN lúc đầu là **Lời Buồn Thánh**. Cũng như nhạc Đặng Thế Phong, bài hát tân lãng mạn (néo-romantique) này nói về nỗi buồn. Bài **Lời Buồn Thánh** thật là buồn, như bài hát buồn làm cho người Âu Châu phải tự tử là **Chủ Nhật Buồn** tôi đã nói tới trong một chương sách. Trong bài hát của mình, họ Trịnh cũng nói tới ngày chủ nhật buồn :

*Chiều chủ nhật buồn
Nằm trong căn gác dịu hiu
Ôi tiếng hát xanh xao của một buổi chiều
Trời mưa, trời mưa không dứt
Ồ hay mình vẫn cô liêu...*

Thoạt nghe đã thấy ngay là tiếng hát đau đớn, thấy mưa ảm đạm trong lòng (như thơ Verlaine), thấy sự cô đơn, hoang vắng. Sinh ra ở Ban Mê Thuột, sống ở Huế, mưa ảm ảnh Trịnh Công Sơn rất nhiều cho nên cũng vẫn là nỗi buồn của ngày chủ nhật mùa mưa trong bài **Tuổi Đá Buồn** :

*Trời còn làm mưa, mưa rơi mênh mang
Từng ngón tay buồn em mang em mang
Đi về giáo đường, ngày chủ nhật buồn...*

Nhạc Trịnh Công Sơn là nhạc nói về QUÊ HƯƠNG, TÌNH YÊU, và THÂN PHẬN CON NGƯỜI. Hãy nói về tình khúc Trịnh Công Sơn, nói về thân phận Người Tình trong giai đoạn quê hương đổ nát này...

... Từ khi Tân Nhạc Việt Nam ra đời đầu thập niên 40, đã có những tình khúc của Lê Thương, Lê Yên, Hoàng Giác, Dzoãn Mẫn... Lúc đó là thời bình, khi tình còn xanh và yêu chưa lo sợ. Ngôn ngữ tình yêu thật là bình dị, đối tượng là cô hái mơ, cô láng giềng, cô lái đò, cô hái hoa hay anh Trương Chi. Từ khi nước Việt bị chia đôi, nhạc tình miền Nam đậm sắc hơn và trong mười năm đầu, vì cuộc đời chưa thực sự bị đe dọa, người ta vẫn có những bài hát hữu tình hay thất tình, xinh xinh, hiền lành, lúc đầu còn mới mẻ, dần dà ngôn ngữ tình yêu trở thành sáo ngữ.

Tới lúc đời sống trở nên bấp bênh, thanh niên được gọi đi lính rất nhiều (chết trận cũng nhiều) biết bao nhiêu đôi lứa phải xa nhau (có khi vĩnh viễn xa nhau) tình khúc miền Nam thay đổi ngôn ngữ. Nhạc tình không còn là nhạc lãng mạn, nhạc cảm tính với câu hát đắm đuối hay hờn dỗi nữa : Bây giờ là những bài hát nhức nhối của

những tình nhân yêu nhau trong cơn mê sáng. Nhạc trở thành não nề và đánh vào não tính. Nhạc tình bây giờ là *tình ca của người mất trí*.

Tình khúc Trịnh Công Sơn ra đời, từ giàn phóng là Quán VẤN được hoả tiễn Khánh Ly đưa vút vào phòng trà, rồi vào băng cassette và chỉ trong một thời gian ngắn chinh phục được tất cả người nghe. So với tình khúc của ba bốn chục năm qua, ngôn ngữ trong nhạc Trịnh Công Sơn rất mới, chất chứa những hình ảnh lạ lùng, quyến rũ như *cơn mưa hồng, thuở hồng hoang, dấu địa đàng, cánh vạc bay...*

Tình yêu trong nhạc của anh là những cảm xúc dữ dội như trái phá con tim mù loà, như nổi chết cơn đau thật dài, như vết thương mở rộng... Cuộc đời là hư vô chủ nghĩa, con người sống trong cảnh Chúa, Phật bỏ loài người. Cuộc đời còn là đám đông nhưng cũng là quán không. Con người là cát bụi mệt mỏi, bao nhiêu năm làm kiếp con người, chợt một chiều tóc trắng như vôi... Tất cả nói lên sự muộn phiền, đau đớn... Buồn tủi cho thân phận con người nên nhánh cỏ cũng xót xa, phiền đá cũng ưu phiền, và chỉ còn những mưa và mưa để xoa dịu vết thương mở lớn : Hãy nghe thêm những câu hát về mưa trong *Diễm Xưa* :

*Mưa vẫn hay mưa cho đời biển động
Làm sao em biết bia đá không đau ?
Xin hãy cho mưa qua miền đất rộng
Ngày sau sỏi đá cũng cần có nhau...*

Diễm Xưa cho thấy rõ tiếng hát đứt đoạn của nội tâm về nỗi đau con người trong tình yêu, thấy thêm sự hoang vắng của tâm hồn. Bị ám ảnh bởi mưa đến độ còn nhìn ra màu sắc của mưa -- mưa hồng -- Trịnh Công Sơn nói lên nỗi bàng hoàng của con người khi thấy cái chết nằm ngay trong sự sống :

*Người ngồi xuống xin mưa đầy
Trên hai tay cơn đau dài
Người nằm xuống nghe tiếng ru
Cuộc đời đó có bao lâu mà hững hờ ?*

Nguyễn Đình Toàn gọi nhạc Trịnh Công Sơn là những bản tình ca không có hạnh phúc, những bài hát cho quê hương đổ vỡ. Cũng là phản ứng của người đau đớn trước hoàn cảnh đất nước, nhưng nó là sự chịu đựng và chết lịm hơn là sự nổi sùng và chửi bới. Như tôi đã làm qua tâm phần ca hay tục ca. Có lẽ vì tác giả là người lớn lên ở Huế, một thành phố nên thơ, hiền hoà, không chấp nhận bạo động.

Tôi vẫn cho người Việt ở ba miền đất nước có những phản ứng khác nhau trước những hoàn cảnh khó khăn. Ví dụ người con gái miền Bắc thất tình thì phản ứng bằng sự điên giả -- CHÈO có vở **Vân Đại Già Diên** -- hay điên thật rồi nguyên rủa, chửi bới cuộc đời (như ông giáo ở Phú Nhuận nói ở chương trên). Sự phản ứng của người gái Huế là buông xuôi (fatalisme), mất người tình là nàng có thể đâm đầu xuống sông tự tử. Còn ở miền Nam à ? Không oong đơ gì cả, người thất tình sẽ đốt chồng như cô Quờn.

Về phần nhạc, toàn thể ca khúc Trịnh Công Sơn không cầu kỳ, rắc rối vì nằm trong một số nhạc điệu đơn giản, rất phù hợp với tiếng thơ dài của thời đại. Bài hát chỉ cần một chiếc đàn guitar đệm theo, nếu hoà âm phối khí rườm rà thì không hợp với những bài hát soạn theo thể **ballade** này.

Từ nhạc tình yêu, thân phận con người, Trịnh Công Sơn chuyển qua nhạc thần thoại quê hương. Âm nhạc ở miền Nam trong thời gian này thật phong phú. Vẫn có những

bài hát soạn cho tuổi choai choai : **Em 16, Em Mới Biết Yêu Đã Biết Sầu, Túp Lều Lý Tường, Người Tình Chung Vách, Người Tình Chung Thủy** và cho người lính Cộng Hoà : **Lính Mà Em, Lính Dù Lên Đỉnh, Lính Nghĩ Gì, Lính Xa Nhà, Lời Người Lính Xa, Lính Trận Miền Xa, Anh Là Lính Đa Tình, Người Lính Chung Tình, Đám Cưới Nhà Binh...** Và có thêm những bài hát phản ứng trước cảnh tang thương của đất nước.

Như đã nói trong chương trước, nhạc tâm ca, du ca lúc này là sự phẫn nộ của thanh niên khi thấy mình bị đưa lên giàn hoả thiêu hoặc phải đi vào quê hương bằng cuộn dây thép gai rồi xuống vĩa hè và trở thành tặc ca. Bây giờ, ngoài những ca khúc đi vào tình nhớ, tình xa, tình sầu... với cơn chết lịm, với nỗi muộn phiền và niềm xót xa trong cảnh cô đơn mà ta đã biết, nhạc Trịnh Công Sơn phản đối nghịch cảnh bằng cách khác. Nhạc anh đi vào quê hương bằng bước chân của người con gái da vàng, của em bé loã lồ suốt đời lang thang...

Sống cùng thời với những người đi vào quê hương qua nẻo tâm ca và du ca, Trịnh Công Sơn cũng nhận diện lại quê hương. Đi tìm quê hương, phải sống những ngày dài trên quê hương thì phát hát bài quê hương, phải nhỏ giọt nước mắt cho quê hương khi thấy quê hương hình hài nát dẫu bom với xác người chết hai lần... Phải gặp những người tình có người yêu chết trận Pleime hay chết ở chiến khu D... gặp thêm người già em bé, chị gái anh trai, người phu quét đường, đồng hoá họ là người nô lệ da vàng, ngủ im trong căn nhà nhỏ... Rồi đánh thức họ dậy, khuyên họ đập tan xiềng xích để chờ ngày quê hương sáng chói, đứng dậy hò reo, chờ Hoà Bình đến tiếng bom im, cho những bước đi trên những con đường không chông mìn, cho đường giao thông chấp nối chuyến xe qua ba miền, ngày Thống Nhất tới cho những tình thương vô bờ...

Nhạc thần thoại quê hương, nhạc tình yêu và thân phận con người của Trịnh Công Sơn có một tư tưởng chỉ đạo khá rõ, dù toàn bộ âm nhạc của anh đẹp như một bức hoạ trừu tượng hơn là tả thực. Cả nhạc lẫn lời, cả xác chữ lẫn hồn thơ, nghe bằng lắng, mơ hồ khó phân định cho đúng nghĩa, nhưng nếu nghe kỹ cũng tìm ra ý chính : Trịnh Công Sơn muốn nói lên nỗi đau con người trong cuộc sống hiện đại, có tình yêu, có chiến tranh, có hận thù, có cái chết dễ dàng như chết trong mơ. Anh ca tụng tình yêu và -- cũng như bất cứ nghệ sĩ nào ở trên đời này -- anh chống bạo lực và chống chiến tranh.

Một, hai năm trước biến cố 30-4-1975, nhạc Trịnh Công Sơn đi vào Thiên, có lẽ cũng giống như tôi đi vào Đạo Ca, vì lũ chúng tôi, khi nhập cuộc khi xuất thế ... như thể sống lửng lơ giữa thiên đường và địa ngục.

Đồng thời với nhạc đau thương, nhạc phản đối chiến tranh của Trịnh Công Sơn, nhạc do đôi uyên ương Lê Uyên và Phương tung ra là những khúc ca không mang tham vọng lớn, hoặc để cầu nguyện cho Việt Nam, hay nói lên thân phận da vàng. Những bài hát của Lê Uyên, Phương chỉ muốn xoáy vào cá nhân, nói rõ hơn nữa là vào thú đau thương của đôi tình nhân. Những ca khúc **Nỗi Buồn Dâng Hiến, Buồn Đến Bao Giờ...** không còn là tình sầu của họ Trịnh mà là tình điên. Nhìn đôi uyên ương này hát với lối diễn tả rất kêu gọi thì càng thấy được chất nhục tính trong nhạc của họ. Tuổi trẻ quá đau khổ chỉ còn một cách phản ứng là vùi đầu vào ái ân. Từ trong **Vũng Lầy Của Chúng Ta**, đôi Lê Uyên, Phương đưa ra những bài hát ngây ngất như đôi người tình vừa ôm ấp nhau, hay chán chường như họ vừa buông

nhau ra sau một trận ân ái. Chúng ta cho nhau lần cuối nhưng cũng không nhìn nhau lần cuối.

Cũng trong thời kỳ cực thịnh của âm nhạc này, nhạc Từ Công Phụng xuất hiện với những bài hát được coi như sự nổi dài của những ca khúc Đoàn Chuẩn trên một bình diện trí thức hơn, có nghệ thuật hơn. Tình yêu là chiếc que diêm, một lần loé lên để soi sáng mắt người tình, thấy mình là con dĩa trảng trên bãi cát, có sóng thủy triều xoá đi ngôi lâu đài tình ái, nghĩa là rất lãng mạn.

Còn là nhạc tình đậm đà và trong sáng của Ngô Thụy Miên nữa. Chấp nhận khó khăn của cuộc đời trước mặt, dù sao đi nữa, anh vẫn yêu em, nhạc của anh còn là những bài thơ có giá trị của Nguyên Sa như **Áo Lụa Hà Đông, Paris Có Gì Là Không Em**, dễ dàng làm cho sinh viên, thanh niên yêu thích. Cũng nói tới tuổi đã buồn, tới cơn buồn phiền, nhưng nhạc của Miên tươi hơn nhạc của Sơn. Với họ Trịnh, mưa cho em tay buồn đi về giáo đường. Với họ Ngô, mưa cho tình thắm tươi nồng nàn. Người thi nhân có nhiều hơn trong người thứ nhất nhưng người nhạc sĩ nổi bật hơn trong người thứ hai.

Thế là trong giai đoạn phát triển tốt bậc của âm nhạc ở miền Nam này, đã có khá nhiều xu hướng khác nhau, nhưng tất cả đều nằm trong hai chủ đề **Tình Yêu và Chiến Tranh/Hoà Bình**. Có nhạc phục vụ cho lính quốc gia, cho tuổi mơ mộng nhưng cũng có dòng nhạc nhận thức thân phận làm người trong một nước đang cơn tao loạn. Tình khúc là nhạc tình tân-lãng mạn, nhạc tình cảm tính, nhạc tình não tính, nhạc tình nhục tính. Như thế đã đủ chưa ?

Thưa chưa đủ ạ : Còn **nhạc tình ảo tính** của Lê Hựu Hà và Nguyễn Trung Cang nữa : Hai nhạc sĩ nòng cốt của ban nhạc trẻ PHƯỢNG HOÀNG, trong thời kỳ này, đã soạn ra những ca khúc tôi cho là mới mẻ nhất. Với nhạc ngữ rất lạ, phù hợp với ban nhạc combo hơn là nhạc tiền chiến, những **Hợp Khúc** của họ hay không thua gì những bài hay nhất của nhạc rock Hoa Kỳ. Nhạc của Lê Hựu Hà và Nguyễn Trung Cang, theo tôi, phản ánh một lớp trẻ lạc loài trong xã hội đang sa đoạ :

*Nước mắt ấy đã lau khô rồi
Đôi môi ấy đã hoen nụ cười
Cuộc tình lỡ đã phai nhạt rồi
Người tình cũ đã xa ta rồi :*

Lính Mỹ tới Việt Nam đánh giặc Vixi thì đừng luôn phải giặc ma túy. Họ mua ma túy dễ dàng thì thanh niên Việt Nam -- nhất là ca nhạc sĩ -- cũng dễ mua ma túy. Tệ đoan xã hội này được phản ánh qua bài **Mặt Trời Đen** trong **Hợp Khúc số 3** của hai chàng Lê Hựu Hà và Nguyễn Trung Cang, bài này quả rằng có mùi vị của cần sa hay bạch phiến :

*Mặt trời đen, quá đen, đen như đời ta
Đời hằng mong thoát ly, thay khung trời xa,
Cuộc đời như chó hoang lang thang về đêm.
Cuộc tình không mấy khi nghe câu dịu êm.*

.

*Trong khu phố se súa, trong khu phố lao xao
Sao ta thấy hoang vu như sa mạc thôi :*

*Khi chân thấp chân cao
Trong khu phố lao xao, đêm lung linh đèn màu*

*Trong hơi khói cay cay, trong giây phút say say
Ta quên đi ngày mai.*

Bài hát là ảo giác của người dùng chất ma túy rồi chân thấp chân cao đi trong khu phố lao xao, trong hơi khói cay cay làm cho mình say say... Bài **Mặt Trời Đen** chắc chắn phải là nhạc tình ảo tính.

Một người viết tình khúc khác là Vũ Thành An thì tung ra những **bài ca không tên**. Tình ca không có đầu đề, chỉ được đánh số 1, số 2, số 3 v.v... có lẽ vì tác giả không còn tin tưởng vào Tình Yêu nữa. Giống như một trường ca về tình bị cắt rời, mỗi lúc lại hát lên một đoạn nào đó, đứt quãng như những mối tình dang dở của thời chiến.

Bây giờ nhắc tới Vũ Thành, Cung Tiến và Phạm Đình Chương vào lúc nhạc Việt lên tới cao độ này.

Vào năm 72 Vũ Thành đưa ra bài **Thụy khúc** sau những ca khúc đã trở thành cổ điển **Giấc Mơ Hồi Hương, Gửi Áng Mây Hàng, Say Giấc Canh Tàn, Nhật Cánh Sao Rơi... Thụy Khúc** là bài hát tự ru mình ngủ, ngủ rồi mà vẫn còn mang mộng mị vui buồn của kiếp nhân sinh.

Sau bài **Thu Vàng** phổ biến từ 1954, Cung Tiến vẫn chủ trương soạn nhạc theo đường lối Tây Phương và vạch cho mình mục đích tối hậu là nhạc giao hưởng, hoặc là nhạc tân-cổ điển (neo-classique) hay là nhạc vô thể (atonal). Trong khi chờ đợi, anh vẫn cho chúng ta những ca khúc như **Thu Vàng, Hoài Cảm, Nguyệt Cảm, Đêm Hoa Đăng**, với cấu phong rất vững chắc, với tứ nhạc rất nhạy cảm, với lời ca rất trí thức, có khi là lời thơ của thi sĩ nổi danh như Xuân Diệu. Anh chịu ảnh hưởng nhạc cổ điển Tây Phương và không ngần ngại dùng nhạc đề Beethoven để mở đầu cho ca khúc của mình.

Nổi tiếng trong ban Thăng Long trong thập niên 50 với những bài như **Được Mùa, Tiếng Dân Chài, Thuở Ban Đầu, Đợi Chờ, Xóm Đêm, Ly Rượu Mừng, Đón Xuân**, vào lúc hình thức trường ca được thử thách, Phạm Đình Chương cống hiến bản **Hội Trùng Dương**, một tác phẩm rất có giá trị. Vào đầu thập niên 70 này, Phạm Đình Chương phổ nhạc nhiều bài thơ như **Đôi Mắt Người Sơn Tây** (thơ Quang Dũng), **Mộng Dưới Hoa** (thơ Đinh Hùng), **Màu Kỷ Niệm** (thơ Nguyễn Sa), **Mưa Saigon Mưa Hà Nội** (thơ Hoàng Anh Tuấn), **Người Đi Qua Đời Tôi** (thơ Trần Dạ Từ), **Nửa Hòn Thương Đau, Đêm Màu Hồng** (thơ Thanh Tâm Tuyền)... thành những bài hát Việt Nam có nhiều chuyển cung rất hay, để cho Thái Thanh làm cho thính giả ở mọi phòng trà luôn luôn phải nín thở để nghe. Trước ngày biến cố tháng 4-1975, Đêm Màu Hồng được coi là nơi rất cao quý của nhạc Việt và vì phòng trà không rộng lớn lắm nên cũng là nơi ẩm cúng nhất của Saigon trong những ngày cuối cùng của thành phố này.

Hai mươi năm ở miền Nam là thời gian của khói lửa chiến tranh đem lại chết chóc, của ô nhiễm chính trị đem lại mệt mỏi, của tiền bạc và lối sống ngoại nhân đem lại sa đoạ... khiến cho cả xã hội lẫn con người có thể bị tha hoá. Tại sao vẫn còn những người hùng trong trắng, những chiến sĩ vô danh, những phụ nữ kiên trinh, những tuổi thơ ngọt ngào, những người mẹ hiền khô -- như mẹ ở đất Phù Sa hay trong Ca Dao Mẹ -- trong đám đông thâm lặng ở xã hội này ? Tôi trộm nghĩ, nhờ biết qua phúc lợi Kinh Nhạc của Cụ Khổng, xã hội và con người miền Nam đã phần nào được điều hợp bởi hàng trăm ca nhạc sĩ. Hãy tưởng tượng một miền Nam không có nhạc tình hay chỉ có nhạc tuyên truyền như miền Bắc.

Hai mươi năm âm nhạc ở miền Nam xưng tụng một cách rất hùng hồn nhiều khía cạnh cuộc đời (chứ không chỉ có both sides mà thôi) với tất cả hạnh phúc và khổ đau, sự sống và sự chết... để bình thường hoá mọi sự, hoá giải mọi khó khăn. Nói ra bi đát là hết bi đát, tôi nhắc lại một lần nữa câu nói của nhà văn Pháp Albert Camus. Tôi khẳng định : âm nhạc trong giai đoạn chịu đựng của miền Nam có khả năng trị liệu những căn bệnh tinh thần, vì trong đó, TÌNH YẾU và CON NGƯỜI lúc nào cũng được xưng tụng.

Sẽ chẳng bao giờ có một diễn đạt phong phú như thế nữa.

A ha ! Ta tuy hai mà một
A ha ! Ta tuy một mà hai...
Đạo Ca Một - PHÁP THÂN

Chương Hai Mười Một

Nhưng sự công phần của mọi người qua những bài ca muộn phiền hay phần nộ và đi thêm một bước nữa là vắng tục (như tôi) cũng không thể kéo dài. Thứ nhất : không thể đổ thêm dầu vào lửa, Thứ hai : tâm lý chung của người Việt Nam là họ tìm thấy sự cao quý khi chẳng may trở thành nạn nhân. Là nạn nhân của thằng ăn cướp hay của một chế độ hà hiếp hoặc của một hoàn cảnh khó khăn thì mặc dù mình đáng thương hại, nhưng mặt khác mình thấy mình cao quý hơn cái thằng đàn áp mình.

Có thể nói đó là một thứ triết lý nhấn nhé, nhưng thực sự khi nạn nhân chịu đựng thời gian đau khổ của mình một cách chững chạc thì họ có cái lớn lao của họ. Và chính ở trong thái độ đó mà họ đi ra khỏi phần nộ, đi ra khỏi vắng tục để đạt tới một thế quân bình mới. Nhưng khi có thế quân bình mới rồi thì lần này người ta không còn ngây thơ nữa. Không còn tin là phải ngồi lại với nhau, lấy lòng ra giải quyết vấn đề chung. Người ta biết tấm lòng cũng không đủ nữa rồi. Bây giờ phải thăng hoa sự đau khổ lên, phải đánh động tiềm thức chứ không thể đánh vào lý trí của cái lũ đang đàn áp mình. Bây giờ phải đánh vào chỗ cao cả nhất của tất cả các đối phương, nếu không đạt được mục đích cũng để cho lịch sử phán xét.

Đạo Ca ra đời vào cuối năm 1971. Lúc đó cũng không phải chỉ có tôi đi từ phần nộ, nói đùa, vắng tục để rồi tiến lên đạo ca. Còn có những người khác như Chu Tử và nhóm CON ONG trong báo chí, như Nguyễn Đức Sơn biệt hiệu Sao Trên Rừng trong thi ca, đó là chưa kể người đã thoát tục để lên được cõi tiên như Bùi Giáng.

Trước vụ Tết Mậu Thân tức cuối 1966-67, người ta thường hay dùng tiếng Mỹ (trí thức for rent) hay nói lái (trí thức chồn lúi) để sỉ vả những người theo thời, đánh mất tinh thần kẻ sĩ. Nó đi từ điều cợt tới lối lảng hoá cuộc đời, nói theo Võ Phiến là với thái độ trâng tráo (cynique). Rồi sau cùng người ta cũng phải thăng hoa, phải vượt qua tất cả những dung tục đó. Trước hết, người ta tưởng giải pháp nằm trong quá khứ, trong lịch sử, cho nên ai cũng chạy đi tìm hiểu thời Lý, thời Trần, thời tam giáo đồng nguyên. Nhưng người ta lại thấy tinh thần tồn cổ, trở về với giá trị cũ cũng không đúng. Giải pháp có thể là đem cái mới toanh vào không ? Cũng không được,

vì hoặc nó là siêu-vật-chất, là quá bạo động, hoặc mình không làm chủ được tình hình.

Vậy chỉ còn có cách trở về với con người mà mình kiểm soát được tức là con người Việt Nam rất dung hoà, không có khía cạnh gì quá đáng, không chờ đợi cái gì lớn lao cả ! Nghĩa là bây giờ người ta muốn khai mở nội tâm. Cũng trở về nguồn, về với cây nhà lá vườn, nhưng cũng không dựa trên một mẫu số nào nhỏ hẹp của cánh này, cánh kia. Một tổng hợp nho nhỏ của một thời đó. Cơ sở văn nghệ hoặc tập san đều chọn những tên thắm nhuần tinh thần về nguồn : AN TIÊM, CA DAO, GIỮ THƠM QUÊ MẸ... Trong văn có Lý Chánh Trung với cuốn Tìm Về Dân Tộc, có Người Việt Đáng Yêu của Doãn Quốc Sĩ... Trong nhạc có nhóm TIỀN RỒNG, nhóm NGUỒN SỐNG và có tôi với nhạc tập DÂN CA và cuốn BIÊN KHẢO VỀ DÂN NHẠC.

Về nguồn, rồi khi vào Đạo Ca, tôi muốn thăng hoa mọi thứ lên. Lúc đó cũng có nhiều người muốn làm như tôi, ví dụ người thi sĩ tôi cộng tác để làm đạo ca là Phạm Thiên Thư.

Anh là một nhà sư trẻ (đạo danh Tuệ Không), có một đàm trường -- kiểu đàm trường Viễn Kiến của Nguyễn Đức Quỳnh -- để bạn bè tới nói chuyện văn nghệ. Tất cả đều rất trẻ nhưng cung cách của họ giống như các ông cụ non. Tuy nhiên khi đàm luận với nhau, họ không có gì là lúng túng hết. Họ rất ung dung và họ cũng rất già dặn trong tâm hồn, bởi vì họ già trước tuổi. Khi phải sống dưới biết bao nhiêu đe dọa (đi lính chẳng hạn), cũng như trong hoàn cảnh kinh tế sa sút, họ chỉ còn có cách trốn vào một đàm trường, vào một cái vỏ trong đó họ có thể ung dung ngồi nói chuyện thi phú, nói chuyện tư tưởng, những chuyện nhẹ nhàng bên trong với nhau, không lý gì đến chuyện bên ngoài và không cần phải ai biết đến họ.

Sự gặp gỡ của tôi với Phạm Thiên Thư -- mà thi sĩ gọi là của một ngọn núi và một đám mây -- là nhờ Nguyễn Đức Quỳnh. Vào năm 1971, anh Quỳnh bị ung thư dạ dày và vào nằm trong bệnh viện cho hai Bác Sĩ Phạm Biểu Tâm và Trần Ngọc Ninh cứu chữa. Ngày tôi tới thăm anh tại bệnh viện thì gặp Phạm Thiên Thư ở đó. Và chúng tôi yêu mến nhau ngay. Sau đó chúng tôi gặp nhau gần như hằng ngày. Lúc bấy giờ tôi đang soạn những bài ca cho tình yêu và tuổi học trò như **Trả Lại Em Yêu, Con Đường Tình Ta Đi...** Đọc được bài thơ **Ngày Xưa Hoàng Thị** mà anh bạn trao cho, tôi như bắt được viên ngọc quý và xin phổ nhạc ngay :

*Em tan trường về
Đường mưa nho nhỏ
Anh theo Ngõ về
Gót giầy lặng lẽ đường quê...*

Khi đưa thêm thơ cho tôi phổ nhạc thì tôi chọn bài **Em Lễ Chùa Này** vì cả hai chúng tôi đều muốn quay về xưng tụng những gì thuộc về văn minh Việt Nam, như ngôi chùa cổ ở miền Bắc là nơi, lúc còn nhỏ, tôi thấy đôi kẻ tình nhân thường hẹn nhau tới tự tình :

*Đầu mùa Xuân cùng nhau đi lễ
Lễ chùa này vườn nắng tung bay
Và ngàn lau vàng mầu khép nép
Bãi sông bay một con bướm đẹp...*

Mùa Hạ cùng em đi lễ... Rồi mùa Thu, mùa Đông vẫn cùng em đi lễ, bốn mùa hẹn nhau vào ngôi chùa cổ, có lò hương với làn trầm nghi ngút. Nhưng vào lúc tàn Đông, em yêu chết, anh tiễn đưa em trong áo quan này :

*Vườn chùa đây vào nằm trong đất
Nếp bên hoa đây những hoa vàng
Vườn đào thơm chập chờn cánh bướm
Bướm quơ râu, ngơ ngác bay ngang...*

*.....
Rời từ đây vườn chùa thanh vắng
Đến thăm em ngày tháng qua mau
Một nụ mai vừa nở trong nắng
Hỡi em ơi, mây đã qua cầu...*

Từ đó, tôi luôn luôn tìm đọc thơ của Phạm Thiên Thư như tập thơ **Đưa Em Tìm Động Hoa Vàng** hay bài thơ **Gọi Em Là Đóa Hoa Sầu** để phổ thành những bài hát thanh cao nhất của thời đại. Đối với tôi lúc đó, hình ảnh Thiền, chùa, động hoa vàng thật là mát mẻ và rất cần thiết. Bài **Đưa Em Tìm Động Hoa Vàng** được rút ra từ mấy trăm câu thơ của thi sĩ, và ta chỉ cần có hai đoạn ca là nói lên hết được cái cảnh ngày xưa, có kẻ từ quan, lên non tìm động hoa vàng. Để làm gì ? Không phải chỉ để nhớ nhau mà để ăn náu vậy. Lúc đó tôi tự coi mình cũng là một *kẻ từ quan* tìm được một nơi ăn náu là cõi thơ Phạm Thiên Thư.

Gặp tu sĩ Tuệ Không kiêm thi sĩ Phạm Thiên Thư là tôi như thoát xác, vượt ra khỏi những đắng cay, chán chường và bế tắc của tâm ca, tâm phần ca, vĩa hè ca. Tôi muốn thử đi vào ĐẠO với một tu sĩ mà cái uyên thâm về đạo giáo chắc chắn phải hơn tôi rất xa. Trước hết tôi đề nghị với anh bạn nên soạn lại kinh Phật -- ví dụ KINH KIM CƯƠNG -- với lời tụng là thơ Việt, để tôi phổ thành bài tụng kinh, khác với lời tụng kinh theo tiếng Phạn hay tiếng Hán. Lúc còn bé, tôi cũng thuộc vài câu kinh rồi, nhưng chẳng bao giờ tôi hiểu ý nghĩa của lời kinh. Việc thi hoá Kinh Phật chưa thành nhưng qua một bài thơ ngắn, Phạm Thiên Thư giúp tôi một con đường đi vào đạo ca, nếu chưa phải là đi vào ĐẠO SỐNG.

Vào lúc cuộc sống Việt Nam trở nên quá hãi hùng, quá tầm hiểu biết và tin tưởng của tôi, cũng như mọi người, tôi không biết sự thật ở đâu thì bài thơ **Pháp Thân** giúp tôi thấy được một sự thật trong đời là thuyết nhất nguyên

*Xưa em là kiếp chim
Chết mục trên con đường nhỏ
Anh là cội băng mai
Để tang em chờ mấy thuở...*

Lập tức tôi đề nghị Phạm Thiên Thư cùng tôi soạn 10 bài hát giống như 10 bước đi của Thiền đã được thể hiện qua 10 bức tranh không trâu, có trâu, dất trâu, mất trâu mà người học về Thiền đã biết. Chúng tôi đưa ra danh từ đạo ca, chữ "đạo" không có nghĩa tôn giáo mà là con đường. Con đường dẫn người nghe đi tìm sự thật. Cho tới lúc này, 1972, tôi chưa hề sản xuất băng nhạc. Tôi nổi hứng khởi sự nghề này với băng ĐẠO CA do Thái Thanh hát với phần hoà âm phối khí của Hồ Đăng Tín. Trong băng có lời giới thiệu từng bài :

Đạo Ca Một **Pháp Thân** khởi đầu cuộc đi tìm chân lý. Vũ trụ được hiện bày như một toàn thể sinh hoá, một tương duyên mật thiết không còn vực bờ hữu hạn, xoá bỏ tất cả ý thức về ngã và phi-ngã, xoá bỏ mọi dấu chân đi tìm ngoại vật. Một là tất cả, tất cả là một. Tôi thích những câu :

*Xưa em làm kiếp ao, ưu tư mùa cuối Hạ.
Anh làm chim bói cá, đậu soi mấy mùa trăng.
Xưa em là chữ biếc, nằm giữa lòng cuốn kinh
Anh là thiền sư buồn, ngồi tụng dưới ánh trăng...*

Đạo Ca Hai **Đại Nguyên** đi từ quan điểm toàn thể trên, dẫn đến một tâm linh bao la, diệu vợi. Đó là lòng từ bi, là ý lực cứu độ muôn loài như cứu chính mình : Thương người như thể thương thân (Gia Huấn Ca).

Đạo Ca Ba **Chàng Dững Sĩ Và Con Ngựa Vàng** hay là **Ảo Hoá**, đưa ra hình ảnh một dững sĩ cưỡi ngựa vàng đi tìm người yêu muôn thuở. Đi hết năm tháng, đi khắp mọi nơi, đi cho tới khi áo bào sờn rách, ngựa vàng đổi lông mà vẫn không tìm ra người yêu lý tưởng. Thế rồi một ngày kia, dững sĩ dừng chân xuống ngựa trên cầu, ngựa vàng bỗng hoá thành người đẹp mà dững sĩ ra công đi tìm. Thì ra, đã từ lâu, dững sĩ ngồi lên sự thật mà không biết ! Bài hát rất dài, có tới bảy đoạn. Đoạn hay nhất là đoạn con ngựa hoá thân là người yêu muôn thuở :

*Mùa Đông rồi tới, hoa bay trước đời.
Rừng mai nở mãi, trông như nét cười của ai... ai ơi !
Ngoài sông gập gió, trên sông bắc cầu,
Cùng con ngựa quý, qua sông lúc nào
Chợt con ngựa cũ thân yêu hoá thành người yêu...*

Đạo Ca Bốn mang tên **Quán Thế Âm** hay là **Hoá Thân**. Bài này biểu tượng cá nhân bước vào đại thể. Người mẹ đi tìm con với niềm đau khổ riêng của mình đã nghe thấy tiếng khổ chung của nhân loại :

*Có bà mẹ đi tìm con trên đỉnh đồi lan trắng,
Có bà mẹ đi tìm con trong động hang lan vàng,
Có bà mẹ đi tìm con bên bờ sông lam tím,
Có bà mẹ đi tìm con trong thung lũng cỏ hoang...*

Đạo Ca Năm **Một Cành Mai**, sự vượt thắng nỗi lo sợ về sự chết. Vì sinh tử chỉ là sự đắp đổi, thăng hoa trong một miền viển vông là cuộc đời. Bài này còn muốn tưởng niệm nữ sinh viên Nhất Chi Mai đã tự thiêu để cầu nguyện cho hoà bình :

*Cành mai đã rụng rơi, rơi rụng xuống cuộc đời.
Một cành mai rụng rồi, làn hương vẫn chẳng phai.
Người không riêng của ai, nhân loại vẫn của người
Đặt mình trong dòng đời, tử sinh cũng là vui...*

Đạo Ca Sáu **Lời Ru Bú Mớm Nang Niu** muốn nói về hiện thể tạo hoá của Mẹ khiến cho đứa con có một nền tảng tâm linh, hiền hoà giữa tạo vật, nhân sinh không còn là tù ngục giữa con người :

*Ru con bằng vòng tay ấm, cho con yêu tiếng dịu dàng.
Ru con bằng bầu sữa nóng, cho con ớn mãi tình nồng.
Ru con bằng bài ca ngắn, cho con mến Nhạc và Thơ.
Ru con còn nhờ mây gió, tim con chẳng có vực bờ...*

Đạo Ca Bảy **Qua Suối Mây Hồng** hay là **Vô Ngôn** diễn tả cuộc chiến tranh thầm lặng giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh, tranh nhau trái tim Mỵ Nương tượng trưng cho ý thức sáng tạo. Sơn Tinh, sự vắng lặng của ý niệm ngôn ngữ, cùng người đẹp biến vào Đại Thể, còn lưu lại trên đỉnh núi cuốn thiên thư không chữ và cây sáo thần không lỗ, thúc giục loài người vượt thoát ý niệm ngôn ngữ để thể nhập vào cõi uyên. Bài này cũng rất dài, có tới chín đoạn. Đoạn chiến tranh giữa Sơn Tinh, Thủy Tinh :

*Thề quyết không một trời
Thủy Vương vùng kiếm thét :
" Trá đoá hoa hồng ngời ! "*

*Thủy Vương vùng kiếm thét.
Nhưng trên ngọn đỉnh núi
Chẳng được ai trả lời
Thủy Vương căm giận điếng
Xua quân thẳng tiến !*

Đạo Ca Tám **Giọt Chuông Cam Lộ** là bình minh của tâm thức trong ba động của tiếng chuông chùa. Tiếng đại hồng như giọt nước làm tràn mạch suối tâm linh, với hình ảnh Thiền Sư Vạn Hạnh chống gậy trúc xuống núi, cứu mang cả mùa Đông trong lòng tay ngọc :

*Bóng đêm qua rồi ! Bóng đêm qua rồi !
Tiếng chuông vang hồi ! Tiếng chuông vang hồi !
Thấy trong nhân loại tiếng chuông vang hồi,
Ngọt lành thơm mát, từng giọt chuông rơi.*

*Gậy Thiền đưa xuống thế gian cõi thường.
Thời gian mãi mãi, tiếng chuông sáng ngời.
Thiền Sư xuống núi, cứu nguy cho đời.*

Ngọt lành thơm mát, từng giọt chuông vang...

Đạo Ca Chín **Chấp Tay Hoa** hay là **Quy Y**, diễn tả thái độ cung kính yêu thương vạn vật quanh ta vì tất cả đều hiện bày một bản thể màu nhiệm như nhau. Bài này xô đổ mọi nấc thang giá trị :

*Chấp tay lạy Người, xin cho nụ cười.
Chấp tay lạy Trời, cho đám mưa rơi.
Chấp tay lạy Đất, cho mầm cây tươi.
Chấp tay lạy Nước, cho mát cõi đời.
Chấp tay lạy Người, chấp tay lạy Trời
Chấp tay lạy rồi, lạy mãi không thôi !*

Đạo Ca Mười, tiểu đề **Tâm Xuân**, là con đường trở về thiên nhiên, gia đình, xã hội và siêu nhiên khiến cho cá nhân được quân bình giữa cảm xúc, trí thức và hành động. Đó là nền đạo lý tổng hợp tối diệu ba nguồn tư tưởng Phật-Lão-Khổng của Việt tộc. Mùa hồi sinh của tạo vật cũng là sự bừng sống mãnh liệt của tâm tư.

*Mùa Xuân có không ? Hay là cõi Tâm ?
Mùa Xuân có không ? Hay là cõi Không ?
Về nguồn về cội ! Về nguồn về cội !
Để rồi vươn tới, với lòng mênh mông...*

Thực hiện xong cuốn băng ĐẠO CA vào năm 1972, tôi có hai điều buồn. Thứ nhất : là một người không giỏi về thương nghiệp, bước vào nghề sản xuất băng nhạc mà không chịu nghiên cứu thị trường, tung ra một cuốn băng cao hơn trình độ thẩm mỹ của người bình dân thì bị lỗ vốn là cái chắc. Đã tự thề nguyên là chẳng bao giờ ngu si đại dốt như thế nữa, vậy mà vào cuối đời mình, lại cả gan bỏ tiền ra thực hiện cuốn băng 10 BÀI RONG CA...

Điều buồn thứ hai : băng ĐẠO CA được thực hiện xong thì người bạn tâm tình của tôi là Nguyễn Đức Quỳnh không được nghe. Anh lìa đời vào ngày 21 tháng 6 năm 1972 sau khi hai người bạn bác sĩ giỏi nhất Việt Nam không chữa nổi bệnh ung thư ruột của anh. Mất hai người bạn hơn tuổi mình là Nguyễn Sơn và Nguyễn Đức Quỳnh, từ nay trở đi tôi không còn có ai để mà học hỏi nữa. Chỉ cần nhắc lại một câu lo lắng của anh Quỳnh khi nghe tin Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam được thành lập. Nghe anh nói : -- *Không khéo thì lại chết thêm vài triệu người nữa...* là tôi học được cái nhìn xa nhìn rộng của Nguyễn Đức Quỳnh.

Qua cuộc đời của anh, tôi thấy làm kẻ sĩ trong thời đại của chúng tôi, thật là khó ! Tài hoa và thông thái trên mọi lãnh vực như anh Quỳnh, đi vào môi trường văn hoá và chính trị miền Nam với tất cả thiện chí, thấy trước được sự thất bại của Đệ Tam Quốc Tế nên muốn cùng mọi người đi vào văn hoá tổng hợp với nòng cốt là kẻ sĩ, thế mà chỉ được tiếng là phù thủy văn nghệ mà thôi... Cộng Sản coi trí thức không bằng cục phân, còn quốc gia thì chỉ biết dùng bồi bếp. Kẻ sĩ như Nguyễn Đức Quỳnh trước khi chết, dặn con cái phải treo trên xe tang một biểu ngữ : Làm người Việt Nam là một khốn khó. Làm kẻ sĩ còn là một khốn khổ hơn !

Trong đời sống tan vỡ ra trăm ngàn mảnh, hôm nay, tại xứ lạ quê người, một lần nữa, tôi khóc thêm Nguyễn Đức Quỳnh bút danh Hà Việt Phương, Đặng Tâm Thành, Ngô Đồng Thanh, Hoài Đồng Vọng... một người suốt đời thành tâm muốn đồng thanh, đồng vọng với tất cả mọi người, rồi đã khuất bóng từ hai mươi năm nay mà sự tương ứng, tương cầu chưa hề xảy ra giữa người Việt Nam ở bất cứ nơi nào, dù là người ở trong nước hay ở ngoài nước.

*Em hỏi anh bao giờ trở lại
Xin trả lời mai một anh về...*
KỶ VẬT CHO EM

Chương Hai Mươi Hai

Tưởng bước vào đạo ca (1971) là tôi có thể dứt điểm loạt bài ca phản kháng (protest songs) khởi sự từ tâm ca (1966), vậy mà tôi vẫn tung ra nhạc tập THUỜNG CA CHIẾN TRƯỜNG với những bài soạn sau Tết Mậu Thân và một số bài mới, soạn ra vì nhu cầu của nhà xuất bản, hãng sản xuất băng nhạc và phòng trà. Nói cho đúng tâm ca và tâm phần ca chỉ được phổ biến trong giới sinh viên học sinh vì những bài ca thiên về chính trị và bị coi như quốc cấm này -- cũng giống như một số bài của Trịnh Công Sơn -- không được giấy phép kiểm duyệt thu thanh trong băng nhạc thương mại, ngoại trừ bài **Giọt Mưa Trên Lá**. Có người còn cho rằng nhét tâm ca vào băng nhạc là dung tục hoá bài ca tâm thức đi. Ai theo dõi âm nhạc ở miền Nam thì biết rằng với tâm phần ca, tôi vạch mặt bọn cường đạo quốc tế đạo diễn vở bi hài kịch. Tố cáo sự nhân danh chủ nghĩa để giết hại nhau. Nói lên nghịch cảnh của hai người lính và kể chuyện hai anh cán bộ thù nghịch phải chui xuống gầm giường của bà mẹ Phù Sa. Bởi vì tôi không phải là gỗ đá, trước cái chết của người lính trẻ, tôi tuyên bố Trời Phật Thánh Thần đều bất lực. Những tiếng nói về thân phận con người như vậy cũng có người khác nói lên, nhất là những thanh niên đang phục vụ trong Quân Đội. Một hôm tôi đọc được một bài thơ ngắn nhan đề **Trả Lời Một Câu Hỏi** của một người lính chiến tên Linh Phương, đăng trong góc nhỏ của một báo hàng ngày. Tôi bèn thêm lời, thêm ý để phổ nhạc thành bài **Kỷ Vật Cho Em** :

*Em hỏi anh ! Em hỏi anh ! Bao giờ trở lại ?
Xin trả lời ! Xin trả lời ! Mai một anh về...
Anh trở về, có thể bằng chiến thắng Pleime,
Hay Đức Cơ, Đồng Xoài, Bình Giã.
Anh trở về ! Anh trở về, hàng cây nghiêng ngả,
Anh trở về có khi là hòm gỗ cài hoa.
Anh trở về trên chiếc băng ca
Trên trục thẳng sơn màu tang trắng...*

Tôi hát bài này trước tiên tại phòng trà RITZ của Jo Marcel với ban nhạc Dreamers rồi hầu hết các ca sĩ, từ Thái Thanh, Lệ Thu, Khánh Ly qua Thanh Lan, Nhật Trường đều thu thanh vào băng nhạc. Bài hát trở thành một hiện tượng lớn của thời đó. Ở phòng trà, khi ca sĩ hát bài đó lên, bao giờ cũng có sự náo động nơi khán thính giả. Nếu là thường dân thì phản ứng cũng vừa phải, nhưng vì hồi đó dân nhà binh ở bốn Vùng Chiến Thuật về Saigon là đi phòng trà và khi trong đám thính giả có một sĩ quan đi nghỉ phép hay một thương phế binh là có sự phản ứng ghê hồn nơi người nghe. Có thể nói bài này gây một không khí phản chiến, nhưng có một cái gì cao hơn chính trị. Nó nói đến định mạng của con người Việt Nam mà ai cũng phải chấp nhận :

*Anh trở về, đây kỷ vật, viên đạn đồng đen
Em sang sông cho làm kỷ niệm
Anh trở về ! Anh trở về trên đôi nạng gỗ
Anh trở về, bại tướng cụt chân
Em ngại ngùng dạo phố mùa Xuân
Bên người yêu tật nguyên chai đá...*

Nếu nói về tiến trình soạn nhạc của tôi, với bài **Kỷ Vật Cho Em**, đây là lần thứ ba tôi nói tới người thương binh. Lần thứ nhất vào năm 1947, tôi xưng tụng một nhân vật điển hình của thời đại qua bài dân ca *Nhớ Người Thương Binh*. Với tất cả tin tưởng vào kháng chiến, tôi nhắc tới một thứ anh hùng dân tộc mà cả nước phải mang ơn : Người về có nhớ thương binh ? Anh hi sinh một cánh tay và vì lúc đó, ở trong nước, người dân chưa thấy mình là nạn nhân của chiến tranh nên ai cũng thương người cụt tay. Do đó mà người xa gửi đến quà xa. Người thương binh cũng thấy *đẹp lòng tôi lắm ai ơi !*

Một thập niên qua đi, tưởng rằng Hội Nghị Genève 1954 mang tới hoà bình nên tôi lại nói tới nhân vật thương binh với bài **Ngày Trở Về**. Vẫn nói rất đậm đà về anh, nhưng bây giờ anh chỉ có con trâu cày và người vợ mới cưới để cưu mang mình. Anh chống nạng cày bừa và anh có con trâu xanh hết lòng giúp đỡ. Anh lấy được vợ hiền lành để cố gắng sống đời hoà bình. Bài này đưa ra thêm một nạn nhân của chiến tranh nữa là mẹ của anh, đôi mắt đã loà vì quá đợi chờ.

Hơn một thập niên nữa lại trôi qua. Từ trận Ấp Bắc tới trận Tết Mậu Thân, chiến tranh giữa hai miền lên tới mức độ kịch liệt nhất. Tôi đọc bài thơ **Trả Lời Một Câu Hỏi** tôi hiểu được tác giả nhà binh mang tên Linh Phương đã biết hai bài hát về thương binh trước đây của tôi, nên anh ta đưa ra hình ảnh người thương binh thời nay, trong ngày trở về, có thể cũng giống chàng về nay đã cụt tay hay anh nông phu chống nạng cày bừa, hoặc có thể là hòm gỗ cài hoa hay bại tướng cụt chân...

Phổ nhạc bài thơ có chủ đề thương binh, tôi làm nốt công việc tạo ra những bộ ba (triptyque) như trước đây với **Em Bé Quê, Bà Mẹ Quê, Vợ Chồng Quê** hay với dự phóng bộ ba **Con Đường Cái Quan, Mẹ Việt Nam, Trường Ca Trường Sơn -- Trường Ca này đã được thay thế bằng Bầy Chim Bỏ Xứ**. Tôi muốn nói ra đây một điều cần nói, là : bài **Kỷ Vật Cho Em** tích cực chứ không hẳn là bài ca phản chiến hay định mạng. Nếu ta biết rằng miền Bắc xưa quân đi trên con đường xương trắng Trường Sơn không có ngày về, vì bắt bộ đội xâm trên tay -- hay nhét trong đầu, cũng thế **câu sinh Bắc từ Nam** thì tôi thiếu trong bài **Kỷ Vật Cho Em**, khi em hỏi anh bao giờ trở lại, em hỏi đi hỏi lại luôn luôn anh trả lời em mai một anh về. Anh còn tặng em viên đạn đồng đen nếu em bỏ anh sang sông, lấy chồng khác. Có nhân bản trong bài hát đấy chứ. Còn thêm một sự kiện : **Kỷ Vật Cho Em** vẫn là điều phải

có trong nghiệp ca nhân của tôi. Trước đây tôi ca ngợi Vệ Quốc Quân kháng chiến nhưng tôi không quên nói đến khổ đau của người mẹ mất con ở Huyện Gio Linh. Quý vị nào luận về tôi trong giai đoạn này thì đừng quên qua bài thơ **Màu Tím Hoa Sim** -- mà sau này tôi phổ nhạc với tên **Áo Anh Sứt Chì Đường Tà** -- thi sĩ Hữu Loan cũng nói tới đau thương của người lính trong kháng chiến, tưởng rằng không có ngày trở về với người yêu thì, oan nghiệt thay nhưng không chết người trai chiến sĩ, mà chết người em nhỏ hậu phương... Chứ không riêng chỉ có tôi mới nói tới cái bi trong kháng chiến !

Và bây giờ, sau khi xưng tụng người chiến sĩ Cộng Hoà với bài **Huyền Sử Ca Một Người Mang Tên Quốc** và loạt bài soạn cho Cục Quân Huấn trước đó, hay tổ khúc **Chiến Ca Mùa Hè** sau này chẳng hạn, thì tôi vẫn phải nói tới mặt trái của cái hùng là cái bi. Chỉ nên đặt vấn đề khi tôi bóp méo sự thật, dung tục hoá hay cường điệu hoá sáng tác mà thôi ! **Kỷ Vật Cho Em** là một sự thật tôi phải nói lên. Nếu ai ngăn tôi không cho tôi nói tới mặt trái của huy chương tôi cũng sẽ có phản ứng như khi bị Việt Minh không cho nói lên sự đau khổ của nhân dân.

Ngoài nhiều bài thơ trực tiếp nói về thân phận của người thanh niên trong quân ngũ mà bài Trả Lời Một Câu Hỏi là một ví dụ, tôi còn được đọc những bài thơ gián tiếp mong ước hoà bình như bài Khi Tôi Về của một sĩ quan tâm lý chiến Kim Tuấn, và được hân hạnh phổ nhạc bài đó cho Thái Thanh hát hằng đêm ở Phòng Trà QUEEN BEE :

*Khi tôi về, con chim câu nằm trong tổ ấm
Dây thép gai đã hết rào quanh đồn phòng ngự
Và người lính đã trở về cày đám ruộng xưa.
Khi tôi về, con diều bay, đùa bay trong gió
Chốn quê nhà trên thảm cỏ xanh
Có lũ trẻ để bụng lời rồn đến cười thanh bình...*

Vâng ! Khi tôi về, có con trâu rung mõ xa xôi như trong giấc mộng. Khi tôi về, mẹ già vừa tóc bạc, đôi mắt nhìn xa xôi, mẹ tôi ngóng tương lai và quên hết ưu phiền. Con cò lại bay trên đồng ruộng xanh. Tre già bảo nhau cúi đầu trầm ngâm cùng mùi khói lam quen thuộc ! Đúng như vậy ! Khi tôi về, tôi đi thăm bờ sông thuở nhỏ, tôi sẽ buồn vì chuyện ngày xưa, tôi sẽ khóc vì chuyện quê hương bao lần đau khổ, bao lần cay đắng. Quê hương tôi là ở đó, tôi lớn lên bằng lời ru, bằng tình thương, bằng hờn căm và bằng tủi hờn...

*Khi tôi về ! Con chim ca lời ca tình ái
Lũ thiếu nhi Đã hát mừng cho đời thịnh trị
Dù còn yếu cũng nhào mình vào lấy tình yêu...*

Cái quan trọng nhất là tôi tìm lại được thằng tôi, sau khi tôi đã mất tôi trong cuộc chiến này :

*Khi tôi về ! Khi tôi về ! Cuộc đời xuôi chảy
Bóng trắng xưa soi trên lối mòn,
Có rừng cây ẩm vì nhiều thương nhớ,
Có người yêu cũ nằm chờ bên gối
Và khi thức dậy tôi tìm thấy tôi !*

Từ trận Ấp Bắc, qua trận Tết Mậu Thân tới Mùa Hè Đỏ Lửa vào năm 1972, tôi thấy ai cũng nhìn nước Việt Nam trong khoảng mười năm qua như một thứ chiến trường tồi tệ và trong bối cảnh bi đát này, tôi cho in nhạc tập THƯƠNG CA CHIẾN TRƯỜNG

khi có yêu cầu của nhà xuất bản Hiện Đại.

Nhà báo kiêm thi sĩ Ngô Đình Vận cũng có chung một ý nghĩ về quê hương như tôi cho nên đã gửi cho tôi hai bài thơ để phổ nhạc. Đó là những bài **Tình Khúc Trên Chiến Trường Tỏi Tệ, Thầm Gọi Tên Nhau Trên Chiến Trường Tỏi Tệ**. Những bài này đã được Duy Quang, Thanh Lan, Anh Ngọc thu vào băng nhạc và hát trên Đài Phát Thanh. Bài **Tình Khúc Trên Chiến Trường Tỏi Tệ** xưng tụng tình yêu đôi lứa :

*Gửi tới em ! Gửi tới em ! Gửi tới em !
Một hạt mưa lẻ loi trong đêm tối, mưa bay dài.
Gửi tới em ! Gửi tới em ! Gửi tới em !
Một giọt mưa, hạt nước mắt hiếm hoi trong đời này !*

*.....
Gửi tới em ! Gửi tới em ! Gửi tới em !
Những gì còn sống sót trên đời như hơi ấm tuyệt vời
Ta ôm em và tan loãng trong không gian lưu đầy*

*.....
Em có nghe xào xạc, tiếng lá bay xào xạc,
Tiếng gió đêm buồn buồn
Lang thang trên muôn vòm đỉnh cây,
Hạnh phúc nào không tả tơi đắng cay ?*

Bài **Thầm Gọi Tên Nhau Trên Chiến Trường Tỏi Tệ** xưng tụng tình đồng đội :

*Thầm gọi tên mày !
Thầm gọi tên tao !
Thầm gọi tên nó !
Những thằng tốt đên trong cuộc đời,
Những thằng lính non hay già rồi.
Gọi tên mày ! Gọi tên tao ! Gọi tên nó !
Gọi tên nhau, tên nhau !
Thầm gọi tên mày !
Thằng bạn của tao !
Mày vừa ngã xuống
Chiến trường núi cao nơi địa đầu
Thung lũng sâu nơi Hạ Lào

Gọi tên mày ! Gọi tên tao ! Gọi tên nó !
Gọi tên nhau, suốt đời !*

Nhưng nếu cần phải đánh giá từng bài trong nhạc tập **THƯƠNG CA CHIẾN TRƯỜNG**, bài thơ **Tưởng Như Còn Người Yêu** của Lê Thị Ý do tôi phổ nhạc vào năm 71 phải là bài ca nào nùng nhất, đau thương nhất, chua xót nhất. Bài này mô tả cảnh người góa phụ đi lĩnh xác người chồng chết trận, được gửi về từ nơi chiến địa :

*Ngày mai đi nhận xác chồng
Say đi để thấy mình không là mình
Ngày mai đi nhận xác anh
Cuồng si thuở ấy, hiển linh bây giờ !
Cao nguyên hoang lạnh ơ hờ
Như môi góa phụ nhạt mờ vết son
Tình ta không thể vuông tròn
Say đi mà tưởng như còn người yêu.*

.....

*Em không nhìn được xác chàng
Anh lên lon giữa hai hàng nển trong.
Mùi hương cứ tưởng hơi chồng
Ôm mô cứ tưởng ôm vòng người yêu !*

Đang soạn thêm những thương ca chiến trường để cho các ca sĩ thu thanh vào băng nhạc và để hát tại các phòng trà thì xảy ra vụ mùa hè đỏ lửa năm 1972. Tôi cùng vài bạn nghệ sĩ như Duyên Anh, Nhật Trường đi ra Huế, Quảng Trị để tham quan chiến trường. Tôi tạm quên những bài hát cho chiến trường tôi tẽ để sáng tác những bài ca tích cực hơn như : **Điệp Khúc Trần Thế Vinh, Vùng Trời Mang Tên Ta, Lên Trời, Trong Bão Cát Mưa Rừng soạn cho Không Lực Việt Nam...** Tôi cũng đem một bài thơ của Phạm Văn Bình, thi sĩ trong binh chủng Thủy Quân Lục Chiến, để làm thành bài hát nhan đề **Mười Hai Tháng Anh Đi.**

Rồi tôi phổ những bài thơ của Phạm Lê Phan, một thi sĩ làm việc tại Đài Phát Thanh Quân Đội, thành một Liên Khúc gồm 16 chiến ca nhan đề **Chiến Ca Mùa Hè... Điệp Khúc Trần Thế Vinh** đi sau bài **Huyền Sử Ca Một Người Mang Tên Quốc** nên không được đón tiếp nồng hậu cho lắm. Trong bài này, tôi nói đến người quả phụ nhiều hơn là nói đến con người hùng mà trần thế phải quang vinh :

*Này mặt trời nhỏ bé phương Nam
Mặt trời từng sưởi ấm cô đơn
Cho ta bay ngang qua lửa đạn
Cho quê hương yên vui ngày loạn
Này mặt trời hãy khóc đi thôi
Vì người tình của nắng lên ngôi
Con chim xanh bao la tình người
Thành vị thần : TRẦN THẾ VINH ơi !*

*Này Thần Đất giữ dùm thân tôi
Ngăn xâm lăng dưới đất trên trời
Này Thần Gió giữ hồn cho tôi
Xin dâng cho Tổ Quốc muôn đời*

*Này người tình yêu dấu không tên
Phận đàn bà cuộc chiến trao duyên
Quân xâm lăng gây nên sự tình
Không ai mang khăn tang một mình*

*Này người tình hãy nín đau thương
Vì người dù xa vắng giai nhân
Nhưng quê hương ta thêm thần tượng :
Một người hùng trần thế vinh quang...*

Bài **Mười Hai Tháng Anh Đi** soạn theo thơ của Phạm Văn Bình thì nói tới hành trình trong 12 tháng của một chiến sĩ trong Thủy Quân Lục Chiến :

*Tháng giêng xuôi quân ra Huế
Cổ đồ hoang vu điêu tàn
Bãi học chiều, em vắng bóng
Tóc thề đã quấn khăn tang.
Tháng hai về trấn ven đò
Chong mắt hoả châu, giữ cầu.*

*Gió thoảng vào hơi rượu mạnh
Qua làn sương ánh đèn mờ...*

Tháng ba, tháng tư thì :

*Ba lô lên vai tới miền Tây Đô
Quê hương em xanh, xanh rợp bóng dừa...*

*. . .Tháng năm theo vì sao biếc
Hoa phượng nở quanh sân trường...*

*...Tháng sáu anh vẫn miệt mài
Hành quân chưa về thăm em...*

*...Tháng bảy mưa ngâu, nước mùa bay mau
Ô hay ta sao trong lòng rừng sâu...*

*...Tất cả bầu trời thơ ấu
Ai làm tháng tám cần khô...*

... Tháng chín ta về Cửu Long

... Cuối năm mùa Đông đan áo

*Cuối năm trời đã lạnh rồi.
Thiên hạ thì may áo cưới
Ta thì hẹn tới năm sau...*

Thế là tuy đôi chân của tôi đang bị trói lại trong thành thị, tâm hồn tôi lại được theo anh lính Thủy Quân Lục Chiến đi giang hồ một phen qua bài hát này.

Rồi khi cởi trói đôi chân, cùng với Duyên Anh, Nhật Trường ngồi trên xe thiết giáp M113 đi ra chiến tuyến, tôi có cảm hứng để đi vào một công trình khá lớn là **Liên khúc Chiến Ca Mùa Hè 72**, phổ thơ của Phạm Lê Phan với những đoạn khúc như **Qua Cầu Ái Tử, Bên Giòng Thạch Hãn, Lời Dặn Dò, Suối Trăng Hồn, Đêm Hội Máu, Một Tình Thiên, Đêm Hội Pháo, Bất Khuất, Đưa Mẹ Về Trại-Thiên Yêu Dấu, Đưa Mẹ Về Sườn Trắng Rừng Xanh, Mặc Niệm, Xin Tha Thứ...** Bản trường thi của Phạm Lê Phan có nhiều đoạn rất sát máu nhưng lại có đoạn kết rất nhân bản :

*Xin một lúc mặc niệm
Cho triệu người đã chết
Chết trong lòng cuộc chiến
Xin một phút bồi hồi
Cho những người tình khôn
Cho những đứa đại khờ*

*Xin cúi đầu thật thấp
Xin âm thầm được khóc
Những oan hồn bé bạn
Những oan hồn kẻ thù
Cùng đi thăm mộ tôi
Từng làn hương mờ khói
Xin cho phủ màu cờ
Rồi khấn nguyện chung một lời :*

*Là người Việt Nam là xin tha thứ
Tha thứ cho nhau tha thứ cho đời.
Tủi hờn cùng chung, cùng chung kiêu hãnh
Chung kiếp gian nan, chung kiếp u buồn.
Cùng một mẹ cha, chung lời chung tiếng
Xâu xé tan hoang hai mươi năm ròng.
Xin thổi kèn lên, tiếng kèn u uất
Xin đốt nén nhang, đốt nén hai hàng
Việt Nam hãy khóc khóc cho thật nhiều !*

Hai thi sĩ quân đội Phạm Lê Phan, Phạm Văn Bình mà tôi mang ơn vì đã cho tôi hai bài thơ hay để phổ nhạc, cả hai đều là thanh niên của thời đại, do định mệnh mà trở thành quân nhân, đi vào cuộc chiến với tâm hồn ươm át và tấm lòng đầy nhân bản như vậy... than ôi, sau ngày 30 tháng 4, 1975, được đi cải tạo rồi hoặc thành xác chết chôn trong nắm mồ chung của ngục quân, ngục quyền (!), hoặc âm thầm biến vào đám đông tiện dân có nợ máu với Cách Mạng (!) Nếu còn sống, liệu các anh có còn đủ tấm lòng Việt Nam để tha thứ như đã nói trong bài hát không ?

*Xin đi lại từ đầu
Chưa đi vội về sau ...
KỶ NIỆM*

Chương Hai Mười Ba

Sau một thời gian ngập lặn trong vũng lầy của **tâm ca, tâm phần ca, vĩa hè ca, tục ca, thương ca chiến trường, chiến ca mùa hè** và sau khi cố bay lên để trốn tránh vào **đạo ca** thì vào năm 1972, tôi rơi xuống đất.

Tôi rơi vào kỷ niệm, những kỷ niệm của rất nhiều người thuộc lứa tuổi tôi, lúc còn bé, còn ngây thơ trong trắng và được sống ở tỉnh nhỏ, có những buổi chiều *đi giữa làng quê*, đi giữa ruộng lúa rồi vì quá *mê trời mây tía nên không nghe tiếng mẹ gọi về...* Hoặc trong những *đêm mùa khô* ráo ngồi bên cha mẹ, mơ ước viễn du khi *nghe tiếng còi tàu xe lửa...* Tôi nhớ lại kỷ niệm và xin quay về dĩ vãng :

*Cho tôi lại nhà trường
Bao nhiêu là người thương
Không ai thù ai oán
Ai cũng bảo tôi ngoan...*

*.....
Tôi theo tà áo trắng
Cô em bạn cùng trường
Cho tôi lại một mùa
Mưa rơi buồn ngoại ô*

*.....
Tôi mơ thành triệu phú
Cứu vớt gái bơ vơ.
Tôi mơ thành thi sĩ
Đem thơ dệt mộng hồ...*

Tôi xin lại Tình Yêu mà có lẽ tôi đã đánh mất. Tôi *không cần khôn khéo* nữa, tôi xin cho lòng tôi được non yếu để tôi có thể dễ khóc, dễ tin theo... Tôi xin lại thời thơ ấu nghĩa là tôi xin đi lại từ đầu :

*Xin đi từ thơ ấu
Đi vui và bên nhau
Trong tim thì sôi máu
Khoé mắt có trăng sao
Bông hoa cài trên áo
Trên môi một nguyên cầu
Cho đi lại từ đầu
Chưa đi vội về sau...*

Tôi xin đi từ tuổi thơ nên tôi đi vào nhi đồng ca. Trong suốt mấy chục năm qua, kể từ khi có Tân Nhạc cho tới lúc bấy giờ là năm 1972, tôi soạn đủ mọi thứ loại ca, nhưng tôi chỉ soạn có hai bài hát nhi đồng là **Em Bé Quê, Một Đàn Chim Nhỏ**. Bây giờ, trước hết, tôi muốn phục hồi những đồng dao cổ tôi cho là những bài trong sáng nhất của thi ca bình dân Việt Nam...

Tiếc thay, với sự xâm chiếm nước ta của thực dân Pháp và với sự áp đảo của văn hoá Âu Tây, tới đầu thế kỷ 20 này, đồng dao ở Việt Nam đã chết. Dù Trương Tửu đã viết cuốn KINH THI VIỆT NAM, không một câu đồng dao mới nào được hát lên. Bây giờ tôi muốn đồng dao sống dậy với âm điệu mới và nhịp điệu mới. Sau nữa, tôi còn muốn đồng dao có thêm ý mới, phù hợp với cuộc sống hôm nay. Phục hồi vốn cũ, nhưng tôi muốn đi từ đồng dao cổ (tức là bé ca của thuở xưa) đến việc soạn những bài hát mới cho trẻ em, dựa vào sự trong sáng của đồng dao. Tôi đặt tên cho loại ca này là **Bé Ca**. (1) Trước hết tôi đưa ra bài **Ông Trăng Xuống Chơi** :

*Ông trăng xuống chơi cây cau thì cau sẽ cho mo
Ông trăng xuống chơi học trò thì học trò cho bút.
Ông trăng xuống chơi ông bụt thì ông bụt cho chùa
Ông trăng xuống chơi nhà Vua thì nhà Vua cho lính...*

Tôi thấy được trong bài đồng dao này một bài học về sự vật (leçon des choses) người xưa dạy cho tuổi thơ. Bài đồng dao cổ truyền cho tuổi thơ biết rằng : nếu cây cau có mo, học trò có bút, ông bụt có chùa thì nhà vua có lính, nòi chỗ có vung, cành sung có nhựa, con ngựa có tàu, cần câu có lưỡi v.v... Vì Ông Trăng đẹp quá nên những sự vật đó được dâng tặng cho ông mỗi khi ông xuống chơi với chúng ta.

Luân lý của bé ca **Ông Trăng Xuống Chơi** này là : ông Trăng không sống ở dưới trần gian này, ông ở trên Trời, từ phía Đông ông xuống chơi với chúng ta trong một đêm, rồi ông từ giã để đi khuất về phía Tây. Ông Trăng đẹp quá nên đã quyến rũ luôn cả những tình nhân nữa, khiến cho gái đẹp cũng sẵn sàng cho chồng, đàn ông cũng sẵn sàng cho vợ. Nhưng ông Trăng cũng không nhận luôn cả cái chuyện cho vợ, cho chồng này... Ông Trăng bèn :

*Trả chồng (cho) cô gái
Trả trái (cho) cây cà
Trả hoa (cho) cây bưởi...*

Ông trăng trả lại hết, trả lưỡi cho cần câu, trả tàu cho con ngựa, trả nhựa cho cây sung.... cuối cùng là trả lính cho nhà Vua, trả chùa cho ông bụt, trả bút cho học trò, trả mo cho cây cau, ông trăng đi mất .

Tới bài **Chú Bé Bắt Được Con Công**. Đây là một bài học về các con người quen thuộc trong gia đình :

*Chú bé bắt được con công
Đem về biếu ông, ông cho con gà
Đem về biếu bà, bà cho quả thị
Đem về biếu chị, chị cho quả chanh
Đem về biếu anh, anh cho con chim tu hú
Đem về biếu chú, biếu chú, chú cho buồng cau*

Chú bé trong bài đồng dao này, rõ ràng nó có ông bà, có anh chị, có chú thím để làm một công việc đổi chác. Trong gia đình nó, ai cũng thích con công nó vừa bắt được nên đã đem con gà, con chim tu hú, quả thị hay buồng cau đổi lấy con công. Chú bé đồng ý, cho tới khi vì chuyện đổi chác mà gây ra vụ đổ máu giữa chú và cô thì nó nghe lời của mẹ nó, đòi lại con công, không đổi chác nữa :

*Ai ngờ đánh nhau, cô chú đánh nhau vỡ đầu
Ôi thằng bé nào, bé nào mà không hoảng sợ ?
Thế rồi nghe mẹ, nghe mẹ trả lại buồng cau
Xin hoà với nhau, Cô ơi ! Cô ơi ! Cô Chú !
Buồng cau trả chú
Tu hú hú trả anh
Quả chanh trả chị...*

Với bài **Thằng Bờm**, lần này tôi muốn đổi tên nó là **Thằng Bọm** (dấu nặng) :

*Thằng Bọm, thằng Bọm có cái quạt mo
Phú ông, phú ông muốn đổi (ý)
Ba bò chín trâu, Bọm chỉ lắc đầu
Thằng Bọm, thằng Bọm nó chỉ lắc đầu
Phú Ông muốn đổi (ý)
Ao sâu cá mè, thế mà Bọm chỉ nín khe...*

Theo tôi, Thằng Bọm thời nay không đại như Thằng Bờm thời xưa, đã chỉ đổi cái quạt mo lấy một nắm xôi nhỏ của Phú Ông, trong khi Phú Ông sẵn sàng cho nó đổi lấy năm con bò, chín con trâu, một sâu cá mè, một Qua kết luận của câu đồng dao cổ, hình như ai cũng khen là Thằng Bờm thực tế, chỉ cần có nắm xôi ăn cho no bụng không cần sự giàu sang của Phú Ông.

Tôi thì cho rằng Phú Ông bóc lột Thằng Bờm dấu huyền. Lần này gặp Thằng Bọm dấu nặng, nó ôm tất cả mọi thứ của Phú Ông và cùng với chiếc quạt mo của nó, chạy luôn một mạch khiến cho Phú Ông đứng đó kêu Trời :

*Một tay thì giữ quạt mo
Một tay nắm cổ ba bò chín trâu
Bọm chạy cho mau là Bọm chạy cho mau
Cùng sâu cá mè
Cùng bè gỗ lim
Cùng chim đồi mồi
Cùng với nắm xôi
Bọm chạy đi thôi
Là Bọm chạy đi thôi
Mặc cho Phú ông kêu trời...*

Ba bài bé ca đó xoay quanh vấn đề cho nhau và trao đổi với nhau. Cái gì tốt và hợp lý thì nhận. Cái gì không hợp lý và đem lại sự đánh nhau thì thôi, không trao đổi nữa. Và cũng chẳng nên đánh lừa người thấp cổ bé miệng bằng sự dối chác.

Bé ca sẽ đi tới những bài hát, tuy không khởi sự từ đồng dao nhưng nó vẫn nằm trong thế giới trẻ em như bài **Bé Bắt Dế**. Ở đây, nó là một bài hát ám chỉ về thời cuộc nước ta trong cảnh chiến tranh, dựa vào việc trẻ con Việt Nam thường hay đào lỗ bắt dế rồi đem về chơi trò chọi dế. Con dế nói : tôi là ca sĩ chứ không phải là võ sĩ. Xin để cho tôi hát, đừng bắt tôi phải đánh nhau :

*A ! Này bé ! Con dế nó ở miền quê
Chinh chiến lan về, nó phải tân cư
Nó sống trên hè, quanh quẩn ngoài ô
Làm thân sống nương, ở nhờ*

*.....
A ! Này bé ! Con dế nó ở nhà em
Nên nó cũng thèm coi truyền hình đêm
Nó thấy phi thuyền lên tận mặt trăng
Mà không thấy đâu Chị Hằng ?
A ! Này bé ! Con dế cúi đầu phục lẫn
Nó hát khen rằng :
Con người giỏi giang
Nhưng vẫn chê rằng :
Thiếu hẳn Tình Thương
Lòng vẫn chứa đầy bạo cường...*

Thế rồi, tới lúc dế không còn ở lại với bé được nữa, vì dế phải đi tới quê mẹ để nối lại tình cha và ca hát câu giải hoà. Dế đi nhưng vẫn hứa hẹn ngày về :

*A ! Này bé ! Con dế đến mùa phải đi
A ! Này bé ! Rồi sẽ có ngày trở về...*

Bé Ca thời nay tả thực hơn là mang những ẩn ngữ của đồng dao cổ. Nó muốn kết chặt thân tình anh em, như trong bài **Đưa Bé Đến Trường** :

*Đưa bé đến trường bằng xe anh đạp
Khi bước ra đường bình minh đã lên
Ba má đã khuyên mình nên đi sớm
Em hãy leo lên để anh đi liền...*

Sáng đưa bé đến trường, chiều đón bé ra trường :

*Đón bé ra trường, chiều mưa xám xịt
Đi giữa hai hàng đèn đêm đứng im
Em bé co ro ngồi ôm tay lái
Anh cũng so vai còng lưng tiến lên
Xe đi loanh quanh, mưa xuống nhanh nhanh
Chân anh, chân em tràn ngập nước vắng
Anh em ca lên cho đỡ run lạnh
Ca lên, ca lên câu hát anh em
Ta thương yêu nhau, đời là cõi tiên
Nay mai xa nhau, kỷ niệm chẳng quên...*

Luân lý của bài **Đưa Bé Đến Trường** nằm trong câu hát chót :

*Mai một em thành người trong xã hội
Chức lớn sang giàu, nổi danh khắp nơi*

*Em có đi chơi bằng xe hơi mới
Xin chớ cán xe đạp của anh, bé ơi !
Xin chớ cán xe đạp của anh, bé ơi !*

Bé ca **Đốt Lá Trên Sân** sau đây cũng nằm trong không khí nổi liền hồ sâu thế hệ :

*Nếu bé yêu anh, anh mời đến ở
Dưới mái thô sơ, nơi vườn xanh cỏ
Ngày thì chia nhau sách đọc, mới cũ
Để chiều còn ra tưới vườn, quét lá...*

Quét lá rồi vun lá giữa sân, nhóm lửa đốt :

*Khói, khói lên nhỏ nhoi
Khói lên nhẹ hơi, khói lên lả lơi
Khói, khói lên đầy vơi
Khói lên tả tơi, khói lên mù khơi
Khói, khói lên đẹp ngời...*

Khói trắng khơi lên kỷ niệm êm nhẹ của những ngày anh cũng nhỏ như bé, còn mẹ cha và cũng có những chiều đốt lá... Khói nhắc anh *những ngày vui khỏe, là chàng trai trẻ anh đi theo nhạc hành quân xa, trên nẻo đường ta...* Khói làm cay mắt, em ạ ! Nước mắt tuôn ra vì khói hay vì nhớ ngày xa xưa ?

*Đốt lá trên sân, khói mờ cay toả
Nước mắt rưng rưng, anh nhiều mắc cỡ
Ngọn lửa làm anh mắt mờ thương nhớ
Chỉ làm cho em má hồng đẹp thêm...*

Bé Ca được phát triển mạnh trên hình thức ngay sau mấy bài hát giản đơn. Bài **Bé, Cây Đàn, Ngôi Nhà Xanh, Đồi Cỏ** phong phú hơn, nó là một câu chuyện nên được chia ra nhiều đoạn : *Trên ngọn đồi cao có ngôi nhà xanh và có một em bé đang đứng ôm một cây đàn. Tôi leo ngang qua đồi và đi qua nhà. Bé bắt tôi đánh đàn cho bé nghe. Đánh đàn xong, trả lại đàn, bước xuống đồi nhìn lên, tôi bỗng thấy bé rất lẻ loi...*

Bài **Trong Tiếng Đàn Của Anh, Trong Tiếng Cười Của Em** là sự bổ sung cho bài **Bé, Cây Đàn, Ngôi Nhà Xanh, Đồi Cỏ**. Kể từ khi tôi hay nói tới tiếng đàn trong những bài hát đầu đời, bây giờ -- nghĩa là mấy chục năm sau -- tôi mới lại có dịp nói tới tiếng đàn :

EM : *Trong tiếng đàn của anh, em thấy một niềm đau
Em thấy nỗi buồn theo tang tóc nơi quê nghèo
Trong tiếng đàn của anh, em thấy mối âu sầu
Rơi rớt theo giọt châu thương nữ, chốn giang đầu
Qua tiếng đàn của anh, em thấy nhạc Ly Tao...*
ANH : *Trong tiếng cười của em, anh thấy một màu xanh
Anh thấy khung trời thanh, anh thấy bao tia lành
Trong tiếng cười của em, anh thấy bao ân tình
Cho tái sinh niềm tin nơi ngón tay bập bênh...*
EM : *Ôi tiếng đàn của anh, xin vẫn chẳng hề quên
Những oái oăm về trên non nước ta ngoan hiền
Ôi tiếng đàn của anh, xin vẫn chứa ưu phiền
Nhưng cũng xin được vui, vui bớt chút oan nghiệt*
ANH : *Ôi tiếng cười của em, xin vẫn cứ cười vang lên
Ôi tiếng cười của em, xin vẫn mãi mãi êm đềm*

*Ôi tiếng cười của em trong những tiếng anh đàn
Ôi tiếng đàn của anh trong tiếng cười của em
HÁT CHUNG : Ôi tiếng lòng của ta, của đôi ta...*

Từ 1973 qua 1975, trong phạm vi bé ca, tôi đi từ đồng dao cổ phục hồi tới những bài nối liền hai thế hệ. Tôi cũng muốn đưa bé ca lên hình thức nhạc kể chuyện, nhạc thần tiên nên đã soạn những bài có nhiều đoạn khúc. Trong đầu năm 75, tôi còn soạn được hai bài bé ca nữa : **Con Ốc Sên Và Hòn Đá Cuội và Một Con Chim Nhỏ Trên Cành Yêu Thương**. Bài sau đã thành ra "lớn ca" mất rồi :

*Một con chim nhỏ trên cành yêu thương
Cất tiếng ca đêm Việt Nam vô thường
Nhựa Hoà Bình loang nhànch khô héo xuống
Mưa Hoà Bình gột tóc Mẹ sau gương
Vòm tre lơ lửng theo ngọn thùy dương
Nắng đã soi trên Việt Nam mơ màng
Đồng cỏ xanh lơ đợi chờ cơn gió
Hoa nở đầy miền, bia mộ đường quên
Một con chim nhỏ trên trời cây non
Cất tiếng yêu thương Việt Nam vô vàn
Thắm cỏ mềm cho giọt sương lay lắt
Sông nằm dài, chờ kết bạn trăm năm...*

Bây giờ nói về nữ ca. Nữ ca được soạn khi tôi bị lôi cuốn bởi những tờ báo dành riêng cho tuổi ô mai. Nhưng lý do chính là để cho con gái yêu Thái Hiền hát (2). Nhờ các con tôi đi theo phong trào nhạc trẻ, tự thành lập một ban nhạc combo lấy tên The Dreamers, lúc đó tôi cố gắng cười cở **si tin** nhạc trẻ, nghĩa là làm sao để sáng tác của mình không trở thành nhạc lai căng. Những bài như **Tuổi Mộng Mơ, Tuổi Ngọc, Tuổi Hồng, Tuổi Thần Tiên, Tuổi Xuân, Tuổi Bâng Khuâng, Tuổi Vu Vơ** hay **Tuổi Ngu Ngơ, Tuổi Sợ Ma...** xưng tụng tuổi tuyệt vời của các em và xin các em giữ chặt lấy nó, đừng... hít xì ke nghe.

Tôi mở đầu loạt bài nữ ca với bài **Tuổi Mộng Mơ**. Đây là một bài hát đối đáp :

*Em ước mơ mơ gì, tuổi mười hai, mười ba ?
Em ước mơ em là, em được là tiên nữ
Ban phép tiên cho hoa nói được cả tiếng người
Ban phép tiên cho người chắp cánh bay giữa trời...*

Bài hát tiếp tục : Em ước mơ em được là thi sĩ hay hoa hậu, hoa khôi... Nhưng khi em đã vào tuổi mười lăm, mười sáu, nếu hỏi em ước mơ gì, em trả lời : *em chỉ muốn được là cô gái yêu nước Việt, bước chân theo giồng nòi.*

Bài nữ ca số 2 ra đời để hưởng ứng công việc của tờ báo của Duyên Anh, mang tên **Tuổi Ngọc**. Đây là lời nũng nịu của cô bé xin được mặc chiếc áo dài của dân tộc, rồi xin một mớ tóc dài chứ không phải tóc quăn. Cuối cùng :

*Xin cho em còn một xe đạp
Xe xinh xinh, để em đi học
Từng vòng, từng vòng xe
Là vòng đời nhỏ bé
Đạp bằng bàn chân gót đỏ hoe
Cho em leo từng con dốc dài
Cho em xuôi về con dốc này*

*Rồi một ngày mai đây
Từng kỷ niệm êm ái
Chở về đây trên chiếc xe này...*

Bài **Tuổi Hồng** là bài nhiều tính chất của nhạc folk-rock nhất. Bài này có cơ hội được một bạn đồng nghiệp Hoa Kỳ là James Durst soạn lời ca Anh Ngữ nhan đề **The Rosey Years** và được thu vào băng nhạc và đĩa hát Hoa Kỳ (cũng như bài **Bé Bắt** **Dế** với tên **Little Child ! Catch A Cricket**) :

*Hôm nay em đi trời không có nắng
Nhưng sao đôi má em lại bừng bừng
Nơi em đi qua lửa không bốc cháy
Nhưng sao đôi má em như người say
Em không hung hăng giận, hay tức tối
Em không biết uống ly rượu người mời
Đôi khi em đi hạt mưa giăng lối
Nhưng sao môi mắt em như mặt trời..*

Bài hát tiếp tục xưng tụng cô gái Việt Nam :

*Hoa chưa ra hoa nụ hoa chưa hé
Nhưng em thơm mát hương mạ chiều hè*

*.....
Mây xanh mây xanh nhiều khi mây đứng
Nhưng em phơi phơi bay vào trời quang*

*.....
Chưa ai cho em một câu ân ái
Chưa ai đưa lối hoa mộng đường dài
Em chưa nghe thiên tình ca êm ái
Nhưng em đã bước chân vào huyền thoại*

*.....
Tuổi Hồng ơi ý ơi ! Tuổi Hồng ơi ý ơi !
Tuổi Hồng ơi ý ơi ! Tuổi Hồng ơi ý ơi !*

Ba bài nữ ca đầu soạn theo nhịp rock, nhưng giai điệu vẫn nằm trong ngũ cung Việt Nam. Bài **Tuổi Mộng Mơ** chẳng hạn là nét nhạc bài **Lưu Thủy**... Nữ ca **Tuổi Thần Tiên** sau đây có một nhạc ngữ và cấu phong khác ba bài trước. Nó xưng tụng cô bé với tình yêu gia đình, yêu nhà trường, yêu quê hương :

Tuổi thần tiên nép trong tay mẹ hiền

*.....
Tuổi thần tiên lắng nghe cha ngọt ngào*

*.....
Tuổi thần tiên có thêm anh chị yêu
Có thêm ông bà tóc trắng da nheo*

*.....
Tuổi là cây bút thon thon ngọc ngà
Tuổi là sách thơm, trong như ngoài bì
Tuổi là tay viết xanh xanh hàng chữ
Ép trong đôi tờ, cánh bướm đã khô*

*.....
Tuổi thần tiên có quê hương hoà bình*

.....
Tuổi thần tiên có con sông thật dài

.....
*Tuổi thần tiên có quê hương đổi mới
Nước non thanh bình cho bé yên vui
Mùa Xuân đến, lên chùa phát tâm nguyện
Nơi Phật đường, tuổi thêm thần tiên
Mùa Đông đến với đêm Chúa êm đêm
Giáng Sinh về, đẹp tuổi thần tiên.*

Nữ Ca **Tuổi Sợ Ma** rất vui. Cô bé Việt Nam trong thời đại đảo điên này, gặp nhiều ma lắm. Nào là **ma lem, ma bùn, ma men, ma cờ bạc, ma túy, ma cà rồng, ma cô, ma giáo, kể cả mafia, ma đầu cơ, ma tích trữ...** Em gặp ma, nhưng em...

*... quyết đánh cho ma tan tành
Ma vô hình, nhưng chúng mình phải giơ tay đánh...*

Thế rồi hôm qua em đang trong giấc ngủ bình an thì có ma đánh thức em dậy.
Nhưng ma này lại là ma dịu dàng gọi là **maman**. Maman nói với bé :

*Hỡi bé ! Hãy nên ngoan ! Hãy nên ngoan !
Đừng cho Mẹ mắng ! Phải ngoan !
Maman ! Maman ! Maman !
Mẹ yêu, mẹ mến, mẹ thương !*

Bài **Tuổi Xuân** sau đây mô tả cô bé quá yêu đời, yêu người và chỉ sợ con tim nhỏ bé của mình sẽ bị vỡ toang vì tình yêu :

*Bỗng dưng yêu đời ! Bỗng dưng yêu đời !
Tình yêu thứ nhất quê hương đẹp ngời
Rồi yêu kế tiếp năm châu mọi nơi*

.....
*Yêu biết bao cuộc sống !
Yêu biết bao cuộc đời !
Yêu từ ngày hôm nay
Yêu sẽ yêu còn dài*

.....
*Bỗng dưng yêu người ! Bỗng dưng yêu người !
Ở trong thương xá hay trên vỉa hè
Hoặc ngồi xe lam lắc rung rinh đường quê*

.....
*Em mến yêu trẻ thơ
Em kính yêu ông già
Yêu Thầy và yêu Cô
Yêu giấc mơ học trò...*

*Bỗng dưng vui nhiều ! Bỗng dưng vui nhiều !
Niềm vui thứ nhất, ba nuông mẹ chiều
Và vui thêm nữa anh yêu, chị yêu !
Bỗng dưng vui nhiều ! Bỗng dưng vui nhiều !
Niềm vui kế tiếp không chê giàu nghèo
Và vui chót hết, em luôn được yêu*

.....
*Bỗng dưng mơ màng ! Bỗng dưng mơ màng !
Một con tim bé bao nhiêu là tình*

Chỉ lo nó vỡ con tim đẹp xinh

.....

*Nhưng em không sợ tim mình vỡ toang !
Nhưng em không ngại tim mình vỡ toang !
Em ca em hát, em vui rộn ràng
Là la la là la la là là - Là la la là la la là la...*

Càng đi vào nữ ca, tôi càng tìm ra những nữ tính như **vu vơ, ngu ngơ, ngu ngờ** trong bài hát **Tuổi Vu Vơ** :

*Tuổi nào hay tủi thân
Và hay khóc với hay dối hờn ?
Tuổi nào hay ngạnh ương
Tuổi hay bấu môi và nguýt lườm ?
Có khi vùng vằng lui tới !
Có khi ngồi thờ không nói !
Có khi nằm dài co ro bụng đói
Có khi cười đùa thân thiết
Có khi thiệt rầu muốn chết !
Sống trong nhiệt cuồng, yêu ghét liên miên !*

.....

*Tuổi nào mở lòng ra,
Thả theo gió bay đi bốn mùa
Tuổi còn thêu dệt hoa
Và bốn chữ "ái tình tôn thờ"*

.....

*Tình gần bỗng vội xa,
Rồi khép nép xưng tội hững hờ
Có khi ngồi nhà vui quá !
Có khi sầu về trên phố !
Viết hay đọc hoài không hết phong thư.*

.....

*Tuổi là của tình thương,
Từ con rắn đến voi, đến hùm.
Kể luôn tới loài dun,
Dù nó dữ hay là nó hiền .
Có thiên thần, thì cũng có
Lũ ác quỷ ở bên đó
Thế nên tuổi dành ngu ngơ ở giữa
Tuổi là của vị tha,
Tuổi thương sót biết cho mấy vừa
Tuổi một ngày một xa,
Thì hãy giữ cho tuổi không nhòa
Giữa nơi lọc lừa gian trá, vẫn mang một niềm tha thứ
Sống trong rừng già, nhún bước nai tơ...*

Trong bài **Tuổi Bâng Khuâng**, cô bé Việt Nam tự hỏi mình sao không phải là hoa, là lá, là cỏ, là cây, là mây, là gió, là trăng, là suối, là biển, là bướm, là chim ? Nó được soạn trong lúc có danh từ hoà hợp hoà giải cho nên nó cũng đưa ra hình ảnh một khu rừng, trong đó cây chen vai hoà hợp quanh năm cho nên khu rừng mới cao được. Đại ý nó muốn nói : ta phải đoàn kết thì nước ta mới lớn được :

*Sao em sao em không là hoa lá ?
Sao em sao em không là cỏ cây ?*

Sao em sao em không là cơn gió ?
Sao không như mây trên đồi cỏ xa ?

.....

Sao em sao em không là suối nhỏ ?
Sao em sao em không là sóng cả ?
Sao em sao em không là cánh bướm ?
Sao em sao em không là chân chim ?
Sao em không như một thời gian báu ?
Không lâu, không lâu giải hoà niềm đau

.....

Sao em sao em vẫn còn mơ mãi ?
Sao em sao em vẫn còn chơi vui ?
Tay em phân vân se làn tóc rối
Trong đêm vắng khuôn nhớ mình, nhớ người .

Tới đây cô bé đã tới tuổi 17, 18 rồi ! Đã biết buồn rồi ! Tôi soạn chung với Ngọc Chánh bài **Tuổi Biết Buồn** để đi dự thi Âm Nhạc Quốc Tế ở Tokyo trong năm 1974. Bài này do Thanh Lan hát và được vào chung kết :

Buồn đã tới rồi, một chiều tím trên sông
Làm cho úa vàng từng mộng ước tươi hồng
Ôi những chú nai tơ, Công Chúa rừng già
Nơi hoang đường xa, cửa đã khép ngăn em về...
Nhớ bé xưa, cùng chơi đuổi nhau dưới bóng hàng cây

Nấu nướng hay nhảy dây, vòng chơi cuốn theo tuổi say
Nụ hoa dặt trên đầu, tặng nhau đứng bên cầu
Ai ngờ dòng đời đang cuốn mau
Buồn đã tới rồi, một buổi tối không trăng
Tình len lén vào cửa mở lớn tim nàng
Ôi những phút say sưa, những phút dịu dàng
Yêu người mà sao lòng còn mãi băn khoăn ?
Buồn đã tới rồi, cả một trắng đêm khơi
Tình đã hoen màu vàng cả tóc mây ngời
Ôi những mối dây tơ đã rối mù rồi
Oan tình đầy vui, mở rộng lưới giam bao người
Nhớ lúc vai kề vai dìu nhau đi giữa hàng dương
Thấy bóng soi hồ trong, ngừng chân dưới gốc đào thông
Nụ hôn lúc ban đầu, thần tiên dẫn ta vào
Ai ngờ cuộc tình tan vỡ mau
Buồn đã biết rồi từ thuở biết thương yêu
Tình sẽ lớn dần và buồn sẽ thêm nhiều
Mang những vết thương đi trong cõi tình dài
Ôi tuổi buồn ơi ! Tuổi còn mãi theo ta hoài...

Vào năm 1961, tôi có soạn bài **Ngày Em Hai Mươi Tuổi** cho một người bạn gái. Tôi dùng bài này là bài kết của loạt MƯỠI BÀI NỮ CA, vì nữ ca khởi sự từ tuổi 13, nay ngưng lại ở tuổi 20 là vừa !

Ngày em hai mươi tuổi
Tay cắt mái tóc thè
Giã từ niềm vui nhé
Buồn ơi ! Hãy chào mi

.....

*Ngày em hai mươi tuổi
Tay níu chân cuộc đời
Cho ngừng lời giảng giải
Thời gian cũng đứng trôi
Ngày em hai mươi tuổi
Mới chớm biết yêu người
Đã buồn vì duyên mới
Rồi đây sẽ nhạt phai...*

Hình như khi nào tôi đi vào một đề tài nào đó thì khi đi qua những đề tài khác, tôi cứ bị đề tài cũ ám ảnh hoài. Do đó mà có cái vụ soạn ra một bài, rồi mười năm sau, được dùng để làm bài chót cho một thứ **chương khúc** gồm những bài mới cùng chung đề tài với bài cũ.

Với 10 bài bé ca và 10 bài nữ ca, tôi đang tung ra những bài ca tươi thắm, khác hẳn với cảnh khốc liệt và trần trụi của tâm ca, tục ca. Vì tôi mắc cái bệnh thích làm bộ ba, tôi bèn soạn thêm 10 bài bình ca để cho vào một nhạc tập được ấn hành với tên HOAN CA, có tranh bìa rất đẹp của họa sĩ Đinh Tiên Luyện.

Cho tới đầu thập niên 70, ở miền Nam đã có những bài thơ mà tác giả có khi là tu sĩ (Nhất Hạnh) hay anh thanh niên không thích đi quân dịch, có khi là lính trốn (Linh Phương) hay sĩ quan tâm lý chiến (Thái Luân, Kim Tuấn, Phạm Lê Phan), là thi sĩ được nhiều biết tới (Ngô Đình Vân, Lê Thị Ý) hay hầy còn là mầm non thi sĩ... nói lên sự ước mơ hoà bình của toàn thể dân tộc Việt Nam dù chính quyền không đồng ý để văn nghệ sĩ nói lên giấc mơ đó. Văn nghệ sĩ miền Bắc là phải thề phan thây uống máu quân thù thì văn nghệ sĩ ở miền Nam, dù sự bắt buộc không thành văn, cũng phải lên gân như vậy. Ai cũng biết từ thời ông Diệm cho tới giữa thập niên 60, danh từ hoà bình là một thứ cấm kỵ (tabou), không ai được nói tới. Một tờ báo như tờ HOÀ BÌNH của linh mục Trần Du, lúc xin cấp giấy phép ra báo thì Bộ Thông Tin đề nghị đổi tên **manchette**. Từ 68 trở đi, nghĩa là từ khi có Hội Nghị Paris và có chuyện việt nam hoá chiến tranh thì ở bên Mỹ, ở bên Âu Châu ai cũng nói tới hoà bình. Nhưng ở Việt Nam thì gần như người ta không muốn nhắc tới danh từ đó .

Chỉ tới khi Thủ Tướng Nguyễn Cao Kỳ, trong một bài diễn văn do nhà văn kiêm nghị sĩ Thái Lăng Nghiêm viết, nói rằng : Mặt Trận Giải Phóng, tuy không phải là một thực thể nhưng nó là một thực thể, thì chữ hoà bình mới không còn bị ngăn cấm nữa. Người ta bắt đầu sài chữ đó nhưng thêm vào hai chữ thành ra hoà bình công chính. Chữ hoà bình cộc lốc mà phe tả dùng đến thì coi như là ngụy hoà. Bên Công Giáo từ trước đến nay rất kị khái niệm hoà bình thiên tả thì bây giờ đưa ra phong trào Hoà Bình và Công Lý. Nói tóm lại, chiến lược của Miền Nam vào lúc đó đã có nét mới là chấp nhận chiến lược toàn cầu. Trong làng văn có ngay một buổi ra mắt được tổ chức rất xôm tụ của cuốn HOÀ BÌNH, NGHĨ GÌ, LÀM GÌ, một cuốn sách vừa to vừa dày của Nguyễn Mạnh Côn. Anh bạn láng giềng của tôi xưa nay là người có tư tưởng, có lập trường, một nhân vật chỉ đạo của Nha Chiến Tranh Tâm Lý, đã từng viết nhiều về Việt Minh. Bây giờ thấy anh viết sách đó tôi hiểu được rằng chống Cộng đến chiều như anh mà cũng chuẩn bị hoà bình thì chắc việc đó là như thế đó.

Là người phổ nhạc những bài thơ ước mơ hoà bình kể trên, bây giờ, trong bối cảnh Hội Nghị Paris với ba thành phần hay bốn phe gì đó đang sắp sửa ký kết với nhau, tôi soạn những bài hát nói tới hoà bình. Tôi không gọi tên loại ca này là **hoà bình ca** mà chỉ gọi là **bình ca**. Vì trong 10 bài hát này, tôi nói nhiều tới chuyện lấy lại cái bình

thường, cái bình dị của dân tộc ta đã bị mất đi sau mấy chục năm chiến tranh. Hoà bình tới thật đi nữa cũng không phải để tôi nói tới chuyện tương lai, với sự trùng tu xù xở, xây lại nhà trường, nhà thờ, nhà máy, đường xá, cầu cống... Tôi muốn bình ca là những bài hát điều hợp xã hội và con người, trong đó chỉ nghe ra ngôn ngữ hiền hoà mà thôi. Tuy nhiên nó cũng không thiếu ngôn ngữ của thời đại và nhạc ngữ của nó thì hoàn toàn theo si-tin nhạc trẻ.

Bài **Bình Ca Một** còn đưa ra hình ảnh anh hippy :

*Này em con chim lười
Nhiều năm chim đau phổi
Buổi sáng vắng tiếng chim cười vui
Này em con trâu già
Nhiều năm trâu vất vả
Cùng với bác xã nơi đồng quê*

*.....
Này em vang tiếng cười
Giờ chơi không e ngại
Trường lớp đó là nơi
Ngày xưa, giam bao người
Trại cũ đã biến ra trường đời*

*.....
Này em đã tới giờ
Mẹ đưa em đi chợ
Rồi khi đưa nhau về
Gặp anh hippy trẻ
Mặc áo rách đứng bên nhà thờ
Trông đẹp tựa hình Chúa hiền mơ...*

Bài bình ca số 2, **Sống Sót Trở Về** đúng là ngôn ngữ tráng sĩ hành : Sống sót trở về, trên đường làng tươi mát, trên đại lộ thơm ngát, trên rừng đồi xanh ngát, trên biển xanh cát vàng... có anh thợ cấy sung sức, có anh thợ mỏ náo nức, có anh mục đồng thao thức, có anh thợ chài bâng khuâng... Sống sót trở về, anh hùng rực chiến công cũng giống anh hiền ưa cuộc đời tối tăm, chúng ta đều ngập ước mong là được má áp môi kề ôm người đẹp suốt năm :

*Sống sót trở về, tên cường đạo lau kiếm
Xé áo giang hồ xin chèo đò trên bến
Sống sót trở về, quên màu hồng, gái điểm
Trút phấn son rồi, xin mặc lại áo huyền...*

Còn riêng tôi :

*Sống sót trở về, tôi tạ từ vũ khí
Sống sót trở về, tôi trở lại nhỏ bé
Sống sót trở về, đeo một bầu rượu quý
Sống sót trở về, vui một mình, tôi đi .*

Bình Ca số 3 **Dường Như Là Hoà Bình** mang nhiều tính chất nhạc trẻ nhất :

*Dường như nghe đâu đây tiếng người
Ngày hôm qua im tiếng im hơi
Người xưa nay thường che mặt lại
Bỗng hôm nay không ai là không cười*

.....

*Dường như đêm hôm nay quá dài
Dường như đêm nay ngắn quá thôi
Cùng nhau chơi ở nơi mở hội
Chúng tôi vui như điên, như dại*

*.....
Dường như tôi hôm nay bé lại
Dường như tôi nay mới lên hai
Mẹ ôm tôi vào lòng êm ái
Gãi lưng tôi, nhặt chấy cho tôi...*

Bình Ca 4 **Xin Tình Yêu Giáng Sinh** là một bài thơ của Trữ Vĩ do tôi phổ nhạc. Nội dung của bài này : Xin cho tình yêu được giáng sinh trên một quê hương đã cần cỗi vì chiến tranh, trên một quả địa cầu đã tằm tối vì bạo lực, trong lòng mọi người hấp hối đang sống trên sự gian dối và tội lỗi trong một cuộc đời lầy lội và nổi trôi này. Bài ca nói tới mười ngàn đêm đau thương, trong đó chúng ta sống một trường thiên ác mộng. Bài ca nói tới mười ngàn đêm của hờn, mười ngàn đêm của giận và trên vũng lầy vô tận này ta chỉ thấy máu và xương, chỉ thấy khóc và than. Chúng ta đã có tới mười ngàn đêm đau thương, mười ngàn đêm đoạn trường, mười ngàn đêm oan khiên rồi thì đã đến lúc chúng ta phải quỳ xuống, cầu nguyện cho tình yêu giáng sinh, cho một lần hoa nở, cho một lần ngực thở , cho một lần cửa mở và cho tình yêu của chúng mình cũng được giáng sinh.

Bình ca số 5 với cái tên **Xuân Hiền** rất là cổ kính. Có dùng nhiều danh từ như **Xuân Phong, Xuân Tiêu, Xuân Miên...** để nói tới gió Xuân, ánh sáng mùa Xuân, tới giấc ngủ và giấc mộng đêm Xuân. Hình ảnh tôi thích nhất là : khoanh tay ra bờ giếng gọi tên Trời Đất :

Xuân huy chan hoà trên khắp quê hương

*.....
Xuân phong đem về tin tức vui chung*

*.....
Xuân xanh em là xuân nữ tơ trinh*

*.....
Xuân tiêu em nằm trong giấc mơ yêu*

*.....
Xuân miên anh vào sâu giấc mơ tiên
Anh ra bờ giếng, khoanh tay gọi tên
Gọi đất trời rất ngoan hiền*

*.....
Xuân non, Xuân già, Xuân vẫn Xuân quen
Mới biết Xuân là cuộc tái sinh duyên*

*.....
Xuân không lên đường Xuân đứng êm êm
Đứng mãi trong đời để cống ta lên
Yêu Xuân đắm thắm, yêu Xuân một phen
Và sống cùng với Xuân hiền...*

Bình ca số 6 nhan đề **Ru Mẹ** là lời con ru mẹ, không phải mẹ ru con :

*Mẹ năm mươi tuổi chiến tranh
Con hai mươi tuổi, Hoà Bình về chơi*

*.....
Mẹ tôi giấc ngủ khó khăn
Xưa nay ru mẹ toàn bằng đạn bom*

Mẹ ơi ! Xin ngủ êm đêm
Riêng con không ngủ, ngồi nhìn mẹ yêu
Mẹ xưa nay ngủ không nhiều
Con xin ru mẹ ngủ chiều, ngủ trưa

.....
Mẹ năm mươi tuổi thiếu mơ
Con hai mươi tuổi nằm chờ mộng xanh
Mẹ ơi ! Giấc mộng tốt tươi
Cho con xin gửi cuộc đời Việt Nam
Mộng không máu đổ, xương tàn
Mơ trong giấc ngủ một đàn trẻ thơ...

Bình ca số 7 **Lời Chào Bình Yên** phát triển hình ảnh con người khoanh tay gọi tên
Trời Đất :

Mang giấy gió tốt, mang khăn áo lành
Tôi chào đất nước tôi nay thái bình
Tôi cúi lưng xin chào anh
Tôi đứng lên, tôi chào em

.....
Tôi thấy chung quanh chào nhau
Tôi cũng không quên chào đứa tôi đâu

.....
Xin chào những bác nông dân ít lời
Tôi chào chiến sĩ đang ôm súng ngồi

.....
Tôi chào vùng nước trong xanh, tháng hè
Tôi chào tấm áo bông, đêm rét về
Tôi chào đứa bé sơ sinh khóc oà
Tôi chào đám cưới đi ngang trước nhà
Tôi vẫy tay theo nhịp xe
Đưa đám ma ra ngoài ô
Tôi muốn thăng hoa cuộc sống đi qua

.....
Tôi chào trái đất xinh xinh giữa trời
Tôi chào thế giới chung nhau giống người

.....
Tôi chào ý nghĩ chia vui chúng mình
Chia buồn, sẽ sống chung nhau thái bình

.....
Ta bắt tay nhau chào tiếng hân hoan
Lời Chào Bình Yên ! Lời Chào Bình Yên !

Bình ca số 8 **Giã Từ Ác Mộng** nói tới chuyện tìm lại được thiên đường hạ giới :

Nào người yêu, giã từ ác mộng
Ta đưa nhau tới cõi địa đàng
Về một nơi sông dài nước rộng
Ta yêu nhau trên bãi cỏ hoang

.....
Nào người yêu giã từ bóng tối
Ta yêu nhau dưới ánh mặt trời
Cỏ vàng khô cũng là chăn gối
Hay mưa rơi cũng mát lòng người

.....
Nào người yêu đem về phơi phơi
Ta yêu nhau dưới ánh đèn ngời
Mầu tường vui, căn phòng êm ái
Soi gương nhau nhớ mãi hình hài

.....
Nào người yêu giã từ oán ghét
Thôi ăn năn, hối tiếc, buồn phiền...

Bình ca số 9 **Chúa Hoà Bình** muốn được nhìn Chúa Giê Su như một con người của hoà bình :

Nếu có ai giận dữ, nếu có ai bất hoà
Nếu có ai làm lỗi, rồi sinh ra khất khe
Sẽ đánh tôi một cái, tát tôi nơi má này
Sẽ thấy tôi lặng lẽ, chìa luôn ngay má kia

.....
Đã chót mang tội gốc
Gái hư thân nảo nùng
Khóc giữa nơi quần chúng
Nằm cho viên đá quăng
Hỡi những ai ở đó
Sẽ đóng vai phán toà
Nếu tự thấy không tội lỗi
Thì quăng viên đá coi

.....
Lạy Chúa, lạy Chúa tôi !
Thân xác ra với đời
Lạy Chúa, lạy Chúa tôi !
Tim óc về với tôi !
Lạy Chúa, lạy Chúa tôi !
Nơi khó khăn kiếp người
Lạy Chúa, lạy Chúa tôi !
Nhận Chúa là nỗi vui
Amen... Amen...

Bài **Ngày Sẽ Tới** soạn từ lâu, nay dùng để kết thúc 10 bài Bình Ca :

Ngày sẽ tới, biết bao nhiêu mừng vui
Mừng biết mấy chiến tranh đã tàn phai
Quê hương ta xưa nay đã đẹp rồi
Thêm xinh tươi, thêm vui, thêm tuyệt vời

.....
Ngày sẽ tới nước non thôi là hai
Ngày thống nhất, Bắc-Nam đi lại rồi
Anh đưa em ra nghe Thu Hà Nội
Em đưa anh vô Nam coi mặt trời

.....
Ngày đã tới, cái ta gọi là yêu
Là quý mến chúng ta vẫn hoài nghi
Nhưng hôm nay, ôm nhau không còn ngờ
Ta yêu nhau, thương nhau như trẻ thơ
Này hỡi hỡi hoà bình !

Réo gọi **Này hỡi hỡi hoà bình...** nhưng 10 bài bình ca là những bài hát không vui vẻ trẻ trung lắm đâu, dù về phần nhạc ngữ, nó được các con tôi hát lên với phong cách nhạc trẻ. Nếu là hoà bình ca thật sự thì phải là nhạc mở hội, nhạc vui nhộn, nhưng bình ca lại buồn man mác. Con người sống sót trở về, đi trên đường làng, trên đại lộ, trên rừng đồi hay trên biển xanh cát vàng mà lòng thì buồn rười rượi. Rồi chấp tay chào nhau một lời chào bình yên. Rồi ra bờ giếng khoan tay gọi tên trời đất. Hoà bình tới, giã từ ác mộng để ôm ấp nhau nhiều hơn là xây dựng đất nước. Tôi không tin có hoà bình dù trong mấy chục năm trời, tôi nói tới ba lần hoà bình : **Thu Chiến Trường, Hoa Xuân, Ngày Sẽ Tới** của ba đời thương binh : **Nhớ Người Thương Binh, Ngày Trở Về, Kỳ Vật Cho Em.**

Trực giác khiến cho tôi thấy hoà bình do Hội Nghị Genève hay do Hội Nghị Paris đem tới cũng đều chẳng ra cái gì cả. Biết là hoà bình giả tạo mà vẫn phải xưng tụng, bởi vì đã là con người ai mà chẳng ước mơ hoà bình ?

Bình ca đối với tôi, là những bài hát tất nhiên phải cất lên ở cuối một con đường. Nghĩ rằng đây là cuối đường cho nên ngưng lại để ca hát nhưng tôi cũng biết đây chưa thực sự là đoạn cuối của con đường. Thứ ánh sáng le lói ở cuối đường hăm mà hơn một người đang bận tâm về vấn đề Việt Nam -- như Kissinger chẳng hạn -- tưởng như nhìn thấy, không làm tôi tin tưởng vào văn kiện hoà bình mà chính quyền miền Nam, dù không muốn ký nhưng cũng bị Hoa Kỳ ép phải ký. Để cho người Mỹ rảnh tay đem quân, đem tù binh và đem xác tử sĩ về nước, sau khi nhờ chiến tranh ở Việt Nam mà nổi được bang giao với Trung Cộng.

Tuy vậy, ảo tưởng về hoà bình có thể sẽ tới với cuộc ngưng bắn, tiếp theo là việc lần đất giành dân để chờ có chính phủ liên hiệp hay chờ cuộc chiến tái diễn giữa hai miền (mà không còn quân Mỹ nữa) cũng giúp cho tôi soạn ra những bản bình ca để, trước hết, bình thường hoá lòng mình. Đứng ở cuối một đoạn đường, với cõi lòng đã lấy lại bình thường, tôi ngộ ra từ ngày không còn được cầm súng kháng chiến chống thực dân Pháp nữa và chọn vào sinh sống ở miền Nam... tôi lại phải cầm đàn để làm cuộc kháng chiến khác, đối đầu với cuộc chiến khác.

Trước hết, tôi ngẫu nhiên đứng vào hàng ngũ của một đội quân trong cuộc nội chiến Nam-Bắc mà tôi không chủ trương và cũng không tham gia tích cực, mặc dù tôi không hề từ chối một công tác văn hoá nào, rồi rút cục được đưa vào bảng phong thần trong Phòng Triển Lãm Tội Ác Mỹ Ngụy (!) sau ngày 30 tháng 4, 1975. Sau nữa là cuộc kháng chiến chống ngoại xâm văn hoá do tình hình chính trị quốc tế gây nên ở miền Nam. Tôi đồng tình với các nhà văn hoá ở miền đất tự do này, trước hiểm hoạ của nền văn minh vật chất đột nhập vào Việt Nam với sức mạnh của tiền bạc và súng đạn, không ai bảo ai, đưa ra phong trào về nguồn trong mọi địa hạt văn chương thi ca âm nhạc...

Tôi còn làm hơn thế nữa, nghĩa là sau khi kết án bạo lực từ Moscou và Washing ton D.C đổ xuống đất nước và lên đầu con người xứ này, sau khi tố cáo những tệ đoan xã hội do sự có mặt của ngoại nhân gây ra... tôi nhắm vào tuổi thiếu niên và nhi đồng qua những bài bé ca, nữ ca (vừa nói tới trong chương này). Tuy nhiên, trở về nguồn nhưng cũng phải tiến hoá. Xin các em gái giữ lại chiếc áo dài (hơn là mini-jupe), bảo vệ mớ tóc dài (hơn là mớ tóc quăn) nhưng không khước từ chiếc xe đạp. Cũng như giữ lại nhạc ngữ cung (dù hấp thụ nhạc thuật mới) nhưng không từ chối nhạc trẻ (nhạc điện tử). Quay về với đồng dao cổ truyền trong sáng nhưng cũng tạo ra đồng dao mới với những hình ảnh mới, tình cảm mới.

Ồ hay ! Vào thời điểm này, tôi mới bước vào tuổi 50 mà tại sao tôi lại làm những chuyện mà chỉ có người già mới làm, sau khi họ đã hiểu hết về con người, sau khi họ đã mệt mỏi về cuộc đời, nhất là sau một thời chiến tranh tàn phá và vào lúc khởi đầu của một xây dựng. Thầy Mạnh Tử cho rằng **xích tử chi tâm**, phải nhắm vào trẻ thơ mà tấm lòng chỉ là trong sạch để làm tiêu chuẩn giáo dục. Thi hào Goethe tới tuổi 80 mới soạn thi ca cho tuổi trẻ. Cũng như mọi người ở Việt Nam, phải sống hai mươi năm với số mạng làm người nhược tiểu da vàng (sic), phải chấp nhận những sự việc vừa oan khiên vừa oan trái, phải hành động như một răng cửa trong bộ máy chung... tôi già đi trước tuổi. Có phải vì thế mà đám thanh niên, ngay từ hồi đó, đã gọi tôi là bố già ?

Nói về cái già, tôi có một bài hát cho tuổi 60, soạn từ đầu thập niên 60 và được in trong nhạc tập **HÁT VÀO ĐỜI**. Bài này mang tên **Nhạc Tuổi Vàng**, lúc đó chỉ muốn là sự tiếp diễn của bài **Nhạc Tuổi Xanh** :

*Tuổi vàng như bông lúa thơm tho ngày mùa
Trên cánh đồng chiều tà
Nhờ gió Thu đưa về quá khứ
Nhớ Xuân xa, khi còn tơ
Tuổi vàng như hoa lá nguy nga đầu cành
Thương xuống hạt mầm lành
Chờ mai nghiêng mình gieo sức sống
Mớm tương lai cho Hoà Bình...*

Bài hát tiếp tục nói về : giờ này, hoàng hôn đã xuống, và là giờ bao ước muốn, như lúa hoa mang tình thương. Chúng ta đã đem máu xương nuôi tuổi xanh thì bây giờ vào tuổi già, chúng ta đem ái ân nuôi tuổi lành...

*... Vạn nghìn đời xưa chia cắt
Đổi thành một đêm nối tắt
Chúng mình xây đắp yêu đương...*

Cuối cùng :

*Tuổi vàng đã chói lói khi bao người đời
Chung sức để thành Trời
Để lúa lên ngôi miền bằng giá
Với bông hoa, trên sa mạc xa...
Tuổi vàng đưa ta thoát ra ngoài thế giới
Về mặt trăng đất mới
Lúa ngô chen chúc nhau bên chị Hằng Nga
Thành tình thắm, nuôi Cuội già...*

Đã có một bài hát về tuổi già rồi, tôi có luôn một bài hát về cái chết với nhan đề **Những Gì Sẽ Đem Theo Về Cõi Chết**. Bài này soạn ra sau giai đoạn tâm ca :

*Rồi mai đây tôi sẽ chết
Trên đường về nơi cõi hết,
Tôi sẽ đem theo với tôi những gì đây ?
Rồi mai đây tôi hoá kiếp
Trong lòng còn bao luyến tiếc
Tôi sẽ đem theo với tôi những gì đây ?*

Tôi không đem theo với tôi được tiền tài hay danh vọng, được gái đẹp hay rượu nồng, được lầu vàng hay gác tía, được mộng giàu sang phú quý... thì tôi xin đem theo với tôi một nụ cười không nghi ngại và đôi mắt đẹp ngời của trẻ thơ :

*Em gương to đôi mắt, soi vào cuộc đời đang bước tới
Tương lai vui hay tối thui cũng là nhờ anh lớn thôi !*

Tôi không đem theo với tôi được quyền hành trong giai đoạn, được giới hạn tiếng anh hùng, được tượng đồng, bia đá thì tôi xin đem theo với tôi một cuộc tình không quen thuộc của một đôi uyên ương, xin mến thương không khó nhọc hay ngượng ngùng, trong đêm thâu ôm ấp nhau bên cột đèn hay khóm trúc, không ai ngăn hay lấy cớ vì phạm thuần phong mỹ tục. Kết luận : tôi không đem theo với tôi được tất cả thì xin để lại cho thế giới một vài điều tôi công nhận như số phận sinh làm người và cái quên của một người sẽ tái duyên...

*... Rồi mai đây tôi sẽ chết
Trên đường về nơi cõi niết
Tôi sẽ không đem với tôi những gì đâu
Rồi mai đây tôi hoá kiếp
Trong lòng còn bao hối tiếc
Tôi sẽ không đem theo với tôi những gì đâu...*

(1) "bé ca" nghĩa là chưa đi vội về... "lão ca ". Gặp Vũ Khắc Khoan tại Santa Ana năm 1982, họ Vũ nói : Sao cậu không làm bài hát cho tuổi 60 ? Tôi trả lời : Có làm rồi đấy chứ ! Đó là bài Nhạc Tuổi Vàng.
(2) Cũng như thơ của Nguyễn Tất Nhiên (Cô Bắc Kỳ Nhỏ Nhỏ, Thà Như Giọt Mưa...) được phổ nhạc để "lãng xê" Duy Quang, lúc đó mới ra nghề.

Rọi vào ngực tim nhau...
CHỈ CHỨNG ĐÓ THÔI

Chương Hai Mươi Bốn

Dưới thời Thủ Tướng Trần Văn Hương, trong khi Hội Nghị Paris đang họp, Nhà Nước hai miền Nam Bắc đều gửi phái đoàn văn nghệ đi Pháp. Hà Nội gửi một đoàn văn công rất hùng hậu qua Paris trong đó có nhiều nghệ sĩ tôi không quen biết và có anh bạn cũ ngày nào ngày nào là Lê Yên, tác giả bản tình khúc lãng mạn **Bê Bàng** và bản nhạc vui **Ngựa Phi Đường Xa**.

Saigon gửi một đoàn nghệ sĩ gồm anh Năm Châu (trưởng đoàn), chị Bảy Phùng Há, Kim Chung, Thanh Nga, Thành Được, Bích Thuận, Bích Sơn, Thanh Thanh Hoa trong nhóm Cải Lương, Hoàng Thi Thơ và ban vũ Trịnh Toàn trong phần vũ, Vĩnh Phan, Nhật Thanh, Hồ Điệp, Lữ Liên trong phần ngâm thơ, dân nhạc, Phạm Duy, Thái Hằng, Kim Tuyến trong phần tân nhạc và Trần Văn Trạch, ban AVT trong mục ca hài hước.

Thế là đương nhiên có sự thi đua tài nghệ của hai gánh hát ở giữa thủ đô văn hoá Paris. Gánh miền Bắc rõ ràng theo đúng đường lối tuyên truyền nên có màn vũ thủy thủ bắn máy bay Mỹ. Gánh miền Nam có màn Cải Lương đẹp mắt vui tai như Lã Bô

Hí Điều Thuyền, màn vũ trống ồn ào, màn hát dân ca êm dịu hay tân nhạc lả lướt, tất cả chỉ có mục đích biểu dương văn nghệ.

Annie, người bạn gái, được đi coi cả hai gánh, phê bình : *nghệ sĩ Hà Nội giỏi nhưng quá nghiêm (trop sérieux) trong khi chúng mày (vous) trình diễn vui đùa (trouvez du plaisir) trên sân khấu*. Có lẽ vì miền Nam có màn ca hài hước chẳng ? Và sân khấu miền Bắc thừa màn động viên, thiếu màn hát vui. Riêng tôi rất phục anh đánh đàn bầu của đoàn văn công Hà Nội, trình tấu những bản nhạc mới, có tiết tấu rất nhanh, khác hẳn bài bản độc huyền cổ truyền vừa chậm vừa buồn.

Đây là lần đầu tiên, sau hai mươi năm, tôi được tiếp xúc với nghệ sĩ miền Bắc khi đi coi họ trình diễn tại một rạp hát ở vùng Vitry-sur-Seine. Tiếp xúc một cách thầm lặng thôi, vì vào giờ nghỉ giữa màn (entr'acte) ra *bar* uống nước thấy Lê Yên đứng xa với cái nháy mắt đồng lõa, rồi sau giờ diễn thấy anh bạn leo lên xe với cái vẩy tay kín đáo. Thấy hai ông Huy Cận và Xuân Thủy, ông nào cũng béo tốt -- ít ra cũng béo hơn tôi vào lúc đó -- nhưng chúng tôi nhìn nhau như những hòn đá cuội. Chán quá !

Đoàn văn nghệ Saigon còn đi Marseille, Nice, Londres, Alger, Rabat, Dakar... để diễn cho kiều bào coi. Buồn cười nhất khi tới xứ Maroc, gặp một anh chàng Ả rập trước kia ở Việt Nam, da đen kịt, mặc quần áo trắng tinh, hỏi thăm bằng tiếng Việt : "*Hà Nội có còn có đấu Khâm Thiên không ?*" Rồi khi tới thủ đô Dakar của xứ Sénégal, sau đêm hát, một lô thiếu nữ da đen mặc áo dài màu loè loẹt chen nhau vào hậu trường để tỏ tình với kếp Thành Được bằng tiếng Nam Kỳ. Đó là những con lai của lính Sénégalais rạch mặt trong thời kỳ Pháp còn hiện diện ở Việt Nam.

Trong thời gian ở miền Nam, tôi được xuất ngoại khá nhiều. Nhưng đây là lần đầu tiên Thái Hằng được ra nước ngoài nên vợ tôi thích lắm. Khi ở Nice, gặp đúng ngày hội Mardi-Gras, có đoàn xe hoa với Tây Đầm trẻ trung ném confetti vào mặt nhau khiến cho chúng tôi nhớ lại Hà Nội những ngày son trẻ. Thăm mấy nước Phi Châu thấy dân tuy nghèo nhưng được sống trong thanh bình, rồi dạo chơi khu Soho của thành phố Londres để ngắm các mốt quần áo táo tợn... chúng tôi tạm quên được những nhọc nhằn của đời sống trong nước sau khi Mỹ rút quân... để khi Đoàn Văn Nghệ trở về Saigon là chúng tôi lại sống với những nhọc nhằn đó.

Khi quân đội Mỹ rút từ từ ra khỏi Việt Nam tình trạng kinh tế dần dần xuống dốc. Phòng trà vắng khách, băng nhạc không còn bán chạy như xưa, ban The Dreamers không còn đi hát cho Mỹ nghe được nữa. Tôi khởi sự thấy túng thiếu. Ba đưa con Quang, Minh, Hùng đã nhập ngũ, may mắn hơn các thanh niên khác là được xung vào Phòng Văn Nghệ của Không Quân, khi ở trong trại Tân Sơn Nhất, khi được về nhà ăn ngủ và đi hát vặt. Lương lính làm gì đủ ăn, để có tiền nuôi cả gia đình, vợ chồng tôi phải bớt đi một người làm, chỉ giữ lại chị bếp và bà vú trông nom con gái út.

Về sáng tác, sau những hoan ca, tôi không có đề tài nào hấp dẫn để soạn thêm loại ca nào khác. Tôi chỉ cung cấp cho phong trào du ca một bài hát nhan đề **Mùa Xuân Du Ca** :

*Kìa mùa Xuân vừa mới bước chân
Về đời ta vừa mới thoát thân
Cho đi đời cũ đã qua một phần
Còn lại đây ngày với tháng, năm*

*Phản còn xa đời mới hiển dăng
Ca lên lời hát du ca mùa Xuân*

*.....
Tiếng du ca vang lên từ miền cát trắng
Tiếng du ca vang lên từ miền ruộng vàng
Tiếng du ca dâng lên đồng bào trong nước
Tiếng du ca rừng rừng hoà nhịp quê hương...*

Đối với bây em nhỏ bé mắt nai đang tung tăng dạo bước đi trên đường đời, với lời ca ước mơ, với lời ru thiết tha... du ca là tiếng hát thương yêu tuổi thơ. Đối với cô thợ cấy hay ông thợ già ở ngoài đồng hay ở trong nhà máy... du ca xưng tụng đời sống cần cù lao động. Đối với em, ôi người tình, với bài hát câu ca thật hiền... du ca là tiếng hát yêu ngày mai. Còn đối với riêng ta :

*Rồi về đêm ngời đôi bóng ta
Chẳng cần ôm đàn hát cũng nghe
Dư âm cuộc sống yêu thương tràn trề
Rồi cả đêm ngủ với giấc mơ
Vẳng lời ca nào đến vuốt ve
Con chim mộng đã ru riêng đời ta !*

Rồi vào đầu năm 75, tôi được Ngọc Chánh, chủ hãng Shotguns mượn làm hai bài ca mùa Xuân để cho vào băng nhạc, dự định bán ra trong dịp Tết. Vì trong lòng còn dư âm của những bài hoan ca, du ca, tôi soạn cho con gái yêu Thái Hiền bài hát nhan đề **Trên Đời Xuân**:

*Một buổi sáng vừa tỉnh giấc là tàn Đông
Liền vội đứng dậy mở tung cửa đón Xuân
Nắng trên thềm lấp lánh
Lũ bướm vàng tung cánh
Vội to nhỏ chim hót trên cành...*

Tôi không thể nào ngờ đó là hình ảnh mùa Xuân cuối cùng của tôi trên quê hương được thể hiện qua bài hát này : Mùa Xuân Việt Nam đẹp quá, khiến cho cô bé choàng dậy, chải vội mớ tóc mây, mặc bộ áo vóc vào người, xỏ đôi giày cong rồi chạy tung lên đồi. Cô bé đi như đi trong hơi thở của quê hương, gió mát và bầu trời ôm ấp cô, mây làm xanh mắt cô, hoa cỏ làm thơm lòng cô và trong tim của cô thì có sóng... Rồi một người trai mang kiếp rong rêu nào đó, muốn được cùng cô, cùng với con ốc trong vỏ, cùng với loài dun đế âm thầm hay với bầy chuồn chuồn vô tư lự... được quán quýt đời, không muốn ra đi... Không muốn ra đi, nhưng cuối mùa Xuân đó, vẫn phải bỏ quê hương ra đi !

Ngoài bài **Trên đời Xuân** soạn cho Thái Hiền hát solo trong băng nhạc, còn thêm bài **Mừng Xuân** soạn cho Duy Quang và Thái Hiền hát duo. Bài này nói tới chuyện khoan dầu trên biển, khiến cho nước ta sẽ giàu to, người dân sẽ đủ no và có tự do. Với ba chữ vần "o" giống như là con số zéro như thế, đó là câu hát tiên tri sai bét vì cho tới bây giờ, 1991, dầu hoả vẫn chưa phun lên mịt mù ở biển Đông, còn nước ta thì đứng vào hạng nghèo nhất thế giới :

*Mừng Xuân tới bằng tiếng sáo vui
Vội tiếng cười yêu mến đời
Mừng Xuân tới bằng tiếng vỗ tay
Vang khắp trời mây
Mừng Xuân tới bằng tiếng hát vang
Dưới mái trường hay giữa đàn
Lời ca hát từ núi xa xăm ra tận đại dương.*

*Mừng em bé vừa mới lên năm
Có Tiên về nơi bé nằm
Mừng ông lão bà lão tám mươi lăm
Sống thêm vài chục năm...*

*Mừng Xuân tới bằng tiếng máy khoan
Nơi núi rừng, nơi suối ngàn
Mừng Xuân tới bằng tiếng máy
Xoi giữa nơi biển khơi...*

Trong những ngày nặng trĩu mối âu lo về kinh tế gia đình, những ngày cuối cùng được sống với hơi thở và tim đập của Saigon, với ngôi nhà vườn êm đềm ở Phú Nhuận này, một hôm ngồi trên ghế đá cạnh hồ nước, thấy nhện sa trước mặt, tôi chợt nhớ tới tình yêu. Trong một thời thế rất nghiêm trọng, tôi muốn kết liễu hoàn toàn cơn mộng đẹp trong tôi, nên soạn bài **Chỉ Chùng Đó Thôi** :

*Chỉ chùng một năm trôi là quên lời trần trối
Ai nuôi thương tình ta, chỉ chùng một năm thôi
Chỉ chùng một năm qua là phai mờ hương cũ
Hoa úa trong lòng ta, chỉ cần một năm xa
Chỉ cần một cơn mưa là vai gầy thêm nữa
Cho ướt môi, mềm da, chỉ cần giọt mưa sa
Chỉ chờ một cơn mưa để không ngờ chi nữa
Đi dưới mưa hồng nghe giọt nhẹ vào tim ta
Chỉ một chiều lê thê ngồi co mình trên ghế
Nghe mất đi tuổi thơ, chỉ một chiều bơ vơ
Chỉ là chuyện đông đưa, đời luôn là cơn gió
Thay áo cho tình ta, chỉ là chuyện thiên thu...*

*Cả triệu người yêu nhau, còn ai là không thấu
Len giữa u tình sâu, một vài giọt ơn nhau
Tia sáng Thiên Đường cao rơi vào ngực tim nhau...*

Chỉ cần chùng mười năm để vun sỏi một mối tình, và chỉ cần dăm ba năm thương nhớ nó, thế cũng là đủ lắm rồi. Sẽ không bao giờ tôi còn tặng thêm cho cuộc tình cuối của mình một bài hát nào nữa...

*Mai Kha ơi hỡi Mai Kha !
Rời nhau một bước nên xa mấy trùng...*
NHỊ ĐỘ MAI

Chương Hai Mười Lăm

Theo Thoả Hiệp Hoà Bình Paris, cuộc ngưng bắn ở Việt Nam có hiệu lực từ 24 giờ quốc tế GMT, tức là 8 giờ sáng ở Saigon, ngày 28-1-73. Mấy ngày trước thời hạn thoả hiệp có hiệu lực, các lực lượng Bắc Việt và Mặt Trận Giải Phóng đồng loạt tấn công vào nhiều vùng do Việt Nam Cộng Hoà kiểm soát để lấn đất giành dân, mở rộng vùng kiểm soát của họ. Quân Đội VNCH phản công. Nhiều trận đánh lớn xảy ra, chiến tranh tái diễn. Tới ngày lệnh ngưng bắn có hiệu lực thì những trận đánh to nhỏ vẫn chưa ngừng và vẫn còn tiếp diễn dài dài. oey Ban Liên Hợp Quốc được thành lập để kiểm soát sự ngưng bắn nhưng sau một thời gian hoạt động thì tan vỡ

ngay. Qua năm 1974, vì Thỏa Hiệp Paris trù liệu hai bên Quốc-Cộng gặp nhau để phân định lần ranh giới giữa hai bên, Quân Đội VNCH mở những cuộc hành quân gọi là gặm nhấm để tẩy đi những vết da beo trên lãnh thổ miền Nam. Đầu tháng 3, 1974 để chiếm lại những đất đai bị mất, nhất là để trắc nghiệm sự phản ứng của Mỹ, quân Bắc Việt và Mặt Trận Giải Phóng mở chiến dịch đánh lớn. Chiến tranh thực sự tái diễn với quyết tâm của Hà Nội là chiếm đoạt miền Nam mà không còn e ngại Mỹ can thiệp nữa. Nhất là sau vụ Watergate, Tổng Thống Hoa Kỳ Nixon đã phải từ chức.

Chiến dịch Tây Nguyên được mở ra, quân đội Cộng Sản tấn công Bình Long, bao vây An Lộc và cuối cùng vào ngày 7-1-1975, chiếm được Phước Long, một tỉnh lỵ cách Saigon khoảng 60 cây số. Lần đầu tiên, Hà Nội có một thành phố ở miền Nam để làm thủ đô cho Mặt Trận Giải Phóng.

Khi nghe tin Phước Long bị mất vào tay Cộng Sản, ở Saigon, chẳng thấy ai lo lắng gì cả. Kinh nghiệm cuộc Tổng Công Kích năm 68 và kinh nghiệm Mùa Hè Đỏ Lửa năm 72 cho thấy Cộng Quân có chiếm được nơi nào thì cũng chỉ ít lâu sau là bị đánh bật đi. Cho nên mọi người có vẻ rất bình tâm.

Cho tới khi Ban Mê Thuột bị chiếm vào ngày 12 tháng 3 năm 75 thì tất cả mới ngã ngựa người ra! Trong thời gian 55 ngày trước khi Saigon thất thủ, những tin tức kinh hoàng như vụ triệt thoái bi thảm của quân dân Cao Nguyên trên đường số 7 (mệnh danh là con đường máu và nước mắt)... vụ mất Quảng Trị tiếp theo là vụ thị xã Huế bị bỏ ngõ và xảy ra cảnh cướp của giết người hăm hiếp phụ nữ gây nên bởi đặc công Việt Cộng hay bởi đám lính tan hàng... vụ Đà Nẵng, Chu Lai, Nha Trang, Đà Lạt đồng loạt rơi vào tay Cộng Quân sau khi cũng lâm vào cảnh hỗn loạn như Huế, tất cả những chuyện đó làm cho tinh thần dân chúng đã buông xuôi rồi, nay lại bị nhận chìm xuống.

Hồi Ký này không dám quy định tội lỗi làm mất miền Nam cho ai cả. Nó chỉ xin đưa ra một nhận định là trong suốt thời Đệ Nhị Cộng Hoà, chưa bao giờ có sự gắn bó giữa chính quyền và dân chúng. Chiến tranh 30 năm đã làm tê liệt phần hồn phần xác của dân chúng rồi, người dân không được chia sẻ quyền hành với chính phủ tối thiểu là được chia sẻ sự hiểu biết về tình huống quốc gia. Không có một tổ chức Thông Tin Dân Vận nào làm được công việc dẫn thông (communication) giữa người dân và chính phủ. Về phần thông tin ngoài chính quyền là báo chí, ngay tờ Chính Luận cũng chỉ phổ biến trong những thành phố lớn. — các tỉnh

Không nắm rõ tình hình đất nước, không biết miền Nam đã bị Mỹ bỏ rơi, dù bị Cộng Sản tấn công liên tiếp, người dân vẫn không tin là mất miền Nam. Không tin luôn vào sự truyền thông trên thế giới -- như Đài BBC chẳng hạn -- về sự hấp hối của miền Nam. Dân chúng còn bị lừa gạt đến độ cho rằng với tinh thần Thỏa Hiệp Hoà Bình Paris, chính phủ ba thành phần là giải pháp tối hậu. Mù quáng trước tình hình chung, người dân không nhận ra định mệnh của đất nước và của mình. Tới khi thấy nguy cơ miền Nam sắp bị mất vào tay Cộng Sản thì không còn ai có khả năng để chống chọi nữa!

Tôi cũng không sáng suốt hay tích cực gì hơn ai. Nhưng trực giác giúp tôi thấy được nguy cơ của miền Nam ngay từ ngày mất Bình Long. Sau đó, mất nốt Ban Mê Thuột là coi như miền Nam bị tiếp thu đến nơi rồi. Và thấy ngay số phận sắp tới của Saigon và của mình khi Bắc quân tiến vào. Tôi không lo sợ cho tính mạng mình, nhưng tôi

cảm thấy không thể nào ở lại Việt Nam sống dưới một chế độ mà mình đã rời bỏ cách đây hơn 20 năm vì hai chữ tự do.

Tôi chưa biết nhìn vào ai để giúp mình nhưng tôi biết tôi phải đi khỏi nơi này. Trong khi tôi đang bối rối tìm lối thoát ly, bạn bè xa gần gọi điện thoại hỏi han tin tức. Tôi cũng bốc máy nói gọi vài người quen, hi vọng tìm ra lối đi, cuối cùng được Hoàng Hải Thủy -- lúc đó đang làm việc với phòng Thông Tin Mỹ USIS -- cho biết trong bảng danh sách những người được Mỹ bốc đi, tên gia đình tôi đứng hàng đầu. Đang sốt ruột ngồi đếm từng giờ từng phút, lại chỉ thấy Giám Đốc USIS là Carter trấn an tinh thần dân chúng trên màn ảnh truyền hình...

... Một hôm, Phạm Thiên Thư và Trần Dạ Từ bắn khoăn tới hỏi tôi về đường đi nước lúi. Tôi tâm sự với Phạm Thiên Thư về ý định soạn một bài hát bỏ nước, lấy tên Bầy Chim Bỏ Xứ. Tôi hình dung nước Việt Nam với một bầy chim phải cất cánh bay đi vì ở quê hương sẽ không còn bầu trời tự do cho chim bay bổng nữa. Phạm Thiên Thư cho tôi vài lời thơ, rồi tôi quên cả lo lắng buồn phiền, nằm bò trên nền đá hoa trong căn nhà vườn để soạn đoạn đầu của tổ khúc này.

Thời gian không gian như bị lay động dữ dội. Thấy chung quanh mình, một số bạn hữu đã được Mỹ đem đi hay đang chuẩn bị ra đi, tôi sốt ruột quá! Trong một đêm vắng, người anh vợ là Hoài Trung, nhân viên của Đài Tự Do-VOF (Voice Of Freedom) đến chào từ giã vợ chồng tôi để ra đảo Phú Quốc chờ tàu chở đi Mỹ. Mừng cho Hoài Trung nhưng nhìn vào hoàn cảnh mình thì thất vọng, vì từ lâu tôi không còn cộng tác với Phòng Thông Tin USIS, không còn giao dịch với bất cứ một người Mỹ nào nữa. Tôi cũng không phải là một công chức quốc gia để có thể tới Toà Đại Sứ Mỹ xin cho đi tị nạn. Chạy đi kiếm Hoàng Hải Thủy thì không thấy anh ta đâu. Ca sĩ Tâm Vần, bạn của vợ tôi, cho biết có lối ra đi trả tiền, nhưng gia đình tôi gồm hai vợ chồng cộng với tám đứa con thì phải là triệu phú, chúng tôi mới mua được đường đi. Dẫn con trai Cường đi tìm đường cao chạy xa bay suốt mấy ngày trời mà không có kết quả. Thất vọng trở về nằm dài trên chiếc võng, vì nhà ở gần sân bay Tân Sơn Nhất, nhìn qua những cánh dừa cao lớn, tôi thấy phi cơ vận tải C130 chở người đi tị nạn bay ngang từ sáng sớm tới chiều tối.

Sau những ngày lo âu rồi tuyệt vọng, tôi chuẩn bị nếu phải ở lại Saigon thì không nên giữ những tài liệu có thể gây tai họa cho mình. Lấy ở tủ sách ra một số ảnh, bản thảo và ấn phẩm rồi đào một cái hố cạnh chuồng gà, nỏ lửa đốt. Trong đêm tối, đứng ngoài sân, lại ngẩng đầu nghe tiếng phi cơ vận tải ầm ỹ trên không. Tôi sốt ruột vô cùng, lòng như lửa đốt, có thể là lửa trên đồng tài liệu len vào chăng ? Đốt mớ tài liệu, khói cũng bốc lên như ngày nào đốt lá trên sân cùng mấy em bé. Khói cũng làm cay mắt nhưng tôi không cảm động như lúc nhìn khói để nhớ về thời ấu thơ và trai trẻ. Bây giờ, tôi đang làm công việc tự thiêu, nói cho rõ hơn, tôi đang đốt đi một quãng đời của mình. Đây không phải lần đầu tôi lâm vào cảnh tự xử hoặc được người ta khuyên khai tử tác phẩm của mình. Khi còn ở Việt Bắc, tôi được dỗ dành chôn sống những bài ca ủy mị (!) Khi từ vùng kháng chiến về thành phố vợ cất ảnh Nguyễn Sơn ra khỏi tấm hình đám cưới do ông tướng này chủ hôn. Suốt hai chục năm ở miền Nam, tuy không tuyên bố khai tử nhưng không bao giờ tôi dám in ra và hát lên những bài ca kháng chiến. Bây giờ, vì không biết mình có ra khỏi được Việt Nam hay không, tôi phải tự tay đốt những tấm ảnh chụp chung với các nhân vật chính trị Hoa Kỳ hay Việt Nam. Kể cả bức ảnh chụp chung với Bầy Viễn và Nguyễn Đức Quỳnh khi cả bọn kéo nhau đi coi vũ đoàn tại nhà hàng Moulin Rouge ở Paris vào năm 54. Hoả táng luôn một mớ bản thảo, nhạc tập, thư từ...

Thành phố nhốn nháo như tổ ong vỡ. Ra đường, nhìn ai cũng thấy vẻ lo lắng, hoảng hốt. Đây là lúc tôi không còn một chút sáng suốt nào để hiểu nổi cái gì là cái gì nữa! Chỉ nhớ câu thơ trong Cung Oán Ngâm Khúc:

*Cái quay búng sẵn trên trời
Mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm...*

Nhớ tới di ngôn của Nguyễn Đức Quỳnh: Làm người Việt Nam khó quá ! Làm nghệ sĩ còn khổn khổ hơn ! Nhìn lại dĩ vãng, thấy trong suốt 500 năm, không một lúc nào ngưng loạn ly trên đất nước. Sự thật không bao giờ ở lâu và ở một phía nào nhất định. Khiến cho tiền bối Nguyễn Gia Thiều, một người hiện sinh hơn Jean Paul Sartre, hiểu rằng định mạng người Việt là phải sống theo cái búng quay sẵn trên trời. Chao ôi, so với năm thế kỷ tao loạn làm đời người như chiếc lá mỏng manh nổi trôi theo mệnh nước, thời gian 20 năm vừa qua nào có nghĩa lý gì đâu ? Mình là cái gì mà thoát khỏi cái vòng quay đó được ? Nhất là đã biết từ lâu những ai đã búng con quay đó ở trên trời. Thời đại Nguyễn Gia Thiều thiếu phương tiện truyền thông nên chỉ nhận chân ra sự mù mờ. Còn mình biết rõ ràng số phận của người dân nhược tiểu, nạn nhân của cuộc chiến tranh lạnh giữa hai thế lực quốc tế, vì thiếu người lãnh đạo tài ba, sáng suốt ở cả hai miền nên toàn thể nhân dân phải sống như trong một khúc dạ hành.

Đang trong cơn buồn tủi não nề, vào 11 giờ 30 đêm 27 tháng 4, có cú điện thoại của một người bạn Mỹ giỏi tiếng Việt, rất yêu nhạc và có vợ Huế, cho biết tôi có thể ra khỏi Saigon nếu sáng mai tới địa điểm ở đường Kỳ Đồng là nơi người Mỹ sẽ bốc người ra đi. Tới đó, người già em nhỏ được đi ngay, nhưng mấy người con trai lớn đang là quân nhân có thể bị Quân Cảnh giữ lại. Vừa mừng cho mình, cho vợ và cho bốn con nhỏ, vừa lo lắng cho bốn con trai lớn thì có thêm cú điện thoại của Nguyễn Ngọc Bích hỏi:

-- *Đã có ai giúp anh chị và các cháu ra đi chưa ?*

-- *Rồi, nhưng chỉ có một nửa gia đình...*

Nguyễn Ngọc Bích cho chúng tôi tên và số điện thoại của một người Mỹ tên là Ed Jones. Vào năm 1951, từ Khu IV vào thành, đại gia đình họ Phạm phải chia ra ba nhóm để dinh tề, bây giờ gia đình tôi cũng chia ra hai toán để xuất ngoại. Sáng mai vợ chồng tôi và bốn con nhỏ sẽ tới điểm hẹn ở đường Kỳ Đồng, còn bốn con trai sẽ đi theo đường dây Nguyễn Ngọc Bích vừa mách cho. Muốn chắc ăn, tôi gọi điện thoại hỏi Ed Jones thì anh ta cười hề hề: *Ông yên chí, các con ông sẽ sang Mỹ trước ông !*

Chúng tôi thức suốt đêm để thu xếp hành lý. Khổ sở vô cùng vì không biết cái gì đem đi, cái gì để lại ? Ưu tiên là những ảnh của tổ tiên và khoảng một chục cuộn phim âm bản. Không ngờ vào lúc này, có dịp rửa ra hình để cho in vào những cuốn Hồi Ký. Vớ thêm được vài cuốn băng nhạc. Cũng không ngờ những băng này giúp tôi trở thành nhà phát hành băng cassette trong những năm đầu ở Florida.

Sáng ngày 28, con trai Cường chở bố mẹ và bốn em ra khỏi căn nhà vườn Phú Nhuận. Tôi không dám quay mặt nhìn lại cái tổ ấm của mình. Xe chạy chậm chậm trong một Saigon xơ xác giống như vào năm 45, khi bị lính Viễn Chinh Pháp tấn công tôi phải trốn khỏi thành phố như thế này. Tôi ngao ngán vô cùng vì chợt nhớ tới những cuộc bỏ chạy sau đó nữa... Nhớ lại đêm đông 1946, phải rời xa mẹ, bỏ Hà Nội ra vùng quê, kháng chiến... Nhớ lại ngày hè 1951, đôi vợ chồng và đưa con đầu lòng lếch thếch bỏ Chợ Neó để vào thành tìm tự do... Rồi lễ mễ giã từ miền Bắc vào

Nam để sinh sống... Và bây giờ là long đong vĩnh biệt Saigon với một nửa con cái. Thì ra suốt đời, mình chỉ là người bị chơi trò ú tim đi trốn. Mỗi lần mang theo một gánh nặng. Gánh nặng mỗi ngày một nặng thêm. Đã mất đi bốn, năm lần tổ ấm và bây giờ có thể mất luôn cả tổ quốc.

Tới địa điểm ở đường Kỳ Đồng, vì có sự giới thiệu của người bạn ân nhân rồi nên gia đình tôi được chấp nhận cho đi. Tôi định cho Cường đi theo nhưng không hiểu vì sao tôi bảo Cường về nhà đi với các anh. Có lẽ tôi sợ trên đường vào sân bay, Cường có thể bị Quân Cảnh chặn lại thì vừa hụt đi với cha mẹ, vừa hụt đi với các anh chẳng ? Về sau, khi các con tôi kẹt lại, trong bốn năm trời dài đằng đẳng, tôi hối hận và khổ sở vô cùng vì đã đuổi con về. Khi từ đường Kỳ Đồng đi vào Tân Sơn Nhất, quả có bị lính chặn xe lại, trong xe có một thanh niên vào tuổi quân dịch, nhưng khi bố mẹ anh này tặng mấy người lính một số tiền thì họ cho xe đi ngay. Vào lúc này tôi hoảng hốt tới độ không nghĩ tới chuyện có thể dứt lốt Quân Cảnh như gia đình rất thông minh của anh thanh niên kia đã làm. Đã có sẵn tờ giấy 20 đơn ở trong túi rồi mà ! Và cũng chỉ có số tiền nhỏ nhoi đó thôi, để làm lại cuộc đời ở Mỹ.

Vào tới Tân Sơn Nhất, gia đình tôi ngồi bệt xuống sân cỏ trước cổng DAO, cơ quan viện trợ quân sự của Mỹ, giữa một đám người khá đông, trong đó tôi nhận ra gia đình Vũ Khắc Khoan và quá nhiều bạn quen. Chúng tôi ngao ngán nhìn nhau, rồi tuần tự được gọi tên và mời vào ngồi trên những hàng ghế dài ở ngoài sân và trong phòng DAO. Trong một không khí tuy náo nức nhưng rất có trật tự, sau giờ nửa ngày ngồi đợi, mỗi gia đình leo lên một phi cơ vận tải C130 cùng với dăm ba chục gia đình khác.

Chuyến phi cơ chở chúng tôi cất cánh vào khoảng năm giờ chiều ngày 28, lúc đó Bắc Quân đã pháo kích vào sân bay rồi. Nếu tôi không nhầm thì gia đình tôi là những người chót lọt được lính Thủy Quân Lục Chiến Mỹ đẩy vào một trong những chuyến phi cơ cuối cùng rời khỏi Tân Sơn Nhất. Chui vào lòng tàu bay, mọi người phải co đầu, ép gối ngồi bệt trên sàn tàu. — hai bên cửa phi cơ có hai người lính Mỹ cầm sẵn súng phóng hoả châu, để phòng Việt Cộng bắn hoả tiễn tầm nhiệt lên thì chỉ trúng trái sáng. Lên tới độ cao, phi cơ nhào đi nhào lại để tránh đạn nếu bị bắn, rồi bay vút ra phía biển. Tôi ngồi ôm mấy đứa con thơ, mắt nhắm lại như không muốn nhìn thấy phong cảnh đất nước nữa. Vả lại, muốn nhìn quê hương một lần chót cũng không được, vì hai người lính Mỹ đã đóng chặt hai cánh cửa phi cơ lại rồi.

Trong lòng tàu chật cứng người tị nạn, bay từ vùng trời Saigon qua Căn Cứ Clark ở Phi Luật Tân, suốt trong không trình dài năm tiếng đồng hồ, không ai nói với ai một câu nào cả ! Mọi người ngồi im lặng và buồn rầu như trong một đám táng. Một đám ma không có ai khóc ai vì mỗi người tự đưa đám ngay chính thân xác của mình. Sự câm nín này dường như còn kéo dài cho tới bây giờ...

Đền em một tháng trời gần
Đơm hoa kết mộng cũng ngần ấy thời !
KIỆP SAU -- Cung Trầm Tưởng

Chương Hai Mười Sáu (1)

Như đã tâm sự cùng bạn đọc, trên 20 năm sống ở một phần quê hương khi đất nước bị đặt vào hoàn cảnh phân chia Quốc-Cộng, đời tôi quả là một cuộc phiêu lưu trong nghệ thuật hơn là cuộc đi bộ dài dài trên bản đồ Việt Nam như trong thời thơ ấu, vào đời, đi hát rong rồi đi kháng chiến. Dù trong thời gian hơn hai thập niên ấy, tôi có hơn một lần xuất ngoại, những cuộc đi về các nẻo chân trời xa lạ không có gì là phiêu lãng mà chỉ để bồi đắp cho vốn liếng nghệ thuật của mình. Có thêm một cuộc phiêu lưu khác là khi tôi phải bỏ nước ra đi để trở thành công dân của một xứ có nền văn hoá khác (nếu không nói là trái ngược) với những gì làm nên tôi, từ thuở lọt lòng tới khi lòng tới khi phanh ngực vào đời, cho đến ngày tóc đã bạc, lưng đã cong, giọng đã khàn, trí óc đã cùn và trái tim đã mỏi.

Trong hơn 20 năm sống với cái *mờ mờ nhân ảnh* mà tiền nhân Nguyễn Gia Thiều đã thấy từ khá lâu về trước, tôi cũng được gần đàn anh Nguyễn Đức Quỳnh để thấy làm chính trị ở Việt Nam trong những năm đó khó như người đi đêm. Tôi không làm chính trị như anh Quỳnh, nhưng nhìn nhận chính trị là con rắn không buông tha ai cả. Từ ngày Cách Mạng mùa Thu 45 cho tới bây giờ, trong cuộc sống hằng ngày và ngay cả trong giấc ngủ, không một người Việt Nam nào ra thoát khỏi cái lưới chính trị. Suốt nửa thế kỷ vừa qua, trong sự nghiệp (!) của mình, tôi hoàn toàn bị chính trị bủa vây nhưng tôi luôn luôn cố gắng không để cho chính trị trói buộc. Mở to đôi mắt để nhìn vào thời thế. Tỉnh táo theo dõi đường đi nước bước của chính trị. Không có một nhượng bộ chính trị nào với bất cứ ai, nếu thấy sai. Được Việt Minh chiếu cố mà không chóng mặt. Được quốc gia nuông chiều mà không nóng đầu. Được ngoại quốc đãi ngộ mà không hoa mắt. Bị ngộ nhận, theo dõi hay bị đe dọa cũng không đầu hàng (2). Làm một nghệ sĩ trong 20 năm ở miền Nam kể ra cũng không khó lắm đâu. Chắc chắn là dễ hơn *người đi trên giầy* của nhà thơ miền Bắc Phùng Quán :

*Người làm xiếc đi giầy rất khó
Nhưng chưa khó bằng làm nhà văn
Đi trọn đời trên con đường chân thật...*

Qua những trang hồi ký vừa công hiến bạn đọc, không muốn tiến trình sáng tác bị đứt quãng, tôi viết qua loa về những biến cố chính trị ảnh hưởng tới tôi. Tôi chưa đủ động tới những bộ mặt chính trị hay một số sự kiện lịch sử đã chi phối mọi việc để tôi nhìn thấy và soạn ra những bài ca chứng tích. Tôi cũng chưa có dịp nói tới hoạt động của các văn nghệ sĩ đồng thời. Bây giờ là lúc tôi muốn tạ ơn những hoàn cảnh, nhân vật và những chứng liệu, chứng nhân của 20 năm sóng gió đó, như đã từng tạ ơn cuộc đời nói chung qua một ca khúc.

Xin được cắt thời gian 20 năm nổi trôi với lịch sử làm bốn giai đoạn.

Đoạn đầu

Tôi rời bỏ vùng Việt Minh để vào Hà Nội rồi kéo gia đình nhà vợ vào sinh sống ở Saigon, dưới cái gọi là chế độ quốc gia Việt Nam (État du Viet Nam) nằm trong Liên Hiệp Pháp (3) con đẻ của giải pháp Bảo Đại. Lúc đó, tôi đứng dưng trước thời cuộc vì còn tiếc nuối những ngày được cùng cùng toàn dân làm cuộc lên đường vĩ đại, thực hiện giấc mộng đánh Tây mà cha ông ấp ủ. Hơn nữa tôi còn buồn tủi khi bị

người quốc gia chưa chân chính, con đẻ hay con nuôi của thực dân nhốt vào khám Catinat cùng với Lê Thương, Trần Văn Trạch trong 120 ngày.

Vào đầu thập niên 50 này, ông Bảo Đại không còn là sự hi vọng của những người yêu nước không đi với Việt Minh ngay từ đầu hoặc đã vỡ mộng với Mặt Trận Kháng Chiến. Ai cũng biết rằng trong cuộc đấu tranh để giành độc lập, đấu lực với Pháp vẫn hơn là đấu trí. Nhưng nếu muốn cầm súng đánh Pháp thì phải đi với ông Hồ. Lúc bấy giờ, ai cũng biết Bảo Đại không phải là người chơi trò chiến tranh với Pháp, nhưng chơi trò chính trị với thực dân, Cựu hoàng cũng không thua kém ai đâu. Cho tới năm 51, tôi còn nhìn Bảo Đại như một chính trị gia giỏi. Vào ngày Cách Mạng thành công, cái đầu của bất cứ một ông vua nào cũng giống như trứng để đầu đẳng, ông ta biết rời ngai vàng với một câu tuyên bố bất hủ : *Thà làm dân một nước độc lập còn hơn làm vua một nước nô lệ*. Sau đó, ông Hồ Chí Minh cũng phải dựa vào Bảo Đại để thu phục nhân tâm và đánh lừa thế giới khi mời Cựu hoàng làm Cố Vấn chính trị. Rồi khi thấy cố vấn thoát khỏi tay Việt Minh để lập triều đình ở Hồng Kông thì tôi còn cho Bảo Đại là giỏi quá chừng !

Nhưng giải pháp Bảo Đại cho một nền độc lập không thành công vì trong suốt thời gian từ 1948 cho tới 1954, các đảng phái và các nhân vật quốc gia, chống Pháp hay thân Pháp, dần dần bỏ rơi ông dù ai cũng thấy ông đòi được ở Pháp vài điều mà ông Hồ phải dùng máu xương của nhân dân để giành giật. Vì cuối cùng, ai cũng chỉ nhìn thấy một *play boy* trong Cựu hoàng mà thôi !

Tôi thường tự hỏi : sự chọn lựa làm người hành lạc hơn là hành mệnh (thiên mệnh) của cựu hoàng là do bản chất của ông hay vì ông cần phải đóng kịch chính trị ? -- tôi cũng từng phải đóng vai ăn chơi đàng điếm để dễ dàng xa lánh chính trị -- Trong thực tế, hình như vị Hoàng Đế cuối cùng của Việt Nam không muốn làm vĩ nhân. Là BẢO và ĐẾ, ông chỉ muốn bảo toàn sinh mạng của mình và không hề có ý định thực hiện đại nghĩa cho dân tộc. Ông không làm được điều gì gọi là vĩ đại nhưng ông cũng không giết ai và không bị hạ sát như ông Diệm. Lịch sử muốn phán xét cựu hoàng ra sao cũng phải nhìn nhận vào lúc khởi đầu của một miền gọi là quốc gia Việt Nam, giải pháp Bảo Đại có ưu điểm mở đầu cầu cho những người ở chiến khu về và nhất là mở đường cho giải pháp Ngô Đình Diệm,

Cho tới năm 1954, ngoài giới làm chính trị, có nhiều điều làm cho văn giới cũng xa lánh chính quyền. Lúc đó, quả rằng trong xã hội vẫn còn quá nhiều bất công, cò bạc ấi điểm được tổ chức và bảo trợ bởi chính phủ, người lãnh đạo thì bất xứng, kẻ thù là Pháp vẫn còn hiện diện, đa số trí thức, văn nghệ sĩ ở miền quốc gia đều có vẻ trùm chán.

Riêng đối với tôi, trong mấy năm đầu sống tại Saigon dưới một chính quyền độc lập có thực hay giả tạo, tôi cũng mang nhiều thất vọng. Ngó lại những ngày đi theo Việt Minh thì chua xót, nhìn vào người quốc gia thì thiếu hứng khởi. Nhưng sau khi bị ép lòng tới tốt độ, tôi bung ra để soạn bài **Tinh Ca**. Rồi trong đà sáng tác đó, nhờ ở gia đình êm ấm, nhờ ở đời sống khá sung túc, nhờ ở tình bạn thân thương, nhờ ở quần chúng yêu nhạc... tôi soạn thêm những bài hát ngọt ngào như **Tình Hoài Hương**, hạnh phúc như **Vợ Chồng Quê**, tung cánh như **Viễn Dub>Lữ Hành**... Tôi chấp nhận đầu cầu Bảo Đại để bám vào mà sống, mừng thay cho tôi, một số tình ca quê hương đã ra đời để cho người yêu nhạc còn hát lai rai sau gần một nửa thế kỷ.

Tôi còn có may mắn sống chung với một gia đình ca nhạc sĩ. Trong giai đoạn sáng tác này, nếu không có Thái Thanh và ban Thăng Long, chưa chắc tôi đã tung ra nổi một số ca khúc căn bản của ý niệm về bản sắc quốc gia và mang tinh thần vượt thời gian không gian nói trên. Thái Thanh sẽ còn là bạn đồng hành của tôi trên con đường dân nhạc đầy hứa hẹn này. Tôi sẽ trở thành người khuyến khích Thái Thanh lúc nào cũng nâng giọng hát của mình lên cao, không bao giờ hạ mình hát những bài hát thiếu giá trị. Và ngược lại, Thái Thanh luôn luôn là khuôn vàng thước ngọc để tôi đo chiều cao chiều sâu trong âm vực của từng bài hát quê hương, dù là đoản khúc, dù là chương khúc hay trường khúc...

Đoạn hai là từ 1954 tới 1963.

Sau khi giải pháp Bảo Đại -- tức giải pháp Pháp -- kết thúc, với sự phân chia nước ta ra thành hai miền Quốc-Cộng và với sự rút lui của người Pháp, bây giờ miền Nam có chủ quyền thực sự. Giải pháp Ngô Đình Diệm -- nói thẳng thừng là giải pháp Mỹ -- được đưa ra để đương đầu với miền Bắc Cộng Sản. Trong chiến lược toàn cầu, sau thắng lợi của Cộng Sản quốc tế với một tỉ người Trung Quốc rơi vào chế độ màu hồng của họ Mao và với sự liên kết hầy còn chặt chẽ giữa Trung Cộng và Nga Sô, miền Nam nước Việt -- cũng như Đại Hàn, Tây Đức -- phải trở thành tiền đồn chống Cộng, dù ông Diệm, ông Nhu muốn hay không muốn.

Chính thể Ngô Đình Diệm có rất nhiều ưu điểm mà tôi không cần nhắc ra đây nhưng sau một thời gian khá lâu, với cái nhìn khá xa, có một số người thấy rằng trong gần mười năm cầm quyền, để trị nước, hai anh em họ Ngô dựa trên căn bản quyền lợi gia đình và tôn giáo hơn là dựa trên quyền lợi quốc gia dân tộc.

Ngay từ lúc khởi đầu, dựa vào Ky Tô Giáo ở trong nước và ở Hoa Kỳ hay ở La Mã - Hình như đã có lần ông Diệm tuyên bố : *Je vais évangéliser le Viêt Nam* - họ Ngô đánh tan một số giáo phái nhỏ, truất phế Bảo Đại, thành lập chế độ gia đình trị, rồi cuối cùng đụng độ với Phật giáo và bị đánh đổ luôn (Lẽ dĩ nhiên, cũng có thêm những thành phần xã hội khác và nhất là có bàn phù thủy nhúng vào việc lật đổ ông Diệm. Hồi Ký của tướng Đỗ Mậu cho rằng vì hai anh em ông Diệm, Nhu có liên lạc với Hà Nội để mưu đồ việc thống nhất nên bị thủ tiêu. Nếu đúng như vậy thì thật là một oan nghiệp lớn cho hai ông Diệm, Nhu và cho nước Việt Nam). Để ngay sau khi hết thời nhà Ngô, suýt nữa thì xảy ra cuộc đổ máu lớn giữa Công Giáo và Phật Giáo, qua những cuộc xuống đường đánh nhau của một số giáo dân và Phật tử mà tôi đích thân chứng kiến ở gần nhà thờ Huyện Sĩ. Dù sao đi nữa, trong thời thịnh của Cộng Hoà thứ nhất, nhờ được sống yên ổn và hừng khởi dưới một chế độ vững chãi, qua một số bài tình ca quê hương và tình tự dân tộc, tôi tạo dựng được hình ảnh một nước Việt Nam tự do để đối kháng với Cộng Sản.

Miền Bắc chủ trương đấu tranh giai cấp, chọn chủ nghĩa Mác-Lê làm kim chỉ nam nên phủ nhận một tầng lớp xã hội, phủ nhận quá khứ và phủ nhận luôn những giá trị truyền thống như gia đình, tôn giáo, tổ tiên. Sống tại một miền mà tất cả mọi người đang xây dựng một bản sắc quốc gia dân tộc, tôi phát triển những gì tôi chỉ mới phác họa trong bài **Tình Ca** như : Hình ảnh quê hương trọn vẹn ba miền đất nước với lịch sử và tiếng nói chung của toàn dân. Qua những bài mang tính chất dân ca mới, tôi đưa ra một bản sắc Việt Nam, man mác hình ảnh những con người vốn là sản phẩm của một nền nông nghiệp miền nhiệt đới, bám vào đất nước, gia đình, làng xóm, tổ tiên để sống còn.

Cũng cần nhắc lại những gì tôi đã viết ra trong những Chương đầu của cuốn Hồi Ký này. Khi nước nhà đã có chủ quyền, sống dưới một chính phủ đang được tín nhiệm, với khung cảnh thái bình và khi xã hội đang được lành mạnh hoá, các văn nghệ sĩ ở trong các lãnh vực nghệ thuật khác cũng đều làm như tôi, nghĩa là hoàn toàn ủng hộ ông Diệm. Thi bá Vũ Hoàng Chương bỏ phiếu cho ông Diệm với câu thơ có tính chất khẩu hiệu : *Lá phiếu trung cầu một hiền linh, phá tan bạo ngược với vô hình*. Và lại đại đa số văn nghệ sĩ là những người từ miền Bắc di cư vào Nam và đã bầu ông Tổng thống bằng đôi chân của mình trước khi tham gia tích cực vào đời sống văn học nghệ thuật trong thời thịnh của nhà Ngô này. Cùng với lớp văn giới di cư, những văn nghệ sĩ già hay trẻ ở trong Nam cũng ủng hộ ông Diệm. Về sau, nếu ông Diệm không còn được toàn dân tín nhiệm nữa khi ông chủ trương gia đình độc trị thì vào lúc ông tiếp tục đường lối chống lại đòi hỏi của Hoa Kỳ là được đổ quân tham chiến trực tiếp trên lãnh thổ Việt Nam -- nhất là qua cuộc đối thoại vào giờ phút cuối cùng với Đại Sứ Cabot Lodge -- ông là một Trần Bình Trọng thứ hai mà lịch sử cần ghi lại.

Tôi mang ơn những ngày được sống dưới chế độ nhà Ngô để chen vai thích cánh với bạn bè trong việc xưng tụng tổ quốc nghìn năm, con người muôn thuở. Thời Cách Mạng và kháng chiến khi xưa giúp tôi trưởng thành trong khói lửa, qua cuộc đấu tranh sát máu với thực dân, cùng vui cùng buồn, cùng sướng cùng khổ với mọi tầng lớp nhân dân. Nay sống ở miền Nam, tôi không còn phải trèo đèo lội suối như trước và trong niềm vui của người dân một nước vừa được giải thực sau nhiều khó khăn, tôi thành thói để tự do học hỏi, tự do đi lại, tự do sinh hoạt và nhất là tự do sáng tác. Tôi cũng được chính quyền và tư nhân khuyến khích, ủng hộ rất nhiều. Qua những người nắm trong tay các tổ chức hay cơ quan phổ biến âm nhạc như Đài Phát Thanh, phòng trà, phòng thu băng và đĩa hát, nhà xuất bản nhạc tập.

Trong khung cảnh tương đối thanh bình của thời Cộng Hoà thứ nhất, chấp nhận những hệ lụy của đời người, tôi còn được uống một liều thuốc nhục và một viên kẹo ngọt với hai cuộc tình vực thẳm và trời cao để soạn ra những khúc nhạc tình cho nhiều thế hệ tình nhân còn hát mãi mãi trong tình yêu. Hơn thế nữa tôi còn được che chở và nâng đỡ bởi sự bao dung và hi sinh của người vợ hiền để sống tận cùng với tình cảm đa đoan của một người chót sinh làm kiếp nghệ sĩ. Xin trân trọng cảm ơn tất cả.

Giai đoạn nhạc tình này còn phải nhờ tới giọng hát Thái Thanh thì những rung cảm về tình của tôi mới có nơi để vươn lên hay chìm xuống. Lúc này Thái Thanh đạt tới đỉnh cao của danh vọng, nghĩa là trở thành vương hậu của Đài Phát Thanh, Đại Nhạc Hội, Phòng Trà , đĩa hát hay băng nhạc. Chúng tôi không còn ở chung một nhà nữa nhưng không bao giờ Thái Thanh hát lạc điệu một bản nhạc tình của tôi. Nhất là những bài **tình ca hoan lạc**, có lẽ tại vì lúc đó cô em đã tìm được tình yêu và hôn nhân sau khi có danh vọng chẳng ?

Đoạn ba, khởi sự từ sau ngày chế độ Ngô Đình Diệm cáo chung cho tới khi Hội Đồng Trưởng Lãnh đưa ra một liên danh nhất trí cho cuộc bầu cử năm 1967, khởi đầu nền đệ nhị Cộng Hoà.

Trong mấy năm 64-66, phải nói rằng miền Nam nước Việt là một quốc gia vô chủ vì không có một Nhà Nước nào đứng vững được trước những cuộc đảo chánh, chính lý thường xuyên với những thay đổi nhanh chóng từ chế độ quân nhân này qua chế độ quân nhân khác, từ chính quyền nhà binh qua chính quyền dân sự rồi rút cục lại trở về chế độ quân nhân. Trong thời gian này, Hoa Kỳ đổ nửa triệu quân vào nước ta

vì trong chiến lược toàn cầu, Chú Sam không tin rằng có mâu thuẫn thực sự giữa Trung Cộng và Nga Xô và muốn dùng Việt Nam làm nơi bao vây địch thủ, với chính sách be bờ để ngăn làn sóng đỏ. Cho tới khi Kissinger và Nixon lại dùng luôn Việt Nam để làm cửa lớn hay cửa hẹp đi vào Trung Quốc nói chuyện với họ Mao, yên chí về sự chia rẽ của khối Cộng Sản thì bình thường hoá ngoại giao với Tàu Cộng sau 20 năm đối địch. Xong xuôi mọi việc rồi thì Hoa Kỳ rút lui ra khỏi Đông Dương bằng cuộc Việt Nam hoá chiến tranh.

Sự có mặt của người Mỹ tại miền Nam làm cho chiến tranh gia tăng, xã hội băng hoại ra sao và làm cho tất cả mọi người công phần như thế nào, tôi đã nói qua trong những Chương sách trước. Xin kể thêm phản ứng của quần chúng vô danh qua câu châm ngôn : **Nhất dĩ -- Nhì cha -- Ba sư -- Bốn tướng**. Hay câu ca dao :

*Rót Tú Tài anh đi trung sĩ
Em ở nhà lấy Mỹ nuôi con
Mai rồi xong việc nước non
Anh về anh có Mỹ con anh bằng...*

Phản ứng của các văn nghệ sĩ cùng thời, ngoài nhạc phản đối của Trịnh Công Sơn, một mỗi của Lê Uyên Phương, tìm quên của Lê Hữu Hà, Nguyễn Trung Cang... đó là **Thơ Đen, Thơ Chì, Thơ Xám** của Tú Kieu, Trần Đức Uyển :

*Điên từ khi mất tuổi thơ
Mười năm loạn lạc bờ phờ tóc xanh
Súng thay câu hát ngọt lành
Bom thay lời mẹ dỗ dành đêm đêm...*

Là thơ cảm khái hay thơ ngắt ngưỡng của Nguyễn Bắc Sơn, một trong hàng triệu thanh niên miền Nam phải đi lính, nhìn địch quân là đưa xâm mình, ăn muối đá, điên say chiến đấu và mình là *lính cậu hiền khô, đi hành quân rượu đế vẫn mang theo...* thì chúng ta đánh nhau không hề vì thù hận :

*Ta bắn trúng người vì người bạc phước
Chiến tranh này cũng chỉ một trò chơi...*

Còn là phản ứng của Phạm Thiên Thư, tự coi mình là *gã từ quan, lên non tìm động hoa vàng.... nhớ nhau !*

Ngoài nhạc phản đối, nhạc phản chiến, thơ đen, thơ ngắt ngưỡng, thơ lẩn tránh của lớp trẻ, còn là sự thất vọng hiện ra nơi bộ óc và trái tim văn nghệ lớn như Vũ Khắc Khoan : *Không có cuộc sống nào đáng sống hết !* Nghiêm Xuân Hồng : *Đời toàn là ảo ảnh !* Thi nhân Vũ Hoàng Chương thì tâm sự với Nguyễn Mạnh Côn và trả lời phỏng vấn trong báo VĂN : *Tôi chỉ muốn tự tử !*

Tôi sức nhớ tới anh bạn Tam Ích, mới ngày nào treo cổ lên trần nhà, đưa chân đạp chông sách cao để tự tử. Đạp sách để chết, là coi như cái hiểu cái biết cũng chẳng dẫn mình đi đến đâu cả ! Và nhớ tới cái chết vào đầu năm 1975 của người anh ruột học giỏi tài cao Phạm Duy Khiêm, một người suốt đời cho rằng mình đã hiểu biết rất nhiều, hơn thằng em út và có thể hơn tất cả mọi người nữa, rồi cũng phải quyên sinh vào lúc miền Nam đang hấp hối ! Khiến cho tôi muốn sửa lại câu : **Khôn cũng chết, dại cũng chết, biết... cũng chết !**

Phản ứng trước nghịch cảnh của giới văn nghệ sĩ còn là đi vào Thiên như Nhất Hạnh, Trụ Vũ, hay dần thân như Nguyễn Văn Trung, Lữ Phương, Vũ Hạnh về một phía này và như Dương Nghiễm Mậu, Nhã Ca, Phan Nhật Nam về một phía khác. Rồi viết bạo như Chu Tử và một số nhà văn nữ..

Phản ứng của tôi là **Mẹ Việt Nam**, là **10 bài tâm ca**, là **tâm phần ca**, **tục ca** và **đạo ca**.

Chân thành hết sức thì đem Mẹ Tổ Quốc ra để kêu gọi. Thương tâm vô cùng thì đem con tim ra để than thở. Công phần cực điểm thì nổi giận và chửi bới bằng tiếng nói mĩa mai hay bằng ngôn ngữ vỉa hè. Rồi khi thấy phản ứng của mình có vẻ tiêu cực thì, trước hết, tôi quyết định không phổ biến tục ca. Sau nữa tôi đi theo anh bạn Phạm Thiên Thư vào đạo ca để siêu hoá mọi sự.

Xin tri ân tất cả bạn bè vì trong những năm leo cao và xuống dốc đó, tôi không thấy mình lẻ loi trong việc gánh vác định mệnh oan khiên của dân tộc mình.

Vào lúc nhạc của tôi không còn là nhạc để ngồi nghe mà là nhạc để hát hay nhạc để bàn bạc như các bản **du ca**, **tâm ca**, **tâm phần ca**... thì Thái Thanh vắng tiếng. Tôi cũng không thể tưởng tượng nổi việc Thái Thanh hát **Sức Mấy Mà Buồn** hay hát **tục ca** trước công chúng, qua radio hay trong cassette. Cho tới khi có đạo ca thì giọng hát vượt thời gian này mới quay về với tôi và dù những bài hát đi tìm sự thực này không được phổ biến nhiều, băng cassette đạo ca do Thái Thanh hát từ 1970, cho tới ngày hôm nay (1991) vẫn còn gây cảm động cho những người nghe. Khi hát đạo ca, tôi ngờ rằng Thái Thanh vừa kinh qua một khổ đau lớn của riêng mình nên tìm được an ủi ở những lời thơ tuyệt vời của Phạm Thiên Thư và ở những nét nhạc thoát tục của tôi chăng ?

Đoạn bốn là thời Đệ nhị Cộng Hoà.

Sau quá nhiều bất ổn về chính trị, tình hình tạm yên khi Đệ Nhị Cộng Hoà ra đời nhưng dân chúng ở thành phố đã ê ẩm mặt mày vì những vụ đảo chính, chỉnh lý, bãi khoá, xuống đường, đốt xe, bãi thị. Gian thương tiếp tục hoành hành dù có dựng pháp trường cát ở giữa Saigon. — thôn quê, áp chiến lược, áp dân sinh bị phá tan, cán bộ quốc gia bỏ chạy lên quận lên tỉnh. Tình hình kinh tế suy sụp khiến cho chính quyền phải thành lập *chính phủ của người nghèo*. Những người hiểu biết cho đó là *chính phủ của người nghèo làm cho người giàu* vì biện pháp tân tiến hoá đất nước chỉ giúp cho hố sâu giữa người giàu và người nghèo sâu thẳm hơn lên.

Chiến tranh gia tăng khủng khiếp với cao điểm là vụ Cộng Sản tấn công hầu hết các tỉnh lỵ và thành phố lớn miền Nam trong Tết Mậu Thân. Rồi là **Mùa Hè Đỏ Lửa**, là **Mặt Trận Bình Long, An Lộc**... Đây là lúc các nhà văn Phan Nhật Nam và Nhã Ca diễn tả hộ chúng ta bộ mặt thực của đất nước nhưng đây cũng là lúc người ta quá sợ hãi thực tại nên chú ý đầu vào chuyện chường của Kim Dung hay chuyện tình của Quỳnh Dao. Tôi đi tìm bạo động ở Lý Tiểu Long cũng như trước đây đi tìm lối đi (!) ở **Hiệp Sĩ Mù**. Có lần cùng vợ con xếp hàng lấy vé vào rạp chiếu bóng REX, hết chỗ tốt, phải ngồi vào hàng ghế đầu, nhìn lên màn ảnh mà muồn mù mắt luôn, thế nhưng vẫn hả hê với những cú đấm cú đá của Lý Tiểu Long.

Nhưng hoà bình có vẻ ló ra với Hội Nghị Paris. Đã quá mệt mỏi sau những đợt phản đối bằng tâm ca, tục ca và muồn quay về tắm mát trong cái ao tuổi thơ nên tôi soạn những khúc **hoan ca**. Tưởng rằng sắp có hoà bình, tôi muồn xây dựng lại con người ngay từ lúc đầu đời nên tôi soạn bé ca và nữ ca sau bình ca. Với những hoan ca, tôi cố tình vẽ ra khung cảnh thanh bình dù, cũng như mọi người, tôi không tin có hoà bình, vì tôi thấy hận thù giữa hai miền đã được nuôi dưỡng từ quá lâu.

Suốt một đời, tôi chứng kiến biết bao nhiêu chuyện đảng tranh, nhìn thấy biết bao nhiêu chính trị gia, cán bộ bị thủ tiêu dưới triều Hồ, triều Ngô khiến cho nhân tài, nói theo Nguyễn Trãi, *hiếm hoi như lá mùa Thu* và khiến cho vào lúc sắp sửa mất vào tay Cộng Sản, miền Nam chỉ được lãnh đạo bởi những người ngẫu nhiên nắm được quyền lực, sau khi ngồi vào chức vụ chỉ huy rồi, chỉ nghĩ tới quyền lợi riêng tư mà thôi. Tôi rất tiếc, tôi không mang một chút ân huệ nào đối với những người lãnh đạo quân nhân vô trí, vô dũng đó. Tôi chỉ kính cẩn nghiêng mình trước vong linh của hàng ngàn, hàng vạn, hàng triệu đồng bào vô danh đã gục ngã ở khắp mọi nơi, ngoài chiến địa hay chốn hậu phương tưởng là an toàn của một quê hương trong thời loạn. Tôi chỉ xót xa cho hàng triệu gia đình -- trong đó có gia đình tôi -- vì sự vụng về và mù quáng của các nhà lãnh đạo ở hai miền Nam, Bắc nên suốt đời chịu cảnh chia lìa và ly hương. Phải dấn ba lần làm đi làm lại cuộc đời, từ thời thực dân qua thời độc lập, từ tỉnh thành chạy ra miền quê, từ thôn quê chạy vào thành thị, từ miền Bắc đi vào miền Nam. Phải sống hai mươi năm nguy khốn, âm thầm chịu đựng để sống sót, trước khi còn phải chia ly một lần nữa với người thân thích và giã từ nơi chôn nhau cắt rốn để đi sống ở nước người với nhiều hải hùng trong những năm đầu của cuộc sống lưu vong.

Bây giờ mới là năm giờ sáng nên mặt trời mùa Thu chưa lên ở Thị Trấn Giữa Đàng của miền Cali chỉ ám áp khi nắng lên cao. Nhưng lòng tôi không lạnh lẽo cho lắm. Còn ấm lòng hơn khi nghe tiếng khóc của thằng cháu ngoại, lai Mỹ tên là Tori. Mọi người trong nhà còn đang ngủ kỹ. Đứa bé khóc nhưng không ai dỗ thì nó ngủ lại. Ngồi trước máy điện toán để viết nốt những dòng chữ cuối cùng của cuốn Hồi Ký này, tôi như vừa trút xong một gánh nặng nhất của đời mình. Suốt trong 16 năm sống ở ngoại quốc, lúc nào tôi cũng bị cái dĩ vãng 20 năm sống ở miền Nam đè nặng trái tim. Dĩ vãng của thời thơ ấu rồi vào đời và đi chiến đấu xa quá, thơ mộng quá, hào hùng quá nên không được tôi thương sót bằng dĩ vãng quay cuồng và nhọc nhằn khi nước mình là nơi để hai đế quốc xanh đỏ đấu tranh bằng xương máu thanh niên hai miền Nam, Bắc.

Rồi tới khi Việt Nam trở thành sự nhức nhối của thế giới, phe biết tuyên truyền và chuyên nghề đánh đấm thắng phe không biết tuyên truyền và chống đỡ dờ. Một phe thắng đại mùa Xuân rồi dương dương tự đắc và một phe chạy có cớ để luôn luôn chỉ nhớ mầu cờ -- như trong bài hát của một cô ca sĩ -- nhưng không bao giờ nhớ tới bài học chua cay của dĩ vãng, nghĩa là vẫn sống tới tận cùng của sự chia rẽ... Sự oan khiên của dân tộc mình chưa bao giờ được nói lên, hoặc có được nói tới qua những cuốn sách lếu láo hoặc qua những cuốn phim như **Apocalypse Now, The Deer Hunter, The Last** hay **Rambo**, nhất là loạt chương trình truyền hình **VIET NAM, A TELEVISION HISTORY...** thì đó chỉ là một sự thoá mạ dân tộc Việt Nam mà tôi không thể nào tha thứ được.

Phải sống hơn 20 năm trong một nước bị chia đôi, khi người hai miền bị đặt vào thế đối địch, tôi cũng phải chọn cho mình một chỗ đứng. Chưa sót thay, trong hơn hai thập niên đó -- và còn tới bao giờ ? -- người Việt Nam ít khi được là "người Việt thuần túy" (như dân Thụy Sĩ chẳng hạn). Phải hoặc là "người cộng sản", hoặc là "người quốc gia".

Là nghệ sĩ, chọn làm nghề ca hát, không muốn làm con khướu hót vui tai mọi người, hay làm con vẹt cho một phe, lại chọn làm kiếp ve sầu để hát lên những khổ đau của thời đại thì ráng mà chịu lấy oan khiên. Chết chứa oan khiên vào cõi lòng bé nhỏ của

mình thì dù có soạn hàng trăm, hàng ngàn bài hát, cũng khó rũ sạch nỗi. Phải chờ khi đi vào tuổi già và trở thành mầm non nghĩa địa mới được ngồi viết cuốn Hồi Ký này để trút bầu tâm sự với hi vọng giải oan cho mình, cho người.

Là người chỉ mong nói lên những thống khổ của cả hai miền đất nước nhưng vì sinh sống ở đảng trong, tôi dễ dàng trở thành đối tượng của đảng ngoài. Giá tôi chỉ là một nghệ sĩ ít người biết tới thì nỗi oan đến với tôi cũng vừa phải thôi. Nhưng tối thiểu cũng đã có ba người viết về tôi với tất cả nhiệt tình. Nếu tôi có Georges Etienne Gauthier với loạt bài **Một Người Gia Nã Đại Với Nghệ Thuật Phạm Duy** và Tạ Tỵ với cuốn **Phạm Duy Còn Đó Nỗi Buồn** để nhiệt tâm cứu sống tôi (4) thì cũng phải có nhà giáo Mác Xít Nguyễn Trọng Văn với cuốn **Phạm Duy Đã Chết Như Thế Nào** để giết tôi một cách nhiệt thành. Trong mấy chục năm qua, cũng có lúc tôi vui và buồn vì các nhiệt tình kể trên, nhưng bây giờ, đã bước vào tuổi 70 rồi, tôi mất cả buồn lẫn vui, chỉ xin được cảm ơn cả ba tác giả đó. Là nghệ sĩ, sợ nhất là tác phẩm của mình rơi vào sự dửng dưng, im lặng. Được người đời nhắc tới, đó là hạnh phúc lớn.

À, còn thêm một nỗi oan nữa cần hoá giải. Hơn 20 năm sống với Saigon mà tôi không có một tiếng hát nào cho thành phố nơi tôi sống những ngày phong phú nhất đời mình. Saigon không phải chỉ có *con đường Duy Tân cây dài bóng mát* để tôi đưa người tình đi học. Tuy cũng có Y Vân ghé bến Saigon để thấy *Saigon đẹp lắm, Saigon ơi, Saigon ơi !* Và có thêm Hoàng Anh Tuấn cùng với Phạm Đình Chương nhìn mưa Saigon để nhớ tới mưa Hà Nội... nhưng nói chung, lũ nhạc sĩ chúng tôi rất vô ơn đối với Saigon. Phải bỏ xứ ra đi, phải sống trong thành phố bị đổi tên, rồi mới hối hận để có khá nhiều nhạc sĩ lưu vong hay ở trong nước hồi hải soạn ra sau ngày 30-4-75 những bài như **Saigon Ối Vĩnh Biệt, Saigon Bây Giờ Buồn Không Em, Saigon Vĩnh Biệt Tình Ta, Saigon Niềm Nhớ Không Tên, Saigon Của Tôi, Saigon Ối Thôi Đã Hết...** Con người là thế đó, có viên ngọc trong tay không biết giữ, mất rồi mới tiếc ngẩn tiếc ngơ. Hãy cho tôi được xụp lạy thành phố thân yêu ở đây, với vài câu trong bài **Thương Nhớ Saigon** soạn năm 1981 ở Mỹ :

*Saigon ơi ! Yêu tôi xin chờ tôi nhé !
Tôi sẽ trở về để hôn những vĩa hè
Của Thành Đô, cao sang và say đắm
Chia sót tủi hờn và xây đắp tình nồng .
Saigon ơi dù có thay tên
Mà người yêu còn nhớ không quên...*

Lại nhắc tới Thái Thanh. Người ta thường gắn liền âm nhạc của tôi vào giọng hát của cô em. Đó là một vinh dự lớn cho tôi. Dù Thái Thanh không hẳn liên tục cùng đi từng bước với tôi trên nhiều đoạn đường vì có nhiều loại ca của tôi vắng giọng Thái Thanh (như **bình ca, nữ ca, bé ca** nhất là **tị nạn ca, ngục ca, hoàng cầm ca** và tổ khúc **Bầy Chim Bỏ Xứ...**) nhưng chúng tôi tái ngộ sau 10 năm xa cách vì hoàn cảnh lịch sử, chắc chắn Thái Thanh còn nhiều thời gian để đuổi kịp tôi. Vì nàng là *giọng hát vượt thời gian* mà .

Ước mong những điều tôi viết ra trong cuốn sách này không làm buồn lòng ai cả. Hi vọng nó có thể giải toả những oan nghiệt mà tôi, một nghệ sĩ miền Nam, đã cam chịu trong 20 năm trời. Cảm ơn bạn đọc đã kiên nhẫn nhìn vào ba mảnh đời của một nghệ sĩ được sống hết mình với Việt Nam trong nhiều thời đại, từ thời êm đềm hay

hào hùng tới thời tử nhục hay thác loạn để cố gắng nói lên định mệnh chung của dân tộc.

Và dù tôi có trải qua dăm eo sèo nhân thế, tôi vẫn chưa phai lòng say mê để tiếp tục cống hiến nốt cho bạn đọc mảnh đời cuối cùng của mình bằng cuốn hồi ký thứ tư. Trong cuốn Hồi Ký THỜI HẢI NGOẠI phát hành mùa Thu năm tới, tôi muốn cùng những người có chung số phận, ôn lại thời gian sống lưu vong, tuy chúng ta lúc nào cũng khắc khoải thương nhớ quê hương nhưng vẫn có thể mừng thầm vì được làm cuộc viễn du ra thế giới để cùng nhân loại đi vào thế kỷ 21 với kỷ nguyên kỹ thuật. Cuốn hồi ký này, may thay, được viết sau khi cuộc chiến tranh lạnh giữa các cường quốc chấm dứt, trước ngưỡng cửa của thế kỷ 21, chủ nghĩa Cộng Sản đang sụp đổ, các nước xã hội đang thay đổi và toàn cầu đang đi vào một trật tự mới. Người Việt Nam ở trong hay ngoài nước đã có thể nhìn thấy sự phi lý của 20 năm phân chia Quốc-Cộng chất chứa oan khiên và 15 năm phân chia Quốc Nội-Quốc Ngoại chan chứa hận thù. Liệu sớm có ngày chúng ta xúm nhau thực hiện sự Thống Nhất của Việt Nam mà vào năm 1975, có người đã làm mà chưa hề thành công. **Thống nhất đất nước chưa đủ, cần phải thống nhất lòng người.** Tôi hi vọng còn sống khỏe, sống mạnh để đóng góp vào niềm vui chung đó.

Thị Trấn Giữa Đàng
Mùa Thu 1991

(1) Xin được coi như những lời tạ ơn.

(2) Một cán bộ của Đảng Cần Lao dọa tôi nếu không ca tụng nhà Ngô sẽ bị lôi thôi. Một trợ giáo mà tôi mượn tới nhà để kèm học cho các con tôi, về sau mới biết anh là người của Mặt Trận Giải Phóng.

(3) Danh xưng "người quốc gia" có khi từ chính phủ Cộng Hoà Nam Kỳ ra đời năm 46. Như vậy Nguyễn Văn Thỉnh là một trong những người quốc gia đầu tiên. Và là người quốc gia độc nhất tự tử khi biết mình lầm.

(4) Có lẽ sau khi tôi soạn bài **Mùa Thu Chết** và có người hát nhại là "*Em nhớ cho, Phạm Duy đã chết rồi*"... nên Tạ Tỵ bèn "cứu sống" tôi, viết cuốn sách này, cho rằng "**Phạm Duy vẫn còn đó, với nỗi buồn... Nhưng tôi thường nói đùa với anh bạn : " Sách này nên đặt tên là Phạm Duy còn đó nỗi buồn... cười ! Vì tôi là kẻ... sức mảy mà buồn ! ! ! "**

HẾT CUỐN BA



Người đi trong đêm tối, trong đêm thâu
Trong đêm vắng, trong đêm sâu
Trong đêm dài Việt Nam...
Dạ Hành

Chương Một

Không còn nghi ngờ gì nữa, vào đêm 28 tháng 4, 1975, cuộc ra đi của gia đình tôi cùng với những gia đình khác trong chuyến bay về hướng mặt trời mọc là một cuộc **dạ hành** dài. Bất cứ ai trong chuyến ra đi này cũng có thể nói rằng đây là đêm đen nhất, dài nhất của đời mình. Những phi vụ chở người tị nạn từ Saigon qua căn cứ không quân Clark ở Phi Luật Tân rồi lại bay ngay đi đảo Guam hay đảo Wake, đó là những chuyến bay đêm. Đúng ra, vì sự khác nhau của thời khắc ở những vùng cách nhau vài kinh tuyến, đêm phải ngắn chứ ? Vậy mà phi cơ bay hoài cũng chỉ gặp toàn đêm và đêm thôi. Mặt Trời đâu rồi ? Đêm hôm nay không phải là đêm 12 tiếng đồng hồ, thời gian thực tại của đêm ngắn đi vài ba tiếng nhưng thời gian tâm lý thì dường như kéo dài dằng dặc...

Về sau, trong lúc trà dư tửu hậu, tôi có bạn bè đưa ra giả thuyết : các chuyến bay đêm của chúng tôi đều được dự tính từ trước. Những phi vụ chở người tị nạn Đông Dương vào Hoa Kỳ đều được tính toán để khi mặt trời lặn mới cất cánh hay hạ cánh. Đó là những chuyến bay kín đáo, không bay ngày mà chỉ bay đêm vì nhà chức trách sợ gây náo loạn trong dân chúng Mỹ, lúc đó vẫn còn bị ám ảnh nặng nề bởi hai chữ Việt Nam. Hơn nữa, để có thể chở được nhiều người hơn, có chuyến bay 300 ghế ngồi trong phi cơ được gỡ đi, "hành khách" -- trong đó có gia đình tôi -- phải dựa vào nhau, ngồi bệt trên sàn phi cơ (1). Người Mỹ sợ cảnh khổ tâm này có thể bị báo chí phanh phui rồi sẽ bị phê bình là đối xử tệ với người tị nạn chẳng ?

Trong đêm dạ hành đầu tiên của cuộc đời mới này, ngũ giác quan trong tôi như bị tê liệt cho nên hôm nay tôi không có nhiều kỷ niệm của đêm đó để cho vào Hồi Ký. Trái với sự xao xuyến trong lòng của những chuyến xuất ngoại trước kia, tôi không có một cảm giác nào khi máy bay đáp xuống căn cứ Clark ở Phi Luật Tân. Trong đêm tối được chiếu sáng bởi những đèn mù của trại không quân, không một tiếng động nào lọt vào tai tôi, dù dân tị nạn đổ bộ ào ào từ những con khủng long bằng sắt đen

ngòm và được tập trung thành đám đông, người nằm kẻ ngồi la liệt ngay trên sân bay, bên cạnh đồng hành lý cao ngang đầu người.

Sau khi các chuyến bay đáp xuống đầy đủ, chúng tôi được đưa tới nơi làm thủ tục nhập cảnh ở ngay trong căn cứ này. Cùng vợ con loạng quạng bước đi trong một phi cảng đã từng là nơi xuất hành của những phi vụ B52, tôi sợ nhất là phải nhìn thấy những máy bay đã làm cho nhiều vùng Việt Nam trở thành hoang địa, gây cái chết thảm khốc cho dân chúng. Nhưng tôi chỉ thấy những nhà kho rộng lớn, tối mù và rỗng tuếch : các máy bay chiến lược đó đã được đem ra khỏi những nhà chứa phi cơ (hangar) rồi.

Những người Mỹ phụ trách cuộc di dân khổng lồ này dẫn chúng tôi tới nơi được dùng làm Sở Quan Thuế lưu động của Hoa Kỳ. Các nhân viên xét hành lý (hình như là quân nhân được xung công) ở nơi này rất vui vẻ, không như những nhân viên hách dịch (phần nhiều là người Mỹ gốc Phi) của Sở Di Trú chúng tôi gặp khi vào đất liền để làm thủ tục chuyển từ qui chế **parole** (tạm dung) qua **resident** (thường trú) hay lập hồ sơ thi vào Mỹ tịch.

Ai cũng biết nhập cảnh vào Hoa Kỳ là một điều rất khó, vậy mà trong đêm nay, người tị nạn chúng tôi đi vào đất Mỹ thật là dễ dàng. Xếp hàng dọc, vác hành lý đi vào một dãy nhà tiền chế bằng tôn rất hẹp, vùn vụt đi qua một dãy bàn, rồi vừa ra khỏi khu nhà tôn này là coi như đã làm xong một nửa thủ tục nhập cảnh rồi. Lúc đó, tôi chưa coi việc sẽ trở thành công dân nước Mỹ là một niềm vui vì tôi đang gặm nhấm một bất hạnh lớn là phải bỏ nước ra đi trong niềm tủi nhục.

Đã gặp bất hạnh lớn, tôi lại gặp luôn bất hạnh nhỏ : sau khi ra khỏi nơi làm quan thuế, kiểm soát lại hành lý, gia đình tôi mất một va li đựng quần áo ấm, rất cần thiết khi tới sinh sống ở xứ lạnh. Tuy vậy tôi vẫn cho rằng trong cái rủi cũng có cái may, chiếc va li thứ hai đựng nhiều kỷ vật vô giá như ảnh cũ, băng nhạc cũ v.v... nếu bị thất lạc chắc sẽ làm tôi đau khổ vô cùng.

Xong thủ tục quan thuế, gia đình tôi cùng mọi người ngồi chờ cho đủ số "hành khách" để leo lên những chiếc phi cơ lớn, bay tới đảo Guam, nơi địa đầu của Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ.

Sau vài giờ bay đêm, chúng tôi tới đảo và được xe bus chở vào một trại lính mang tên Trại Anderson. Trại rất rộng, chứa được năm, sáu ngàn người là ít. Người tới trước được ở trong những chung cư bằng gỗ, người tới sau phải ở trong những lều lính. Ở trong nhà hay ở trong lều thì cũng chỉ vài ngày sau là được bốc vào lục địa Mỹ ngay, nhường chỗ cho những đợt người tị nạn sắp tới bằng những chiến hạm đang trôi trên biển cả. Ngoài trại Anderson ở Guam, Hoa Kỳ còn một trại lính nữa trên đảo Wake để đón người tị nạn. Trong đợt tị nạn vào tháng 4 năm 75 này, tổng số hơn 100.000 người đã đi qua các trại không quân tạm trú ở Guam và ở Wake.

Tới Guam ngày 29, ngày 30 là ngày đầu tiên tôi được nghỉ ngơi sau hơn 20 giờ đồng hồ không ngủ. Tại trại Anderson này, người tị nạn sống chung với nhau trên sàn gỗ của những chung cư hai tầng đã từng là phòng ngủ của lính không quân Mỹ. Giường ngủ được gỡ đi để có rộng chỗ cho chúng tôi ở tạm. Giang sơn của gia đình tôi là vài ba thước vuông trong một góc phòng. Cũng như nơi tôi nằm chơi trong bót Catinat

ngày xưa ngày xưa, nơi tôi tạm trú bây giờ ở ngay cạnh phòng vệ sinh. Thế là tôi vẫn còn bị bắt hạnh đuổi theo đấy nhé ! May mà cầu tiêu của lính Mỹ không hôi thối như cầu tiêu của tù trong bót Catinat. Trong phòng có vài chục gia đình đông con và vài chục người độc thân, chia nhau chỗ nằm trên sàn gỗ. Lạ lùng thật ! Cùng chung sống với nhau trong dăm bảy ngày mà không xảy ra một vụ cãi lộn nào cả ! Dù cũng có một anh thanh niên tóc ngắn được cử làm trưởng ban quét rác ra về lộng quyền khiến cho Thái Hiền ghét ra mặt, con gái tôi xưa nay không quen bị ai sai bảo cả...

Trước mặt gia đình tôi là gia đình người vợ goá của một người bạn thời 1944-45, Đỗ Bá Phúc, thất lộc từ lâu. Phúc là cựu sinh viên trường Mỹ Thuật, khi lấy vợ thì không làm điêu khắc gia mà trở thành chủ nhân của một tiệm mua bán kim cương ở đường Tự Do, nơi đây tôi và Tôn Thất Niệm (lúc còn là sinh viên) thường gặp nhau để ca hát. Chị Phúc và tôi chỉ gật đầu chào nhau bởi vì từ ngày bạn Phúc qua đời, tôi không còn gặp chị nữa. Tôi còn gặp trong phòng này vài ba người quen khác nhưng chúng tôi đều tránh không nhìn thẳng mặt nhau.

Ngày hôm nay cũng là ngày Saigon vừa được Bắc quân gọi là giải phóng. Giờ lịch sử đã điểm. Một ông nằm cạnh tôi đang dò đài Saigon với cái máy radio nhỏ tí. Mọi người trong phòng lặng lẽ kéo tới, khi nghe thấy có chương trình phát thanh về cuộc thắng của Bắc quân và cái thua của Cộng Hoà Việt Nam. Tôi cảm thấy buồn bã vô cùng ! Chẳng nhẽ nằm đó và bịt tai lại, tôi vùng dậy, xuống thang ra khỏi chung cư.

Bây giờ tôi mới ý thức rằng Guam là một hòn đảo. Tôi lững thững bước ra bãi biển. Đứng trước cảnh trùng dương bát ngát, lòng tôi rất im lặng, đứng đưng. Tôi thấy tôi không còn một chút rung động nào nữa trước cảnh biển cả mông mênh như những ngày trước đây. Tôi không còn là tôi nữa rồi ! Quay lưng lại biển, tôi lặng lẽ bước về chung cư.

Đi qua phòng thông tin của trại, bỗng nghe từ các loa lớn phóng ra tiếng nói của một nữ xướng ngôn viên:

--Tổng Thống Dương Văn Minh kêu gọi binh sĩ Cộng Hoà buông súng đầu hàng...

Một rừng người tị nạn đang ồn ào trên sân cỏ, bỗng dưng không ai bảo ai, tất cả ngưng hoạt động, đứng im để nghe tiếng nói của nữ xướng ngôn viên Kim Vui. Cô này là ca sĩ, bỏ nghề hát từ lâu để theo chồng qua Mỹ, nay làm việc cho ban phát thanh của trại tị nạn khi trại được thành lập từ đầu tháng Tư. Nhiều người quen biết như Lê Quỳnh, Lâm Quang... cũng xung phong làm việc trong văn phòng.

Trong suốt tháng Tư này, kẻ trước người sau bỏ nước ra đi nhưng Saigon và vùng Hậu Giang hãy còn, nay nghe tin Việt Nam đã hoàn toàn rơi vào tay Cộng Sản, mặt ai cũng xa xăm, mắt ai cũng rơm rệ, đầu ai cũng cúi gằm. Khi cô Kim Vui đọc xong bản tin và bản thông cáo, mọi người lùi thối bước đi trong sự lặng lẽ tốt độ. Người mình xưa nay vốn rất ồn ào vì thích nói nhiều, nói to. Chưa bao giờ tôi thấy hình ảnh lạ lùng là một đám rất đông người Việt đi đi lại lại mà không có một tiếng động nào cả. Trông chẳng khác chi những bóng ma trong một khúc dạ hành...

Tôi lại càng buồn rầu hơn nữa, rảo bước về chung cư, ngồi bệt xuống sàn gỗ. Mọi người vẫn vây quanh cái radio để nghe những tin tức liên quan tới ngày Bắc Quân tiến vào Saigon. Trong radio bỗng có tiếng Trịnh Công Sơn hát bài **Nối Vòng Tay Lớn** với giọng hát thật thanh và với tiếng đệm đàn guitare (rất là sai dây). Tôi chạnh lòng nghĩ tới thân phận mình, nếu bị kẹt lại... Liệu mình có phải hành động như thế

không ? Chưa kịp nghe hết bài hát, chủ nhân cái radio chửi thề rồi tắt máy, mọi người giải tán trong ngao ngán.

Nghe tin Saigon đã mất, nhưng tôi vẫn hi vọng bốn con trai Quang, Minh, Hùng, Cường có thể đi thoát vào giờ phút cuối cùng. Chúng xưa nay là những thanh niên khá nhanh nhẹn. Chúng cũng đã có anh chàng CIA Ed Jones đảm trách việc ra đi rồi mà ! Hơn nữa, vào ngày 28 vừa qua, khi nửa gia đình tôi và vợ Minh Phúc là ca sĩ Minh Xuân (2) tới địa điểm bốc người đi Mỹ ở đường Kỳ Đồng, vợ con của Lê Quý Biên (người mua lại căn nhà của tôi rồi trở thành quen biết) cũng được tôi cho đi theo và cũng được Mỹ bốc đi dù không có tên trong giấy giới thiệu của Sứ Quán Mỹ. Trước khi đi, vì đã -- coi như -- giúp đường đi trốn cho người thân của Biên và Minh Phúc, tôi dặn dò họ phải gánh vác việc ra đi của các con tôi. Cho chúng biết là đừng nên quá trông cậy vào Ed Jones. Bây giờ trong số gần một chục vạn người đang lục tục kéo vào đảo Guam hay đảo Wake trên những chuyến bay cuối cùng và trên những chiến hạm, tôi hi vọng các con tôi cũng có mặt trong đám đông đó cùng với Lê Quý Biên và Minh Phúc.

Người tị nạn tới Guam càng ngày càng đông. Mỗi khi có xe bus chở người từ phi cảng tới trại, ai cũng đổ xô ra cổng tìm người thân thích. — trong trại, đi tìm thân nhân trong số năm, sáu ngàn người thật là khó. Chúng tôi gặp Mai Hương, nữ ca sĩ và là cháu ruột vợ tôi, cùng chồng con xếp hàng đi ăn cơm. Chúng tôi cũng chỉ ngán ngẫm nhìn nhau và nói với nhau vài ba câu thăm hỏi. Khi được biết văn phòng ban giám đốc trại cho phép người tị nạn gọi nhau qua hệ thống loa, tôi tìm đến cô Kim Vui, nhờ cô ta phóng thanh lời vợ chồng tôi gọi các con. Trong những lời nhắn gọi thân nhân của hàng ngàn người khác, tôi nghe tiếng Lê Quỳnh gọi tên Thái Thanh và tên các con. Như vậy là Thái Thanh chưa đi thoát. Tuy đang sốt ruột vì các con, vợ chồng tôi cũng thấy lo lắng cho số phận cô em.

Tới ngày mùng 2 tháng 5, tôi xuống văn phòng để lục coi bằng danh sách người tị nạn luôn luôn được cập nhật hoá thì thấy tên Minh Phúc.

--Trời ơi, nó đã tới được đảo Wake rồi...

Tôi vội vàng xin phép nhân viên văn phòng cho tôi gọi phone cho Minh Phúc. Khi có Phúc ở đầu giây, tôi rụng rời tay chân ! Vào giờ phút cuối cùng của Saigon, sau khi bị Ed Jones bỏ rơi, bốn con tôi cùng Minh Phúc chạy tới Tòa Đại Sứ Mỹ nhưng chỉ có một mình Minh Phúc lọt qua hàng rào lính Mỹ và được bốc đi.

Tôi ôm mặt chạy về chung cư. Chữ nghĩa trên thế gian này không đủ để diễn tả một phần nghìn nỗi đau của những người lâm vào hoàn cảnh như tôi, hôm nay. Tôi lao mình vào giường ngủ, gục mặt vào đồng hồ, khóc rống như chưa bao giờ khóc như vậy. Không cần đối thoại, vợ tôi biết các con bị kẹt lại rồi. Dù cũng buồn khổ như tôi, nhưng vợ tôi vốn là người kín đáo, ít khi biểu lộ tình cảm một cách mạnh mẽ như tôi. Tôi vẫn cho rằng trong những năm tháng buồn rầu vì xa bốn đứa con, tôi không ngã quỵ xuống vì không bao giờ vợ tôi làm tăng thống khổ của tôi lên. Đúng thế, trong những năm xa con, nếu người mẹ này suốt ngày ngồi khóc thầm, oán trời, oán đất, oán chồng thì tôi phải chết từ lâu.

Như kẻ đang sắp chết đuối cố níu vào mảnh gỗ mục, khi tới phiên gia đình tôi phải vào lục địa, tôi xin với ban giám đốc trại Anderson cho tôi ở Guam thêm ít ngày nữa. Tôi vẫn nuôi hi vọng các con tôi tìm ra lối đi, khi nghe tin đồng bào vẫn tiếp tục ra khơi sau ngày mất Saigon vì Cộng Sản chưa nắm hết được các cửa khẩu. Trại

Anderson cần chỗ cho những đợt người đang tới, gia đình tôi được cho ra ở Hotel Tokyo nằm trong thành phố. Hơn một chục gia đình đã ở trong hotel này, trong đó có gia đình bà thông gia và vài người quen. Dù trong hotel có nhiều tiện nghi như hồ tắm, tivi, phòng bida... nhưng chỉ có các con nhỏ của tôi vô tư tung tăng chạy lui chạy tới cùng lũ trẻ khác. Hơn một tuần lễ, tôi ngồi ủ rũ hay nằm vật vã ở trong phòng, vợ con lĩnh thực phẩm về, nhưng tôi ăn không thấy ngon, rồi tôi ngủ không thấy yên. Tôi nằm im một chỗ như một kẻ đã gục ngã và không còn sức để ngóc đầu lên nữa. Thấy tôi buồn rầu, vài người quen lân la tới nói chuyện. Họ cũng đang ở trong tình trạng đi tìm hay chờ đợi người thân thích như tôi. Ai cũng đem chuyện số phận ra để an ủi nhau. Kể cho nhau nghe những chuyện may rủi:

-- Một gia đình kia vào được Tân Sơn Nhất, đã ngồi trên hàng ghế đợi chuyến bay rồi nhưng vào lúc cuối cùng hai con nhỏ ngồi hàng ghế trên được bốc đi, cha mẹ ngồi hàng ghế sau bị kẹt lại...

-- Một gia đình họ biết tin có chuyến tàu đang sửa soạn nhổ neo. Các con đi chơi vắng, cha mẹ đành ôm hai bị quần áo chạy ra bến tàu. Bỗng dưng các con cũng từ đâu chạy tới, cùng xuống tàu với cha mẹ...

-- Một bà đang bán bánh giò trong chiếc tàu đóng neo ở Khánh Hội, chưa kịp lên bến trở về nhà thì tàu ra sông và ra biển luôn, bà ta trở thành người di tản bất đắc dĩ...

Nhưng than ôi, những chuyện vừa kể, đi kèm với lời bàn về thuyết định mạng :

--*Con người ta, giàu hay nghèo, thành công hay thất bại là có số cả đấy, ông à !*

... không đủ vực tôi lên từ một chán nản vô biên, kéo tôi ra từ một thất vọng cùng cực. Kể cả vợ tôi cũng an ủi chồng (và tự an ủi mình) :

-- *Năm nay là năm xung của em, 49 chưa qua 53 đã tới, phải có các con gánh hộ đại hạn cho mình.*

Kể từ lúc bỏ nhà ra đi và biết đủ mùi đời, tới bây giờ tôi mới biết rõ mùi đắng cay, xót xa, chua chát, nẫu nề. Quá nửa đời mình, cũng như mọi người mà thôi, tôi đã gặp ít nhiều đen đủi, mất mát. Trong chuyến ra đi bất hạnh này (mất nước là một bất hạnh có thể chia sẻ với mọi người), tôi gặp thêm hai cái sui sẻo như mất va ly và nằm cạnh cái chồ. Tôi thừa sức để chịu đựng những chuyện đó vì vào lúc Bắc Quân tấn công Saigon, tôi tưởng bị kẹt lại rồi, một là bị sát hại, hai là đi tù một gông, ba là trở thành kẻ hàng thần lơ láo thì, a ha, tôi đã tới đảo Guam, tôi đã chạy thoát...

Nhưng với sự kẹt lại của bốn đứa con, tôi không chống cự nổi một đại nạn đang giáng xuống đầu tôi. Bất hạnh này, tôi không thể chia sẻ với ai, ngoài vợ. Tôi chôn ngay tôi vào ý nghĩ đau đớn là sẽ không bao giờ gặp lại các con. Tôi dìm tôi vào ân hận day dứt là tại sao không dắt các con cùng đi với mình vào ngày 28 ? Tôi đẩy tôi vào cảm giận buồn phiền Minh Phúc và Lê Quý Biên tôi cậy nhờ giúp các con tôi ra khỏi Saigon. Tôi sẽ phải mất một thời gian khá lâu rồi những thống khổ này mới nguôi ngoai dần. Sự thống khổ vào lúc này còn giầy vò tôi đến độ tôi muốn trở về Việt Nam ngay lập tức. Hay là nhảy ngay xuống biển tự tử cho rồi...

... Cho tới lúc tôi chợt tỉnh ngộ, nhìn ra người vợ hiền lành và biết chịu đựng, suốt đời trông cậy vào tôi, nhìn ra mấy đứa con thơ dại với tương lai có thể sáng sủa của chúng, tôi nghiêng rãng lại, quyết định xua bỏ những ý nghĩ tiêu cực đi. Tôi sẽ vào đất liền ngay. Bàn với vợ con, rồi tôi lên văn phòng xin đi tạm cư ở trại Eglin nằm trong tiểu bang Florida.

Để có nơi tạm trú cho hơn 100,000 người tị nạn Đông Dương, Hoa Kỳ thiết lập bốn trại, tất cả đều là trại lính : Trại Pendleton ở miền cực Tây (California), trại Fort Chaffee ở miền trung bộ (Arkansas) hai trại Indiantown Gap và Eglin ở miền cực Đông (Pennsylvania, Florida).

Tôi chọn đi trại Eglin vì tôi muốn ở một nơi nào càng xa quê hương bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Gia đình bà thông gia, vợ chồng Minh Phúc, Minh Xuân, vì chưa biết mặt ngang mũi dọc của nước Hoa Kỳ này ra sao, thấy tôi chọn đi trại Eglin thì cũng đi theo tôi luôn.

Ngày 15 tháng 5, cùng với một số đồng đồng bào tị nạn, gia đình tôi rời trại Anderson ở đảo Guam, leo lên phi cơ bay về hướng Đông. Chúng tôi lại như là bay đi tìm kiếm mặt trời.

(1) Đó không phải là tình trạng chung. Có nhiều người tị nạn tốt số hơn chúng tôi, khi bay vào đất Mỹ, được ngồi bành chèo trong những phi cơ thương mại lộng lẫy.

(2) Đêm 28-4, khi người bạn ở Sứ Quán Mỹ gọi phone để cứu nguy cho tôi thì vợ chồng Minh Phúc đang ở nhà tôi. Tôi chỉ được phép ghi tên đàn bà, con nít, người già và ghi luôn tên Minh Xuân vào danh sách.

Như bông bay qua miền Louisiana

Như cam đông đưa miền Florida...

Hát Trên Đường Tạm Dung

Chương Hai

Tôi chọn đi Florida thì dù tàu bay hạ cánh xuống phi cảng quân sự ở gần trại tị nạn Eglin vào giữa đêm khuya, tôi cũng gặp ngay mặt trời rồi. Ngẫu nhiên, hôm nay chúng tôi tới tạm cư ở một nơi đã được người Mỹ gọi là **tiểu bang nắng** (Sunshine State), dù về sau, khi "mu" (move) về miền California, tôi thấy nắng ở **tiểu bang vàng** (Golden State) (1) này mới đáng gọi là nắng.

Trại Eglin, với hàng trăm lều vải nằm giữa một khu rừng thấp, là nơi tạm trú của dăm bảy ngàn người tị nạn Đông Dương. Đây đó có dựng thêm những căn nhà gỗ nhỏ dùng làm phòng hành chánh, phòng khám sức khoẻ, bếp và phòng ăn, lớp học và phòng chơi của con nít v.v... Giải quyết vấn đề tiêu hoá của vài ngàn cái dạ dày là những cầu tiêu cá nhân đặt ở nhiều nơi.

Gia đình tôi ở chung lều với gia đình bà thông gia, vợ chồng Minh Phúc và mấy gia đình khác. Mỗi người có một cái giường vải nhà binh để ngồi chơi hay nằm ngủ. Lều dựng giữa khu rừng đất cát, mái vải không ngăn được mặt trời hay sương đêm nên ban ngày chúng tôi bị nóng đỏ mồ hôi, ban đêm lạnh buốt xương sống.

Trong những ngày đầu tiên ở trại, cũng như mọi người, gia đình tôi phải suốt ngày xếp hàng đi khám sức khỏe (khám phá ra vi trùng bệnh lao đã tái sinh trong tôi), xếp hàng đi làm giấy tờ căn cước (giấy **ai nai ti fo = I-94**), xếp hàng đi lĩnh quần áo, xếp hàng đi ăn sáng, ăn chiều... Người Việt Nam xưa nay là vua giành chỗ, bây giờ ở nhà hay chạy ra ngoại quốc cũng đều khởi sự đi vào lối sống xếp hàng cả ngày rồi. Tôi bận lùa lũ con nhỏ vào đội ngũ xếp hàng nên tạm quên được nỗi buồn.

Đêm về là lúc tôi chịu cực hình. Một nỗi buồn khổng lồ xâm chiếm tôi, buồn này không có tên vì là nhiều nỗi buồn chồng chất lên nhau. Buồn nhất là bốn con bị kẹt lại. Thêm sự buồn tủi của kẻ bị xua đuổi, phải chạy trốn. Buồn vì bỗng thấy cuộc đời chẳng còn ý nghĩa gì nữa. Còn có thêm một buồn lo cho tương lai. Làm gì để sống? Đi hát để nuôi thân à? Hát cái gì? Hát cho ai nghe đây? Còn đâu hứng khởi để hát nữa? Và nếu không đi hát, 55 tuổi rồi, tôi đâu còn thời gian và sức khỏe để học hay làm nghề khác ???

Không ngủ được, vén lều nhìn ra ngoài, tôi thấy đêm rừng tị nạn Florida 1975 không giống đêm rừng kháng chiến Đất Đỏ 1945. Khi xưa, ánh trăng đỏ như máu làm rạo rực lòng tôi. Bây giờ, ánh trăng xanh nhợt nhạt làm cho nỗi buồn của tôi càng thêm tê tái... Sự buồn tủi còn tăng thêm khi tôi chứng kiến, vào cuối tuần, cảnh người Mỹ rầm rập vào trại ra trại để bảo lãnh người tị nạn vì lòng nhân đạo hay tới trại để nhìn người Á Đông vì tính tò mò. Vấn đề tị nạn Đông Dương đang nóng bỏng, phóng viên báo chí, truyền hình tới tấp vào trại làm phóng sự. Tôi được phỏng vấn và thốt ra một câu buồn bã :

-- *Tôi sinh ra để hát về nước tôi ! Nước tôi đâu rồi ?*

Một số lớn báo trong toàn quốc đăng ảnh tôi ngồi trước lều tị nạn với bộ mặt thảm thiết, hai tay ôm đàn guitar (của Minh Phúc cho mượn) với bài báo rất lâm ly mang những tit lớn : **I Sing About My Country, Where's My Country Now ?, Folksinger Has No Country, Vietnamese Singer Laments Loss...**

Cũng nhờ những bài báo này, khi xuất trại và tới ở nhà sponsor (người bảo lãnh), vợ chồng tôi và Thái Hiền được mời lên New York để ra mắt trong chương trình truyền hình TOMORROW của Tom Snyder (2).

Sau vài ngày hoàn tất các vấn đề khám sức khỏe, chụp ảnh, lăn dấu tay để làm hồ sơ nhập cảnh, một ngày dài như thiên thu của tôi là buổi sáng xếp hàng đi tắm rồi đi ăn. Buổi trưa xếp hàng đi lĩnh chăn hay lĩnh quần áo **nhà thờ** (3). Buổi chiều lại xếp hàng đi ăn, rồi có khi ra ngồi trên bãi cỏ coi ciné ngoài trời hay nghe ban nhạc của học sinh High School trong thành phố Fort Walton Beach (cách xa trại 17 cây số) tới biểu diễn. Ông giáo sư âm nhạc của trường này đọc báo nên biết tôi là nhạc sĩ bèn tới lều xin tôi chép cho bài **The Rain On The Leaves** để ban nhạc học sinh trình bày. Đưa bài hát cho ông ta, tôi cũng chẳng thấy thích thú gì...

Tại nơi giải trí chung này, nhìn những đôi uyên ương ôm nhau coi phim tình hay thấy những gia đình có đầy đủ vợ chồng con cái ngồi quần quýt bên nhau nghe nhạc Mỹ... tôi tủi thân vô cùng.

Đối với nhiều người, quả rằng đời sống trong trại Eglin rất là vui. Ít khi hàng ngàn người Việt sống chung với nhau một cách vô tư như thế này. Họ không phải làm gì, được nuôi ăn, được khám và chữa bệnh, được giải trí. Nhưng đối với tôi, những ngày này thật là vô vị. Với những người cũng trong hoàn cảnh ly tán như gia đình tôi, chắc cũng vậy thôi !

Gặp nhạc sĩ Vũ Thành, mặt mày ủ rũ vì con gái và chàng rể bị kẹt lại ở Việt Nam, chúng tôi không còn nói những chuyện vui đùa thấp lè tè hay những chuyện nghệ thuật cao siêu như những ngày gặp nhau trên Đài Phát Thanh Saigon nữa. Chúng tôi nở ra những nụ cười méo mếu mỗi khi gặp nhau trong hàng ngũ đi ăn. Một buổi chiều, cùng Vũ Thành âm thầm đứng trong đám đông nghe ban nhạc học sinh tới trở tài và an ủi dân tị nạn, chỉ một lát sau, nhạc sĩ hàng đầu của Việt Nam bỏ về lều, thốt ra lời cay đắng :

-- Suốt đời mình, không bao giờ có trong tay một ban nhạc với đầy đủ nhạc cụ như lũ nhốt con học sinh tỉnh nhỏ kia !

Gặp ông chủ đất của căn nhà Phú Nhuận tôi mua lại năm xưa, thất thểu đi một mình trong trại vì chỉ có đủ số vàng để mua một chỗ trên chiếc thuyền đánh cá ở Phước Hải... Tôi cũng gặp những người quen khác như cựu chuẩn tướng Phan Hoà Hiệp (anh của nhà văn quân đội Phan Nhật Nam) thường chơi bàn bi điện với tôi ở nhà hàng La Pagode ngày nào. Gặp một người có dính líu tới chính biến 1963 mà tôi cũng không tò mò hỏi chuyện đi bắt Tổng Thống và về cái chết của ông Diệm, ông Nhu... Gặp anh bạn cũ Đỗ Xuân Hợp, chúng tôi chỉ ngượng ngùng nhìn nhau chứ không còn chuyện nỏ như pháo ran nữa...

Có một số người không lâm vào hoàn cảnh gia đình ly tán như tôi hay Vũ Thành mà vẫn phải nhìn người đồng trại với cặp mắt không được tự nhiên. Đó là những quan to hay xếp lớn, khi còn tại chức, thét ra lửa mưa ra khói, nay qua tới trại, gặp người cấp dưới thì họ rụt rè, e ngại. Đời sống trong trại quá nhàn rỗi, mọi người hay tụ tập ở phòng ăn để bàn bạc về thời thế, lính trơn nay ngồi chung với Tư tá, không khỏi có ít nhiều mặc cảm ở đôi bên. Tôi không được chứng kiến nhiều cảnh ân oán giang hồ ngoài chuyện một ông Cảnh Sát Trưởng vừa ngu vừa hách xì xằng nên bị ăn đòn tôi sẽ kể trong đoạn sau.

Những ngày ở trong trại Eglin này, tôi còn bị cắt đứt hẳn với thế giới bên ngoài. Tôi không có người thân thích hay người quen biết ở Hợp Chúng Quốc để ra phòng điện thoại gọi **collect** (người nghe trả tiền) cho ai cả. Lại càng không thể nào gửi thư hay nhận thư của các con... Tuy nhiên, sống trong cơn đau khổ mù loà, tôi vẫn còn minh mẫn để thấy vài điều mới lạ đối với những ai vừa đi ra từ một quốc gia bị điên đảo, băng hoại trong chiến tranh và hận thù, qua vài ba chuyện ở đây...

Trại tị nạn vẫn còn chuyện tìm thân nhân qua hệ thống loa. Một hôm, với giọng nói hách dịch, một cựu Cảnh Sát trưởng nhắn tin qua hệ thống loa:

-- A lô a lô, tôi là Trung Tá Cảnh Sát ở Quận X trước đây, hiện đang ở lều số Z, nhắn tin cùng thân nhân là Y.

Chắc ông này lúc còn tại chức đã gây nhiều tội ác nên trong đám dân tị nạn có một số người cựu dân đen ở quận cũ vác gậy tới hỏi thăm sức khỏe. Vừa mới được ăn tí đòn thù thì MP (Military Police) Mỹ xông tới bảo vệ, không phải vì nhà nước Hoa Kỳ chủ trương che chở tội ác mà vì ở một xã hội văn minh không ai có thể làm gì mà không qua luật pháp.

Tiền nông cũng được bảo vệ như sinh mạng. Những người mang theo vàng bạc, kim cương hay tiền dollar dù đó là tiền tham nhũng, nếu khai với nhà chức trách thì được xe hộ tống đưa ra thành phố để gửi vào nhà băng. Một chủ gia đình ngư phủ mang theo khoảng gần trăm ngàn đồn (tiền chớ người ra khơi), vốn là gốc bình dân ngay thẳng (hay nhất gan) nên khai báo ngay. Các vua tham nhũng của chúng ta kín đáo hơn, đóng kịch rất giỏi. Vậy mà ông Trời có mắt (dù nhiều khi ông bắt công vì ông mắc bệnh cận thị) nên có chuyện của thiên trả địa là bà vợ của một ông Đại Tá (nổi tiếng tham nhũng) ở cạnh lều tôi, sau khi xếp hàng đi ăn cơm trở về thì mấy chục lạng vàng giấu rất kỹ đã không cánh mà bay đi rồi !

Nói thêm về chuyện tiền bạc thì có một số người mang theo được khá nhiều tiền Việt, nghĩ rằng tiền này hết giá trị nên đốt đi. Ai dè vài ngày sau, xe hơi bọc sắt (nhà băng lưu động) lù lù tiến vào trại. Thì ra người tị nạn được phép đổi tiền Việt Nam ra dollar Mỹ. Đó, thấy không, ở nước Cờ Hoa này, đồng tiền, con người rất được tôn trọng. Kể cả súc vật nữa... Điều này rồi sẽ gây nên nhiều rắc rối cho những người Đông Dương được gọi là **di tản buồn** nhưng chưa bỏ được tính ghiền thịt chó.

Không phải tới bây giờ Hoa Kỳ mới có vấn đề di dân khẩn cấp như thế này. Trong dĩ vãng đã có những trường hợp người Đông Âu, người Cuba đi tị nạn Cộng Sản ở Hoa Kỳ. Nhưng trước kia, những hội đoàn (tôn giáo) hay tư nhân đứng ra tổ chức việc đón nhận, nuôi dưỡng, hướng dẫn người tị nạn. Bây giờ, để giải quyết vấn đề di dân của hơn 100,000 người, chính phủ thành lập hẳn một Lực Lượng Đặc Nhiệm (Task Force) với Bà Giám Đốc là Julia Taft, con gái một Thượng Nghị Sĩ nổi danh, tổ chức này nằm trong Bộ Y Tế-Giáo Dục-Xã Hội (Health-Education-Welfare, viết tắt là HEW). Do đó, việc đón nhận người tị nạn Đông Dương vào đất Mỹ rất có quy củ. Việc nuôi dưỡng, nhất là việc hướng dẫn người tị nạn hội nhập vào xã hội Mỹ được khởi sự từ khi chúng tôi còn ở trong trại. Một đồng xu không dính túi mà chúng tôi được khuyến khích đi dự lớp học dạy lái xe ! Tưởng là vô ích, nên có người không thèm đi học. Ra khỏi trại mới thấy ở nước Mỹ không có xe hơi coi như què cẳng. Họ phải lập tức học lái xe ngay.

Hướng dẫn người Đông Dương hội nhập nhanh chóng vào đời sống Mỹ quốc không gì hơn là cho ở chung với người Mỹ. Do đó có giải pháp bảo lãnh (sponsor). Sống trong nhà của người Mỹ là học hỏi từng giờ từng phút công việc hằng ngày, như cách xử dụng bếp gas hay bếp điện, máy giặt, máy sấy, tủ lạnh. Rồi tới việc đi chợ rồi dùng giấy gói thực phẩm làm gói đựng rác, đi ra Bưu Điện, đi vào ngân hàng, đi xin học cho con cái. Đó là chưa kể học về lưu thông trong thành phố hay ngoài xa lộ. Lẽ dĩ nhiên đó là cách hướng dẫn người Đông Dương thuộc giới bình dân, đối với những người sống suốt đời ở Saigon, thành thật mà nói, chúng tôi tới ở với sponsor thì dạy cho người Mỹ nhiều điều, chuyện này sẽ nói trong chương sau.

Sau hơn mười ngày ở trong trại, khi có vợ chồng cựu Trung Tá Không Quân là Jon và Joyce Carle (đã từng ở Việt Nam vài ba năm và quen biết tôi qua mấy người bạn chung) tới thăm và ngỏ ý mời về ở gia đình họ trong thành phố Fort Walton Beach thì

tôi nhận lời ngay. Chúng tôi đã quá ngán cuộc sống nửa vời ở trong lều vải của trại Eglin này rồi...

Một buổi sáng tháng năm, chia tay với Minh Xuân, Minh Phúc, Vũ Thành và vài người quen, gia đình họ Phạm gồm hai vợ chồng và một nửa trong số con cái lên xe camion đi vào thực tế Hoa Kỳ. Gia đình bà thông gia cũng theo chân chúng tôi vào sống trong thành phố bờ biển nhỏ bé này.

(1) Tiểu bang này là nơi người Mỹ trong thế kỷ trước đổ xô về để tìm vàng.

(2) Buổi phát hình này khiến cho một thiếu phụ Mỹ ở Wisconsin cảm động và gửi tặng gia đình tôi 200\$.

(3) Nhà thờ quyên quần áo, chăn nệm của người Mỹ để phát cho dân tị nạn.

*Thân tôi đây Bắc Việt là đầu
Nơi sinh trí óc của Rồng Tiên...*
NGUYỄN VỆ HINH HẢI

Chương Ba

Từ Guam vào đất liền, tôi chọn đi Florida vì tôi muốn sống ẩn dật tại một nơi thật xa quê hương. Bây giờ nhìn vào bản đồ tôi đột nhiên thấy tiểu bang này có hình hài hơi giống nước Việt Nam. Cũng là dải đất hao hao hình chữ S nằm ven biển rộng. Thế là muốn đi thật xa để có thể quên được quê hương thì quê hương lại lù lù hiện ra. Quê hương thiêng liêng thật !

Người Mỹ đặt thêm cho Florida danh hiệu tiểu bang của mặt trời là đúng vì miền Đông Nam Hoa Kỳ này có nhiều nắng ấm. Vào mùa Đông, ở các tiểu bang phía Bắc, ai cũng bị cái lạnh hành hạ thì ở đây thời tiết vẫn nóng như trong mùa hè. Người già chọn về ở vùng này vì ngoài cái nóng ra, giá sinh hoạt nơi đây rẻ hơn nơi khác. Căn nhà 100,000 US\$ ở Cali, ở đây chỉ đáng giá 30,000. Tiểu bang này ấm áp, êm ả, dễ sống đấy nhưng Florida cũng là nơi có những cơn bão lớn từ biển tràn vào, phá nát nhà cửa, đường xá, mùa màng... sự thiệt hại có khi lên tới hàng trăm triệu đô la.

Fort Walton Beach ở phía Tây Bắc của tiểu bang là một thành phố của người già. Dù Florida có Disneyland quanh năm nhộn nhịp, hàng tháng thu hút hàng triệu du khách, nhưng nơi thần tiên này ở rất xa Fort Walton Beach (1).

Tôi đang sống với một nỗi buồn lớn, muốn trốn tránh cuộc đời nên từ trại Eglin ra tạm cư ở nơi buồn hiu này là rất hợp cảnh. Thị trấn là vài dãy phố nằm dài ven biển, có hàng dừa lùn, có bãi cát trắng, có cồn cát cao, có biển xanh nhợt... kể ra cũng đẹp đấy nhưng làm sao đẹp bằng Nha Trang của tôi được ? Trong những ngày tháng ở đây, tôi ít khi ra biển và ra phố nên chỉ có một hình ảnh duy nhất của thị trấn in sâu vào óc tôi, đó là nhà Bưu Điện, nơi tôi đi gửi thư về Việt Nam cho các con. Và

cũng chỉ có một người tình mà ngày ngày tôi mong đợi, đó là người đưa thư vào mỗi buổi sáng.

Gia đình họ Carle ở con đường mang tên một tiểu bang khác : Nebraska Avenue. Nhà Mỹ thường chỉ có ba phòng ngủ, cựu trung tá Jon và vợ là Joyce với con gái Kelly đã chiếm hai phòng rồi. Bốn con trai của gia đình Carle (được đặt tên theo vần K, cũng như tên con gái út) là Kit, Kriss, Kurt, Klay đã thoát ly gia đình từ lâu. Hiền, Thảo ở một phòng, Đức, Hạnh ở chung phòng Kelly, còn vợ chồng tôi, a lê, xuống **garage**.

Jon và Joyce Carle thuộc giới trung lưu Mỹ, rất yêu nước nên ghét Cộng Sản, rất bảo thủ nên chỉ bỏ phiếu cho Đảng Cộng Hoà.

Chồng từng là phi công riêng của Tướng Westmoreland nhưng uống nhiều rượu quá nên đau tim và được cho về hưu non. Vợ là cựu giáo viên, lấy chồng rồi thôi việc, thành bà nội trợ.

Cũng như mọi người Mỹ khác, họ rất ngây thơ, rất lạc quan, khá tốt bụng và nóng tính. Những ngày sống chung với Jon, Joyce, Kelly và thỉnh thoảng gặp các con trai từ đâu đó trở về thăm cha mẹ (Kriss dễ thương nhất, để tóc dài trông như Chúa Giê Su, ăn chay, mặc quần áo kiểu hippy, về sau làm giáo sư văn học), tôi thấy gia đình này rất đáng yêu, chỉ tiếc rằng tôi không thể vồn vã với bất cứ ai trong lúc tôi đang đau khổ vì nhớ con và lo lắng cho đời mình.

Nhảy xổ vào gia đình họ Carle vào ngày 24 tháng 5, hôm sau, tôi đánh một điện tín về cho các con. Khi nhận được điện tín trả lời, tôi vui ngay được một lo lắng. Rồi sau lá thư tôi gửi về (tháng 6) và lá thư đầu tiên của Duy Quang tôi nhận được (tháng 11), là một chuỗi thư đi thư lại, thư nào cũng mất hai tháng mới tới tay người nhận.

Trầm mình trong đau khổ khi ngồi im trong sáu tháng (từ tháng 5 tới tháng 11-75), từ đầu 1976 trở đi, hạnh phúc của tôi là ngồi viết thư cho con hay nằm đọc thư của các con. Và từ đó, sự thống khổ chống gậy ra đi dần dần, niềm tin yêu từ từ khắp khiêng trở về lòng tôi... cho tới ngày tôi *thét to như vỡ tung lồng ngực* (chữ của Hoàng Cầm) khi ôm các con vào lòng, đầu tháng ba năm 1979.

Trước khi tìm lại được sự bình tĩnh vào đầu năm 1976, tôi khởi sự làm hai công việc : một là tìm mọi cách để đoàn tụ với các con, hai là gửi tiền về cho chúng.

Tôi viết thư cho thượng nghị sĩ Edward Kennedy, cho vài chức sắc của Hội Đồng Tôn Giáo Hoa Kỳ (mà tôi quen) để nhờ họ đích thân can thiệp. Họ đều viết thư trả lời phải đợi có bang giao giữa hai nước. Lúc đó, không ai tiên đoán được sự ra đời của việc đoàn tụ gia đình qua một chương trình (gọi là) ra đi có trật tự (ODP = Orderly Departure Program). Muốn ra khỏi Việt Nam, chỉ có cách vượt biển.

Lúc đó cũng chưa có sự dễ dãi trong việc gửi quà hay gửi tiền về Việt Nam, tôi phải gửi tiền qua Pháp, nhờ mẹ Julie (quốc tịch Pháp) đem về Saigon. Nhưng muốn có tiền để giúp các con, tôi không thể nằm dài trong nhà sponsor được nữa. Bỏ nước ra

đi, tôi chỉ có 20 US\$ ở trong túi. Khi ra trại, cũng như mọi người, gia đình tôi được một số tiền trợ cấp thì Jon Carle lĩnh hộ rồi. Tôi không hề nhận được một xu nào trong số tiền đó, nhưng không bao giờ tôi có ý nghĩ mình bị lợi dụng. Trong mỗi liên hệ *người tị nạn/người bảo lãnh* có khá nhiều chuyện vui buồn tôi muốn kể ra đây :

... Một cô gái được một ca sĩ trong loại nhạc country ở Tennessee bảo lãnh rồi đương nhiên trở thành con nuôi của triệu phú đó.

... Một cô gái khác vừa về ở với si-pông-so đầu tháng thì cuối tháng chủ nhà nhận được cái bill điện thoại 1,000 \$ vì ở nhà một mình, buồn quá, cô gọi long distance cho bạn bè suốt ngày. Si-pông-so điên lên, mời cô ra khỏi nhà ngay !

... Một số đồng bào may mắn gặp được "si-pông-so" trong dòng đạo Mormon. Trước kia, dòng đạo này bị kỳ thị và bị bao vây kinh tế nên sống chật chội trong cộng đồng riêng, thực phẩm bao giờ cũng chứa đầy kho. Nay người tị nạn được tiếp tế hàng tấn lương thực, khỏi phải đi chợ hàng tuần hay hàng ngày, thật là khoẻ quá!

... Một gia đình nọ được đôi vợ chồng hippie tới bảo lãnh. Ít ngày sau họ nhận nhó trở về trại : nhà của si-pông-so bẩn hơn chuồng lợn, tối tối vợ chồng hippie mời tị nạn hít cần sa. Có danh từ *pông sô lũng* (nghĩa là có lỗi) để nói tới những người tị nạn không may như vậy. Si-pông-so (sponsor) nghe gần giống *pông-sô* (poncho = cái bạt che mưa).

Ở chung với "si-pông-so" John và Joyce Carle, chúng tôi làm cho họ thay đổi ít nhiều trong cách sống. Khi trước, họ có cái lối ăn không hết thực phẩm là đổ ngay vào thùng rác. Vợ tôi phụ bếp với Joyce, với số tiền đi chợ hàng tuần của họ, bây giờ có thể nuôi ăn cho cả hai gia đình Carle-Phạm. Tiền điện nước không tăng dù có thêm người ở, vì tôi không chịu nổi sự phung phí của gia đình này, cứ tối đến là cả nhà bật đèn sáng trưng. No way ! Không có ai ở trong phòng là tôi tắt đèn ngay.

Có bạn Mỹ để sớm tối trò chuyện, tôi cũng vui được nỗi buồn riêng nhưng tôi gặp luôn một tai nạn ! Cũng như đa số người Mỹ, vợ chồng nhà này uống rượu kinh khủng. Ban ngày còn khá, vào buổi tối, khó lòng ngồi nói chuyện với họ được. Họ lè nhè làm tôi bức bối. Muốn bỏ đi ngủ nhưng lại sợ mình vô lễ. Nghiện rượu là quốc bệnh của Hoa Kỳ vì người Mỹ cô đơn khủng khiếp. Jon và Joyce rất ít bạn. Trong 9 tháng sống ở đây, tôi chỉ thấy họ tiếp khách vài lần. Một người bạn chung là Tướng Samuel Wilson (khi trước làm cố vấn ở Long An, bây giờ điều khiển cơ quan DIA tại Washington D.C.), một hôm về chơi Fort Walton Beach, thấy tôi buồn thì an ủi :
-- *Buồn làm gì, Fam Zwee ? Sao "zu" không coi như đi du học rồi ít lâu nữa sẽ trở về Việt Nam...*

Sĩ quan tình báo cấp cao này nói khá đúng : 15 năm sau, cửa Việt Nam hé mở và tôi ung dung trở về...

Có chúng tôi tới ở chung, Jon và Joyce vui ra mặt. Thấy tôi sống điều độ, không rượu, không thuốc lá, họ muốn chừa rượu hay uống ít đi. Họ cưng chiều lũ con tôi -- chúng gọi Joyce là Mommy Two -- nhưng có lần họ quá say và to tiếng với Thái Hiền. Khi tỉnh rượu, nhớ ra chuyện vợ chồng tôi ngăn không cho con phản ứng mạnh, họ khâm phục người Việt điềm tĩnh và lễ độ, dù đang sống trong cảnh nước mất, nhà tan, xa con... May cho họ đấy, họ không biết có trường hợp người tị nạn quá đau khổ nên mắc bệnh tâm thần, hay vì bất đồng ngôn ngữ, bất đồng văn hoá sinh ra bất bình rồi đánh si pông so sút đầu bể trán.

Trước khi thấy cần phải làm ra tiền để cứu các con, tôi rất nhàn rỗi. Các con nhỏ Thảo, Đức, Hạnh vừa ra trại là đi học ngay. Đức mới 10 tuổi vào lớp học là khóc hu hu vì không hiểu gì hết. Nhưng chỉ ít lâu sau là các con tôi trở thành Mỹ con ngay...

Để có tiền tiêu vặt, Hiền phải đi làm trong một tiệm chuyên bán các loại trứng chiên từ 11 giờ đêm tới 4 giờ sáng. Tôi đưa đón các con đi học và đi làm nên cũng bớt phải ngồi (hay nằm) một mình để nhớ nhung, buồn bã, đau khổ...

Sau khi liên lạc được với các con và quyết định làm ăn sinh sống, tôi nghĩ thấy mùi thơm nghe nhạc của người tị nạn. Mang theo dăm bảy cuộn băng cassette với những chương trình như Trường ca Con Đường Cái Quan, Mẹ Việt Nam, Đạo Ca, Tình Ca Tuổi Trẻ... tôi quyết định "mở" nhà phát hành băng nhạc, bán theo kiểu mail order. Với 200 đơn của một thiếu phụ Mỹ ở Wisconsin gửi tặng, tôi mua hai cái máy cassette nhỏ rồi chỉ cần một sợi dây cable là tôi hoàn thành một món hàng đáng giá 5 đơn trong 60 hay 90 phút. Bìa băng là giấy trắng với tên bài bản được viết tay hay đánh máy. Trừ đi tiền băng trình và tiền gửi, bán được một băng là lãi được ba đơn. Băng cassette bán chạy đến độ tôi phải mua ngay một máy sang băng với tốc độ nhanh hiệu Wollensak, chỉ cần hai phút là sang xong hai cuộn băng.

Rồi tôi soạn ba cuốn sách Tự Học Guitar và cho in với giá in rẻ nên cả bìa lẫn ruột đều xấu xí. Tuy vậy, bộ sách này bán rất chạy vì dễ hiểu, dễ học. Ngoài những bài dạy nhạc lý, trong sách có nhiều bài hát quen thuộc. Sách có băng cassette đi kèm để giúp người học thực tập. Tôi nhận được thư khen của vài người học đàn tuổi đã ngoài năm mươi.

Có tiền, tôi mua một xe Volkswagen nhỏ để, trước hết, đi tới làng chài của người tị nạn mua tôm đem về luộc ăn. Fort Walton Beach và những thị trấn phụ cận là vùng đánh cá nên dân chài Việt Nam tới sinh sống khá đông. Trong số hơn 100,000 người Việt di dân qua Mỹ, người đánh cá là lớp người thành công nhanh nhất. Chẳng cần phải học nghề hay học chữ, tới định cư ở thành phố biển nào là mua tàu ra khơi hành nghề ngay. Một là quá thành công (2) vì siêng năng, hai là ít tôn trọng luật lệ về chài lưới nên họ tạo nên sự ghen ghét của dân đánh cá người Mỹ vốn có sẵn chất kỳ thị trong máu. Xảy ra những cuộc ẩu đả, đấu dao, đấu súng làm cho nhà chức trách địa phương cùng với đại diện người Việt phải mất nhiều thời gian mới giải quyết xong những mâu thuẫn to nhỏ (3).

Có xe hơi là có thể đi thăm người thông gia là bà Tường. Bà này là chị của ca sĩ Tâm Vần và là mẹ vợ của một con trai tôi (cũng vì con tôi kẹt lại trong bốn năm mà hai đứa sẽ mỗi người một ngả). Bà Tường hiện đang ở với sponsor cách Fort Walton Beach khoảng 20 miles. Tới nơi, thấy bà Tường gặp phải poncho lủng rồi! Người bảo lãnh thuộc lớp trưởng giả, đối đãi với gia đình này rất tệ. Bà Tường sẽ nhanh chóng bái bai (bye bye) cái poncho thùng lỗ này. Vợ chồng tôi có ý định cộng tác với bà thông gia để mở tiệm cơm vì bà ta có tài nấu bếp thật là tuyệt diệu. Tôi đã xin tài liệu về nghề mở restaurant, nếu tôi không tiếp tục nghề nhạc thì chúng tôi và bà Tường đã mở hàng ăn và đã giàu to. Hay đã vỡ nợ rồi!

(1) Có duyên với Walt Disney nên khi "mu" về California, tôi được ở ngay cạnh "thiên đường làm bằng máy điện tử" mang tên Disneyland.
(2) Về sau người ta thường bỏ dấu để gọi người "đánh cá" là "danh ca". Có lẽ vì danh ca cũng chẳng cần học hành mà vẫn dễ dàng thành công.
(3) Cuộc chiến giữa da trắng, da vàng trong nghề biển này khiến cho đạo diễn nổi danh người Pháp Louis Malle kéo cả đoàn quay phim tới vùng Texas để thực hiện cuốn phim thương mại PORT ALAMO. Phim này không thành công vì truyện phim cũng như diễn viên quá dở.

*Trèo lên quán giốc, ngồi gốc cây đa
Ai sui ối a cho ta đi hát...?*
Dân Ca Cổ Việt Nam

Chương Bốn

Tới lúc này, có thể nói rằng vợ chồng Jon và Joyce Carle giúp tôi đứng dậy. Dù đã khởi sự hồi sinh sau khi liên lạc được với các con, rồi làm nghề bán băng và sách dạy nhạc để có tiền gửi về Saigon (tính cho tới tháng 4-76, tôi gửi cho các con được khá nhiều tiền, quà và thuốc men) nhưng tôi chưa đích thực sung mãn.

Tôi vẫn còn phải uống thuốc trừ lao và bị thuốc làm mệt. Vết thương trong phổi luôn luôn khiến tôi khạc ra máu. Thỉnh thoảng (nhất là khi thư Saigon tới chậm) tôi mất tinh thần (depressed). Tôi mất ngủ thường xuyên. Những khi mót tiểu vào quá nửa đêm, ngại không muốn từ phòng ngủ/garage ở sau nhà đi vòng qua bếp vào phòng tắm, bèn (xin lỗi) vạch quần đứng đái ở sân cỏ. Nhìn xa nhìn gần thấy đèn đường, đèn chợ sáng trưng, gió biển thổi tới, có tiếng nhạc đâu đây, có tiếng phi cơ bay ngang... thấy đời đẹp quá, tôi muốn gào lên :
-- Trời ơi ! Sao tôi khổ đến thế này ?

Sự xuống giốc trong tôi còn được thể hiện ra bằng sự bất lực trong tình dục. Đã mất gần hết, tưởng rằng còn cái này, ai ngờ mất nốt! Sẽ còn lâu lắm dục tính mới trở lại trong tôi để tôi lại mê gái và thèm gái như xưa.

Vợ chồng Carle giúp tôi đứng dậy nghĩa là trước tiên họ giới thiệu tôi và Thái Hiền đi hát tại vài ba nơi ở chung quanh Fort Walton Beach.

Rồi họ vận động ráo riết Lực Lượng Đặc Nhiệm Tị Nạn trả tiền cho vợ chồng tôi và Thái Hiền đi hát giải trí cho dân tị nạn ở các trại chưa đóng cửa, như Fort Chaffee, Indiantown Gap. Đề nghị này được Bộ HEW chấp thuận ngay. Tôi được lĩnh một ngân khoản lớn là tiền lương và tiền mua sắm một hệ thống phát thanh rất to, rất nặng. Đã quá 50 tuổi rồi mà vợ chồng tôi vẫn phải khiêng đồ đi hát như ban nhạc trẻ.

Mùa hè 1976, chúng tôi đi lên đường lưu diễn, kéo Khánh Ly đi theo cho chương trình thêm xôm tụ. Chưa bao giờ tôi có một đêm ca diễn với thính giả đông đảo như tại Fort Chaffee này. Mấy ngàn người hãy còn ở trong trại, chưa phải lo tới đời sống hằng ngày, chỉ ngồi nhớ nhà, nhớ nước, nay được nghe bài hát quê hương thì họ vỗ tay vang trời. Tôi khoái trá, bèn phun ra một bài tục ca khiến cả hội trường cười vang như sấm sét. Người Mỹ nhón nháo nhờ người Việt cắt nghĩa tùm lum.

Gặp các bạn cũ như T.T. Thích Giác Đức, Trần Văn Ân... ở trại tị nạn, ai cũng có vẻ cảm thương cho cảnh ngộ bị kẹt con và sự đi hát miễn cưỡng của tôi. Họ không biết rằng khi tôi được đi hát lại, được tiếp tục ra mắt quần chúng, được khán giả vỗ tay hoan nghênh... thì tôi sẽ vượt thắng số mệnh khắt khe cho mà coi.

Thế là sau khi đi hát ở trại tị nạn, tôi đã có đủ tự tin (nhất là có đầy đủ dụng cụ âm thanh) để tiếp tục hành nghề hát rong. Tôi liên lạc với Steve Addiss, Bill Crofut, James Durst... để cùng họ đi hát tại nhiều đô thị. Chúng tôi hát ở những coffee house, ở các trường Đại Học, tại các hội quán Rotary Club, Kiwani Club v.v... dù tiền thù lao chẳng là bao nhiêu nhưng tôi rất vui vì đó là những lợi tức (income) đầu tiên của tôi trong cuộc đời mới này.

Tôi cũng học thêm được cách tổ chức đi hát (booking show) tại Hoa Kỳ để bù đắp thêm vào những kinh nghiệm mà tôi đã có khi làm việc này với gánh Đức Huy ngày xưa ngày xưa.

Rồi tới khi không còn cơ hội hát thường xuyên với các bạn Mỹ kể trên nữa thì tôi liên lạc với các cơ quan đang lo cho người tị nạn như Lutheran Service, USCC, YMCA để booking show cho ban tam ca gia đình Phạm Duy. Tôi vẽ bằng hiệu cho ban **The Pham Duy Family Singers**, in chương trình, soạn thêm bài bản cho vào nhạc mục.

Chương trình ca diễn song ngữ mang tên **A Gift We Share/Món Quà Chung Hưởng** hay là **Songs For A New Land/Hát Trên Đất Mới** gồm một số bài ca Việt-Mỹ (tôi gọi là vietnamerican songs) như **Full Moon Fair Song (Hát Hội Trăng Rằm)**, **The Wind On The Bridge (Qua Cầu Gió Bay)**, **The Rosey Years (Tuổi Hồng)**, **Little Boy ! Catch A Cricket ! (Bé Bắt Dế)**, **Young Girl With Skin Like Gold (Người Con Gái Việt Nam Da Vàng)**, **One Day, One Life (Một Ngày Một Đời)**, **God Bless America (Chúa Ban Phước Lành)**, **Việt Nam Việt Nam** v.v...

Chương trình này được ngay sự bảo trợ của Ron Luce trong tổ chức YMCA (anh này không có họ hàng với Don Luce của phong trào phản chiến) và chúng tôi đã tới hát ở nhiều nơi trên đất Mỹ... như tại các trường Đại Học ở Illinois, South Dakota, New Jersey, New York, Virginia, North Carolina và Georgia v.v...

Đã đến lúc chúng tôi phải làm một tờ brochure với ảnh đẹp để quảng cáo...Ảnh do Ron Luce thuê nhiếp ảnh gia Mỹ chụp.

Vấn đề Việt Nam vẫn còn nóng bỏng, tuổi già, tuổi trẻ Hoa Kỳ đều cảm động khi được nghe những bài hát mang nhiều tâm sự người tị nạn.

Vinh dự nhất là buổi trình diễn tại Oliver College (Michigan) trong ngày kỷ niệm 200 năm thành lập Mỹ Quốc. Trường Đại Học này tổ chức một đại hội ba ngày mang tên EXPRESS AMERICA, có sự tham gia của nhiều nhóm diễn giả, văn sĩ, nghệ sỹ Mỹ dưới sự chủ toạ của bà Tổng Thống Carter. Là đại diện lớp người di dân mới nhất, sự góp mặt của chúng tôi vào chương trình này rất có ý nghĩa.

Sau đó, Toà Bạch Ốc cũng ủng hộ tôi qua tờ chương trình của buổi diễn ở Dothan (Alabama) trong đó có thư giới thiệu The Pham Duy Family của cố vấn Tổng Thống là Hamilton Jordan. Tới buổi diễn tại Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ dưới sự chủ toạ của bà giám đốc Task Force Julia Taft, vô tình chúng tôi trở thành một phái đoàn ngoại giao (!) của nước Việt Nam Hải Ngoại.

Các tổ chức tôn giáo cũng mời chúng tôi tới hát trong phạm vi của những **community concerts** nghĩa là hát cho cộng đồng của họ nghe. Chúng tôi cũng tham dự vài Đại Nhạc Hội Dân Ca (festival) ở Petersburg (New York) và ở Deerfield (Illinois).

Đi tới bất cứ nơi nào, chúng tôi cũng được mời xuất hiện tại các Đài Truyền Hình địa phương. Và thường thường chúng tôi được sống vài ngày trong những khách sạn rất đắt tiền, như Hotel Hilton chẳng hạn. Sống tại khách sạn cực kỳ lộng lẫy này, tôi tưởng mình là triệu phú !

Cũng có khi được mời tới ở chung với người Mỹ và được coi như bạn thân ngay, dù mới quen nhau. Người Mỹ với tính tình cởi mở, thích kể chuyện tâm sự, coi người nghe như bác sĩ chuyên về phân tâm học vậy. Họ cũng thích tổ chức tiếp tân, do đó chúng tôi được giao thiệp với đủ mọi giới, từ chính trị gia tới văn nghệ sĩ, từ giới thượng lưu tới giới trung lưu và có dịp hiểu biết thêm về con người, cảnh vật và cuộc sống ở nước Hoa Kỳ rộng lớn này. Nói chung, cảnh vật ở đây quả là vĩ đại, con người thật là hào phóng, cuộc sống rất là dễ dàng. Nếu có ngày nào được trở thành công dân nước này, tôi cũng sẽ chẳng có một tí ti mặc cảm nào cả...

Những buổi hát cho người Mỹ nghe rất thành công làm tôi vững dạ. Tôi tính tới chuyện đi hát cho người Việt nghe.

*Dấu chân trên tuyết của một người lữ thứ
Như mờ chôn một quá khứ nặng nề...*
DẤU CHÂN TRÊN TUYẾT

Chương Năm

Vào dịp Tết 1976, nghĩa là vào lúc lạnh nhất ở vùng biển hồ, chúng tôi tới diễn ở Grand Rapids (Michigan). Đây là lần đầu tiên vợ tôi được hưởng mùi mùa Đông không có mặt trời, chỉ có tuyết phủ.

Chưa quen đi trên băng tuyết nên cứ đi vài bước là cả hai mẹ con Thái Hằng, Thái Hiền lại ngã oành oạch trên đường... Rồi chúng tôi tới hát ở một nơi còn lạnh hơn là Chicago, dưới sự bảo trợ của Trần Vụ Bản, người em du ca của thời tôi soạn tâm ca...

Qua Normal ở Illinois, được Lê Tất Điều kéo về nhà ngủ, chúng tôi lại đầu lảo với nhau như khi còn ở Saigon... Chỉ ít lâu sau, dưới bút hiệu Cao Tần, Lê Tất Điều làm ra những bài thơ rất hay về cảnh đời lưu vong.

Vì tổ chức YMCA là sponsor của ban tam ca này cho nên mọi sự xảy ra rất là chu đáo. Sau buổi ca nhạc tại University High School ở Normal này, báo chí địa phương đã có một bài tường thuật, coi gia đình tôi như một niềm an ủi lớn cho người tị nạn Việt Nam.

Tới Portland, lái xe đi dạo chơi, tôi ngỡ mình đang ở Đà Lạt... Từ Portland tới Seattle, không xa là mấy. Tới được Seattle -- một thành phố có mưa quanh năm, nhà nào cũng có một vườn hoa tươi tốt -- là nhờ Vũ Đức Vinh. Cựu Giám Đốc Đài Radio Saigon và Thanh Nam đang chủ trương tờ Đ., T M O I, một tờ báo rất thành công trong giai đoạn đầu của người Việt lưu vong, đứng ra tổ chức cho chúng tôi hát....

Muốn ghé California trước khi bay qua vùng Đông Mỹ, nhưng chúng tôi không tới hát ở Los Angeles được vì người phụ trách văn phòng YMCA mà tôi liên lạc từ trước, nguyên là cựu ca sĩ Việt Cộng được chiêu hồi (miễn nói tên), không muốn giúp gia đình ca sĩ này.

Khi chúng tôi qua New Jersey thì được biểu diễn chung với nhạc sĩ piano Lê Như Khuê và ca sĩ Thanh Thoại của Đài Tự Do (VOF) cũ... Tới được thủ đô Washington D.C. là nhờ Lê Văn của Đài VOA bảo trợ buổi trình diễn (có nhẩy đầm). Gặp lại Vũ Thành, Nguyễn Ngọc Bích, Ngô Vương Toại ở đây, tôi lại càng thêm vui...

Đó là chưa kể sự gặp gỡ dăm ba người tình cũ, chúng tôi liếc nhìn nhau, nửa khóc nửa cười, hoặc run rẩy nắm tay nhau trong bóng tối. Đối với người vừa bỏ nước ra đi, gặp lại bạn bè trong không khí văn nghệ văn gừng như vậy là coi như gặp lại quê

hương. Quê hương không chỉ là chùm khế ngọt như một thi sĩ đã nói, quê hương còn là dĩ vãng, là người tình xưa, là bạn bè với kỷ niệm cũ.

Được đi hát để gắn chặt với dĩ vãng, với đồng hương như vậy là có hạnh phúc, cảnh vật Hoa Kỳ còn làm tôi sung sướng hơn vì tôi vốn là kẻ thích giang hồ.

Trước hết là được tới thăm thác Niagara ở biên giới Hoa Kỳ-Canada để thả hồn theo dòng thác vĩ đại, cho vui đi tắt cả muộn phiền.

Rồi được tới Mount Rushmore (Dakota) để coi tượng bốn ông Tổng Thống Hoa Kỳ đẽo trên núi đá, trông rất hùng vĩ. Nếu nước Mỹ cũng lâm vào cảnh thay đổi chế độ chính trị như ở Liên Xô gần đây thì công việc đập đổ những thần tượng này sẽ rất khó. Tượng đồng, tượng đá của những lãnh tụ đổ đặt ở công viên vùng Đông Âu, to đến đâu, nặng đến đâu cũng dễ dàng bứng đi. Trong trường hợp (không bao giờ xảy ra) muốn thủ tiêu bốn ông Tổng Thống Mỹ này thì phải phá cả một ngọn núi lớn, chỉ có bom nguyên tử mới làm nổi việc này.

Tôi còn được đi vào lịch sử Hoa Kỳ khi tới thành phố Atlanta (Georgia) để coi phòng triển lãm trưng bày tranh ảnh, quân phục, quân cụ thời nội chiến. Tôi tưởng như đang sống trong cuốn sách (hay cuốn phim) **Gone With The Wind** của Margaret Mitchell...

Chúng tôi cũng được mời tới vùng trung bộ nước Mỹ, trình diễn văn nghệ và đi coi danh lam thắng cảnh tại Wichita, Saint Louis, Kansas City... đi tới đâu cũng tìm được hai niềm vui : niềm vui gặp lại quê hương qua những buổi hát, niềm vui gặp nhiều phong cảnh mới lạ trên đường viễn du. Ngoài ra chúng tôi cũng tự hào là đã nhanh chóng đem tới cho người Việt lưu vong một chút quà quê hương là âm nhạc.

Cuộc lưu diễn của chúng tôi tại một đại lục mệnh mông rộng lớn này không phải lúc nào cũng dễ dàng, thoải mái. Thường thường chúng tôi đi hát bằng phi cơ thương mại phản lực nhưng khi tới vài nơi hẻo lánh chỉ có dăm ba gia đình người Việt được nhà thờ bảo trợ thì phải đi bằng máy bay chuồn chuồn một cánh quạt, bốn chỗ ngồi. Những buổi hát như thế này thật là đáng thương... Tới địa điểm vào buổi chiều Đông mờ tối, hát những bài buồn tủi trong một nhờ thờ tối om, chia tay với khán thính giả lúc đêm đã tối đen... tôi có cảm tưởng đây là **tiểu nhạc hội của loài ma**.

Lại có khi phải di chuyển bằng xe hơi, chúng tôi ngồi co chân cạnh trống nhạc cụ và giàn âm thanh, xe chạy gần một ngày mới tới nơi trình diễn. Diễn xong là hộc tốc lên xe đi hát ở nơi khác, có những đêm cuối tuần chúng tôi chỉ được ngủ khoảng vài giờ đồng hồ trong một phòng motel chật hẹp.

Những khi đi hát chung với Steve Addiss và Bill Crofut thì mệt vô cùng vì phải đuổi kịp bước đi của hai anh nhạc sĩ cao lớn này. Nhưng tất cả những sự vất vả đó đã được đền bù : Không phải đổi nghề và đã kiếm ra tiền, gia đình tôi đã nhanh chóng ra khỏi cái buồn, cái nghèo...

Khi vừa ra trại, vì chưa có việc làm, gia đình tôi sống bằng tiền **welfare** và **food stamps**. Và sẽ không xin trợ cấp xã hội, tem thực phẩm sau khi đã mở hàng bán băng, bán sách. Rồi vì đi hát liên tục nên đã làm ra khá nhiều tiền. Khi còn ở trong

nước, có tiền mà tôi không biết sử dụng đồng tiền. Nay vợ chồng Carle mách tôi là nên gửi tiền vào ngân hàng có lãi suất. Cuối năm, phải đóng thuế. Trong đời tôi, đây là lần đầu tiên tôi đóng thuế. Nhưng việc này quả rằng có lợi cho tôi, vì từ năm 1986 (khi tôi tới tuổi 65) trở đi, sau 10 năm đóng thuế, hàng tháng tôi được hưởng một số tiền hưu trí. Số tiền này không lớn lắm nhưng cũng đủ để tôi sống độc lập, không cần phải nhờ vả con cái. Nếu nay mai tôi về Việt Nam sinh sống, tiền hưu trí này vẫn phải được gửi về cho tôi tiêu.

Sau gần hai năm ở chung, chúng tôi muốn có tự do nên từ giã vợ chồng họ Carle ra ở trong căn nhà nhỏ nằm trên con đường mang tên Troy Street.

Dù rất bận bịu trong công việc, tôi không bao giờ quên gửi tiền cho các con ở Việt Nam. Nhờ Duy Hùng ở nhà kiếm ra mỗi gửi, tôi liên lạc với cô con gái của một ông Tàu Chợ Lớn hiện đang du học ở Long Beach (California) để tôi trả dollars cho cô ở đây, ở nhà ông bố sẽ trao vàng cho các con tôi. Do đó hàng tháng tôi chuyển được tiền về Saigon, nhờ vậy sau gần bốn năm, với đôi ba lần thất bại (và tốn tiền), cuối cùng các con tôi qua được đất Mỹ.

Trong những tháng năm chờ đợi, tôi không thể nào cầm được mắt mỗi khi các con gửi hình qua, nhìn hình ảnh người thân yêu mà như chịu cực hình.

Phát triển nghề nhạc, tôi muốn sản xuất cái mới, không chỉ phát hành băng cũ. Tôi xin giấy phép thành lập nhà sản xuất mang tên **PHAM DUY ENTERPRISES** để phát hành thêm sách nhạc, băng nhạc, đĩa hát. Tôi bỏ vốn thuê studio, mượn nhạc sĩ, thực hiện đĩa hát Việt Nam đầu tiên ở nước Mỹ mang tên **One Day One Life**.

Vài chương trình cassette hát song ngữ của gia đình tôi như **Pham Duy Family In Concert, Ten Thousand Miles You've Gone Away, Songs Of Joy, Songs Of Sorrow...** cũng được sản xuất và phát hành rộng rãi. Về phần sách, sau khi có ba cuốn **Tự Học Guitar**, tôi cho xuất bản một nhạc tập song ngữ mang tên **Nghìn Trùng Xa Cách**. Nhạc tập này cũng được hỏi mua nhiều.

Đời sống của gia đình tôi càng thêm khởi sắc. Các con không gọi tôi là bố keo nữa. Đức Hạnh có thêm nhiều đồ chơi. Tôi có xe hơi lớn để đi chơi và đi hát ở những vùng lân cận. Dẫn các con đi coi xiếc là như sống lại thời còn bé, bỏ nhà đi theo một anh làm trò quỷ thuật. Đời sống của tôi có vẻ bình thường dần dần rồi đấy !

Một ngày nọ, lái xe tới hát ở Orlando, nơi có Disney World. Sau buổi hát, đi thăm nơi giải trí kỳ lạ nhất thế giới này, chiều lòng các con, tôi leo lên xe sắt chạy trên đường rầy. Bất cần đến bệnh tim nở vì gian khổ trong kháng chiến, mặc cho chiếc xe nhào lộn trên sườn sắt khổng lồ, tôi ngây ngất như đang bay vào vũ trụ. Xe ngừng lại mà chưa đứng tim, tôi rất khoái vì được sống một cảm giác mạnh chỉ có thể **mua** được ở Hoa Kỳ. Và chỉ cần một hành động **liều mạng** này là đủ thấy tôi đã hồi sinh !

Vào cuối 1976, coi như nghề nhạc của tôi đã vững chắc. Nhưng đối với tôi, cái quan trọng không phải là đi hát hay sản xuất băng nhạc mà là sáng tác. Liệu tôi còn có thể viết ra dăm ba loại ca khác nữa không, sau những đợt **bình ca, nữ ca, bé ca** của thời 72-75 ? Liệu cuộc đời trước mặt có làm tôi rung động để dùng nét nhạc lời ca phản ánh nó không ? Liệu người nghệ sĩ sáng tác bị cắt đứt với quê hương, tổ quốc, gia đình, đồng bào (kể cả với đồng hương như trong giai đoạn đầu của đời lưu vong) còn có thể tỏ tình được nữa không ?

Đang trong cơn băng khuâng thì một vài việc xảy ra khiến tôi lại tiếp tục làm công việc Trời cho, là **khóc cười theo mệnh nước nổi trôi...**

*Nơi tha hương sữa thịt chẳng thêm
Xin cho tôi dăm hạt gạo Nam...*
NGUYỄN VỆ HÌNH HẢI

Chương Sáu

Sau một thời gian ngắn ở apartment, tôi mua một căn nhà nhỏ cũng nằm trên đường Troy Street này, với giá 19.000\$, chỉ cần trả trước bốn ngàn đơn. Đây là loại nhà được xây cất để bán cho người nghèo, lâu ngày đã trở thành ọp ẹp. Vách nhà được chủ cũ sơn màu loè loẹt làm chói mắt kẻ yêu mỹ thuật là tôi. Không phải nhà gạch mà là nhà gỗ, nhà bià, vào những đêm mưa, nơi tôi nằm phải căng một mảnh nylon dưới trần nhà thì mới ngủ được. Nhà dựng trên đất cát như một thứ nhà sàn nên vào những ngày giông tố là có gió lùa từ dưới đất lên. Bàn ghế, giường nằm, divan là đồ cũ rích và hôi rình, do nhà thờ tặng... Nhưng đó là căn nhà đầu tiên trên đất Mỹ của tôi nên tôi yêu nó lắm !

Mùa Xuân 1977. Đời sống của tôi đã ổn định. Tôi không còn quá đau khổ vì thương nhớ các con. Tôi linh cảm cha con sẽ đoàn tụ. Với tinh thần lạc quan cổ hủ, tôi cho rằng số phận gia đình tôi cũng giống như số phận nước Việt Nam. Phải có chia ly mới có đoàn tụ. Phải cực kỳ chia rẽ rồi tìm về nhau mới có đoàn kết. Phải tận cùng tan tác và đồng tình gom góp mới có thể qui về một mối. Đúng như quan niệm của tu sĩ người Bỉ Teilhard de Chardin : tất cả hướng thượng thì phải đồng qui.

Hơn một triệu người Việt Nam chia nhau đi sống ở 48 nước trên thế giới để hoàn tất cuộc khởi hành bắt đầu từ thời huyền sử, khi Rồng Tiên chia tay nhau, cha đi con lên núi, mẹ dắt con ra biển. Chuyển lên núi ở nhà đã thành chuyển xuống núi, chuyển ra biển lần này cũng phải là chuyển cuối cùng. Hết đường đi thì tìm đường về. Hết ly tâm thì qui tâm. Phải vậy không ?

Như đã nói, vừa tới Mỹ, tôi may mắn được tiếp tục hành nghề cũ ngay lập tức, không những hành nghề ca hát, nghề soạn ca khúc mà còn có thêm nghề "sản xuất" mà khi còn ở trong nước, tôi không để ý tới... Sau đó, tôi rời khỏi vòng tay ám áp sặc mùi whisky của gia đình Carle để sống độc lập, đã có nhà để ở, đã có xe hơi để đi

(dù chỉ là nhà ọp ẹp và xe cũ mèm). Tôi đã kiếm ra tiền qua những vụ bán băng, bán sách hay đi hát... để gửi vào nhà băng. Tôi sống dư giả và thừa sức để luôn luôn tiếp tế cho các con ở Saigon.

Nhưng không phải ngày nào chúng tôi cũng bận bịu ngồi gói hàng hay tuần nào cũng bận rộn đi hát. Tôi có nhiều thì giờ rảnh rỗi và chỉ dùng nó để... nằm coi tivi. Có ngày tôi coi tivi sáu tiếng đồng hồ, cả nhà phát khiếp ! Cũng có lúc tôi thơ thẩn một mình trong khu vườn nhỏ ở sau nhà hay lái xe ra xa lộ, xuống xe đi vào một nẻo rừng vắng vẻ, chân đạp lên lá vàng khô, mắt nhìn những con sóc nhảy nhót, tai nghe tiếng suối chảy... như ngày nào đi trong những khu rừng Việt Nam.

Thiên nhiên trù mển thấm vào người, tôi lại thấy yêu đời và thêm sáng tác quá ! Nhưng suốt đời mình, tội nghiệp lắm, tôi chỉ sáng tác được khi có tình yêu bên cạnh. Bây giờ, là kẻ hát rong, là con đế trong bài hát của Lê Thương, tuy không còn nghèo xác xơ vì đã hát xăm "ra" tiền, nhưng tôi vẫn còn là con đế bơ vơ, giống như trong bài hát tôi soạn ra về sau :

*Con đế hát trong mùa Thu nước nở
Gọi người tình ! Ôi Người tình !
Nhưng tình đã vắng xa...*

Trong hai năm đầu, cũng giống như mọi người hồi hải đi tị nạn, tôi bị tê liệt vì quốc nạn và gia nạn. Biến cố 30 tháng Tư xảy ra nhanh quá, khủng khiếp quá, tôi cũng như mọi người mất hết tinh thần. Cho rằng đã mất nước lại mất luôn bốn đứa con, tôi mất luôn sự ham sống. Linh cảm sẽ đoàn tụ với các con nhưng không biết tới ngày nào tháng nào năm nào mới gặp lại con. Luôn luôn buồn khổ và bị ám ảnh bởi ý tưởng quyên sinh. Cái chết không còn là một theme mơ hồ trong một số ca khúc của tôi nữa, nó vào nằm hẳn trong tôi. Sự thành công tương đối trong cuộc vật lộn với đời sống Hoa Kỳ chỉ xoa dịu được thân xác nhưng chưa đủ để giải tỏa tâm linh.

Trong gian nhà gỗ ở Fort Walton Beach, những khi rảnh rảnh, tôi giở bản thảo của **Bầy Chim Bỏ Xứ** ra coi, với ý định hoàn tất nó. Nằm dài trên divan cạnh lò sưởi, trời Florida không lạnh nhưng cũng đốt củi cho có vẻ lãng mạn, ôm đàn vào lòng, tôi đáp ứng một khắc khoải trong tôi là : sáng tác. Nhưng sau một thời gian vật lộn kịch liệt với cái gọi là tổ khúc, tôi soạn được dăm ba đoản khúc, từ bài đầu tới những bài kế tiếp, tất cả chỉ là những tiếng hót buồn bã của một lũ chim hờn tủi, khổ đau, khóc lóc và chết chóc !

Vào lúc này, ở hai bên bờ Đại Tây Dương, tôi và người bạn âm nhạc Trần Văn Khê thỉnh thoảng điện đàm hoặc trao đổi thư từ. Khi gia đình tôi vừa chân ướt chân ráo tới Florida, Khê đã gửi tặng "người di tản buồn" (1) này một số tiền "cứu trợ" (món nợ này tôi cũng trả được rồi). Khi Khê hỏi tới việc sáng tác, nhân đang ngồi soạn **Bầy Chim Bỏ Xứ**, tôi bèn gửi tặng bạn bài hát dang dở trong đó có quá nhiều tiếng chim kêu than. Trong năm 76, Khê về Việt Nam, kể cho nhạc sĩ Đỗ Nhuận nghe câu chuyện tổ khúc của tôi với đoạn con chim học máu chết vì quá u buồn. Thế là tin tức về tôi lan ra ngoài, rồi kết cục người ta đồn ầm lên là Phạm Duy đang hát trên sân khấu thì thổ huyết chết. Các con tôi hoảng sợ quá, đánh điện tin qua, bố trả lời ngay :

-- *Bố chưa chết đâu các con ơi....*

Nói về bài **Bầy Chim Bò Xứ** thì, sau khi thấy nó lủng củng, nhưng nếu muốn, tôi vẫn có thể hoàn tất nó ngay. Nhưng vì không có ai thúc giục tôi làm việc đó nên tổ khúc được cho vào ngăn kéo với 6 đoản khúc rầu rĩ khóc than.

Nói về quần chúng thì vào lúc khởi đầu, tôi đang đau khổ trong tiến trình thu hẹp của mình (bỏ nước ra đi, các con kẹt lại) cho nên tôi chọn một nơi thật xa quê hương, thật vắng đồng hương để sống âm thầm với nỗi buồn riêng.

Lúc đó, tôi muốn cắt đứt với tất cả những gì gọi là Việt Nam. Nơi tôi ở có dăm chục gia đình người Việt nhưng không có gì gắn bó chúng tôi ngoại trừ một nỗi buồn nặng nề, u ám. Nếu tôi có may mắn đi hát ở nhiều nơi, xong buổi hát, tôi lại cuốn gói ra đi, chẳng có gì ràng buộc tôi với các đồng hương ở địa phương tôi tới hát cả. Vả lại lúc đó đi hát đúng là như đi "ăn cướp", vì trong sinh hoạt văn nghệ này, người hát ý niệm được sự kém cỏi trong nghệ thuật của mình (hát cho xong chuyện), người nghe chỉ muốn thoả mãn một nhu cầu độc nhất là nhớ nhà.

Thế rồi bỗng nhiên có sự xuất hiện của những tờ báo Việt. Sống trong một nước mà ngành truyền thông đạt tới mức cao nhất thế giới, chẳng lẽ hơn 100.000 người tị nạn, dù sống rải rác mọi nơi, lại không có một tiếng gọi nhau hay sao ? Một ngày nọ, tôi nhận được cú phone của Nguyễn Hoàng Đoan, chủ nhiệm và chủ bút của tờ báo tị nạn đầu tiên ở Mỹ là Hồn Việt từ California gọi qua, ngỏ ý muốn đăng một bản nhạc mới. Rồi Võ Văn Ái người chủ trương tờ QUÊ MẸ ở Pháp cũng liên lạc với tôi để xin một bản nhạc mới...

Có hai người thúc vào -- xin lỗi hai vị nhé -- dít mình như vậy thì tôi im lặng sao được ? Trong căn nhà gỗ ẩm ướt sau một trận bão, tôi ngồi cắn bút, lên dây đàn, soạn một bài hát đầu tiên trong đời lưu vong. Đó là một bài hát hoài hương. Nhưng quê hương tôi nói tới lần này không còn là cái quê hương tôi có thể sờ mó được, nhìn thấy được, ngửi thấy được... như hồi mới từ Bắc di cư vào Nam. Bây giờ, quê hương trong nhạc của tôi chỉ là **ảo ảnh quê hương**. Thời 1952, tôi có **Tình Hoài Hương** ngọt ngào và tươi mát, nay tôi có **Nguyễn Văn Hình Hải** buồn rầu và chết chóc :

*Ai có về vùng trời Gia Định ?
Hay xuôi sông về tới Cần Thơ ?
Qua xóm dừa rồi vào thăm ruộng
Xin cho tôi dăm hạt gạo thừa...*

Trong bài này, tôi nhắc tới những nơi chốn thân yêu như chợ Tân Định, chợ Bến Thành với trái ngon như cam quýt bưởi... Tôi nhắc tên những địa danh ở ba miền đất nước như Gia Định Cần Thơ, Thành Nội Gia Hội, Nghệ Tĩnh Thanh Hoá, Hà Nội Nam Định, Sông Gầm Núi Tản... và tới những đặc tính riêng của người dân ở từng địa phương. Cuối cùng tôi nói tới cái chết và nếu phải chôn tôi ở nơi xa quê hương, thì :

*Mai có người chọt ngừng thăm mộ
Nơi chôn tôi là dưới rặng mai
Nơi rất lạnh, ngàn đời tuyết phủ
Nên thân tôi nguyên vẹn hình hài.
Nếu có người tò mò muốn gặp
Nơi tha ma mở nắp mồ lên*

*Sẽ thấy một người nằm thanh thản
Trông như chân dung của Việt Nam.*

Tôi vẫn hình dung địa đồ nước ta như thân thể con người, miền Bắc là cái đầu, miền Trung là con tim và miền Nam là cái... dạ dày. Trong bài hát này, tôi muốn nói : Nếu tôi chết thì xin được chôn ở nơi quanh năm tuyết phủ, mai rày có ai tới thăm, mở nắp mồ lên sẽ thấy hình hài tôi không tan rữa, còn nguyên vẹn là chân dung của nước Việt Nam yêu quý. Bài này được đăng ngay lên bìa báo **Hồn Việt**.

Với báo **QUÊ MẸ** của Võ Văn Ái, tôi gửi một bài hát có tính cách lập ngôn : **Ta Chống Cộng Hay Ta Trốn Cộng**, phản ứng lại bài hát tang thương **Nguyên Vẹn Hình Hài** :

*Ta chống Cộng hay ta trốn Cộng ?
Đây là điều ta phải hỏi ta !
Ta chống Cộng hay ta trốn Cộng ?
Đây là điều ta phải hỏi ta, nhắc ta !*

Với bài này tôi chơi chữ : trốn Cộng hay chống Cộng. Tôi cho rằng : Nếu ta sống như con chuột nhắt, muốn quên đời bằng ly rượu buồn tênh hay vui đầu trong cuộc đổ đen, nô lệ đồng tiền, ham mê gái đẹp... thì ta vẫn có quyền đơn độc ngủ yên. Vì ở đây là xứ tự do mà, không ai có thể bắt buộc ai phải yêu nước hay không yêu nước cả. Nhưng vì ta chống Cộng Sản, không chấp nhận nó nên ta phải bỏ nước ra đi. Và ta đã thắng khi ta vượt thoát, ra nước ngoài cùng bao bạn đồng hương, ta nuôi ngày về lại quê hương... thì ta hãy cất cao lời hát của loài người yêu chuộng Tự Do. Ta phải làm sao để lấy lại dân quyền (2) cho dân tộc ta. Bài hát kết thúc :

*Ta chống Cộng, ta không trốn Cộng !
Ta và cả trăm ngàn đồng hương
Ta chống Cộng, ta không trốn Cộng !
Mai này rồi, ta về Việt Nam mến yêu.*

Khi gửi bài này cho Võ Văn Ái để đăng trên bìa báo **QUÊ MẸ**, tôi lấy tên là Đỗ Quyên. Nghĩa là tôi vẫn còn bị ám ảnh bởi con chim yêu nước trong tổ khúc **Bầy Chim Bỏ Xứ**.

Soạn ra bài hát chống đối chứ không trốn tránh này, tôi lấy lại được quân bình trong đời sống. Dù là theo quốc gia chạy trốn trước sự tấn công của Cộng Sản nhưng đó là một thắng lợi cá nhân vì thoát khỏi cảnh bị bắt và tù đầy. Tôi không cần phải cho đó là chuyện nhục nhã nữa. Nhưng lánh về ở Fort Walton Beach này, tránh không gặp Việt Nam (3) là thái độ vừa trốn và vừa tránh.

Hai tờ báo **Hồn Việt** và **Quê Mẹ**, với sự kêu gọi tôi soạn nhạc trở lại, đã lôi tôi ra khỏi **ghetto** rồi ! Tôi phải trở về với Việt Nam. Nói cho rõ hơn, trong hoàn cảnh người tị nạn bị phân tán mỏng như thế này, tôi phải về một nơi có đông người Việt Nam. Nghĩa là phải về tiểu bang California...

... Bán căn nhà sơn màu xanh lá cây rồi mua một xe trailer có bếp nhỏ và giường ngủ, mùa Hạ 1977, hai vợ chồng tôi và bốn đứa con nhỏ giã từ Fort Walton Beach, cứ theo xa lộ số 10 xuyên ngang nước Mỹ mà đi. Giống như những người đi lập nghiệp ở nước này trong thế kỷ trước, chúng tôi làm cuộc "tiến về viễn Tây". Người xưa làm cuộc di dân từ cực lục địa qua đây rồi đi tìm đất đai và tìm vàng ở phía mặt trời lặn. Nay lưu dân tôi đi về miền Tây để tìm lại mình.

(1) Nam Lộc của phong trào Nhạc Trẻ Saigon đầu thập niên 70, nay ở Cali, gửi thư nhờ tôi chép ra bản **Người Di Tàn Buồn** anh ta vừa sáng tác. Thấy bài này đăng trên báo với bút tự của tôi, người ta tưởng tôi là tác giả.

(2) Ủa ! Vào năm 1977 này mà tôi đã nói tới tự do dân chủ rồi à ?

(3) Không phải chỉ là "người" Việt Nam mà thôi !

*Bánh xe quay nhanh nhanh
Chiếc thân xe rung rinh chìm trong làn cát trắng.*
BÁNH XE LÃNG TỬ - Trọng Khương

Chương Bảy

Vào cuối thập niên 30 tức là thời cực thịnh của lãng mạn, tại Hà Nội, chuyện họa sĩ Hoàng Lập Ngôn và chiếc xe MÊ LY làm thế hệ tôi mê mẩn. Chúng tôi mơ ước được như ông "hoàng lập dị" kia, đóng một chiếc xe ngựa rồi đánh xe đi trên đường thiên lý, tới nơi nào có phong cảnh đẹp thì dừng xe lại, đặt giá vẽ bên đường, hay lấy đàn ra đứng hát nghêu ngao. Chao ôi sao mà mê ly đến thế nhỉ !

Một số bài hát soạn ra mấy năm sau đó đều bị ảnh hưởng cái lãng mạn của họ Hoàng và chiếc xe MÊ LY như : **Con Đường Vui** của Lê Vy-Phạm Duy, **Đoàn Lữ Nhạc** của Đỗ Nhuận... Hợp cảnh nhất là bài **Bánh Xe Lãng Tử** của Trọng Khương soạn thời tiền chiến :

*Ta luyến lưu một kiếp giang hồ
Dù rằng cuộc sống vô bờ
Tìm hồng trần máu vô tư
Ha ha ha ha !*

Cũng lãng mạn và rất dễ thương là bài **Nhạc Đường Xa** của Phạm Duy Nhượng, anh tôi, soạn trong kháng chiến :

*Kìa lóc cóc vó ngựa rung rinh
Trên nhịp cầu tre bên suối
Hoà tiếng hát với nhịp xe đưa
Ta cười đón gió say sưa...*

Lãng mạn đó còn kéo dài đến độ vào cuối thập niên 50, nghĩa là 20 năm sau, một ca khúc của Văn Phụng còn nhắc tới MÊ LY :

*Ô mê lý mê ly
Ô mê lý mê ly đời ta...*

Tại Saigon, một năm trước ngày lịch sử 30 tháng Tư, tôi mua cho kỳ được chiếc xe trailer của một người Mỹ nhưng than ôi, vì chiến tranh đang tới hồi kịch liệt, tôi không được cùng *xe nhịp nhàng quay bánh lướt, hình xe mờ khuất trong mênh mông...* trên con đường cái quan đã bị cắt ra nhiều mảnh mất rồi.

Bây giờ, giữa 1977, thật là oái oăm, trong hoàn cảnh "phân ly" mà vẫn nhớ tới "mê ly", tôi dễ dàng thực hiện giấc mơ xưa. Để làm chuyến đi xuyên lục địa Hoa Kỳ, tôi có chiếc **trailer** nhỏ, chắc chắn có nhiều tiện nghi hơn xe MÊ LY của họa sĩ họ

Hoàng. Trong xe có giường nằm, có tủ đựng nước đá, có bếp gas, có tank (thùng) đựng nước. Tới những trại dành riêng cho xe **trailer** ở dọc đường, tôi câu điện (1) để chạy máy điều hoà không khí và coi tivi. Mắc xe trailer vào xe Buick tám máy mới mua lại nơi cửa hàng bán xe hơi cũ, chúng tôi theo xa lộ số 10 đi từ tiểu bang Florida, qua Alabama, Louisiana, Texas, Arizona... vượt vài ngàn dặm để tới California.

Thật là một cuộc du lịch thần tiên dù du khách là kẻ vừa bước vào đời sống lưu vong nghĩa là vẫn chưa thực sự ổn định. Xa lộ rộng rãi, xe chạy êm ái. Tôi làm chủ được thời gian và không gian. Muốn đi muốn nghỉ lúc nào, muốn rẽ ngang rẽ dọc vào đâu cũng được. Đi vào tiểu bang Alabama, Louisiana là đi vào miền Nam sâu thẳm (deep South) của Hoa Kỳ, nghe loại "nhạc sầu xanh" (blues), sống những chuyện khắc khoải của Tennessee Williams...

Tới thành phố New Orleans là nhớ tới cô gái mắc bệnh tâm thần trong cuốn sách **Chiếc Xe Điện Mang Tên Khát Tình** (A Streetcar Named Desire) của văn sĩ "lại cái" (homosexual) đó... Đến Texas, Arizona, gặp sa mạc và những dãy núi đá như bị lở sơn, tôi tưởng mình là John Wayne, đóng phim cao bồi, phi ngựa lóc cóc, đuổi theo dân da đỏ, bắn súng đoàng đoàng...

Ngừng lại những thành phố Mobile, New Orleans, Houston, El Paso, Phoenix... chúng tôi được người Việt tị nạn đón tiếp niềm nở. Dù chỉ là ban hát xẩm ba người mà cũng gây được biến cố (!) văn nghệ tại những cộng đồng Việt Nam nho nhỏ vừa được thành lập sau khi người tị nạn đã hoàn hồn. Đi tới đâu, tôi cũng thấy đồng hương đã nhanh chóng ổn định cuộc sống mới. Dường như ai cũng đã có việc làm. Những hội đoàn chính trị, tôn giáo, xã hội đã khởi sự thành lập. Chợ Việt Nam đã ra đời ở mỗi nơi có người Đông Dương tị nạn và nghiễm nhiên trở thành cơ quan phổ biến văn hoá Việt Nam hải ngoại, sách báo, băng nhạc được bày bán bên cạnh nước mắm, xì dầu, tương ớt...

Chuyến đi dài mười ngày này không phải lúc nào cũng bình an vô sự. Tại vùng ngoại ô của một thị trấn trong tiểu bang Texas, vào một hoàng hôn tím đỏ, có lẽ vì tài xế này quá mệt mỏi nên vừa đi vào một ngã tư thì bị một xe (do một phụ nữ Mẽ lái) tông vào xe mình. Cửa xe bẹp dí, kiếng xe vỡ tan, bà Mẽ gãy chân mà không ai trong gia đình tôi bị một vết thương nhỏ nào cả. Hú vía !

Thế là sau chuyến đi năm trước bằng đường bay và biết cái lạnh còng của miền biển hồ, cái xô bồ của hai thành phố khổng lồ New York và Chicago, bây giờ chúng tôi làm cuộc du ngoạn bằng đường bộ, đi sâu vào nước Mỹ để biết thêm cái ẩm ướt của rừng nước Louisiana, cái mênh mông của Texas, cái khô nóng của Arizona, cái mượt mà của California. Tôi tha hồ thu nhận cảnh vật Mỹ Quốc vào lòng để viết ra một bài ca sau khi định cư ở California, nhan đề **Hát Trên Đường Tạm Dung** :

*Ta đi trên đường tạm dung
Vùng Ca Li quanh năm nắng ấm
Mà lòng người lưu vong vẫn thấy lạnh lùng...*

Nói về chữ "tạm dung". Đối với người tị nạn, đó là một danh từ không ổn. Nó còn làm cho người mang danh từ đó thấy mình bị nhục mạ là khác, vì tiếng Anh **parolee** có ý nghĩa "phạm nhân được tạm tha". Lần đầu tiên tỏ tình với nước "mẹ ghẻ" qua

một ca khúc, tôi dùng chữ "tạm dung" để đáp lễ Mỹ Quốc. A, bà tạm dung tôi thì, OK, tôi tạm dung bà. Nghĩa là tạm dung hai chiều, isn't it ?

Ca khúc **Hát trên Đường Tạm Dung** đưa ra hình ảnh một người Việt Nam đi khắp Hoa Kỳ, từ vùng Ca Li quanh năm nắng ấm tới...

... Trời Si-át-Ton mưa rơi chẳng dứt,
Cỏ hoa đua nhau khoe màu sắc...

Rồi tới :

*Mi-ni-sô-ta ! Một đời băng giá...
Mít-síp-si-pi ! Trường giang lượn khúc...*

Người tạm dung còn đi vào vùng mênh mông Téch-Xát, qua miền bông bay Lu-sia-na... xuống miền cam đông đưa ở Fờ-lo-ri-đa... theo cơn phong ba trên hồ Mi-chi-găng... rồi đi vào lịch sử người xưa ở Viêc-gi-nia... đi đâu cũng thấy cảnh đẹp người sang, nhưng sao lòng mình vẫn thấy lạnh lùng, vết thương trong tim vẫn còn rạn nứt, ngọn lửa thù vẫn còn ngùn ngụt trong đôi mắt đen... Cho tới khi tới bến Nữ Ước, gặp Nữ Thần Tự Do, người tạm dung bèn cất tiếng hỏi :

*Này Thần Tự Do ơi !
Muốn hỏi Nàng mấy tiếng vu vơ
Có phải Nàng, mắt đá ngu ngơ ?
Khiến Nàng nhìn Thế Giới không xa...*

... nên Nàng chỉ đấu tranh cho nhân quyền ở nước Nga, mặc cho các nước Đông Dương đang khóc ròng vì bao cảnh lầm than dưới chế độ Cộng Sản. Người tạm dung mong Nữ Thần Tự Do chuyển hướng nhìn về phía Đông, đấu tranh cho Tự Do Dân Chủ ở ba xứ Đông Dương, khi đó người tạm dung có thể :

*Trời Ca-Li ta yêu nó đấy
Gần bằng tình ta yêu nắng cháy Saigon
Vùng Si-át-ton mưa rơi là lướt
Lòng lưu vong nghe như dịu mát
Đà Lạt ơi ! Đâu đây phảng phất khói sương...*

... Người tạm dung sẽ chấp nhận Mỹ Quốc như quê hương thứ hai của mình và sẽ leo lên tưng tượng Nữ Thần Tự Do một nụ hôn thấm thiết. Với bài hát này, tôi phản ứng danh từ "tạm dung" bằng cách sinh động hoá cảnh sống của người tạm dung. Đó là một tiến trình, một con đường. Và đã là con đường tất nhiên nó phải dẫn tới một cái gì đó. Như **Con Đường Cái Quan** khi xưa của lũ khách dẫn tới cuộc thống nhất đất nước, lòng người.

Bài **Hát Trên Đường Tạm Dung** bây giờ dẫn tới nhiều con đường :

- * Con đường tự do ở hải ngoại trên đó người tị nạn đang cất bước đi với tất cả buồn vui và ước vọng ngày trở về quê cũ.
- * Con đường mất tự do ở trong nước, có người gục ngã nơi tù đầy, có thiếu phụ đi thăm chồng ở trại giam, có kẻ tìm cách vượt biên, có người mưu đồ phục quốc.
- * Con đường hoài hương, con đường dĩ vãng đầy nhớ thương.
- * Kể cả con đường sáng lạn dẫn tới thế kỷ 21 nữa !

Một số ca khúc nằm trong các loại gọi là **tị nạn ca, ngục ca, hoàng cầm ca, rong ca...** sẽ tuần tự ra đời để phản ánh những con đường càng ngày càng thêm sinh động đó. Cho tới khi tất cả tiến trình đều dẫn tới ngày chỉ còn lại một con đường mà thôi : con đường Việt Nam thực sự hoà bình, thống nhất, tự do, dân chủ. Nghĩa là phải phân tán tới cực điểm rồi mới qui về một mối, đúng như định mạng của người Việt Nam.

(1) Phải trả tiền, không câu điện lậu như khi tôi còn ở Việt Nam đâu !

Lạy Phật Trời, tôi lạy tổ tiên
Hãy cho tôi thấy đất liền
Hát Trên Đường Vượt Biển

Chương Tám

Chúng tôi tới California một ngày hè 1977 với chiếc xe hơi méo mó và chiếc trailer sút mẻ. Đã liên lạc từ trước, chúng tôi tới ở tạm nhà người quen ở đầu đường Hunter thuộc Midway City, cách Los Angeles khoảng 45 miles. Vợ tôi và các con ở một phòng trong nhà, tôi ở trong trailer có gắn máy lạnh.

Tới vùng Nam-Cali này, chúng tôi đi hát ngay ở trường Đại Học Long Beach. Rồi qua hát tại Denver ở tiểu bang Colorado do lời mời của anh bạn bác sĩ Trần Ngọc Ninh vừa vượt biển qua đây. Gặp nhau, chúng tôi mừng mừng tủi tủi, nhắc lại chuyện xưa, nhắc tới người bạn đã quá cố Nguyễn Đức Quỳnh với nhiều thương cảm. May mà anh Quỳnh mất trước 30-4, nếu còn sống thì hoặc bị Cộng Sản tóm được, hoặc phải sống lưu vong, chắc anh không có được cái chết bình thường như vào lúc anh trút hơi thở cuối cùng ở Saigon.

Biết thêm cảnh vật Nam-Cali rồi, tôi còn có cơ hội leo lên miền Bắc Cali, trình diễn tại Sacramento (nữ sĩ Trùng Dương đi coi, nhưng có lẽ thấy tôi buồn nên không tới nói chuyện), Rồi tới San Francisco và San José, nơi được gọi là "thung lũng hoa vàng" đang có thêm cái tên "thung lũng điện tử". Người Việt tị nạn rất thành công khi đi vào nghề ráp máy điện toán ở đây. Tại San José, ban ca nhạc ba người đã được sự ủng hộ nhiệt tình của ông Vũ Văn Lộc, người sẽ tạo nên những tập san thông tin và chính trị đầu tiên của người tị nạn, dưới bút hiệu Giao Chỉ.

Có thêm tiền và không muốn kéo dài sự ở chung, tôi mua một căn nhà cũng ở đường Hunter (1). Đã có kinh nghiệm sống ở Hoa Kỳ qua mấy lần thăm viếng, tôi chọn mua nhà ở chỗ này vì nhà rất gần hai xa lộ 22 và 405. Nhà Bưu Điện, ngân hàng, chợ Mỹ chỉ cách nhà tôi khoảng một **mile**, hằng ngày tôi có thể đi bộ ra những nơi đó. Sống tại Hoa Kỳ, có hai điều quan trọng : Phải biết nhịn ăn và hà tiện tiền đồ sảng (2).

Thành phố mang tên Thị Trấn Giữa Đàng (Midway City) nằm ở ngay bìa của một ô vuông, bao bọc bởi bốn đại lộ Bolsa, Magnolia, Westminster và Brookhurst. Cái gọi là Khu BOLSA (trước khi được gọi là LITTLE SAIGON) nằm trong cái ô vuông này. Khi tôi vừa tới định cư tại đây, cái ô vuông đó còn là những vườn dâu xanh ngắt, lác đác đây đó là vài ba khu tiểu thương mại Mỹ với khoảng một chục cửa hàng trong đó hoạ hoằn mới có một tiệm ăn Việt Nam.

Tôi không thể ngờ rằng chỉ trong một thời gian ngắn, khu Bolsa (3) trở thành Little Saigon với hàng ngàn cửa hiệu Việt Nam. Nhà tôi chỉ cách Tiểu Saigon một ngọn đèn đỏ, tôi có thể đi bộ giao hàng cho các tiệm bán sách, bán băng. Sự mọc lên của Thủ Đô Tị Nạn còn khiến cho giá nhà tăng lên rất nhanh. Mua căn nhà với giá 60.000 US\$, nếu bán đi bây giờ, tôi sẽ được lãi 120.000.

Người Việt ở trên đất Mỹ ùn ùn kéo về vùng này mỗi ngày mỗi đông khiến cho khu Bolsa sẽ được gọi là khu **bon chen**. Giới làm dịch vụ địa ốc là giới thành công nhất. Rồi tới các chợ bán thực phẩm Á Đông. Dịch vụ này nằm trong tay người Tàu, hoặc Tàu Chợ Lớn, Tàu Đài Loan, Tàu Hồng Kông hay Tàu Los Angeles, con cháu của người Tàu tới Mỹ trong thế kỷ trước để làm đường hoá xa (4). Little Saigon ở không xa Los Angeles nên bị các lực lượng kinh tế kể trên chỉ huy. Nhưng nó chỉ là "little money" so với các khu chợ Tàu ở New York, San Francisco hay Los Angeles nên không xảy ra những vụ thanh toán đổ máu như ở các nơi đó. Từ ngày khởi sự thành lập cho tới khi bành trướng, Little Saigon chỉ bị sách nhiễu bởi một số thiếu niên du đảng Việt Nam do vài ba cựu quân nhân học làm "bố già" giật dây nhưng được Cảnh Sát địa phương và Liên Bang (FBI) dẹp ngay tức khắc.

Sống tại một nơi được coi như ổn định nhất trong các cộng đồng người Việt tị nạn, tôi hoàn toàn bước ra khỏi cơn chấn động hoang mang, chỉ còn một nỗi nhớ thương các con mà tôi giải quyết bằng cách tiếp ngân đều đều để chúng có phương tiện vượt biên. Tôi còn phác ra kế hoạch cứu con qua hai giai đoạn. Trước hết đưa Duy Quang ra khỏi Việt Nam qua giải pháp đoàn tụ với Julie đang ở Pháp. Khi ngỏ ý kiến với con dâu cũ ở Paris thì Julie đồng ý ngay dù hai đứa đã ly thân từ lâu. Một khi Quang đi thoát, Minh, Hùng và Cường sẽ dễ dàng soay sở hơn.

Tại Midway City, ba đưa con nhỏ lớn dần, vui đầu vào việc học hành hay vui chơi, tôi ít phải bận tâm đến chúng. Chúng chỉ thỉnh thoảng lâm vào cảnh sợ ma mỗi khi vợ chồng tôi và Thái Hiền phải đi hát xa. Để thưởng công coi nhà, tôi tặng chúng đồ chơi đủ thứ. Những ngày không đi lưu diễn, Thái Hiền tới làm việc tại một cửa hàng chuyên gửi quà về Việt Nam, một dịch vụ càng ngày càng phát triển, làm giàu cho ai biết khai thác. Tôi có nhiều thì giờ để gặp bạn cũ, có thêm bạn mới. Bạn cũ gặp nhau không còn ngưng ngừng như khi còn ở trại tị nạn.

Các ca nhạc sĩ ở gần hay ở xa khu Bolsa là Nguyễn Đức Quang của Phong Trào Du Ca, Hoàng Thi Thơ của **Trăng Rụng Xuống Cầu**, Ngọc Bích của kháng chiến, Lữ Liên của AVT, Bùi Thiện, ca sĩ hồi chánh, Đỗ Đình Phương, chuyên về guitare classique... Nhưng ít người có thể hành nghề ca nhạc toàn phần như tôi, người làm việc cho USCC hay YMCA, kẻ đi học nghề hay làm trợ giáo trong các trường có học sinh người Việt. Bạn cũ trong giới cầm bút có thi sĩ Cao Tiêu vào ngồi trong Sở Mách Việc, nữ ký giả Kiều Mỹ Duyên làm nghề địa ốc, Lê Tất Điều từ Bloomington (Illinois) di tản về San Diego để sửa tàu biển cùng Phan Lạc Tiếp...

Sống đông đảo trong một địa phương, ngoài những định chế có sẵn, còn có thêm bối cảnh mang màu sắc dân tộc như chợ búa, quán ăn, nhà thờ (người Công giáo làm lễ bằng tiếng Việt), chùa chiền (Phật tử sửa living room kiểu Mỹ thành nơi cúng Phật)... tôi cảm thấy xã hội Việt Nam bị tan vỡ sau ngày 30-4-75 đang dần dần thành hình. Sự kiện năng gặp gỡ nhau là điện nam châm làm cho các mảnh vụn xã hội hút lại nhau.

Trong số nghệ sĩ mới quen như Hoàng Quốc Bảo, Trần Quảng Nam... tôi hay tới gặp Đông Duy, con trai của anh bạn già Hoàng Nguyên, cựu công chức lớn của Bộ Thông Tin thuở chúng tôi là người đồng sở. Đông Duy vốn là ký giả, nay trở thành chủ nhân một nhà in nhỏ và lập một cơ sở ấn hành lấy tên là ĐÔNG PHƯƠNG. Anh là một trong những người đầu tiên tung ra sách báo Việt Nam ở Mỹ. Số ra mắt của tập san mang tên TIN VĂN với chủ đề **Tháng Năm Đen** có bài bình luận chính trị của Tô Văn, nhạc của Trần Quảng Nam, thơ của Hoàng Khởi Phong... làm tôi có cảm hứng để soạn ngay một bài hát có tính chất tuyên ngôn được dùng để đồng ca vào ngày dân tị nạn cũng gọi là Ngày Quốc Hận như ngày đất nước bị phân đôi vào năm 1954 :

*Tháng Tư Đen ! Xin cúi đầu mình xuống
Khóc quê hương, trời trong tay bạo cường
Tháng Tư Đen ! Ba mươi năm quật cường
Tàn tanh vì lọt vào tay đế quốc...*

Bài hát mang tên **Tháng Tư Đen** muốn ghi lại xúc động chung của người Việt tị nạn. Tên bài hát nhắc tới tên một tổ chức chống đối của người Palestine : BLACK SEPTEMBER. Nó có cái mạnh của một tổ chức tranh đấu cũng mang phận lưu vong như Việt Nam này. Tuy nó nói tới sự đen đủi của số mệnh quốc gia, sự đen tối trong đầu óc mọi người, nhưng nó có thêm cái bóng bẩy, cái đa dạng vì nó đưa ra những hình ảnh như :

*Tháng Tư Đen ! Xin cúi đầu một phút
Nhớ anh em, sống trong ngục trong tù
Tháng Tư Đen ! Nuôi cho sâu hận thù...*

*.....
Tháng Tư Đen ! Xin ngược mặt nhìn tới
Tới tương lai, tới quê hương vời vợi
Tháng Tư ơi ! Hơn năm mươi triệu người
Như một người, phải thành công mới thôi !*

Nó không hẳn là cảm thức của một người, nó là chữ mới, ý niệm mới trước đây không có (ngày quốc hận năm 1954 không có thêm cái tên Tháng Bảy Đen, chẳng hạn) bây giờ được đám đông cùng nghĩ, cùng chia sẻ. Nó là một thứ truyền cảm, một thứ keo sơn muốn thắt lại sự rời rã trước đây của cái trở nên Cộng Đồng Việt Nam :

*Này người Việt ở trên thế giới
Nào cùng nhau họp chung khí giới
Cất tiếng đòi tự do cho triệu đồng bào ta.
Hãy đoàn kết lại !
Tháng Tư ơi ! Hơn năm mươi triệu người
Như một người, phải thành công mới thôi !*

Sau khi soạn ra vài bài hát phản ánh những bước đi đầu tiên của tôi trên con đường tạm dung (hay con đường tự do cũng thế) tôi nhận được tin anh Vũ Hoàng Chương qua đời. Tôi sực nhớ tới những câu thơ anh viết ra từ ngày mới rời Bắc vào Nam :

*Lũ chúng ta lạc loài dầm bầy đũa
Bị quê hương ruồng bỏ giống nòi khinh.*

Ngày còn ở Fort Walton Beach, cũng như mọi người tị nạn, tôi đang bị tê liệt sau cơn chấn động. Đời sống riêng của tôi là sự hoang mang, đời sống chung của đồng hương là một môi trường không có gì giao thoa với nhau được cả. Ai cũng sống trong cảnh xa lạ, nhiều nhương, tan tác. Nói tới chuyện lưu vong hay di tản, mọi

người đều chưa thấy chiều hướng rõ rệt của nó. Chưa ai tìm ra và nói lên ý nghĩa của cuộc ra đi vừa vĩ đại vừa bi thương này. Lúc đó ai cũng chỉ có ý nghĩ trốn thoát Cộng Sản, chưa ai xác định cuộc ra đi là chống Cộng. Trong tôi, có cả ngàn mặc cảm. Tôi còn lẩm cẩm cho rằng có lẽ Cộng Sản đúng (vì chiến thắng), mình sai (vì phải bỏ nước ra đi). Câu thơ của họ Vũ sống lại trong tôi khi nghe tin anh chết. Trong hoang mang, tôi đặt dấu hỏi vào câu tự thán của nhà thơ :

*Có phải tôi là người quê hương ruộng bỏ ?
Có phải tôi là người giống nòi khinh ?
Có phải tôi là người quê hương nguyên rửa ?
Có phải tôi là người giống nòi xưa ?*

Tôi khẳng định ngay rằng quê hương và giống nòi không ruộng bỏ, khinh khi, nguyên rửa, xưa đuổi tôi đâu :

*Quê hương tôi ơi ! Tôi sinh ra ở đây
Tôi lớn lên cùng với phận cỏ cây
Vững chắc như tre, đằm mê như ngọn lửa
Tôi bám rễ vào nước mặn đồng chua.*

Tôi phải bước đi vì *những quyền làm dân đã chết trong tay quân gian tham độc đoán* và tôi hẹn sẽ về *giải phóng quê tôi...*

*... Mai này tôi về cùng quê hương rạng rỡ
Mai này tôi về cùng với Tự Do
Mai này tôi về cùng quê hương đổi mới (5)
Mai này tôi về cùng giống nòi tôi.*

(1) Nếu đừng quá vội vàng, mua nhà ở đường Newland (bên cạnh Hunter) thì rất phù hợp với cảnh mình : đường Đất Mới trong Thị Trấn Giữa Đàng.

(2) Tham ăn là dễ bị cholesterol làm nghẽn mạch máu. Ít đi xe hơi, đi bộ nhiều nhiều thì tránh được chết non.

(3) Bolsa tiếng Mỹ là buôn bán.

(4) Chưa kể Tàu Trung Cộng cũng có mặt trong các hoạt động thương mại, văn hoá...

(5) Vào năm 1978 mà tôi đã nói đến quê hương cần phải đổi mới !

*Lạy Phật Trời, tôi lạy tổ tiên
Hãy cho tôi thấy đất liền
Hát Trên Đường Vượt Biển*

Chương Chín

Vào lúc giữa năm 77 này, bỗng xảy ra hai biến động cực kỳ to lớn (sau biến cố 30-4). Hai biến động này làm thay đổi thái độ của người lưu vong.

Trước hết là Phong Trào BOAT PEOPLE. Hàng ngàn người Việt bỏ nước ra đi dù nước Việt Nam trên danh nghĩa đã hoàn toàn độc lập và thống nhất. Phong trào boat people là hồi chuông báo động về sự vi phạm nhân quyền của Hà Nội. Sau gần ba năm Cộng Sản chiếm được miền Nam và trị dân bằng một chính sách vô nhân đạo, dù toàn dân phản đối nhưng không có tin tức nào lọt ra thế giới để tố cáo những trại cải tạo ở Việt Nam. Phong trào boat people với sự hùng vĩ và thảm thương của nó làm rung động thế giới. Nó xảy ra đúng lúc Tổng Thống Hoa Kỳ Jimmy Carter đưa vấn đề nhân quyền lên hàng đầu trong quốc sách Hoa Kỳ. Thế là ở Mỹ, cả chính phủ (Dân Chủ) lẫn dân chúng (như Joan Baez, Ginette Sagan và nhiều danh nhân khác...) sau khi mang nhiều mặc cảm vì Hoa Kỳ nhảy sỏ vào Việt Nam một cách thiếu cương quyết rồi rút lui khỏi Việt Nam một cách nhục nhã và thiếu trách nhiệm, nay muốn chuộc lỗi xưa nên tất cả đều hăng hái giúp người vượt biển. Do sự vận động của Thượng Nghị Sĩ Kennedy, Tổng Thống Carter ký sắc lệnh cho phép

14.000 người vượt biển vào Hoa Kỳ trong mỗi tháng. Hoa Kỳ còn ra lệnh cấm vận (1) khi Việt Cộng xâm chiếm Campuchia. Với sự quan tâm tới nhân quyền ở Việt Nam, sự đón nhận rộng rãi thuyền nhân Việt Nam và với sự trừng phạt Việt Cộng của Hoa Kỳ, tôi thấy Nữ Thần Tự Do đã xoay nhìn về hướng Đông Phương như tôi từng van nài qua bài hát trên đường tạm dung rồi ! Ai dám bảo (nói phét chơ) tượng đá không biết nghe bài hát nhỏ bé của một kẻ *du ca, di tản buồn cười* là tôi ?

Đối với người Việt tị nạn, biển cả người vượt biển cho thấy một chiều hướng tất yếu. Đó là sự ưu thắng của chủ nghĩa Cộng Sản chỉ là nhất thời. Ưu thắng của cái gọi là yếu tố Việt Nam, nhất thời bị thua thiệt nhưng chung cuộc nó có triển vọng thắng lợi. Tôi không cần viết ra đây những hành động nhốt quân nhân, công chức, trí thức, văn nghệ sĩ vào trại cải tạo, vơ vét tiền bạc của người dân qua những đợt đánh tư sản, đổi tiền... mà ai cũng biết. Một chế độ mất lòng dân như thế sẽ không thể tồn tại. Người dân phản đối bằng cách vượt biển ra đi, bất chấp sự hiểm nguy. Ra tới thế giới tự do, một người vượt biển là một phòng Thông Tin tố cáo chế độ phi nhân của Việt Cộng. Liên Xô có một Soljenytsyne để nói về Gulag Archipel, Việt Nam có hàng triệu Soljenytsynes để tố cáo quần đảo lao tù.

Đang cần có một chủ đề để hành động, tất cả người Việt tị nạn ở trên thế giới ào ào tổ chức những công tác cứu nguy người vượt biển và tố cáo sự vi phạm nhân quyền trầm trọng của Cộng Sản. Cần nói tới một hành động điển hình nhất là một đám đông người Việt đi biểu tình ở Hoa Thịnh Đốn, trong đó có nữ tài tử điện ảnh Kiều Chinh, bị đau chân nên bỏ giày đi đất. Trong đêm tối, tay cầm nến, họ tới tụ tập trước Toà Bạch Ốc. Tổng Thống Carter đã viết trong Hồi Ký là : *"...Trong đêm đó, ở trong Phòng Bầu Dục (Oval Room) nhìn ra ngoài, tôi thấy những ngọn nến lung linh giống như những linh hồn của đám người chết trên biển ! Tôi rất cảm động và hôm sau ký ngay sắc lệnh giúp đỡ người vượt biển..."*

Vượt biển ! Thật là đúng với sứ mệnh của dân mình, vì chữ việt luôn luôn mang ý nghĩa vượt. Tôi còn cho rằng bức tường Berlin bị đập tan vào năm 1989 cũng do có phong trào boat people của Việt Nam đứng bên cạnh những phong trào đòi nhân quyền ở Đông Âu như Công Đoàn Đoàn Kết Solidarnosc ở Ba Lan chẳng hạn.

Biển cả **boat people** đến cùng lúc với biển cả chia rẽ trong nội bộ Cộng Sản Á Đông qua hai cuộc chiến tranh giữa Hà Nội và Bắc Kinh, giữa Việt Nam Đỏ và Khờ Me Đỏ. Đã có mâu thuẫn trầm trọng giữa Liên Xô và Trung Cộng rồi, nay có thêm hai vụ đổ máu Việt/Trung và Việt/Miên, tôi nghĩ rằng ngày tận số của khối Cộng Sản không xa lắm đâu. Quả nhiên, giờ khai tử của chủ nghĩa Cộng Sản sẽ điếm vào đầu thập niên 90. Đối với thời gian của lịch sử, từ 1977 tới 1992, 15 năm có là bao ?

Làm sao mà một nhạc sĩ đang đói đề tài như tôi lại có thể đứng vững trước phong trào boat people được ? Trong lòng đầy kính phục và thương cảm, tôi soạn bài **Hát Trên Đường Vượt Biển** hay là **Hát Cho Người Vượt Biển** :

*Này đoàn người đang vượt biển Đông
Bé li ti như chiếc lá trong rừng
Người liều mạng đang vượt trùng dương
Như hạt cát giữa sa mạc nóng
Đoàn người hùng đang vượt biển rộng
Mũi kim khâu ở đồng rơm khô
Này đoàn người đi tìm tự do*

Muốn tìm người, thật là khó !

.....

*Này đoàn người đang vượt biển Đông
Kiếp mong manh như áng mây hồng
Người gửi mình trong lòng đại dương
Treo đời sống giữa hai sợi tóc
Người chấp chờn giữa trời biển rộng
Đã bao lâu thành đám thây khô
Này đoàn người đi tìm tự do
Cứu được người, thực chẳng khó...*

Trong khi tôi đang lạy Trời Phật, lạy Thần Biển, lạy loài người, lạy tổ tiên trong bài hát để xin tất cả ra tay cứu giúp bé ngây thơ trong bão toại bời, giúp ông bà lão nghiền răng cầm lái, đoái thương đôi trẻ mới se duyên, phù hộ cho họ mau mau thấy đất liền... thì TRỜI ĐẤT ƠI ! Các con tôi cũng đang lênh đênh trên biển cả !

Giấy bút đã không đủ để viết ra sự thống khổ ngày xa con thì bây giờ tôi cũng không tìm đủ chữ để diễn tả niềm vui sướng tốt độ của vợ chồng tôi khi nghe giọng reo mừng của các con trong máy điện thoại : sau ba ngày vật vờ trên biển Đông, Minh, Hùng, Cường đã tới Pulau Tenga !

Nhờ trở tài "nhạc trẻ" để giải trí cho người tị nạn ở hòn đảo thuộc Mã Lai này, chúng được Cha truyền giáo ở trong trại cho ra thành phố và vào nhà thờ gọi phone cho bố mẹ.

Các cụ có câu phúc bất trùng lai, hoạ vô đơn chí, nhưng vào hoàn cảnh gia đình tôi, cái phúc tới hai lần trong một lúc : Duy Quang cũng vừa tới Paris ! Làm sao tôi không khỏi quý lạy ngoài đời từ Trời Phật, tổ tiên tới loài người như đã quý lạy trong bài hát cho người vượt biển.

Cũng phải mất từ 4 tháng tới 8 tháng mới hoàn tất mọi thủ tục đoàn tụ để mọi người trong gia đình tôi ôm nhau trong tiếng khóc tiếng cười...

Nhưng ngay từ cuối 77 qua đầu 78, tôi như rồng lại gặp mây, điều lại gặp gió, tiếp tục đi trên những con đường đã phác hoạ :

con đường tự do ở hải ngoại với *tị nạn ca*,

con đường mất tự do ở trong nước với những ngục ca.

Rồi tôi còn thông dong đi trên **con đường dẫn tới những năm 2000** với *mười bài rong ca*.

Và cuối cùng, chắc chắn sẽ phải có ngày được hát trên **con đường về** với những *đạo khúc thiên ca*...

Tóm tắt lại, biến cố **boat people** và vụ xua quân xâm chiếm Cao Miên khiến cho thế giới chán ghét Việt Nam Cộng Sản, chính phủ Hà Nội bị cô lập hoàn toàn về chính trị và kinh tế khiến tôi hoàn toàn hết bi quan về thời thế. Sự đoàn tụ với các con khiến lòng tôi không còn một sợi tơ buồn khổ. Tôi là chim Quyên đã cầu cổ quyên sinh hay thổ huyết chết, nay tái sinh từ đồng xương tro của mình, cất *tiếng hát to* như ngày nào hát trong **mười bài tâm ca**.

Tiếng hát có được nhiều người nghe hay không, đó là chuyện khác.

(1) Cho tới khi tôi viết những dòng này lệnh cấm vận đã được bãi bỏ.

*Ta không mất quê hương vì quê hương còn đó
Ta có xa cửa nhà là vì yêu đời tự do...*
QUÊ HƯƠNG CÒN ĐÓ

Chương Mười

Khi tôi trở thành kẻ lưu dân và phải tới sinh sống ở Mỹ, tôi đã quá tuổi 55, cái tuổi khó sống nhất của người Đông Dương tị nạn. Không còn trẻ để có thể tranh việc với người Mỹ, chưa tới tuổi về hưu để được hưởng tiền trợ cấp tuổi già, ai cũng đều không tránh khỏi lo âu. Nhưng một số bạn cùng lứa tuổi tôi cũng nhanh chóng khắc phục khó khăn để có một đời sống khá đầy đủ, vì quả rằng Mỹ quốc là một *land of opportunities* (nước có nhiều cơ hội tốt). Về phần tôi, đâu dám nghĩ rằng có thể sống bằng nghề nhạc được nên tôi đã tính tới chuyện đi học nghề địa ốc, nghề ráp máy điện tử hay mở hàng ăn... Nói cho ngay, khi vừa đặt chân tới Hoa Kỳ, tôi đã được anh bạn Mỹ Dick McCarthy ở Maryland giới thiệu đi làm *professor in residence* (dạy nhạc) tại một trường Đại Học ở tiểu bang Maine, nhưng vì sợ cái lạnh chết người nên tôi từ chối.

Nhưng thật là may cho tôi quá, tôi đã nhanh nhẹn làm nghề sản xuất băng cassette và móc nối ngay với những bạn ca sĩ Hoa Kỳ rồi cùng họ đi hát tại những *university tours* cho khán giả trẻ và tại những *community tours* cho khán giả già... để nuôi nấng cả gia đình, một nửa ở Mỹ, một nửa ở Saigon. Rồi theo đà đó, tôi đi hát tại một số cộng đồng Việt Nam đang dần dần thành hình ở nhiều nơi trên thế giới.

Tuy nhiên, tôi cũng ý thức được rằng với tuổi đã cao, với thành phần ca sĩ nhỏ bé có 3 người và với tài năng yếu kém so với nghệ sĩ Mỹ, tôi không thể nào chen chân vào thế giới âm nhạc Mỹ Quốc được. Tôi tự nghĩ mình chỉ có thể phục vụ cho cộng đồng Việt Nam mà thôi, dù tôi biết rằng sẽ gặp nhiều khó khăn. Tôi không còn cái gọi là "quảng đại quần chúng" như khi còn ở trong nước để cống hiến tấm lòng qua âm nhạc nữa rồi. Cộng đồng Việt Nam đã thưa thớt, lại ở tản mác khắp mọi nơi, đi lưu diễn trong lục địa Hoa Kỳ cũng đã rất là khó nhọc, nói gì đi hát ở Âu Châu, Úc Châu?

Nhưng Trời Phật giúp tôi, sau gần 1,500 ngày xa cách cha mẹ, các con tôi đã qua Mỹ. Ban THE DREAMERS (gồm Duy Quang, Duy Minh, Duy Hùng, Duy Cường, Thái Hiền, có thêm Julie và Thái Thảo) tái xuất hiện tại Hoa Kỳ.

Tôi giải tán ban tam ca THE PHAM DUY FAMILY SINGERS, dành toàn thì giờ để sáng tác, sản xuất và phát hành băng nhạc, sách nhạc.

Những nhạc tập mang tên **Hát Trên Đường Tị Nạn, Nghìn Trùng Xa Cách, Dân Ca** và những cuốn sách **Tự Học Đàn guitare** được tôi hoặc cơ sở ĐÔNG PHƯƠNG của Đông Duy ấn hành.

Những nhạc tập đều có thêm lời ca Anh Ngữ do một bà giáo người Mỹ lấy chồng Việt là Mary Nguyễn sửa chữa dùm tôi. Hầu hết những tị nạn ca của tôi được cựa và tần giám đốc cơ sở SHOTGUNS Ngọc Chánh (1) thu vào các chương trình cassette...

Như đã nói ở trên, trong phạm vi sáng tác, đã có những bài hát cho đời sống tự do của người Việt hải ngoại, tôi cũng cần phải soạn bài hát cho người mất tự do ở trong nước. Bây giờ nhìn lại, tôi thấy rằng cả hai loại ca đó đều là những bài hát về quê hương. Giống như những ca khúc mà tôi soạn ra từ những năm vừa di cư từ Bắc vào Nam (1953). Có khác nhau là ở chỗ bây giờ nó không chứa đựng những hình ảnh tuyệt vời của quê hương nữa... Đó là những bài hát **ảo ảnh quê hương** hay là **ác ảnh quê hương** mà thôi.

Có trong tay một ban nhạc, ban này ngoài việc mưu sống bằng nhạc khiêu vũ tại những night club, còn được đồng hương coi như đại diện của tiếng hát quê hương. Được mời hát cho cộng đồng, tôi phải cung cấp những bài hát mới cho các con. Và cũng lại phải soạn **nhạc quê hương** thôi !

Tiếp tục soạn những bài có tính cách tuyên ngôn như **Ta Chống Cộng Hay Ta Trốn Cộng, Có Phải Tôi Là Người Quê Hương Ruồng Bỏ Giống Nòi Khinh...** bây giờ tôi có thêm bài **Người Việt Cao Quý**, xưng tụng :

*Những mẹ già trên đường tị nạn
Dưới mưa phùn hay tuyết lạnh mùa Đông...*

*.....
Những cha già đang ngồi tuyệt thực
Nhắc nhân quyền cho nhân loại phải nghe
Lặng nghe đây tiếng người bất khuất
Từ hơn ba mươi năm về trước
Hiến đời mình cho nước Việt Nam.*

Rồi tôi xưng tụng :

*Những em nhỏ tay cầm ngọn cờ
Cờ da vàng với ba dòng máu
Máu Việt Nam đổi lấy Tự Do
Máu đàn anh nhắc nhủ trẻ thơ...*

Cuối cùng, tôi kêu gọi :

*Những người Việt sống ở nghìn phương
Vẫn còn nuôi tình tự quê hương
Nắm tay nhau trên đoạn đường trường...*

Bài hát **Ta Là Gió Muôn Phương** soạn ngay sau đó cũng có tính cách tuyên ngôn, khẳng định người Việt đã từ quốc gia vượn ra quốc tế rồi :

Ôi ! Này hồi gió lạnh
Miền Gia Nã Đại phủ tuyết bốn mùa
Là gió căm thù của người di cư
Ôi ! Này gió sa mạc miền Úc thừa người
Làn gió nung hồn của anh với tôi.
Này làn gió Thu, bên bờ sông Seine
Làn gió mát thổi lá chết về nơi hoá kiếp
Ôi ! Làn gió Xuân về xứ anh đào
Rồi vượt sóng ghé Hạ Uy Di vút về Cali...

Rồi cuối cùng tôi cũng tuyên bố :

Ta từ cõi Nam Việt
Làn gió lên đường để thoát gông cùm
Tự do vẫy vùng thổi vào muôn phương...

Những bài hát tuyên ngôn, tự tình hay hoài hương mà chỉ là ảo ảnh quê hương đều mang những ưu tư và khẳng định. Thi nhân Vũ Hoàng Chương vẫn còn ám ảnh tôi nên tôi soạn bài **Chỉ Còn Nhau**, câu đầu là thơ của họ Vũ :

Đôi ta mất hết, chỉ còn nhau
Chỉ còn trước sau
Niềm đôn đau với nỗi hận sâu
Buồn thương lai láng như biển sâu.
Đôi ta đã mất cả mộng mơ
Chỉ còn xác xơ, hình bóng xưa
Dĩ vãng mịt mù
Buồn như chiếc lá rụng, mùa Thu.

Tôi cho rằng còn nhau là chưa mất hết, chưa mất gì cả. Vấn đề đặt ra là ta có ngồi chung lại với nhau hay không ? Hay cứ nghìn đời sống chia rẽ ? Tôi van xin mọi người :

Ngồi lại đây, xin ôm chặt lấy
Bàn tay này chứa đựng hôm nay.
Năm ngón gầy đưa nhau tìm lối
Năm ngón dài ve vuốt tương lai.
Ngồi kề vai, hôn không từ chối
Vết thương lòng khép kín nghỉ ngơi
Rồi cùng đi xây duyên tình mới
Thế gian này sẽ bớt đơn côi.

Cuối cùng tôi khẳng định :

Ta chưa mất hết, vì còn nhau
Còn cần khát khao, cần biết yêu
Biết giữ tình đầu
Tình hôm nay nối qua tình sau.
Ta xây dĩ vãng của ngày mai
Bằng tình lứa đôi, dù ngắn hơi
Tiếng hát còn ngời
Tình ta như nắng mọc ngoài khơi.
Ta chưa mất hết vì còn nhau
Cùng nhau nung nấu trong ân tình sau.

Với thói quen đưa nhiều nhân vật vào bài hát, bây giờ **tị nạn ca** của tôi lại chất chứa những hình ảnh *mẹ già, con thơ, anh trai, chị gái* trên đường tạm dung... hoặc *người rao hàng, ông bà hàng xóm, anh chiến sĩ, lũ học trò, người già, em bé ở trong nước*

trước kia hay hiện nay. Bài **Tiếng Thời Xưa** là bài hát nhớ nhung những tiếng nói, tiếng hát, tiếng động quen thuộc xa xưa :

*Có ai nhớ tiếng rao hàng buổi sáng
Tiếng xe máy rú trên đường thành đô
Có ai nhớ tiếng chuông chùa đầu ngõ
Tiếng chim hót, tiếng học trò hò la.
Có ai nhớ tiếng đêm về mùa nóng
Tiếng mưa vỗ những mái nhà lợp tôn
Những câu nói tiếng cha mẹ từ tốn
Tiếng đôi lứa, tiếng e thẹn chờ hôn.
Giờ ở trong nước cảm lắng tiếng rồi
Giờ ở ngoại quốc, xa lạ tiếng người
Tôi thương nhớ lời nói của người yêu hờn dỗi
Lời Mẹ tôi thường vỗ về tôi
Có tôi nhớ tiếng ông bà hàng xóm
Tiếng anh chiến sĩ, say rượu, cười vang
Có tôi nhớ tiếng bé đùa ngoài nắng
Tiếng êm ái, tiếng tôi gọi : Việt Nam !*

Bài này gợi lại những âm thanh của thủ đô miền Nam. Bài **Thương Nhớ Saigon** soạn ngay sau đó gợi lại hình ảnh thành phố những ngày chưa bị thay tên :

*Saigon ơi ! Tôi thương và tôi nhớ
Tôi nhớ Saigon, mà như nhớ người tình
Từng hàng cây lung linh, từng bóng mát
Tôi nhớ từng nhà, từng khu phố hiền lành
Từng buổi trưa đi trên đại lộ tươi sáng
Phố xá Saigon, rộn ràng mạch sống từng bừng
Từng chiều êm yên vui về trong ngõ vắng
Gió mát Saigon mơn trớn tình nhân.
Những đêm không trăng, soi hồn vào ngọn hỏa châu
Sớm mai sơn sao, chim đậu cột đèn gọi nhau
Tháng năm trôi mau, giữa Saigon yêu
Kỷ niệm thật nhiều
Cùng nắng sớm với mưa chiều.
Saigon ơi ! Yêu tôi xin chờ tôi nhé
Tôi sẽ trở về để hôn những vĩa hè
Của Thành Đô, cao sang và say đắm
Chia sót tủi hờn và xây đắp tình nồng
Saigon ơi ! Dù có thay tên
Mà người yêu còn nhớ không quên
Chẳng bao giờ quên !*

Cùng một lòng thương nhớ Saigon, trong thời điểm này, một số lớn thi sĩ, nhạc sĩ ở trong và ngoài nước như Nguyễn Đình Toàn, Nam Lộc, Hoàng Thi Thơ, Song Ngọc v.v... cũng soạn ra những bài như **Saigon Ôi Vĩnh Biệt, Saigon Niềm Nhớ Không Tên, Saigon Vĩnh Biệt Tình Ta, Saigon Bây Giờ Buồn Không Em, Saigon Của Tôi, Saigon Ôi Đã Hết...**

Tôi đã có lúc băn khoăn tự hỏi : Tại sao lũ nghệ sĩ chúng tôi không khóc một nước Việt Nam mà lại chỉ khóc một thành đô ? Về sau tôi mới ngộ ra rằng đó là phản ứng của nhân dân Việt Nam trước việc thay tên Saigon bằng tên Thành Phố Hồ Chí Minh. Người ta có thể không đặt phần quan trọng vào việc thay đổi danh hiệu của chế độ dù người ta cũng đã nhạo báng cái tên xã hội chủ nghĩa bằng đủ mọi danh từ

như xếp hàng cả ngày, xạo hết chỗ nói, xuống hố cả nút v.v... Nhưng đổi tên Saigon là Thành Phố Hồ Chí Minh là một sự áp đặt bất chính, trịch thượng của kẻ chiến thắng bằng bạo lực. Giới soạn nhạc ồ ạt phản đối bằng những bài hát kể trên.

Tị nạn ca của tôi còn là những bài như **Dấu Chân Trên Tuyết**, cái tên có lẽ là dư âm của bài **Des Pas Sur La Neige** của Debussy nhưng nội dung thì buồn lắm :

*Dấu chân trên tuyết của một người lữ thứ
Như mồ chôn một quá khứ nặng nề
Dấu chân sâu đậm giữ nguyên niềm hờn tủi
Của một người xa nơi miền ấm, nắng vui.
Dấu chân be bé của mẹ già xứ nóng
Sao buồn hơn một vết bước trong bùn ?
Dấu chân khô lạnh chứa muôn vàn khổ nhục
Của mẹ lìa con hay vợ lỡ xa chồng.*

Đó còn là dấu chân tung toé của lũ trẻ thơ đùa rồn... Nếu đó là dấu chân êm ái của vài lứa tình nhân, nó cũng không che lấp được nỗi sầu xa tổ quốc. Tất cả đều chỉ là dấu chân bạc phước của những người vắng quê hương...

*Dấu chân trên tuyết của bao người xa xứ
Tan dần khi làn nắng ấm Xuân về
Nếu trên con đường đã mọc loài cỏ dại
Thì còn hằn in một vài dấu chân người
Thì còn trong tim ta, đậm dấu chân người.*

Bài **1954 Cha Bỏ Quê - 1975 Con Bỏ Nước** nói lên sự mất mát to lớn của hai thế hệ người Việt, khi cả đời cha lẫn đời con, trước kia và bây giờ, đều phải xa lánh chế độ độc tài, bỏ nhà, bỏ nước ra đi :

*Một ngày năm bốn, cha bỏ quê xa
Chôn đã chôn rau, cắt rốn bao nhiêu đời
Một ngày năm bốn, cha bỏ phương trời
Một miền Bắc tối tăm mưa phùn rơi.
Một ngày năm bốn, cha bỏ Sơn Tây
Đất dúi con thơ, vô sống nơi Biên Hoà
Dù là xa đó cũng là quê nhà
Và miền nắng soi vui gia đình ta.
Một ngày bảy lăm, con bỏ nước ra đi
Hai mươi năm là hai lần ta biệt xứ
Giờ cha lưu đầy, ở ngay trên đất ta
Và giờ con lưu đầy ở đây trên xứ lạ...*

*Một ngày năm bốn, cha lùi quê hương
Lánh Bắc vô Nam, cha muốn xa bạo cường
Một ngày bảy lăm, đứng ở cuối đường
Loài quỷ dữ xua con ra đại dương...*

Bị ám ảnh bởi sự thay tên của Saigon, tôi có đoạn hát :

*Một ngày bảy lăm, con bỏ hết giang sơn
Hai mươi năm tình, yêu người, yêu cuộc sống
Giờ nơi nước mình, niềm đau thay nỗi vui
Saigon đã chết rồi, phải mang tên xác người.*

Vẫn là một ước mong "qui về một mối" sau khi chịu cảnh tan tác chia ly :

*Một ngày dĩ vãng, ôi gần, hay xa
Đất nước hai phen chứng kiến bao chia lià
Đời của cha, con : hai lần vẫy chào
Chào từ giã quê hương trong khổ đau.*

Không phải lúc nào cũng mở miệng ra là nói mất nước, mất hết, trong bài **1954 Cha Bỏ Quê - 1975 Con Bỏ Nước** này, tôi chỉ nói tới chuyện phải bỏ quê bỏ nước vì lý tưởng tự do, dân chủ. Tôi còn khẳng định không mất quê hương qua ca khúc **Quê Hương Còn Đó**. Và đó là niềm vui của chúng ta :

*Ta không mất quê hương
Vì quê hương còn đó
Ta có xa cửa nhà
Là vì yêu đời tự do.
Quê hương giấu trong tim
Hồn mang thêm tổ quốc
Ta sống nơi lưu đầy
Lòng ta vẫn không đổi thay...*

Trong bài này, tôi nói tới lòng yêu nước của chúng ta không bao giờ đổi thay, còn được nuôi dưỡng thêm bằng Đức Tin :

*Nam mô Quan Thế Âm
Từ bi ngời bồ tát
Lạy Đức Mẹ Ma-ria
Hiền hòa cứu nguy đời ta.
Ta đi giữa đêm đen
Mà ta không lạc lối
Ta sống hơn mọi người
Vì lòng sáng ngời niềm Tin...*

Tất cả những tị nạn ca vừa kể đều được soạn theo âm giai Tây Phương. Tôi trở về với ngũ cung qua bài **Tình Nhân Loại Nghĩa Đồng Bào** :

*Trời cho anh được hơn muôn thú
Sinh ra đời với kiếp con người
Trời cho anh bộ tim khối óc
Cho linh hồn, cho biết buồn vui.
Mẹ cho anh còn hơn thế nữa
Cho tấm lòng không thiếu không thừa
Niềm vui hay niềm đau thấp tho ng
Anh yêu người, giun dế còn thương.*

Qua bài này, tôi nhắc nhở những ai đang trong cơn khủng hoảng tinh thần hãy nên nhớ tới Mẹ Việt Nam, cội nguồn của chúng ta và cũng là nguồn gốc của tình yêu và lòng tha thứ. Trong cơn thống khổ, nếu ta tìm tới yếu tố Trời, Phật để được cứu rỗi thì ta cần biết rằng yếu tố MẸ cũng rất là quan trọng. Khi Phật cho em bàn tay măng búp, xoa côi đời chan chứa đau buồn, lệ em rơi thập phương, muôn hướng... khi em nhìn thấy côi trầm luân... thì Mẹ cho em nhìn thấy luôn cảnh đất nước hoang tàn. và Mẹ ru em lời ru tranh đấu cho dân mình ra thoát lầm than... Với những người đang cảm vận mệnh đất nước ở trong tay, và đang để cho nước nhà lâm vào cảnh nguy nan, Mẹ mong sao cho họ có ngày biết rõ lỗi lầm, biết hối tiếc, biết khiêm tốn, biết đổi thay :

*Người van lơn, lạy ơn Thiên Chúa.
Ban cho người Bác Ái, Khiêm Nhường*

*Tình yêu thương nở trên th nh gi
Xin mang tội thế giới gần xa.
Mẹ xin cho người cầm vận nước
Hối tiếc vì đã rẽ lối lầm
Gục đầu đi, Mẹ cho khiêm tốn
Khiến giống nòi sẽ thoát lầm than.*

Sau Trời, Phật là cuộc đời. Nếu cuộc đời cho ta bàn tay sắt đá, với bước chân dài đi khắp cõi đời, và nếu của thiên nhiên, của chúng không chiếm, biết chia nhau thì chúng ta sẽ sống bình yên. Sau tấm lòng, cái nhìn, sự khiêm tốn, Mẹ còn cho ta :

*... ngàn năm sử sách
Nước non mình bao lúc nguy nan
Bàn tay ta cùng giờ tay nắm
Thương nhau nhiều nên có Việt Nam...*

(1) Tôi rất mang ơn Ngọc Chánh vì anh là người tổ chức cuộc vượt biên và cho các con tôi đi theo. Qua tới Hoa Kỳ, Ngọc Chánh lẫn xả vào nghề phát hành băng nhạc, rồi mở nhà in PERFECT PRINTING, nhà dancing RITZ... và cho tới bây giờ vẫn là người thành công độc nhất trong giới mở night club.

*Biển mở đường đi
Biển lấp đường về...
thơ Bắc Phong*

Chương Mười Một

Đối với người Việt, biển có nhiều huyền thoại hơn đất, núi hay rừng, kể từ huyền sử qua dã sử tới lịch sử. Những huyền thoại như :

- * Biển là bước đường cùng của **An Dương Vương**, sau khi nghe lời biển mới biết con gái **Mị Châu**, ngồi sau lưng ngựa rắc lông ngỗng để người tình **Trọng Thủy** tìm được mình và đem lại cái chết của Phụ Vương...
- * Biển chứng kiến cuộc tình không phân chia giai cấp của **Công Chúa Tiên Dung** và người nghèo **Chử Đồng Tử**...
- * Biển là bạn hiền an ủi **An Tiêm** trong lưu đầy nơi đảo khơi...
- * Biển là cõi tình của **Trần Khắc Chân** khi kéo quân vào Chiêm cứu **Huyền Trân** ra khỏi giàn hỏa thiêu rồi hai người kéo buồm ra khơi, hai năm sau mới trở về đất liền...
- * Biển là võ khí của **Đức Trần Hưng Đạo**, là đường phục quốc của **Hoàng Đế Gia Long**...
- * Biển là nỗi buồn Nguyễn Du lúc chiều hôm trong **Truyện Kiều**, là lòng Mẹ bao la của Y Vân, là **Mẹ Trưng Dương** của Phạm Duy, là nỗi nhớ nhung (**Biển Nhớ**) của Trịnh Công Sơn trong âm nhạc...

Gần đây nhất, biển trở thành lẽ sống của người đi tìm tự do nhưng biển cũng là mồ chôn của hàng chục vạn sinh linh. Thi sĩ Viên Linh gọi biển là **Thủy Mộ Quan** qua một tập thơ dài. Tôi phổ nhạc nhiều đoạn trong tập thơ này...

*Trên huyết hải, thuyền trôi về một chiếc
Chiều bầm đen, trời rục rở đau thương
Thân chìm xuống băng tuyết giờ tận biệt
Sóng bạc đầu hối hả phủ trùng dương...*

*Thấp thoáng trần gian mịt mù bóng đảo
Trôi về Tây, về Bắc, về Đông
Trôi về đâu bốn bề thủy thảo
Về đâu kiếp đắm với thân trầm...*

Đôi duyên ương Lê Uyên Phương gọi Biển là **Kẻ Phán Xét Cuối Cùng**...

*... Im lặng
Hoàn toàn im lặng
Chỉ còn lại bầu trời
những vì sao
nước biển đen ngòm
và tiếng thở dài câm lặng
Không một tiếng nói
Không một lời đối thoại
Chỉ có sự thất vọng
và bóng tối hoàn toàn...*

*.....
Biển đã đem đến sự sống
Biển đã đem đến sự chết*

*Bằng ý nghĩ của con người
Chúng ta đã phán xét chúng ta
Biển chính là kẻ phán xét chúng ta...
(Lê Uyên Phương)*

Còn tôi thì đã có một bài **Hát Cho Người Vượt Biển** trong đó biển là sự sống...

*Này đoàn người đi tìm tự do
Muốn tìm người, thật là khó.*

*.....
Lạy Trời Phật, cúi đầu mà coi
Bé ngậy thơ trong bão toại bờ
Lạy Trời Phật, xin nhìn ngoài khơi
Ông bà lão nghiêng răng cầm lái
Và còn lạy xin Ngài Thần Biển
Đoái thương đôi trẻ mới se duyên
Lạy loài người, tôi lạy tổ tiên
Hãy cho tôi thấy đất liền...*

Nhưng Diệu Văn, một thi sĩ tị nạn ở Hạ Uy Di lại nhìn Biển Đông là một biển máu. Tôi đưa bài thơ về sự chết của thi sĩ Diệu Văn vào một ca khúc :

*Ra biển chiều nay thấy mầu máu đỏ
Máu đỏ bầu trời, máu đỏ chân mây
Gió rên siết như ngàn lời uất hận
Sóng gầm gừ giận dữ cát tung bay.
Ra biển mà coi xác người trôi dạt
Xác của người già, xác của em thơ
Xác trôi quanh, tóc nhòa theo sóng cuộn
Hố mắt đen ngòm, bầy cá đùa chơi.
Ra biển chiều nay thấy người hấp hối
Ngồi ôm nhau, nhịn đói đã bao ngày
Chiếc thuyền con chồng chênh theo ngọn sóng
Đi về đâu trời bão tố đêm nay ?*

Qua bài thơ **Biển Máu** dữ dội này, thi sĩ cho ta thấy chính trị tuyệt vời, tôn giáo cao siêu đến đâu cũng không ngăn được cảnh thống khổ của Việt Nam hôm nay và cho mọi người thấy những gì đã biến biển Thái Bình thành ra biển máu :

*Một lũ điên cuồng mang mầu chủ nghĩa
Khổng giáo tam tài, phong kiến vua tôi
Lão vô vi, Phật luân hồi, Chúa bác ái
Đong mãi không đầy một chén cơm voi.
Ra biển chiều nay thấy mầu máu đỏ
Máu của chị và máu của anh em
Tư bản đến : bom đạn và thuốc độc*

Cộng Sản vào : xác ngập Thái Bình Dương

Thi sĩ cũng không quên kết tội những hải tặc gây bao tội ác ở giữa biển và những dân tộc ở vùng biển Đông xưa đuổi người vượt biển không cho vào bờ :

*Ra biển mà coi lũ người ác nghiệt
Xua đuổi thuyền bè, cướp của hãm hiếp
Máu lương dân sẽ oà trong giấc mộng*

Dân chúng quanh vùng miền nước Biển Đông.

Dù có lúc không đỏ như máu, biển xanh bao la bây giờ là sự chia cách não nùng giữa những đôi vợ chồng son. Qua một bài hát buồn nhan đề **Ở Bên Nhà Em Không Còn Đứng Đợi Chờ Anh**, tôi nói tới cảnh thân yêu ngày trước ở một tổ ấm nào đó tại miền Nam Việt, chiều chiều người vợ ra đứng đầu ngõ đợi chồng... Đi làm về, chồng âu yếm hôn lên mắt vợ, rồi sau ngày 30-4, chồng vượt biên qua Mỹ, vợ kẹt lại ở nhà. Người chồng ra biển rộng, gọi tên người vợ thân yêu :

*Ở bên nhà em không còn đứng đợi, chờ, mong
Đợi anh về, anh hôn vào mắt nàng mầu nhung
Ở bên nhà em đi lao động*

*Ở bên này anh ra biển rộng, gọi trùng dương
Trùng dương nào đã chia lìa đôi vợ chồng son
Trùng dương còn thêm cất ròi cha mẹ và con (1)*

Trùng dương được tôi biện hộ : chế độ mới là nguyên nhân của sự chia cách :

*Trùng dương nào hay chế độ nào
Đẩy con người vô kiếp ghen ngào, kiếp xa nhau.
Nhớ đôi tay em, xưa xinh như mộng
Tay vuốt tóc chồng, tay nựng con thơ
Nhớ đôi môi em, ôi đôi môi mộng
Ca hát cho đời thêm sắc thêm hương
Ở bên nhà đôi tay ngà em vục bùn đen
Ở bên nhà đôi môi mềm thú vạ tội oan*

*Ở bên này sống với ác mộng
Từng đêm ngày anh ra biển rộng khóc thương em*

Bài **Ở Bên Nhà...** này được phát thanh trên Đài VOA trong năm 1978, sau đó ông Lê Văn, người phụ trách chương trình Nhạc Hải Ngoại nhận được bức thư cảm ơn của một thiếu phụ ở Cần Thơ vì bài hát nói lên cảnh ngộ của bà. Cũng như thế, vào tháng chạp năm 1991, tôi nhận được lá thư của một người bạn văn, mở đầu bằng câu : "Tôi ngồi viết thư cho anh trong khi bầy chim đang hót trong phòng..." Thế là nhạc phẩm **Bầy Chim Bỏ Xứ** của tôi đã được ba Đài VOA, BBC và RFI... cho mượn không gian để bầy chim tự do đã vỗ cánh bay về.

Tiếp tục soạn những bài ca xây dựng **huyền thoại biển**, sau bài **Ở Bên Nhà Em Không Còn Đứng Đợi Chờ Anh**, tôi có bài **Lấp Biển Vá Trời** :

*Chúa đã phán rằng có được niềm Tin
Thì mình có thể vá được trời xanh
Xé dịch núi rừng, lấp cạn trùng dương
Anh có nghe chẳng
Anh có nghe chẳng lời em khẩn nguyện ?*

Sau cảnh chồng ra biển gọi vợ tới cảnh vợ ở ngoài nước muốn làm phép lạ -- lấp biển vá trời -- để cứu chồng ra khỏi trại cải tạo rồi vượt biển tới bến bờ tự do.

Tôi đã từng nói tới sự trao tình giữa nghệ sĩ với thiên nhiên (sentiment de la nature). Tôi không dám "khoe" rằng nỗi buồn trong nhạc của tôi lúc này đạt tới rung động trùng dương (sentiment océanique) nhưng trong hoàn cảnh được ra chốn trời cao biển rộng và trước những nghịch cảnh vô cùng đớng đau, tình cảm của tôi không còn kích thước của lũy tre xanh, con đê nhỏ, cánh đồng xanh xanh nữa. Đã mang tâm sự của con dạ tràng (lấp biển Đông) rồi, tôi còn muốn phóng tình cảm lên tới vũ trụ (sentiment cosmique) nghĩa là muốn theo gót bà Nữ Oa (đội đá vá trời) qua bài hát này. Tất cả không ngoài ước muốn cùng con người Việt Nam của thế kỷ, với nhiều phép lạ, chống lại định mệnh ngặt nghèo.

Bài **Lấp Biển Vá Trời** này muốn có ngày rung được Trời Đất, để người chồng thoát được ngục thất, bay được lên trời, hay vượt biển khơi đến bên người vợ, gần nhau suốt đời. Vào lúc này, trong những bài hát của người lưu vong, tôi luôn luôn dựa vào Niềm Tin và Hi Vọng :

*Nếu vẫn khó lòng vá được trời xanh
Phận hèn không thể lấp cạn đại dương
Xin được sống còn, giữ vẹn lòng son
Xin mãi yêu thương
Xin mãi yêu thương người nơi cuối đường.
Chúa sẽ thương tình vá lại hồn em
Bằng niềm Tin để lấp biển sâu thương.
Sống được trong đời, hi vọng còn nuôi
Nuôi mãi tin yêu,
Nuôi mãi tin yêu, gửi nơi cuối trời.
Còn niềm Tin mãi nơi ta
Thì rồi sẽ nối duyên xưa...*

Biển và nạn hải tặc còn bắt tôi phải nói lên và chống lại số phận hẩm hiu của người phụ nữ Việt Nam đương thời. Bài **Lời Người Thiếu Phụ Việt Nam** đưa ra hình ảnh

một phụ nữ, chồng chết ở trại tập trung, cha mẹ chết ở vùng kinh tế mới... Nàng bế con ra khơi, không may gặp hải tặc. Chúng hãm hiếp nàng và ném con nàng xuống biển. Hỏi tại sao người phụ nữ này không tự tử chết ? Bà trả lời :

*Xin đừng hỏi tôi vì sao tôi còn sống ?
Vì sao tôi còn mong ? Vì sao tôi còn ngóng ?
Xin đừng hỏi tôi vì sao tôi mất chồng ?
Vì sao tôi mất con ? Mẹ Cha, tôi mất luôn.
Xin đừng hỏi tôi, khổ đau đã triền miên
Mà sao tôi chẳng điên ? Mà sao tôi chẳng chết ?
Lũ giặc Biển Đông làm thân tôi ố nhục
Làm con tôi chết trôi, chỉ còn tôi sống sót thôi !
Chồng tôi đã chết nơi trại tập trung
Mẹ Cha tôi chết ở vùng kinh tế
Tôi đã ra đi, ôm đứa con thơ
Trong chuyến ra khơi nửa giấc đêm mưa.
Hi vọng tìm được cuộc đời tự do
Nào ngờ bọn người ích kỷ đuổi xua
Thuyền nhân ốm đói, giặc chờ ngoài khơi
Chỉ một mình tôi sống thôi, để lên tiếng gọi...*

Vâng ! Người thiếu phụ Việt Nam này không thể chết được vì : *Tôi còn phải sống để
treo cao nợ máu, người Đông Dương khổ đau vì âm mưu đổi tráo... Tôi còn phải
sống để khóc chồng khóc con, khóc cha khóc mẹ... Nhưng nếu tôi có buồn vì quê
hương nát tan, lòng tôi chưa thể yếu hèn được :*

*Tôi còn phải sống để nuôi sâu thù oán
Kẻ gây nên lầm than, người vô tâm tàn nhẫn
Tôi còn phải sống để mang ơn những ai
Mở tay ôm những người
Nạn nhân trên cõi đời.*

Kết luận : người thiếu phụ Việt Nam ở trong hoàn cảnh đáng lẽ phải chết này cần phải sống để cho thế giới phải lưu tâm tới số phận của nước Việt Nam.

Trên đường đi tìm tự do, biết bao nhiêu thiếu nữ, thiếu phụ trở thành nạn nhân của hải tặc. Để xoa dịu vết thương của những người xấu số, tôi có bài **Giải Thoát Cho Em** :

*Giải thoát cho em, cá chấu chim lồng
Con chim Lạc Hồng bay đi mịt mù
Con cá Tiên Rồng vượt sóng muôn trùng
Em đi tìm sống.
Giải thoát cho em, gánh nặng u buồn
Trên vai mỗi mồn, trong tim tủi hờn
Kiếp sống ngổ ngàng, cay đắng trên đường
Xa cách quê hương...*

Bài hát muốn giải thoát muôn vàn oan khiên, những tai nạn dọc đường, cho rằng người bị hãm hại là người thực nữ không may gặp phải hùm beo ác thú hay bị con chó cắn càn. Bài hát muốn giải thoát những nàng Kiều của thời đại, dù là kiếp bèo nổi trôi nhưng hồn thì chói lói, người con gái Việt Nam là cỏ núi, dù giông tố dập vùi nhưng vẫn mãi mãi xanh tươi...

*Giải thoát cho em, ác mộng qua rồi
Dâng em cuộc đời, dâng em tình người
Tay đón tay mời, cuộc sống tươi bời*

Cùng nhau vun sỏi
Giải thoát cho nhau, nỗi chật tâm tình
Không ai hiểu mình hơn ta và mình
Những nỗi oan tình và những hận sâu
Giải thoát cho nhau.

Muốn vượt định mệnh ngặt nghèo của mình thì lòng phải sâu như biển, cao như núi, rộng như các thành phố Âu Mỹ. Và khi được sống với cả ba thứ đó mới thấy biển hoang vu, núi cô đơn, thành phố vắng lặng như thế nào ?

Tôi soạn một bài hát nhan đề **Như Là Lòng Tôi**, cho rằng biển có nhức nhối, núi có buốt giá, thành phố có nặng nề đến đâu đi nữa thì cũng chỉ như là lòng tôi mà thôi :

Chiều nay ra đứng bên bờ đại dương
Biển âm u, vắng ngắt
Biển bao la một màu tím ngắt muộn phiền
Biển mênh mang niềm nhớ tiếc
Biển run lên từng đợt sóng biếc, ngờ ngàng
Rủ nhau tới chết bên bờ biển hoang
Mặt trời cũng chết trong lòng biển sâu
Biển thương đau mấy kiếp
Biển đơn côi, biển còn nối tiếp cuộc sầu
Biển mộng lung gào với gió
Biển hung hăng và làm bão tố nghiêng trời
Biển khơi nhức nhối như là lòng tôi.

Điệp Khúc là lời van xin :

Hãy lấp kín lại trùng dương
Cho tôi thôi buồn đại dương
Tái sinh làm con suối vắng...
Cho tôi xin là dòng sông
Nơi quê hương sạch và trong
Uốn quanh ngoài cánh đồng...

Đứng trước biển lòng tôi buồn như vậy... Còn nếu khi lên núi, thì :

Bình minh lên núi, tuyết phủ đầy vai
Vùi thân trong buốt giá
Nằm chờ vợ một hàng núi đá chập chùng
Rừng xanh xao và chết cồng
Trời không cao và trời vắng bóng mây ngời
Mặt hồ băng kín như là lòng tôi.
Rời đi xuống phố không một người quen
Nhà xi măng cốt sắt
Mọc chênh vênh và làm khuất mắt người tình.
Đường tuy đông mà quá trống
Ngày đi qua chỉ là những bóng không lời
Đời nghe xa vắng như là lòng tôi !

Điệp Khúc này vẫn là một lời van xin :

... Hãy quét tuyết sạch mùa Đông
Cho non cao khỏi lạnh băng
Hãy về gặp nhau trên đất khách...
Ta ôm nhau mà hỏi han
Ta gây lại tình thương
Sẽ thấy vui ở cuối đường.

Kết luận, bài ca vẫn hướng về sự tích cực :

*Biển xanh, núi biếc hay vĩa hè kia
Rồi đây thấm thiết như là lòng ta !*

Thấy tôi rất chú ý tới phụ nữ, Nguyễn Ngọc Bích viết trong bài TỰ A của nhạc tập **THẤM THOÁT MƯỜI NĂM** do Hội Văn Hóa Việt Nam Tại Bắc Mỹ, Tủ Sách Cảnh Nam và Tạp Chí Xác Định ở Washington DC ấn hành vào năm 1985 :

" Nét nổi bật của nhạc Phạm Duy trong lúc này là thể đứng và nhất là thân phận của người đàn bà, của phụ nữ Việt Nam. Nguyễn Du viết : Đau đớn thay phận đàn bà và đau đớn như thế nào, ghê gớm như thế nào, có lẽ chưa bút nào tả siết. Phạm Duy đã thử qua nhạc của anh..."

Thân phận của người thiếu phụ được tôi chú ý có lẽ vì tôi luôn luôn bị huyền thoại Mẹ ám ảnh. Tôi còn lưu tâm tới người thiếu nữ Việt Nam trên đường tị nạn. Do đó có bài :

*Người con gái Việt rời xa tổ quốc
Nàng như cánh đào trước gió phát phơ
Hoặc như chiếc thuyền lững lờ ngoài sông nước
Hay phận liễu bồ trôi dạt phương xa
Người con gái Việt phải xa tổ quốc
Nàng vẫn giữ lòng son sắt như xưa.
Dòng Tiên giống Rồng, Nàng mang tình yêu nước
Mang cả linh hồn nữ kiệt Trưng Vương.*

Tôi xưng tụng người thiếu nữ với gia tài là Công, Dung, Ngôn, Hạnh. Bao năm ly loạn làm quê hương tôi bởi mà người con gái Việt không hề đổi thay thì bây giờ...

*... người con gái Việt ngày xa lìa nước
Dù vắng bóng chồng hay vẫn bên nhau
Dù đang sống cùng tự do nhiều hơn trước
Tinh thần gái Việt giữ gìn cho lâu.*

Tôi mong rằng, dù phải chung đụng với văn hoá của các nước Âu Mỹ, xin các em vẫn giữ lòng trong trắng như hoa, đã thờ cha, kính mẹ lại thờ luôn tình yêu nước và giữ đạo yêu chồng, xây dựng con thơ. Rồi bởi vì xã hội Hoa Kỳ là sự tự do quá trớn nên ngay từ lúc này tôi mong mỗi người con gái Việt Nam đi tị nạn ở Âu Mỹ gìn giữ hộ tôi nguyên vẹn cả tinh thần lẫn thân thể qua bài **Xin Em Giữ Dùm Anh** :

*Trong đôi mắt em, anh nhìn thấy mặt trời xa
Nắng quê Cha, bốn nghìn năm rồi đời ta
Nắng êm vui từng đón anh vào đời
Đi theo cuộc tình thăm thẳm xa vời
Em có đôi môi thơm mùi cỏm vàng ngày xuân
Môi ngọt ngào như ngậm sữa Mẹ, hiền ngoan
Miếng môi ngon từng vương dăm giọt lệ
Cho anh hôn vào, vui buồn mãi mê.*

Nhớ ngày mới khởi sự sáng tác, sự nguyên vẹn hình hài nằm trong cái chết. Bây giờ nó là sự sống :

*Ôi đôi tay ! Như sóng Biển Đông say
Hay gió rừng lay trên dãy núi miền Tây
Đôi tay tròn, nếu được em ấm ôm
Anh rồi sẽ chôn biết bao nhiêu tủi hờn
Ôi đôi chân, em mang đi đường vắng
Những dặm đường trường, trên con đường cái quan*

*Đôi chân son, chân ngát hương Saigon,
Đôi chân u buồn, đôi chân vượt trùng dương.*

Xưng tụng môi mắt, tay chân của người con gái Việt Nam, tôi còn muốn bơi trong làn tóc của em, những làn tóc xanh như nước sông bằng bình của quê mình. Tôi muốn em gìn giữ hộ tôi một góc quê bằng hoàng đã in trong tâm hồn và trong thân thể nở nang của em :

*Xin em giữ gìn anh mắt rực lửa hồn
Em soi sáng hộ anh Đại Lộ Hoàng Hôn
Xin em giữ hộ anh môi mềm lời nguyện
Ru anh chết một đêm, tuyết phủ mộ êm
Em hãy giữ hộ anh tay ngà nhỏ ngọn năm nhánh.
Anh say giấc ngàn thu, hơi Mẹ còn nồng mộng mơ
Em đi tới ngày mai, chân dài vượt vạn nẻo đời
Anh nơi suối vàng vui, ngỡ mình miệt mài chẳng ngơi.
Xin em giữ gìn anh, người con gái đồng trinh.*

Theo gót Nguyễn Du, nói tới *thân phận đốn đau* của người đàn bà, sau những lời ca của thiếu phụ Việt Nam khi gặp cảnh *thủy ngục* đại dương, tôi có thêm bài **Trả Lại Chồng Tôi** ghi lại hình ảnh điển hình nhất của thời đại là người đàn bà ở trong *địa ngục* quê hương :

*Trả lại chồng tôi, chồng của tôi
Trả lại người yêu quý của tôi
Bao năm chinh chiến đã xa vời
Hoà Bình về nơi quê hương rồi
Mà người chồng tôi vẫn bắt hơi
Hình dạng người yêu vẫn bắt khơi.*

Người thiếu phụ Việt Nam có chồng bị bắt giam ở trại cải tạo, cất tiếng hỏi :

*Cũng là anh em hai miền ruột thịt
Mà sao nữ bắt đem đây xa ?
Cũng là con dân máu đỏ da vàng
Mà sao nữ giết nhau, hại nhau, gây thương đau ?*

*.....
Trả lại chồng tôi, chồng của tôi
Trả lại quyền dân sống thanh thoi
Cho quê hương ấm no yên lành
Trả lại thương yêu cho gia đình
Trả lại Việt Nam những tình thiêng
Của triệu đàn con giống Rồng Tiên.*

Sau ngày 30-4-75, những bà vợ quân nhân công chức của chính quyền quốc gia là những nhân vật oanh liệt nhất của thời đại khốn khổ này. Biết bao nhiêu phụ nữ Việt Nam, dù phải sống khổ nhục dưới chế độ mới, vẫn tận tụy nuôi con sau khi chồng bị bắt. Rồi lặn lội đi thăm nuôi chồng ở những nơi rừng sâu núi thẳm. Sau thời gian tù đầy dài như thiên thu, chồng vừa được thả về là có sẵn bãi, sẵn thuyền để đưa chồng vượt biên.

Lũ nhạc sĩ chúng tôi cứ luôn luôn thích xưng tụng người Mẹ. Bây giờ trong cơn quốc nạn của Việt Nam, tôi thấy người vợ mới thật là quả cảm, tinh khôn, bền chí, nhẫn nại, trung thành, chân chính.

Nói thêm về huyền thoại biển...

.... Hơn các nước lân cận như Ai Lao, Cao Miên, Thái Lan, Miến Điện... với biển cả mênh mông từ biển Bắc tới biển Nam (gọi chung là biển Đông), nước ta mở ra với

thế giới để đón nhận hay để tung đi muôn phương. Chỉ có điều buồn là sau cuộc Nam Tiến, tiền nhân chưa có dịp đưa nước Đại Việt ra biển thì nước ta bị bế môn toả cảng do lỗi lầm của một triều đại (Tự Đức) hẹp hòi, do nạn ngoại xâm dài gần một thế kỷ, do cuộc kháng chiến, nội chiến 50 năm và do sự mù quáng của một chính quyền, chỉ mới hé hé "mở cửa" cho tiền đô-la đi vào Việt Nam với người về thăm quê hương mà chưa hề "cởi trói" cho quốc gia và dân tộc.

Trong việc xưng tụng quê hương, tổ quốc, tôi đã có lần đã động tới biển ở nước mình. Qua bài **Mẹ Trùng Dương** (trong trường ca Mẹ Việt Nam), biển được tôi coi là nơi luôn luôn cung cấp cá lớn thơm tho đầy thuyền, nếu biết khai thác kỹ thì ngành thủy sản là một nguồn lợi kinh tế rất lớn lao, ngoài lúa gạo xuất cảng. Qua bài **Mừng Xuân**, tôi nói tới *vàng đen* tức là dầu lửa, thì ở dưới thềm lục địa của nước ta (rộng khoảng 1 triệu 300 ngàn km²), cứ cắm mũi khoan thăm dò là gặp ngay dầu khí.

Thi sĩ Bắc Phong ở Gia Nã Đại cho rằng *biển mở đường đi biển lấp đường về*. Nhưng vì anh cũng nói *biển hẹn tương lai* nên tôi ước mong biển Đông mau mau thoát ra khỏi huyền thoại về sự chết để vĩnh viễn là Mẹ Việt Nam vĩ đại với nguồn sinh lực dồi dào nuôi nấng lũ con, một ngày nào, giống như trong câu ca :

*Lũ con lạc lối đường xa
Có con nào nhớ Mẹ ta thì về...*

Nhân đây, xin nói thêm tới tác dụng của các chương trình tiếng Việt tại những Đài VOA, BBC và Đài Úc...(2) Đó là mối liên lạc độc nhất và hiệu quả nhất giữa nghệ sĩ ở ngoài nước và dân chúng ở trong nước. Chính quyền có thể kiểm soát chặt chẽ thư từ, sách báo nhưng bất lực trước làn sóng âm thanh. Trong suốt hai chục năm qua, tôi không bỏ lỡ một cơ hội nào để được phỏng vấn bởi các đài phát thanh vừa kể.

Tôi mang ơn các vị phụ trách chương trình tiếng Việt của các đài đó. Vì ở cách xa nhau năm châu bốn bể, sự truyền thông giữa người Việt ở hải ngoại rất khó khăn, đồng hương có thể không biết rõ những sinh hoạt của tôi, nhưng ở trong nước, qua các Đài phát thanh VOA, BBC... đồng bào theo dõi tôi trong bất cứ một bài hát nào của bất cứ một xu hướng nào.

(1) Vì nghĩ tới hoàn cảnh gia đình mình nên tôi có câu hát này.

(2) Sẽ có thêm Đài RFI (Radio internationale Francaise) của Pháp.

*Mùa Thu Paris
Trời buốt ra đi
Hẹn em quán nhỏ... ..
Cung Trầm Tưởng*

Chương Mười Hai

Sau năm 1979, tôi không còn đi hát với vợ hay với các con nữa nhưng tôi thường được mời đi hát một mình tại Âu Châu, Úc Châu hay Á Châu (Nhật Bản)...

Tôi tìm ra được một phương thức để có thể dễ dàng đi nhiều nơi, giới thiệu các loại ca khác nhau. Tôi thu thanh trước những loại ca này rồi đem Compact Disk đi lưu diễn, cho phát thanh từng bài của từng loại ca chen với lời dẫn nhập hay giải thích của tôi. Tôi gọi đó là **A Presentation of CD**. Tổ chức biểu diễn cũng giản dị, không bắt buộc phải thuê rạp hát hay phòng họp mà có thể biểu diễn ngay trong nhà một Mạnh Thường Quân, tôi gọi đó là một buổi **house concert**.

... Trở lại Paris lần đầu tiên trong đời lưu dân, tôi sung sướng gặp lại các bạn cũ như Vũ Văn Thiết tự Thiết Mù, Trần Nhật Quang tự Quang Mờ, Chương Tóc Bạc, Long Kim Chung, Đặng Trần Vận, Trần Văn Khê... những bạn suốt đời của tôi và luôn luôn được tôi nhắc tới trong ba cuốn **Hồi Ký** trước. Chưa kể những người tình cũ Annie, Marcelle... tóc vàng sợi nhỏ đã nhuộm màu thời gian, nhưng chúng tôi vẫn nhìn nhau với cặp mắt có đuôi.

Nhưng cũng tại Paris là nơi dường như năm nào tôi cũng ghé chơi một lần, tôi được gặp lại người bạn cố tri Phạm Xuân Thái, mà tôi tưởng là phải chết từ lâu rồi. Cựu Tổng Trưởng Thông Tin thời Ngô Đình Diệm vẫn sống phây phây, sau khi ở trại cải tạo một thời gian, tuổi đã ngấp nghé 80 mà vẫn một mình chống ba toong đi Pháp, đi Mỹ thăm vợ cũ và các con.

Đi đâu thì cụ cũng dùng xe bus để di chuyển, khi tới Santa Ana, gọi phone để bố con tôi đi đón, chúng tôi lái xe đi tìm đường gần chết, bởi vì từ khi tới Mỹ, chúng tôi không hề biết ga xe bus ở đâu cả ? Phạm Xuân Thái, tuy vậy, đầu óc cũng lẫn lộn rồi, trong vài ngày ở chơi với chúng tôi, trong lúc đàm đạo, anh bạn già đều chỉ nhắc lại những chuyện đã nói rồi.

Nhưng được cái cụ Thái vẫn ăn ngon, ngủ yên, khi ngủ không ngáy to như cụ Trần Văn Khê chẳng hạn, nhân dịp đi diễn thuyết tại Los Angeles, đến nhà tôi ở vài ngày. Khi cụ Khê đi ngủ, lũ con tôi thu thanh lên tiếng ngáy như sấm của nhạc học gia để sẽ tặng cho bảo tàng viện âm nhạc Việt Nam, coi như là một tài liệu hiếm có về tiếng ngáy.

Paris vẫn làm tôi cảm động như xưa, khi ngồi trong quán café, gặp rất nhiều bạn bè xưa, khi dạo bước trên đại lộ Champs Elysées hay thơ thẩn trong Quartier Latin hoặc khi ngồi trên thang đá bên bờ sông Seine...

Tôi cảm động vì thường coi Paris như một trong những cái nôi ái tình và nghệ thuật của mình, ngoài Huế và dòng sông Hương lặng lẽ. Nhận ra mình đang phải tha hương và không biết bao giờ mới trở về cố quốc nên tôi nặng tình hơn với những nơi chốn tôi từng yêu mến khi còn là khách lạ. Bây giờ tôi thấy gần Paris hơn xưa vì tôi cô đơn hơn trước, có lẽ vì đang khởi sự làm kiếp lưu vong chăng ? Nhớ tới chuyện người Do Thái bị lưu đầy rồi ngồi bên bờ sông Babylon để than khóc :

*Babylon xác héo mòn
Nhớ thương than khóc Sion tháng ngày
(Hoàng Vũ)
Trên rặng liễu đó đây*

*Chúng tôi treo lên đàn cầm
Ở đó họ réo chúng tôi
Bên cướp bóc đòi lời than vãn
Lũ đồ họ muốn một khúc vui
Hát ta nghe ca vãn Sion đi nào
Mà làm sao chúng tôi hát được ca vãn
Yavê đất khách quê người.
(Đào Mộng Nam)*

Tôi yêu Paris và muốn chia sẻ với Nàng nỗi buồn xa xứ nên soạn bài **Bên Bờ Sông Seine Ta Ngồi Ta Khóc** để tặng Paris :

*Bên bờ sông Seine ta ngồi ta khóc
Nỗi đớn đau tràn ngập cả kinh thành.
Như gió lạnh làm băng giá nẻo đường
Như tuyết phủ vùi chôn nghĩa địa buồn.*

*Bên bờ sông Seine ta ngồi ta nhớ
Tiếng võng đưa đều đặn buổi trưa hè
Tiếng sáo diều chiều xa vắng, vông vè
Trẻ gọi trâu rộn rã bờ đề.
Bên bờ sông Thương ngày xưa phơi phới
Nước chảy đôi dòng nhưng lòng ta vui
Ta hát say sưa tiếng hát võng đưa
Bên bờ sông Hương tình ta thấp thoáng
Câu hát câu hò ta tặng người thương
Ta hát vang vang tiếng hát quê hương.
Bây giờ ta xa dòng sông năm cũ
Như chim lạc tổ như ma lạc mồ
Thương nhớ ơ hờ giọng hát nghìn xưa
Bây giờ tìm đâu cầu tre lắt lẻo
Qua khúc sông đào tới nẻo người yêu
Câu hát trong chiều, giống hát tìm nhau.*

Ngồi bên bờ sông Babylon, người Do Thái có câu : *Trong cơn cùng khổ rã rời, thành tâm tin Chúa chờ thời hồi hương...* (Hoàng Vũ) ... thì ngồi khóc bên bờ sông Seine cho tới khi biến thành tượng đá, tôi cũng chờ ngày tái sinh để hồi xứ như con cháu Chúa Giê Su :

*Bên bờ sông Seine ta ngồi ta khóc
Đã thấm sâu khổ nhục kiếp lưu đầy
Ma mất mộ, tìm không thấy cuộc đời
Chim mất tổ là thôi hát ngày dài
Bên bờ sông Seine ta thành tượng đá
Ta lẳng thình bỏ mặc những nhân tình
Trong hiu quạnh, chờ mong tháng ngày lành
Sưởi hồn ta, đổi kiếp... tái sinh.*

Tại Hoa Kỳ trước ngày 30-4-75, không bao giờ có những tổ chức thiên cộng công khai của Việt Kiều. Chỉ có rất nhiều những hoạt động của người Mỹ, hoặc vì lý tưởng hoà bình hoặc vì truyền thống dân chủ quen chống lại những bộ máy chính quyền nên xuống đường, biểu tình, đốt thẻ trưng binh phản đối cái gọi là VIET NAM WAR.

Tại Mỹ cũng không hề có những tổ chức ngoại vi của Cộng Sản như Hội Việt Kiều Yêu Nước chẳng hạn. Sau ngày 30-4, trước sự vi phạm nhân quyền của Hà Nội do phong trào boat people tố cáo, không thấy những "chiến sĩ hoà bình" kể trên đâu nữa, tôi phải soạn thêm một bài tố tình với Mỹ Quốc, sau bài **Hát Trên Đường Tạm Dung**. Tôi hỏi họ trước đây đã từng đấu tranh cho những người bị giam trong "chuồng cọp" dưới các chế độ gọi là Mỹ-Diệm hay Thiệu-Kỳ-Hương gì đó. **Bây Giờ Các Ngài Ở Đâu ?** là tên của bài hát :

*Các Ngài bây giờ ở đâu?
Khi xưa hay đứng hàng đầu
Nhân danh Hoà Bình
Và lương tâm loài người
Các Ngài kêu gọi thật là oai...
Các Ngài bây giờ ở đâu?
Ngày nào các Ngài đua nhau
Xuống đường tranh đấu
Ôi muôn sắc muôn màu
Nhớ những lời Ngài
Vang trên đường dài
Muốn có Hoà Bình
Hãy cứ làm tình
Đừng làm chiến tranh.
Bây giờ các Ngài ở mô?*

*.....
Các Ngài có còn ngủ không?
Nhìn về phương trời hừng Đông
Nơi người dân sống
Ôi đau đớn vô cùng
Dưới ách độc tài
Trí thức ngậm ngùi
Giáo sĩ lià đời
Mất hết quyền người
Trẻ già gái trai
Sống đời nô lệ mà thôi.
Bây giờ các Ngài ở đâu?
Làm ơn cho đời được biết
Ngài còn sống hay chết ?*

Sau ngày 30-4-75, có bao nhiêu Việt Kiều ở Mỹ là có bấy nhiêu người chống Cộng Sản nhưng khi tới Paris vào năm 79, 80 tôi vẫn còn thấy sự hiện diện của những tổ chức thiên Cộng như thời 54-55. Nghe nói vào năm 1977, khi ông Phạm Văn Đồng qua đây, sự đón tiếp của kiều bào hồ hởi không kém cuộc đón tiếp ông Hồ vào năm 1946 là mấy. Còn có thể nói tương bưng hơn vì ở Paris hiện nay có Đại Sứ Quán để công khai huy động Việt Kiều, không phải chỉ là công nhân và lính thợ, mà là trí thức hay đại trí thức có địa vị cao sang trong xã hội Pháp.

Nhưng từ khi xảy ra phong trào boat people (1978) thì có một sự tỉnh mộng nào đó nơi những người xưa nay có cảm tình với Hà Nội. Bà con thân thích vượt biển (hay đoàn tụ gia đình) tới Pháp và dạy cho họ một bài học chính trị thực tế. Sau đó, có người hoàn toàn cắt đứt liên lạc với Sứ Quán, có người chưa dứt khoát vì họ còn cần o bế Hà Nội để đưa gia đình qua Pháp hay thủ lợi trong dịch vụ nào đó. Chỉ cần hơn mười năm nữa (1992) là huyền thoại về chủ nghĩa Mác-Lê vô địch, về nước Việt

Nam Xã Hội Chủ Nghĩa sẽ tan tành. Việt Kiều thiên Cộng ở Pháp càng về thăm quê hương càng tỉnh mộng hơn.

Vượt Đại Tây Dương nhiều lần, viếng thăm nhiều nước Âu Châu, tôi thấy đồng hương ở đâu cũng ổn định nhanh chóng cuộc sống, phần khởi sau khi có phong trào **boat people** và những mâu thuẫn trong nội bộ Cộng Sản. Ai cũng đóng góp thêm vào việc thức tỉnh lương tâm nhân loại, vận động mọi người ở mọi nơi đấu tranh cho người dân ở trong nước.

Tuy được may mắn đi đây đi đó, gặp gỡ bạn cũ hay thính giả mới, nhưng bây giờ con người du khách trong tôi muốn được thỏa mãn những giấc mộng giang hồ, nuôi từ thời còn đứng *bên cầu biên giới, mơ sống bên người đẹp Tô Châu hay chết bên bờ sông Danube...*

Thực ra, danh lam thắng cảnh ở Âu Châu nhiều vô cùng. Tôi rất chú trọng tới di tích của những danh nhân thời xưa và muốn biết người ta đã đối xử với người làm văn hoá như thế nào ?

Tới Anh Quốc, tôi đi thăm căn nhà xưa của William Shakespeare, đã trở thành bảo tàng viện. Ngôi nhà cổ xây theo kiểu nông trại miền quê, phòng rất hẹp, trần nhà thấp, cột gỗ đầy nhà. Gác xép ngăn ngủ đưa lên tầng hai, tôi chú ý tới sự nghiêng lệch của sàn gác. Cái giường ngủ của Shakespeare nhỏ như giường con nít. Thi thư, kịch bản nằm đầy trên bàn giấy của đại thi sĩ kiêm kịch tác gia.

Tới thăm của quê hương của đại thi sĩ Anh Quốc, tôi nhớ ra mình có dịch và phổ thành ca khúc một bài thơ tiếng Anh. Bài này có cái tên là **Nhiệm Mâu Thay Phép Lạ Hóa Công** và do Elvis Phương hát vào băng PHU"NG NGÀ 4 ở PARIS, hồi mới 1978. Lúc dựa vào bài thơ để phổ nhạc, tôi cứ tưởng bài thơ là của Shakespeare, gần đây anh bạn Phạm Quang Tuấn ở Australia đã cho biết đó là bài **Eyes And Tears** của Andrew Marvell :

*How wisely Nature did decree,
With the same Eyes to weep and see!
That, having view'd the object vain,
They might be ready to complain.*

*And since the Self-deluding Sight,
In a false Angle takes each hight;
These Tears which better measure all,
Like wat'ry Lines and Plummets fall.*

*Two Tears, which Sorrow long did weigh
Within the Scales of either Eye,
And then paid out in equal Poise,
Are the true price of all my Joyes.*

*What in the World most fair appears,
Yea even Laughter, turns to Tears:
And all the Jewels which we prize,
Melt in these Pendants of the Eyes.*

I have through every Garden been,

.....

*Thus let your Streams o'reflow your Springs,
Till Eyes and Tears be the same things:
And each the other's difference bears;
These weeping Eyes, those seeing Tears.*

Bài Nhiệm Mầu Thay Phép Lạ Hóa Công có những lời ca như sau :

*Thật là nhiệm mầu thay phép lạ của hóa công
Cùng là một đôi mắt sao vừa khóc vừa trông
Thì nhân đã nói đúng
Tôi nhìn rồi khóc ròng
Nhìn cuộc đời xa xôi hay nhìn ngay gần tôi...
Nhìn về miền quê hương thấy là một vết thương
Mình là người trong nước sao toàn thấy hờn căm
Ba mươi năm chinh chiến
Giết mình và giết người
Giờ này còn chưa thôi nuôi thù oán ngút trời.
Ngồi nhìn quanh thế giới, thấy toàn gian dối
Ai cũng nói hoà bình, cũng nói cuộc tình
Giữa loài người trong cõi tử sinh
Nhìn rồi sẽ khóc to cho người khổn khó
Đang kêu gào tự do trong khổ đau
Muốn loài người hãy cứu được nhau...
Thật là nhiệm mầu thay phép lạ của hóa công
Cuộc đời còn mong muốn phép lạ đến nhiều hơn
Xin cho trên thế giới cho người phải cứu người
Để được dùng con mắt khóc rồi sẽ được cười...*

CODA

*Thực là nhiệm mầu thay
Phép lạ của hóa công
Ta vừa trông vừa khóc
Khóc mừng cho cuộc sống...*

Khi tới nước Pháp, cùng với con trai Duy Cường, vốn thích hội họa, hai bố con bèn đi thăm nhà Van Gogh. Phòng nào cũng treo đầy những bức tranh rực rỡ của nhà họa sĩ đã tự xẻ tai mình trong cơn điên hội họa.

Không còn gì thú vị hơn là vừa được coi một bức tranh Van Gogh vẽ nhà thờ, rồi lại tới ngay ngôi nhà thờ đó.

Tới Salzburg ở nước Áo, tôi vội vã đi thăm căn nhà Mozart, cũng trở thành một bảo tàng viện từ lâu. Bản thảo nhạc viết tay, đàn clavecin, thậm chí cả áo quần giày dép của Mozart đều được giữ gìn cẩn thận. Nhà Shakespeare xưa đã hẹp nhà Mozart còn hẹp hơn.

Tôi qua nước Ý nhiều lần và đã hai lần tới Venise, một thành phố nằm trên bờ biển, với những lâu đài, dinh thự cổ kính và những con sông với những chiếc thuyền cong

(gondola) nên thơ mà hình ảnh đã in sâu vào trí não tôi từ ngày tôi còn nhỏ, coi cinéma hay nghe nhạc Pháp-Ý do Tino Rossi, Rita Kelly hát... *O Venise La Belle, La Chanson Des Gondoliers*...

Nước Ý còn là kinh đô Roma với thánh khu Vatican của người công giáo... với võ trường là nơi bạo chúa Néron tới coi đấu sĩ (gladiators) giao tranh với thú dữ... với vườn hoa phun nước để tôi ném vài đồng xu xuống đó, miệng khấn thầm mong được gặp một người tình, như trong phim chiếu bóng *La Fontaine Des Amours* thuở nào.

Được đi thăm những nơi có di tích của lịch sử văn hóa, chen chân giữa đám đông khách du lịch tứ xứ, lòng đầy cảm phục người ta mà cũng đầy ngán ngẫm thương cho thân phận nghệ sĩ Việt Nam...

Cho nên cảnh đồng quê tĩnh mịch vô danh bao giờ cũng quyến rũ tôi nhiều hơn. Tại vùng quê nước Pháp hay tại vùng Bắc Âu, đi trên những con đường vắng vẻ, bên bờ biển Bắc âm u, hay nằm dài trên sườn đồi vắng... kẻ lãng mạn như tôi có dịp được hoà mình với thiên nhiên, như đôi bạn thân thiết xa nhau lâu ngày bây giờ gặp lại.

Và càng thêm nhớ rừng sâu Việt Bắc, núi đồi trung du, sông nước Hậu Giang, biển Đông sóng gợn...

*Sẽ có một ngày, con người hôm nay
Vút sừng, vút cùm, vút cờ, vút Đấng...
Nguyễn Chí Thiện*

Chương Mười Ba

Nói về sáng tác, trong loạt tị nạn ca, bây giờ, tôi chuyển đề tài từ con "con đường tự do" qua "con đường mất tự do" với những bài như **Hát Cho Người Ở Lại** :

*Hát cho người ở lại quê hương
Với tấm lòng sốt thương vô vàn
Hát cho người trong họ hàng
Đang biến thành ma đói lang thang...*

Vào năm này, quả rằng dân Việt Nam phải ăn cơm trộn thường xuyên...

.....
*Hát cho người ở lại nơi quê
Chúng tôi thường vẫn mong ngày về
Nắm tay cười, xây lại đời
Nơi nước Việt yêu quý yên vui*

*Hát cho người tình vội thương đau
Hát cho Mẹ vội em quên sầu
Hát cho đời ! Hát cho người !
Quyết đấu tranh cho nước Việt tôi !*

Thế rồi hai năm trước khi tập thơ khủng khiếp của Nguyễn Chí Thiện bay ra thế giới tự do, tôi soạn bài **Giấc Mơ Khủng Khiếp**, một tác phẩm trong loại ác ảnh quê hương :

*Đêm hôm qua tôi nằm mơ về nước
Đi lang thang trong thủ đô lạnh ngắt
Những gốc me trước tôi hay thả hồn
Chờ người yêu, để nắm vai hôn
Cây me tươi, nay già khô trụi lá
Người tôi yêu tóc bạc khô ngời đỏ
Mắt trông tôi, rất xa vời, xa lạ
Nhìn tôi như nhìn khoảng trống bao la.
Giật mình tỉnh dậy !
Trời ơi ! Khủng khiếp, khủng khiếp quá thôi !
Giật mình tỉnh dậy!
Trời ơi ! Khủng khiếp, khủng khiếp quá thôi!
Xin cho tôi đừng ngủ nữa
Xin thôi không nằm mộng dữ
Xin cho tôi mộng dệt hoa
Xin cho tôi đẹp mộng mơ
Cho tôi mơ nước Việt Nam giàu có
Quê hương tôi đi về nơi rục rờ
Có con tim biết quên đi hận thù
Và Tình Yêu nở vỡ tim ra.
Cho tôi mơ nước của tôi được thoát
Khỏi cơn nguy, ra khỏi tay tàn ác
Chốn Á Đông có nước Việt yên lành
Tự do xây một đời sống thanh bình.*

Tôi không được sống ở Việt Nam sau ngày 30-4-75 nên chỉ tưởng tượng ra cảnh quê hương được mô tả trong những cuốn sách về học tập cải tạo. Phải đợi khi có tập thơ của Nguyễn Chí Thiện thì mới thấy tất cả những tác phẩm văn học nghệ thuật của chúng tôi -- dù tác giả ra khỏi nước hoặc kẹt lại và được hưởng mùi trại cải tạo trong năm năm hay mười năm -- đều rất bé bỏng so với tác phẩm của một người Việt Nam chống Cộng bằng bút mực trước cả những nhà trí thức Nga Sô như Pasternak, Soljenytsine và Sakharov nghĩa là từ ba, bốn chục năm về trước. Tuy nhiên xin bạn đọc cho phép tôi được kể nốt ra đây phần còn lại của bài **Giấc Mơ Khủng Khiếp** :

*Đêm hôm qua tôi nằm mơ lội nước
Suôi theo sông tôi về quê thuở trước
Đưa bé con vẫn hay quen đợi quà
Của Mẹ yêu, chợ vẫn ban trưa.
Như con trâu, cha mẹ tôi làm lữ
Phải lao công xin chuộc bao tội lỗi
Khắp nước tôi đã biến ra trại tù
Toàn dân tôi thành một đám nô lệ.*

*Giật mình tỉnh dậy!
Trời ơi ! Khủng khiếp, khủng khiếp quá thôi!*

*Giật mình tỉnh dậy!
Trời ơi ! Khủng khiếp, khủng khiếp quá thôi!
Xin cho tôi đừng ngủ nữa
Xin thôi không nằm mộng dữ
Xin cho tôi mộng dệt hoa
Xin cho tôi đẹp mộng mơ.
Cho tôi mơ nước Việt Nam giàu có
Quê hương tôi đi về nơi rục rờ
Có con tim biết quên đi hận thù
Và Tình Yêu nở vỡ tim ra
Cho tôi mơ nước của tôi được thoát
Khỏi cơn nguy, ra khỏi tay tàn ác
Chốn Á Đông có nước Việt yên lành
Tự do xây một đời sống thanh bình.*

Tôi sẽ soạn thêm một số bài ca khủng khiếp như vậy trước khi có tập thơ **Hoa Địa Ngục** của Nguyễn Chí Thiện để soạn 20 bài ngục ca rút ra từ 300 bài thơ của một người -- tôi cho là -- rất trong sáng, một người tôi gọi là ngục sĩ.

Cho tới những năm đầu của thập niên 80, đồng bào vượt biên càng ngày càng nhiều trong đó có số đông văn nghệ sĩ và cựu quân nhân, công chức đã từng bị Cộng Sản giam cầm. Ra tới thế giới tự do, mỗi người có một chuyện để nói về trại tập trung cải tạo.

Tạ Ty có **Đáy Địa Ngục**, Phạm Quốc Bảo có **Cùm Đở**, Hà Thúc Sinh có **Đại Học Máu** và loạt **tủ nhục ca**. Đó là chưa kể những cuốn sách cũng tố cáo quần đảo ngục tù Việt Nam của những người tới trước hay tới sau ba người kể trên, như Trần Huỳnh Châu với **Hồi Ký Cải Tạo**, Hoàng Liên với **Ánh Sáng Và Bóng Tối** v.v...

Tất cả đều nói tới chính sách trả thù và lỗi cai trị bằng khủng bố của chính quyền mới qua những trại cải tạo. Cuốn sách nào cũng mô tả tới tột đỉnh đau thương của tác giả sau những năm tháng khổ nhục tại các trại giam ở nơi rừng thiêng nước độc, dưới quyền sinh sát của cán bộ.

Nhưng tính cho tới mùa Thu 1992, thời gian mà những văn nghệ sĩ, quân nhân, công chức của chính quyền miền Nam cũ nếm mùi cải tạo lâu nhất là trên dưới 16 năm. Người nào cũng có thân quyền hay bạn bè vượt muôn ngàn khó khăn đi thăm nuôi, tối thiểu cũng một hai lần.

Chỉ có một người ở tù lâu năm nhất -- tính cho tới ngày được thả là trên dưới 30 năm -- bị bắt giam không cần xét xử trong 20 năm mà không được ai biết tới, không được ai thăm nuôi. Nếu người tù này không dũng cảm tung ra thế giới tự do một tập thơ làm cho trời long đất lở, chắc ông đành phải chết âm thầm *trong bóng đêm* như lời thơ của ông. Và nếu người Việt hải ngoại không tìm mọi cách phổ biến tập thơ của ông, chưa chắc cái gọi là **gulag Việt Nam** được thế giới chú ý đến thế, khơi dậy được lòng người đến thế, chính quyền Hà Nội bị tố cáo vi phạm nhân quyền trầm trọng, rồi bị cô lập đến thế !

Người đó là Nguyễn Chí Thiện.

Lúc đó là vào tháng 10 (tháng sinh nhật của tôi) năm 1980. Tại Khu Bolsa, chúng tôi thường nhóm họp, đàn hát trong những ngày cuối tuần, hoặc ở nhà tôi hoặc ở nơi sinh ra tờ báo **Người Việt** là cái garage chật chội và bụi bặm của Đỗ Ngọc Yến, hay ở nhà Nguyễn Đức Quang.

Tôi hãy còn đang sống trong cơn mê sảng của những bài hát ảo ảnh quê hương dù đã tự coi mình là *gió muôn phương* nghĩa là gió nóng trên sa mạc Úc Châu, gió lạnh nơi núi tuyết Canada, gió thổi lá chết (của Jacques Prévert) ở Paris, gió hôn hoa đào ở Nhật Bản... và đang chờ thời cơ để thổi về Việt Nam... Thời cơ chưa tới vì bức tường Bá Linh chưa đổ, Vạn Lý Trường Thành chưa lung lay, cửa điện Cẩm Linh chưa vỡ toang.

Thì không ngờ cơn gió lớn lại từ trong nước thổi ngược ra. Qua tập thơ của Nguyễn Chí Thiện.

Một buổi tối cuối tuần tại nhà Đỗ Ngọc Yến, trong khi mọi người đang ngồi chơi, Bùi Bảo Trúc từ Hoa Thịnh Đốn gọi "long distance" qua, đọc cho nghe vài bài thơ của một người không ai biết là ai ? Nhất là tôi, khi được hỏi tới.

Chỉ biết đó là thơ của một thi sĩ ở Bắc Việt. Mới nghe vài câu thơ mọi người đã sửng sốt ! Sau đó, chúng tôi có phóng bản của một tập thơ viết tay gồm 4000 câu thơ. Chúng tôi biết thêm sự xuất hiện ly kỳ của tập thơ này. Một người tù được tạm tha tới Sứ Quán Anh ở Hà Nội trao cho nhân viên sứ quán tập thơ của mình kèm theo một tờ thư viết bằng Pháp ngữ :

C'est au nom des millions de victimes innocentes de la dictature, déjà succombées ou subissent encore une mort lente et douloureuse dans les bagnes communistes, que je vous prie de faire publier ces poèmes dans votre pays libre. C'est le fruit des mes vingt ans de travail. La plupart ont été créés dans mes années de détention (...) De ma vie brisée, il ne reste qu'un rêve, c'est de voir le plus grand nombre possible d'hommes prendre conscience de ce que le communisme est un grand fléau de l'humanité.

Bản dịch :

Nhân danh hàng triệu nạn nhân của độc tài, đã chết hay đang chết chậm và đau đớn trong lao tù cộng sản, tôi xin ngài cho ấn hành những bài thơ này tại xứ sở tự do của ngài. Đây là kết quả của hai mươi năm làm việc của tôi. Phần lớn được sáng tác trong những năm tôi bị giam giữ (...) Trong cuộc đời tan vỡ của tôi, chỉ còn một ước mơ được thấy nhiều người ý thức được chủ nghĩa cộng sản là một tai họa của nhân loại.

Bị Công An chặn lại khi vừa tới cổng Sứ Quán Anh, ông chỉ kịp ném tập bản thảo vào bên trong rồi bị bắt giam ngay (1). Tập thơ được gửi về Bộ Ngoại Giao Anh rồi được chuyển qua Đài BBC ở London. Nhân viên người Việt của đài là ông Đỗ Văn vội vàng gửi ngay cho Hồ Anh, chủ báo **Văn Nghệ Tiền Phong** ở Washington DC để tùy nghi khai thác.

Tại vùng Thủ Đô Hoa Kỳ này có ๐ey Ban Đòi Tự Do Cho Văn Nghệ Sĩ Bị Cầm Tù do nhà văn vừa ra thoát khỏi nhà tù Cộng Sản là Nguyễn Hữu Hiệu thành lập. Hồ Anh chưa kịp khai thác tập thơ thì bằng cách nào đó, Nguyễn Hữu Hiệu có tập bản thảo và tự cho mình có nhiệm vụ phải ấn hành ngay tập thơ, lấy tên là **Tiếng Vọng Từ Đáy Vực**. Báo **Văn Nghệ Tiền Phong** cũng cho ấn hành tập thơ với tên **Chúc Thư**

Của Một Người Việt Nam. Cả hai tập in ra đều không đề tên tác giả vì lẽ giản dị vào lúc đó, không ai biết tác giả là ai.

Tập thơ làm tôi rung động. Trong mười đêm, tôi chọn một số bài thơ để phổ thành mười ca khúc tôi gọi là **ngục ca**. Vì cũng không biết tên tác giả, tôi gọi thi sĩ là **ngục sĩ**.

Rồi thấy mười bài chưa đủ, tôi phổ nhạc thêm mười bài nữa. Đó là những bài :

Từ Vượn Lên Người Từ Người Xuống Vượn

Đang Đây Tôi

Ngày 19 Tháng 5

Xưa Lý Bạch

Những Thiếu Nhi Diễn Hình Chế Độ

Tôi Có Thể hay là Vô Dịch

Chuyện Vĩ Đại Bi Ai

Thấy Ngay Thủ Phạm

Nước Đồng Trắc Điều Thuyền

Sẽ Có Một Ngày

Cái Lầm To Thê Kỳ

Đôi Mắt Trương Chi

Vì Ấu Trĩ

Tia Chớp Này Vĩ Đại

Ôi Mảnh Đất Hình Hải Chử S

Đất Nước Tôi

Xin Hãy Giữ Màu Trong Trắng

Biết Đến Bao Giờ Lời Thơ Của Tôi ?

Trong Bóng Đêm

Thời Đại Hồ Chí Minh

Tôi cố gắng làm cho ngục ca có nhiều nhạc tính.

* Khi thâm thiết như **Những Thiếu Nhi Diễn Hình Chế Độ, Chuyện Vĩ Đại Bi Ai...**

* Khi ngạo nghễ như **Đang Đây Tôi, Xưa Lý Bạch...**

* Khi cười cợt như **Từ Vượn Lên Người Từ Người Xuống Vượn, Nước Đồng Trắc Điều Thuyền...**

* Khi tiếc hận như **Ôi Mảnh Đất Hình Hải Chử S, Cái Lầm To Thê Kỳ...**

* Khi mãnh liệt như **Trong Bóng Đêm, Tia Chớp Này Vĩ Đại...**

* Khi như vè, ca dao trong **Thấy Ngay Thủ Phạm...**

* Khi sót sa như **Xin Hãy Giữ Màu Trong Trắng...**

* Khi trong sáng, lãng mạn như **Sẽ Có Một Ngày...**

Vừa soạn ra những bài đầu tiên là tôi hát trong phone hay tới hát cho bạn bè nghe trong buổi sinh hoạt cuối tuần. Nguyễn Đức Quang thuật lại buổi ra mắt đầu tiên của tập thơ **Tiếng Vọng Từ Đáy Vực** và của **ngục ca** trong báo **Người Việt** số 26 ra ngày 10-10-1980 nhan đề **Lại Nỗi Gai Ốc** :

Ở sân Đại Học Xá Thanh Quan năm 66 nghe anh Phạm Duy hát tâm ca rồi ngâm thơ *Đêm Liên Hoan*, tôi còn nhớ cảm giác bấy giờ là người rờn rợn nổi da gà (...) mặc dù tôi đứng hát với anh :

Tôi bảo tôi mãi mà tôi không nghe

Cứ thích đi về nẻo đường mà mình mong ước

Nẻo đường mong ước đó bây giờ anh trở lại. Khi mà tiếng gọi mới mở ra như một thôi thúc đứaga nhìn : *Từ vượn lên người mất mấy triệu năm...* Bài hát mới.

soạn theo tập thơ < Vực Đáy Từ Vọng> vừa ra đời. Tính chất của thơ lộ rõ trong đêm đọc thơ đầu tiên. Đó là đêm hồi hã, chờ chực, sốt ruột (...) vì tôi là người cầm quyền thơ độc nhất và đem đi học từ buổi sáng.

Phạm Duy, Phạm Cao Dương, Thái Tú Hạp, Duy Sinh, Trần Diệu Hằng, Tống Hoàng và vài người nữa... ngồi trong hơn một tiếng đồng hồ (để nghe) tôi đọc thử vài bài :

*Bác Hồ rồi lại bác Tôn
Cả hai đều thích ôm hôn nhi đồng
Nước da hai bác màu hồng
Nước da các cháu nhi đồng màu xanh.*

Phạm Duy bật dậy như một cái lò xo. Phản ứng như một quả lựu đạn đã rút chốt "Tôi sẽ phổ nhạc". Cái bắt gặp của anh và mọi người đêm đó là như vậy. Và suốt trong 3, 4 ngày, (dùng) dây điện thoại hỏi tập thơ đã (từ Washington DC gửi) về chưa ? Phạm Duy không nói, anh hát ngay trong điện thoại cho nghe :

*Một tay em trở : đời xưa đuổi
Một tay em trở : hận vô bờ
Thế giới ơi ai có thể ngờ
Đó là một tù nhân tám tuổi
Trên bước đường tù mà tôi rong ruổi
Tôi gặp hàng ngàn em bé như em...*

Cũng như cảm giác thời ở Đại Học Xá Thanh Quan, tôi rợn da người (...) Tôi giật mình vì cái bèn nhảy 15 năm xưa không tàn theo tuổi đời.

Vâng, lúc đó tôi nhìn thấy ngay tập thơ mang tên **Tiếng Vọng Từ Đáy Vực** hay **Chúc Thư Của Một Người Việt Nam** là một vũ khí rất hữu hiệu để tố cáo chủ nghĩa Cộng Sản. Từ ngày phải bỏ nước ra đi, trong Cộng Đồng người Việt, ai cũng nói tới một nền "văn nghệ chiến đấu". Ai cũng nghĩ rằng loại nhạc chiến đấu bây giờ có thể giống như loại nhạc huy động nhân dân đánh Pháp trong thời kháng chiến hay nhạc vận động thanh niên đi lính Cộng Hoà chẳng hạn.

Nhưng theo thiên ý thì nó đã phải khác rồi : nếu trong đám nghệ sĩ có ai muốn thực sự soạn nhạc chiến đấu thì phải tay súng tay đàn cùng với đoàn quân giải phóng đột nhập vào Việt Nam... chứ không nên sống khơi khơi trong xã hội đầy tiện nghi của Âu-Mỹ-Úc rồi kêu gọi mọi người phục quốc. Tôi cũng biết tị nạn ca của tôi chỉ là than vãn phận mình và thương nhớ quê hương. Nhưng nếu bước thêm bước nữa, soạn nhạc (gọi là) phục quốc là đi vào con đường nhạc mị dân. Theo tôi, muốn làm chính trị bằng văn nghệ khi mình chưa có cơ hội (hay can đảm) về sống tại chiến khu trong nội địa, điều hay nhất là người hải ngoại nên phối hợp với người trong nước để nói lên tiếng lòng của dân tộc Việt Nam.

Vào lúc này, tập thơ **Tiếng Vọng Từ Đáy Vực** hay **Chúc Thư Của Một Người Việt Nam** đã gọi cho tôi một mối thương tâm lớn đối với một người tù có những bài thơ làm tôi choáng ngợp. Nếu tôi cũng phần nào vô tình hay hữu ý đóng góp vào cứu cánh mà chính thi sĩ cũng mong đợi qua lá thư kể trên... thì nó khởi sự từ cái nhìn thấy giá trị của tập thơ và tôi cần phải phổ nhạc nó để cứu nhà thơ này ra khỏi ngục tối.

Trong một thời gian ngắn, tập thơ mang hai cái tên của một người tôi gọi là **ngục sĩ** và những bài **ngục ca** được phổ biến khá rộng rãi trong hai vùng Washington DC và Nam Cali là những nơi có đông người Việt. Một cựu giáo viên ở Bắc Việt tên là Minh Huy qua được Hồng Kông (nhờ vụ chính quyền Hà Nội cho người Hoa đi theo kiểu

bán-chính-thức) rồi tới định cư ở Khu Bolsa. Ông này đọc báo **Người Việt** và báo **Văn Nghệ Tiền Phong**, thấy tập thơ kỳ lạ này có mặt tại nước Mỹ nên tới gặp tôi tại Thị Trấn Giữa Đàng, và sau khi truyện trò thì tôi biết rõ hơn về Nguyễn Chí Thiện để sẽ cung cấp tin tức về nhà thơ này cho những ai muốn biết...

Từ đó trở đi nhân dân thế giới được biết một câu chuyện ly kỳ nhất của thời đại...

* Ly kỳ vì bây giờ người ta mới biết rằng sau Phong Trào Nhân Văn Giai Phẩm, vẫn có người trí thức ở miền Bắc kịch liệt chống đối chế độ. Người này tổ Cộng ở ngay trong lòng địch trước khi miền Nam mở chiến dịch tổ Cộng.

* Ly kỳ vì trong đời tù dài 20 năm, không có giấy bút trong tay mà thi sĩ làm được 4000 câu thơ trong đầu.

* Ly kỳ trong hành động sáng suốt và can đảm của ông, liều chết đưa được tập thơ vào Sứ Quán Anh.

* Ly kỳ ở chỗ người Anh muốn tập thơ ra với thế giới tự do, không sợ rắc rối ngoại giao mà im nó đi.

* Còn khá ly kỳ trong việc có hai tổ chức cùng ẩn hành tập thơ gây nên một vụ án văn học.

* Ly kỳ thêm là nhờ có bạn đồng tù của thi sĩ vượt biên qua Mỹ nên mọi người mới biết rõ tên tuổi và cuộc đời của ông.

* Ly kỳ nhất là dù Cộng Sản Hà Nội muốn bịt miệng, trói tay, giam ông vào ngục tối một cách tàn bạo và kỹ càng đến đâu đi nữa cũng không tránh được việc quả bom nguyên tử của ông nổ tung ra thế giới.

* Ly kỳ tốt bậc là sau 30 năm bị giam trong bóng đêm đê mê, ngục sĩ Nguyễn Chí Thiện vẫn chưa chết để ra khỏi đời tù vào một ngày mùa Thu năm 1991. Đúng như lời thơ của thi sĩ :

*Để đánh được kẻ thù
Tôi không được hèn ngu
Để thắng được kẻ thù
Tôi phải sống ngàn thu !*

* Còn thêm một việc ly kỳ nữa là các nhân vật nổi tiếng trong chính trường như cựu Tổng Thống nước Sénégal, Léopold Senghor... và trên văn đàn như Pierre Emmanuel, René Tavernier, Norman Mailer, các hội Văn Bút quốc gia và quốc tế như Pen Los Angeles, Pen Netherlands, Pen international, Writers in Prison Committee cùng các tờ báo lớn của Pháp, Mỹ, Nhật như Le Figaro, New York Times, Asahi Evening New, các tổ chức nhân quyền Amnesty international, Asia Watch... và sau khi được người Việt hải ngoại tích cực vận động nên đã liên tục đấu tranh không ngưng nghỉ cho ngục sĩ. Rồi cuối cùng, thi sĩ đã được trả tự do.

Tôi cũng đóng góp vào việc vận động tự do cho ông Nguyễn Chí Thiện trong thời gian tôi nhận làm correspondant cho Amnesty international, được hân hạnh giao thiệp với các vị cao cấp trong tổ chức Ân Xá Quốc Tế và nhất là với Ông Leopold Senghor, bạn học của anh tôi, Phạm Duy Khiêm.

Sau khi tôi vận động ông cựu Tổng Thống kiêm thi sĩ của nước Sénégal, ông này đã gửi cho tôi bản sao của lá thư ông gửi cho ông Phạm Văn Đồng, xin ân xá cho nhà thơ Nguyễn Chí Thiện mà ông gọi là bạn đồng bút (collègue).

Bây giờ xin nói về địa vị của một người trí thức Việt Nam trong công cuộc tổ cáo chế độ Cộng Sản ở trên thế giới. Trước đây, qua cuốn **Gulag Archipelo** của nhà văn Soljenytsyne, thế giới biết rằng Liên Xô không phải chỉ có Sibérie để làm nơi giam cầm thể xác những người chống đối mà còn rất nhiều trại giam ở rải rác trên đất Nga khiến cho nhà văn này phải gọi là **Quần Đảo Lao Tù**. Rồi qua lập luận của thi sĩ Mislop người ta thấy ngoài việc giam cầm thể xác ở Liên Xô, Cộng Sản còn một hình thức cai trị khác là giam nhốt tâm trí ở Ba Lan.

Nay qua 4000 câu thơ viết bằng nước mắt, mồ hôi và máu (được gọi chung là **Hoa Địa Ngục**), Nguyễn Chí Thiện lột trần bộ mặt thực của chủ nghĩa Cộng Sản hơn bất cứ một nhà trí thức nào trên thế giới vì ông là người bị giam cầm cả tâm hồn lẫn thể xác và bị giam giữ lâu nhất (tính tới ngày được thả là 30 năm) Ông lại là người nói lên điều này trước tất cả mọi người, chống đối Cộng Sản bằng ngòi bút trước cả ba người đoạt giải Nobel là Pasternak, Soljenytsyne và Sakharov.

Ai cũng biết vai trò của người trí thức là rất quan trọng tại các nước độc tài. Tại các nước dân chủ, trí thức không quá ư cần thiết vì đã có tôn giáo với Thượng Đế và Giáo Hội để điều hợp xã hội. Các nước Cộng Sản (tức là Đảng) cần trí thức để biện minh cho chế độ độc tài, cho rằng chuyên chính vô sản là một nhu cầu lịch sử không thể nào tránh được trên bước đường giải phóng nhân loại.

Nói cho ngay, từ khi chủ nghĩa Cộng Sản mới xuất hiện, vốn là những con người lý tưởng, lớp trí thức dễ dàng bị quyến rũ. Nhưng sau khi chế độ Cộng Sản được thành lập ở Nga, có những trí thức tỉnh mộng ngay. Tuy nhiên, các chứng nhân André Gide, Arthur Koestler chỉ nhìn vào sự phi nhân của chế độ Stalinist với con mắt bàng quan. Họ không phải là nạn nhân của chế độ nên không có thái độ chống đối tích cực. Phải đợi khi có những nhà văn, nhà thơ ở trong các nước Cộng Sản bị chế độ giam giữ tinh thần hay thể xác, mới thấy có sự lên tiếng mãnh liệt về cái mà Nguyễn Chí Thiện gọi là hiểm họa của nhân loại.

Tại thành trì Cộng Sản là Liên Xô hay tại các nước Cộng Sản Đông Âu không có hiện tượng toàn thể trí thức cùng một lúc đứng lên phản đối chế độ như ở Việt Nam. Tôi hiểu được vì sao Phong Trào Nhân Văn Giai Phẩm bị Cộng Sản Việt Nam đàn áp tàn bạo như vậy. Đây là sự chống đối của tất cả trí thức vì nhóm Nhân Văn Giai Phẩm gồm đầy đủ thành phần văn nghệ sĩ các ngành, trí thức các khoa. Họ bị kết án, sa thải, đầy đọa, phải thú tội rồi được ân xá ra sao, chúng ta đã biết.

Duy chỉ có kẻ sĩ Nguyễn Chí Thiện (người tiếp tục tinh thần Nhân Văn Giai Phẩm) là bị giam giữ lâu năm nhất vì sự chống đối kịch liệt của ông qua những câu thơ chửi chế độ, chửi lãnh tụ mà những người trong Nhân Văn Giai Phẩm không ai dám làm. Các kiện tướng của phong trào phản kháng như Phan Khôi, Hoàng Cầm, Trần Dần cũng chỉ dám nói bóng nói gió mà thôi.

Trong thời gian tôi "gặp" Nguyễn Chí Thiện, anh bạn của tôi là bác sĩ Trần Ngọc Ninh đã từ Denver (Colorado) dọn về mở phòng mạch tại Santa Ana. Tôi vừa mua được một căn nhà mới ở ngay cạnh căn nhà cũ để "cứu sống" mười hai mạng người trong gia đình, bấy lâu nay vì ở chung một nhà chỉ có ba phòng ngủ và một phòng vệ sinh độc nhất cho nên vào mỗi buổi sáng (nói đùa đấy nhé) phải "giết" nhau mới làm được việc tiểu tiện, đại tiện, đánh răng, rửa mặt, tắm rửa ! Bỏ thêm chút tiền xây thêm phòng ngủ, phòng tắm cho cả hai căn nhà, từ nay trở đi gia đình chúng tôi sống êm thấm như trong bài học của sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư. Tôi có đầy đủ sự

yên tĩnh để làm hai công việc vừa khởi sự là soạn tài liệu cho bài thuyết trình về **Năm Mươi Năm Tân Nhạc** và phổ một số bài thơ của Nguyễn Chí Thiện thành 20 bài ngục ca.

Giải quyết xong vấn đề ăn ở cho toàn thể gia đình, tôi rất rảnh rỗi, nhân anh chị Ninh cần người đưa đón bệnh nhân (người già hoặc mới qua Mỹ chưa có xe hơi), tôi không nề hà nhận làm việc này ngay. Tôi đã từng làm thợ rèn, thợ điện, nông phu, thầy giáo trong thời niên thiếu. Qua Mỹ, đáng lẽ tôi cũng phải làm việc chân tay nhưng tôi khéo xoay xở nên được làm công việc trí óc.

Bây giờ tôi đang có phương tiện (xe hơi), sức khỏe và thời giờ -- lúc này chưa được nhiều nơi mời tôi đi hát như trong những năm sau --, tại sao tôi không dùng nó để kiếm tiền nhỉ? Dù chỉ là tiền "petty cash" cao hơn tiền sống nhót một chút thôi! Nhưng công việc rất nhàn nhã này không kéo dài vì xảy ra vụ một số y sĩ gian lận về medicare bị đưa ra toà. Khi nhận giúp việc cho cả hai bên bệnh nhân và bác sĩ, rất ngây thơ và ngay thẳng, tôi không biết tới chuyện lạm dụng này, bởi lẽ giản dị anh Ninh không hề làm chuyện đó. Nay thấy cần phải tránh xa cái thế giới đang có "sì căng đan" lớn nên tôi "sì tốp" ngay việc giúp bệnh nhân đi khám bệnh. Và lại tôi đã khởi sự được mời đi hát sau khi soạn xong 20 bài ngục ca.

Dù sao đi nữa, tôi muốn cảm ơn những ngày được làm nghề tài xế cao quý (giống như các ông hoàng Nga trắng tị nạn Cộng Sản ở Paris) vì tôi có dịp tiếp xúc với người dân thường, hoặc đã qua Mỹ từ 1975 hoặc vừa mới tới đây bằng đường vượt biên.

Tôi được biết rõ tâm tình của người tị nạn, biết thêm những chuyện vui buồn thầm kín trong xã hội lưu vong. Cuộc tiếp xúc thân mật với dân chúng lần này trong chiếc xe hơi chẳng khác chi lúc tôi đi hát bằng xe lửa, ô tô buýt, bằng thuyền và thời tôi đi bộ trong kháng chiến, đi tới đâu tôi cũng học hỏi rất nhiều ở người dân.

Ngoài ra, đưa bệnh nhân tới phòng mạch phải ngồi chờ rất lâu rồi mới đưa bệnh nhân về nhà, tôi có nhiều thời giờ để sáng tác. Tại phòng khám bệnh của bác sĩ Ninh, trong khi anh bận bắt bệnh nhân thè lưỡi ra coi hay sờ tay đo *tension*, tôi ngồi cấn bút viết ngục ca bên cạnh những chai nước khử trùng. Hèn gì ngục ca có mùi nhà thương trong nhạc, ngoài mùi nhà tù của thơ. Có lúc rỗi rãi, chúng tôi ngồi nói chuyện văn nghệ văn gừng trong phòng mạch hay trong quán ăn trưa ở gần đó. Có thể nói bác sĩ Trần Ngọc Ninh là thánh giả đầu tiên của những bài ngục ca.

Đêm 27 tháng 12, 1980 là đêm tôi xuất hiện tại Santa Ana với chương trình **Địa Vị Của Ngục Ca Trong Năm Mươi Năm Tân Nhạc** sau một thời gian khá lâu không có tác phẩm mới.

(1) Có giả thuyết thi sĩ vào được Sứ Quán nhưng bị giao lại cho nhà chức trách.

*Đứa nào tìm thấy lá diêu bông
Tức nay tao sẽ nhận làm chồng...*
Hoàng Cầm

Chương Mười Bốn

Trong hai năm trời, 1980-1982, tôi đi khắp nơi trên thế giới với những bài hát gọi là **tị nạn ca, ngục ca...**

Nhưng tôi đã có phần mỗi một, không phải vì con đường dài rộng của thế giới tự do này đầy chông gai hay dãi dầu mưa nắng mà chính vì trong bảy, tám năm qua, tôi đã phải gân cổ lên hát **những bài ca quê hương rất là mê sảng, những bài tị nạn ca đầy tủi nhục, những ngục ca chan chứa hận thù...** Và tôi đã nhận lời mờ ra rằng những người nghe tôi hát cũng mê sảng như tôi.

Phúc đức thay, vào đầu thập niên 80 này đã có một sự kiện làm cho tâm hồn tôi lắng xuống. Sau khi thấy "dường như" đã mất quê hương, tôi bỗng nhiên gặp lại quê hương qua những bài thơ của một người bạn cũ. Thơ truyền khẩu thôi, chưa hề là thơ được in ra, ngâm lên...

Đó là những bài thơ đem lại cho tôi những *chuyện tình lá diêu bông, chuyện leo vườn ổi và đánh bài tam cúc, chuyện thân thương của những con bé vàng đi tìm mẹ, những con chim cu ngồi gù trên rặng cây, chuyện con chào mào đón gió chờ trăng, chuyện con phù du lặn đặng, con chim vành khuyên nhớ nhà nhớ tổ...* Chao ôi là QUÊ HƯƠNG (viết hoa) của tôi !

Nhờ những bài thơ này mà tôi thấy quê hương của tôi còn quá nhiều cái đẹp chứ không phải chỉ có ác mộng, tù đầy, uất hận và tuyệt vọng.

Lúc đó là ngày mừng 1 tháng giêng năm 1982. Trong một buổi sáng lái xe đi chơi Los Angeles, bước vào một tiệm phở ở Khu Chinatown, tôi bỗng gặp triết gia Phạm Công Thiện đang ngồi ăn với một người bạn, giáo sư dạy Anh Văn. Trong bữa ăn ngồi riêng bàn, chúng tôi nói vài ba câu chuyện xã giao.

Mới đây, Phạm Công Thiện tới nghe tôi ngâm thơ Hoàng Cầm trong một đêm sinh hoạt tại thính phòng ART STUDIO của ký giả Nguyễn Tú A ở thành phố Westminster trong khu Bolsa. Anh cất tiếng hỏi :

-- *Phạm Duy có biết con gái Hoàng Cầm là Kiều Loan đang ở đây không ?*

Tôi giật mình vì cái tin quá bất ngờ này ! Đã biết thoang thoang vợ cũ của Hoàng Cầm là Kiều Loan Mẹ đang ở miền Washington DC, rồi biết thêm Kiều Loan Con cũng đã vượt biên, nhưng tôi không thể nào ngờ rằng vợ con của một người bạn rất xa tôi lại đang ở một nơi rất gần tôi, trong khi tôi vừa phổ nhạc những bài thơ của người bạn đó ! Thế là tôi nằng nặc đòi được dẫn ngay tới thăm vợ con Hoàng Cầm...

... Trong buổi chiều đầu năm dương lịch này, trên căn gác nhỏ của một chung cư nghèo ở giữa thành phố Los Angeles, hai mẹ con Kiều Loan, Phạm Công Thiện và người bạn giáo sư Anh Văn cùng tôi quây quần quanh cái bàn nhỏ, có nắng Cali lọt qua cửa sổ, rọi xuống khay trà và đĩa bánh ngọt làm tôi nhớ tới vạt nắng hanh vàng

ở vùng đất Bắc Giang ngày nào. Căn phòng bỗng dưng có chút gió lạnh mùa Thu Bắc Việt thoảng về. Tôi chợt thấy trong tôi trườn lên một nỗi buồn rất là mênh mang. Người đàn bà không tuổi kia là Tuyết Khanh đấy à ? Một câu thơ cũ của một người tình xưa vang trong đầu tôi : *Người yêu ơi, sợ quá thời gian...*

Chợt nghe người vợ cũ của Hoàng Cầm hỏi :

-- *Anh Phạm Duy còn nhớ ngày ở Phố Nỉ không ? Đây là con gái Hoàng Cầm đó ! Anh có thấy cháu giống bố không?*

-- *Nhớ chứ ! Làm sao tôi quên được cảnh Hoàng Cầm rung đùi ngâm thơ trong bữa cơm chia tay với chị ở Bắc Giang ? Chị ơi, thấm thoát đã gần 40 năm rồi ! Còn Kiều Loan thì giống bố quá nhỉ ! Cháu kể chuyện cho bác nghe ngày cháu gặp bố lần đầu tiên ở Saigon đi...*

Tôi được nghe Kiều Loan rồi rít nói về việc gặp Hoàng Cầm như gặp một nhà thơ gần gũi hơn là gặp một người cha rất xa lạ, khi thi sĩ từ Hà Nội vào Saigon để gặp con sau ngày 30 tháng Tư 1975...

Hôm nay, trong cuộc tiếp xúc với gia đình Hoàng Cầm sau 37 năm không gặp, tôi tránh không hỏi tới đời tư của hai mẹ con trong hoàn cảnh vì thời cuộc mà vợ phải lìa chồng, con không biết mặt cha. Đóng vai người phóng viên, tôi chỉ muốn biết rõ hơn tiểu sử cũng như những tác phẩm đầu đời của anh.

Hoàng Cầm tên thật là Bùi Tăng Việt, sinh năm 1921 (một bài báo ở Saigon gần đây cho biết anh sinh vào năm 1922) tại Làng Lạc Thổ, Huyện Lạng Tài, Phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh trong một gia đình Nho Giáo. Hoàng Cầm học Tiểu Học tại Bắc Giang rồi lên Hà Nội học Trung Học và đậu Tú Tài II Pháp. Khi còn đang học lớp Đệ Tứ, Hoàng Cầm phóng tác cuốn **Graziella** của Lamartine thành chuyện Việt Nam với tên **Hận Ngày Xanh**. Tiểu thuyết đầu tay của Hoàng Cầm là **Thoi Mộng**, viết vào năm 1943. Trở về Bắc Giang, dạy học tại trường La Clarté, Hoàng Cầm vẫn viết văn, làm thơ để gửi đăng trên các báo **Tiểu Thuyết Thứ Năm**, **Tiểu Thuyết Thứ Bảy**. Anh là người dịch truyện Ba Tư **Một Ngàn Đêm Lẻ** ra Việt ngữ...

Tôi lúc nào cũng thao thức đi tìm những bài thơ mới cũ của Hoàng Cầm cho nên trong buổi gặp gỡ kỳ thú này, tôi muốn biết thêm về thơ tình của anh, ngoài các loại kịch thơ, thơ kháng chiến mà tôi đã biết rành rẽ. Tôi bèn hỏi :

-- *Chị có còn nhớ những bài thơ tình mà Hoàng Cầm viết ra để tặng chị không ?*

Người vợ cũ của Hoàng Cầm định đọc cho chúng tôi nghe bài thơ thi sĩ tặng bà vào năm 1945 khi bà còn là nữ kịch sĩ Tuyết Khanh nhưng Phạm Công Thiện đề nghị chép bài thơ ra để cho cô con gái ngâm lên. Và tôi đã ngất ngây vì giọng ngâm rất giống lối ngâm của Hoàng Cầm :

*Một sợi tóc treo ngang trước mộng
Một hàng mi rũ bóng bên đèn
Miệng cười một đoá trao duyên
Lầu thơ mới dựng chưa quên ý tình.
Anh đã về đây lại gặp mình
Cõi đời thiên hạ giấc u minh
Níu tay cười xuống hoàng hôn cũ
Vót mắt em về bến hoá sinh...*

Kiều Loan giống bố một cách lạ thường. Cũng là đôi mắt có đuôi, cái mũi dọc dừa, cái miệng tươi hồng, cái giọng trong trẻo.

Cô nói giữa hai khúc thơ ngâm :

-- *Hoàng Cầm (không nói là bố cháu) dạy cháu ngâm thơ đó...*

Cô ngâm :

*... Khanh ơi !
Thế xác hiu hiu bụi
Nắng dãi hoe vàng,
Em ở đâu ?*

"Khanh ơi ! Thế xác hiu hiu bụi" của Hoàng Cầm cũng là "Khanh của Hoàng ơi" của Vũ Hoàng Chương đó ! Nếu tôi nhớ không lầm thì -- trước hay trong kháng chiến ? -- thi sĩ họ Vũ cũng đã có một bài thơ tỏ tình với Tuyết Khanh :

*Khanh của Hoàng ơi ! Lửa bốn phương
Sầu lên dằng dặc gió tha hương
Hỡi ôi trạnh nhớ niềm ly tán
Lại sót nỗi thơ buồn nhiều nhưong...*

Hoàng Cầm còn có những câu thơ tình để tặng Tuyết Khanh khi hai người phải xa nhau trong kháng chiến -- hay khi mất nhau sau khi đất nước bị phân đôi :

*Mái tóc buông xuôi dòng khói lạnh
Bóng người thiếu phụ thoảng đêm xuân
Mình châu đôi hạt cải bên gôi
Đợi đến bao giờ gửi cố nhân...*

Trong khi dĩ vãng hiện lên qua những lời thơ ngâm, tôi nhìn trộm Tuyết Khanh nhưng không tìm thấy một nét cảm động nào trên gương mặt hiền hậu của Bà. Người tình xa xưa của Hoàng Cầm, từng trải qua rất nhiều truân chuyên của cuộc sống Việt Nam trong hai thời binh lửa, sau cuộc đời ở Hoa Kỳ đã tìm được quên lãng, an nhiên trong Đạo Phật rồi ! Tôi chợt thấy mình có lỗi khi đem dĩ vãng lại cho Bà. Nhưng tôi cứ tham lam gặng hỏi về sự nghiệp của nhà thơ. Và thấy rằng vợ con của anh cũng không biết gì cho lắm.

Chẳng hạn không biết một bài thơ Hoàng Cầm soạn từ khi còn đang làm nghề thầy giáo ở Bắc Giang mà có lẽ thi sĩ cũng đã quên rồi ! Hơn nữa, vì anh vắng mặt trong 30 năm nên nếu có ai còn thuộc thơ anh thì cũng chỉ thuộc lổm bổm vài câu thôi.

Như họa sĩ kiêm thi sĩ Tạ Tỵ :

*Nếu anh còn trẻ như năm trước
Quyết đón em về sống với anh
Những buổi chiều vàng phơ phất lại
Anh đàn em hát níu xuân xanh.
? ? ?*

*Nhưng thuyền em buộc trên sông hận
Anh chẳng quay về với trúc tơ
Ngày tháng tỳ bà vương ánh nguyệt
Mộng héo bên song vẫn đợi chờ...*

Một người có lẽ đã lớn tuổi và là dân Hà Nội cũ, trong một bài báo đăng trên một tờ nguyệt san ở Virginia còn nhớ thêm bốn câu nữa :

*Nếu có ngày nào em trở gót
Quay về thăm lại bến thu xa*

*Thì đôi mái tóc không xanh nữa
Mây bạc trắng ngàn vẫn thướt tha...*

Tôi đã phổ nhạc mấy câu thơ của bài thơ vô đề này và đặt tên bài thơ phổ nhạc là **Tình Cầm**. Người ta có thể hiểu đó là bài hát nói về mối tình của Hoàng Cầm hay bài hát nói về một mối tình của một danh cầm nào đó. Để cho có đủ câu nhạc, tôi soạn thêm một đoạn lời (coi như đó là đoạn 2), mong rằng nó vẫn nằm trong hơi thơ và cảm xúc của thi sĩ :

*Có mây bàng bạc gây thương nhớ
Có ánh trăng vàng soi giấc mơ
Có anh ngồi lại se phím cũ
Mong chờ em hát khúc Xuân xưa...*

Bài **Tình Cầm** được Thái Thanh, Duy Quang, Thái Hiền và nhiều ca sĩ khác hát trong các băng nhạc sản xuất tại Hoa Kỳ.

Trong cuốn Hồi Ký II, tôi đã kể lại những hoạt động của tôi và Hoàng Cầm trong kháng chiến nhưng tôi còn bỏ sót một bài thơ rất quan trọng của Hoàng Cầm. Trong chiến thắng Sông Lô, Hoàng Cầm có một bài thơ dài nhan đề **Trường Ca Sông Lô** (giống như cái tên bản nhạc của Văn Cao) :

*Sông Lô chảy xuống Sông Hồng
Sông Hồng trôi xuống Biển Đông xa vời
Biển Đông dội sóng vang trời
Nhắc đi bốn bể những lời Sông Lô...*

*.....
Em là em bé Sông Lô
Em đi theo Chị bến bờ là đâu ?
Chiều nay thương Mẹ em sầu
Cho em kể lể vài câu tâm tình...*

*Này Chị trông em nhé :
Em trái tóc rừng xanh
Em quần khăn núi biếc
Áo em sớm thì xanh
Chiều về đỏ như huyết...*

Bài thơ này, tôi đã ngâm cho Phạm Đình Chương nghe khi vào làm rể nhà họ Phạm Đình, và đã gây hứng cho cậu em soạn bài **Hội Trùng Dương**.

Tại căn gác nhỏ ở Los Angeles này, sau khi hỏi chuyện về Hoàng Cầm, tôi sung sướng vô cùng khi được nói cho vợ con của anh nghe về những ca khúc tôi đang chuẩn bị tung ra, phóng tác từ lời thơ của thi sĩ. Để cho khán thính giả hiểu được những bài ca đầy tính chất ẩn dụ này, tôi đọc cho mọi người nghe những lời giới thiệu trước khi tôi hát **Hoàng Cầm Ca**...

Sau đây là hành trình lưu diễn của **Hoàng Cầm Ca** trên toàn cầu :

* Buổi ra mắt **Hoàng Cầm Ca** (ngày 18 tháng 10-84, tháng sinh nhật của tôi) tại Phòng Trà Lê Uyên Phương ở Santa Ana.

Sau đó là những đêm diễn tại :

- * Café Viễn Xứ ở San Jose,
- * Trường Đại Học Georges Mason ở Virginia,
- * Nhà thờ Saint Teresa ở Honolulu,
- * Town Hall ở Melbourne,
- * Hiệp Hội Báo Chí tại Úc Châu ở Sydney,
- * Cộng Đồng người Việt ở London,
- * Báo Quê Mẹ ở Paris,
- * Toà soạn của báo Độc Lập ở Stuttgart v.v...

Hoàng Cầm Ca là gì ? Đó là những bài ca gọi những cái đẹp -- mỹ ảnh -- của đất nước hơn là những cái sai, cái xấu -- ảo ảnh, ác ảnh -- của quê hương qua **tị nạn ca, ngục ca** và **tử nhục ca**. Đó những bài thơ mà người bạn thi sĩ viết ra sau vụ Nhân Văn Giai Phẩm và bây giờ đã được tôi phóng tác thành ca khúc.

Một thời gian sau khi cùng bị đàn áp với các văn nghệ sĩ chống đối khác như Văn Cao, Phùng Quán, Trần Dần... Hoàng Cầm cho luân lưu tại miền Bắc một tập thơ truyền tay nhan đề **Đường Về Kinh Bắc**. Đó là những bài thơ ẩn dụ, nếu đọc lên thì bất cứ ai nghe cũng thấy bàng bạc những hình ảnh và màu sắc tuyệt vời của quê hương nhưng không ai hiểu Hoàng Cầm muốn nói gì trong đó...

Tôi cần phải nói rằng vào năm 1982, trong lúc tôi đang mệt mỏi vô cùng sau sáu, bảy năm sống đời lưu vong, vào những giờ phút lung linh hiếm có, tôi chợt nhìn ra ý chí của Hoàng Cầm trong những bài thơ đầy ẩn ngữ này. Tôi bỗng hiểu được rằng : vào cuối thập niên 60, dù bị đẩy vào hoàn cảnh cùng cực của đời mình là bị bẽ bút và bị bao vây kinh tế nên phải bán rượu lậu ở vỉa hè để mưu sống, với tập thơ truyền tay **Đường Về Kinh Bắc**, Hoàng Cầm vẫn... cứ làm thơ ! Trong một miền đất nước mà những thi bá như Xuân Diệu, Tế Hanh, Chế Lan Viên... chỉ còn biết đem thơ làm đòn bẩy cho chế độ, thơ của anh là giọt nước mắt làm chấn động ao tù, là nỗi buồn vạm vỡ của loài sư tử cô đơn...

Lúc đó tôi không có trong tay tập thơ **Đường Về Kinh Bắc**, tôi chỉ sưu tầm được dăm ba câu thơ ở nơi này, nơi nọ trên đường đi hát rong cho nên khi phổ nhạc, tôi phải phóng tác thêm vào những câu thơ ngắn ngủi của thi sĩ để soạn ra bốn bài **Hoàng Cầm Ca**. Đó là những bài **Lá Diêu Bông, Qua Vườn 'i, Cổ Bài Tam Cúc, Đạp Lùi Tinh Tú...**

Bài **Lá Diêu Bông** quyến rũ tôi ngay lập tức khi tôi vừa đọc xong bài thơ thiếu đầu thiếu đuôi. Mở đầu, Hoàng Cầm đưa ra hai câu thơ rất thân thiết, đó là lời nhắn nhủ của một người chị nói với đàn em :

*Đứa nào tìm được lá diêu bông
Từ nay tao sẽ gọi là chồng !*

Trước hết chúng ta cần biết **lá diêu bông** là lá gì ? Lá diêu bông (lá bông diêu thì đúng hơn) là thứ lá đặc biệt ở làng Đình Bảng, Bắc Ninh, phụ nữ thời xưa thường vắt ra nước rồi bôi lên mặt cho da dễ được hồng hào tươi đẹp. Với bài thơ này, Hoàng Cầm đưa ra câu chuyện một chị đàn bà xấu xí, muốn có bộ mặt đẹp nên đã dành đàn em đi tìm hộ chị thứ lá thẩm mỹ này...

*Vài ngày sau em tìm thấy lá
Chị chau mày : đâu phải lá diêu bông ?*

*Mùa Đông sau em tìm thấy lá
Chị lắc đầu nhìn nắng vẫn bên sông.*

A ! Chị muốn có chiếc lá thần được để làm cho mặt chị đẹp ? Chỉ vài ngày sau đã có người tìm ra chiếc lá. Đó là chiếc lá dân tộc, giản dị là như vậy ! Nhưng chị chau mày bảo rằng : đó không phải là lá diêu bông ! Rồi một nămqua đi, nhớ lời chị nhắn nhủ, lại có người tìm ra chiếc lá, nhưng chị vẫn chưachịu chấp nhận nó, cho nên chị lắc đầu, ngoảnh mặt đi, nhìn nắng vẫn bên sông... Bài hát tiếp tục :

*Ngày cưới chị, em tìm thấy lá
Chị mỉm cười, se chỉ cắm tròn kim.
Chị đã ba con, em tìm thấy lá
Xoè tay, phủ mặt, chị không nhìn...*

Khi cho rằng không có ai tìm ra chiếc lá thần diêu nên chị bèn đi lấy chồng, thì vào ngày cưới chị, vẫn có người đem lại cho chị chiếc lá thắm mỹ của dân tộc. Nhưng than ôi, chị đã "lỡ bước sang ngang" nên chị mỉm cười, chị se chỉ, chị cắm vào lỗ tròn của cây kim, chị khâu vá cuộc đời vong thân của mình rồi ! Tới khi chị có ba đứa con, vẫn còn có người nhớ tới chuyện chị muốn có chiếc lá diêu bông và muốn đem lại cho chị chiếc lá thần diêu đó thì chị xoè tay phủ mặt, chị không nhìn, hay chị không muốn nhìn ra cái lá có thể làm cho chị đẹp được nữa !

Với những câu thơ cuối của bài **Lá Diêu Bông**, Hoàng Cầm muốn nói rằng : Không ai có thể làm cho người chị khó tính này tốt đẹp được vì dù có tìm thấy chiếc lá thắm mỹ nhiệm màu thì cũng không được chị chấp nhận :

*Từ thuở đó, em (Hoàng) cầm chiếc lá
Nơi đầu non, cuối bể, em đi...
Lời vi vút, gió quê lắng gọi
Diêu bông hời hời hời diêu bông !
Em đi trăm núi nghìn sông
Nào tìm thấy lá diêu bông bao giờ ?*

Với bài thơ phổ nhạc này, tôi đã thay mặt Hoàng Cầm, trong nhiều năm, đi trăm núi nghìn sông, nghĩa là đi khắp mọi nơi trên thế giới để rao giảng cho mọi người nghe những "thông điệp nhân văn" của thi sĩ. Ngoài việc nói lên cái xấu xí và sự mù quáng của một người chị, bản **Hoàng Cầm Ca -- Lá Diêu Bông** còn đặt ra vấn đề đái ngộ đàn em nữa. Người chị muốn lũ đàn em tìm đủ mọi cách để tô son điểm phấn cho chị rồi chị sẽ đái ngộ, chị sẽ lấy làm chồng kia mà... Nhưng chẳng bao giờ chị biết nghe tiếng nói trung thực của đàn em, nói gì đến chuyện đái ngộ ?

Bài **Qua Vườn Ồi** thì nói tới chuyện bắt công và chuyện tham nhũng :

*Cách xa ba bước qua vườn ổi
Chị xoạc càn ngang em đứng trông...*

Hai chị em (tức là người dân nghèo) dắt nhau tới vườn ổi nhưng không được phép vào vườn. Phải đứng xa xa, rồi chị vạch càn lá cho em nhìn. Em thèm ăn ổi quá, xin chị hái trộm cho em một quả :

*-- Này chị ơi ! Xin chị một quả non.
Chị không dám hái nên nói dối em :
-- Ổi non, em ơi, còn xanh chát
A à ! ổi non xanh chát lè...
Em bé bèn :*

-- *Này chị ơi ! Xin chị một quả ương.*

Chị trả lời:

-- *Ồi ương, em ơi, bị chim khoét*

A à ! Ồi ương chim khoét rồi !

Em năn nì xin chị :

-- *Này Chị ơi! Xin chị một quả chín*

Chị chỉ còn biết trả lời:

-- *Ồi chín, em ơi tí ngon cây*

A à ! Ồi chín quá tầm tay...

Bài **Qua Vườn Ồi** có câu kết :

Lẽo đẽo em đi đường mai sau

Cúi nhặt chiều mưa dầm quả rụng...

Nghĩa là cả hai chị em -- đại diện cho người dân nghèo, thấp cổ bé miệng -- phải lẽo đẽo đi trên đường đời, không bao giờ được ăn một quả ổi nào ở trên cây, bởi vì những quả ổi ngon lành đó, hoặc để dành riêng cho người trên hưởng thụ, hoặc bị trộm cướp đục khoét hết cả rồi ! Nếu thêm ăn ổi, hai chị em chỉ còn biết cúi nhặt những quả ổi thối, rụng rơi trên những con đường chiều, có mưa rơi rả rích...

Trong mấy bài thơ ẩn dụ này, có một điều lý thú là Hoàng Cầm thích đưa ra những câu chuyện (gần như chuyện tình) giữa một người trai ít tuổi và một người thiếu nữ hơn tuổi mình. Người được thi sĩ gọi là chị đó có thể tượng trưng cho lý tưởng mà thi sĩ từng ôm ấp. Lý tưởng vẫn còn đó hay đã bị cướp đi, hiển hiện trong thơ qua hình ảnh người chị khi thì tươi đẹp mặn mà, khi thì xấu xa khó tính...

Bài **Hoàng Cầm Ca** thứ ba nhan đề **Cổ Bài Tam Cúc** muốn đòi lại một hạnh phúc xa xưa của hai chị em này, nay đã bị mất đi vì một ông quan Đốc Đồng áo đen nẹp đỏ :

Rút trộm rom nhà đi trải ổ

Cổ bài tam cúc mép cong cong

Chị gọi đôi cây trầu cay má đỏ

Kết xe hồng đưa chị tới quê em...

Ghé coi bài, tìm hơi tóc ẩm

Em đừng lớn nữa, chị đừng đi

Tướng sĩ đỏ đen chui xấp ngựa

‘rom thơm đong tuổi xuân thì...

Đưa được bài chinh chiến xứng xứng

Đưa thua bài đao gở ngoài thêm.

Em đi đêm tướng điều, sĩ đỏ

Đổi xe hồng, đưa chị tới quê em...

Pháo, mã ra bài, năm sau giặc giã

Quan Đốc Đồng áo đen nẹp đỏ

Xua tốt điều đề lũ tốt đen

Thả tịnh vàng đưa chị vồng mây trôi

Em đứng nhìn theo,

Em gọi : ... Đôi !

Qua bài thơ này, Hoàng Cầm nói lên một hạnh phúc tuyệt vời của hai chị em khi rút rơm để trải ổ rồi cùng mọi người ngồi đánh tam cúc trong mấy ngày Tết. Ngồi cạnh chị, em giả vờ ghé mắt coi bài để được ngửi mùi tóc ẩm của chị. Em tự khuyên em đừng lớn nữa nhé ! Em còn xin chị cứ ở trong làng, đừng vội đi lấy chồng (1) nghe ! Em yêu chị đến độ em bằng lòng đi đêm cả tướng điều, sẵn đồ để đổi lấy xe hồng, đưa chị tới quê em. Ai ngờ năm sau giặc giã, quan Đốc Đồng áo đen nẹp đỏ, (bạo quyền) xua tốt điều đề lũ tốt đen (đàn áp người dân). Còn thả tịnh vàng, đưa chị vồng mây trời, đem chị đi mất (cướp đoạt hạnh phúc của nhân dân). Em, Hoàng Cầm, cổ bài trong tay, đứng nhìn theo chị bị cướp mang đi, em gọi : Đôi ! Nghĩa là em vẫn chưa chịu thua, em vẫn còn đôi cây xe hồng để sẽ kết liễu ván bài tam cúc này.

Bài Đạp Lùi Tinh Tú -- tên ca khúc do tôi đặt -- thì nói lên sự xơ xác, buồn rầu, ngủ vùi của tất cả mọi người, chỉ có nhà thơ là còn tỉnh thức. Hoàng Cầm đưa ra những hình ảnh buồn thương như con bê vàng lạc mẹ, con chim cu ngồi gù rặng tre, con chào mào khát nước, cây ổi giờ xương chống đỡ mùa Đông, con phù du ao trời lặn đặng, con chim vành khuyên nhớ nhà nhớ tổ. Tất cả, giống như đôi cá đồng đông, đều ngủ say cả rồi. Chỉ có thi sĩ là còn tỉnh thức, ngồi soi hình vào đáy nước, giờ chân đạp ánh sao đêm đang lấp lánh trên mặt ao :

*Ta là con bê vàng lạc đáng chiều xanh
Đi tìm sim mà sim chẳng chín
Ta lên đồi thông nằm miếu Hai Cô
Gặm cỏ mưa phùn
Ngoài đồng sương bóng người thấp thoáng
Chiều nay mẹ chẳng về chuồng...*

*Ta là con chim cu về gù rặng tre
Gọi nắng ấu thơ về sân đất rộng
Mong tin mừng từ những trời xa
Đưa mây lành về tụ nóc rơm.
Ta là con chào mào khát nước
Về vườn xưa hạt nhãn đậm mầm...*

*Ta, cây ổi giờ xương !
Chống đỡ mùa Đông xụp về đánh úp.
Ta là con phù du ao trời lặn đặng
Trên cánh bèo đông gió, lặn dưới nước tìm sao
Hứng nước mắt con chim vành khuyên
Nhớ nhà nhớ tổ, vừa rụng chiều nay
Làm dềnh mặt nước gương sen.
Ta soi hình vào tận đáy ao đêm
Chỉ thấy mình đạp lùi tinh tú
Ngủ say rồi đôi cá đồng đông...*

Soạn **Hoàng Cầm Ca** vào lúc đó, tôi không còn theo đuổi mục đích soạn nhạc một cách dễ dãi (dễ hát, dễ nghe, dễ hiểu) như trước nữa. Nhà báo Đỗ Ngọc Yên đã nhận xét :

*Trước đây người ta chỉ biết Hoàng Cầm qua thơ tình, kịch thơ, thơ kháng chiến, thơ phản kháng trong thời Nhân Văn Giai Phẩm. Bây giờ với những bài ca ẩn dụ này, Phạm Duy đưa ra một Hoàng Cầm **mới nhất, hiện đại nhất** qua những bài thơ có*

hiều ẩn ngữ nhất. Ca khúc là hình thức nôm na nhất bây giờ lại được đóng thêm vai trò diễn tả **siêu thực nhất**, đưa tác giả vào một vị trí **học hiếm nhất**, phơi bày trước quần chúng một vấn đề chính trị **tinh tế nhất** !

Thế là sau khi quá mệt mỏi với loại **ngục ca, tị nạn ca** hay **tủ nhục ca** vì phải lên gân trước thời cuộc, những bài thơ ẩn dụ của Hoàng Cầm mà tôi soạn thành **Hoàng Cầm Ca** vào đầu thập niên 80 này làm cho tâm hồn tôi lắng xuống. Sau khi thấy "đường như" đã mất quê hương, tôi bỗng nhiên gặp lại quê hương qua những câu chuyện mà tôi cho là rất kỳ diệu, ảo huyền, lung linh và đầy thi vị...

... Đó là chuyện **lá diêu bông, vườn ổi, cổ bài tam cúc**, chuyện **tâm tình của những con bê vàng, con chim cu, con chào mào, con phù du, con chim vành khuyên**... Quê hương mờ nhạt hay rực rỡ, êm đềm hay chua xót của tôi hiện ra, quả rằng còn quá nhiều cái đẹp, chứ không phải chỉ có ác mộng, ngục tù, hận thù và tuyệt vọng !

Những bài thơ trong tập **Đường Về Kinh Bắc** của Hoàng Cầm được phổ nhạc thành **Hoàng Cầm Ca** vẫn còn buồn rười rượi vì nó phản ánh một miền của đất nước Việt Nam vào những năm 60-70 nhưng nó chứa đựng quá nhiều hương vị quê hương nên nó là liều thuốc an thần cho bản thân tôi sau khi tôi bị đắm chìm vào không khí chết chóc gây nên bởi thơ Nguyễn Chí Thiện (ngục ca) hay nhạc Hà Thúc Sinh (tủ nhục ca). Tôi cũng nghĩ rằng : là một người luôn luôn có phản ứng trước nghịch cảnh, tôi không nên tự đầy đoạ tôi hay khuyến khích người nghe đi vào ngõ bí là sự thù hận, oán ghét, chửi rủa. Chắc chắn **Đường Về Kinh Bắc** (nghĩa là đường về quê cũ) giúp tôi có một lối thoát.

Dù biết là khó hát, khó nghe, tôi cũng cố gắng đem thơ Hoàng Cầm đi trình diễn ở khắp mọi nơi trên thế giới và đúng như tôi dự đoán, sự phổ biến của **Hoàng Cầm Ca** bị hạn chế vì tính chất ẩn dụ của nó. Tuy nhiên tại Việt Nam, lá diêu bông trở thành một huyền thoại mới. Vài năm sau khi những bài ca ẩn dụ này được tung ra ở hải ngoại thì ở trong nước (nhất là sau khi có chủ trương cởi trói cho văn nghệ sĩ), trong nhạc, có Trần Tiến nói tới chuyện lá diêu bông và trong đời, tại thành phố vẫn luôn luôn được gọi là Saigon, có một thiếu nữ mở một cái quán (quán café hay quán rượu?) lấy tên là QUÁN DIÊU BÔNG. Vào lúc tôi viết những dòng chữ này (1990), nhà thơ tình họ 70 tuổi của tôi (có lẽ) đang "làm lại cuộc đời" với cô chủ quán.

Sau khi giới thiệu "thông điệp nhân văn" của Hoàng Cầm, với cái tật tham lam, bao giờ cũng muốn đi tới tận cùng của bất cứ vấn đề gì, tôi còn muốn viết thêm về con người của anh cho nên tôi luôn luôn nhắc tới anh trong những cuốn HỒI KÝ. Tập tiểu luận **Hoàng Cầm Trong Tôi** này thì muốn nhấn mạnh tới địa vị của anh trong văn học sử.

Tôi muốn nói rằng : trước hết, trong thi ca Việt Nam có một giai đoạn được gọi là "thời kỳ kịch thơ" thì ai cũng phải công nhận đó là thời kỳ của Hoàng Cầm. So với các thi sĩ khác, kịch thơ của Hoàng Cầm chói lọi nhất mặc dù về sau kịch thơ không còn đất đứng. Sau nữa, thơ của Hoàng Cầm là tiếng thơ lên đường kháng chiến sớm sủa nhất và được dân chúng yêu mến nhất trong thời gian cả nước lên đường. Trạng thái đặc biệt của thơ Hoàng Cầm là thơ ngâm lên, có diễn xuất (spectaculaire). Trong thơ của anh, ta thấy rất nhiều hình ảnh đẹp, chan chứa hương vị quê hương. Tất cả tứ thơ của Hoàng Cầm, dù là thơ tình, thơ lịch sử, thơ kháng chiến đều rất vững chãi. Thơ năm chữ, thơ lục-bát đều được chuyển thể rất giỏi.

Hoàng Cầm dùng những từ ngữ của dân tộc, thơ anh không lai căng như của vài nhà thơ lớn khác. So với thơ cùng một đường hướng là thơ Nguyễn Bính, thơ Hoàng Cầm cao hơn, trí thức hơn. Hoàng Cầm còn đáng quý ở chỗ không bao giờ chịu khuất phục trong khi có những nhà thơ khác, vì lý do này lý do nọ, phải chấp nhận đường lối văn nghệ "được" chỉ huy. Thơ Hoàng Cầm không bao giờ tỏ ra là bị ép buộc. Trái lại là khác. Hãy nhớ lại bài thơ **Em Bé Lên Sáu** anh viết trong thời kỳ cải cách ruộng đất ở Việt Nam. Đây tính nhân bản :

*Em bé lên sáu tuổi
Lủi thủi tìm miêng ăn
Bố : cường hào nợ máu
Đã trả trước nông dân
Mẹ bỏ con lay lắt
Đi tuột vào trong Nam.*

*.....
Bụng phình lại ngặng cổ
Mắt tròn đỏ hoe hoe
Em nhìn đời bỡ ngỡ
Lạy bà xin bát cháo
Cháu miếng cơm, thầy ơi !
Có một chị cán bộ
Đang phát động thôn ngoài
Chợt nhìn ra phía ngõ
Nghe tiếng kêu lạc loài.
Chị rùng mình nhớ lại
Năm đói kém từ lâu
Chị mới năm tuổi đầu
Liếm lá khoai giữa chợ.
Chạy vùng ra phía ngõ
Dắt em bé vào nhà
Nắm cơm dành chiều qua
Bê cho em một nửa.*

*.....
Chị đi bỗng lủi lại
Nhìn đứa bé mồ côi
Cố tìm vết thù địch
Chỉ thấy một con người...*

Hoàng Cầm còn viết một vở kịch thơ ngắn, nhan đề **TIẾNG HÁT**, nói về truyện Trương Chi. Thi sĩ biến lời hát ái tình của Trương Chi thành tiếng gọi của Tự Do. My Nương là tượng trưng cho giới văn nghệ bị kìm hãm và Quận Công, cha của My Nương là đại diện cho uy quyền độc đoán. Trong vở kịch thơ này còn có thêm nhân vật Hồng Hoa, nữ tỳ, tượng trưng cho nhân dân đói khổ. Tiếng hát kêu gọi mọi người đang bị hành hạ hãy đứng dậy :

*Nào người quả phụ trắng khăn tang
Nào đứa em mồ côi khát sữa
Nào ai sống nhục, chết oan
Nào ai tan lìa đôi lứa
Nghe tiếng hát này.*

Trong khi người cha của My Nương truyền lệnh : Khoá kín cửa lâu, lấp cả sông, để

không còn tiếng hát (2) thì tiếng hát tự do vẫn lọt tới lòng người :
Cửa ngoài bằng đá tảng, tiếng hát đầy được vào
Vì đó là tiếng gọi của trời cao đất rộng.

Và Mỹ Nương, tức là giới văn nghệ, vẫn gan góc :
Cánh cửa khoá [...] ta mở được
Ta vượt qua tường đá
Ta chạy ra sông đi bốn phương trời
Tìm tiếng hát, ta đi cùng thiên hạ...

Sau phong trào phản kháng vào cuối thập niên 50 của tất cả trí thức Hà Nội, Hoàng Cầm cũng như các bạn bè trong nhóm Nhân Văn Giai Phẩm bị đối xử ra sao, mọi người đã biết. Phải đợi cho tới gần đây, với phong trào glasnost ở các nước Đông Âu và với sự cởi mở ở Việt Nam thì địa vị nhà văn, nhà thơ của anh và của những bạn anh mới được phục hồi.

Tôi không biết sự thương nhớ của tôi đối với một người bạn thơ xa xưa -- qua những **Hoàng Cầm Ca** -- có làm cho thi sĩ bị phiền lụy (3) hay có đem lại cho anh một an ủi nhỏ nhoi nào không, nhưng tôi rất vinh hạnh được có mặt trong đời anh từ khi còn trai trẻ cho tới khi đã tóc bạc răng long, mặc dù tôi chỉ được gần anh trong một thời gian rất là ngắn ngủi. Sự chung tình đó cũng còn nhờ ở phép lạ của cuộc đời khiến tôi bỗng gặp lại vợ cũ của anh và người con gái tôi "quen biết" khi còn là bào thai trong bụng mẹ, cùng một lúc với việc tôi khám phá ra những bài thơ ẩn dụ của anh.

Trong vòng 10 năm nay, tôi luôn luôn có mặt trong gia đình anh để theo dõi quãng đời của anh vào lúc xế chiều. Để được nghe ngân nga một số câu thơ trác tuyệt của anh gửi cho vợ cũ và con gái :

Trích Đoạn Kiều Loan Ngâm Thơ

Rực sáng chân mây một điệu đàn
Biển động bùng chớp mắt Kiều Loan
Mắt diên, mắt sóng men huyền diệu
Xanh thắm hàng mi bến hợp tan.
Cả Thái Bình Dương là hạt lệ
Một người đi biệt một hành tinh
Cả dãy Trường Sơn là dấu phẩy
Ngắt dòng thơ trang sử u tình.
Bầy sắc mây chìm đợi bão tan
Hôm nào nắng xoá vết thời gian...
Gò cao má ửng đùa thiên mệnh
Em có về không ? Hỡi tiếng vang !

Tôi nhận Kiều Loan, con ruột của Hoàng Cầm là con nuôi và đã giúp đỡ cho con gái về cả đời sống vật chất lẫn đời sống tinh thần, lo lắng cho con nuôi trong việc gia đình cũng như trong công việc làm ăn. Thấy con gái nuôi thích văn nghệ, đã nhiều lần, Kiều Loan xuất hiện bên tôi trong những buổi ngâm thơ hay diễn kịch thơ... Tại San Jose là nơi cư ngụ, Kiều Loan rất được hoan nghênh mỗi khi xuất hiện trước khán thính giả với tiết mục ngâm thơ hay diễn kịch.

Tiếng thơ Hoàng Cầm lúc nào cũng có khả năng gọi người về. Về với tình yêu, về với gia đình, về với xóm làng, nói tóm lại về với quê hương mà suốt đời Hoàng Cầm xưng tụng :

Có lặng thầm ru vọng tiếng Khanh ?

Dòng lệ mặn dấu tê môi héo

Ngừng đầu sao sáng bóng long lanh

Sao treo lối nhỏ về quê mẹ

Mẹ gọi nghìn thu : Con hỡi ! ... Khanh !

Ai gọi nghìn thu : Em hỡi ! ... Anh !

Tôi muốn được coi như người bạn thơ cũng róng tiếng gọi tôi qua những câu thơ mà vào một hoàng hôn rất tím, trong một quán ăn rất sang, trên bãi biển San Francisco rất vắng, người con gái của thi sĩ là Kiều Loan đã ngâm cho tôi nghe :

Đất Bắc ngậm ngùi thương phận bạc

Điù hiu thân thể bến sông mơ

Chân ai đi lén về xa đó ?

Bỏ lại vườn hoang bóng nguyệt mờ

Nước nở canh khuya hoài thánh thót

Khóc làm chi nữa tuổi đương tơ...

Gần đây (1989-90) Hoàng Cầm tái xuất hiện trên văn đàn với những tập thơ **Men Đá Vàng, Mưa Thuận Thành** trong đó tôi thấy con tim khối óc của anh vẫn bền vững như gạch Bát Tràng, vẫn ướt át như cơn mưa hồi sinh của dân tộc. Trong tập **Mưa Thuận Thành**, Hoàng Cầm cho đăng nguyên văn bốn bài thơ trong tập **Đường Về Kinh Bắc** mà tôi phổ nhạc với những tên **Lá Diêu Bông, Cây Tam Cúc, Quả và Về Với Ta...**

Chúng tôi đã trao đổi thư từ trong đó, hai ông già ngoài 70 tuổi vẫn cứ xưng hô mày tao như trong tuổi 20. Chúng tôi đều cho rằng cả hai thằng bạn, vào lúc gần đất xa trời, rốt cuộc đều thấy đời mình chỉ là một cuộc chơi ! Cuộc chơi đã đưa hai đứa lên rất cao, rồi cũng đã chìm hai thằng xuống rất sâu nhưng cả hai kẻ đang tử này đều được cứu rỗi bởi một sợi dây bí ẩn.

Đó là sợi dây cảm nhận, rung động và sáng tạo nghệ thuật làm cho chúng tôi, sau nhiều cơn vật vã, vẫn có thể gạn đục khơi trong rồi làm ra những vần thơ điệu nhạc lung linh sức sống kỳ diệu của con người. Vâng ! *Nghệ thuật đã rửa hồn chúng tôi*, như Hoàng Cầm nói : *ton art purifie ton âme* và sẽ còn giúp chúng tôi đi nốt con đường đã chọn : CON ĐƯỜNG BÌNH, tình nước, tình người.

Viết thêm : Bài này được viết ra từ đầu năm 1984 với ý định sẽ cho vào HỒI KÝ IV. Qua năm sau, nghĩ rằng đây là chuyện liên hệ tới nhà thơ và đã có chút dễ dãi cho việc người Việt hải ngoại trở về thăm quê hương, tôi nhờ hai người bạn là BS Bùi Duy Tâm và cô Quế Hương đem bài này -- dưới đầu đề **HOÀNG CẦM TRONG TÔI** - - cùng với một đoạn video ngắn tới cho Hoàng Cầm. Ít lâu sau, anh bạn có những phản ứng mà tôi xin được ghi lại trong chương sau...

(1) Trần Tiến cũng đã dựa vào bài thơ này để soạn ca khúc của anh.

(2) Trạng lòng nhớ tới tiếng hát của mình, than ôi, cũng đang bị cấm đấy !

(3) Hoàng Cầm bị bắt vào năm 82 vì nhờ một Việt Kiều đem tập thơ MEN ĐÁ VÀNG ra ngoại quốc cho con gái. Không phải vì Hoàng Cầm Ca...

*Nếu anh còn trẻ như năm cũ
Sức mấy... em về sống với anh ?
nhại Hoàng Cầm*

Chương Mười Lăm

Chương 14 đã ghi lại một giai đoạn trong cuộc đời soạn nhạc của tôi, gọi là giai đoạn **Hoàng Cầm Ca**. Một đoạn dài của chương này, dưới nhan đề **Hoàng Cầm Trong Tôi**, vào năm 1985, đã được gửi về Hà Nội cho nhà thơ họ Hoàng. Anh bạn già đã hồi âm như sau :

*Duy,
Nhờ anh Bùi Duy Tâm và Quế Hương, tao mới thực sự đọc được lòng mày trên vài trang thư. Cái "Hồi Ký Hoàng Cầm Trong Tôi" ấy tao đã đọc từ tháng Tư vừa rồi. Đưa mấy bạn già biết cả tao lẫn mày, xem, họ đều cảm kích vì tình bạn gần 40 năm của hai thằng nghệ sĩ đã sắp đi vào cõi hư vô. Nói thế thôi, chứ cũng phải kiêu hãnh nhận thấy rằng ít nhiều hai thằng cũng có góp vào cõi hư vô vô biên ấy một chút gì gọi là cái hằng số tồn tại của Nhân Bản để sau này chỉ ít cũng còn đôi ba người nhớ đến, hát đến, đọc đến mà thêm được năng lượng sống của con người mà thêm thương yêu nhau, gắn bó hơn vào nhau nhau, những con vật tối linh trên mặt quả đất này, những vật vốn dĩ cũng mong manh không hơn những bong bóng sà phòng thổi bé sinh ra từ cái cọng rơm hay ống rau muống. Mày nói lúc này là lúc êm êm chờ chết, đá đít tất cả rồi, ừ, thế là phải và cần như thế. Cõi Phật thì người ta gọi thế là vào cõi Thiền rồi. Nhưng chắc không ?*

Như vậy là vào năm 1985, Hoàng Cầm và những người bạn già của chúng tôi ở Hà Nội (có thể là các "cụ" Nguyễn Hữu Đang, Văn Cao, Trần Dần, Phùng Quán, Lê Đạt v.v...) đã *đều cảm kích* vì đọc thấy trong bài viết (bài **Hoàng Cầm Trong Tôi**), *mối tình bạn gần 45 năm của hai thằng nghệ sĩ đang sắp đi vào cõi hư vô...*(theo lời viết trong thư Hoàng Cầm). Tôi rất vui, vì thấy rằng : trước khi *đá đít* cuộc đời -- hay bị cuộc đời *đá đít* -- tôi đã có dịp mở tấm lòng mình ra với thằng bạn ở nơi không gian xa tít và sau một thời gian tưởng như vô tận.

Rồi cuộc đời đẩy đưa tôi thênh thang trên đường hát rong, hát dạo... cho tới năm 1992, đối với tôi, loại **Hoàng Cầm Ca** đã đi vào dĩ vãng. Những bài ca đầy ẩn ngữ này, khó hiểu hay dễ hiểu, nhạc dở hay nhạc hay, đã chẳng còn được ai nghe và cũng chẳng còn được tôi hát nữa, ngoại trừ bài ca ái tình của tuổi 60 hay 70, bài **Tình Cầm** còn thỉnh thoảng văng vẳng trong thính không hải ngoại...

Thế nhưng chuyện "*lá diêu bông*" bây giờ bỗng nhiên được nổi tiếng như còn qua một bài hát từ trong nước tung ra hải ngoại, bài này chắc chắn đã lấy hứng từ những bài thơ trong tập **Đường Về Kinh Bắc** hay qua những **Hoàng Cầm Ca**. Đó là bài **Sao Em Vội Lấy Chồng** của Trần Tiến.

Ở hải ngoại, con trai tôi (Duy Quang) là người đầu tiên thu thanh bài hát này vào băng nhạc. Tôi không hiểu -- và cũng chẳng cần hiểu -- có phải vì bài **Lá Diêu Bông** của tôi soạn ra từ 7, 8 năm về trước, mà bây giờ đã có thêm Trần Tiến phụ giúp tôi trong việc vinh danh một nhà thơ bị bỏ quên hay không ?

Có một lúc bài **Hoàng Cầm Trong Tôi** được đăng trên nguyệt san **HỢP LƯU**, coi như là một chương trong cuốn **HỒI KÝ** thứ tư mà tôi đang hoàn tất...

Thời gian qua đi... Một ngày mùa Thu năm 1992, tôi được anh em văn nghệ ở cả trong nước lẫn ngoài nước cho tôi biết là Hoàng Cầm đã gửi một lá thư cho báo **HỢP LƯU**, phê bình tôi rằng tôi đã cho vào **Hoàng Cầm Ca** *những ý định không phải là của thi sĩ*. Ông đã cho rằng *tôi đã trông gà hoá cuốc, nhìn hoa trong rừng khuya...*

Tôi hiểu ngay vì sao lại có chuyện này... Chẳng cần suy nghĩ gì cả, tôi gửi ngay cho anh bạn thơ một lời xin lỗi công khai, cũng đăng trên báo **HỢP LƯU**, số đặc biệt về Văn Cao... Nhưng tôi cũng phân trần rằng : *trong vấn đề văn nghệ, nếu tác giả có quyền tự do sáng tác thì độc giả cũng có quyền tự do cảm nhận...* Tôi xin lỗi Hoàng Cầm vì đã chót nhìn anh như *một nhà thơ hiền ngang...*[...] *tưởng đó* (thơ ẩn dụ của H.C) *là những mặt trời mọc trong đêm khuya...*

Để yên lòng mọi người, từ đó tôi không nhắc tới những bài hát tuyệt vời này với bất cứ ai ở trên đời này nữa... Thản hoặc, khi có một vài người thấy chuyện tình và nghĩa của cái **lá diêu bông** kỳ diệu đã xảy ra như thế giữa tôi và Hoàng Cầm, họ an ủi tôi, họ vỗ về tôi... thì tôi đã tâm sự rằng :

Trong một đoạn đời u uất, nặng nề của kiếp ca nhân trên đường lữ thứ, tôi đã được cứu rỗi bằng những hình ảnh *lá diêu bông, vườn ổi, cổ bài tam cúc, con bé vàng lạc mẹ, con chim cu ngồi gù rặng tre, con chim vành khuyên nhớ tổ, con cá đồng đông đã nhắm mắt ngủ vui...* của người bạn thi sĩ mang tên Hoàng Cầm...

Chính những hình ảnh chan chứa tình quê của nhà thơ này mà ngay đầu thập niên 80, tôi đã tìm lại được hứng thú trong sáng tác và đã nuôi ý định sẽ sớm hay muộn trở về nơi quê cha đất tổ. Do đó khi hoàn tất **HỒI KÝ** 4 này, tôi vẫn cần giữ lại chương sách đã viết về **Hoàng Cầm Ca**.

Tiếp tục ca hát cho đời, trên hành trình nghệ thuật, tôi rời bỏ **Hoàng Cầm Ca** để soạn :

1.- **Mười bài rong ca** với nhan đề **Người Tình Già Trên Đầu Non** để hẹn ngày về vào năm 2000, trong đó có bài **Mẹ Năm 2000** với lời khuyên nhủ rằng : *tất cả người Việt nên biết hối lỗi, phải xúm xít lại rồi giải cứu cho người...* Người đây là Mẹ Việt Nam đấy !

2.- Đồng thời, tôi sửa lại nội dung và hình thức của một **tổ khúc** tôi đã bỏ dở gần 15 năm trời, để cho bầy chim bồ xứ có ngày **hội xứ**, chim dữ thì đi giữ biên cương, chim hiền thì đi xây tổ ấm...

3.- Sau đó ít lâu, tôi soạn tiếp **mười bài thiên ca** đi kèm với **mười bài đạo ca**... rồi còn soạn thêm **trường ca Hàn Mặc Tử** để xây lại đời sống tâm linh của chúng ta, từ lâu đã phiêu bạt hay mất tích rồi...

4.- Cuối cùng tôi mời tất cả mọi người tới với nhau để cùng nhau tự tình trong một bức tranh vĩ đại, bức **Minh Họa Truyện Kiều** của Nguyễn Du.

Cuộc đời trôi đi, trôi đi... Tỉnh thoảng, Kiều Loan đem vở **KIỀU LOAN** tức **NGƯỜI ĐIỀN** mà Hoàng Cầm soạn ra từ năm 1945 và những bài thơ kháng chiến của anh để tổ chức những buổi **Ngâm Thơ** hay **Kịch Thơ**, khi thì ở San José, khi thì tại Westminster hay Houston... Tôi đều tham gia để cho những buổi văn nghệ này thành công hơn về phương diện tài chánh.

Chuyện **Hoàng Cầm Trong Tôi** tưởng đâu đã hết. Năm 1993, bỗng nhiên Hoàng Cầm gửi cho tôi bản thảo một bài viết của anh nhan đề **Phạm Duy Trong Tôi**.

Bài này sẽ mang cái tên **ĐƯỜNG TA TA CỨ ĐI**, nằm trong cuốn sách **HOÀNG CẦM -- VẪN XUÔI** và đã được nhà xuất bản **VĂN HỌC** ở Hà Nội ấn hành vào tháng 11, 1999.

Đường Ta, Ta Cứ Đi

Nhớ bạn nhạc sĩ P.D

Người trẻ tuổi đang từ ấy đi phơi phới trong màu xanh núi rừng Việt Bắc. Anh chàng vút bỏ cái vết tông rề tiền ở Hà Nội phủ hoa đổi lấy bộ quần áo chàm. Với cái ca lô đội lệch, vàng xỉn, chả biết được của ai, dáng vẻ lẳng lơ, và cái ba lô con cóc, đôi giày ba ta đã hơi hơi há mồm, trông đúng cậu công tử Hà Nội nhà nghèo, vì thích ca hát, mê đời tự do, bỏ nhà đi hát rong. Anh chàng hát rong dễ dàng hòa nhập với những ngày tháng đầu tiên -- còn rất lãng mạn -- của cuộc chiến chống thực dân Pháp.

*Kìa đoàn người đi lang thang trên đường gian nan
In hình qua mây núi xanh lơ bát ngát
Lúc chiến đấu xa nhà nhịp theo nguồn sống mới
Người vui đời giang hồ... nơi miền quê. (PD)*

Một ngày giữa năm 1947 -- Tôi và vợ tôi, Tuyết Khanh, đang còn ngỡ ngàng tiếc những đêm diễn kịch thơ *Kiều Loan* ở Nhà hát thành phố bị đứt đoạn vì những trò khiêu khích của của bọn mũ nồi xanh, lính của tướng Leclerc, hai vợ chồng đã xông lên một vùng rừng đang rất xa lạ với mình, nhập luôn vào Vệ quốc đoàn chiến khu 12, rồi mầy mò tìm bạn, thành lập ngay một đội văn nghệ tuyên truyền, có thể gọi là đội Văn công đầu tiên của Quân Đội gồm mười một anh chị em, 3 nữ 8 nam kể cả một cậu y tá với túi thuốc nghèo nàn cứ khăng khẩn xin với ông Lê Quảng Ba, chỉ huy trưởng quân khu, được đi theo đội văn nghệ để trông nom sức khỏe cho mọi người nay đây mai đó, đến với từng trung đội, đại đội Vệ quốc quân, dân quân, du kích khắp bốn tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Ninh, Lạng Sơn để biểu diễn đủ loại kịch ngắn, kịch cượng, ngâm thơ, hát tốp ca, đơn ca, múa vài ba điệu dân đã học được của đồng bào miền xuôi, miền ngược. Tóm lại là một tốp nhỏ anh chị em hăng hái và sôi nổi phục vụ một cuộc "trưng chơi với đá" thực kì thú trong lịch sử một dân tộc không bao giờ chịu khuất phục, giặc to đến đâu, sức mình bé đến mấy cũng đánh, mà đã đánh là phải thắng. Hồi đầu ấy, những "tiết mục" rất xoàng xĩnh, thậm chí có khi ngô nghê nữa, mà sao các anh nông dân mặc áo lính còn chưa đọc thông viết thạo lại say sưa thưởng thức đến thế ! Nửa đêm nay tiểu đội A đi phục kích ư ? Trung đội C đi quấy rối địch ư ? Chập tối họ vẫn được nghe ngâm thơ sang sảng...

*Đêm liên hoan, bạn ơi, đêm liên hoan
Đầu nhấp nhô như sóng biển ngang tàng
Tôi muốn thét cho vỡ tung lồng ngực
Vì say sưa tình thân thiết Vệ quốc đoàn.
(Đêm Liên Hoan, thơ H.C)*

nhiều khi họ lại "đồng ca" luôn theo đội văn nghệ :

*Đường ta ta cứ đi
Nhà ta ta cứ xây
Ruộng ta ta cứ cấy
Đội ngày...*

Say sưa, họ còn vỗ tay theo điệu hát :

*Ngày mai ta tiến lên
Diệt tan quân Pháp kia
Cười vui ta hát câu tự do...
(Nhạc Tuổi Xanh -- PD)*

Vào một buổi chiều cuối thu 1947. Trên đường đi sông máng đi từ đèo Takun (riêng Pháp

đặt thay Việt ngữ : tên gọi đập Tháp Huống) có 3 người, 1 quãng ghi ta, 1 đeo áccoocđông, 1 cầm clarinette, ngơ ngác hỏi thăm chỗ đóng quân của Đội Văn nghệ tuyên truyền khu 12. Đó là anh P.D, Ngọc Bích, Ngọc Hiền, đang tìm về với đội văn nghệ của Hoàng Cầm sau khi Đoàn Kịch Chiến Thắng của các anh giải thể.

Tối hôm đó, trong căn nhà ẩm cúng ven rừng Yên Thế, trong ánh sáng ngọn đèn măng sông, ông Lê Quảng Ba giới thiệu ba chàng văn nghệ này với tôi. □ có gì lạ nhau đâu, P.D đây mà, với giọng nói cổ làm ra vẻ trịnh trọng : "Tôi ở trên Ban Văn Nghệ Trung Ương, nghe tin anh Hoàng Cầm mới lập một đội văn nghệ lưu động, tôi và hai bạn tôi đây nhất quyết về với các bạn khu 12, vì toàn là trẻ trung cả."

Rồi qua cặp kính trắng rất tài tử, P.D chớp chớp đôi mắt lẳng lơ nhìn các nữ nhân viên trẻ đẹp của tôi : Tuyết Khanh, Thúy Nga, Kim Oanh đến nỗi cả ba cùng ngượng ngịu, đưa mắt nhìn nhau, tủm tỉm. Tôi với P.D quen biết nhau từ sau Cách mạng tháng Tám. Chỉ biết qua loa về gia cảnh anh, hình như có chuyện éo le gì đó. Mới 16 tuổi đã bỏ nhà đi theo những bậc đàn anh như Nguyễn Xuân Khoát, Lê Thương, Đàm Quang Thiện, học được cách ghi xướng âm và những điều cơ bản về âm nhạc, chẳng bao lâu tài năng bộc lộ, anh chịu khó chất lọc, sử dụng tinh hoa dân ca miền Bắc. Vốn thông minh, học một biết hai, anh đã có thể đi đàn ở các tiệm nhẩy để mưu sinh. Vốn là một cậu con trai dòng dõi văn hoá nghệ thuật lại sớm đa tình, miệng cười rất có duyên. tán chuyện với những cô gái cũng rất hóm hỉnh, quyến rũ, nên anh chàng bảnh trai này sớm có những chuyện dập dìu yếm oanh. Sẵn có một trái tim đa cảm, nhiều cánh vỗ vào bầu trời lãng mạn, vào không khí trữ tình, vào cả gió bão thất thường của những năm thể chiến mà xứ sở Việt nam không thể không bị cuốn vào cơn khời lửa hỗn độn, anh chưa bao giờ ở lâu một chỗ, tuổi trẻ của anh bồng bóng gió Bắc mưa Nam, và ánh sáng nhấp nháy của những đô thị nào động cũng cuốn anh vào những xập xình của cuộc sống phồn thực mà khoái cảm là một phương thuốc hiệu nghiệm để trốn chạy thực tế bão táp phủ phàng. Nghèo, nhưng mang cái máu của thi sĩ Tản Đà đã thú nhận : "Giang hồ mê chơi quên quê hương", anh chỉ khác Tản Đà ở chỗ tâm hồn không neo vào một bến quê nào nhất định, hồn anh từ 16 tuổi đã phiêu bạt và phiêu diêu với nhiều đam mê lắm khi chao đảo, anh không lúc nào muốn buộc mình vào một sợi dây vướng víu, kể cả sợi dây tơ tình đẹp nhất, anh cũng chỉ choàng lên cổ tự ngắm vuốt, tưởng như thích thú lắm, nhưng rồi chỉ mấy ngày bướm đậu rồi bướm lại bay thôi, anh có thể bút đi mà tiếp bước giang hồ nhẹ tênh.

Tôi rất thích khi có bộ ba "xe pháo mã" ấy, một bộ ba hồng mà P.D là cây xe không lúc nào muốn dừng bánh. Từ cuối năm 1947 ấy các anh đã thành cô panh (bạn chia nhau từng mẩu bánh) của tôi. Ngọc Bích thì vui tính thường viết những bài hát vui, giản dị cho bộ đội dễ thuộc. Ngọc Hiền ít nói hơn nhưng với chiếc kèn clarinette lắm lúc cứ nỉ non thiết tha như mời gọi, anh lại hóm hỉnh, lúc nói chuyện đã pha trò là có duyên ngay.

Riêng P.D, trong khoảng 13 tháng sát cánh bên nhau thì tôi cần phải nói rằng có anh trong đơn vị, người tôi như mọc thêm cánh. Đóng quân ở đâu độ bốn năm ngày là anh sốt ruột ngay, lúc nào anh cũng ham cảnh vui, người lạ, những cuộc "kỳ ngộ" trên đường rừng, lối mòn Thái Nguyên - Lạng Sơn - Bắc Giang - Đồng Mô rồi Phố Bình Gia - Văn Mịch, rồi từ Sông Thương đến sông Kỳ Cùng, từ đèo Nong "nghìn thước lên cao, nghìn thước xuống" (Quang Dũng) tới đất cù Đề Thám với xứ sở Cai Kinh, đèo Đồng Mô thấp hơn nhưng lại tình tứ hơn vì trên đỉnh đèo có mấy quán cà phê, trứng, sữa, bán cả phở bò, cháo gà mà chủ nhân là mấy chị em người thành thị tản cư, áo phin nhuộm nâu, quần lĩnh tía, vẫn còn thiết tha cái "dáng kiều thơm", chưa quen nổi truân chuyên trong khói lửa loạn li.

Tôi thường chiều ý P.D, vì biết cứ xê dịch luôn, có cảnh đẹp lạ mắt, có những cô gái xinh tươi thì thế nào P.D cũng bật ra được những giai điệu say mê, trữ tình, mặc dầu đề tài nhiều bài ca nổi tiếng của anh không phải là chuyện tình nam nữ hoặc chuyện xa cách nhớ nhung, thờ ngán than dài như một số ca khúc buồn trước cách mạng. Tôi cứ chuyển quân liên miên, nay đơn vị A, mai sang đơn vị B, nay vừa biểu diễn ở Nhã Nam, mai đã sang Bồ Hạ, ngày kia đã từng bừng tiếng ghi-ta thánh thót trong đêm lạnh chân núi Mẫu Sơn, rồi chỉ vài hôm sau, đội của tôi đã hát vang trong bóng núi Chi Lăng, nơi gần 600 năm về trước, tên giặc Liễu Thăng chết gục dưới mũi kiếm của đoàn quân do Bình Định Vương Lê Lợi chỉ huy và thiên tài Nguyễn Trãi bày mưu tính kế. Có thể nói chúng tôi đi không biết mỏi. Ngày đi, tối biểu diễn, có khi trên sân nhà đồng bào Tây, có khi đốt lửa trong hang đá lạnh thấu xương hát cho tiểu đoàn của anh Thế Dũn vừa thắng trận Bồn Lau trở về. Thờnà

những đêm hát như thế, đội văn nghệ chúng tôi, đặc biệt là P.D tha hồ mà thưởng thức loại cà phê thượng thượng và hút thuốc lá "Craven A" cao cấp trong số chiến lợi phẩm mới thu về.

Sáng ra lại xuất quân - P.D mê man đi, vừa đi vừa lảo nhảm thảm thì sáng tác thì chợt đến khi bắt được một giai điệu đẹp, tha thiết, là anh ngồi ngay xuống tảng đá bên đường, lấy bút giấy ra ghi. Nếu chỉ qua một đoạn đường mà xong được một bài, anh lập tức kêu tôi và các bạn dừng lại, túm tụm trên vệ cỏ, nghe anh hát :

Đường Lạng Sơn âm u (ừ ừ)

Gà bình minh êm ru (ừ ừ)

Vắng nghe thấy tiếng súng trong sương mù

Đường Thất Khê bao la (à à)

Rừng núi ta xông pha (à à)...

.....

Thường những lúc như thế, nhân thể tôi cho toàn đội nghỉ, tìm một xóm nhà dân nào đó gần nhất, xin trú quân, thổi cơm ăn, đồng thời bảo mấy tốp ca học thuộc ngay vài hát anh vừa hoàn thành. Cứ như vậy, toàn đội, đặc biệt là P.D đã truyền cho tôi sức mạnh dẻo dai để vừa đi vừa sáng tác. Ghi ngay thành thơ hoặc chủ đề kịch ngắn, những cảm xúc, những ý tứ bất chợt loé lên trong tôi. Sáng tác đến đâu, biểu diễn luôn đến đó, anh chị em lại động viên tôi say sưa với nhiệm vụ của người đội trưởng tháo vát, biết tổ chức đời sống, chỉ đạo phương hướng làm việc, đạt hiệu quả cao nhất trong các đơn vị bộ đội đóng rải rác khắp bốn tỉnh và trong các làng bản mà nhân dân tuy chưa hiểu kháng chiến được bao nhiêu, nhưng do những lời ca tiếng hát nên đã yêu mến và hết lòng ủng hộ bộ đội, nuôi chiến sĩ và làm nghĩa vụ với chiến trường. Chỉ trong vòng chưa đầy 12 tháng, P.D đã liên tục sáng tác hàng chục ca khúc, có nhiều bài chỉ hát đôi ba lần. Bộ đội đã thuộc lòng, chúng tôi còn phân công dạy hát cho các đơn vị từ trung đội đến trung đoàn và cả nữ dân quân, dân công tải đạn, cáng thương bệnh binh. Gì chứ về cái công việc đi sâu, đi sát vào đời sống chiến sĩ này thì P.D hăng hái, sôi nổi nhiệt tình số một, vì bất cứ ở đâu có nhiều chị em, D cũng thăm thì cho đội trưởng biết : cô kia có đôi mắt đẹp quá, chị này thật lãng mạn, cô nọ sao lại có nụ cười quyến rũ thế kia. Tôi cũng thừa biết cái thú say mê ấy của D đã đẩy ngòi bút xúc cảm của anh ghi nhanh nhiều giai điệu nồng nàn uyển chuyển, với 1 lời ca thâm thiết, với bao nốt nhạc khí phách hào hùng hay hào hoa phóng khoáng nữa kia, nên bao giờ tôi cũng đồng tình với D về một loại công việc mà D thường nói đùa là "việc sinh sự, sự sinh" ấy.

Tôi nhớ mãi một chuyện ở phiên chợ Bó Tuồng, dưới chân đèo Đồng Mỏ, có ba chị em người Nùng thấy P.D ngồi ở một cái quán nước tay đàn miệng hát. Thế là các cô cứ xán đến, rất bạo dạn, kéo vai áo anh nhạc sĩ đẹp trai này và ân cần, nài nỉ mời anh và cả "đồng chí chỉ huy nữa vớ !" về nhà chúng em chơi đi, gần đây thôi vớ, đàn hát cả đêm nay đi, hay 1 ấm vớ. Pì nóng chúng em thích bộ đội đàn hát lắm đấy mà ! P.D nháy mắt với tôi như muốn bảo : đội trưởng đồng ý chứ ? Chuyển công tác ấy, vợ tôi vì có thai đã được 6 tháng, cấp trên bắt tôi phải để vợ nghỉ an dưỡng trong một quân y viện ở huyện Hữu Lũng, do vậy tôi cũng được rảnh rang hơn, nhưng trước sự mời mọc quá tha thiết, ân cần của ba cô gái người Nùng tôi phân vân do dự, bối rối vô cùng. Ngày hôm ấy chúng tôi còn phải đi gần 20 cây số nữa đến điểm hẹn biểu diễn phục vụ một Trung đoàn sẽ có mặt của ông Lê Quảng Ba, ông Phan Phúc Tường, Chính ủy Quân khu và nhiều cán bộ đang chuẩn bị những trận đánh lớn dọc quốc lộ số 4, một con đường chiến lược huyết mạch của địch nối liền từ Quảng Ninh lên đến Cao Bằng. Ông Quảng Ba đã có liên lạc hẹn trước với tôi rồi. Không thể về nhà ba cô gái kia được.

Bây giờ đã gần 9 giờ sáng, chơi chợ một lát rồi phải đi ngay, chiều đến nơi, ăn cơm xong, nghỉ một chút là biểu diễn luôn. Vậy rẽ ngang mà du hí thế nào được. Hồi đó tuy quân phong quân kỉ còn sơ sài, kỉ luật cũng chưa chặt chẽ lắm, nhưng tôi rất lo trách nhiệm của mình, không thể làm lỡ việc của anh Ba, để bộ đội phải chờ đợi văn công. Tôi khẳng khái từ chối. P.D cố thuyết phục năm lần bảy lượt, thì thảm những lời đường mật "Bộ đội vẫn ở đây, không xem hôm nay thì mai, có sao đâu. Chứ đã lên đây, không ở chơi với gia đình đồng bào Tây Nùng một ngày, với ba cô bé xinh đẹp của xứ Lạng thế này, tao thấy tiếc, tiếc lắm. Đồng ý đi mày, mai anh Ba có phần nản gì, mày cứ bảo tao bị sốt rét dọc đường, là được".

Tôi càn bối rối vì trong tôi : trách nhiệm và thích thú cá nhân đã giằng co nhau mãnh liệt.

lại phải cái tính cả nể, nên có lẽ mặt mũi tôi lúc đó chắc là trông buồn cười lắm. Rồi cả ba cô, tiếp đến chín, mười cô và dễ thường đến một nửa cái chợ Bó Tuồng ấy mỗi lúc một xúm đông quanh chúng tôi và P.D. Họ cũng đoán tôi là "cấp chỉ huy" gì quan trọng lắm đấy, nên các cô gái cứ vây lấy đồng chí chỉ huy à ! Về nhà chúng em vui lắm vợ ! Trừ có vợ chồng nhạc sĩ Văn Chung là không có ý kiến gì, còn hầu hết anh chị em trong của tôi đều tán đồng với anh chàng đầu tàu P.D :

-- Nên đi cho biết anh Cẩm ơi ! Bộ đội thì quen quá rồi còn đồng bào miền núi, mình đã biết gì lắm đâu ! Đồng ý đi, anh đội trưởng ! Cuối cùng tôi cũng đành nhượng bộ và quả thật, từ lúc đến nhà ba cô, cuộc vui thật là "đầy tháng" (tuy chỉ có nửa ngày, và một đêm) và "trận cười suốt đêm" (Nguyễn Du).

Sáng hôm sau, lúc chia tay với gia đình ấy trông D ùu xiu : dùng dằng mãi, không quàng nổi cái dây đàn lên cao, còn riêng tôi khi xuống cái cầu thang nhà sàn, sóng đôi với cô chị lớn tuổi nhất ra đến đầu ngõ, tôi cảm thấy hồn mình đã bị ai buộc chặt vào cái cột nhà sàn mất rồi, chỉ còn cái xác vật vờ, chệnh choạng mà vào phút cuối cùng chia tay với cô chị (tôi còn nhớ tên là Ché Mai và tên cô bạn của P.D hôm ấy là Ché Cẩm) Ché Mai níu chặt cánh tay tôi, đưa vạt áo chàm lên lau nước mắt, tôi thì nghèn nghẹn, không nói được gì, nước mắt cứ ứa ra, nhòe hết núi đá, rừng cây và con đường đá trắng quanh co trước mặt.

Khổ ! Cái anh chàng P.D này, đúng y hệt mình thôi, cứ đến "chuyện ấy" tưởng được vui hóa ra lại chuốc lấy cái sầu li biệt. Với D nó cũng nhẹ thoang thoang qua thôi, chứ với tôi, cuộc chia tay ấy nặng như núi đá và cứ xanh thẫm cái màu chàm quái ác và dùng dằng mãi đến khi kết thúc công tác phía Lạng Sơn, về xuôi rồi thậm chí đến hôm nay nữa, khi ngồi viết ra mấy trang hồi ức này tôi vẫn không nguôi nỗi nhớ.

Quả vậy, tôi rời cái bản của Ché Mai, nặng lòng bao nhiêu thì khi ra đến mặt đường tỉnh từ Đồng Mỏ lên Phố Bình Gia, P.D lại phơi phới bấy nhiêu. Anh ta vẫn nhẹ tênh cái hồn say sông núi, cỏ cây xứ Lạng. Rồi mấy anh trong đoàn lại vừa đi vừa hát, nhiều khi làm thơ kiểu "nổi đuôi" nhưng bắt buộc một câu bảy chữ phải cùng một âm cốt, ví dụ : *Đường đá đưa đoàn đi đến đâu* Để quên cái đoạn đường đá lởm chởm đang nhức gan bàn chân. Văn Chung xướng ra câu đầu tiên : "Đường đá đưa đoàn đi đến đâu". một lát P.D nói : "Xa xa xam xam xuống sương sầu". Tôi quên mấy câu do những Trúc Lâm, Ngọc Hiền, Ngọc Bích làm tiếp theo, riêng tôi là người làm thơ thì lại chẳng bật ra được chữ nào vì đang lo việc về chậm nơi tập kết, và cứ nao nao nhớ Ché Mai.

Mới biết về chuyện ân tình nam nữ thì P.D khá nhẹ nhõm, anh ta như gió thoảng qua trên hoa lá, lảng lơ tình tứ đấy mà quên ngay đấy, rồi ngọn gió ấy lại thổi tạt con bướm non sang chòm hoa lá khác. Có lẽ do cái bản chất tênh tênh ấy, mà càng lưu diễn qua nhiều nơi mới lạ thì anh lại càng sáng tác được nhiều chẳng ? Mà không biết có phải cũng vì thế mà phần lớn ca khúc anh viết ở Việt Bắc 1947-1948 đều như thiếu một khoảng gì (không cần sáng lắm) dễ chạm chìm vào lòng người những nét suy tư sâu sắc ? Bài nào anh viết ra đều nhẹ nhõm, dễ thuộc, cũng có thể nhớ lâu, nhưng nhớ lâu chưa chắc cùng một vần với nhớ sâu. Những tác phẩm của anh hồi đầu kháng chiến, tôi ít thấy cái da diết, thấm thiết đến khắc khoải như một vài ca khúc của Nguyễn Xuân Khoát, Văn Cao... Nhưng quả thật P.D lại người viết ca khúc được hầu hết các chiến sĩ bộ đội, cán bộ và thanh niên nam nữ khắp Việt Bắc lúc bấy giờ yêu mến nhất, nhắc nhớ nhiều nhất, vượt xa các nhạc sĩ nổi tiếng khác cùng thời.

Đến khi cuộc sống kháng chiến đi vào chiều sâu thì anh đã không còn ở bên tôi nữa. Như con chim ưa tìm xứ lạ, anh đã bay đi còn để lại trong tôi một cái gì giống như tiếng sáo vi vu, giàn giụa tình nghĩa xóm quê xa với những nẻo đường cũng đã quá xa, tưởng chừng khó có khi gặp lại.

Mười ba tháng tròn bên nhau, ăn cùng một rổ khoai sắn, chia nhau từng cái bắp ngô nướng bếp nhà sàn, từng đợt măng mai măng nứa, đắp chung nhau cái chăn trăn thủ mỏng dính, hệt hững như ca dao của Lê Kim : "Đắp dọc thì hờ hai bên, đắp ngang thì lạnh như tiền cái chân..." rồi cùng chia nhau cả những dây tơ tình vắt thoang qua lướt nhẹ hai vai, rồi đến cả mấy bài hát sáng tác ngay bên cạnh tôi, anh cũng cho phép anh đội trưởng dốt đặc âm nhạc này được hoan hỉ nhập vào một tốp ca do anh bố trí người đàn người hát, ngược lại mấy bài thơ "dài dòng văn tự" của tôi (Đêm liên hoan, Bên kia sông Đuống, Tâm sự đêm giao thừa. Tiến hát sông I ô) anh cũng xin tôi cho được "đóna naôm". Tôi đã chia

đoạn mỗi bài thơ ấy như để đối xứng và giao cho anh những phần có thể ngâm nhiều hơn đọc. Anh thích ngâm thơ và cũng đã thành một "cây ngâm thơ" không phải hạng xoàng. Vậy thì tôi đã giúp gì được anh ? Có lần trong chuyến đi công tác dọc tả ngạn sông Cầu, đi đường, một bên là P.D, một bên là vợ tôi, không biết từ đâu và do cảm hứng gì, thật bất ngờ tôi đột nhiên cất tiếng cao giọng "hát" trọn vẹn một bài thơ của Lưu Trọng Lư mà tôi rất thích :

*... Ai có nghe tiếng hát chị đồ đưa
mà không nhớ thương người quá phụ...
Nằm ấp bóng trăng thừa...*

Tôi hát thật (hoàn toàn không phải "ngâm" như là "nghề" tay trái của tôi, mà càng là "cao tay nghề", "nhà nghề" lắm lắm, nghề ngâm thơ). Dầu chỉ là ngón số đoàn của tôi, P.D cũng rất thích rồi... ngược đời thật... P.D lại "học hát" ở một anh bạn "mít xoài" âm nhạc. Đầu tiên, chỉ là những trò chơi cho quên vất vả đọc đường, nhưng dần dà lại ngấm sâu vào cả tôi và anh. Tôi biết P.D say mê dân ca, anh luôn luôn lắng nghe và tìm hiểu để thụ nhập những lời ca điệu hát của biết bao trai gái quê Bắc Ninh, Bắc Giang, cả những anh chị người Tày, Nùng mà trong 13 tháng ấy anh luôn luôn được tiếp cận. Bởi thế nên lời thơ của dân ca xứ Bắc đã trở thành sinh khí trong các ca khúc P.D hồi đầu kháng chiến chống Pháp. Chỉ cần một phẩm chất ấy trong các sáng tác của anh thời đó là đủ cho tên tuổi anh thành thân thiết với bộ đội và nhân dân từ Trung du lên đến biên cương phía Bắc. Từ khi chia tay với anh lần cuối vào khoảng sau tết âm lịch năm 1951, tuy xa cách, tôi vẫn nhận được nhiều tin về sáng tác của anh. Vào công tác ở khu Bốn dưới trướng Thiếu Tướng "Mạnh Thường Quân" Nguyễn Sơn, một ông "nhà binh" lại đam mê văn nghệ, P.D đã viết những ca khúc đặc sắc : <I< i nớ bên ni Bên Linh, Gio mẹ Bà Trung, miền>v.v... chứa chan sắc thái miền Trung. *Miền thủy dương bóng dờ ngàn thông - Thuyền ngược xuôi suốt một dòng sông dài...* Chúng tôi nghe thấy rõ tiếng sóng bờ biển Quảng Bình, tiếng xao xuyến những đợt mưa ngàn, mưa núi Quảng Trị, thấy cả một bầu trời xanh, rất xanh màu "*hai châu Ô Lý vương nghìn dặm*" (Tản Đà) từ thuở Chiêm Thành, đã tưởng mắt hút qua thời gian lặng lẽ và lạnh lùng. Phong vị dân ca quan họ đã theo anh vào nhiều ca khúc, đặc biệt là bài *Khúc hát hành quân xa* thì giai điệu, âm lượng âm sắc và tiết tấu nào có khác gì với bài thơ Lưu Trọng Lư mà tôi đã bắt chọt hát trên đường hành quân bên bờ sông Cầu năm ấy ?

*Ai có nghe khúc hát hành quân xa
Mà không nhớ thương người mẹ già
Chờ con lúc canh khuya
Người con đã ra đi... vì nước...*
(P.D)

Quan họ, dân ca miền Bắc, hò và dân ca miền Trung thấm vào người anh như nước tưới thấm nhuần cây cam cây bưởi, và anh đã trả lại cho đời những hoa ngát trái lành trên nền âm nhạc Việt Nam với gần nửa thế kỉ những khúc ca đến nay còn bịn rịn vương vấn lòng người.<.p> Rồi sau ngày giải phóng miền Nam, biết tin anh P.D đã đi xa, xa đất nước, xa quê, xa bạn, thú thật lắm khi nhớ anh, tôi cứ tiếc... càng tiếc và nhớ khi thấy hai đứa bạn trẻ ngày xưa, bây giờ tóc đã cùng ngả màu sương tuyết. Gần nửa thế kỉ cách biệt giữa hai tấm lòng tri ân, tri kỉ, không kể còn bao nhiêu cái éo le, truân chuyên của số phận mỗi người, hôm nay tôi cứ ước ao có một ngày nào chẳng hai đứa ôm ngang lưng nhau đi bên hồ trả Gươm (1), mặt hồ "xanh màu cốm đậm" (2), P.D và tôi tha thẩn cái tuổi ngoài bảy mươi, tóc trắng bay nhịp với lá bàng rụng tím bên hồ, đi mà sống lại, nhớ lại một thời gần gũi bên nhau, sóng nước gợn lăn tăn hình như đang se sẽ gợi một khúc hát nào của anh xa xưa. Có thể có ngày ấy không hồi những Tình cờ và Hữu ý, hồi những Hữu hạn và Vô hạn trên thế gian này ?

Hà Nội - Tháng 12-1993

(1) Chữ của Nguyễn Tuân.

(2) Chữ của Phạm Văn Hạnh.

Bây giờ thì chuyện tình **LÁ DIỀU BÔNG** mới được coi là chấm dứt. Thời gian đã gạn

đục khơi trong. Hoan hô cuộc đời, hoan hô cuộc tình ! Hoan hô con người, hoan hô nghệ thuật !

Năm 1998, với sự khuyến khích của tôi, Kiều Loan trở về Hà Nội thăm bố. Được đi thăm đình chùa ở Bắc Ninh, được nghe hát quan họ tại làng Lim, quê hương của Hoàng Cầm...

...được gặp bạn bè của bố như đạo diễn Phan Tội, cựu thủ lĩnh của phong trào NHÂN VĂN GIAI PHẠM Nguyễn Hữu Đang...

... gặp vợ chồng ca sĩ Ngọc Bảo và nhiều người khác...

Về phần tôi, Hoàng Cầm trước sau vẫn là một cảm hứng không bao giờ nguôi. Bắt gặp một bài thơ của anh ở đâu đó, tôi phổ nhạc thành ca khúc để cho Thái Hiền đưa vào một chương trình compact disc nhan đề **Tình Vẫn Rong Chơi** do con gái yêu của tôi sản xuất. Tôi đặt tên bìa cho bài thơ được phổ nhạc là :

Trăm Năm Như Một Chiều

(do Duy Quang hát)

Anh đứng đây là đâu?

Là đâu, anh đứng đây là đâu?

Em cười như lá mỏng

Khép cửa vào chiêm bao a á...

Anh đứng đây là đâu?

Là đâu, anh đứng đây là đâu?

Anh đứng đây là đâu?

Là đâu, anh đứng đây là đâu?

Em nói như gió ghen

Chiều như mây Thị Mầu

Em nhìn như mưa trắng

Trăm năm bay ngang đầu...

Anh đứng đây là em

Là em anh đứng đây là em...

.....

Em đứng đây từ bao

Từ bao, em đứng đây từ bao?

Em từ trong lối hẹn

Hé cửa về mai sau a á

Em đứng đây từ lâu

Từ lâu em đứng đây từ lâu

Em đứng đây từ lâu

Từ lâu em đứng đây từ lâu

Anh tới nơi ước hẹn

Chiều nay như thuở nào

Anh nhìn em trong nắng

Trăm năm như một chiều

Anh đứng đây là em

Và em, em đứng đây là anh...

Mùa Xuân năm 2000, sau 50 năm xa cách quê nhà, tôi trở về Hà Nội, người bạn đầu tiên tôi tới gặp là Hoàng Cầm. Tôi sẽ có dịp viết về chuyện gặp nhau của chúng tôi, sau nửa thế kỷ xa nhau.

*Người đi, đi không thôi, ngày thế giới lên nguồn vui
Ngát như hương lúa mùa, sẽ lên đường trở về
Đường trở về...*
LỮ HÀNH

Chương Mười Sáu

Trong ba năm 1985-88, với hành trang khá đầy đủ, gồm những **tị nạn ca, ngục ca** và **hoàng cầm ca**...tôi ngao du khá nhiều nơi trên thế giới...

... Tôi được mời đi trình diễn tại rất nhiều đô thị lớn ở các tiểu bang trên lục địa Hoa Kỳ như **San Jose, Washington D.C, Houston, San Diego, Chicago, Dallas, Oklohama City, Dayton, Boston, Bridgeport, Sacramento, Oakland, Wichita**... Còn được mời đi **Toronto, Montreal** (Canada)... nữa chứ.

Rồi từ Mỹ Quốc, vượt Đại Tây Dương đi Âu Châu, được mời tới trình diễn tại **London** (England), **Paris, Lyon** (France), **Lugano** (Italy), **Stuttgart, Munchen** (Germany)...

Xong rồi lại từ Mỹ quốc đi ngược về hướng Tây, vượt Thái Bình Dương để diễn tại nhiều nơi trên nước **Úc**, nước **Nhật** và còn may mắn hơn nữa là được ghé hát ở **Honolulu**, hải đảo thần tiên của tôi. (1)

Đi nhiều đến độ thi sĩ Nguyên Sa phải gọi tôi là **đại lực sĩ** trong một bài báo. Anh cho rằng tôi đi nhiều hơn cả hai vị được coi như *tổ sư văn nghệ sĩ lang bạt kỳ hồ*... là Paul Morand và Nguyễn Tuân. Anh viết : *Phạm Duy di chuyển nhiều ở mức kỷ lục, không một nghệ sĩ Việt Nam nào ở trong cũng như ngoài nước có thể so sánh được, mà ngay cả Paul Morand và Nguyễn Tuân cộng lại cũng còn ở dưới cả mức kỷ lục đó rất xa...*

Tại sao vào khoảng thời gian này, nghệ sĩ như tôi lại được nhiều nơi mời tới hát như vậy ?

Hãy nhớ tới một ngày trước đó không lâu. Tôi được mời đi hát tại New York vào mùa Xuân 1982. Cộng đồng Việt Nam tại đây phần nhiều là người Việt gốc Hoa. Họ là những người có tiền, bằng mọi cách đang lo tổ chức vượt biên cho những người Việt gốc Chợ Lớn ra khỏi Việt Nam. Họ tìm được một Sư huynh theo đạo Ky Tô tên là Paul Trịnh Hảo ở New York để giúp họ đưa người vượt biên vào nước Mỹ một cách hợp pháp.

Sư huynh Hảo giới thiệu tôi với cộng đồng người Việt Chợ Lớn để họ mời tôi qua New York giúp vui "tồng pào" trong mấy ngày Tết. Thi sĩ kiêm điện ảnh gia Hoàng Anh Tuấn cũng được mời qua đây.

Sau mấy buổi diễn đông nghẹt khán thính giả, hai chúng tôi có nhiều ngày khá vui vì được sống tại thành phố sinh động nhất thế giới này, đi chơi các khu khác nhau của dân Mỹ gốc Ý, gốc Balan, gốc Do Thái v.v... đi coi tranh của giới nghệ sĩ ở Greenwich Village, đi nghe nhạc, coi kịch tại khu Broadway hay hoà mình vào đông đảo du khách đầy đủ màu da chen nhau đi "rửa mắt" -- nghĩa là ngắm đồ -- tại Times Square. Và nhất là được nếm đầy đủ các món ăn Tàu tại China Town. Còn được đi biểu tình trước trụ sở Liên Hiệp Quốc để chống Liên Xô xâm lăng A Phú Hãn nữa...

Nhưng vào lúc hoàng hôn xuống của mùa Đông mưa lạnh nơi đại đô thị rất hưng dữ này, chúng tôi xuống xe điện ngẫm để trở về nhà của Sư huynh ở khu Bronx thì cả hai đều rất lo lắng... Nghe đâu bất cứ người Việt nào ở New York cũng tối thiểu bị những tên cướp vặt da đen, hai, ba lần dí súng vào mặt để lấy tiền, dù chỉ là dăm ba đô la.

Một buổi tối, chúng tôi được Sư huynh Hảo mời coi một cuốn video, trong đó có *anchorman* Dan Rather của đài CBS nói về một Mặt Trận và về người lãnh đạo có cái tên mà những chữ đầu cũng giống tên của một người quen thuộc : HCM. Sau đó là phóng sự buổi lễ ra mắt của Mặt Trận này tại một nơi -- nói là -- chiến khu ở vùng biên giới Thái Lan-Cao Miên.

Hoàng Anh Tuấn và tôi đều sửng sốt ! Ai mà chẳng phải sửng sốt vì Đài Truyền Hình CBS của Mỹ đâu có phải là một đài thích loan tin bịa đặt ? Ngay trong đêm đó, Hoàng Anh Tuấn ngồi viết ra một bài thơ nhan đề THÁNG TƯ XANH và sau đó thì tôi phổ nhạc nó ngay.

*Ơ này... lại cuối tháng tư
Trời bỗng xanh, xanh ngắt
Để mình nhớ người yêu, như quãng đời đã mất
Để mình và New York thấy mình rất trẻ thơ
Thèm cái thèm vô tư, dầm thân trong cỏ dại
Hát cho tròn môi lại, như hôn Thần Tự Do
Tháng tư phai màu đen, rồi loãng dần sắc xám
Hi vọng và Tin tưởng, tháng tư xanh đó em...*

Mới hay nghệ sĩ là người thừa nhiệt huyết. Nhưng cũng có thể nói rằng làm cho Việt Nam chuyển mình là giấc mộng của tất cả những ai phải xa xứ.

Nhưng khi trở về Cali, riêng tôi không tha thiết lắm với Mặt Trận, được gọi là **Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam**, lúc này đang trong thời kỳ phát triển rất là mạnh mẽ. Dù trong số các vị cao cấp của tổ chức, có một vài người như cựu Đại tá Phạm Văn Liễu, điện ảnh gia Hoàng Xuân Yên, đối với tôi, không phải là những người xa lạ, còn có thể nói rằng xưa nay giữa chúng tôi vẫn có một mối thân tình. (2)

Tôi sinh ra và không may lớn lên tại một nước đang trải qua thời đại rất khắt khe của chính trị. Như đã nói trong **HỒI KÝ 3**, tôi thường cố gắng để không bị chính trị lung lạc. Tôi không có nhiều những hành động chính trị, nghĩa là tôi tránh vào tổ chức này, vô đảng phái kia, dù tôi đã có nhiều cơ hội để gắn liền mình vào một xu hướng chính trị nào đó. Có lẽ vì tôi là người chỉ ưa thoải mái. Tôi còn biếng lười ngay cả trong việc đi bầu, vốn là một chọn lựa chính trị căn bản. Tuy nhiên tôi rất để ý đến những ai làm chính trị thật sự và vốn là người không biết phù thịnh, chỉ biết phù suy cho nên nếu ai thất bại thì tôi rất thương cảm.

Khi có người làm chuyện anh hùng đơn thương độc mã và trả giá bằng 10 năm tù như ông Võ Đại Tôn, hoặc âm thầm tham gia vào một tổ chức dùng võ lực để giải phóng Việt Nam và trả giá bằng sinh mạng của mình như ông Trần Văn Bá... thì tôi không ngần ngại dùng tiếng đàn, giọng hát của mình để vinh danh họ. Nếu họ lại là văn nghệ sĩ như Nguyễn Chí Thiện hay Hoàng Cầm, đã có những hành động chính trị bằng lời thơ đanh thép hay bằng lời thơ ẩn dụ của mình, người thì bị tù 30 năm, người thì bị bẻ bút, thì tôi lại càng cần phải ca tụng nồng nhiệt hơn nữa.

Nhưng khi số phận của các ông đó, trong thực tế, đã được giải quyết xong xuôi thì tôi xin được kính cẩn đặt các ông vào những trang sử, như trong những trang **nhạc sử** này, chẳng hạn. Nếu có sự tiếp tục hay ngưng nghỉ hoạt động chính trị của các ông này thì... tôi đi chơi chỗ khác.

Vào khoảng hai năm đầu tiên hoạt động (1983-1985), Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất này đã thu hút được đa số người Việt lưu vong. — khắp mọi nơi trên thế giới, đã có những tổ chức chính trị được thành lập bởi Mặt Trận kể trên và các tổ chức này đã chú ý tới văn nghệ dù -- cũng như đã xảy ra ở trong nước -- người làm chính trị theo đường lối quốc gia hay cộng sản, trước sau, thường chỉ coi văn nghệ là công cụ của chính trị mà thôi ! Những nghệ sĩ như tôi được mời đi hát thường xuyên trong những năm đó là vì quả rằng có nhu cầu "văn nghệ phục vụ chính trị". Hiểu lơ mờ hay biết rõ như vậy, nhưng phải chép miệng mà nói : cũng tốt thôi !

Như vậy, tôi đã có câu trả lời cho câu tự hỏi rằng tại sao vào khoảng thời gian này, nghệ sĩ như tôi lại được nhiều nơi mời tới hát như vậy ?

Hơn nữa, vì bây giờ những ban tổ chức đã có đầy đủ nhân sự và phương tiện để làm cho chương trình ca nhạc ở các địa phương phong phú hơn trước, người con dâu cũ là Julie (lúc này đã ly thân với con trai tôi) cũng được mời đi hát cùng tôi tại khá nhiều nơi tại Châu Úc, Châu Âu.

Chúng tôi không bao giờ quên cảm ơn những Phong Trào hay oey Ban Yểm Trợ Kháng Chiến ở Boston (MA-USA), Bridgeport (CN-USA) Geneva, Fribourg (Thụy Sĩ)... và rất nhiều những tổ chức ngoại vi của Mặt Trận ở rất nhiều nước, từ Châu Mỹ qua Châu Âu rồi Châu Á đã cho chúng tôi đối tượng để sáng tác và địa bàn để biểu diễn.

Không may cho chúng tôi, về sau Mặt Trận bị khủng hoảng trong nội bộ rồi gần như tan vỡ, không còn nhiều tổ chức khác ở nhiều nơi có đầy đủ nhân sự, phương tiện, thì giờ và mục đích... để tổ chức mời nghệ sĩ tới hát nữa. Có thể vì vậy mà văn nghệ hải ngoại xuống cấp dần dần chăng ?

(1) Cứ đi đây đi đó như thế mỗi lần tôi có thêm một sáng tác phẩm mới như **Bầy Chim Bỏ Xứ, Rong Ca, Thiên Ca, Trường Ca Hàn Mạc Tử** và **Minh Họa Truyện Kiều**... Đi cho tới khi nhà tôi mất (August 1999) thì mới thôi !

(2) Sau này, có thể nói đa số văn nhân, ký giả, nghệ sĩ ở hải ngoại gia nhập Mặt Trận.

*Cuộc kêu khẩn khoải trên ngàn
Chim quên thăm thiết gọi đàn chim đi...*
BẦY CHIM BỎ XỨ

Chương Mười Bảy

Thế rồi người Việt gọi là *hải ngoại* như chúng tôi bước vào năm 1985, nghĩa là năm thứ 10 của đời sống *tị nạn... lưu vong... hay di dân...* gì đó. Sự chấn động trong tâm hồn, sự hoang mang trước cuộc đời mới, sự nhớ nhung đất tổ quê cha của chúng ta đã dần dần được cuộc sống xô bồ Hoa Kỳ chen vào, xô đi, đẩy xa, lấn át...

Nếu không phải là của tất cả mọi người thì cũng là của đa số những người đang hay đã trở thành công dân Mỹ... ưu tư hàng ngày bây giờ là : công ăn việc làm.

Riêng gia đình chúng tôi đã trở thành công dân Hoa Kỳ từ cuối năm 1984. Ngày chúng tôi làm lễ tuyên thệ tại Los Angeles phải được coi như ngày chính thức mở ra một đoạn đời mới. Tối thiểu cũng phải là một mốc thời gian rất quan trọng. Cũng như chúng tôi, vào lúc này, tuy vẫn được gọi là *tị nạn...* ít người Việt Nam ở Hoa Kỳ còn thấy nhức nhối trong tim hay rối rắm trong óc như trước nữa. "*Tị nạn*" gì nữa khi đã trở thành công dân một nước giàu mạnh, tự do, dân chủ như nước Mỹ, được hưởng đầy đủ mọi thứ quyền lợi như người da trắng, da đen, da đỏ !

Nhưng khi một thời điểm 10 năm tới trong một đời thì ai cũng muốn làm công việc kỷ niệm một chặng đời, nhất là những người trong giới làm văn học nghệ thuật.

Tôi có may mắn được ba tổ chức văn nghệ tại Washington D.C là *Hội Văn Hoá Việt Nam Tại Bắc Mỹ*, *Tủ Sách Cành Nam* và *Tạp Chí Xác Định* giúp tôi ấn hành một nhạc tập nhan đề **Thấm Thoát Mười Năm**.

Tôi tập trung những ca khúc mà tôi đã soạn ra trong 10 năm qua để in thành một công trình ngắn hạn, gồm 44 ca khúc trong đó người viết bài giới thiệu là Giáo Sư Nguyễn Ngọc Bích đã nhấn mạnh đến chủ đề **Phụ Nữ và Quê Hương** nổi bật lên ở trong cuốn sách nhạc này. Ngoài ra, có thể vì tôi đã rời khỏi một nước nhỏ hẹp để ra được thế giới rộng lớn rồi cho nên đa số ca khúc trong nhạc tập đều mang hình ảnh **trời cao, biển rộng, sông dài** hơn là **bụi tre, con đê, dòng suối...**

Thế rồi, tôi lợi dụng cơ hội ghi lại công trình trong 10 năm xa xứ này để làm một *cuộc thanh toán dĩ vãng*, nghĩa muốn cống hiến cho những người yêu nhạc một tuyển tập có tính chất dài hạn hơn. Tôi bỏ ra một thời gian ba, bốn tháng để ngồi nhớ lại **tất cả** những bài hát mà mình đã soạn ra trong 50 năm đi hát rong, rồi ghi lại những lời mà mình còn nhớ được để in thành một tập sách định lấy tên là tập **NGÀN BÀI CA**. Tôi bắt chước thi sĩ nước Pháp Jacques Prévert với tập **PAROLES** chẳng? Vợ tôi, Thái Thanh và đám bảy người bạn đồng điệu đã vui lòng ngồi moi trí nhớ để giúp tôi hoàn thành cuốn sách toàn thể lời ca này.

Tôi cũng không thấy cần phải in luôn cả nốt nhạc của từng bài hát dù vào lúc này tôi đã bước vào địa hạt **computer** cùng với người con thứ Duy Cường rồi và có thể dễ dàng nhờ máy vi tính kẻ những nốt nhạc hộ mình. Nhưng trong thực tế, nếu in cả nhạc lẫn lời của hàng trăm bài hát thì tiền in sẽ rất tốn kém, giá bán sách sẽ phải khá cao, khó có nhiều người mua.

Vì không có nốt nhạc, tôi không gọi tên sách là **nhạc tập** mà đặt tên cho cuốn ca khúc này là **Ngàn Lời Ca** (bởi vì thực sự cũng khó mà đếm ra tổng số ca khúc, khi trong một trường ca có tới 21 ca khúc thì đếm thành một bài hay 21 bài?). Và tôi để dành cái tên **Ngàn Cánh Nhạc** cho những **album nhạc** sau này.

Ngàn Lời Ca là một cuốn sách khổ lớn, dày 400 trang, khởi sự từ sáng tác đầu tay của tôi là bài **Cô Hái Mơ**, qua hàng chục giai đoạn, hàng trăm ca khúc đủ loại:

- * Từ những **anh hùng ca, quân ca, thanh niên ca qua dân ca kháng chiến, dân ca phục hồi hay dân ca phát triển...**
- * Rồi tới **tình ca đôi lứa, tình ca quê hương, tình tự dân tộc...**
- * Tới **trường ca, tâm ca, tâm phần ca** để tới **hoan ca** gồm **bình ca, nữ ca, bé ca...**
- * Đó là chưa kể **đạo ca, vĩa hè ca, tục ca...**
- * Tiếp tục với những **tị nạn ca, ngục ca, hoàng cầm ca...**

Tính tham lam cố hữu đã khiến tôi muốn cho vào cuốn sách này một tác phẩm cưng nhất của tôi vào lúc bấy giờ, dù nó còn trong tình trạng dang dở, dở dang. Đó là tổ khúc **Bầy Chim Bò Xứ**.

Tôi đã có dịp nói về sự bế tắc của tôi trong việc sáng tác tổ khúc **Bầy Chim Bỏ Xứ**. Được thai nghén từ 1975, phần đầu của tổ khúc nói lên được lý do vì sao có sự bỏ xứ bay đi của bầy chim. Nhưng sau 10 năm thai nghén, tôi vẫn chưa nhìn thấy cơ hội nào để cho bầy chim có thể tung cánh hồi xứ được. Trong khi suốt một đời làm người nghệ sĩ, tôi luôn luôn ôm ấp một định đề : **Không có ra đi nào mà không có trở về !** Nói một cách khác : **Không có chia ly nào mà không có đoàn tụ**. Nếu tôi muốn tổ khúc này được in ra trong tập **Ngàn Lời Ca** thì tôi phải hoàn tất nó ngay. Chưa tìm ra lối thoát, bởi vì ở trên thế giới, chiến tranh lạnh chưa tàn, tường Berlin chưa đổ, thế sự chưa sang trang... tôi đành phải lấy sự linh thiêng để giải quyết việc trần, nghĩa là dùng chim huyền sử, chim Hồng, chim Lạc để kêu gọi bầy chim Việt Nam kết đoàn bên nhau. Và dù đã được in ra trong **Ngàn Lời Ca**, tôi vẫn chưa muốn thu thanh vào băng cassette vì trong thâm tâm tôi thấy kết cấu của nó vẫn chưa ổn tí nào.

Phải đợi đến năm 1990, nghĩa là 15 năm sau khi thai nghén, tổ khúc **Bầy Chim Bỏ Xứ** mới được tu chỉnh lại và phát hành mạnh mẽ qua hình thức nhạc tập và compact disc.

*Ban cho cuộc đời
Ban cho tình người
Từ biển ra biển sáng soi.*
Lời Việt -- America The Beautiful
Phạm Duy

Chương Mười Tám

Trong chương 17 vừa rồi, tôi đã kể lại việc in ra toàn thể sáng tác phẩm của mình qua hai cuốn **NGÀN LỜI CA** và **THẤM THOÁT MƯƠI NĂM** nhân dịp đánh dấu 10 năm xa xứ... Bây giờ tôi dành chương 18 này để nói tổng quát về những hoạt động khác của tôi trong phạm vi điện ảnh, **video, Karaoke, DVD, CD-Rom** tại nước Mỹ từ ngày tôi bước chân tới đất mới...

Vào năm 1980, tôi được ban sản xuất phim của một Đài **Public Broadcasting Services(PBS)** lớn ở Los Angeles là đài **KCET -- Channel 28** mời tôi đóng vai chính trong một loạt bốn cuốn phim giáo dục nhan đề **THE NEW AMERICANS**. Một ngân sách của liên bang hay của tiểu bang -- tôi không biết rõ -- đã dự trù một khoản tiền dành cho việc thực hiện loạt phim giáo dục này và ban sản xuất của Đài phát hình kể trên đã được giao cho phần thực hiện. Bốn cuốn phim đầu, mỗi phim dài 60 phút -- gọi là phim **pilot** -- sau khi thực hiện xong và cho phát hình, nếu khán giả ưa thích thì sẽ được tiếp tục sản xuất thêm, có thể là năm này qua năm nọ.

Có bao giờ dám nghĩ rằng mình đóng phim tại Hollywood ?

Người viết truyện cho bốn cuốn phim đầu tiên này là anh David Abramowich, người Mỹ gốc Do Thái. Tất cả bốn truyện phim đều lấy chủ đề là cảnh sống chung trên đất

Mỹ giữa các con cái của những người gốc Đông Dương như Việt Nam, Lào, Campuchia, và có luôn cả người Tàu gốc Việt. Lũ trẻ này đúng là người "Mỹ-mới" và đã có những va chạm giữa chúng và trẻ em Mỹ trắng, Mỹ gốc Phi Châu hay gốc Mễ nữa.

Sự va chạm là do khác biệt văn hoá mà ra và những mâu thuẫn đều sẽ được một ông già có phép tàng hình, hiện ra giải quyết rồi biến đi. Anh chàng David Abramowich muốn vai chính -- được đặt tên là Cụ Hiền -- phải là một ông già biết đàn hát, biết nói tiếng Anh và biết đóng phim. Vì tôi đã có thành tích là người viết truyện phim, đạo diễn và phó Giám Đốc của Trung Tâm Điện Ảnh trong thời ông Diệm, nên tôi đã được mời đóng vai Cụ Hiền sau một lần quay thử.

Việc đóng phim đối với tôi rất là lý thú ! Có bao giờ cậu bé con ở phố Hàng Dầu Hà Nội, chuyên môn coi phim cộp tại rạp cinéma Pathé ở trước Đền Bà Kiệu, cạnh Hồ Gươm... dám mơ tưởng tới ngày được tới tận "Hồ Ly Vọng" để chiêm ngưỡng các ngôi sao chiếu bóng ? Nay thì không những được tới tận nơi gọi là **Thiên Đường của điện ảnh**, lại còn được mời đóng phim nữa ! Nhất là được trả tiền thù lao khá cao. Chỉ hơi tiếc là vì nước Mỹ vừa thay đổi chính phủ, từ trong tay Đảng Dân Chủ qua tay Đảng Cộng Hoà, ngân sách dùng cho việc giáo dục công dân bị cắt giảm, sau bốn phim **pilot**, bộ phim **THE NEW AMERICANS** không có ngân sách để được sản xuất nữa.

Thế nhưng, vì đã có tên trong sổ "đoạn trường" cho nên sau đó, trong nhiều phim thương mại, tôi thường được gọi đi đóng vai phụ, toàn là vai ông già ác ôn, cầm đầu các nhóm du đảng da vàng...

Hai tài tử nổi danh Lê Quỳnh, Đoàn Châu Mậu tuy cũng được mời đóng phim tại Hollywood nhưng có thể vì tuổi đã hơi cao, không còn cơ hội đóng vai chính trong những phim Mỹ nên họ sẽ phải đổi nghề hay dọn nhà đi xa. Lê Quỳnh làm việc trong một Công Sở Xã Hội, rồi làm chủ một tiệm phở được ít lâu thì bị đứt mạch máu não. Còn Đoàn Châu Mậu thì dọn đi cư ngụ ở Seattle, rồi ở Hawaii và sẽ già từ cõi đời trong cảnh hàn vi tại hải đảo thần tiên này. Trong đám tài tử ciné người Việt chỉ có Kiều Chinh là thành công tại Hollywood.

Khi kể lại chuyện đóng phim của mình tại Hollywood, tôi không có ý khoe khoang gì đâu ! Tôi chỉ muốn nói đến một việc làm rất bình thường của một nước đa chủng như nước Mỹ, một việc đã khiến cho tôi rất bàng khuâng.

Hoa Kỳ là một nước mà người dân da đỏ, da trắng và da đen chung sống với nhau từ ngày mới lập quốc. Theo chân người Hồng Mao tới Mỹ lập nghiệp là người da trắng gốc nước bên Âu Châu. Người da đen Phi Châu thì tới - được mua làm nô lệ thì đúng hơn -- để khai khẩn đất hoang. Người da vàng tới Mỹ làm phu xây đường sắt... Rồi khi Hoa Kỳ trở thành nước kỹ nghệ lớn nhất hoàn cầu thì hàng năm có chương trình đón nhận dân tứ xứ nhập cảnh, cho nên luôn luôn có "người Mỹ mới". Do đó, nước Mỹ rất chú trọng đến việc làm sao cho những người dân không cùng một chủng tộc sống hoà bình trong Hợp Chúng Quốc.

Khi 120.000 người Đông Dương -- rồi sau đó là từ một tới hai triệu người -- vào nước Mỹ thì Nhà Nước Hoa Kỳ có ngay những chương trình TIVI hay MOVIE để

giáo dục người lớn -- và nhất là trẻ em -- hiểu biết nhau, tránh những đụng chạm có thể xảy ra. Trong hai mươi năm qua, đã không xảy ra những vụ kỳ thị nào to lớn giữa người Mỹ mới và người Mỹ cũ, chỉ có vài chuyện mâu thuẫn trong nghề nghiệp của giới làm nghề biển ở vùng Vịnh Mexico mà thôi.

Tôi vốn là một nghệ sĩ, qua tất cả những sáng tác của mình, từ *tâm ca* tới *trường ca* qua *tổ khúc*... và trong suốt một đời, đã chỉ muốn dùng âm nhạc để thống nhất đất nước và lòng người. Trong lúc đóng phim **The New Americans**, tôi thường nghĩ đến nước Việt Nam, đến người Việt Nam, cùng chung một nòi giống mà vẫn còn đầy chia rẽ, hẹp hòi và khinh thị với nhau không biết đến bao giờ mới nguôi. Vẫn chia ra hai phe đối nghịch mà không bao giờ có sự tìm hiểu lẫn nhau. Mới chỉ đặt vấn đề **giải hoà** (hoà hợp, hoà giải) thôi, mà đã cãi nhau kịch liệt rồi ! Người thấy được sự cần thiết phải "đồng thuận" giữa mọi người là ông chủ báo THÔNG LUẬN Nguyễn Gia Kiểng còn bị hành hung tại Hoà Lan khi dám lên tiếng nói công khai về việc này !

Cũng như mọi người cùng thế hệ, tôi thích điện ảnh và từ bé, đã được nếm đủ mùi vị của phim Âu, Mỹ, từ thời phim câm, phim đen trắng của các vua hề **Charlot, Stan Laurel et Olivier Hardy**... tới phim nói, phim màu, phim cinemascope như **A L'Ouest Rien De Nouveau, Le Signe De Zorro, Ben Hur, Tarzan**... Nhưng tôi là kẻ chơi trò quay phim gần như suốt đời. Từ khi có máy camera 8 m/m bán ra trên thị trường, mới đầu còn dùng phim trắng đen, sau đó là phim màu, tôi đã mua nó và biết sử dụng nó ngay. Trong gia đình, từ đứa con lớn là Duy Quang cho tới con gái út là Thái Hạnh, con nào cũng có những đoạn phim 8 ly từ ngày chúng mới ra đời cho tới khi chúng lớn lên dần...

Cảnh cũ, người xưa đều nhất loạt được tôi ghi vào phim nhựa, chẳng hạn cảnh thành phố Saigon ngày chúng tôi mới bỏ vùng quê về thành sinh sống, cảnh ông bà ngoại các cháu đánh đàn, cảnh vợ chồng tôi đi Vũng Tàu, Dalat, Pnom Pênh, cảnh đám ma anh Nhượng, cảnh đám cưới của các con, cảnh sinh ra và lớn của cháu nội Ly Lan, cháu ngoại Tori v.v... cảnh tôi đi du học bên Pháp, đi chơi bên Đức từ 1955 lặn. Chưa kể rất nhiều phim nhựa 8 ly hay video tape ghi lại những cuộc lưu diễn ở trong nước trước kia và trên hoàn cầu sau này.

Rồi trong phạm vi nhà nghề, tôi lại còn được vào làm việc trong một **Trung Tâm Điện Ảnh** (1955), đầu tiên với tư cách người viết truyện phim, rồi leo dần lên chức đạo diễn điện ảnh và cuối cùng là Phó Giám Đốc của Trung Tâm.

Qua nước Mỹ, kể từ khi có thêm phương tiện VCR hay Karaoke để âm nhạc nhảy từ sân khấu lên màn ảnh, thì tôi -- hay nhạc của tôi -- đều thường xuyên có mặt trong những chương trình **video** do các hãng Thúy Nga, Asia, Làng Vắn... sản xuất. Tôi còn được hãng Thúy Nga làm hai chương trình **video** về tôi để cho tôi có dịp trả lời hai phóng viên quốc tế Đỗ Văn, Lê Văn về cuộc đời nghệ sĩ của mình.

Ngoài ra, trước đây tôi có mặt trong một số phim **video** của Sở Thông Tin Hoa Kỳ USIS (như phim **THE RAIN ON THE LEAVES**) hoặc trong chương trình TIVI (về **Dân Ca** của Peter Seeger, có tôi hát cùng đôi song ca Addiss/Crofut)... nay những phim đó được phát hành.

Chưa hết ! Với bước chân "70 dặm", kỹ thuật mới áp dụng vào những trò vui chơi ở trên thế giới tiến nhanh tới hình thức **DVD**. Bây giờ người ta coi phim, coi hình, nghe nhạc không phải bằng phim nhựa hay bằng phim **video** nữa mà bằng đĩa **DVD**. Đó là một cái đĩa thủy tinh cứng nhỏ bằng bàn tay, có khả năng chứa đựng tối thiểu là hai giờ đồng hồ hình ảnh và âm thanh, dài bằng thời gian của một phim truyện vậy. Bao nhiêu phim hay ở trên thế giới mà xưa kia chúng ta phải đi coi ở rạp chiếu bóng hay được chứa trong băng **video** thì nay được cho vào đĩa **DVD**. Thật là tiện lợi ! Băng nhạc hay phim **video** nếu coi đi coi lại thì có thể bị hư dần nhưng đĩa CD hay đĩa **DVD** thì bền bỉ suốt đời.

Thế rồi người ta chế ra cái máy để làm được những "đĩa phim đó" ngay trong nhà, gọi là máy làm **video-CD**. Khi máy đó vừa bày bán trên thị trường thì tôi mua ngay để biến hàng trăm, hàng chục cuốn phim **video** cồng kềnh và nặng nề của tôi vào những đĩa **video-CD** mỏng dính và nhẹ nhàng.

Tôi còn là kẻ may mắn nhất vì được làm quen với **computer** từ buổi bình minh của phát minh này. Từ cuối thập niên 80, tôi và Duy Cường đã khởi sự dùng máy **computer**. Trước tiên, chỉ là để thay thế máy đánh chữ, nhưng khi đó chưa có ai đưa được "fonts chữ Việt" vào máy **computer**. Chúng tôi phải đi tìm mãi mới kiếm ra được một ông kỹ sư tên là Nguyễn Văn Tâm -- đang làm việc cho Tổ Chức Không Gian **NASA** -- là người đầu tiên viết ra "fonts chữ Việt". Thế là chúng tôi gài "fonts chữ Việt" vào máy và bắt đầu dùng **computer** để viết thư, viết báo, viết Hồi Ký, viết sách nhạc và nhất để giữ lại những tài liệu cũ chất chứa trong những hồ sơ to tổ bố. Và cũng phải mất một thời gian khá lâu để chúng tôi tìm mua những "softwares" về âm nhạc để viết nốt nhạc, để hoà âm. Và mua thêm những "softwares" về hội họa để làm tranh ảnh, trang trí v.v...

Cho tới khi nhờ có **computer** mà tôi tiến đến giai đoạn làm ra được những **CD-Rom**. Trước hết, ta cần biết : **CD-Rom** là gì ?

CD-Rom là một phương tiện có khả năng lưu trữ chỉ trên một đĩa nhỏ như loại CD mà chúng ta thường mua về nghe nhạc, một khối lượng dữ kiện khổng lồ là 680 megabytes. Chỉ cần lấy một ví dụ: toàn bộ 24 cuốn Bách Khoa Tự Điển có thể thu gọn trong một đĩa **CD-Rom**. Nó giống như một thư viện vậy. Những bức ảnh (photo), âm thanh (sound tức là music), phim (video) và văn bản (text) cũng đều có thể chất chứa trên đĩa **CD-Rom**. Nó giống như một bảo tàng viện, một rạp hát hay một rạp chiếu bóng vậy.

CD-Rom còn cho phép người dùng nó, làm công việc "tương tác" (interact), chứ không thụ động ngồi coi. Khác với việc coi phim video, nếu muốn coi lại một đoạn đầu hay coi ngay đoạn cuối thì phải ta quay lại (rewind) hoặc quay tới (forward). Với **CD-Rom**, ta có thể chọn xem, hoặc tìm chỗ cần tìm và trở lại phần đang xem ngay lập tức.

CD-Rom cho phép ghi lại âm thanh với phẩm chất tương đương với đĩa CD audio và còn có thể phối hợp hình ảnh và âm thanh giống như hình thức karaoke.

CD-Rom được gọi là "truyền thông đa diện" (multimedia) vì nó có khả năng tiến lên ngang hàng với sách báo, video, đĩa nhạc. Trong nhiều trường hợp nó có khả năng lớn hơn các thứ "truyền thông đơn diện" vừa kể... vì đã có những "sách nói", "sách hát", "sách hoạt hình" cho người lớn và trẻ thơ bán ngoài thị trường rồi.

Như đã từng là người đầu tiên phát hành đĩa CD-Audio (**CD Nhạc Tinh**), bây giờ, với sự cộng tác của một kỹ sư trẻ, anh Bùi Minh Cường ở San Jose, chúng tôi cho ra đĩa **CD-Rom** đầu tiên của Việt Nam.

Đây là một cuộc hôn phối rất tốt đẹp của nghệ thuật và kỹ thuật. Với đĩa **CD-Rom** đầu tiên của Việt Nam này, với chủ đề **HÀNH TRÌNH TRÊN ĐẤT MẸ**, chúng tôi có khát vọng đem chút gia tài văn hoá của người đi trước tặng cho thế hệ đi sau, mà có thể vì sinh ra và lớn lên ở hải ngoại, các em bị cắt đứt với dòng sống tinh thần và tình cảm của dân tộc.

Qua **CD-Rom** này, chúng tôi hi vọng đem lại cho các em hình ảnh quê hương, tiếng hát quê hương, phong cảnh quê hương, tình tự quê hương... Và cũng chỉ với sức chứa của CR-Rom, chúng tôi mới có thể cung cấp thêm cho các em, ngoài âm nhạc ra, vài ba dữ kiện trong thi văn, hội hoạ, kiến trúc... Lịch sử cũng như huyền sử, địa dư và địa chí đều nhất loạt hiện diện trong **CD-Rom** này cho xứng đáng với danh nghĩa **truyền thông đa diện - multimedia** của nó...

Chúng tôi cố gắng cho **CD-Rom** này có thêm phần đa ngữ để cho người ngoại quốc hoặc các em xưa rày ít nói tiếng mẹ đẻ, hiểu biết kỹ càng về công trình này. Đa số tiết mục trong **CD-Rom** đều được giới thiệu qua ba thứ tiếng Anh-Việt-Pháp.

Vào lúc tôi hoàn tất Hồi Ký này, tôi cũng đang hoàn chỉnh những **CD-Rom** :

1) Phạm Duy Anthology, gồm hai phần :

Một phần ghi lại bằng văn bản, hình ảnh, âm thanh của toàn thể nhạc phẩm Phạm Duy.

Một phần ghi lại bằng văn bản, hình ảnh, âm thanh của những bài ca ngoại quốc do soạn lời Việt.

2) Phạm Duy Family là một CD-Rom tóm tắt cuộc đời và sự nghiệp của bố tôi là Phạm Duy Tồn, của hai anh tôi là Phạm Duy Khiêm, Phạm Duy Nhượng và của vợ tôi là Phạm Thị Thái Hằng...

Trong CD-Rom này, tôi sưu tập được :

a) Hầu hết văn phẩm của người bố, từ những bài báo đăng trên *Lục Tỉnh Tân Văn* từ những năm 1915-16, qua những đoản thiên tiểu thuyết như **Sống Chết Mặc Bay**, **Câu Chuyện Thương Tâm**, **Nước Đồi Lắm Nỗi** cho tới 108 truyện cười trong ba cuốn **Tiểu Lâm Annam**...

b) Hầu hết tác phẩm bằng Pháp văn của người anh Cả, từ những bài diễn văn cuối niên học cho tới những cuốn sách nổi danh **Légendes Des Terres Sereines**, **Nam et Sylvie**, **De Hanoi À La Courtine**.

c) Toàn thể sự nghiệp của người anh thứ, tác giả của những bài **Nhạc Đường Xa**, **Đêm Đô Thị**, **Bà Mẹ Chồng**...

d) hoạt động của người vợ yêu quý trong ban **THẮNG LONG** của gia đình, ban **HOA XUÂN** của tôi, **TAO ĐÀN** của thi sĩ Đinh Hùng và ban kịch truyền thanh của Võ Đức Duy v.v...

3) Dẫn Vào Nhạc Việt Nam là một tiểu luận song ngữ, giới thiệu tổng quát về lịch sử nhạc việt, nhất là về những ngày đầu của Tân Nhạc.

4) Trống Việt Nam là một tiểu luận về một nhạc khí mà tôi rất yêu thích. Trong đó, tôi dẫn người đọc (và nghe) từ trống đồng qua trống mặt gỗ tới trống mặt da, từ trống cái qua trống nhớ tới trống nhỏ, từ trống thờ qua trống châu tới trống chèo v.v...

5) Toàn Bộ Hồi Ký của tôi đã cho vào một CD-Rom. Ngoài văn bản ra, người đọc còn coi thêm được nhiều hình ảnh, nghe thêm được nhiều bản nhạc nữa trên máy computer. Với CD-Rom này, có thể in ra (print out) từng chương, từng đoạn để đọc.

6) Những Chuyến Trở Về.... Sau 50 năm xa Hà Nội và 25 năm xa Saigon, vào đầu

năm 2000, tôi trở về Việt Nam và có dịp ghi lại hình ảnh, cảm tưởng, suy nghĩ của tôi... Việc trở về quê hương này còn quá mới cho nên tôi không cho vào Hồi Ký mà cho vào một CD-Rom, coi như một thứ Album dành cho con cháu mà thôi.

Việc sưu tập tài liệu về mình coi như rất là mỹ mãn. Không có nghệ sĩ nào trong thế hệ tôi có thời giờ và nhất là có phương tiện để truy lùng rồi ghi lại những sự việc đã xảy ra trong cuộc đời khá lộn xộn này. Có lẽ vì tôi là một kẻ rất gai góc và đã bị các "sử gia Nhà Nước" cố tình bỏ quên cho nên tôi đã phản ứng lại bằng cách tự viết sử của mình đến độ có thể bị hiểu là kém nhũn nhặn. Nay thì tôi yên tâm : không sợ bị bỏ rơi nữa, vì với Hồi Ký, với CD-Rom PD Anthology, PD Family v. v...tôi đã ghi lại hầu hết đời mình vào **sách đọc, đĩa đọc** để nếu rằng *mai sau dù có bao giờ có* -- tôi thiếu là các con các cháu và những người tình -- *đốt lò hương* để nhớ tôi, thì xin âu yếm mời đọc và nghe những tài liệu vừa kể đó.

Tôi lại còn có thêm hạnh phúc là sống dai để hưởng được sự phát minh ra INTERNET và nhờ đó, một phần đã hoàn tất của những tài liệu của tôi đã được phổ biến quá ư tự do và rộng rãi trong dăm bảy năm qua. Nhờ có mạng lưới toàn cầu này, nhờ công ty KICON ở Santa Ana, CA USA... một HOME PAGE (trang nhà) của tôi đã được hiện diện thường xuyên trong thính không. Biết bao nhiêu người thuộc dăm ba thế hệ trẻ đã hằng ngày gửi điện thư (E-mail) liên lạc, khen tặng, thăm sức khoẻ và chúc thọ... khiến cho tôi -- trời ơi, sợ quá -- không cần đợi khi chết đi, phải gọi một đàn ruồi đến để nghe dùm những bài điệu văn tuyệt diệu.

*Cuộc kêu khắc khoải trên ngàn
Chim quỳên thâm thiết gọi đàn chim đi...*
BẦY CHIM BỎ XỨ

Chương Mười Chín

Bây giờ là các hoạt động của tôi với các Đài Phát Thanh quốc tế như Đài BBC, VOA, RFI... và sự cộng tác với các Trung Tâm Sản Xuất băng nhạc hay đĩa hát.

Trong phạm vi radio, tôi có nhiều duyên may hơn trong ngành điện ảnh. Tôi luôn luôn được Đài VOA phái anh Lê Văn tới nhà để phỏng vấn, hoặc mời qua Hoa Thịnh Đốn để nói chuyện với thính giả bốn phương (nhất là thính giả trong nước) mỗi khi tôi có sáng tác mới. Tôi đã có dịp tỏ lòng tri ân với Đài này (và đài RFI) trong một chương sách trước.

Nhưng Đài VOA là một đài phát thanh của nhà nước, tiếng nói của chính quốc Hoa Kỳ. Đài này cũng là một thứ dụng cụ của cuộc chiến tranh tâm lý trong chiến tranh lạnh giữa Tư Bản và Cộng Sản. Đài BBC ở Anh Quốc mới thật là đài của tư nhân, không dính dáng với một chính quyền nào cả. Người nghe có thể dễ tin Đài BBC hơn là Đài VOA.

Vào năm 1981, Đài BBC thuê tôi soạn sáu chương trình 30 phút để nói về **Lược Sử Tân Nhạc Việt Nam** từ năm 1938 cho tới năm 1975. Chín năm sau, với sự cổ vũ nhiệt thành của anh Đỗ Văn, đài này còn đặt tôi làm thêm sáu chương trình nữa về

diễn tiến của Tân Nhạc Việt Nam trong 15 năm nghĩa là từ 1975 tới 1990. Ngoài ra, tôi còn được thuê để đọc ba cuốn **HỒI KÝ** trên Đài BBC nữa.

Cũng vì nhu cầu soạn hai chương trình lớn về **Tân Nhạc Việt Nam** cho Đài BBC, tôi đã phải bỏ nhiều công đi sưu tầm tài liệu và phải là những tài liệu âm thanh vì sự đòi hỏi của ngành **radio** : nói chuyện về âm nhạc mà không có phần âm thanh thì... chán chết.

Tôi gặp khá nhiều khó khăn khi đi tìm những băng nhạc cũ phát hành tại Saigon trước đây để trích ra những bài hát thuyết minh cho những bài viết của tôi về **sự thành lập của Tân Nhạc Việt Nam (38-75)**. Tìm ra những bài hát xưa như **Hồn Xuân, Đêm Tàn Bến Ngự, Bóng Ai Qua Thềm** hay **Biệt Ly** của Thẩm Oánh, Dương Thiệu Tước, Văn Chung, Dzoãn Mẫn soạn ra vào thời 38-40 thì dễ, vì những bài này đều đã được thu thanh trong những băng cassettes cũ mà một vài cá nhân hay một vài nhà sản xuất vừa cho "tái-phát hành" (rerun) ở Mỹ. Còn nhiều bài khác của Lê Thương, Hoàng Quý, hay Lưu Hữu Phước thì tìm không ra, ví dụ bài **Một Ngày Xanh** của Lê Thương, xưa rày ít ca sĩ hát vào băng, dù theo tôi, đó là một bài hát tiêu biểu cho thời kỳ **nhạc lãng mạn**. Tôi đành phải tự mình hát một số bài chưa hề được thu thanh vậy.

Trái lại, khi soạn bài cho chương trình radio về **tiến trình Tân Nhạc Việt Nam trong 15 năm (1975-1990)** thì việc tìm tài liệu không khó khăn gì cả, bởi vì vào năm 1990 này, nghề phát hành băng nhạc đã phát triển mạnh mẽ ở Mỹ, Âu Châu, Úc Châu.

Công việc "làm ăn" với đài BBC này giúp tôi thành người viết nhạc sử bắt đầu dĩ. Tôi đã được may mắn là một chứng nhân -- nếu không phải là một người thành lập -- của nền Tân Nhạc, đã từng đi diễn thuyết về Nhạc Việt trước đây ở nhiều nơi, nay lại được thuê để viết về những thời kỳ **chuẩn bị, thành lập, phát triển và phân hoá** của ngành nghệ thuật này. Tôi đã có cơ hội và nhất là phương tiện để bổ xung kho tài liệu âm thanh của tôi. Nếu sau này, có một Hội Nhạc Sĩ nào, một Nhạc Viện nào (**conservatoire** là gì nếu không phải là **conserver**) cần có những tài liệu đích xác và vô tư thì tôi sẵn sàng cung cấp.

Tiến trình Tân Nhạc từ 1938 tới 1975 đã được tôi nói qua trong những cuốn **HỒI KÝ** trước. Tôi chắc độc giả cũng muốn biết qua tiến trình của **Nhạc Việt Nam trong 15 năm qua**, nghĩa là từ 1975 tới 1990, vậy tôi xin trình bày như sau...

Điều nhận xét trước tiên của tôi là : trong 15 năm xa xưa, nếu làng nhạc Việt Nam ở hải ngoại đưa ra những bài hát *tự vấn, khẳng định, tuyên ngôn, chất chứa ảo ảnh, ác ảnh của quê hương*... thì trong một thời gian khá lâu, tuyệt nhiên không có một bản nhạc tình nào xuất hiện cả ! Chỉ về sau này mới có dăm bảy bản tình khúc soạn theo thể nhạc khiêu vũ và có mùi vị tình yêu đắm đuối hay khổ đau như **Kiếp Đạm Mê** của Duy Quang, **Mười Năm Tình Cũ** của Trần Quảng Nam (bài này được soạn ra từ lâu) và được phổ biến rất mạnh mẽ. Rồi tới một số nhạc phẩm của Đức Huy soạn theo *style nhạc trẻ* trong đó có những bài **Đường Xa Ướt Mưa, Yêu Em Dài Lâu, Và Tôi Cũng Yêu Em** tuần tự ra đời và rất được hoan nghênh. Bài **Tình Cầm**, thơ của cụ Hoàng Cầm do ông già họ Phạm này phổ thành ca khúc cũng được nhiều

người hát trong một thời gian khá lâu, đến độ có cô con gái sửa lại tí tí lời ca, như vậy :

*Nếu anh còn trẻ như năm cũ
Sức mấy em về ở với anh...*

Vào những năm đầu của cuộc đời, cũng như tất cả mọi người **di tản buồn** khác, ca nhạc sĩ ra tới bến bờ tự do là bị phân tán đi sống tại các tiểu bang trong nước Mỹ mệnh mông này. Những nhạc sĩ tôi gặp trên lục địa Hoa Kỳ như Vũ Thành, Thanh Thoại, Đỗ Kim Bảng, Ngọc Bích... hình như không còn sáng tác nữa. Hoặc có viết ra những bản nhạc mới nào đó, vì trong mấy năm 75-80 chưa có môi trường như radio, phòng trà, nhà ấn hành nhạc tập hay nhà sản xuất băng nhạc, tác phẩm của họ phải nằm kỹ trong ngăn kéo hay trong cối lòng.

Nhưng chúng ta có thể coi Nam Lộc là người tung ra bài hát lưu vong đầu tiên với một chủ đề ám ảnh tất cả mọi người lưu vong : chủ đề **Thương Nhớ Quê Hương**. Trước đây Nam Lộc là người chuyên soạn lời ca cho những bản nhạc Âu Mỹ trong giới nhạc trẻ và là chủ nhân một phòng trà rất đẹp mang tên HẦM GIÓ ở đường Võ Tánh, Saigon. Qua Hoa Kỳ, Nam Lộc trở thành nhân viên đặc lực của USCC (United States Catholic Conference) trụ sở nằm tại Los Angeles. Rất sớm sửa, nghĩa là vào năm 1976, khi tôi còn nằm chết dí ở Florida thì ở California Nam Lộc tung ra bài **Saigon Ơi Vĩnh Biệt** :

*Saigon ơi tôi đã mất người trong cuộc đời
Saigon ơi tôi đã hết thời gian tuyệt vời
Giờ còn đây những kỷ niệm sống trong tôi
Những nụ cười nét trên môi
Những giọt lệ ôi sầu đắng...*

Bài hát của Nam Lộc được phổ biến mạnh trong khối người Việt tị nạn đầu tiên ở hải ngoại. Chỉ ít lâu, từ Saigon, Nguyễn Đình Toàn gửi ra ngoại quốc bài **Saigon Niềm Nhớ Không Tên** như để đáp lời Nam Lộc :

*Saigon ơi tôi mất người như người đã mất tên
Như dòng sông nước cuộn quanh buồn
Như người đi cách mặt xa lòng
Lòng nhủ thầm em có nhớ không ?
Saigon ơi đâu những ngày khi thành phố xôn xao ?
Trong niềm vui tiếng hỏi câu chào
Sáng đời tươi thắm vạn sắc màu, nay còn gì đâu ?*

Thật là thú vị cho người được nghe cả hai bài hát là tôi. Trong bài hát của mình, người ra đi Nam Lộc hỏi : *Saigon ơi nắng có còn vương trên đường đi ? Mưa có còn ngập lối đường về ? Lá có còn đổ xuống công viên ?* Thì người ở lại Nguyễn Đình Toàn trả lời :

*Saigon đâu còn những ngày mưa mùa, khoác áo đi
Tay cầm tay nói nhỏ câu gì
Đâu mùi hoa quán nhạc đêm về
Đâu rộn ràng giọng hát Khánh Ly ?
Saigon ơi thôi hết rồi những ngày hát bên nhau*

*Đâu Phạm Duy với tình ca sầu ?
Mất lệ rơi khóc thuở ban đầu, còn gì đâu ?*

Phản đối sự thay tên của thành phố thân yêu, Nguyễn Đình Toàn còn có những câu
mất mát khác : *Mất từng con phố đổi tên đường nên ...
...khi hẹn nhau ta lạc lối tìm*

*.....
Mất trường xưa mất tuổi thiên thần
Mất hi vọng xa mất mộng ước gần...
Tất cả, ôi còn gì đâu ?*

Cả hai bài hát **mất Saigon** (1) này được tất cả người Việt hải ngoại thích nghe, thích hát vì ai ai cũng đang sống trong niềm nhớ nhung Saigon rất là khủng khiếp.

Xin kể thêm các nhạc sĩ khác, kể trước người sau, lần lượt ra đi và cũng nhớ thương Saigon như Nam Lộc, Nguyễn Đình Toàn : Trần Lăng Minh với **Saigon Ơi Ta Sẽ Về**, Hà Thúc Sinh với **Hẹn Em Saigon**, Trầm Tử Thiêng với **Đêm Nhớ Về Saigon**, Lê Uyên Phương với **Khi Xa Saigon**, Hoàng Ngọc Ớn và Phạm Đình Chương với **Cho Một Thành Phố Mất Tên** v.v...

Bài **Saigon Ơi Vĩnh Biệt** thành công làm cho Nam Lộc có hứng khởi để soạn thêm bài hát **Người Di Tản Buồn** :

*Chiều nay có một người đôi mắt buồn
Nhìn xa xăm về quê hương rất xa
Chợt nghe tên Việt Nam ôi thiết tha
Và rưng rưng lệ vương mắt nhăn nhòa.
Bạn ơi đó là người di tản buồn
Ngày ra đi lặng câm trong đớn đau
Rối đêm khuya về trong đôi mắt sầu
Đời như chôn vào con phố u sầu...*

Sống tại những thành phố hoa lệ Hoa Kỳ, lái xe láng chói trên xa lộ rộng rãi nhưng người di tản buồn vẫn van xin :

*Cho tôi xin lại một đời
Một đời sống với quê hương.
Cho tôi đi lại đoạn đường
Hàng cây vươn đầy bóng mát
Cho tôi an phận ngàn đời
Bên bờ đê vắng làng tôi.*

Với những câu hát *xin đi lại đoạn đường quê hương* không phải chỉ có những *con phố mất tên* mà còn có cả *con đê vắng làng xưa* và với chuyện *người đi cách mặt xa lòng, hàng cây lá đỏ trông tìm*, người di tản buồn Nam Lộc và người ở lại (càng buồn hơn nữa) Nguyễn Đình Toàn đều có một hành trình như tôi nghĩa là, hoặc đi trên con đường "tạm dung" ở ngoài nước, hoặc đi trên con đường "tạm tha" (rời lại vượt biên và bị bắt lại) ở trong nước, đi con đường nào thì cũng chỉ những nhớ cùng thương mà thôi !

Hai bài hát của Nam Lộc là làn gió đầu mùa kéo theo những bài hát của những người khác có nội dung tuyên ngôn như *nhớ mầu cờ, phục quốc, quật khởi* hay *tâm tình* như *nhớ Saigon, gửi quà về quê hương*, những đề tài gần gũi đối với người tị nạn. Tác phẩm của họ được tung ra vào lúc ngành sản xuất băng cassette bắt đầu khởi sắc nên càng được phổ biến rộng rãi và nhanh chóng.

Năm 1980 là lúc người tị nạn đã ổn định cuộc sống mới. Những hội đoàn chính trị, tôn giáo, xã hội đã thành lập. Trong bất cứ một cộng đồng to nhỏ nào cũng đều có chợ Việt Nam, có người mua kẻ bán, có thị trường bán thẳng cho người mua hay qua bưu phẩm cho nên đã có những hiệu bán sách, bán băng, những nhà xuất bản sách, báo và sản xuất băng cassette.

Một người chưa ai biết tới là Châu Đình An xuất hiện tại Khu Bolsa vào năm 1980 qua một chương trình âm nhạc được thu thanh vào băng cassette (có sự giúp đỡ tận tình của gia đình tôi) với chủ đề **Những Lời Ca Thép**. Trong đó, bài **Chôn Dầu Vượt Biển** của anh là một hoàn cảnh chỉ có thể xảy ra với người Việt trong thế kỷ 20 này, do đó nó là một thứ *lịch sử ca* mà ai cũng muốn nghe đi, nghe lại :

*Đêm nay anh gánh dầu ra biển anh chôn
Anh chôn, chôn hết cả những gì của yêu thương
Anh chôn, chôn mối tình chúng mình
Gửi lại em trăm nhớ nghìn thương...
Hò ơi hò ơi ! Tạm biệt nước non...
Đêm nay đêm tối trời anh bỏ quê hương
Ra đi trên chiếc thuyền hi vọng vượt trùng dương
Em đâu, đâu có ngờ đêm buồn
Bỏ lại em cay đắng thật thương
Hò ơi hò ơi ! Tạm biệt nước non...*

Cùng với những ngôi sao vừa mới xuất hiện trong vòm trời âm nhạc Việt Nam hải ngoại, những bộ mặt lớn và có dĩ vãng xa trong Tân Nhạc như Trần Tử Thiêng, Lê Uyên Phương, Lam Phương, Ngô Thụy Miên, Trần Đình Quân v.v... bây giờ đưa nhau phát hành băng nhạc với những sáng tác cũ cùng với những bài mới soạn.

Ta hãy nhìn vào hoạt động âm nhạc trong cộng đồng Việt Nam ở trên thế giới.

Tại Pháp, nằm trong một văn đàn lấy tên là LAM SƠN và hoạt động trong Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam tại Paris, có Phan Văn Hưng, Ngô Văn Chương, Khúc Lan và các bạn trẻ khác. Những bài hát của nhóm này cũng nằm trong đề tài nhớ Saigon (**Saigon Niềm Nhớ** của Khúc Lan, Duy Nhân), hát cho ngày về (**Hát Trong Ngày Về, Dựng Lại Một Ngày** của Khúc Lan), nói đến cảnh làm than dưới chế độ mới (**Thằng Bé Tát Dầu** của Phan Văn Hưng, Nam Dao).

Tại Canada, có Vy Hùng hoạt động độc lập. Có Phan Ni Tấn hoạt động trong một phong trào âm nhạc lấy tên là Hưng Ca (giống như các nhóm Du Ca ở trong nước khi xưa). Cũng như nhạc của các người ở trong hay ở ngoài phong trào Hưng Ca tại Canada, nhạc của Phan Ni Tấn là nhạc đấu tranh. Nhưng nhạc của anh không chỉ là những bài ca khẩu hiệu mà là những bài hát rất thi vị, nói tới cây lúa Việt Nam và mang các đầu đề **Cái Lúa - Bưng, Tháng Của Bông Lúa Vươn Mình** :

*Cái lúa ở với nước non
Non nước không còn lúa ở với ai ?*

Tại Úc, Phạm Quang Ngọc có *tù ca, phục quốc ca, quê hương ca* và -- cũng không thể nào tránh được -- có ca khúc cho một thành phố được gọi là người tình với bản **Em Saigon**.

Vào năm 1985, tại hải ngoại, ta thấy Trần Tử Thiêng xuất hiện tại Nam Cali. Đây mới là người sáng tác sung mãn nhất trong đám nhạc sĩ lưu vong.

Trầm Tử Thiêng trong thời kỳ còn kẹt lại trong nước -- từ 1975 cho đến 1985 -- viết những bài tình ca như **Một Thời Uyên Ưong, Một Thời Để Nhớ, Tình Khúc Sau Cùng, Ru Ca Trên Thành Phố Đỏ** v.v... Ngoài ra, anh còn có những bài **Tâm Ca Của Người Tù Vượt Biên, Hành Ca Trên Nông Trường Oan Nghiệt** khi anh bị bắt vì tội vượt biên và phải về sống tại rừng U Minh.

Khi được tha vào khoảng 1981, anh lại tiếp tục tìm cách vượt biên, nhưng không thành công. Trong dịp mưu tìm tự do này, anh gặp một người đàn bà trước kia đưa đồ cho Mặt Trận Giải Phóng, bây giờ đưa đồ giúp người vượt biên, anh bèn viết bài **Mẹ Hậu Giang**. Người mẹ này không làm chính trị, bà là hiện thân của tình thương...

Bài **Hạnh Phúc Ta Hạnh Phúc Người** mà anh soạn sau đó nói về những cái chơi vơi của đời sống con người : đã là nạn nhân của hạnh phúc cho nên đi tìm hạnh phúc... Nhưng rồi lại gặp phải đau khổ khi đi tìm hạnh phúc !

Đến năm 1982 anh lại tìm đường vượt biên nữa nhưng cũng thất bại và khi anh gặp một người đưa đồ thứ hai thì anh viết bài **Người — Lại Đưa Đồ**.

Rồi khi Trầm Tử Thiêng vượt biên thành công thì anh có bài **Trại Tỵ Nạn Galang**, trong đó anh mô tả tâm trạng của một kẻ mới vừa thoát thân nhưng không quên nói tới những điều trắc trở của những người phải sống ở đảo lâu năm. Bài **Chiều Trên Đảo Trầm Tư**, mô tả tâm trạng của một người ở giữa con đường đi và con đường về. Bởi vì trại tỵ nạn không phải là nơi để mình định cư, chỉ là bến đợi, bến chờ... Do đó người nhạc sĩ nhìn về phía trước chỉ thấy biển, nhìn về phía sau chỉ thấy rừng. Biển thì đầy nguy hiểm, rừng thì mênh mông. Phía trước mờ mịt, đường dốc thấp dốc cao, phía tương lai thế nào không biết, chỉ nhớ thấp thoáng là có em ở phía trước mặt.

Tại đảo, Trầm Tử Thiêng gặp Trần Đình Quân là tác giả bài **Tình Ca Xứ Huế**. Hai người cùng gia nhập tổ chức sinh hoạt văn nghệ dành cho các thanh niên ở đảo. Từ khi sang đến Mỹ, Trầm Tử Thiêng soạn **Tình Ca Mùa Đông, Mười Năm Yêu Em, Đêm Nhớ Về Sài Gòn, Thư Xuân Hải Ngoại, Hãy Hát Lên Tin Yêu, Giã Từ Mùa Đông, Hãy Hát Tình Thương Về Biển Đông** (viết cho chương trình đại nhạc hội yểm trợ tàu Lumière trong chiến dịch vớt người ở biển Đông), **Hãy Vui Lên Khi Lòng Còn Biết Buồn, Hối Tiếc, Tường Niệm, Mây Hạ...**

Nói chung, Trầm Tử Thiêng là người viết ca khúc phong phú nhất trong đám nghệ sĩ lưu vong. Trong khi những vị nhạc sĩ lớn khác dường như không còn đủ óc sáng tạo như xưa, thì nhạc phẩm của anh có đầy đủ các xu hướng **Tình Yêu, Quê Hương, Thân Phận Con Người...** Tiếc rằng anh không bước qua được thế kỷ 21. Bệnh ung thư đem anh đi vào năm 1999.

Các nhà văn, nhà thơ như Duyên Anh, Hà Thúc Sinh, bây giờ cũng ôm cả bút lẫn đàn trong tay để đi vào làng nhạc lưu vong.

Ngoài những sách viết rất ác nghiệt về cuộc đời rất cay chua mà anh vừa trải qua tại Việt Nam, Duyên Anh tung ra một đĩa compact disc nhan đề **Ru Đời Phù Ảo** gồm 10 bài hát, có bài do anh soạn cả nhạc lẫn lời, có bài là thơ của anh do tôi hay Trần Quang Hải phổ nhạc.

Dường như sau những năm tháng khổ liệt ở trong nước, bây giờ như chim vừa được tháo cũi sổ lồng, Duyên Anh còn muốn nói thêm nỗi lòng của mình qua âm nhạc. Nhưng những ca khúc trong selection **Ru Đời Phù Áo** chỉ có thể được soạn ra để nhà văn tự ru mình sau những cơn *phiền muộn, mê hoặc, phù ảo* và để tự vấn : *chỉ còn vậy thôi sao ?*

Có thể Duyên Anh có khá nhiều ẩn ức và không chịu nhìn thấy rõ ràng cuộc đời lưu vong đã khác xưa rồi cho nên anh dùng lại ngòi bút Thương Sinh để tấn công một số người. Đang sống yên ổn và thành công ở Paris vì văn phẩm được dịch ra Pháp ngữ và được xuất bản, anh qua Hoa Kỳ và -- cho tới nay vẫn không biết ai là người chủ mưu -- bị hành hung tới độ mang tật nguyên rồi tạ thế tại Pháp, sau khi con gái và người rể bị chết trong một tai nạn máy bay.

Nhưng theo tôi, trong số những người còn soạn ca khúc Việt Nam vào lúc này (1980), ở Mỹ hay ở Âu Châu, Úc Châu... thì Hà Thúc Sinh -- tuy không sáng tác nhiều bằng Trầm Tử Thiêng -- có thể được coi là người nhạc sĩ có những bài hát hay nhất, trí thức nhất.

Hà Thúc Sinh vượt biển qua Mỹ vào năm 1980 với hành lý văn nghệ rất cồng kềnh là cuốn **Đại Học Máu** và một số bài hát nằm trong một chủ đề chung là : **Tường Trình Với Tự Do** (còn có thêm cái tên là **tủi nhục ca** nữa).

Về cuốn sách, những chuyện tù đầy của anh có khả năng đổ thêm máu, mồ hôi và nước mắt vào lòng người sau những sách **Cùm Đò** của Phạm Quốc Bảo và **Đáy Địa Ngục** của Tạ Tỵ.

Những bài **tủi nhục ca** của Hà Thúc Sinh thì nói về **Đêm Việt Nam**, bây giờ là :

*Đêm đầu tổ và thủ tiêu
Đêm săn bắt cho đầy chỉ tiêu
Đêm cáo chung tự do nhân quyền...*

*.....
Đêm nhức nhối phang bằng chày vỡ
Vang tiếng thét sau cùng tự do
Đêm có tiếng súng sau trại giam
Người tù binh chết bên bờ rừng...*

Cảm động nhất là một bài hát của Hà Thúc Sinh, nói tới thân phận của người thiếu nữ mà trước đây, Trịnh Công Sơn gọi là *người con gái Việt Nam da vàng, đi trong đêm, đêm vang âm tiếng súng*... Bây giờ Hà Thúc Sinh gọi người con gái đó là *người thiếu nữ Việt Nam cùng đường*...

*Từ khi em dậy thì, bố em vẫn ngồi tù
Mẹ buồn không dám khóc hóa ngu ngơ...*

*.....
Vượt biên đi đường rừng
Thái Lan xa nghìn trùng
Đạn giặc không thương sót tấm lưng ong...*

*.....
Một ngày nghe kể rằng :
Mã Lai đi đường thuyền
Trầm mình một cô gái tiếc hương trinh...
(Có nghĩa là cô tự vẫn sau khi bị hải tặc hiếp)*

Chưa hết ! Trong bài **Thời Hoàng Hôn Của Ý Niệm**, Hà Thúc Sinh còn cho ta thấy hình ảnh một...

*...cô gái trần truồng ngồi trước sân phơi ghê
Trước mặt mọi người cô vẫn thấy như không !
Âu Cơ Mẹ hỡi, sao nên nỗi đau thương
Cô gái Việt Nam mà sao lại hết thẹn thùng !*

Tôi thấy rất cần thiết phải viết ra đây sự biến hình của người thiếu nữ Việt Nam trong Tân Nhạc, chỉ trong một khoảnh thời gian ngắn ngủi là vài năm trước 1975 và sau 1975. Xin bạn đọc đừng quên hình ảnh người nữ trong nhạc Hà Thúc Sinh vừa rồi và cùng tôi theo rồi nhạc Lê Uyên Phương ở Mỹ sau đây...

Đôi uyên ương Lê Uyên Phương tới Hoa Kỳ vào cuối năm 1979, làm sống lại không khí âm nhạc cuồng say của những năm tháng Saigon cũ qua những ca khúc mặn nồng trong các nhạc tập **Yêu Nhau Khi Còn Thơ, Khi Loài Thú Xa Nhau, Uyên Ương Trong Lòng, Bầu Trời Vẫn Còn Xanh...**

Rồi đôi chim uyên này còn ghi lại cuộc đời chung và cuộc đời riêng qua những tuyển tập tuần tự ra đời trong khoảng 79-90, như **Biển, Kẽ Phán Xét Cuối Cùng, Trại Tỵ Nạn Và Các Thành Phố Lớn, Trái Tim Kẽ Lạ, Lục Diệp Tố...** trước khi Thần Ung Thư tới, đem người nhạc sĩ tài hoa ra đi chỉ trước sự qua đời của nhà tôi khoảng vài ba tháng.

Trong **HỒI KÝ** này, tôi không có đủ chỗ để ca tụng tất cả những bài hát lưu vong của Lộc -- tên thật của nhạc sĩ -- nhưng trong lịch sử Tân Nhạc Việt Nam, tôi chưa bao giờ thấy có những bài hát mang tinh thần "ố nữ" (misogyne) rất cảm động, rất cay đắng, rất chua xót như trong nhạc tập **Trái Tim Kẽ Lạ** của Lê (không có Uyên Phương). Và bây giờ, tôi muốn chia sẻ với bạn đọc...

Chúng ta đã biết cô gái Việt Nam trong Tân Nhạc thời mới thành lập tươi đẹp như thế nào ? Đẹp như mùa Xuân qua một bài thơ của Nguyễn Bính, **Gái Xuân** do Tu Mi phổ nhạc.

Những cô gái khác như **Cô Hái Mơ, Cô Láng Giềng, Cô Lái Đò, Cô Tú...** trong những ca khúc cũ, bạn nhớ không, cô nào cũng đẹp tuyệt vời. Đẹp nhất phải là cô gái trong bản **Cung Đàn Xưa** của Văn Cao, *đi tới đâu hoa nở tới đó, mắt huyền như lưu giữ mùa Xuân và thân hình Cô thì thơm ngát...*

*Chiều năm xưa
Gót hài khai hoa
Mắt huyền lưu Xuân
Dáng hồng thơm hương...*

Rồi thì có sự biến hình của người con gái trong Tân Nhạc... Vào năm 1970, khi cuộc nội chiến ở Việt Nam tới hồi cao độ, chúng ta động lòng xót thương cho *cô gái Việt Nam da vàng, chưa hát ca dao một lần, chỉ có con tim căm hờn...* của Trịnh Công Sơn.

Tới khi Hà Thúc Sinh xuất hiện vào năm 1982 đem theo tờ tường trình với thể giới tự do trong đó có hình ảnh *cô gái trần truồng ngồi trước sân phơi ghê, cô gái Việt Nam mà sao lại hết thẹn thùng...* dưới chế độ mới, thì ta phải hoảng sợ !

Rồi bây giờ thì ta phải rùng mình khi thấy người của phái đẹp ở Hoa Kỳ trong năm 1988 này được gọi là *rác rưởi ngoài đường, lượm dưới chân ai...* trong bài **Vô Tâm** hay **Là Giọt Máu Bầm Trong Trái Tim Tôi** của Lê Uyên Phương :

*Em vô tâm như bầu trời
Bầu trời, có đám mây bay
Có đám mây bay, đám mây bay qua...
Em vô tâm như cỏ cây
Cỏ cây mọc ngoài đồng
Cỏ cây mọc ngoài đồng
Cỏ trên đồng...
Em vô tâm như đồng tiền
Đồng tiền xấp ngửa đôi bên
Xấp ngửa đôi bên, xấp ngửa đôi bên...
Em vô tâm như rác rưởi
Rác rưởi ngoài đường
Rác rưởi ngoài đường, lượm dưới chân ai !*

*.....
Đôi khi, đôi khi em đã hiện hình
Như con thú hoang trước người thợ săn !
Đôi khi, em đã hiện hình
Em đã hiện hình
Hình thiên thần trước người mơ mộng !
Đôi khi, em đã hiện hình
Là tờ giấy bạc nhàu nát
Trong mắt nhìn tham lam...
Đôi khi, đôi khi em đã hiện hình
Em đã hiện hình
Là giọt máu bầm
Trong trái tim tôi...*

Cuộc đời Việt Nam quả là nhiều bất hạnh ! Người con gái Việt Nam, một thời, cùng chúng ta nhìn đàn bò chạy qua thành phố, bây giờ ra nước ngoài...

*Nàng đã bỏ quên
Mối tình của Nàng
Trên chuyến xe bus
Chạy qua thành phố...*

*.....
Nàng đã bỏ quên
Mối tình của Nàng
Trên tấm ghế da...*

*.....
Người, người qua
Người, người lại
Giòng đời quá khứ đã trôi xa...*

Bài hát này còn thêm đoạn nói :

*Một tên ăn mày nghiện rượu...
...đã nhặt được chiếc xách tay của Nàng
trên chuyến xe bus đó...
Hắn tìm thấy trong đó,
tình yêu của nàng,
danh vọng của nàng,*

sắc đẹp của nàng,
tuổi trẻ của nàng...

...Nhưng không biết làm gì
với những thứ kỳ quặc đó...
Hắn cần một chai rượu mạnh,
và đã đổi tất cả những thứ lượm được
trên chuyến xe bus
để lấy một chai rượu
trong một tiệm "ly cơ" bên kia đường...

Trước khi có bài hát kể trên của Lê Uyên Phương, vào năm 1984, nhạc sĩ Song Ngọc (3) cũng đã soạn ra một bài nhan đề **Đàn Bà**. Bài rất được phổ biến, có thể vì ai cũng đồng ý nó là sự thật chẳng ? Bây giờ ở hải ngoại, đàn bà là mối lo sợ của đàn ông ! Bài hát không " ố nữ " nhưng cũng không " ái nữ " lắm đâu, nó là tình đời (c'est la vie) như tác giả than ở cuối bài :

Ôi đàn bà là những niềm đau
Hay đàn bà là ngọc ngà trắng sao ?
Ôi đàn bà lại là con dao làm tim nhỏ máu...
Ôi đàn bà dịu ngọt đêm qua
Ôi đàn bà lạnh lùng hôm nay
Ôi đàn bà là vắn thơ say, khúc nhạc chua cay !
Em đã đến như huyền thoại,
Em đã đi không một lời
Ôi thế nhân, ôi tình đời...

Vốn là người xưa rày có những tác phẩm rất đẹp về phụ nữ, tôi cứ tưởng rằng mình đã nói quá đủ về thân phận của người con gái Việt Nam và quê hương trong loạt **Nữ Ca** khi xưa, và nhất là qua những bài hát **Lời Người Thiếu Phụ, Giải Thoát Cho Em, Xin Em Giữ Dùm Anh v.v...** in trong cuốn sách nhạc **THÁM THOÁT MƯỜI NĂM**.

Khi được nghe các bạn bè hát lên sự biến hình của người nữ như đã kể thì tôi thấy rằng những *tuổi mộng mơ, tuổi ngọc, tuổi hồng, tuổi thần tiên, tuổi biết buồn...* của tôi đã bị cuộc đời dần dần nghiền nát hết rồi. Những người em gái, với đôi mắt chói *nắng quê Cha và trắng quê Mẹ...* với những đôi *tay ngà nhỏ ngon năm nhánh và chân dài vượt vạn nẻo đời...* vừa mới vượt biển qua Mỹ, thì nay đã qua đời và trở thành nữ thần hay bóng ma (4) cả rồi.

Đó là chưa kể ngoài đời, trong thực tế một số phụ nữ đã không còn đáng yêu như xưa nữa. Cuộc sống Hoa Kỳ đã tạo nên những người đàn bà viết văn, viết báo, làm Đài Phát Thanh mà thái độ chính trị mị dân, thiếu đoan trang, thiếu bao dung, rất hẹp lượng của họ không đề cao được một chính nghĩa nào cả, chỉ làm cho không khí cộng đồng mỗi ngày mỗi thêm ô nhiễm.

Và tôi đã tưởng rằng từ nay trở đi người cô gái Việt Nam sẽ hoàn toàn vắng bóng trong Tân Nhạc.

Thế nhưng cách đây không lâu (1999), trong làng Tân Nhạc hải ngoại đột nhiên xuất hiện hình ảnh **cô gái Việt Nam muôn đời** qua một đĩa CD nhan đề **Người Con Gái Trong Tranh**. Một nữ nhạc sĩ (tài tử) ở Houston-Texas, tên Ngọc, con gái của diễn viên nổi tiếng Hoàng Vĩnh Lộc, một cách rất âm thầm, lặng lẽ cho cô gái Việt Nam yêu kiều của chúng ta tái sinh :

*Từ trong đó em trở hoa
Toả hương ngát ngây thời gian
Em đẹp như cỏ trên đồng hoang
Như loài hoa một đêm vội tàn.*

*.....
Em lạ như đám mây bên trời màu điệu kỳ
Em là tiếng nói quanh đây gặp lại
Là tranh vẽ ? Hay là em ?
Đứng bên đời lặng lẽ, ân cần
Âu yếm hôn ta bằng nụ cười
Đứng bên đời lặng lẽ, yêu kiều
Ru hồn ta đắm đuối...*

Vắng mặt một thời gian, nhạc về người con gái bỗng nhiên lại rất thịnh hành. Những ca khúc rất dễ thương ra đời và được hát cả trong lẫn ngoài nước... Nhưng nếu trong bài ca **Sao Em Vội Lấy Chồng** (đùa tí nhé, Trần Tiến và các bạn trẻ khác) em mới "bé sít" mà đã về nhà chồng thì tục tảo hôn ở nước ta vẫn còn.

Một bài hát khác (của Quốc Hùng) mà rất nhiều người hát, cả người trẻ lẫn người già, nhờ hăng sản xuất đĩa hát và nhờ đài phát thanh quảng cáo dữ dội, có những câu : *Con gái bây giờ thích làm vợ, con gái bây giờ thích nằm yên... Con gái bây giờ nói không là có, nói có là không...* Kể ra cũng vui vui, nhưng quá dung tục !

Cuối cùng, có bài hát về con chim đa đa, trách móc tại sao *cô gái đi lấy chồng xa mà không chịu lấy chồng gần*, thì ta có cảm tưởng bài ca này trách em không lấy chồng ở trong nước mà lại đi lấy Việt Kiều ?

-
- (1) Hai ông Nam Lộc và Nguyễn Đình Toàn này than vãn "mất Saigon", chứ tôi đâu có khai là mất cái gì đâu ? Mà báo của Nhà Nước ở Việt Nam cho đăng bài **Âi Lâm Mất Saigon Của PD ?** Chán quá !
(2) Không cứ gì hình ảnh cô gái, trong Tân Nhạc, tất cả những gì gọi là Việt Nam cũng đều vắng bóng (hay khuất bóng?).
(3) Song Ngọc còn phổ nhạc rất nhiều thơ tiền chiến.
(4) Xin nói ngay : nữ thần và bóng ma của riêng tôi thôi đấy nhé !

*Người tình già trong lệ loi
Có nhớ thương.... ai ?*
NGƯỜI TÌNH GIÀ TRÊN ĐẦU NON

Chương Hai Mươi

Bước vào năm 1988 này, có hai sự kiện làm cho tôi phải có những thay đổi mạnh mẽ trong cảm xúc và sáng tác.

Trước hết, tôi luôn luôn cho rằng **chiến tranh lạnh** xảy ra giữa hai khối Tư Bản và Cộng Sản là đầu dây mối rợ của cuộc chia đôi nước Việt Nam và là mầm mống của chiến tranh hay hoà bình giữa hai miền đất nước. Cho tới năm 1988 này, khối Cộng Sản đã tỏ ra thua cuộc trong cuộc chiến tranh lạnh đó rồi ! Sự thất bại về nông nghiệp và gia cư cùng với cuộc chiến tranh A Phú Hãn đã khiến cho Nga Xô kiệt quệ và làm cho ông trùm đồ Gorbachef thấy rằng bây giờ mà không chấm dứt cuộc thi đua vũ khí với Hoa Kỳ... không cải tổ và cởi mở (**glasnost**) thì chết ! **Chiến tranh lạnh** đã tới lúc phải cáo chung.

Hãy ôn lại lịch sử của cuộc **chiến tranh lạnh** dài gần 50 năm này và nhìn vào sự chi phối của nó đối với Việt Nam :

Thế Quốc Cộng đã có từ 1943 và ngay khi cuộc Thế Chiến Hai chưa tới hồi kết thúc, trong hai hội nghị Yalta và Postdam (1945) để chia vùng ảnh hưởng, các cường quốc -- đứng hơn là hai phe Tư Bản và Cộng Sản -- đã đồng ý với nhau, chia hai nước Cao Ly và Việt Nam ra làm đôi -- và sau đó là sự chia bốn của thủ đô Berlin, Đức Quốc.

Chia vùng ra để cai trị thế giới, nhưng đế quốc đồ không lúc nào bỏ ý đồ bành chướng, còn đế quốc xanh thì phải luôn luôn đề phòng, chống giữ cho nên cả hai đều duy trì và phát triển bộ máy chiến tranh. Nhưng cả hai đều không muốn có chiến tranh, vì nếu Thế Chiến Ba xảy ra thì vũ khí nguyên tử mà hai bên đem ra sử dụng, sẽ tiêu diệt loài người.

Rồi vì đã không muốn có **chiến tranh nóng** thì phải làm cuộc **chiến tranh lạnh**. Chiến tranh này cũng chia ra nhiều thời kỳ **lạnh** và **nóng** :

-- Từ 1945 cho tới 1954, nó còn là **chiến tranh nóng** với việc trở lại thuộc địa ở Đông Dương cũ của Thực Dân Pháp, cụ thể là cuộc chiến tranh mà sử gia thường gọi là **The First Vietnam War**.

-- Từ 1954 tới 1960, sau khi Hội Nghị Geneva bắt cuộc chiến tranh Việt-Pháp phải chấm dứt, hai phe Nga-Mỹ lại trở về cuộc **chiến tranh lạnh**, nước Việt Nam -- lúc đó đã bị chia hai -- được khá yên ổn trong một thời gian 4, 5 năm...

-- Từ 1961 tới 1968, sau khi Mỹ ngăn không cho Nga đem hoả tiễn vào Cuba thì **chiến tranh nóng** hẳn lên, Việt Nam lại là nơi thử thách. Mỹ **leo thang chiến tranh**, đổ bộ vào Đà Nẵng cho tới sau Tết Mậu Thân, 1968, mới chuẩn bị **xuống thang dần dần**. Mỹ vào Việt Nam làm gì, nếu không phải là để bao vây Trung Cộng ? **The Second Vietnam War** do đó phải có.

-- Từ 1969 trở đi là cuộc **xuống thang chiến tranh** của Mỹ, sau khi khối Cộng đã bị chia đôi vì Trung Cộng và Nga Xô đánh nhau ở biên giới (1970) cho tới ngày Nga Xô (1990) suy sụp vì kinh tế sau suốt 4 thời kỳ thi đua vũ khí với Mỹ mà phải hoàn toàn thay đổi chế độ.

Mặt khác, sau khi Kissinger dàn xếp được cuộc gặp gỡ Mao-Nixon, Mỹ rút ra khỏi Việt Nam. Có thể nói rằng Mỹ đã thua trận ở Việt Nam nhưng vào lúc này, khối Cộng Sản đã yếu đi vì có sự chia rẽ trầm trọng giữa hai nước Nga Xô và Trung Cộng. Cuối cùng khi các chế độ ở Nga Xô và Đông Âu tan rã thì cuộc chiến tranh lạnh sẽ kết thúc với phần thắng về phe Tư Bản.

Nhưng ở Việt Nam, sau khi Mỹ rút hết quân, vào năm 1975, phần thua lại về phe quốc gia. Rồi 15 năm sau, khi chiến tranh lạnh trên thế giới hoàn toàn kết thúc thì **chiến tranh lạnh** (hay **nội chiến lạnh** ?) sẽ vẫn cứ còn ở Việt Nam khi con số hai triệu người Việt tị nạn cư ra nước ngoài, trở thành đối trọng với một Việt Nam (dù sao cũng là) chính quốc...

Việc thứ hai làm tôi thay đổi tâm lý là vì cuộc di cư (**exodus**) của người Việt Nam đã tới một giai đoạn mới. Hãy nhìn vào tiến trình từ đầu của cuộc di cư này cho tới nay :

-- Từ 1975 cho tới 1979, trong đợt đầu của cuộc di tản, 120.000 người Việt đột khởi ra đi, đa số là thị dân và trí thức được Âu hóa không ít thì nhiều. Họ là những người tốt số nhất trong toàn thể nạn nhân của cuộc chiến tranh nóng và lạnh do hai đế quốc đem vào thực

nghiệm ở Việt Nam. Không ai trong họ hiểu biết kỹ càng về một chế độ làm cho họ phải di cư, nhưng ai cũng sợ Cộng Sản và đều thấy mình là những người may mắn được đem đi **tị nạn**. Trong những năm đầu, họ còn rất lưu luyến với Việt Nam nhưng khi đã an cư lạc nghiệp, con cái thành tài và thành nhân, tuổi họ cao dần... thì họ ít băn khoăn, ít ưu tư về những gì xảy ra nơi cố quốc. Khi Việt Nam bị thảm bại về kinh tế mà phải đi vào thị trường tự do với chính sách cởi mở thì họ là thành phần về thăm quê cũ trước tiên và nhiều nhất.

-- Từ 1979 tới 1985, là cuộc ra đi của những **thuyền nhân**. Cuộc chiến tranh giữa Việt Nam và Trung Cộng đã khiến cho chính quyền Hà Nội muốn trục xuất những người Việt gốc Hoa ra khỏi Việt Nam. Nhà Nước bèn khuyến khích hay cưỡng chế họ ra đi sau khi đóng tiền cho cán bộ. Đợt người tị nạn bằng thuyền này nên được gọi là **thuyền nhân có tổ chức**. Còn có thêm con số khổng lồ của những **thuyền nhân bột phát** là những người, từ 1975, đã tìm đủ mọi cách để ra khỏi Việt Nam, lợi dụng cuộc ra đi của người Việt gốc Hoa để vượt biên, tị nạn. Đó là những người đã sống 4, 5 năm dưới chế độ Cộng Sản, với thành phần xã hội khá phức tạp, không thuần nhất như đợt di tản đầu tiên.

-- Từ 1985 tới 1992, là chương trình ODP với diện con lai và đoàn tụ gia đình.

-- Từ 1992 trở đi là sự xuất cảnh của những người đi theo diện HO. Đây là thành phần mang trong lòng sự căm thù Cộng Sản dữ dội nhất vì đa số đã bị giam giữ quá lâu trong các trại cải tạo.

Là người nghệ sĩ mà cha mẹ sinh ra rồi ban phát ngay cho một cảm tính là rất nhạy cảm... trong quá trình sáng tác, do trực giác nhanh nhẹn, tôi dễ dàng bị rung động bởi bất cứ một biến cố to nhỏ nào và đem ngay trực giác đó vào cảm giác. Tôi phát triển tâm ảnh đó bằng cách soạn ra, trước hết là những đoản khúc rồi tới những chương khúc với nhiều bài, thường là 10 bài -- theo tôi, con số 10 là toàn vẹn nhất -- như **Mười Bài Tâm Ca, Mười Bài Tục Ca, Mười Bài Đạo Ca, Mười Bài Bé Ca, Mười Bài Nữ Ca** v.v...

Sau khi phát triển xong một đề tài nào rồi thì nó được giải phóng ra khỏi tâm trí tôi ngay. Đó là cái chìa khoá để tôi mở ra những chu kỳ sáng tác. Nó cất nghĩa vì sao tôi luôn luôn thay đổi cảm hứng và đề tài, tôi hay phản bác lại chính tôi (theo nhận định của nhà phê bình Đặng Tiến). Cũng vì vậy, ít khi tôi mang nhiều lưu luyến với những tác phẩm cũ rích, đôi khi có người tốt bụng nhắc lại những bài hát xa xưa với lời khen tặng thì miệng tôi nồng nàn cảm ơn nhưng lòng tôi lại rất dửng dưng. Từ lâu rồi, tôi là người nuôi tính dễ quên : cái gì đã qua, cho đi qua luôn !

Bây giờ nói tới chuyện thay đổi trong tôi.

Cuộc đời đã đẩy đưa tôi tới sống tại Thị Trấn Giữa Đàng đúng 12 năm rồi. Vào năm 1988 này, sau hai năm ngồi thanh toán 10 năm sáng tác để in ra nhạc tập **Thăm Thoát Mười Năm** và ngồi thu xếp lại cái gọi là sự nghiệp -- cho tới nay sắp sỉ là -- 500 hay 700 ca khúc để in ra tập **Ngàn Lời Ca**... tôi nhìn ra cuộc đời đã có nhiều thay đổi, tôi nhìn vào bản thân mình, nhờ có sự tổng kết cái gọi là sự nghiệp. tôi thấy rằng nếu tôi đã có loại :

a) **nhạc hứng khởi** của thời kháng chiến hứng khởi và oai hùng,

Nếu có thêm :

b) **nhạc xưng tụng quê hương dân tộc ngọt ngào và hàn gắn** của thời Việt Nam bị phân chia hai miền...

Thì tôi cũng có những :

c) **bài ca ai oán, uất hận** hay những **bài hát ảo ảnh quê hương** trong hơn 10 năm sống đời **di cư mê sương, lưu vong tủi nhục**. Trước những biến chuyển của lịch sử, nếu tôi còn muốn tiếp tục làm người hát rong thì từ nay trở đi tôi phải làm cái gì khác.

Lúc này, nhìn vào thế giới, đối với tôi, cuộc chiến tranh lạnh đã sắp tàn, tôi biết trước rằng Nga Sô sẽ phải thay đổi, tôi đoán già đoán non là Việt Nam cũng sẽ phải đổi thay.

Còn nhìn vào người Việt hải ngoại, tôi thấy nhạc Việt Nam, dù là loại nhạc đứng đắn với đề tài **quê hương vang bóng một thời** hay **quê hương một thời đau khổ**... chỉ còn làm cho một số ít người rung động. Trong đa số người bỏ nước ra đi, sau 10 năm bị cắt đứt với quê cũ hay sống rời rạc nơi quê mới, mối dây liên lạc giữa người ra đi và đất nước, giữa đồng hương với nhau không còn chặt chẽ như xưa nữa.

Nhạc quê hương dân tộc soạn ra bây giờ giống như chuyện khôi hài của một anh hề. Đã nhiều lúc tôi chua xót trong lòng khi tiếp bạn bè hay khách lạ, trong câu chuyện tâm phơ hay thân tình ở hải ngoại, có ai đó thốt ra bốn chữ **tình nghĩa lưu vong**, thì đối với tôi, dù thấy nó là vô nghĩa đấy nhưng nó lại thật nhiều ý nghĩa !

Như đã nói ở một chương trước, nghề phát hành băng nhạc hiện giờ nằm trong tay những ông hay bà chủ nhân chỉ chú trọng đến thương mại hơn là văn hóa, văn nghệ. Nhạc được phổ biến mạnh mẽ ở hải ngoại đã mất dần tính chất quốc gia, dân tộc để chỉ còn là nhạc lai căng, nhạc kích động. Âm nhạc không đánh vào con tim hay khối óc nữa mà chỉ đánh vào bản năng, vào thú tính của con người.

Tôi còn thấy rõ ràng là thế hệ thứ hai (second generation) -- đặc biệt là ở Hoa Kỳ -- tức là lớp tuổi hai mươi, coi nhạc Việt là một sản phẩm văn hoá rất xa lạ. Chúng không như các bậc cha mẹ để có ít nhiều kỷ niệm êm đềm hay xót xa về nước Việt Nam cả. Và ngay cả cha mẹ chúng cũng còn muốn quên dĩ vãng nữa là...

Tôi đã nói : trước những biến chuyển của lịch sử, nếu tôi còn muốn tiếp tục làm người hát rong thì từ nay trở đi tôi phải làm cái gì khác. Làm cái gì bây giờ ? ? ?

Thế rồi trong vài chuyến đi chơi ở Cựu Kim Sơn vào đầu năm 1988, tôi bỗng nhìn thấy chỉ còn 12 năm nữa là tới thế kỷ thứ 21. Tôi bèn nghĩ ngay tới việc soạn ra những bài **hát cho năm 2000**. Chọn đề tài này, tôi không còn chạy theo cái **nhất thời** mà đi tìm cái **vĩnh cửu**. Dù rằng trước đây những xu hướng trở về nội tâm cũng đã lộ ra trong những bài hát soạn cho ngoại vật. Từ nay trở đi, đối với tôi, có lẽ tôi phải bỏ quên các loại **nhạc tình cảm** và **nhạc xã hội** để đi tới **nhạc tâm linh**.

Tôi lại làm công việc soạn đủ 10 bài cho một thứ **chương khúc** nữa, bây giờ được gọi là **Mười Bài Rong Ca** với đầu đề **Người Tình Già Trên Đâu Non** hay là **Hát Cho Năm 2000**.

Khi tung ra **Mười Bài Rong Ca**, vì muốn nó mang tính chất "nhạc không gian" cho nên tôi và con tôi là Duy Cường thử đi theo trường phái nhạc **new age**, sử dụng nhạc *electro-acoustic* để diễn tả nhạc vũ trụ (cosmic).

New Age Music là gì ? Trước hết, tôi thấy nó rất phù hợp với nhạc ngũ cung, nghĩa là rất phù hợp với lối soạn nhạc của tôi. Còn theo tự điển thì nhạc **new age** xuất hiện vào khoảng đầu thập niên 80, dùng nhạc cổ Á Đông với nhiều "tùy hứng" (improvisations) trong giai điệu, nhưng không chú ý tới tiết điệu. Giai điệu phần nhiều là êm ả, chậm và buồn... với hoà âm dễ nghe, thỉnh thoảng dùng luôn cả những tiếng

động thật như tiếng sóng vỗ, tiếng chim hải âu v.v... Trong việc phối khí, người ta hay dùng đàn *synthesiser* với nhiều tiếng vang. Câu nhạc thường được lặp lại (répétition), tạo cho người nghe một cảm xúc u buồn tê tái, rồi dần dần biến mất. Những người tiên phong trong nhạc *new age* là : Deuter, Kitaro, Harold Budd... Đây là loại nhạc "suy tư" (méditatif), có vẻ như "lạc trong không gian" (perdu dans l'espace), nghe gần giống như loại nhạc "huyền ảo" (psychedelique) của thời 60. Nghiên cứu một cách kỹ càng hơn, ta thấy nhạc **new age** đứng giữa nhạc cổ điển và nhạc rock, giữa nhạc dân tộc và nhạc jazz, giữa nhạc Phương Đông và Phương Tây, giữa nhạc tự nhiên và nhạc điện tử.

Ở đầu chương, tôi đã nói tới sự thanh toán trong tôi, trong tư duy và trong sáng tác, khi nhìn vào thế sự và nhất là vào vấn đề Việt Nam, khi cuộc chiến tranh lạnh ở trên thế giới đã tàn.

Tôi bèn thử dùng chương trình nhạc soạn theo trường phái "thời mới" này để thanh toán tất cả những lỗi lầm của thế kỷ 20 sắp qua ngõ hầu thênh thang bước vào thế kỷ 21 đang tới.

Mười Bài Rong Ca là sự tái nhập thể hay tái hạ sơn của **Người Tình Già Trên Đầu Non**; là sự hứa hẹn gặp lại cổ nhân trong tình khúc **Hẹn Em Năm 2000**; là việc nhặt xác thời qua, với bài **Mộ Phần Thế Kỷ**, vùi sâu lấp kín nó đi để làm phân bón cho hoa cỏ tốt tươi mọc lên trong bách niên tới; là sự giải hoá các chuyện mù, câm, điếc (hay giả mù, giả câm, giả điếc) trong thế kỷ qua bằng **Ngụ Ngôn Mùa Xuân**; đặt vấn đề nuôi dạy các bà Mẹ Việt Nam tương lai cho thế kỷ mới trong **Mẹ Năm 2000**, dành chút nắng chiều của đời mình trong buổi hoàng hôn của thế kỷ cho cuộc tình sẽ hoá sinh trong tình khúc **Nắng Chiều Rực Rỡ**...

Rong Ca còn bao hàm các mối quan hệ giữa Người với Trời (Phật, Chúa), giữa Người với cõi Không (Lão), giữa Người với Người (Khổng) trong xã hội (Chính Trị), giữa Người với Thiên Nhiên, Vạn Vật (Trang) với những bài **Nghìn Thu** hay **Vô Hư**, **Ngạ Hồng** và **Trăng Già**. Cuối cùng tôi ôn lại đời mình rồi sẵn sàng giã từ trái đất để đi vào cõi lớn với bài **Rong Khúc**.

Phải kể ra đây phần đóng góp rất lớn của con tôi, Duy Cường, vào lúc này, đã thạo dùng máy vi tính để làm công việc hoà âm phối khí và để áp dụng vào sự chuyển hoá đầu tiên của tôi ở hải ngoại là **Mười Bài Rong Ca**. Sau đó là những công trình khác mang tính chất nhạc đa điệu (polyphonic) như **Tổ khúc Bầy Chim Bỏ Xứ và Hôi Xứ**, **Mười Bài Thiên Ca Trường Ca Hàn Mặc Tử**, và nhất là những bức **Minh Hoạ Truyen Kiều**.

Tôi hân hạnh được Đài VOA giới thiệu ngay chương khúc **Mười Bài Rong Ca**, sau khi vừa soạn xong nhạc phẩm này. Bài do Bùi Bảo Trúc viết :

**Những Thông Điệp
Gửi Cho Thế Kỷ Sắp Tới
(Đài VOA phát ngày 11-3-88)**

Việc đem hình ảnh con tầm nhả tơ ví với cuộc đời nghệ sĩ đã trở thành quá nhàm và có lẽ không còn ai muốn dùng lối so sánh đó nữa. Nhưng ở trường hợp Phạm Duy, với những bài hát mới nhất của ông được viết ra sau sinh nhật thứ 65, ở cái tuổi ông có thể ung dung nhìn lại những việc làm trong đời, thành thời nhớ lại những đóng góp của ông cho đời, cho máu thịt hệ người Việt, cho quê hương đất nước. Phạm Duy vẫn lại ngồi xuống với cây

đàn để viết thêm 10 ca khúc mới, không phải về những năm tháng cũ, mà cho một thế hệ mới khác, cho một thế kỷ sắp bắt đầu, thì người ta không thể không nghĩ tới con tằm trong thơ Lý Thương Ƨn, trong Kiều của Nguyễn Du, *con tằm đến thác vẫn còn vương tơ* để nói về người nhạc sĩ với mái tóc bạc trắng mà trái tim vẫn còn đầy tuổi trẻ đó.

Phạm Duy, người tình nhân của nhiều thế hệ, đã viết về hình ảnh của một người tình già trên đỉnh non cao, ngó những đám mây buồn bã, những tảng tuyết lớn đã tan trên đôi vai, nhìn hoàng hôn thoi thóp, bỗng nghe tiếng gọi của người yêu dẫu vọng lên từ dưới thế gian. Người tình già bỏ đỉnh non cao, đi xuống gặp người yêu cũ để sống lại bốn mùa của cuộc đời và hẹn nhau cứ sau một thế kỷ lại cùng tái sinh. Nhưng điệp khúc của bài HOÁ SINH là sự trở về cội nguồn của những chiếc lá chết lại không quan trọng bằng việc làm thế nào những nụ hoa vẫn nở trên những cành khô. Những người của thế kỷ 20 sắp chấm dứt là những lá khô sắp rơi rụng, và người tình của thế kỷ thứ 21 là những nụ hoa đang hé.

Bài rong ca đầu tiên đưa ra hình ảnh một người tình già đứng trên đỉnh núi hoàng hôn chợt nghe thấy tiếng EM từ dưới thế gian vọng lên với vợ. EM đây là một người tình có thật hay là một người tình tưởng tượng. Cũng có thể là M%o VIET NAM chăng ? Người tình lững thững xuống núi để gặp Nàng, cùng Nàng sống lại bốn mùa của một cuộc đời và bốn mùa của một cuộc tình. Rồi hẹn nhau sẽ cứ sau một trăm năm lại tái sinh.

**Người Tình Già Trên Đỉnh Non
(Hoá Sinh)**

(Cựu Kim Sơn-Tháng Giêng 88)

*Người tình già trên đỉnh non
Tuyết đã tan trên vai mỗi mòn
Giữa đám mây xanh xao chập chờn
Nhìn mặt trời thoi thóp hoàng hôn
Người tình già trên đỉnh khơi
Muốn lãng quên trăm năm một đời
Nhưng dưới thế gian mộng mênh với vợ
Người chợt nghe tiếng em chờ đợi.*

Điệp Khúc

*" Người tình già trong lễ loi
Có nhớ thương.... ai ? "*

*Người tình già nghe lời kêu
Lững thững đi trên con đường chiều
Xuống lũng sâu, leo qua ngọn đèo
Về một miền phơn phớt cỏ nâu
Người tình còn nhớ tuổi son
Cúi xuống hôn bông hoa thật gần
Nghe suối vẫn reo trong hang rì rầm
Người tưởng nghe tiếng em thì thầm...*

Điệp Khúc

*" Đợi người tình đã từ lâu
Vẫn khát khao... nhau "*

*Người từng là nắng mùa Xuân
Đã dắt em đi trên đường trần
Đã vuốt ve em trong Hạ mềm
Rồi lạnh lùng Thu đến... lìa em
Người trở thành cây mùa Đông
Lá úa rơi vun cao cội nguồn
Nhưng cuối bước đi trăm năm một lần
Đầu cành khô bỗng hoa nở tràn*

Điệp Khúc

*Người tình vào cuộc tử sinh
Sống chết lung... linh.*

*Thành người tình đang trẻ ngày
Sẽ đũa lên mê savanna nào*

*Cất bước Xuân đi qua Hạ dài,
Người hẹn người leo thế kỷ chơi
Một đời người trong tầm tay
Sống với nhau hơn ba vạn ngày
Xin cố gắng nuôi sao cho tình đầy
Chẳng vì Thu với Đông, ngần ngại*

Điệp Khúc

*Và người tình ngoảnh về non
Hát khúc Xuân... sang.*

CODA

*Rồi hẹn rằng sẽ về thăm
Lúc đã trăm... năm
Và người tình sẽ từ khơi
Xuống núi vui... chơi
Rồi lại từng thế kỷ sau
Cứ hoá sinh... theo.*

Bài ca thứ hai trong loạt 10 bài Rong Ca nói về thân phận nước Việt trong 100 năm qua, với nửa đầu thế kỷ đầy hy sinh, đấu tranh cho độc lập, tự do, nửa sau tưởng được sống yên vui nhưng những chia rẽ, oán thù đã đầy đọa người dân Việt ở cả hai miền, khiến hạnh phúc và tình yêu vẫn còn ở quá xa tay người. Bài hát có tựa là H%N EM NĂM 2000 với những câu kết : *Được gọi tên thế kỷ nào đây ? Trăm năm tình ái hay trăm năm ngậm ngùi ?* ... như một dấu hỏi lớn của thắc mắc liệu một trăm năm làm lỗi sắp qua có thể là bài học tốt cho trăm năm sắp tới của chúng ta hay không ?

Hẹn Em Năm 2000

(CaLi nắng ấm, 1988)

*Hẹn em nhé, năm 2000 sẽ
Hai bên cửa hé, cho anh trở về
Từ ngày đi, theo cuộc tình mê
Trăm năm nhỏ bé, trăm năm bộn bề
Hẹn em nhé
Kể chuyện nghe, những thoáng chia ly
Ngày xưa đó, chia tay vội vã
Trăm năm rộn rã, say sưa một mùa
Nào ngờ đâu, trong cuộc được thua
Trăm năm vật vã, trăm năm hận thù
Đời bằng giá
Thì tình ta cũng thoáng như mơ
Thời tìm tự do, nửa đời sương gió
Nên mau tóc ngà, con tim sớm già
Một nửa đời sau, tưởng là châu báu
Nhưng xương máu nhiều, bao vấy sớm chiều
Còn gì đâu cho một tình yêu
Còn gì nhau cho một đời sau.
Hẹn nhau sẽ nâng niu ngày tới
Năm 2000 với trăm năm thật dài
Được gọi tên : thế kỷ nào đây ?
Trăm năm tình ái hay trăm năm ngậm ngùi ?
Hỏi em nhé :
" Cuộc tình ta mãi mãi đơn côi
Hay cuộc tình đôi mãi mãi yên vui ? "*

Bài thứ ba cũng được viết bằng thể ballade kể về có nhan đề : M%N NĂM 2000. Mẹ Việt Nam của năm 2000 là những em gái sống trong cảnh khốn cùng trong nước, thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu học hành, thiếu tình thương, thiếu tương lai là những em gái sống lạc loài trên khắp năm châu, thay tên đổi họ, quên tiếng nói quê hương. Bài hát hỏi chúng ta phải làm gì để cứu những người mẹ Việt Nam của những năm 2.000 sắp tới ? (*)

Mẹ Năm 2000

(Cựu Kim Sơn-Tháng Hai, năm 88)

*Mẹ đâu còn là Mẹ Ta xưa đó
Là Tiên của Rồng. Mẹ Chúa Âu Cơ*

Mẹ Tô hoá đá hay Mẹ Châu Long
Cứu nước thù chồng, Mẹ, đắng anh hùng
Mẹ không còn là Mẹ trong tranh vẽ
Hiện thân Phật Bà, Mẹ Đức Maria
Mẹ nuôi chiến sĩ hay Mẹ Phù Sa
Cuối thế kỷ này, Mẹ mới lên ba
Mẹ bây giờ là trẻ thơ, em gái
Thiếu ăn, thiếu mặc và thiếu học hành
Đời thiếu an ninh, tình yêu cũng thiếu
Mờ mắt nhìn nhau, chẳng thấy mai sau

Mẹ bây giờ ở miền quê oan trái
Trẻ thơ vào đời chỉ thấy đơn côi
Tuổi xanh hung dữ nên tuổi mau phai
Cuối thế kỷ này, Mẹ đã lên mười
Mẹ bây giờ lạc loài trên thế giới
Việt Nam là gì, giảng nghĩa cho coi
Mẹ quên tiếng nói, tên họ đổi thay
Cuối thế kỷ này, Mẹ sẽ hai mươi
Mẹ đang trên bờ vực sâu tăm tối
Bước đi có thể về phía suy đồi
Nhìn kỹ đi coi : Một trăm năm tới
Mẹ nước Việt Nam : Vượt mãi ? Hay lui ?

Trẻ thơ là Mẹ cuộc đời đang tới
Việt Nam ngày nào rạng rỡ, yên vui
Nhờ trong quá khứ, có Mẹ lên ngôi
Thấm thiết tình người, gửi tới nhân loại
Nào ai đang nhìn Mẹ Ta hấp hối
Mẹ đau, Mẹ nghèo, Mẹ yếu, không vui
Nhìn nhau bối rối, ta cùng hối lỗi
Xúm xít lại rồi, giải cứu cho Người

CODA

Mẹ đang đi vào cuộc đời đang tới
Mẹ đang đi vào thế kỷ ngày mai
Sinh con anh hùng, người hiền nhân ái ?
Hay sinh kẻ hèn, bạo chúa vô loài ?

(*) Có thể khi soạn ra bài này (1988), tôi có cái nhìn bi đát như thế... nhưng vào lúc tôi đang hoàn tất HỒI KÝ này (1998),
tình trạng người mẹ tương lai đã đổi khác rồi ? (PD)

Bài thứ tư có tựa là MỘ PHẦN THẾ KỶ, người viết muốn lên đường đi nhặt những xác của
thời qua để chôn đi cùng với những đớn đau của thế kỷ này, chôn đi các chủ nghĩa, các ác
chúa đang được ướp xác trong những nhà mồ để trên ngôi mộ của thế kỷ, người ta sẽ
nghe tiếng đàn trẻ nhỏ hát vui trên lưng trâu bên những nụ hoa thơm ngát.

Mộ Phần Thế Kỷ

(Thị Trấn Giữa Đàng - 1988)
Người đi trong mùa Đông
Lòng băng khuâng như làn sương
Theo người phu đi dọn xác chiến trường
Người phu sau thời gian
Một trăm năm đã gần xong
Anh bình tâm đi lượm xác trên đường
Những xác ứa một thời
Có bóng dáng triệu người
Phiêu diêu nơi Thế Chiến Một, Thế Chiến Hai
Hết Thế Chiến, lại là
Anh em trong một nhà
Lấy chém giết để giải hoà trong quốc gia
Người đi trong mùa Đông

*Đội khăn tang, mang tình thương
Theo người phu đi đào lỗ bên tường
Người phu trong chiều buông
Lòng hân hoan, chôn mộ xong,
Nghe mùa Xuân đang rộn rã tới gần*

Điệp Khúc

*Nghe bên nắm mồ
Có tiếng đàn trẻ nhỏ
Lưng trâu bé ngồi
Đang cùng nhau hát chơi
Mai đây, nắm mồ
Một nụ vàng sẽ hé
-- Hoa ơi, tên gì ?
Có phải hoa hướng dương ?*

*Vùi sâu trong mộ chung
Hoặc vùi nông trong mộ hoang
Anh hùng rơm hay chủ nghĩa phi thường
Vùi chôn bao lâm than
Một trăm năm, bao trẻ em
Mang bộ xương, theo Thần Đới lên đường
Những ác chúa từng miền
Những xác ướp bạo quyền
Chôn ngay đi, vứt chúng vào hố lãng quên
Vứt Phát Xít vào mồ
Ném Mác Xít vào mộ
Hãy lấp kỹ cả tội hèn trong chúng ta
Người đi trong mùa Đông
Đội khăn tang, mang tình thương
Theo người phu đi vùi hết mộ phần
Rồi tan trong mộ sâu
Một thầy ma mang buồn đau
Thế kỷ sau, sẽ dùng bón hoa màu*

Điệp Khúc

*Đi qua nắm mồ, sẽ thấy ngọn cỏ mềm
Cho êm cõi đời, cho tình nhân ngã lên
Khi trên nắm mồ còn nở rộ bông hoa mới
-- Hoa ơi, tên gì ?
-- Hoa Tình Yêu đó em !*

Bài NG □ NGÔN MÙA XUÂN là một bài hát vui, nhưng hình ảnh lại rất ngậm ngùi như thân phận của những người dân nhược tiểu. Bài ngụ ngôn kể chuyện hai người mù đánh nhau, hai người cầm cãi nhau, hai người điếc ngồi nghe những bản nhạc ngoại lai, hai người khỏe mạnh, mập mạp biết rằng đánh nhau thì chết nên cất vũ khí đi, xúi hai người gầy còm ốm yếu đánh nhau hộ mình... Tác giả hy vọng trong trăm năm sắp tới, người mù sẽ thấy được sự thực của nhân loại, của Việt Nam, người điếc được nghe tiếng nói của lương tâm và người cầm hát lên được tiếng hát đưa con người vào những thế kỷ tới.

Ngụ Ngôn Mùa Xuân

(Tết Mậu Thìn-Tháng 2, 1988)

*Có hai thằng mù đánh nhau ngoài ngõ
Cả hai thằng đều sút trán, sút tai
Có hai thằng cầm cãi nhau giữa chợ
Cả hai thằng đều rất lười, bóng môi
Có hai thằng mù đã cầm, lại điếc
Có hai thằng điếc ngồi nghe nhạc Tàu
Nhạc Tây, nhạc Mỹ, nhạc Nga*

*Có hai thằng mập đánh nhau thì chết
Cả hai thằng bèn cất vũ khí đi
Có hai thằng kia gờm nhau quá độ
Cả hai thằng bàn kú kết làm nơ*

Bắt hai thằng gầy đánh nhau hộ nó
Bắt hai thằng yếu cùng nhau giải hoà
Bằng xương, bằng máu, thịt, da

Có khi mù này đánh lui mù đó
Hả hê về nhà, mắt ốc ngược lên
Có khi thằng câm thắng cơn cãi lộn
Hả hê về nhà ú ớ, mừng rên
Có khi thằng mù, gãi cằm, thằng điếc
Gác chân, tự đắc, ngồi trong chòi nghèo
Buồn thiu, mà ngỡ lầu cao
Có nghe gì chuyện nước tan, nhà nát
Chẳng nghe được gì tiếng khóc, tiếng than
Có đâu nhìn ra mầu khăn goá phụ
Làm sao nhìn được mắt bé mồ côi
Có đâu giọng ngọt, hiền dăng tình với
Những hoa cỏ mới, mọc trong điều tàn
Bịt tai, bịt mắt, (chúng) lặng câm

Bỗng đâu Người Tình ghé chơi một chuyến
Vào khi tàn rồi, cái cũ bách niên
Bỗng đâu nửa đêm ánh dương chói rạng
Làm cho người mù mắt sáng bừng lên
Bỗng đâu Người Tình ghé tai người điếc
Nói chi chẳng biết, mà nghe dịu dàng
Đời hai nghìn đã vừa sang,
Đã trông được thời bách niên đổi mới
Đã nghe được lời sáng suốt bên tai
Đã không còn câm và im tiếng gọi
Đã nói được lời với tới tương lai
Đã ra được ngoài cõi tìm tù tội
Đã trông được những đường đi, nẻo về
Đường đưa người tới nghìn thu.

Phạm Duy vẫn thấy được hy vọng, được cái khía cạnh tươi đẹp của cuộc đời ngay cả ở buổi hoàng hôn. Ông cho chính cái nắng hoàng hôn là cái nắng đẹp nhất chứ không phải cái nắng của buổi trưa hay nắng của buổi bình minh. Bài **NẮNG CHIỀU RỰC RỠ** là tình khúc duy nhất trong loạt Rong Ca của ông. Ông mong *nuôi thật dài hoàng hôn ái ân*, vì *những vạt nắng chói chan* vẫn còn là *bao ước nguyện*, và khi *nắng còn nắng bao la*, thì *đêm xin đợi chờ...*

Nắng Chiều Rực Rỡ

(Bãi Biển Hoàng Hôn San Francisco - Mùa Xuân 88)

Chớ buồn gì, trong giây phút chia lìa
Khi chiều về, lung lay trúc tre
Chớ buồn gì, khi tan nắng, đêm về
Cho thuận đường âm dương bước đi
Từng vạt nắng chói chan
Còn chảy loang trước hiên
Từng vạt nắng ấm êm
Còn là bao ước nguyện
Ước nguyện thăm cho đôi lứa ân cần
Nuôi thật dài hoàng hôn ái ân
Ước nguyện rằng khi đêm chết chưa về
Nắng chiều hồng tươi hơn nắng trưa.

Điệp Khúc

Em có thấy không nắng chiều rực rỡ
Em có thấy không nắng đẹp còn đó
Nắng còn nắng lê thê
Thì đêm ơi, vội gì ?
Nắng còn nắng bao la
Thì xin đêm đợi chờ !

*Chớ lịm người, nghe anh sắp qua đời
Anh chỉ còn bên em chút thôi
Nếu phải lìa xa nơi thế gian này
Còn một ngày, vui muôn nỗi vui
Cuộc tình anh với em
Chỉ còn giây phút thôi
Thì tình, xin cứ coi
Là nghìn tia nắng rơi
Thế kỷ này đang trong nắng ban chiều
Cho lòng người băng khuâng nhớ nhau
Trước cửa vào trăm năm rất xa vời
Trong chiều đời, yêu nhau rất lâu.*

Điệp Khúc

*Em có thấy không nắng chiều rực rỡ
Em có thấy không nắng đẹp còn đó
Nắng còn nắng lẻ thế
Thì đêm ơi, vội gì
Nắng còn nắng bao la
Thì xin đêm đợi chờ !*

Ca khúc thứ bảy nhan đề **BÀI HÁT NGHÌN THU** là một bài hát với những lời ca tuyệt đẹp tạo một không khí siêu thoát như những trang kinh Dịch :

Bài Hát Nghìn Thu

(Vô Hư)

(Thị Trấn Giữa Đàng -1988)

*Nghìn Thu, anh là suối trên ngàn
Thành sông anh đi xuống
Anh tuôn tràn biển mớ
Nghìn Thu, em là sóng xô bờ
Vào sông em đi mãi
Không bao giờ biển vơi
Em là cõi trống
Cho tình đọng vào
Anh là nơi vắng
Cho tình căng đầy
Cuộc tình đi vào cõi Thiên Thu
Em là cơn gió
Anh là mây dài
Đi về bên nó
Đi về bên này
Rồi trở về cho hết cái đông đưa
Nghìn Thu, em lặng lẽ ươm mầm
Cành mai, không ai biết
Em âm thầm nở hoa
Nghìn Thu, trăng chợt sáng hay mờ
Lặng im, anh lên xuống
Không ai ngờ, hiển nhiên
Tình ta biến hoá
Trong từng sát na
Tình luôn lại vắng
Đi, về cõi chung
Tình vô hư đó
Nên gần với xa.
Tình ra ánh sáng
Tình về tối đen
Nghìn Thu, anh là đã em rồi
Và em, trong muôn kiếp
Em đã ngồi ở anh
Nghìn Thu, ta bù đắp không ngừng
Tình âm dương chan chứa*

Xoay trong vùng tử sinh.

Bài rong ca số tám với cái tên TRĂNG GIÀ mang âm hưởng dân ca lấy ý từ câu ca dao *Trăng bao nhiêu tuổi trăng già - Núi bao nhiêu tuổi gọi là núi non...* Trăng trong bài hát này của Phạm Duy là người tình, là cuộc tình vĩnh cửu mãi mãi không có tuổi, là tình yêu muôn đời trong cái hữu hạn của cuộc sống nhân sinh, cho nên những lời tình tự của tác giả cũng ở lại mãi cuộc đời để ngợi ca người tình đó.

Trăng Già

(Cựu Kim Sơn, tháng Hai, 1988)

*Trăng bao nhiêu tuổi á a, ới a trăng già
Mà sao ta thấy ý a ới a ta già, ta già như trăng
Ta già như trăng, ta già như em
Hồi em trăng già, em vẫn sáng êm
Trăng ơi, trăng ở à ơ trăng ở một mình
Thì ta cũng sống ơ a, ới a một mình như trăng
Một mình như trăng, cô quạnh như em
Hồi em trăng tình, em sáng lung linh.
Đá bao nhiêu tuổi a a, ới a đá mòn
Mà sao ta thấy ý a, ới a đá buồn, đá long lanh buồn
Đá buồn như ta, đá buồn sâu xa
Đá ơi, tuy buồn, đá vẫn nguy nga.
Đá, trăng bao tuổi ý ý, đá, trăng mới già
Mà sao ta thấy ới a trăng tà, cũng như đá già
Vẫn còn đương tơ, vẫn còn tơ tơ
Giữa nơi ta bà hay đối với ta.*

*Trăng ơi, im lặng à a ới a suốt đời,
Mà sao ta cứ ý a ới a đứng ngồi, đứng ngồi không yên
Suốt đời lăn quanh, suốt đời lang thang
Hát ca êm đềm hay hát vang vang
Trăng ơi, sống cả a a sống cả muôn đời
Còn ta sống chết ý a ới a không ngoài
Chẳng ngoài trăm năm
Không ngoài trăm năm, nên phải lênh đênh
Hát ca một mình thay tiếng đá, trăng
Kiếp xưa cây ở ở ơ ới a dưới rừng
Hoả Sơn đi xuống ý a ới a đốt từng núi non cây rừng
Cây còn tươi xanh hay già trăm năm
Hoá sinh ra thành tảng đá im lìm
Đá, trăng không tuổi ý ý đá, trăng ít lời
Dù ta sống chết ới a cũng gọi tiếng ca cho đời
Đá nằm nghe ta hát vọng trăng cao
Hát trong kiếp này hay hát trong kiếp sau.*

Bản NGỰA HỒNG kể chuyện một con chiến mã từng in vó khắp vùng chiến địa nay phải cong lưng kéo một chiếc xe thổ mộ, một kiếp nô lệ khổ nhục. Đó là nước Việt mà ông mong một ngày sẽ chui lọt qua lỗ kim để bay vào cõi không mệnh mông vô hạn.

Ngựa Hồng

(Thị Trấn Giữa Đàng - Xuân 1988)

*Ngựa Hồng xưa kia cùng bậc chinh nhân
Bách chiến nơi sa trường đời
Ngựa Hồng hôm nay cột vào yên cương
Cong lưng kéo chiếc xe thôi
Đường đời quanh co chật chội
Bụi bờ quanh năm lây lòi
Cỏ hèn đã úa từng cội
Ngựa Hồng đi quanh thành cổ tan hoang
Đi quanh miếu cũ rêu phong.
Ngựa Hồng khiêng bao nặng nề trên lưng
Vó bước phong sương ngập ngừng
Nửa Hồng nửa đàng. trụi bờm. se lông*

Cong lưng, vó bước mông lưng
Từng ngọn roi đau tàn bạo
Từng gò dầy cương nghen ngào
Một hàm thiếc khoá miệng vào
Cuộc đời lao đao của kẻ vong thân
Khiêng voi, cồng rắn trên lưng.

Điệp Khúc

Ngựa Hồng xưa kia oai phong tuấn mã
Đi trong vinh quang sa trường dẫn thân
Bờm ngựa tung bay trong cơn gió sớm
Đuôi cong vung lên trong chiều khói lam
Ngựa dù hôm nay đeo yên gấm vóc
Hay đưa xe loan cũng là kiếp nô
Kiệu vàng trên lưng, nhưng đôi mắt đã che ngang
Bơ vơ trên đường nhấp nhô.

Ngựa Hồng xưa kia cùng bậc chinh nhân
Bách chiến nơi sa trường đời
Ngựa Hồng hôm nay cột vào yên cương
Cong lưng kéo chiếc xe thôi
Đường đời quanh co chật chội
Bụi bờ quanh năm lầy lội
Cỏ hèn đã úa từng cội
Ngựa Hồng đi quanh thành cổ tan hoang
Đi quanh miếu cũ rêu phong.
Ngựa Hồng đi trong buổi chiều trăm năm
Bỗng thấy xa xăm Ngựa Rừng
Ngựa Thần không yên, Ngựa Hùng không cương
Oai linh cất vó trong sương
Động lòng thương cho đồng loại
Ngựa Rừng phi qua ngọn đồi
Nồng nàn hí tiếng mời gọi
Ngựa Hồng ơi ! Tung xiềng để ra đi
Thênh thang khắp cõi tang thương.

Điệp Khúc

Ngựa Hồng quay lưng đưa chân đá vỡ yên cương
Thông dong lên đường thoát thân
Cỏ nội xanh tươi thơm tho đón gió
Sương rơi trên muôn hoa ngàn ngát hương
Ngựa Hồng không ai che đôi mắt nữa
Trông ra hai bên con đường rất xa
Ngựa Hồng vươn lên phi qua lỗ bé tròn kim
Thông dong đi vào cõi không !

Bài Rong Ca cuối cùng là RONG KHÚC nói về chuyến đi cuối về miền an tĩnh sau khi đã đưa người tình tới nguồn yêu dấu, dẫn dắt người đi vào chốn khổ đau để đi vào ngàn mai, ngàn xưa vang vọng tiếng gọi cần khôn.

Rong Khúc

(Trong hay ngoài không gian, không thời gian)

Từ cõi xa xôi, muôn ngàn thế giới
Anh đã đi theo nắng từ trời vui
Anh xuống nơi chơi lúc Người mới tới
Anh đã hân hoan ghé qua cuộc đời
Cuộc đời trần gian
Chỉ có 100 năm
Anh đã rong chơi khắp miền hoang dã
Anh đã đi qua bốn bể gần xa,
Êm ái rơi theo tuyết miền băng giá
Hay cuốn bay theo gió sa mạc già
Ở nơi dương thế... mặt mà.

Điệp Khúc

Anh đã rong chơi khắp nẻo đường trần
Anh đã quên đi những nẻo đường tiên
Chân đã tung tăng khắp nẻo đường đời
Anh đã cho Anh sống thật đầy vui.

Đã chót đưa Em tới nguồn yêu dấu
Anh cũng theo Em bước vào khổ đau
Khi thấy ai trong cõi trần khô héo
Anh đã dâng cho trái tim nhiệm mầu
Đời mà chìm sâu
Cũng muốn leo cao
Anh bước khoan thai lối rừng hun hút
Đưa đón chân Anh có lửa hoàng hôn
Anh dẫn Em vượn tới miền an tĩnh
Cho bớt mong mệnh cõi sinh mệnh buồn
Ở nhịp trần gian... quay cuồng.

Điệp Khúc

Anh đã rong chơi khắp nẻo đường tình
Anh đã theo Em đi gặp bình minh.
Như đã rong chơi khắp nẻo đường chiều
Như đã đưa Em tới đỉnh tình yêu

Thôi nhé, cho anh giã từ trái đất
Anh đã nghe vang tiếng gọi càn khôn
Nhưng nếu Em yêu muốn vào cõi lớn
Anh sẽ cho Em dắt tay lên đường
Một đường hành tinh
Đi thăm những Thái Dương
Anh dắt tay Em đi vào Ngân Mai
Anh khoác vai Em bước về Ngân Xưa
Ta sẽ quên như có mình nơi đó
Ta sẽ quên như có Ta nơi này
Và lộ trình Ta... miệt mài.

Điệp Khúc

Ta vút sau ta những nẻo đường trần
Ta vút bay theo những nẻo đường tiên
Nhưng nếu mai sau, ai gọi Người Tình
Anh sẽ quay lưng bước về nẻo xanh.

Nguyễn Mộng Giác gọi Phạm Duy là một nhà tiên tri. Ông thấy trước được lịch sử. Ông nhìn thấu được tương lai. Những bài Rong Ca của ông là những thông điệp gửi cho thế kỷ tới chỉ còn cách chúng ta có 12 năm. Ông vẫn nói bằng ngôn ngữ của đam mê, của say sưa. Ông vẫn dùng tình yêu để chuyên chở những sứ điệp đó. Ông vẫn dịu dàng, triu mến như những lời tình tự với mỗi tình đầu tiên. Ông như ngọn núi vẫn chỉ là núi non. Phạm Duy với tấm lòng như tờ trời, một làn gió nhẹ cũng đủ lay động mạnh mẽ, làm bật lên những lời ca xót thương như Nguyễn Mộng Giác đã viết cách đây không lâu. Những sợi tơ của một con tằm vẫn rút ruột nhả hoài nhả mãi...

Washington D.C. - 1988
Bùi Bảo Trúc

Ngay từ khi **Mười Bài Rong Ca** vừa ra mắt quần chúng là đã có nhiều bài viết về nó, như bài của Bác sĩ Bùi Duy Tâm -- đa số rong ca được soạn ngay trong nhà anh chị Tâm ở San Francisco -- trong đó anh mở đầu bằng những câu :

... Nhạc Phạm Duy, tự nó đã có âm điệu rung động và lời ca gợi cảm đến độ như say vào

lòng người, không cần bình giải, không cần tô son điểm phấn. Nhưng tới rong ca, suốt nhạc Phạm Duy đã thoát ra tới biển khơi nên đã mông lung vời vợi. Không biết Phạm Duy sáng tác rong ca với ý thức hay tiềm thức, với kiến thức suy tư hay với cảm xúc mặc khải mà rong ca đã bao hàm các mối quan hệ giữa Người với Trời (Phật, Chúa), giữa Người với cõi Không (Lão), giữa Người với Người (Khổng) trong xã hội (Chính Trị), giữa Người với Thiên Nhiên, Vạn Vật (Trang). Rong Ca đã xúc tích đến độ nếu chỉ nghe thoáng qua âm điệu và lời ca, không thể thấu triệt ngay được ý nhạc tuyệt vời của thiên tài Phạm Duy, một quốc bảo của Việt Nam, một nghệ sĩ vĩ đại của thế kỷ 20. Bài viết quê mùa này chỉ coi như một trong muôn ngàn tiếng vọng lại để diễn ý bức thông điệp thế kỷ của nhạc sĩ-triết gia Phạm Duy, hay như một chén trà khai vị cho những ai muốn thưởng thức rong ca.

Bài viết của Lê Uyên Phương thì được đăng trên báo NGƯỜI VIỆT (1988) ngay khi Rong Ca vừa ra đời :

...Người ta có thể tưởng tượng mọi điều, nhưng không một ai có thể đặt giả thiết là họ đã ngừng thở một lúc nào đó trong quá khứ. Âm nhạc của Phạm Duy cũng vậy, người ta không thể giả thiết rằng một người Việt Nam nào đã chưa từng nghe một bài hát nào của Phạm Duy trong suốt cuộc đời của họ. Một ca khúc khi được tiếp thu bởi não bộ, ngừng một lúc ở con tim của một người rồi tuôn ra từ chiếc lưỡi của người đó thì dù muốn dù không, anh ta cũng bị nhiễm bởi chính ca khúc đó rồi. Nói như thế để thấy cái chỗ thực sự của Phạm Duy trong mỗi tâm hồn Việt Nam.

Bao giờ nghe những ca khúc mới của Phạm Duy, tôi cũng vô cùng xúc động và cảm khoái. Xúc động bởi cái tình hàm chứa trong đó và cảm khoái bởi sự sáng tạo bùng lên từ đó. Lần này khi nghe tập rong ca "Người tình già trên đầu non", không những tôi đã xúc động, đã cảm khoái mà còn cảm nhận được trong sâu thẳm của tâm hồn tôi một ước muốn được chia sẻ với nhạc sĩ Phạm Duy, chia sẻ niềm mơ ước được bước ra khỏi chính bản ngã của mình để hòa nhập vào một vũ trụ chưa từng thấy, kể cả trong trí não của con người -- một thế giới chưa biết từ cái đã biết, một thế giới chưa có từ cái đã có.

Hát cho năm 2,000 hay hát cho năm 20,000 không có sự khác biệt nào từ bản chất, nó có sự cách biệt về thời gian, nhưng thời gian thực sự không bao giờ đủ, cũng không bao giờ thiếu để bước từ cái không đến cái có, từ cái đúng đến cái sai, từ cái đã biết rồi đến cái chưa từng biết.

Những bài rong ca của Phạm Duy, mở ra cho người nghe những con đường không phải ở trên mặt đất, chúng rất gần với những con đường trong trí não con người nhưng chúng còn gần hơn với những con đường bên kia của trí não đó. Phạm Duy rong ca về những con đường, ông không rong ca trên những con đường đó, và đó chính là điều tôi muốn được chia sẻ cùng ông. Sự trói buộc của thời gian và không gian trong kiếp người làm bùng lên trong tác phẩm nghệ thuật những ảo giác về một thế giới không biên cương, một thiên đường, một niết bàn, một Tây Phương Cực Lạc... nhưng thế giới không biên cương đó thực sự không ở ngoài mặt đất của chúng ta, sự trói buộc của thời gian là sản phẩm của tư tưởng con người, chính cái muốn đóng khung đời sống của chúng ta lại, chính cái yêu, cái ghét, cái sai, cái đúng tạo những giới hạn cho đời sống của chúng ta. Khi một người phá vỡ được bản ngã của hần thì thế giới giới hạn không còn nữa, lúc đó hần thực sự rong ca trên mọi điều của kiếp sống, lúc đó là nghìn thu, lúc đó là nắng chiều rực rỡ, lúc đó là ngựa hồng vượt qua trôn kim, lúc đó là Phạm Duy "Người tình già trên đồi non..."

Điều làm tôi hài lòng là trong phần kết, Lê Uyên Phương đã nói hộ tôi rằng : bây giờ với RONG CA, **tôi soạn nhạc cho tôi, tôi đi tìm cái tôi** :

... Phạm Duy đang ở trong chính Phạm Duy, ông đang từng bước đi sâu vào nội tâm ông, ông đang khám phá chính ông. Không còn ai là kẻ đồng hành với ông trên đoạn đường này nữa. Vì thế mà những ca khúc trong tân nhạc này hàng loạt một cái gì hết sức cô đơn.

hết sức lặng lẽ. Mỗi âm thanh đã đến với tôi như những lời mời gọi âm thầm của trời chiều, ánh sáng bừng lên ở cuối chân trời, rực rỡ như hào quang. Người nghe cảm nhận ở nơi đó một cái gì, vừa thực, vừa giả, vừa như ngán ngùi, vừa như thiên thu, vẻ đẹp thật là kỳ quái, nếu người nghe bước qua khỏi được những giới hạn của chủ quan, hẳn sẽ cảm thấy được sự kỳ diệu của một đời người sáng tạo, hẳn sẽ thấy được **cái chung trong cái riêng** của Phạm Duy, **cái riêng trong cái chung** của Phạm Duy và hôm nay **cái riêng trong cái riêng** của Phạm Duy.

Rồi cho tới khi máy vi tính được phát minh và sau một thời gian không lâu, **Mạng lưới quốc tế** (Internet) được thành lập. Nhiều diễn đàn xuất hiện và vấn đề âm nhạc thường xuyên được bàn cãi giữa đám trẻ. Tôi không ngờ rằng gần 20 năm sau khi Rong Ca ra đời, tuổi trẻ vẫn còn nói tới nó, như trong bài viết ngán ngùi của Nguyễn Phước Nguyên ở Houston TEXAS, USA mà tình cờ tôi đọc được trên WEB (mạng lưới) vào ngày 23 tháng 1, năm 1996. Trong bài của Nguyễn Phước Nguyên này, **MƯỜI BÀI RONG CA** đã được nhìn nhận : **đây là một tác phẩm Phạm-Duy nhất của Phạm Duy, là một quay lưng không bận bịu, là một trở về rất vô tư :**

... Bạn hãy cùng tôi một chuyến đi tâm tưởng. Chuyến đi đời người trên giòng nhạc tư duy. Hành lý là con tim mở ngõ, chốn đến là tự thức an nhiên. Lên non, xuống núi, vượt suối, băng rừng. Trên lộ trình, tình cờ một đồng hành tóc bạc. Đã có một đời thăng trầm cùng lịch sử non sông. Đã có thời gian với cưu mang thân phận con người. Và tâm sự. Thật nhiều tâm sự. Phạm Duy, với tôi, là người đồng hành tóc bạc đó, qua những giòng nhạc cuối một đời người. Đã ghi lại. Từ con tim mình. Cho chính mình. Như một lần sau cùng nhìn lại. Và một lần sau cùng trao đi. Người nhạc sĩ đồng hành tóc bạc đó đã tự vẽ mình khi cuối đời là một...

... Người tình già trên đầu non,
Tuyệt đã tan trên vai mỗi mòn...

.....
Người tình vào cuộc tử sinh, sống chết lung linh...

Là chứng nhân của lịch sử, Phạm Duy cũng đã dùng âm nhạc để ghi lại những hình ảnh hào hùng hay đau thương của chiến tranh -- **Huyền Sử Ca Một Người Mang Tên Quốc, Kỳ Vật Cho Em**... Nhưng trong năm tháng gần đây ông nhìn chiến tranh qua một nụ cười ý nhị mà cay đắng, buồn bã nhưng bao dung.

Có hai thằng mập đánh nhau thì chết,
Cả hai thằng bèn cất vũ khí đi...

.....
Người đi trong mùa đông,
Lòng băng khuâng như làn sương,

.....
Nghe bên nấp mộ có tiếng đàn trẻ nhỏ
Lung trâu bé ngồi đang cùng nhau hát vang...

.....
Đi qua nấp mộ sẽ thấy ngọn cỏ mềm
Cho em cõi đời, cho tình nhân ngã lên...

Tình yêu trong nhạc của Phạm Duy cũng vậy. Cũng thay đổi theo chiều nhìn của tuổi tác. Tôi trước nay vẫn thích nhạc tình yêu của Phạm Duy khi ông phổ thơ người khác - Nguyễn Tất Nhiên, Phạm Thiên Thư, Phạm Văn Bình v.v... Nhưng so với những bài hát xưa do chính ông đặt lời, tình yêu trong nhạc Phạm Duy hôm nay thăng hoa và vời vợi lắm.

... Nghìn thu anh là suối trên ngàn
Thành sông anh đi xuống anh tuôn tràn biển mơ...

.....
Nghìn thu anh là đã em rồi
Và em, trong muôn kiếp, em đã ngồi ở anh...

Một đời người. trong tầm tay. sống với nhau hơn ba vạn ngày. xin cố gắng nuôi sao cho

tình đầy, chẳng vì thu với đông ngần ngại -- Phạm Duy đã ghi nhận một đời người như vậy. Gom hết cả một cuộc đời đã sống vào một bản nhạc, nào phải dễ. Nhưng Phạm Duy đã làm được điều đó. Ông xem đời mình như một hành trình, ba vạn ngày thăng trầm cùng nhịp đời luân chuyển. Rong Khúc là phản ảnh trọn vẹn của chuyến đi đó. Của thăng trầm đó. Của một đời người nghệ sĩ.

*Từ cõi xa xôi muôn nghìn thế giới,
Anh đã đi theo nắng từ trời vui...*

*Ta vút sau ta những nẻo đường trần
Ta vút bay theo những nẻo đường tiên
Nhưng nếu mai sau ai gọi người tình
Anh sẽ quay lưng bước về nẻo xanh...*

Điều kiện căn bản của thưởng thức một cuốn băng là nghe nó. Trong chu vi hạn hẹp của giấy mực, tôi chỉ mong chia sẻ cùng bạn những cảm nhận khi nghe một cuốn băng.

Phạm Duy ngày xưa, với tôi, là phản ảnh của sự ghi nhận những điều chung quanh cuộc sống ông - những cảm nhận được tạo ra bởi bối cảnh bên ngoài. Phạm Duy của ngày nay, của cuối một đời người, của Người Tình Già Trên Đầu Non, là những chất chiu từ chính cuộc đời và con tim ông. Cho chính cá nhân ông. Ớn trong trời trần, là tái ngộ. Dấu sau nước mắt, là nụ cười. Có ngọt ngào. Có khiêm nhường.

Cuộc đời sáng tạo của Phạm Duy chắc chắn có nhiều tác phẩm cần phải nhắc đến. Nhưng tôi tha thiết với Người Tình Già Trên Đầu Non. Với tôi, đây là một tác phẩm Phạm-Duy nhất của Phạm Duy. Là một quay lưng không bận bịu. Là một trở về rất vô tư. Chúng ta ai cũng có những lúc ngồi "nghiêng tai nghe lại cuộc đời". Những lúc như thế, nếu ta ghi lại được đời mình, cho chính mình, như Phạm Duy đã -- với Người Tình Già Trên Đầu Non, hẳn chắc là hạnh phúc lắm. Đây là ý tưởng lúc nào cũng còn lưu lại trong tôi khi nghe cuốn băng này, sau khi những cảm giác khác đã phai đi.

Tôi mang ơn những vị yêu nhạc kể trên, đã thưởng thức **rong ca** một cách rất sâu sắc, và đã ban cho tôi những lời lẽ đẹp đẽ hơn cả vàng ngọc. Nhưng còn có một điểm -- tôi cho là -- cần thiết mà quý vị chưa nói ra : Đó là trên lộ trình *lên non, xuống núi, vượt suối, băng rừng*, **Người Tình Già** gặp gỡ đầy đủ những **người phu chôn xác chiến trường, người mẹ tương lai, đôi tình nhân bên nắm mộ, người mù, người câm, người điếc, con tuần mã hay con ngựa kéo xe** của thế kỷ qua. Và **Người Tình** đã leo lên thế kỷ mới rồi thì người biến vào *cõi ngàn mai, cõi ngàn xưa, vang vọng tiếng gọi càn khôn* ... Nhưng **Người Tình** vẫn không quên mình là người Việt Nam, với tinh thần quốc gia dân tộc không thể nào phai nhạt.

Vì lẽ đó, câu cuối cùng của Rong Ca, là nếu...

*... mai sau, ai gọi Người Tình
Anh sẽ quay lưng bước về nẻo xanh.*

Viết thêm : **MỘT CHÚT TÂM SỰ**

Sau khi Trịnh Công Sơn đã qua đời, tôi xin được kể ra đây một chuyện về RONG CA :

Từ trước tới nay, "người ta" thường dùng đủ mọi cách để chia rẽ tôi và Trịnh Công Sơn. Nhưng không ai nắm được tình đồng nghiệp giữa chúng

tôi, dù có khi hai người không có chung một quan điểm. Năm 1988, ngẫu nhiên tôi gặp Trịnh Công Sơn ở Paris. Cùng Đặng Tiến, chúng tôi rong chơi trên vỉa hè hay ngồi quán café tán gẫu. Tuyệt nhiên chúng tôi không nói chuyện chính trị chính em, văn nghệ văn gừng gì cả... nhưng khi tôi nhờ "người tình trẻ" mang về Việt Nam một cassette **Mười Bài Rong Ca** tôi vừa thực hiện xong, thì Sơn OK ngay. Do đó tâm sự "người tình già" đã được phổ biến ở trong nước. Mùa Hè 2001, tôi có việc phải về Saigon, vài ngày sau đám tang Sơn, tôi rủ Trần Văn Khê tới thắp hương trước ban thờ anh, riêng tôi đã khấn ơn anh ngày nào, thay mặt tôi, đem Rong Ca về tới quê hương.

*Một ngày cho bình yên
Một ngày lại cho điên...*
MỘT NGÀY MỘT ĐỜI

Chương Hai Mười Một

Cũng vào năm 1988 này, ngoài sự thay đổi trong cảm xúc và sáng tác vì biến thiên của lịch sử, trong đời sống riêng tư, có vài ba việc xảy ra làm cho tôi phải suy nghĩ...

Kể từ khi rời Hà Nội vào Saigon -- đầu thập niên 50 -- cho tới ngày gia đình tôi vừa di cư qua Hoa Kỳ, trong thời gian gần 30 năm, tôi không được biết nhiều về nhạc sĩ Văn Cao. Không biết tới chuyện bình thường như chuyện gia đình, con cái, hay tới chuyện thăng trầm như chuyện anh không còn được Nhà Nước ưu đãi nữa, vì có dính líu tới phong trào Nhân Văn Giai Phẩm.

Cho tới khi có người bạn gái Thu Trang ở Pháp về Hà Nội vào năm 1977, sau khi cô ta tới thăm nhạc sĩ Văn Cao, chụp vài bức hình của anh rồi gửi tặng tôi, và kể cho tôi nghe qua loa về đời sống của gia đình anh vào lúc bấy giờ. Khi đó, gia đình tôi hãy đang còn ngụ cư ở tiểu bang Florida.

Trong ảnh, Văn Cao trông còn khoẻ mạnh lắm. Mặc áo sơ mi ca rô, quần rộng ống, tay chống bẹn, trông hách lắm. Một bức ảnh khác còn cho thấy anh vẽ nhiều hơn là soạn nhạc. Rồi không lâu, tôi được biết, sau nhiều năm im tiếng, anh vừa soạn một bài hát mới là bài **Mùa Xuân Đầu Tiên**. Mừng cho người bạn cũ còn sống sót, đã được cầm đàn trở lại. Mừng và rất muốn viết thư cho Văn Cao.

Nhưng vào lúc đó, dường như chưa có gì thay đổi lớn ở Việt Nam cho nên tôi vẫn ngại liên lạc với chàng Văn, dù chỉ là để hỏi thăm người bạn cũ mà thôi.

Và rồi cũng có lúc, tôi rất băn khoăn vì bài **Tiến Quân Ca** của anh đang có thể không được dùng làm quốc ca nữa.

Thế rồi, có vụ cởi mở nói chung và trong chính sách văn nghệ nói riêng vào khoảng tháng 10-1987. Khi có rất nhiều người ở nước ngoài về thăm Việt Nam thì vì hâm mộ

nhạc sĩ Văn Cao từ lâu nên ai cũng tới nhà anh rồi đem về Mỹ những lá thư đầu tiên mà anh bạn già gửi cho tôi sau 50 năm xa cách.

Lúc này, sức khỏe của anh đã xuống rất thấp, rượu đã làm anh quá suy nhược, tay anh yếu và run nên chỉ đọc thư cho vợ là Thúy Băng -- hay người khác như nhà thơ Hoàng Phủ Ngọc Tường -- viết hộ rồi ký chữ VĂN CAO ngoằn ngoèo. Tôi đã viết khá nhiều thư cho bạn cũ kèm theo chút quà nho nhỏ và hẹn ngày về gặp lại Văn Cao tại thành phố Hà Nội thân yêu. Trong một lá thư, tôi còn viết cho anh bạn già :
-- *Tao lạy mày, đừng uống rượu nữa !*

Trong những lá thư nhận được từ Văn Cao, tôi còn được anh cho biết ở trong nước cũng có *những người nhớ tới tôi* và đang *trông đợi* tôi về. Ngoài ra, còn có những bức ảnh, những photocopies của những bài báo tường thuật những buổi Văn Cao ra mắt quần chúng ở Hà Nội, Huế và Saigon v.v... mà anh gửi cho tôi coi. Thật là cảm động !

Sau một thời gian trao đổi thư từ, anh chị Văn Cao và vợ chồng tôi còn có dịp nói chuyện với nhau nữa, khi có một nữ phóng viên truyền hình tên là Nam Trân về Việt Nam làm một cuốn phim phóng sự và tới thu hình cuộc đàm đạo với tác giả quốc ca, rồi sau khi tôi được coi những thước phim này thì tôi tự làm một cuốn video ngắn gửi về cho Văn Cao, cũng qua sự giúp đỡ của cô Nam Trân. Trong cả hai đoạn phim, chúng tôi đã có dịp nói với nhau nhiều điều đẹp đẽ về thời Hà Nội xa xưa và thời kháng chiến chống Pháp, tiếc rằng tôi không thuật lại trong đoạn hồi ký này vì sợ nó quá dài dòng.

Sau đó, ban điện ảnh của Đài BBC ở Luân Đôn còn có một ý định tuyệt vời là thực hiện một cuốn phim về chuyện hai chàng Lưu Nguyễn thời nay, từ cõi tiên nay cùng bỏ Thiên Thai để về cõi trần. Các chuyên viên điện ảnh đã qua Midway City để thu hình tôi và sẽ qua Hà Nội để thu hình Văn Cao rồi ghép thành một câu chuyện tân kỳ phát xuất từ bài hát truyền kỳ Thiên Thai của Văn Cao. Lại tiếc rằng vào thời gian này, hình ảnh, tiếng nói của tôi còn bị cấm kỵ khi tôi chưa về sống tại nước nhà, cho nên Trịnh Công Sơn đã thay thế tôi cùng đóng chung với Văn Cao trong một cuốn phim, nhưng phim này không còn mang ý nghĩa đầu tiên nữa.

Cho tới năm 1995, khi Văn Cao kiệt sức và qua đời, tôi vẫn còn bị cuộc sống Mỹ Quốc ràng buộc cho nên chưa quyết định được việc trở về quê hương và ước mong gặp người bạn quý đã không thực hiện được. Thế nhưng, tối thiểu tôi cũng đã gửi được Thái Hằng về Việt Nam vào năm 1994 và vợ tôi đã thay mặt tôi tới thăm Văn Cao. Đó là một an ủi cho tôi.

Khi được tin anh mất, tôi gọi điện về Hội Nhạc Sĩ và gọi điện cho chị Thúy Băng để chia buồn. Rồi khi tôi trở về Hà Nội vào đầu năm 2000 thì tôi cùng các con Minh, Hùng, Cường, Hiền, Đức tới thăm mộ nhạc sĩ Văn Cao, lạy bạn và tưới lên mộ bạn một chai rượu trắng :

-- *Bây giờ thì ông tha hồ mà uống rượu nhé !*

Cũng vào những năm 87, 88 này, tờ Đoàn Kết ở Paris có đăng một bài báo nhan đề **Công và "Tội"** -- Xin chú ý : chữ **tội** nằm trong ngoặc kép -- trong đó có sự đánh giá lại những văn nhân nghệ sĩ Việt Nam tự cổ chí kim, từ Trần Ích Tắc, Lê Trắc, Phạm Thái, Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Duy Khiêm, Võ Phiến, những người trong Tự Lực Văn Đoàn cho tới tôi, Phạm Duy, những người bị kết tội là "phản bội" nhưng xét ra cũng là những người có *công* trong việc phát huy văn hóa Việt Nam. À ra đã tới lúc có sự *gạn đục khơi trong* -- chữ trong bài báo -- rồi đó ! Cũng tốt thôi ! Dù tôi tự thấy mình có bao giờ xin vào một đảng nào đâu mà được gọi là phản đảng ? Tôi có bao giờ là tay sai trung thành của một chính phủ nào mà bảo tôi là phản bội ?

Rồi lại có thêm một bài báo của thi sĩ Chế Lan Viên đăng trên tờ Sông Hương số 21 vào tháng 9 năm 1986 nhưng tới năm 1988 tôi mới có trong tay để đọc. Bài báo nhan đề **Lá Rụng Về Cội**. Trong bài viết mà ông gọi là *HỒI KÝ về đoàn nghệ thuật XÂY DỰNG ở Huế*, có đoạn nhà thơ này nói tới tôi.

Thi sĩ Chế Lan Viên đã nhắc tới những ngày sau Cách Mạng Tháng Tám, Huế là nơi tụ tập của rất nhiều văn nghệ sĩ như Phạm Đăng Trí, Nguyễn Đức Nùng, Tôn Thất Đào, Trần Hoàn, Thanh Tịnh, Trịnh Xuân An, Bửu Tiến, Trần Thanh Địch, Hoàng Trọng Miên, Lưu Trọng Lư, Khương Hữu Dụng, Tố Hữu, Lưu Quý Kỳ, Đào Duy Anh, Trần Thanh Mai, Hải Triều, Hải Thanh, Hoài Thanh v.v... và Phạm Duy. Tất cả đã hoạt động trong một đoàn thể mang tên XÂY DỰNG, với phương châm **dân tộc, dân chủ** và dưới sự lãnh đạo của ông Nguyễn Chí Thanh.

Trong bài HỒI KÝ này, Chế Lan Viên viết về những chuyến đi thực tế vào mặt trận Tây Nguyên, Bình Trị Thiên hay đi nhiều nơi khác của một số văn nghệ sĩ có tên trên đây. Và bây giờ -- 1986 -- tất cả đã già nhưng vẫn có mặt ở đây, đã như những chiếc *lá rụng về cội*... Chỉ trừ có Phạm Duy ! Đọc được bài này, tôi cũng rất là cảm động ! Nhất là khi thấy trong bài viết, anh Chế Lan Viên không che dấu chuyện *tĩnh ủy Thừa Thiên có gợi ý nên kết nạp tôi vào Đảng*.

Đồng thời, cũng trong năm 1988 này, bỗng nhiên có một lá thư vô danh -- dù đề tên người gửi ở Saint Paul, Minnesota, nhưng tôi điều tra ra là tên và địa chỉ giả -- gửi cho các báo tiếng Việt với đầu đề **Áo Gấm Về Làng** trong đó một người đội tên giả đã viết lời vu khống tôi là đã *đi du lịch Việt Nam, đã về hát trên quê hương tả tơi nghèo đói*... với những lời mạ lỵ rất thậm tệ. Lập tức, có báo Dân Tộc của một Mặt Trận "chính trị" ở Houston, Texas đăng lá thư này.

Những chuyện vu cáo như vậy còn tiếp tục với những tờ báo Ép Phê ở Paris, Thế Giới Ngày Nay ở Wichita, Kansas, Xây Dựng ở Houston, Texas, Làng Văn ở Toronto, Canada... với những lời vu khống tôi, bịa ra chuyện *tôi gặp ông Đại Sứ Việt Nam, nói xấu người quốc gia, khinh rẻ người nghe nhạc v.v...* Cái lối chống Cộng dối trá, bất lương của một số người mà tôi cho là mắc bệnh tâm thần, cuối cùng chỉ là trò mị dân, ảo tưởng bởi vì nó không làm hại hay đánh đổ được ai cả, nó chỉ làm cho không khí chính trị ở ngoài nước càng ngày càng thêm ô nhiễm.

Tôi không cần trả lời những người này, nhưng nhiều bạn quen hay không quen đã bất bình và lên tiếng hộ tôi, như các nhà báo Văn Thanh, Hải Triều, Trần An Bài

v.v... Nhất là ông luật sư Nguyễn Lê Hà ở Canada đã có lòng tốt muốn thay mặt tôi để, qua một lá thư công khai, cho mọi người biết rằng : đây là *một sự phỉ báng cá nhân có thể bị đưa ra chốn Pháp Đình*. Còn tôi thì không muốn mất thì giờ để đi kiện ai cả, tôi chỉ muốn đưa tất cả những chuyện này ra trước một Toà Án Dư Luận bằng một hồ sơ mà tôi đặt cho cái tên là : **TRONG CƠN GIÓ TANH MƯA MÁU**, gửi tặng một số bạn thân.

Trên đầu chương 21 này, tôi đã viết : vào năm 1988 này, có những việc khiến cho tôi phải suy nghĩ ! Những việc này, xét cho cùng, cũng chỉ là do thiện cảm hay do ác cảm mà người đời dành cho một nghệ sĩ, suốt một kiếp ca nhân đã luôn luôn phải đứng hát ở những nơi đầu sóng ngọn gió.

Tôi có lẽ cũng không phải là người nghệ sĩ duy nhất phải đương đầu với cơn bão tố mang tên Việt Nam. Văn Cao mà đã chẳng được yêu rồi ghét, bị sa thải rồi lại được phục hồi ? Đã có lúc tưởng như bài *Tiến Quân Ca* cần phải bỏ đi nhưng rồi, may thay, khi chàng Văn qua đời, đám tang của anh vẫn là một quốc táng. *Tiến Quân Ca* vẫn là một bài quốc ca.

Thì ra, chẳng có gì là tuyệt đối cả ! Tôi đã nhìn ra sự đời như thế từ lâu. Hãy nghe lại những câu hát xa xưa :

*Một ngày đi làm lính
Một ngày đi đảo chính
Một ngày đi cầu kinh
Một ngày về quỳên sinh.
Hỡi, hỡi ôi !
Thân phận làm người !*

Vậy thì, 1988 là năm chuyển động của tôi. Sự thay đổi trong cảm xúc và sáng tác của tôi chẳng có gì là lạ cả. Nó chuyển theo sự thay đổi của cuộc đời trước mặt. Nhưng tôi cần nói lên vài điều. Một mặt, đối với những người đã nhìn ra vị trí độc lập của nghệ sĩ và thấy không nên bắt chim phải *học hát trong lồng... mĩa mai*, tôi thấy cần phải cảm ơn. Mặt khác, đối với những người giận dữ, bây giờ thì tôi mới nhìn ra sự bất ƠN của họ, vì họ cũng đã từng nhiều phen -- như họ đã nói -- được hưởng những bài hát hay của tôi. Bởi vậy, tôi chỉ nên sẵn sàng quên họ như họ đã quên tôi. Người Ả Rập ở miền sa mạc nóng bức, thường nói : *sói cứ sủa, đoàn người và lạc đà cứ đi*. Tôi là người Việt Nam, nên chỉ nói giản dị : *đường ta, ta cứ đi...*

*Bầy chim buồn bã
Rủ nhau trốn quê hương.
Vi đâu bỏ xứ
Để lê kiếp tha phương ?
BẦY CHIM BỎ XỨ*

Chương Hai Mươi Hai

1989-90. Tôi đi trình diễn ở Đức Quốc, tại một địa điểm chỉ cách xa Berlin khoảng trên 100 km. Bức tường ô nhục đang được dân chúng Berlin phá hủy, sau khi được xây lên và đứng vững trong nửa thế kỷ để làm bức tường ngăn chia thế giới ra làm hai phe. Chiến tranh lạnh đã thực sự chấm dứt với sự vỡ tan của cái mà Thủ Tướng Anh Quốc Winston Churchill đã gọi là **tấm màn sắt**.

Lòng tôi xiết bao mừng rỡ vì thấy rằng khúc quanh của lịch sử đã tới và nghĩ rằng mình đã có thể hoàn tất tổ khúc mang tên **Bầy Chim Bỏ Xứ**. Bầy chim bỏ nước ra đi đã có thể bay về quê cũ được rồi !

Hãy nói về tổ khúc này...

Tôi là một nghệ sĩ có may mắn được tham dự và nói lên nhiều biến cố của Việt Nam trong thế kỷ 20, vào những thời điểm như sau :

1) 1945-1951, khi xảy ra cuộc Cách Mạng và cuộc Kháng Chiến giành độc lập thì tôi tham gia với trên dưới 50 bài ca đủ loại.

2) 1954, khi Hội nghị Geneve chia Việt Nam ra hai miền Quốc-Cộng, tôi phản đối sự chia cắt đó bằng trường ca CON ĐƯỜNG CÁI QUAN.

3) 1963-65, khi VN trở thành nồi da nấu thịt với cuộc chiến leo thang dữ dội làm cho xã hội bị phân hoá tới cực điểm thì tôi kêu gọi lòng thương yêu và sự xoá bỏ hận thù bằng trường ca MẸ VIỆT NAM.

4) 1975-1990, với biến cố lớn nhất trong đời sống Việt Nam, khi hàng triệu người lũ lượt bỏ nước ra đi thì tôi soạn tổ khúc BẦY CHIM BỎ XỨ (và vì có thêm biến cố lớn nhất của thế giới là sự ra đi của một chủ nghĩa mà bây giờ BẦY CHIM đã có cơ hội để HỒI XỨ)

Tác phẩm được thai nghén vài tuần trước biến cố 30-4-75 với vài ca khúc rồi định viết thêm tại Florida thì tôi bị bế tắc. Tổ khúc bị bỏ quên trong gần 10 năm rồi được hoàn tất vào năm 1985 tại Midway City-California nhưng chưa được phổ biến ngay. Vào năm 1990, sau khi những biến cố lớn làm thay đổi tình hình thế giới, tổ khúc được tu chỉnh và tung ra công chúng.

Nội dung diễn tả một xứ sở mà những con chim ngoan hiền, tươi đẹp, múa giỏi, hát hay phải bỏ xứ ra đi, ở lại trong nước là những bầy chim yếu bị một số chim dữ đàn áp, đoạ đầy, miệt thị. Bầy chim bỏ xứ bay đi sống đời lưu vong tại xứ người, có con buồn rầu thổ huyết chết, có con cầu cổ tự tử vì không còn được múa hát như xưa. Đại diện cho lòng yêu nước là chim Quyên, vốn đã chết một lần ở phía Bắc và bay về phía Nam tái sinh thành chim Quốc, nay phải bỏ xứ ra đi và chết trên gành đá nước ngoài. Nhưng nó lại tái sinh một lần nữa (l'oiseau renaît de ses cendres) để tiếp tục nung nấu lòng yêu nước như xưa.

Rồi có một ngày, những đàn én nhạn bay lên báo tin mừng : Mùa Xuân Nhân Loại đã trở về với sự dâng trào của làn sóng Dân Chủ. Bầy chim bỏ xứ đã có cơ hội để hồi xứ. Lại có thêm những con chim huyền sử như chim Hồng, chim Lạc -- vốn là tổ tiên của bầy chim Việt -- cũng bay lên từ động Đông Sơn, Ải Chi Lăng, vườn Tao Đàn, bến Bạch Đằng, đồi Yên Thế... kêu gọi bầy chim xa xứ hãy hồi xứ bởi vì lũ chim dữ đã thất bại trong việc làm đẹp nước Việt.

Bây giờ là lúc cả chim hiền và chim dữ (tức là Ông Thiện và Ông Ác mà người Việt đã tôn thờ cả hai ở các đình, chùa, miếu, đền nơi thôn ỏ) phải xúm nhau lại để tái tạo mùa Xuân dân tộc. Phần đầu của Xứ Bỏ Chim> là cơn ác mộng, phần sau là giấc mơ hồng, giấc mơ hồi xứ để xây dựng lại tổ chim (tức là tổ quốc) Việt Nam.

Tổ khúc này đưa nhạc Việt lên một trình độ rất cao về nghệ thuật, qua hình thức opéra. Nó có thể được trình diễn với hàng chục diễn viên trang phục các bộ áo lông chim và với một giàn nhạc đại hoà tấu. Nó phản ánh lịch sử đương thời (histoire contemporaine) và là tiếng vang của huyền sử (mythologie). Nó cần được phổ biến để giáo dục "nhị thế" (deuxième génération) người Việt, vốn là những thanh niên thiếu nữ Âu học, không chấp nhận các loại nhạc thương mại đang được phổ biến trong các cộng đồng Việt Nam và cần được giới thiệu với người Âu Mỹ.

Hình Thức và Nội Dung

Về **hình thức**, nếu như tính chất của CON ĐƯỜNG CÁI QUAN là **tả thực** (réaliste), của MẸ VIỆT NAM là **tượng trưng** (symbolique) thì BẦY CHIM BỎ XỨ mang tính chất **ẩn dụ** (allégorique).

Về **nội dung**, tổ khúc đưa ra một xứ sở, vì hoàn cảnh đặc biệt, một bầy chim phải cất cánh bay đi. Trong đời sống xa xứ, có con thổ huyết chết, có con cầu cổ chết, có con chết trên sông, trên biển, trên núi, trên rừng hay trên những thành phố xa lạ, trong bão mưa, trong tuyết đổ... Có con buồn tủi nên không nhảy múa, không hát ca như xưa nữa...

Nhưng trong đám chim chết, có con chim đã tái sinh trên xác tro của mình -- như người Pháp nói : "l'oiseau renaît de ses cendres" -- chẳng khác chi con chim Quyên của huyền thoại Việt Nam hay con chim phoenix của huyền thoại Ai Cập.

Thế rồi một ngày kia, đàn én, đàn nhạn bay lên báo tin mừng là mùa Xuân nhân loại đã trở về. Rồi những con chim huyền sử của Việt Nam như chim Hồng, chim Lạc, chim Hùng, chim Việt bay lên từ động Đông Sơn, từ cánh đồng Phù Đồng, từ huyện Mê Linh, từ Hoa Lư, từ Bạch Đằng Giang, từ Chi Lăng, Yên Thế... kêu gọi đàn chim xa xứ bay về làm lại mùa Xuân dân tộc trên quê hương yêu quý.

Tổ Khúc được soạn gần giống như một thứ **nhã ca** (cantate) hay một **tiểu ca vũ kịch** (mini-opera)... Nhạc nhiều hơn lời... Nhạc mô phỏng chim bay, chim hát ca hay khóc than... Lời ca hoàn toàn là *ca dao, phong dao, đồng dao, châm ngôn, sấm truyền*... Mỗi đoạn đều có những câu thơ *giáo đầu* giống như trong các vở ca kịch cổ truyền Việt Nam là TUÔNG, CHÈO.

BẦY CHIM BỎ XỨ, nhạc và lời của Phạm Duy, được Duy Cường hoà âm phối khí và được hai giọng ca Kim Tước và Vũ Anh hát lên.

Mở đầu là cảnh một xứ sở đang vui trong nắng Xuân thì bỗng đâu mây đen kéo tới và có một bầy chim gọi nhau bay đi :

- 1.- Bầy Chim Buồn Bã
- 2.- Chim Quyên Từ Độ Bỏ Thôn Đoài

*Trời đang rục rĩ
Chợt đâu kéo mây đen,
Bầy chim buồn bã
Rủ nhau vút bay lên.
Chim hỡi chim ơi !
Chim hỡi chim ơi !*

Trong đoàn chim đó có con chim Quyên, vai chính của tổ khúc :
*Cuốc kêu khắc khoải trên ngàn
Chim quyên thảm thiết gọi đàn chim đi...*

Chim Quyên nhớ lại sự tích của mình :

*Chim Quyên từ độ ở quê nhà
Chim là hồn Thục Đế nghìn xưa.
Lìa cố hương nhục nhằn nơi xứ Bắc,
Hồn tìm về đậu chót cành Nam.
Hồn hóa sinh ra thành con chim Quốc,
Hồn hóa thân là họ Đỗ chim Quyên.*

*Đỗ Vũ không ngừng kêu mát nước,
Khuyên đời bằng một khúc dao ca
Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.*

Trong một mùa Xuân đang êm vui thì...

*Chim Quyên từ độ ở Thôn Đoài
Trong mùa Xuân nước nở tình dài
Thì nước non tới một thời biến đổi
Bình minh mà mờ ảo ánh sao rơi.
Toả cánh diều đưa nắng vào đêm tối
Cánh nặng chim bằng đè xuống tim tôi !*

Chim Quyên phải ra đi rồi thổ huyết chết nơi quê người...

*Chim Quyên phải từ bỏ quê mình
Bay về miền tuyết phủ buồn tênh.
Thổ máu tươi, một đêm chim chết*

Nhưng chim Quyên -- như hồn Thục Đế thuở xưa -- lại tái sinh lần nữa...

*Chết khi đêm về, xác chưa tan, thì...
...Tái sinh thành lần nữa Đỗ Quyên.
Đỗ Quyên ! Đỗ Quyên !
Nơi mùa Đông vắng lạnh,
Kêu gào : Ôi Tổ Quốc linh thiêng !*

*Vẫn tái sinh thành chim khóc nước,
Cho dù phải gục chết như xưa.
Nhớ nước nên gào lên quốc quốc
Khắc khoải lòng người sống lưu vong.*

Bầy chim buồn bã

*Rủ nhau trốn quê hương.
Vì đâu bỏ xứ
Để lê kiếp tha phương ?
Chim hỡi chim ơi !
Chim hỡi chim ơi !*

*Chim Quyên từ độ bỏ thôn Trầu,
Quê nhà tôi ruộng trắng quạ kêu.
Là vắng tanh lời yêu, lời thương mến,
Là bấy điều sai khiến lũ kên kên
Bầy ác bầy ưng nạt nộ chim hiền,
Thành lũ thần nanh đỏ mỏ chuyên quyền.
Chim Quyên từ độ bỏ đi rồi,
Quê nhà tôi héo hắt đầu hiu,
Nghe bình minh lơ lảo vệt kêu,
Êm sập về lời cú vọ theo.*

Hai đoạn khúc đầu tiên của tổ khúc đã đưa ra chính đề là chim hiền và phản đề là chim dữ. Đưa ra số phận của vai chính là CON CHIM QUYÊN, đại diện cho lòng ái quốc, phải chết đi, sống lại như vậy... Còn số phận của những con chim đại diện cho tuổi thơ, như chim chích choè, chim chào mào... thì ra sao?

3.- Bầy Chim Nhỏ Bé

4.- Con Chích Choè, Con Chào Mào

5.- Chim Bay Từ Đồng Lúa Phương Nam

*Bầy chim nhỏ bé, nào đâu khác chim Quyên ?
Loài ưng loài ó, nào dung lũ chim non ?
Chim lớn hung hăng sai áp chim con
Chim dữ gieo oan gieo oán chim ngoan.*

*Con chim sáo sậu ăn cơm nhà cậu
Uống nước nhà cô, đánh vỡ bát ngô, cậu cô bắt đền.*

*Con chích choè mày đậu cành chanh
Thì tao ném, tao ném hòn sành,
Con chích choè lộn cổ xuống đây !
Con chích choè mày ở trên cây
Tao đứng dưới gốc,
Đứng dưới gốc, mày bay đẳng nào ?
Con chào mào mày đậu cành lau
Thì tao chém, tao chém vào đầu,
Con chào mào sút trán trụi lông !
Chim hải hùng vùn vụt bay tung
Xa lánh đất nước,
Chim xáo xác giã từ quê hương !*

Số phận của con bồ câu, của giới tu hành, cũng vậy thôi :
*Chân tu như chú bồ câu
Mà sao nên nổi áo nâu đeo xiềng.*

Thế là bầy chim đã vượt biển bay đi, bất chấp những hiểm nguy...
*Con chích choè vượt biển về đâu ?
Rồi chim hót, chim hót giọng sầu,*

*Chim chúc đầu vào biển sóng nâu.
Con chích choè chìm vào đêm sâu,
Vẫn cất tiếng hát,
Cất tiếng hát gọi tôi rầu rầu.
Con chào mào đậu ở rừng thông
Học câu hát, câu hát lạ lùng,
Con chào mào liú lười ngọng cảm!
Chim hải hùng cuộc đời mệnh mông,
Nhưng vẫn vỗ cánh,
Chim nhón nhác bay về muôn phương.*

Qua lời lẽ của một câu ca dao Huế, đây là lời than vãn chung :

*Chim bay từ đồng lúa phương Nam,
Chim vượt trùng về lũng phương Tây
Chim xa bầy thương cây nhớ cội
Người xa người, tội lắm chim ơi !
Ôi người xa người, tội lắm ai ơi !
Tội lắm ai ơi !
Tội lắm chim ơi !
Tội lắm tôi ơi !*

Bây giờ tới số phận của con chim Phượng, con chim Hoàng Khuyên, đại diện cho giới trí thức trong đời sống lưu vong :

6.- Một Đôi Phượng Quý

7.- Trên Cành Vàng, Con Hoàng Khuyên

*Một đôi phượng quý
Than ôi ! Xù lông dưới mưa Đông
Nhìn công thêm múa
Ơi ơ, rồi chim xuống ven sông.
Mưa vẫn lâm dâm,
Chim đứng cãm cãm
Khi tuyết rơi tung
Chim chết trên sông.*

*Tuyết rơi lả tả là tà
Như chim lạc tổ như ma lạc mồ.*

*Trên cành vàng trơ trụi nơi xứ tuyết,
Con hoàng khuyên lên giọng hát nao nao.
Mây vẫn trôi cao, trời vẫn xanh xao,
Chim vẫn nâng niu giọng hát yêu kiều.
Mây trời này, mây trời không tím ngắt,
Con hoàng khuyên không ngừng hát chiêm bao
Mây vẫn trôi mau, trời vẫn thâm sâu,
Ai có nghe đâu giọng hát chim đau.
Con hoàng khuyên ngưng giọng ca tiếc nuối,
Trên đầu non, chim tưởng tới khi xưa
Khi lũ chim ri gọi nó bay đi.
Theo cuộc, theo gia, bỏ xứ đi xa.
Nay hoàng khuyên không còn ai nghe hát!
Chim khổ đau, cầu cổ chết không hay*

*Ta đứng đầu đây, đàn mốc trên tay
Nghe đất lung lay, đàn đứt tung dây.*

Bao nhiêu chết chóc, khổ đau đã được diễn tả qua đoạn đầu của tổ khúc... Nhưng trong khi bầy chim đang sống trong cảnh buồn bã thì có đàn nhận, đàn én -- vốn là loài chim chuyên môn đưa tin vui -- bay tới để an ủi lũ chim buồn. Nhạc từ đây trở đi sẽ vui hơn trước.

8.- Bầy Chim Hoài Xứ
9.- Én Bay Thấp, Én Bay Cao
10.- Bầy Chim Một Nhà

*Bầy chim hoài xứ
Còn u uất trong hang.
Thì nghe bầy én
Nhận xanh tới hân hoan !
Trong phút cô đơn
Nghe én ca vang
Chim nén đau thương
Trong trái tim đen.*

Én nhận báo với bầy chim bồ xứ rằng : Chim nào còn nhớ gốc đa thì hãy bay về nước đi... Còn nếu tự thấy mình vốn là bầy chim của một góc trời nhỏ hẹp, nay được bay đi khắp muôn phương thì phải chung vui với thế giới chứ ? À, én nhận hiểu rồi ! Bầy chim lưu vong buồn bã là vì xưa rày chim sống rất là chia rẽ. Vậy, xin nhắc lại cho bầy chim lẻ loi nghe một bài ca dao Việt Nam nói về tình gia đình của loài chim :

*Nhận xanh chấp cánh bay chuyên
Én xanh ríu rít đưa tin tháng ngày*

*Én bay thấp, nên mưa ngập bờ ao
Én bay cao nên mưa rào lại tạnh
Én hay nhận thương cho bạn tỉnh mê.
Bạn tỉnh xa nếu nhớ gốc đa bọn bề
Không cần được bay khắp cõi thế gian thì về.
Bầy chim một góc khung trời
Được bay về bốn phương đời
Chim đã yêu mình, nên nhớ yêu người
Từ kiếp đơn cô vào đám đông vui
Thì tôi nào có lẻ loi.
Én bay thấp, nên không sợ điều hâu
Én bay cao, không khi nào gặp nạn.
Én thương bạn trong ly loạn, hoài hương
Bạn buồn thương có lẽ vẫn vương tình nhà
Nên kể bạn nghe gốc tích lũ chim hiền hoà.
Én kể cho nghe...
Nhận kể cho nghe...*

*Bồ các là bác, ý a chim ri,
Chim ri là dì là dì sáo sậu.
Sáo sậu là cậu, là cậu sáo đen
Sáo đen là em ý a tu hú.
Tu hú là chú, là chú hoàng oanh,
Hoàng oanh lấy anh của chim bói cá.
Bói cá là mạ, là mạ bồ nông,*

*Bồ nông là ông ý a con cò.
Buồn cho con yểng là yểng nhát gan,
Thấy màu đỏ chót là toan giết mình.
Phục cho chèo bẻo rất ư hùng anh,
Hể mà thấy quạ, nó rình đánh ngay*

Câu ca dao hiện đại hoá vừa rồi đưa ra tính tình của vài con chim Việt Nam: chim yểng rất sợ màu đỏ, chim chèo bẻo tuy bé nhỏ nhưng thích đánh nhau với quạ, lớn hơn mình... Câu ca dao mới sau đây nói tới những con chim ở trong nước không chịu ca hát nữa, qua sự kiện danh ca Thái Thanh im tiếng hát trong mười năm. Và CON CHIM THANH chỉ hát lại sau khi ra tới nước ngoài...

11.- Lên Rừng Ba Mươi Sáu Thứ Chim

*Con công tổ họ trên rừng
Chim trời cá nước vẫy vùng dọc ngang.
Tiếng chim quý báu vô chừng
Con công tổ họ trên rừng, mặc công.*

*Lên rừng già ba mươi sáu ơ... chim loài chim.
Có con chim chèo bẻo
Có con chim anh hùng
Quan họ rằng, tôi hiểu rằng
Chim chèo bẻo đánh, đánh chim đen.
Nơi rừng nhà ba mươi sáu ơ... chim loài chim.
Có con chim ở lại,
Có con chim đi rồi,
Quan họ rằng, tôi hiểu rằng
Chim ở lại quyết, quyết không thua.
Chim thuở nào chim đã hót ơ... tiếng chim vượt thời gian.
Hát cho, cho cuộc sống
Hát cho, cho cuộc tình
Quan họ rằng, tôi hiểu rằng
Rằng chim hót tiếng chim Thanh !
Chim ở nhà, chim không hót ơ... chim nhất định lặng thinh.
Dấu cho chim thêm khóc
Dấu cho chim thêm cười
Quan họ rằng, tôi hiểu rằng
Chim gìn giữ tiếng, tiếng chim Thanh*

Bây giờ là một tin vui nhất thế kỷ mà đàn chim én, nhận đem tới cho bầy chim Việt xa xứ : Tình hình thế giới đã đổi thay với làn sóng dân chủ đang dâng lên khắp mọi nơi. Hình ảnh ngày về đã mở ra cho bầy chim bỏ xứ :

12.- Bầy Chim Nghìn Xứ

13.- Én Bay Dọc, Én Bay Ngang

14.- Bầy Chim Một Tổ

*Nhận xanh và én thì đưa những tin êm
Bầy chim nghìn xứ còn đưa những tin thêm
Trên khắp dương gian Xuân đã vươn lên
Nên chốn quê hương Xuân cũng mon men...*

*Nhận kia riu rít trời xanh
Én kia chấp cánh bay quanh địa cầu*

*Én bay thấp, nhưng bay dọc biển sâu
Én bay cao, bay ngang nhiều lục địa.
Én hay nhận, cho hay lạnh mùa thu,
Lạnh mùa đông đã tới lúc phai và tàn.
Trong trời tự do đã có lũ chim bạt ngàn.
Bầy chim được lúc tung hoành
Tường ô nhục đã tan tành
Xuân tới khi màn tre nhốt chim lành...*

*...Màn sắt ô danh, đều đã rung rinh
Tự Do là tiếng loài chim.
Én bay thấp, nên nghe được lòng dân
Én bay cao, nên trông vào thời vận.
Én kêu gọi, bao chim bạn cùng nghe.
Một trời xuân đã bát ngát trên đường về !
Tôi hiểu loài chim đã hót tiếng Xuân chàn chề.
Én kể cho nghe...
Nhận kể cho nghe...*

Tổ khúc mở đầu với một cơn ác mộng, tới đây tiếp tục với một giấc mơ hồng...

*Tình nghĩa là lừa ý a chim uyên,
Lên tiên thì tìm, thì tìm cánh hạc.
Tấu nhạc là phượng, là phượng xuống non,
Nặng lên đầu non, véo von kim tước.
Tha thướt, tha thướt là dáng thiên nga,
Còn nuôi giấc mơ là chim gỗ mõ.
Sóng gió, sóng gió là bầy hải âu,
Gọi nhau, gọi nhau, cháu con chim Rồng.
Bìm bịp dựa nước, dựa nước nhoi ra
Yến ơi ! Khắc máu chẳng qua tin người.
Giẻ cùi tốt mã, tốt mã dài hơi
Ăn gian, uống bần ai nuôi làm gì ?*

Thế rồi, những con chim huyền sử của Việt Nam như Chim Hồng, Chim Lạc.. bay lên từ động Đông Sơn, từ cánh đồng Phù Đồng, từ huyện Mê Linh, từ Hoa Lư, từ Bạch Đằng Giang, từ Chi Lăng, Yên Thế... kêu gọi đàn chim xa xứ bay về làm lại mùa Xuân dân tộc trên quê hương yêu quý. (Tôi cố gắng đưa vào đoạn này tiếng tù và, tiếng trống đồng làm nền nhạc cho một điệu múa trống) :

15.- Bầy Chim Tình Giác

16.- Bầy Chim Huyền Sử

*Bầy chim tình giác cùng nghe tiếng thiêng liêng,
Từ nơi huyền bí, nổi lên tiếng chim Tiên.
Chim đã vươn lên như gió thiên niên
Tôi đã nghe vang con bão không gian.*

*Trứng rồng lại nở ra rồng
Liu điu lại nở ra dòng liu điu.
Trứng rồng lại nở ra rồng
Chim tiên lại đẻ ra dòng chim tiên.*

Lặng nghe đây con chim Hồng, đây con chim Lạc !
 Hỏi những cánh chim huyền sử xa vời.
 Những cánh chim là NGƯỜI cho THIÊN và ĐỊA chung vui.
 Lặng nghe đây con chim Hồng, đây con chim Lạc !
 Hỏi những cánh chim của Tiên với Rồng.
 Những cánh chim ẩn ngữ Đông Sơn, hoàn mỹ âm dương.
 Những cánh chim dẫn đường đưa lối,
 Những cánh chim sinh tử không rời.
 Vỗ cánh theo Cha về miền xuôi,
 Vỗ cánh bay theo Mẹ lên núi.
 Những cánh chim bay từ Mê linh,
 Bát ngát trời Phù Đổng oai linh.
 Những cánh chim khơi động Hoa Lư
 Những cánh chim Lê, Lý, Trần xưa!
 Lặng nghe đây con chim Hồng, đây con chim Việt!
 Hỏi những cánh chim huyền sử mơ màng
 Những cánh chim lịch sử oai phong, bảo vệ non sông
 Lặng nghe đây con chim Hùng, đây con chim Việt !
 Hỏi những cánh chim mở hội Diên Hồng
 Những cánh chim Hồng Đức hân hoan, mở cõi giang sơn.
 Những cánh chim trên Bạch Đằng Giang,
 Những cánh chim vui cảnh Tao Đàn.
 Lướt gió bay qua miền Chi Lăng,
 Hót liú lo trên đồi Yên Thế
 Những cánh chim nổi lòng nhân dân
 Khiến ó, ưng và điệu hung hăng
 Muốn đắp xây uy quyền độc tôn
 Đã thấy bơ vơ giữa loài chim.

Vào những ngày cuối của thế kỷ này, thế giới đã đổi thay, Việt Nam rồi cũng phải thay đổi. Giang sơn không thể là riêng rẽ của một lũ chim nào cả, mà phải là chốn vui chung. Đã tới lúc những con chim bỏ xứ đã có thể làm công việc hồi xứ. Để xây dựng lại Việt Nam, cần có chim hiền để xây đắp tình thương thì cũng cần có chim dữ để gìn giữ biên cương... Cũng như hai tác phẩm trước là CON ĐƯỜNG CÁI QUAN và MẸ VIỆT NAM... tổ khúc BẦY CHIM BỎ XỨ (và HỒI XỨ) cũng xưng tụng một nước Việt Nam đoàn kết và thống nhất trong tinh thần đa nguyên và dân chủ. Tổ khúc kết thúc với hình ảnh già trẻ ôm nhau khau vá lại nước Việt Nam.

17.- Bầy Chim Hồi Xứ

18.- Chim Quyên Về Đâu Ở Thôn Đoài

Vì hung tợn quá
 Và không biết yêu thương
 Điều hâu bạo dữ
 Mời đi giữ biên cương!
 Cho cánh chim ngoan
 Xây đắp quê hương
 Cầu hót hân hoan
 Cho mãi xuân sang.

Vũ đi thì Vũ lại về
 Giặc đến Bò Đề thì giặc lại tan
 Đầu cha lấy làm thân con

Mười lăm năm tròn hết số thời thôi!

Chim đi rồi một buổi chim về
Cho Tình Yêu nở khắp miền quê.
Vì đã không làm nên mùa Xuân thắm
Thì một ngày chim dữ cũng lui chân
Để thấy giang sơn là không riêng rẽ
Của lũ chim nào, là chốn vui chung.

Cát tiếng vang lừng trong gió mới
Trong tình nồng nhiệt lũ chim ơi!
Giữ nước, cao giọng con quốc quốc,
Canh nhà, rền rĩ tiếng gia gia

Chim vui về họp ở khu rừng,
Chim hồi sinh réo bạn tung bừng
Từ Bắc Quang, Bắc Mực về núi Tản
Hội chim còn dài, biết mấy Thu Đông.
Điều vũ loài công, tiếng hùng chim núi,
Chim biển vẫy vùng, bầy én mộng lung.
Chim Xuân về lượn rợp cánh đồng
Bên bờ sông, cá lội chờ mong...

(Đằm thắm, đôi bờ câu bú mớm
Khói lên mơ màng, mái tranh êm đềm)

Ngắm chim về sưởi ấm nóc rơm
Ấm nóc rơm... Ấm nóc rơm...
Nơi vườn thơm, nắng rọi,
Kết bầy, chim ủ ấp quê hương.

Vỗ cánh chim chiều vang lớp sóng
Như lòng của một kiếp ca nhân.
Nước hỡi, thương loài chim lắm chứ!
Ơi nhà, dịu dặt hẩn du ca.

Bầy chim hồi xứ về quê cũ yêu thương
Dựng xong mùa mới rồi chim sẽ bay tung
Bay khắp dương gian trong nỗi vui chung
Ra tí không gian thăm cõi mộng lung.

Chim Quyên về đậu ở Thôn Đoài
Trong phận mình ở cõi tử sinh
Buồn với vui bằng tâm hồn chân chính
Bầu trời này hay thế giới mộng mênh
Thì cũng chỉ ca một bản Xuân Tình
— chốn trần gian hoặc ở vô hình.
Chim ngoan về đậu ngọn tre già
Ta và chim khâu vá đời sau
Chim và ta âu yếm gọi nhau,
Ta còn nhiều phen hát tình yêu.

Nhạc phẩm **Tổ Khúc Bầy Chim Bỏ Xứ** đã được may mắn phát hành bởi nhà xuất bản LỜI VÀNG, với những bức tranh minh họa và những bài giới thiệu tuyệt vời của các văn nghệ sĩ tên tuổi như...

các họa sư : Thái Tuấn, Hồ Thành Đức, Bé Ký, Nguyễn Khai, Phạm Khải, Văn Hiếu, Thái Bá, Lê Chi, Phạm Cơ, Nguyễn Thị Hợp...

các văn gia : Đào Mộng Nam, Nguyễn Thi, Phạm Văn Kỳ Thanh, Bùi Duy Tâm, Kiều Chinh, Trần Dạ Từ, Trần Văn Ân, Nguyễn Hiền, Thi Vũ, Lê Kim Đính, Băng Tâm, Thụy Khuê, L.M. Kim Định, Đỗ Quý Toàn, L.M. Trần Cao Tường, Hàn Vĩ, Đặng Tiến, Quỳnh Giao, Phạm Anh Dũng, Xuân Vũ, Lê Mỹ Hương, Thái Văn Kiểm, Trần Văn Nam, Vi Thuấn...

Trong sách nhạc, còn có nhiều trang với chữ ký của khán thính giả ký chung quanh chữ ký của tôi... coi như một cái tổ chim tượng trưng cho sự đoàn kết.

Cùng với đĩa CD và sách nhạc **Bầy Chim Bỏ Xứ**, tôi đi lưu diễn khắp nơi trên thế giới và khi qua Âu Châu thì tôi có được sự giúp đỡ rất tận tình của một người bạn mới. Một ngàn đời sau, tôi vẫn không quên ơn người phụ nữ trong sáng, nhiệt thành và đại lượng này. Tôi mới chỉ kịp mời bà vào ngự trị trong một tập nhạc của tôi, vào lúc mà một cuốn sách mùa Xuân phải đóng lại... một cơn gió Xuân đã ngừng thổi... một giọt mưa Xuân đã ngừng rơi... và một con bướm mùa Xuân đã không còn hoa để hút nhụy, bay đi...

*Tôi là tôi, tôi cũng là em
Em là tôi, em cũng là anh
Là Xuân con bướm hút nhụy xuân tình
Là gió xuân hồng, là cơn xuân vũ
Là ý thơ nồng trang giấy xuân thư...*

*Người đi đi không thôi
Ngày thế giới lên nguồn vui...*
LỮ HÀNH

Chương Hai Mươi Ba

Là người được hân hạnh cùng bạn đồng lứa tuổi khởi xướng và phát huy Tân Nhạc bằng **nhạc đơn điệu**, sau gần 50 năm phát triển đến tận cùng giai điệu Việt Nam với những *dân ca, trường ca, tình khúc, tâm ca, hoan ca* v.v..., bắt đầu từ 1988 trở đi, nhờ sự trợ lực của người con thứ Duy Cường, tôi đã bước qua một giai đoạn mới : giai đoạn **nhạc đa điệu** (polyphonique).

Khi rời Thanh Hóa vào Hà Nội (1950) rồi đem cả gia đình vào Saigon, tôi có một đời sống tương đối khá đầy đủ để có thể xa nhà đi du học, vì thấy rằng sau 10 năm sống bằng nghề nhạc, tất cả vốn liếng âm thanh của mình chẳng qua chỉ là kết quả của sự học mót, học lỏm mà thôi. Tất cả những gì mình làm ra mới chỉ là những ca khúc ngắn ngủi, chỉ là những thử thách, chưa có thể cho rằng đó là cái đích nghệ thuật của mình. Trong giới nhạc sĩ Việt Nam, ai cũng cho rằng phải tiến lên cái đích là **nhạc hoà tấu, nhạc giao hưởng**. Hình thức *concerto, symphonie, opera* trong **nhạc classique**... là mẫu mực.

Nhưng sau hai năm 1954-55 học nhạc ở Paris, tôi thấy rằng loại nhạc soạn theo đường lối nhạc cổ điển Tây Phương không phù hợp với xã hội và con người Việt Nam. Những hình thức đại nhạc như *concerto, symphonie, opera* v.v... vốn là sản phẩm tinh thần rất lâu đời của giống da trắng "tự lạp phu" (slave), không dễ dàng mau chóng đi vào lòng người dân da vàng tiểu nhược quốc trong thời loạn. Muốn đi vào con đường âm nhạc giống như của Mozart, Chopin, Beethoven... nước Việt Nam phải có vài chục trường nhạc thành lập theo kiểu **conservatoire de musique** của Tây Phương để đào tạo vài ba thế hệ nhạc trưởng, nhạc công, rồi có ngân sách quốc gia khá lớn để tổ chức nhiều ban nhạc giao hưởng, luôn luôn trình diễn cho dân chúng quen dần với những hình thức **hoà tấu khúc, đại nhạc kịch**.

Nhìn vào thực tế, tôi thấy nước Việt Nam đang trong thời loạn, một chút yên ổn trong cuộc sống hằng ngày còn không có, nói chi tới hoà bình thịnh vượng để phát triển văn hoá, văn nghệ ? Một nước nông nghiệp nghèo, bị chiến tranh đe dọa, dựa vào viện trợ để sống, mà đua đòi giống thiên hạ à ? Dưới thời ông Ngô Đình Diệm, dù trong nước có ba trường Quốc Gia Âm Nhạc ở Saigon, Huế và Dalat nhưng việc đào tạo nhân tài xem ra thật là nhũn nhặn.

Là một nhạc sĩ không theo trường phái nào cả, tôi đã chủ trương phải đi từ **dân ca**, tức là **nhạc đơn điệu** đi lên. Đợi thế hệ sau rồi mới tính tới chuyện **nhạc đa điệu**. Việc du học chỉ giúp tôi hiểu biết kỹ càng về sự **thành hình và biến hình của nhạc ngũ cung** để tôi phát triển đến tốt độ những giai điệu trong vài trăm tác phẩm ngắn hoặc dài. Và hiểu biết rõ ràng về lịch sử âm nhạc thế giới để mình sẽ tìm ra con đường nghệ thuật của mình.

Thế rồi hoàn cảnh lịch sử đã khiến tôi phải bỏ nước ra đi và sau 15 năm sống ở Mỹ, tôi nghĩ rằng tôi đã có thể từ từ tiến lên giai đoạn **nhạc đa điệu**. Trước hết, tôi khuyến khích con tôi học về hoà âm phối khí từ khi Duy Cường vừa mới qua Mỹ, rồi bắt đầu từ năm 1988 trở đi, hai bố con tôi thử nghiệm tìm ra một đường lối hoà âm cho nhạc đơn điệu, thuận với lỗ tai Việt Nam. Chúng tôi thử đi vào thể **đại nhạc** (grande musique) mà không nhất định phải hoàn toàn theo trường phái nhạc **classique** hay **neo-classique** Tây Phương.

Năm 1988 lại đúng vào thời kỳ mà ở trên thế giới, trong phạm vi thu thanh, hình thức **compact disc** (gọi tắt là CD) đã ra đời để thay thế cho băng tape, băng cassette, đĩa hát long player 45 tours hay 33 tours... Còn loại đĩa hát cổ lỗ sĩ chạy với tốc độ 75 tours một phút thì đã được mọi người cho vào nằm trong bảo tàng viện từ lâu rồi.

Khi chúng tôi cho phát hành một chương trình nhạc đa điệu vào **compact disc** thì đây là một thử thách đầu tiên về cả hai phương diện nội dung và hình thức. Đúng ra, đây là một sự liều lĩnh vì vào lúc đó, người Việt Nam --dù đang ở Mỹ-- chưa chịu bỏ

tiền ra để mua máy chạy CD. Điều này cũng rất dễ hiểu : chưa có đĩa CD nhạc Việt thì mua máy chạy CD làm gì ?

Lúc đó, phí tổn để làm đĩa CD hãy còn rất đắt, tôi còn nhớ giá thành của một đĩa là khoảng 3 dollars (so với bây giờ là 77 cents). Chỉ sau khi đĩa CD đầu tiên của chúng tôi -- nhan đề **Nhạc Tình** -- ra đời, băng cassette từ từ xuống giá, các nhà sản xuất mới ừn ừn cho phát hành đĩa CD...

Nhưng chương trình âm nhạc đa điệu này chưa có thể là một cái gì hoàn toàn mới, nó phải là một số điệu ca mà người nghe đã quen thuộc nhưng chưa hề có một **hoà âm, phối khí** nào đúng nghĩa là **phối âm** cả.

Chúng tôi bèn dùng 10 bài hát rất quen và sắp xếp vào một chủ đề. Đó là chủ đề **ra sông ra biển**. CD này mang tính chất **nhạc thính phòng**, mở đầu bằng bài **Chiều Về Trên Sông**. Sau khi cho nghe đoạn "nhạc sông" mô tả cảnh một người ngồi mơ màng bên dòng Cửu Long Giang, nhạc chuyển qua "nhạc biển" đưa người nghe vào cuộc ra đi (exodus) lớn nhất của người Việt trong thế kỷ. Ra tới thế giới mịt mù rồi là một sự hoài xức (nostalgia) mông lung, nhạc gợi lại dĩ vãng với cảnh chiến tranh/hoà bình, tình yêu/thù hận, náo nhiệt/cô đơn, hi vọng/thất vọng v.v... qua những bài như **Tình Khúc Chiến Trường, Trả Lại Em Yêu, Con Đường Tình Ta Đi, Đừng Xa Nhau, Một Khúc** v.v... trong bất cứ bài nào cũng đều có sự tái tạo.

Với đĩa CD đầu tiên này, chúng tôi thử thách soạn nhạc đa điệu và không lời theo trường phái ấn tượng (impressionist).

Qua năm 1991, **Con Đường Cái Quan, Nhạc Hoà Tấu** nghĩa là nhạc đa điệu và không lời, được phát hành. Ai cũng đã biết rằng vào năm 1954, Hoà Hội Genève phân đôi nước Việt khiến tôi soạn trường ca **Con Đường Cái Quan** để phản đối sự chia cắt đó. Được thu thanh vào năm 1960 bởi những giọng ca hay nhất của Saigon, trường ca được phổ biến trên các Đài Phát Thanh trong suốt những năm phân chia của Việt Nam. Rồi vì sự éo le của lịch sử, Việt Nam được thống nhất vào năm 1975, nhưng không thống nhất bằng hoà hợp hoà giải, khiến cho tới bây giờ (1994) lòng người ở trong và ngoài nước còn cực kỳ chia rẽ.

Để kêu gọi sự thống nhất lòng người, tôi mời mọi người nghe lại bản **Con Đường Cái Quan**. Lần này, nhạc phẩm được trình bày theo lối nhạc không lời, dưới hình thức giao hưởng (symphonie), hoà tấu (concert). Về nghệ thuật, khi soạn trường ca trước đây, tôi bị hạn chế bởi lời, không diễn tả được sự hồi hải hay cô đơn của người lữ khách trong cuộc trường chinh, không nói lên được những hiểm nguy mà lữ khách gặp phải khi trèo đèo, lội suối, không phô bày được cảnh đập lúa giã gạo của người dân ở hai bên con đường xuyên Việt v.v...

Bây giờ là lúc chúng tôi dùng nhạc thuần túy để **diễn tả, gợi cảm và gây ấn tượng** cho người nghe về **âm sắc, màu sắc, nhan sắc và tâm sắc** của một Việt Nam trong một thời gian và không gian (dans l'espace et dans le temps) nhất định.

Về không gian, tuy chỉ là một nước Việt nhưng vì có ba phần đất khác nhau nên mỗi phần đều có nhạc tính riêng : nhạc miền Bắc là nhạc núi rừng hiểm trở; nhạc miền Trung là nhạc miếu đền cung điện; nhạc miền Nam là nhạc gió mưa sông nước.

Về thời gian, lũ khách chỉ có ba ngày ba đêm để hoàn thành công cuộc thống nhất đất nước lòng người.

Về động tác, tuy chỉ là những bước đi nhưng nhịp đi lúc nào cũng thay đổi tùy theo hoàn cảnh và phong cảnh. Bản nhạc này đưa nhạc Việt lên một địa vị cao.

Sau khi nghe **Con Đường Cái Quan -- Nhạc Hoà Tấu**, có nhà phê bình ở Hoa Kỳ gọi tôi là Schubert của Á Đông. Ban hợp xướng NGÀN KHOI và ban nhạc hoà tấu ở Little Saigon đã trình bày bản **Con Đường Cái Quan** trước công chúng Việt-Mỹ ở Nam-California. Người Việt ở Úc Châu, sinh viên Đại học Berkeley... muốn có phần nhạc bản để cho giàn nhạc giao hưởng ở Sydney, ở Bắc Cali.. có thể trình diễn trước công chúng.

Rồi tới mùa Thu 1994. chúng tôi phát hành **Mẹ Việt Nam, Nhạc Hoà Tấu**. Bài này hợp lỗ tai người Việt Nam hơn người ngoại quốc vì nó mang quá nhiều tính chất tượng trưng (symbolique). Phải hiểu nó qua lời ca rồi mới nên thưởng thức nó qua nhạc không lời. Nó không hoành tráng như **Con Đường Cái Quan, Nhạc Hoà Tấu**, nó là một pho tượng, tượng **Mẹ Việt Nam** của chúng ta, phần một là tươi tắn, xinh đẹp, phần hai là ưu tư, lo lắng, phần ba là chua xót, đau khổ, phần bốn là tha thứ, siêu thoát...

Tôi muốn đưa ra một tác phẩm rất giản dị, rất đậm bạc (sobre), không diêm dúa, không xa hoa lộng lẫy : *Mẹ Việt Nam không son không phấn, mẹ Việt Nam mang tám náu sông mà !* Người nghe toàn bộ tác phẩm mà thấy cảm động thì tác phẩm được coi như đã thành công. **Mẹ Việt Nam, Nhạc hoà tấu**, một lần nữa kêu gọi các con trở về với mẹ tổ quốc. Lời kêu gọi, vì quá quen thuộc nên đã trở thành vô ngôn.

Cũng trong chủ trương đi vào cõi **nhạc không lời**, con trai tôi là Duy Cường chọn một số lớn ca khúc quen thuộc, bỏ phần lời ca mà chỉ dùng nhạc điệu với hoà âm, phối khí mới để soạn thành những chương trình nhạc nhẹ (easy listening) như **Đêm Nguyệt Cầm, Phù Du, Mộ Khúc**... Những cassettes hay CDs này bán rất chạy.

Nhân đây, tôi cũng muốn nói qua về **nhạc hoà tấu** của các nhạc sĩ khác. Trước hết là những người soạn nhạc theo trường phái cổ điển Tây Phương, có pha trộn ít nhiều nhạc cụ dân tộc.

Ở trong nước, nhạc hoà tấu theo truyền thống này đã có từ lâu và sau 1975 thì có thêm những nhạc phẩm ca tụng một nước Việt Nam đã được thống nhất như *Hoà Tấu Khúc Ba Chương* nhan đề **Đất Nước Thống Nhất** của Nguyễn Vinh, *concerto cho đàn tranh và giàn nhạc giao hưởng* nhan đề **Quê Tôi Giải Phóng** của Quang Hải, **Quê Mẹ** với các khúc : *giáo đầu, nhạc đề, biến tấu* cho piano, cho piano và violon...

Ở ngoài nước, trong nhiều năm người ta chỉ biết Cung Tiến có một nhạc phẩm lớn như bản *hợp tấu khúc* **Chinh Phụ Ngâm**, gồm 1 giáo đầu, 3 chuyển động là **Nước Thanh Bình, Cơn Gió Bụi, Nhớ Nhung Cơn Mộng Dữ** và **Mộng Khải Hoàn**, được ra mắt mọi người nhờ một khoản tiền viện trợ của Mặt Trận Hoàng Cơ Minh. Và hai bài khác là thơ Thanh Tâm Tuyền được Cung Tiến phổ nhạc, những bài này chưa hề được in ra, hát lên hay thu thanh.

Lê Văn Khoa có nhiều sáng tác hơn và vì có sự cộng tác với một ban hợp ca lớn mang tên NGÀN KHOI ở Nam Cali mà mỗi năm tổ chức được hai hay ba buổi **nhạc hoà tấu, nhạc giao hưởng** dù đa số cũng chỉ là những buổi **nhạc có lời** nay được trình diễn với ca sĩ hạng nhất và với nhạc trưởng mặc áo đuôi tôm điều khiển trên dưới 100 ca viên nam nữ giỏi ca, nhạc công Mỹ, Việt giỏi nhạc.

Về nhạc trưởng thì trước đây có thêm Trần Chúc, hoạt động rất hăng say với ban NGÀN KHOI, và trong những năm gần đây thì thấy có Thomas Ngô xuất hiện để điều khiển vài ban nhạc thính phòng. Về nội dung trình diễn thì loại nhạc không lời mà các vị này cho biểu diễn thì khá vắng bóng, đa số chỉ là chương trình ca nhạc gồm những ca khúc xưa hay ca khúc bây giờ có thêm phần hoà âm, phối khí theo trường phái neo-classique.

*Em là tôi, em cũng là anh
Là Xuân con bướm hút nhụy xuân tình
Là gió xuân hồng, là cơn xuân vũ
Là ý thơ nồng trang giấy xuân thư.*
XUÂN

Chương Hai Mươi Bốn

Bây giờ là tháng 6, năm 1992. Tôi soạn **Thiên Ca**.

Nói tới thiên thì ai cũng đều biết thiên là vô ngôn. Vậy tại sao lại cần đến thiên ca nhỉ ? Tôi xin thưa ngay : Bởi vì bản thân tôi hãy còn đang rảo bước trên con đường trở về cõi tâm và trước khi tới đích là vô ngôn thì phải hát lên.

Nếu tôi không làm thì người ta đã dùng nhiều phương tiện (hay phương pháp) để đạt tới thiên. Nào là ngồi thiên, thờ thiên, nằm thiên, đi thiên... Trải qua bao niên kỷ, Thiên đã đi vào đời sống của nhiều dân tộc dưới nhiều dạng : Thiên của Bồ Đề Đạt Ma là Võ Thiếu Lâm, võ Thái Cực Quyền. Tổ sư Huệ Năng giã gạo, bửa củi để vào thiên. Người Nhật Bản coi việc pha trà, cắm hoa là hành thiên. Gần đây Thiên sư Nhất Hạnh còn đem thiên vào việc thức dậy, quơ giếp, mở cửa sổ, vắn nước, rửa mặt, rửa tay chân, v.v. Nghĩa là con đường vào thiên có rất nhiều phương tiện. Phương tiện của tôi là hát lên **mười khúc thiên ca**.

Đó là lý do vì sao tôi soạn **thiên ca** như trước đây, 1972... tôi đã soạn **đạo ca**, phở thơ Phạm Thiên Thư.

Thế nhưng, tại sao **đạo ca** ? Là bởi vì vào lúc đó, chiến tranh, hận thù, chia rẽ và ly tán, đã làm cho đạo lý của con người suy đồi. **Đạo Ca** có thể là loại ca khúc để chúng ta cùng nhau xét lại đạo sống Việt Nam.

Niềm hạnh phúc của tôi bây giờ là vào lúc tuổi đã về chiều mà vẫn có thêm một chút hành trang mới, để làm nốt cuộc hành trình khá dài và khá nhiều gian truân. Tôi đã

được cùng đồng bào vinh quang đi trên **những nẻo đường kháng chiến**, rồi cùng nhau chua xót **đi giữa hai lần đạn** trên con đường cái quan bị cắt làm hai mảnh. Tôi đã được cùng các bạn yêu nhạc say đắm đi trên **con đường tình** chan chứa yêu thương. Tôi và các bạn cũng đã bị lôi cuốn đi trên **con đường hận thù** xiết bao buồn bã. Rồi những năm qua, trên **con đường khốn khổ lưu vong**, tôi vẫn còn được cùng đi với gần hai triệu đồng hương. Hôm nay đây, trên một con đường hoàn toàn mới mẻ, **con đường trở về cõi tâm** bằng những **thiền ca**, tôi âu yếm kính mời các bạn cùng tôi cất bước lên đường.

Trước hết, tôi xin phép được nói về những yếu tố làm nên kết quả **đạo ca, rong ca, thiền ca** của tôi.

Lúc còn nhỏ, vì mẹ tôi là một Phật tử thuần thành cho nên tôi đã được theo mẹ đi tới các nơi lễ bái nổi tiếng như Chùa Thầy, Chùa Hương, đền Sòng Phổ Cát... Tôi biết tụng kinh, chẳng hạn **Kinh Dược Sư** : *Lư hương xạ nhiệt, pháp giới môn huân, chư Phật hải hội tất diêu văn, tùy xứ kiết tường văn, thành ý phương ân, chư Phật hiện toàn thân...* Tôi cũng thuộc ít nhiều câu **Kinh Bát Nhã** : *Xá Lợi Tử, Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc, Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc, Thụ, Tướng, Hành, Thức diệc phục như thị...* Thuộc lâu kinh kệ nhưng tôi chẳng hiểu gì hết !

Về sau tôi mới hiểu nghĩa của câu tụng là : *Lư hương vừa đốt, cõi pháp thom bay, chư Phật bốn biển đều xa hay, thấu tâm thành này, chư Phật hiển hiện ngay...* Lời kinh Bát Nhã còn cho tôi biết *cõi đời là bất sinh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm... cõi sinh là vô sắc, vô thanh, vô hương, vô nhãn...*

Lớn lên thì thấy những gì mình không hiểu trong Đạo dần dần được giảng giải một cách minh bạch và rất nên thơ, như :

*Có thì có tự mây may
Không thì cả thế gian này cũng không
(Từ Đại Hạnh - Thế kỷ XII)*

Tôi hiểu được rằng : tôi với cây cỏ, côn trùng hay với núi, biển, trăng sao là một. Tôi với hòn đá cuội có liên quan với nhau trong cõi sinh. Có tôi mới có nó. Không có nó thì không có tôi. Tôi hiểu được cái tôi trong cái ta. Và cái ta trong cái tôi.

Lớn lên hơn nữa, tôi được biết những lời thơ rất thiền như sau :

*Thuyền xuôi thì nước cũng xuôi
Lại thêm mây bạc trên trời cũng bay
Tôi đi trên chiếc thuyền này
Dòng mơ tư tưởng đã thay đổi rồi
Cái bay không đợi cái trôi
Từ tôi phút trước sang tôi phút này.*

Qua những lời thơ này, tôi hiểu được cái lẽ vô thường của tạo hóa.

Thế rồi tôi trưởng thành, phanh ngực vào đời và luôn luôn bị cơn phong ba thời đại cuốn đi, ít khi có thì giờ để suy nghĩ về đạo. Nhưng cũng có những buổi chiều quê hương, tôi đi một mình trên đường quê, lòng đang nặng trĩu những nợ đời, bỗng có tiếng chuông chùa gióng lên. Tôi cảm thấy vui đi những lo lắng, ưu tư. Hoặc có những buổi trưa, nằm trên một cái chõng tre hay trên một cái võng gai, nhìn lên trời, thấy áng mây bay và bỗng thấy mình là mây, đang bay thoát ra khỏi cõi đời đầy tục

lụy. Tôi thấy được cái gọi là **siêu thoát**. Tôi cảm thấy mình vừa ra thoát khỏi vòng vây chật hẹp của cuộc đời. Tôi thấy tôi đang đi vào cái ta...

Nền giáo dục trong gia đình và ở nhà trường còn dạy tôi rằng trong bất cứ một người Việt Nam nào cũng có ba đạo giáo Phật, Khổng, Lão thường được gọi là **tam giáo đồng nguyên**. Đạo Phật dạy ta về cõi đời, đạo Khổng dạy ra sống với đời, đạo Lão dạy ta thoát đời. Trong phạm vi văn học, tam giáo đồng nguyên hiển hiện trong Truyện Thơ Kim Vân Kiều của Nguyễn Du, Truyện Thơ Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu, trong tập thơ của Nguyễn Bình Khiêm, tập hát nói của Nguyễn Công Trứ... Và trong nghệ thuật ca diễn, tam giáo đồng nguyên đó soi sáng tất cả các loại **Tuồng, Chèo, Hát Ả Đào, Hát Cải Lương**...

Nói cho rõ hơn, vào cuối thế kỷ 19, tập thể Việt Nam sống trong gia đình và ngoài xã hội với tinh thần trung, hiếu, tiết nghĩa. Cá nhân Việt Nam là mẫu người từ bi, mẫu người quân tử, mẫu người phóng khoáng.

Nhưng sau khi văn hóa Âu Tây theo chân thực dân Pháp tới nước ta thì đạo lý theo đường tam giáo đồng nguyên bắt đầu suy vi. Văn minh vật chất, cá nhân chủ nghĩa dần dần làm mờ đi giá trị của đạo lý cũ. Rồi tới khi lịch sử nước ta đi tới khúc quanh 1945 thì một đạo lý khác tới, mới đầu là sự cần thiết để giải phóng dân tộc, rồi sau 50 năm ngự trị trong đời sống Việt Nam, đạo lý đó rõ ràng là đạo lý của sức mạnh.

Ngay từ năm 1945 đó, dù rất đồng ý với việc người Việt Nam cần phải có sức mạnh để làm cuộc kháng chiến chống xâm lăng nhưng có lẽ vì tinh thần tam giáo vẫn còn tồn tại trong tôi cho nên tôi không hề suy tôn đạo lý bạo lực đó. Đầu mùa kháng chiến, khi mọi người đang khởi sự phải sống theo đạo lý thề phanhtây uống máu quân thù thì tôi soạn một bài ca nhan đề **Thu Chiến Trường**, vừa xưng tụng chiến đấu, vừa xưng tụng hòa bình :

*Thu ơi Thu ! Ta vỗ súng ca
Ca cho đời, cho Thu với ta.
Nơi biên khu, mong nhớ khúc ca
Câu Thái Hòa cho muôn chúng ta!*
(Kháng chiến Nam Bộ 1946)

Thế rồi ngay trong lúc đang say mê với nhạc chiến đấu, đứng bên chiếc cầu sắt ở Lào Kai, tôi bỗng nhìn thấy cái chật hẹp của biên cương. Vào lúc mới ngoài 20 tuổi, tôi soạn bài **Bên Cầu Biên Giới** :

*Bên cầu biên giới
Tôi lặng nghe dòng đời từ từ trôi.
Sông nước xa xôi
Mây núi khắp nơi không tỏ một đôi lời !*

.....
*Nhưng đường quá xa vời
Hương trời vẫn mê mãi
Lòng tôi sao vẫn còn biên giới
Đời tôi sao vẫn ngừng nơi đây...*

Thì ra không phải tôi chỉ nói tới cái biên giới giữa hai nước Hoa Việt ngăn không cho tôi tới sống bên người đẹp Tô Châu hay chết bên bờ sông Danube. Đứng ở Lào Kai, tôi bỗng nhìn thấy biên giới trong cuộc đời và trong lòng mình. Đó là biên giới giữa khoảnh khắc và thiên thu, giữa chiến tranh và hòa bình, giữa tình yêu và hận thù...

Đi sâu vào kháng chiến, trong khi đa số các bài ca chỉ xưng tụng người chiến sĩ ngoài tiền tuyến thì tôi hay nhắc tới người hậu phương, ví dụ trong bài **Nhớ Người Ra Đi** :

*Ai có nghe tiếng hát hành quân xa
Mà không nhớ thương người mẹ già...
Ai có nghe tiếng hát hành quân xa
Mà không nhớ thương người vợ hiền...
Ai có nghe tiếng hát hành quân xa
Mà không nhớ thương đàn trẻ nhỏ...
(Thái Nguyên 1947)*

Trong những năm chiến tranh, tình người luôn luôn được tôi xưng tụng qua những hình ảnh : *cô con gái giặt yếm bên bờ sông Lô, cô nàng về để suốt tương tư ... hay cô nàng về quẩy gánh trên vai nơi nương chiều Việt Bắc...* những *cô gánh gạo, gánh lúa ở Thanh Hóa...* hay những *o nghèo thở dài ở Quảng Bình, Quảng Trị...* Ngoài tình thần điều hợp con người và xã hội của Khổng Giáo, trong một hoàn cảnh bi thảm nhất của cuộc chiến, tôi đưa ra một câu hát có khả năng cứu khổ của Phật Giáo trong bài **Bà Mẹ Gio Linh** (1948) :

*Mẹ già cuốc đất trồng khoai
Nuôi con đánh giặc đêm ngày
Cho dù áo rách sờn vai
Cơm ăn bát voi bát đầy...*

Người mẹ này, một hôm đang tưới nước trồng rau bống nghe tin xóm làng kêu gào :

*Quân thù đã bắt được con
Đem ra giữa chợ cắt đầu...*

Giặc Pháp bêu đầu con giữa chợ. Không ai dám tới lấy cái đầu lâu đó. Bà mẹ đành...

*...nghe ngào không nói một câu
Mang khăn gói đi lấy đầu
Đường về thôn xóm buồn tèo
Xa xa tiếng chuông chùa reo...*

Trong thực tế, tại Quận Gio Linh vào năm 1948 này, với chủ trương vườn không nhà trống, không còn một ngôi chùa nào nữa. Vậy mà tôi đã cho vào đây một tiếng chuông chùa. Tiếng chuông chùa này, về sau vẫn còn vang lên trong một bài dân ca kháng chiến khác của tôi, bản **Người Về** :

*Mẹ ơi! Mẹ ơi! Chuông chùa nào la đà ?
Nhớ tới, nhớ tới những linh hồn vắng nhà
Một vòng hương trắng xóa
Tình nồng trong thương nhớ
Gửi người chiến sĩ chết trong xa mờ.*

Hiệp định Geneve chia đôi nước ta. Với đạo lý Mác Xít, miền Bắc xây dựng một xã hội sắt máu để trị dân và để chiêu cố miền Nam. Miền Nam phải gồng mình chống đỡ. Bạo lực được cổ võ ở cả hai miền. Trong suốt 20 năm, ba bốn thế hệ thanh niên bị lừa đi làm nghĩa vụ hay đi quân dịch, bị bắt buộc phải sống cho bộ máy Nhà Nước hay cho một chủ nghĩa... ít khi được sống cho mình. Trong bài **Dạ Lai Hương** soạn trong năm 1952, tôi phải thốt lên những câu hát :

*Đời ngon như men say tình lên phơi phơi
Đẹp duyên người sống cho người !*

Rồi với những tiếng kinh cầu, những lời yêu mến nhau, với tình thương nhân thế bao la... tôi tiếp tục xưng tụng tình người qua bài **Xuân Thì** (1953) :

*Xa xa có tiếng kinh cầu
Chiều trên dương thế mang sầu mệnh mông*

*Người đi giữa độ Xuân nồng
Nhìn nhau bờ ngõ rưng rưng lòng nhớ thương.
Tình thương nhân thế bao la
Yêu người năm trước đã khiến cho ta giận hờn
Và thương cây súng cô đơn
Hoa đào đã nở trên vết mòn chiến xa...*

Trong những ngày đầu tiên sống ở Saigon, hai năm trước khi đất nước chia đôi, tôi chưa bị tình hình chính trị chi phối nên ngồi soạn một bản nhạc tâm linh. Đó là bài **Lữ Hành** :

*Người đi trên dương gian
Thở hơi gió từ ngàn năm
Gió lung lay Hoành Sơn
Gió dâng cao Biển Đông...*

Người đi trong không gian, đi trong thời gian, đi trong thiên nhiên hay đi trong nhân gian, đi trong thanh xuân hay vào lúc đã bảy mươi tuổi đều lên đường với :

*Thiên thu trong lòng này
Tương lai trong bàn tay...*

Tôi cũng cho rằng người nghệ sĩ là kẻ luôn luôn đi tìm. Do đó tôi có bài **Tìm Nhau**. Tìm nhau là tìm người yêu hay tìm mình cũng thế. Tìm mình cũng là tìm mọi sự quanh mình, tìm thiên thu, tìm thiên nhiên... cho nên :

*Tìm nhau trong hoa nở, tìm nhau trong cơn gió
Tìm nhau trong đêm khô hay mưa lũ.
Tìm nhau khi nắng đổ, tìm nhau khi trăng tỏ
Tìm nhau như chim mộng tìm người mơ.*

Đối với tôi, đã quyết định đi tìm người, tìm mình, tìm thiên thu, tìm thiên nhiên thì phải gặp :

*Gặp nhau trong Nhân Tình đầy Bắc Ái, ơi người
Gặp nhau trong kinh cầu một hồi chuông*

Trong 20 năm Nam Bắc phân tranh này, với đạo lý Phật, Lão, Khổng luôn luôn sáng tỏ trong lòng, tôi mong mỗi thống nhất đất nước và lòng người qua **Trường Ca Con Đường Cái Quan** trước khi vinh danh tình yêu thương qua **Trường Ca Mẹ Việt Nam**. Trong cả hai trường ca này, tiếng kinh cầu, tiếng chuông chiều vẫn tiếp tục vang lên.

Tới khi chiến tranh và hận thù đi tới chỗ khốc liệt nhất, tôi soạn **mười bài tâm ca** (1966) :

*Kẻ thù ta đâu có phải là người
Giết người đi thì ta ở với ai ?*

.....

*Giọt mưa trên lá
Bóng dáng Phật về
Xoa vết thương trần thế...*

Trong **tâm ca**, ngoài tinh thần cứu khổ của Phật giáo, tôi còn đưa thêm lòng nhân ái của Kitô giáo vào đạo sống của tôi :

*Giọt mưa trên lá
Tiếng nói tình khôi
Lúc Chúa vào đời
Xin đóng đanh vì người...*

Tất cả những câu hát lẻ loi hướng về tâm linh đó ẩn hiện trong những bản nhạc đời của tôi mà tôi vừa kiểm điểm để mời bạn đọc, đã sửa soạn cho tôi đi thẳng vào **nhạc**

Đạo khi tôi gặp một tu sĩ kiêm thi sĩ là Phạm Thiên Thư để soạn ra **mười bài đạo ca** trong năm 1972.

Đạo Ca ra đời sau Tết Mậu Thân và trong Mùa Hè Đỏ Lửa, nghĩa là trong thời gian chúng tôi nghe thấy tiếng rên siết trong khổ đau của dân tộc qua bài **Quán Thế Âm**, nó là sự quý gởi trước Phật Đài với bài **Quy Y**. Nó là **giọt chuông Cam Lộ**, nó là chiếc gậy của thiền sư Vạn Hạnh, xuống núi cứu nguy cho đời... Đạo ca **Pháp Thân** thì nói tới cái tôi trong cái ta, cái ta trong cái tôi mà tôi đã được giác ngộ từ khi còn nhỏ. Đạo ca **Đại Nguyện** nhấn mạnh tới câu thương người như thể thương thân trong Gia Huấn Ca. Đạo Ca **Chàng Dũng Sĩ và Con Ngựa Vàng** đưa ra hình ảnh một dũng sĩ cưỡi ngựa vàng đi tìm người yêu muôn thuở. Đi hết năm tháng đi khắp mọi nơi, đi cho tới khi áo bào đã sờn rách, ngựa vàng đã đổi lông mà vẫn không tìm ra người yêu lý tưởng. Thế rồi một ngày kia, dũng sĩ dừng chân xuống ngựa trên cái cầu bắc qua con sông đang gầm sóng, ngựa vàng bỗng hóa thành người đẹp mà dũng sĩ ra công đi tìm. Thì ra, đã từ lâu, dũng sĩ ngồi lên sự thật mà không biết !

Tuy nhiên, **Đạo Ca** nói lên sự vất vả của dũng sĩ phóng ngựa đi tìm đường sự thật hay nói lên thống khổ của một bà mẹ... là vẫn còn nằm trong vòng tục lụy. Nhạc điệu, lời thơ còn đánh vào tình cảm hay lý trí con người.

Thiên ca thì khác ! Nó không gọi cảm, không gọi nhớ. Nó không còn làm cho người nghe vui buồn, thương hận. Nó chủ yếu làm cho cái tâm chuyên chú vào một cảnh giới hay một sự kiện nào đó. Nó nhấm vào việc đưa con người từ cõi phiền não cũ kỹ tới những cảnh sắc tươi sáng, mới mẻ. Những cái thường tình như vui khổ, giàu nghèo, mê ngộ, thiện ác được siêu việt hết, đều trở thành vô thường. **Thiên ca** giúp người nghe biểu dương sự sống làm chủ ý muốn của mình.

Tôi đã tâm sự với các bạn là ta chỉ cần một tiếng chuông chiều, một áng mây bay để giúp ta siêu thoát. Thế nhưng trong cuộc đời này, ai là người có đầy đủ thì giờ và tâm trạng để ngồi chờ tiếng chuông chiều, áng mây trưa. Chỉ có các cụ ông ngày xưa, trong thời bình và luôn luôn thất nghiệp (jobless) và được các cụ bà nuôi thì mới có thể khi chén rượu, khi cuộc cờ, khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên... Vả lại, tiếng chuông hay áng mây, nếu có tới với ta thì cũng không ở với ta lâu. Thoáng tới, thoáng đi... **Mười bài thiên ca**, cho vào compact disc với âm thanh ngàn đời không hư, ai muốn nghe lúc nào cũng được, khỏi cần nhờ tới thiên nhiên.

Bây giờ là chuyện **Thiên Ca**.

Tháng Sáu, năm 1992, tôi đi hát ở Boston. Vì từ nơi cực Đông của Hoa Kỳ qua Pháp không xa lắm, tôi đi Paris chơi một tuần. Bỗng nhiên, tôi có một ngày chủ nhật đi lang thang một mình trong thành phố để gặm nhấm rồi hoá giải một nỗi buồn. Trong dĩ vãng, mỗi khi gặp phải chuyện buồn, tôi đều phản ứng như vậy.

Ít lâu nay, trong cuộc đời về già không dễ dàng tung hoành như trước nữa, tôi luôn luôn bị vài nỗi buồn ám ảnh : Buồn vì đang sắp sửa phải kết liễu một chuyện tình, buồn vì sức khỏe mỗi ngày một giảm sút, buồn vì tình hình dân chúng -- tôi cảm thấy -- ở hải ngoại cũng như ở trong nước không còn thiết tha với người nghệ sĩ nữa, v.v...

Thế nhưng, trong một buổi sáng lẳng lặng đi một mình giữa Paris nắng rực và vắng vẻ này, tôi lại đánh đuổi được sự dẫn dắt trong tôi. Một lần nữa -- sau **Đạo Ca**, **Rong**

Ca -- tôi bỏ rơi con đường nhạc đời để tìm về nhạc đạo. Tôi lại tìm thấy an ủi trong siêu nhiên. Trong một đêm (16-6-1992) tôi hoàn thành 10 bài hát -- tôi muốn được gọi là -- **Thiền Ca**.

Soạn ra những bài ca thoát tục, trước hết tôi tạ từ một người tình. Sau nữa tôi thể hiện giấc mơ soạn thiền ca mà tôi nuôi nấng khi đi hát mới đây ở Nhật Bản. Chưa kể việc tôi muốn trả ơn một bạn yêu nhạc ở Saigon (Phạm Phú Lợi) gần đây (1990) có một bài viết đăng trên báo PHẬT GIÁO ấn hành ở Los Angeles, nhìn tôi là một *bồ tát đạo*, vì cứ sống lửng lơ giữa đạo và đời và vì nhân quả chẳng bao giờ tròn nên cứ đành phải tái sinh muôn kiếp.

Tôi trở về Boston để làm nốt công việc ca diễn và tu chỉnh **MƯỜI BÀI THIỀN CA**. Trong ba ngày đêm, tôi ở trong nhà một người ngẫu nhiên là người em vì có chút liên hệ gia đình là Thầy Giác Đức. Vốn là kẻ không bao giờ đọc kỹ một cuốn kinh hay một cuốn sách về Thiền, tôi đọc lời ca cho Thầy nghe, và đã làm Thầy mất ngủ ba đêm.

Trở về thị trấn giữa làng, **Mười Bài Thiền Ca** được thu thanh ngay với phần phóng tác về hoà âm của Duy Cường và với giọng ca Thái Hiền. Có khá nhiều bạn bè thân thương viết về những bài Thiền Ca, được gọi thêm là Hát Trên Đường Về. Thiền Ca được phát hành vào mùa Thu 1992 là nhạc tâm linh (spiritual) với phần nhạc nhiều hơn phần lời, nhạc đi vào vô thể (atonic), không gọi nhớ, gọi cảm mà gọi hứng. Sau khi **Thiền Ca** được phát hành, bà Thụy Khuê có viết một bài nhan đề : **Phạm Duy Trên Đường Trình Đến Vô Cực**, đăng trên nguyệt san HỢP LƯU và trong cuốn **SÓNG TỬ TRƯỞNG** (nxb Văn Nghệ, California - USA). Bài viết như sau :

"Đạo Ca và Thiền Ca, hai cái tên có tính cách song song nhưng không đồng nhất, được sáng tác trong hai bối cảnh dị biệt, cách nhau hai mươi năm. Với hai Phạm Duy khác nhau.

"Đạo Ca và Thiền Ca gần nhau vì hai tác phẩm cao về giá trị mỹ quan, khó về thẩm thức và lựa chọn thính giả. Cả hai đều đi ra ngoài hành trình âm nhạc đại chúng của Phạm Duy. Không có những yếu tố cận nhân tình như : quê hương, ca dao, dân tộc... Đạo Ca mở đường và Thiền Ca kết thúc cuộc hành trình tìm đạo của một kẻ ngoại đạo.

"Trong vòng tử sinh của kiếp người trầm luân trong bể khổ, Đạo Ca cất lên lời huyền diệu thiết tha, đưa ta vào chặng đầu của giáo lý nhà Phật. Nhạc Phạm Duy, thơ Phạm Thiên Thư, giọng hát thiền sư Thái Thanh hướng dẫn chúng sinh -- từ cõi vô minh -- lắng nghe số kiếp trầm luân của chính mình mà vượt trùng luân hồi, tìm về bến giác như một cứu cánh :

*Xưa em là kiếp chim, chết mục trên đường nhỏ
Anh là cội băng mai, để tang em, chờ mấy thu...*

*.....
Mai sau chờ nhau nhé, đầu thai vào kiếp hoa
Chôn mây mờ phiêu bạt, chờ đợi chim hót ca...*

"Nhạc Phạm Duy trong Đạo Ca thanh thoát và siêu thoát, gần gũi tâm hồn một thiền sư tuy đã gột rửa lòng trần nhưng vẫn còn tha thiết ngoái lại dĩ vãng với luyến tiếc và u hoài. Âm hưởng gieo cho người nghe là âm hưởng tìm thấy trong những bài thánh ca -- thanh khiết và từ bi -- bên đời cũng như bên đạo. Giọng hát pha lê Thái Thanh cất lên như một nguyện cầu, vút cao, thăm thẳm và thánh thiện chỉ bảo con người cư xử với nhau trong đạo đức và nhân ái :

*Thương người như thương mình
Thương người như thương thân.*

"Đạo Ca là hình thức giáo lý cơ bản và sơ đẳng tìm thấy trong kinh điển chính thống của đạo Phật. Là Phật pháp hiểu theo nghĩa đại chúng : hành thiện để kiếp sau khá hơn kiếp trước, vì :

Sinh tử vẫn còn đây

*Đời này qua đời nọ
Tử sinh vẫn còn kia...*

"Phạm Duy và Phạm Thiên Thư đã thơ mộng hoá kinh điển nhà Phật : đem tình yêu vào đất thánh. Nhưng hồn của Đạo Ca mới chỉ là hồn bướm mơ tiên, là tình yêu chưa bước vào vườn địa đàng đã thoáng nghe tiếng chày kinh của thiền sư Không Lộ mà giật mình tỉnh ngộ quay về với đạo lý. Tình yêu trong Đạo Ca là thứ tình nửa chừng xuân: tình yêu đã diệt dục. Đạo Ca thuộc về đạo, là ý thức muốn giác ngộ, đang tìm đường giác ngộ, nhưng mới đi được nửa đường. Bản Đạo Ca TÂM XUÂN kết thúc cuộc hành hương bên bờ nghi vấn :

Mùa Xuân có không ? Hay là cõi Tâm ?

Mùa Xuân có không ? Hay là cõi Không ?

"Thiền Ca, hai mươi năm sau, Phạm Duy hoàn toàn phá giới, bước ra ngoài vòng đạo lý, an nhiên trong tự tại, không còn tìm kiếm, không cần tìm kiếm, vì đã thấy chính mình. Phạm Duy trong Thiền Ca xác định nội dung giác ngộ, qua tự giác, bằng chính sự sống. Thiền Ca thuộc về đời. Thiền Ca là Sinh ca, là Tình ca, xa và cao hơn Đạo Ca trong triết lý. Thiền Ca thể hiện bốn giác cho nên Thiền Ca gần người mà cũng rất xa người..."

Mười Bài Thiền Ca được bà Thụy Khuê giới thiệu rất kỹ lưỡng như sau :

"Bước vào Thiền Ca là một thính không vô tận, vang trong thang âm mà chúng tôi tạm gọi là gian âm : âm nhạc trong không gian và âm nhạc trong thời gian. Hoà âm của Duy Cường ở đây là một thử nghiệm : nghiệm âm. Âm nhạc, bình thường chỉ là nghệ thuật âm thanh dội lên trong một khoảnh khắc thời gian nhất định. Nhưng ở đây, Duy Cường đã tạo được chiều dày thứ hai : chiều dày không gian.

Rồi từ đó biến tiết, tạo thêm các chiều khác : dương gian, nhân gian... khiến cõi thính không của Phạm Duy dày thêm, sâu thêm, biến biệt, trở thành vô cùng vô tận...

"Cõi thính không ấy, do đó, không chỉ là một không gian thuần túy mà còn là cõi không sinh động, cõi không đầy ấp sinh trùng, những vi bản của đời sống. Giữa không gian sinh động ấy, trong bài Thiền Ca mới mở đầu, giọng ca Thái Hiền, xuất thần, cất lên, mê hoặc, quyến rũ người nghe từ lúc nhập thiền :

*Thính Không
Trống trải mênh mông
Rộng rãi vô cùng...
Tất cả là tôi
Mà cũng là chung...*

"Bản chất thiền lộ ra rõ hơn khi ý thức vô ngã từ từ xâm nhập thính không âm nhạc : tất cả là tôi mà cũng là chung. Về phần nhạc, Phạm Duy cố gắng cho người nghe một vũ trụ âm thanh mới lạ, khác xa với những tiết điệu mà chúng ta quen nghe từ trước tới giờ. Phần nghiệm âm của Duy Cường đưa thính giả vào một thế giới giàu âm sắc. Cái thính không đầy ấp sinh trùng ấy là một vũ trụ hành tinh có hai dòng sữa tình yêu đồng quy ở một điểm tạo ra sự sống. Rồi cái vũ trụ hành tinh ấy cũng chỉ là hư vô, hư ảo.

"Nguyên lý của cuộc đời tiềm ẩn trong tiếng vọng. Tiếng vọng đưa nằm trong tiềm thức chúng ta từ thuở ấu thời. Đến tuổi hoàng hôn, người nghệ sĩ tóc trắng gấm lại, thấy cõi tử, cõi sinh, cõi tình, cõi hận, núi đọi, vực chờ, niềm vui, nỗi khổ... THIÊN CA 2 nằm trong cấu trúc tiếng vọng xa xưa: chao đảo giữa đối bề tương đối. Nhưng chính cảm giác đu đưa ấy cũng chỉ là ngoại tượng. Cặp bên giác rồi thì ở đâu, tâm cũng lặng, tâm không đu đưa : Tôi nằm đó... nằm im mọi chỗ. Sự trùng hợp tiếng vọng mẹ ru với nguyên lý tương đối là một thực chất hiện sinh trong cuộc sống và hiện diện trong Phạm Duy con người và tác phẩm. Nhạc sĩ linh cảm và sống điều đó từ thuở ấu thời. chìm trong tiềm thức. rồi một

chiều nao, nằm trên chiếc võng đưa, trưa hè, tại Thị Trấn Giữa Đàng, Phạm Duy thấy tất cả. Đột xuất và trực ngộ. Thế là Thiền. Không cần giải thích. Những "nhời bàn" ở đây chỉ là một cách se sua, hoa lá cành, cho vui, vậy thôi.

*Tôi nằm võng đưa võng đưa
Tôi nằm đó nằm im mọi chỗ...*

"Thiền Ca 3, THẾ THÔI nói về những yếu tố chính của cuộc đời như tình yêu, khổ đau và cái đẹp đều chênh vênh. Cho nên lúc nào thấy hạnh phúc thì hưởng ngay hạnh phúc. Đừng chờ đợi, đừng đòi hỏi.

*Một cuộc đời
Ừ, chỉ cần thế thôi.*

"Hạnh phúc là một loài hoa không tên, không sắc không hương, mà như lòng tôi lộng lẫy thơm lừng toả ra bốn hướng. Nhạc ở đây mời gọi dịu dàng đắm say, mê hoặc. Nhạc toả mùi hương và tiếng hát Thái Hiền đã đem vào thính thị cả bốn trùng dương quẩn rũ trong Thiền Ca 4, KHÔNG TÊN :

*Một loài hoa không tên
Không sắc không hương
Mà như lòng tôi
Lộng lẫy thơm lừng
Toả ra bốn hướng...*

"Nếu tình yêu đó mở cửa cho Phạm Duy bước vào vô tận từ thuở LỮ HÀNH thì đến THIÊN CA, bản chất vô ngã của tình yêu mới được Phạm Duy trải ra tới nguồn cội. THIÊN CA 5 mang tên XUÂN. Xuân là mùa Xuân, Xuân cũng có thể là tên một người, nhưng đây Xuân là Tình yêu. Khi hát câu người người hung dữ, trừ tôi, chớ tưởng "tôi" là Phạm Duy. Không, tôi đây là Xuân, Tôi đây là : Xuân con bướm hút nhụy xuân tình, là gió xuân hồng, là cơn xuân vũ, là ý thơ nồng trang giấy xuân thư... Phạm Duy giải thích về nhạc lý : nhạc ban ngày, mở đầu là những nét roi, nhát chém của cuộc đời. Rồi là những lời văn ca. Rồi nhạc trở nên mềm mại, tha thiết... Đối với người nghe thì ở đây bản chất vô ngã hay sự tan loãng của con người trong nhau -- mất đi trong nhau -- đã được cất lên dịu dàng qua giọng hát Thái Hiền bằng trình : Tôi là tôi, tôi cũng là em, em là tôi, em cũng là anh... Và không phải ai cũng thấy được những "mất mát" đó. Phạm Duy xúng tưng tình yêu từ hơn nửa thế kỷ nay, sáng tác những bản tình ca tha thiết nhất cho nhiều thế hệ yêu đương. Nhưng chỉ trong THIÊN CA, Phạm Duy mới thấy đến tận cùng bản chất tình yêu. Sự trực nhận ấy là thiền, là sức mạnh của sự sống.

"THIÊN CA 6, CHIỀU đưa sức mạnh ấy vào cuộc tình mà ngôn ngữ bình thường gọi là sóng tình. Sóng tình được thể hiện trên một âm điệu trữ tình, âm hao ả rập, mang nét dục tính. Sóng tình ở đây không ầm ứ, cô đọng và mong manh. Chợt đến -- đột xuất -- và cũng chợt đi như chưa từng hiện hữu : Ta chưa ôm em thì mất em...

"THIÊN CA 7, NGƯỜI TÌNH. Phạm Duy tổng kết đời tình, quan niệm và bản chất yêu đương của chính mình : vừa chung tình, vừa đa tình.

"THIÊN CA 8 mang tên RĂN, mở rộng tình yêu sang tình đời : ăn, chơi; sống, chết; yêu, ghét; khóc, cười; nhớ, quên... những yếu tố bao trùm tất cả nỗi trôi của kiếp người. Niềm lạc quan của Phạm Duy với cuộc đời được thể hiện qua tiếng nhạc mà Phạm Duy gọi là nhạc cười. - đây mới thật là an nhiên, tự tại. Tiếng nhạc, lời ca đơn giản tối độ, tối đa : Ăn cho vừa, chơi cho thật, sống cho thẳng, chết cho ngay... không có triết lý. Không cần triết lý. Sống và hát được như vậy đã là đời rồi, là đã đời rồi. Là cõi giác đây !

"Nếu cõi đời là cõi tạm thì đại gì chúng ta không đi chơi cõi khác : Phạm Duy rong ca nơi thiên đàng và địa ngục trong THIÊN CA 9, thì mới hay thiên đường kia cũng tối om và tường địa ngục đen, ngục sáng hơn đen. THIÊN CA 9 phá vỡ ảo tưởng : tốt-xấu. trắng-đen. thiên-đàng-địa-ngục. Vì tất cả chỉ là tương đối. Bản

chất con người đu đưa giữa hai bờ đen-trắng. Vậy phân biệt làm chi ? Hình ảnh Thượng Đế bên cạnh thiếu nữ khoả thân có thể cảm nhận thế nào cũng được nhưng nó chứng minh không có thánh thần, Thượng Đế chỉ là người với những yêu thương, khát vọng thầm kín nhất.

"THIÊN CA NHÂN QUẢ kết thúc cuộc đăng trình bằng một vòng tròn, tròn như viên đạn, tròn như trái đất, tròn vòng vũ trụ, vòng tử sinh, vòng luân hồi, vòng tay ôm ấp, vòng thai bụng mẹ... nhạc tha nhân.

Tròn như viên đạn đồng đen

Đã khô vết máu quên miền chiến tranh.

"Từ viên đạn đồng, công cụ của chiến tranh, một thứ tay sai chuyên nghề sản xuất những vũng lầy xương máu, Phạm Duy đã vẽ vết máu bọc đạn, sấy khô những đau thương, cô lại thành hạt bụi. Hạt bụi tái sinh thành trái tim trên một trần gian yên lành, yêu thương, tha thứ."

Thụy Khuê, Paris - 20/6/93

Từ khi còn bé và cảm thấy cuộc đời là tù túng, rồi có lúc chợt thấy le lói ở xa xa, một con đường giải thoát cho mình... tôi vẫn cho rằng có nhiều con đường để đi tới cõi thiên. Nay thì tôi xin được trân trọng cảm ơn chị Thụy Khuê đã cho tôi biết rõ hơn về hành trình của một kẻ đi vào thiên. Tôi xin được nói thêm vài điều :

Thiên Ca được phát hành vào mùa Thu 1992 là nhạc tâm linh (spiritual) với phần nhạc nhiều hơn phần lời, nhạc đi vào vô thể (atonic), không gọi nhớ, gọi cảm mà gọi hứng. Sở dĩ tôi đã dám soạn **thiên ca** là vì tôi đã đi tìm đọc thơ Thiên của những người trong những thế kỷ trước và của những bạn văn cùng sống một thời đại với tôi, để thấy được những con đường đi tìm cõi vô thường bằng thi ca. Nghĩa là trước và cùng với tôi, đã có **thiên ca**, đã có những bài thơ Thiên của nhiều thi sĩ đất chúng ta đi sâu vào cõi tâm linh.

Hơn nữa, đồng thời với tôi có Hoàng Quốc Bảo mà tôi đã nói trong một chương đầu của Hồi Ký này, cũng đã đi vào cái gọi là "nhạc thiên" như tôi, với ba chương trình ca nhạc đặc sắc nhan đề **Tĩnh Tâm Khúc, Hú Dài Một Tiếng Lạnh Về Hư Không, Tĩnh Sầu Vô Lượng** với nhiều ca khúc như *Chốn Bụi, Thanh Xuân Đánh Giấc Ngậm Ngùi, Tĩnh Mặc Nét Ai Cười, Thuở Theo Nhau, Hồ Như, Tháng Ngày Gió Xoá, Tango Xanh. Người Về Như Bụi, Quán Lạ, Rừng Thu Illinois Ta Nhớ Em, Lên Non Quảy Mộng, Cuối Trời Mây Trắng Bay...* mà tôi chưa có thể làm cuộc phân tích kỹ càng trong sách này hay trong chương trình radio cho Đài BBC được.

Bây giờ chỉ xin được đan kể những bài thơ Thiên đã dạy tôi về... thiên.

Từ thế kỷ XI, Mãn Giác thiền sư đã có một bài thơ rất vô thường mà Ngô Tất Tố đã dịch :

*Xuân ruổi, trăm hoa rụng
Xuân tới, trăm hoa cười
Trước mắt, việc đi mãi
Trên đầu, già đến rồi.*

*Đừng tưởng Xuân tàn, hoa rụng hết
Đêm qua sân trước, một cành mai...*

Vào thế kỷ XII, thiền sư Đạo Hạnh có thêm một bài thơ về cái có, cái không, qua bản dịch của Sư Huyền Quang, thế kỷ XIII (đã nói tới trong đoạn trước và có thêm hai câu nữa) :

*Có thì có tự mây may
Không thì cả thế gian này cũng không
Vằng trằng vằng vặc in sông
Chắc chi có có không không mơ màng...*

Mạc Đĩnh Chi, vào lúc sinh thời (1284-1361) cũng có những câu thơ nói về cái không, cái có (Huệ Chi dịch) :

*Trời xanh một cụm mây
Lò hồng một giọt tuyết
Vườn ngự một cảnh hoa
Cung Quảng một vùng nguyệt
Ôi ! Tuyết chảy, mây bay, hoa tàn, trăng khuyết...*

Có khá nhiều những bài thơ về cõi đời hay về cuộc đời, mà tôi tin rằng, ở một quốc gia luôn luôn náo động như Việt Nam, những câu giảng đó đã đóng góp vào việc giữ vững tâm linh của dân tộc ta.

Như bài TÂM KHÔNG của Viên Chiếu chẳng hạn, qua lời dịch của Ngô Tất Tố :

*Thân như tường vách đã lung lay
Lật đặt người đời những sót thay
Nếu được lòng không, không tướng sắc
Sắc không ẩn hiện mặc vẫn soay...*

Trong thế kỷ này, cũng có một bài thơ thiền ngắn mà người ta cho là của Khái Hưng (đã nói tới trong đoạn trước nhưng hơi khác một chút) :

*Thuyền trôi thì nước cũng trôi
Làn mây trắng bạc trên trời vẫn bay
Tôi đi trên chiếc thuyền này
Dòng mơ tư tưởng đã thay đổi rồi
Cái bay không đợi cái trôi
Từ tôi phút trước sang tôi phút này...*

Và những câu thơ của Nguyễn Du :

*Trước sau nào thấy bóng người
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông*

hay của Hàn Mặc Tử :

*Chàng ơi ! Chàng ơi ! sự lạ đêm qua
Mùa Xuân đến mà không ai biết cả !*

thường làm tôi rất bàng khuâng...

Trên đây là dịp tốt để tôi vinh danh các thi nhân đã ảnh hưởng đến tôi để soạn ra những bài hát tâm linh như : **Mười Bài Tâm Ca, Mười Bài Rong Ca, Mười Bài Đạo Ca, Mười Bài Thiền Ca...**

Hiện nay, tôi vẫn còn đi tìm trong cõi thơ những bài thơ thiền để nuôi dưỡng tâm linh. Tôi tìm đọc loại thơ phá chấp để thông dong đi vào cõi bình thường... như thơ của thi sĩ biệt danh Sao Trên Rừng tức Nguyễn Đức Sơn :

Ngày mai núi cũ tôi về
Dĩ nhiên hạnh phúc tràn trề em ơi.
Thơ bay tự cổ ngút trời
Quanh năm bão đảm tuyết vời nước mây.
Cớ sao đắng tử bực thầy
Hỏi ra từ đá tới cây lắc đầu...

.....
Đêm qua nằm mộng tới em
Sớm mai thức giấc lại thêm sân si.
... hay thơ của Trần Mạnh Hảo :

Thành Phật phải sát Phật
Gốc bồ đề một mình
Người nhập cùng tạo vật
Diệt diệt mà sinh sinh.

.....
- ngoài vòng sinh tử
Cộng cổ cũng Phật mà
Ngộ rồi là chưa ngộ
Phật Phật mà ta...

Gần đây nhất là bài thơ **Lập Nghiêm** của Ngô Đình Vận (1993), tặng tôi sau khi tôi viết **Thiên Ca** :

Em lập nghiêm coi mình là đá
Ta chửi thề em đã ngựa gan
Lời lỗ mắng từ căn khoan đại
Phá chấp mê mở ngực đoan nghiêm
Ta tặng em đôi cánh thần tiên
Đưa chân tánh bay lên bát ngát
Ta là đất và em yêu là cát
Xin bình thường giữa chốn trần gian.

Tôi trộm nghĩ, kể từ 1975 cho tới năm 2000, đạo lý Việt Nam vẫn chưa được hoàn toàn khôi phục cho dù cuộc chiến tranh lạnh đã chấm dứt. Cả một dân tộc bị chìm đắm vào đạo lý sức mạnh đang lúng túng đi tìm một cuộc sống chung hoà bình. Giải pháp chính trị sẽ không bao giờ đạt được nếu không dựa vào đạo lý. **Thiên Ca** với phụ đề **Hát Trên Đường Về** ra đời để hi vọng mọi người Việt Nam trở về với ba đạo gốc.

Hát trên đường về không hẳn chỉ là trở về với quê hương, tổ quốc, với đồng bào ruột thịt hay với đạo lý Việt Nam... mà còn là sự trở về cõi TÂM sau khi bị tha hoá đã từ lâu. **Thiên Ca** cũng còn là sự trở về với cái CHUNG nữa. Con người sống là phải cùng chia sẻ môi sinh với cỏ cây, muông thú, sông núi, trăng sao...phải sống chung cả với thiên nhiên và vũ trụ.

Thơ chưa ra khỏi bút, giọt mực đã rụng rời
Lòng tôi chưa kịp nói, giấy đã toát mồ hôi...
Hàn Mặc Tử

Chương Hai Mươi Lăm

Tiếp tục soạn nhạc tâm linh và nhạc đa điệu, tôi tìm về thơ Hàn Mặc Tử mà tính chất tôn giáo đã ám ảnh tôi từ ngày tôi còn rất trẻ. Và khi phổ nhạc thơ Người, tôi không ngờ cuộc đời của thi sĩ lại phản chiếu nước tôi như thế...

Trường Ca Hàn Mặc Tử ra đời vào cuối năm 1993 là nhạc siêu thực (surréaliste) rất phù hợp với hồn thơ của thi sĩ. Trường ca này mở đầu với sự an bình dưới thế và sự thanh bình trên nước Việt yêu quý của chúng ta, đồng thời cũng là niềm hạnh phúc của một nhà thơ trẻ. Từ sân nhà hay đồi quê, trong mây bay hay dòng nước, nơi bờ liễu hay cành lê, trong im lìm hay qua tiếng động, lúc nắng lên trên hàng cau hay khi trăng về nơi thuyền neo bến, dưới đáy nước hồ reo hay trên đồi thông gió thổi... và nhất là trong Tình Yêu, tất cả đều là cao cả, thiêng liêng.

Trường ca tiếp tục và nói lên sự đau thương đến tột cùng của thi sĩ khi bị bệnh hủi, ám chỉ tới sự đổ vỡ của một nước Việt Nam trong chiến tranh và hận thù. Cuối cùng, trường ca là sự siêu thắng của hành trình thơ Hàn Mặc Tử từ tập *Gái Quê* qua tập *Đau Thương* tới tập *Xuân Như Ý*. Cũng không khác gì một nước Việt Nam đang an lành bỗng lâm vào cảnh điên loạn rồi sẽ phải được siêu thắng.

Về hình thức, nhạc kháng chiến của tôi là **hiện thực và trữ tình** (Nương Chiều, Gánh Lúa). Nhạc tình của tôi là **cảm tính**, đôi khi là **nhục tính** (Cỏ Hồng). Tôi đi vào **ấn tượng** với Chiều Về Trên Sông, mon men tới **siêu thực** khi đã động tới cái chết trong Đường Chiều Lá Rụng... Trường Ca Con Đường Cái Quan là **tả thực**, Mẹ Việt Nam là **tượng trưng**, Tổ khúc Bầy Chim Bỏ Xứ là **ẩn dụ**. Mười bài rong ca với Người Tình Già Trên Đầu Non đi vào vũ trụ là nhạc **siêu nhiên**. Đạo Khúc/Thiên Ca là hành trình vào cõi **siêu linh**. Trường Ca hay Chương Khúc Hàn Mặc Tử là nhạc **siêu thực**.

Tôi rất sung sướng được dùng lá thư và bài báo của hai người Việt ở London, Anh Quốc để nói về một chuyến đi lưu diễn của tôi với TRƯ-NG CA HÀN MẶC TỬ tại Âu Châu.

Sương Mù London và Âm Thanh Phạm Duy

Bầu trời vào buổi chiều thứ ba 13 tháng 12 năm 1994 như rắc những lớp bông xám xịt che phủ mặt trời, gần tối bắt đầu có mưa nhẹ, bay bay như những dòng nhạc. Tối đó là một buổi sinh hoạt của Câu Lạc Bộ Việt Nam với chủ đề **Nhạc Thoại Phạm Duy - Nói về Hàn Mặc Tử** nhân một chuyến đi giới thiệu các tác phẩm mới của nhạc sĩ ở Châu Âu.

Tổ chức buổi gặp gỡ vào một ngày không phải cuối tuần, đồng thời là ngày mưa lạnh, thế mà những bạn bè thân hữu, những người ái mộ đã đến dự buổi nói chuyện đó. Thật hoàn toàn bất ngờ và tôi nhận được giấy mời rất gấp nhưng cũng chuẩn bị sẵn một số câu hỏi để có dịp thì sẽ nói chuyện với Nhạc sĩ Phạm Duy. Vì đó là một địa chỉ lạ, muốn đến đó phải đổi xe bus hai lần cho nên tôi đã đến sớm hơn giờ qui định 20 phút.

Mưa vẫn mưa rơi... lời của một bài hát được soạn ra như để diễn tả thời tiết London tối hôm đó. Địa điểm là một ngôi trường cổ, phải đi qua một dãy hành lang dài rồi lên tầng trên. Trong khi chờ đợi, tôi ra chỗ canteen mua một tách cafe rồi uống. Chợt mười phút sau thì cánh cửa rộng mở. Một người đầu đội chiếc mũ dạ, khoác một chiếc mantel màu đen bước vào. Khi ngả mũ tôi mới để ý thấy mái tóc bạc như cước và khuôn mặt một người châu Á. Theo sau là mấy người nữa, trong đó có một người trung niên tay bê một cái ampli và có hỏi tôi : " Sao đến sớm thế " ?

Do mới biết lần đầu cho nên lịch sự xã giao tôi gật đầu đáp lễ. Người tóc bạc đó có đúng phải là Nhạc sĩ Phạm Duy không? Tôi nghi ngại bởi vì lần đầu tiên gặp mặt nên không dám chào. Điều này vào 5 phút sau tôi lên phòng ngỏ ý xin lỗi vì cũng có lý do riêng, sợ Nhạc sĩ hiểu lầm sự thất lễ của một người trẻ tuổi. Đối với nhạc Phạm Duy trước năm 75 tôi có được xem qua một số bản nhạc viết trước 1954. Đây là sự sưu tầm của nhạc sĩ Hồ Bắc là thông gia với gia đình tôi.

Trên phòng họp, ông ngồi trên một ghế dài hàng đầu dành cho khách như đang trầm tư suy nghĩ chuẩn bị cho cuộc nói chuyện sắp tới. Lúc đó ông đã cởi chiếc áo khoác đi đường và tôi thấy ông vận bộ Âu phục rất hợp với tuổi 75 của mình. Mái tóc bạc trắng, vầng trán cao, cánh mũi rộng nở cộng với đôi tai to như tai Phật đã nói lên dáng điệu của một người kỳ tài dù chưa biết là nghề gì đối với những người lưu tâm đến diện mạo. Tôi vốn là người thích coi tướng số. Vì thời gian khai mạc chẳng còn bao lâu, tôi đưa ra vài câu hỏi đã chủ định trước khi tới đây. Cách trả lời rất phong độ của ông chứng tỏ Phạm Duy vẫn còn nhiều năng động, không như mấy người đang bước vào tuổi "thất thập cổ lai hi" (Đỗ Phủ). Điều này càng được chứng tỏ khi nhạc sĩ đứng nói chuyện và diễn tả âm nhạc của mình trong hơn hai tiếng đồng hồ.

Người nghe buổi nói chuyện đêm đó có thể so sánh Phạm Duy như những ca sĩ pop rock phương Tây trình diễn concert trước công chúng. Tuy nhạc sĩ có cái bụng hơi lớn nhưng phong thái diễn xuất của ông làm người xem cảm phục chương trình nhạc thoại từ đầu tới cuối không bị ngưng ở đoạn nào. Trước khi vào buổi nói chuyện của Phạm Duy thì anh Đoàn Xuân Kiên -- sau này anh mới tự giới thiệu tên mình -- nói đã viết thư mời tôi đến dự buổi gặp mặt. Vào tháng 6/1993, tôi có triển lãm tranh trong ngày hội văn hoá Việt Nam tại vùng Surrey, thuộc vùng ngoại thành London. Do đó, anh Kiên biết tên và địa chỉ của tôi. Là người đã từng làm việc thông tin, văn hoá cho cộng đồng sáu năm về trước đã vì tấm lòng yêu nghệ thuật và đã không quên mời tôi. Ấu cũng là điều quý trọng riêng cho những người "nghệ thuật vị nghệ thuật"...

Sau đây là bài giới thiệu của Đoàn Xuân Kiên về nhạc phẩm Trường Ca Hàn Mặc Tử.

Trường Ca Hàn Mặc Tử
Hành Trình Của Người Nghệ Sĩ Về Cái Đẹp
(đăng trong Thế Kỷ 21, tháng 6, 1994)

Trường ca Hàn Mặc Tử (TcHMT) là tác phẩm mới của Phạm Duy vừa ra mắt quần chúng vào những ngày cuối năm 93. Về hình thức thì đây là một tổ hợp những bài thơ Hàn Mặc Tử do Phạm Duy phổ nhạc. Nhưng người nghe có thể hình dung được chủ đích của tác giả tổ khúc này không phải chỉ là phổ nhạc một số bài thơ lẻ của

một nhà thơ; TcHMT có thể xem là một bản diễn giải bằng nhạc những hành trình nghệ thuật của tâm hồn Hàn Mặc Tử (HMT).

Kể từ khi nhà thơ qua đời đến nay đã hơn 50 năm, không biết bao nhiêu sách và bài báo nỗ lực phân tích tâm sự nhà thơ bằng nhiều ngả. Nhiều người đã dựa vào căn bệnh hiểm nghèo của thi sĩ mà nói nhiều về tâm trạng điên loạn bất thường của HMT để dẫn đến sự nương náu tâm hồn trong ánh sáng tôn giáo; có người đã dùng con mắt của nhà phân tâm để diễn dịch tâm hồn HMT qua những biểu hiện phức tạp của một người chịu đựng những ẩn ức tâm lý triền miên từ lúc trẻ đến khi phát bệnh nan y.

Rất nhiều ngả đường đã dựng lên để mong tiếp cận tâm hồn người thơ quá cố. Có điều là nhiều ngả đường đã đi quanh co qua những điểm tựa bên ngoài tác phẩm của HMT. Rất ít ỏi những nỗ lực nghiên cứu vẽ lên được con đường sáng tạo nghệ thuật của HMT dựa trên chính những biến thiên tâm hồn nhà thơ thể hiện qua tác phẩm của chính ông. TcHMT là một nỗ lực hiếm hoi của một nghệ sĩ nhằm diễn giải hành trình nghệ thuật của nhà thơ. Lại là một công trình biểu hiện qua thể giới âm thanh. Cho nên ý nghĩa của TcHMT sẽ không chỉ là đóng góp vào kho tàng nhạc phẩm vốn đã đồ sộ của Phạm Duy thêm một tác phẩm thơ phổ nhạc nữa mà còn là ở sự đồng cảm của hai tâm hồn nghệ sĩ trước phận người không thiếu gì điều linh, khổ nhục.

Hành Trình Nghệ Thuật Của Trường Ca Hàn Mặc Tử

Trường ca Hàn Mặc Tử được bố cục làm ba phần mang tựa đề như sau :

PHẦN I .- TÌNH QUÊ PHẦN II .- TRĂNG SAO PHẦN III .- AVE MARIA

Mỗi phần gồm có ba phân khúc nhạc được phổ từ một bài thơ HMT, hoặc phổ từ sự tập hợp của một số trích đoạn thơ, có khi lại chỉ là phổ nhạc một trích đoạn trong một bài thơ thôi.

PHẦN I .- TÌNH QUÊ gồm ba phân khúc nhạc phổ từ ba bài thơ HMT làm từ những ngày còn trẻ. (Bài TÌNH QUÊ đã in trong tập thơ GÁI QUÊ - 1936). **Phân Khúc 1** là nhạc mở đầu bằng những âm thanh ngân nga trong nhịp điệu êm ả nhưng rất lắng mạn. Chất nhạc đã được kỹ thuật hòa âm làm bật lên tính cách đặc trưng của nhạc chiều (sérénade) quen thuộc trong nhạc cổ điển Tây phương.

TÌNH QUÊ

*Trước sân anh thơ thần
Đắm đắm trông nhận về
Mây chiều còn phiêu bạt
Làng thang trên đồi quê
Gió chiều quên ngừng lại
Dòng nước luôn trôi đi
Ngàn lau im tiếng nói
Lòng anh dường đê mê
Cách nhau xa muôn dặm
Nhớ chi tới trắng thề*

Ai dù không lắng đợi

*Hay ai không lắng nghe
Dù ai không lắng đợi
Hay dù ai không lắng nghe
Tiếng buồn trong sương đục
Tiếng buồn sau lũy tre
Dù ai bên bờ liễu
Hay dù ai dưới cành lê
Vội ngày xanh hờ hững
Cố quên tình phu thê*

*Trước sân anh thơ thẩn
Đắm đắm trông nhận về
Mây chiều còn phiêu bạt
Lang thang trên đôi quê
Dưới trời Thu bàng bạc
Lả lướt khắp thôn quê
Rồi khi nhìn mây nước
Lòng nào nề tình quê
Trước sân anh thơ thẩn
Đắm đắm trông nhận về
Mây chiều còn phiêu bạt
Lang thang trên đôi quê...*

Phân Khúc 2 là nhạc phổ toàn bài thơ ĐÂY THÔN VĨ GIÀ. Nhạc gợi tả một không gian u tịch, vắng lặng như những buổi hoàng hôn nơi đồng quê những thuở thanh bình : tiếng côn trùng kêu vắng, hoàng hôn uốn lượn xa vắng như tiếng phi lao rì rào trong gió, như tiếng gió thì thầm lúc chiều tà. Không gian âm nhạc thật không còn gì trữ tình hơn. Tiếng hát Thái Hiền duyên dáng một vẻ đẹp mộc mạc, chất phác như hình tượng cô gái quê dịu dàng trong thơ HMT. Nhạc và hòa âm trong phân khúc đã chuyển sang nét u uẩn, gợi tả những cảm giác băng khuâng man mác mà ta vẫn gặp trong những ngâm khúc của văn học cổ điển. Không gian nghệ thuật trong phân khúc này cứ gợi tả những ấn tượng về *Tỳ bà hành* hay những bài thơ Đường của trường phái biên tái, hoặc giả những phân cảnh người tình nhân tha thẩn đi tìm hương cũ nơi vườn xưa quạnh vắng trong Kiều.

ĐÂY THÔN VĨ GIÀ

*Sao anh không về chơi thôn Vĩ
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền
Gió theo lối gió, mây đường mây
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay
Thuyền ai neo bến sông trăng đó
Có chờ trăng về kịp tối nay*

*Sao anh không về chơi thôn Vĩ
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền
Mơ khách đường xa, khách đường xa
Áo em trắng quá nhìn không ra*

*Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà.*

Từ nét buồn u ẩn mệnh mang trong phân khúc hai, nhạc chuyển sang **Phân Khúc 3**. Phần nhạc dạo tạo ngay cảm tưởng về một sự thiêng liêng huyền nhiệm của không gian qua cảm nhận của nhà thơ. Tâm cảm của HMT trước vẻ Đẹp của ảnh trí Đà Lạt có lẽ cũng không khác gì tâm sự của nhân vật nghệ sĩ mà Vũ Khắc Khoan cũng có lần tìm cách diễn dịch bằng ngôn ngữ (1).

Nhạc đề của phân khúc là nỗi đắm say trong tiếng gọi ảo huyền của cái Đẹp mà nhà thơ đã cảm thán rằng phút thiêng liêng đã khởi đầu. Tiếng hát Tuấn Ngọc có tính cách say đắm mê hoặc cũng hoà theo nhạc réo rắt mà không kém phần huyền hoặc. Kỹ thuật thể hiện hoà âm gợi tả rất khéo cảm giác bằng khuông của Kiều khi thấy Đạm Tiên in dấu giày trên ngấn rêu xanh. Đã thoáng hiện những bản khoả, khắc khoải khi tiếng nhạc vút lên niềm u uẩn vang ngân rồi hiện rõ giọng rền như tiếng chuông gọi hồn vừa u uất rền rĩ như nỗi đơn cô của người nghệ sĩ. Sự cảm nhận tế vi của nhà thơ để chừng chỉ mới đến Phạm Duy mới thấy sự đồng cảm sâu sắc giữa hai tâm hồn nghệ sĩ như vậy.

ĐÀ LẠT TRẮNG MỜ

*Đây phút thiêng liêng đã khởi đầu (3 lần)
Trời mơ trong cảnh huyền mơ thực huyền mơ
Trời sao đắm đuối trong sương nhạt
Như đón từ xa một giấc mơ
Xin hãy nín thính chớ nói nhiều
Xin hãy nín thính chẳng nói nhiều
Để nghe đáy nước hồ reo nước hồ reo
Để nghe tơ liễu run trong gió
Và để nghe trời giải nghĩa chữ YÊU
Đây phút thiêng liêng đã khởi ý đầu
Hàng thông lấp loáng đứng trong im lìm
Cành lá in như đã lặng chìm
Hư thực làm sao phân biệt được
Sông Ngân Hà nổi giữa màn đêm*

*Đây phút thiêng liêng đã khởi đầu (2 lần)
Trời mơ trong cảnh huyền mơ thực huyền mơ
Trời sao đắm đuối trong sương nhạt
Như đón từ xa một giấc mơ
Xin hãy nín thính chớ nói nhiều
Xin hãy nín thính chẳng nói nhiều
Để nghe đáy nước hồ reo nước hồ reo
Để nghe tơ liễu run trong gió
Và để nghe trời giải nghĩa chữ YÊU.
Đây phút thiêng liêng đã khởi đầu
Cả trời say nhuộm một màu trắng
Cả lòng tôi chẳng nói rằng
Không một tiếng gì nghe đung chạm
Dẫu rằng tiếng nổ vỡ sao băng
Đây phút thiêng liêng đã khởi đầu.*

Phần Một vừa rồi đã khởi đầu từ hành âm êm ả thanh thoát đến vắng xa u uẩn, rồi chuyển sang sâu lắng ngẩn ngơ. Diễn tiến âm nhạc gợi được hình ảnh con người đi trên hành trình hồn nhiên của tuổi nhỏ đến xôn xao tình trẻ, rồi đến tiếng gọi sâu lắng của nội tâm đã biết băn khoăn thao thức trong sự tìm kiếm. Không gian âm nhạc là không gian chiều tà đi vào đêm sâu, tính cách của nhạc cũng vì thế mà êm ả lắng đọng như *sérénade* và *nocturne* của nhạc cổ điển. Diễn biến tâm tình như thế cũng khớp với cảm nhận của chính Phạm Duy khi ông cho rằng nhạc ở đây đã diễn được thân phận của đất nước chúng ta đi từ thời thanh bình sang cảnh trạng của sự bất trắc... (1)

PHẦN II .- TRĂNG SAO, gồm các phân khúc số 4, số 5 và số 6 :

Phân Khúc 4 là đoạn tán thán về sự màu nhiệm của ánh trăng. Tính cách của âm nhạc là tính cách thánh ca, nhưng đối tượng của lời tán thán không là hình tượng siêu nhiên mà chỉ là ánh trăng. Nhà thơ bị trăng mê hoặc và đắm mình trong ánh trăng. Đây là khởi điểm của những xúc cảm thơ trong THƠ ĐIỂN - ĐAU THƯƠNG, tập thơ HMT làm từ khi phát bệnh phong. Hành âm của phân khúc lần lượt đi qua bốn biến điệu : **vàng trắng --> chơi với trăng --> trăng tự tử --> rượt trăng.**

Có lẽ đây là lần đầu tâm trạng khúc mắc của HMT được thể hiện một cách cụ thể qua hình tượng gợi tả của âm nhạc. Nhạc vờn múa như trong cơn say trong một kết cấu đẹp : hình tượng âm nhạc tăng cường độ xúc cảm dần qua từng biến điệu, cho đến cuối biến điệu thứ tư. Tiếng hát Tuấn Ngọc vút lên cao như cơn thẳng thốt của nhà thơ vừa tắt khi nhà thơ vừa ngất lịm trong cơn xuất thần. Nhạc đi những bước ma quái làm nổi bật xúc cảm của người nghệ sĩ trước nỗi cô đơn vì cảm nhận về Đẹp mê hồn mà nhân gian không thể hiểu được. Cường độ cảm xúc trong phân khúc này, về mặt bố cục, khá gần với đoạn Kiều tâm sự với em trước lúc từ giã gia đình lên đường về Lâm Truy. Hoà âm của Duy Cường đầy tính tượng tượng khi tận dụng khả năng gợi tả của tiếng sáo Mèo xa vắng chìm lặn như chiều sâu của thế giới nội tâm sừng sững thách đố cuộc đời chung quanh.

TRĂNG SAO RỘT RỤNG

*Lạy Chúa tôi, lạy Chúa tôi, lạy Chúa tôi
Ôi vàng trắng cao sáng
Lạy Chúa tôi, lạy Chúa tôi, lạy Chúa tôi
Xin ban cho sáng thêm lên
Sáng thêm lên cho không gian rất đậm
Cho hồn thơ mát rợn tới hương nguyên
Lạy Chúa tôi, lạy Chúa tôi, lạy Chúa tôi
Lạy Chúa tôi
Lạy Chúa tôi, lạy Chúa tôi, lạy Chúa tôi
Lạy Chúa tôi.*

*Tôi đi trong ánh trăng mờ
Tìm con trăng lạc ngoài bờ bên kia
Ban khuya ý tứ tôi dò
Liều thân bát ngát tôi lìa xứ yêu
Tôi gò mây lại tôi tìm sao bay
Gió nào, gió tràn, gió ngập nơi đây
Không tràn nước mắt, không thấm thê buồn
Tôi đoạ không gian, tôi rửa tới cùng
Tôi khát vô cùng, khát vô cùng*

Khát vô cùng, khát vô cùng...

*Tôi riết thời gian trong nắm tay
Cất tiếng cười ròn đụng vùng mây
Tôi nhập hồn mình trong khúc hát
Để nhờ khúc hát đẩy lên trăng
Lên chơi cung Quế đây lần đầu
Để hợp tình anh của Nguyệt Cầu
Để thoát ly ra ngoài thế giới
Để cười để khóc để yêu nhau*

*Ha ha tôi đuổi theo trăng (2 lần)
Trăng bay tôi tả trăng tan
Trăng ngã trên cành, ngã trên cành vàng
Về đây tôi sẽ gặp nàng
Về đây tôi lại gặp nàng, nàng ơi !*

*Lòng giếng lạnh sao chẳng ai hay
Nghe nói mùa thu ần nấu nơi này
Cả âm dương đều tụ hợp (2 lần)
Để cả trăng mây ngừng lại nơi đây
Để nghe, à để nghe lời nói thời loạn ly
Giọng buồn thương gió, trăng gió đã thề
Của bầy trai gái trong gió náo nề, tự tình bên giếng
Lời oán hận của tuổi si mê
Lòng giếng lạnh mở miệng bao la
Giếng nuốt vì sao rụng với trăng ngà
Loạn rồi loạn rồi, tôi hoảng hốt (3 lần)
Nhảy ùm xuống giếng vớt trăng lên.*

Phân Khúc 5 mở đầu bằng tiếng sáo Mèo rền ma quái để rồi sẽ đeo đẳng mãi suốt phân khúc. Người nghệ sĩ vừa thoát hồn để dẫn hồn mình đi suốt một đêm qua những biến điệu đầy kịch tính : Lúc thì cười như điên sặc sụa cả mùi trăng, lúc thì cùng ngả nghiêng lặn lội giữa muôn hình, lúc thì chìm nhau xuống một vũng trăng êm, lúc thì lặng yên trăng thồn thức, lúc thì bay lên cho tới một hành tinh... (3) Hình tượng âm nhạc cũng tràn trề sức quyến rũ : hai giọng hát sóng đôi nhau gọi tả rất mạnh sự phân thân của người nghệ sĩ trong cơn say nghệ thuật. Tâm sự HMT trong tập THƠ ĐIỂN - ĐAU THƯƠNG dễ thương tới bây giờ mới được dẫn giải một cách cụ thể, sinh động. Thể hiện được kịch tính của các biến điệu âm nhạc trong hai phân khúc này là một thành công xuất sắc của Duy Cường và các giọng hát. Nỗi lòng u uẩn của người nghệ sĩ đã lần khuất đầu đó từ phân khúc cuối phân khúc I cứ tăng lên dần theo diễn tiến phát triển hình tượng âm nhạc trong phân khúc này.

HỒN LÀ AI

*Hồn là ai, là ai, hồn là ai, tôi chẳng biết (3 lần)
Hồn theo tôi, theo tôi, hồn như muốn cợt tôi chơi
Tôi chết giả và no nê vô vạ
Cười như điên sặc sụa sụa cả mùi trăng
Tôi đã cẩu thả cào nhai ngấu nghiến
Tôi đau vì rừng rợn đến vô biên
Tôi chìm hồn xuống một vũng trăng êm
Cho trăng ngập trăng dồn lên tới ngực*

*Hai chúng tôi lặng yên trong thồn thức
Rồi bay lên cho tới một hành tinh...
A a a à
Cùng ngả nghiêng lẫn lộn giữa muôn hình (2 lần)
Để gào thét một hơi cho rợn óc
Cả Thiên Đàng, Địa Ngục, Trần Gian
Hồn là ai, là ai, hồn là ai, tôi chẳng biết (3 lần)
Dẫn hồn đi, hồn đi rờn rã một đêm nay!
(hát lại đoạn cuối)*

Phân Khúc 6 có thể xem như một thoát trào của đợt sóng hình tượng âm nhạc trong phần II. Ba biến điệu nối tiếp nhau nặng nề như cảnh tha ma mộ địa lẫn khuất tiếng sáo Mèo nghen ngào như tiếng cú đêm khuya. Hình tượng âm nhạc cũng dần trải như khoảng trống mênh mông của không gian tịch lặng. Nhạc đi êm nhẹ mà sao vương vấn nỗi thê lương. Lời thì thầm của nhà thơ là lời bộc bạch về tâm tình ông dành cho cuộc đời thân mến. Ba trích đoạn thơ ghép lại thể hiện khá rõ tâm sự HMT trong giai đoạn sáng tác THƠ ĐIÊN - ĐAU THƯƠNG.

Nghệ thuật phát triển hình tượng âm nhạc trong phần 2 này là nghệ thuật ba lan; cảm xúc dâng lên từng đợt như sóng tràn. Không gian nghệ thuật là đêm tối mênh mang. Giai điệu và hoà âm đều đắm về ma quái. Nhạc đề rất nhất quán ở điểm thể hiện tâm trạng người nghệ sĩ. Anh ta cảm nhận tiếng gọi vô hình của cái Đẹp thể hiện ở ánh trăng. Vẻ đẹp mê hoặc của ánh trăng hay của nàng thơ hay của âm nhạc nào có khác chi những cơn say đắm xuất thần của HMT. Diễn đạt được tâm sự nghệ sĩ qua hình tượng âm nhạc là một thành công của Phạm Duy (mà cũng có phần không nhỏ của Duy Cường trong nghệ thuật hoà âm).

TRÚT LINH HỒN

*Sáng như gương lạnh như ma (2 lần)
Ngọn bút thần khai phước lộc nhà
Mực lửa khí vị vô hồn chữ
Văn hút hào quang ở miệng ta
Giấy trắng tinh khô tuôn huyết mạch
Lời vàng nguyên vẹn trở tài hoa.*

*Thơ chưa ra khỏi bút, giọt mực đã rụng rời (2 lần)
Lòng tôi chưa kịp nói, giấy đã toát mồ hôi (2 lần)
Máu đã khô rồi thơ cũng khô rồi
Tình ta cũng đã, đã chết từ lâu
Từ nay trong gió và mây gió
Lời thắm thương rên mọi nẻo mơ (2 lần)*

*Ta còn triu mến biết bao người
Vẻ đẹp xa hoa của một thời
Đầy lệ đầy thương đầy tuyệt vọng
Ôi giờ hấp hối sắp chia phôi
Ta trút linh hồn giữa nơi đây
Gió sầu vô hạn thổi trong cây
Còn em sao chẳng hay gì cả
Xin để tang anh đến vạn ngày
(hát lại hai đoạn)*

PHẦN III .- AVE MARIA cũng gồm các phân khúc số 7, số 8 và số 9 :

Phân Khúc 7 là một lời xưng tụng đáng tinh truyền thánh vẹn. Nhạc bắt đầu bằng đoạn hợp xướng nghiêm trang, thánh thiện. Toát ra toàn thể phân khúc là vẻ đẹp thuần khiết của hình tượng người nữ trong nghệ thuật muôn đời. Nhà thơ cũng như người nhạc sĩ đều rung động nồng nàn trước vẻ Đẹp nguyên mẫu đó. Trong thế giới nguyên vẹn tinh tuyền chỉ còn sự yêu thương, sự yên nghỉ. Không còn những dằn xóc của những hệ lụy của cuộc đời dưới thế. Kỹ thuật đồng ca của nhạc cổ điển tây phương đã góp phần tăng tính cách thánh đường của phân khúc.

LẠY BÀ LÀ ĐÁNG TINH TUYỀN THÁNH VẸN

*Ma ri a Ma ri a
Ma ri a linh hồn tôi ớn lạnh
Ma ri a Ma ri a
Run như run thần tử thấy long nhan
Ma ri a Ma ri a
Run như run hơi thở chạm tơ vàng
Ma ri a Ma ri a
Nhưng lòng nhuần ơn triu mến
Ma ri a Ma ri a*

*Lạy Bà là Đáng tinh truyền thánh vẹn
Giàu nhân đức, giàu muôn học từ bi
Cho tôi dâng lời cảm tạ dâng phò nguy
Cơn lâm lụy vừa trải qua dưới thế.
Tôi cảm động rưng rưng hai hàng lệ
Dòng thao thao bất diệt của nguồn thơ
Trí tôi hút bao nhiêu là khí vị
Bút tôi reo như châu ngọc đền vua
Lạy Bà, Bà rất ư nhiều phép lạ.
Ngọc như Ý vô tri còn biết cả
Hưởng chi tôi là Thánh thể kết tinh (2 lần)
Tôi ư nhìn Bắc Đẩu rạng bình minh
Chiếu cùng hết khắp ba ngàn thế giới
Sáng nhiều quá cho thanh âm vời vợi
Thơm đường bao cho miệng lưỡi không khen.
Lạy Bà, Bà rất ư nhiều phép lạ
Ngọc như Ý vô tri còn biết cả
Hưởng chi tôi là Thánh thể kết tinh (2 lần)...*

Sau phần tán tụng vẻ Đẹp tinh tuyền thánh thiện, **Phân Khúc 8** chuyển sang lời cảm thán về hình tượng thiên thần bằng một biến điệu khác : Kỹ thuật nội tỉnh như trong kinh cầu nguyện. Tiếng hát an nhiên của Thái Hiền và Thái Thảo toát ra vẻ thanh thoát cần thiết của hình tượng âm nhạc. Tiếng hát vắng nhẹ như lời thì thầm của người con khi ngỏ lời yêu thương với Mẹ, như người nghệ sĩ ngây ngất trước vẻ đẹp mong manh như gió, như sương huyền diệu, *bước đi sẽ đứt, động hờ sẽ tiêu...*

Người nghệ sĩ Phạm Duy hát về Mẹ bao lần rồi, vậy mà những âm thanh về người Mẹ trong phân khúc này vẫn quyến rũ, vẫn mới nguyên như vẻ đẹp gặp gỡ lần đầu, giai điệu láy lá lướt vẻ đẹp dân ca đã khép lại cảm xúc kì lạ về sự thanh thoát an nhiên trong vòng tay yêu thương của sứ thần thiên chúa Gabriel. Nghệ thuật diễn tả trong phân khúc hai là nghệ thuật độc thoại khá quen trong đối thoại nội tâm của kịch

: nhân vật thì thầm những lời nói với chính mình. Hành âm của nhạc ở phân khúc này cũng chìm khuất kín nhiệm như ý thơ.

HỒI SỨ THẦN THIÊN CHÚA GABRIEL

*Hồi Sứ Thần Thiên Chúa Ga bri en (2 lần)
Khi Người xuống truyền tin cho Thánh Nữ
Người có nghe thơ mầu nhiệm ra đời
Người có nghe náo động cả muôn trời
Người có nghe xôn xao nghìn tinh tú
Để ca tụng bằng hoa hương sáng láng
Bằng tràng hạt bằng Sao Mai chiếu rạng
Một đêm Xuân là rất đổi anh linh
Hồi Sứ Thần Thiên Chúa Ga Bri en (2 lần)*

*Lạy Bà là Đấng ban đầy ơn phước
Cho tình tôi nguyên vẹn tợ trắng rằm
Thơ trong trắng như một khối băng tâm
Luôn luôn reo trong hồn trong mạch máu
Lạy Bà là Đấng ban đầy ơn phước
Cho đề mê âm nhạc và thanh hương
Cho vỡ lở cả muôn nghìn tinh đầu
Cho đề mê âm nhạc và thanh hương
Chim hay tên ngọc đá biết tuổi vàng (4 lần)*

*Hồi Sứ Thần Thiên Chúa Ga bri en (2 lần)
Khi Người xuống truyền tin cho Thánh Nữ
Người có nghe thơ mầu nhiệm ra đời
Người có nghe náo động cả muôn trời
Người có nghe xôn xao nghìn tinh tú
Để ca tụng bằng hoa hương sáng láng
Bằng tràng hạt bằng Sao Mai chiếu rạng
Một đêm Xuân là rất đổi anh linh
Hồi Sứ Thần Thiên Chúa Ga Bri en (2 lần)
Lòng vua chúa như lòng lê thứ
Sẽ ngất ngây bởi thơ đầy ứ
Nguồn thiêng liêng yêu Mẹ Sầu Bi... (2 lần)*

Phân Khúc 9 lấy trở lại hành âm của phân khúc một để viên mãn một chu trình. Bốn câu thơ đã ngân vang âm hưởng của lời tán tụng về Đẹp thánh thiện của nàng thơ. Nghệ thuật diễn xướng ở phân khúc này đã không ngừng lại ở nghệ thuật đồng ca cổ điển mà đã kết hợp với nghệ thuật diễn xướng dân ca : hát đuổi, hát đối. Hình tượng âm nhạc toát ra tính cách trữ tình, rất người mà vẫn trong suốt như vẻ đẹp thiên thần.

PHƯỢNG TRÌ ÔI PHƯỢNG TRÌ

*Ma ri a Ma ri a
Ma ri a linh hồn tôi ớn lạnh
Ma ri a Ma ri a
Run như run thân tử thấy long nhan
Ma ri a Ma ri a
Run như run hơi thở chạm tơ vàng
Ma ria a Ma ri a*

*Nhưng lòng nhuần ơn triu mến
Ma ri a Ma ri a
Phượng Trì ôi Phượng Trì ôi Phượng Trì*

*(Lạy Bà là Đấng tinh truyền)
Phượng Trì ôi Phượng Trì ôi Phượng Trì
(Lạy Bà là Đấng tinh truyền)
Phượng Trì ôi Phượng Trì ôi Phượng Trì
(Lạy Bà là Đấng tinh truyền)
Phượng Trì ôi Phượng Trì ôi Phượng Trì
(Lạy Bà là Đấng tinh truyền)
Thơ tôi bay suốt một thời chưa thấu
Hồn tôi bay biết bao giờ mới đậu
Trên triều thiên ngời chói vạn hào quang (2 lần)
A Men*

Trọn phần ba là bài thơ Ave Maria được phổ thành nhạc. Không gian âm nhạc vẫn là nhạc *nocturne* nhưng tính cách đã thay đổi hẳn qua màu sắc âm áp của ánh sáng. Nhạc đề là sự xưng tụng biểu tượng của vẻ Đẹp thánh thiện thuần khiết được thể hiện qua hình tượng Người Nữ nguyên mẫu : khi thì là Đức Bà tinh truyền thánh vẹn, có lúc hoá thân làm sứ thần Gabriel, rồi Phượng Trì (Âm thanh của tên gọi này sao cứ làm ta liên tưởng đến hình ảnh toàn bích của người đẹp có đầy đủ Long trì và Phượng các trong tử vi). Nghệ thuật thể hiện là nghệ thuật nhạc nhà thờ, vừa đồng ca, vừa độc thoại. Bao trùm toàn thể phần ba này là vẻ đẹp rực rỡ mà tâm hồn nghệ sĩ quay về nương nấu trong sự bình yên của hạnh phúc trong thế giới nguyên tuyền thanh khiết.

Trường ca HMT đã thể hiện tài tình những diễn biến tâm tình của nhà thơ quá cố : từ chất thơ trong sáng buổi đầu, nhà thơ đã trải qua những cơn đau đớn quằn quại trước khi quay về yên nghỉ trong vẻ Đẹp màu nhiệm thanh khiết của Phượng Trì là hiện thân của vẻ Đẹp nữ tinh truyền thánh vẹn. Đây là hành trình thơ HMT, mà cũng là hành âm của trường ca HMT của Phạm Duy.

Hành Trình Thú Đau Thương Của Người Nghệ Sĩ

Trong lời dẫn giải về tác phẩm TCHMT, Phạm Duy cho biết rằng ông đã từng làm quen với thơ HMT từ thuở còn đi học. Ông cảm được những nếp gấp tâm tình của nhà thơ này khi nêu ra những chủ đề chính trong thơ HMT : **tình yêu, tình dục, sự đau khổ, sự đau thương, sự điên dại, cái chết, Đạo, Thượng Đế, Thiên Chúa...** (3) Bảng liệt kê vừa kể thật ra chưa nói đủ hết mỗi đồng cảm sâu sắc của ông đối với nhà thơ quá cố. Phải nghe chính tác phẩm mới có thể nhận ra được rằng TcHMT là bản vẽ sâu sắc bản đồ tâm hồn thơ HMT.

Bố cục của TCHMT thể hiện khá rõ về những biến chuyển trong tâm sự thơ HMT từ tập thơ đầu (GÁI QUÊ) đến giai đoạn THƠ ĐIỀN - ĐAU THƯƠNG, và cuối cùng là thời kỳ sáng tác XUÂN NHƯ Ý trở về sau. Ba giai đoạn chính trong hành trình sáng tạo thơ HMT với những nội dung khác nhau, phản chiếu tâm hồn người thơ một cách sinh động và độc đáo.

Có thể phác lại nét chính của con đường thơ HMT được phác họa qua trường ca của Phạm Duy như sau : 1) thời thanh xuân lãng mạn đẹp ngời (TÌNH QUÊ) --> 2) thời điên loạn, đau đớn vì thể nghiệm nỗi đau thương của thân phận (TRĂNG SAO) -> 3) thời tìm lại được yên ổn tâm hồn trong thế giới của cái Đẹp vĩnh hằng (AVE MARIA). Cứ thế, nhạc đề phát triển từng đợt ba phân khúc như những lớp sóng xô cao thấp khác nhau. Con đường thơ của HMT thể hiện khá sinh động tâm hồn người nghệ sĩ giữa đời.

Con tim yêu thương bao la của người nghệ sĩ rung lên những nhịp điệu tình ca muôn vẻ của thơ tình. Không biết có ai phân tích hết những dáng vẻ của tình yêu trong thơ HMT hay chưa, nhưng Phạm Duy đã thể hiện khá đẹp những nét lớn của tình yêu trong thơ HMT : sự dâng hiến trọn tình, sự e ấp trộn lẫn với nỗi rạo rực, nỗi đắm say trước vẻ Đẹp hiện thân của tình yêu. Có thể nhận ra những dáng vẻ tình yêu đó trong thơ HMT khi thường thức phần một TcHMT. Con tim yêu thương của người nghệ sĩ phả vào cuộc đời xã hội bằng những mối tình người tặng cho những người yêu dấu chung quanh. Tình yêu ấy đọng lại trong TCHMT là tình yêu ông dành cho đất nước quê hương là nơi bóng hình những người ông thương mến, là tình yêu ông dâng tặng vẻ Đẹp nguyên trinh qua hình tượng Phụng Trĩ/sứ thần Gabriel/Đức Bà.

Thế nhưng người nghệ sĩ có trái tim vô số mà anh ta không chỉ dành tặng cho những người yêu dấu trong đời. Trong đáy sâu thẳm của con tim, người nghệ sĩ luôn cảm thấy có một lời thì thầm vượt lên khỏi bình diện nhân gian. — đây cần nhắc lại một bài viết của HMT thường vẫn bị các nhà nghiên cứu bỏ quên khi muốn tìm hiểu về tâm sự thơ ông. Trong bài viết về Quan niệm thơ, HMT cho thơ là tiếng kêu rên thảm thiết của một linh hồn thương nhớ, ước ao trở lại trời, là nơi đã sống ngàn kiếp vô thủy, vô chung, với những hạnh phúc bất tuyền.

Nói cách khác, thi sĩ đã sống cô độc đời mình giữa cuộc thế lao xao, và làm thơ là để tìm người tri kỷ. Làm thơ là một sự ham muốn vô biên của những nguồn khoái lạc trong trắng của một cõi trời cách biệt (4) . Người nghệ sĩ thoáng nghe ra những tiếng nói màu nhiệm vượt lên khỏi chiều kích trần thế. Sự nhạy cảm tột cùng dẫn đưa con đường sáng tạo của người nghệ sĩ qua những cơn loạn lạc với thú đau thương. Đó có thể là nỗi ngậm ngùi về những hoang phế quạnh hiu của những thành quách cũ (Vũ Đình Liên, Chế Lan Viên, Vũ Hoàng Chương), đó cũng có thể là những lời độc thoại triền miên của người tình trẻ bên đời hiu quạnh (Trịnh Công Sơn), của người tình già nghe tiếng gọi nghìn thu (Phạm Duy).

Thế thì tại sao không có một HMT điên mê trong nỗi đau đớn của thân phận vui buồn của nhân gian mà ông tự cho mình là một đại biểu? (Ý nghĩa của trường thơ Loạn mà HMT và các bạn ông dựng lên dường như chưa được tìm hiểu, nhưng chúng tôi cho rằng sự nổi loạn của thế hệ nhà thơ trẻ Qui Nhơn lúc bấy giờ là dấu chỉ của một khao khát về một sự quân bình mới). Nỗi đau về phận người khổ nhục có khiến thơ ông đầm máu lệ, vang vang nỗi đau hận pha lẫn với hoan lạc trong tình yêu thánh hóa.

Thơ điên của HMT phản ánh nỗi bi phẫn về phận người khốn khó, mà sự đau khổ của đời này thì muôn hình vạn trạng, người nghệ sĩ đau nỗi đau nhân thế và mang thập giá thay cho chúng ta, có phải đâu chỉ là người ca nhân làm mồi cho những mối tình đôi lứa như người đời vẫn nghĩ. Một nhân vật của Dostoevsky đã bảo rằng : *cả trái đất, từ vỏ vào trong ruột, đều ướt đầm nước mắt con người*. Thế nên khi người nghệ sĩ hát về nỗi đau đớn của kiếp nhân sinh hoặc giả cảm nhận được tiếng hát

nghìn thu nơi đầu non thì chẳng phải là lúc người nghệ sĩ đã xa cách đại quần chúng, trừ phi đại quần chúng muốn giam hãm nghệ sĩ như giam những tên tù trong vũng lầy nghệ thuật nô dịch.

Gần đây khi nhận định về một số tác phẩm mới của Phạm Duy, có người nghĩ là ông đã dần tách khỏi vị trí của người nhạc sĩ của đại chúng, hiểu theo nghĩa là ông không còn hát về những vui buồn của nhân thế gần gũi : hát về quê hương dân tộc, về những mối tình rất riêng tư trong không gian sống của những thị dân. Nếu nghĩ rằng Phạm Duy nay đang lui dần về sáng tác những tác phẩm để riêng cho ông bởi vì không có bóng dáng những hình ảnh quen thuộc trong các ca khúc bao lâu nay thì cũng xin lưu ý là đã từ những ngày xa xưa, khi còn trẻ Phạm Duy cũng đã từng có những bài hát mang chủ đề hướng nội. Người thanh niên ấy đã từng nghe ra tiếng gọi huyền nhiệm từ sâu thẳm của nội tâm. Tiếng đời nào phải chỉ có tiếng tình yêu mà còn có tiếng gọi của thính không (*Lữ Hành*), cảm nhận về những biên giới cắt chia con người trong những không gian tâm tưởng khác nhau (*Bên Cầu Biên Giới*)...

Cho nên Phạm Duy vẫn chỉ là một thôi dù là Phạm Duy của *Tình Ca*, của *Cổ Hồng*, của *Pháp Thân*, của *Ngục Ca*, của *Bài Hát Nghìn Thu*, của thiên khúc *Hát Trên Đường Về*, hay của *Trăng Sao Rớt Rụng*. Có thể mới có thể có mối đồng cảm giữa hai người nghệ sĩ với những thân phận riêng tư rất khác nhau nhưng cũng rung những cung bậc tâm hồn trước những hoan lạc cùng những khổ nhục của kiếp người. Nghệ thuật, nói cho cùng, chỉ là những tiếng kêu bất bình của người nghệ sĩ trước những hệ lụy của cuộc đời. Đôi mắt người nghệ sĩ là đôi mắt nhìn sâu thẳm vào phận người. Một thời vàng son của đào nguyên đã vĩnh viễn xa rồi ư, đời ta chỉ còn là một chuỗi những ngày nơi trần gian khổ lụy (Văn Cao), hát như chưa biết buồn phiền chi dù đường về quê nhà đã xa, nơi thành cổ rêu mốc của đời ta vẫn đi về một cõi quạnh hiu và hai vầng nhật nguyệt trữu hai vai (Trịnh Công Sơn).

TcHMT là tiếng hát của người nghệ sĩ về những ràng buộc của cuộc đời, là sự thăng hoa giữa những khổ đau và hạnh phúc của phận người thành âm nhạc và thơ. Ba phần của trường ca là ba dáng vẻ của cuộc đời được phả vào nghệ thuật, trong đó có tình yêu sôi nổi mà e ấp của một thời hoa niên lãng mạn, có những khổ nhục của một đời lận đận vì những dằn xóc khác nhau.

Trước nỗi khổ mang chất bi kịch của đời người, người ta có thể phản ứng một cách khác nhau : có người an nhiên lặng lẽ đi về một cõi quạnh hiu và chấp nhận hạnh phúc trong niềm tuyệt vọng (Trịnh Công Sơn), có người không nguôi hoài tưởng một thiên thai không bao giờ trở lại (Văn Cao), có người lại dấn mình sống rất hiện sinh với chính những vinh nhục của đời và bật lên những tiếng tâm tình trước mọi cảnh huống. HMT và Phạm Duy đồng cảm với nhau ở điểm này. TcHMT là tác phẩm nghệ thuật thăng hoa những đau thương khổ nạn của đời người.

Hành trình nghệ thuật của HMT bắt đầu từ những hoa mộng thời trẻ hồn nhiên đến những đau khổ điên loạn vì những nhục nhằn, và khép lại với tình yêu thanh khiết trong thế giới vĩnh hằng trong suốt một vẻ Đẹp tinh tuyền. Nhạc Đề phát triển nhất quán với chủ ý HMT khi nhà thơ biểu tượng Maria bằng những tiếng gọi khác nhau : Đức Bà tinh truyền thánh vẹn, sứ thần thiên chúa Gabriel, Phụng Trì. Ngôn từ ở đây chỉ là những chiếc bè giả tạm để chuyên chở một cảm nhận về một thế giới vĩnh cửu của Mỹ thể.

HMT về yên nghỉ trong tôn giáo hay nghệ thuật? Vô thức về người nghệ sĩ trong

Phạm Duy đã nghiêng về xu hướng thứ hai khi ông đã không phổ nhạc bài *Ave Maria* theo cách nhìn của ông lúc ông phổ thơ Phạm Thiên Thư trước đây : vẻ đẹp quyến rũ trong thơ Phạm Thiên Thư là sự nguyên trinh thánh thiện, là vẻ đẹp trong thế giới nghệ thuật trong đó không gian và thời gian như không còn tuổi trong cõi tuyệt đối vô cùng. Phạm Duy đã chẳng nói là những bài ông phổ thơ Phạm Thiên Thư là những bài hát thanh cao nhất của thời đại đây ư (4) ? Hát lên tiếng hát xung tưng một thiên thần là cách thể của người nghệ sĩ xung tưng cái Đẹp. Mỹ thể là điểm đi tới và cũng là điểm quay về của Nghệ thuật.

Phạm Duy tâm sự rằng nguyên ủy của ý định sáng tác TcHMT là : ông muốn tiếp tục nói tới chuyện hóa giải nỗi oan khiên to lớn của cuộc đời Việt Nam sau nửa thế kỷ chiến tranh và hận thù bằng con đường đi vào Đạo để siêu hóa mọi sự (6). Hiểu như thế thì HMT cũng là một biểu tượng của thân phận VN, và những biến chuyển tâm tình của HMT là điển hình cho bi kịch trong đời người VN chúng ta trong một thời oan khổ dài dằng dặc. Ấu cũng là một cao vọng đáng trọng của người nhạc sĩ già. Nỗi trần trở của Phạm Duy về đất nước gần đây được tô đậm nét qua một trường ca gây nhiều xúc động (BẦY CHIM BỎ XỨ - 1990). Ta cũng bắt gặp trong một trang viết, ông cũng đã có lần trần trở về thân phận nhục nhằn của người trí thức VN chứ chẳng phải không (7). Nhưng cứ như sự phát triển của chính nhạc đề của TcHMT thì ý nghĩa của tác phẩm đã tự nó có sức nặng của một tác phẩm nghệ thuật phản ánh rất đậm những cảm xúc về phận người biểu hiện qua thân phận một nghệ sĩ. Phạm Duy có nhớ không những lời ông viết về chính mình khi ông sáng tác TcMHT : *đổi với tôi chỉ có ba điều quan trọng : tình yêu, sự đau khổ và cái chết* (8)? Tôi muốn thêm : hận thù, hạnh phúc và vĩnh cửu.

Một Tác Phẩm Thơ Phổ Nhạc Lớn Trong Sự Nghiệp Phạm Duy

Trong kho tác phẩm đồ sộ của Phạm Duy, thơ phổ nhạc có một vai trò rất đáng kể. Phải nhận rằng nhạc của ông đã làm bất tử một số những bài thơ, và ngược lại thơ đã gợi hứng cho ông viết những giai điệu mượt mà quyến rũ nhiều thế hệ người nghe. TCHMT là công trình thơ phổ nhạc rất khác với những bài trước đây thường chỉ là những đoản khúc hoàn chỉnh riêng rẽ, dù có đặt chúng vào một tập hợp như *Đạo Ca, Ngục Ca, Hoàng Cầm Ca*. Một công trình dài hơi và dài ngày, nếu cứ tính từ khi lần đầu tiên bài *Tình Quê* xuất hiện như một phụ bản trong tập san THẾ KỈ HAI MƯƠI (1960) tại Sài Gòn.

Ngoài Phạm Duy ra có Hải Linh và Viêt Chung trước đây cũng phổ nhạc HMT, mỗi người một phong cách khác nhau. Nhưng cũng chỉ với Phạm Duy rất đáng chú ý vì tính cách đa dạng và thể hiện một phong cách đặc biệt. Trong TCHMT, có đủ các kỹ thuật phổ nhạc mà Phạm Duy thường vẫn sử dụng : lắp giai điệu vào lời thơ, biến thể các giai điệu để phát triển nhạc đề, và chuyển ý thơ thành điệu. Kỹ thuật lắp giai điệu và thủ pháp quen thuộc thường thấy ở thơ phổ nhạc : Bài *Chiều Đông* phổ nguyên lời bài thơ *Khoác Kín* của Cung Trầm Tưởng là một thí dụ. Phải nói ngay là Phạm Duy rất hiếm khi phổ nguyên lời thơ của toàn bài, vì đòi hỏi của cấu trúc câu nhạc cũng có mà vì sự chọn lọc lời ca của ông cũng có. Vì vậy, bài thơ phổ nhạc của Phạm Duy thường phong phú về giai điệu và nhạc đề nhờ ở nghệ thuật gây ấn tượng qua những kết hợp kỹ thuật khác nhau.

Bài thơ phổ gần như nguyên vẹn trong TCHMT là *Đây thôn Vĩ Giã* (gồm có ba khổ thơ thất ngôn) thật ra cũng phải tôn trọng cấu trúc của bài hát mà kết cấu như sau : đoạn một của bài hát gồm khổ một và khổ hai, đoạn hai gồm khổ một và khổ ba. Sự láy lại khổ thơ là một nghệ thuật gây ấn tượng bằng sự láy lại nhạc đề của phân khúc này. Kỹ thuật biến thể các giai điệu để phát triển rộng nhạc đề là thủ pháp đã được dùng trong khi phổ bài *Tình Quê*. Ông đã bố cục bài hát làm hai đoạn lớn có giai điệu không xa nhau lắm và nối chúng lại với nhau bằng bản lề rất khéo là hai câu thơ ngũ ngôn trong bài thơ nhưng đã phổ thành hai biến điệu khác nhau cho phù hợp với âm hành của câu nhạc. Sự tròng tréo các giai điệu trong hai đoạn có tác dụng nghệ thuật đặc sắc cho bài hát. Kỹ thuật mà Phạm Duy thường sử dụng là kỹ thuật chuyển ý thơ thành giai điệu.

Đây là một kỹ thuật đòi hỏi khả năng thường ngoạn văn học ngũ hầu có thể nắm bắt được ý của câu đoạn hay cả bài thơ để chuyển thành giai điệu. Phạm Duy đã sử dụng kỹ thuật này mà hoàn thành những tác phẩm bất hủ như *Tiếng Sáo Thiên Thai*, *Vần Thơ Sầu Rụng*, *Hoa Rụng Ven Sông*... trong TCHMT, phần phổ nhạc nhóm bài thơ về Trăng là phần rất công phu nhờ sự biến ảo của giai điệu theo nhịp điệu phù hợp với tâm trạng trong thơ. Phạm Duy đã tổ hợp các bài thơ khác nhau theo một thứ tự do ông thiết định để làm bật lên trạng thái tâm hồn của nhà thơ trong phân khúc này. Không có được khiếu thường ngoạn thi ca sâu sắc thì không thể có được những bản thơ phổ nhạc như thế. Cứ so sánh lối tiếp cận của Hải Linh và Phạm Duy khi phổ bài Ave Maria sẽ thấy ngay phong cách Phạm Duy : ông tước bỏ đoạn đầu của bài thơ mà Hải Linh đã dùng để phát triển nhạc đề cho bài hợp xướng Ave Maria giàu tính cách tôn giáo : *Như song lộc triều nguyên ơn phước cả*...

Phong cách phổ nhạc ở đây đã phản ánh phong cách người nhạc sĩ. Bao trùm lên các kỹ thuật vừa kể là nghệ thuật gây ấn tượng qua sự nhấn mạnh nhạc đề. Đây là điểm đặc sắc của nghệ thuật sáng tác Phạm Duy. Bài *Đà Lạt Trăng Mờ* chẳng hạn, đã láy đi láy lại nhiều lần nhạc đề bài hát. Ta tìm thấy lại nghệ thuật ấy trong tất cả các phân khúc của TCHMT. Ấn tượng về câu nhạc được tô đậm trong trí người nghe là nhờ những sự nhấn mạnh nhạc đề như thế. Điều kỳ diệu là những câu hát được tô đậm bằng sự láy lại đã không hề tạo ấn tượng nhàm chán. Làm sao nắm bắt được nhạc đề của bài thơ phổ nhạc, hoàn toàn thuộc về sự bén nhạy của tư duy nghệ thuật của Phạm Duy. Nếu những bài thơ hay là những bài thơ có thần thì những câu thơ phổ nhạc của Phạm Duy trong TCHMT cũng có thần của chúng, tạo nên khí vị nhất quán khi nghe riêng từng bài hay lúc nghe toàn thể chín phân khúc. Ma lực cuốn hút của những phân khúc thơ phổ nhạc TCHMT là ở những đợt sóng cảm xúc xô đẩy tới lui như những đợt sóng khác nhau dào dạt đuổi bắt không ngừng.

TCHMT là một dấu mốc đặc biệt trong sự nghiệp sáng tác của Phạm Duy. Nếu thơ phổ nhạc nói chung đã là một gạch nối đặc biệt giữa văn học và nghệ thuật âm nhạc thì TCHMT còn có ý nghĩa một phác họa chân dung của một nhà thơ bằng âm nhạc. Giá trị của tác phẩm như vậy là đa dạng. Hãy chỉ nhìn tác phẩm trong địa hạt âm nhạc thôi, TCHMT cũng là một công trình đồ sộ : giai điệu phong phú, hòa âm tân kỳ, giọng hát nhã luyện. Tác phẩm để lại dư vị ngất ngây và những băng khuôn không dứt về thân phận người thi sĩ quá cố mà cũng là của mỗi chúng ta. Đạt được như thế không thể không có một khí lực âm nhạc dữ dội.

London, tháng 6, 1994

-
- (1) Vũ Khắc Khoan, Thăng Cuộc Ngồi Gốc Cây Đa (kịch), 1948
(2) Phạm Duy, Về các bài thơ phổ nhạc - Về TCHMT. Hợp Lưu 15 (2&3/94), tr. 161-170
(3) Phạm Duy, bài đã dẫn, Hợp Lưu 15, tr. 164-166
(4) Hàn Mặc Tử, Quan Niệm Thơ, CHƠI GIỮA MÙA TRẮNG. An Tiêm xb, 1972, tr. 31-40
(5) Phạm Duy, Hồi Ký 3. PDC xb, 1992, tr. 300
(6) Phạm Duy, bài đã dẫn. Hợp Lưu 15, tr. 164
(7) Phạm Duy, Hồi Ký 3, sđd. tr. 307.
(8) Phạm Duy, Hồi Ký 3, sđd. tr. 123

*Trăm năm trong cõi người ta
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau...*
Nguyễn Du

Chương Hai Mười Sáu

Nhạc Phẩm Cuối Đời

Chẳng còn bao lâu là tới năm 2000. Tôi sẽ bước vào tuổi 80 và bước tới thế kỷ mới. Lúc đó, để ăn mừng tuổi thọ và ăn mừng một thiên niên mới cũng như để kết thúc cuộc đời ca nhân khá lâu và khá dài của mình, tôi sẽ hoàn tất một nhạc phẩm lớn, mang cao vọng thăng hoa được con đường dân ca tôi đã chọn từ khi mới nhập cuộc đàn ca. Nhạc phẩm đó là **Minh Họa Truyện Kiều** mà tôi đang từ từ biên soạn.

Tôi chọn Truyện Kiều của Nguyễn Du để làm tác phẩm cuối đời vì thi phẩm này tiêu biểu cho tâm thức Việt Nam trong khi tôi đã già từ loại nhạc thế tục để đi vào loại nhạc tâm linh. Tôi còn muốn trung thành với lý tưởng điều hợp xã hội bằng âm nhạc cho nên tôi muốn dùng lời thơ vĩ đại của Tố Như và nét nhạc nhỏ nhoi của tôi để làm nơi tự tình cho những ai đã chót lìa nhau, đã chót xa nhau hơn nửa thế kỷ.

Tôi không dám cả gan phổ nhạc tất cả trên 3000 câu thơ của cụ Tiên Điền mà chỉ dùng một số câu thơ trong *Đoạn Trường Tân Thanh* để đưa ra bốn cảnh ngộ của Nàng Kiều. Nhạc phẩm mang tên **Minh Họa Truyện Kiều**. Minh họa ở đây -- xin dịch là **illustration** -- có nghĩa là hiển dương, là làm tăng thêm vẻ đẹp sẵn có của thi phẩm, là làm cho thơ có thêm màu sắc, có thêm tầm vóc. Một ví dụ nhỏ là trong thơ, cụ Nguyễn Du chỉ có 6 chữ (hay 8 chữ) để tả cảnh hay tả tình như : *Cỏ non xanh ngát chân trời* hay *Buồn trông cửa bể chiều hôm...* thì bây giờ trong nhạc, tôi và con tôi là Duy Cường phải dùng giai điệu và hoà điệu để mô tả cái cánh đồng cỏ non của ngày Xuân ấy... hay tả nỗi buồn của Nàng Kiều trước lầu Ngưng Bích.

Minh Họa Truyện Kiều của chúng tôi sẽ gồm có :

Prologue (Giáo Đầu) giới thiệu không gian, thời gian và nhân vật...

Phần Một : Kiều gặp Đạm Tiên, tức là gặp số phận mình, số phận của những người tài hoa bạc số...

Phần Hai : Kiều gặp Kim Trọng, nghĩa là gặp tình yêu, nhưng là tình yêu không trọn

ven...

Phần Ba : Kiều gặp cảnh gia biến, phải bán mình chuộc tội cho cha, rồi gặp toàn người xấu, là Mã Giám Sinh, Tú Bà, Sở Khanh, Hoạn Thư v.v...

Phần Bốn : Kiều gặp người cứu tinh là Từ Hải... nhưng Từ Hải sẽ vì nàng mà phải chết đứng...

Epilogue (Kết) : Kiều gieo mình xuống sông Tiền Đường... Trong Đoạn Trường Tân Thanh, cụ Nguyễn Du cho Giác Duyên thuê ngư phủ kéo sắn lưới để vớt sống Nàng Kiều, nhưng trong nhạc phẩm **Minh Họa Kiều** này, chúng tôi có ý đặt câu hỏi : Ai là người sẽ cứu sống Nàng đây ?

Về phần nhạc thuật, trong công việc đưa nhạc Việt Nam từ hình thức *đơn điệu* (monophonic) lên hình thức *đa điệu* (polyphonic) mà chúng tôi thử thách trong mười năm qua, bây giờ việc này mới tạm được coi như khá ổn thỏa. Đó là nhờ ở công phu của Duy Cường, trong gần hai năm, đã đi đi về về Việt Nam/USA... để lấy mẫu (sampling) hầu hết các âm thanh của nhạc cụ dân tộc rồi áp dụng vào nhạc phẩm **Minh Họa Kiều** này. Duy Cường còn thu thanh vài giọng ngâm rất cổ để cho vào tác phẩm cùng với những âm sắc của nhạc cụ dân tộc *như đàn tranh, đàn nguyệt, đàn bầu, trống phách...* hoà vào âm thanh của các nhạc cụ Tây Phương. Làm công việc giao hưởng giữa lối ngâm xưa và lối hát bây giờ, giữa nhạc cụ cổ truyền và nhạc cụ tân thời, nhất là với khả năng phi thường của computer chúng tôi mời người nghe đi ngược dĩ vãng 200 năm rồi đi tới tương lai cũng 200 năm đang tới...

Vì tự thấy mình đã cao tuổi, không có thời gian chờ đợi soạn đầy đủ bốn phần rồi mới cho thu thanh, tôi cho thực hiện ngay đoạn **Giáo Đầu** và **Phần Một** của **Minh Họa Kiều** để ra mắt khán thính giả. Các đoạn này đã do những giọng hát của Ái Vân, Thái Hiền, Thái Thảo, Duy Quang và Tuấn Ngọc trình bày. Phần ngâm thơ do Thanh Ngoan (Hà Nội) và Ái Vân (San Jose) phụ trách.

Đối với tôi, **Phần Một** tương đối dễ soạn vì nếu đoạn giáo đầu giới thiệu đầy đủ *thời gian, không gian và nhân vật* thì những hành động về sau của Thúy Kiều, Thúy Vân, Vương Quan như : cùng đám đông *đi tảo mộ, gặp nắm mồ vô chủ*, dừng lại để cho Thúy Kiều *cảm thương người xấu số và tiên đoán được phận mình...* là những đoạn nhạc tả cảnh, tả tình rất dễ viết. Tột đỉnh của Phần 1 là đoạn hồn ma Đạm Tiên hiện ra cũng không làm cho tôi khó nhọc, rồi "nhạc trình" xuống dần dần để kết thúc với việc *nàng Kiều gặp chàng Kim*.

Như vậy, bố cục âm nhạc trong **Phần Một** của **Minh Họa Truyện Kiều** được chia ra ba hành điệu :

* **Hành Điệu Một** là những hành âm của cuộc du Xuân, khoan thai, trong sáng rồi cuốn nhanh như tiếng cười giòn giã, biểu hiện một thời Xuân của đời Kiều...

* **Hành Điệu Hai** là sự hoang mang, nghẹn ngào... biểu hiện những xúc động đầu đời về thân phận mình khi Kiều gặp hồn ma Đạm Tiên.

* **Hành Điệu Ba** là sự trở lại nhạc đề một, êm đềm tươi sáng... khi Kim Trọng xuất hiện ở cuối cuộc du Xuân.

Trong thi phẩm KIM VÂN KIỀU của Nguyễn Du do tôi phổ nhạc, đây là phần duy nhất có phong vị cuộc sống tươi vui trọn vẹn.

Vào chiều thứ Bảy ngày 19 tháng 4 năm 1997, tôi hân hạnh cho ra mắt một phần của bốn bức minh họa truyện Kiều bằng âm nhạc tại nhà tôi. Sau đó là việc tôi đi lưu diễn nhiều nơi trên thế giới với Phần I của nhạc phẩm này. Đó là tại những thị trấn như Vancouver, CANADA, London, ENGLAND, Amsterdam, NETHERLAND, tại ba nơi ở GERMANY, tại thành phố Saint Paul, MINNESOTA, USA, tại hai nơi ở Paris, FRANCE, tại Tokyo, JAPAN, San Jose, CALIFORNIA, USA, Oklohama City, OKLOHAMA, USA, Orlando, FLORIDA, USA, Santa Ana, CALIFORNIA, USA, Toronto, CANADA, Atlanta, GEORGIA và Washington D.C, USA...

Phần 2 của MINH HOA KIỀU đã được tôi khởi soạn ngay trong những ngày tôi đem **Phần 1** đi phổ biến trên thế giới. Tôi còn nhớ đã ngồi trước piano để viết đoạn **Người Đâu Gặp Gỡ Là Chi** tại nhà anh Đỗ Xuân Kiên ở London vào tháng 7 năm 1997, rồi tiếp tục soạn những đoạn sau tại nhà anh chị Lê Tất Luyện ở Paris.

Rồi trong thực tế, tôi đã hoàn tất **Phần 2** vào năm 1998, trong khi Duy Cường đang ở Việt Nam và đã thu thanh xong một số điệu hát, điệu ngâm của cô Thanh Ngoan để dùng trong nhạc phẩm này. Chúng tôi đang dự định thu thanh **Phần 2** thì vào đầu năm 1999, bỗng nhiên xảy ra vụ nhà tôi bị ung thư phổi. Trong suốt 8 tháng trời, ngày và đêm, cả gia đình tôi thay phiên nhau lo việc săn sóc cho người bệnh. Rồi vào tháng 8 năm 1999 thì nhà tôi mất. Vừa chôn vợ xong, tới phiên tôi phải vào bệnh viện Long Beach để mổ tim. Cả tâm hồn lẫn thể xác tôi bị suy sụp nặng nề. Sau đó tôi không còn tha thiết đến sự sống nữa, nói chi tới chuyện nghệ thuật.

Thế rồi việc phục hồi sức khỏe giúp tôi chống chọi được nỗi buồn. Tôi thấy rằng tôi phải hoàn tất **Phần Hai** của MINH HOA KIỀU. Tôi là người xưa nay rất coi trọng chữ TÍN. Phần này đã soạn xong thì phải thu thanh. Thu thanh xong rồi, có thể không cần phải ra mắt quần chúng. Cũng như HỒI KÝ này, tôi phải viết cho xong. Viết xong rồi chưa chắc đã cần phải phát hành.

Như đã nói, **Phần Một** là phần Kiều gặp Đạm Tiên, tức là gặp số phận mình, số phận của những người tài hoa bạc số. Phần này dễ soạn. **Phần Hai** là phần Kiều gặp Kim Trọng, nghĩa là gặp tình yêu, nhưng là tình yêu không trọn vẹn. Từ khi nhớ nhung nhau, đi tìm nhau cho tới khi gặp nhau, tỏ tình với nhau, đôi người tình này không hề nắm tay nhau, kề vai nhau, ôm hôn nhau... thì khó cho tôi quá trong việc diễn tả ra bằng âm nhạc.

Tôi đành phải soáy vào việc đánh đàn của Kiều khi Kim Trọng ngỏ ý muốn nghe nhạc. Bốn khúc nhạc mà cụ Nguyễn Du chỉ cho chúng ta 4 cái tên là : **Hán Sở Chiến Trường, Tư Mã Phụng Cầu, Kê Khang, Chiêu Quân** thì bây giờ tôi -- và nhất là Duy Cường -- phải tạo ra bốn nhạc khúc đó. **Phần Hai**, do đó không là nhạc tả cảnh, tả tình như trong **Phần 1** mà là **nhạc tỏ tình, tỏ tài**... Là **nhạc tài tình** chăng ?

Bố cục âm nhạc trong **Phần Hai** của **Minh Họa Truyện Kiều** cũng được chia ra ba hành điệu :

- * **Hành Điệu Một** là những hành âm của cuộc đi tìm tình yêu của đôi người tình trẻ...
- * **Hành Điệu Hai** là sự thổ lộ tài hoa của Kiều khi gặp người yêu...
- * **Hành Điệu Ba** là sự trở lại nhạc đề một, đậm đà nhưng phần nào cay đắng khi hai người phải chia tay nhau...

Cho tới khi viết xong **HỒI KÝ 4** này rồi, tôi vẫn chưa quyết định được việc thu thanh và phổ biến **Phần Hai** của **Minh Họa Truyện Kiều**. Nhưng chắc chắn tôi sẽ không bỏ dở dang tác phẩm cuối cùng của đời mình và những nét nhạc đầu tiên của **Phần Ba** đã khởi sự trong đầu tôi rồi. Lạy Trời cho tôi còn đủ sức khoẻ để hoàn tất hai phần còn lại.

*Thằng Bờm có cái quạt mo
Phụ ông muốn đổi ba bò chín trâu...*
Dân Ca Cổ Truyền

Chương Hai Mươi Bảy

Trong khi tôi soạn **Minh Họa Kiều**, tức là đi vào địa hát ca nhạc kịch Việt Nam thì tôi nhớ ra rằng trong dĩ vãng, tôi cũng đã từng soạn nhạc cảnh rồi. Nhưng trước đây, vì tôi liên tục soạn *nhạc cho phòng trà, nhạc cho sinh viên, nhạc cho người tình, nhạc cho người lính* v.v... với những thể tài như **đoản ca, trường ca, chương khúc**, cho nên người yêu nhạc không biết rõ ràng về một loại ca có cốt truyện, có nhân vật, có dàn cảnh, có diễn xuất v.v... của tôi. Những màn nhạc cảnh nho nhỏ này là những thử thách để tôi sẽ có ngày tiến tới cái gọi là "đại ca kịch" **Minh Họa Kiều**.

Vào năm 1963, khi hãng phim Mỹ Vân tại Saigon muốn có những nhạc cảnh để cho vào những cuốn phim của họ thì họ tìm đến tôi. Hãng này muốn tôi soạn hai nhạc cảnh với "kịch bản" -- libretto -- của kịch sĩ Năm Châu. Đó là nhạc cảnh **CHỨC NỮ VỀ TRỜI** và nhạc cảnh **TẮM CÁM**. Hồi đó, trong làng Tân Nhạc Việt Nam, mới chỉ có Lưu Hữu Phước với nhạc cảnh -- hay nhạc kịch -- **CON THỎ NGỌC, TỤC LUY** và Hoàng Thi Thơ với **CÔ GÁI ĐIÊN** v.v...

Trong hai nhạc cảnh **CHỨC NỮ VỀ TRỜI** và **TẮM CÁM**, phần hát là do các ca sĩ Hoài Trung, Thái Thanh trong ban Thăng Long thu giọng để cho các tài tử La Thoại Tân, Thẩm Thúy Hằng diễn trong phim với kỹ thuật "lipsing". Rất tiếc rằng tôi không giữ được bản thảo hay thước phim của hai nhạc cảnh này.

Tới khi tôi qua Hoa Kỳ, dù vẫn được sống bằng nghề ca nhạc nhưng trong những năm đầu, về sáng tác, tôi vẫn chỉ cần soạn ra những ca khúc ngắn hay dài để thu thanh rồi cho vào những băng cassette hay CD để phổ biến, đa số là những **tị nạn ca** mang nặng tinh thần hoài hương.

Rồi trong cộng đồng người Việt xa xứ, vào những năm 80 bỗng phát sinh ra một ngành mới là ngành sản xuất băng video do những hãng trước đây chỉ sản xuất băng audio-cassette như THÚY NGÀ, LÃNG VÂN hay ASIA v.v... Trước tiên chương trình trong băng video chỉ là những màn **đơn ca** với ca sĩ đứng hát như một pho tượng hoặc có kèm những hình ảnh đi đôi với ca khúc, hoặc có khi với những hình ảnh chẳng ăn nhằm gì đến nội dung bài hát cả.

Sau dần, để cạnh tranh, các hãng sản xuất bỏ thêm tiền để thực hiện những **màn vũ, nhạc cảnh, nhạc kịch**. Và khi hãng THÚY NGA sản xuất một cuốn video về tôi với nội dung **Phạm Duy, Con Người Và Tác Phẩm** (Paris By Night số 19) thì tôi đề nghị đưa bài *Chú Cuội* vào cuốn video thành một nhạc cảnh nho nhỏ do Ái Vân đóng cả hai vai Chú Cuội và Hằng Nga.

Sau đó, hãng THÚY NGA luôn luôn nhờ tôi soạn nhạc cảnh, phần nhiều để cho nghệ sĩ Ái Vân đóng vai chính. Đó là những nhạc cảnh **Người Đẹp Trong Tranh, Thăng Bờm, Thị Mầu Lên Chùa, Trên Đồi Xuân**. Rồi tới hãng THẾ GIỚI NGHỆ THUẬT mời tôi cộng tác với những nhạc cảnh **Chum Vàng, Truyện Tình Sơn Nữ, Mài Dao Dạy Vợ**.

Nhạc cảnh **Người Đẹp Trong Tranh**, phóng tác theo truyện cổ BÍCH CÂU KỲ NGỘ, đưa ra trên sân khấu một chàng thư sinh ngồi uống rượu bên một bức tranh mỹ nữ thật đẹp. Sau phần nhạc dạo, thư sinh kể chuyện mình vừa đi hội chùa, gặp một người đẹp và mua được bức tranh vẽ chân dung của người thiếu nữ đó...

Thư sinh :

*Từ khi ngơ ngẩn ra về
Sầu tương tư mãi nẻo nề lòng ta
Rồi may gặp được ông già
Bán cho tranh vẽ bóng người chiều xưa.*

Thư sinh sống với người đẹp trong tranh...

*Bên song thấp ánh đèn mờ
Sớm khuya với bức hoạ đồ làm đôi
Trông tranh mà ngỡ như ai
Lung linh mắt ngọc, miệng cười đón Xuân.*

Thư sinh ngủ gục... Nhạc hoà tấu và nàng tiên từ trong tranh bước ra...

*Rằng ta thần nữ xuống đây
Tiền duyên thuở trước với ai
Kiếp nay xin đền tình tang, kiếp nay xin đền.*

Thư sinh tỉnh giấc, thấy người đẹp :

*A ha à a ha ! A ha à a ha !
Rõ ràng mày liễu mặt hoa
Đào nguyên lạc lối đâu mà tới đây ?*

Và như trong truyện cổ tích, bởi vì chàng là mối duyên tiền kiếp, bởi vì tình chàng quá ư đắm thắm, nên khiến Trời rộng tâm cho, cho thiếp hầu hạ người thơ... Nhạc cảnh kết thúc với đám cưới của Thư Sinh và Giáng Kiều :

*Bóng mây bông kéo quanh nhà
Thảo am thoát đối, đối ra lâu đài
Sáng một góc trời và áo mũ xiêm hài
Lả lơi bên nói bên cười
Bên mừng tổ nữ bên mời tân lang.*

Nhạc cảnh **Thị Mầu Lên Chùa, Trên Đồi Xuân** cũng được hãng THÚY NGA thực hiện với nhiều công phu, và hình như được khán thính giả thích thú hơn. Vì trong mỗi cuốn video, có trên 20 tiết mục thì đa số là những màn hát có múa với các vũ sinh trang phục và nhảy nhót theo kiểu Âu Mỹ, thì những màn video của tôi có nhiều dân tộc tính hơn.

Tôi rất thích nhạc cảnh **Thăng Bờm**, vì tôi đem được vào màn ca vũ đó một ý nghĩa hơi khác với quan niệm của mọi người. Đó là sự trao đổi giữa một người giàu có nhưng không an nhàn với một chú bé an nhàn nhưng không đủ ăn. Khi Thăng Bờm

và Phó Ông biết chia cho nhau cái có của mình, trao đổi cho nhau hạnh phúc thì cả hai đều sung sướng. Nhạc cảnh này được một nữ vũ sư người Mỹ dàn cảnh với những vũ sinh đóng vai trâu, bò, chim, cá và gố lim cùng múa hát với Thăng Bờm và Phú Ông.

Với Trung Tâm THỂ GIỚI NGHỆ THUẬT, tôi có những nhạc cảnh như **Truyện Tình Sơn Nữ, Chum Vàng, Mài Dao Dạy Vợ**. Nhạc cảnh **Chum Vàng** cũng giống như nhạc cảnh **Thăng Bờm**, là một chuyện cổ tích bình dân do tôi phóng tác.

...Có một đôi vợ chồng nghèo, làm nghề nông, suốt đời vất vả, lam lũ. Một hôm, chồng ra ruộng khoai (hay ruộng lúa), đang (cày sâu hay) cuốc bẫm thì đào được một cái chum. Mở nắp chum ra, thấy chum đựng đầy vàng bạc châu báu. Người chồng bèn đẩy nắp chum lại rồi để chum bên bờ ruộng. Về nhà khoe vợ là mình đào được cái chum vàng. Vợ hỏi :

-- Cửa trời cho, sao không khiêng chum vàng về ? Để đó, người ta khiêng đi còn gì ?

Chồng đáp :

-- Nếu thật sự là cửa trời cho, thì tự nhiên chum vàng sẽ về nhà, chẳng đứa nào lấy được !

Đang lúc vợ chồng trò chuyện thì có hai thằng kẻ trộm ngồi rình ở ngoài cửa (hay dưới gầm giường), chúng nó nghe hết cả. Hai thằng chạy ra bờ ruộng thì quả nhiên thấy cái chum nằm đó. Chúng vội vàng khiêng cái chum về nhà và khi mở nắp chum ra thì chẳng thấy vàng bạc đâu cả, chỉ thấy trong chum toàn là rấn, rết ! Chúng sợ quá đem chum giấu ở một nơi.

Sáng hôm sau, người chồng ra ruộng thì thấy mất cái chum. Khi về nhà, vợ hỏi :

-- Chum đâu ?

Chồng đáp :

-- Trời lấy lại chum vàng rồi !

Hai kẻ trộm lại đã ngồi rình và nghe nói vậy, chúng bực quá, chạy đi khiêng cái chum đặt lại chỗ cũ, cho vợ chồng này sẽ bị rấn cắn.

Hôm sau, chồng ra ruộng lại thấy cái chum, về nhà khoe vợ :

-- Trời cho lại cái chum vàng rồi.

Vợ bảo :

-- Thế sao không khiêng về ?

Chồng đáp :

-- Trời đã cho lại cái chum thì chum sẽ về nhà mình cho mà xem.

Hai thằng kẻ trộm lại cũng ngồi rình và nghe nói vậy, chúng tức quá chạy đi khiêng cái chum đặt ngay trước sân nhà, cho vợ chồng này chết vì rấn cắn. Sáng hôm sau, vừa mở cửa ra sân thấy cái chum vàng nằm chính ỳnh ngay đó, chồng bảo vợ :

-- Thấy chưa ? Ta nói có sai đâu ? Trời đã cho thì tự nhiên cái chum vàng sẽ bỏ về tận nhà mình !

Nhạc Cảnh **Mài Dao Dạy Vợ** cũng soạn cho Trung Tâm Video THỂ GIỚI NGHỆ THUẬT, và cũng rút từ chuyện cổ nước ta, cũng đề cao luân lý.

Mở đầu, người chồng, dáng hiền lành, thuần hậu, ngồi than :

Người ta thường nói :

Mẹ chồng nàng dâu

Có yêu nhau bao giờ ?

Có yêu nhau bao giờ ?

Người ta còn nói :

Mẹ chồng hung dữ,

Nên mẹ mau chết

Nàng dâu nét na

Nàng dâu sống lâu...

Số tôi thật chẳng ra đâu,

Mẹ thì ác miệng,

Nàng dâu dữ dần...

Có tiếng mẹ chồng và nàng dâu cãi nhau ở trong hậu trường :

Mẹ chồng nàng dâu có yêu nhau bao giờ
Nàng dâu mẹ chồng có bao giờ yêu nhau...
Rồi người vợ học tốc chạy ra, về giận dữ :

Một mẹ chồng già bằng mười ba ông Thiên Lôi
Dạy khôn, dạy khéo, dạy ngồi, dạy đi...

Một mẹ chồng già bằng mười ba bà La Sát
Coi con dâu như rác, như một bát cơm ôi...

□ i giờ ôi, ôi giờ ôi, ôi giờ ôi ! Giờ ôi !

Người ta lấy chồng thì vui

Tôi nay cái bếp những chai cùng lọ

Người ta một vợ một chồng

Tôi nay chưa thoát cái gông mẹ già...

Chồng tới gần, an ủi vợ :

Từ ngày em về làm dâu

Anh đã dẫn trước, dẫn sau mọi đường

Mẹ già dở dở ương ương

Thì em phải nhún

Phải nhường... phải thua!

Vợ đáp lại :

Việc gì phải nhịn trước sau

Tôi là phận gái làm dâu nhà này

Mẹ chồng ác nghiệt mà ghê

Tôi ở chẳng được, thì tôi về nhà tôi !

Vợ vùng vằng bỏ ra đi, chồng ngồi suy nghĩ... rồi cũng ra đi.

Tiếng hát trong hậu trường (giọng nam) :

Giời ơi đất hỡi!

Mẹ chồng nàng dâu

Cãi nhau như mưa rào

Có ai thua ai nào ?

Giọng mẹ the thé

Nàng dâu cũng thé

Ông giờ cao với

Nàng dâu cũng coi

Giời như cái vung...

Chồng ra sân khấu với con dao bầu thật lớn :

Sáng nay vào chợ mua dao

Về nhà lấy đá ra, mài dao kỹ càng...

Chồng ngồi xuống mài dao... vừa mài dao, vừa hát :

Cuộc đời như thể con bài

Đã quyết thì đánh, chẳng nài thấp cao

Cuộc đời như đá với dao

Năng mài thì dao sắc

Buông dao thì dao cùn...

Vợ ra sân khấu, thấy chồng ngồi mài dao, cất tiếng hỏi :

Nhà ta thiếu gì dao mà

Dao cùn chốn chợ anh mua nó về ?

Chồng không trả lời, cứ ngồi mài dao :

Ư ừ, ừ ừ...

Vợ lại hỏi...

Mài dao sắc nhọn nhiều lần

Lên rừng, lên núi để săn thú à ?

Chồng vẫn không trả lời, cứ ngồi mài dao :

Ư ừ, ừ ừ...

Vợ lại hỏi...

Mài dao giết vịt hay gà

Hay là giết lợn đem ra bán hàng ?

Chồng vẫn không trả lời :

Ư ừ, ừ ừ...

Vợ lại hỏi...

Mài dao sắc nhọn. để mà

Dao này đi giết người ta lấy tiền ?
Người chồng bèn đứng lên, nhìn dao, ôn tồn trả lời:

*Mài dao anh giết
Mẹ già hư nát
Đã gây nên chuyện buồn
Xấu chung cho họ hàng
Tuổi già nua đến
Thì ai cũng chết
Không là chết trước
Thì sau, chết sau
Thọ lâu mãi đâu ?
Xót em là phận con dâu
Mẹ già ác nghiệt,
Dùng dao giết Bà !*

Có tiếng la trong hậu trường :

*Mẹ chồng nàng dâu có thương nhau không nào !
Nàng dâu mẹ chồng có khi nào thương nhau ?*

Vợ sợ quá, lạy chồng :

*Một lạy mình rồi, mười lạy em xin anh tha
Đừng nên giận dữ, thật là mẹ oan
Mẹ mình già rồi mẹ đổi tâm mẹ thay nét
Em con dâu, em biết, em phải biết thương thôi...
□i mẹ ôi, ối mẹ ôi, ối mẹ ôi ! Mẹ ôi !
Là không cãi mẹ từ nay
Em xin cố gắng đắp xây nhà này
Từ nay chồng vợ, đời đời
Ơn cao, nghĩa lớn cũng nơi mẹ già...*

Chồng tới gần, ôm vợ, vợ chồng hợp ca :

*Người mình đem chuyện mài dao
Ra muốn dạy dỗ : nàng dâu mẹ chồng
Mẹ mình đặt ở trên cao
Đâu ai mà dám đụng vào mẹ yêu...
Việc nhà phải nhin lẫn nhau
Ta thờ đạo lý nàng dâu mẹ chồng
Mẹ chồng cũng phải hiền khô
Mẹ hiền, dâu thảo... chan hoà niềm vui !
Chan hoà niềm vui...*

Thật là may cho tôi. Trong một thời ca nhạc Việt Nam có vẻ xuống dốc vì đa số những bài hát mới, nếu là "tình khúc" thì rất dung tục, nếu là "nhạc video" thì rất lai căng, tất cả đã biến thành nhạc thương mại... thì tôi vẫn còn có cơ hội rống lên những bài hát mà tôi cho rằng có trách nhiệm với người nghe. Tôi mong rằng ca nhạc Việt Nam có những Mạnh Thường Quân luôn luôn tìm cách giúp cho nó là tiếng nói văn hóa của một dân tộc trong mọi thăng trầm của cuộc sống hơn là món quà mua vui cho thiên hạ.

*Ta yêu cô Hằng
Đêm xưa xuống trần...
Chú Cuội*

Chương Hai Mươi Tám

Bước qua năm 1999. Trong niềm vui chung của cả gia đình đang chờ Xuân tới, tôi ve vuốt hạnh phúc lớn của riêng tôi khi nghĩ rằng chỉ còn một năm nữa, tức là qua Tết năm 2000 là tôi có thể thực hiện được bốn cái lễ mừng long trọng nhất đời :

* Năm 2000, như mọi người vào tuổi này, tôi sẽ ăn mừng lễ thượng thọ 80 tuổi, trong khi sức khỏe của tôi còn khá sung mãn, vợ con tôi còn rất đầy đủ chung quanh tôi, không một ai ở xa hay vắng bóng...

* Năm 2000, vợ chồng tôi lấy nhau và ăn ở với nhau đã đúng 50 năm, dù tôi có là người chồng không nhiều đức tính hay rất dễ tính (như mọi đấng nam nhi thôi !)... nhưng suốt cuộc đời đôi lứa, đôi "uyên ương" này chưa hề cãi nhau hay giận nhau một lần. Các con sẽ xúm nhau lại để làm cho cha mẹ một lễ cưới gọi là kim hôn (noce d'or).

* Năm 2000, tôi sẽ cho ra mắt nếu chưa phải là toàn thể ba phần còn lại của **MINH HẸA KIU** thì là **Phản Hai** của nhạc phẩm, đã được tôi coi như tác phẩm cuối cùng -- lại là sáng tác quan trọng nhất -- của đời mình nên cứ nhả nha sáng tác, không có gì vội cả...

* Năm 2000, có thể tôi sẽ trở về Việt Nam, sau 50 năm xa Hà Nội, 25 năm xa Saigon... đúng như đã hứa trong một ca khúc soạn ra từ năm 1988 : **Hẹn Em Năm 2000**.

Nhưng vào đúng ngày mừng một Tết 1999, một việc đã xảy ra mà không một ai trong gia đình có thể ngờ được : sau một trận ho không dứt, vợ tôi đi bệnh viện khám phổi thì bác sĩ cho biết phổi đã bị ung thư đến thời kỳ không còn chữa chạy gì được nữa ! Bác sĩ còn cho gia đình tôi biết vợ tôi chỉ còn sống trong vòng một năm nữa thôi. Nhưng chỉ tám tháng sau, vào tháng 8, 1999, vợ tôi qua đời.

Trong thời gian vợ tôi nằm chờ chết, cả gia đình tôi thay phiên nhau trông nom bà, khi thì trong bệnh viện Fountain Valley, khi thì trong căn nhà ẩm cúng ở Thị Trấn Giữa Đàng. Biết rằng có thể làm chậm thời gian về cõi chết nếu chăm làm "chemotherapy" nhưng vợ tôi đã không chịu nổi liều trị liệu này vì mỗi lần trích thuốc thì thuốc làm tê liệt đường gân trên tay, trên ngực, làm rụng tóc v.v... Tuy nhiên hai lá phổi bị ung thư không làm cho người bệnh đau đớn, thân hình vợ tôi không bị hư hao và bà chỉ càng ngày càng khó thở và phải thường xuyên nằm với bình dưỡng khí bên mình.

Trước Tết Mậu Thân, tại Saigon, tôi đã từng chứng kiến căn bệnh và cái chết vì cancer của anh tôi, Phạm Duy Nhượng, từng đau buồn vì bất lực trước sự tàn phá ghê gớm của bạo bệnh này. Nay thì không riêng gì tôi buồn lo, bận bịu suốt đêm ngày, các con tôi cũng tất tả ngược xuôi, chật vật vì mẹ. Trên mười đứa con, cả con ruột lẫn con dâu con rể, thay phiên nhau ngủ chung phòng với mẹ để trông nom, hầu hạ việc ăn uống thuốc men. Vậy mà có những lúc phải cần đến những người đã không còn ở trong gia đình này nữa là Julie tới săn sóc. Tất cả chỉ biết chia nhau sống 24 trên 24 giờ bên cạnh mẹ để vợ tôi có được những ngày cuối cùng không lúc nào thấy cô đơn.

Ngày nhà tôi mất, sau khi chúng tôi cho đăng cáo phó, bạn bè ở khắp nơi trên thế giới gửi có tới cả trăm bức điện thư (e-mail) để chia buồn.

Các báo, từ những tờ **The Register, Người Việt, Việt Báo Kinh Tế, Thế Kỷ 21, Văn Hoá, Khởi Hành** ở Orange County, CA USA...

... cho tới những tờ **Việt Nam Tạp Chí**, Toronto, CANADA, **Ngày Nay**, Houston, TX USA, **Phố Nhỏ**, Washington DC USA, **Chiêu Dương** Sydney, NSW Úc, **Người Việt Brisbane**, Queensland Úc, **MeKong** Tokyo Nhật... đều có bài viết về sự ra đi của nhà tôi.

Ngày an táng, hơn 400 vòng hoa phúng viếng được gửi tới, treo chặt trên bốn bức tường nơi nhà quan của PEEK FAMILY FUNERAL. Trước khi đưa nhà tôi ra nghĩa trang để hạ huyệt, trong khi nắp quan tài chưa đóng lại, tôi gọi các con tới trước linh cữu mẹ rồi cho mở máy phát thanh để mọi người nghe vợ tôi hát bài **Bà Mẹ Quê**, bài này được thu thanh tại Saigon cách đây khoảng gần 50 năm. Thật là như chuyện trong mơ là vì làm sao mà sau một thời gian dài như thế, trải qua biết bao nhiêu biến cố ở trong hay ở ngoài nước, tôi còn giữ được cái cassette này và mới hôm qua, tìm ra được nó trong số hàng nghìn cuốn băng ?

Trước hết tôi thưa với mọi người rằng tất cả những bài hát về mẹ của tôi đều lấy hứng từ hai người đàn bà là mẹ tôi và vợ tôi. Rồi tôi mời các con và hai ba người thân quyến của gia đình (Thái Thanh, Mai Hương...) cùng các nghệ sĩ có mặt trong tang lễ (Nhật Trường, Duy Khánh...) ra đứng trước linh cữu để cùng hát cho vợ tôi nghe bài **Mẹ Trùng Dương**.

Việc tiễn đưa vợ tôi về bên kia thế giới bằng hai bài hát về **Mẹ** này đã làm cho nhiều người khóc, kể cả Thượng Tọa Pháp Châu là vị chủ lễ an táng.

Đáng lẽ cho đăng báo một lời cảm ơn với mọi người thì tôi đã gửi bức thư cảm ơn sau đây cho hầu hết những người đã chia buồn trước cái tang lớn của gia đình tôi. Đây cũng là lời tiễn biệt đối với người vợ thân yêu, vì số mệnh, phải bỏ tôi ra đi.

Midway City, ngày 16 tháng 8 1999

Cám ơn các bạn đã có những lời phân ưu đến với gia đình tôi vào những ngày tang tóc này, như những lời an ủi huyền diệu.

Nhà tôi ra đi rất êm ái như đã êm ái đến với cuộc đời quá huyền ảo này. Êm ái lớn lên trong bóng mát của cha mẹ, êm ái đi vào cuộc chiến, đi vào hai cuộc tình rồi êm ái đi vào hôn nhân. Thành người vợ, người mẹ một triệu lần êm ái, rồi cùng chồng con và biết bao nhiêu tổ ấm khác, êm êm ruổi rong di tản trong nước rồi lưu vong trên thế giới. Êm ái và âm thầm ngay cả trong cuộc hẹn hò với bạo bệnh và tử thần từ nhiều năm qua...

Đầu năm nay, sau khi từ bệnh viện về nhà và biết rõ số phận mình, nhà tôi có đủ thời gian để ôn lại chuyện đời. chuyện nhà và trời trần với chồng con. với anh em ruột. và cùng dăm

ba người bạn vong niên...

Bà cũng biết rằng bà đã có may mắn, trong 50 năm nước nhà tan tác, dù cũng như nhiều người khác, phải ba bốn lần bỏ nhà bỏ cửa ra đi... nhưng bà chưa hề phải xa chồng một ngày, chỉ bị xa con ít lâu rồi lại đoàn tụ. Bà luôn luôn được sống chung dưới một mái nhà với chồng, với con, với cháu cho tới ngày tận số.

Là chủ gia đình nhưng chưa bao giờ bà phải lo lắng hay vất vả vì sinh kế, bà chỉ sống để làm người vợ đại lượng và hiền lành nhất vùng, người mẹ bao dung và hiền hậu nhất xóm với nhiệm vụ là bà tiên nữ của các con và trách nhiệm là vị Thần Hộ Mệnh (hay Bà Chúa Ngục) của chồng.

Bà là người mẹ không biết dùng roi với con. Bà là người vợ trong 50 năm chung sống với chồng không một lời nói nặng. Bà là sự nâng đỡ của tôi trong phen sa ngã, là sự thanh bình của tôi trong nhiều sóng gió, là sự thành công của tôi trong cơn vật vã với đời, là nụ cười của nàng Mona Lisa kín đáo, đậm đà của gia đình này. Nhà tôi ra đi với nụ cười lặng lẽ đó...

Về phần tôi, vào đúng ngày Tết Nguyên Đán năm nay, khi bác sĩ khám phá ra nhà tôi bị ung thư phổi và không thể sống quá một năm, tôi đã bị chấn động tinh thần, mất ăn, mất ngủ, sụt 13 pounds và phải đi khám tổng quát tim, phổi, gan, dạ dày... xem có bị ung thư hay không ?

Kết quả là cơ thể không hề hấn gì nhưng tinh thần thì suy sụp. Tôi đã phải đình chỉ mọi hoạt động văn nghệ dù có những "shows" đã "booking" từ lâu. Suốt tám tháng trời cùng với các con lo việc chữa bệnh cho nhà tôi, thay phiên nhau trông nom bà trong bệnh viện hay khi đưa bà về nhà điều trị, tôi cũng dần dần lấy lại được sự thăng bằng trong đời sống, dù lúc nào cũng có một tảng đá lớn đè trên ngực mình.

Bây giờ thì nhà tôi đã nhẹ nhàng ra đi, tảng đá kia đã cũng nặng nề đổ xuống, lo xong việc chôn cất cho vợ là tôi có thể thành một người tự do hơn trước, vì đã làm xong bốn phận người chồng. Các con tôi cũng đã quá khôn lớn, bây giờ tôi sắp sửa được trở về cái cõi cô đơn truyền kiếp của người nghệ sĩ muôn đời. Tôi lại được tự do thênh thang vác đàn ngao du như trong một thuở xa xưa nào, hoa cài trên phím, tiếng cười trong dây... Xin được cảm ơn mọi người bằng nụ cười cô đơn đó./.

Phạm Duy...

Hai tháng sau ngày an táng, tôi đi bác sĩ để được khám sức khỏe nói chung thì được biết áp huyết lên rất cao, phải vào bệnh viện tim để tìm bệnh. Nếu một huyết quản bị tắc thì thông bằng cách luồn ống thông từ háng tới nơi bị tắc. Nếu nhiều huyết quản bị nghẽn thì phải mổ tim để thay thế, phương pháp trị liệu này được gọi là *bypass*. Khi vào bệnh viện chuyên về tim tại Long Beach thì được biết tất cả những ống đưa máu vào ra trong tim tôi đều bị nghẽn, bác sĩ bắt phải mổ ngay.

Vào bệnh viện khoảng 1 giờ trưa, khám bệnh xong, bác sĩ quyết định giải phẫu, tôi được đánh thuốc mê...

... khi tỉnh dậy vào khoảng 7 giờ chiều thì tim đã mổ xong, năm huyết quản đưa máu vào tim được thay thế bằng "ống tĩnh mạch" (veine) lấy từ bắp chân trái.

Trong hơn 20 ngày nằm trong bệnh viện, ngay chuyện ngồi dậy cho nữ y tá đo áp huyết hay để gắn kim vào ống nước biển cũng làm tôi mệt vô cùng. Đi tiểu tiện hay đi đại tiện là một cực hình. Nữ y tá lại còn bắt tôi phải đi bộ 20 phút mỗi ngày, khi cô ta dắt đi, khi thì đi một mình. Trong suốt đời tôi, chưa bao giờ tôi phải chống chọi với mình như bây giờ.

Rồi tôi được cho về nhà. Người già mà mổ tim thì thường hay bị những bệnh "hậu giải phẫu" (post operatoires) như yếu phổi, tiểu đường... Nhưng tôi theo đúng lời dặn của bác sĩ, tập thở nhiều, tập đi bộ nhiều, ăn uống kiêng khem. Hai vết thương ở ngực và ở chân không bị nhiễm trùng vì tôi xưa nay rất lành da. Chỉ một tháng sau ngày mổ tim là tôi đã đi lại như thường. Và điều quan trọng hơn, tôi đã có một trái tim mới. Tôi khoẻ ra và chuyện buồn vì vợ chết không làm tôi quá tiêu cực nữa. Sự phản ứng ghê gớm với thể xác đã giúp tôi phản ứng luôn với bệnh tâm thần.

Tính ra, từ ngày qua Mỹ, tôi bị giải phẫu và bị đánh thuốc mê nhiều lần : một lần để đốt cái sẹo trên phổi, một lần để cạo prostate, một lần để khám ruột, lần cuối cùng và lâu nhất để mổ tim... mỗi lần là coi như đã chết trong khoảng thời gian từ một giờ tới nửa ngày. Tôi biết thế nào là chết và không sợ chết nữa.

Hai tháng sau ngày giải phẫu, tức là đầu mùa Xuân năm 2000, tôi cùng các con đáp máy bay về Việt Nam.

*Ôi ơn đời mãi mãi
Thoát thai theo đời, vun sỏi
Lớn lên trong vườn ân ái muôn đời...*
Tạ Ơn Đời

Chương Hai Mười Chín

Những Lời Cuối

Thế là xong. Trước khi tôi trở về cát bụi, HỒI KÝ 4 đã kịp hoàn tất để tôi kể nốt chuyện đời mình trong quãng cuối.

Nhưng viết gì thì viết, viết ra được lời tạ ơn đời trong khi mình còn sống mới là cần thiết. Tôi mang ơn cha mẹ, sinh tôi ra để chỉ biết hồn nhiên ca hát cho đời thêm sắc, thêm hương. Tôi mang ơn người vợ, ở với tôi trong 50 năm trời, tuy bốn lần chạy loạn nhưng lúc nào cũng có nhau, đối với tôi bao giờ cũng là một nguồn an ủi lớn. Tôi mang ơn cả lũ con, không lúc nào xa tôi cả, cho tôi sự đầm ấm cần thiết trong cuộc đời cũng có khi lạnh lẽo. Mang ơn bạn bè, những bạn lũ thú không mỗi một cùng đi trên những con đường mưa nắng dãi dầu. Mang ơn những người tình, những người yêu, nhưng chưa đủ, còn phải mang ơn cả những người thù nữa. Mang ơn từ ngọn cỏ, cội hoa tới viên sỏi, đá cuội, không có "em" thì không có "anh".

Đọc cả bốn tập **Hồi Ký** của tôi, có thể có bạn đọc nghĩ rằng vì tôi nói tới tôi nhiều quá rồi cho tôi là kẻ tự kiêu, tự mãn. Thưa không phải thế đâu ! Trong một chương trước, tôi đã có dịp tâm sự rằng : những éo le của Việt Nam đã đẩy tôi -- và hình như cả

giới nghệ sĩ -- vào con đường một chiều, một nẻo. Tôi lại là một kẻ không ngoan ngoan, cứ chỉ muốn được thênh thang đi trên lộ trình tự do của mình. Viết ra cả trăm câu nghìn chữ như thế này, chẳng qua chỉ là phản ứng tự nhiên của một nghệ sĩ phải tự sinh tự tồn từ thời trẻ đến già mà thôi.

Nhiều khi tôi tự hỏi : trên 25 năm nay được cái may -- lúc đầu một nhóc mưu sinh, về sau an cư lạc nghiệp -- tới sinh sống tại một nước giàu sang nhất thế giới là Hoa Kỳ, tại sao không sống bình thản với cái mất, cái còn, cái thua, cái được trong cuộc đời rất nhiều tiện nghi này ? Mà cứ không chịu quên mình là người Việt Nam, lúc nào cũng sốt ruột sốt gan, lúc nào cũng đứng núi này trông núi nọ để được "khóc cười theo mệnh nước", cứ mãi mãi là anh bán thịt lợn mang hồn Trương Ba ? Cứ viết Hồi Ký ?

Thế rồi tôi nhìn ra sự thật : tôi chỉ là *anh chàng chạy theo cái bóng của mình*. gần như suốt đời.

Cho tới khi tôi biết bỏ loại "nhạc ảo ảnh quê hương" để soạn **Rong Ca**, là tôi bỏ được tôi, bỏ được cái nhất thời để đi tìm cái vĩnh cửu. Rồi khi soạn xong **Thiên Ca** là tôi giác ngộ vì tìm được chữ "quên", tôi không còn "vọng động" nữa. Nhà tôi qua đời, tìm tôi mồ xong là tôi tái sinh, tôi được giải thoát. Khắc khoải cuối cùng cũng đã ra đi với sự tôi trở về đứng trong căn nhà thời thơ ấu ở 54 Phố Hàng Dầu (nay đổi tên là Phố Lò Sũ) Hà Nội để hoàn tất chu kỳ một đời lang thang. Còn mong gì hơn nữa ? Còn làm gì hơn được nữa ? Nếu còn chút ràng buộc, đó chỉ là món nợ nhỏ phải trả cho xong : **Hồi Ký 4** và **KIỀU Phần 2**.

Nay thì **KIỀU Phần 2** và **Hồi Ký 4** đã hoàn thành, lời hứa đã đúng hẹn và đây là lúc tôi xin được buông rơi tất cả. Buông bút, treo đàn, hạ màn nhung, cởi áo tuồng, chùi phấn son, tắt đèn, rời sân khấu... Tôi buông rơi hết, không có nghĩa là tôi chối từ những gì tôi đã làm ra trong dĩ vãng. Tôi vẫn chịu trách nhiệm về từng soạn phẩm của mình, nhưng tôi sẽ không còn đứng giữa chợ đời để nhận lời khen hay tiếng chê đến từ bất cứ ai, từ bất cứ đâu, cho bất cứ loại nhạc gì !

Cầm bằng cho gió cuốn bay đi, tất cả !

Bây giờ thì tôi mới thật sự là :

... vui một mình tôi đi !
(Câu chót của Bình Ca số 2, **Sống Sót Trở Về**)

HẾT

